

KINH THÁNH

TÂN ƯỚC

LỜI CHÚA

CHO

MỌI NGƯỜI

HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM

Bãi Dâu, ngày 8/9/2005

Kính gửi : Linh mục Tổng Quyền
Đòng Claretian

c/o Linh mục Lito Tolits

Trích yếu : *V/v cho phép Imprimatur bản văn tiếng Việt của cuốn Christian Community Bible phần Tân Ước*

Kính thưa Cha,

Hội Đồng Giám Mục Việt Nam họp Hội Nghị Thường niên tại Bãi Dâu, Vũng Tàu, đã xét đến yêu cầu của Quý Dòng về việc xin phép xuất bản (imprimatur) cho cuốn Christian Community Bible – phần Tân Ước, bản dịch Việt ngữ. Trong cuốn sách này, phần **Thánh Kinh Tân Ước** sử dụng bản dịch đã được phép Imprimatur của Nhóm Phiên dịch Các Giờ Kinh Phụng vụ. Còn phần chú giải đã được Nhóm Phiên Dịch này thực hiện.

Sau khi bàn định với Đức cha Chủ Tịch Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin, Hội Đồng Giám Mục chấp thuận theo đề nghị của Quý Dòng để cho phép Imprimatur **bản dịch Việt Ngữ phần Tân Ước**.

Kính chúc Cha Tổng Quyền và Quý Dòng an lành và đầy ơn Chúa.



[Handwritten signature]

n Hoà

Sách này được ấn hành với sự giúp đỡ của
Liên Hiệp Thánh Kinh Hội
UNITED BIBLE SOCIETIES

**KINH THÁNH
TÂN ƯỚC**

**LỜI CHỨA
CHO
MỌI NGƯỜI**

Bản dịch Kinh Thánh do
Nhóm Phiên Dịch
CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ
thực hiện

Dẫn nhập và chú thích :
Bernard HURALT
Louis HURALT

liên doanh xuất bản với
Nhà Xuất Bản Tôn Giáo
Hà Nội - 2005

Bản dịch Tân Ước của

Nguyễn Ngọc Rao	Trịnh Văn Thạm
Trần Phúc Nhân	Trần Ngọc Thao
Hoàng Kim +	Đỗ Xuân Quế
Nguyễn Công Đoan	Nguyễn Hữu Phú
Nguyễn Thị Sang	Xuân Ly Băng
Thịeten Cẩm	Nguyễn Văn Hoà
Hoàng Đắc Ánh	Nguyễn Tất Trung
Nguyễn Cao Luật	Nguyễn Đạt Tam
Nguyễn Cao Siêu	Hoàng Ngọc Lễ
Trần Hoà Hưng	Lê Thị Thanh Nga
Phạm Xuân Hưng	Nguyễn Tiến Dũng
Lê Thị Vân Nga	Vũ Anh Quốc
Nguyễn Ngọc Tỉnh	

Bản dịch dẫn nhập và chú thích của
Trần Hữu Phương Đinh Trung Nghĩa
Nguyễn Văn Khoan

Với sự cộng tác của
Nguyễn Thị Sang

© Các dịch giả giữ bản quyền



Toà Giám Mục Kontum

56 Trần Hưng Đạo – Kontum – Email abrahamvn@yahoo.ca

LỜI GIỚI THIỆU

Ngày 18 tháng 11 năm 1965, Đức Giáo Hoàng Phao-lô VI đã công bố Hiến chế Mạc Khải **LỜI THIÊN CHÚA** trong Khoá IV của Công Đồng Va-ti-ca-nô II. Đây là một trong những văn kiện quan trọng nhất của Công Đồng. Hiến chế đã đem lại một động lực mới cho việc phiên dịch và phổ biến, học hỏi và suy niệm Lời Chúa, gây ảnh hưởng sâu đậm đến mọi lãnh vực trong đời sống Giáo Hội. Hiến chế đã dành hẳn chương cuối để nói về tầm quan trọng của Kinh Thánh trong đời sống Giáo Hội cũng như đời sống người Ki-tô hữu.

Giáo huấn của Công Đồng về tầm quan trọng của Lời Chúa đã được nhắc lại trong nhiều văn kiện quan trọng khác, như trong Tông huấn Giáo Hội tại Á Châu (06-11-1999) hay trong Tông thư Khởi đầu thiên niên kỷ mới (06-01-2001).

Năm nay, nhân dịp mừng 40 năm Công Đồng Va-ti-ca-nô II công bố Hiến chế Lời Thiên Chúa (1965-2005), Hội Đồng Giám Mục Việt Nam trong Khoá họp thường niên tại Đền Thánh Đức Mẹ Bãi Dâu Vũng Tàu cũng đã gửi tới cộng đồng dân Chúa Việt Nam một Thư Chung mang tựa đề **Sống Lời Chúa**. Riêng Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ (NPD/CGKPV) ấn hành cuốn **LỜI CHÚA CHO MỌI NGƯỜI** : Kinh Thánh Tân Ước. Bản dịch là của NPD/CGKPV đã được hai Đức Tổng Giám Mục Phao-lô Nguyễn Văn Bình và Gio-an Bao-ti-xi-ta Phạm Minh Mẫn giới thiệu ; bản dịch này đã được phổ biến rộng rãi ở trong nước cũng như ở nước ngoài từ hơn mười năm nay.

*Còn phần **Dẫn nhập** và **Chú thích** lấy từ cuốn **Christian Community Bible** của hai anh em linh mục người Pháp **Bernard Hurault** và **Louis Hurault**. Cả hai đều là chuyên viên Kinh Thánh sang truyền giáo tại Nam Mỹ. Tại đây hai cha đã phiên dịch Kinh Thánh từ nguyên bản ra tiếng Tây-ban-nha, có dẫn nhập và chú thích. Vừa có kiến thức về Kinh Thánh lại vừa có kinh nghiệm mục vụ, hai cha biết rõ giáo dân cần được giúp đỡ thế nào khi muốn tìm hiểu Lời Chúa. Có lẽ đây là bí quyết thành công của công trình phiên dịch và chú thích này. Bằng chứng là cuốn sách của hai cha đã được dịch ra 12 thứ tiếng với tổng cộng trên 55 triệu bản tính đến năm 2004. Riêng tại Phi-líp-pin, bản Kinh Thánh này đã được Hội Đồng Giám Mục chọn để phổ biến rộng rãi cho cộng đồng dân Chúa.*

Nếu không biết Kinh Thánh là không biết Chúa Ki-tô, như lời thánh Giê-rô-ni-mô đã khẳng định, thì việc gắn gũi với Lời Chúa chỉ có thể giúp người Ki-tô hữu học biết Chúa Ki-tô, và gắn bó với Ngài hơn. Và càng gắn bó với Ngài thì càng ra công gắng sức thực hành giáo huấn của Ngài và trở nên môn đệ đích thực của Ngài. Đây hẳn là mục tiêu mà mọi Ki-tô hữu phải hướng tới. Và đây cũng là hoài bão của những người đã dày công thực hiện công trình phiên dịch và chú thích này.

Tôi xin trân trọng giới thiệu và cầu mong cuốn **LỜI CHÚA CHO MỌI NGƯỜI** bằng Việt ngữ này sẽ đem lại nhiều thành quả tốt đẹp cho đời sống đạo cũng như cho công cuộc loan báo Tin Mừng của Cộng đồng Dân Chúa tại Việt Nam.

Kontum ngày 22 tháng 09 năm 2005



[Handwritten signature]

✠ **Hoàng Đức Oanh**
✠ **Giáo Phận Kontum**

KÝ HIỆU CÁC SÁCH KINH THÁNH

Viết tắt Tên sách

Ac	Ai ca
Am	A-mốt
Br	Ba-rúc
Cl	Cô-lô-xê
Cn	Châm ngôn
1 Cr	1 Cô-rin-tô
2 Cr	2 Cô-rin-tô
Cv	Công vụ Tông Đồ
Dc	Diễm ca
Dcr	Da-ca-ri-a
Ds	Dân số
Dt	Do-thái
Đn	Đa-ni-en
Đnl	Đệ nhị luật
Ed	Ê-dê-ki-en
Ep	Ê-phê-xô
Er	Ét-ra
Et	Ét-te
G	Gióp
Ga	Gio-an
1 Ga	1 Gio-an
2 Ga	2 Gio-an
3 Ga	3 Gio-an
Gc	Gia-cô-bê
Gđ	Giu-đa
Gđt	Giu-đi-tha
Ge	Giô-en
Gl	Ga-lát
Gn	Giô-na
Gr	Giê-rê-mi-a
Gs	Giô-suê
Gv	Giăng viên
Hc	Huấn ca
Hs	Hô-sê
Is	I-sai-a
Kb	Kha-ba-cúc
Kg	Khác-gai

Viết tắt Tên sách

Kh	Khải huyền
Kn	Khôn ngoan
Lc	Lu-ca
Lv	Lê-vi
Mc	Mác-cô
1 Mcb	Ma-ca-bê quyển 1
2 Mcb	Ma-ca-bê quyển 2
Mk	Mi-kha
Mr	Ma-la-khi
Mt	Mát-thêu
Nk	Na-khum
Nkm	Nơ-khe-mi-a
Ôv	Ô-va-đi-a
Pl	Phi-líp-phê
Plm	Phi-lê-môn
1 Pr	1 Phê-rô
2 Pr	2 Phê-rô
R	Rút
Rm	Rô-ma
1 Sb	Sứ biên niên quyển 1
2 Sb	Sứ biên niên quyển 2
1 Sm	Sa-mu-en quyển 1
2 Sm	Sa-mu-en quyển 2
St	Sáng thế
Tb	Tô-bi-a
Tl	Thủ lãnh
1 Tm	1 Ti-mô-thê
2 Tm	2 Ti-mô-thê
Tt	Ti-tô
Tv	Thánh vịnh
1 Tx	1 Thê-xa-lô-ni-ca
2 Tx	2 Thê-xa-lô-ni-ca
1 V	các Vua quyển 1
2 V	các Vua quyển 2
Xh	Xuất hành
Xp	Xô-phô-ni-a

CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC

BJ	: Bible de Jérusalem
c.	: câu
cc.	: các câu
ch.	: chương
Cum-ran	: bản Cum-ran
db	: dị bản
ds	: dịch sát
Hl	: bản Hy-lạp
Hr	: bản Híp-ri
km	: ki-lô-mét (nghĩa là cây số)
Lt	: bản La-tinh
LXX	: bản Bảy Mươi (Hy-lạp)
M	: bản Ma-xo-ra (tức là bản Híp-ri chính thức)
m	: mét
MK	: Hiến chế Mạc Khải của Công Đồng Va-ti-ca-nô II
Pt	: bản Phổ thông
PV	: Hiến chế Phụng Vụ của Công Đồng Va-ti-ca-nô II
ss	: song song
Tác-gum	: bản Tác-gum
tb	: thủ bản
tCN	: trước Công Nguyên
tk	: thế kỷ
TOB	: Traduction oecuménique de la Bible
tt	: tiếp theo
vd	: ví dụ
x.	: xem
Xr	: bản Xy-ri
[...]	: một số dị bản không có câu này
+	: chú thích

DẪN NHẬP TÂN ƯỚC

Tân Ước là một tổng hợp gồm hai mươi bảy cuốn trong bộ Kinh Thánh. Hai mươi bảy cuốn đó được viết trong thời gian bảy mươi năm sau cuộc phục sinh của Đức Ki-tô. Giáo Hội thời các Tông Đồ đã nhận thấy trong đó lời diễn đạt trung thực niềm tin của mình, và đã chính thức nhìn nhận đó là những cuốn sách được Thiên Chúa linh hứng, là lời của Thiên Chúa. Nhưng cũng như các sách của bộ Cựu Ước, các cuốn này không phải từ trời rơi xuống : đó là do công lao của các Tông Đồ và các tác giả sách Tin Mừng thời Giáo Hội sơ khai.

Đây không phải là một cuốn truyện hoặc một áng văn trình bày đạo lý như thể để trả lời hết tất cả các vấn nạn chúng ta đưa ra. Đây là một tập chứng từ qua đó chúng ta gặp được con người Chúa Giê-su, thấy được Giáo Hội tiên khởi đã cảm nhận mình được sức mạnh phục sinh của Chúa truyền ban

cho sinh khí và năng lực như thế nào. Thiên Chúa muốn cho các tín hữu mọi thời nhận biết Chúa Giê-su và công trình cứu độ qua các chứng từ ấy.

Nhưng tại sao lại có một Tân Ước sau Cựu Ước ?

Đơn giản bởi đó là hai phần lớn của lịch sử thánh và của mặc khải Thiên Chúa trong lịch sử nhân loại. Ranh giới giữa hai giai đoạn đó là thập giá Chúa Giê-su. Trong thời Cựu Ước, một dân tộc đã được hình thành và trưởng thành qua các kinh nghiệm sống của mình. Sau khi đã từng mơ ước hàng vạn chuyện như mọi người, dân ấy đã hiểu ra rằng điều quan yếu là đi tìm vương quốc của công minh chính trực, trong đó loài người sẽ được đổi mới. Khi đọc Cựu Ước, chúng ta thấy ở đó có một ý nghĩa và nhận ra những giai đoạn của một lịch sử "thánh" cũng như các nhân vật chủ yếu trong đó. Chúng ta hiểu tại sao cần

phải chờ bao nhiêu thế kỷ mới thấy nhú lên niềm tin vào sự phục sinh. Chúng ta thấy tại sao vương quốc Ít-ra-en cũ thịnh vượng như thế mà lại không tồn tại lâu dài được : dân Thiên Chúa mất đi uy lực và vinh quang trần thế, nhưng bù lại, được thêm sự mình mẫn và chiều sâu nội tâm.

Tiếp theo là một cơn khủng hoảng kinh hồn mà Ít-ra-en trải qua dưới ách của Rô-ma, khi các trào lưu chống đối nhau trong nội bộ dân Do-thái biến thành những phe cực đoan : bấy giờ xuất hiện vị Cứu Tinh duy nhất, sau bao nhiêu kẻ tự xưng là cứu tinh.

Chúa Giê-su kêu gọi Ít-ra-en vượt lên trên tất cả những gì là hẹp hòi trong chủ nghĩa quốc gia và niềm hy vọng của nó, để khám phá ra vương quốc của Thiên Chúa và đức công chính của Người. Lịch sử Ít-ra-en đáng lẽ phải đạt tới một kỷ nguyên mới và sản sinh một dân tộc đại đồng thuộc về Thiên Chúa, hưng thịnh nhờ nhận biết Thiên Chúa Cha và Con

Một của Người. Nhưng vài năm sau đó dân tộc Do-thái đã suy vong. Đại đa số đã không đón nhận thông điệp của Chúa Giê-su : một thế giới đã cáo chung, và Ít-ra-en bắt đầu chìm sâu vào một số phận bi thảm (Rm 9-11).

Tân Ước không hề thay thế cho Cựu Ước. Những gì Chúa Giê-su đã rao giảng không hề huỷ bỏ những lời cảnh cáo của các ngôn sứ, và tình yêu không thay thế cho công bằng. Ôn cứu độ Thiên Chúa đã hứa cho dân Do-thái không được thay thế bằng ơn "cứu rỗi linh hồn". Tin Mừng xuất hiện như một sức mạnh giải phóng, định hướng lại lịch sử và đẩy mọi nền văn minh tiến về một đích điểm : vạn vật và mọi người được đoàn tụ và hoà giải quanh Chúa Ki-tô.

Những cố gắng để loan báo Tin Mừng cho người Do-thái tại Pa-lét-tin đã gặp thất bại, nhưng điều này lại khuyến khích việc loan báo Tin Mừng cho những dân tộc khác. Như vậy, chỉ sau ít năm thôi, Giáo Hội đã lan rộng trên toàn thế giới được biết đến vào thời ấy, nghĩa là

những dân tộc nằm trong đế quốc Rô-ma. Thời gian đầu, nhiều Ki-tô hữu ngỡ rằng Tin Mừng đã sắp đạt tới tận cùng thế giới, và Chúa Giê-su sắp trở lại xét xử địa cầu. Nhưng từ những năm 70 trở đi, ảo tưởng này tan biến dần : lịch sử còn kéo dài lâu hơn người ta tưởng.

Lòng tin của Giáo Hội sơ khai dựa trên nền tảng lời chứng của các Tông Đồ là những người bạn đồng hành đầu tiên của Chúa Giê-su. Các lời chứng này thoạt đầu được truyền miệng, rồi rất nhanh sau đó được biên chép. Các cộng đoàn Ki-tô hữu lo thu thập và soạn thành văn bản những điều được biên chép, là nội dung những lời rao giảng của các Tông Đồ, và những kinh nghiệm căn bản về lòng tin vào Chúa Giê-su Ki-tô họ đã sống cũng ảnh hưởng ít nhiều đến việc biên chép

của họ. Giáo Hội đã chọn giữ lại một số trong các bản văn ấy, gạt qua một bên nhiều bản văn khác tuy đáng khen thật, nhưng thông điệp đức tin trong đó không được kể là hàm chứa những điều căn bản và có tính đại đồng.

Các thủ bản đầu tiên đã được sao chép bằng tay từ thế kỷ này qua thế kỷ nọ, cho đến khi có kỹ thuật in ấn : năm 1456, ông Ghút-tâng-bơ (người Đức) mới in cuốn Kinh Thánh đầu tiên.

“Tam sao thất bản” là lẽ thường. Bằng cách đối chiếu các thủ bản khác nhau (đã được xếp loại căn cứ theo các điểm dị biệt và nguồn gốc), các nhà chuyên môn có thể truy ra các bản gốc mà Giáo Hội Công Giáo thừa nhận là lời diễn đạt đức tin tông truyền, là lời của Thiên Chúa.

CÁC SÁCH TIN MỪNG

Truyền thống các Tông Đồ

Ai đã viết các sách Tin Mừng đầu tiên, và đã lấy nguồn tài liệu từ đâu ?

Chúa Giê-su đã chết không để lại một chữ. Người đã dành phần lớn thì giờ để đào tạo các Tông Đồ của Người ; các

ông sống với Người, như môn đệ các bậc thầy Do-thái thường làm. Thay vì lo diễn thuyết, Chúa dùng đủ cách lập đi lập lại các chân lý chính yếu. Vậy các Tông Đồ đã ghi lòng tạc dạ những giáo huấn của Thầy mình, cũng như những biến cố mà các ông đã chứng kiến. Chắc chắn là ngay vào những ngày đầu tiên sau khi Chúa Thánh Thần hiện xuống, các ông đã lo tìm cách định hình giáo huấn ấy của Chúa, và từ đó sẽ phát sinh công cuộc huấn giáo trong Giáo Hội sơ khai.

Cụm từ Truyền Thống các Tông Đồ chỉ toàn bộ những biến cố và lời giảng dạy của Chúa Giê-su mà các Tông Đồ đã rao giảng và bình luận. Chúa Giê-su là vị Mê-si-a của người Do-thái và là Đấng cứu chuộc toàn thể nhân loại, là Con Thiên Chúa phát xuất từ Thiên Chúa, đã chết và sống lại từ cõi chết. Như chúng ta đã nói trên, tất cả những gì chúng ta biết được về Chúa Giê-su là do các Tông Đồ truyền đạt cho. Dĩ nhiên chúng ta rất muốn biết chính xác Chúa đã nói những lời nào, y

hệt như một số người đã được tận tai nghe Chúa nói, nhưng lòng tin của Giáo Hội chỉ nhìn nhận các Tông Đồ là chứng nhân chân chính của Chúa, và cho rằng các ông đã hiểu Chúa như Thiên Chúa muốn mọi người phải hiểu, nhờ đức tin. “Lời Chúa” không chỉ là những gì Chúa Giê-su đã nói, mà còn là những gì các Tông Đồ đã nói liên quan đến Chúa Giê-su.

Từ tiếng A-ram của Chúa Giê-su đến tiếng Hy-lạp của sách Tin Mừng

Chúa Giê-su và người đồng thời nói tiếng A-ram, thứ tiếng thông dụng đã thay thế cho tiếng Híp-ri tại Pa-lét-tin từ thời hậu lưu đày, đặc biệt là ở miền Ga-li-lê. Tuy vậy người ta vẫn tiếp tục dạy tiếng Híp-ri, nhất là tại Giê-ru-sa-lem. Một vài giới trong xã hội nói, và nhiều người Do-thái hiểu tiếng Híp-ri, các văn kiện tôn giáo thường được viết bằng tiếng Híp-ri. Cũng nên lưu ý là hai thứ tiếng ấy có nhiều điểm tương đồng, vì cả hai thuộc cùng một họ ngôn ngữ, họ các tiếng Sê-mít.

Tiếng Hy-lạp thì ngược lại, là tiếng được dùng trong mậu dịch và cuộc sống thành thị ở khắp các tỉnh trong đế quốc Rô-ma. Cũng như tiếng Anh ngày nay, tiếng Hy-lạp giúp cho việc giao lưu giữa các dân tộc rất khác nhau nằm dưới quyền cai trị và luật pháp của Rô-ma. Ngay tại Pa-lét-tin, nhiều người Do-thái hiểu tiếng Hy-lạp. Trái lại, tiếng La-tinh là ngôn ngữ của Rô-ma và không thông dụng bên ngoài việc hành chánh của đế quốc. Người Do-thái sống đông đảo trong các thành phố lớn của đế quốc, cũng như các Ki-tô hữu sau này sẽ ngày càng đông lên cũng trong các vùng ấy, đều nói tiếng Hy-lạp và dùng bản dịch Cựu Ước ra tiếng Hy-lạp mà người ta gọi là “bản Bảy Mươi” (LXX).

Chứng từ các tác giả Ki-tô giáo tiên khởi

Có điều lý thú đáng chú ý là các sử gia tiên khởi của Giáo Hội đã đặc biệt nhắc đến những vị mà truyền thống xem như là tác giả của ba sách Tin Mừng Nhất Lãm.

Năm 110, ông Pa-pi-át thành Giê-ra-pô-li (gần Ê-phê-xô) viết như sau : “Ông Mác-cô, người thông dịch của ông Phê-rô, đã viết ra cách chính xác nhưng mà lộn xộn không thứ tự, tất cả những gì ông nhớ liên quan đến những lời nói và hành động của Chúa. Ông đã đi theo ông Phê-rô, và ông này tùy theo hoàn cảnh mà giảng dạy chớ không theo một trật tự nào hết. Ông đã không phạm sai lầm nào khi đưa vào đó những điều mà bản thân ông nhớ lại. Ông Mát-thêu đã đưa ra một tập những ngôn từ của Chúa bằng tiếng Híp-ri, và chính từ đó mà mỗi người đã dịch lại theo khả năng của mình.”

Năm 185, thánh I-rê-nê, giám mục tử đạo, viết : “Ông Mát-thêu đã phổ biến một bản Tin Mừng giữa người Híp-ri và trong ngôn ngữ của họ, trong khi hai ông Phê-rô và Phao-lô thì đi Rô-ma để loan báo Tin Mừng và thành lập Hội Thánh tại đó. Sau khi hai ông đã đi, ông Mác-cô, môn đệ và dịch giả của ông Phê-rô, đã ghi chép thành văn tự những gì ông

Phê-rô rao giảng. Ông Luca, bạn đồng hành của ông Phao-lô, cũng đã viết một bản Tin Mừng từ những gì ông Phao-lô rao giảng.”

Những chứng từ cổ xưa này, cùng với nhiều chứng từ khác nữa, đã có lần bị bác bỏ trong những năm qua, nhưng ngày nay lại được nhìn nhận là có một giá trị lịch sử rất đáng kể.

Từ truyền thống dân gian đến sách Tin Mừng

Sẽ sai lầm nếu nghĩ rằng các sách Tin Mừng đã được viết ra một lèo do những vị như Mát-thêu, Mác-cô hay Luca, bởi một ngày kia các ông quyết định ghi chép các hành động và lời nói của Chúa Giê-su ! Hãy làm thành một văn phẩm xem những gì có thể đã diễn ra trong các cộng đoàn Ki-tô hữu đầu tiên. Khởi đầu, các Tông Đồ làm chứng về những gì mình đã mắt thấy tai nghe. Dần dần, người ta cảm thấy cần phải ghi lại lời chứng của các ông để bảo tồn trong ký ức : đây cũng là điều mà chúng ta thường làm trong một cuộc họp, ghi lại

một chứng từ để đem chia sẻ với người khác.

Như đã nói trên, các cộng đoàn Ki-tô hữu tại Pa-lét-tin nói tiếng A-ram hay Híp-ri tùy vùng hoặc môi trường : vậy các bản văn đầu tiên đã được viết bằng hai thứ tiếng đó. Từ từ người ta gom lại với nhau các bản văn liên quan đến hành động và lời nói của Chúa Giê-su : như vậy, các cộng đoàn đầu tiên đã đi từ khẩu truyền đến văn tự, từ một lời chứng nói miệng qua một lời chứng viết thành văn bản, tức là sách Tin Mừng chúng ta dùng. Mà vì thời ấy các Ki-tô hữu nói tiếng Hy-lạp chiếm đa số, nên các văn kiện nguyên thủy được dịch ra tiếng Hy-lạp.

Thoạt nhìn đã thấy một sự kiện hiển nhiên : hầu hết tất cả các giai thoại được ông Mác-cô thuật lại thì cũng được hai ông Mát-thêu và Luca thuật lại. Người ta gọi ba bản Tin Mừng này là “Tin Mừng Nhất Lãm”, nghĩa là người ta có thể đem ba bản ấy viết thành ba cột song song, để nhìn chung một lượt (Nhất Lãm), để so sánh các bản văn được ba

ông cùng viết về một biến cố duy nhất.

Nếu xem tiếp trong Mt và Lc những gì không có trong Mc, chúng ta sẽ thấy một số lớn các “ngôn từ”, hoặc lời nói của Chúa Giê-su, lại có mặt vừa trong Mt vừa trong Lc nữa. Do đó nhiều nhà Kinh Thánh nghĩ là có thể nói đến “hai nguồn tư liệu”. Theo giả thuyết này thì các Tin Mừng Nhất Lãm vay mượn tư liệu từ hai bản văn cổ xưa hơn, một bản gồm các trình thuật là chính, và bản kia chủ yếu là một tập “ngôn từ”, hay lời nói của Chúa Giê-su.

Giả thuyết hấp dẫn này đã phải du di hơn. Những nghiên cứu từ gần hai thế kỷ đã cho thấy những chỗ ba sách Tin Mừng ấy lệ thuộc vào nhau. Nhưng vấn đề này rất phức tạp và các kết luận vẫn còn rất khiêm tốn. Ngày nay người ta thấy rất có thể yếu tố truyền khẩu đã đóng một vai trò quan trọng cho đến giai đoạn hoàn thành việc biên soạn ba sách Tin Mừng Nhất Lãm. Nhờ có khẩu truyền mà các bản văn ngắn dài lưu hành trong các cộng

đoàn sơ khai đã được trưng dụng, bổ sung, bố trí lại. Các sách Tin Mừng Nhất Lãm chúng ta dùng đã được định hình vĩnh viễn sau một thời gian tiến hoá dài nhất là hai ba chục năm, và chấm dứt vào những năm 70.

Mặc dù khó xác định rõ hơn các ảnh hưởng qua lại giữa truyền khẩu của các cộng đoàn Ki-tô hữu với những vị đã chép lại thành văn tự, nhưng có một điều chắc chắn : trong quá trình tiến bước chậm chạp này, một số nhân vật đã đóng một vai trò quyết định và đã làm cho mỗi bản nhất lãm trong ba bản đều có một nét độc đáo riêng, đó là ba ông Mát-thêu, Mác-cô và Luca.

Ba vị tác giả Tin Mừng đầu tiên này không chỉ khác nhau ở việc chọn ít hay nhiều tư liệu, hoặc bởi trình bày ngôn hành của Chúa theo những cách hơi khác nhau mà thôi đâu. Thật thì mỗi vị có thần học riêng của mình, cách hiểu biết Chúa Giê-su rất riêng tư, và chính cái nhìn sâu xa này, cái chứng từ riêng biệt của mỗi người,

cuối cùng đã giải thích cho biết tại sao có các điểm dị biệt trong tác phẩm các ông.

Tác giả Mác-cô ghi chứng từ về một loạt những sự kiện và những cuộc gặp gỡ, trong đó Chúa Giê-su biểu lộ rõ quyền năng của Thiên Chúa, đồng thời khẳng định sự tự do của Người trước mặt thế gian. Ông không câu nệ thứ tự thời gian, chỉ phân biệt hai giai đoạn : hoạt động của Chúa Giê-su tại Ga-li-lê, và một sứ vụ tại Giê-ru-sa-lem trước khi chịu Thương Khó.

Theo lời thánh I-rê-nê, tác giả Mát-thêu đã phổ biến sách Tin Mừng của ông cho dân Híp-ri, tức là cho người Do-thái sống trên đất Pa-lét-tin và đã tin theo Chúa Giê-su. Ông phác họa Chúa Giê-su dưới nét nổi bật là người Thầy, bậc Thầy mang lại sự khôn ngoan thời chung kết nhưng đã bâng bạc từ trước trong Kinh Thánh. Qua Tin Mừng của ông, có thể nhận biết đời sống một cộng đoàn là như thế nào, đời sống của Giáo Hội mà sứ mạng là ngay từ hôm

nay phải chỉ cho thấy rằng Nước Trời đã có đây rồi. Ông triển khai huấn giáo của ông bằng phương pháp trình bày xen kẽ cách chặt chẽ các hành động và ngôn từ của Chúa. Và đoạn dẫn nhập thì ông cho nó có tính tượng hình, gồm những "trình thuật về thời thơ ấu" của Chúa Giê-su.

Tác giả Lu-ca theo cùng một bố cục như Mác-cô, nhưng giữa hai giai đoạn, ông chèn vào bài trình thuật dài kể lại một "chuyến đi lên Giê-ru-sa-lem", trong đó ông đặt một phần lớn các "ngôn từ" của Chúa Giê-su mà Mát-thêu cũng ghi lại nhưng rải ra trong cả sách Tin Mừng của ông. Lu-ca viết cho người Hy-lạp : ông không kể lại nhiều chi tiết liên quan đến luật lệ và phong tục Do-thái mà độc giả của ông có lẽ không hiểu được. Đúng là một nhà văn Hy-lạp, ông loại bỏ cách nói lặp đi lặp lại mà người Do-thái khoái dùng và Mt còn giữ nguyên nhịp điệu. Cũng như Mát-thêu, ông có phần dẫn nhập riêng, gồm những giai đoạn thời thơ ấu của Chúa Giê-su,

cũng như phân kết luận riêng của ông.

Sách Tin Mừng của Gio-an để lộ ra những mảnh văn thuộc một bản cổ xưa cũng đơn giản như bản Mc. Chắc là trong đó hành động của Chúa chiếm chỗ nhiều hơn giáo huấn của Người ; có thể bản văn được dành cho các cộng đoàn Ki-tô hữu ở Sa-ma-ri, vì được viết bằng tiếng A-ram. Nhưng trên cơ sở đó, ông Gio-an đã xây dựng các “diễn từ của Chúa Giê-su”, những bài rất dài trong đó tác giả trình bày cho chúng ta biết ơn cứu độ là gì : một cuộc biến hoá con người làm cho tạo thành được đổi mới. Toàn bộ sách Tin Mừng triển khai mâu nhiệm Thiên Chúa là Cha, Con và Thánh Thân, cũng như tình hiệp thông sâu kín giữa Thiên Chúa và loài người, thông qua đời sống cộng đoàn và các bí tích Hội Thánh. Sách Tin Mừng này chỉ được phổ biến sau khi ông Gio-an qua đời, khoảng năm 95.

Vậy là các sách Tin Mừng theo Mát-thêu, Mác-

cô, Lu-ca và Gio-an sẽ bổ sung cho nhau để tỏ cho chúng ta biết gương mặt thật của Đức Giê-su, Con của Thiên Chúa và con của Bà Ma-ri-a. Khi thì qua các biến cố được thuật lại, khi thì qua các giáo huấn được ghi chép, các tác giả Tin Mừng này chỉ cho chúng ta biết cách thức Chúa Giê-su đã biểu lộ thân tính của Người qua một lối sống phạm nhân : cuộc đời của Người là dấu chỉ tối ưu qua đó Thiên Chúa đã muốn tỏ mình ra cho nhân loại nhận biết Người. Qua những câu gợi nhớ thông điệp của Cựu Ước, thường là rất kín đáo nhưng rất chính xác, ba tác giả nhất lãm nhấn mạnh việc Chúa Giê-su đã “làm ứng nghiệm” Cựu Ước ấy như thế nào. Tác giả Gio-an thì đặc biệt lôi cuốn chúng ta đi vào trong thái độ chiêm ngắm con người Giê-su : làm như vậy, ông đặt cơ sở và chỉ ra các dạng thức của kinh nghiệm tâm linh chân chính mà người theo đạo Chúa Ki-tô cảm nhận được.

Chúng ta có thể tin được những điều viết trong Tin Mừng hay không ?

Đó chính là câu hỏi mà phần đông chúng ta tự đặt cho mình : nếu quả thật đây là một hoặc bốn lời chứng, thì nó có giá trị nào ? Sau những gì chúng ta đã nói trên, chúng ta dễ dàng hiểu được những điều sau đây :

Cho dù các sách Tin Mừng có dài gấp mười lần đi nữa, thì cũng chỉ ghi chép được một số những hành vi của Chúa đã được chọn lọc để thuật lại mà thôi. Mỗi tác giả sách Tin Mừng đã chọn ra các lời nói và hành động ấy của Chúa, rồi diễn lại theo cách của mình, nhắm riêng giới độc giả của mình. Ông xây dựng tác phẩm theo bố cục mà ông nghĩ là tốt nhất, và nối kết những sự việc vốn đã xảy ra vào những thời điểm khác biệt lại với nhau.

Nói thế không có nghĩa là không thể tin được chứng từ của các tác giả sách Tin Mừng. Chúng ta sẽ không có những “ảnh chụp”, những băng ghi âm cho lại các lời nói của Chúa, nhưng đúng hơn,

phải nói đó là những cái nhìn từ bốn góc độ khác nhau mà lại bổ sung cho nhau. Nếu có mâu thuẫn trong chi tiết cũng chẳng hề gì : khi Chúa rời khỏi Giê-ri-khô, có hai hay một người mù thì nào có khác gì đâu ?

Quan trọng nhất là không nên để cho đủ thứ tranh cãi về chi tiết che lấp đi điều cốt yếu : sách Tin Mừng là một loại sáng tác không tiền khoáng hậu trong văn học mọi thời. Một đàng, khi đem so sánh với những tác phẩm văn chương khác cùng thời thì sẽ thấy có sự tương phản rất đậm nét. Bên sách Tin Mừng là những nét đơn sơ giản dị ; bên kia, dù là của Ki-tô giáo hay thứ khác, là những chuyện lạ kỳ, vẽ vời thêm thắt với những chuyện không dính đất (ngay cả trong những tác phẩm Ki-tô giáo được linh hứng như thư của thánh Giu-đa).

Ngoài ra, sách Tin Mừng hàm chứa mọi giá trị nhân bản, phong phú về mọi mặt, đặt biệt có giá trị văn hoá rất cao. Nó vẫn “trơ gan cùng tuế nguyệt” sau

bao nhiêu đợt phê bình theo khoa học hiện đại, trải qua bao nhiêu đợt tra xét kỹ mỹ như chưa một tác phẩm văn học nào đã được chiếu cố như vậy. Nói vậy chưa đủ, còn có điều đơn giản đáng kể này : sách Tin Mừng toả hương chân lý mỗi khi chúng ta mở lòng đón nhận những gì nó truyền đạt.

Những kẻ hoài nghi

Tuy nhiên, chứng từ Tin Mừng vẫn còn là một nghi vấn đối với số đông. Có khi họ tưởng thấy trong đó những nghịch lý ; thường hơn thì họ coi như không thể chấp nhận thân tính của Chúa Giê-su. Ngay cả trong số những người có đạo đang nghiên cứu Tin Mừng, có người tỏ ra rất e dè khi đụng tới vấn đề phép lạ theo nghĩa mạnh, tức là sự can thiệp của Thiên Chúa qua Chúa Giê-su.

Có thể lý do là vì những người ấy đã được đào tạo trong một nền văn hoá lấy khoa học kỹ thuật làm chuẩn mực, chỉ cậy vào sáng kiến con người để mà giải quyết mọi vấn đề. Trong một thế giới tự bao

bọc mình với đủ thứ những bảo hiểm, an toàn, người ta đâu chờ mong gì ở Thiên Chúa, và Thiên Chúa đâu làm nhiều phép lạ.

Nhiều người lập luận như sau : nếu ngày nay tôi không thấy được những sự kiện tương tự những sự kiện sách Tin Mừng thuật lại, thì làm sao tin rằng những điều ấy đã xảy ra thời xưa ? Họ sẽ nghi khác nếu họ là thành phần của một Giáo Hội nghèo, được mục kích Thiên Chúa luôn luôn can thiệp để giúp những ai chỉ biết trông cậy vào Người. Thật vậy, trong các cộng đoàn nghèo ấy, nhiều người tự nhủ : nếu ngày nay Thiên Chúa làm những phép lạ cỡ này, thì tại sao Người không làm được vào thời Chúa Giê-su và theo lệnh của Chúa ?

Ai cũng muốn là người khách quan, nhưng không thể nghiên cứu Tin Mừng cách vô tư và không thiên vị được, bởi vì nó sẽ chất vấn toàn bộ cuộc sống chúng ta, chứ không chỉ các tư tưởng về điểm này hay điểm nọ mà thôi. Nếu chúng ta chia sẻ niềm tin của các Tông Đồ thì

chuyện chấp nhận cuốn Sách Thánh này mà vẫn giữ được óc phê bình sẽ là điều không khó. Còn nếu không hội đủ điều kiện cho phép chúng ta “nhìn thấy” Thiên Chúa, thì chúng ta sẽ cảm thấy không thoải mái bao lâu chưa tìm ra cách hạ thấp các chứng từ Tin Mừng xuống ngang tầm với cái “hợp lý” trong đầu óc chúng ta. Có nghĩa là Tin Mừng sẽ không đòi ta xét lại những điều ta nắm chắc. Vì lẽ đó mà bao nhiêu người, tuy khâm phục Tin Mừng, nhưng vẫn tìm đủ mọi lý do để từ chối điều gây phiền hà cho họ : cái chứng từ về một Thiên Chúa làm người, một Thiên Chúa không ở yên và thậm chí làm cho kẻ chết sống lại.

Một vài biện bác

Để từ chối chứng từ các sách Tin Mừng, nhiều người cứ bám vào ba luận cứ sau đây :

– Các sách Tin Mừng không phải là tác phẩm của một chứng nhân tự ràng buộc mình bằng lời hứa, nhưng chỉ thu thập đủ thứ chứng từ vô danh :

đó là một mẫu văn chương dân gian tạp nhạp không thiếu loại nào, chỉ trừ tính xác thực lịch sử.

– Các sách Tin Mừng không phải là một tiểu sử Chúa Giê-su, mà là những trước tác dành cho việc huấn giáo dân có đạo : các trình thuật chỉ nhằm mục đích củng cố lời giảng dạy. Đừng hỏi Chúa có thật sự đi trên mặt hồ không : sự việc đã được viết ra để cho thấy quyền năng mang thân tính của Chúa thôi.

– Các sách Tin Mừng được viết sau khi Chúa chết một thời gian dài, khi trí tưởng tượng của các tín hữu đã đặt một hào quang thần thánh trên đầu Người rồi. Đừng tìm hiểu trong đó để biết con người Giê-su ra làm sao, mà chỉ biết đó là một phản ảnh niềm tin của Giáo Hội vào tk I (ở đây xin nhắc lại những gì đã nói liên quan đến thời gian biên soạn các sách Tin Mừng).

Chúng ta hãy nhìn xem các Tông Đồ : các ngài đã và vẫn là những chứng nhân của Chúa Giê-su trong Giáo Hội. Mọi người đều dựa vào uy tín các ngài, và các ngài hãy còn

sống ngày mà các sách Tin Mừng đạt tới dạng thức cuối cùng. Bản thân các ngài biết điều gì thật sự đã xảy ra : liệu các ngài có làm thình không trước những kẻ xuyên tạc thực thể con người Chúa Giê-su ? Bảo chứng Tin Mừng nằm ngay trong cơ cấu Giáo Hội : một phẩm trật được kính nể, có tiếng nói cuối cùng về nội dung đức tin và không hề chấp nhận ai đá động tới đó (xem các thư gửi ông Ti-mô-thê và ông Ti-tô, thư thứ hai của thánh Phê-rô tông đồ).

Không có chỗ đứng cho một thứ sáng tác kiểu dân gian từ những huyền thoại, những lời kể lại bị bóp méo, những phép lạ được phịa ra để phân nào lý giải những gì người ta muốn khẳng định về Đức Giê-su. Các sách Tin Mừng xuất phát từ truyền thống các Tông Đồ, và Giáo Hội đã bảo lưu nó bởi nhận ra truyền thống này trong đó. Vào cùng thời điểm ấy và trong thế kỷ tiếp theo sau, có những "tin mừng" khác đã được viết thêm : "tin mừng của Phê-rô", "tin mừng của Tô-ma", "tin mừng của Ni-cô-

đê-mô", "tin mừng nguyên thủy của Gia-cô-bê" ... Tựa đề của chúng thế nào mặc lòng, những chuyện chúng kể có ly kỳ thú vị mấy đi nữa, Giáo Hội vẫn từ chối không nhìn, giản đơn chỉ vì trong đó, Giáo Hội đã không nhận ra niềm tin và giáo huấn của các Tông Đồ.

Các sách Tin Mừng đã được viết nhằm vào việc huấn giáo : nói vậy không có nghĩa là các sự kiện đã bị bóp méo để có sức thuyết phục hơn đâu. Như thế tự nó các sự việc đó không đủ sức nói lên sự thật ! Đã từng được Chúa Giê-su huấn luyện, có lẽ nào các Tông Đồ lại thiếu sự liêm sĩ sơ đẳng nhất, có thể nào các ông không biết tôn trọng sự thật hay sao !

Người ta lưu ý tầm quan trọng của các thể văn được dùng để thuật truyện. Và bởi vì nhiều phép lạ được thuật lại theo cùng một mẫu văn, nên một số người kết luận rằng tất cả đều là giả tưởng. Sao không nghĩ rằng để kể truyện và phép lạ thì người ta thường hay theo một số khuôn mẫu giúp người kể truyện dễ truyền

đạt hơn và người nghe dễ ghi nhớ hơn, như thế có phải đơn giản hơn không ? Thời này đây, hãy nghe những người chứng kể lại một phép lạ họ đã chứng kiến : lời kể bộc phát của họ cũng theo cùng một thứ tự đó. Một ví dụ điển hình khác là chuyện truyền tin cho Đức Ma-ri-a. Tác giả Lu-ca kể lại theo mẫu văn các bản Kinh Thánh, có tính huyền thoại hơn là lịch sử, nói về cuộc chào đời của Ít-ma-ên và Sam-sôn. Có người nói liền : “Bởi lẽ Lu-ca đã bắt chước theo mẫu kể chuyện huyền thoại, nên trình thuật của ông cũng là huyền thoại luôn ; sự đồng trình của Ma-ri-a và lời báo của thiên sứ chỉ có đó để chào mừng thần tính của Đức Ki-tô mà thôi.” Lý luận như vậy có giá trị không ? Ông Lu-ca, như các người đồng thời với ông, xem các bản văn cổ xưa ấy như có tính lịch sử, và ông đã mượn lại mẫu văn đó để nhấn mạnh rằng cuộc chào đời của Chúa Giê-su nằm trong lịch sử thánh.

Ông Lu-ca đã kể các biến cố căn bản cho niềm tin của ông ; nếu các biến cố ấy không có xảy ra, ông cũng đâu đã tin.

Vậy thì sau khi đã nghe xong, nghiên cứu và cân nhắc các lý do, phải trở về với điểm mà Chúa Giê-su đã mạnh mẽ khẳng định : đức tin là một ân huệ của Thiên Chúa, và không ai đến được với Chúa Con nếu không được Chúa Cha lôi cuốn. Đọc Tin Mừng, suy gẫm Tin Mừng, đối chiếu Tin Mừng với thực chất con người chúng ta, là một cuộc trắc nghiệm trong đó chúng ta hết mình nhập cuộc. Nếu chúng ta muốn Tin Mừng lôi cuốn chúng ta hơn đôi chút, thì hãy nhìn xem những gì Thiên Chúa đã thực hiện nơi những kẻ đã tin, những người được gọi là hay có thể được gọi là thánh. Lời Thiên Chúa đã được thể hiện, ghi chép và truyền đạt trong Thần Khí, chỉ có Thần Khí mới có thể đưa chúng ta vào trong ánh sáng của Lời (Ga 16,13).

TIN MỪNG THEO THÁNH MÁT-THÊU

DẪN NHẬP

Ông Mát-thêu, cũng gọi là Lê-vi, là ai vậy ? Tin Mừng cho biết ông đã từng làm nghề thu thuế và Chúa Giê-su đã cho ông trở thành một trong các Tông Đồ của Người (Mt 9,9 và Mc 2,14). Tuy nhiên, dưới dạng chúng ta hiện có, chắc chắn là sách Tin Mừng mang tên ông đã được soạn vào những năm 80, tức là sau khi ông chết. Có thể tác giả là một trong những môn đệ của ông, có thể tác giả ấy đã lấy lại một bản nháp đầu tay của ông (xem Dẫn nhập vào Tân Ước).

Theo ước đoán, sách Tin Mừng này đã được soạn trong một cộng đoàn Ki-tô hữu gồm cả thành phần gốc Do-thái lẫn thành phần gốc Hy-lạp, có lẽ tại An-ti-ô-khi-a (x. Cv 11,19 ; 13). Mt mang dấu vết rất sâu của sự xung khắc giữa người Do-thái và Ki-tô

hữu. Đó là thời kỳ vong quốc sau cuộc chiến với quân Rô-ma, thời kỳ mà cộng đoàn Do-thái giáo bị thử thách nặng nề như vậy tìm cách tổ chức lại nội bộ của mình, dưới sự lãnh đạo của những người thuộc phái Pha-ri-sêu. Những người này vừa mới quyết định loại trừ mọi người Do-thái tin vào Chúa Giê-su và thuộc thành phần cộng đoàn Ki-tô hữu.

Sách Tin Mừng này nhằm giúp người Ki-tô hữu thấy họ không có gì phải sợ nếu hôm nay bị đồng bào chối từ. Cộng đoàn Ít-ra-en chính thức không có lòng tin đang đứng bên ngoài Nước Trời, trong khi những ai nhìn nhận Đức Mê-si-a thì đã được vào. Số ít người này đã lãnh nhận “những ân huệ Giao Ước” mà các ngôn sứ đã từng hứa

trước, và từ nay, họ phải đem chia sẻ với mọi tín hữu từ bốn phương trời đến gia nhập Giáo Hội.

Trong cái nhìn này, toàn bộ lịch sử Chúa Giê-su được trình bày như một cuộc xung đột kết thúc bằng một cuộc chia tay. Khúc chia đôi sẽ hiện rõ ở cuối ch. 13 : kể từ đây, Chúa Giê-su không giảng dạy cho dân chúng nữa, mà chỉ cho những người môn đệ thôi.

Một điều đã đánh động tác giả Mt : trong hai hay ba năm thi hành sứ mạng, Chúa Giê-su chủ yếu nói và hành động như một nhà giảng đạo, một bậc Thầy giảng dạy Kinh Thánh. Vậy tác giả sẽ làm nổi bật lời nói của Người, do đó số lượng ngôn từ Chúa Giê-su trong tác phẩm của ông lớn hơn trong các tác phẩm kia, còn hành vi và phép lạ của Người thì ngược lại, ông sẽ tóm lược tối đa.

Bởi đó không lạ gì khi tác giả Mt dàn dựng Tin

Mừng của ông quanh năm “diễn từ”, trong đó ông gom lại các lời Chúa đã nói trong nhiều bối cảnh khác nhau. Các diễn từ ấy là :

– Bài giảng trên núi (ch. 5, 6 và 7).

– Bài giảng về sứ mạng truyền giáo (ch. 10).

– Bài giảng bằng dụ ngôn (ch. 13).

– Bài giảng về Giáo Hội (ch. 18).

– Sống như thế nào trong khi chờ đợi thời cánh chung (ch. 23, 24, 25).

Thay cho Dẫn Nhập, Mt viết 2 chương về cuộc giảng sinh và thời thơ ấu của Chúa Giê-su. Đó là những bài tường thuật đặc biệt, trong đó tác giả không quan tâm đến tính lịch sử của các sự việc, nhưng phác họa bằng hình ảnh tính chất thần học của đạo lý mà ông muốn truyền đạt.

TIN MỪNG

THEO THÁNH MÁT-THÊU

I. GIÁNG SINH VÀ THỜI THƠ ẤU CỦA ĐỨC GIÊ-SU

Gia phả Đức Giê-su Ki-tô

1 * ¹ Đây là gia phả Đức Giê-su Ki-tô, con cháu vua Đa-vít, con cháu tổ phụ Áp-ra-ham :

² Ông Áp-ra-ham sinh I-xa-ác ; I-xa-ác sinh Gia-cóp ; Gia-cóp sinh Giu-đa và các anh em ông này ; ³ Giu-đa ăn ở với Ta-ma

* 1,1 Nhiều tác giả Kinh Thánh cẩn thận cho thấy rằng những biến cố và nhân vật mà sách họ đề cập đến đều có nguồn gốc trong lịch sử đã qua, bởi vì điểm mạnh của Kinh Thánh nằm ở tính liên tục không hề gián đoạn của lịch sử, và ở lòng chung thủy của một Thiên Chúa luôn giữ lời hứa của mình. Đó là ý nghĩa của gia phả này. Còn ngôn ngữ của Mt, như ngôn ngữ chung của Kinh Thánh, thì thích gọi gia phả là “sách cội nguồn” hơn.

Danh sách này gồm 42 tên người được chia thành 3 nhóm, mỗi nhóm 14 tên, mà 14 là một con số có tính tượng trưng đối với người Do-thái. Dĩ nhiên đây không phải là một danh sách đầy đủ.

Chúa Giê-su là *con cháu tổ phụ Áp-ra-ham*, tổ phụ của những người tin ; Thiên Chúa đã hứa với ông rằng tất cả mọi dân tộc sẽ tề tựu quanh dòng dõi ông. Chúa Giê-su cũng là *con cháu vua Đa-vít*, và mọi người đều biết rằng Đấng Cứu Độ sẽ là hậu duệ của vua Đa-vít.

Các tên thuộc nhóm thứ nhất được ghi trong R 4,18-22. Các tên của nhóm thứ hai là tên các vua thuộc dòng dõi Đa-vít, được ghi trong sách Các Vua. Kinh Thánh không nói gì về hậu duệ Dơ-rúp-ba-ven (Er 3 - 4).

Danh sách ghi đến tên ông Giu-se là cha nuôi của Đức Giê-su. Trong xã hội Do-thái, tương quan nghĩa phụ nghĩa tử cũng đủ để cho Chúa Giê-su được thừa nhận là con cháu vua Đa-vít, y như ông Giu-se.

Bốn tên trong danh sách là của những phụ nữ được Kinh Thánh nói đến : *Ta-ma*, người đã làm hết cách để giành lại lời chúc lành của Thiên Chúa (St 38), *Ra-kháp*, một gái điếm ngoại bang (Gs 2), *Rút*, một gái ngoại bang khác, đức hạnh mẫu mực, và *vợ của U-ri-gia* là Bát Se-va, người đàn bà điếm lệt đã cùng phạm tội với vua Đa-vít.

sinh Pe-rét và De-rác ; Pe-rét sinh Khét-rôn ; Khét-rôn sinh A-ram ; ⁴ A-ram sinh Am-mi-na-đáp ; Am-mi-na-đáp sinh Nác-son ; Nác-son sinh Xan-môn ; ⁵ Xan-môn lấy Ra-kháp sinh Bô-át ; Bô-át lấy Rút sinh Ô-vết ; Ô-vết sinh Gie-sê ; ⁶ Gie-sê sinh Đa-vít.

Vua Đa-vít lấy vợ ông Uri-gia sinh Sa-lô-môn ; ⁷ Sa-lô-môn sinh Rơ-kháp-am ; Rơ-kháp-am sinh A-vi-gia ; A-vi-gia sinh A-xa ; ⁸ A-xa sinh Giô-sa-phát ; Giô-sa-phát sinh Giô-ram ; Giô-ram sinh Út-di-gia ; ⁹ Út-di-gia sinh Giô-tham ; Giô-tham sinh A-khát ; A-khát sinh Khít-ki-gia ; ¹⁰ Khít-ki-gia sinh Mơ-na-se ; Mơ-na-se sinh A-môn ; A-môn sinh Giô-si-gia ;

¹¹ Giô-si-gia sinh Giơ-khon-gia và các anh em vua này ; kể đó là thời lưu đày ở Ba-by-lon.

¹² Sau thời lưu đày ở Ba-by-lon, Giơ-khon-gia sinh San-ti-ên ; San-ti-ên sinh Dơ-rúp-ba-ven ; ¹³ Dơ-rúp-ba-ven sinh A-vi-hút ; A-vi-hút sinh En-gia-kim ; En-gia-kim sinh A-do ; ¹⁴ A-do sinh Xa-đốc ; Xa-đốc sinh A-khim ; A-khim sinh Ê-li-hút ; ¹⁵ Ê-li-hút sinh E-la-da ; E-la-da sinh Mát-than ; Mát-than sinh Gia-cóp ; ¹⁶ Gia-cóp sinh Giu-se, chồng của bà Ma-ri-a, bà là mẹ Đức Giê-su cũng gọi là Đấng Ki-tô.

¹⁷ Như thế, tính chung lại thì : từ tổ phụ Áp-ra-ham đến vua Đa-vít, là mười bốn đời ; từ vua Đa-

Toàn bộ hậu cảnh này tiên báo một cách kín đáo Đấng sẽ đến cứu độ người tội lỗi, và rộng đón muôn dân muôn nước vào vương quốc Ít-ra-en. Đấng Cứu Độ là hoa quả của trái đất chúng ta cũng như của dân tộc được Thiên Chúa chọn (Is 45,8). Về mặt nhân bản cũng như thiêng liêng, Thiên Chúa đã đưa dân Do-thái đến mức độ chín muồi này, để cuộc xuất hiện và lời rao giảng của Chúa Giê-su mang đầy đủ ý nghĩa.

Chúa Giê-su xuất hiện ở cuối con đường dài của một lịch sử mang dấu ấn khổ đau và tội lỗi, nhưng cũng rạng lên ánh sáng hy vọng và ân sủng. Chúng ta cũng vậy, chúng ta liên đới với Chúa Giê-su trong tình đồng loại trước khi liên đới với Người trong đức tin. Lịch sử hiện đại của chúng ta, lịch sử gia đình chúng ta, dọn đường cho cuộc giáng lâm lần thứ hai của Người.

Ở Lc 3,23, chúng ta có một gia phả khác của Chúa Giê-su làm nổi bật mối dây liên đới của Người với toàn thể nhân loại.

vít đến thời lưu đầy ở Ba-by-lon, là mười bốn đời ; và từ thời lưu đầy ở Ba-by-lon đến Đức Ki-tô, cũng là mười bốn đời.

Truyện tin cho ông Giu-se

* 18 Sau đây là gốc tích Đức Giê-su Ki-tô : bà Ma-ri-a, mẹ Người, đã thành hôn với ông Giu-se. Nhưng trước khi hai ông bà về chung sống, bà đã có thai do quyền năng Chúa Thánh Thần. 19 Ông Giu-se, chồng bà, là người công chính và không muốn tố giác bà, nên mới định tâm

bỏ bà cách kín đáo. 20 Ông đang toan tính như vậy, thì kìa sứ thần Chúa hiện đến báo mộng cho ông rằng : “Này ông Giu-se, con cháu Đa-vít, đừng ngại đón bà Ma-ri-a vợ ông về, vì người con bà cứu mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần. 21 Bà sẽ sinh con trai và ông phải đặt tên cho con trẻ là Giê-su, vì chính Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ.” 22 Tất cả sự việc này đã xảy ra, là để ứng nghiệm lời xưa kia Chúa phán qua miệng ngôn sứ : 23 *Này*

* 1,18 Chúng ta đã lưu ý cái bước ngoặt ở câu 16 : Chúa Giê-su không phải là con ông Giu-se. Đoạn văn bắt đầu ở đây muốn nhắc nhở rằng Chúa Giê-su là hậu duệ hợp pháp của vua Đa-vít, đồng thời cũng là Con Thiên Chúa đầu thai làm con một người trinh nữ bởi quyền năng Thánh Thần.

Những câu văn ngắn ngủi gần như có phần rụt rè này chỉ là những nét chấm phá về mẫu nhiệm của Đức Ma-ri-a, người trinh nữ đã dâng lên Thiên Chúa cuộc đời trần thế của mình làm hiến lễ tôn thờ. Một sứ giả vụt xuất hiện trong bóng tối : một cuộc đối thoại trầm lặng, và thế giới mở cửa ra đón mừng sự hiện diện đầy năng động của Thiên Chúa. Về sự đồng trinh của Đức Ma-ri-a, xem Lc 1,26.

Bà Ma-ri-a đã thành hôn với ông Giu-se. Trong xã hội Do-thái thời bấy giờ, lễ đính hôn đã trao cho đôi bên tất cả mọi quyền lợi vợ chồng ; mặc dù vậy, bên nữ vẫn tiếp tục ở nhà cha mẹ và dưới sự bảo hộ của cha mẹ, không hưởng quyền lợi cụ thể nào cũng như không có tự do chi cả. Như ở nhiều nơi, phụ nữ Do-thái phải giữ luật tam tông (tất yếu thuộc quyền một người đàn ông : cha, chồng, con trai trưởng nếu chồng chết). Vậy Đức Ma-ri-a đã là vợ ông Giu-se, nhưng chỉ thuộc quyền ông khi được ông đón về nhà (cc. 20 và 24).

Sự đồng trinh của Đức Ma-ri-a đi ngược lại não trạng người Do-thái, bởi họ xem việc sinh con là cao trọng hơn cả. Tuy nhiên, ông Giu-se mà chấp nhận hoàn cảnh này cũng không phải là điều không thể tưởng được. Thật vậy, vào thời ấy, đã có nhóm người phái Ê-xen sống độc thân như đan sĩ.

đây, *Trinh Nữ sẽ thụ thai và sinh hạ một con trai, người ta sẽ gọi tên con trẻ là Em-ma-nu-en*, nghĩa là “*Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta*.”²⁴ Khi tỉnh giấc, ông Giu-se làm như sứ thần Chúa dạy và đón vợ về nhà.²⁵ Ông không ăn ở với bà, cho đến khi bà

sinh một con trai, và ông đặt tên cho con trẻ là Giê-su.

Các nhà chiêm tinh đến bái lạy Đức Giê-su Hải Nhi

2 *¹ Khi Đức Giê-su ra đời tại Bê-lem, miền Giu-đê, thời vua Hê-rô-đê

Ông Giu-se định tâm bỏ bà cách kín đáo. Tin Mừng không nói rõ Đức Ma-ri-a có báo cho ông Giu-se biết hay không, nhưng dù sao, khó tưởng tượng rằng ông Giu-se nghi ngờ lòng chung thủy của Đức Ma-ri-a. Không ai trong đôi bạn có thể phản bội người kia, ông biết như vậy.

Theo Tin Mừng, sứ thần Chúa không đến can thiệp để trấn an ông, nhưng là để thông tin cho ông biết vai trò của ông trong kế hoạch của Thiên Chúa : *Ông phải đặt tên cho con trẻ là Giê-su* và sẽ nhận nó làm con của ông. Ông là hậu duệ vua Đa-vít, và như vậy, trẻ Giê-su, nghĩa tử của ông, sẽ là hậu duệ hợp pháp của Đa-vít. Rất có thể Đức Ma-ri-a không thuộc chi tộc Giu-đa, là chi tộc của dòng họ Đa-vít, mà thuộc dòng dõi một tư tế trong chi tộc Lê-vi, giống như người chị họ là bà Ê-li-sa-bét.

Ông phải đặt tên cho con trẻ là Giê-su. “Giê-su” là một dạng của từ “Giê-su-a” (có nghĩa là *Đức Chúa cứu*), một tên Do-thái rất gần với “Giô-suê”. Và cái tên này nói lên con trẻ sẽ làm gì mai sau.

Tác giả Mt dẫn một lời sấm của I-sai-a (Is 7,14) loan báo mầu nhiệm của Chúa Giê-su : Người là dòng dõi vua Đa-vít và hiện thân của Thiên Chúa trên trần gian. *Em-ma-nu-en, Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta*. Đây là một cách nhắc nhở mầu nhiệm bản thân Người. Đức Giê-su, con bà Ma-ri-a trong lịch sử, là Con Một Thiên Chúa Cha sinh ra từ trước muôn đời, và Người không thể nào có hai cha được. Phải hiểu ý nghĩa vai trò làm nghĩa phụ của thánh Giu-se như thế đó : nó có liên hệ tới và bảo vệ cả một mầu nhiệm.

* 2,1 Vào thời kỳ các sách Tin Mừng được biên soạn, văn chương Do-thái thích đưa ra những truyện thuật lại thời thơ ấu của các người hùng trong Kinh Thánh : truyện ông Áp-ra-ham, truyện ông Mô-sê vừa được viết xong. Tương truyền rằng một ngôi sao đã báo cho vua Pha-ra-ô biết một vị cứu tinh của người Híp-ri sắp chào đời, do đó nhà vua quyết định giết chết tất cả các bé trai, nhưng Mô-sê đã được cứu thoát. Trong giới người Ki-tô hữu cũng vậy, có những truyện dân gian thuật lại những mẩu chuyện về thời thơ ấu của Chúa Giê-su mà Tin Mừng không hề ghi chép.

trị vì, có mấy nhà chiêm tinh từ phương Đông đến Giê-ru-sa-lem, ² và hỏi : “Đức Vua dân Do-thái mới sinh, hiện ở đâu ? Chúng tôi đã thấy vì sao của Người xuất hiện bên phương Đông, nên chúng tôi đến bái lạy Người.” ³ Nghe tin ấy, vua Hê-rô-đê bối rối, và cả thành Giê-ru-sa-lem cũng xôn xao. ⁴ Nhà vua liền triệu tập tất cả các thượng tế và kinh sư trong dân lại, rồi hỏi cho biết Đấng Ki-tô

phải sinh ra ở đâu. ⁵ Họ trả lời : “Tại Bê-lem, miền Giu-đê, vì trong sách ngôn sứ, có chép rằng : ⁶ *Phần người, hỡi Bê-lem, miền đất Giu-đá, người đâu phải là thành nhỏ nhất của Giu-đá, vì người là nơi vị lãnh tụ chăn dắt Ít-ra-en dân Ta sẽ ra đời.*”

⁷ Bảy giờ vua Hê-rô-đê bí mật vời các nhà chiêm tinh đến, hỏi cặn kẽ về ngày giờ ngôi sao đã xuất hiện. ⁸ Rồi vua phái các vị ấy đi Bê-lem và dặn rằng :

Chính trong bầu khí này mà tác giả Mt mượn lại một số truyền thuyết. Đây là cơ hội cho ông nói rõ, như trong một lời tựa của Tin Mừng, sứ mạng của Chúa Giê-su là thế nào : bởi vì Người bị đồng bào ruột thịt không đón nhận lại còn ngược đãi, nên Người sẽ đi loan báo Tin Mừng cho những người không thuộc dân Do-thái. Mt trích nhiều lần Cựu Ước, và mỗi lần lại thêm : “thế là ứng nghiệm”. Đó là cách Mt mời gọi chúng ta đọc lại một số đoạn văn Cựu Ước. Đúng là các đoạn văn này nói về dân Ít-ra-en, nhưng lại tiên báo Chúa Giê-su một cách huyền bí : theo một nghĩa nào đó, Chúa sống những kinh nghiệm mà dân Người đã sống trước đó : những hành trình, tìm kiếm, những niềm vui và tang tóc, nhưng với Người thì tất cả đều mang một ý nghĩa mới.

Các nhà chiêm tinh là những tư tế được kính nể của đạo Da-ra-thu-so-tra, lại còn là những nhà thiên văn học và thầy bói toán. Ở đây, các ông đại diện cho những tôn giáo không biết đến Kinh Thánh. Hàng tư tế và lãnh đạo của dân Do-thái không đón nhận tin vui Chúa Giê-su chào đời, mà Thiên Chúa lại ban cho một số bạn hữu của Người thuộc dân ngoại được biết tin ấy. Bài học này có giá trị cho mọi thời đại : Chúa Giê-su là Đấng Cứu Độ của tất cả mọi dân tộc chứ không chỉ riêng cho những ai thuộc thành phần Hội Thánh mà thôi.

Ngôi sao ở đây gợi ý rằng Thiên Chúa ra dấu kêu mời mỗi người chúng ta từ cá tính riêng biệt và những suy tư rất quen thuộc mà mỗi người sẵn có. Người gọi các ông ngự phủ khi họ đi đánh cá về, và dùng một ngôi sao để chỉ đường cho các nhà thiên văn học đến với Người. Con đường dù đi từ đâu cũng sẽ dẫn đến Đấng chiếu toả vinh quang Thiên Chúa.

“Xin quý ngài đi dò hỏi tường tận về Hải Nhi, và khi đã tìm thấy, xin báo lại cho tôi, để tôi cũng đến bái lạy Người.”⁹ Nghe nhà vua nói thế, họ ra đi. Bấy giờ ngôi sao họ đã thấy ở phương Đông, lại dẫn đường cho họ đến tận nơi Hải Nhi ở, mới dừng lại.¹⁰ Trông thấy ngôi sao, họ mừng rỡ vô cùng.¹¹ Họ vào nhà, thấy Hải Nhi với thân mẫu là bà Ma-ri-a, liền sấp mình thờ lạy Người. Rồi họ mở bảo tráp, lấy vàng, nhũ hương và mộc dược mà dâng tiến.

¹² Sau đó, họ được báo mộng là đừng trở lại gặp vua Hê-rô-đê nữa, nên đã đi lối khác mà về xứ mình.

Đức Giê-su trốn sang Ai-cập và các anh hài bị giết

* ¹³ Khi các nhà chiêm tinh đã ra về, thì sứ thần Chúa hiện ra báo mộng cho ông Giu-se rằng : “Này ông, dậy đem Hải Nhi và mẹ Người trốn sang Ai-cập, và cứ ở đó cho đến khi tôi báo lại, vì vua Hê-rô-đê sắp tìm giết Hải Nhi đấy !”¹⁴ Ông Giu-se liền trở dậy, và đang

* 2,13 Bài trình thuật cuộc trốn sang Ai-cập và vụ thẩm sát các hài nhi vô tội làm nổi bật sự liên đới của Chúa Giê-su với những khổ đau quá khứ và hiện tại của dân Người. Hai câu trích dẫn sách ngôn sứ Hô-sê và Giê-rê-mi-a nhắc lại những chặng đường ấy.

Chúa Giê-su sẽ đi theo hành trình dẫn đưa từ đất lưu đày cho đến Đất Hứa, và Người sẽ ném mùi đau khổ lo sợ mà tổ tiên Người đã từng trải qua. Những cơn bách hại bắt đầu ngay từ thuở Người mới sinh và sẽ đeo đuổi Người cho đến khi chết.

Vua Hê-rô-đê này đâu tồi tệ gì hơn các thủ lãnh ở bất cứ thời đại nào, ham quyền thủ lợi hơn là phục vụ. Nhưng kẻ thù Tin Mừng dù có gây đổ máu bao nhiêu đi nữa cũng không tài nào bóp nghẹt được Giáo Hội hay đánh bại kế hoạch của Thiên Chúa.

Truyền thống Giáo Hội vẫn luôn khẳng định rằng các hài nhi bị sát hại thay cho Chúa đây, dù kể như không có công trạng gì, cũng được chia sẻ vinh quang của Chúa. Như vậy chúng ta cũng được phép nghĩ rằng tình yêu nhiệm mầu của Thiên Chúa áp ủ bao triệu trẻ em bị tàn sát cũng như những triệu triệu trẻ em khác bị giết chết khi chưa kịp mở mắt chào đời. Phải nghĩ thế nào về ngàn ấy tiềm năng bị chà đạp ? Chính những người và những xã hội có trách nhiệm trong các vụ này sẽ chuốc lấy hậu quả : họ đã gieo mầm chết vào tận cội rễ dòng giống của mình. Nhưng Thiên Chúa nắm giữ trong tay số phận của hết mọi người, biết trước tất cả, và không một kẻ sát hại mạng sống con người nào có thể giới hạn lượng hải hà của Thiên Chúa.

đêm, đưa Hài Nhi và mẹ Người trốn sang Ai-cập.
¹⁵ Ông ở đó cho đến khi vua Hê-rô-đê băng hà, để ứng nghiệm lời Chúa phán xưa qua miệng ngôn sứ : *Ta đã gọi con Ta ra khỏi Ai-cập.*

¹⁶ Bấy giờ vua Hê-rô-đê thấy mình bị các nhà chiêm tinh đánh lừa, thì dùng dùng nổi giận, nên sai người đi giết tất cả các con trẻ ở Bê-lem và toàn vùng lân cận, từ hai tuổi trở xuống, tính theo ngày tháng ông đã hỏi cận kề các nhà chiêm tinh. ¹⁷ Thế là ứng nghiệm lời ngôn sứ Giê-rê-mi-a : ¹⁸ *Ở Ra-ma, vắng nghe tiếng khóc than rên*

rĩ : tiếng bà Ra-khen khóc thương con mình và không chịu để cho người ta an ủi, vì chúng không còn nữa.

Từ Ai-cập về đất Ít-ra-en

* ¹⁹ Sau khi vua Hê-rô-đê băng hà, sứ thần Chúa lại hiện ra với ông Giu-se bên Ai-cập, ²⁰ báo mộng cho ông rằng : “Này ông, dậy đem Hài Nhi và mẹ Người về đất Ít-ra-en, vì những kẻ tìm giết Hài Nhi đã chết rồi.” * ²¹ Ông liền trở dậy đưa Hài Nhi và mẹ Người về đất Ít-ra-en. ²² Nhưng vì nghe biết Ác-khê-lao đã kế vị vua cha là Hê-rô-đê, cai trị miền Giu-đê, nên ông sợ không dám

* ^{2,19} Trở về Na-da-rét. Nơi đây chấm dứt các bài trình thuật có thể xem như là lời tựa của Tin Mừng theo tác giả Mt. Nó nói lên sứ mạng của Chúa Ki-tô : là Vị Cứu Tinh bị đồng bào ruột thịt mình ruồng rẫy, bị nhà cầm quyền truy nã, Người sẽ quay về phía các dân ngoại. Chúa Giê-su phải sống ba mươi năm trời trong ngôi làng nhỏ bé này của miền Ga-li-lê – mà người Do-thái miền Giu-đê kể như là một tỉnh ngoại bang và ngoại đạo (4,15). Nơi đây, Người lớn lên và lao động như một *bác thợ* (Mc 6,3) trong khi thế giới mong chờ được cứu độ.

* ^{2,21} Người sẽ được gọi là người Na-da-rét. Ở đây Mt chơi chữ với “*nét-xe*” nghĩa là mầm non (Is 11,1) và “*na-dia*” nghĩa là người thuộc về Thiên Chúa (Ds 6). Thời ấy, có những nhóm người đạo đức đi giảng thuyết và làm phép rửa giống như ông Gio-an Tẩy Giả, và họ được coi như những “*na-dia*”. Chúa Giê-su vừa là “*nét-xe*” vừa là “*na-dia*”.

Nhiều người tự hỏi Chúa Giê-su đã làm gì giữa tuổi mười hai, khi Người gây chú ý trong Đền Thờ (Lc 2,41), và tuổi ba mươi hoặc hơn nữa, khi Người bắt đầu cuộc đời công khai. Một vài kẻ giả danh thừa khoảng trống trong Tin Mừng để tưởng tượng Chúa Giê-su đi qua Ấn-độ học nghề phù thủy và thuật làm phép lạ với các nhà khắc kỷ Ấn giáo, hay còn kỳ thú hơn nữa, đi thăm viếng người ngoài hành tinh ! Bày đặt chuyện gì lại không được.

về đó. Rồi sau khi được báo mộng, ông lui về miền Ga-li-lê, ²³ và đến ở tại một thành kia gọi là Na-da-rét, để ứng nghiệm lời đã phán qua miệng các ngôn sứ rằng : *Người sẽ được gọi là người Na-da-rét.*

II. CÔNG BỐ NƯỚC TRỜI

1. PHẦN KÝ THUẬT

Ông Gio-an Tẩy Giả rao giảng trong hoang địa miền Giu-dê rằng : ² “Anh em hãy sám hối, vì Nước Trời đã đến gần.” ³ Ông chính là

3 * ¹ Hỡi ấy, ông Gio-an Tẩy Giả đến rao giảng

Trước hết phải nhắc lại rằng sách Tin Mừng không phải là một tập sách “cuộc đời Chúa Giê-su”, kể chuyện từ lúc Người chào đời cho đến lúc chết. Tin Mừng chỉ muốn nói cho chúng ta biết những lời quan trọng nhất mà Chúa Giê-su đã nói, và những hành vi cử chỉ có liên can đến thông điệp cứu độ của Người mà thôi. Hai Tin Mừng theo thánh Mác-cô và thánh Gio-an bắt đầu từ phép rửa Chúa Giê-su lãnh nhận từ tay ông Gio-an Tẩy Giả, đánh dấu bước đầu công cuộc rao giảng của Chúa. Sau này, hai tác giả Mt và Lc muốn thêm vào đó, như một lời tựa, các bài trình thuật về thời thơ ấu, để giúp chúng ta am hiểu con người huyền bí của Chúa.

Thứ đến, chúng ta hãy đọc Mt 13,54-56. Khi dân làng Na-da-rét kinh ngạc thấy các phép lạ Chúa Giê-su làm, họ đâu có nói : “Ông ấy đã sống lâu năm ở nước ngoài, chắc đã học được nghề ở đấy !” Nhưng họ đã tự hỏi : Chuyện gì đã xảy ra cho con bác thợ mộc vậy ? Chúng ta biết ông ấy từ lâu, sao lại có chuyện này !

Thứ ba là chúng ta hãy cố gắng hiểu rằng lời Thiên Chúa cũng đồng thời là một lời phạm nhân. Các ngôn sứ là những người đã kinh nghiệm những biến động mạnh và họ có điều gì đó muốn nói lên. Lời nói của họ phát xuất từ con người của họ mà cũng từ Thần Khí Thiên Chúa. Chúa Giê-su đã không thể truyền thông lời Thiên Chúa nếu như, với tư cách là con người trần thế, Người không am hiểu lòng dạ con người. Những năm sống tại Na-da-rét đâu phải là những năm bỏ đi. Chúa Giê-su đã hấp thụ văn hoá dân tộc mình, đã sống những biến cố xảy ra trên quê hương mình ; Chúa đã biết thế nào là lao động tay chân, kinh qua những tương quan trong xã hội, nếm chịu đau khổ và áp bức. Không có tất cả những cái đó, Chúa không thể làm Đấng cứu độ chúng ta. Nơi Chúa Giê-su, kinh nghiệm làm người và bản tính Thiên Chúa có tác động ngang nhau để cho tiếng nói của Người trở thành lời chân lý.

người đã được ngôn sứ I-sai-a nói tới : *Có tiếng người hô trong hoang địa : Hãy dọn sẵn con đường cho Đức Chúa, sửa lối cho thẳng để Người đi.*

⁴ Ông Gio-an mặc áo lông lạc đà, thắt lưng bằng dây da, lấy châu chấu và mật ong rừng làm thức ăn.

⁵ Bấy giờ, người ta từ Giê-ru-sa-lem và khắp miền Giu-dê, cùng khắp vùng ven sông Gio-đan, kéo đến với ông.

⁶ Họ thú tội, và ông làm phép rửa cho họ trong sông Gio-đan. ⁷ Thấy nhiều người thuộc phái Pha-ri-sêu và phái Xa-đốc đến chịu phép rửa, ông nói với họ rằng : “Nòi rần đục kia, ai đã chỉ cho các anh cách trốn cơn thịnh nộ của Thiên Chúa sắp giáng xuống vậy ? ⁸ Các anh hãy sinh hoa quả để chứng tỏ lòng sám hối.

⁹ Đừng tưởng có thể bảo mình rằng : ‘Chúng ta đã

có tổ phụ Áp-ra-ham.’ Vì, tôi nói cho các anh hay, Thiên Chúa có thể làm cho những hòn đá này trở nên con cháu ông Áp-ra-ham.

¹⁰ Cái rìu đã đặt sát gốc cây : bất cứ cây nào không sinh quả tốt đều bị chặt đi và quăng vào lửa. ¹¹ Tôi, tôi làm phép rửa cho các anh trong nước để giục lòng các anh sám hối. Còn Đấng đến sau tôi thì quyền thế hơn tôi, tôi không đáng xách dép cho Người. Người sẽ làm phép rửa cho các anh trong Thánh Thần và lửa. ¹² Tay Người cầm nia, Người sẽ rê sạch lúa trong sân : thóc mảy thì thu vào kho lẫm, còn thóc lép thì bỏ vào lửa không hề tắt mà đốt đi.”

Đức Giê-su chịu phép rửa

¹³ Bấy giờ, Đức Giê-su từ miền Ga-li-lê đến sông Gio-đan, gặp ông Gio-an

* 3,1 Như vừa nói, Tin Mừng Mt bắt đầu thật sự với phần rao giảng của ông Gio-an Tẩy Giả. Ở đây, Mt so sánh Chúa Giê-su với ông Gio-an, phép rửa của ông Gio-an và phép rửa của Chúa. X. phần bình giải Mc 1,1 và Lc 3.

Qua việc lãnh nhận phép rửa này, Chúa Giê-su tự đồng hoá mình với dân Người, nói rõ hơn, với hạng người vô danh tiểu tốt đang kéo đến nghe một người kêu gọi dân sám hối. Đây là cơ hội cho Chúa sống một kinh nghiệm tôn giáo sâu xa tương tự kinh nghiệm các ngôn sứ lớn. Tiếng từ trời nói gì ? Nó trao sứ mạng cho Chúa, Chúa sẽ là người Con và tôi tớ của Chúa Cha (Tv 2 và Is 42,1).

để xin ông làm phép rửa cho mình. ¹⁴ Nhưng ông một mực can Người và nói : “Chính tôi mới cần được Ngài làm phép rửa, thế mà Ngài lại đến với tôi !” ¹⁵ Nhưng Đức Giê-su trả lời : “Bây giờ cứ thế đã. Vì chúng ta nên làm như vậy để giữ trọn đức công chính.” Bây giờ ông Gio-an mới chiều theo ý Người.

¹⁶ Khi Đức Giê-su chịu phép rửa xong, vừa ở dưới nước lên, thì các tầng trời mở ra. Người thấy Thần Khí Thiên Chúa đáp xuống

như chim bồ câu và ngự trên Người. ¹⁷ Và có tiếng từ trời phán : “Đây là Con yêu dấu của Ta, Ta hài lòng về Người.”

Đức Giê-su chịu cám dỗ

4 * ¹ Bây giờ Đức Giê-su được Thần Khí dẫn vào hoang địa, để chịu quỷ cám dỗ. ² Người ăn chay ròng rã bốn mươi đêm ngày, và sau đó, Người thấy đói. ³ Khi ấy tên cám dỗ đến gần Người và nói : “Nếu ông là Con Thiên Chúa, thì truyền cho những hòn đá này hoá

* 4,1 Một phần bình giải biến cố này ở Lc 4,1-13.

Như vậy Chúa Giê-su là Con Thiên Chúa theo nghĩa mà người ta hiểu từ này vào thời ấy : Người được sai phái với tư cách là vua, ngôn sứ và cứu tinh, và Người biết như vậy. Nhưng Người sẽ thể hiện những vai trò ấy như thế nào, và Thiên Chúa sẽ đối xử thế nào với người con này đây ? Đó là vấn nạn sắp được đặt ra, mà cuộc thử thách sẽ làm sáng tỏ. Thử thách sẽ kéo dài suốt thời gian Chúa Giê-su thi hành sứ vụ của Người : những kẻ chống đối sẽ đòi những điềm thiêng dấu lạ, và chính các môn đệ sẽ nài xin Người lo cho bản thân Người nhiều hơn. Đoạn văn Mt lược thuật cho chúng ta hiểu cuộc thử thách thường nhật này qua ba cơn cám dỗ. Nhưng tác giả cố ý chọn hoang địa làm khung cảnh, đặt bài tường thuật ngay ở đầu đoạn văn, và khẳng định rằng Chúa Giê-su đã chiến thắng ác thần ngay trước khi khởi đầu sứ vụ.

Người ăn chay ròng rã bốn mươi đêm ngày. Bốn mươi ngày là thời gian có giá trị tượng trưng cho bốn mươi tuần thai nghén, thời gian chuẩn bị một cuộc sinh nở mới. Đó là thời gian đã được ghi chép trong cuộc đời hai ông Mô-sê và Ê-li-a : Xh 24,18 ; 1 V 19,8. Đối với Chúa Giê-su, đây là thời gian thử thách, như đối với ông Áp-ra-ham khi được lệnh đem con đi sát tế, như đối với ông Mô-sê trong vụ con bò vàng. Đang khi Chúa Giê-su cảm thấy tinh thần được kiên định nhờ chay tịnh, hoàn toàn sáng suốt, thì ma quỷ tìm hết cách để thuyết phục Người rằng không thể nào chu toàn sứ mạng nếu theo đường lối Thiên Chúa dạy.

bánh đi !”⁴ Nhưng Người đáp : “*Đã có lời chép rằng : Người ta sống không chỉ nhờ cơm bánh, nhưng còn nhờ mọi lời miệng Thiên Chúa phán ra.*”

⁵ Sau đó, quở đem Người đến thành thánh, và đặt Người trên nóc đền thờ,⁶ rồi nói với Người : “Nếu ông là Con Thiên Chúa, thì gieo mình xuống đi ! Vì đã có lời chép rằng : *Thiên Chúa sẽ truyền cho thiên sứ lo cho bạn, và thiên sứ sẽ tay đỡ tay*

nâng, cho bạn khỏi vấp chân vào đá.”

⁷ Đức Giê-su đáp : “Nhưng cũng đã có lời chép rằng : *Người chớ thử thách Đức Chúa là Thiên Chúa của người.*”

⁸ Quở lại đem Người lên một ngọn núi rất cao, và chỉ cho Người thấy tất cả các nước thế gian, và vinh hoa lợi lộc của các nước ấy,⁹ và bảo rằng : “Tôi sẽ cho ông tất cả những thứ đó, nếu ông sấp mình bái lạy tôi.”¹⁰ Đức Giê-su liền

Điều kỳ lạ là Tin Mừng trình bày cuộc chạm mặt giữa Chúa Giê-su và quở cám dỗ (“tên cám dỗ”, là nghĩa của từ “ma quở”) như một cuộc tranh luận giữa hai nhà luật si nảy sinh từ lời Kinh Thánh ; có lẽ mục đích là giúp cho ta hiểu rằng ngay cả lời Kinh Thánh cũng có thể làm cho ta lạc hướng nếu ta không có tinh thần vâng phục Thiên Chúa.

Ba cơn cám dỗ nhắc ta nhớ lại những cám dỗ mà dân Híp-ri đã kinh qua trong sa mạc (Xh 16,2 ; 17,1 ; 32). Tại suối nước Ma-ra, dân kêu trách Thiên Chúa đã dẫn họ đi một con đường quá gian khổ ; tiếp theo là họ thử thách Người : “Đức Chúa có làm gì được cho ta không ?” Cuối cùng, họ đối Thiên Chúa, đã từng là niềm vinh dự của họ, để thờ một thần minh khác tự tay họ tạo ra cho vừa tâm của mình : đó là con bò vàng. Và để trả lời, Chúa Giê-su dẫn ba câu trong Đệ nhị luật, một cuốn sách kể rõ những cuộc nổi loạn của dân Chúa trong sa mạc. Lòng vâng phục hoàn hảo của Con Thiên Chúa tương phản với những bất trung của dân.

Qua cơn thử thách, Chúa Giê-su đã thắng trận, nhưng Hội Thánh của Người sẽ còn phải đối phó với những cám dỗ tương tự. Hội Thánh có thể bị cám dỗ làm thoả mãn những ước vọng của người đời thay vì đem tặng họ ơn cứu độ đích thực. Chúa Giê-su dạy chúng ta phải kiên cường trước những cám dỗ của ma quở, bằng cách dựa vào lời Kinh Thánh, như Người đã làm.

Các sứ thần tiến đến hầu hạ Người. Sau khi đẩy lui cơn cám dỗ, Chúa Giê-su được hoàn toàn bình an. Trái tim trong sáng của Người được đưa vào một thế giới linh thiêng vô hình nhưng thiết thực không kém thế giới xung quanh ta. Vì là Con Thiên Chúa, Người hiển trị giữa các thiên thần đang hầu cận trước tôn nhan của Cha Người.

nói : “Xa-tan kia, xéo đi ! Vì đã có lời chép rằng : *Người phải bái lạy Đức Chúa là Thiên Chúa của người, và phải thờ phượng một mình Người mà thôi.*”

¹¹ Thế rồi quở bỏ Người mà đi, và có các sứ thần tiến đến hầu hạ Người.

Đức Giê-su lánh qua miền Ga-li-lê

¹² Khi Đức Giê-su nghe tin ông Gio-an đã bị nộp, Người lánh qua miền Ga-li-lê. ¹³ Rồi Người bỏ Na-da-rét, đến ở Ca-phác-na-um, một thành ven biển hồ Ga-li-lê, thuộc địa hạt Đơ-vu-lun và Náp-ta-li, ¹⁴ để ứng nghiệm lời ngôn sứ I-sai-a nói : ¹⁵ *Này đất Đơ-vu-lun, và đất Náp-ta-li, hỡi con đường ven biển, và vùng tả ngạn sông Gio-đan, hỡi Ga-li-lê, miền đất của dân ngoại !* ¹⁶ *Đoàn dân đang ngồi trong cảnh tối tăm đã thấy một ánh*

sáng huy hoàng, những kẻ đang ngồi trong vùng bóng tối của tử thần nay được ánh sáng bừng lên chiếu rọi.

* ¹⁷ Từ lúc đó, Đức Giê-su bắt đầu rao giảng và nói rằng : “Anh em hãy sám hối, vì Nước Trời đã đến gần.”

Đức Giê-su kêu gọi bốn môn đệ đầu tiên

¹⁸ Người đang đi dọc theo biển hồ Ga-li-lê, thì thấy hai anh em kia, là ông Si-môn, cũng gọi là Phê-rô, và người anh là ông An-rê, đang quăng chài xuống biển, vì các ông làm nghề đánh cá. ¹⁹ Người bảo các ông : “Các anh hãy theo tôi, tôi sẽ làm cho các anh thành những kẻ lưới người như lưới cá.” ²⁰ Lập tức hai ông bỏ chài lưới mà đi theo Người.

²¹ Đi một quãng nữa, Người thấy hai anh em khác con ông Dê-bê-đê, là

* 4,17 *Nước Trời đã đến gần.* Người Do-thái thời ấy sợ phạm húy nên không kêu tên Thiên Chúa, và thường thì nói “Trời” để thay cho tên Chúa (x. phần bình giải 5,1). *Nước Trời* là Nước Thiên Chúa. Thiên Chúa đến ngự trị giữa chúng ta, có nghĩa là ngay từ bây giờ, Thiên Chúa đã dứt khoát ban ơn cứu độ cho chúng ta.

Anh em hãy sám hối. Động từ được dùng ở đây có nghĩa là “rẽ qua con đường khác”, nhưng cũng có thể hiểu nhiều cách. Trên môi miệng ông Gio-an Tẩy Giả, nó có nghĩa : quay lưng với tội lỗi. Đối với Chúa Giê-su, “sám hối” là bắt đầu một nếp sống mới do một cuộc hoán cải nội tâm ; đó là công trình của Chúa Thánh Thần trong lòng chúng ta.

ông Gia-cô-bê và người em là ông Gio-an. Hai ông này đang cùng với cha là ông Ê-bê-đê vá lưới ở trong thuyền. Người gọi các ông.²² Lập tức, các ông bỏ thuyền, bỏ cha lại mà theo Người.

Đức Giê-su giảng dạy và chữa bệnh

²³ Thế rồi Đức Giê-su đi khắp miền Ga-li-lê, giảng dạy trong các hội đường, rao giảng Tin Mừng Nước Trời, và chữa hết mọi kẻ

bệnh hoạn tật nguyên trong dân.²⁴ Danh tiếng Người đồn ra khắp xứ Xy-ri. Thiên hạ đem đến cho Người mọi kẻ ốm đau, mắc đủ thứ bệnh hoạn tật nguyên : những kẻ bị quỷ ám, kinh phong, bại liệt ; và Người đã chữa họ.²⁵ Từ miền Ga-li-lê, vùng Thập Tỉnh, thành Giê-ru-sa-lem, miền Giu-đê và vùng bên kia sông Gio-đan, dân chúng lũ lượt kéo đến đi theo Người.

2. BÀI GIẢNG TRÊN NÚI

Tám mối Phúc

5 * ¹ Thấy đám đông, Đức Giê-su lên núi.

Người ngồi xuống, các môn đệ đến gần bên.² Người mở miệng dạy họ rằng :

³ “Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó, vì Nước Trời là của họ.

⁴ Phúc thay ai hiền lành, vì họ sẽ được Đất Hứa làm gia nghiệp.

⁵ Phúc thay ai sầu khổ, vì họ sẽ được Thiên Chúa ủi an.

* 5,1 *Đức Giê-su lên núi.* Khung cảnh nơi Mt đặt trình thuật Bài Giảng trên núi là một trong những ngọn đồi nằm dọc biển hồ Ti-bê-ri-a. Nhưng vẫn viết là “núi” để nhắc ta nhớ núi Xi-nai, nơi ông Mô-sê đã nhận Luật Chúa (Xh 19). Lý do là vì trong diễn từ đầu tiên này của Chúa Giê-su (x. Dẫn Nhập), Mt giới thiệu Chúa như vị Thầy sắp ban cho Ít-ra-en và toàn thể nhân loại điều Luật mới, có hiệu lực vĩnh viễn.

Công thức *Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết* sẽ trở lại đến 6 lần, để nhấn mạnh sự đối chọi giữa Luật Mô-sê và Luật mới.

Nhưng không nên hiểu sai nghĩa chữ Luật này. Luật trước hết không phải là các điều răn, mà là giáo huấn của Thiên Chúa. Trước hết chính những lời tuyên bố của Thiên Chúa đã xác lập Ít-ra-en thành dân riêng của Người, được trao cho một sứ mạng trong thế giới.

- ⁶ Phúc thay ai khát khao nên người công chính,
vì họ sẽ được Thiên Chúa cho thoả lòng.
- ⁷ Phúc thay ai xót thương người,
vì họ sẽ được Thiên Chúa xót thương.
- ⁸ Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch,
vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa.
- ⁹ Phúc thay ai xây dựng hoà bình,
vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa.
- ¹⁰ Phúc thay ai bị bách hại vì sống công chính,
vì Nước Trời là của họ.

Phúc thay ! Đoạn đầu tiên này cho chúng ta thấy dân mới của Thiên Chúa được Người ban Luật. Trước kia, Luật đã được ban cho “con cháu Áp-ra-ham và Ít-ra-en” mà ông Mô-sê đã đưa ra khỏi Ai-cập. Nhiều đoạn Kinh Thánh viết : “Ít-ra-en, người thật có phúc”, nghĩa là người thật may mắn được chọn, và thật là một ân huệ lớn lao được làm dân Thiên Chúa ; người thật có phúc vì được Thiên Chúa trao gửi lời Người (Đnl 33,29 ; Tv 144,15 ; Br 4,4).

Rồi đột nhiên Tin Mừng nói về một dân Thiên Chúa khác. Không còn là đoàn dân gồm 12 chi tộc, với miền đất, ngôn ngữ riêng của nó, với những ranh giới và những tham vọng quốc gia nữa, mà là một dân gồm những người mà Thiên Chúa đi tìm từ giữa mọi dân mọi nước. Và họ là ai, những người mà Thiên Chúa tuyển chọn và phải tự hào được diễm phúc hưởng ơn gọi ấy ? Thưa đó là những kẻ nghèo khó, những ai buồn khổ khóc than, những người đã bao lần toan nguyện rửa số phận, những tội lỗi và những mâu thuẫn của chính mình.

Ở đây, Mt trình bày tám mối Phúc, trong khi Lc 6,20-26 chỉ cho ba mối (người nghèo, người đói và kẻ khóc than). Nhưng điều này không quan trọng, bởi vì thật ra, tất cả đều cùng triển khai một chủ đề duy nhất. Điểm khác biệt chính yếu giữa Mt và Lc nằm ở chỗ các mối phúc được trình bày cho hai nhóm người khác nhau.

Chúa Giê-su tuyên bố các mối phúc làm sao, Lc ghi lại y như vậy. Chúa đang nói với đám người bình dân, và Người nói năng như một người cùng giai cấp với họ. Chúa tuyên bố thẳng thừng, không nói bóng bẩy, y như các ngôn sứ : Anh em là kẻ nghèo, anh em là những người đầu tiên được hưởng các lời hứa của Thiên Chúa.

Mt thì ngược lại, nhắm tới thành phần Ki-tô hữu. Giáo Hội đã lan ra rộng rãi, và các cộng đoàn thuộc những tầng lớp xã hội rất khác nhau : người nô lệ, dân chất phác và người giàu có. Vậy khi tác giả Mt đặt lên miệng Chúa Giê-su những lời khen chúc này thì đó là một cách ông chiêm ngắm những việc Chúa đã thực hiện nơi họ : Phúc thay những ai đã lãnh nhận thần khí của Thầy, vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa. Rồi ông thêm vào danh sách ấy những người xây dựng hoà bình và những ai có tâm hồn trong sạch.

- 11 Phúc thay anh em khi vì Thầy
mà bị người ta sỉ vả, bách hại
và vu khống đủ điều xấu xa.
- 12 Anh em hãy vui mừng hơn hở,
vì phần thưởng dành cho anh em
ở trên trời thật lớn lao.

Vậy là Lc cho biết phải rao giảng Tin Mừng cho ai trước tiên : cho những hạng người bị xã hội rẻ rúng và có nhiều khó khăn hơn. Tác giả Mt thì khác : ông nhắc nhở chúng ta về ơn gọi của mình, đồng thời chỉ cho thấy phải làm thế nào để được xứng với Thiên Chúa, Đấng đã chọn chúng ta.

Những người được xem là có phúc không phải do đau khổ mà có phúc : hiểu như vậy thì rất khó nghe. Họ có phúc là vì Nước Trời được mở ra tiếp đón họ.

Nước Trời là của họ (c.3), và ngay sau đó họ sẽ được Đất Hứa làm gia nghiệp. Đất và Trời ở đây có mâu thuẫn nhau không ?

Trước hết, phải hiểu chữ *Trời* theo nghĩa nó được dùng vào thời Chúa Giêsu. Người Do-thái hết sức tôn sùng danh xưng Thiên Chúa, nên rất sợ phạm huý. Vì vậy họ dùng những từ khác thay cho danh xưng ấy, như là Trời, Vinh Quang, Quyền Lực. Nước Trời hiểu sát nghĩa là Nước Thiên Chúa, giống như Cha trên trời có nghĩa là Thiên Chúa Cha vậy. Trên môi miệng Chúa Giê-su, Nước Trời thường không chỉ về phần thưởng dành cho chúng ta sau khi chết (khi đó sẽ là Nước của Cha), nhưng chỉ về Triều Đại Thiên Chúa đến với chúng ta trên trần gian này cùng một lúc với Chúa Giê-su.

Cũng vậy, phải hiểu chữ *Đất* theo đúng nghĩa của nó. Trong Kinh Thánh, chữ này chỉ đất Pa-lét-tin, vì chính đó là nơi mà Thiên Chúa đến cứu dân Người. Tin Mừng cũng không cho đối lập cái vật chất và cái thiêng liêng – thật ra trong toàn bộ Tin Mừng, không thấy có từ “thiên liêng” ở đâu cả. Khi Thiên Chúa dùng miệng các ngôn sứ mà phán dạy, thì Người hứa ban cho dân Người một thế giới trong đó mọi nhu cầu sẽ được thoả mãn : nào là những bữa tiệc ngon (Is 25,6), cuộc đời trường thọ, nào là nước dư thừa để tưới đất đai, ơn giải thoát khỏi mọi áp bức, một vương quốc công bình. Nhưng hơn tất cả những thứ ấy là Thiên Chúa sẽ đến ở với loài người và thông ban cho họ Thần Khí của Người : “Chúng sẽ là dân của Ta, và Ta, Ta sẽ là Thiên Chúa của chúng” (Ed 37,23).

Trong các mối Phúc cũng vậy, Nước Thiên Chúa vừa là đất Pa-lét-tin đã được hứa ban cho con cháu Áp-ra-ham, vừa là miền đất của bình an vì có Thiên Chúa hiện diện. Những ai khát khao nên *người công chính* sẽ nhận được của ăn thể xác lẫn sự thánh thiện của Thiên Chúa, bởi trong Kinh Thánh, công chính cũng có nghĩa là sống đẹp lòng Thiên Chúa.

Và Chúa Giê-su nói chúng ta sẽ được *thoả lòng* theo nghĩa như thế đó. Niềm an ủi của chúng ta trên đời là được biết và nghiệm thấy rằng Thiên Chúa yêu thương chăm sóc chúng ta, và dù thế nào đi

Quả vậy, các ngôn sứ là những người đi trước anh em cũng bị người ta bách hại như thế.

Muối cho đời và ánh sáng cho trần gian

* 13 “Chính anh em là muối cho đời. Nhưng muối mà nhạt đi, thì lấy gì muối nó cho mặn lại ? Nó đã thành vô dụng, thì chỉ còn việc quăng ra ngoài cho người ta chà đạp thôi.

¹⁴ “Chính anh em là ánh sáng cho trần gian. Một thành xây trên núi không tài nào che giấu được. ¹⁵ Cũng chẳng có ai thắp đèn rồi lại để dưới cái thùng, nhưng đặt trên đế, và đèn soi chiếu cho mọi người trong nhà. ¹⁶ Cũng vậy, ánh sáng của anh em phải chiếu giải trước mặt thiên hạ, để họ thấy những công việc tốt đẹp anh em làm, mà tôn vinh Cha của anh em, Đấng ngự trên trời.

chăng nữa, Người cũng đảo ngược tình thế cho người bị áp bức. Cũng có nghĩa là chúng ta biết rằng, ngay cả khi Người có vẻ chẳng nghe thấu lời cầu nguyện của chúng ta, gánh nặng khổ đau của chúng ta vẫn có một ý nghĩa và một mục đích. Cuối cùng, chẳng đáng mừng lắm sao khi được biết rằng, trong đời sau, Thiên Chúa sẽ ban cho chúng ta nhiều hơn là những gì chúng ta có thể mong ước hoặc xứng đáng lãnh nhận !

Cho đến thời Chúa Giê-su giáng thế, loài người sống trong nỗi niềm chờ mong. Chúa Giê-su nói cho chúng ta biết một kỷ nguyên mới đã bắt đầu : Thiên Chúa đang ở giữa chúng ta, và đối với những ai có tâm hồn trong sạch, Triều Đại Người đã đến, nghĩa là những dục vọng của họ đã được thanh luyện, và họ sẽ được nhìn thấy Người.

Phúc thay... bị bách hại. Như Lc, Mt triển khai mỗi phúc cuối cùng này, vì dù là ở đâu, chúng ta cũng không thể sống Tin Mừng mà không phải chịu bách hại.

* 5,13 Sau khi nêu danh những ai được vào Vương Quốc, Chúa Giê-su sắp nhắc nhở họ về sứ mạng của mình. Giáo Hội là muối, là ánh sáng. Đối với người Do-thái, muối trước hết không phải là đồ gia vị mà là chất bảo tồn thực phẩm. Giao ước của Thiên Chúa với các tư tế là giao ước muối bởi vì nó phải tồn tại vĩnh viễn (Ds 18,19). Vậy môn đệ Chúa Giê-su là muối cho đời nếu nhờ họ mà thế gian trung thành giữ giao ước với Thiên Chúa. Họ phải bảo tồn niềm khát vọng đạt tới đức công chính đích thực, và không bao giờ để cho xã hội loài người hài lòng với cuộc sống nửa đời nửa đạo.

Ánh sáng cho trần gian : x. “con cái ánh sáng” : Ep 5,8 ; 1 Tx 5,5 ; 1 Pr 2,12.

Đức Giê-su kiện toàn Luật Mô-sê

* 17 “Anh em đừng tưởng Thầy đến để bãi bỏ Luật Mô-sê hoặc lời các ngôn sứ. Thầy đến không phải là để bãi bỏ, nhưng là để kiện toàn. 18 Vì, Thầy bảo thật anh em, trước khi trời

đất qua đi, thì một chấm một phết trong Lê Luật cũng sẽ không qua đi, cho đến khi mọi sự được hoàn thành. 19 Vậy ai bãi bỏ dù chỉ là một trong những điều răn nhỏ nhất ấy, và dạy người ta làm như thế, thì sẽ bị gọi là kẻ nhỏ

* 5,17 Ở đây bắt đầu đoạn văn trình bày Luật mới. Rất khác với những gì người ta quen tìm thấy trong một tôn giáo : những nghi lễ và tập tục, luật giữ chay, những kinh kệ và việc lành phúc đức mà nhờ đó người ta xứng đáng được cứu rỗi. Chúa Giê-su sẽ không đề cập tới những điều đó vì Kinh Thánh đã nói dài lắm rồi. Và lại, việc nghiên cứu Kinh Thánh cũng cho thấy rằng các luật lệ, nghi lễ và tập tục luôn có liên hệ với một nền văn hoá nhất định, và phải được thích nghi theo thời gian.

Lê Luật (c.18) : từ ngữ này có khi chỉ về toàn bộ tôn giáo của Ít-ra-en. *Luật Mô-sê và lời các ngôn sứ* : đây là lối nói chỉ về toàn bộ sách Kinh Thánh.

Toàn bộ Lê Luật phải được hoàn thành (c.18). Ở đây, Chúa Giê-su không nói về các điều răn. Người khẳng định rằng đạo của Cựu Ước là một giai đoạn tạm thời nhưng cần thiết trong lịch sử cứu độ. Cũng như các lời ngôn sứ phải được hoàn thành, thì cũng vậy, những lễ nghi và lễ tế của thời Cựu Ước diễn đạt cách nào đó mẫu nhiệm tội lỗi và lòng thương xót, cũng phải được hiểu dưới ánh sáng mà Chúa Giê-su đem lại.

Vì lẽ đó mà đối với chúng ta, việc giữ các luật lệ trong Kinh Thánh tự nó không phải là một cùng đích. Đó là cách biểu hiện tình yêu đích thực, và là những tay vịn cho khỏi sẩy chân. Nhờ tuân theo luật, chúng ta sẽ ở trong thái độ sẵn sàng trình phục Chúa Thánh Thần để đi xa hơn luật. Như vậy chúng ta sẽ khám phá một “sự công chính” còn hoàn hảo hơn sự công chính mà các nhà thông luật thời Chúa Giê-su, là các kinh sư và người Pha-ri-sêu, đòi hỏi (5,20).

Khi chuẩn bị dạy cho chúng ta hiểu Luật Chúa cách mới mẻ hơn, Chúa Giê-su dặn chúng ta để phòng cơn cám dỗ đi tìm sự dễ dãi. Có thể nhiều người hiểu sai lời Chúa Giê-su và nói : Hay quá, với Ngài thì đâu có gì bắt buộc, giữ đạo dễ thôi ! Vì vậy, Chúa Giê-su nói rõ : *Ai bãi bỏ dù chỉ là một trong những điều răn nhỏ nhất thì sẽ bị gọi là kẻ nhỏ nhất trong Nước Trời*. Những ai lấy cớ rằng các điều luật ấy đâu có gì quan trọng để chữa tội làm biếng của mình thì cũng bị cảnh cáo như vậy. Chúa Giê-su dạy tinh thần giữ Luật cho những ai đã trung thành sống theo một luật nội tâm rồi.

nhất trong Nước Trời. Còn ai tuân hành và dạy làm như thế, thì sẽ được gọi là lớn trong Nước Trời.

hơn các kinh sư và người Pha-ri-sêu, thì sẽ chẳng được vào Nước Trời.

Đức công chính của người môn đệ

²⁰ “VẬY, Thầy bảo cho anh em biết, nếu anh em không ăn ở công chính

Đừng giận ghét

* ²¹ “Anh em đã nghe Luật dạy người xưa rằng : *Chớ giết người* ; ai giết người, thì đáng bị đưa ra toà. ²² Còn Thầy, Thầy bảo

* 5,21 Ở đây các mâu thuẫn bắt đầu xuất hiện : *Anh em đã nghe...*, còn *Thầy, Thầy bảo cho anh em biết*. Công thức này sẽ lặp lại sáu lần. Chúa Giê-su ám chỉ phần đọc Sách Thánh trong ngày sa-bát ở các hội đường, cũng như ngày nay trong các nhà thờ, mỗi tuần có đoạn sách thánh phải đọc trong phần phụng vụ Lời Chúa. Người ta nghe đọc đoạn sách bằng tiếng Híp-ri hoặc bản dịch tiếng A-ram, sau đó các trưởng hội đường hoặc khách mời nói lời bình giải. Trước đó Chúa Giê-su đã ra mặt khi lên tiếng trong các buổi nhóm họp như thế, và có thể Người đã nhiều lần tuyên bố : “Quý vị vừa nghe nói, còn tôi, tôi bảo rằng”, vì Người “giảng dạy như một Đấng có thẩm quyền” (Mt 7,29).

Chúa Giê-su không đặt lại vấn đề các đòi hỏi của Kinh Thánh, cũng không chỉ lo việc bình giải suông ; luật Chúa Ki-tô chính là một lời kêu gọi thanh luyện cái tâm, tức là các ý định và ước muốn của chúng ta. Đó là một sự minh mẫn mới do cái nhìn được hướng về Thiên Chúa. Khi hướng nhìn lên Chúa Cha (đây là cái mới mẻ đáng kể : bắt chước Thiên Chúa Cha : 5,48) thì chúng ta thấy rõ các tiêu chuẩn đạo lý của loài người thật bất toàn biết bao.

Chúng ta gọi là *tội* không những cái thấy được và lên án được mà thôi. Tội của tôi còn là những tư tưởng xấu và những ước muốn mà tôi dung dưỡng trong lòng, sẽ phát sinh những hành vi xấu khi có dịp ra tay. Chúa Giê-su sẽ nhiều lần trở lại các điểm này : 12,34.

Trước khi trả hết đồng xu cuối cùng. Việc đền bù cũng thế, không chỉ có nghĩa là hoàn trả những gì tôi đã lấy. Còn phải tự hỏi tại sao tôi lại buông theo đủ thứ ước muốn, và làm thế nào để ý chí của tôi được kiên cường hơn. Chúng ta đôi khi nhìn nhận rằng tình yêu của chúng ta đối với Chúa thật là ít ỏi và chúng ta không bền đỗ lắm trong việc thiện ; đó là hậu quả của nhiều năm sống trong tội lỗi và sai lầm. Chúng ta đã có cách quên bằng đi hết, nhưng lại không bù đắp những tổn hại nó đã gây ra nơi chúng ta.

Nếu khi còn sống chúng ta không được thanh luyện thì sẽ được thanh luyện sau khi chết : Giáo Hội quen gọi đó là “luyện ngục”. Sự biến đổi lúc bấy giờ không thể hiện được nếu Thần Khí không thiêu hủy sạch hết mọi cội rễ của sự dữ (Mt 3,11).

cho anh em biết : Ai giận anh em mình, thì đáng bị đưa ra toà. Ai mắng anh em mình là đồ ngốc, thì đáng bị đưa ra trước Thượng Hội Đồng. Còn ai chửi anh em mình là quân phản đạo, thì đáng bị lửa hoả ngục thiêu đốt.²³ Vậy, nếu khi anh sắp dâng lễ vật trước bàn thờ, mà sự nhớ có người anh em đang có chuyện bất bình với anh,²⁴ thì hãy để của lễ lại đó trước bàn thờ, đi làm hoà với người anh em ấy đã, rồi trở lại dâng lễ vật của mình.²⁵ Anh hãy mau mau dàn xếp với đối

phương, khi còn đang trên đường đi với người ấy tới cửa công, kéo người ấy nộp anh cho quan toà, quan toà lại giao anh cho thuộc hạ, và anh sẽ bị tống ngục.²⁶ Thấy bảo thật cho anh biết : anh sẽ không ra khỏi đó, trước khi trả hết đồng xu cuối cùng.

Chớ ngoại tình

*²⁷ “Anh em đã nghe Luật dạy rằng : *Chớ ngoại tình*.”²⁸ Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết : ai nhìn người phụ nữ mà thèm muốn, thì trong lòng đã ngoại tình với

* 5,27 *Chớ ngoại tình*. Đối với số đông, luật chung thuỷ là một gánh nặng và là chuyện lỗi thời mà người ta chỉ còn biết thán phục nơi kẻ khác. Nhưng Chúa Giê-su thì đặt nó lại trong các định luật của thế giới nội tâm, nơi Thiên Chúa là Đấng Trung Thành đến ngự trị.

Nếu mất phải của anh (c.29). Nên lưu ý sự tương phản giữa “tay của anh” hoặc “mắt của anh” với “anh”. Chúa Giê-su sẽ nói : Hãy biết khước từ tất cả, và ở đây Người nói rõ : từ khước đến cả sự toàn vẹn của thân thể nữa. Triển nở bản thân, sống thoải mái : những tiêu chuẩn này có giá trị gì ? Ai nảy nghĩ : “Tôi muốn sống cuộc đời của tôi” ; và để bào chữa cho việc phá thai, người ta nói : “Mỗi người phụ nữ làm chủ thân xác mình.” Chúa Giê-su trả lời rằng sự sống thật thuộc một thế giới khác, và mỗi người xây dựng bản ngã đích thực của mình qua việc chấp nhận những mất mát trên đời này.

Có phải chỉ cần hy sinh những gì có thể đưa tới tội trọng mà thôi không ? Lời Chúa Giê-su đi xa hơn. Tuy miệng không ngót than van về cuộc đời, về thế giới, nhưng người ta vẫn tìm mọi cách để sống cho mình và hưởng thụ. Mà nếu chính đó đích thị là tội, là sa ngã ? Chẳng phải là vậy sao, cái tâm trạng sợ phải liều mình, phải hy sinh mạng sống mình để đáp lời kêu gọi của Thiên Chúa ?

Và Chúa Giê-su nói về một *hoả ngục* bởi không có gì tồi tệ hơn điều này : một cuộc đời không mang lại thành quả nào, và cái tội đáng lý phải là vĩnh cửu lại bị chết non.

người ấy rồi. ²⁹ Nếu mắt phải của anh làm có cho anh sa ngã, thì hãy móc mà ném đi ; vì thà mất một phần thân thể, còn hơn là toàn thân bị ném vào hoả ngục. ³⁰ Nếu tay phải của anh làm có cho anh sa ngã, thì hãy chặt mà ném đi ; vì thà mất một phần thân thể, còn hơn là toàn thân phải sa hoả ngục.

Đừng ly dị

* ³¹ “Luật còn dạy rằng : *Ai rẫy vợ, thì phải cho vợ*

chứng thư ly dị. ³² Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết : ngoại trừ trường hợp hôn nhân bất hợp pháp, ai rẫy vợ là đẩy vợ đến chỗ ngoại tình ; và ai cưới người đàn bà bị rẫy, thì cũng phạm tội ngoại tình.

Đừng thề thốt

* ³³ “Anh em còn nghe Luật dạy người xưa rằng : *Chớ bội thề, nhưng hãy trọn lời thề với Đức Chúa.*

³⁴ Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết : đừng thề chi

* ^{5,31} *Ai rẫy vợ* X. phân bình giải Mc 10,1 ; Mt 19,2.

Ở đây Chúa Giê-su đề cập đến một ví dụ chọn lựa đầy dưng cảm mà người Ki-tô hữu có thể được gọi phải có. Thiên Chúa đôi khi đòi hỏi những hy sinh anh dũng, và những ai không chọn con đường hẹp mà đi thì đánh mất một phần Tin Mừng.

Ngoại trừ trường hợp hôn nhân bất hợp pháp. Ở đây, Mt cho phép có ngoại lệ đối với nhiều người tín hữu trước đây là ngoại giáo. Khi gia nhập Hội Thánh, họ đã huỷ cuộc hôn nhân bất hợp pháp và chia tay với người đang ăn ở với mình (x. 1 Cr 7,12-16). Vì bản gốc Hy-lạp không rõ nghĩa, nên còn có thể dịch là *ngoại trừ trường hợp tình phụ*. Các bản cổ xưa nhất dạy rằng nếu như vậy thì có thể ly dị nhưng không được tái hôn.

* ^{5,33} Nhiều người kêu tên Chúa bất cứ lúc nào. Nếu chúng ta nhắc đến Người cách cầu thả hời hợt như thế, ấy là vì chúng ta chưa thấm đậm sự hiện diện của Người. Thật là thiếu tôn kính khi kêu cầu Thiên Chúa làm bảo chứng cho sự chân thành của ta, trong khi ngay cả những đối gian và ô uế nơi bản thân mình, chúng ta hãy còn chưa nhận thức !

Thèm thất điều gì là do ác quỷ và do ý muốn bào chữa cho chính mình, khẳng định mình có lý trước mặt tha nhân. Con cái Thiên Chúa thì nên phó thác vào tay Thiên Chúa tiếng tâm cũng như thân phận của mình. Sự thật thế nào cũng sẽ được sáng tỏ, và chúng ta chỉ cần làm những chứng nhân trung thực là danh Chúa được vinh quang (cũng x. Mt 23,16 ; Gc 5,12).

cả. *Đừng chỉ trời mà thù, vì trời là ngai Thiên Chúa.*
³⁵ *Đừng chỉ đất mà thù, vì đất là bệ dưới chân Người.*
Đừng chỉ Giê-ru-sa-lem mà thù, vì đó là thành của Đức Vua cao cả. ³⁶ *Đừng chỉ lên đầu mà thù, vì anh không thể làm cho một sợi tóc hoá trắng hay đen được.* ³⁷ *Nhưng hễ ‘có’ thì phải nói ‘có’, ‘không’ thì phải nói ‘không’.* Thêm thắt điều gì là do ác quỷ.

Chớ trả thù

* ³⁸ “Anh em đã nghe Luật dạy rằng : *Mắt đền mắt, răng đền răng.*” ³⁹ Còn Thầy, Thầy bảo anh em : đừng chống cự người ác,

trái lại, nếu bị ai vả má bên phải, thì hãy giơ cả má bên trái ra nữa. ⁴⁰ Nếu ai muốn kiện anh để lấy áo trong của anh, thì hãy để cho nó lấy cả áo ngoài. ⁴¹ Nếu có người bắt anh đi một dặm, thì hãy đi với người ấy hai dặm. ⁴² Ai xin, thì hãy cho ; ai muốn vay mượn, thì đừng ngoảnh mặt đi.

Phải yêu kẻ thù

* ⁴³ “Anh em đã nghe Luật dạy rằng : *Hãy yêu đồng loại và hãy ghét kẻ thù.*” ⁴⁴ Còn Thầy, Thầy bảo anh em : hãy yêu kẻ thù và cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi anh

* 5,38 *Mắt đền mắt, răng đền răng.* Kinh Thánh có câu này vì trong bối cảnh thời bấy giờ, đó là một châm ngôn hợp lẽ phải (Đnl 19,18-21). Nó giữ cho việc trả thù có chừng có mực, và nhắc nhở các thẩm phán, và ngay cả cộng đồng xã hội, bổn phận bảo vệ các thành viên của mình khỏi tay những kẻ mạnh hay uy hiếp kẻ yếu.

Đừng chống cự người ác. Chúa Giê-su mời gọi chúng ta cũng nhìn địch thủ với cái nhìn mà Chúa có thể nhìn chúng ta : ai là người ác ?

Hãy giơ cả má bên trái ra nữa : hãy ra khỏi cái vòng bạo lực. Như trong môn nhu đạo, hãy gây ngõ ngang cho đối thủ bằng chính cái chiêu mà nó không ngờ trước : biết đâu nó sẽ nhận ra là nó sai ? Khước từ bạo lực và tư lợi sẽ buộc Thiên Chúa ra tay bênh vực chúng ta : Chúa Giê-su không nghi ngờ điều đó. Và đừng quên rằng Người muốn đưa chúng ta đến chỗ “nhìn thấy Thiên Chúa” đang hoạt động trong đời mình.

Nếu có người bắt anh làm một việc gì. Chúa Giê-su đang nói với lớp người nông dân bị quân xâm lược hà hiếp. Bên ngoài họ thường tỏ ra khuất phục và chịu đựng, tuy nhiên, bên trong là uất hận căm thù. Nhưng vào lúc này, họ có khả năng nghe một lời khuyên như thế không ? Chúa Giê-su đã thấy dân Do-thái đang trên đường dẫn đến một bi kịch như thế nào rồi.

em. ⁴⁵ Như vậy, anh em mới được trở nên con cái của Cha anh em, Đấng ngự trên trời, vì Người cho mặt trời của Người mọc lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt, và cho mưa xuống trên người công chính cũng như kẻ bất chính. ⁴⁶ Vì nếu anh em yêu thương kẻ yêu thương mình, thì anh em nào có công chi ? Ngay cả những người thu thuế cũng chẳng

làm như thế sao ? ⁴⁷ Nếu anh em chỉ chào hỏi anh em mình thôi, thì anh em có làm gì lạ thường đâu ? Ngay cả người ngoại cũng chẳng làm như thế sao ? ⁴⁸ Vậy anh em hãy nên hoàn thiện, như Cha anh em trên trời là Đấng hoàn thiện.

Bố thí cách kín đáo

6 * ¹ “Khi làm việc lành phúc đức, anh em phải

* 5,43 *Hãy yêu đồng loại.* Đây là điểm tương khắc cuối cùng giữa luật cũ và luật mới. Cựu Ước nói về lòng nhân ái, và đó là tình liên đới giữa những thành phần trong dân Chúa. Còn Tin Mừng thì đi xa hơn, và không chỉ khuyên nên có một lòng nhân ái quảng đại hơn mà thôi đâu : Tin Mừng đưa vào một thế giới hoàn toàn khác. Trong nội bộ một nhóm người, tình liên đới phát triển theo một bản năng tự nhiên. Nhưng rồi nhóm này chỉ tồn tại và tự khẳng định căn tính của mình bằng cách chống đối với những nhóm kia mà thôi.

Hãy ghét kẻ thù. Trong Kinh Thánh không đâu dạy như thế, nhưng có những chỗ có tư tưởng tương đương (Đnl 7,2). Nói về kẻ thù dân tộc chứ không phải kẻ thù cá nhân, thì khuyên nên dè dặt với chúng, không nên giúp đỡ chúng, thậm chí thù giết sạch chúng đi còn hơn là thông đồng với chúng trong lầm lỗi.

Ngày nay, nếu ở nhiều quốc gia, người ta hiểu lòng nhân đạo là không biên giới, thì phải nhìn nhận đó là hoa quả của Tin Mừng : Chúa Giê-su đã mở lòng mở trí cho chúng ta đón nhận tình yêu đại đồng của Chúa Cha, lấy đó làm chuẩn mực để mà yêu thương đồng loại. Nhưng chỉ cần mở một tờ báo ra đọc cũng có thể thấy rằng lòng nhân ái đó đối với tha nhân – dù tha nhân này là loại người nào đi nữa, thuộc một cộng đồng xã hội, quốc gia hay tôn giáo thù nghịch với cộng đồng của riêng chúng ta –, vẫn còn là điều xa lạ đối với số đông, ngay cả trong giới người tín hữu ở các nước Ki-tô giáo. Một khi đã hiểu rằng mỗi một con người đều có chỗ đứng trong thế giới này, rằng Thiên Chúa điều khiển cho mọi sự đều sinh ích cho mọi người, thì chúng ta nhìn thấy được như Chúa thấy và trở nên *hoàn thiện như Cha trên trời là Đấng hoàn thiện*. “Hoàn thiện” theo một nghĩa rất ư xác thực, tuy hãy còn nhiều điểm bất toàn.

Hãy yêu kẻ thù : Mc 12,31 ; Lc 10,27 ; Rm 13,9 ; Gl 5,14 ; Rm 12,20 ; Lc 23,34 ; Cv 7,60 ; Rm 12,14 ; Ep 5,21.

coi chừng, chớ có phô trương cho thiên hạ thấy. Bằng không, anh em sẽ chẳng được Cha của anh em, Đấng ngự trên trời, ban thưởng. ² Vậy khi bố thí, đừng có khua chiêng đánh trống như bọn đạo đức giả thường biểu diễn trong hội đường và ngoài phố xá, cốt để người ta khen. Thầy bảo thật anh em, chúng đã được phần thưởng rồi. ³ Còn anh, khi bố thí, đừng cho tay trái biết việc tay phải làm, ⁴ để việc anh bố thí được kín đáo. Và Cha của anh, Đấng thấu suốt những gì kín đáo, sẽ trả lại cho anh.

Cầu nguyện nơi kín đáo

* ⁵ “Và khi cầu nguyện, anh em đừng làm như bọn đạo đức giả : chúng thích đứng cầu nguyện trong các hội đường, hoặc ngoài các ngã ba ngã tư, cho người ta thấy. Thầy bảo thật anh em : chúng đã được phần thưởng rồi. ⁶ Còn anh, khi cầu nguyện, *hãy vào phòng, đóng cửa lại, và cầu nguyện* cùng Cha của anh, Đấng hiện diện nơi kín đáo. Và Cha của anh, Đấng thấu suốt những gì kín đáo, sẽ trả lại cho anh.

Kinh “Lạy Cha”

⁷ “Khi cầu nguyện, anh em đừng lải nhải như dân

* **6,1** Sau sáu điểm tương khắc (“Còn Thầy, Thầy bảo anh em”), Mt đưa ra ba thí dụ về một bí quyết khác giúp chúng ta nhìn thấy Thiên Chúa : hành động vì Chúa mà thôi, không cần ai hay biết, và làm sao cho ngay cả chính mình cũng không nhớ tới nữa.

Bọn đạo đức giả. Cụm từ này sẽ trở lại ba lần, áp dụng cho những hành vi tốt lành, cho việc cầu nguyện và ăn chay. Thường cũng được dịch là “bọn giả hình”, nhưng từ gốc Hy-lạp ở đây có một nghĩa bao quát hơn, chỉ nói về những kẻ hay phô trương hoặc có tâm trí nông cạn, không thích đi sâu vào vấn đề nào cả.

Cương lại lối sống đạo đức giả có thể là điều khó, tuy nhiên, làm điều lành mà không tự ngấm nghĩa mình lại còn khó hơn nhiều, nhưng ấy chính là bí quyết đưa chúng ta đi vào các bí mật của Thiên Chúa.

* **6,5** Giá trị của cầu nguyện không ở chỗ nói nhiều hoặc đọc kinh cho nhiều. Nó chủ yếu nằm ở thái độ nội tâm tin Chúa và yêu Chúa của chúng ta. Nên hướng lòng trí chúng ta lên cùng Thiên Chúa là Cha, là bạn, một Thiên Chúa yêu thương chúng ta và luôn mong chờ chúng ta đến chia sẻ những giây phút tĩnh lặng với Người. Cầu nguyện không phải là nói nhiều, cũng không phải áp đặt cho Chúa ý muốn của mình, nhưng là trao phó vận mạng của mình vào bàn tay yêu thương của Cha.

ngoại ; họ nghĩ rằng : cứ Cha anh em đã biết rõ anh nói nhiều là được nhậm em cần gì, trước khi anh lời. ⁸ Đừng bắt chước họ, vì em cầu xin.

- * ⁹ “Vây, anh em hãy cầu nguyện như thế này :
 “Lạy Cha chúng con là Đấng ngự trên trời,
 xin làm cho danh thánh Cha vinh hiển,
¹⁰ triều đại Cha mau đến,
 ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời.
¹¹ Xin Cha cho chúng con
 hôm nay lương thực hằng ngày ;

* **6,9** Chúa Giê-su trao ban cho môn đệ *kinh Lạy Cha* như lời kinh thập toàn xuất phát từ con tim những con cái Thiên Chúa, bởi vì nó nói lên được những điều mà họ phải xin, theo thứ tự những gì mà lòng họ phải mong ước. Thật thì chúng ta có hai bản kinh Lạy Cha, vì Lc để lại một bản ngắn gọn hơn (11,1). Nhiều người nghĩ rằng Mt đưa ra một công thức thoáng rộng hơn, với bố cục hoàn chỉnh hơn, mà ngay từ thế hệ đầu tiên, người Ki-tô hữu buộc phải đọc ; nhưng điều này không chắc là đúng. Trong Mt, có mười hai vế làm thành bảy ý nguyện : hai con số hoàn hảo. Ba ý nguyện (con số của Ba Ngôi) quy về Thiên Chúa, bốn ý nguyện (con số của bốn phương mặt đất) liên quan đến chúng ta.

Người đồng thời với Chúa Giê-su dùng chữ *Trời* để chỉ Thiên Chúa vì sợ phạm huý. Cũng trong nghĩa đó, Chúa Giê-su nói : *Cha chúng con (là) Đấng ngự trên trời* để chỉ Thiên Chúa Cha.

Chúng ta cũng thế, chúng ta nói “Ông Trời” để chỉ một thế giới khác, một thực tại khác không thuộc vật chất, không phải ở bên trên cũng không ở bên dưới, nhưng là một cõi nơi đó Thiên Chúa là tất cả, nơi đó Người đem thân mình chia sẻ cho tất cả những ai yêu mến Người. Khi hướng lòng về Đức Chúa Trời, chúng ta không nghĩ là Người ở nơi xa vời, quá cao xa đối với chúng ta. Chúng ta chỉ cố gắng nâng tâm hồn lên tới Người. Chúng ta nhìn nhận rằng mình không xứng đáng thưa chuyện với Người, rằng những lo toan của chúng ta thật ích kỷ và hẹp hòi so với các tâm tưởng uyên thâm và tình yêu vô biên của Người. Quy hướng về Người và gọi Người là Cha đã trở thành tự nhiên đối với chúng ta rồi, nhưng thật ra đó là một đặc ân dành riêng cho những ai được Người thương dạy dỗ.

Kinh Thánh nói về Thiên Chúa và cũng nói về *danh* Thiên Chúa. Toàn thể tạo thành là một biểu hiện của Thiên Chúa. Thiên Chúa ở khắp mọi nơi trong vũ trụ, nhưng vũ trụ không chứa đựng Thiên Chúa, và Người không ở trong một nơi chốn nào nhất định. Vây chúng ta nói *danh Thiên Chúa* để chỉ sự hiện diện hoạt động của Người, ánh hào quang rực rỡ bao trùm vạn vật của Người. Như thế để cho thấy có một khoảng cách giữa những gì ta biết về Người với bản thể của Người.

- 12 xin tha tội cho chúng con
 như chúng con cũng tha
 cho những người có lỗi với chúng con ;
 13 xin đừng để chúng con sa chước cám dỗ,
 nhưng cứu chúng con cho khỏi sự dữ.

Xin làm cho danh thánh Cha vinh hiển ! Xin cho khắp nơi danh Người được truyền tụng là thánh ! Xin cho ánh huy hoàng và lòng nhân ái của Người được biểu lộ nơi tất cả những ai đã trở nên con cái Người (5,6). Nguyên cho những ai tuân giữ lời Người đón nhận sự hiện diện và những giàu sang phong phú của Người. Theo Ga, Chúa Cha muốn cho *danh* Người trụ lại nơi chúng ta (Ga 17,11), để chúng ta được từng giây từng phút kết hợp với Người, như Chúa Cha và Chúa Con là một trong Chúa Thánh Thần vậy.

Xin cho *triều đại Cha mau đến*. Chúa Giê-su đến trần gian là triều đại Thiên Chúa đã đến với chúng ta. Thiên Chúa hiển trị ở tất cả những nơi mà con người đã nhận biết Người nhờ lời Chúa Giê-su. Ở đó, Người có thể hành động mà không sợ bị hiểu lầm, vì Người được nhận biết đúng với bản tính của Người. Các tín hữu nhận biết Thiên Chúa trong người Con được Người ban cho, trong sự hạ mình của người Con và trong tình yêu giữa Cha và Con. Nhờ khám phá này mà tình yêu thương và lòng nhân hậu toả lan khắp nơi, và với thời gian, chúng ta sẽ thấy vương triều Thiên Chúa trở sinh ít nhiều hoa trái. Con cái Thiên Chúa là những con người được hoà giải ; họ trở thành men trong xã hội, và con người toàn diện, với tất cả những dự phóng, lao động và kế hoạch kinh tế chính trị của họ, tiến tới mục đích chung là vạn vật cũng như muôn người đều cùng trở về với Chúa Cha.

Nhờ có chúng ta góp sức, hay mặc dù chúng ta hờ hững, triều đại Thiên Chúa rồi cũng sẽ đến, có hay không có chúng ta, bởi vì vương quyền Thiên Chúa thật sự đã ở giữa chúng ta rồi.

Xin cho *ý Cha thể hiện*. Trong vườn Ghết-sê-ma-ni, Chúa Giê-su sẽ thốt lên lời này ; lời này lên án nhiều lời cầu xin mà chúng ta thốt lên như để buộc Thiên Chúa ra tay hành động. Có người tưởng đức tin họ lớn mạnh vì họ luôn luôn chạy đến Thiên Chúa để giải quyết những vấn đề của họ. Thật ra con cái Thiên Chúa nâng tâm hồn lên tới Người là để cho *ý* muốn của Người trở thành chính *ý* muốn của họ.

Dưới đất cũng như trên trời. Câu xác định này áp dụng cho cả ba lời cầu đi trước. Nó nhắc cho chúng ta nhớ rằng tất cả những gì đã được tạo thành và thuộc về thời gian đều lệ thuộc một thế giới khác, một thế giới không phải được tạo thành, không có thời khắc, và đó là mẫu nhiệm Thiên Chúa chứ không là gì khác. Nơi đây, Chúa Cha là nguồn mạch thần tính, vui hưởng sự tuyệt hảo vô hạn của Người trong mối tình Ba Ngôi tặng hiến cho nhau, và đối diện với Người là các thánh : các ngài được như thế nào sau khi phục sinh thì Thiên Chúa nhìn thấy các ngài y như vậy. Thiên Chúa nhìn thấy vũ trụ được

¹⁴ “Thật vậy, nếu anh em Cha anh em trên trời cũng tha lỗi cho người ta, thì sẽ tha thứ cho anh em.

thống nhất trong Chúa Ki-tô, cũng như thấy ý muốn đã thành sự của Người và được mọi người tôn vinh. Phần chúng ta là những kẻ đang sống trong thời gian, mục đích một cuộc sinh nở đốn đau, thấy sự ác như đang chiến thắng, chúng ta cầu nguyện sao cho mọi sự thuận theo kế hoạch của Thiên Chúa, mà kế hoạch này cuối cùng sẽ được thực hiện.

Chúng ta xin Cha thứ *lượng thực* mà Người đã hứa ban cho những ai chú tâm đến Lời Người (Đnl 8,3). Con người hiện đại nghĩ rằng tất cả những tiện nghi vật chất của họ là do cố gắng của chính mình. Nhưng Kinh Thánh dạy rằng tất cả vừa tùy thuộc Thiên Chúa vừa tùy thuộc chính chúng ta. Một mình chúng ta đơn phương sẽ có thể làm một vài phép lạ kinh tế trong một thời gian, nhưng chúng ta cũng sẽ phung phí các của cải đã được tích trữ. Còn ai trông cậy vào Thiên Chúa để có, không phải của ăn *cho mình* mà của ăn *cho chúng con*, thì người ấy sẽ cố hết sức mình tìm cho có công ăn việc làm, thực hiện một công việc hữu ích và phát huy công bình nơi mình làm việc.

Phải nói lượng thực *cần dùng*, hay *hằng ngày*, hay *đầy đủ* ? Bởi vì bản văn gốc sử dụng một từ khó hiểu mang nhiều nghĩa. Phần đông người ta hiểu rằng ngoài những gì thân thể họ đòi hỏi, con cái Chúa cảm thấy cần có biết bao nhiêu thứ khác nữa, rằng ở đây cũng như trong phép lạ hoá bánh ra nhiều, bản văn đã ngầm nói đến Thánh Thể.

Có những bản dịch dùng chữ *nợ* ở 6,12, nhưng 6,14 cho thấy có chữ *lỗi*. Đối với Chúa Giê-su, *hẳn nợ* và *lỗi* là như nhau. Khi tha thứ cho ai xin lỗi chúng ta, chúng ta nào có tặng họ món quà gì, đâu có công trạng gì : chính chúng ta được nhẹ gánh một sự hiềm thù đã từng đè nặng trên mình. Bám víu quyền lợi của mình là cái neo ở đời này. Thiên Chúa thì muốn tha thứ cho chúng ta và đưa chúng ta đến gần Người ; vậy Người làm thế nào được nếu chúng ta khư khư với những cái thuộc thế gian này ?

Chúa Giê-su đang nói với những người nghèo, thường mắc những món nợ nặng đến không thanh toán nổi, những người nghèo buộc phải sống với những người láng giềng mà họ đã không chọn, là điều gây thêm những dịp xích mích nhau. Ngày nay, nhiều người sống độc lập, và đối với họ, lý tưởng là đừng có mang ơn ai hết. Do tự mãn như thế mà họ khó có thể hiểu được lòng thương xót của Thiên Chúa đối với kẻ nghèo là tất cả chúng ta, trước mặt Người.

Xin đừng để chúng con sa chước cám dỗ. Đó là lời của một người ý thức được sự yếu đuối của mình. Và chúng ta sẽ còn cần trọng hơn nữa nếu biết rằng tuy bản dịch dùng từ *sự dữ*, nhưng kẻ thù của chúng ta thật ra là *Ác Thần*, là *Tên Độc Dữ*. Tên này mạnh hơn chúng ta, luôn rình chờ mê hoặc chúng ta, làm tê liệt đức tin và đánh bại chúng ta, chỉ cần chúng ta thờ ơ với những phương tiện mà Chúa Giê-su ban cho để giúp chúng ta sống kiên trì trong đức tin, trong lòng Hội Thánh Người.

¹⁵ Nhưng nếu anh em không tha thứ cho người ta, thì Cha anh em cũng sẽ không tha lỗi cho anh em.

Ăn chay cách kín đáo

* ¹⁶ “Rồi khi ăn chay, anh em chớ làm bộ rầu rĩ như bọn đạo đức giả : chúng làm cho ra vẻ thiếu nã, để thiên hạ thấy là chúng ăn chay. Thầy bảo thật anh em, chúng đã được phần thưởng rồi.

¹⁷ Còn anh, khi ăn chay, nên rửa mặt cho sạch, chải đầu cho thơm, ¹⁸ để không ai thấy là anh ăn chay ngoại trừ Cha của anh, Đấng hiện diện nơi kín đáo. Và Cha của anh, Đấng thấu suốt những gì kín đáo, sẽ trả lại cho anh.

Của cải trên trời

* ¹⁹ “Anh em đừng tích trữ cho mình những kho

* **6,16** Ở đây, Chúa Giê-su không bào chữa cũng không lên án việc ăn chay (9,15 ; 17,21). Chính Chúa đã ăn chay (4,2). Chúa chỉ khẳng định rằng việc ăn chay chẳng có giá trị nào nếu chúng ta lấy đó để được thiên hạ tán dương chứ không phải để được Thiên Chúa tán thưởng. Phải đọc đoạn này trong mạch ý của 6,1 và 6,5 : Chúa dạy làm việc thiện mà không phô trương.

Tôn giáo nào cũng dạy thực hành trai tịnh : đây là một cách thức để xin Thiên Chúa đoái thương nhìn đến mình, nhất là khi có những tai hoạ ập xuống trên đầu (Ge 2,12) ; để cho những ai cảm thấy mình có tội có thể kêu đến lòng thương xót của Thiên Chúa (Gn 3,8). Đây cũng là một phương thức luyện tập chế ngự bản thân và huy động nội lực, chuẩn bị chúng ta sẵn sàng đón nhận ơn Chúa.

Kinh Thánh giới hạn vị thế của việc ăn chay ; các ngôn sứ tuyên bố nó không có ích gì nếu không đi đôi với một cách đời xử công bình hơn với người thân cận (Is 58 ; Dcr 7,5).

Một số người dùng việc ăn chay như một cách gây áp lực trong xã hội, như một khí cụ trên chính trường, hầu mọi người lưu ý đến những yêu sách của họ. Rất tốt, nhưng đó không thuộc loại ăn chay mà Chúa Giê-su nói đến, tức là giữ chay để kêu lên tới Chúa chứ không phải công luận (Mt 6,18). Giữ chay như thế đòi hỏi đương sự phải thật lòng hoán cải và sám hối tội lỗi mà chính mình đã phạm.

* **6,19** *Đừng tích trữ cho mình những kho tàng dưới đất.* Trong nhiều thế kỷ, phần đông người ta không có dự trữ cá nhân : khi gặp khó khăn, họ được gia đình hoặc bộ lạc gánh vác. Ngày nay mỗi người phải lo tự lực tự cường ; có thể như vậy là tốt hơn, nhưng làm sao thoát được nỗi ám ảnh về tương lai mà mình phải bảo đảm ? Một lần nữa, Chúa Giê-su mời gọi chúng ta tin tưởng vào sự quan phòng của Chúa Cha : nếu chúng ta gánh vác công việc của Chúa thì Chúa sẽ gánh vác công việc của chúng ta.

tàng dưới đất, nơi mối mọt làm hư nát, và kẻ trộm khoét vách lấy đi. ²⁰ Nhưng hãy tích trữ cho mình những kho tàng trên trời, nơi mối mọt không làm hư nát, và kẻ trộm không khoét vách lấy đi. ²¹ Vì kho tàng của anh ở đâu, thì lòng anh ở đó.

Đèn của thân thể

* ²² “Đèn của thân thể là con mắt. Vậy nếu mắt anh sáng, thì toàn thân anh sẽ sáng. ²³ Còn nếu mắt anh xấu, thì toàn thân anh sẽ tối. Vậy nếu ánh sáng nơi

anh lại thành bóng tối, thì tối biết chừng nào !

Không thể vừa làm tôi Thiên Chúa vừa làm tôi Tiền Của

* ²⁴ “Không ai có thể làm tôi hai chủ, vì hoặc sẽ ghét chủ này mà yêu chủ kia, hoặc sẽ gắn bó với chủ này mà khinh dể chủ nọ. Anh em không thể vừa làm tôi Thiên Chúa vừa làm tôi Tiền Của được.

Tin tưởng vào Chúa quan phòng

²⁵ “Vì vậy Thầy bảo cho anh em biết : đừng lo cho

Lòng anh cũng ở đó. Theo văn hoá Do-thái cũng như Á Đông, cái tâm, cái lòng là khu vực của những phán đoán và quyết định. Không phải tôi là chủ sở hữu các kho tàng, mà các kho tàng lại là chủ sở hữu tôi và dần dần áp đặt cho tôi nếp sống này hay nếp sống kia.

Lòng anh ở đó. Chính niềm xác tín này thôi thúc một số người tìm cách “sống nghèo khó theo Tin Mừng”. Họ chủ tâm siêu thoát tối đa đối với mọi sự để nhắm tới hành động và yêu thương. Chúa Giê-su kêu mời chúng ta hành động vô vị lợi ; đồng thời Người muốn chúng ta cảnh giác không để tình cảm trói buộc mình, không để lòng ham muốn vật chất hoặc ý thức hệ nào làm cho mình vướng víu : ra tay làm việc, nhưng không bao giờ bám víu thành quả lao động của mình.

* **6,22** *Con mắt* đây là lương tâm. Nhưng đáng khác, người có con mắt sáng là người hào hiệp, và kẻ có con mắt tối là kẻ hẹp hòi. Chúa Giê-su nhấn mạnh điều Người vừa nói : lương tâm lệch lạc sẽ làm cho chúng ta lạc lối và thu mình lại chỉ còn biết có mình.

* **6,24** *Không ai có thể làm tôi hai chủ.* Mở đầu câu như thế giúp chúng ta hiểu ý Chúa Giê-su muốn nói gì : Người muốn chúng ta tháo cởi những mối lo toan để phụng sự Thiên Chúa.

Kinh Thánh đã từng dạy phải biết chọn lựa giữa Thiên Chúa và các tà thần. Nay Chúa Giê-su tuyên bố rằng tiền tài là một tà thần, bởi vì nó hứa hẹn một tương lai hạnh phúc và an toàn nhưng lại làm cho ta đánh mất phần tài sản thực thụ của mình là giây phút hiện tại.

mạng sống : lấy gì mà ăn ; cũng đừng lo cho thân thể : lấy gì mà mặc. Mạng sống chẳng trọng hơn của ăn, và thân thể chẳng trọng hơn áo mặc sao ?
²⁶ Hãy xem chim trời : chúng không gieo, không gặt, không thu tích vào kho ; thế mà Cha anh em trên trời vẫn nuôi chúng. Anh em lại chẳng quý giá hơn chúng sao ? ²⁷ Hỡi có ai trong anh em, nhờ lo lắng, mà kéo dài đời mình thêm được dù chỉ một gang tay ? ²⁸ Còn về áo mặc cũng thế, lo lắng làm gì ? Hãy ngắm xem hoa huệ ngoài đồng mọc lên thế

Xin nói cho rõ ý : tiền bạc và các trương mục ngân hàng là những phương tiện cần thiết trong xã hội hiện đại ; không ai lên án điều đó cả, và cũng như mọi thứ phương tiện khác, nó tốt xấu là tùy cách nó được sử dụng. Tuy nhiên tiền là phương tiện để có tất cả những cái khác, và hơn nữa, đó là cái người ta để dành một bên để bảo đảm tương lai. *Làm tôi tiên của* là cậy vào nó để bảo tồn mạng sống trong hiện tại (Lc 12,15) và bảo đảm cho tương lai, trong khi tất cả, từng giây từng phút, là trực tiếp tùy thuộc Thiên Chúa.

Khi chúng ta chỉ nghĩ đến bảo đảm cho tương lai, như những tay keo kiệt khư khư giữ lấy các trương mục ngân hàng, thì chúng ta đâu có thể sống thật sự và sống tự do nữa. Chúng ta hờ hững trước sự tăng trưởng của chính mình, đối với gia đình, và cúi rạp trước mặt kẻ quyền thế.

Lo lắng làm gì ? Tất cả công trình của Thiên Chúa là giải thoát, nhưng chúng ta có đủ đức tin để thoát khỏi ngàn ấy lo lắng không ?

Tại sao so sánh với hoa cỏ và chim trời ? Nếu Người đã ban cho chúng ta hai bàn tay và khối óc, ấy là để chúng ta sử dụng. Nhưng Chúa Giê-su cho chúng ta thấy nếu những thụ tạo nhỏ bé như thế mà Thiên Chúa còn săn sóc và làm cho đẹp, thì phương chi mỗi người chúng ta còn được Người quan tâm biết bao, và Người ao ước cho chúng ta được một cuộc sống tươi đẹp, cao quý và hoàn hảo là ngần nào.

Trước hết hãy tìm kiếm Nước Thiên Chúa và đức công chính của Người. Đây là những điều rất cụ thể : Nước Thiên Chúa, nghĩa là một cuộc đời trong sáng cho thấy có Chúa hiện diện ; đức công chính của Thiên Chúa, nghĩa là chính lý toàn bộ con người và hành động của mình dưới con mắt của Thiên Chúa. Đối với một người trẻ, một đôi vợ chồng, đây là một cuộc đánh liều : suy tính về tương lai, gia đình và hoạt động tông đồ theo các tiêu chuẩn của Tin Mừng chứ không phải dưới sức ép của những đua đòi trần thế. Lấy thì giờ của mình phục vụ Tin Mừng ; yêu thương con cái, hay học sinh của mình, như Chúa yêu thương chúng, chứ không phải yêu thương những đứa giỏi giang nhất, làm việc có năng suất nhất.

nào mà rút ra bài học : chúng không làm lụng, không kéo sợi ;²⁹ thế mà, Thầy bảo cho anh em biết : ngay cả vua Sa-lô-môn, dù vinh hoa tột bậc, cũng không mặc đẹp bằng một bông hoa ấy.³⁰ Vậy nếu hoa cỏ ngoài đồng, nay còn, mai đã quẳng vào lò, mà Thiên Chúa còn mặc đẹp cho như thế, thì huống hồ là anh em, ôi những kẻ kém tin !³¹ Vì thế, anh em đừng lo lắng tự hỏi : ta sẽ ăn gì, uống gì, hay mặc gì đây ?³² Tất cả những thứ đó, dân ngoại vẫn tìm kiếm. Cha anh em trên trời thừa biết

anh em cần tất cả những thứ đó.³³ Trước hết hãy tìm kiếm Nước Thiên Chúa và đức công chính của Người, còn tất cả những thứ kia, Người sẽ thêm cho.³⁴ Vậy, anh em đừng lo lắng về ngày mai : ngày mai, cứ để ngày mai lo. Ngày nào có cái khổ của ngày ấy.

Đừng xét đoán

7 * 1 “Anh em đừng xét đoán, để khỏi bị Thiên Chúa xét đoán,² vì anh em xét đoán thế nào, thì anh em cũng sẽ bị Thiên Chúa xét đoán như vậy ; và anh em đong đấu

* 7,1 Có lẽ Chúa Giê-su thốt lên những lời này trong cùng một mạch ý với 5,43. Những người tự cho mình là người lương thiện, hay những người đạo mới, thường hay xét đoán và phê phán những ai thuộc phía bên kia. Đây là một dạng tự cao tự đại mà các tác giả sách thiêng liêng gọi là cái “tật xấu của lính mới”. Nó ăn sâu trong bản tính con người đến nỗi nhiều “người công chính” trong Kinh Thánh tỏ ra bất bình với những “người tội lỗi” không giữ các điều răn của Chúa. Ngược lại, điều răn mới của Chúa thì dạy chúng ta đừng tự coi mình hơn người, hoặc tự tôn mình làm thẩm phán xét xử những người bước đi –hay được Chúa dẫn đi– theo một đường lối không giống chúng ta.

Đừng xét đoán. Chúng ta có bốn phạm xét đoán theo nghĩa phân định cái gì xung quanh ta là tốt, cái gì là xấu. “Lời thật mịch lòng”, nhưng chúng ta vẫn phải có can đảm lên tiếng khi có ai làm điều sai trái (x. Lv 19,17 ; Gl 6,1). Tuy nhiên ở đây, *xét đoán* có nghĩa là lên án.

Chúa Giê-su mặc khải cho thấy sự thống nhất sâu xa liên kết tất cả mọi người và vạn vật trong Thiên Chúa : “máu chảy ruột mềm”. Khi chúng ta ngăn chặn lòng thương xót là chúng ta rời xa thế giới của Thiên Chúa, và chính chúng ta sẽ không còn biết thương xót là gì nữa.

Đừng xét đoán : x. Rm 2,1 ; 14,4 ; 1 Cr 5,12 ; Gc 4,11.

nào, thì Thiên Chúa cũng sẽ đong đáu ấy cho anh em. ³ Sao anh thấy cái rác trong con mắt của người anh em, mà cái xà trong con mắt của mình thì lại không để ý tới? ⁴ Sao anh lại nói với người anh em: ‘Hãy để tôi lấy cái rác ra khỏi mắt bạn’, trong khi có cả một cái xà trong con mắt anh? ⁵ Hỡi kẻ đạo đức giả! Lấy cái xà ra khỏi mắt anh trước đã, rồi anh sẽ thấy rõ, để lấy cái rác ra khỏi mắt người anh em.

⁸ Vì hễ ai xin thì nhận được, ai tìm thì sẽ thấy, ai gõ cửa thì sẽ mở ra cho.

⁹ Có người nào trong anh em, khi con mình xin cái bánh, mà lại cho nó hòn đá? ¹⁰ Hoặc nó xin con cá, mà lại cho nó con rắn?

¹¹ Vậy nếu anh em vốn là những kẻ xấu mà còn biết cho con cái mình những của tốt lành, phương chi Cha anh em, Đấng ngự trên trời, lại không ban những của tốt lành cho những kẻ kêu xin Người sao?

Đừng quăng của thánh cho chó

* ⁶ “Của thánh, đừng quăng cho chó; ngọc trai, chớ liệng cho heo, kẻo chúng giày đạp dưới chân, rồi còn quay lại cắn xé anh em.

Khuôn vàng thước ngọc

¹² “Vậy tất cả những gì anh em muốn người ta làm cho mình, thì chính anh em cũng hãy làm cho người ta, vì Luật Mô-sê và lời các ngôn sứ là thế đó.

Cứ xin thì sẽ được

* ⁷ “Anh em cứ xin thì sẽ được, cứ tìm thì sẽ thấy, cứ gõ cửa thì sẽ mở ra cho.

Hai con đường

* ¹³ “Hãy qua cửa hẹp mà vào, vì cửa rộng và đường thênh thang thì đưa đến diệt vong, mà nhiều người

* 7,6 *Ngọc trai, chớ liệng cho heo.* Đây là lời Chúa cảnh cáo các môn đệ đang sống trong một thế giới đối nghịch. Không nên nói hết mọi sự với hết mọi người. Thiên Chúa đã ban cho chúng ta những ân huệ tuyệt vời, nhưng không nên đem chia sẻ một cách thiếu suy nghĩ và không xét đến những quá trình cần phải có, tưởng rằng cứ gặp ai cũng nói thì người ta sẽ theo đạo.

* 7,7 X. phần bình giải Lc 11,9; Mc 11,24; Ga 14,13; 15,7; Gc 1,5.

lại đi qua đó. ¹⁴ Còn cửa hẹp và đường chật thì đưa đến sự sống, nhưng ít người tìm được lối ấy.

Cây nào trái ấy

* ¹⁵ “Anh em hãy coi chừng các ngôn sứ giả, họ đội lốt chiên mà đến với anh em ; nhưng bên trong, họ là sói dữ tham mồi. ¹⁶ Cứ xem họ sinh hoa quả nào,

thì biết họ là ai. Ở bụi gai, làm gì có nho mà hái ? Trên cây găng, làm gì có vả mà bẻ ? ¹⁷ Nên hễ cây tốt thì sinh quả tốt, cây xấu thì sinh quả xấu. ¹⁸ Cây tốt không thể sinh quả xấu, cũng như cây xấu không thể sinh quả tốt. ¹⁹ Cây nào không sinh quả tốt, thì bị chặt đi và quăng vào lửa. ²⁰ Vậy, cứ xem họ sinh

* **7,13** *Hãy qua cửa hẹp mà vào.* Có lẽ vừa mới có người hỏi Chúa : “Ai có thể được cứu ?” (Mt 19,25). Chúa không bao giờ nói những người được hưởng cuộc sống muôn đời sẽ đông hay không. Nhưng Người hay lặp đi lặp lại rằng sẽ có rất ít người *được chọn trong số đông được gọi*. Có nghĩa là mặc dù có nhiều người được đặc ân gặp thấy Chúa, nhưng rất ít người cảm nghiệm được các kho tàng của Tin Mừng và sinh hoa trái. Người được chọn là những người kiên trì và tìm đến tự do đích thực.

Nhiều kẻ chọn đi con *đường đưa đến diệt vong*. Họ không đi con đường trong đó Chúa Giê-su sẽ là tất cả cho họ. Họ phung phí các ân huệ Thiên Chúa đã trao ban cho họ và coi như trở thành những người vô ích cho Nước Trời. Nhưng dù vậy họ vẫn được hưởng lòng xót thương của Thiên Chúa.

* **7,15** Có thể ở đây, tác giả Mt trích dẫn lời Chúa Giê-su để nói với một số người trong Giáo Hội sơ khai tự cho mình được đặc sủng làm ngôn sứ ; họ có lẽ đã thật sự nhận ơn Chúa Thánh Thần, nhưng đã biến chất với thời gian. Hiểu rộng hơn, lời Chúa đây nhằm tất cả những ai khuyến khích chia rẽ, gian dối và bạo lực, dù tưởng là để phục vụ một chính nghĩa.

Các ngôn sứ khoác áo da cừu, nhưng một con chó sói cũng có thể núp ở bên dưới. Thế gian luôn đầy những ngôn sứ giả, thường là những người tiên báo một thứ hạnh phúc dễ dãi, và nếu Lời Chúa lên án họ thì họ cho đó là do hiểu sai. Tuy vậy nên tự hỏi tại sao thuyết tự do yêu quý của chúng ta gieo chết chóc nhiều như thế, và bóp nghẹt khả năng tin tưởng và hy vọng nơi nhiều người như vậy.

Ở bụi gai, làm gì có nho mà hái ? (c.16). Chúa Giê-su mời chúng ta xem xét sự việc để rút ra kết luận. Nhưng vì sáng suốt mà nhìn xem thực tại là điều khó, nên chúng ta thích bàn cãi trên tư tưởng hơn. Chúa Giê-su được rèn luyện trong nghề tay chân, nên không mấy tin tưởng những lời dài dòng và lý thuyết.

hoa quả nào, thì biết họ là ai.

Môn đệ chân chính

* 21 “Không phải bất cứ ai thưa với Thầy : ‘Lạy Chúa ! Lạy Chúa !’, là được vào Nước Trời cả đâu ! Nhưng chỉ ai thi hành ý muốn của Cha Thầy là Đấng ngự trên trời, mới được vào mà thôi. 22 Trong ngày ấy, nhiều người sẽ thưa với Thầy rằng : ‘Lạy Chúa, lạy Chúa, nào chúng tôi đã chẳng từng nhân danh Chúa mà nói tiên tri, nhân danh Chúa mà trừ quỷ, nhân danh Chúa mà làm nhiều phép lạ đó

sao ?’ 23 Và bấy giờ Thầy sẽ tuyên bố với họ : Ta không hề biết các ngươi ; xéo đi cho khuất mắt Ta, hỡi bọn làm điều gian ác !

24 “Vậy ai nghe những lời Thầy nói đây mà đem ra thực hành, thì ví được như người khôn xây nhà trên đá. 25 Dù mưa sa, nước cuốn, hay bão táp ập vào, nhà ấy cũng không sụp đổ, vì đã xây trên nền đá. 26 Còn ai nghe những lời Thầy nói đây, mà chẳng đem ra thực hành, thì ví được như người ngu dại xây nhà trên cát. 27 Gặp mưa sa, nước cuốn hay bão

* 7,21 Ngày phán xét, nhiều người sẽ thưa với Thầy rằng. Có thể tác giả Mt trích dẫn những lời này nhắm tới những người tự cho mình được đặc sủng làm ngôn sứ, gây hoang mang trong các cộng đoàn của ông và tự miễn không tuân giữ các luật lệ chung như mọi người. Nếu chúng ta giảng dạy và làm phép lạ thì đó là những thừa tác vụ và ân huệ xây dựng cộng đoàn chứ không có nghĩa là chúng ta đã sống trong ơn Chúa. Đức tin chân chính được biểu lộ bằng đức ái và lòng trung tín (Gl 5,6), thúc đẩy chúng ta tuân giữ luật Chúa (Gc 2,8).

Ai nghe những lời Thầy nói đây (c.24). Ở đây, Chúa Giê-su đưa ra một định nghĩa của chữ “A-men” mà chúng ta thường dùng để kết thúc các lời cầu nguyện. Tiếng Híp-ri “a-man” có nghĩa là “xác lập một điều, đặt cơ sở cho một công trình”. Khi thưa “A-men”, chúng ta công bố rằng lời cầu nguyện vừa thốt lên, đoạn sách vừa nghe đọc, là nền tảng trên đó chúng ta muốn xây dựng cuộc đời chúng ta.

Chúa Giê-su nói như thế về những người đã nghe lời Người. Nhưng nếu họ không xây dựng cuộc đời trên những nền tảng vững bền như là suy niệm Sách Thánh, sống quảng đại, chiến đấu chống lại cái xấu, chia sẻ trong cộng đoàn, nếu họ không đặt “a-men” trên lời Người, thì mọi sự sẽ sụp đổ.

Đoạn này kết thúc diễn từ thứ nhất của Tin Mừng Mt. Một diễn từ khác sẽ mở đầu ở ch. 10.

táp ập vào, nhà ấy sẽ sụp đổ, sụp đổ tan tành.”

Cách giảng dạy của Đức Giê-su

²⁸ Khi Đức Giê-su giảng dạy những điều ấy xong,

dân chúng sửng sốt về lời giảng dạy của Người, ²⁹ vì Người giảng dạy như một Đấng có thẩm quyền, chứ không như các kinh sư của họ.

III. RAO GIẢNG NƯỚC TRỜI

1. PHẦN KÝ THUẬT

Đức Giê-su chữa người bị phong hủi

8 * ¹ Khi Đức Giê-su ở trên núi xuống, đám

đông lũ lượt đi theo Người. ² Bỗng có một người phong hủi tiến lại, bái lạy Người và nói : “Thưa Ngài, nếu

* 8,1 Trong phần mới này của sách Tin Mừng (8,1 – 9,38), tác giả Mt thu thập một số phép lạ. Đối với ông, các phép lạ không phải là những chuyện phi thường, mà nó mặc khải cho chúng ta nhận ra nét mặt người môn đệ chân chính của Chúa Giê-su.

Trước hết là người phong hủi được chữa lành. Đây là một cử chỉ can đảm của Chúa, và là một cử chỉ vi phạm trắng trợn “luật thanh sạch”. X. phần bình giải Mc 1,40.

Tiếp đến (8,5) là đức tin viên đại đội trưởng Rô-ma. Chúa Giê-su nói về những người Do-thái sắp bị loại trừ khỏi Nước Thiên Chúa. Điều này cũng có thể áp dụng cho những người kế thừa Nước Thiên Chúa đến sau, là người Ki-tô hữu thời nay.

Con cái Nước Trời (c.12). Đây là một lối nói trong tiếng Híp-ri chỉ về toàn thể dân Do-thái là những người có tư cách thừa hưởng Nước Trời. Thời ấy, ở mọi nơi, tôn giáo là thành phần của văn hoá, và không có chuyện cải giáo cá nhân : con cái gia đình Do-thái sẽ theo đạo Do-thái. Các bậc thầy giảng dạy đạo lý không coi nhẹ đức tin, nhưng trong thực tế, họ nhấn mạnh việc tôn trọng các nghi thức và luật lệ. Chúa Giê-su thì không coi nhẹ những điều này, nhưng Người tìm kiếm lòng tin và tỏ ra khâm phục khi gặp thấy nó.

Những kẻ kế thừa mới của Nước Trời là chúng ta thì cũng vậy. Không phải những tập quán hay những kiến thức tôn giáo của chúng ta cho phép chúng ta được vào Nước Thiên Chúa đâu, mà còn phải khám phá sự hiện diện đầy yêu thương của Thiên Chúa qua biết bao lời nói và cử chỉ của Chúa Giê-su, là những cái có đủ lý do để gây khó chịu cho chúng ta.

Ngài muốn, Ngài có thể làm cho tôi được sạch.”

³ Người giơ tay đụng vào anh và bảo : “Tôi muốn, anh sạch đi.” Lập tức, anh được sạch bệnh phong hủi.

⁴ Rồi Đức Giê-su bảo anh : “Coi chừng, đừng nói với ai cả, nhưng hãy đi trình diện tư tế và dâng của lễ như ông Mô-sê đã truyền, để làm chứng cho người ta biết.”

Đức Giê-su chữa đầy tớ của một đại đội trưởng

⁵ Khi Đức Giê-su vào thành Ca-phác-na-um, có một viên đại đội trưởng đến gặp Người và nài xin :

⁶ “Thưa Ngài, tên đầy tớ của tôi bị tê bại nằm liệt ở nhà, đau đớn lắm.” ⁷ Người nói : “Chính tôi sẽ đến chữa nó.” Viên đại đội trưởng đáp : ⁸ “Thưa Ngài, tôi chẳng đáng Ngài vào nhà tôi, nhưng xin Ngài chỉ nói một lời là đầy tớ tôi được khỏi bệnh.” ⁹ Vì tôi đây, tuy dưới quyền kẻ khác, tôi cũng có lính tráng dưới quyền tôi. Tôi bảo người này : ‘Đi !’, là nó

đi, bảo người kia : ‘Đến !’, là nó đến, và bảo người nô lệ của tôi : ‘Làm cái này !’, là nó làm.” ¹⁰ Nghe vậy, Đức Giê-su ngạc nhiên và nói với những kẻ theo Người rằng : “Tôi bảo thật các ông : tôi không thấy một người Ít-ra-en nào có lòng tin như thế.” ¹¹ Tôi nói cho các ông hay : Từ phương đông phương tây, nhiều người sẽ đến dự tiệc cùng các tổ phụ Áp-ra-ham, I-xa-ác và Gia-cóp trong Nước Trời. ¹² Nhưng con cái Nước Trời thì sẽ bị quăng ra chỗ tối tăm bên ngoài, ở đó người ta sẽ phải khóc lóc nghiền răng.” ¹³ Rồi Đức Giê-su nói với viên đại đội trưởng rằng : “Ông cứ về đi ! Ông tin thế nào thì được như vậy !” Và ngay giờ đó, người đầy tớ được khỏi bệnh.

Đức Giê-su chữa bà mẹ vợ ông Phê-rô

¹⁴ Đức Giê-su đến nhà ông Phê-rô, thấy bà mẹ vợ ông đang nằm liệt và lên cơn sốt. ¹⁵ Người đụng vào

Họ sẽ bị quăng ra chỗ tối tăm. Khoan nói đến hỏa ngục, vì Chúa Giê-su dùng ngôn ngữ các ngôn sứ. Đây có nghĩa là nếu chỉ giữ những cái bên ngoài đã học được chứ không phải giữ lòng tin vào Thiên Chúa, ấy là đi lạc vào đủ thứ chỗ, trừ nơi có sự sống.

tay bà, cơn sốt dứt ngay và bà trở dậy phục vụ Người.

Đức Giê-su chữa lành mọi kẻ ốm đau

¹⁶ Chiều đến, người ta đem nhiều kẻ bị quỷ ám tới gặp Đức Giê-su. Người nói một lời là trừ được các thân dữ và Người chữa lành mọi kẻ ốm đau, ¹⁷ để ứng nghiệm lời ngôn sứ I-sai-a : *Người đã mang lấy các tật nguyên của ta và gánh lấy các bệnh hoạn của ta.*

Người môn đệ phải bỏ mọi sự

¹⁸ Thấy xung quanh có đám đông, Đức Giê-su ra lệnh sang bờ bên kia. ¹⁹ Một kinh sư tiến đến thưa Người rằng : “Thưa Thầy, Thầy đi đâu, tôi cũng xin đi theo.” ²⁰ Đức Giê-su trả lời : “Con chồn có hang, chim trời có tổ, nhưng Con Người không có chỗ tựa đầu.”

²¹ Một môn đệ khác thưa với Người : “Thưa Ngài, xin cho phép con về chôn cất cha con trước đã.”

²² Đức Giê-su bảo : “Anh hãy đi theo tôi, cứ để kẻ chết chôn kẻ chết của họ.”

Đức Giê-su dẹp yên biển động

²³ Đức Giê-su xuống thuyền, các môn đệ đi theo Người. ²⁴ Bỗng nhiên biển động mạnh khiến sóng ập vào thuyền, nhưng Người vẫn ngủ. ²⁵ Các ông lại gần đánh thức Người và nói : “Thưa Ngài, xin cứu chúng con, chúng con chết mất !” ²⁶ Đức Giê-su nói : “Sao nhát thế, hỡi những người kém lòng tin !” Rồi Người trở dậy, ngắm đe gió và biển : biển liền lặng như tờ.

²⁷ Người ta ngạc nhiên và nói : “Ông này là người thế nào mà cả đến gió và biển cũng tuân lệnh ?”

Hai người bị quỷ ám

²⁸ Khi Đức Giê-su sang bờ bên kia, và đến miền Ga-đa-ra, thì có hai người bị quỷ ám từ trong đám mồ mả ra đón Người ; chúng rất dữ tợn, đến nỗi không ai dám qua lại lối ấy. ²⁹ Chúng la lên rằng : “Hỡi Con Thiên Chúa, chuyện chúng tôi can gì đến ông ? Chưa tới lúc mà ông đã đến đây làm khổ chúng tôi sao ?” ³⁰ Khi ấy, ở đằng xa, có một bầy heo rất đông đang ăn. ³¹ Bọn

quỷ nài xin Người rằng : “Nếu ông đuổi chúng tôi, thì xin sai chúng tôi nhập vào bầy heo kia.”³² Người bảo : “Đi đi !” Chúng liền ra khỏi hai người đó và nhập vào bầy heo. Thế là tất cả bầy heo từ trên sườn núi lao xuống biển và chết đuối hết.³³ Các người chăn heo chạy trốn vào thành, kể lại mọi sự, và những gì đã xảy ra cho những người bị quỷ ám.³⁴ Bấy giờ, cả thành ra đón Đức Giê-su, và khi gặp Người, họ xin Người rời khỏi vùng đất của họ.

Đức Giê-su chữa người bại liệt

9¹ Đức Giê-su xuống thuyền, băng qua hồ, trở về thành của mình.² Người ta liền khiêng đến cho Người một kẻ bại liệt nằm trên giường. Thấy họ

có lòng tin như vậy, Đức Giê-su bảo người bại liệt : “Này con, cứ yên tâm, con đã được tha tội rồi !”³ Có mấy kinh sư nghĩ bụng rằng : “Ông này nói phạm thượng.”⁴ Nhưng Đức Giê-su biết ý nghĩ của họ, liền nói : “Sao các ông lại nghĩ xấu trong bụng như vậy ?⁵ Trong hai điều : một là bảo : ‘Con đã được tha tội rồi’, hai là bảo : ‘Đứng dậy mà đi’, điều nào dễ hơn ?⁶ Vậy, để các ông biết : ở dưới đất này, Con Người có quyền tha tội” – bấy giờ Đức Giê-su bảo người bại liệt : “Đứng dậy, vác giường đi về nhà !” *⁷ Người bại liệt đứng dậy, đi về nhà.⁸ Thấy vậy, dân chúng sợ hãi và tôn vinh Thiên Chúa đã ban cho loài người được quyền năng như thế.

* **9,7** X. phần bình giải Mc 2,1 ; Lc 5,17.

(Họ) tôn vinh Thiên Chúa đã ban cho loài người được quyền năng như thế (c.8). Công thức này hơi vụng về. Dân chúng ngạc nhiên thấy quyền năng cứu độ của Thiên Chúa vừa được tỏ bày giữa loài người, và nhờ một con người là Chúa Giê-su.

Nhưng tác giả Mt không muốn tách rời Hội Thánh với Chúa Ki-tô : cộng đoàn Ki-tô hữu nào cũng nhận được ân huệ Thiên Chúa để chữa lành và hoà giải. Vẫn biết rằng các thừa tác viên Hội Thánh có quyền tha tội, nhưng ơn thánh Chúa còn đi qua nhiều ngã khác nữa (1 Cr 5,3-5 ; 2 Cr 2,5-11). Khi chúng ta khiêm tốn đón nhận việc sửa lỗi nhau trong tình huynh đệ, khi vợ chồng tha thứ cho nhau, ấy là Chúa Ki-tô tha thứ, và điều gì được tha dưới đất cũng được tha trên trời (Mt 18,18).

Đức Giê-su kêu gọi ông Mát-thêu

* ⁹ Bỏ nơi ấy, Đức Giê-su đi ngang qua trạm thu thuế, thì thấy một người tên là Mát-thêu đang ngồi tại trạm. Người bảo ông : “Anh hãy theo tôi !” Ông đứng dậy đi theo Người.

Đức Giê-su dùng bữa với những người tội lỗi

¹⁰ Khi Đức Giê-su đang dùng bữa tại nhà ông ấy, có nhiều người thu thuế và tội lỗi kéo đến, cùng ăn với Người và các môn đệ. ¹¹ Thấy vậy, những người Pha-ri-sêu nói với các môn đệ Người rằng : “Sao Thầy các anh lại ăn uống với bọn thu thuế, và quân tội lỗi như vậy ?” ¹² Nghe thấy thế, Đức Giê-su nói : “Người khoẻ mạnh không cần thầy thuốc, người đau ốm mới cần. ¹³ Hãy về học cho biết ý nghĩa của câu này : *Ta muốn lòng nhân chứ đâu cần lễ tế.* Vì tôi không đến để kêu gọi người công chính, mà để kêu gọi người tội lỗi.”

Tranh luận về việc ăn chay

¹⁴ Bấy giờ, các môn đệ ông Gio-an tiến lại hỏi Đức Giê-su rằng : “Tại sao chúng tôi và các người Pha-ri-sêu ăn chay, mà môn đệ ông lại không ăn chay ?” ¹⁵ Đức Giê-su trả lời : “Chẳng lẽ khách dự tiệc cưới lại có thể than khóc, khi chàng rể còn ở với họ ? Nhưng khi tới ngày chàng rể bị đem đi rồi, bấy giờ họ mới ăn chay. ¹⁶ Chẳng ai lấy vá mới mà vá áo cũ, vì miếng vá mới sẽ co lại, khiến áo rách lại càng rách thêm. ¹⁷ Người ta cũng không đổ rượu mới vào bầu da cũ, vì như vậy, bầu sẽ bị nứt : rượu chảy ra và bầu cũng hư. Nhưng rượu mới thì đổ vào bầu mới : thế là giữ được cả hai.”

Đức Giê-su chữa người đàn bà bị băng huyết và cho con gái một vị thủ lãnh sống lại

¹⁸ Người còn đang nói với họ như thế, thì bỗng một vị thủ lãnh đến gần bái

* **9,9** *Chàng rể* (c.15). Dân Thiên Chúa trước đây là *người vợ*, và Đức Chúa đã gắn bó với dân Người như *chồng* với *vợ*. Vậy rõ ràng là Chúa Giê-su ý thức Người là Thiên Chúa Ngôi Con đến giữa nhân loại. Cũng xem Mc 2,13.

lạy Người và nói : “Con gái tôi vừa mới chết. Nhưng xin Ngài đến đặt tay lên cháu, là nó sẽ sống.”

¹⁹ Đức Giê-su đứng dậy đi theo ông ấy, và các môn đệ cũng đi với Người.

* ²⁰ Bỗng một người đàn bà bị băng huyết đã mười hai năm tiến đến phía sau Người và sờ vào tua áo của Người, ²¹ vì bà nghĩ bụng : “Tôi chỉ cần sờ được vào áo của Người thôi là sẽ được cứu !” ²² Đức Giê-su quay lại thấy bà thì nói : “Này con, cứ yên tâm, lòng tin của con đã cứu chữa con.” Và ngay từ giờ ấy, bà được cứu chữa.

²³ Đức Giê-su đến nhà viên thủ lãnh ; thấy phường kèn và đám đông xông xáo, Người nói : ²⁴ “Lui ra ! Con bé có chết đâu, nó ngủ đấy !” Nhưng họ chế nhạo Người. ²⁵ Khi đám đông bị đuổi ra rồi, thì Người đi vào, cầm lấy tay con bé, nó liền trỗi

dậy. ²⁶ Và tin ấy đồn ra khắp cả vùng.

Đức Giê-su chữa hai người mù

* ²⁷ Đang khi Đức Giê-su ra khỏi nơi đó, thì có hai người mù đi theo kêu lên rằng : “Lạy Con Vua Đavít, xin thương xót chúng tôi !” ²⁸ Khi Đức Giê-su về tới nhà, thì hai người mù ấy tiến lại gần. Người nói với họ : “Các anh có tin là tôi làm được điều ấy không ?” Họ đáp : “Thưa Ngài, chúng tôi tin.” ²⁹ Bấy giờ Người sờ vào mắt họ và nói : “Các anh tin thế nào thì được như vậy.”

³⁰ Mắt họ liền mở ra. Người nghiêm giọng bảo họ : “Coi chừng, đừng cho ai biết !” ³¹ Nhưng vừa ra khỏi đó, họ đã nói về Người trong khắp cả vùng.

Đức Giê-su chữa người câm bị quỷ ám

³² Họ vừa đi ra thì người ta đem đến cho Đức Giê-su

* **9,20** Một người đàn bà tiến đến sờ vào tua áo của Người. Chúa Giê-su cũng mặc áo có kết tua như mọi người Do-thái ngoan đạo (Ds 15,38 ; Mt 23,5).

* **9,27** Hai người mù đi theo kêu lên rằng. Theo như thế nào, nếu họ mù ? Bằng những bước đi khập khễnh và nhờ người khác dẫn đường. Khi chúng ta phạm tội, cũng hãy kêu lên Chúa và tìm cách đi theo Người như vậy.

một người câm bị quỷ ám.

³³ Khi quỷ bị trục xuất rồi, thì người câm nói được. Dân chúng kinh ngạc, nói rằng : “Ồ It-ra-en, chưa hề thấy thế bao giờ !”

³⁴ Nhưng người Pha-ri-sêu lại bảo : “Ông ấy dựa thế quỷ vương mà trừ quỷ.”

Đức Giê-su thương dân chúng lầm than

* ³⁵ Đức Giê-su đi khắp các thành thị, làng mạc, giảng dạy trong các hội

đường, rao giảng Tin Mừng Nước Trời và chữa hết các bệnh hoạn tật nguyền.

³⁶ Đức Giê-su thấy đám đông thì chạnh lòng thương, vì họ lầm than vất vưởng, như bầy chiên không người chăn dắt.

³⁷ Bấy giờ, Người nói với môn đệ rằng : “Lúa chín đầy đồng, mà thợ gặt lại ít. ³⁸ Vậy anh em hãy xin chủ mùa gặt sai thợ ra gặt lúa về.”

* **9,36** *Đức Giê-su chạnh lòng thương, vì họ lầm than vất vưởng, như bầy chiên không người chăn dắt.* X. Ds 27,17 ; Ed 34,5 ; Dcr 10,2 ; Ga 4,35 ; Mc 6,34 ; Lc 10,2.

Trong đoạn Tin Mừng tóm lược sứ vụ của Chúa Giê-su tại Ga-li-lê này, tác giả Mt muốn cho thấy Nước Thiên Chúa đã đến rồi : một đòn chí tử đã giáng xuống trên sự ác.

Nơi Chúa Giê-su, chính bản thân Thiên Chúa đã đến chữa lành nhân loại. Nhưng vì đây là một công trình lâu dài và khó khăn, nên cần phải có những dấu chỉ rành rành giúp chúng ta tin được có điều gì đó đang xảy ra ; vậy Chúa Giê-su phải chữa lành kẻ đau ốm tật nguyền. Ngày nay cũng vậy, các cộng đoàn Ki-tô hữu phải đưa ra những dấu chỉ về ơn cứu độ mà họ rao truyền. Ơn chữa bệnh chưa đủ, vì quỷ dữ cũng có chỗ đứng của nó trong tội ác của xã hội.

Chúa Giê-su yêu cầu mỗi người chúng ta đem các năng khiếu của mình ra mà phục vụ nhân loại. Nhưng Người cũng cần những *thợ gặt* cho Nước Trời, tức là những người truyền đạt lời mời gọi của Thiên Chúa và quy tụ những cộng đoàn dân thánh. Chúa nói “*hãy xin*”, hãy cầu nguyện, biết đâu bạn sẽ hiểu ra rằng Thiên Chúa gọi bạn.

Chắc hẳn mọi cộng đoàn Ki-tô hữu đều cầu xin với Chúa, và Thánh Thần làm cho xuất hiện trong lòng cộng đoàn những đặc sủng, những thừa tác viên và mục tử cần thiết để đáp ứng các nhu cầu. Nhưng ở đây, Chúa Giê-su kêu gọi chúng ta cầu xin Thiên Chúa sai nhiều tay thợ biết xả thân cho công cuộc truyền giáo : họ luôn là quá ít, nhất là để loan báo Tin Mừng và xây dựng Hội Thánh giữa tầng lớp người nghèo.

2. BÀI GIẢNG VỀ SỨ MẠNG TRUYỀN GIÁO

Đức Giê-su sai mười hai Tông Đồ đi giảng

10 * ¹ Rồi Đức Giê-su gọi mười hai môn đệ lại, để ban cho các ông quyền trên các thần ô uế, để các ông trừ chúng và chữa hết các bệnh hoạn tật nguyền.

² Sau đây là tên của mười hai Tông Đồ : đứng đầu là ông Si-môn, cũng gọi là Phê-rô, rồi đến ông An-rê, anh của ông ; sau đó là ông Gia-cô-bê con ông Ê-bê-đê và ông Gio-an, em của ông ; ³ ông Phi-líp-phê và ông Ba-tô-lô-mê-ô ;

ông Tô-ma và ông Mát-thêu, người thu thuế ; ông Gia-cô-bê con ông An-phê và ông Ta-đê-ô ; ⁴ ông Si-môn thuộc nhóm Quá Khích, và ông Giu-đa Ít-ca-ri-ốt, là chính kẻ nộp Người. * ⁵ Đức Giê-su sai mười hai ông ấy đi và chỉ thị rằng :

“Anh em đừng đi về phía các dân ngoại, cũng đừng vào thành nào của dân Sa-ma-ri. ⁶ Tốt hơn là hãy đến với các con chiên lạc nhà Ít-ra-en. ⁷ Dọc đường hãy rao giảng rằng :

* **10,1** Cho đến lúc này, Chúa Giê-su giảng dạy trong các hội đường chung quanh Ca-phác-na-um. Giờ đây người ta đã biết tiếng Người, Người đã có môn đệ và bắt đầu thu hút dân chúng. Chính đây là lúc Người lập “Nhóm Mười Hai”. Người cần có các ông để tổ chức các buổi gặp mặt với Người, truyền đạt giáo lý của Người và nhân lên những dấu lạ mà Người thực hiện giữa đám người bệnh hoạn yếu đau.

Chúa đã nghĩ đến Hội Thánh của Người và muốn cho Hội Thánh có người lãnh đạo : đó sẽ là nhóm các Tông Đồ. Các ông sẽ là chứng nhân của Chúa, và để chuẩn bị các ông, Người dạy cho họ có một nếp sống, và sống cộng đoàn, làm kiểu mẫu sau này cho cộng đoàn Giáo Hội.

Sách Mc thì viết : *Người gọi đến với Người những kẻ Người muốn* (Mc 3,13). Đến phiên các ông, các ông sẽ gọi những kẻ khác nữa. Trong Giáo Hội, ai cũng có thể “làm việc tông đồ”, nhưng không ai tự làm cho mình trở thành “người tông đồ”, nghĩa là chứng nhân chính thức của Chúa Kitô : phải được gọi để lãnh nhận trọng trách này.

Về *Nhóm Mười Hai*, x. phần bình giải Mc 3,13.

* **10,5** Ngay từ 9,35, Mt đã chuẩn bị “điển từ” thứ ba này của Chúa Giê-su (x. Dẫn Nhập). Chúa Giê-su đã khởi đầu sứ vụ, Người huấn luyện và sai phái các vị thừa sai. *Tông đồ* (có lẽ nên nói là “sứ đồ”) có nghĩa là được sai đi ; và *nhà truyền giáo* cũng là những người thừa sai, nghĩa là thừa hành lệnh sai đi.

Nước Trời đã đến gần.
 8 Anh em hãy chữa lành người đau yếu, làm cho kẻ chết sống lại, cho người phong hủi được sạch bệnh, và khử trừ ma quỷ. Anh em đã được cho không, thì cũng phải cho không như vậy. 9 Đừng kiếm vàng bạc hay tiền giắt lưng. 10 Đi đường, đừng mang bao bị, đừng mặc hai áo, đừng đi

dép hay cầm gậy. Vì thợ thì đáng được nuôi ăn.

11 “Khi anh em vào bất cứ thành nào hay làng nào, thì hãy dò hỏi xem ở đó ai là người xứng đáng, và hãy ở lại đó cho đến lúc ra đi. 12 Vào nhà nào, anh em hãy chào chúc bình an cho nhà ấy. 13 Nếu nhà ấy xứng đáng, thì bình an của anh em sẽ đến với họ ; còn nếu nhà ấy

Chúa Cha đã sai Con Một Người đến thế gian, và tới phiên Người Con cũng sai các Tông Đồ của mình. Chúa Cha sai những sứ giả mang Lời Người đi, nhưng cũng sai Thần Khí của Người là Thánh Thần, đến cảm hoá tâm hồn và trí tuệ của những ai nghe Lời Người. Nhờ Thánh Thần, họ sẽ nhận ra lời Thiên Chúa trong những lời nói vụng về của những sứ giả không có học thức cao cho lắm ấy. Thánh Thần sẽ ban những dấu lạ : những vụ chữa bệnh và những ơn lạ lùng cũng có chứng từ của các sứ giả.

Các vị kế thừa các Tông Đồ cũng sẽ là sứ giả truyền đạo như các ông. Các vị ấy trước hết không phải là những người điều hành một Giáo Hội cơ cấu, nhưng là những người sống như người nghèo giữa những người nghèo, và nhờ đó sẽ gây dựng nên những Giáo Hội mới trẻ (x. 1 Cr 3,10 ; 12,28).

Vậy chương 10 này nói về sứ mạng truyền giáo, là ưu tư hàng đầu của cộng đoàn Ki-tô hữu. Trong phần thứ nhất (cc. 5-16), Chúa Giê-su nói với các nhà truyền giáo tiên khởi được sai đến Ga-li-lê. Trong phần thứ hai (cc. 17-42), tác giả Mt thu gom những lời mà Chúa Giê-su đã nói trong những trường hợp rất khác nhau, nhưng cải biên lại cho phù hợp với độc giả của mình, vì lúc ấy Giáo Hội đã bắt đầu bị ngược đãi trong đế quốc Rô-ma.

X. phần bình giải Mc 6,7 và Lc 10,1.

Anh em đừng đi về phía các dân ngoại (c.5). Chúa Giê-su làm theo kế hoạch cứu độ của Chúa Cha như đã được tiên báo trong Kinh Thánh. Đáng Cốu Thế phải quy tụ trước hết các chiên lạc nhà Ít-ra-en, và sau đó dẫn đưa tất cả các dân ngoại đến hưởng ơn cứu độ : Is 49,6 ; 60,1-10 ; Dcr 14,16 ; Mt 15,24.

Ai đón tiếp anh em (c.40). Không đón tiếp các sứ giả có nghĩa là không màng đến lời kêu gọi của Chúa Cha và cũng là đánh mất cơ may lớn nhất đời mình vậy.

không xứng đáng, thì bình an của anh em sẽ trở về với anh em. ¹⁴ Nếu người ta không đón tiếp và nghe lời anh em, thì khi ra khỏi nhà hay thành ấy, anh em hãy giũ bụi chân lại. ¹⁵ Thấy bảo thật anh em,

trong Ngày phán xét, đất Xơ-đôm và Gô-mô-ra còn được xử khoan hồng hơn thành đó. * ¹⁶ Nay, Thầy sai anh em đi như chiên đi vào giữa bầy sói. Vậy anh em phải khôn như rắn và đơn sơ như bồ câu.

CÁC CHỨNG NHÂN

Ở đây là những chỉ thị mà Chúa Giê-su đã đưa ra cho các chứng nhân của Người, về cách đương đầu với những cuộc bách hại. Suốt mấy tuần liền, Chúa Giê-su đã gần như sống lén lút, và các vị truyền giáo đầu tiên của Người cũng đã nếm mùi những đe dọa tương tự. Khi thuật lại các lời nói này, Mt có lẽ đã cải biên phần nào cho phù hợp với hoàn cảnh của người Ki-tô hữu đương thời với ông, chứ không phải bịa đặt ra.

Chúng ta nói *chứng nhân*, mà từ gốc Hy-lạp cũng có thể hiểu là *tử đạo*. Một số vị đã được tôn vinh rất sớm, đa số thì không ai biết đến danh tánh. Các ngài thường hay bị vu khống (5,11 ; Lc 21,17), thế là bị cô lập hoá, ngay cả đối với cộng đoàn Ki-tô hữu, để rồi bị loại trừ.

Trong một vài trường hợp, có những cộng đoàn bị tàn sát toàn bộ, như vào thời đế quốc Rô-ma, hoặc gần với chúng ta hơn, cộng đoàn người Ác-mê-ni. Và điều này hiện còn tiếp tục tại nhiều nước tuy báo chí không nói đến. Trong những trường hợp khác, giữa lúc tình hình phức tạp, các chứng nhân giữ một lập trường nguy hiểm đến tính mạng, và họ đã phải chết. Khi ông Tê-pha-nô bị hạ sát (Cv 7), các Tông Đồ không bị truy nã, và nhiều kẻ có thể tưởng rằng ông ấy là một người cuồng tín. Vào thời các thiếu nữ thành phố Rô-ma bị bách hại vì quyết giữ trọn trinh tiết, nhiều người đã nói : Sao các cô lại coi khinh bốn phạm gia đình như thế ? Khi người Ki-tô hữu Anh Quốc, Pháp hoặc Trung Quốc từ chối lập những Giáo Hội quốc gia tự trị, tách rời khỏi Hội Thánh Công Giáo Rô-ma, chẳng phải họ kháng cự lại luật Nhà Nước của họ đó sao ?

Có lẽ phải thừa nhận rằng làm chứng nhân tử đạo là một ơn, một ơn mà không phải ai cũng được ban cho. Nhiều người sẵn sàng hy sinh tính mạng mình cho Chúa Ki-tô, nhưng khi đứng trước những tình hình bạo lực và tham nhũng, họ lại không thấy cần phải làm mạnh, nên đã nhượng bộ để tránh cái tệ hơn. Người khác thì trái lại, hiểu rằng Thiên Chúa đòi hỏi họ phải *làm chứng* (c.18) cho Tin Mừng mà họ đã tin tưởng, đang đối chọi với điều người ta áp đặt : làm như vậy, họ đưa lưng sẵn sàng nhận lãnh các biện pháp đàn áp mà xã hội thường dùng để tự vệ.

Đức Giê-su tiên báo những cuộc bách hại

¹⁷ “Hãy coi chừng người đời. Họ sẽ nộp anh em cho các hội đồng, và sẽ đánh đập anh em trong các hội đường của họ. ¹⁸ Và anh em sẽ bị điệu ra trước mặt vua chúa quan quyền vì Thầy để làm chứng cho họ và các dân ngoại được biết. * ¹⁹ Khi người ta nộp anh em, thì anh em đừng lo phải nói làm sao hay phải nói gì, vì trong giờ đó, Thiên Chúa sẽ cho anh

em biết phải nói gì : ²⁰ thật vậy, không phải chính anh em nói, mà là Thần Khí của Cha anh em nói trong anh em.

²¹ “Anh sẽ nộp em, em sẽ nộp anh cho người ta giết ; cha sẽ nộp con, con cái sẽ đứng lên chống lại cha mẹ và làm cho cha mẹ phải chết. ²² Vì danh Thầy, anh em sẽ bị mọi người thù ghét. Nhưng kẻ nào bền chí đến cùng, kẻ ấy sẽ được cứu thoát.

Chúa Giê-su dạy không nên đi tìm cái chết (c.23), nhưng đàng khác, Người khẳng định rằng những vụ ngược đãi và phiên toà xử tội các chứng nhân của Người sẽ đẩy mạnh việc loan báo Tin Mừng (c.18), và thánh Phao-lô cũng xác tín như thế (Cv 27,24 ; Ep 6,19). Sách Kh còn đi xa hơn nữa, khẳng định rằng việc sát hại các chứng nhân làm tiến triển lịch sử thánh.

Em sẽ nộp anh cho người ta giết. Anh em sẽ bị mọi người thù ghét. Đó là lẽ thường trong một bầu khí khủng bố. Nhưng dù không bị đát đến như vậy, các chứng nhân Chúa Ki-tô cũng có thể bị mọi người hoặc hầu hết mọi người trong Giáo Hội hiểu lầm, trong khi kẻ bách hại họ có thể được khen ngợi (Lc 6,16). Với thời gian, Thánh Thần sẽ làm sáng tỏ chân lý, nhưng phần đông những người thấp cổ bé miệng, thường là những người chịu nhiều đau khổ và sáng giá nhất, lại cứ bị lãng quên, cho tới ngày Chúa Giê-su đích thân *tuyên bố nhận họ trước mặt Chúa Cha.*

Thật ra, Chúa Giê-su không chỉ nói về những người bị sát hại. Gắn chúng ta hơn và đông đảo hơn, còn là những người đã phải vượt lên trên nỗi sợ hãi (cc. 26.28.31) để làm chứng cho Chúa ngoài đường phố, nơi trường học và nơi giải trí trên *cõi đời xấu xa và sa đoạ này* (Gl 1,4 ; Pl 2,15).

* **10,19** *Anh em đừng lo.* Làm chứng cho Chúa không phải để mưu ích cho chính mình, và khi bị ngược đãi và tống ngục thì sẽ thấy mình được đồng hoá với Chúa sâu đậm hơn. Lúc ấy không nên nghi ngờ có Thánh Thần trợ giúp. Lo lắng tìm cách đối phó và tự vệ chỉ cản trở sự tự do của Thánh Thần và mất bình an trong lòng thôi.

* 23 “Khi người ta bách hại anh em trong thành này, thì hãy trốn sang thành khác. Thầy bảo thật anh em : anh em chưa đi hết các thành của Ít-ra-en, thì Con Người đã đến.

24 “Trò không hơn thầy, tớ không hơn chủ. 25 Trò được như thầy, tớ được như chủ, đã là khá lắm rồi. Chủ nhà mà người ta còn gọi là Bê-en-dê-bun, hướng chi là người nhà.

Hãy nói giữa ban ngày, đừng có sợ

26 “Vậy anh em đừng sợ người ta. Thật ra, không có gì che giấu mà sẽ không được tỏ lộ, không có gì bí mật, mà người ta sẽ không biết. 27 Điều Thầy nói với anh em lúc đêm hôm, thì

hãy nói ra giữa ban ngày ; và điều anh em nghe rỉ tai, thì hãy lên mái nhà rao giảng.

* 28 “Anh em đừng sợ những kẻ giết thân xác mà không giết được linh hồn. Đúng hơn, anh em hãy sợ Đấng có thể tiêu diệt cả hồn lẫn xác trong hoả ngục. 29 Hai con chim sẻ chỉ bán được một hào phải không ? Thế mà, không một con nào rơi xuống đất ngoài ý của Cha anh em.

30 Thì đối với anh em cũng vậy, ngay đến tóc trên đầu anh em, Người cũng đếm cả rồi. 31 Vậy anh em đừng sợ, anh em còn quý giá hơn muôn vàn chim sẻ.

* 32 “Phàm ai tuyên bố nhận Thầy trước mặt thiên hạ, thì Thầy cũng sẽ

* 10,23 *Anh em chưa đi hết các thành của Ít-ra-en* Có thể câu này nằm đúng chỗ hơn nếu đặt vào phần đầu bài giảng, khi Chúa sai các Tông Đồ ra đi. Nhưng Mt đặt ở đây, cho nó một ý nghĩa khác : dù có bị trục xuất từ khắp nơi, các vị truyền giáo tương lai vẫn không thiếu việc làm, cho tới khi Chúa Ki-tô lại đến.

* 10,28 Chúng ta là những kẻ hèn nhát, và Chúa biết rõ như vậy. Người đã nói : “Anh em đừng sợ” rồi, khi dạy chúng ta không nên cậy vào tiền bạc. Giờ đây, nói về nỗi lo sợ bị đàn áp, Người thêm : “Nếu không thoát nỗi sợ hãi thì hãy nhìn lại xem đâu là đe dọa lớn nhất : từ Thiên Chúa hay từ người phàm ?”

Đây là chỗ duy nhất Chúa Giê-su đề cập đến “sợ Thiên Chúa”. Theo Cựu Ước nói chung, kính sợ Thiên Chúa có nghĩa là tôn kính, tôn thờ. Mà tôn thờ khác xa sợ hãi. Thiên Chúa đâu phải dọa “tống” chúng ta xuống hoả ngục, mà chỉ nhắc nhở chúng ta rằng mất Thiên Chúa là coi như mất mạng rồi.

tuyên bố nhận người ấy trước mặt Cha Thầy, Đấng ngự trên trời. ³³ Còn ai chối Thầy trước mặt thiên hạ, thì Thầy cũng sẽ chối người ấy trước mặt Cha Thầy, Đấng ngự trên trời.

Đức Giê-su đến để gây chia rẽ

* ³⁴ “Anh em đừng tưởng Thầy đến đem bình an cho trái đất ; Thầy đến

không phải để đem bình an, nhưng để đem gươm giáo. ³⁵ Quả vậy, Thầy đến để gây chia rẽ giữa con trai với cha, giữa con gái với mẹ, giữa con dâu với mẹ chồng. ³⁶ Kẻ thù của mình chính là người nhà.

Từ bỏ mình để theo Đức Giê-su

³⁷ “Ai yêu cha yêu mẹ hơn Thầy, thì không xứng

* **10,32** *Phàm ai tuyên bố nhận Thầy.* Sau khi nhấn mạnh quyền năng tối thượng của Cha Người, Chúa Giê-su khẳng định Người cũng đồng quyền với Cha như vậy : chính Người sẽ định đoạt số phận đời đời của chúng ta. Không phải Chúa chỉ nói về việc *nhận* Người, nghĩa là đừng chối đức tin của mình trước mặt thiên hạ mà thôi, chúng ta còn phải tuân theo lời Người trong đời sống thường nhật. Chúng ta không nên hồ thẹn mà hành động và ăn nói với tư cách là người có đức tin ; khi cần còn phải *tuyên bố* những xác tín của chúng ta cách công khai nữa.

* **10,34** *Anh em đừng tưởng Thầy đến đem bình an cho trái đất.* Người có đức tin được bình an do bởi họ biết chắc chắn Thiên Chúa yêu thương họ ; đó là điều đã được các thiên thần nói lên tại Bê-lem : “Bình an dưới thế cho loài người Chúa thương” (Lc 2,14). Chúa Giê-su không đến đem bình an cho trái đất, vì cái yên ổn trên trái đất là sản phẩm của những trạng huống hồ đồ, những chân lý nửa vời, của cái cân thăng bằng không lành mạnh giữa lòng tham và tính nhất đảm. Cái bình an trên cõi đời, trong gia đình hay ngoài xã hội, thường che giấu một trật tự bất công do kẻ mạnh áp đặt, hoặc một mức độ đạo đức yếu kém mà mọi người đành chấp nhận. Tin Mừng thì luôn đánh thức óc phê bình, và sự có mặt của chỉ một người Ki-tô hữu đang sống trong chân lý thôi có khi cũng đủ để gây áy náy cho nhiều người : Ga 3,20 ; 15,18.

Tin Mừng thôi thúc chúng ta tự do hơn khi quyết định, không sợ bị người chung quanh phê phán, khi nắm chắc rằng những người này không thể hiểu các giá trị Tin Mừng đã hướng dẫn những lựa chọn của chúng ta. Ví dụ một cô gái lỡ mang thai phải tranh đấu như thế nào để kháng cự những lời lẽ của cha mẹ vẫn khuyên cô đi phá thai. Tại nhiều nước, người Ki-tô hữu đã bị bách hại vì họ dạy rằng luật Thiên Chúa cao trọng hơn quyền cha mẹ được coi như tối thượng. Đó là trường hợp đã gặp thấy tại Rô-ma thời thượng cổ, và tại nhiều cộng đồng hiện nay.

với Thầy. Ai yêu con trai con gái hơn Thầy, thì không xứng với Thầy. ³⁸ Ai không vác thập giá mình mà theo Thầy, thì không xứng với Thầy. ³⁹ Ai giữ lấy mạng sống mình, thì sẽ mất ; còn ai liều mất mạng sống mình vì Thầy, thì sẽ tìm thấy được.

Ai đón tiếp anh em là đón tiếp Thầy

⁴⁰ “Ai đón tiếp anh em là đón tiếp Thầy, và ai đón tiếp Thầy là đón tiếp Đấng đã sai Thầy.

⁴¹ “Ai đón tiếp một ngôn sứ, vì người ấy là ngôn sứ, thì sẽ được lãnh phần thưởng dành cho bậc ngôn sứ ; ai đón tiếp một người công chính, vì người ấy là người công chính, thì sẽ được lãnh phần thưởng dành cho bậc công chính.

⁴² “Và ai cho một trong những kẻ bé nhỏ này uống, dù chỉ một chén nước lã thôi, vì kẻ ấy là môn đệ của Thầy, thì Thầy bảo thật anh em, người đó sẽ không mất phần thưởng đâu.”

IV. MẦU NHIỆM NƯỚC TRỜI

1. PHẦN KÝ THUẬT

Nhập đề

11 ¹ Ra chỉ thị cho mười hai môn đệ xong, Đức Giê-su rời chỗ đó, đi dạy dỗ và rao giảng trong các thành thị trong miền.

Câu hỏi của ông Gio-an Tẩy Giả và câu trả lời của Đức Giê-su

* ² Ông Gio-an lúc ấy đang ngồi tù, nghe biết những việc Đức Ki-tô làm,

Đàng khác, còn có ma quỷ âm mưu bách hại tất cả những ai muốn hoán cải trở về chính đạo để làm họ phải khiếp sợ mà tháo lui.

Không xứng với Thầy (c.37). Chúa Giê-su không chỉ ngỡ lời với những nhà truyền giáo hay những vị được giao một sứ mạng phi thường mà thôi. Chúng ta tất cả phải thoát ly với những vương vấn làm cho ta quá lệ thuộc vào gia đình và cản trở sự phát triển nhân bản và thiêng liêng của mình. Ai yêu mến Chúa Ki-tô sẽ đủ sức mạnh để thoát ra khỏi những ràng buộc cầm giữ các thành viên trong gia đình ở một mức sống đạo an phận thủ thường.

* 11,2 X. phân bình giải Lc 7,18.

liên sai môn đệ đến hỏi Người rằng : ³ “Thưa Thầy, Thầy có thật là Đấng phải đến không, hay là chúng tôi còn phải đợi ai khác ?”
⁴ Đức Giê-su trả lời : “Các anh cứ về thuật lại cho ông Gio-an những điều mắt thấy tai nghe :
⁵ *Người mù xem thấy, kẻ què được đi, người cùi được sạch, kẻ điếc được nghe, người chết sống lại, kẻ nghèo được nghe Tin Mừng,* ⁶ và phúc thay người nào không vấp ngã vì tôi.”

⁷ Họ đi rồi, Đức Giê-su bắt đầu nói với đám đông về ông Gio-an rằng : “Anh em ra xem gì trong hoang địa ? Một cây sậy phát phơ trước gió chẳng ? ⁸ Thế thì anh em ra xem gì ? Một người mặc gấm vóc lụa là chẳng ? Kia những kẻ mặc gấm vóc lụa là thì ở trong cung điện nhà vua. ⁹ Thế thì anh em ra xem gì ? Một vị ngôn sứ chẳng ? Đúng thế đó ; mà tôi nói cho anh em biết, đây còn hơn cả ngôn sứ nữa.
¹⁰ Chính ông là người Kinh

Chúa Giê-su đã sai các nhà truyền giáo đầu tiên ra đi : đối với Mt, đây là lúc nên chỉ cho thấy Nước Trời các ông rao truyền đang đến như thế nào ! Cuộc thăm hỏi của các môn đệ ông Gio-an sẽ giúp cho thấy những gì Nước Trời đem đến và những gì không nên mong chờ Nước Trời đem đến.

Đoạn tiếp theo, bắt đầu từ 11,25, sẽ cho thấy rằng điều căn cốt trong Nước Trời hệ tại chính con người Chúa Giê-su.

Kẻ nghèo được nghe Tin Mừng (c.5). Điều mà Chúa Giê-su công bố cho người đương thời biết là một Tin Mừng, bởi đó là một thông điệp bất ngờ chưa ai dám ước mơ, làm cho mọi người tràn trề hy vọng và tìm lại được phẩm giá của mình.

LOAN TIN MỪNG CHO KẺ NGHÈO LÀ MỘT ƯU TIÊN

Kẻ nghèo được nghe Tin Mừng. Phải đọc đoạn này cùng một trật với Lc 1,52 ; 4,18 ; 6,20 ; 10,23.

Nếu hiểu rằng Chúa Giê-su chỉ kêu gọi chúng ta đi dạy học cho những người ít học hoặc thuộc tầng lớp xã hội thấp kém, là hiểu sai đoạn văn. Vào thời Chúa Giê-su, các người Pha-ri-sêu đã tưởng rằng họ phải giáo dục những người mộc mạc và thất học. Chúa thì trái lại, sai các Tông Đồ của mình là những người cũng nghèo như người nghèo đang nghe các ông giảng, để cho họ biết Thiên Chúa đã đến với họ, và giúp họ khám phá ra Người đang hoạt động giữa họ trước khi đến với người khác. Chính ở giữa người nghèo và từ giới nghèo mà diễn ra những kinh nghiệm có tính quyết định cho việc đổi mới thế giới và đời sống thiêng liêng của người giàu cũng như người nghèo.

Thánh đã nói tới khi chép rằng : *Này Ta sai sứ giả của Ta đi trước mặt Con, người sẽ dọn đường cho Con đến.*

¹¹ “Tôi nói thật với anh em : trong số phàm nhân đã lọt lòng mẹ, chưa từng có ai cao trọng hơn ông Gio-an Tẩy Giả. Tuy nhiên, kẻ nhỏ nhất trong Nước Trời còn cao trọng hơn ông. ¹² Từ thời ông Gio-an Tẩy Giả cho đến bây giờ, Nước Trời phải đương đầu với sức mạnh,

‘Tội tôi thối sáo cho các anh, mà các anh không nhảy múa ;
tội tôi hát bài đưa đám,
mà các anh không đắm ngực khóc than.’

¹⁸ Thật vậy, ông Gio-an đến, không ăn không uống, thì thiên hạ bảo : ‘Ông ta bị quỷ ám.’ ¹⁹ Con Người đến, cũng ăn cũng uống như ai, thì thiên hạ lại bảo : ‘Đây là tay ăn nhậu, bạn bè với quân thu thuế và phường tội lỗi.’ Nhưng Đức Khôn Ngoan được chứng minh bằng hành động.”

ai mạnh sức thì chiếm được. ¹³ Cho đến ông Gio-an, tất cả các ngôn sứ cũng như Lê Luật đều đã nói tiên tri. ¹⁴ Và nếu anh em chịu tin lời tôi, thì ông Gio-an chính là Ê-li-a, người phải đến. ¹⁵ Ai có tai thì nghe.

Đức Giê-su phán đoán về thế hệ của Người

¹⁶ “Tôi phải ví thế hệ này với ai ? Họ giống như lũ trẻ ngồi ngoài chợ gọi lũ trẻ khác, ¹⁷ và nói :

Khốn cho những thành đã chứng kiến các phép lạ mà không sám hối

* ²⁰ Bây giờ Người bắt đầu quả trách các thành đã chứng kiến phần lớn các phép lạ Người làm mà không sám hối :

²¹ “Khốn cho ngươi, hỡi Kho-ra-din ! Khốn cho

C.11 : *chưa từng có ai cao trọng hơn ông Gio-an Tẩy Giả. Lời nói này được dùng để mở đầu những đoạn nói về một nhân vật trọng yếu, là vua hoặc ngôn sứ.*

C.12 : cũng có thể dịch : “Nước Trời dùng sức mạnh tự mở đường cho mình” (x. Rm 1,16). Nước Thiên Chúa là một sức mạnh đẩy lịch sử tiến lên, lợi dụng các thay đổi tiệm tiến cũng như bạo phát xảy ra trong thế giới loài người. Người Ki-tô hữu được mời gọi tích cực tham gia vào cuộc biến hoá không ngừng này.

người, hỡi Bét-xai-đa ! Vì nếu các phép lạ đã làm nơi các người mà được làm tại Tia và Xi-đôn, thì họ đã mặc áo vải thô, rắc tro lên đầu tỏ lòng sám hối. ²² Vì thế, Ta nói cho các người hay : đến ngày phán xét, thành Tia và thành Xi-đôn còn được xử khoan hồng hơn các người. ²³ Còn người nữa, hỡi Ca-phác-na-um, người tưởng sẽ được nâng lên đến tận trời ư ? *Người*

sẽ phải nhào xuống tận âm phủ ! Vì nếu các phép lạ đã làm nơi người mà được làm tại Xơ-đôm, thì thành ấy đã tồn tại cho đến ngày nay. ²⁴ Vì thế, Ta nói cho các người hay : đến ngày phán xét, đất Xơ-đôm còn được xử khoan hồng hơn các người.”

Chúa Cha và người Con

* ²⁵ Vào lúc ấy, Đức Giê-su cất tiếng nói : “Lạy Cha

* 11,20 *Kho-ra-din và Bét-xai-đa* : hai thành phố này có những cơ sở có trình độ học đạo cấp cao, nhưng ở đó người ta đã không đón nhận Tin Mừng. *Tia và Xi-đôn* là hai thành phố ngoại giáo đã từng bị các ngôn sứ nguyện rửa (Is 23,1-12 ; Gr 47,4).

* 11,25 Tình mật thiết giữa Chúa Giê-su và Cha của Người. Chúa Giê-su cầu nguyện, gây ấn tượng sâu đậm trong lòng các môn đệ. Ở đây là một lời nguyện tạ ơn ngắn, cảm hứng từ những biến cố mới nhất vừa xảy ra.

Cha đã giấu không cho bậc thông thái biết. Dĩ nhiên không phải hề thông thái là bị loại ra khỏi thế giới của lòng tin, nhưng có điều làm rạn danh Thiên Chúa là không bao giờ đức tin bị hiểu là một đặc ân dành riêng cho hạng người hiền triết và thông minh cả. Cốt tuý cuộc đời không hề do sự khôn ngoan trí tuệ của người phàm mà tìm thấy được, thường khi nó còn bị những thứ ấy che khuất nữa. Lúc bấy giờ tại Pa-lét-tin có vài bậc hiền triết và lắm kẻ được gọi là người khôn ngoan, nhưng họ đâu có đồng trong số các môn đệ Chúa Giê-su.

Cha tôi giao phó mọi sự cho tôi. Thiên Chúa an bài mọi sự cần thiết để mọi nơi mọi thời, loài người tìm thấy con đường đến với Người. Nhưng chỉ có Chúa Giê-su mới là Đấng mặc khải cho chúng ta nhận biết, ngay từ đời này, gương mặt của Thiên Chúa Cha.

Tôi có lòng hiền hậu và khiêm nhường. Lòng khiêm nhường của Chúa Giê-su biểu lộ lòng khiêm nhường của chính Thiên Chúa. Thiên Chúa không bao giờ tìm cách hạ thấp hoặc uy hiếp chúng ta, ngược lại, Người còn muốn nâng cao chúng ta lên tới Người. Lòng khiêm nhường ấy không cản Thiên Chúa vẫn là Thiên Chúa. Người còn có thể hoạt động từ tận đáy lòng của chúng ta chứ không phải áp đặt từ bên ngoài : *Hãy học với tôi.* Nhờ đó, Người cũng có thể đòi hỏi chúng ta rất nhiều, đòi hỏi tất cả.

là Chúa Tể trời đất, con xin ngợi khen Cha, vì Cha đã giấu không cho bậc khôn ngoan thông thái biết những điều này, nhưng lại mặc khải cho những người bé mọn.²⁶ Vâng, lạy Cha, vì đó là điều đẹp ý Cha.

²⁷ “Cha tôi đã giao phó mọi sự cho tôi. Và không ai biết rõ người Con, trừ Chúa Cha ; cũng như không ai biết rõ Chúa Cha, trừ người Con và kẻ mà người Con muốn mặc khải cho.

Hãy mang lấy ách của tôi

²⁸ “Tất cả những ai đang vất vả mang gánh nặng nề, hãy đến cùng tôi, tôi sẽ cho nghỉ ngơi bồi dưỡng.²⁹ Anh em hãy mang lấy ách của tôi, và hãy học với tôi, vì tôi có lòng hiền hậu và khiêm nhường. *Tâm hồn anh em sẽ được nghỉ ngơi bồi dưỡng.*³⁰ Vì ách tôi êm ái, và gánh tôi nhẹ nhàng.”

Môn đệ bắt lúa ăn ngày sa-bát

12^{* 1} Hôm ấy, vào ngày sa-bát, Đức Giê-su đi

Hãy đến cùng tôi. Tôi sẽ không cất đi gánh nặng của anh em, nhưng nếu nhận *mang lấy ách của tôi*, anh em sẽ có thể mang gánh nặng của mình.

Chúa Giê-su “chơi chữ” với *ách* và *gánh nặng*, vì người Do-thái quen gọi giáo lý truyền thụ cho học viên là “gánh nặng”, và việc học viên ngân nga đọc thuộc lòng các bài giáo lý là “ách”.

Chúa Giê-su, người thầy kiên nhẫn và khiêm tốn, giúp chúng ta khám phá lòng thương xót của Thiên Chúa trong cuộc đời mình và ngay cả nơi thập giá đè nặng trên mình nữa. Chúa bày tỏ tình thương của Thiên Chúa ngay trong những đòi hỏi của Luật. Chỉ có Thiên Chúa là thiện hảo, và uy quyền của Chúa Ki-tô là thiện hảo.

* **12,1** Xung đột giữa Chúa Giê-su và các người Pha-ri-sêu về ngày sa-bát : x. phần bình giải Mc 2,23 và Lc 6,1.

Tại sao Tin Mừng nhấn mạnh vào các cuộc xung đột này ? Có lẽ vì vào thời Chúa Giê-su, các ràng buộc nặng nề trong đạo là một rào cản trên con đường khám phá Thiên Chúa. Cũng có thể vì các Ki-tô hữu đạo mới đã nhanh chóng dựng lên những luật lệ khác cũng khắt khe quá đáng như vậy. Nếu như Chúa Giê-su đã chủ tâm vi phạm điều luật thiêng liêng cao trọng nhất mà Thiên Chúa đã truyền cho ông Mô-sê, thì phải nghĩ sao về những điều luật Giáo Hội không có lời Chúa làm bảo chứng ? Nhân danh những luật lệ người phạm đã làm ra trước đây trong một bối cảnh xã hội khác, người ta đôi lúc có thể làm tê liệt các cộng đoàn Ki-tô hữu, khiến nhiều người phải đi tìm đến nơi khác để có những cộng đoàn và mục tử mà họ đang thiếu.

bằng qua một cánh đồng lúa ; các môn đệ thấy đói và bắt đầu bứt lúa ăn.
² Người Pha-ri-sêu thấy vậy, mới nói với Đức Giê-su : “Ông coi, các môn đệ ông làm điều không được phép làm ngày sa-bát !”
³ Người đáp : “Các ông chưa đọc trong Sách sao ? Ông Đa-vít đã làm gì, khi ông và thuộc hạ đói bụng ?
⁴ Ông vào nhà Thiên Chúa, và đã cùng thuộc hạ ăn bánh tiến. Thứ bánh này, họ không được phép ăn, chỉ có tư tế mới được ăn mà thôi.
⁵ Hay các ông chưa đọc trong sách Luật rằng ngày sa-bát, các tư tế trong Đền Thờ vi phạm luật sa-bát mà không mắc tội đó sao ?
⁶ Tôi nói cho các ông hay : ở đây còn lớn hơn Đền Thờ nữa.
⁷ Nếu các ông hiểu được ý nghĩa của câu này : *Ta muốn lòng nhân chứ đâu cần lễ tế*, ắt các ông đã chẳng lên án kẻ vô tội.
⁸ Quả thế, Con Người làm chủ ngày sa-bát.”

Đức Giê-su chữa người bị bại tay trong ngày sa-bát

⁹ Đức Giê-su bỏ đó mà đi vào hội đường của họ.
¹⁰ Tại đây, có người bị bại một tay. Người ta hỏi Đức

Giê-su rằng : “Có được phép chữa bệnh ngày sa-bát không ?” Họ hỏi thế là để tố cáo Người.
¹¹ Người đáp : “Ai trong các ông có một con chiên độc nhất bị sa hố ngày sa-bát, lại không nắm lấy nó và kéo lên sao ?
¹² Mà người thì quý hơn chiên biết mấy ! Vì thế, ngày sa-bát được phép làm điều lành.”
¹³ Rồi Đức Giê-su bảo người bại tay : “Anh giơ tay ra !” Người ấy giơ ra và tay liền trở lại bình thường lành mạnh như tay kia.
¹⁴ Ra khỏi đó, nhóm Pha-ri-sêu bàn bạc để tìm cách giết Đức Giê-su.

Đức Giê-su, người Tôi Trung của Thiên Chúa

¹⁵ Biết vậy, Đức Giê-su lánh khỏi nơi đó. Dân chúng theo Người đông đảo và Người chữa lành hết.
¹⁶ Người còn cấm họ không được tiết lộ Người là ai.
¹⁷ Như thế là để ứng nghiệm lời ngôn sứ I-sai-a đã nói :
¹⁸ *Đây là người Tôi Trung Ta đã tuyển chọn, đây là người Ta yêu dấu : Ta hài lòng về Người. Ta cho Thần Khí Ta ngự trên Người. Người sẽ loan báo công lý trước muôn dân.*
¹⁹ Người sẽ

không cãi vã, không kêu to, chẳng ai nghe thấy Người lên tiếng giữa phố phường. ²⁰ *Cây lau bị giập, Người không đành bẻ gãy, tim đèn leo lét, chẳng nỡ tắt đi, cho đến khi Người đưa công lý đến toàn thắng,* ²¹ *và muôn dân đặt niềm hy vọng nơi danh Người.*

Đức Giê-su và quỷ vương Bê-en-dê-bun

* ²² Bấy giờ họ đem đến cho Đức Giê-su một người bị quỷ ám vừa mù lại vừa câm. Người chữa anh ta, khiến anh nói và thấy được. ²³ Tất cả dân chúng

đều sửng sốt và nói : “Ông này chẳng phải là Con vua Đa-vít sao ?” ²⁴ Nghe vậy, những người Pha-ri-sêu nói rằng : “Ông này trừ được quỷ chỉ là nhờ dựa thế quỷ vương Bê-en-dê-bun.”

²⁵ Biết ý nghĩ của họ, Đức Giê-su nói : “Bất cứ nước nào tự chia rẽ, thì sẽ điêu tàn. Bất cứ thành nào hay nhà nào tự chia rẽ, thì sẽ không tồn tại. ²⁶ Nếu Xa-tan trừ Xa-tan, thì Xa-tan tự chia rẽ : nước nó tồn tại sao được ? ²⁷ Nếu tôi dựa thế Bê-en-dê-bun mà trừ quỷ, thì đệ tử các ông dựa thế ai mà trừ ?

* 12,22 X. phần bình giải Mc 3,22.

Đệ tử các ông (c.27). Chúa Giê-su ám chỉ những người Do-thái chuyên nghề trừ quỷ hay dùng những lời kinh và công thức trừ quỷ, như thấy trong Cv 19,13.

Tội nói phạm đến Thần Khí (c.31). Đó là tội đem những tác động của Thần Khí mà gán cho ma quỷ, như thấy trong Mc 3,30.

Cả đời này lẫn đời sau (c.32). Đây là lối nói trong tiếng Do-thái có nghĩa là tội này không tha thứ được trước mặt Thiên Chúa và trước mặt thiên hạ. Kẻ nào phủ nhận Thần Khí, hiện thân của lòng thương xót, thì làm sao có thể được tha thứ ?

Cây mà tốt (c.33). Câu này cũng là một áp dụng những điều chúng ta đã đọc ở 7,16. Ở đây các người Pha-ri-sêu tố cáo Chúa Giê-su : họ vu khống những ai làm điều tốt, vì lòng họ hay nghĩ xấu cho người ta.

Nhờ lời nói của anh mà anh sẽ được trắng án ; và cũng tại lời nói của anh mà anh sẽ bị kết án (c.37). Xem Lc 19,22. Không phải chỉ có những hành động lẽ tẻ trong đời chúng ta mới bị xét đoán. Chúng ta đã mất bao nhiêu năm trời để tạo lập một triết lý thực tiễn và một nhân sinh quan nào đó. Từ đó mà chúng ta xét đoán những cái nơi người khác chất vấn lại những lựa chọn của chúng ta. Chính điều này, những lời lẽ mà chúng ta nói lên để tự bào chữa trước mặt chính mình và lên án tha nhân, chính nó sẽ kết án chúng ta.

Bởi vậy, chính họ sẽ xét xử các ông. ²⁸ Còn nếu tôi dựa vào Thần Khí của Thiên Chúa mà trừ quỷ, thì quả là triều đại Thiên Chúa đã đến giữa các ông.

²⁹ “Làm sao người ta có thể vào nhà một kẻ mạnh và cướp của được, nếu không trói kẻ mạnh ấy trước đã, rồi mới cướp sạch nhà nó ?

³⁰ “Ai không đi với tôi, là chống lại tôi ; và ai không cùng tôi thu góp, là phân tán. ³¹ Vì thế, tôi nói cho các ông hay : mọi tội, kể cả tội nói phạm thượng, cũng sẽ được tha cho loài người, chứ tội nói phạm đến Thần Khí sẽ chẳng được tha. ³² Ai nói phạm đến Con Người thì được tha ; nhưng ai nói phạm đến Thánh Thần sẽ chẳng được tha, cả đời này lẫn đời sau.

Lòng có đây, miệng mới nói ra

³³ “Cây mà tốt thì quả cũng tốt ; cây mà sâu thì quả cũng sâu, vì xem quả thì biết cây. ³⁴ Loài rắn độc kia, xấu như các người, thì làm sao nói điều tốt được ? Vì lòng có đây, miệng mới nói ra. ³⁵ Người tốt thì rút cái tốt từ kho tàng tốt của mình ; kẻ xấu thì rút cái xấu từ kho tàng xấu của mình. ³⁶ Tôi nói cho các người hay : đến Ngày phán xét, người ta sẽ phải trả lời về mọi điều vô ích mình đã nói. ³⁷ Vì nhờ lời nói của anh mà anh sẽ được trắng án ; và cũng tại lời nói của anh mà anh sẽ bị kết án.”

Dấu lạ ngôn sứ Giê-na

* ³⁸ Bảy giờ có mấy kinh sư và mấy người Pha-ri-sêu nói với Đức Giê-su rằng : “Thưa Thầy, chúng

* 12,38 Hôm ấy Chúa Giê-su không làm phép lạ vì các chuyên viên nhà đạo đòi Chúa đưa ra những chứng cứ thay vì nghe Chúa nói.

Thế hệ gian ác và ngoại tình (c.39). Kinh Thánh dùng cụm từ này để chỉ những người có đức tin mà thất tín, tuy ngoài miệng không chối bỏ Thiên Chúa, nhưng trong lòng thì họ đi thờ những thần khác.

Câu truyện *thần ô uế* (c.43 tt) –nghĩa là ma quỷ– nhắm tới người đồng thời với Chúa Giê-su. Họ đã đón nhận lời kêu gọi sám hối của ông Gio-an Tẩy Giả và đã thay đổi nếp sống trong một thời gian. Nhưng họ chưa cảm nghiệm được Thiên Chúa, chưa khám phá cái sức mạnh nội tâm có thể giúp họ kiên trì, nên sẽ trở lại con đường mù quáng của họ.

tôi muốn thấy Thầy làm một dấu lạ.”³⁹ Người đáp : “Thế hệ gian ác và ngoại tình này đòi dấu lạ. Nhưng chúng sẽ không được dấu lạ nào, ngoài dấu lạ ngôn sứ Giô-na.⁴⁰ Quả thật, ông Giô-na đã ở trong bụng kình ngư ba ngày ba đêm thế nào, thì Con Người cũng sẽ ở trong lòng đất ba ngày ba đêm như vậy.⁴¹ Trong cuộc phán xét, dân thành Ni-ni-vê sẽ trỗi dậy cùng với thế hệ này và sẽ kết án họ, vì xưa dân ấy đã sám hối khi nghe ông Giô-na rao giảng ; mà đây thì còn hơn ông Giô-na nữa.⁴² Trong cuộc phán xét, nữ hoàng Phương Nam sẽ đứng lên cùng với thế hệ này, và bà sẽ kết án họ, vì xưa bà đã từ tận cùng trái đất đến nghe lời khôn ngoan của vua Sa-lô-môn ; mà đây thì còn hơn vua Sa-lô-môn nữa.

Quyển phản công

⁴³ “Khi thần ô uế xuất khỏi một người, thì nó đi rảo qua những nơi khô cháy, tìm chốn nghỉ ngơi mà tìm không ra.⁴⁴ Bấy giờ nó nói : ‘Ta sẽ trở về nhà ta, nơi ta đã bỏ ra đi.’ Khi đến nơi, nó thấy nhà để trống, lại được quét tước, trang hoàng hân hoan.⁴⁵ Nó liền đi kéo thêm bảy thần khác dữ hơn nó, và chúng vào ở đó. Rốt cuộc, tình trạng của người ấy lại còn tệ hơn trước. Thế hệ gian ác này rồi cũng sẽ bị như vậy.”

Ai thuộc gia đình của Đức Giê-su ?

* ⁴⁶ Người còn đang nói với đám đông, thì có mẹ và anh em của Người đứng bên ngoài, tìm cách nói chuyện với Người.⁴⁷ Có kẻ thưa Người rằng : “Thưa Thầy, có mẹ và anh em Thầy đang đứng ngoài kia, tìm cách nói chuyện

Dân thành Ni-ni-vê : x. Gn 3,5.

Nữ hoàng Phương Nam : x. 1 V 10.

Dấu lạ ngôn sứ Giô-na là cuộc phục sinh của Chúa Giê-su. Nhưng hướng suy diễn trong Mt khác với Lc 11,30.

* **12,46** *Mẹ và anh em của Người.* Nếu Chúa Giê-su có những anh em ruột, nghĩa là những người mà Đức Ma-ri-a đã sinh ra, thì Tin Mừng đã ghi “Mẹ Người và các con của mẹ Người”, vì đó là cách nói của người Do-thái. Điểm này được triển khai ở Mc 3,31.

với Thầy.”⁴⁸ Người bảo kẻ ấy rằng : “Ai là mẹ tôi ? Ai là anh em tôi ?”⁴⁹ Rồi Người giơ tay chỉ các môn đệ và nói : “Đây là mẹ tôi,

đây là anh em tôi.⁵⁰ Vì phàm ai thi hành ý muốn của Cha tôi, Đấng ngự trên trời, người ấy là anh chị em tôi, là mẹ tôi.”

2. BÀI GIẢNG BẰNG DỤ NGÔN

Nhập đề

13 *¹ Hôm ấy, Đức Giê-su từ trong nhà đi ra ngồi ở ven Biển Hồ.² Dân chúng tụ họp bên Người

rất đông, nên Người phải xuống thuyền mà ngồi, còn tất cả dân chúng thì đứng trên bờ.³ Người dùng dụ

* **13,1** Ở đây mở đầu “diễn từ thứ ba” của Chúa Giê-su trong Mt (x. phần Dẫn Nhập). Chúa Giê-su đã sai các Tông Đồ đi công bố Nước Thiên Chúa đã đến. Người ta đã mục kích những điềm lạ tiên khởi : chữa lành bệnh tật và chiến thắng ma quỷ, nhưng cũng có không ít những chống đối, và dường như lòng dân nói chung chưa mở ra đón nhận. “Nước Thiên Chúa” gì mà thay đổi cuộc sống con người ít thế ? Để trả lời, Mt đưa ra bảy dụ ngôn sau đây.

Chúa Giê-su dùng những lối so sánh theo kiểu của nhà nông và người lao động. Châm ngôn và dụ ngôn bao giờ cũng là phương tiện truyền đạt những lẽ khôn ngoan. Nhưng không phải cứ so sánh ví von là thành *dụ ngôn* đâu. Dụ ngôn làm cho người nghe ý thức họ đang ở trong hoàn cảnh như thế nào và buộc họ phải chọn lập trường nào.

Đối với người nghe Chúa Giê-su, Triều Đại Thiên Chúa đến có nghĩa là dân Chúa đang bị áp bức được giải phóng, và ở điểm này thì người ta muốn Chúa tỏ thái độ. Về phần Chúa thì chỉ có thể trả lời cho những ai đang đồng hành với Người thôi. Bởi Nước Thiên Chúa như là những mầm đang trỗi lên khắp đó đây trên trái đất, những điều chắc chắn đang dậy men, mà không thể thấy được nếu chưa tin. Chúa chỉ nói đến những điều đó qua hình ảnh, và chúng ta chỉ đoán hiểu được nếu đã có một ít kinh nghiệm.

Về dụ ngôn người gieo giống có thể được xem như tiêu chí của chương này, x. phần bình giải Mc 4,1 và Lc 8,4.

Gieo giống là dấu hiệu hy vọng. Chúa Giê-su đã lao vào một công trình vô vọng : cứu dân mình trong khi hầu như chẳng ai có khả năng ngăn chặn luồng bạo lực đang dậy lên, vì xã hội đầy những phe phái ngày càng chống đối nhau gay gắt. Để xoay chiều hướng của lịch sử, Người chỉ dựa vào sức mạnh của lời Thiên Chúa được công bố và thực thi. Sẽ có nhiều thất bại, nhưng mùa gặt chắc chắn sẽ tới nếu hạt giống chịu chết đi trong lòng đất.

ngôn mà nói với họ nhiều điều.

hạt được ba chục. ⁹ Ai có tai thì nghe.”

Dụ ngôn người gieo giống

Người nói : “Người gieo giống đi ra gieo giống. ⁴ Trong khi người ấy gieo, thì có những hạt rơi xuống vệ đường, chim chóc đến ăn mất. ⁵ Có những hạt rơi trên nơi sỏi đá, chỗ đất không có nhiều ; nó mọc ngay, vì đất không sâu ; ⁶ nhưng khi nắng lên, nó liền bị cháy, và vì thiếu rễ nên bị chết khô. ⁷ Có những hạt rơi vào bụi gai, gai mọc lên làm nó chết nghẹt. ⁸ Có những hạt lại rơi nhằm đất tốt, nên sinh hoa kết quả : hạt được gấp trăm, hạt được sáu chục,

Tại sao Đức Giê-su dùng dụ ngôn mà nói ?

¹⁰ Các môn đệ đến gần hỏi Đức Giê-su rằng : “Sao Thầy lại dùng dụ ngôn mà nói với họ ?” * ¹¹ Người đáp : “Bởi vì anh em thì được ơn hiểu biết các mầu nhiệm Nước Trời, còn họ thì không. ¹² Ai đã có thì được cho thêm, và sẽ có dư thừa ; còn ai không có, thì ngay cái đang có, cũng sẽ bị lấy mất. ¹³ Bởi thế, nếu Thầy dùng dụ ngôn mà nói với họ, là vì họ nhìn mà không nhìn, nghe mà không nghe không hiểu. ¹⁴ Thế là đối với họ đã ứng nghiệm lời sấm của

* **13,11** *Bởi vì anh em thì được hiểu biết các mầu nhiệm Nước Trời, vì đã nghiệm túc hưởng ứng lời kêu gọi của Đấng Ki-tô. Lời trích dẫn sấm ngôn trong Is đôi lúc khiến chúng ta dội vì chúng ta không quen với lối diễn tả của tiếng Híp-ri. Vậy Chúa Giê-su phải nói dụ ngôn bởi vì các thính giả không chịu hiểu, hay là cốt để cho họ không hiểu ? Có thể là vì cả hai lý do (so sánh c.13 với c.15). X. phân bình giải Mc 4,11.*

Ai có thì được cho thêm (c.12). Ở đây, “có” có nghĩa là cho ra hiệu quả tốt, sinh ích, ăn nên làm ra, như cây “có trái” vậy. Ai sinh hoa trái thì được cho thêm.

Nước Trời. Ở trên, chúng ta đã thấy người Do-thái dùng chữ “Trời” để chỉ Thiên Chúa (cũng như người Việt). Nước Trời là Thiên Chúa Cha (Mc và Lc cũng dùng như vậy), và Cha trên trời là Thiên Chúa Cha. Vì không hiểu cách dùng từ như thế, nên nhiều người lầm tưởng “Nước Trời” trong Tin Mừng chỉ có nghĩa là cái thực tại chúng ta được hưởng sau khi chết, được về trời với Chúa mà thôi. Thật ra, Chúa Giê-su cho biết Nước Thiên Chúa đã manh nha giữa chúng ta rồi.

ngôn sứ I-sai-a, rằng : *Các người có lảng tai nghe cũng chẳng hiểu, có trở mắt nhìn cũng chẳng thấy ;* ¹⁵ *vì lòng dân này đã ra chai đá : chúng đã bị tai nhắm mắt, kẻ mắt chúng thấy, tai chúng nghe, và lòng hiểu được mà hoán cải, và rồi Ta sẽ chữa chúng cho lành.*

¹⁶ “Còn anh em, mắt anh em thật có phúc vì được thấy, tai anh em thật có phúc, vì được nghe. ¹⁷ Quả thế, Thầy bảo thật anh em, nhiều ngôn sứ và nhiều người công chính đã mong mỏi thấy điều anh em đang thấy, mà không được thấy, nghe điều anh em đang nghe, mà không được nghe.

Giải nghĩa dụ ngôn người gieo giống

* ¹⁸ “Vậy anh em hãy nghe dụ ngôn người gieo giống. ¹⁹ Hễ ai nghe lời rao giảng Nước Trời mà không hiểu, thì quý dữ đến cướp đi điều đã gieo trong lòng người ấy : đó là kẻ đã được gieo bên vệ đường. ²⁰ Còn kẻ được gieo trên nơi sỏi đá, đó là kẻ nghe Lời và liền vui vẻ đón nhận. ²¹ Nhưng nó không đâm rễ mà là kẻ nhất thời : khi gặp gian nan hay bị ngược đãi vì Lời, nó vấp ngã ngay. ²² Còn kẻ được gieo vào bụi gai, đó là kẻ nghe Lời, nhưng nổi lo lắng sự đời, và bả vinh hoa phú quý bóp nghẹt, khiến Lời không sinh hoa kết quả gì.

* **13,18** Ai sẽ đón nhận lời Chúa ? Đây không phải là một câu trắc nghiệm về trí tuệ hay khả năng suy tư, cũng không phải về mặt sùng đạo. Ai là người còn biết hy vọng thì sẽ đón nhận lời Chúa.

Kẻ được gieo bên vệ đường là những người không tha thiết với lời đã được đón nhận. Có lẽ là vì họ không thấy gì khác ngoài lợi ích riêng (họ ích kỷ), nhưng thường hơn là vì họ đã định hướng cuộc đời họ theo một lối khác rồi.

Tiếp đến là những người không dám đối mặt với những mâu thuẫn, để bỏ cuộc : *họ vấp ngã ngay*. Có hy vọng thì mới kiên trì được mặc dù gặp bao nhiêu cản trở. Nếu Thiên Chúa đã đặt ta trên một nẻo đường, thì nẻo đường này phải đưa ta tới một nơi nào đó. Để hy vọng, phải có ý chí trung kiên và lòng anh dũng.

Sau nữa là những *kẻ được gieo vào bụi gai*. Họ tin đó, nhưng hoa quả gặt hái trên lộ trình gian khổ không đủ cho họ. Họ muốn “giữ lấy mạng mình”, vừa làm tôi Thiên Chúa vừa làm tôi tiền của. Chạy theo những lợi lộc đời này là việc họ không bỏ được, thế nên niềm hy vọng Nước Chúa nơi họ chỉ là một ước muốn hời hợt.

²³ Còn kẻ được gieo trên đất tốt, đó là kẻ nghe Lời và hiểu, thì tất nhiên sinh hoa kết quả và làm ra, kẻ được gấp trăm, kẻ được sáu chục, kẻ được ba chục.”

Dụ ngôn cỏ lùng

* ²⁴ Đức Giê-su trình bày cho dân chúng nghe một dụ ngôn khác : “Nước Trời ví như chuyện người kia gieo giống tốt trong ruộng mình. ²⁵ Khi mọi người đang ngủ, thì kẻ thù của ông đến gieo thêm cỏ lùng vào giữa lúa, rồi đi mất. ²⁶ Khi lúa mọc lên và trở bông, thì cỏ lùng cũng xuất hiện. ²⁷ Đây tớ mới đến thưa chủ nhà rằng : ”Thưa ông, không phải ông đã gieo giống tốt trong ruộng ông sao ? Thế thì cỏ lùng ở

dâu mà ra vậy ?” ²⁸ Ông đáp : “Kẻ thù đã làm đó !” Đây tớ nói : “Vậy ông có muốn chúng tôi ra đi gom lại không ?” ²⁹ Ông đáp : “Đừng, sợ rằng khi gom cỏ lùng, các anh làm bật luôn rễ lúa. ³⁰ Cứ để cả hai cùng lớn lên cho tới mùa gặt. Đến ngày mùa, tôi sẽ bảo thợ gặt : hãy gom cỏ lùng lại, bó thành bó mà đốt đi, còn lúa, thì hãy thu vào kho lẫm cho tôi.”

Dụ ngôn hạt cải

* ³¹ Đức Giê-su còn trình bày cho họ nghe một dụ ngôn khác. Người nói : “Nước Trời cũng giống như chuyện hạt cải người nọ lấy gieo trong ruộng mình. ³² Tuy nó là loại nhỏ nhất

* **13,24** Chúa Giê-su dùng dụ ngôn *cỏ lùng* để trả lời cho những người thấy bức xúc trước cái xấu có mặt ở khắp mọi nơi. Cái xấu cái tốt sẽ pha lẫn với nhau mãi đến ngày tận thế. Sẽ luôn thấy cái thiện lẫn với cái ác nơi cá nhân cũng như trong các cơ cấu loài người.

Thiên Chúa tôn trọng con người, biết rõ các cơn cám dỗ nơi họ thường mãnh liệt hơn ý chí ngay lành của họ, và họ cần có thời gian để tìm thấy và chọn lựa cái tốt.

Thiên Chúa rất kiên nhẫn. Việc hoà giải ngàn ấy nhóm người đối lập nhau, những lực lượng và luồng văn hoá rất khác nhau trên thế giới, sẽ chỉ đạt được vào cuối thời. Trong khi chờ đợi, không nên tuyên bố bên này là tốt bên nọ là xấu.

Chúa Giê-su đã đích thân giải thích dụ ngôn này (x. c.36tt).

* **13,31** Trong dụ ngôn *hạt cải*, Chúa Giê-su cho biết Nước Trời phải là một dấu chứng : nó lớn lên thế nào đó mà người ta không thể không biết đến nó trong thế giới.

trong tất cả các hạt giống, nhưng khi lớn lên, thì lại là thứ lớn nhất ; nó trở thành cây, đến nỗi chim trời tới làm tổ trên cành được.”

Trời cũng giống như chuyện năm men bà kia lấy vùi vào ba thùng bột, cho đến khi tất cả bột dậy men.”

Dụ ngôn men trong bột

Tại sao Đức Giê-su dùng dụ ngôn mà nói ?

³³ Người còn kể cho họ một dụ ngôn khác : “Nước

* ³⁴ Tất cả các điều ấy, Đức Giê-su dùng dụ ngôn

Mọi trào lưu đạo đức, mọi cách tân văn hoá, mọi phong trào cách mạng, đều phải trụ vào trong một cơ cấu cho nó có một bộ mặt để trở nên hữu hình và hữu hiệu. Đó là một cách Chúa Giê-su tiên báo về Hội Thánh, nơi thể hiện Nước Trời (không phải chủ nhân độc quyền). Nghĩa gốc Hy-lạp của từ “Hội Thánh” là “cộng đoàn những người được gọi”. Hội Thánh này phải có hai đặc điểm sau đây :

- hữu hình và hữu ích cho trần thế, như cây cành cho chim đậu làm tổ ;
- đâm rễ vào những thực tại nhân sinh. Người có đức tin là men cho đời, vì vậy họ không được sống tách rời những người không có đức tin.

Chúa Giê-su không chỉ hài lòng với một “Hội Thánh vô hình”, một nhóm huynh đệ tình cảm, một tình hiệp thông thiêng liêng giữa tất cả những ai tin vào Người. Người muốn một thứ cây cao bóng cả (nơi khác Chúa nói đến một thành phố xây trên đỉnh núi cao), để mọi người thấy được rằng hạt giống này là loại tốt và đầy sức sống. Chúng ta cần có những cộng đoàn có tổ chức, có qua lại với nhau, một phẩm trật. Nhưng các nhóm người Ki-tô hữu không nên khép kín, mỗi nhóm chỉ biết có nhóm của mình, cũng không dành hết thì giờ mà làm việc chỉ cho giáo xứ, Giáo Hội của mình mà thôi. Họ phải là những người hữu ích trong xã hội, hiệp thông với tất cả những người có thiện chí khác.

Họ phải là men trong toàn khối bột chứ không phải để dành làm một thứ bột riêng biệt mịn màng hơn đâu. Men đó biến đổi lịch sử loài người, không phải bằng cách đưa mọi người đi đến nhà thờ, nhưng bằng cách đổ tràn Thần Khí xuống, ban sức sống cho mọi hoạt động của con người.

* **13,34** *Tất cả các điều ấy, Đức Giê-su dùng dụ ngôn mà nói.* Đọc Mt 13,12, tưởng chừng như Chúa Giê-su nói bằng dụ ngôn để nguy trang giáo lý của Người, nhưng ở đây chúng ta có một cách giải thích khác, điều chỉnh và bổ sung cho cách thứ nhất. Sở dĩ Chúa dùng dụ ngôn là vì đó là lối giảng huấn thích hợp cho mọi lứa tuổi.

mà nói với đám đông ; và Người không nói gì với họ mà không dùng dụ ngôn, ³⁵ hầu ứng nghiệm lời sấm của ngôn sứ : *Mở miệng ra, tôi sẽ kể dụ ngôn, công bố những điều được giữ kín từ tạo thiên lập địa.*

Giải nghĩa dụ ngôn cỏ lùng

* ³⁶ Bấy giờ, Đức Giê-su bỏ đám đông mà về nhà. Các môn đệ lại gần Người và thưa rằng : “Xin Thầy giải nghĩa dụ ngôn cỏ lùng trong ruộng cho chúng con

Tôi sẽ kể dụ ngôn. Đó là những lời dẫn đầu Tv 78, mà tác giả Mt đã cải biên đôi chút. Ý ông muốn nói : những *bí mật* về Nước Thiên Chúa, mà Chúa Giê-su đã mặc khải, giải đáp những chất vấn then chốt của nhân loại.

Từ thuở văn minh mới khởi đầu, con người đã phải đối phó với những vấn đề và thách đố mà một mình nó vô phương giải quyết. Nay Chúa Giê-su trao cho chìa khoá giải toả các mâu thuẫn ấy. Khoa học giúp khám phá ra nhiều yếu tố làm nên vận mạng con người, nhưng chúng ta còn phải biết mình là ai.

Giải đáp của Chúa Giê-su không như một học thuyết và gây ngỡ ngàng cho những người quen học theo sách vở. Chúa cho chúng ta những bài học phong phú hơn nhiều nhờ những kiểu nói và ẩn dụ đòi hỏi chúng ta có phần sáng tạo, và chúng ta sẽ còn trở lại điểm này. Mỗi người phải đào sâu những bài học đó trong cuộc sống của mình, theo dòng lịch sử. Chỉ với thời gian chúng ta mới khám phá được tất cả ý nghĩa của nó.

* **13,36** *Ruộng là thế gian.* Dụ ngôn này không chỉ ứng dụng cho những kinh nghiệm đời người của mỗi chúng ta, hoặc của Giáo Hội như trường hợp dụ ngôn chiếc lưới (c.37). Nó mời gọi chúng ta nhìn thấy một Nước Thiên Chúa “phủ sóng” toàn bộ cuộc sống của thế giới : nó triển nở trong mọi chiều kích của thế giới trần tục. Lịch sử thánh không chỉ là lịch sử thời xưa của quê hương Chúa Giê-su, mà là toàn bộ lịch sử nhân loại được đặt dưới quyền làm Chúa của Đức Ki-tô Phục Sinh.

Đến ngày tận thế cũng sẽ xảy ra như vậy (c.40). Chúa Giê-su nói về một cuộc phán xét. Niềm mong đợi thấy ngày Thiên Chúa xét xử trần gian là một yếu tố chủ yếu trong giáo huấn các ngôn sứ. Không nên chỉ thấy trong đó ước muốn báo thù của những kẻ đã sống ngay lành nhưng gặp phải hoạn nạn đau thương. Một trong những chân lý căn bản của nhân sinh quan Ki-tô giáo là xác tín rằng cuộc đời mình sẽ được phán xét bởi một Đấng xét soi thấu tận lòng dạ con người. Như vậy chúng ta hiểu được tính cách bí hùng của các quyết định mà chúng ta chọn lựa ngày này qua ngày nọ, vạch ra một con đường đưa đến chân lý, hoặc khựng lại trong thái độ chối từ ánh sáng.

nghe.”³⁷ Người đáp : “Kẻ gieo hạt giống tốt là Con Người.³⁸ Ruộng là thế gian. Hạt giống tốt, đó là con cái Nước Trời. Cỏ lùng là con cái Ác Thần.³⁹ Kẻ thù đã gieo cỏ lùng là ma quỷ. Mùa gặt là ngày tận thế. Thợ gặt là các thiên thần.⁴⁰ Vậy, như người ta nhặt cỏ lùng rồi lấy lửa đốt đi thế nào, thì đến

ngày tận thế cũng sẽ xảy ra như vậy.⁴¹ Con Người sẽ sai các thiên thần của Người tập trung mọi kẻ làm gương mù gương xấu và mọi kẻ làm điều gian ác, mà tống ra khỏi Nước của Người,⁴² rồi quăng chúng vào lò lửa ; ở đó, chúng sẽ phải khóc lóc nghiền răng.⁴³ Bấy giờ người công chính sẽ chói

Niềm xác tín này gây sốc cho không ít người thời đại chúng ta, cũng như trước đây nó đã làm cho bao nhiêu người sợ hãi. Các thuyết về luân hồi xem ra dễ chấp nhận hơn, có lợi hơn : lỗi lầm ở kiếp này có thể được đền bù trong kiếp sau. Người ta nghi vấn về tầm quan trọng các lựa chọn của chính mình, và ý nghĩa của tội ác mờ nhạt đi cũng như tâm thức về sự hiện diện của Thiên Chúa. Cuối cùng người ta đâm nghi không biết cuộc đời mỗi người có một giá trị độc nhất vô nhị hay không, có phải trên đời này mỗi người có một giá trị độc nhất không gì thay thế được hay không.

Tuy có khẳng định lại về cuộc phán xét, nhưng dụ ngôn vẫn gọn này hàm chứa một yếu tố hết sức cách mạng : phán xét là một bí mật thuộc quyền Thiên Chúa, và cho đến ngày tận thế, cái tốt cái xấu có mặt lẫn lộn nơi mỗi người chúng ta cũng như trong mọi cơ cấu xã hội loài người. Đọc Kinh Thánh, có lẽ chúng ta đôi khi thấy không chỉ trong Cựu Ước mà ngay cả trong Tân Ước, thế giới luôn chia đôi giữa thiện và ác. Thật ra, nội giới con người là cả một mầu nhiệm lớn. Không phải có một nhóm người tốt (là ta, ta nghĩ vậy (!), là những người có đức tin, những người cùng một lối sống đạo làm người như ta), và những người khác còn lại. Vậy tại sao Chúa Giê-su lại phân chia loài người ra thành nhóm như thế ?

Xin trả lời ngắn gọn rằng Chúa đã nói theo kiểu các ngôn sứ. Nói về người lành kẻ dữ là một lối nói bình dị, phù hợp với não trạng những đám dân chưa được mở mang nhiều, để chỉ cho họ biết rằng mỗi người trong chúng ta, trong mỗi một hành động của mình, đều có mặt chân vướng vào một trong hai hướng đi ngược nhau như vậy đó. Đã bao nhiêu lâu người ta cảm thấy mình được đánh giá kiểu đó : nhiều lúc, kiểu đó còn có ý nghĩa và có tính sư phạm đối với chúng ta. Nhưng điều quan trọng phải hiểu là ở đây, Chúa Giê-su không gán cho các hình ảnh một giá trị tuyệt đối : đối với đa số chúng ta, ranh giới phân chia thiện ác đâu phải rành mạch, cho dù chúng ta đã bước những bước quyết liệt trong những lần hoán cải.

lợi như mặt trời, trong Nước của Cha họ. Ai có tai thì nghe.

Dụ ngôn kho báu và ngọc quý

* 44 “Nước Trời giống như chuyện kho báu chôn giấu trong ruộng. Có người kia gặp được thì liền chôn giấu lại, rồi vui mừng đi bán tất cả những gì mình có mà mua thửa ruộng ấy.

⁴⁵ “Nước Trời lại cũng giống như chuyện một thương gia đi tìm ngọc đẹp. ⁴⁶ Tìm được một viên ngọc quý, ông ta ra đi, bán tất cả những gì mình có mà mua viên ngọc ấy.

Dụ ngôn chiếc lưới

* ⁴⁷ “Nước Trời lại còn giống như chuyện chiếc lưới thả xuống biển, gom được đủ thứ cá. ⁴⁸ Khi lưới đầy, người ta kéo lên bãi, rồi ngồi nhặt cá tốt cho

Đầy tớ (c.27) là các tín hữu, đặc biệt là các người có trách nhiệm trong Giáo Hội. Có thể lòng nhiệt thành nơi họ –muốn loại trừ mọi cái họ cho là xấu để bảo vệ cái họ cho là tốt– bị sai lệch từ bên trong. Họ muốn đình chỉ mọi sai lầm ư ? Thật ra, họ chỉ tin tưởng vào quyền bính hoặc sức mạnh. Nếu các “thầy dạy” đức tin không để cho các tín hữu khả năng suy tư và sai lầm thì Giáo Hội đâu còn sống động nữa.

Thiên Chúa thích để cho sự việc tự nó sáng tỏ hơn : để cho loài người thử sống kinh nghiệm của mình. Cái ác là một phần của mẫu nhiệm Thập Giá, nhưng nhờ làm điều thiện và sống trong ánh sáng, chúng ta sẽ thắng điều ác (Rm 12,21).

* 13,44 Dụ ngôn *kho báu* và *ngọc quý* mời gọi chúng ta đừng để mất cơ hội khi Nước Thiên Chúa đến.

Nhiều người đã bao nhiêu năm chờ đợi một lời nói, một người nào đó hay một dấu hiệu hy vọng, làm cho đời họ có một ý nghĩa mới, và bỗng một hôm, họ tìm thấy được. Có khi đó là một cái gì rất đơn giản : một lời tha thứ, một cử chỉ thân tình, một lời cam kết lần đầu được trao và được nhận. Bấy giờ họ hiểu ra rằng đằng sau chuyện nhỏ ấy là chính cái mà họ trông mong, và họ vui mừng bước vào Nước Chúa.

Nhưng dụ ngôn lại thêm : *liền chôn giấu lại*. Thường là Thiên Chúa giấu lại kho tàng sau khi đã chỉ cho ta thấy. Nó chỉ thuộc về ta sau khi ta đã bền bỉ kiên trì và chịu đựng khổ đau để có khả năng lãnh nhận kho báu ấy.

Bán tất cả những gì mình có. Chúng ta cũng phải vứt đi tất cả những thói quen, những thú vui thường xâm chiếm mà không thoả mãn tâm hồn chúng ta. Trong sóng gió và bão táp cuộc đời, chúng ta phải nhớ đến kho báu đã tìm thấy, cho đến khi được gặp lại nó. Triết gia Pla-tôn nói : “Đời đen tối mà tin trời sẽ sáng mới là kỳ diệu.”

vào giỏ, còn cá xấu thì vớt ra ngoài. ⁴⁹ Đến ngày tận thế, cũng sẽ xảy ra như vậy. Các thiên thần sẽ xuất hiện và tách biệt kẻ xấu ra khỏi hàng ngũ người công chính, ⁵⁰ rồi quăng chúng vào lò lửa. Ở

CÁI XẤU TRONG LÒNG GIÁO HỘI

* 13,47 Những ai gia nhập Giáo Hội thì được hưởng phần phúc Nước Trời, nhưng họ đâu nắm chắc rằng họ sẽ không có nguy cơ đánh mất.

Khi nói về *chiếc lưới*, Chúa Giê-su nhắc nhở chúng ta rằng lẽ sống của Giáo Hội là được sai đi (“lưới người như lưới cá”), mặc dù sẽ có nhiều người đến rồi sẽ bỏ đi. Một Giáo Hội đóng kín chưa chắc sẽ gồm toàn người tốt.

HOẢ NGỤC

Các thiên thần sẽ quăng chúng vào lò lửa. Lời khẳng định này, tương tự lời ở c.30, củng cố điều mà toàn bộ Sách Thánh loan báo : chúng ta tiến về một cuộc phán xét, và sự sống sung mãn sẽ được tặng ban cho những ai ở “trong” Chúa ; ngược lại ai chối từ sự sống chỉ còn biết một số phận vô vọng.

Giáo Hội vẫn dùng ngôn ngữ Kinh Thánh mà nói về một hoả ngục đời đời. Vào tk. XII, thì từ “luyện ngục” được sử dụng để chỉ cuộc thanh luyện đau đớn mà sau khi chết, tất cả những ai nhận được ơn cứu độ sẽ phải trải qua, trừ phi lúc còn bình sinh họ đã được ngọn lửa tình yêu Thiên Chúa thiêu đốt.

Lời khẳng định về luyện ngục gây khó chịu cho những người chưa từng cảm nghiệm sự thánh thiện của Thiên Chúa. Sự thánh thiện này không bao giờ xuất hiện mà không thiêu huỷ tất cả những gì thuộc về chúng ta. Những người đó đã thật sự lưỡng được “trở nên Thiên Chúa trong Thiên Chúa” đòi hỏi những gì chưa ?

Hoả ngục cũng khó nuốt không kém. Hẳn chúng ta biết rằng lửa chỉ là một biểu tượng, và không nên coi đó là một cách Thiên Chúa trả thù. Những kẻ “sa hoả ngục” chính là những kẻ tự giam mình trong cảnh cô đơn bị dốt mà không còn có thể từ bỏ nó nữa ; nơi đó họ vừa tự thoả mãn vừa tự tra tấn với cái xấu của bản thân. Và lại ngày nay chúng ta khó chấp nhận ý niệm một hình phạt không bao giờ chấm dứt, và tìm ra đủ chứng cứ để biện bác.

Chắc chắn là Chúa Giê-su đã nói theo ngôn ngữ thời đại của Người chứ không phải của chúng ta : kẻ lành người dữ là một cách chia phạm trù trong văn hoá của dân tộc Người. Nhưng cũng chắc chắn rằng Chúa Giê-su thấu suốt mọi sự về Thiên Chúa và con người : nếu thấy trong “hình phạt” này một điều gì trái ngược với lòng nhân lành vô biên của Thiên Chúa thì Người đã nói ra rồi mà không sợ gây chống đối. Vậy mà Người đã nói như ta đọc thấy, bởi vì tình yêu vô bờ của Thiên Chúa không làm chúng ta mất đi cái tự do thoát ly và kinh dịch với Thiên Chúa.

đó, chúng sẽ phải khóc lóc
nghe thấy rằng.

Kết thúc

* 51 “Anh em có hiểu tất
cả những điều ấy không ?”
Họ đáp : “Thưa hiểu.”

52 Người bảo họ : “Bởi vậy,
bất cứ kinh sư nào đã được
học hỏi về Nước Trời, thì
cũng giống như chủ nhà
kia lấy ra từ trong kho
tàng của mình cả cái mới
lẫn cái cũ.”

Chúa Giê-su không chỉ nổi kết việc tuyên án với một vài tội phạm
gớm ghê mà thôi đâu : mọi người đều sẽ đi đến chỗ một mất một còn.
Nhưng cũng phải nhớ Chúa không nói theo phạm trù hoả ngục đời đời
hay luyện ngục : bản dịch đây ghi “hoả ngục” cho dễ hiểu, nhưng từ
Híp-ri “ghê-hen-na” (Mt 5,22 ; 10,28) hay “lửa” (Mc 9,43) được dùng là
những từ mơ hồ có thể hiểu theo cả hai nghĩa – hoả ngục hay luyện
ngục. “Lửa hoả ngục” có tính “đời đời” ở nhiều chỗ (Mt 18,8 ; 25,41),
nhưng nghĩa của nó không phải hoàn toàn như chúng ta hiểu, mà có
thể nó chỉ một thực tại vượt khỏi phạm trù thời gian của chúng ta.

Vậy chúng ta có thể đặt vấn nạn, tuy nhiên cần phải tự hỏi hai
điều. Trước hết, nói về những gì Thiên Chúa phải làm hoặc không
được làm là như thế buộc Người phải xử cho công bằng. Mà “công
bằng” đâu phải là một thực tại tự thân mà có : nó là một phần mầu
nhiệm của Thiên Chúa. Mà chúng ta thì biết gì về mầu nhiệm Thiên
Chúa ? Kế đến là phải trả lời câu hỏi này : nếu Chúa Giê-su muốn nói
rằng một số người sẽ đi đến chỗ bất hạnh không bao giờ chấm dứt,
thì Người phải nói như thế nào để chúng ta khỏi nghi ngờ ?

Vậy mầu nhiệm Thiên Chúa vẫn còn y nguyên. Tuy nhiên, nếu
chúng ta đã rõ Thiên Chúa mời gọi chúng ta đến hưởng một điều gì
đó – và hưởng một cách vĩnh viễn –, mà chúng ta phải trả lời nhận hay
không nhận ngay khi còn sống, và sống kiếp này chỉ một lần thôi để
hoàn thành cái vinh hăng của chúng ta, thì hỏi có từ ngữ nào là quá
đáng để diễn tả cái mất mát của những kẻ khước từ Thiên Chúa ?

* 13,51 Ở đây môn đệ trở thành “*kinh sư*” ! Luôn tâm niệm lời nói
của Chúa Giê-su sẽ giúp người môn đệ rút ra không ngừng những bài
học mới mẻ cho những trường hợp mới xảy đến, đồng thời sẽ thấy rõ
hơn kinh nghiệm riêng của mình có chỗ đứng thế nào trong kinh
nghiệm chung của Giáo Hội.

V. GIÁO HỘI, BƯỚC ĐẦU CỦA NƯỚC TRỜI

1. PHẦN KÝ THUẬT

Đức Giê-su về thăm Na-da-rét

* ⁵³ Khi Đức Giê-su kể các dụ ngôn ấy xong, Người đi khỏi nơi đó. ⁵⁴ Người về quê, giảng dạy dân chúng trong hội đường của họ, khiến họ sửng sốt và nói : “Bởi đâu ông ta được khôn ngoan và làm được những phép lạ như thế ? ⁵⁵ Ông không phải là con bác thợ sao ? Mẹ của ông không phải là bà Ma-ri-a ; anh em của ông không phải là các ông Gia-cô-bê, Giô-xép, Si-môn và Giu-đa sao ? ⁵⁶ Và chị em của ông không phải đều là bà con lối xóm với chúng ta sao ? Vậy bởi đâu ông ta được như thế ?” ⁵⁷ Và họ vấp ngã vì Người. Nhưng Đức Giê-su bảo họ : “Ngôn sứ có bị rẻ rúng, thì cũng chỉ là ở chính quê hương mình và trong gia đình mình mà thôi.” ⁵⁸ Người không làm nhiều phép lạ tại đó, vì họ không tin.

Vua Hê-rô-đê và Đức Giê-su

14 * ¹ Thời ấy, tiểu vương Hê-rô-đê nghe danh tiếng Đức Giê-su, ² thì nói với những kẻ hầu cận rằng : “Đó chính là ông Gio-an Tẩy Giả ; ông đã từ cõi chết trỗi dậy, nên mới có quyền năng làm phép lạ.”

Ông Gio-an Tẩy Giả bị chém đầu

³ Số là vua Hê-rô-đê đã bắt trói ông Gio-an và tống ngục vì bà Hê-rô-đi-a, vợ ông Phi-líp-phê, anh của nhà vua. ⁴ Ông Gio-an có nói với vua : “Ngài không được phép lấy bà ấy.” ⁵ Vua muốn giết ông Gio-an, nhưng lại sợ dân chúng, vì họ coi ông là ngôn sứ. ⁶ Vậy, nhân ngày sinh nhật của vua Hê-rô-đê, con gái bà Hê-rô-đi-a đã biểu diễn một điệu vũ trước mặt quan khách, làm cho nhà vua vui thích. ⁷ Bởi đó, vua thề là sẽ cho

* 13,53 So sánh với Lc 4,14. X. phần bình giải Mc 3,31.

* 14,1 X. phần bình giải Mc 6 và 7 khi đọc chương 14 và 15.

xin gì, vua cũng ban cho.
⁸ Nghe lời mẹ xui bảo, cô thưa rằng : “Xin ngài ban cho con, ngay tại chỗ, cái đầu ông Gio-an Tẩy Giả đặt trên mâm.”⁹ Nhà vua lấy làm buồn, nhưng vì đã trót thề, lại thề trước khách dự tiệc, nên truyền lệnh ban cho cô.¹⁰ Vua sai người vào ngục chặt đầu ông Gio-an.¹¹ Người ta đặt đầu ông trên mâm, mang về trao cho cô, và cô ta đem đến cho mẹ.¹² Môn đệ ông đến lấy thi hài ông đem đi mai táng, rồi đi báo cho Đức Giê-su.

Đức Giê-su hoá bánh ra nhiều lần thứ nhất

* ¹³ Nghe tin ấy, Đức Giê-su lánh khỏi nơi đó, đi thuyền đến một chỗ hoang vắng riêng biệt. Nghe biết

vậy, đông đảo dân chúng từ các thành đi bộ mà theo Người.¹⁴ Ra khỏi thuyền, Đức Giê-su trông thấy một đoàn người đông đảo thì chạnh lòng thương, và chữa lành các bệnh nhân của họ.

¹⁵ Chiều đến, các môn đệ lại gần thưa với Người : “Nơi đây hoang vắng, và đã muộn rồi, vậy xin Thầy cho dân chúng về, để họ vào các làng mạc mua lấy thức ăn.”¹⁶ Đức Giê-su bảo : “Họ không cần phải đi đâu cả, chính anh em hãy cho họ ăn.”¹⁷ Các ông đáp : “Ở đây, chúng con chỉ có vòn vện năm cái bánh và hai con cá !”
¹⁸ Người bảo : “Đem lại đây cho Thầy !”¹⁹ Rồi sau đó, Người truyền cho dân chúng ngồi xuống cỏ.

* 14,13 X. phần bình giải Mc 6,35 ; Ga 6 ; Mt 15,27.

Đúng là các trình thuật trong hai chương 14 và 15 và ở phần đầu chương 16 được coi như cấu thành một tổ hợp ngay từ những năm đầu của Giáo Hội. Trong Mc và Lc cũng thấy được tổ hợp tương tự. Như trong tất cả các bản văn đã từng một thời là truyền khẩu, có những ý tưởng tương đồng và những từ then chốt giúp móc nối chúng lại với nhau. Ở đây, chữ *bánh* có thể là một trong các điểm tương đồng.

Đừng quên bánh là thức ăn căn bản, như cơm của ta vậy, và “ăn bánh” thật sự như là ăn cơm, nghĩa là được trọn một bữa ăn. Đàng khác, người ta không có nhu cầu nào thiết yếu hơn là ăn với mặc, nên các tôn giáo đương nhiên xem cơm bánh là quan trọng. Do đó mà có những câu hỏi và các câu đáp của Chúa Giê-su trong các chương này. Ngay cả thứ *bánh dành cho con cái* (15,26) cũng là dịp bổ sung các giáo huấn về Thánh Thể đã rút ra từ hai lần Chúa làm phép lạ hoá bánh ra nhiều.

Người cầm lấy năm cái bánh và hai con cá, ngược mắt lên trời, dâng lời chúc tụng, và bẻ ra, trao cho môn đệ. Và môn đệ trao cho dân chúng. ²⁰ Ai nấy đều ăn và được no nê. Những mẩu bánh còn thừa, người ta thu lại được mười hai giỏ đầy. ²¹ Số người ăn có tới năm ngàn đàn ông, không kể đàn bà và trẻ con.

Đức Giê-su đi trên mặt nước

* ²² Đức Giê-su liền bắt các môn đệ xuống thuyền qua bờ bên kia trước, trong lúc Người giải tán dân chúng. ²³ Giải tán họ xong, Người lên núi một mình mà cầu nguyện. Tối đến Người vẫn ở đó một mình. ²⁴ Còn chiếc thuyền thì đã

ra xa bờ đến cả mấy cây số, bị sóng đánh vì ngược gió. ²⁵ Vào khoảng canh tư, Người đi trên mặt biển mà đến với các môn đệ. ²⁶ Thấy Người đi trên mặt biển, các ông hoảng hốt bảo nhau : “Ma đấy !”, và sợ hãi la lên. ²⁷ Đức Giê-su liền bảo các ông : “Cứ yên tâm, chính Thầy đây, đừng sợ !” ²⁸ Ông Phê-rô liền thưa với Người : “Thưa Ngài, nếu quả là Ngài, thì xin truyền cho con đi trên mặt nước mà đến với Ngài.” ²⁹ Đức Giê-su bảo ông : “Cứ đến !” Ông Phê-rô từ thuyền bước xuống, đi trên mặt nước, và đến với Đức Giê-su. ³⁰ Nhưng thấy gió thổi thì ông đâm sợ, và khi bắt đầu chìm, ông la lên : “Thưa Ngài, xin cứu con với !” ³¹ Đức

* 14,22 X. phần bình giải Mc 6,45.

Các ông hoảng hốt. Vì kém tin, các ông tưởng Chúa là ma và sợ hãi. Một đức tin vững bền có nền tảng chắc chắn thì chế ngự được nỗi sợ hãi và các nguy hại do những gì là mê tín dị đoan.

Xin truyền cho con đi trên mặt nước mà đến với Ngài ! Mt không nhấn mạnh lòng ngờ vực của ông Phê-rô, mà nhấn mạnh đến đức tin yếu kém của ông. Ông là người duy nhất trong nhóm môn đệ dám ước ao một điều có vẻ chỉ dành cho Chúa Giê-su. Trở lên thuyền với các bạn sau kinh nghiệm này, chắc ông được đổi mới sâu xa, tuy đã bị một phen hết hồn.

Người đau mà kém tin vậy ! Một lần nữa, Chúa Giê-su dành lời quở trách cho những môn đệ đẹp ý Người nhất (như ở 6,30 ; 8,26 ; 16,8 ; 17,20), như thế để thuyết phục chúng ta, những môn đệ tương lai của Người, rằng đức tin của chúng ta hãy còn kém cõi lắm.

Giê-su liền đưa tay nắm lấy ông và nói : “Người đâu mà kém tin vậy ! Sao lại hoài nghi ?” ³² Khi thầy trò đã lên thuyền, thì gió lặng ngay. ³³ Những kẻ ở trong thuyền bái lạy Người và nói : “Quả thật Ngài là Con Thiên Chúa !”

Đức Giê-su chữa nhiều người đau ốm tại Ghen-nê-xa-rét

³⁴ Khi qua biển rồi, thầy trò lên đất liền, vào Ghen-nê-xa-rét. ³⁵ Dân địa phương nhận ra Đức Giê-su, liền tung tin ra khắp vùng, và người ta đem tất cả những kẻ đau ốm đến với Người. ³⁶ Họ nài xin Người cho họ chỉ sờ vào tua áo của Người thôi, và ai đã sờ vào thì đều được khỏi.

Tranh luận về truyền thống

15 ^{* 1} Bấy giờ có mấy người Pha-ri-sêu và mấy kinh sư từ Giê-ru-sa-

lem đến gặp Đức Giê-su và nói rằng : ² “Sao môn đệ ông vi phạm truyền thống của tiên nhân, không chịu rửa tay khi dùng bữa ?”

³ Người trả lời : “Còn các ông, tại sao các ông dựa vào truyền thống của các ông mà vi phạm điều răn của Thiên Chúa ? ⁴ Quả thế, Thiên Chúa dạy : *Người hãy thờ cha kính mẹ ; kẻ nào nguyên rửa cha mẹ, thì phải bị xử tử.* ⁵ Còn các ông, các ông lại bảo : ‘Ai nói với cha với mẹ rằng : những gì con có để giúp cha mẹ, đều là lễ phẩm dâng cho Chúa rồi, ⁶ thì người ấy không phải thờ cha kính mẹ nữa.’ Như thế, các ông dựa vào truyền thống của các ông mà huỷ bỏ lời Thiên Chúa.

⁷ Những kẻ đạo đức giả kia, ngôn sứ I-sai-a thật đã nói tiên tri rất đúng về các ông rằng : ⁸ *Dân này tôn kính Ta bằng môi bằng miệng, còn lòng chúng thì lại xa Ta.* ⁹ Chúng có thờ

* 15,1 X. phần bình giải Mc 7,1.

Sao môn đệ ông không chịu rửa tay ? Các người Pha-ri-sêu bênh vực một điều rất tốt mà chính chúng ta cũng làm. Nhưng Chúa Giê-su thấy xa hơn : tất cả những tập quán và lễ thói giữ đạo tốt lành ấy (gồm cả việc ăn chay, suy gẫm) dễ trở thành một bức màn che khuất điều chính yếu là thái độ luôn sẵn sàng hưởng ứng những mời gọi của Thiên Chúa, và lòng tin tưởng hết sức đơn sơ vào lượng từ bi của Người, cái duy nhất cứu được chúng ta.

phượng Ta thì cũng vô ích, vì giáo lý chúng giảng dạy chỉ là giới luật phạm nhân.”

Cái gì làm cho con người ra ô uế ?

* 10 Sau đó, Đức Giê-su gọi đám đông lại mà bảo : “Hãy nghe và hiểu cho rõ :
11 Không phải cái vào miệng làm cho con người ra ô uế, nhưng cái từ miệng xuất ra, cái đó mới làm cho con người ra ô uế.”

12 Bấy giờ các môn đệ đến gần Đức Giê-su mà thưa rằng : “Thầy có biết không ? Những người Phari-sêu đã vấp phạm khi nghe Thầy nói lời ấy.”
13 Đức Giê-su đáp : “Cây nào mà Cha của Thầy, Đấng ngự trên trời, đã

không trồng, thì sẽ bị nhổ đi. 14 Cứ để mặc họ. Họ là những người mù dắt người mù. Mù mà lại dắt mù, cả hai sẽ lăn cù xuống hố.”

15 Ông Phê-rô thưa với Người : “Xin Thầy giải thích dụ ngôn cho chúng con.” 16 Đức Giê-su đáp : “Cả anh em nữa, bây giờ mà anh em vẫn còn ngu tối sao ? 17 Anh em không hiểu rằng bất cứ cái gì vào miệng thì xuống bụng, rồi bị thải ra ngoài sao ? 18 Còn những cái gì từ miệng xuất ra, là phát xuất từ lòng, chính những cái ấy mới làm cho con người ra ô uế. 19 Vì từ lòng phát xuất những ý định gian tà, những tội giết người, ngoại tình, tà dâm, trộm cắp, làm chứng gian

* 15,10 X. phân bình giải Mc 7,14.

Xã hội loài người ở đâu cũng thấy cần phải biết phân biệt thiện ác, phân biệt theo những tiêu chuẩn loài người. Chúa Giê-su thẩm định các tiêu chuẩn ấy.

Thanh sạch và ô uế. Đối với người Do-thái, điều chính yếu là phụng sự Thiên Chúa, và họ lo lắng xem coi ai và cái gì xứng đáng tham dự vào việc phụng tự. Do đó mà họ phân biệt cái gì là thanh sạch, cái gì là ô uế. Chúa Giê-su cho họ biết chỉ có một điều thanh sạch đáng giá là tâm hồn thanh sạch.

Chắc gì những quy định hạnh kiểm của xã hội chúng ta, của nhiều xã hội gọi là tốt, không phải là một kiểu phân biệt mới giữa sạch và uế. Ngay trong Giáo Hội, nhiều thế kỷ trước đây, đã có một xu hướng tặng cho hàng tư tế một sự thanh sạch cho phép họ tiếp xúc những đồ vật linh thiêng, đã làm phép. Thời Trung Cổ, đó là một trong những lý do ngưng cho rước lễ trên tay, điều mà người ta đã quen làm trong suốt mười thế kỷ trước đó.

và vu khống. ²⁰ Đó mới là những cái làm cho con người ra ô uest ; còn ăn mà không rửa tay thì không làm cho con người ra ô uest.”

Đức Giê-su chữa con gái người đàn bà Ca-na-an

²¹ Ra khỏi đó, Đức Giê-su lui về miền Tia và Xi-đôn, ²² thì này có một người đàn bà Ca-na-an, ở miền ấy đi ra, kêu lên rằng : “Lạy Ngài là Con vua Đa-vít, xin rủ lòng thương tôi ! Đứa con gái tôi bị quỷ ám khổ sở lắm !” ²³ Nhưng Người không đáp lại một lời.

Các môn đệ lại gần xin với Người rằng : “Xin Thầy bảo bà ấy về đi, vì bà ấy cứ theo sau chúng ta mà kêu mãi !” ²⁴ Người đáp : “Thầy chỉ được sai đến với những con chiên lạc của nhà Ít-ra-en mà thôi.” ²⁵ Bà ấy đến bái lạy mà thưa Người rằng : “Lạy Ngài, xin cứu giúp tôi !”

²⁶ Người đáp : “Không nên lấy bánh dành cho con cái mà ném cho lũ chó con.”

²⁷ Bà ấy nói : “Thưa Ngài, đúng thế, nhưng mà lũ chó con cũng được ăn những mảnh vụn trên bàn chủ rơi xuống.” ²⁸ Bấy giờ Đức Giê-su đáp : “Này bà, lòng tin của bà mạnh thật. Bà muốn sao thì sẽ được vậy.” Từ giờ đó, con gái bà được khỏi.

Đức Giê-su chữa nhiều bệnh nhân tại ven biển hồ Ga-li-lê

* ²⁹ Đức Giê-su xuống khỏi miền ấy, đến ven biển hồ Ga-li-lê. Người lên núi và ngồi ở đó. ³⁰ Có những đám người đông đảo kéo đến cùng Người, đem theo những kẻ què quặt, đui mù, tàn tật, câm điếc và nhiều bệnh nhân khác nữa. Họ đặt những kẻ ấy dưới chân Người và Người chữa lành, ³¹ khiến đám đông phải kinh ngạc vì

* 15,29 Chúa Giê-su đã hai lần cho bánh hoá ra nhiều. Đây là một trong những phép lạ gây ấn tượng nhiều nhất cho chúng ta. Thường khi từ “phép lạ” bị mất giá. Kinh Thánh dùng nhiều từ để chỉ những gì thật sự được coi là việc Thiên Chúa đã ra tay thực hiện : dấu lạ, điềm thiêng, kỳ công. Từ “phép lạ” theo nghĩa mạnh hàm chứa tất cả những thực tại đó : một dấu chỉ qua đó Thiên Chúa cho ta khám phá ý muốn của Người hoặc trật tự vô hình của thế giới, một điềm lạ đảo lộn mọi tiên lượng thông thường của chúng ta, một kỳ công mà chỉ mình Thiên Chúa có thể thực hiện.

thấy kẻ câm nói được, người tàn tật được lành, người què đi được, người mù xem thấy. Và họ tôn vinh Thiên Chúa của Ít-ra-en.

Đức Giê-su hoá bánh ra nhiều lần thứ hai

³² Đức Giê-su gọi các môn đệ lại mà nói : “Thầy chạnh lòng thương đám đông, vì họ ở luôn với Thầy đã ba ngày rồi và họ không có gì ăn. Thầy không muốn giải tán họ, để họ nhịn đói mà về, sợ rằng họ bị xiu dọc đường.”

³³ Các môn đệ thưa :

“Trong nơi hoang vắng này, chúng con lấy đâu ra đủ bánh cho đám đông như vậy ăn no ?” ³⁴ Đức Giê-su hỏi : “Anh em có mấy chiếc bánh ?” Các ông đáp : “Thưa có bảy chiếc bánh và một ít cá nhỏ.” ³⁵ Bấy giờ, Người truyền cho đám đông ngồi xuống đất. ³⁶ Rồi Người cầm lấy bảy chiếc bánh và mấy con cá, dâng lời tạ ơn, bẻ ra, trao cho môn đệ, và môn đệ trao cho đám đông. ³⁷ Ai nấy đều ăn và được no nê. Những mẩu bánh còn thừa, người ta thu lại được bảy thúng đầy. ³⁸ Số người

Làm cho bánh hoá nhiều là loại phép lạ gây sốc nhiều nhất cho người thời đại chúng ta, cho lòng tin tưởng triệt để của họ vào các “định luật tự nhiên” mà –họ nghĩ– ngay cả Thiên Chúa lẽ ra cũng không được vi phạm hoặc không thể qua mặt mà không mâu thuẫn với chính mình. Và khi không phủ nhận công khai lời chứng của các Tông Đồ thì người ta né tránh tỏ ra lập trường của mình, với những câu như : “Phép lạ còn đẹp hơn nữa nếu ta tưởng tượng rằng Chúa Giê-su chỉ cần mời gọi dân chúng đem chia sẻ thức ăn mình đã mang theo, thì cuối cùng mọi người đều có đủ mà ăn : đây là phép lạ của tình liên đới !”

Nhưng Tin Mừng đâu có ý tôn sùng cái tình liên đới, mà muốn ngợi ca sự tự do tuyệt đối của Thiên Chúa, của Chúa Ki-tô : ngay cả thiên nhiên cũng phải im lặng, vì ở đây kẻ chết còn được cho sống lại. Đối với người Ki-tô hữu, tạo thành không phải là một guồng máy khổng lồ mà Thiên Chúa giao lại cho loài người sau khi thoái vị. Nó là một phần ảnh của Thiên Chúa, nơi đó các định luật –là hình bóng của sự khôn ngoan, trật tự và công bằng vốn thuộc bản tính Thiên Chúa–, không bao giờ giảm bớt nhưng vẫn giữ nguyên vẹn sự tự do của Người.

Trong suốt lịch sử Ki-tô giáo, Chúa đã từng và vẫn tiếp tục nhân lên thật nhiều những cơn bánh, những thực phẩm đủ loại và cả những của dự trữ, để dành nữa, đặc biệt cho những ai đã cho đi tất cả hoặc đã liều mình vì Chúa. Chỉ cần lắng nghe chứng từ của họ.

ăn có tới bốn ngàn người đàn ông, không kể đàn bà và trẻ con. ³⁹ Sau khi giải tán đám đông, Đức Giê-su lên thuyền, sang miền Maga-dan.

Người Do-thái đòi dấu lạ từ trời

16 * ¹ Bấy giờ, có những người thuộc phái Pha-ri-sêu và phái Xa-đốc lại gần Đức Giê-su, và để thử Người, thì xin Người cho thấy một dấu lạ từ trời. ² Người đáp : “Chiều đến, các ông nói : ‘Ráng vàng thì nắng’, ³ rồi sớm mai, các ông nói : ‘Ráng trắng thì mưa’. Cảnh sắc bầu trời thì các ông biết cắt nghĩa, còn thời điềm thì

các ông lại không cắt nghĩa nổi. ⁴ Thế hệ gian ác và ngoại tình này đòi dấu lạ. Nhưng chúng sẽ không được thấy dấu lạ nào, ngoài dấu lạ ông Giô-na.” Rồi Người bỏ họ mà đi.

Men Pha-ri-sêu và Xa-đốc

* ⁵ Khi sang bờ bên kia, các môn đệ quên đem bánh. ⁶ Đức Giê-su bảo các ông : “Anh em phải cẩn thận, phải coi chừng men Pha-ri-sêu và Xa-đốc.” ⁷ Các môn đệ nghĩ thầm rằng : “Tại chúng ta không đem bánh.” ⁸ Nhưng, biết thế, Đức Giê-su nói : “Sao anh em lại nghĩ đến chuyện không có bánh, người đâu mà kém tin vậy ?” ⁹ Anh

* **16,1** Họ xin Người cho thấy một dấu lạ từ trời, nghĩa là từ Thiên Chúa mà đến. Họ muốn thấy một phép lạ chứng minh trăm phần trăm rằng Thiên Chúa ở với Người.

Chúng sẽ không được thấy dấu lạ nào. Chúa Giê-su từ chối làm phép lạ để chứng minh quyền uy của mình. Phàm ai yêu chuộng sự thật và tìm sống ngay lành sẽ nhận ra bàn tay Thiên Chúa trong các hành động của Chúa Giê-su, của các môn đệ Người, cho dù nhiều kẻ đã nói xấu các ngài.

Dấu lạ ông Giô-na chỉ cuộc phục sinh của Chúa Giê-su (x. 12,40). Tuy cuộc phục sinh này hẳn là dấu lạ có tính quyết định cao nhất, nhưng chỉ những người có đức tin mới hiểu được điều nó chứng minh. Ai đòi hỏi phép lạ khi chưa tin thì sẽ không được đáp lời.

* **16,5** Trong số những gì Chúa Giê-su và các môn đệ đã chia sẻ trong cuộc sống chung ròng rã bấy nhiêu năm tháng, rất ít điều được Tin Mừng giữ lại. Thật là may mắn vì ít ra sách đã chép lại ở đây một trong những câu nói ngắn mà các ông đã thốt ra trước mặt Chúa. Các ông đã hiểu sai lời cảnh cáo của Chúa là vì quá lo lắng những chuyện bức xúc thật, mà nếu trao phó cho Thiên Chúa lo liệu thì vẫn hơn.

em chưa hiểu ư ? Anh em không nhớ chuyện năm chiếc bánh nuôi năm ngàn người sao ? Và anh em còn thu lại được bao nhiêu giỏ ? ¹⁰ Rồi chuyện bảy chiếc bánh nuôi bốn ngàn người nữa ? Và anh em còn thu lại được bao nhiêu thúng ? ¹¹ Tại sao anh em không hiểu rằng Thầy chẳng có ý nói về bánh, khi Thầy nói : Anh em phải coi chừng men Pha-ri-

sêu và Xa-đốc ?” ¹² Bấy giờ các ông mới hiểu là Người không bảo phải coi chừng men bánh, mà phải coi chừng giáo lý Pha-ri-sêu và Xa-đốc.

Ông Phê-rô tuyên xưng Đức Giê-su là Con Thiên Chúa

* ¹³ Khi Đức Giê-su đến vùng kế cận thành Xê-da-rê Phi-líp-phê, Người hỏi các môn đệ rằng : “Người

Phải coi chừng men Pha-ri-sêu và Xa-đốc : x. Mc 8,11. Tin Mừng thường hay ghép hai tên riêng này lại với nhau. Chúng ta biết nhóm Xa-đốc là phái lãnh tụ các tư tế. Họ nắm chức vụ cha truyền con nối, điều khiển sinh hoạt đạo đời của dân Thiên Chúa. Nhóm Pha-ri-sêu thì ngược lại, gồm những ai tự nguyện gia nhập hàng ngũ những người chuyên lo bảo vệ Luật Chúa. Họ là thù địch của nhóm Xa-đốc. Chúng ta không nên nói họ là “những người đạo đức giả, những người loạn tín” ! Thái độ chống đối Chúa Giê-su rất tự nhiên đến từ phía chính quyền xứ sở của Người, bên đạo cũng như bên đời. Làm sao Thiên Chúa có thể viếng thăm dân Người và được đại đa số các lãnh tụ ngênh đón, nếu những người này tự thấy mình là sở hữu chủ các địa vị, quyền bính, tài năng hay công trạng của họ ?

* **16,13** Một trong các dụ ngôn về Nước Thiên Chúa đã loan báo về Giáo Hội (Mt 13,31-33). Đoạn văn này cũng lại nói về Giáo Hội. Bản văn :

- cho biết Giáo Hội này được đặt trên nền tảng nào : niềm tin vào Đức Giê-su, là Đấng Ki-tô và là Con Thiên Chúa ;
- xoay quanh vị trí ông Phê-rô đứng đầu các Tông Đồ ;
- gợi ý rằng Giáo Hội luôn cần có một vị lãnh đạo hữu hình.

Thật ra, niềm tin vào Đức Ki-tô, Con Thiên Chúa, mà ông Phê-rô là người đầu tiên trong các Tông Đồ lên tiếng công bố, là một ơn Thiên Chúa ban cho. Niềm tin này không phải do sức *phàm nhân* mà có được - tiếng Híp-ri dùng cụm từ *xác thật và khí huyết*. Không phải do một xác tín thuần túy “người” mà tin được vào Chúa Ki-tô, cũng không do một sự gắn bó tình cảm suông với con người Giê-su. Lời Chúa nói với ông Phê-rô, *Anh thật là người có phúc*, cũng có giá trị đối với mọi người tín hữu chúng ta, bởi vì chính *Cha* của Người đã chọn chúng ta và đưa chúng ta đến với Người (x. Ga 6,37.44 ; Mt 13,16).

ta nói Con Người là ai ?”

¹⁴ Các ông thưa : “Kẻ thì nói là ông Gio-an Tẩy Giả, kẻ thì bảo là ông Ê-li-a, có người lại cho là ông Giê-rê-mi-a hay một trong các vị ngôn sứ.” ¹⁵ Đức Giê-su lại hỏi : “Còn anh em, anh em bảo Thầy là ai ?”

¹⁶ Ông Si-môn Phê-rô thưa : “Thầy là Đấng Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống.” ¹⁷ Đức Giê-su nói với ông : “Này anh Si-môn con ông Giô-na, anh thật là người có phúc, vì không phải phạm nhân mặc khải cho anh điều ấy, nhưng là

Bản văn xác định vị trí đứng đầu của ông Phê-rô. Ông vốn có tên là Si-môn, nhưng Chúa Giê-su đã tặng ông biệt danh Phê-rô nghĩa là Tầng Đá (Ga 1,40) vì ông sẽ là nền tảng Hội Thánh của Người. Sự đổi tên đánh dấu một sứ mạng được giao cho, như đã thấy trong trường hợp các ông Áp-ra-ham và Gia-cóp (St 17,5 và 32,29). Có những bản văn khác xác nhận lòng tin của ông Phê-rô và cho thấy ông hành xử hầu như là người chỉ huy Nhóm Mười Hai : Mt 10,2 ; 14,28 ; 17,25 ; Lc 5,8-10 ; 22,32 ; Ga 6,68 ; 21,15-19.

Những lời Chúa Giê-su nói với ông Phê-rô có giá trị đối với những người kế vị ông hay không ? Từ thời Cựu Ước, Thiên Chúa đã muốn cho dân Người có một trung tâm điểm hữu hình ; Giê-ru-sa-lem và dân Ít-ra-en vẫn hướng về trung tâm điểm của mình là Đền Thờ và các vua thuộc dòng dõi Đa-vít. Khi tuyển chọn Đa-vít, Thiên Chúa đã hứa cho miêu duệ vua sẽ đời đời ngự trị Vương Quốc Thiên Chúa : lời hứa này đã được ứng nghiệm nơi Chúa Giê-su. Giờ đây Chúa lại chọn ông Phê-rô để làm nền tảng hữu hình cho ngôi nhà Thiên Chúa là Hội Thánh. Hội Thánh thuở ban sơ đã có ông Phê-rô giữ vai nào, thì Hội Thánh trong tương lai cũng sẽ có những người kế vị ông giữ vai ấy.

Người Do-thái hiểu *cầm buộc* và *tháo cởi* với nghĩa “xác định rõ điều gì là cấm và điều gì là cho phép”. Ông Phê-rô, và các người kế vị là các giáo hoàng, sẽ nói lời tối hậu để xác quyết ai thuộc và ai không thuộc thành phần Giáo Hội, điều gì Giáo Hội buộc và điều gì Giáo Hội không buộc phải tin.

Lịch sử Giáo Hội sơ khai cho thấy từ các thế kỷ đầu tiên, các Giáo Hội địa phương đã có ý thức về quyền bính tối cao của giám mục Rô-ma, người kế vị thánh Phê-rô. Vai trò của ngài cứ phát triển theo dòng lịch sử, và càng mang tính cách tất yếu hơn do những khác biệt về địa lý và văn hoá làm cho các mối căng thẳng giữa các Kitô hữu ngày thêm trầm trọng, cứ chia rẽ nhau mãi không cùng trong cách biểu hiện lòng đạo của mình.

Mặc dù nơi các ông, lầm lỗi là thể nhân thường tình, nhưng Chúa Giê-su không thờ ơ đối với những gì các ông phán quyết : *dưới đất, anh tháo cởi điều gì, trên trời cũng sẽ tháo cởi như vậy.*

Cha của Thầy, Đấng ngự trên trời. ¹⁸ Còn Thầy, Thầy bảo cho anh biết : anh là Phê-rô, nghĩa là Tảng Đá, trên tảng đá này, Thầy sẽ xây Hội Thánh của Thầy, và quyền lực tử thần sẽ không thắng nổi. ¹⁹ Thầy sẽ trao cho anh chìa khoá Nước Trời : dưới đất, anh cầm buộc điều gì, trên trời cũng sẽ cầm buộc như vậy ; dưới

đất, anh tháo cởi điều gì, trên trời cũng sẽ tháo cởi như vậy.” ²⁰ Rồi Người cấm ngặt các môn đệ không được nói cho ai biết Người là Đấng Ki-tô.

Đức Giê-su tiên báo cuộc Thương Khó lần thứ nhất

²¹ Từ lúc đó, Đức Giê-su Ki-tô bắt đầu tỏ cho các môn đệ biết : Người phải đi Giê-ru-sa-lem, phải chịu

Tuy nhiên, nhìn nhận sứ mạng ấy của người kế vị thánh Phê-rô không có nghĩa là lời nói của ngài sẽ át hẳn tất cả các tiếng nói khác trong một Giáo Hội nín thính, cũng không thanh minh cho một cơ cấu bồng nhệch sự sống. Đoạn văn này không phớt bỏ những lời khác trong Tin Mừng, cũng quan trọng không kém, nói rằng nền tảng Hội Thánh là cả một tông đồ đoàn (Nhóm Mười Hai). Ông Phê-rô là người *giữ cửa* (Mc 13,34), nhưng đâu phải là người *thấy* cũng không phải là người *cha* (Mt 23,9). Sứ mạng của ông Phê-rô và các người kế vị không cho hiểu rằng tất cả các người có đạo khác đều là những thứ vị thành niên trong lãnh vực đức tin (1 Ga 2,27). Quyền bính các ngài mang được tất cả ý nghĩa của nó trong một Giáo Hội mà mỗi người tập cho quen tự mình biết suy nghĩ và nói lên điều mình nghĩ.

Quyền lực tử thần. Bản gốc Hy-lạp dùng từ “cửa âm phủ”. “Cửa” : bản Việt ngữ dịch “quyền lực” là sát ý (có thể ví chằng với “cửa quyền” trong tiếng Việt). Cho dù quyền lực tử thần đe dọa sẽ triệt hạ Hội Thánh, hoặc cố phát triển bên trong Hội Thánh những mầm huỷ hoại đi nữa, nó cũng không thể cản trở Hội Thánh chu toàn sứ mạng cứu độ của mình. Một phần sách Khải huyền (ch. 12 – 17) phác hoạ cuộc đời đầu này.

Một số đoạn văn khác cho thấy Nhóm Mười Hai là nền móng của Hội Thánh (Ep 2,20 và Kh 21,14). Các ngài cũng nhận lãnh quyền cầm buộc và tháo cởi (Ga 20,23), nhưng trong trường hợp này, rõ ràng là nói về quyền tha tội.

Những lời khác mà Chúa Giê-su đã nói với ông Phê-rô : Lc 22,31 ; Ga 21,15.

Các bài trình thuật Mc 8,27 và Lc 9,18 nêu lên vài vấn nạn về lời tuyên xưng của ông Phê-rô : x. phần bình giải Lc 9,18.

Chúa Giê-su, *đá tảng góc tường* : Mc 12,10 ; 1 Cr 3,11 ; Ep 2,20 ; 1 Pr 2,6.

nhiều đau khổ do các kỳ mực, các thượng tế và kinh sư gây ra, rồi bị giết chết, và ngày thứ ba sẽ sống lại.
 * 22 Ông Phê-rô liền kéo riêng Người ra và bắt đầu trách Người : “Xin Thiên Chúa thương đừng để Thầy gặp phải chuyện ấy !”
 23 Nhưng Đức Giê-su quay lại bảo ông Phê-rô : “Xa-tan, lui lại đằng sau Thầy ! Anh cản lối Thầy, vì tư tưởng của anh không phải là tư tưởng của Thiên Chúa, mà là của loài người.”

Điều kiện phải có để theo Đức Giê-su

24 Rồi Đức Giê-su nói với các môn đệ : “Ai muốn theo Thầy, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo. 25 Quả vậy, ai muốn cứu mạng sống mình, thì sẽ mất ; còn ai liều mất mạng sống mình

vì Thầy, thì sẽ tìm được mạng sống ấy. 26 Vì nếu người ta được cả thế giới mà phải thiệt mất mạng sống, thì nào có lợi gì ? Hoặc người ta sẽ lấy gì mà đổi mạng sống mình ?

27 “Vì Con Người sẽ ngự đến trong vinh quang của Cha Người, cùng với các thiên thần của Người, và bấy giờ, Người sẽ thưởng phạt ai nấy xứng việc họ làm. 28 Thấy bảo thật anh em : trong số người có mặt ở đây, có những kẻ sẽ không phải nếm sự chết trước khi thấy Con Người đến hiển trị.”

Đức Giê-su hiển dung

17 * 1 Sáu ngày sau, Đức Giê-su đem các ông Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an là em ông Gia-cô-bê đi theo mình. Người đưa các ông đi riêng ra một chỗ,

* 16,22 X. phần bình giải Mc 8,31.

Xa-tan, lui lại đằng sau Thầy. Ông Phê-rô muốn cản đường thập giá của Chúa Giê-su, và Chúa nhận diện đây cũng chính là thân khí đã cám dỗ Người trong hoang địa. Vậy ông Phê-rô phải lui lại đằng sau Chúa và đi theo Người thôi, đúng như một người môn đệ phải làm.

Ai muốn cứu mạng sống mình thì sẽ mất. Chúa Giê-su nhắc đến sự chọn lựa trọng đại của mỗi đời người : chỉ khi dâng hiến đời mình để phục vụ Thiên Chúa và người đồng loại, bằng cách yêu thương thật sự như Chúa Giê-su, thì mới tìm được Thiên Chúa, và mới đạt được sự sống (Ga 15,13).

* 17,1 X. phần bình giải Mc 9,2 ; Lc 9,28.

tới một ngọn núi cao. ² Rồi Người biến đổi hình dạng trước mặt các ông. Dung nhan Người chói lọi như mặt trời, và y phục Người trở nên trắng tinh như ánh sáng. ³ Và bỗng các ông thấy ông Mô-sê và ông Ê-li-a hiện ra đàm đạo với Người. ⁴ Bấy giờ ông Phê-rô thưa với Đức Giê-su rằng : “Lạy Ngài, chúng con ở đây, thật là hay ! Nếu Ngài muốn, con xin dựng tại đây ba cái lều, một cho Ngài, một cho ông Mô-sê, và một cho ông Ê-li-a.” ⁵ Ông còn đang nói, chợt có đám mây sáng ngời bao phủ các ông, và có tiếng từ đám mây phán rằng : “Đây là Con yêu dấu của Ta, Ta hài lòng về Người. Các ngươi hãy vâng nghe lời Người !” ⁶ Nghe vậy, các môn đệ kinh hoàng, ngã sấp mặt xuống đất. ⁷ Bấy giờ Đức Giê-su lại gần, chạm vào các ông và bảo : “Trỗi dậy đi, đừng sợ !” ⁸ Các ông ngược mắt lên, không thấy ai nữa, chỉ còn một mình Đức Giê-su mà thôi.

Câu hỏi về ngôn sứ Ê-li-a

⁹ Đang khi thầy trò từ trên núi xuống, Đức Giê-su truyền cho các ông rằng : “Đừng nói cho ai hay thị kiến ấy, cho đến khi Con Người từ cõi chết trỗi dậy.”

¹⁰ Các môn đệ hỏi Người rằng : “Vậy sao các kinh sư lại nói Ê-li-a phải đến trước ?” ¹¹ Người đáp : “Ông Ê-li-a phải đến để chỉnh đốn mọi sự. ¹² Nhưng Thầy nói cho anh em biết : ông Ê-li-a đã đến rồi mà họ không nhận ra, lại còn xử với ông theo ý họ muốn. Con Người cũng sẽ phải đau khổ vì họ như thế.” ¹³ Bấy giờ các môn đệ hiểu Người có ý nói về ông Gio-an Tẩy Giả.

Đức Giê-su chữa đứa trẻ bị kinh phong

* ¹⁴ Khi thầy trò đến với đám đông, thì có một người tới quỳ xuống trước mặt Đức Giê-su ¹⁵ và nói : “Thưa Ngài, xin thương xót con trai tôi, vì cháu bị kinh phong và bệnh tình nặng lắm : nhiều lần ngã vào lửa, và cũng nhiều lần ngã xuống nước. ¹⁶ Tôi đã đem cháu đến cho các môn

* 17,14 X. phần bình giải Mc 9,14.

đệ Ngài chữa, nhưng các ông không chữa được.”
¹⁷ Đức Giê-su đáp : “Ôi thế hệ cứng lòng không chịu tin và gian tà ! Tôi còn phải ở với các người cho đến bao giờ, còn phải chịu đựng các người cho đến bao giờ nữa ? Đem chấu lại đây cho tôi.”¹⁸ Đức Giê-su quát mắng tên quỷ, quỷ liền xuất, và đứa bé được khỏi ngay từ giờ đó.

¹⁹ Bấy giờ các môn đệ đến gần hỏi riêng Đức Giê-su rằng : “Tại sao chúng con đây lại không trừ nổi tên quỷ ấy ?”²⁰ Người nói với các ông : “Tại anh em kém tin ! Thầy bảo thật anh em : nếu anh em có lòng tin lớn bằng hạt cải thôi, thì dù anh em có bảo núi

này : ‘rời khỏi đây, qua bên kia !’ nó cũng sẽ qua, và sẽ chẳng có gì mà anh em không làm được. [²¹ Giống quỷ này không chịu ra, nếu người ta không ăn chay cầu nguyện].”

Đức Giê-su tiên báo cuộc Thương Khó lần thứ hai

* ²² Khi thầy trò tụ họp ở miền Ga-li-lê, Đức Giê-su nói với các ông : “Con Người sắp bị nộp vào tay người đời,²³ họ sẽ giết chết Người, và ngày thứ ba Người sẽ trở dậy.” Các môn đệ buồn phiền lắm.

Đức Giê-su và ông Phê-rô nộp thuế

* ²⁴ Khi thầy trò tới Ca-phác-na-um, thì những

* 17,22 Chúa Giê-su đã nhiều lần tiên báo cái chết của Người (x. 16,21 ; 20,17). Người không bao giờ nói về nó như là một tai nạn có thể xảy ra gây cản trở cho sứ mạng của Người. Ga sẽ nói Người coi đó là một phương tiện để tôn vinh Chúa Cha và hoà giải nhân loại (Ga 17). Chúa dùng ngôi thứ ba để nói về chính mình : *Con Người*, nhìn về số phận của mình như từ quan điểm của người ngoài cuộc. Đó là thánh ý Chúa Cha, và Người không hề lo nghĩ đến bản thân.

* 17,24 Mọi người Do-thái thành tín đều trả một phần thuế dành cho việc bảo quản Đền Thờ, và các người thu thuế đến gặp ông Phê-rô bởi lẽ ông là sở hữu chủ căn nhà nơi Chúa Giê-su đang ở.

Chúa Giê-su giữ đúng luật, nhưng thừa dịp này Người cũng muốn tỏ ra cho biết Người là ai : các người thu thuế đầu nghĩ rằng họ đang nói về “người Con”. Xin lưu ý : Chúa là Chúa Tể muôn loài, gồm cả những cá biển, nhưng Người cũng muốn tỏ tình liên đới với ông Phê-rô.

Đoạn văn này được viết ra có thể một phần là vì các Ki-tô hữu gốc Do-thái, là đối tượng mà tác giả nhắm tới, đang tự hỏi họ có còn phải trả phần thuế này nữa hay không.

người thu thuế cho đến thờ đến hỏi ông Phê-rô : “Thầy các ông không nộp thuế sao ?”²⁵ Ông đáp : “Có chứ !” Ông về tới nhà, Đức Giê-su hỏi đón ông : “Anh Si-môn, anh nghĩ sao ? Vua chúa trần gian bắt ai đóng sưu nộp thuế ? Con cái mình hay người ngoài ?”²⁶ Ông Phê-rô đáp : “Thưa, người ngoài.”

Đức Giê-su liền bảo : “Vậy thì con cái được miễn.²⁷ Nhưng để khỏi làm gai mắt họ, anh ra biển thả câu ; con cá nào câu được trước hết, thì bắt lấy, mở miệng nó ra : anh sẽ thấy một đồng tiền bốn quan ; anh lấy đồng tiền ấy, nộp thuế cho họ, phần của Thầy và phần của anh.”

2. BÀI GIẢNG VỀ GIÁO HỘI

Ai là người lớn nhất trong Nước Trời ?

18^{*} ¹ Lúc ấy, các môn đệ lại gần hỏi Đức Giê-su rằng : “Thưa Thầy, ai là

người lớn nhất trong Nước Trời ?”² Đức Giê-su liền gọi một em nhỏ đến, đặt vào giữa các ông³ và bảo : “Thầy bảo thật anh em : nếu anh em không trở lại

* 18,1 Ở đây mở đầu bài diễn từ thứ tư trong Tin Mừng Mt, không có tính đồng bộ cho lắm, nhưng xoay quanh đời sống cộng đoàn. Bởi những ai kêu lên “Lạy Cha chúng con” rõ ràng không phải là những người lẻ loi. Chúa Giê-su tiếp nhận họ trong “Ít-ra-en của Thiên Chúa” (Gl 6,16) là Hội Thánh của Người, tức là tình hiệp thông nối kết các cộng đoàn lại với nhau.

Cc. 6-11 : lo lắng cho kẻ bé mọn ;

Cc. 12-14 : quan tâm đến người sai lạc ;

Cc. 15-20 : hiệp thông huynh đệ với sự hiện diện của Chúa Ki-tô ;

Cc. 21-35 : tha thứ ;

Cc. 1-5 : X. phân bình giải Mc 9,33.

NHỮNG KẺ BÉ MỌN

Với c.6, từ các em nhỏ chúng ta bước sang kẻ bé mọn, nghĩa là những người đơn sơ chất phác. Họ bé mọn vì họ không có giá trị gì trong xã hội.

Khốn cho... vì làm có cho người ta sa ngã. Từ gốc Hy-lạp có nghĩa là một viên sỏi trôi lên khiến cho người ta vấp ngã : nó không phải là cái gì gây ồn ào hoặc xôn xao trong xã hội, mà là cái làm cho lương tri mất phương hướng, và người có vẻ lương thiện phải sa ngã (c.7).

mà nên như trẻ nhỏ, thì sẽ chẳng được vào Nước Trời.

⁴ “Vây ai tự hạ, coi mình như em nhỏ này, người ấy sẽ là người lớn nhất Nước Trời.

Đừng làm cố cho người ta sa ngã

⁵ “Còn ai tiếp đón một em nhỏ như em này vì danh Thầy, là tiếp đón chính Thầy. ⁶ Nhưng ai làm cố cho một trong những kẻ bé mọn đang tin

Thầy đây phải sa ngã, thì thà treo cối đá lớn vào cổ nó mà xô cho chìm xuống đáy biển còn hơn. ⁷ Khốn cho thế gian, vì làm cố cho người ta sa ngã. Tất nhiên phải có những cố gây sa ngã, nhưng khốn cho kẻ làm cố cho người ta sa ngã.

⁸ “Nếu tay hoặc chân anh làm cố cho anh sa ngã, thì hãy chặt mà ném đi ; thà chặt tay chặt chân mà được vào cõi sống, còn hơn là có

Thường thì kẻ bé mọn hay tìm cách thoát khỏi hoàn cảnh của mình để trở nên độc lập hơn, muốn có kiến thức và có tiền nhiều hơn. Tuy nhiên, xã hội lại quen thói gây trở ngại cho những ai không đồng lõa trong những trò gian xảo và từ chối hành động cách ích kỷ. Vì thế *kẻ bé mọn* thường phải chịu thua, chấp nhận thất bại, *thà chặt mất* còn hơn là chối bỏ điều trọng yếu nhất : sống dưới con mắt Thiên Chúa.

Thà chặt tay chặt chân mà được vào cõi sống. Chúa Giê-su nhấn mạnh giá trị vô song của sự sống đời đời. Có lúc nào đó chúng ta phải hy sinh công ăn việc làm của mình, sự an toàn hoặc cả tính mạng nếu muốn được vào Nước Thiên Chúa.

Khốn cho thế gian vì làm cố cho người ta sa ngã. Có khi đây là nói về chính cái xã hội này, với những tham ô, bạo lực, những cơ cấu bất công của nó. Chúa Giê-su mời gọi chúng ta ý thức về tội lỗi, dù là của cá nhân hay của xã hội : những cơ cấu tác hại sẽ bị huỷ diệt trong nước mắt và xương máu (Lc 23,28).

Tất nhiên phải có những cố gây sa ngã. Chúa Giê-su đã sống trong một thời đại bạo tàn, nhưng Người có vẻ như không than trách hoàn cảnh ấy. Người không mời gọi chúng ta mơ tưởng một địa đàng trần thế.

Cái thế giới xác thực mà Thiên Chúa đã tạo dựng và giải cứu không buộc phải là một ốc đảo hạnh phúc, nhưng phải là một nơi trong đó những con người tự do luôn đấu tranh để mà phát triển. Những cố vấp ngã là thành phần thuộc thế giới này, nhưng quyền lực sự dữ không mấy may giảm thiểu lời tôn vinh mà tạo thành sẽ dâng lên Thiên Chúa vào thời sau hết. Đau khổ và lòng khao khát sống công chính sẽ là nguồn gốc sự thánh thiện ; đó sẽ là những phương cách Thiên Chúa vận dụng để làm tăng trưởng tình yêu.

đủ hai tay hai chân mà bị ném vào lửa đời đời. ⁹ Nếu mắt anh làm cơ cho anh sa ngã, thì hãy móc mà ném đi ; thà chột mắt mà được vào cõi sống, còn hơn là có đủ hai mắt mà bị ném vào lửa hoả ngục.

¹⁰ “Anh em hãy coi chừng, chớ khinh một ai trong những kẻ bé mọn này ; quả thật, Thầy nói cho anh em biết : các thiên thần của họ ở trên trời không ngừng chiêm ngưỡng nhan Cha Thầy, Đấng ngự trên trời. [¹¹ Vì Con Người đến để cứu cái gì đã hư mất.]

Con chiên lạc

* ¹² “Anh em nghĩ sao ? Ai có một trăm con chiên

mà có một con đi lạc, lại không để chín mươi chín con kia trên núi mà đi tìm con chiên lạc sao ? ¹³ Và nếu may mà tìm được, thì Thầy bảo thật anh em, người ấy vui mừng vì con chiên đó, hơn là vì chín mươi chín con không bị lạc. ¹⁴ Cũng vậy, Cha của anh em, Đấng ngự trên trời, không muốn cho một ai trong những kẻ bé mọn này phải hư mất.

Sửa lỗi anh em

* ¹⁵ “Nếu người anh em của anh trót phạm tội, thì anh hãy đi sửa lỗi nó, một mình anh với nó mà thôi. Nếu nó chịu nghe anh, thì anh đã chinh phục được người anh em. ¹⁶ Còn nếu

* **18,12** Dụ ngôn *một trăm con chiên* cũng có trong Tin Mừng Lc (Lc 15), nhưng trong một văn cảnh khác, văn cảnh Thiên Chúa tha thứ : Chúa Giê-su đã đến “để tìm và cứu những gì đã mất” (Lc 19,10). Còn Mt thì kể lại dụ ngôn này trong khung cảnh một “diễn từ”, một bài giảng về Giáo Hội. Tác giả lấy lại ví dụ này để chỉ cho thấy rằng cộng đoàn và những vị phụ trách phải đặc biệt quan tâm đến những người bé mọn và gặp thử thách nhất. Cũng như đối với Cha trên trời, thì đối với cộng đoàn cũng vậy, mỗi thành viên mang tính độc nhất vô nhị và với tư cách đó, phải được yêu thương và nâng đỡ : vậy làm sao Cha trên trời, làm sao cộng đoàn, có thể chấp nhận để cho một trong những người bé mọn ấy, dù chỉ một thôi, *phải hư mất* ?

* **18,15** *Nếu người anh em của anh trót phạm tội...* Trước đó, Chúa Giê-su đã nói với ông Phê-rô : “dưới đất, anh cầm buộc điều gì, trên trời cũng sẽ cầm buộc như vậy”. Giờ đây Chúa nói và áp dụng câu này cho toàn thể Giáo Hội. Mọi xung đột được giải quyết với xác tín rằng Chúa Ki-tô đang ở giữa chúng ta : đó chính là danh hiệu của Người, Em-ma-nu-en, Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta (1,23).

nó không chịu nghe, thì hãy đem theo một hay hai người nữa, để mọi công việc được giải quyết, căn cứ vào lời hai hoặc ba chứng nhân.¹⁷ Nếu nó không nghe họ, thì hãy đi thưa Hội Thánh. Nếu Hội Thánh mà nó cũng chẳng nghe, thì hãy kể nó như một người ngoại hay một người thu thuế.

¹⁸ “Thầy bảo thật anh em : dưới đất, anh em cầm buộc

những điều gì, trên trời cũng cầm buộc như vậy ; dưới đất, anh em tháo cởi những điều gì, trên trời cũng tháo cởi như vậy.

Hiệp lời cầu nguyện

¹⁹ “Thầy còn bảo thật anh em : nếu ở dưới đất, hai người trong anh em hợp lời cầu xin bất cứ điều gì, thì Cha Thầy, Đấng ngự trên trời, sẽ ban cho.²⁰ Vì ở đâu có hai ba người

Hợp lại nhân danh Chúa Giê-su (c.20) : đó là cách cầu nguyện của cộng đoàn, của nhóm tông đồ, của đôi vợ chồng có đạo.

Chúng ta có lưu ý chăng : chương nói về Giáo Hội này thật là ngắn ! Ấy là Mát-thêu quan tâm đến Giáo Hội của Chúa Giê-su nhiều nhất, trong các dụ ngôn về Nước Trời cũng như trong đoạn nói về lời tuyên xưng của ông Phê-rô.

Đường như Chúa Giê-su đâu nói chỉ với các Tông Đồ về những cơ cấu sẽ được dựng lên (hoặc có thể sẽ tan rã) : Chúa chỉ nói về một tinh thần cộng đoàn. Tiếp đón kẻ bé mọn, tha thứ luôn luôn và chấp nhận tha nhân, một cộng đoàn cầu nguyện có những tham vọng tông đồ và kêu cầu nài nỉ Thiên Chúa ban cho điều mình xin : đó là tất cả sự khôn ngoan và những phương tiện mà Giáo Hội có để đương đầu với các thách đố của việc loan báo Tin Mừng.

Chúng ta tìm hiểu Chúa Cha bằng cách tham gia vào các sinh hoạt cộng đoàn, vượt lên trên những xung đột không thể tránh khỏi và kiên trì trong công việc tông đồ. Vậy đối với chúng ta, Giáo Hội là “bí tích Thiên Chúa”, dấu chỉ hữu hình của sự hiện diện của Người và nguồn mạch thông ban sự sống của Người cho chúng ta.

Các nghi thức tôn giáo có giá trị thánh thiêng chỉ vì đó là những cử chỉ của Hội Thánh. Thiên Chúa không bị giam giữ trong các đồ vật, nhưng thông qua gia đình Hội Thánh Chúa Ki-tô, Người tỏ mình ra cho loài người : *dưới đất anh em cầm buộc điều gì*. Sống hoà hợp với cộng đoàn Ki-tô hữu, cho dù chúng ta có điều không đồng ý, là dấu chỉ chúng ta lưu lại trong ơn thánh của Thiên Chúa.

Đoạn văn 18,15 có phần khả nghi. Có thể nguyên thủy là : *Nếu người anh em của anh trót phạm tội, thì anh hãy đi nói chuyện với nó* và đây là trường hợp cộng đoàn cố gắng “chỉnh” một người anh em đã mắc sai lầm.

hợp lại nhân danh Thầy, thì có Thầy ở đây, giữa họ.”

Anh em tha thứ cho nhau

* ²¹ Bảy giờ, ông Phê-rô đến gần Đức Giê-su mà hỏi rằng : “Thưa Thầy, nếu anh em con cứ xúc phạm đến con, thì con phải tha đến mấy lần ? Có phải bảy lần không ?” ²² Đức Giê-su đáp : “Thầy không bảo là đến bảy lần, nhưng là đến bảy mươi lần bảy.”

Dụ ngôn tên mắc nợ không biết thương xót

* ²³ Vì thế, Nước Trời cũng giống như chuyện một ông vua kia muốn đòi các đầy tớ của mình thanh

toán sổ sách. ²⁴ Khi nhà vua vừa bắt đầu, thì người ta dẫn đến một kẻ mắc nợ vua mười ngàn yến vàng.

²⁵ Y không có gì để trả, nên tôn chủ ra lệnh bán y cùng tất cả vợ con, tài sản mà trả nợ. ²⁶ Bảy giờ, tên đầy tớ ấy sắp mình xuống bái lạy : “Thưa Ngài, xin rộng lòng hoãn lại cho tôi, tôi sẽ lo trả hết.” ²⁷ Tôn chủ của tên đầy tớ ấy liền chạnh lòng thương, cho y về và tha luôn món nợ.

²⁸ Nhưng vừa ra đến ngoài, tên đầy tớ ấy gặp một người đồng bạn, mắc nợ y một trăm quan tiền. Y liền túm lấy, bóp cổ mà bảo : “Trả nợ cho tao !” ²⁹ Bảy giờ, người đồng bạn sắp

* 18,21 *Bảy mươi lần bảy.* So sánh với St 4,24 : sự tha thứ tương phản với lòng ước muốn trả thù. X. Lc 17,3 : chúng ta phải tha thứ, nhưng tha nhân cũng phải tỏ lòng hối hận.

SỰ THA THỨ

* 18,23 *Các đồng bạn* mà có lỗi với chúng ta thì đâu là gì so với những tội chúng ta xúc phạm đến Thiên Chúa. Vậy mà trong khi Thiên Chúa *tha luôn món nợ* cho chúng ta, thì chúng ta lại không cho tha nhân được hoãn nợ một chút nào. Thiên Chúa không đòi quyền lợi, thậm chí tưởng chừng như Người đã quên hết tất cả quyền lợi của Người ; còn chúng ta, bằng cách đòi cho được, chúng ta hành xử như những tên *đầy tớ độc ác* (x. Mt 5,43).

Dụ ngôn này vượt quá phạm vi những vấn đề cá nhân riêng của chúng ta. Hằng ngày chúng ta nghe nói về những mối thù giữa các dân tộc cứ chồng chất mãi lên thật nặng nề, thường là do tôn giáo bất đồng. Bạo lực không giải quyết được những xung khắc về chủng tộc màu da : điều mà thế giới cần nhất là tập cho biết tha thứ. Chúng ta tha thứ không phải cách bởi không biết rõ Thiên Chúa đã tha thứ cho ta những gì rồi và Người có lòng thương xót biết bao.

mình xuống năn nỉ : “Thưa anh, xin rộng lòng hoãn lại cho tôi, tôi sẽ lo trả anh.”³⁰ Nhưng y không chịu, cứ tống anh ta vào ngục cho đến khi trả xong nợ.³¹ Thấy sự việc xảy ra như vậy, các đồng bạn của y buồn lắm, mới đi trình bày với tôn chủ đầu đuôi câu chuyện.³² Bấy giờ, tôn chủ cho đòi y đến và bảo : “Tên đầy tớ độc ác kia, ta đã tha hết số nợ ấy cho người, vì người đã van

xin ta,³³ thì đến lượt người, người không phải thương xót đồng bạn, như chính ta đã thương xót người sao ?”³⁴ Rồi tôn chủ nổi cơn thịnh nộ, trao y cho lính hành hạ, cho đến ngày y trả hết nợ cho ông.³⁵ Ấy vậy, Cha của Thầy ở trên trời cũng sẽ đối xử với anh em như thế, nếu mỗi người trong anh em không hết lòng tha thứ cho anh em mình.”

VI. NƯỚC TRỜI : TRIỀU ĐẠI THIÊN CHÚA ĐÃ ĐẾN GẦN

1. PHẦN KÝ THUẬT

Câu hỏi về việc ly dị

19^{*} ¹ Khi Đức Giê-su giảng dạy những điều ấy xong, Người rời khỏi

miền Ga-li-lê và đi đến miền Giu-đê, bên kia sông Gio-đan.² Dân chúng lũ lượt đi theo Người, và Người đã chữa họ ở đó.

Bài giảng thứ tư trong Tin Mừng Mt kết thúc với dụ ngôn về bốn phận phải tha thứ này. Giáo Hội vẫn còn đang tiến tới sự thánh thiện đúng như bản chất của mình, nhưng không ai có thể bác rằng Giáo Hội thời nào cũng là nơi mà người ta giảng dạy về lòng thương xót của Thiên Chúa, là nơi mà con người học cho biết cách tha thứ.

* 19,1 X. phần bình giải Mc 10,2 ; Mt 5,31.

Xã hội loài người chỗ nào cũng có luật lệ của nó về hôn nhân. Ở Ít-ra-en cũng thế. Vậy trước đó đã có một luật về ly dị, thích hợp với phân biệt quy chế giữa nam và nữ. Và luật ấy được ghi lại trong Kinh Thánh (Đnl 24,1). Chúa Giê-su không đi vào cuộc tranh luận giữa các kinh sư và các nhà thông luật : Chúa đem luật ấy đối lập với một lời Kinh Thánh khác, nói lên quan điểm của Thiên Chúa trước những thái độ loài người mà Người còn dung tha.

³ Có mấy người Pha-ri-sêu đến gần Đức Giê-su để thử Người. Họ nói : “Thưa Thầy, có được phép rẫy vợ mình vì bất cứ lý do nào không ?” ⁴ Người đáp : “Các ông không đọc thấy điều này sao : ‘Thuở ban đầu, Đấng Tạo Hoá đã làm ra con người có nam có nữ’, ⁵ và Người đã phán : ‘Vì thế, người ta sẽ lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai sẽ thành một xương một thịt.’ ⁶ Như vậy, họ không còn là hai, nhưng chỉ là một xương một thịt. Vậy, sự gì Thiên Chúa đã phối hợp, loài người không được phân ly.” ⁷ Họ thưa với Người : “Thế sao ông Mô-sê lại truyền dạy *cấp giấy ly dị* mà rẫy vợ ?” ⁸ Người bảo họ : “Vì các ông lòng chai dạ đá, nên ông Mô-sê đã cho phép các ông rẫy vợ, chứ thuở ban đầu, không có thế đâu. ⁹ Tôi nói cho các ông biết : Ngoại trừ trường hợp hôn nhân bất

hợp pháp, ai rẫy vợ mà cưới vợ khác là phạm tội ngoại tình.”

Tự nguyện sống khiết tịnh

¹⁰ Các môn đệ thưa Người : “Nếu làm chồng mà phải như thế đối với vợ, thì thà đừng lấy vợ còn hơn.” ¹¹ Nhưng Người nói với các ông : “Không phải ai cũng hiểu được câu nói ấy, nhưng chỉ những ai được Thiên Chúa cho hiểu mới hiểu. ¹² Quả vậy, có những người không kết hôn vì từ khi lọt lòng mẹ, họ đã không có khả năng ; có những người không thể kết hôn vì bị người ta hoạn ; lại có những người tự ý không kết hôn vì Nước Trời. Ai hiểu được thì hiểu.”

Đức Giê-su và trẻ em

¹³ Bấy giờ người ta dẫn trẻ em đến với Đức Giê-su, để Người đặt tay trên chúng và cầu nguyện. Các môn đệ la rầy chúng.

Làm như thế, Chúa cho thấy Người “kiện toàn Lê Luật” như thế nào (5,17), nhưng rõ ràng là “luật Thiên Chúa” đây, chỉ có những ai đã được Chúa Giê-su ban cho Thần Khí mới có thể tuân giữ. Phản ứng các môn đệ làm nổi bật điều ấy (c.10).

Thà đừng lấy vợ còn hơn. Như thường lệ, Chúa Giê-su không rào trước đón sau để đưa ra những đòi hỏi rất ngặt. Trái lại, Người đề nghị những cái còn khó chấp nhận hơn nữa. Người khen ngợi những ai được ơn chọn sống độc thân vì yêu mến Nước Trời.

¹⁴ Nhưng Đức Giê-su nói : “Cứ để trẻ em đến với Thầy, đừng ngăn cấm chúng, vì Nước Trời là của những ai giống như chúng.” ¹⁵ Người đặt tay trên chúng, rồi đi khỏi nơi đó.

Người thanh niên có nhiều của cải

* ¹⁶ Bấy giờ có một người đến thưa Đức Giê-su rằng : “Thưa Thầy, tôi phải làm điều gì tốt để được hưởng sự sống đời đời ?” ¹⁷ Đức Giê-su đáp : “Sao anh hỏi tôi về điều tốt ? Chỉ có một Đấng tốt lành mà thôi. Nếu anh muốn vào

cõi sống, thì hãy giữ các điều răn.” ¹⁸ Người ấy hỏi : “Điều răn nào ?” Đức Giê-su đáp : “*Người không được giết người. Người không được ngoại tình. Người không được trộm cắp. Người không được làm chứng gian.* ¹⁹ *Người phải thờ cha kính mẹ*”, và “*Người phải yêu đồng loại như yêu chính mình.*”

²⁰ Người thanh niên ấy nói : “Tất cả những điều đó, tôi đã tuân giữ, tôi còn thiếu điều gì nữa không ?”

²¹ Đức Giê-su đáp : “Nếu anh muốn nên hoàn thiện, thì hãy đi bán tài sản của anh và đem cho người

* 19,16 X. phần bình giải Mc 10,17.

Đây là một câu hỏi đặt ra với Chúa Giê-su. Người thấy nó có những khía cạnh khác nhau và đưa ra ba câu đáp :

Chỉ có một Đấng tốt lành mà thôi. Người thanh niên này bị thu hút bởi con người của Đức Giê-su, và Đức Giê-su lại đưa anh đến Chúa Cha, như Người vẫn thường làm. Quả là có một thứ bề cong đức tin Ki-tô giáo, nguy hiểm vì nó rất tinh vi : đó là chỉ nói về Đức Giê-su mà thôi : “Đức Giê-su nhìn bạn... Đức Giê-su yêu bạn... Đức Giê-su là tình yêu...” trong khi Đức Giê-su lại hoàn toàn quy hướng về Chúa Cha và Đức Giê-su đã đến là để đưa dẫn chúng ta về với Chúa Cha. Yêu mến Chúa Cha nghĩa là muốn nên hoàn hảo theo cách thức của Chúa Cha và làm việc cho Vương Quốc của Người. Trước tiên phải được tự do đã, và người giàu này sẽ chỉ tự do nhờ sự khó nghèo tự nguyện.

Người thanh niên này cũng muốn biết làm thế nào để được hưởng sự sống đời đời, và Chúa Giê-su cuối cùng sẽ nói rõ với các môn đệ rằng dù cho người ta có tuân giữ các điều răn đi nữa, sự sống đời đời không phải là cái người ta “xúng” được lãnh nhận : ơn cứu độ luôn là một ân huệ Thiên Chúa ban cho.

Sau hết, có vấn đề chúng ta quan tâm nhiều nhất vì nó đụng đến tiền bạc, và ở điểm này thì Tin Mừng lại làm cho chúng ta lo lắng : *Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn.*

nghèo, anh sẽ được một kho tàng trên trời. Rồi hãy đến theo tôi.”²² Nghe lời đó, người thanh niên buồn rầu bỏ đi, vì anh ta có nhiều của cải.

Người giàu có khó vào Nước Trời

²³ Bấy giờ Đức Giê-su nói với các môn đệ của Người : “Thầy bảo thật anh em, người giàu có khó vào Nước Trời.²⁴ Thầy còn nói cho anh em biết : con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào Nước Thiên Chúa.”²⁵ Nghe nói vậy, các môn đệ vô cùng sửng sốt và nói : “Thế thì ai có thể được cứu ?”²⁶ Đức Giê-su nhìn thẳng vào các ông và nói : “Đối với loài người thì điều đó không thể được, nhưng đối với Thiên Chúa, thì mọi sự đều có thể được.”

Phần thưởng dành cho ai bỏ mọi sự mà theo Đức Giê-su

²⁷ Bấy giờ ông Phê-rô lên tiếng thưa Người : “Thầy coi, phần chúng con, chúng con đã bỏ mọi sự mà theo Thầy. Vậy chúng con sẽ được gì ?”²⁸ Đức Giê-su đáp : “Thầy bảo thật anh em : anh em là những người đã theo Thầy, thì đến thời tái sinh, khi Con Người ngự toà vinh hiển, anh em cũng sẽ được ngự trên mười hai toà mà xét xử mười hai chi tộc Ít-ra-en.²⁹ Và phàm ai bỏ nhà cửa, anh em, chị em, cha mẹ, con cái hay ruộng đất, vì danh Thầy, thì sẽ được gấp bội và còn được sự sống vĩnh cửu làm gia nghiệp.

³⁰ “Nhiều kẻ đứng đầu sẽ phải xuống hàng chót, và

Lời Chúa mời gọi người thanh niên giàu có này vẫn được coi là mẫu ơn gọi sống đời thánh hiến và tông đồ. Không có một đời sống nghèo thực thụ và tự nguyện thì không bao giờ có thể có đời sống kết hợp với Thiên Chúa, là chính mục đích mà người tu sĩ thật sự nhắm tới. Đàng khác, bao lâu người tông đồ chia sẻ cuộc sống của lớp người khá giả hơn, họ có thể kết bạn với nhiều người trong số ấy, nhưng sẽ không có được những cuộc hoán cải sâu xa. Trong khi đó, họ lại không đến được với cái thế giới mệnh mông của người nghèo.

Vấn đề nghèo khó ngày nay cũng là vấn đề nổi cộm trong gia đình : đối với số đông, dù có tín ngưỡng hay không, những niềm vui và phúc lộc trời dành cho các gia đình đông con chỉ được ban cho những ai từ khước lấy tiền bạc và an toàn làm thước đo tất cả mọi sự.

nhiều kẻ đứng chót sẽ được lên hàng đầu.”

Dụ ngôn thợ làm vườn nho

20^{* 1} “Nước Trời giống như chuyện gia chủ kia, vừa tảng sáng đã ra mướn thợ vào làm việc trong vườn nho của mình.² Sau khi đã thoả thuận với thợ là mỗi ngày một quan tiền, ông sai họ vào vườn nho làm việc.³ Khoảng giờ thứ ba, ông lại trở ra, thấy có những người khác ở không, đang đứng ngoài chợ.⁴ Ông cũng bảo họ : ‘Cả các anh nữa, hãy đi

vào vườn nho, tôi sẽ trả cho các anh hợp lẽ công bằng.’⁵ Họ liền đi. Khoảng giờ thứ sáu, rồi giờ thứ chín, ông lại trở ra và cũng làm y như vậy.⁶ Khoảng giờ mười một, ông trở ra và thấy còn có những người khác đứng đó, ông nói với họ : ‘Sao các anh đứng đây suốt ngày không làm gì hết ?’⁷ Họ đáp : ‘Vì không ai mướn chúng tôi.’ Ông bảo họ : ‘Cả các anh nữa, hãy đi vào vườn nho !’⁸ Chiều đến, ông chủ vườn nho bảo người quản lý : ‘Anh gọi thợ lại mà trả công cho họ, bắt đầu từ

CÁC CHỦ NHÂN

* 20,1 Dụ ngôn này làm cho nhiều người ngạc nhiên. Họ thấy rằng cho tất cả các người thợ được lãnh cùng một thù lao là bất công, trong khi nhóm người này thì làm việc và chịu cực nhọc lâu giờ hơn nhóm người kia.

Chắc chắn Chúa Giê-su đã muốn gây sốc và xoá đi trong trí óc chúng ta cái ý tưởng cố hữu là “chúng ta đã lập công thì Chúa phải biết cho”.

Nhưng cũng nên nghiên cứu kỹ hơn dụ ngôn này. Chúa Giê-su so sánh không phải người làm công này với người làm công kia, mà là nhóm người này với nhóm người kia. Cũng như bao nhiêu dụ ngôn khác, đây là một “dụ ngôn về Nước Trời” : mỗi nhóm tiêu biểu cho một quốc gia hay một tầng lớp xã hội, và trong khi một số đã được đón nhận lời Chúa từ lâu, số nhóm kia vừa mới đạt tới đức tin thôi.

Qua bao nhiêu thế kỷ, Thiên Chúa kêu gọi nhiều dân tộc khác nhau làm việc trong vườn nho của Người. Trước hết, Người gọi ông Áp-ra-ham và giao cho dòng dõi ông thể hiện công trình của Người trong thế giới. Sau đó, vào thời ông Mô-sê, nhiều nhóm người khác đã nhập đoàn với nhóm dân ông để ra khỏi nước Ai-cập, và cứ tiếp tục như vậy trong suốt chiều dài lịch sử. Những người kỳ cựu không ngừng đòi quyền được đãi ngộ tốt hơn kẻ khác ; thật ra vườn nho đâu phải được giao cho họ độc quyền trông coi.

những người vào làm sau chót tới những người vào làm trước nhất.’⁹ Vậy những người mới vào làm lúc giờ mười một tiến lại, và lãnh được mỗi người một quan tiền.¹⁰ Khi đến lượt những người vào làm trước nhất, họ tưởng sẽ được lãnh nhiều hơn, thế nhưng cũng chỉ lãnh được mỗi người một quan tiền.¹¹ Họ vừa lãnh vừa cần nhằn gia chủ :¹² ‘Mấy người sau chót này chỉ làm có một giờ, thế mà ông lại coi họ ngang hàng với chúng tôi là những người đã phải làm việc nặng nhọc cả ngày, lại còn bị nắng nôi thiêu đốt.’¹³ Ông chủ trả lời cho một người trong bọn họ : ‘Này bạn, tôi đâu có xử bất công với bạn. Bạn đã chẳng thoả thuận với tôi là một quan tiền sao ?¹⁴ Cầm lấy phần của bạn mà đi đi. Còn tôi, tôi muốn cho người vào

làm sau chót này cũng được bằng bạn đó.¹⁵ Chẳng lẽ tôi lại không có quyền tùy ý định đoạt về những gì là của tôi sao ? Hay vì thấy tôi tốt bụng, mà bạn đâm ra ghen tức ?’¹⁶ Thế là những kẻ đứng chót sẽ được lên hàng đầu, còn những kẻ đứng đầu sẽ phải xuống hàng chót. [Vì kẻ được gọi thì nhiều, mà người được chọn thì ít.]”

Đức Giê-su tiên báo cuộc Thương Khó lần thứ ba

¹⁷ Lúc sắp lên Giê-ru-sa-lem, Đức Giê-su đưa Nhóm Mười Hai đi riêng với mình, và dọc đường, Người nói với các ông :¹⁸ “Này chúng ta lên Giê-ru-sa-lem, và Con Người sẽ bị nộp cho các thượng tế và kinh sư. Họ sẽ kết án xử tử Người,¹⁹ sẽ nộp Người cho dân ngoại nhạo báng, đánh đòn và đóng đinh

Tiếp theo, khi Chúa Ki-tô đến, Tin Mừng được loan báo cho những dân tộc khác, trước đó là ngoại đạo. Họ gia nhập Hội Thánh và làm thành khối Ki-tô giáo. Và tới phiên họ cũng sẽ tự cho mình là chủ nhân Nước Trời và Giáo Hội. Ngày nay, một vài nhóm người trong xã hội kêu trách khi Giáo Hội phê bình về những đặc ân của họ và không dành cho họ vị trí hàng đầu nữa : hoá ra hồi nào tới giờ họ cứ tưởng rằng Giáo Hội là sở hữu của họ.

Trong dụ ngôn, mọi người đều ngang hàng với nhau hết và nhận cùng *một quan tiền* như nhau. Chớ gì ai nấy vui mừng vì, đang lúc thất nghiệp, lại được kêu đi làm việc !

vào thập giá và, ngày thứ ba, Người sẽ trỗi dậy.”

Bà mẹ của hai người con ông Dê-bê-đê

* ²⁰ Bấy giờ bà mẹ của các con ông Dê-bê-đê đến gặp Đức Giê-su, có các con bà đi theo ; bà bái lạy và kêu xin Người một điều. ²¹ Người hỏi bà : “Bà muốn gì ?” Bà thưa : “Xin Thầy truyền cho hai con tôi đây, một người ngồi bên hữu, một người bên tả Thầy trong Nước Thầy.” ²² Đức Giê-su bảo : “Các người không biết các người xin gì ! Các người có uống nổi chén Thầy sắp uống không ?” Họ đáp : “Thưa uống nổi.” ²³ Đức Giê-su bảo : “Chén của Thầy, các người sẽ uống ; còn việc ngồi bên hữu hay bên tả Thầy, thì Thầy không có quyền cho, nhưng Cha Thầy đã chuẩn bị cho ai, thì kẻ ấy mới được.”

Ai làm lớn phải phục vụ

²⁴ Nghe vậy, mười môn đệ kia tức tối với hai anh em đó. ²⁵ Nhưng Đức Giê-su gọi các ông lại và nói :

“Anh em biết : thủ lãnh các dân thì dùng uy mà thống trị dân, những người làm lớn thì lấy quyền mà cai quản dân. ²⁶ Giữa anh em thì không được như vậy : Ai muốn làm lớn giữa anh em, thì phải làm người phục vụ anh em. ²⁷ Và ai muốn làm đầu anh em thì phải làm đầy tớ anh em. ²⁸ Cũng như Con Người đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ và hiến dâng mạng sống làm giá chuộc muôn người.”

Đức Giê-su chữa hai người mù tại Giê-ri-khô

²⁹ Khi Đức Giê-su và môn đệ ra khỏi thành Giê-ri-khô, dân chúng lũ lượt đi theo Người. ³⁰ Và kia có hai người mù ngồi ở vệ đường, vừa nghe Đức Giê-su đi ngang qua đó, liền kêu lên rằng : “Lạy Ngài, lạy Con vua Đa-vít, xin rủ lòng thương chúng tôi !” ³¹ Đám đông quát nạt, bảo họ im đi, nhưng họ càng kêu lớn hơn nữa : “Lạy Ngài, lạy Con vua Đa-vít, xin rủ lòng thương

* 20,20 X. phần bình giải Mc 10,35. So sánh Mt 20,23 với Mc 10,40.

chúng tôi !”³² Đức Giê-su tức khặc, họ nhìn thấy
dừng lại, gọi họ đến và nói : được và đi theo Người.

“Các anh muốn tôi làm gì
cho các anh ?”³³ Họ thưa :
“Lạy Ngài, xin cho mắt
chúng tôi được mở ra !”

³⁴ Đức Giê-su chạnh lòng
thương, sờ vào mắt họ ;

**Đức Giê-su vào Giê-ru-sa-
lem với tư cách là Đấng
Mê-si-a**

21^{* 1} Khi thầy trò đến
gần thành Giê-ru-sa-
lem và tới làng Bết-pha-

* **21,1** X. phần bình giải Mc 11. Mt, Mc và Lc bố trí vụ con buôn trong Đền Thờ ngay trước cuộc Thương Khó. Ga thì ngược lại, đặt nó ở đầu sứ vụ Chúa Giê-su. Vậy một lần nữa chúng ta thấy rằng mỗi tác giả sách Tin Mừng xếp đặt các biến cố theo bố cục mình đã lựa chọn để triển khai mẫu nhiệm Cứu Độ. Mục đích của các ông không phải là viết một cuốn về cuộc đời Chúa Giê-su trong đó mọi sự kiện đều được kể lại đúng y theo thứ tự đã xảy ra.

Hơn nữa, nhiều chi tiết về cuộc rước Chúa vào thành Giê-ru-sa-lem gợi nhớ lễ Lều (cử hành vào tháng 9 dương lịch) hơn là những ngày trước lễ Vượt Qua :

– cảnh vật mang bầu khí hân hoan phù hợp với lễ Lều hơn, vì đây là lễ hội có tính cách dân gian nhất ;

– những cành lá được phát lên như trong cuộc rước tiến về hồ Si-lô-ác, trong điệu hát Tv 118 : “Chúc tụng Đấng ngự đến nhân danh Đức Chúa !” và những tiếng tung hô “Hô-san-na !” (nghĩa là “cứu chúng tôi !”).

– Núi Ô-liu được nhắc tới : đây là nơi mà người ta dựng lều bằng lá với cành cây.

Về mục này, xem Dcr 14,16 : nói về lễ Lều và tiên báo cuộc tẩy uế Đền Thờ.

Có thể các tác giả sách Tin Mừng đặt cuộc rước Chúa vào Giê-su-sa-lem vào những ngày trước lễ Vượt Qua đơn giản, vì lý do các ông chỉ kể có một lần Chúa Giê-su đi vào Thành thánh.

Thầy trò tới làng Bết-pha-gê. Ngôi làng nhỏ bé này nằm cạnh cổng thành. Theo Luật Mô-sê thì phải mừng lễ Vượt Qua tại Giê-su-sa-lem, nhưng thành đô nhỏ hẹp quá, không đủ chứa hàng trăm ngàn khách hành hương đến mừng lễ. Vậy cần phải nơi rộng ranh giới pháp lý của Giê-su-sa-lem và lồng vào đó các làng mạc như Bết-pha-gê. Trong những ngày ấy, Chúa Giê-su ở trọ tại Bê-ta-ni-a (21,17).

Lừa mẹ “và” lừa con. Ở đây chúng ta gặp lại cái tật cố hữu của tác giả Mt : ông luôn có khuynh hướng “thấy nhất hoá nhị”, ở đây cũng như ở 8,28 ; 9,27 ; 10,29 ; 20,30.

Ta sẽ cho miệng con thơ trẻ nhỏ cất tiếng ngợi khen. Câu thánh vịnh này là lời thưa với Thiên Chúa, nhưng Chúa Giê-su áp dụng cho bản thân Người, như Người còn làm trong những hoàn cảnh khác nữa.

ghê, phía núi Ô-liu, Đức Giê-su sai hai môn đệ và² bảo : “Các anh đi vào làng trước mặt kia, và sẽ thấy ngay một con lừa mẹ đang cột sẵn đó, có con lừa con bên cạnh. Các anh cởi dây ra và dắt về cho Thầy.³ Nếu có ai nói gì với các anh, thì trả lời là Chúa cần đến chúng, Người sẽ gọi lại ngay.”⁴ Sự việc đó xảy ra như thế để ứng nghiệm lời ngôn sứ :⁵ *Hãy bảo thiếu nữ Xi-on : Kìa Đức Vua của người đang đến với người hiền hậu ngồi trên lưng lừa, lưng lừa con, là con của một con vật chở đồ.*

⁶ Các môn đệ ra đi và làm theo lời Đức Giê-su đã truyền.⁷ Các ông dắt lừa mẹ và lừa con về, trải áo choàng của mình trên lưng chúng, và Đức Giê-su cởi lên.⁸ Một đám người rất đông cũng lấy áo choàng trải xuống mặt đường, một số khác lại

chặt nhánh chặt lá mà rải lên lối đi.⁹ Dân chúng, người đi trước, kẻ theo sau, reo hò vang dậy : *Hoan hô Con vua Đa-vít ! Chúc tụng Đấng ngự đến nhân danh Đức Chúa ! Hoan hô trên các tầng trời.*

¹⁰ Khi Đức Giê-su vào Giê-ru-sa-lem, cả thành náo động, và thiên hạ hỏi nhau : “Ông này là ai vậy ?”¹¹ Dân chúng trả lời : “Ngôn sứ Giê-su, người Na-da-rét, xứ Ga-li-lê đấy.”

Đức Giê-su đuổi những người đang mua bán trong Đền Thờ

* ¹² Đức Giê-su vào Đền Thờ, đuổi tất cả những người đang mua bán trong Đền Thờ, lật bàn của những người đổi bạc và xô ghế của những kẻ bán bồ câu.¹³ Rồi Người bảo họ : “Đã có lời chép rằng : *Nhà Ta sẽ được gọi là nhà cầu nguyện*, thế mà các người lại biến thành sào huyệt

* 21,12 X. phần bình giải Mc 11,15.

Chúa Giê-su tẩy ứ Đền Thờ, làm ứng nghiệm lời sấm Dcr 14,21. Ngôn sứ Ma-la-khi xưa kia cũng đã từng tiên báo Đức Chúa sẽ đến tẩy luyện dân Người và Đền Thờ. Trên cương vị ngôn sứ, Chúa Giê-su đến yêu cầu có sự tôn kính đối với Thiên Chúa. Trên cương vị Thiên Chúa, Người khai mở một giai đoạn mới trong lịch sử thánh : phụng sự Thiên Chúa trong thần khí và sự thật. Tác giả Ga cũng hiểu biến cố này như thế khi nói về Đền Thờ mới là Đức Ki-tô (Ga 2,21).

của bọn cướp."¹⁴ Có những kẻ mù loà, què quặt đến với Người trong Đền Thờ, và Người đã chữa họ lành.¹⁵ Nhưng các thượng tế và kinh sư thấy những việc lạ lùng Người đã làm và thấy lũ trẻ reo hò trong Đền Thờ : "Hoan hô Con vua Đa-vít !", thì tức tối¹⁶ và nói với Người rằng : "Ông có nghe chúng nói gì không?" Đức Giê-su đáp : "Có ; nhưng còn lời này, các ông chưa bao giờ đọc sao : *Ta sẽ cho miệng con thơ trẻ nhỏ cất tiếng ngợi khen ?*"¹⁷ Rồi Người bỏ họ mà ra khỏi thành, đến Bê-ta-ni-a và qua đêm tại đó.

Cây vả không ra trái

*¹⁸ Sáng sớm, khi trở vào thành, Người cảm thấy đói.¹⁹ Trông thấy cây vả ở bên đường, Người lại gần nhưng không tìm được

gì cả, chỉ thấy lá thôi. Nên Người nói : "Từ nay, không bao giờ mày có trái nữa !" Cây vả chết khô ngay lập tức.²⁰ Thấy vậy, các môn đệ ngạc nhiên nói : "Sao cây vả lại chết khô ngay lập tức như thế ?"²¹ Đức Giê-su trả lời : "Thầy bảo thật anh em, nếu anh em tin và không chút nghi nan, thì chẳng những anh em làm được điều Thầy vừa làm cho cây vả, mà hơn nữa, anh em có bảo núi này : 'Dời chỗ đi, nhào xuống biển !', thì sự việc sẽ xảy ra như thế."²² Tất cả những gì anh em lấy lòng tin mà xin khi cầu nguyện, thì anh em sẽ được."

Câu hỏi về quyền bính của Đức Giê-su

*²³ Đức Giê-su vào Đền Thờ, và trong khi Người

* 21,18 Chuyện xảy ra trên đây giúp chúng ta hiểu được cách hành xử kỳ lạ của Chúa Giê-su : tìm trái vả đang khi không phải mùa, rồi lại nguyên rửa cây vả như thế nó phải lãnh lấy trách nhiệm vậy. Hành động ở đây của Chúa là để gây chú ý cho các Tông Đồ theo kiểu giảng dạy của các ngôn sứ. Cây vả là hình ảnh dân Do-thái đã không sinh hoa trái như Thiên Chúa mong đợi. Phải chăng nên nói : đó là hình ảnh dân Chúa hiện nay, sinh quá ít hoa trái !

* 21,23 Chúa Giê-su là một người mà ngày nay chúng ta sẽ gọi là giáo dân thường. Người kính trọng hàng tư tế trong dân Chúa và các thượng tế của họ. Nhưng Người cho thấy rằng nếu họ muốn người ta trả lễ thì họ cũng phải sẵn sàng trả lời về những gì liên quan đến Thiên Chúa khi dân có nhu cầu hiểu biết. Thế mà họ không muốn đưa ra những câu trả lời như vậy về ông Gio-an Tẩy Giả.

giảng dạy, các thượng tế và kỳ mục trong dân đến gần Người và hỏi : “Ông lấy quyền nào mà làm các điều ấy ? Ai đã cho ông quyền ấy ?”²⁴ Đức Giê-su đáp : “Còn tôi, tôi chỉ xin hỏi các ông một điều thôi ; nếu các ông trả lời được cho tôi, thì tôi cũng sẽ nói cho các ông biết tôi lấy quyền nào mà làm các điều ấy.²⁵ Vậy, phép rửa của ông Gio-an do đâu mà có ? Do Trời hay do người ta ?” Họ mới nghĩ thầm : “Nếu mình nói : ‘Do Trời’, thì ông ấy sẽ vặn lại : ‘Thế sao các ông lại không tin ông ấy ?’²⁶ Còn nếu mình nói : ‘Do người ta’, thì mình sợ dân chúng, vì ai nấy đều cho ông Gio-an là một ngôn sứ.”²⁷ Họ mới trả lời Đức Giê-su : “Chúng tôi không biết.” Người cũng nói với họ : “Tôi cũng vậy, tôi không nói cho các ông là tôi lấy quyền nào mà làm các điều ấy.”

Dụ ngôn hai người con

*²⁸ Các ông nghĩ sao : Một người kia có hai con trai. Ông ta đến nói với người thứ nhất : “Này con, hôm nay con hãy đi làm vườn nho.”²⁹ Nó đáp : “Con không muốn đâu !” Nhưng sau đó, nó hối hận, nên lại đi.³⁰ Ông đến gặp người thứ hai, và cũng bảo như vậy. Nó đáp : “Thưa ngài, con đây !” nhưng rồi lại không đi.³¹ Trong hai người con đó, ai đã thi hành ý muốn của người cha ?” Họ trả lời : “Người thứ nhất.” Đức Giê-su nói với họ : “Tôi bảo thật các ông : những người thu thuế và những cô gái điếm vào Nước Thiên Chúa trước các ông.³² Vì ông Gio-an đã đến chỉ đường công chính cho các ông, mà các ông không tin ông ấy ; còn những người thu thuế và những cô gái điếm lại tin. Phần các ông, khi đã thấy vậy rồi, các ông vẫn không

* 21,28 Rất nhiều người tội lỗi đã trở lại sau khi nghe ông Gio-an rao giảng, và xưng thú tội mình. Vậy họ đúng là những người có thể đón nhận thông điệp của Chúa Giê-su mở rộng Nước Trời cho họ và bày tỏ cho thấy gương mặt thật của Thiên Chúa Cha. Chính vì lý do đó mà họ là những người vào Nước Thiên Chúa trước các thượng tế và kỳ mục, vì những người này, vốn không ước ao cũng chẳng thấy cần có lòng sám hối, đã đứng đưng không hưởng ứng lời kêu gọi của ông Gio-an.

chịu hối hận mà tin ông ấy.”

Dụ ngôn những tá điền sát nhân

* ³³ Các ông hãy nghe một dụ ngôn khác : “Có gia chủ kia trồng được một vườn nho ; chung quanh vườn, ông rào giậu ; trong vườn, ông khoét bồn đập nho, và xây một tháp canh. Ông cho tá điền canh tác, rồi trở đi xa.

³⁴ Gần đến mùa hái nho, ông sai đầy tớ đến gặp các tá điền để thu hoa lợi.

³⁵ Bọn tá điền bắt các đầy tớ ông : chúng đánh người này, giết người kia, ném đá người nọ. ³⁶ Ông lại sai một số đầy tớ khác đông hơn trước : nhưng bọn tá điền cũng xử với họ y như vậy. ³⁷ Sau cùng, ông sai chính con trai mình đến gặp chúng, vì nghĩ rằng :

‘Chúng sẽ nể con ta.’

³⁸ Nhưng bọn tá điền vừa thấy người con, thì bảo nhau : ‘Đứa thừa tự đây rồi ! Nào ta giết quách nó đi, và đoạt lấy gia tài nó !’

³⁹ Thế là chúng bắt lấy cậu, quăng ra bên ngoài vườn nho, và giết đi.

⁴⁰ Vậy xin hỏi : Khi ông chủ vườn nho đến, ông sẽ làm gì bọn tá điền kia ?”

⁴¹ Họ đáp : “Ác giả ác báo, ông sẽ tru diệt bọn chúng, và cho các tá điền khác canh tác vườn nho, để cứ đúng mùa, họ nộp hoa lợi cho ông.” ⁴² Đức Giê-su bảo họ : “Kinh Thánh có câu : *Tảng đá thợ xây nhà loại bỏ lại trở nên đá tảng góc tường. Đó chính là công trình của Chúa, công trình kỳ diệu trước mắt chúng ta.* Các ông chưa bao giờ đọc câu này sao ?

* 21,33 X. phân bình giải Mc 12,1.

Nước Thiên Chúa, Thiên Chúa sẽ lấy đi không cho các ông nữa, mà ban cho một dân biết làm cho Nước ấy sinh hoa lợi. Lời nói này của Chúa Giê-su đâu chỉ nhằm dân Do-thái đương thời mà thôi : hãy nhìn xem tình trạng lão hoá và cằn cỗi về phương diện tông đồ của bao nhiều khu vực trong Giáo Hội chúng ta giữa một xã hội tự nó chọn cái chết, khi chấp nhận để cho đủ thứ dâm loạn và lòng hám bạc giết chết tổ chức gia đình và bóp nghẹt mọi lẽ sống. Trong khi đó những dân tộc khác đấu tranh và chinh phục được, những Giáo Hội khác đi khắp nơi, và theo cách của họ, giỏi hay dở, làm công việc loan báo Tin Mừng. Và chúng ta phải nghĩ sao, nếu trong kế hoạch của Thiên Chúa, Người phải ban Nước (của Người) cho những dân tộc khác, vì chúng ta đã không biết xả thân phục vụ cho Nước ấy ?

⁴³ Bởi đó, tôi nói cho các ông hay : Nước Thiên Chúa, Thiên Chúa sẽ lấy đi không cho các ông nữa, mà ban cho một dân biết làm cho Nước ấy sinh hoa lợi. [⁴⁴ Ai ngã xuống đá này, kẻ ấy sẽ tan xương ; đá này rơi trúng ai, sẽ làm người ấy nát thịt.]”

⁴⁵ Nghe những dụ ngôn Người kể, các thượng tế và người Pha-ri-sêu hiểu là

Người nói về họ. ⁴⁶ Họ tìm cách bắt Người, nhưng lại sợ dân chúng, vì dân chúng cho Người là một ngôn sứ.

Dụ ngôn tiệc cưới

22 * ¹ Đức Giê-su lại dùng dụ ngôn mà nói với họ rằng : ² “Nước Trời cũng giống như chuyện một vua kia mở tiệc cưới cho con mình. ³ Nhà vua sai đầy tớ

TIỆC CƯỚI

* **22,1** Dụ ngôn này có hai phần.

Trong phần thứ nhất, Thiên Chúa mời chúng ta đi dự tiệc, nơi đó có chỗ cho mọi người. Suốt chiều dài lịch sử, Người đã sai phái các ngôn sứ của Người đi rao giảng công bình, lòng thương xót của Người và lòng tin tưởng vào Người. Nhưng vì không nghe lời gọi của Thiên Chúa, nên dân Do-thái càng không nghe Chúa Giê-su. Tuy vậy kế hoạch Thiên Chúa đâu bị thất bại. Người sai các Tông Đồ đi rao giảng Tin Mừng cho các dân ngoại : *các người đi ra các ngã đường*, để cho người phi Do-thái giáo cũng được gia nhập Giáo Hội. Nhưng một số người Do-thái, *số ít người được chọn trong số bao nhiêu người được gọi*, sẽ là những thành viên tiên khởi của Hội Thánh.

Nhà vua mở *tiệc cưới cho con mình* là Chúa Ki-tô, xứng được gọi là đáng phụ quân của nhân loại (Mc 2,19) vì đã hợp nhất nó nên một thân thể để được kết hợp với Người. Trong suốt lịch sử, Chúa Ki-tô phục sinh quy tụ những con người phải chết và bị chia rẽ. Thần Khí Thiên Chúa sẽ biến đổi và cho họ sống lại để họ có thể, như trong dụ ngôn, *dự tiệc* dành cho kẻ sống.

Thánh lễ là bàn tiệc duy nhất của Chúa Ki-tô mà bao nhiêu người Ki-tô hữu đã biết đến. Khi tham dự, không được quên những điều vừa được nêu trên. Cuộc họp mặt của chúng ta trong thánh lễ phải nhắc nhở chúng ta rằng Thiên Chúa mời gọi chúng ta, qua cuộc sống hằng ngày, chuẩn bị sẵn sàng tham dự tiệc cưới dành cho toàn thể nhân loại. Nhiệm vụ chính của ta là làm sao cho tất cả mọi người hợp nhất và hoà giải với nhau.

Mà nếu chúng ta không hưởng ứng thì sao ? Bấy giờ, sức sống của Hội Thánh toàn cầu sẽ từ từ rút ra khỏi các buổi họp mặt của chúng ta –những Ki-tô hữu sống vô tư thoải mái–, và kẻ khác sẽ được gọi đi làm công việc của Thiên Chúa : *Hãy mời vào tiệc cưới*.

đi thỉnh các quan khách đã được mời trước, xin họ đến dự tiệc, nhưng họ không chịu đến. ⁴ Nhà vua lại sai những đầy tớ khác đi, và dặn họ : ‘Hãy thưa với quan khách đã được mời rằng : Này cỗ bàn, ta đã dọn xong, bò tơ và thú béo đã hạ rồi, mọi sự đã sẵn. Mời quý vị đến dự tiệc cưới !’ ⁵ Nhưng quan khách không thèm đếm xỉa tới, lại bỏ đi : kẻ thì đi thăm trại, người thì đi buôn, ⁶ còn những kẻ khác lại bắt các đầy tớ của vua mà sỉ nhục và giết chết. ⁷ Nhà vua liền nổi cơn thịnh nộ, sai quân đi tru diệt bọn sát nhân ấy và thiêu huỷ thành phố của chúng. ⁸ Rồi nhà vua bảo đầy tớ : ‘Tiệc cưới đã sẵn sàng rồi, mà những kẻ đã được mời lại không xứng đáng.’ ⁹ Vậy các người đi ra các ngã đường, gặp ai cũng

mời hết vào tiệc cưới.’ ¹⁰ Đây tớ liền đi ra các ngõ đường, gặp ai, bất luận xấu tốt, cũng tập hợp cả lại, nên phòng tiệc cưới đã đầy thực khách.

¹¹ “Bấy giờ nhà vua tiến vào quan sát khách dự tiệc, thấy ở đó có một người không mặc y phục lễ cưới, ¹² mới hỏi người ấy : ‘Này bạn, làm sao bạn vào đây mà lại không có y phục lễ cưới ?’ Người ấy câm miệng không nói được gì. ¹³ Nhà vua liền bảo những người phục dịch : ‘Trói chân tay nó lại, quăng nó ra chỗ tối tăm bên ngoài, ở đó người ta sẽ phải khóc lóc nguyền rủa !’ * ¹⁴ Vì kẻ được gọi thì nhiều, mà người được chọn thì ít.”

Nộp thuế cho Xê-da

¹⁵ Bấy giờ những người Pha-ri-sêu đi bàn bạc với

Tiếp đến là phần thứ hai của dụ ngôn : Các bạn là những người đã ở trong Hội Thánh rồi, các bạn có mặc áo mới không ? Đây là chiếc áo trắng được nói tới trong Kh (7,13-14), là đức tin, là chiếc áo của những ai đã không cậy vào sức mình mà tìm cách biến thành “những người dâng hoàng”, nhưng là những ai đã “tin” rằng Chúa Giê-su có thể biến những người có tội như họ trở thành những vị Thánh trong Nước của Người.

Đừng tưởng người khách *không mặc y phục lễ cưới* là một người nghèo. Theo tục lệ thời đó, người ta cấp cho tất cả các thực khách y phục mà họ phải mặc trong bữa tiệc. Người khách này đáng lẽ đã có rồi mà lại không mặc vào, nên đã *câm miệng không nói được gì*.

nhau, tìm cách làm cho Đức Giê-su phải lỡ lời mà mắc bẫy.

¹⁶ Họ sai các môn đệ của họ cùng đi với những người phe Hê-rô-đê, đến nói với Đức Giê-su rằng : “Thưa Thầy, chúng tôi biết Thầy là người chân thật và cứ sự thật mà dạy đường lối của Thiên Chúa. Thầy cũng chẳng vị nể ai, vì Thầy không cứ bề ngoài mà đánh giá người ta. ¹⁷ Vậy xin Thầy cho biết ý kiến : có được phép nộp thuế cho Xê-da hay không ?”

¹⁸ Nhưng Đức Giê-su biết họ có ác ý, nên Người nói : “Tại sao các người lại thử tôi, hỡi những kẻ giả hình ! ¹⁹ Cho tôi xem đồng tiền nộp thuế !” Họ liền đưa cho Người một quan tiền. ²⁰ Người hỏi họ : “Hình và danh hiệu này là của ai đây ?” ²¹ Họ đáp :

“Của Xê-da.” Bấy giờ, Người bảo họ : “Thế thì của Xê-da, trả về Xê-da ; của Thiên Chúa, trả về Thiên Chúa.” ²² Nghe vậy, họ ngạc nhiên và để Người lại đó mà đi.

Kẻ chết sống lại

²³ Hôm đó, có những người thuộc nhóm Xa-đốc, đến gặp Đức Giê-su. Nhóm này chủ trương không có sự sống lại. Họ hỏi Người : ²⁴ “Thưa Thầy, ông Mô-sê có nói : Nếu ai chết mà không có con, thì anh hay em của người ấy phải cưới lấy người vợ góa, để sinh con nối dòng cho anh hay em mình. ²⁵ Mà, trong chúng tôi, nhà kia có bảy anh em trai. Người anh cả lấy vợ, rồi chết, và vì không có con nối dòng, nên để vợ lại cho em. ²⁶ Người thứ hai, rồi người thứ ba, cho đến hết bảy

* **22,14** *Kẻ được gọi thì nhiều* (c.14). Một số người lo lắng khi đọc câu này : như vậy thì chỉ có vài người được cứu thôi sao ?

Nếu chúng ta áp dụng câu này vào phần thứ nhất của dụ ngôn, thì nghĩa là trong số những người được mời, chỉ có ít người được dự tiệc thôi. Những khách mời ấy là người Do-thái, và thật vậy, rất ít người trong số họ gia nhập Hội Thánh Chúa Giê-su : được Thiên Chúa tuyển chọn làm dân riêng của Người (Xh 19,5), họ đã không biết nhận ra, nơi Chúa Giê-su, Vua Đa-vít mới đến thống nhất “Ít-ra-en của Thiên Chúa” (Ed 34,23-31 ; Gl 6,16). Nhưng cũng phải công nhận là câu này được gặp thấy nhiều lần trong sách Tin Mừng, và có lẽ không nên nối kết nó quá chặt chẽ với dụ ngôn này.

người, người nào cũng vậy. ²⁷ Sau hết, người đàn bà ấy cũng chết. ²⁸ Vậy, trong ngày sống lại, bà ấy sẽ là vợ ai trong số bảy người, vì tất cả đều đã lấy bà ?” ²⁹ Đức Giê-su trả lời họ : “Các ông lầm, vì không biết Kinh Thánh, cũng chẳng biết quyền năng Thiên Chúa. ³⁰ Quả thế, trong ngày sống lại, người ta chẳng lấy vợ lấy chồng, nhưng sẽ giống như các thiên thần trên trời. ³¹ Còn về vấn đề kẻ chết sống lại, thì các ông không đọc lời Thiên Chúa đã phán cùng các ông sao ? ³² Người phán : *Ta là Thiên Chúa của Áp-ra-ham, Thiên Chúa của I-xa-ác và Thiên Chúa của Gia-cóp.* Người không phải là Thiên Chúa của kẻ chết, nhưng là của kẻ sống.” ³³ Dân chúng kinh ngạc khi nghe lời Người dạy.

Điều răn trọng nhất

³⁴ Khi nghe tin Đức Giê-su đã làm cho nhóm Xa-đốc phải câm miệng, thì những người Pha-ri-sêu họp nhau lại. ³⁵ Rồi một người thông luật trong nhóm hỏi Đức Giê-su để thử Người rằng : ³⁶ “Thưa Thầy, trong sách Luật Mô-

sê, điều răn nào là điều răn trọng nhất ?” ³⁷ Đức Giê-su đáp : “*Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn người.*” ³⁸ Đó là điều răn quan trọng nhất và điều răn thứ nhất. ³⁹ Còn điều răn thứ hai, cũng giống điều răn ấy, là : *người phải yêu người thân cận như chính mình.* ⁴⁰ Tất cả Luật Mô-sê và các sách ngôn sứ đều tùy thuộc vào hai điều răn ấy.”

Đức Ki-tô là Con và cũng là Chúa của vua Đa-vít

⁴¹ Những người Pha-ri-sêu đang tụ tập thì Đức Giê-su hỏi họ ⁴² rằng : “Các ông nghĩ sao về Đấng Ki-tô ? Người là con của ai ?” Họ thưa : “Con của vua Đa-vít.” ⁴³ Người hỏi : “Vậy tại sao vua Đa-vít, được Thần Khí soi sáng, lại gọi Người là Chúa Thượng, khi nói rằng : ⁴⁴ *Đức Chúa phán cùng Chúa Thượng tôi : bên hữu Cha đây, Con lên ngự trị, để rồi bao địch thù, Cha sẽ đặt dưới chân Con ?*

⁴⁵ “Vậy nếu vua Đa-vít gọi Đấng Ki-tô là Chúa Thượng, thì làm sao Đấng

Ki-tô lại là con vua ấy được?”⁴⁶ Không ai đáp lại Người được một tiếng. Và từ ngày ấy, chẳng ai còn dám chất vấn Người nữa.

Các kinh sư và người Pha-ri-sêu giả hình

23^{* 1} Bấy giờ, Đức Giê-su nói với dân chúng và các môn đệ Người rằng :
* ² “Các kinh sư và các

người Pha-ri-sêu ngồi trên toà ông Mô-sê mà giảng dạy.³ Vậy, tất cả những gì họ nói, anh em hãy làm, hãy giữ, còn những việc họ làm, thì đừng có làm theo, vì họ nói mà không làm.⁴ Họ bó những gánh nặng mà chất lên vai người ta, nhưng chính họ thì lại không buồn động ngón tay vào.⁵ Họ làm mọi việc cốt

* **23,1** Bài diễn từ thứ năm trong Mt bắt đầu từ đây. Chỉ còn ít ngày nữa là Chúa Giê-su sẽ rời khỏi thế gian, và Mt đặt vào thời điểm này những lời nói và dụ ngôn của Chúa khá dĩ soi sáng các môn đệ phải có thái độ nào trước những gì các ông sẽ chứng kiến.

Vừa mới khai sinh, Hội Thánh sẽ phải đương đầu với sự chống đối mãnh liệt của các quyền lực Do-thái giáo, đặc biệt của phái Pha-ri-sêu. Vậy Hội Thánh phải đi trọn con đường của mình và chia tay với các cộng đoàn Do-thái giáo. Đó là ý chính của ch. 23. Ch. 24 tuyên bố Thiên Chúa sẽ xác nhận cuộc chia tay này qua biến cố Ít-ra-en mất nước.

Bấy giờ Hội Thánh sẽ phải hướng về tương lai và chờ đợi Chúa Ki-tô trở lại. Không phải mất giờ ngồi đó chờ ngày tận thế, nhưng có thái độ sẵn sàng là tinh thức một cách tích cực.

QUYỀN BÍNH TRONG ĐẠO

* **23,2** Chúa Giê-su không thuộc chi tộc Lê-vi như các tư tế. Người cũng không thuộc một đảng phái tôn giáo nào, như phái Pha-ri-sêu chẳng hạn. Người thuộc hàng ngũ nhân dân và nhìn xem cách hành động của các nhà lãnh đạo dân Chúa cũng như thành phần ưu tú có tổ chức bên đạo.

Rõ ràng là tác giả sách Mt muốn cho lời nói của Chúa Giê-su nhằm trúng các nhân vật quan trọng trong các cộng đoàn sẽ là độc giả tác phẩm của ông : vào thời đó, Chúa đã xét đoán trước như thế các vị nắm quyền trong Giáo Hội của Người, và hiểu theo nghĩa rộng, bất cứ nhóm người nào tự cho mình là tốt đẹp nhất, có ý thức nhất, hữu hiệu nhất. Nhóm Pha-ri-sêu tự cho là mình có những đức tính ấy, mà nói vậy là đúng, theo một nghĩa nào đó.

Các kinh sư và các người Pha-ri-sêu ngồi trên toà ông Mô-sê mà giảng dạy. Cách nói hơi mỉa mai này muốn cho hiểu rằng những người có tham vọng chia nhau những vị thế ngon lành trong dân Thiên Chúa, và Thiên Chúa chịu đựng họ trong mức độ nào đó.

để cho thiên hạ thấy. Quả vậy, họ đeo những hộp kinh thật lớn, mang những tua áo thật dài. ⁶ Họ ưa ngồi cỗ nhất trong đám tiệc, chiếm hàng ghế đầu trong hội đường, ⁷ ưa được người ta chào hỏi ở những nơi công cộng và được thiên hạ gọi là ‘ráp-bi’.

⁸ “Phần anh em, thì đừng để ai gọi mình là ‘ráp-bi’, nghĩa là thầy, vì anh em

chỉ có một Thầy ; còn tất cả anh em đều là anh em với nhau. ⁹ Anh em cũng đừng gọi ai dưới đất này là cha của anh em, vì anh em chỉ có một Cha là Cha trên trời. ¹⁰ Anh em cũng đừng để ai gọi mình là người lãnh đạo, vì anh em chỉ có một vị lãnh đạo, là Đức Ki-tô. ¹¹ Trong anh em, người làm lớn hơn cả, phải làm người phục vụ anh em. ¹² Ai tôn mình

Ở đây, Mt nhắc nhở chúng ta về sự bình đẳng căn bản giữa các tín hữu trong Giáo Hội. Đối tượng lãnh nhận Chúa Thánh Thần là cộng đoàn, và các người có trách nhiệm hoặc các *ráp-bi* không có quyền hành gì nếu họ không phải là thành phần tích cực trong đời sống cộng đoàn. Thánh Phao-lô sẽ dùng hình ảnh “đầu với thân thể” để nói về Chúa Giê-su với Hội Thánh (Ep 5,25). Trong Giáo Hội cũng thế, quyền bính của giám mục đi đôi với lòng trung thành của ngài đối với Giáo Hội mà ngài cai quản ; ngài đã nhận Giáo Hội trong thực chất của nó, và không tìm cách áp đặt cho Giáo Hội những dự định của riêng mình.

Tất cả những gì họ nói, anh em hãy làm. Gương xấu từ những người có chức quyền không làm mất uy tín của lời Chúa và cũng không huỷ được bốn phạm vâng phục. Nếu Chúa Giê-su đã bảo phải nghe lời các người kế vị ông Mô-sê, thì chúng ta càng phải nghe lời các người kế vị các Tông Đồ hơn nữa. Các ông đầu có thể kước từ quyền bính của mình với cái cố phải phục vụ trong khiêm tốn và chỉ còn là những người thừa hành những cái được đa số quyết định !

Chúa Giê-su nói về hình thức quyền hành. *Đừng để ai gọi mình là ‘ráp-bi’* hay là *cha*. Đừng gọi là “*ráp-bi*”, tức là người có hiểu biết thường làm cho người ta câm miệng ; cũng đừng gọi là *cha*, người làm cho ai nấy tôn kính và học theo, đến nỗi sẽ quên nhìn lên Đấng duy nhất tốt lành. Trong Giáo Hội, không ai được che khuất hình bóng của *Cha trên trời*, Đấng chỉ có một.

Di nhiên, mọi người sẽ nói rằng tiếng “Cha” chỉ nói lên một lòng yêu kính mà thôi, nhưng lời Chúa nói khẳng định rằng tên gọi này có những hậu quả rất xấu. Đức tin tinh tuyền, cái làm cho người ta chỉ phục tùng một mình Thiên Chúa, luôn bị tổn thương bởi việc tôn sùng cá nhân. Giáo Hội phải là một cộng đoàn những người tự do, thành thật với nhau trong lời ăn tiếng nói.

lên, sẽ bị hạ xuống ; còn ai hạ mình xuống, sẽ được tôn lên.

Đức Giê-su khiển trách các kinh sư và người Pha-ri-sêu

* 13 “Khốn cho các người, hỡi các kinh sư và người Pha-ri-sêu giả hình ! Các người khoá cửa Nước Trời

không cho thiên hạ vào ! Các người đã không vào, mà những kẻ muốn vào, các người cũng không để họ vào. [14 Khốn cho các người, hỡi các kinh sư và người Pha-ri-sêu giả hình ! Các người nuốt hết tài sản của các bà goá, lại còn làm bộ đọc kinh cầu nguyện lâu giờ, cho nên các người

* 23,13 *Các người khoá cửa Nước Trời.* Nhiều người thấy trong dân Chúa là một chướng ngại vật trên con đường hiểu biết thật sự Thiên Chúa Cha ; ngay trong những làng mạc xa xôi nhất, người Do-thái cũng có những thầy dạy Luật, nhưng thật ra, dân chúng đến với Chúa Giê-su để hỏi Chúa những gì mà các thầy ấy không truyền đạt được.

Làm sao quên được rằng ngay trong Giáo Hội, việc giáo dục đời sống thiêng liêng thường bị giới hạn trong những việc đạo đức và giữ các điều răn. Nếu được tập lắng nghe và suy gẫm lời Chúa thì người ta sẽ nhạy bén với những kỳ vọng cao đẹp biết bao, để tìm gặp Thiên Chúa và có óc sáng tạo trong việc tông đồ.

Các người bảo : “*Ai chỉ Đền Thờ mà thôi*” (cc. 16-22). Chúa Giê-su nói về những lạm dụng xảy ra vào thời ấy. Một số người trong bậc thầy tìm những chứng cứ để khỏi phải giữ tất cả các lời thể. Sau này người ta gọi đó là khoa thần học giải nghi.

NHỮNG NGƯỜI BẢO VỆ ĐỨC TIN

Làm sao Chúa Giê-su đã có thể gọi là *giả hình* những người gắn bó với đức tin như thế ?

Trong ngôn ngữ Chúa dùng, từ *giả hình* cũng chỉ về kẻ hờ hững, kẻ coi thường những gì liên quan đến Thiên Chúa. Những người thuộc nhóm Pha-ri-sêu đâu phải là *giả hình* hết, dĩ nhiên, nhưng Chúa tố giác cái méo mó thường xảy ra nơi các thành phần ưu tú nhất trong đạo. Chúa kêu gọi nên cảnh giác đối với những cơ cấu do hạng người có của có văn hoá khởi xướng để rồi sau đó tưởng mình có quyền điều khiển người khác –và Giáo Hội nữa– mà chưa có thì giờ học với người nghèo đức khiêm tốn đích thực.

Mâu nhiệm Thiên Chúa sâu thẳm đến nỗi không ai có thể tự nói mình có độc quyền làm kẻ phát ngôn của Người. Người Pha-ri-sêu giữ đạo, dạy dỗ người ta và có thêm nhiều tân tòng, nhưng họ không bị thiệt thòi gì khi ăn chay, bố thí. Lòng kiêu hãnh và ham tiền của họ đã có lợi trong đó rồi.

sẽ bị kết án nghiêm khắc hơn.]

¹⁵ “Khốn cho các người, hỡi các kinh sư và người Pha-ri-sêu giả hình ! Các người rảo khắp biển cả đất liền để rử cho được một người theo đạo ; nhưng khi họ theo rồi, các người lại làm cho họ đáng xuống hoả ngục gấp đôi các người.

¹⁶ “Khốn cho các người, những kẻ dẫn đường mù quáng ! Các người bảo : ‘Ai chỉ Đèn Thờ mà thê, thì có thê cũng như không ; còn ai chỉ vàng trong Đèn Thờ mà thê, thì bị ràng buộc.’ ¹⁷ Đồ ngu si mù quáng ! Thế thì vàng hay Đèn Thờ là nơi làm cho vàng nên của thánh, cái nào trọng hơn ? ¹⁸ Các người còn nói : ‘Ai chỉ bàn thờ mà thê, thì có thê cũng như không ; nhưng ai chỉ lễ vật trên bàn thờ mà thê, thì bị ràng buộc.’ ¹⁹ Đồ mù quáng ! Thế thì lễ vật hay bàn thờ là nơi làm cho lễ vật nên của thánh, cái nào trọng hơn ? ²⁰ Vậy ai chỉ bàn thờ mà thê, là chỉ bàn thờ và mọi sự trên bàn thờ mà thê. ²¹ Và ai chỉ Đèn Thờ mà thê, là chỉ Đèn Thờ và Đấng ngự ở đó mà thê.

²² Và ai chỉ trời mà thê, là chỉ ngai Thiên Chúa và cả Thiên Chúa ngự trên đó mà thê.

²³ “Khốn cho các người, hỡi các kinh sư và người Pha-ri-sêu giả hình ! Các người nộp thuế thập phân về bạc hà, thì là, rau húng, mà bỏ những điều quan trọng nhất trong Lê Luật là công lý, lòng nhân và thành tín. Các điều này vẫn cứ phải làm, mà các điều kia thì không được bỏ. ²⁴ Quân dẫn đường mù quáng ! Các người lọc con muỗi, nhưng lại nuốt con lạc đà.

²⁵ “Khốn cho các người, hỡi các kinh sư và người Pha-ri-sêu giả hình ! Các người rửa sạch bên ngoài chén đĩa, nhưng bên trong thì đầy những chuyện cướp bóc và ăn chơi vô độ.

²⁶ Hỡi người Pha-ri-sêu mù quáng kia, hãy rửa bên trong chén đĩa cho sạch trước đã, để bên ngoài cũng được sạch.

²⁷ “Khốn cho các người, hỡi các kinh sư và người Pha-ri-sêu giả hình ! Các người giống như mồ mả tô vôi, bên ngoài có vẻ đẹp, nhưng bên trong thì đầy xương người chết và đủ

mọi thứ ô uest. ²⁸ Các người cũng vậy, bên ngoài thì có vẻ công chính trước mặt thiên hạ, nhưng bên trong toàn là giả hình và gian ác !

* ²⁹ “Khốn cho các người, hỡi các kinh sư và người

Pha-ri-sêu giả hình ! Các người xây mồ cho các ngôn sứ và tô mả cho những người công chính. ³⁰ Các người nói : ‘Nếu như chúng ta sống vào thời của tổ tiên, hẳn chúng ta đã không thông đồng với các

CÁC NGÔN SỨ

* **23,29** Một bên, chúng ta có các ngôn sứ, một bên, những kẻ giết các ngôn sứ. Kinh Thánh cho thấy các ngôn sứ có rất nhiều địch thủ trong dân Chúa, đặc biệt trong số các người lãnh đạo dân.

Có một dân Thiên Chúa, mà có dân thì tất có những tổ chức, những cơ cấu để giúp dân sống trung thành với sứ mạng của nó. Nhưng dân này lại chiều theo những phản xạ và thành kiến trong xã hội, và bất cứ cơ cấu nào, dù là phát sinh bởi Thần Khí, cũng dễ trở thành nặng nề và xơ cứng với thời gian. Các ngôn sứ dễ bị lên án khi các ngài đặt lại vấn đề về việc toàn dân bằng lòng với một lối sống tâm thường, thậm chí bất trung với lời Thiên Chúa.

Bị các nước láng giềng luôn luôn kích động, dân Do-thái siết chặt hàng ngũ quanh Đền Thờ, quanh nhóm Pha-ri-sêu và những việc đạo đức. Do sức ép của sợ hãi, họ làm cái mà xã hội nào cũng làm khi cảm thấy mình bị đe dọa : họ trở thành bảo thủ đến mức cực đoan và bám lấy làm điểm tựa an toàn những cơ cấu mà Chúa đã ban cho họ trong dĩ vãng. Hiện nay chúng ta cũng thấy có hiện tượng như vậy. Thế hệ chúng ta đột nhiên thấy mình phải đương đầu với những khủng hoảng và đe dọa trong đủ mọi lãnh vực và có chiều kích toàn cầu, mà không được chuẩn bị gì hết. Tất cả những gì mình nắm chắc trước đây phải được duyệt lại, do đó trong mọi tôn giáo đều thấy xuất hiện những nhóm theo thuyết cơ bản đưa ra một cái nhìn tự tạo an toàn bằng cách xây cho mình những pháo đài tri thức –hoặc phi tri thức– kế thừa từ trong quá khứ.

Các người bảo vệ cộng đoàn Do-thái giáo đã không sẵn sàng lắng nghe vị ngôn sứ mới của họ. Trân trọng các ngôn sứ của quá khứ và bảo tồn các Sách Thánh là một chuyện, chấp nhận lời phê bình Thiên Chúa truyền đạt tới họ, không phải từ các Sách Thánh mà từ miệng người thợ có tên là Giê-su, lại là chuyện khác.

Thế là các kỳ mục trong dân đã bỏ qua cơ hội Thiên Chúa đến viếng thăm họ, và lún sâu vào con đường chắc chắn đưa dân nước họ tới chỗ diệt vong.

Cộng đoàn chúng ta, trước một cơn khủng hoảng lớn, sẽ biết xây dựng một Giáo Hội khó nghèo hơn, đòi hỏi hơn không ? Chúng ta sẽ còn quan tâm đến Tin Mừng phải mang đến cho thế giới, hơn là lo lắng cho sự sống còn của bản thân hay không ?

ngài mà đổ máu các ngôn sứ.’³¹ Như vậy, các người tự làm chứng rằng các người đúng là con cháu của những kẻ đã giết các ngôn sứ.³² Thì các người đổ thêm cho đầy đầu tội của tổ tiên các người đi !

Tội ác và hình phạt

³³ “Đồ mãng xà, nòi rắn độc kia ! Các người trốn đầu cho khỏi hình phạt hoả ngục ?³⁴ Vì thế, này tôi sai ngôn sứ, hiền nhân và kinh sư đến cùng các người : các người sẽ giết và đóng đinh người này vào thập giá, đánh đòn người kia trong hội đường và lòng bắt họ từ thành này đến thành khác.³⁵ Như vậy, máu của tất cả những người công chính đã đổ xuống đất, thì cũng đổ xuống đầu các người, từ máu ông A-ben, người công chính, đến máu ông Da-ca-

ri-a, con ông Be-réc-gia, mà các người đã giết giữa đền thánh và bàn thờ.³⁶ Tôi bảo thật các người : tất cả những tội ấy sẽ đổ xuống đầu thế hệ này.

Đức Giê-su thương tiếc thành Giê-ru-sa-lem

* ³⁷ “Giê-ru-sa-lem, Giê-ru-sa-lem ! Người giết các ngôn sứ và ném đá những kẻ được sai đến cùng người ! Đã bao lần Ta muốn tập hợp con cái người lại, như gà mẹ tập hợp gà con dưới cánh, mà các người không chịu.³⁸ Thì này, nhà các người sẽ bị bỏ hoang mặc cho các người.³⁹ Thật vậy, Ta nói cho các người hay, từ nay các người sẽ không còn thấy Ta nữa, cho đến khi các người nói : *Chúc tụng Đấng ngự đến nhân danh Đức Chúa !*”

* 23,37 Các ngôn sứ đã tiên báo Giê-ru-sa-lem sẽ bị tiêu diệt năm 587 như là hình phạt vì tội bất trung của Thành. Chúa Giê-su mượn lại ngôn ngữ của các ông, nhưng cảnh hoang tàn mà Người tiên báo sẽ có một ý nghĩa rộng lớn hơn vô cùng, tương xứng với sứ mạng của Người, ở vị trí trung tâm và thượng đỉnh của toàn bộ lịch sử nhân loại. Vận mạng Chúa Giê-su tóm lược cả lịch sử : *máu các ngôn sứ*, máu của bản thân Người, máu các Ki-tô hữu tiên khởi (34).

Nhà các người (38). Đây nói về Đền Thờ, nơi có sự hiện diện của Thiên Chúa ; thời ấy Đền Thờ là trái tim của cả nước và là nơi phụng tự. Nhưng Thiên Chúa lại lìa bỏ nó một lần nữa (Ed 8) để đồng hành với những ai đã đón nhận Chúa Giê-su và tìm gặp nơi Người Đền Thờ đích thực (Ga 2,21).

2. BÀI GIẢNG VỀ THỜI CẢNH CHUNG

Nhập đề

24^{* 1} Khi Đức Giê-su từ trong Đền Thờ đi ra, thì các môn đệ của Người lại gần chỉ cho Người xem công trình kiến trúc Đền Thờ.² Nhưng Người nói : “Anh em nhìn thấy tất cả những cái đó, phải không ? Thầy bảo thật anh em : tại đây, sẽ không còn tảng đá nào trên tảng đá nào ; tất cả đều sẽ bị phá đổ.”³ Sau đó, lúc Người ngồi trên núi Ô-liu, các môn đệ tới gặp riêng Người và thưa : “Xin Thầy nói cho chúng con biết khi nào những sự việc ấy xảy ra, và cứ điềm nào mà biết ngày Thầy quang lâm và ngày tận thế ?”

Những cơn đau đớn khởi đầu

⁴ Đức Giê-su đáp : “Anh em hãy coi chừng, đừng để ai lừa gạt anh em,⁵ vì sẽ có nhiều kẻ mạo danh Thầy đến nói rằng : ‘Chính Ta đây là Đấng Ki-tô’, và họ sẽ lừa gạt được nhiều người.⁶ Anh em sẽ nghe có giặc giã và tin đồn giặc giã ; coi chừng, đừng khiếp sợ, vì những việc đó phải xảy ra, nhưng chưa phải là tận cùng.⁷ Quả thế, dân này sẽ nổi dậy chống dân kia, nước này chống nước nọ. Sẽ có những cơn đói kém, và những trận động đất ở nhiều nơi.⁸ Nhưng tất cả những sự việc ấy chỉ là khởi đầu các cơn đau đớn.

* 24,1 X. phần bình giải Mc 13 liên quan đến bài diễn từ quan trọng này.

Bài diễn từ ở đây vận dụng thể văn khải huyền (x. Dẫn Nhập sách Kh). Trong loại thể văn này, độc giả phải chấp nhận là các biến cố lớn được những điềm thiêng dấu lạ báo trước. Do vậy mà các người thân cận Chúa Giê-su hỏi Người : “Cứ điềm nào mà biết ngày Thầy quang lâm và ngày tận thế ?”

Diễn từ tiếp theo thu thập những lời mà Chúa đã nói trong những hoàn cảnh rất khác biệt. Chúa Giê-su từ chối những suy đoán và nhắc cho chúng ta nhớ rằng lịch sử Ki-tô giáo là một chuỗi bách hại ; Chúa khuyến khích chúng ta sống trung kiên.

Trong đoạn 24,4-28, Chúa nói về một *cơn gian nan khôn khổ lớn* (cc. 21 và 19) sẽ xảy ra trước ngày Giê-ru-sa-lem bị tàn phá, mà những người nghe Chúa sẽ chứng kiến. Có thể chạy trốn trước khi nó xảy đến (cc. 15-20).

⁹ “Bấy giờ, người ta sẽ nộp anh em, khiến anh em phải khốn quẫn, và người ta sẽ giết anh em ; anh em sẽ bị mọi dân tộc thù ghét vì danh Thầy. ¹⁰ Bấy giờ sẽ có nhiều người vấp ngã. Người ta sẽ nộp nhau và thù ghét nhau. ¹¹ Sẽ có nhiều ngôn sứ giả xuất hiện và lừa gạt được nhiều người. ¹² Vì tội ác gia tăng, nên lòng yêu mến của nhiều người sẽ nguội đi. ¹³ Nhưng kẻ nào bền chí đến cùng, kẻ ấy sẽ được cứu thoát.

¹⁴ “Tin Mừng này về Vương Quốc sẽ được loan báo trên khắp thế giới, để làm chứng cho mọi dân tộc được biết. Và bấy giờ sẽ là tận cùng.”

Cơn gian nan khốn khổ tại Giê-ru-sa-lem

¹⁵ “VẬY, khi anh em thấy đặt trong nơi thánh *Đồ Ghê Tôm Khốc Hại* mà ngôn sứ Đa-ni-en đã nói

đến –người đọc hãy lo mà hiểu !– ¹⁶ thì bấy giờ ai ở miền Giu-đê, hãy trốn lên núi, ¹⁷ ai ở trên sân thượng thì đừng xuống lấy đồ đạc trong nhà, ¹⁸ ai ở ngoài đồng, đừng trở lại phía sau lấy áo choàng của mình. ¹⁹ Khốn cho những người mang thai và những người đang cho con bú trong những ngày đó !

²⁰ Anh em hãy cầu xin cho mùa đông hay ngày sa-bát.

²¹ Vì khi ấy sẽ có cơn gian nan khốn khổ đến mức từ thuở khai thiên lập địa cho đến bây giờ chưa khi nào xảy ra, và sẽ không bao giờ xảy ra như vậy nữa. ²² Nếu những ngày ấy không được rút ngắn lại, thì không ai được cứu thoát ; nhưng, vì những người được tuyển chọn, các ngày ấy sẽ được rút ngắn.

²³ “Bấy giờ, nếu có ai bảo anh em : ‘Này, Đấng Ki-tô ở đây’ hoặc ‘ở đó’, thì anh

Đồ Ghê Tôm Khốc Hại (c.15) : Mt vay mượn một kiểu nói trong Đn 9.27, lần này để chỉ quân đội Rô-ma đến chiếm đóng Đền Thờ (x. phần bình giải Mc 13,14).

Đó sẽ là một thời kỳ loan báo Tin Mừng, một thời gian bắt đạo, để người Ki-tô hữu làm chứng trước thế giới Do-thái và ngoại đạo (cc. 9-14). Những người Do-thái nào đã không nhìn nhận nơi Chúa Giê-su vị cứu tinh của họ sẽ chạy theo những cứu tinh hoặc “mê-si-a” khác, trong một cuộc nổi dậy tàn khốc chống lại người Rô-ma.

em đừng tin. ²⁴ Thật vậy, sẽ có những Ki-tô giả và ngôn sứ giả xuất hiện, đưa ra những dấu lạ lớn lao và những điềm thiêng, đến nỗi chúng lừa gạt cả những người đã được tuyển chọn, nếu có thể. ²⁵ Thầy báo trước cho anh em đấy !

Cuộc quang lâm của Con Người

²⁶ “Vây, nếu người ta bảo anh em : ‘Này, Người ở trong hoang địa’, anh em chớ ra đó ; ‘Kìa, Người ở trong phòng kín’, anh em cũng đừng tin. ²⁷ Vì, như chớp loé ra từ phương đông và chiếu sáng đến phương tây thế nào, thì cuộc quang lâm của Con

Người cũng sẽ như vậy. ²⁸ Xác chết nằm đâu, điều hâu tỵ đó.

Hiện tượng của ngày Quang Lâm

²⁹ “Ngay sau những ngày gian nan ấy, thì mặt trời sẽ ra tối tăm, mặt trăng không còn chiếu sáng, các ngôi sao từ trời sa xuống và các quyền lực trên trời bị lay chuyển. ³⁰ Bấy giờ, dấu hiệu của Con Người sẽ xuất hiện trên trời ; bấy giờ mọi chi tộc trên mặt đất sẽ đấm ngực và sẽ thấy Con Người rất uy nghi vinh hiển ngự giá mây trời mà đến. ³¹ Người sẽ sai các thiên sứ của Người thổi loa vang dậy,

Trong đoạn 26-28, Chúa Giê-su cho thấy sự lầm lẫn ấy –phổ biến trong dân gian về Vị Cứu Tinh đích thực– không ăn nhằm gì với những điều sẽ xảy ra khi Người trở lại vào thời sau hết.

Trong đoạn 29-31, Chúa nói về cuộc quang lâm của Người. Rồi Người lặp lại hai điều : những biến cố và điềm lạ liên quan đến cuộc cáo chung của Giê-ru-sa-lem không bao lâu nữa sẽ diễn ra (32-35). Nhưng Ngày ấy, Ngày xét xử và cũng là Ngày của Chúa (36 và 42), còn lâu nữa mới đến sau.

Việc so sánh *hai người đàn ông* (hoặc *đàn bà*) đang kê vai làm việc với nhau cho hiểu rằng cuộc xét xử không phải tách biệt một dân tốt và có đức tin khỏi những dân xấu và ác ôn khác, nhưng tách rời ngay cả những người đang sống sát cánh với nhau, để người thì được đến cùng Thiên Chúa, kẻ thì phải lãnh án phạt (37-41).

Tại sao Tin Mừng đặt song song ngày Giê-su-sa-lem bị tàn phá và ngày tận thế ? Đơn giản là vì tác giả nói với những người vừa mục kích cuộc tàn phá và đang chờ đợi ngày tận thế. Và đây là thời điểm mà cái nhìn Ki-tô giáo về lịch sử, với hai giai đoạn lớn của nó, bắt đầu hình thành.

tập hợp những kẻ được Người tuyển chọn từ bốn phương, từ chân trời này đến chân trời kia.

không ; chỉ một mình Chúa Cha biết mà thôi.

Phải canh thức và sẵn sàng

Thí dụ cây vả

³² “Anh em cứ lấy thí dụ cây vả mà học hỏi. Khi cành nó xanh tươi và đâm chồi nảy lộc, thì anh em biết là mùa hè đã đến gần. ³³ Cũng vậy, khi thấy tất cả những điều đó, anh em hãy biết là Con Người đã đến gần, ở ngay ngoài cửa rồi. ³⁴ Thầy bảo thật anh em : thế hệ này sẽ chẳng qua đi, trước khi mọi điều ấy xảy ra. ³⁵ Trời đất sẽ qua đi, nhưng những lời Thầy nói sẽ chẳng qua đâu. ³⁶ Còn về ngày và giờ đó thì không ai biết được, ngay cả các thiên sứ trên trời hay cả người Con cũng

³⁷ “Quả thế, thời ông Nô-ê thế nào, thì ngày Con Người quang lâm cũng sẽ như vậy. ³⁸ Vì trong những ngày trước nạn hồng thủy, thiên hạ vẫn ăn uống, cưới vợ lấy chồng, mãi cho đến ngày ông Nô-ê vào tàu. ³⁹ Họ không hay biết gì, cho đến khi nạn hồng thủy ập tới cuốn đi hết thảy. Ngày Con Người quang lâm cũng sẽ như vậy. ⁴⁰ Bấy giờ, hai người đàn ông đang làm ruộng, thì một người được đem đi, một người bị bỏ lại ; ⁴¹ hai người đàn bà đang kéo cối xay, thì một người được đem đi, một người bị bỏ lại.

Trước hết là giai đoạn thời Cựu Ước. Thiên Chúa giáo dục dân Ít-ra-en và chuẩn bị nó sống như thế nào mà lịch sử và kinh nghiệm của nó soi sáng cho các dân tộc khác. Chúa Giê-su xuất hiện ở cuối giai đoạn này, lúc cả nước đang sống cơn khủng hoảng, để giúp dân Người bước một bước quyết liệt. Người nói : “Hãy tin, không thì sẽ chết.” Một số nhỏ đã tin, nhưng dân thì đã gánh chịu “cơn thịnh nộ” (Lc 21,23).

Vậy là Tin Mừng được đem đến cho các dân khác, và chúng ta sang qua thời Tân Ước. Giáo Hội giảng dạy cho các dân nước, và họ phải trưởng thành trong tư cách là dân tộc và trong tư cách là Ki-tô hữu. Kinh Thánh cho hiểu rằng tất cả sẽ kết thúc trong một cơn khủng hoảng, lần này mang tính hoàn vũ, trong đó Tin Mừng sẽ có tính chất thời sự hơn bao giờ hết : “Hãy tin, không thì sẽ chết.” Lúc bấy giờ sẽ chấm dứt thời Tân Ước cũng như thời gian lịch sử.

⁴² “Vậy anh em hãy canh thức, vì anh em không biết ngày nào Chúa của anh em đến. ⁴³ Anh em hãy biết điều này : nếu chủ nhà biết vào canh nào kẻ trộm sẽ đến, hẳn ông đã thức, không để nó khoét vách nhà mình đâu. ⁴⁴ Cho nên anh em cũng vậy, anh em hãy sẵn sàng, vì chính giờ phút anh em không ngờ, thì Con Người sẽ đến.

Dụ ngôn người đầy tớ trung tín

⁴⁵ “Vậy thì ai là người đầy tớ trung tín và khôn ngoan mà ông chủ đã đặt lên coi sóc gia nhân, để cấp phát lương thực cho họ đúng giờ đúng lúc ? ⁴⁶ Phúc cho đầy tớ ấy nếu chủ về mà thấy anh ta đang làm như vậy. ⁴⁷ Thấy bảo thật

anh em, ông sẽ đặt anh ta lên coi sóc tất cả tài sản của mình. ⁴⁸ Nhưng nếu tên đầy tớ xấu xa ấy nghĩ bụng : ‘Còn lâu chủ ta mới về’, ⁴⁹ thế rồi hẳn bắt đầu đánh đập các đồng bạn, và chèn chén với những bọn say sưa, ⁵⁰ chủ của tên đầy tớ ấy sẽ đến vào ngày hẳn không chờ, vào giờ hẳn không biết, ⁵¹ và ông sẽ loại hẳn ra, bắt chung số phận với những tên giả hình : ở đó, người ta sẽ phải khóc lóc nghiền răng.”

Dụ ngôn mười trinh nữ

25 * ¹ “Bấy giờ, Nước Trời sẽ giống như chuyện mười trinh nữ cầm đèn ra đón chú rể. ² Trong mười cô đó, thì có năm cô dại và năm cô khôn. ³ Quả vậy,

* **25,1** Ba dụ ngôn sau đó nói lên cung cách phải có trong khi chờ đợi Chúa Ki-tô trở lại : tỉnh thức và dấn lực. Dụ ngôn thứ nhất, về “mười trinh nữ”, là dụ ngôn hay nhất nói về lòng chung thủy. Theo tục lệ, đêm đến, các cô đợi chàng rể để đưa vào nhà cô dâu. Chàng rể đến trễ, điều mà lẽ ra không ai phải ngạc nhiên. Cô dâu thì không thấy nói tới : có lẽ các cô sẽ khám phá ra rằng ngoài họ ra không có cô dâu nào khác.

Họ ngủ thiếp đi. Mặt trời lặn rồi thì trời sẫm tối và “không ai có thể làm việc được” (Ga 9,4). Vậy người ta đâu còn chờ đợi họ phải làm một công việc gì, mà là có một trái tim chung thủy (Dc 5,2) : phải có dầu để giữ ngọn đèn luôn cháy sáng.

Ở đây cũng như nhiều chỗ khác, Tin Mừng cho thấy đâu phải hề hoán cải và hăng lên lúc ấy là đã xong : còn phải kiên trì nữa (7,24). Dự bị sẵn một lượng dầu cho bảo đảm, có nghĩa là vận dụng các phương tiện cho phép mình bền đỗ trong ơn gọi.

các cô đại mang đèn mà không mang dầu theo. ⁴ Còn những cô khôn thì vừa mang đèn vừa mang chai dầu theo. ⁵ Vì chú rể đến chậm, nên các cô thiếp đi, rồi ngủ cả. ⁶ Nửa đêm, có tiếng la lên : ‘Chú rể kia rồi, ra đón đi !’ ⁷ Bảy giờ tất cả các trinh nữ ấy đều thức dậy, và sửa soạn đèn. ⁸ Các cô đại nói với các cô khôn rằng : ‘Xin các chị cho chúng em chút dầu, vì đèn của chúng em tắt mất rồi !’ ⁹ Các cô khôn đáp : ‘Sợ không đủ cho chúng em và cho các chị đâu, các chị ra hàng mà mua lấy thì hơn.’ ¹⁰ Đang lúc các cô đi mua, thì chú rể tới, và những cô đã sẵn sàng được đi theo chú rể

vào dự tiệc cưới. Rồi người ta đóng cửa lại. ¹¹ Sau cùng, mấy trinh nữ kia cũng đến gọi : ‘Thưa Ngài, thưa Ngài ! mở cửa cho chúng tôi với !’ ¹² Nhưng Người đáp : ‘Tôi bảo thật các cô, tôi không biết các cô là ai cả !’ ¹³ Vậy anh em hãy canh thức, vì anh em không biết ngày nào, giờ nào.

Dụ ngôn những yếm bạc

* ¹⁴ “Quả thế, cũng như có người kia sắp đi xa, liền gọi đầy tớ đến mà giao phó của cải mình cho họ. ¹⁵ Ông cho người này năm yếm, người kia hai yếm, người khác nữa một yếm, tùy khả năng riêng mỗi người. Rồi ông ra đi. Lập

Có người sẽ nói Mt đặt dụ ngôn này ở đây có ý dành cho các Ki-tô hữu tiên khởi, bởi vì họ đợi Chúa trở lại đã lâu mà vẫn không thấy có gì xảy ra. Sai ! Chúa Giê-su nói lời ấy cho các tín hữu mọi thời, một ngày nào đó thế nào cũng sẽ cảm thấy kiên trì là cái ách rất nặng : “Tôi đâu có biết cam kết như vậy sẽ đưa tôi đến đâu.” Chính ở điểm này mới thấy lòng trung kiên là cao cả : không thể biết trước được ; đưa tay cho Chúa nắm dẫn đi là một bước đánh liều trong cõi vô định. Trừ phi kiên tâm bền chí, không có lối đi nào khác để được cứu (Mt 24,13), nghĩa là để tìm được chính mình.

Đâu phải vì là Ki-tô hữu mà chúng ta là những người tốt nhất, nhưng Chúa đã chọn chúng ta để giao cho một sứ mạng đặc biệt. Điều Người kỳ vọng trên hết ở chúng ta là trung thành và bền chí, hai món hàng quý hiếm trên trần gian, nhờ đó mà chúng ta chiếu sáng.

LÀM VIỆC – TIN TƯỞNG CHÍNH MÌNH

* **25,14** Chúa dùng vàng bạc để chỉ những tài năng thiên phú của chúng ta.

tức, ¹⁶ người đã lãnh năm yến lấy số tiền ấy đi làm ăn buôn bán, và gây lời được năm yến khác. ¹⁷ Cũng vậy, người đã lãnh hai yến gây lời được hai yến khác. ¹⁸ Còn người đã lãnh một yến thì đi đào lỗ chôn giấu số bạc của chủ. ¹⁹ Sau một thời gian lâu dài, ông chủ đến tính sổ với các đầy tớ và thanh toán sổ sách với họ. ²⁰ Người đã lãnh năm yến tiến lại gần, đưa năm yến khác, và nói : ‘Thưa ông chủ, ông đã giao cho tôi năm yến, tôi đã gây lời được năm yến

khác đây.’ ²¹ Ông chủ nói với người ấy : ‘Khá lắm ! Hỡi đầy tớ tài giỏi và trung thành ! Được giao ít mà anh đã trung thành, thì tôi sẽ giao nhiều cho anh. Hãy vào mà hưởng niềm vui của chủ anh !’ ²² Người đã lãnh hai yến cũng tiến lại gần và nói : ‘Thưa ông chủ, ông đã giao cho tôi hai yến, tôi đã gây lời được hai yến khác đây.’ ²³ Ông chủ nói với người ấy : ‘Khá lắm ! Hỡi đầy tớ tài giỏi và trung thành ! Được giao ít mà anh đã trung thành, thì tôi sẽ

Đầy tớ tài giỏi và trung thành. Nghĩa là “đáng tin cậy”. Trong dụ ngôn này, không có từ ngữ tôn giáo nào cả : Chúa dựa vào cái cách đầu tư các tài năng mà đánh giá, và xem là tội khi người ta giữ lại cho mình những gì đã lãnh nhận. Đó cũng là lời tuyên án cho một xã hội trong đó ai nấy tiêu thụ cái đã nhận lãnh : được học làm người, những kiến thức đã kế thừa từ quê hương xứ sở mà không truyền lại cho con cháu, những phúc âm ông bà để lại qua biết bao hy sinh, và có thể là lời Chúa nữa, phải tuân hành để thể hiện ý định lớn lao của Thiên Chúa trên thế giới.

Tôi sẽ giao nhiều (hơn) cho anh. Những gì chúng ta xây dựng dưới trần gian không phải là cái chung cuộc, đó mới chỉ là giàn giáo : những cửa cải mà Thiên Chúa sẽ tặng ban cho những ai sống trong Người sẽ còn quý hơn gấp bội.

Anh đã biết tôi gặt chỗ không gieo (c.26). Như ở Lc 18,1, Chúa Giêsu ghi nhận sự ngỡ vực để bụng của chúng ta đối với Thiên Chúa, và Người vịn vào thái độ của chúng ta mà xét xử. Nếu chúng ta không mơ ước được chỗ mà Chàng Rể dành cho cô dâu (25,1), ít ra phải cố tránh sao cho đừng trở nên những đầy tớ vô dụng.

Có nhiều cơ hội trước mắt để đánh liều và đưa vai gánh vác công việc, mà thường thì chúng ta hay sợ không dám xung phong : “Tôi không phải là người có tư cách nhất.” – Nhưng nếu những người có tư cách lại không nhúc nhích ? Vậy hãy lấy lại cái tài năng họ đang có mà cho người khác.

giao nhiều cho anh. Hãy vào mà hưởng niềm vui của chủ anh !²⁴ Rồi người đã lãnh một yến cũng tiến lại gần và nói : ‘Thưa ông chủ, tôi biết ông là người hà khắc, gặt chỗ không gieo, thu nơi không vãi.²⁵ Vì thế, tôi đâm sợ, mới đem chôn giấu yến bạc của ông dưới đất. Cửa ông đây, ông cầm lấy !’²⁶ Ông chủ đáp : ‘Hỡi đầy tớ tồi tệ và biếng nhác ! Anh đã biết tôi gặt chỗ không gieo, thu nơi không vãi,²⁷ thì đáng lý anh phải gửi số bạc của tôi vào ngân hàng, để khi tôi đến, tôi thu được cả vốn lẫn lời chứ !²⁸ Vậy các

người hãy lấy yến bạc khỏi tay nó mà đưa cho người đã có mười yến.²⁹ Vì phàm ai đã có, thì được cho thêm và sẽ có dư thừa ; còn ai không có, thì ngay cái đang có, cũng sẽ bị lấy đi.³⁰ Còn tên đầy tớ vô dụng kia, hãy quăng nó ra chỗ tối tăm bên ngoài : ở đó, sẽ phải khóc lóc nghiền răng.’

Cuộc Phán Xét chung

*³¹ “Khi Con Người đến trong vinh quang của Người, có tất cả các thiên sứ theo hầu, bấy giờ Người sẽ ngự lên ngai vinh hiển của Người.³² Các dân

CUỘC PHÁN XÉT CHUNG

* **25,31** Chúng ta biết người Ki-tô hữu là thiểu số trên thế giới. Như chúng ta hiện nay, người Do-thái thời ấy thường nghĩ tới đa số các dân tộc trên thế giới không thuộc về dân được Chúa chọn và không biết gì về các lời hứa của Người. Người Do-thái coi các dân ấy như là một đám đông dân tộc sẵn sàng “nuốt sống ăn tươi họ”, như một thế giới đáng sợ mà một ngày kia Thiên Chúa sẽ bắt phải phục tùng. Họ kêu các dân tộc ấy là *muôn dân*, là *các dân thiên hạ*.

Chúa Giê-su thì vượt lên trên cái nhìn hạn hẹp ấy, và cho chúng ta thấy Người sẽ xét xử tất cả mọi người không phân biệt gốc gác, ngay Người trở lại với tư cách là *Vua muôn dân*. Tất cả những ai đã chia sẻ thân phận chung của loài người mà không biết Chúa Ki-tô cũng sẽ được Người xét xử. Thật thì Người chẳng bao giờ bỏ rơi họ, nhưng đã đặt bên cạnh họ “những anh em bé nhỏ nhất của Người” như là hiện thân của Người.

Đức Vua bày ra cho thấy vô số các nghĩa cử qua đó loài người đã xây nên phần ưu tú nhất của nền văn minh nhân loại, và trước mặt Người, loài người sẽ ngạc nhiên ngắm nhìn vị Thiên Chúa mà họ đã từng yêu mến hoặc coi thường, nơi tha nhân. Mặc dù đa số họ không hề nghĩ tới thế giới bên kia, nhưng họ cũng sẽ được cho thấy Vương Quốc của Thiên Chúa với định luật duy nhất của nó là yêu thương.

thiên hạ sẽ được tập hợp trước mặt Người, và Người sẽ tách biệt họ với nhau, như mục tử tách biệt chiên với dê. ³³ Người sẽ cho chiên đứng bên phải Người, còn dê ở bên trái. ³⁴ Bấy giờ Đức Vua sẽ phán cùng những người ở bên phải rằng : 'Nào những kẻ Cha Ta chúc phúc, hãy đến thừa hưởng Vương Quốc dọn sẵn cho các ngươi ngay từ thuở tạo thiên lập địa. ³⁵ Vì xưa Ta đói, các ngươi đã cho ăn ; Ta khát, các ngươi đã cho

uống ; Ta là khách lạ, các ngươi đã tiếp rước ; ³⁶ Ta trần truồng, các ngươi đã cho mặc ; Ta đau yếu, các ngươi đã thăm viếng ; Ta ngồi tù, các ngươi đến hỏi han.' ³⁷ Bấy giờ những người công chính sẽ thưa rằng : 'Lạy Chúa, có bao giờ chúng con đã thấy Chúa đói mà cho ăn, khát mà cho uống ; ³⁸ có bao giờ đã thấy Chúa là khách lạ mà tiếp rước ; hoặc trần truồng mà cho mặc ? ³⁹ Có bao giờ chúng con đã thấy Chúa đau yếu hoặc ngồi tù,

Giữa hai thái cực, không có số phận trung lập. *Lửa* là hình ảnh của cực hình dành cho những ai đã từng dày dạn chính mình khi đóng cửa lòng mình đến độ không còn có khả năng yêu thương nữa. Thuở bình sinh, họ đã đứng dưng trước nỗi khổ của những anh chị em đồng loại bị gạt ra ngoài lề xã hội và chịu đói khát : giờ đây, ánh sáng Thiên Chúa Tình Yêu thiêu đốt họ và làm khổ họ.

Mỗi lần các người không làm như thế cho một trong những người bé nhỏ nhất đây. Chúa Giê-su nói về người thân cận, bạn hay thù như nhau. Người không nói chuyện phục vụ cộng đoàn hay một giới, hay một dân nước nói chung. Chúng ta thường sử dụng những từ này để loại trừ đi một nhóm người không cùng một nước hay không cùng đảng phái với chúng ta. Trái lại, những ai có lòng thương người thật sự thì nhận ra anh chị em của họ mà không cần chú ý đến những nhãn hiệu : đối với họ, cái phải chú ý là những con người đang hiện hữu và đang sống cho Thiên Chúa.

Thế là họ ra đi để chịu cực hình muôn kiếp (c.46). Ngày nay chúng ta thấy có cái gì khó chấp nhận trong cách phân loại người ta thành tốt và xấu như vậy : cái nhìn này có vẻ đã lỗi thời đối với chúng ta (x. phần bình giải Mt 13,36). Và đúng là vậy theo một nghĩa nào đó.

Cho đến thời kỳ hiện đại, ta chỉ thấy những người "suy nghĩ một chiều" thôi. Người ta lướt nhìn đại khái các lựa chọn trong đời, rồi ngay khi hãy còn trẻ tuổi, người ta đã chọn đi con đường "lành" hoặc "dữ". Sau đó cũng có những cuộc hoán cải thành tốt hoặc xấu (Ed 18), nhưng ranh giới vẫn nằm giữa người lành và kẻ dữ. Ngày nay thì đã khác nhiều, vì các lựa chọn của chúng ta trở thành hết sức phức tạp.

mà đến hỏi han đâu ?⁴⁰ Đức Vua sẽ đáp lại rằng : ‘Ta bảo thật các người : mỗi lần các người làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các người đã làm cho chính Ta vậy.’⁴¹ Rồi Đức Vua sẽ phán cùng những người ở bên trái rằng : ‘Quân bị nguyên rửa kia, đi đi cho khuất mắt Ta mà vào lửa đời đời, nơi dành sẵn cho tên Ác Quỷ và các sứ thần của nó.’⁴² Vì xưa Ta đói, các người đã không cho ăn ; Ta khát, các người đã không cho

uống ;⁴³ Ta là khách lạ, các người đã không tiếp rước ; Ta trần truồng, các người đã không cho mặc ; Ta đau yếu và ngồi tù, các người đã chẳng thăm viếng.’⁴⁴ Bấy giờ những người ấy cũng sẽ thưa rằng : ‘Lạy Chúa, có bao giờ chúng con đã thấy Chúa đói, khát, hoặc là khách lạ, hoặc trần truồng, đau yếu hay ngồi tù, mà không phục vụ Chúa đâu ?’⁴⁵ Bấy giờ Người sẽ đáp lại họ rằng : ‘Ta bảo thật các người : mỗi lần các người không làm như thế cho

Vậy phải biết rằng ở đây, Chúa Giê-su dùng ngôn ngữ các ngôn sứ mà nói, lược đồ hoá các lựa chọn. Cái mà Chúa Giê-su tố giác không phải là những tội tầy trời, mà là lòng ích kỷ hàng ngày ứ đầy trong cuộc đời chúng ta. Chúa nói năng như người cha răn dạy con cái : Con mà không chữa thì phải biết điều gì sẽ xảy đến ! Hy vọng phần đông nhân loại sẽ không tự ý lún chìm trong sa đoạ ; nhưng một số người lại chọn cho mình số phận hư vong một cách có ý thức ; và họ dám đi đến cùng con đường này. Nói rằng Thiên Chúa tốt lành đến nỗi Người sẽ cứu họ vào giờ chót là khẳng định điều mà Chúa Giê-su đã không hề có ý nói. Nói như vậy có nghĩa là cuối cùng rồi tất cả những gì chúng ta đã làm khi còn sống đều có quan trọng, và sự tự do của chúng ta chỉ là một trò chơi.

Những gì Chúa nói liên quan đến cuộc phán xét có giá trị cho tất cả mọi người, là Ki-tô hữu hay không. Nhưng cứ đem dụ ngôn này ra mà trưng dẫn, như thể nó hàm chứa hết tất cả mọi trách nhiệm của một Ki-tô hữu, là sai. Nhu cầu chính yếu của thế giới không phải là cơm ăn áo mặc, mà là sự thật và niềm hy vọng mà Thiên Chúa đã giao cho những kẻ Người đã chọn để chia sẻ lại cho thế giới. Người Ki-tô hữu sẽ không trung thành với sứ mạng của mình nếu chỉ biết lo việc cứu trợ, định cư, v.v, mà quên đi rằng Sự Sống cho loài người trước hết là lời Chúa, sự hiểu biết và lòng yêu mến Thiên Chúa mình thờ. Chúa thì luôn đi bước trước, và chúng ta cần được Chúa xử như thế. Chúa nhận lấy cho mình những gì chúng ta làm cho anh chị em chúng ta, nhưng không muốn có sự lẫn lộn giữa Người với họ.

một trong những người bé nhỏ nhất đây, là các người đã không làm cho chính Ta vậy.’⁴⁶ Thế là họ ra đi

để chịu cực hình muôn kiếp, còn những người công chính ra đi để hưởng sự sống muôn đời.”

VII. THƯƠNG KHÓ VÀ PHỤC SINH

Âm mưu hại Đức Giê-su

26¹ Khi Đức Giê-su giảng dạy tất cả những điều ấy xong, Người bảo các môn đệ của Người rằng :
² “Anh em biết còn hai ngày nữa là đến lễ Vượt Qua, và Con Người sắp bị nộp để chịu đóng đinh vào thập giá.”

³ Lúc ấy, các thượng tế và kỳ mục trong dân nhóm họp tại dinh của vị thượng tế tên là Cai-pha,⁴ và cùng nhau quyết định dùng mưu bắt Đức Giê-su và giết đi.⁵ Nhưng họ lại nói : “Không nên làm vào chính ngày lễ, kéo gây náo động trong dân.”

Đức Giê-su được xúc dầu thơm tại Bê-ta-ni-a

⁶ Đức Giê-su đang ở làng Bê-ta-ni-a tại nhà ông Simon Cùi,⁷ thì có một người phụ nữ đến gần Người, mang theo một bình bạch ngọc, đựng một thứ dầu thơm đắt giá. Cô đổ dầu thơm trên đầu

Người, lúc Người đang dùng bữa.⁸ Thấy vậy, các môn đệ lấy làm bực tức nói : “Sao lại phí của như thế ?⁹ Dầu đó có thể bán được nhiều tiền mà cho người nghèo.”¹⁰ Biết thế, Đức Giê-su bảo các ông : “Sao lại muốn gây chuyện với người phụ nữ này ? Quả thật, cô ấy vừa làm cho Thầy một việc nghĩa.¹¹ Người nghèo thì lúc nào anh em cũng có với anh em ; còn Thầy, thì không phải lúc nào anh em cũng có đâu !¹² Cô ấy đổ dầu thơm trên mình Thầy là hương về ngày mai táng Thầy.¹³ Thầy bảo thật anh em : Tin Mừng này được loan báo bất cứ nơi nào trong khắp thiên hạ, thì người ta cũng sẽ kể lại việc cô vừa làm mà nhớ tới cô.”

Giu-đa nộp Đức Giê-su

¹⁴ Bấy giờ, một người trong Nhóm Mười Hai tên là Giu-đa Ít-ca-ri-ốt, đi gặp các thượng tế¹⁵ mà nói :

“Tôi nộp ông ấy cho quý vị, thì quý vị muốn cho tôi bao nhiêu.” Họ quyết định cho hắn ba mươi đồng bạc.¹⁶ Từ lúc đó, hắn cố tìm dịp thuận tiện để nộp Đức Giê-su.

Chuẩn bị ăn lễ Vượt Qua

¹⁷ Ngày thứ nhất trong tuần Bánh Không Men, các môn đệ đến thưa với Đức Giê-su : “Thầy muốn chúng con dọn cho Thầy ăn lễ Vượt Qua ở đâu ?”

¹⁸ Người bảo : “Các anh đi vào thành, đến nhà một người kia và nói với ông ấy : ‘Thầy nhắn : thời của Thầy đã gần tới, Thầy sẽ đến nhà ông để ăn mừng lễ Vượt Qua với các môn đệ của Thầy.’”¹⁹ Các môn đệ làm y như Đức Giê-su đã truyền, và dọn tiệc Vượt Qua.”

Đức Giê-su tiên báo Giu-đa sẽ nộp Thầy

²⁰ Chiều đến, Đức Giê-su vào bàn tiệc với mười hai môn đệ.²¹ Đang bữa ăn, Người nói : “Thầy bảo thật anh em, một người trong anh em sẽ nộp Thầy.”

²² Các môn đệ buồn rầu quá sức, lần lượt hỏi Người : “Thưa Ngài, chẳng lẽ con sao ?”²³ Người đáp : “Kẻ

giơ tay chấm chung một đĩa với Thầy, đó là kẻ nộp Thầy.”²⁴ Đã hẳn Con Người ra đi theo như lời đã chép về Người, nhưng khôn cho kẻ nào nộp Con Người : thà nó đừng sinh ra thì hơn !”

²⁵ Giu-đa, kẻ nộp Người cũng hỏi : “Ráp-bi, chẳng lẽ con sao ?” Người trả lời : “Chính anh nói đó !”

Đức Giê-su lập bí tích Thánh Thể

²⁶ Cũng trong bữa ăn, Đức Giê-su cầm lấy bánh, dâng lời chúc tụng, rồi bẻ ra, trao cho môn đệ và nói : “Anh em cầm lấy mà ăn, đây là mình Thầy.”²⁷ Rồi Người cầm lấy chén, dâng lời tạ ơn, trao cho môn đệ và nói : “Tất cả anh em hãy uống chén này,²⁸ vì đây là máu Thầy, máu Giao Ước, đổ ra cho muôn người được tha tội.”²⁹ Thầy bảo cho anh em biết : từ nay, Thầy không còn uống thứ sản phẩm này của cây nho, cho đến ngày Thầy cùng anh em uống thứ rượu mới trong Nước của Cha Thầy.”

Đức Giê-su tiên báo ông Phê-rô sẽ chối Thầy

³⁰ Hát thánh vịnh xong, Đức Giê-su và các môn đệ

ra núi Ô-liu. ³¹ Bấy giờ Đức Giê-su nói với các ông : “Đêm nay tất cả anh em sẽ vấp ngã vì Thầy. Vì có lời đã chép : *Ta sẽ đánh người chần chừ, và đàn chiên sẽ tan tác.*” ³² Nhưng sau khi trở dậy, Thầy sẽ đến Ga-li-lê trước anh em.” ³³ Ông Phê-rô liền thưa : “Dầu tất cả có vấp ngã vì Thầy đi nữa, thì con đây cũng chẳng bao giờ vấp ngã.” ³⁴ Đức Giê-su bảo ông : “Thầy bảo thật anh : nội đêm nay, gà chưa kịp gáy, thì anh đã chối Thầy ba lần.” ³⁵ Ông Phê-rô lại nói : “Dầu có phải chết vì Thầy, con cũng không chối Thầy.” Tất cả các môn đệ cũng đều nói như vậy.

Đức Giê-su cầu nguyện tại vườn Ghết-sê-ma-ni

³⁶ Bấy giờ Đức Giê-su đi cùng với các ông đến một thửa đất gọi là Ghết-sê-ma-ni. Người nói với các môn đệ : “Anh em ngồi lại đây, Thầy đến đằng kia cầu nguyện.” ³⁷ Rồi Người đưa ông Phê-rô và hai người con ông Dê-bê-đê đi theo. Người bắt đầu cảm thấy buồn rầu xao xuyến. ³⁸ Bấy giờ Người nói với các ông : “Tâm hồn Thầy buồn đến chết được. Anh

em ở lại đây mà canh thức với Thầy.” ³⁹ Người đi xa hơn một chút, sấp mặt xuống, cầu nguyện rằng : “Lạy Cha, nếu có thể được, xin cho con khỏi phải uống chén này. Tuy vậy, xin đừng theo ý con, mà xin theo ý Cha.” ⁴⁰ Rồi Người đến chỗ các môn đệ, thấy các ông đang ngủ, liền nói với ông Phê-rô : “Thế ra anh em không thể canh thức nổi với Thầy một giờ sao ?” ⁴¹ Anh em hãy canh thức và cầu nguyện, để khỏi lâm vào cơn cám dỗ. Vì tinh thần thì hăng say, nhưng thể xác lại yếu hèn.” ⁴² Người lại đi cầu nguyện lần thứ hai và nói : “Lạy Cha, nếu con cứ phải uống chén này mà không sao tránh khỏi, thì xin vâng ý Cha.” ⁴³ Rồi Người lại đến, thấy các môn đệ vẫn đang ngủ, vì mắt họ nặng trĩu. ⁴⁴ Người để mặc các ông mà đi cầu nguyện lần thứ ba, nói lại cũng một lời đó. ⁴⁵ Bấy giờ Người đến chỗ các môn đệ và nói với các ông : “Lúc này mà còn ngủ, còn nghỉ sao ? Nay, đến giờ Con Người bị nộp vào tay những kẻ tội lỗi. ⁴⁶ Đứng dậy, ta đi nào ! Kia kẻ nộp Thầy đã tới !”

Đức Giê-su bị bắt

* 47 Người còn đang nói, thì Giu-đa, một người trong nhóm Mười Hai, đã đến. Cùng đi với hắn, có cả một đám người đông đảo mang gươm giáo gậy gộc. Họ được các thượng tế và kỳ mục trong dân sai đến. 48 Kẻ nộp Người đã cho họ một dấu hiệu, hắn dặn rằng : “Tôi hôn ai thì chính là người đó. Các anh bắt lấy !” 49 Ngay lúc đó, Giu-đa tiến lại gần Đức Giê-su và nói : “Ráp-bi, xin chào Thầy !”, rồi hôn Người. 50 Đức Giê-su bảo hắn : “Này bạn, bạn đến đây làm gì thì cứ làm đi !” Bấy giờ họ tiến đến, tra tay bắt Đức Giê-su. 51 Một trong những kẻ theo Đức Giê-su liền vung tay tuốt gươm ra, chém phải tên đầy tớ của thượng tế, làm nó đứt tai. 52 Đức Giê-su

bảo người ấy : “Hãy xỏ gươm vào vỏ, vì tất cả những ai cầm gươm sẽ chết vì gươm. 53 Hay anh tưởng là Thầy không thể kêu cứu với Cha Thầy sao ? Người sẽ cấp ngay cho Thầy hơn mười hai đạo binh thiên thần ! 54 Nhưng như thế, thì lời Kinh Thánh ứng nghiệm sao được ? Vì theo đó, mọi sự phải xảy ra như vậy.” 55 Vào giờ ấy Đức Giê-su nói với đám đông : “Tôi là một tên cướp sao mà các ông đem gươm giáo gậy gộc đến bắt ? Ngày ngày tôi vẫn ngồi giảng dạy ở Đền Thờ thì các ông không bắt. 56 Nhưng tất cả sự việc này xảy ra là để ứng nghiệm những lời chép trong Sách Các Ngôn Sứ.” Bấy giờ các môn đệ bỏ Người mà chạy trốn hết.

* 26,47 X. phân bình giải Mc 14,43.

Cái *hôn* của Giu-đa : đây là cung cách một môn đệ chào hỏi thầy mình, trong xã hội Do-thái thời bấy giờ.

Một người vung tay tuốt gươm ra (c.51). Ông Phê-rô mang gươm theo, như một số các Tông Đồ khác có lẽ đã từng tham gia những cuộc kháng chiến chống Rô-ma (Lc 22,38).

Tất cả những ai cầm gươm. Câu này không phải lên án các quân nhân và cảnh sát cần thiết trong một thế giới bạo lực. Chúa Giê-su chỉ khẳng định rằng yếu tố thiết lập Nước Thiên Chúa, hoặc dẫn đưa vào sự sống, không phải là sức mạnh. Sức mạnh luôn luôn kéo theo cái làm chết (bằng cách này hay cách khác) những con người hay những cơ cấu sử dụng đến nó, ở ngay cả những nơi cần có nó.

Đức Giê-su ra trước Thượng Hội Đồng

* 57 Họ bắt Đức Giê-su, rồi điệu đến thượng tế Cai-pha. Các kinh sư và kỳ mục đã tề tựu sẵn đó. 58 Ông Phê-rô theo Người xa xa, đến tận dinh thượng tế. Ông vào bên trong ngồi với bọn thuộc hạ, xem kết cuộc ra sao.

59 Còn các thượng tế và toàn thể Thượng Hội Đồng thì tìm chứng gian buộc tội Đức Giê-su để lên án tử hình. 60 Nhưng họ tìm không ra, mặc dầu có

nhiều kẻ đã đứng ra làm chứng gian. Sau cùng, có hai người bước ra, 61 khai rằng : “Tên này đã nói : tôi có thể phá Đền Thờ Thiên Chúa, và nội trong ba ngày, sẽ xây cất lại.”

62 Bấy giờ vị thượng tế đứng lên hỏi Đức Giê-su : “Ông không nói lại được một lời sao ? Mấy người này tố cáo ông gì đó ?”

63 Nhưng Đức Giê-su vẫn làm thinh. Vị thượng tế nói với Người : “Nhân danh Thiên Chúa hằng sống, tôi truyền cho ông phải nói cho chúng tôi biết :

* 26,57 Cáo trạng để xử Chúa Giê-su đưa ra hai mục. Mục thứ nhất : *Tôi có thể phá* (c.61) là sai, theo một nghĩa nào đó, nhưng nó kể lại một số khẳng định của Chúa : Người sẽ thay thế Đền Thờ Giê-ru-sa-lem bằng một tôn giáo khác mà trọng tâm là chính bản thân Người (Ga 2,19). Như vậy ý đồ lật đổ quyền bính xuất hiện rõ rệt.

Đối với người Do-thái, không có gì thiêng liêng cao quý bằng Đền Thờ Giê-ru-sa-lem, và công kích Đền Thờ cũng đồng thời là đụng chạm tới các tư tế vì chỉ có các ông mới được cử hành các lễ nghi tế tự trong đó. Khi bảo vệ những điều thiêng liêng, họ cũng bảo vệ quyền lợi riêng của họ.

Về mục thứ hai, quan trọng hàng đầu, x. phần bình giải Mc 14,53.

Đức Giê-su vẫn làm thinh (c.63). Đây không phải do coi thường những người nắm quyền phân đạo đang có mặt, mà vì Chúa thấy cái lợi họ là vô ích. Chúa làm thinh với thái độ chững chạc của những người đã trao vào tay Thiên Chúa việc bênh vực cho mình.

Chính ngài vừa nói (c.64). Câu nói này cũng hàm ý Chúa Giê-su với thượng tế Cai-pha không hiểu nó cùng một nghĩa như nhau. Thời đó, cụm từ “Con Thiên Chúa” chỉ về các vua và các anh hùng giải phóng dân tộc Ít-ra-en ; nhưng Chúa Giê-su lại là Con Thiên Chúa theo một nghĩa khác. Vì vậy mà Chúa chọn lời sấm của ngôn sứ Đa-ni-en (7,13) làm cơ sở để đưa ra căn tính của mình. Lời sấm đó tiên báo một Vị Cứu Tinh, một *Con Người*, trực tiếp xuất thân từ nơi Thiên Chúa và cõi vĩnh hằng.

ông có phải là Đấng Ki-tô Con Thiên Chúa không ?”

⁶⁴ Đức Giê-su trả lời : “Chính ngài vừa nói. Hơn nữa, tôi nói cho các ông hay : từ nay, các ông sẽ thấy *Con Người ngự bên hữu Đấng Toàn Năng và ngự giá mây trời mà đến.*”

⁶⁵ Bấy giờ vị thượng tế liền xé áo mình ra và nói : “Hắn nói phạm thượng ! Chúng ta cần gì nhân chứng nữa ? Đấy, quý vị vừa nghe hắn nói phạm đến Thiên Chúa, ⁶⁶ quý vị nghĩ sao ?” Họ liền đáp : “Hắn đáng chết !”

⁶⁷ Rồi họ khạc nhổ vào mặt và đấm đánh Người. Có kẻ lại tát Người ⁶⁸ và nói : “Ông Ki-tô ơi, hãy nói tiên tri cho chúng tôi nghe đi : ai đánh ông đó ?”

Ông Phê-rô chối Thầy

* ⁶⁹ Lúc đó ông Phê-rô đang ngồi ngoài sân. Một người đầy tớ gái đến bên ông và nói : “Cả bác nữa, bác cũng đã ở với ông Giê-su, người Ga-li-lê đó chứ gì ?”

⁷⁰ Ông liền chối trước mặt mọi người mà nói : “Tôi không biết cô nói gì !” ⁷¹ Ông đi ra đến cổng, thì một người tớ gái khác thấy ông, liền nói với những người ở đó : “Bác này cũng đã ở với ông Giê-su người Na-da-rét đấy.” ⁷² Nhưng ông Phê-rô lại thề mà chối : “Tôi không biết người ấy.”

⁷³ Một lát sau, những người đứng đó xích lại gần ông Phê-rô mà nói : “Đúng là bác cũng thuộc bọn họ. Cứ nghe giọng nói của bác là biết ngay.” ⁷⁴ Bấy giờ ông Phê-rô liền thề độc mà quả quyết rằng : “Tôi

* **26,69** Ông Phê-rô chối Thầy thật là điều gây sững sốt. Ông Gio-an, bạn ông và là người quen biết với gia nhân của thượng tế Cai-pha, đã đưa ông theo mình vào trong sân (Ga 18). Người đầy tớ gái đã biết ông Gio-an là ai rồi thì không nói gì với ông, chỉ nói với ông Phê-rô một câu mỉa. Không ai đe dọa gì Phê-rô, ngay cả những người chỉ nhạo ông chơi vì cái giọng quê Ga-li-lê của ông, giống như giọng nói của Chúa Giê-su. Nhưng bấy nhiêu thôi cũng đủ để ông Phê-rô mất hết tinh thần và những xác tin của mình.

Đặt câu chuyện này ngay sau chứng từ của Chúa Giê-su trước mặt thượng tế, Tin Mừng Mt muốn cho thấy thái độ của ông Phê-rô tương phản với thái độ của Thầy ông. Đừng quên rằng trong Mt, ông Phê-rô là hình ảnh của người tin, mà là một người trong số những kẻ luôn đáng bị gọi là “người kém tin”.

thê là không biết người ấy.” Ngay lúc đó, có tiếng gà gáy. ⁷⁵ Ông Phê-rô sực nhớ lời Đức Giê-su đã nói : “Gà chưa kịp gáy thì anh đã chối Thầy ba lần.” Ông ra ngoài, khóc lóc thảm thiết.

Đức Giê-su bị giải đến tổng trấn Phi-la-tô

27 * ¹ Trời vừa sáng, tất cả các thượng tế và kỳ mục trong dân cùng nhau bàn kế hại Đức Giê-su, để xử tử Người. ² Sau đó, họ cho trời Người lại và giải đi nộp cho tổng trấn Phi-la-tô.

Giu-đa đi thắt cổ

* ³ Bấy giờ, Giu-đa, kẻ đã nộp Người, thấy Người bị kết án thì hối hận. Hắn đem ba mươi đồng bạc trả

lại cho các thượng tế và kỳ mục ⁴ mà nói : “Tôi đã phạm tội nộp người vô tội, khiến Người phải chết oan.” Nhưng họ đáp : “Can gì đến chúng tôi. Mặc kệ anh !” ⁵ Giu-đa ném số bạc vào Đền Thờ và ra đi thắt cổ. ⁶ Các thượng tế lượm lấy số bạc ấy mà nói : “Không được phép bỏ vào quỹ Đền Thờ, vì đây là giá máu.” ⁷ Sau khi bàn định với nhau, họ dùng tiền đó tậu “Thửa Ruộng Ông Thợ Gốm” để làm nơi chôn cất khách ngoại kiều. ⁸ Vì vậy mà thửa ruộng ấy gọi là “Ruộng Máu” cho đến ngày nay. ⁹ Thế là ứng nghiệm lời ngôn sứ Giê-rê-mi-a : *“Họ đã lượm lấy ba mươi đồng bạc, tức là cái giá mà một số con cái Ít-ra-en đã đặt khi đánh giá*

* **27,1** Tại sao Chúa bị giải ra trước Thượng Hội Đồng lần thứ hai ? Các bài trình thuật khó cho thấy sự nhất trí ở điểm này. Dường như lúc ban đêm thì Chúa bị giải ra trước mặt ông Khan-na là cựu thượng tế, mà kế nhiệm ông là năm người con trai của ông và người rể là Cai-pha. Thật sự ông còn có uy tín đối với các đại gia thuộc hàng tư tế. Nhưng đêm đó không có mặt tất cả các thành viên Thượng Hội Đồng vì đang đêm thì không thể nhóm họp cách hợp pháp, và nếu có hết 71 thành viên thì nhà ông Cai-pha không đủ chỗ chứa. Vậy Thượng Hội Đồng nhóm họp vào buổi sáng. Nhưng đối với các địch thủ của Chúa Giê-su thì cuộc hỏi cung tại tư gia đó lại là quan trọng hơn hết, nên Mt và Mc đặt vào đó tất cả những gì các ông biết về phiên toà xử Chúa Giê-su (Mt 26,57-64).

* **27,3** Ngay sau khi phản bội Chúa Giê-su, Giu-đa biến đi luôn và chết. Thật ra không biết chắc được ông đã chết cách nào : so sánh với Cv 1,18.

Người. ¹⁰ Và họ lấy số bạc đó mà mua 'Thừa Ruộng Ông Thọ Gốm', theo những điều Đức Chúa đã truyền cho tôi."

Đức Giê-su ra trước toà tổng trấn Phi-la-tô

¹¹ Đức Giê-su bị điệu ra trước mặt tổng trấn ; tổng trấn hỏi Người : "Ông là vua dân Do-thái sao ?" Đức Giê-su trả lời : "Chính ngài nói đó." ¹² Nhưng khi các thượng tế và kỳ mục tố Người, thì Người không trả lời một tiếng. ¹³ Bấy giờ ông Phi-la-tô hỏi Người : "Ông không nghe bao nhiêu điều họ làm chứng chống lại ông đó sao ?" ¹⁴ Nhưng Đức Giê-su không trả lời ông về một điều nào, khiến tổng trấn rất đỗi ngạc nhiên.

¹⁵ Vào mỗi dịp lễ lớn, tổng trấn có lệ phóng thích cho dân chúng một người tù, tùy ý họ muốn. ¹⁶ Mà khi ấy có một người tù khét tiếng, tên là Ba-ra-ba. ¹⁷ Vậy khi đám đông

đã tụ họp lại, thì tổng trấn Phi-la-tô nói với họ :

* "Các người muốn ta phóng thích ai cho các người đây ? Ba-ra-ba hay Giê-su, cũng gọi là Ki-tô ?"

¹⁸ Bởi ông thừa biết chỉ vì ghen tị mà họ nộp Người.

¹⁹ Lúc tổng trấn đang ngồi xử án, thì bà vợ sai người đến nói với ông : "Ông đừng nhúng tay vào vụ xử người công chính này, vì hôm nay, tôi chiêm bao thấy mình phải khổ nhiều vì ông ấy."

²⁰ Nhưng các thượng tế và kỳ mục lại xúi đám đông đòi tha tên Ba-ra-ba mà giết Đức Giê-su. ²¹ Tổng trấn hỏi họ : "Trong hai người này, các người muốn ta tha ai cho các người ?" Họ thưa : "Ba-ra-ba !"

²² Tổng trấn Phi-la-tô nói tiếp : "Thế còn ông Giê-su, cũng gọi là Ki-tô, ta sẽ làm gì đây ?" Mọi người đồng thanh : "Đóng đinh nó vào thập giá !" ²³ Tổng trấn lại nói : "Thế ông ấy đã làm điều gì gian ác ?"

* 27,17 Theo những bản rất cổ chép Mt, kể phiên loạn này tên là Giê-su, biệt danh là Ba-ra-ba. Nếu truyền thuyết này là đúng thì tổng trấn Phi-la-tô đã đề xuất cho dân được chọn giữa ông Giê-su biệt danh là Ba-ra-ba và ông Giê-su gọi là Đấng Ki-tô. Khi đề nghị như thế, quan Phi-la-tô ngầm hy vọng dân sẽ cho thả Chúa Giê-su đi, điều mà ông không có can đảm áp đặt cho giới chức trách Do-thái giáo.

Họ càng la to : “Đóng đinh nó vào thập giá !” * 24 Tổng trấn Phi-la-tô thấy đã chẳng được ích gì mà còn thêm náo động, nên lấy nước rửa tay trước mặt đám đông mà nói : “Ta vô can trong vụ đổ máu người này. Mặc các người liệu lấy !” 25 Toàn dân đáp lại : “Máu hấn cứ đổ xuống đầu chúng tôi và con cháu chúng tôi !” 26 Bấy giờ, tổng trấn phóng thích tên Ba-ra-ba cho họ, còn Đức Giê-su, thì ông truyền đánh đòn, rồi trao cho họ đóng đinh vào thập giá.

Đức Giê-su phải đội vòng gai

* 27 Bấy giờ lính của tổng trấn đem Đức Giê-su vào trong dinh, và tập trung cả cơ đội quanh Người. 28 Chúng lột áo Người ra, khoác cho Người một tấm áo choàng đỏ, 29 rồi kết một vòng gai làm vương miện đặt lên đầu Người, và trao vào tay mặt Người một cây sậy. Chúng quỳ gối trước mặt Người mà nhạo rằng : “Vạn tuế Đức Vua dân Do-thái !” 30 Rồi chúng khạc nhổ vào Người và lấy cây sậy mà đập vào đầu Người. 31 Chế giễu chán, chúng lột áo

* 27,24 Tổng trấn Phi-la-tô lấy nước rửa tay. Đối với người Do-thái, cử chỉ này nói lên rằng bản thân ông từ chối lên án Chúa Giê-su (x. Đnl 21,6 ; Tv 26,6).

* 27,27 Trong dinh, hoặc sân trong, bọn lính nhạo báng Chúa Giê-su trước mặt quan tổng trấn và đám sai nha.

Chúng đặt vương miện lên đầu Người (c.29). Vương miện có thể làm bằng cây sậy đan xen với những gai dài, kết lại thành hình mũ đội đầu.

Bọn lính chơi cờ phế đế. Nhiều nền văn hoá xem vua là một vị thần, nhưng cũng là nạn nhân bị thiên hạ trút lên đầu trách nhiệm về mọi tai hoạ. Vì thế có rất nhiều loại cờ về việc truất phế vua chúa. Tại Giê-ru-sa-lem, đã tìm ra một phiến đá có khắc hình một bàn cờ bọn lính chơi. Trên đó có thể thấy lộ trình thử thách mà vua phải đi qua, kết thúc bằng cuộc hành hình.

Bọn lính ở đây bày trò diễn chơi một thực tại mà không ngờ mình đang sống sự thật đến mức nào. Đám rước Chúa giữa một rừng lá phát đưa đến vụ nộp bắt Người, nhưng chính khi bị hạ nhục là Người được chuẩn bị để trở thành đức vua và Đấng Cứu Độ của anh em Người, như chuyện kể về cuộc đời ông Giu-se (St 37 – 44), hoặc như ngôn sứ I-sai-a đã phác hoạ còn mạnh mẽ hơn nữa (53).

choàng ra, và cho Người mặc áo lại như trước, rồi điệu Người đi đóng đinh vào thập giá.

Đức Giê-su chịu đóng đinh vào thập giá

³² Đang đi ra, thì chúng gặp một người Ky-rê-nê, tên là Si-môn ; chúng bắt ông vác thập giá của Người. ³³ Khi đến nơi gọi là Gôn-gô-tha, nghĩa là Đồi Sọ, ³⁴ chúng cho Người uống rượu pha mật đắng, nhưng Người chỉ ném một

chút mà không chịu uống. ³⁵ Đóng đinh Người vào thập giá xong, chúng đem áo Người ra bắt thăm mà chia nhau. ³⁶ Rồi chúng ngồi đó mà canh giữ Người.

³⁷ Phía trên đầu Người, chúng đặt bản án xử tội viết rằng : “Người này là Giê-su, vua dân Do-thái.” ³⁸ Cùng bị đóng đinh với Người, có hai tên cướp, một tên bên phải, một tên bên trái.

Chúa Giê-su là cứu tinh vì Người đã từng là nạn nhân. Người bẻ gãy guồng máy bạo lực bởi vì đã từng chịu đựng những đòn cực kỳ tàn nhẫn mà không trở thành tàn bạo. Trong khổ nhục, Người tỏ cho thấy sự cao cả và sức mạnh của Thiên Chúa. Chúa gánh chịu vào thân tất cả các tội nhục của những người không ai bênh vực, đã hết đường hy vọng, là những nạn nhân hứng chịu những bạo tàn mù quáng cứ dồn dập trút xuống trên hết dân tộc này đến dân tộc khác cùng với các lãnh tụ của họ. Chúa gánh lấy tội lỗi thế gian như ngôn sứ I-sai-a đã tiên báo. Từ nay trở đi, không ai có thể nhìn lên Người mà không khám phá sự hư hỏng đối bại của chính mình và *khóc than Đấng (mình) đã đâm thâu* (Dcr 12,10). Từ cuộc gặp gỡ này với một Thiên Chúa đã từng bị thù ghét và giết chết, khác xa vị Thiên Chúa được tôn thờ chốn cao xanh với mọi, *một dòng suối sẽ vọt ra để tẩy trừ tội lỗi và ô uế của loài người* (Dcr 13,1).

Chúng cho Người uống rượu pha mật đắng (c.34). Theo Mc, người ta cho Người một thứ rượu chua ngọt, loại dành cho lính, trộn với mật được để giảm đau. Thức uống này có lẽ đã được các phụ nữ từ thiên Giê-ru-sa-lem chuẩn bị sẵn, theo tập tục, những phụ nữ mà Lc nhắc tới ở 23,28. Nhưng Mt lại nói về thứ rượu pha mật đắng (một thức uống gớm ghiếc), để cho ta đoán biết Chúa đã chịu cay đắng đến mức nào vì chúng ta, và cũng để nhắc lại Tv 69,22.

Cùng bị đóng đinh với Người, có hai tên cướp (c.38). Có lẽ cũng như Ba-ra-ba, họ là những tên khùng bố bệnh vực độc lập quốc gia, là kẻ thù người Rô-ma. Trong trường hợp này, cuộc hành quyết họ làm nổi bật ân xá mà Ba-ra-ba được hưởng. Nhưng cũng có thể họ là những tên ác ôn thường tấn công và cướp bóc khách hành hương giữa các miền đồi núi bọc quanh Giê-ru-sa-lem.

Đức Giê-su bị nhục mạ

³⁹ Kể qua người lại đều nhục mạ Người, vừa lắc đầu ⁴⁰ vừa nói : “Mi là kẻ phá được Đền Thờ, và nội trong ba ngày xây lại được, hãy cứu lấy mình đi ! Nếu mi là Con Thiên Chúa, thì xuống khỏi thập giá xem nào !” ⁴¹ Các thượng tế, kinh sư và kỳ mục cũng chế giễu Người mà nói : ⁴² “Hắn cứu được thiên hạ, mà chẳng cứu nổi mình. Hắn là Vua Ít-ra-en ! Hắn cứ xuống khỏi thập giá ngay bây giờ đi, chúng ta tin hắn liền !” ⁴³ Hắn cậy vào Thiên Chúa, thì bây giờ Người cứu hắn đi, nếu quả thật Người thương hắn ! Vì hắn đã nói : “Ta là Con Thiên Chúa !” ⁴⁴ Cả những tên cướp cùng bị đóng đinh với Người cũng sỉ vả Người như thế.

Đức Giê-su trút linh hồn

⁴⁵ Từ giờ thứ sáu, bóng tối bao phủ cả mặt đất, mãi đến giờ thứ chín. ⁴⁶ Vào giờ thứ chín, Đức Giê-su kêu lớn tiếng : “Ê-li, Ê-li, lê-ma xa-bác-tha-ni”, nghĩa là “*Lạy Thiên Chúa, lạy Thiên Chúa của con, sao Ngài bỏ rơi con ?*” ⁴⁷ Nghe vậy, một vài người đứng đó liền nói : “Hắn ta gọi ông Ê-li-a !” ⁴⁸ Lập tức, một người trong bọn chạy đi lấy miếng bọt biển, thấm đầy *giấm*, buộc vào đầu cây sậy và đưa lên cho Người uống. ⁴⁹ Còn những người khác lại bảo : “Khoan đã, để xem ông Ê-li-a có đến cứu hắn không !” ⁵⁰ Đức Giê-su lại kêu một tiếng lớn, rồi trút linh hồn.

* ⁵¹ Ngay lúc đó, bức màn trướng trong Đền Thờ xé ra làm hai từ trên

Người này là vua dân Do-thái (c.37). Đối với Phi-la-tô và dân chúng nói chung, cụm từ này chỉ một lãnh tụ bênh vực độc lập quốc gia. Nhưng dân Do-thái là dân Thiên Chúa, và Chúa Cha đã quyết định họ sẽ thông phần một cách hết sức đặc biệt vào ơn cứu độ của Chúa Ki-tô. Trong thực tế, sau biến cố này, họ đã chịu nhiều thử thách và bách hại. Bao nhiêu người Do-thái vô tội đã phải đau khổ như Chúa Giê-su ; họ không tin vào Người, nhưng trông cậy vào lời hứa của Thiên Chúa và Vương Quốc công bình của Người. Chúa Giê-su thật sự là vua của họ.

Bốn chữ I.N.R.I., mà chúng ta thấy ghi trên các cây thánh giá, là các mẫu tự đứng đầu bốn chữ La-tinh có nghĩa là “Giê-su Na-da-rét, Vua (dân) Do-thái”.

xuống dưới. Đất rung đá vỡ.⁵² Mồ mả bật tung, và xác của nhiều vị thánh đã an nghỉ được trỗi dậy.⁵³ Sau khi Chúa trỗi dậy, các ngài ra khỏi mồ, vào thành thánh, và hiện ra với nhiều người.⁵⁴ Thấy động đất và các sự việc xảy ra, viên đại đội trưởng và những người cùng ông canh giữ Đức Giê-su đều rất đỗi sợ hãi và nói : “Quả thật ông này là Con Thiên Chúa.”

⁵⁵ Ở đó, cũng có nhiều người phụ nữ đứng nhìn từ đằng xa. Các bà này đã theo Đức Giê-su từ Ga-li-lê để giúp đỡ Người.⁵⁶ Trong số đó, có bà Ma-ri-a Mác-đa-la, bà Ma-ri-a mẹ các ông Gia-cô-bê và Giô-xép, và bà mẹ các con ông Dê-bê-đê.

Mai táng Đức Giê-su

⁵⁷ Chiều đến, có một người giàu sang tới. Ông

này là người thành A-ri-ma-thê, tên là Giô-xép, và cũng là môn đệ Đức Giê-su.⁵⁸ Ông đến gặp ông Phi-la-tô để xin thi hài Đức Giê-su. Bấy giờ tổng trấn Phi-la-tô ra lệnh trao trả thi hài cho ông.⁵⁹ Khi đã nhận thi hài, ông Giô-xép lấy tấm vải gai sạch mà liệm,⁶⁰ và đặt vào ngôi mộ mới, đã đục sẵn trong núi đá, dành cho ông. Ông lăn tảng đá to lấp cửa mồ, rồi ra về.⁶¹ Còn bà Ma-ri-a Mác-đa-la và một bà khác cũng tên là Ma-ri-a ở lại đó, quay mặt vào mồ.

Lính canh mồ

⁶² Hôm sau, tức là khi ngày áp lễ đã qua, các thượng tế và những người Pha-ri-sêu kéo nhau đến ông Phi-la-tô,⁶³ và nói : “Thưa ngài, chúng tôi nhớ tên bịp bợm ấy khi còn

* 27,51 Theo thể văn khai huyền, đoạn này muốn nói lên rằng cái chết của Chúa đánh dấu thời khắc ơn cứu độ chung cục đã tới : trận động đất ở đây thật ra chỉ về sự can thiệp vĩ đại của Thiên Chúa trong lịch sử.

Sự xuất hiện của vong nhân là dấu chỉ cho biết các lời sấm trong Đn 12,2 (về Ngày Cứu Độ) đã được ứng nghiệm. Nó cũng gợi ý rằng trước khi sống lại, Chúa Giê-su đã “xuống cõi âm ty”. Lời nói cổ xưa này, mà bản kinh Tin Kính (công đồng Ni-xê-a) Việt ngữ đọc là “xuống ngục tổ tông”, có nghĩa là sau khi chết, Chúa Giê-su đã đi gặp, một cách nhiệm mầu nhưng thực thụ, những triệu triệu người đã chết trong lịch sử và tiền sử, đang mong đợi Người đến đón họ cùng đi với Người vào cõi hằng sống của Thiên Chúa.

sống có nói : ‘Sau ba ngày, Ta sẽ trở dậy.’⁶⁴ Vậy xin quan lớn truyền canh mộ kỹ càng cho đến ngày thứ ba, kéo môn đệ hẳn đến lấy trộm xác rồi phao trong dân là hẳn đã từ cõi chết trở dậy. Và như thế, chuyện bịp cuối cùng này sẽ còn tệ hại hơn chuyện trước.”⁶⁵ Ông Phi-la-tô bảo họ : “Thì có sẵn lính đó, các người hãy đi mà canh giữ theo cách các người biết !”⁶⁶ Thế là họ ra đi canh giữ mồ, niêm phong tảng đá và cắt lính canh mồ.

Ngôi mộ trống

28^{* 1} Sau ngày sa-bát, khi ngày thứ nhất trong tuần vừa ló rạng, bà Ma-ri-a Mác-đa-la và một bà khác cũng tên là Ma-ri-a, đi viếng mộ.² Thành linh, đất rung chuyển dữ dội : thiên thần Chúa từ trời xuống, đến lăn tảng đá ra, rồi ngồi lên trên ;³ diện mạo người như ánh chớp, và y phục trắng như tuyết.⁴ Thấy người, lính canh khiếp sợ, run rẩy chết ngất đi.⁵ Thiên thần lên tiếng bảo các phụ nữ : “Này các bà, các bà đừng

* 28,1 Về các cuộc hiện ra của Chúa Giê-su nói chung, x. phần bình giải Lc 24,1.

Đoạn thứ nhất ở đây cũng được viết theo thể văn khái huyền, với vị thiên thần sáng láng và một trận động đất mới. Nhưng Tin Mừng không muốn phác họa cuộc đi ra khỏi mồ của Chúa như một cảnh tượng đặc thủng, như độc giả có thể chờ mong. Chỉ những ai tin mới được thấy Chúa Giê-su Phục Sinh : các phụ nữ đi tìm Người sẽ thấy Người, những lính tráng và lãnh tụ không tìm Người sẽ chẳng hiểu gì cả.

Mt ghi tên bà Ma-ri-a Mác-đa-la và một bà khác cũng tên là Ma-ri-a, bà mẹ các ông Gia-cô-bê và Giô-xép (Mt 27,55) là hai người “anh em của Chúa” (Mt 13,55), họ hàng gần nhất của Người. Bà là một người chị họ của Đức Ma-ri-a, thân mẫu Chúa Giê-su (Ga 19,25).

Chúa Giê-su đón gặp các bà (c.9). Rõ ràng là Mt nhập hai biến cố khác nhau thành một ; một bên là chuyện phát hiện ngôi mộ trống, và bên kia là cuộc hiện ra của Chúa, xảy ra sau này, với một mình bà Ma-ri-a Mác-đa-la, như Ga thuật lại ở Ga 20,11-18.

Để họ đến Ga-li-lê (c.10). Tại sao có cuộc hẹn này, nếu Chúa sắp hiện ra tại Giê-ru-sa-lem nội trong ngày ấy ? (Lc 24,13-43). Sự việc không rõ chút nào, và có lẽ Mt đã cho nhiều lần Chúa hiện ra nhập lại thành một, để bài trình thuật được ngắn gọn hơn chẳng. Vậy chúng ta khỏi phải tìm cách dựng lại một lộ trình nào đó của Chúa Phục Sinh.

sợ ! Tôi biết các bà tìm Đức Giê-su, Đấng bị đóng đinh. ⁶ Người không có ở đây, vì Người đã trỗi dậy như Người đã nói. Các bà đến mà xem chỗ Người đã nằm, ⁷ rồi mau về nói với môn đệ Người như thế này : Người đã trỗi dậy từ cõi chết, và Người đi Ga-li-lê trước các ông. Ở đó, các ông sẽ được thấy Người. Đây, tôi xin nói cho các bà hay.” ⁸ Các bà vội vã rời

khỏi mộ, tuy sợ hãi nhưng cũng rất đổi vui mừng, chạy về báo tin cho môn đệ Đức Giê-su hay.

Đức Giê-su hiện ra với các phụ nữ

⁹ Bỗng Đức Giê-su đón gặp các bà và nói : “Chào chị em !” Các bà tiến lại gần Người, ôm lấy chân, và bái lạy Người. ¹⁰ Bấy giờ, Đức Giê-su nói với các bà : “Chị em đừng sợ ! Về

Dù sao, các Tông Đồ cũng cần có thời gian để tin vào biến cố Phục Sinh và để hiểu một chút gì trong đó. Sau hai lần đầu Chúa hiện ra tại Giê-ru-sa-lem, trong đó Chúa tìm cách thuyết phục họ rằng Người không phải là ma hoặc là người chết hiện hồn, các ông còn phải trở về quê nhà, sống giữa dân làng của mình, xa cái thành phố đã gây bao nhiêu chấn động tâm linh cho các ông, để nghiên ngẫm sâu những kinh nghiệm các ông vừa sống. Tại Ga-li-lê, Chúa sẽ tỏ mình ra cách khác, làm cho họ hiểu rằng từ nay Người đã được tôn vinh rồi và sống không như trước nữa.

Người chuyển đạt thông điệp đó cho một người là một phụ nữ, bà Ma-ri-a Mác-da-la, như để cho thấy rằng, trong Giáo Hội, không phải nhất nhất đều là từ cấp trên truyền xuống. Thiên Chúa muốn ban thông tin cho ai Người muốn, và trao những thông điệp có tính cách ngôn sứ cho những người đơn sơ chất phác và cho phụ nữ.

Sự phục sinh của Chúa Ki-tô là trung tâm điểm của Tin Mừng, nhưng trình thuật của Mt lại rất ngắn gọn. Tại sao ? Thưa bởi vì, vào thời tác giả biên soạn, sự phục sinh được xem là một biến cố quá sức quan trọng để mà truyền tin qua chữ viết : phải nhường lời cho các nhân chứng kể lại thì hơn, và cũng không quên chứng từ của Thần Khí đang hoạt động trong các cộng đoàn Ki-tô hữu.

Hoàn cảnh chúng ta có khác hơn thế không ? Cộng đoàn Giáo Hội làm chứng hùng hồn về Chúa Phục Sinh không phải là một cộng đoàn có bề thế, được tuyên truyền quảng cáo thật tốt, mà là một cộng đoàn đã được phục sinh. Nếu Giáo Hội –nếu các cộng đoàn chúng ta– thấy mình luôn sống trong những điều kiện không có vẻ gì là khả quan, nhưng nhờ ơn Chúa vẫn cứ hồi sinh, thì khi ấy chúng ta có thể làm chứng cho sự phục sinh của Chúa, Đấng đã cho chúng ta cũng được phục sinh như Người.

báo cho anh em của Thầy để họ đến Ga-li-lê. Họ sẽ được thấy Thầy ở đó.”

Các thượng tế lừa đảo

¹¹ Các bà đang đi, thì có mấy người trong đội lính canh mô vào thành báo cho các thượng tế biết mọi việc đã xảy ra. ¹² Các thượng tế liền họp với các kỳ mục ; sau khi bàn bạc, họ cho lính một số tiền lớn, ¹³ và bảo : “Các anh hãy nói như thế này : Ban đêm đang lúc chúng tôi ngủ, các môn đệ của hắn

đã đến lấy trộm xác. ¹⁴ Nếu sự việc này đến tai quan tổng trấn, chính chúng tôi sẽ dàn xếp với quan và lo cho các anh được vô sự.”

¹⁵ Lính đã nhận tiền và làm theo lời họ dạy. Câu chuyện này được phổ biến giữa người Do-thái cho đến ngày nay.

Đức Giê-su hiện ra tại Ga-li-lê, và sai môn đệ đi đến với muôn dân

* ¹⁶ Mười một môn đệ đi tới miền Ga-li-lê, đến ngọn núi Đức Giê-su đã

* 28,16 Chúa Giê-su sai các Tông Đồ đi loan báo Tin Mừng cho thế giới.

Lần hiện ra cuối cùng này được kể lại một cách hết sức đơn sơ. Chúa không hiện ra đột ngột, không có ai hoảng sợ ; không có chứng minh về tính xác thực của thân thể Chúa. Điều quan trọng là những lời Chúa nói trong tư cách là Thầy.

Anh em hãy dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em. Những huấn lệnh như thế của Chúa Giê-su chiếm vị thế hàng đầu trong Mt, được phân bố trong năm bài diễn từ, và chúng ta phải thể hiện ý muốn Chúa Cha theo như Chúa Giê-su đã mặc khải cho chúng ta biết.

Có mấy ông lại hoài nghi. Mt “vỡ dũa cả nắm” như thế khi viết về các lần hiện ra cuối cùng của Chúa. Đâu phải tất cả các môn đệ (Nhóm Mười Một và các người khác) đều mau chóng tin vào sự phục sinh của Chúa Giê-su.

Làm cho muôn dân trở thành môn đệ. Theo gương các thầy Do-thái đương thời, Chúa Giê-su đã quy tụ một nhóm môn đệ, họ sống chung với nhau và với Người. Thầy trò hai bên hiểu biết nhau nhờ chia sẻ đời sống hằng ngày. Ngày nay cũng giống như vậy : cần có việc chia sẻ giữa những con người với nhau trước, sau đó mới tính đến việc loan báo Tin Mừng. Loan báo Tin Mừng cho ai là giúp người ấy đào sâu những kinh nghiệm bản thân đã trải qua trong quá khứ, cho đến ngày người ấy nhận ra nơi Chúa Ki-tô, trong cái chết và sự sống lại của Người, cái chân lý làm rực sáng lên cả cuộc đời mình.

truyền cho các ông đến.
¹⁷ Khi thấy Người, các ông
 bái lạy, nhưng có mấy ông
 lại hoài nghi. ¹⁸ Đức Giê-su
 đến gần, nói với các ông :
 “Thầy đã được trao toàn
 quyền trên trời dưới đất.
¹⁹ Vậy anh em hãy đi và
 làm cho muôn dân trở

thành môn đệ, làm phép
 rửa cho họ nhân danh
 Chúa Cha, Chúa Con và
 Chúa Thánh Thần, ²⁰ dạy
 bảo họ tuân giữ mọi điều
 Thầy đã truyền cho anh
 em. Và đây, Thầy ở cùng
 anh em mọi ngày cho đến
 tận thế.”

Những ai tin thì được nhận phép rửa *nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần*, là Ba Ngôi mà Chúa Giê-su đã mặc khải cho chúng ta. Dĩ nhiên, Chúa nói về từng Ngôi một cách riêng biệt, vì Chúa Cha không phải là Chúa Con, và Chúa Con không phải là Chúa Thánh Thần. Tuy vậy, cả Ba Ngôi cũng là cùng một Thiên Chúa : các Ngài cùng mang một tên Thiên Chúa như nhau. Khi bước vào Hội Thánh, những người lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy được bước vào tình hiệp thông với Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Hội Thánh trước hết là hiệp thông.

Về phép rửa *nhân danh Chúa Giê-su*, xem Cv 19,5.

Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế. Chúng ta lại một lần nữa nghe xác quyết điều mà danh xưng Em-ma-nu-en diễn đạt (1,23) : Chúa Giê-su là Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta. *Cho đến tận thế.* Các tín hữu thế hệ đầu tiên những tưởng không bao lâu nữa Chúa Ki-tô sẽ trở lại, nhưng vào thời Tin Mừng này được biên soạn, họ đã hiểu ra rằng lịch sử hãy còn dài ; dân tộc Ít-ra-en đã chối từ ơn cứu độ họ được tặng ban và chỉ có một số nhỏ đã tin mà thôi. Chính với số nhỏ này mà giờ đây Chúa Giê-su nói lên lời cam kết này, cũng như với các Tông Đồ và Hội Thánh của Người.

Hội Thánh Công Giáo tự thấy mình buộc phải giữ tình hợp nhất với các giám mục là những người kế vị các Tông Đồ. Có những lúc khó mà bảo tồn tình hợp nhất và sự kế vị liên tục này, và người ta thường cảm thấy nếu như thành lập, bên cạnh Hội Thánh, một cộng đoàn mới, được canh tân hẳn hoi, thì đó là điều có lẽ dễ làm hơn chẳng. Nhưng lòng vâng phục thánh ý Chúa Cha là phương tiện Người dùng để thanh luyện và củng cố đức tin của chúng ta. Chúa Giê-su là –và muôn đời vẫn là– vị “Chúa” nắm giữ trong tay vận mạng Hội Thánh “của Người”.

TIN MỪNG THEO THÁNH MÁC-CÔ

DẪN NHẬP

Từ cuối tk I hay đầu tk II, nhiều văn bản xác định rằng sách Tin Mừng thứ hai là tác phẩm của thánh Mác-cô : ông đã theo thánh Phê-rô đến Rô-ma và tại đây đã gặp lại thánh Phao-lô. Và tác giả Mc đã viết ra một cách trung thành các lời giảng dạy của thánh Phê-rô.

Bất cứ ai so sánh sách Tin Mừng này với các sách Tin Mừng Mt và Lc sẽ nhận thấy ngay rằng Mc ngắn hơn rất nhiều so với hai sách kia, đồng thời sẽ thắc mắc tại sao không nói gì về biến cố Chúa Giê-su sinh ra và những năm Người sống tại Na-da-rét. Và nếu đọc phân phụ trương (Mc 16,9-24), họ cũng sẽ rất ngạc nhiên khi thấy, trong văn bản nguyên thủy, tác giả không nói đến các lần Chúa Giê-su Phục Sinh hiện ra với các môn đệ,

nhưng kết thúc đột ngột với chuyện các phụ nữ ra khỏi mộ và chạy trốn (Mc 16,3-8).

Nhưng hoàn toàn không phải thế. Cũng như các sách Tin Mừng khác, Mc được hình thành từ các khẩu truyền về Đức Giê-su Na-da-rét, và, với thời gian, các truyền thống này đã được viết thành văn. Các văn bản phiên diện này được lưu truyền từ cộng đoàn này đến cộng đoàn khác. Nó không thể cho người ta biết hết những điều họ muốn biết, nhưng cung cấp cho họ một nền tảng từ đó họ có thể truyền đạt thông điệp đức tin, tức là chứng tá của các Tông Đồ là những người đã theo Chúa Giê-su trong suốt thời gian Người rao giảng công khai. Sách Công vụ Tông Đồ cho chúng ta thấy điểm khởi đầu và điểm chấm dứt của

chứng tá này trong diễn từ của thánh Phê-rô liên quan đến việc chọn một người thay thế Giu-đa : “Vây trong số những anh em đã cùng chúng tôi đi theo Chúa Giê-su suốt thời gian Người sống giữa chúng ta, kể từ khi Người được ông Gio-an làm phép rửa cho đến ngày Người lia bỏ chúng ta và được rước lên trời, phải có một người cùng với chúng tôi làm chứng rằng Người đã phục sinh” (Cv 1,21-22).

Những truyền thống này có liên hệ chặt chẽ với chứng tá của các Tông Đồ. Tác giả Mác-cô đã sắp xếp chúng như thế nào ? Mc gồm hai phần, mỗi phần bắt đầu bằng cuộc Thiên Chúa tỏ mình ra. Trong phần thứ nhất, đó là lời Thiên Chúa phán khi Chúa Giê-su được ông Gio-an làm phép rửa dưới sông Gio-đan. Trong phần thứ hai, đó là lời Thiên Chúa phán khi Chúa Giê-su hiển dung trên một ngọn núi cao. Phần thứ nhất kể lại các việc xảy ra tại Ga-li-lê là xứ sở của Chúa Giê-su. Phần thứ hai kể lại các việc xảy ra tại Giu-đê và Giê-ru-sa-lem là trọng tâm

của dân tộc Do-thái và trung tâm của lịch sử thánh. Hai phần này giống như hai mặt của một cuộc mạo hiểm. Phần thứ nhất cho thấy sức mạnh và sự mới lạ của Chúa Giê-su : tác động của lời giảng dạy, các phép lạ, thái độ cương quyết của Người trước những kẻ chống đối, niềm hy vọng của dân chúng về Đấng Mê-si-a nay đọng lại nơi bản thân Chúa Giê-su, khi Người hoá bánh ra nhiều để nuôi dân chúng trong hoang địa. Phần thứ hai cho thấy sự vỡ mộng của dân chúng : họ không còn theo Chúa Giê-su và Người cũng từ chối trở thành “người của họ” ; sự chống đối này ngày càng tăng trước sự bất lực của Chúa Giê-su. Và cuối cùng là hồi kết thúc : cái chết của Chúa Giê-su trên thập giá như chôn vùi toàn bộ sự nghiệp của Người.

Theo một nghĩa nào đó, sách Tin Mừng Mác-cô là thiên ký sự về một niềm hy vọng lớn bị chôn vùi trong mộ. Khi đọc hết sách Tin Mừng, mọi độc giả thiện chí có thể ngạc nhiên như đa số người

đương thời với Chúa Giê-su, ngay cả những kẻ không theo Người đến cùng : Làm sao mọi sự có thể xảy ra như vậy được ? Làm sao Thiên Chúa lại để cho một con người như thế phải chịu đóng đinh trên Thập Giá ? Và cũng chính từ điều làm người ta vấp ngã mà thánh Phê-rô bắt đầu rao giảng trong những ngày Lễ Ngũ Tuần khi ông loan báo Chúa Ki-tô phục sinh (Cv 2,23 ; 5,30). Và thánh Mác-cô cũng kết thúc sách Tin

Mừng ở đây, với lời tuyên xưng của viên đại đội trưởng : “Quả thật, người này là Con Thiên Chúa” (Mc 15,39). Tập tài liệu kết thúc ở đây và nhường chỗ cho lời rao giảng của người tông đồ hay người loan báo Tin Mừng. Chính họ là người sẽ làm chứng về sự Phục Sinh, sẽ tìm ra sợi dây xuyên suốt câu chuyện và, từ Thập Giá làm họ vấp ngã, họ sẽ loan báo Chúa Ki-tô là Đáng Cứu Thế như chính thánh Phê-rô đã làm.

TIN MỪNG

THEO THÁNH MÁC-CÔ

I. GIAI ĐOẠN DỌN ĐƯỜNG CHO SỨ VỤ CỦA ĐỨC GIÊ-SU

Ông Gio-an Tẩy Giả rao giảng

đường của Đức Chúa, sửa lối cho thẳng để Người đi.

1 * ¹ Khởi đầu Tin Mừng Đức Giê-su Kitô, Con Thiên Chúa :

⁴ Đúng theo lời đó, ông Gio-an Tẩy Giả đã xuất hiện trong hoang địa, rao giảng kêu gọi người ta chịu phép rửa tỏ lòng sám hối để được ơn tha tội. ⁵ Mọi người từ khắp miền Giu-đê và thành Giê-ru-sa-lem kéo đến với ông. Họ thú tội, và ông làm phép rửa cho họ trong sông Gio-đan.

² Trong sách ngôn sứ I-sai-a có chép rằng : *Này Ta sai sứ giả của Ta đi trước mặt Con, người sẽ dọn đường cho Con.* ³ *Có tiếng người hô trong hoang địa : Hãy dọn sẵn con*

* 1,1 Từ c.1 đến c.13, trong ba bức tranh nhỏ, Mác-cô cho thấy ba trục lớn của sách Tin Mừng :

Cc. 1-7 : Đấng được Thiên Chúa sai đến thì nay ông Gio-an Tẩy Giả loan báo Người xuất hiện : đó là Chúa Giê-su mà sách Tin Mừng sẽ nói đến ; chính Người là Đấng đã được tất cả các chứng nhân lớn trong Cựu Ước loan báo và chuẩn bị. Trong khi Người và nhờ Người, ơn cứu độ của Thiên Chúa sẽ được thực hiện.

Cc. 9-10 : Chúa Giê-su xuống sông Gio-đan để mở rộng cửa dẫn mọi người vào Đất Hứa đích thực. Người là Con yêu dấu của Chúa Cha và Thần Khí ngự xuống trên Người. Đức Giê-su đến mặc khải mẫu nhiệm Thiên Chúa, mẫu nhiệm tình yêu của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

Cc. 11-13 : Là Đấng Mê-si-a mà ngôn sứ I-sai-a đã loan báo (Is 11), Chúa Giê-su sống hoà hợp với loài dã thú cũng như với các thiên sứ. Trong Người và nhờ Người, sự hoà giải toàn thể tạo thành với Thiên Chúa sẽ được hoàn tất.

⁶ Ông Gio-an mặc áo lông lạc đà, thắt lưng bằng dây da, ăn châu chấu và mật ong rừng. ⁷ Ông rao giảng rằng : “Có Đấng quyền thế hơn tôi đang đến sau tôi, tôi không đáng cúi xuống cởi quai dép cho Người. ⁸ Tôi thì tôi làm phép rửa cho anh em trong nước, còn Người, Người sẽ làm phép rửa cho anh em trong Thánh Thần.”

Đức Giê-su chịu phép rửa

⁹ Hồi ấy, Đức Giê-su từ Na-da-rét miền Ga-li-lê đến, và được ông Gio-an làm phép rửa dưới sông

Gio-đan. ¹⁰ Vừa lên khỏi nước, Người liền thấy các tầng trời xé ra, và thấy Thần Khí như chim bồ câu ngự xuống trên mình. ¹¹ Lại có tiếng từ trời phán rằng : “Con là Con yêu dấu của Cha, Cha hài lòng về Con.”

Đức Giê-su chịu cám dỗ trong sa mạc

¹² Thần Khí liền đẩy Người vào hoang địa. ¹³ Người ở trong hoang địa bốn mươi ngày, chịu Xatan cám dỗ, sống giữa loài dã thú, và có các thiên sứ hầu hạ Người.

II. SỨ VỤ CỦA ĐỨC GIÊ-SU TẠI GA-LI-LÊ

Đức Giê-su khai mạc công việc rao giảng

* ¹⁴ Sau khi ông Gio-an bị nộp, Đức Giê-su đến

miền Ga-li-lê rao giảng Tin Mừng của Thiên Chúa.

¹⁵ Người nói : “Thời kỳ đã mãn, và Triều Đại Thiên

* 1,14 Thiên Chúa xuống thế làm người. Chúa Giê-su chia sẻ cuộc sống của người dân cùng thời với Người. Và, cũng như các ngôn sứ, Người giảng dạy bằng lời nói và việc làm.

Thời kỳ viên mãn : điều này có nghĩa gì ? Thời kỳ được Thiên Chúa ấn định đã đến hồi viên mãn (Gl 4,4 ; Ep 1,10). Thời kỳ chuẩn bị đã chấm dứt và sự xuất hiện của Thiên Chúa đã được các ngôn sứ loan báo thì nay đã đến gần.

Hãy sám hối và tin vào Tin Mừng : Thiên Chúa không chờ đợi con người “lập công” nhưng kêu gọi con người đến với đức tin : “Hãy gạt bỏ những gì làm các người lo lắng, bận tâm, những gì ngăn cản các người nghe Người, thấy Người. Và hãy tin ! Hãy tin rằng chỉ có Người và một mình Người mới có thể cứu rỗi các người !”

Chúa đã đến gần. Anh em hãy sám hối và tin vào Tin Mừng.”

Đức Giê-su kêu gọi bốn môn đệ đầu tiên

¹⁶ Người đang đi dọc theo biển hồ Ga-li-lê, thì thấy ông Si-môn với người anh là ông An-rê, đang quăng lưới xuống biển, vì họ làm nghề đánh cá. ¹⁷ Người bảo họ : “Các anh hãy theo tôi, tôi sẽ làm cho các anh thành những kẻ lưới người như lưới cá.” ¹⁸ Lập tức hai ông bỏ chài lưới mà đi theo Người.

¹⁹ Đi xa hơn một chút, Người thấy ông Gia-cô-bê, con ông Dê-bê-đê, và người

em là ông Gio-an. Hai ông này đang vá lưới ở trong thuyền. ²⁰ Người liền gọi các ông. Và các ông bỏ cha mình là ông Dê-bê-đê ở lại trên thuyền với những người làm công, mà đi theo Người.

Đức Giê-su giảng dạy tại Ca-phác-na-um và chữa lành một người bị quỷ ám

* ²¹ Đức Giê-su và các môn đệ đi vào thành Ca-phác-na-um. Ngay ngày sa-bát, Người vào hội đường giảng dạy. ²² Thiên hạ sửng sốt về lời giảng dạy của Người, vì Người giảng dạy như một Đấng có

Hãy theo tôi (c.17) : Chúa Giê-su kêu gọi và tuyển dụng con người. Người đến để “quy tụ con cái Thiên Chúa đang tản mác khắp nơi về một mối” (Ga 11,52). Quy tụ các môn đệ đầu tiên chung quanh Người là một dấu chỉ nói lên điều này. Cũng vậy, qua các thế kỷ, quy tụ mọi người vào Hội Thánh duy nhất của Chúa Giê-su Ki-tô sẽ là dấu chỉ cho thấy công trình cứu độ Thiên Chúa thực hiện nhờ Con của Người. Chúa Giê-su đưa ra một lời kêu gọi tha thiết và đòi hỏi mọi người phải cùng Người làm việc cho Vương Quốc của Thiên Chúa.

Lập tức họ bỏ chài lưới và theo Người (c.18), nghĩa là họ bỏ gia đình, công ăn việc làm và bắt đầu sống với Người. Cũng như các bậc thầy tôn giáo thời đó, các rập-bi, Đức Giê-su dạy dỗ các môn đệ đầu tiên, dạy họ những điều mà họ sẽ truyền lại cho người khác trong Giáo Hội.

Si-môn, An-rê, Gia-cô-bê và Gio-an : Chúa Giê-su đã biết các ông : Người đã gặp họ tại nơi ông Gio-an Tẩy Giả rao giảng (Ga 1,35). Nhóm môn đệ đầu tiên thuộc số những người đánh cá trên Biển Hồ và ông Phê-rô hình như là người đứng đầu nhóm này. Chắc chắn họ là những con người trẻ trung, cởi mở, sẵn sàng, sinh sống ở một thời đại và một nền văn hoá trong đó con người ít bị ràng buộc hơn chúng ta bởi các đòi hỏi của công việc.

thẩm quyền, chứ không như các kinh sư.

* ²³ Lập tức, trong hội đường của họ, có một người bị thần ô uế nhập,

la lên ²⁴ rằng : “Ông Giê-su Na-da-rét, chuyện chúng tôi can gì đến ông mà ông đến tiêu diệt chúng tôi ? Tôi biết ông là ai rồi : ông là Đấng Thánh của Thiên

* 1,21 Khi bắt đầu rao giảng, Chúa Giê-su giảng dạy trong các hội đường. *Hội đường* là nhà cầu nguyện của người Do-thái. Mỗi ngày thứ bảy, họ họp nhau tại đây để hát thánh vịnh và nghe đọc Sách Thánh. Ông trưởng hội đường giảng dạy và mời các người khác tiếp lời. Chính tại hội đường mà Chúa Giê-su tỏ mình ra : Người giảng dạy không như những người khác hay như các thầy thông luật. Họ chỉ biết lặp lại, giải thích và dựa vào ý của ai đó, còn Chúa Giê-su giảng dạy nhân danh Người, như *Đấng có thẩm quyền* : “Quá thật, tôi bảo cho các ông biết...”

* 1,23 Chúa Giê-su trừ các thần ô uế tức là ma quỷ với cùng một uy quyền như khi Người giảng dạy. Bằng hành động này, Chúa Giê-su cho thấy Người đến giải thoát ta khỏi ảnh hưởng của ma quỷ đang tìm cách phá hủy hình ảnh Thiên Chúa nơi con người.

Vào thời Chúa Giê-su, có nhiều người bị quỷ ám. Vào thời Giáo Hội, tức thời đại chúng ta, cũng có nhiều người bị quỷ ám. Nhưng nói đến ma quỷ là một chuyện –trong các trường hợp này chúng ẩn mình dưới một sự rối loạn tâm thần nơi con người– còn nói đến Quỷ là một chuyện khác. Ga gọi *Thần Ô Uế* bí ẩn này là Thủ lãnh thế gian (Ga 14,30).

Ai còn tin một cách nghiêm túc vào *Quỷ* trong thế giới ngày nay ? Người ta không còn biết đến nó nữa có nghĩa là nó đã thắng rồi ! Hẳn là mỗi người chúng ta cũng đủ sức để tự mình làm điều xấu, nhưng có lẽ ta sẽ ít sa ngã hơn nếu biết một ai đó thông minh hơn, dài tay hơn đang giết dây sau lưng ta trong những chuyện mà ta tưởng mình làm chủ được.

Quỷ luôn hiện diện trong suốt dòng lịch sử và ở mọi cấp độ hoạt động trong thế giới ngày nay để làm cho công trình sáng tạo của ta nên hư hỏng và mọi tiến bộ trở thành một ách nô lệ mới.

Quỷ hoạt động trong mọi xã hội – ngay cả trong xã hội tư bản. Người ta nghĩ đến ma-fi-a, việc khai thác giới tính, thờ thần tiền của. Các phương tiện con người sử dụng để trừ “các thứ quỷ” hầu như không đem lại hiệu quả, trừ khi Thiên Chúa ra tay can thiệp. Ở đây Chúa Giê-su cho thấy –và Người cũng sẽ nói cho ta biết (3,15 ; 3,27)– rằng Triều đại Thiên Chúa không chỉ là “lời nói gió bay” nhưng là sức mạnh tiêu diệt ma quỷ.

Quỷ nhận ra lập tức những người đe dọa vương quốc của nó và cố gắng tiêu diệt họ hoặc làm họ ra mù quáng. Vì thế, Chúa Giê-su luôn luôn đối mặt với nó.

Chúa !”²⁵ Nhưng Đức Giê-su quát mắng nó : “Câm đi, hãy xuất khỏi người này !”²⁶ Thần ô ướ lay mạnh người ấy, thét lên một tiếng, và xuất khỏi anh ta.²⁷ Mọi người đều kinh ngạc đến nỗi họ bàn tán với nhau : “Thế nghĩa là gì ? Giáo lý thì mới mẻ, người dạy lại có uy quyền. Ông ấy ra lệnh cho cả các thần ô ướ và chúng phải tuân lệnh !”²⁸ Lập tức danh tiếng Người đồn ra mọi nơi, khắp cả vùng lân cận miền Ga-li-lê.

Đức Giê-su chữa nhạc mẫu ông Si-môn

*²⁹ Vừa ra khỏi hội đường Ca-phác-na-um, Đức Giê-su đi đến nhà hai ông Si-môn và An-rê. Có ông Gia-cô-bê và ông Gio-an cùng đi theo.³⁰ Lúc đó, bà mẹ vợ ông Si-môn đang

lên cơn sốt, nằm trên giường. Lập tức họ nói cho Người biết tình trạng của bà.³¹ Người lại gần, cầm lấy tay bà mà đỡ dậy ; cơn sốt dứt ngay và bà phục vụ các ngài.

Đức Giê-su chữa cho nhiều người

³² Chiều đến, khi mặt trời đã lặn, người ta đem mọi kẻ ốm đau và những ai bị quỷ ám đến cho Người.³³ Cả thành xúm lại trước cửa.³⁴ Đức Giê-su chữa nhiều kẻ ốm đau mắc đủ thứ bệnh tật, và trừ nhiều quỷ, nhưng không cho quỷ nói, vì chúng biết Người là ai.

Đức Giê-su âm thầm rời Ca-phác-na-um và đi khắp miền Ga-li-lê

*³⁵ Sáng sớm, lúc trời còn tối mịt, Người đã dậy,

* 1,29 Ở đây, lòng tin tưởng thật đơn sơ của ông Phê-rô được bộc lộ rõ ràng. Chúa Giê-su vào nhà và hay tin có người đàn bà đang nằm liệt giường. Chúa Giê-su đem bình an và sức khoẻ đến cho các bệnh nhân. Người cũng dạy ta phải thăm viếng họ như thế nào. Còn gì tự nhiên hơn thăm viếng bệnh nhân sau khi tham dự thánh lễ ! Quan tâm đến anh chị em trong Chúa Ki-tô và yêu thương họ thì làm cho ân huệ của Thiên Chúa đổ xuống trên họ.

Khi mặt trời đã lặn. Đừng quên rằng đây là một ngày *sa-bát*, ngày nghỉ hàng tuần. Người Do-thái tính các ngày trong tuần từ khi mặt trời lặn, và đêm thì đến trước ngày, như St 1,5 đã nói. Mọi người giữ ngày *sa-bát*. Chúa Giê-su cũng vậy. Người ta vội vã đem những kẻ ốm đau đến với Chúa Giê-su, vừa lúc ngày *sa-bát* chấm dứt, vào lúc chiều về.

đi ra một nơi hoang vắng và cầu nguyện ở đó. ³⁶ Ông Si-môn và các bạn kéo nhau đi tìm. ³⁷ Khi gặp Người, các ông thưa : “Mọi người đang tìm Thầy đây !” ³⁸ Người bảo các ông : “Chúng ta hãy đi nơi khác, đến các làng xã chung quanh, để Thầy còn rao giảng ở đó nữa, vì Thầy ra đi cốt để làm việc đó.” ³⁹ Rồi Người đi khắp miền Ga-li-lê, rao giảng trong

các hội đường của họ, và trừ quỷ.

Đức Giê-su chữa người bị phong hủi

* ⁴⁰ Có người bị phong hủi đến gặp Người, anh ta quỳ xuống xin rằng : “Nếu Ngài muốn, Ngài có thể làm cho tôi được sạch.” ⁴¹ Người chạnh lòng thương giơ tay đụng vào anh và bảo : “Tôi muốn, anh sạch đi !” ⁴² Lập tức,

* 1,35 Từ thuở nhỏ, các Tông Đồ đã biết Thiên Chúa và cầu nguyện. Nhưng từ ngày ở với Chúa Giê-su, họ nhận thấy có cái gì khác thường nơi Người, đặc biệt, Người sống rất thân mật với Chúa Cha. Sống với Chúa Giê-su, họ cũng sẽ ao ước được biết Chúa Cha nhiều hơn phần nào, như Người biết Chúa Cha vậy (Lc 11,1 ; Ga 14,8 ; 15,15).

NHỮNG NGƯỜI SỐNG BÊN LỀ XÃ HỘI

* 1,40 Chúa Giê-su rời Ca-phác-na-um để rao giảng Tin Mừng cho những gia đình nghèo tại nông thôn. Tại đây Người gặp các *người bị phong hủi*. Phong hủi không chỉ là một thứ bệnh ghê tởm khi không được chữa trị, mà người ta còn xem nó là một thứ bệnh truyền nhiễm nữa. Do đó, các người bị phong hủi phải sống ngoài thành thị, xa các khu dân cư. Hơn nữa phong hủi còn được xem là một hình phạt của Thiên Chúa, nên đạo Do-thái tuyên bố người bị phong hủi là người bị ô uế. Chúa Giê-su giơ tay đụng vào người bị phong hủi và da thịt người này được sạch. Chúa Giê-su đã làm nhiều hơn là chữa lành : người bị phong hủi được gia nhập vào lại xã hội và, từ lúc này, trở thành một người như những người khác và sẽ không còn bị mọi người xa lánh nữa. Luật Thiên Chúa và luật loài người sẽ công nhận phẩm giá của người phong hủi được chữa lành.

Tin Mừng không chỉ giới hạn vào lời nói mà còn tạo nên một sự thay đổi. Với Tin Mừng, sẽ không còn những người sống bên lề xã hội nữa.

Đừng nói với ai (c.44). Rất nhiều lần, đặc biệt trong Mc, các người được Chúa Giê-su chữa lành hay trừ quỷ đều nhận được lệnh đừng nói gì với ai cả (1,25-34 ; 3,12 ; 7,36 ; 26,30). Tuy nhiên, cũng cần ghi nhận rằng : một mặt Chúa Giê-su không ra lệnh ấy khi rao giảng ngoài phần đất Ít-ra-en ; mặt khác sau khi Chúa Giê-su hiển dung, lệnh cấm này cũng không còn duy trì nữa.

chúng phong hủy biến khỏi anh, và anh được sạch.

⁴³ Nhưng Người nghiêm giọng đuổi anh đi ngay, ⁴⁴ và bảo anh : “Coi chừng, đừng nói gì với ai cả, nhưng hãy đi trình diện tư tế, và vì anh đã được lành sạch, thì hãy dâng những gì ông Mô-sê đã truyền, để làm chứng cho người ta biết.” ⁴⁵ Nhưng vừa ra khỏi đó, anh đã bắt đầu rao truyền và tung tin ấy khắp nơi, đến nỗi Người không thể công khai vào thành nào được, mà phải ở lại những nơi hoang vắng ngoài thành. Và dân

chúng từ khắp nơi kéo đến với Người.

Đức Giê-su chữa người bại liệt

2 * ¹ Vài ngày sau, Đức Giê-su trở lại thành Ca-phác-na-um. Hay tin Người ở nhà, ² dân chúng tụ tập lại, đông đến nỗi trong nhà ngoài sân chứa không hết. Người giảng lời cho họ. ³ Bảy giờ người ta đem đến cho Đức Giê-su một kẻ bại liệt, có bốn người khiêng. ⁴ Nhưng vì dân chúng quá đông, nên họ không sao khiêng đến gần Người được. Họ mới

Trong buổi đầu hoạt động công khai, Chúa Giê-su cấm người ta không được nói Người là ai. Lý do là vì có những quan niệm sai lạc và rất phổ biến trong dân chúng về Đấng Mê-si-a. Thật vậy, đối với họ, Đấng Mê-si-a là một tướng quân, một người báo thù. Chúa Giê-su không muốn người ta hiểu lầm về sứ vụ Người đến thực hiện. Vì vậy, Người phải chờ đợi một thời gian đủ để tách mình khỏi hình ảnh Đấng Mê-si-a này trong dân chúng, rồi mới bắt đầu tỏ mình ra Người là ai, đặc biệt cho các môn đệ.

Cũng vì lý do này, khác với Mt, Mc ít dùng danh hiệu *Con Thiên Chúa*. Mặc dù, trong hai trường hợp, các người bị quỷ ám sử dụng danh hiệu này – mà một trường hợp thì xảy ra bên ngoài phần đất Ít-ra-en. Mc muốn dành danh hiệu này cho những thời điểm đặc biệt trọng đại trong tiến trình mạc khải Chúa Giê-su cho loài người : thời điểm Chúa chịu phép rửa và hiển dung, thời điểm kết thúc cuộc Thương Khó với lời tuyên xưng của viên đại đội trưởng, cũng như trong câu mở đầu sách Tin Mừng, câu được dùng như tên sách.

* **2,1** Với phép lạ người bại liệt được chữa lành và tha tội, Chúa Giê-su đưa ra cùng một lúc ba câu trả lời : cho người bại liệt, cho các bạn của anh và cho người Pha-ri-sêu.

Thấy họ có lòng tin như vậy (c.5) : rất có thể chính các bạn của người bại liệt đã thuyết phục anh đến với Chúa Giê-su, và Người tưởng thưởng lòng tin của họ.

dỡ mái nhà, ngay trên chỗ Người ngồi, làm thành một lỗ hổng, rồi thả người bại liệt nằm trên chõng xuống. ⁵ Thấy họ có lòng tin như vậy, Đức Giê-su bảo người bại liệt : “Này con, con đã được tha tội rồi.” ⁶ Nhưng có mấy kinh sư đang ngồi đó, họ nghĩ thầm trong bụng rằng : ⁷ “Sao ông này lại dám nói

như vậy ? Ông ta nói phạm thượng ! Ai có quyền tha tội, ngoài một mình Thiên Chúa ?” ⁸ Tâm trí Đức Giê-su thấu biết ngay họ đang thầm nghĩ như thế, Người mới bảo họ : “Sao trong bụng các ông lại nghĩ những điều ấy ?” ⁹ Trong hai điều : một là bảo người bại liệt : ‘Con đã được tha tội rồi’, hai là

Nhưng lập tức Chúa Giê-su nói với người bại liệt : “*Này con, con đã được tha tội rồi.*” Một lời tuyên bố thật kỳ lạ. Làm sao Chúa Giê-su có thể tha tội nếu con người không có ý thức rõ ràng mình đã phạm tội, không ăn năn thống hối và không ước ao được tha tội ?

Chắc chắn có điều đó mà Tin Mừng không nói đến : Chúa Giê-su biết rõ một điều đang làm người bại liệt lo âu. Nhiều bản văn Cựu Ước nhấn mạnh các tương quan giữa tội lỗi và bệnh tật ; thường bệnh tật làm ta ý thức được tình trạng tội lỗi của mình, còn Chúa Giê-su thì không muốn chữa lành mà không hoà giải người bệnh với Thiên Chúa. Chúa Giê-su hành động như Thiên Chúa : Người đưa mắt nhìn người bệnh, chẩn chính mặc cảm tội lỗi và tha tội trước khi chữa lành.

Các người Pha-ri-sêu vấp phạm vì lời Chúa Giê-su nói với người bại liệt : dĩ nhiên, chỉ một mình Thiên Chúa mới có quyền tha tội. Những người đơn sơ bé mọn không phản ứng ngay. Nhưng sự phẫn nộ của người Pha-ri-sêu và các kinh sư có thể biện minh được, bởi vì họ, các người khác cũng như các môn đệ, chưa có thể biết Chúa Giê-su đích thực là Con Thiên Chúa. Tuy vậy, Chúa Giê-su buộc họ phải câm miệng : Nếu tôi chữa lành theo cách thức của Thiên Chúa thì tại sao tôi lại không tha tội theo cách thức của Thiên Chúa ?

Những kẻ muốn biết Chúa Giê-su là ai thì Người làm cho họ phải chùng hững. Hơn thế nữa, người cho thấy chỉ một mình Người mới cứu độ con người cả hồn lẫn xác.

ƠN THA TỘI

Phúc thay kẻ biết mình được tha tội khi được Chúa Giê-su đưa mắt nhìn và ngó lời ! Thiên Chúa là Đấng nhìn thấy và yêu thương mọi người. Mắt Thiên Chúa phải gặp được mắt ta thì mới được tha tội thật. Vì vậy Thiên Chúa xuống thế làm người. Chúa Giê-su tha tội vì Người là *Con Người* (Ga 5,27) và Người muốn ta nhận được ơn tha tội từ Thiên Chúa và từ mọi người trong cộng đoàn Ki-tô hữu.

bảo : ‘Đứng dậy, vác lấy chõng của con mà đi’, điều nào dễ hơn ? ¹⁰ Vậy, để các ông biết : ở dưới đất này, Con Người có quyền tha tội, –Đức Giê-su bảo người bại liệt,– ¹¹ Ta truyền cho con : Hãy đứng dậy, vác lấy chõng của con mà đi về nhà !” ¹² Người bại liệt đứng dậy, và lập tức vác chõng đi ra trước mặt mọi người, khiến ai nấy đều sửng sốt và tôn vinh Thiên Chúa. Họ bảo nhau :

“Chúng ta chưa thấy vậy bao giờ !”

Đức Giê-su kêu gọi ông Lê-vi

* ¹³ Đức Giê-su lại đi ra bờ Biển Hồ. Toàn thể dân chúng đến với Người, và Người dạy dỗ họ. ¹⁴ Đi ngang qua trạm thu thuế, Người thấy ông Lê-vi là con ông An-phê, đang ngồi ở đó. Người bảo ông : “Anh hãy theo tôi !” Ông đứng dậy đi theo Người.

NGƯỜI TỘI LỖI

* **2,13** Ta phải thay đổi cách nhìn đối với sự vật và con người thì mới có thể gia nhập gia đình Thiên Chúa. Hoán cải không thể nhận thấy cách dễ dàng bên ngoài như việc tham dự các nghi lễ tôn giáo. Hoán cải khó hơn và cũng quý giá hơn.

Trước hết ta phải thoát khỏi các thành kiến đối với người khác. Đừng “chụp mũ”, đừng phân loại : người tốt kẻ xấu, người chúng ta bắt tay chào hỏi và kẻ ta không mở miệng hỏi thăm, người chúng ta yêu thương, giúp đỡ và những kẻ khác. Hãy học cho biết rằng Thiên Chúa không loại trừ một ai và chương trình yêu thương cứu độ của Thiên Chúa được dành cho mọi người.

Tin Mừng nói đến *người tội lỗi* hay *người thu thuế*. Nên nhớ rằng đất nước Chúa Giê-su đang bị đế quốc Rô-ma đô hộ : vì thế, người thu thuế là một người Do-thái làm việc cho một thế lực ngoại bang.

Các người yêu nước coi họ như bọn phản bội. Dân chúng cũng biết họ là những kẻ tư túi và ngay cả người ăn xin cũng từ chối đồng tiền mà họ bố thí. Nhưng Chúa Giê-su không lên án họ vì Người gọi một người trong số họ làm tông đồ, trong khi đa số các ông này lại là những người yêu nước kiên quyết.

Các kinh sư : họ như các giáo lý viên hay giáo sư dạy môn tôn giáo ngày nay. Họ thán phục giáo huấn của Chúa Giê-su nhưng không xem các người thu thuế và các người tội lỗi khác (tức là những người không giữ luật đạo) như những người anh chị em.

Rất có thể ông Lê-vi là Tông Đồ Mát-thêu (Mt 9,9) : trong trường hợp này, cũng như ông Si-môn được Chúa Giê-su gọi là Phê-rô, thì ông Lê-vi cũng nhận được biệt danh là Mát-thêu. Trong tiếng Híp-ri, *Mattai* nghĩa là “ân huệ của Thiên Chúa”.

Đức Giê-su dùng bữa với những người tội lỗi

¹⁵ Người đến dùng bữa tại nhà ông. Nhiều người thu thuế và người tội lỗi cùng ăn với Đức Giê-su và các môn đệ : con số họ đông và họ đi theo Người.

¹⁶ Những kinh sư thuộc nhóm Pha-ri-sêu thấy Người ăn uống với những kẻ tội lỗi và người thu thuế, thì nói với các môn đệ Người : “Sao ! Ông ấy ăn uống với bọn thu thuế và quân tội lỗi !” ¹⁷ Nghe thấy thế, Đức Giê-su nói với họ : “Người khoẻ mạnh không cần thầy thuốc, người đau ốm mới cần. Tôi không đến để kêu gọi

người công chính, mà để kêu gọi người tội lỗi.”

Tranh luận về việc ăn chay

* ¹⁸ Bấy giờ các môn đệ ông Gio-an và các người Pha-ri-sêu đang ăn chay ; có người đến hỏi Đức Giê-su : “Tại sao các môn đệ ông Gio-an và các môn đệ người Pha-ri-sêu ăn chay, mà môn đệ ông lại không ăn chay ?” ¹⁹ Đức Giê-su trả lời : “Chẳng lẽ khách dự tiệc cưới lại có thể ăn chay, khi chàng rể còn ở với họ ? Bao lâu chàng rể còn ở với họ, họ không thể ăn chay được. ²⁰ Nhưng khi tới ngày chàng rể bị đem đi rồi, bấy giờ họ mới

* 2,18 Một số đông người đạo đức tỏ thái độ thiện cảm đối với Chúa Giê-su. Họ muốn gặp Người để xin Người tăng thêm lòng sốt sắng cho đồng bào mình. Nhưng Chúa Giê-su không có sự mạng tử chức lại nên phụng tự và đưa người ta đến cho đầy hội đường.

Tại sao các môn đệ của ông lại không ăn chay ? (c.18). Ăn chay, dấu chỉ của đền tội và lòng thống hối, đi đôi với lời cầu nguyện dâng lên Thiên Chúa xin Người đến giải thoát dân Người. Nhưng Thiên Chúa có mặt nơi bản thân Chúa Giê-su : vì thế lễ lạc, niềm vui, tỏ ra thích hợp hơn ăn chay. Các ngôn sứ đã loan báo *hôn ước* giữa Thiên Chúa và dân Người vào thời Người đến viếng thăm (Is 62,4-5). Khi giới thiệu mình chính là *Tân Lang*, Chúa Giê-su cho biết Người đích thực là ai.

Rượu mới nào đây ? Dĩ nhiên là Tin Mừng và lòng hăng say của các môn đệ được Chúa Thánh Thần thúc đẩy thực hiện những điều được xem là điên rồ hầu tỏ bày tình yêu của Chúa Cha và sự tự do Người ban cho họ. Muốn hiểu được điều này, phải đọc sách Công Vụ Tông Đồ và tiểu sử các thánh là những người đã để lại dấu ấn sâu đậm trong lịch sử Giáo Hội.

ăn chay trong ngày đó.
²¹ Chẳng ai lấy vải mới mà vá áo cũ, vì như vậy, miếng vá mới đã vá vào sẽ kéo vải cũ, khiến chỗ rách lại càng rách thêm. ²² Cũng không ai đổ rượu mới vào bầu da cũ, vì như vậy, rượu sẽ làm nứt bầu, thế là rượu cũng mất mà bầu

cũng hư. Nhưng rượu mới, bầu cũng phải mới !”

Các môn đệ bắt lúa

* ²³ Vào ngày sa-bát, Đức Giê-su đi bằng qua một cánh đồng lúa. Dọc đường, các môn đệ bắt đầu bắt lúa. ²⁴ Người Pha-ri-sêu liền nói với Đức Giê-su :

Bầu da cũ (c.22). Tin Mừng không thích hợp với các hình thức đạo cũ và có thể càng không thích hợp với những gấn bó với những hình thức này bằng mọi giá. Mc cố ý cho chúng ta cảm nhận cái mới triệt để mà Chúa Giê-su mang đến, chúng ta vừa thấy Chúa Giê-su tiếp đón kẻ sống bên lề xã hội và người tội lỗi. Một lần nữa, Người lại làm ta phải ngạc nhiên : Người không tự giới thiệu mình như những nhóm tôn giáo thường làm với những việc ăn chay, đọc kinh lâu giờ. Sau đó, Người còn vi phạm luật giữ ngày sa-bát nữa. Đừng vội cho rằng Chúa Giê-su lên án các hình thức đạo cũ hay những kẻ giả vờ giữ các hình thức này. Ở đây, Người chống lại ngay cả ông Gio-an Tẩy Giả, vì, trong thực chất, Tin Mừng không bị giam trong một tôn giáo : Tin Mừng đối mới tôn giáo từ bên trong (Đnl 4,1 chú thích : tôn giáo và đức tin).

Nếu chỉ dừng lại ở phạm vi tôn giáo, ta sẽ quan niệm Thiên Chúa như thế nào ? Phải chăng như Chúa Giê-su khi Người gọi Thiên Chúa là Cha ? Thiên Chúa tuyệt hảo biết bao khi Người không còn quan tâm đến thứ thịt và loại rượu trên bàn ăn của tôi, đến số lần và thời điểm tôi cầu nguyện ! Thiên Chúa muốn ban cho tôi Thần Khí, và Thần Khí không thể bị giam hãm trong những luật lệ cũng như những bầu da.

* **2,23** Hái trái cây và bắt lúa để ăn khi đi đường và đang đói là chuyện bình thường đối với mọi người. Nhưng người Pha-ri-sêu vấp phạm vì các môn đệ Chúa Giê-su làm như vậy trong ngày sa-bát là ngày mà các việc làm đều bị cấm.

Ngày sa-bát được tạo nên cho con người (c.27). Ở đây cũng như các chỗ khác (Mc 3,2-4 ; Lc 13,10-15), Chúa Giê-su nhắc lại rằng các luật –ngay cả những luật thánh nhất– chỉ nhằm mục đích : sự sống và ơn cứu độ cho con người.

Con Người làm chủ luôn cả ngày sa-bát (c.28). Người Do-thái xem việc nghỉ ngày sa-bát là cột trụ của trật tự Thiên Chúa thiết lập. Mc đề cao sự tự do hoàn toàn của Chúa Giê-su : Người không lệ thuộc vào bất cứ lễ luật nào và Người hành động như “Chúa” của lễ luật Thiên Chúa lập ra.

“Ông coi, ngày sa-bát mà họ làm gì kia ? Điều ấy đâu được phép !”²⁵ Người đáp : “Các ông chưa bao giờ đọc trong Sách sao ? Ông Đa-vít đã làm gì, khi ông và thuộc hạ bị thiếu thốn và đói bụng ?²⁶ Dưới thời thượng tế A-bi-a-tha, ông vào nhà Thiên Chúa, ăn bánh tiến, rồi còn cho cả thuộc hạ ăn nữa. Thứ bánh này không ai được phép ăn ngoại trừ tư tế.”

²⁷ Người nói tiếp : “Ngày sa-bát được tạo nên cho con người, chứ không phải con người cho ngày sa-bát.²⁸ Bởi đó, Con Người làm chủ luôn cả ngày sa-bát.”

Đức Giê-su chữa người bị bại tay

3 * ¹ Đức Giê-su lại vào hội đường. Ở đó có một người bị bại tay.² Họ rình xem Đức Giê-su có chữa người ấy ngày sa-bát không, để tố cáo Người.³ Đức Giê-su bảo người bại tay : “Anh trỗi dậy, ra giữa đây !”⁴ Rồi Người nói với họ : “Ngày sa-bát, được phép làm điều lành hay điều dữ, cứu mạng người hay giết đi ?” Nhưng họ làm thinh.⁵ Đức Giê-su giận dữ rảo mắt nhìn họ, buồn khổ vì lòng họ chai đá. Người bảo anh bại tay : “Anh giờ tay ra !” Người ấy

* **3,1** Ở đây, Mc không đặt biệt quan tâm đến phép lạ của Chúa Giê-su chữa lành cho người bại tay, nhưng muốn nhấn mạnh đến thái độ của Người đối với ngày sa-bát. Như vậy phần đầu của chương 3 là một minh họa cho điều được nói ở cuối chương 2.

Đối với người Pha-ri-sêu, Luật cho phép vi phạm ngày sa-bát khi phải giúp một người trong trường hợp nguy tử. Chúa Giê-su sẽ nói rộng quy định này : đối với Người, không làm điều lành là làm điều dữ, không chữa lành là giết chết. Sự thinh lặng của người Pha-ri-sêu cho thấy, trong thâm tâm, họ biết Chúa Giê-su có lý nhưng vi kiêu ngạo, xem mình là những bậc thầy trong đạo, nên họ từ chối chấp nhận điều này. Và họ làm thinh.

Việc người Pha-ri-sêu cấu kết với phe Hê-rô-đê để tìm cách giết Chúa Giê-su chứng minh điều được nói trên đây. Thật vậy, tại Ga-li-lê, người ta không thể kết án một người mà không có phép của vua Hê-rô-đê. Vì thế, người Pha-ri-sêu phải tranh thủ sự ủng hộ của phe Hê-rô-đê. Ở đây, Mc dụng đến ác ý phát sinh từ tính kiêu ngạo làm cho con người trở thành mù quáng trước lời mời gọi của Thiên Chúa muốn đổi mới con người từ bên trong. Không phải là chuyện hiếm có khi các thành phần ưu tú, vốn thường chống đối nhau, lại cấu kết để bịt miệng kẻ lên tiếng tố cáo bất công hay nói lên sự thật quấy rầy cả thành phần này lẫn thành phần kia.

giơ ra, và tay liền trở lại bình thường. ⁶ Ra khỏi đó, nhóm Pha-ri-sêu lập tức bàn tính với phe Hê-rô-đê, để tìm cách giết Đức Giê-su.

Dân chúng đi theo Đức Giê-su

⁷ Đức Giê-su cùng với các môn đệ của Người lánh về phía Biển Hồ. Từ miền Ga-li-lê, người ta lũ lượt đi theo Người. Và từ miền Giu-đê, ⁸ từ Giê-ru-sa-lem, từ xứ I-đu-mê, từ vùng bên kia sông Gio-đan và vùng phụ cận hai thành Tia và Xi-đôn, người ta lũ lượt đến với Người, vì nghe biết những gì Người đã làm. ⁹ Người đã bảo các môn đệ dành sẵn cho Người một chiếc thuyền nhỏ, để khỏi bị đám đông

chen lấn. ¹⁰ Quả thế, Người đã chữa lành nhiều bệnh nhân, khiến ai ai có bệnh cũng đổ xô đến để sờ vào Người. ¹¹ Còn các thần ô uế, hễ thấy Đức Giê-su, thì sấp mình dưới chân Người và kêu lên : “Ông là Con Thiên Chúa !” ¹² Nhưng Người cấm ngặt chúng không được tiết lộ Người là ai.

Đức Giê-su thành lập Nhóm Mười Hai

* ¹³ Rồi Người lên núi và gọi đến với Người những kẻ Người muốn. Và các ông đến với Người. ¹⁴ Người lập Nhóm Mười Hai, để các ông ở với Người và để Người sai các ông đi rao giảng, ¹⁵ với quyền trừ quỷ. ¹⁶ Người lập Nhóm Mười Hai và đặt tên cho ông Si-

NHÓM MƯỜI HAI

* 3,13 Truyền thống Kinh Thánh xem núi là một biểu tượng : núi nơi con người gặp Thiên Chúa, nơi Thiên Chúa giao phó một sứ mạng cho con người (x. Xh 19 ; 1 V 19...). Chính ở trên núi mà Chúa Giê-su gọi những kẻ Người muốn cho hợp tác một cách đặc biệt vào sứ mạng của Người : họ sẽ ở với Người loan báo Lời và trừ quỷ.

Bằng những lời súc tích này, Mc nói cho ta biết bản chất của Giáo Hội : một cộng đoàn được Chúa Giê-su quy tụ chung quanh Người, để đem Lời Chúa đến cho mọi người và giải thoát họ khỏi ách nô lệ của ma quỷ.

Chúng ta biết gì về *Nhóm Mười Hai* này, những người sẽ trở thành sứ giả của Chúa Giê-su, những “cột trụ” của Giáo Hội và thầy dạy người ta tin ? Đa số người làm nghề đánh cá, nhưng cũng có một người thu thuế (Mát-thêu), một kinh sư (Ba-tô-lô-mê-ô) và một số người khác mà ta chỉ biết họ được Chúa Giê-su chọn trong dân chúng.

môn là Phê-rô, ¹⁷ rồi có ông Gia-cô-bê con ông Đê-bê-đê, và ông Gio-an em ông Gia-cô-bê –Người đặt tên cho hai ông là Bô-anê-ghe, nghĩa là con của thiên lôi–, ¹⁸ rồi đến các ông An-rê, Phi-líp-phê, Bâtô-lô-mê-ô, Mát-thêu, Tô-ma, Gia-cô-bê con ông An-phê, Ta-đê-ô, Si-môn thuộc nhóm Quá Khích, ¹⁹ và

Giu-đa Ít-ca-ri-ốt là chính kẻ nộp Người.

Thân nhân của Đức Giê-su lo ngại

* ²⁰ Người trở về nhà và đám đông lại kéo đến, thành thử Người và các môn đệ không sao ăn uống được. ²¹ Thân nhân của Người hay tin ấy, liền đi

Chúa Giê-su đến cứu độ tất cả mọi người, nhưng Người sẽ bắt đầu chương trình này từ người nghèo. Hẳn là Chúa Giê-su không thuộc về người nghèo nhiều hơn là thuộc về người giàu ; nhưng cũng như tất cả mọi người, người thuộc về một tầng lớp và một giai cấp xã hội nhất định.

Chúa Giê-su là con bác thợ, Người đã lớn lên giữa những người đơn sơ chất phác tại nông thôn. Sau đó, Người đã lấy một quyết định quan trọng : tiếp tục làm công việc chân tay thay vì đến trường theo học như các bậc thầy. Thật vậy, thời đó, các trường tôn giáo đón nhận mọi người muốn theo học.

Chúa Giê-su đã có thể tự giới thiệu mình như là một bậc thầy, và trong số những người đến nghe Người giảng dạy, có thể đã có những kinh sư chân thành, những tư tế và những người Pha-ri-sêu thành thật. Nhưng không ! Người đã muốn tự rèn luyện mình bằng công việc tay chân, không nhận được một sự chuẩn bị nào khác về đạo lý ngoài giáo huấn tại hội đường, không học theo một sách nào khác ngoài kinh nghiệm hằng ngày. Vì thế, đến lúc phải chọn các Tông Đồ, Người đã chọn họ trong số những người bình dân, những người đơn sơ nhưng có trách nhiệm.

* **3,20** *Người bị quỷ vương Bê-en-đê-bun ám* : Người Pha-ri-sêu và các kinh sư quan tâm nhiều đến các phép lạ Chúa Giê-su trừ quỷ hơn là chữa lành bệnh tật. Họ là những người lãnh đạo tôn giáo đến từ Giê-ru-sa-lem để theo sát Đức Giê-su. Tin có ma quỷ là điều ám ảnh người Do-thái đương thời với Chúa Giê-su và họ xem bệnh tật là một hình thức quỷ ám. Chúa Giê-su thì không bị ám ảnh như thế, nhưng người không phân biệt một cách rõ rệt bệnh tật và quỷ ám như chúng ta ngày nay. Sự thật là ma quỷ ở đằng sau mọi nỗi khốn cùng của con người.

Bê-en-đê-bun là tên của một ngấu tượng thuộc thời xa xưa, được người Do-thái dùng để chỉ ma quỷ.

bắt Người, vì họ nói rằng Người đã mất trí.

Các kinh sư nói : “Đức Giê-su lấy quyền Bê-en-dê-bun mà trừ quỷ

²² Còn các kinh sư từ Giê-ru-sa-lem xuống thì lại nói rằng Người bị quỷ vương Bê-en-dê-bun ám và Người dựa thế quỷ vương mà trừ quỷ. ²³ Người liền

gọi họ đến, dùng dụ ngôn mà nói với họ : “Xa-tan làm sao trừ Xa-tan được ?

²⁴ Nước nào tự chia rẽ, nước ấy không thể bền ; ²⁵ nhà nào tự chia rẽ, nhà ấy không thể vững. ²⁶ Vậy Xa-tan mà chống Xa-tan, Xa-tan mà tự chia rẽ, thì không thể tồn tại, nhưng đã tận số. ²⁷ Không ai vào nhà một người mạnh mà

Không ai vào nhà một người mạnh (c.27) : Người mạnh ở đây chính là quỷ và nhà của nó là người bị quỷ ám. Cướp sạch nhà nghĩa là tước đoạt quyền lực của ma quỷ trên nạn nhân.

Mọi tội của con cái loài người, kể cả tội nói phạm thượng, cũng còn được tha. Và Mt thêm : “Ai nói phạm thượng đến Con Người thì được tha” (Mt 12,32).

Trong Cựu Ước, ai nói phạm thượng thì bị án tử, để bảo vệ danh dự của Thiên Chúa và để Thiên Chúa không trút cơn thịnh nộ xuống trên cộng đoàn. Còn Thiên Chúa của Chúa Giê-su thì biết con người ngu dại đến mức độ nào và không cảm thấy bị xúc phạm bởi những lời nói nực cười hay phạm thượng mà xã hội chúng ta sẽ quá quen : Người không tự vệ như những người quyền thế trên đời này thường hay làm.

Chúa Giê-su chấp nhận người ta chỉ trích mình. Họ là những người không hiểu cách thức Người hoạt động : đó là trường hợp của rất nhiều người Pha-ri-sêu. Nhưng gọi một điều hiển nhiên tốt là điều xấu thì lại là chuyện khác.

Nói phạm đến Thánh Thần (c.29) là gán cho thần ô uế một hành động mà Thiên Chúa thực hiện. Cố ý gán ý đồ xấu cho các hành động tốt của người khác, của Giáo Hội hay các nhóm khác là nói phạm thượng đến Thánh Thần. Những người nhận biết sự thật mà không tin vào Thiên Chúa còn đi đứng hương hơn những người tuyên bố tin vào Thiên Chúa mà không nhận biết sự thật.

Rút kết luận từ các phép lạ trừ quỷ, Chúa Giê-su tuyên bố : “*Triều Đại Thiên Chúa đã đến gần các ngươi.*” Thật ra, chiến thắng Xa-tan là chuyện phải đoạt cho được hằng ngày. Lời cầu nguyện, lời khấn thiết của cộng đoàn Ki-tô hữu, chứng tá đời sống và hoạt động dưng cảm của các Ki-tô hữu đem lại hiệu quả trong việc đẩy lui sự hiện diện của ma quỷ trong nhiều lãnh vực như tiền bạc, bóc lột người khác, ma túy, dâm ô.

có thể cướp của được, nếu không trói người mạnh ấy trước đã, rồi mới cướp sạch nhà nó.

²⁸ “Tôi bảo thật anh em : mọi tội của con cái loài người, kể cả tội nói phạm thượng, và nói phạm thượng nhiều đến mấy đi nữa, thì cũng còn được tha. ²⁹ Nhưng ai nói phạm đến Thánh Thần, thì chẳng đời nào được tha, mà còn mắc

tội muôn đời”. ³⁰ Đó là vì họ đã nói “ông ấy bị thần ô uế ám.”

Ai mới thật là thân nhân của Đức Giê-su ?

* ³¹ Mẹ và anh em Đức Giê-su đến, đứng ở ngoài, cho gọi Người ra. ³² Lúc ấy, đám đông đang ngồi chung quanh Người. Có kẻ nói với Người rằng : “Thưa Thầy, có mẹ và anh em chị em

* **3,31** Chúa Giê-su đã mất gia đình ruột thịt mình nhưng lại tìm được những người anh chị em đích thực. Khi dấn thân làm công việc của Thiên Chúa, chúng ta gặp được những anh chị em mới và một người Mẹ là Đức Ma-ri-a, mà Tin Mừng nói về Ngài : *“Bà thật có phúc, vì đã tin rằng Chúa sẽ thực hiện những gì Người đã nói với bà.”*

NHỮNG NGƯỜI ANH EM CỦA ĐỨC GIÊ-SU

Hội Thánh không bao giờ nghi ngờ việc Đức Ma-ri-a sống trọn đời đồng trinh cũng như việc Chúa Giê-su là Người Con duy nhất của Đức Ma-ri-a và cũng là Con Một của Chúa Cha (x. phần bình giải Lc 1,26). Vậy tại sao Tin Mừng nói đến *các người anh em và chị em của Đức Giê-su ?*

Trước hết, trong tiếng Híp-ri, bất cứ ai có họ hàng gần xa với nhau đều được gọi là *anh em* hay *chị em*. Trong Cựu Ước, người ta tìm thấy hơn năm trăm trường hợp dùng từ *anh em* để chỉ người có quan hệ họ hàng gần hay xa : thuộc về cùng một gia đình, một thị tộc và ngay cả một bộ lạc, hay chỉ thuộc về dân tộc It-ra-en. Khi muốn nhấn mạnh từ *anh em* có nghĩa chính xác như ta hiểu ngày nay, người ta dùng từ *“con của mẹ nó”* hay nếu một người anh em cùng cha khác mẹ, thì người ta nói *“con của cha nó”* (Đnl 17,7 ; 27,22...).

Đàng khác, trong cộng đoàn Ki-tô hữu tiên khởi, vào thời viết các sách Tin Mừng, có một nhóm quan trọng gồm các thân nhân của Đức Giê-su và các đồng hương Na-da-rét của Người. Người ta quen gọi họ là “những người anh em của Chúa” và trong số này có ông Gia-cô-bê sau này làm Giám mục cộng đoàn Giê-ru-sa-lem. Người ta không nói nhiều về nhóm người này, trừ việc họ tỏ ra chậm tin vào Chúa Giê-su, mặc dù Người đã sống nhiều năm ở giữa họ (Mc 3,21 ; Ga 7,3-5). Tuy vậy, khi nói về họ, Tin Mừng gọi họ bằng tên gọi mà cộng đoàn Ki-tô hữu đã gọi họ “những người anh em của Chúa” hay “ông ấy, người anh em của Đức Giê-su”.

Thầy ở ngoài kia đang tìm Thầy !”³³ Nhưng Người đáp lại : “Ai là mẹ tôi ? Ai là anh em tôi ?”³⁴ Rồi Người rảo mắt nhìn những kẻ ngồi chung quanh và nói : “Đây là mẹ tôi, đây là anh em tôi.”³⁵ Ai thi hành ý muốn của Thiên Chúa, người ấy là anh em chị em tôi, là mẹ tôi.”

Dụ ngôn người gieo giống

4 * 1 Đức Giê-su lại bắt đầu giảng dạy ở ven Biển Hồ. Một đám người rất đông tụ họp chung quanh Người, nên Người phải xuống thuyền mà ngồi dưới biển, còn toàn thể đám đông thì ở trên bờ.² Người dùng dụ ngôn mà dạy họ nhiều điều.

Đôi khi người ta nói : “Nếu từ ‘anh em’ thường chỉ những người anh em có quan hệ họ hàng xa, thì cũng có thể chỉ những anh em theo nghĩa hẹp.” Ta phải xem xét kỹ càng hơn để biết “*những anh em của Đức Giê-su*” này là ai. Họ được nói đến khi Chúa Giê-su về thăm Na-da-rét : đó là các ông Gia-cô-bê và Giô-xết (Mt gọi là Giô-xếp), Giu-đa và Si-môn (6,3).

Mà trong số các phụ nữ đứng dưới chân Thập Giá, Mc nói đến một “bà Ma-ri-a, mẹ của các ông Gia-cô-bê Thứ và Giô-xết” (15,40). Nếu bà Ma-ri-a này là mẹ của Chúa Giê-su thì thật là kỳ lạ : chính vào giờ này mà người ta lại nói Đức Ma-ri-a là mẹ của các ông Gia-cô-bê và Giô-xết chứ không phải là mẹ của người chịu đóng đinh. Và cũng sẽ là kỳ lạ là bà chỉ được nói đến sau bà Ma-ri-a Mác-đa-la.

Do đó, ta phải nhìn nhận rằng các ông Gia-cô-bê và Giô-xết là con của bà *Ma-ri-a kia* mà Mt gọi là *một bà khác cũng tên là Ma-ri-a* (Mt 28,1). Bà này thuộc nhóm các phụ nữ đã theo Chúa Giê-su từ Ga-li-lê (Lc 23,55). Bản văn song song của Gio-an hình như cho thấy bà là vợ của ông Cơ-lô-pát và là *người chị em* của Đức Trinh Nữ, có thể nghĩa là ở đây cũng vậy— một người họ hàng gần của Đức Ma-ri-a. Vậy thì các ông Gia-cô-bê và Giô-xết chỉ là những người họ hàng gần của Đức Giê-su, và các ông Si-môn và Giu-đa là những người họ hàng xa hơn. Thật vậy, nêu tên các ông Gia-cô-bê và Giô-xết trước tiên sẽ là điều không thể hiểu được nếu quan hệ họ hàng của hai ông Si-môn và Giu-đa với Đức Giê-su xa hơn quan hệ họ hàng của hai ông.

* 4,1 X. phân bình giải Mt 13,1 và Lc 8,9.

Bây giờ Mc trình bày cho ta một số dụ ngôn về Nước Thiên Chúa, vì Chúa Giê-su loan báo : *Triều Đại Thiên Chúa đã đến gần*, và đây là một sứ điệp mới lạ. Thịnh thoắng, trong cộng đồng Do-thái thời đó, người ta nói về Triều Đại Thiên Chúa, nhưng để nói rằng Thiên Chúa sẽ trả tự do cho dân Người trên đất nước Ít-ra-en và sẽ trừng phạt những kẻ áp bức dân. Chúa Giê-su khẳng định rằng Thiên Chúa đến ngự trị giữa chúng ta : Nước Thiên Chúa đã đến rồi, ngay ngoài cửa nhà chúng ta.

Trong lúc giảng dạy, Người nói với họ :

³ “Các người nghe đây ! Người gieo giống đi ra gieo giống. ⁴ Trong khi gieo, có hạt rơi xuống vệ đường, chim chóc đến ăn mất. ⁵ Có hạt rơi trên sỏi đá, chỗ không có nhiều đất ; nó mọc ngay, vì đất không sâu ; ⁶ nhưng khi nắng lên, nó liền bị cháy, và vì thiếu rễ nên bị chết khô. ⁷ Có hạt rơi vào bụi gai, gai mọc

lên làm nó chết nghẹt và không sinh hoa kết quả. ⁸ Có những hạt lại rơi nhằm đất tốt, nó mọc và lớn lên, sinh hoa kết quả : hạt thì được ba mươi, hạt thì được sáu mươi, hạt thì được một trăm.” ⁹ Rồi Người nói : “Ai có tai nghe thì nghe !”

Tại sao Đức Giê-su dùng dụ ngôn ?

* ¹⁰ Khi còn một mình Đức Giê-su, những người

Người gieo giống ra đi gieo giống (c.3). Người ta nôn nóng muốn thu hoạch hoa trái của biết bao đau khổ và xương máu đã đổ ra trong thời kỳ người Rô-ma đô hộ tại Ít-ra-en. Thế mà Chúa Giê-su nói đến gieo vãi.

Như vậy, nghịch lý lớn của Tin Mừng : Nước Thiên Chúa đã đến và, cùng với Nước Thiên Chúa ta có được tất cả những gì Thiên Chúa muốn ban cho ta ở trần gian này. Nhưng thật ra tất cả còn là trong hy vọng (Rm 8,24). Sau hai mươi thế kỷ Ki-tô giáo, Nước Thiên Chúa vẫn giống như một thửa đất vừa mới được gieo giống.

Một số hạt giống *sinh hoa kết quả* và được nhân lên (c.8). Ai có mắt để nhìn thì không thể không thấy những điều phát sinh từ Tin Mừng và còn phát sinh tại những nơi Tin Mừng được đón nhận. Nước Thiên Chúa được biểu lộ trong đời sống và gương sáng của các thánh, dù là được biết đến hay không. Nền văn hoá Tây Phương có thể chối bỏ Tin Mừng, nhưng không thể chối rằng văn hoá này đã phát sinh từ tính năng động của Tin Mừng. Tin Mừng ở đằng sau những công trình đã và đang thực hiện nhằm đem lại hợp nhất và hoà bình cho thế giới.

Chúa Giê-su còn mặc khải cho ta nhiều điều khác liên quan đến phẩm giá và trách nhiệm của con người ; nhưng phải để những điều ấy có thời gian chín muồi và phát triển trong lòng những người chính trực.

* **4,10** *Phần anh em, mẫu nhiệm Nước Thiên Chúa đã được ban cho anh em.* Chúa Giê-su nhắc lại cho các môn đệ biết rằng nếu họ được ở với Người và nghe được lời Thiên Chúa từ miệng Người, thì tất cả đều do ân sủng của Thiên Chúa. Thiên Chúa đã chọn họ để đón nhận và truyền lại cho người khác lời loan báo về Nước Thiên Chúa. Nhưng thay vì dừng lại ở đây và thán phục lòng quảng đại của Thiên Chúa, ta lại thường hiểu sai lời Chúa Giê-su và tự hỏi : “*Vậy là Thiên Chúa muốn cho người khác có trở mắt nhìn cũng chẳng thấy, có lẳng tai nghe cũng không hiểu sao ?*”

thân cận cùng với Nhóm Mười Hai mới hỏi Người về các dụ ngôn. ¹¹ Người nói với các ông : “Phần anh em, mầu nhiệm Nước Thiên Chúa đã được ban cho anh em ; còn với những người kia là những kẻ ở ngoài, thì cái gì cũng phải dùng dụ ngôn, ¹² để họ có trở mắt nhìn cũng chẳng thấy, có lắng tai nghe cũng không hiểu, kẻo họ trở lại và được ơn tha thứ.”

Cắt nghĩa dụ ngôn người gieo giống

* ¹³ Người còn nói với các ông : “Anh em không hiểu dụ ngôn này, thì làm sao hiểu được tất cả các dụ ngôn ? * ¹⁴ Người gieo giống đây là người gieo lời. ¹⁵ Những kẻ ở bên vệ đường, nơi lời đã gieo xuống, là những kẻ vừa nghe thì Xa-tan liền đến cắt lời đã gieo nơi họ. ¹⁶ Còn những kẻ được gieo trên sỏi đá là những kẻ

C.12 này là một câu trích dẫn từ một đoạn quan trọng trong sách ngôn sứ I-sai-a (6,9). Ga và Cv cũng sẽ lấy câu này (Ga 12,40 ; Cv 28,26). Nhưng muốn hiểu ý nghĩa câu này, phải nhớ rằng ngôn sứ I-sai-a đã sử dụng một hình thức ngữ pháp riêng của tiếng Híp-ri và cũng rất khó dịch sang một thứ tiếng khác. Thiên Chúa nói với ngôn sứ đại khái như sau : “Hãy làm cho chúng ra cứng lòng. Hãy nói sao đó mà dù có nghe chúng cũng sẽ không hiểu.” Nhưng phải hiểu lời này như sau : “Con sẽ chỉ có thể làm cho chúng ra cứng lòng thôi. Con có nói thì chúng sẽ nghe đó, nhưng sẽ không muốn hiểu đâu.” Nhưng Thiên Chúa thì không bao giờ muốn cho bất cứ một ai phải lầm lạc hay phải chịu ngu muội.

Còn với những kẻ ở ngoài, thì cái gì cũng phải dùng dụ ngôn : những người không được gọi để gặp Chúa Ki-tô, hay được gọi nhưng đã từ chối, thì sống trong thế giới của những kẻ ở ngoài. Trong đó, không phải họ không có ánh sáng của Thiên Chúa, nhưng ánh sáng này đến với họ “bằng dụ ngôn” nghĩa là qua những trung gian và giới hạn của con người. Và Mt nói : “Thấy dùng dụ ngôn mà nói với họ vì họ nhìn mà không nhìn” (Mt 13,13).

Họ không hiểu ý nghĩa sâu xa của dụ ngôn, nhưng Chúa Giê-su dùng dụ ngôn không phải để trừng phạt họ. Tin Mừng đem ánh sáng đến cho ngay cả những người không tin. Thiên Chúa thích nghi với khả năng của họ vì họ sống trong thế giới chỉ có sự thật nửa vời, và Thiên Chúa cũng ban cho họ điều đó để giúp họ tiến tới.

Phần anh em, mầu nhiệm Nước Thiên Chúa đã được ban cho anh em : Anh em đã đáp lại lời Thiên Chúa mời gọi và gia nhập nhóm môn đệ, thì Thấy sẽ từ từ tỏ ra cho anh em biết cách thức Thiên Chúa hành động.

khi nghe lời thì liền vui vẻ đón nhận, ¹⁷ nhưng họ không đâm rễ mà là những kẻ nông nổi nhất thời ; sau đó, khi gặp gian nan hay bị ngược đãi vì lời, họ vấp ngã ngay. ¹⁸ Những kẻ khác là những kẻ được gieo vào bụi gai : đó là những kẻ đã nghe lời, ¹⁹ nhưng những nỗi lo lắng sự đời, bả vinh hoa phú quý cùng những đam mê khác xâm chiếm lòng họ, bóp nghẹt

lời khiến lời không sinh hoa kết quả gì. ²⁰ Còn những người khác nữa là những người được gieo vào đất tốt : đó là những người nghe lời và đón nhận, rồi sinh hoa kết quả, kẻ thì ba mươi, kẻ thì sáu mươi, kẻ thì một trăm.”

Dụ ngôn cái đèn, đầu đong.

* ²¹ Người nói với các ông : “Chẳng lẽ mang đèn tối để đặt dưới cái thùng

* 4,13 *Làm sao anh em hiểu được tất cả các dụ ngôn ?* Khi nhấn mạnh hoàn cảnh các Tông Đồ không hiểu lời Người giảng dạy, Chúa Giê-su muốn cảnh giác ta về một cái nhìn đơn giản quá mức : một bên là *các môn đệ*, bên kia là những người *ở ngoài*. Hiểu biết các mẫu nhiệm Nước Thiên Chúa không bao giờ là chuyện đùa, con người không bao giờ là chủ nhân các ân huệ Chúa ban. Ranh giới giữa *môn đệ* và *người ở ngoài* nằm ngay trong mỗi người chúng ta ; trong ta, vừa có *môn đệ* vừa có *người ở ngoài*, tùy lúc. Trong dụ ngôn củi lụng, Chúa Giê-su sẽ nhắc nhở ta về điều này.

* 4,14 X. phần bình giải Mt 13,18.

Dụ ngôn người gieo giống đúng đầu tất cả các dụ ngôn khác. Chúa Giê-su nói cho ta biết sứ mạng của Người : Người đến khai mở một thời đại mới trong lịch sử nhân loại : Nước Thiên Chúa ở giữa chúng ta, ngay bây giờ.

Đôi khi ta có cảm tưởng Tin Mừng không đủ sức đổi mới cuộc sống, nhưng tại sao ta đã chà đạp biết bao hạt giống được mang đến cho ta ? Tất cả là tùy ta.

Chúa Giê-su nói ta phải sinh hoa kết quả : *ba mươi, sáu mươi hay một trăm*. Lời chúng ta nghe có sức đổi mới cuộc đời chúng ta, làm cho các nỗ lực chúng ta trở thành hữu hiệu để cứu độ thế giới. Ai có thể kể hết tất cả những gì mà một người tự do theo nghĩa Tin Mừng có thể làm được.

* 4,21 *Hãy để ý tới điều anh em nghe.* Chúa Giê-su lưu ý chúng ta : “Anh em mất thì giờ nếu anh em nghe mà không để cho lời tôi sinh hoa kết quả. Đầu mà anh em dùng để đong sẽ được dùng để đong điều mà anh em đã nhận được, nghĩa là anh em làm theo điều anh em đã

hay dưới gầm giường ? Nào chẳng phải là để đặt trên đế sao ? ²² Vì chẳng có gì che giấu mà không phải là để được tỏ bày, chẳng có gì bí ẩn mà không phải là để đưa ra ánh sáng. ²³ Ai có tai nghe thì nghe !”

²⁴ Người nói với các ông : “Hãy để ý tới điều anh em nghe. Anh em đang đầu gối cầu nguyện, thì Thiên Chúa cũng sẽ đầu gối cầu nguyện cho anh em, và còn cho anh em hơn nữa. ²⁵ Vì ai đã có, thì

được cho thêm ; còn ai không có, thì ngay cái đang có cũng sẽ bị lấy mất.”

Dụ ngôn hạt giống tự mọc lên

* ²⁶ Người nói : “Chuyện Nước Thiên Chúa thì cũng tựa như chuyện một người vãi hạt giống xuống đất. ²⁷ Đêm hay ngày, người ấy có ngủ hay thức, thì hạt giống vẫn nảy mầm và mọc lên, bằng cách nào,

học được thì sẽ nhận được những sức mạnh và những điều hiểu biết mới từ Thiên Chúa. Nhưng nếu anh em không làm gì, thì tin đạo cũng chẳng sinh ích lợi gì cho anh em, thậm chí dẫn anh em đến trước nhan Thiên Chúa cũng không. Anh em đang đọc sách Tin Mừng, hãy tự vấn mình trước khi tiến xa hơn.”

Chẳng có gì che giấu. Lời hoạt động âm thầm trong lòng người. Nhưng khi khám phá ra sự biến đổi mà Lời đang thực hiện trong cuộc sống, ta sẽ tuyên xưng Chúa Giê-su và nói lên *điều bí ẩn* làm cho ta được hạnh phúc (Ep 2,3-5 ; Cl 3,3 ; Pl 2,10).

* 4,26 Con người luôn nôn nóng. Triều đại công lý sẽ xuất hiện nay mai hay không ? Bạo lực và tham nhũng sẽ sớm chấm dứt không ? Chúa Giê-su trả lời : Có những sức mạnh không ai đánh bại được đang hoạt động vào chính thời điểm này trong thế giới : nó đang làm cho Nước Thiên Chúa chín muồi.

HẠT GIỐNG

Có biết bao hạt giống bị gió cuốn bay ! Một lối sống mới, một bài hát mới, một phát minh mới, một chương trình truyền thanh hay truyền hình... Một vãi hạt dầm rễ và mọc lên đến nỗi trở thành những phong trào huy động đám đông dân chúng. Nhưng ta phải biết khám phá ra các khởi đầu khiêm tốn của công trình Thiên Chúa thực hiện : vài người thiện chí hội họp lại để giải quyết một vấn đề của cộng đoàn, một cử chỉ thân thiện trong một môi trường khép kín và lạnh lùng, một cố gắng đầu tiên để mỉm cười với cuộc sống sau một thất vọng nặng nề. Hạt giống phát triển, và kẻ đón nhận Lời càng thêm vững mạnh để tiến tới trên con đường Thiên Chúa đã vạch ra cho họ.

thì người ấy không biết.

²⁸ Đất tự động sinh ra hoa màu : trước hết cây lúa mọc lên, rồi trổ bông, và sau cùng thành bông lúa nặng trĩu hạt.

²⁹ Lúa vừa chín, người ấy đem liềm hái ra gặt, vì đã đến mùa.”

Dụ ngôn hạt cải

³⁰ Rồi Người lại nói : “Chúng ta ví Nước Thiên Chúa với cái gì đây ? Lấy dụ ngôn nào mà hình dung được ? ³¹ Nước Thiên Chúa giống như hạt cải, lúc gieo xuống đất, nó là loại hạt nhỏ nhất trên mặt đất. ³² Nhưng khi gieo rồi, thì

nó mọc lên lớn hơn mọi thứ rau cỏ, cành lá xum xuê, đến nỗi chim trời có thể làm tổ dưới bóng.”

Kết luận về các dụ ngôn

³³ Người dùng nhiều dụ ngôn tương tự mà rao giảng lời cho họ, tùy theo mức họ có thể nghe.

³⁴ Người không bao giờ rao giảng cho họ mà không dùng dụ ngôn. Nhưng khi chỉ có thầy trò với nhau, thì Người giải nghĩa hết.

Đức Giê-su dẹp sóng gió

* ³⁵ Hôm ấy, khi chiều đến, Đức Giê-su nói với các môn đệ : “Chúng ta

* 4,30 X. phân bình giải Mt 13,31.

* 4,35 Trong hai dụ ngôn cuối cùng, Chúa Giê-su đã cho thấy sức mạnh và sự phát triển không gì chống lại được của Nước Thiên Chúa. Và như thế để chứng tỏ điều này, Người cho ta một dấu chỉ : *Người sang bờ bên kia*. Tại đây Người sẽ làm hai phép lạ. Điều này cho ta thấy rằng chiến thắng của Người trên ma quỷ vượt ra ngoài biên giới Ít-ra-en.

Theo nẻo trạng của người Do-thái, biển là biểu tượng của quyền lực ma quỷ. Mỗi ngày, biển cũng nhắc mọi người nhớ lại thời hỗn mang nguyên thủy : tại đây, thủy thần vây vùng và chỉ một mình Thiên Chúa là Đấng Toàn Năng mới có thể thách thức chúng : Bơ-hê-mốt, Giao Long, Ra-háp. Khi truyền cho biển : “*Im đi ! Câm đi !*” như khi truyền cho ma quỷ (Mc 1,25), Chúa Giê-su chứng tỏ thần lực của Người trên quyền lực sự dữ.

Đối mặt với mọi hình thức sự dữ đang tấn công con người trong các trận cuồng phong nó gây nên, đôi khi con người cũng tự hỏi : Phải chăng Thiên Chúa cũng đang ngủ ? Thế mà Chúa Giê-su có mặt đó : Người không ngạc nhiên vì các môn đệ sợ hãi trong trận cuồng phong, nhưng vì họ chưa có lòng tin. Chỉ có lòng tin tưởng vào Chúa Giê-su, Con Thiên Chúa, Đấng đã chiến thắng quyền lực sự dữ, mới cho phép họ vượt qua sợ hãi.

sang bờ bên kia đi !”³⁶ Bỏ đám đông ở lại, các ông chở Người đi, vì Người đang ở sẵn trên thuyền ; có những thuyền khác cùng theo Người.³⁷ Và một trận cuồng phong nổi lên, sóng ập vào thuyền, đến nổi thuyền đầy nước.³⁸ Trong khi đó, Đức Giê-su đang ở đằng lái, dựa đầu vào chiếc gối mà ngủ. Các môn đệ đánh thức Người dậy và nói : “Thầy ơi, chúng ta chết đến nơi rồi, Thầy chẳng lo gì sao ?”³⁹ Người thức dậy, ngăm đe gió, và truyền cho biển :

“Im đi ! Câm đi !” Gió liền tắt, và biển lặng như tờ.⁴⁰ Rồi Người bảo các ông : “Sao nhát thế ? Làm sao mà anh em vẫn chưa có lòng tin ?”⁴¹ Các ông hoảng sợ và nói với nhau : “Vậy người này là ai, mà cả đến gió và biển cũng tuân lệnh ?”

Người bị quỷ ám ở Ghê-ra-sa

5 *¹ Đức Giê-su và các môn đệ sang tới bờ bên kia Biển Hồ, vùng đất của dân Ghê-ra-sa.² Người vừa ra khỏi thuyền, thì từ đám mồ mã, có một kẻ

Nhưng ngay trong lúc khám phá ra thần lực của Chúa Giê-su, thì các Tông Đồ *hoảng sợ*, như ông Mô-sê trước bụi gai bốc cháy (Xh 3,1), như ngôn sứ I-sai-a khi nhìn thấy vinh quang Thiên Chúa trong đền thờ (Is 6,5), như tất cả mọi người khi Thiên Chúa tỏ mình ra cho họ một cách đặc biệt : còn hơn một người bạn, còn hơn một người thầy, Chúa Giê-su tỏ cho họ biết Người là ai trong thực chất của Người. Và khi khám phá ra Thiên Chúa thật gần gũi với họ, thì các Tông Đồ lại càng *hoảng sợ* hơn là giữa trận cuồng phong trước đó không lâu.

* **5,1** Khi dẹp tan sóng gió, Chúa Giê-su đã làm cho quyền lực sự dữ phải lặng im. Và khi sang bờ bên kia thuộc vùng đất của dân ngoại, Chúa lại đối mặt với quỷ dữ. Các hình ảnh tiếp nối nhau đã mô tả cuộc chiến thắng của Người. Ba lần vẫn bản nói người bị quỷ ám ở trong đám mồ mã, và ba lần cho biết người ta dùng xiềng xích trói buộc nó nhưng không thành công. Cần nhớ rằng, đối với người Do-thái, lập lại ba lần là tương đương cấp độ cao nhất, tuyệt đối. Có nghĩa là người bị quỷ ám thuộc về cõi chết và trạng thái ô uế gắn liền với cái chết (Ds 19,11), mà không một ai có thể kiềm chế người ấy được. Cuối cùng, theo thói tục những người làm tội ngẫu tượng, người bị quỷ ám còn lấy đá rạch mình đến chảy máu (1 V 18, 28) Nhưng tên địch thủ này đã *đến bái lạy Đức Giê-su*, nhìn nhận rằng Người mạnh hơn nó, tuyên xưng Người là “*Con Thiên Chúa Tối Cao*”. Và Người buộc nó xưng tên ra. Tên nó cũng là cả một biểu tượng : *Đạo bình*, nghĩa là người này bị cả một đội quân thần ô uế ám.

bị thần ô uest ám liền ra đón Người. ³ Anh này thường sống trong đám mồ mả và không ai có thể trói anh ta lại được, dầu phải dùng đến cả xiềng xích. ⁴ Thật vậy, nhiều lần anh bị gông cùm và bị xiềng xích, nhưng anh đã bẻ gãy xiềng xích, và đập tan gông cùm. Và không ai có thể kiềm chế anh được. ⁵ Suốt đêm ngày, anh ta cứ ở trong đám mồ mả và trên núi đồi, tru tréo và lấy đá đập vào mình. ⁶ Thấy Đức Giê-su tự đàng xa, anh ta chạy đến bái lạy Người ⁷ và kêu lớn tiếng rằng : “Lạy ông Giê-su, Con Thiên Chúa Tối Cao, chuyện tôi can gì đến ông ? Nhân danh Thiên Chúa, tôi van ông đừng

hành hạ tôi !” ⁸ Thật vậy, Đức Giê-su đã bảo nó : “Thần ô uest kia, xuất khỏi người này !” ⁹ Người hỏi nó : “Tên người là gì ?” Nó thưa : “Tên tôi là đạo binh, vì chúng tôi đông lắm.” ¹⁰ Nó khẩn khoản nài xin Người đừng đuổi chúng ra khỏi vùng ấy. ¹¹ Ở đó có một bầy heo rất đông đang ăn bên sườn núi. ¹² Đám thần ô uest nài xin Người rằng : “Xin sai chúng tôi đến nhập vào những con heo kia.” ¹³ Người cho phép. Chúng xuất khỏi người đó và nhập vào bầy heo. Cả bầy heo –chừng hai ngàn con– từ trên sườn núi lao xuống biển và chết ngộp dưới đó. ¹⁴ Các kẻ chăn heo bỏ chạy, loan tin trong thành và thôn xóm. Thiên

Và đây chính là lúc Chúa Giê-su ra tay giải thoát người bị quỷ ám. Đám thần ô uest nhập vào bầy heo và cả bầy sẽ lao xuống biển. Ngạn ngữ có câu : “Nguu tâm ngu, mã tâm mã.” Mc cho thấy ma quỷ vốn gây nên mọi thứ *ô uest* nay bị Chúa Giê-su đuổi về vương quốc của ánh sáng như thế đó. Thật vậy, truyền thống Do-thái xem heo là điển hình của các con vật ô uest, và biển nơi cả đàn heo lao xuống chính là vương quốc sự dữ, như ta đã thấy trong câu chuyện Chúa Giê-su dẹp yên biển động.

Nhưng Người không cho phép : “Không phải anh em đã chọn Thầy, nhưng chính Thầy đã chọn anh em” (Ga 15,16). Chúa Giê-su chọn những kẻ sẽ ở với Người tức là Nhóm Mười Hai (Mc 3,14). Nhưng không phải vì thế mà tất cả mọi người khác –những người đã gặp Chúa Giê-su– sẽ không có gì làm. Họ phải làm chứng giữa các thân nhân của họ về những gì Người đã làm cho họ, và *đã thương họ như thế nào*. Như vậy, điều Đức Giê-su muốn nhắc lại ở đây là có nhiều ơn gọi khác nhau.

hạ đến xem việc gì đã xảy ra. ¹⁵ Họ đến cùng Đức Giê-su và thấy kẻ bị quỷ ám ngồi đó, ăn mặc hẳn hoi và trí khôn tỉnh táo – chính người này đã bị đạo binh quỷ nhập vào. Họ phát sợ. ¹⁶ Những người chứng kiến đã kể lại cho họ nghe việc đã xảy ra thế nào cho người bị quỷ ám và chuyện bầy heo. ¹⁷ Bấy giờ họ lên tiếng nài xin Người rời khỏi vùng đất của họ.

¹⁸ Khi Người xuống thuyền, thì kẻ trước kia đã bị quỷ ám nài xin cho được ở với Người. ¹⁹ Nhưng Người không cho phép, Người bảo : “Anh cứ về

nhà với thân nhân, và thuật lại cho họ biết mọi điều Chúa đã làm cho anh, và Người đã thương anh như thế nào.” ²⁰ Anh ta ra đi và bắt đầu rao truyền trong miền Thập Tỉnh tất cả những gì Đức Giê-su đã làm cho anh. Ai nấy đều kinh ngạc.

Đức Giê-su chữa một người bị băng huyết và cho con gái ông Gia-ia sống lại

* ²¹ Đức Giê-su xuống thuyền, lại trở sang bờ bên kia. Một đám rất đông tụ lại quanh Người. Lúc đó, Người đang ở trên bờ Biển Hồ. ²² Có một ông trưởng

* 5,21 Người Do-thái xem người đàn bà này là *ô uest* vì bà bị băng huyết (Lv 15,19). Bà sẽ làm cho ai đụng đến bà đều ra *ô uest*. Chính vì lý do này mà luật cấm bà trà trộn vào đám đông. Nhưng bà dám bất tuân và đi vào đám đông để sờ được vào áo của Chúa Giê-su.

Lòng tin sẽ thúc đẩy người đàn bà này vi phạm một luật cấm còn quan trọng hơn nữa. “Các tua áo” người đàn ông là dấu chỉ sự hiện diện của Thiên Chúa và Lễ Luật của Người. Sờ vào đó trong tình trạng *ô uest* là mắc tội phạm thượng. Nhưng với lòng tin mạnh mẽ, lòng tin tưởng vô biên vào Chúa Giê-su và quyền năng của Người, người đàn bà này dám liều và Chúa sẽ chỉ nói với bà : “*Lòng tin của con đã cứu chữa con.*”

Nhiều Ki-tô hữu tưởng mình là người có học, được huấn luyện kỹ càng, nên thường khinh miệt một cách nào đó những cử chỉ mà họ cho là xuất phát từ “lòng đạo bình dân”, ít được soi sáng. Nhưng Chúa Giê-su thì không cứ bề ngoài mà xét : Người đã thấy cử chỉ của người đàn bà và lòng tin thúc đẩy bà hành động : “Lạy Cha là Chúa Tể trời đất, con xin ngợi khen Cha đã giấu không cho bậc khôn ngoan thông thái biết những điều này, nhưng lại mặc khải cho những người bé mọn” (Mt 11,25).

hội đường tên là Gia-ia đi tới. Vừa thấy Đức Giê-su, ông ta sụp xuống dưới chân Người, ²³ và khẩn khoản nài xin : “Con bé nhà tôi gần chết rồi. Xin Ngài đến đặt tay lên cháu, để nó được cứu thoát và được sống.” ²⁴ Người liền ra đi với ông. Một đám rất đông đi theo và chen lấn Người.

²⁵ Có một bà kia bị băng huyết đã mười hai năm, ²⁶ bao phen khổ sở vì chạy thầy chạy thuốc đã nhiều đến tán gia bại sản, mà vẫn tiền mất tật mang, lại còn thêm nặng là khác. ²⁷ Được nghe đồn về Đức Giê-su, bà lách qua đám

đông, tiến đến phía sau Người, và sờ vào áo của Người. ²⁸ Vì bà tự nhủ : “Tôi mà sờ được vào áo Người thôi, là sẽ được cứu.” ²⁹ Tức khắc, máu cầm lại, và bà cảm thấy trong mình đã được khỏi bệnh. ³⁰ Ngay lúc đó, Đức Giê-su thấy có một năng lực tự nơi mình phát ra, Người liền quay lại giữa đám đông mà hỏi : “Ai đã sờ vào áo tôi ?” ³¹ Các môn đệ thưa : “Thầy coi, đám đông chen lấn Thầy như thế mà Thầy còn hỏi : ‘Ai đã sờ vào tôi ?’” ³² Đức Giê-su ngoảnh để nhìn người phụ nữ đã làm điều đó. * ³³ Bà

ĐỨC TIN VÀ PHÉP LẠ CHỮA LÀNH

* 5,33 Các phép lạ thường làm ta khó nghĩ. Theo nhận thức “hiện đại và sáng suốt” của con người ngày nay, thật khó tin rằng phép lạ có thể xảy ra. Thật ra, ta quên rằng Thiên Chúa hiện diện ngay trong sự sống con người. Ta quên rằng Thiên Chúa đã giao ước với con người và không có gì trong cuộc sống chúng ta lại xa lạ đối với Thiên Chúa.

Vậy ta sẽ nói rằng nếu Thiên Chúa làm phép lạ thì tại sao Người không chữa lành người này người kia ? Tại sao Người không nghe lời tôi cầu xin và chữa lành một người nào đó ? Ta là ai mà dám đòi Thiên Chúa trả lời với ta ? Ta là ai mà dám ra lệnh cho Thiên Chúa như người ta ra lệnh cho một con người (Gdt 8,12-15).

Thiên Chúa hành động khi Người muốn và như Người muốn. Nhưng đừng vội hiểu lời này như chỉ vì những cái hứng thất thường của Thiên Chúa, trái lại đó như là dấu chỉ sự khôn ngoan và một tình thương vượt xa sự hiểu biết của chúng ta. Có cha mẹ nào đã không từ chối cho con cái nhiều điều mà chúng xin ? Phải chăng vì cha mẹ thiếu tình thương ? Hay, trái lại, phải chăng đây lại là dấu chỉ một tình thương đích thực và có trách nhiệm ? “Nếu anh em không trở nên giống như trẻ thơ...” Lòng tin tưởng vào Thiên Chúa dẫn ta đến chỗ tỏ bày mọi sự với Người, cầu xin mọi sự cùng Người, nhưng, hơn thế nữa, phó thác hoàn toàn vào tình thương và sự khôn ngoan của Người.

này sợ phát run lên, vì biết cái gì đã xảy đến cho mình. Bà đến phủ phục trước mặt Người, và nói hết sự thật với Người.³⁴ Người nói với bà ta : “Này con, lòng tin của con đã cứu chữa con. Con hãy về bình an và khỏi hẳn bệnh.”

*³⁵ Đức Giê-su còn đang nói, thì có mấy người từ nhà ông trưởng hội đường

đến bảo : “Con gái ông chết rồi, làm phiền Thầy chi nữa ?”³⁶ Nhưng Đức Giê-su nghe được câu nói đó, liền bảo ông trưởng hội đường : “Ông đừng sợ, chỉ cần tin thôi.”³⁷ Rồi Người không cho ai đi theo mình, trừ ông Phê-rô, ông Gia-cô-bê và em ông này là ông Gio-an.³⁸ Các ngài đến nhà ông trưởng hội đường. Đức Giê-su thấy

* 5,35 Ở đây, Chúa Giê-su đối diện với cái chết của một em bé được Người cho sống lại. Ông Gia-ia là *trưởng hội đường* nghĩa là một trong số những người chịu trách nhiệm về cộng đồng Do-thái địa phương.

Làm phiền Thầy chi nữa ? Chúng ta cũng vậy, chúng ta xin Thiên Chúa chữa lành nhưng không dám xin Thiên Chúa cho kẻ chết sống lại, vì ta xem cái chết như một điều hoàn toàn không thể đảo ngược được. Nhưng Chúa Giê-su muốn cho ta thấy rằng không một định mệnh hay một luật tự nhiên nào có thể ngăn cản tình thương của Thiên Chúa.

Người ta khóc lóc, kêu la âm ỉ (c.38). Theo tục lệ thời đó, khi lo việc ma chay, người ta thuê người khóc mướn và thổi kèn. Ngày nay, khi mai táng, người ta đọc diễn văn dài, cử hành các nghi thức : bằng mọi giá, ta muốn che giấu hoặc khử trừ thực tại khủng khiếp này để nó không làm xáo trộn cuộc sống bình an của chúng ta, ít ra bề ngoài, nhưng Chúa Giê-su đã dẫn chúng ta tới sự thật, bắt đầu bằng sự thật về cái sinh cái tử.

Đứa bé có chết đâu, nó chỉ ngủ đấy ! (c.39). Dĩ nhiên là đứa bé đã chết rồi và vì thế người ta chế nhạo Chúa Giê-su. Nhưng Người bắt đám người huyền não này ra ngoài rồi *dẫn cha mẹ đứa trẻ vào nơi nó đang nằm*. Cha mẹ đứa bé thì có thể hiểu được vì họ đã đến xin Người chữa lành nó : một hành động nói lên lòng tin của họ.

Trỗi dậy đi ! (c.41). Ngay từ thuở ban đầu, các môn đệ Chúa Giê-su đã sử dụng từ ngữ “ngủ, trỗi dậy” để nói về sự chết và sự sống lại. Đây là một cách tuyên xưng đức tin : Đức Giê-su, Con Thiên Chúa, đã nhờ sự sống lại của Người mà vĩnh viễn chiến thắng sự chết (1 Cr 15). Thế mà, ngày nay, một số cuộc thăm dò ý kiến cho thấy nhiều Ki-tô hữu không còn tin vào sự sống lại. Người ta có thể tự hỏi phải chăng đây là kết quả của một nền huấn giáo đã dựa trên những điều lệ luân lý thay vì trên việc lắng nghe Lời Thiên Chúa.

người ta khóc lóc, kêu la âm ĩ. ³⁹ Người bước vào nhà và bảo họ : “Sao lại náo động và khóc lóc như vậy ? Đứa bé có chết đâu, nó ngủ đấy !” ⁴⁰ Họ chế nhạo Người. Nhưng Người bắt họ ra ngoài hết, rồi dẫn cha mẹ đứa trẻ và những kẻ cùng đi với Người, vào nơi nó đang nằm. ⁴¹ Người cầm lấy tay nó và nói : “Ta-li-tha kum”, nghĩa là : “Này bé, Thầy truyền cho con : trỗi dậy đi !” ⁴² Lập tức con bé đứng dậy và đi lại được, vì nó đã mười hai tuổi. Và lập tức, người ta kinh

ngạc sửng sờ. ⁴³ Đức Giê-su nghiêm cấm họ không được để một ai biết việc ấy, và bảo họ cho con bé ăn.

Đức Giê-su về thăm Na-da-rét

6 * ¹ Đức Giê-su ra khỏi đó và đến nơi quê quán của Người, có các môn đệ đi theo. ² Đến ngày sa-bát, Người bắt đầu giảng dạy trong hội đường. Nhiều người nghe rất đỗi ngạc nhiên. Họ nói : “Bởi đâu ông ta được như thế ? Ông ta được khôn ngoan như vậy, nghĩa là làm sao ?

SỰ KHÔN NGOAN CỦA ĐỨC GIÊ-SU

* **6,1** Anh em và chị em của Chúa Giê-su là những người có quan hệ họ hàng và những người đồng hương Na-da-rét (x. phần bình giải Mc 3,31).

Bởi đâu ông ấy được như thế ? Có phải tin rằng Chúa Giê-su đã đi xa để học thuật làm phép lạ hay không ? (X. câu trả lời trong phần bình giải Mt 2,21).

Chúa Giê-su luôn sống giữa họ và Người cũng không bao giờ làm chuyện chỉ lạ lòng, vì thế, họ ngạc nhiên tại sao, trong một thời gian ngắn như thế, Người lại nổi tiếng khắp vùng Ga-li-lê. Thường ta tưởng mình biết rõ người thân cận nhưng thật ra ta không biết họ.

Ngôn sứ có bị rẻ rúng, thì cũng chỉ là ở chính quê hương mình (c.4). Nếu họ đã sống lâu năm với Chúa Giê-su và luôn đối xử với Người như với bất cứ một người nào khác, thì làm sao bây giờ họ có thể tin vào Người được ?

Ông ta không phải là bác thợ sao ? Từ ngữ Tin Mừng dùng ở đây có nghĩa khá rộng : *người thợ* là người làm nghề thủ công sản xuất các dụng cụ thô sơ mà dân quê cần dùng. Nhưng các Ki-tô hữu đầu tiên tại Pa-lét-tin đã nói rằng Chúa Giê-su làm *nghề thợ mộc*. Và lại còn có một chút khinh miệt trong câu nhận xét đó : Nếu ông Giê-su đã theo học với các thầy ráp-bi nổi tiếng thì còn hiểu được ! Nhưng bác thợ mộc chất phác này thì có gì hay để mà nói ?

Ông ta làm được những phép lạ như thế, nghĩa là gì ?³ Ông ta không phải là bác thợ, con bà Ma-ri-a, và anh em của các ông Gia-cô-bê, Giô-xết, Giu-đa và Si-môn sao ? Chị em của ông không phải là bà con lối xóm với chúng ta sao ?⁴ Và họ vấp ngã vì Người.

Ông ta được khôn ngoan như vậy nghĩa là làm sao ? Nhiều người nói rằng vì Đức Giê-su là Thiên Chúa, nên Người biết hết mọi sự. Nhưng sự thông hiểu của Thiên Chúa không gì khác ngoài chính Thiên Chúa : tất cả đều hiện diện trong cùng một thời khắc không bao giờ đi qua : đó là vĩnh cửu. Trái lại, con người thì suy nghĩ với những tư tưởng được triển khai trong thời gian. Như vậy, sự thông hiểu của Thiên Chúa không thể ở trong một con người nếu người ấy thật sự là người. Chúa Giê-su đã phải học tập như chúng ta, phải kinh nghiệm và tìm tòi. Nhưng ngay từ giây phút đầu tiên, Người đã ý thức bản thân mình là “Con”, cho dù không có từ ngữ để diễn tả điều đó.

Chúa Giêsu đã học làm người với Đức Ma-ri-a, ông Giu-se và các đồng hương Na-da-rét. Họ đã truyền đạt cho Người Sách Thánh và nền văn hoá của dân tộc mình. Nhưng Chúa Cha cũng đã ban Thánh Thần để Người có thể phán đoán như Thiên Chúa và nhận biết Thiên Chúa trong mọi sự. Đối với Chúa Giê-su cũng như đối với ta, điều quan trọng không phải nhồi nhét sách vở và kinh nghiệm, nhưng có thể đánh giá tất cả những gì xảy ra. Được Thánh Thần linh hứng, Chúa Giê-su khám phá ra ý nghĩa mới nơi các thực tại trên đời, và đó chính là sự khôn ngoan của Người vậy.

SỨ VỤ THỪA SAI

* 6,7 X. phần bình giải Mt 10,5 ; Lc 10,1 ; Mt 28,8.

Chúa Giê-su khởi đầu giai đoạn thứ ba của sứ mạng Người trong công cuộc rao giảng Tin Mừng tại các làng chung quanh Na-da-rét. Trước đây, các Tông Đồ cùng đi với Chúa Giê-su, bây giờ Người sai họ đi trước.

thôi.”⁵ Người đã không thể làm được phép lạ nào tại đó ; Người chỉ đặt tay trên một vài bệnh nhân và chữa lành họ.⁶ Người lấy làm lạ vì họ không tin.

Đức Giê-su sai Nhóm Mười Hai đi giảng

* Rồi Người đi các làng chung quanh mà giảng dạy.⁷ Người gọi Nhóm Mười Hai lại và bắt đầu sai đi từng hai người một. Người ban cho các ông quyền trừ quỷ.⁸ Người chỉ

thị cho các ông không được mang gì đi đường, chỉ trừ cây gậy ; không được mang lương thực, bao bị, tiền đồng để giắt lưng ;⁹ được đi dép, nhưng không được mặc hai áo.¹⁰ Người bảo các ông : “Bất cứ ở đâu, khi anh em đã vào nhà nào, thì cứ ở lại đó cho đến lúc ra đi.¹¹ Còn nơi nào người ta không đón tiếp và nghe lời anh em, thì khi ra khỏi đó, hãy giũ bụi chân để tỏ ý phản đối họ.”¹² Các ông đi rao

giảng, kêu gọi người ta ăn năn sám hối.¹³ Các ông trừ được nhiều quỷ, xúc dầu cho nhiều người đau ốm và chữa họ khỏi bệnh.

Vua Hê-rô-dê và Đức Giê-su

*¹⁴ Vua Hê-rô-dê nghe biết về Đức Giê-su, vì Người đã nổi danh. Có kẻ nói : “Đó là ông Gio-an Tẩy Giả từ cõi chết trỗi dậy, nên mới có quyền năng làm phép lạ.”¹⁵ Kẻ khác nói : “Đó là ông Ê-li-

Đức Giê-su là một nhà mô phạm. Không những Người dạy dỗ các môn đệ mà còn cho họ tham gia sứ mạng của Người. Các Tông Đồ phải công bố niềm tin của họ, phải chữa lành như chính Thầy mình. Như vậy họ đem áp dụng vào thực tế những gì họ đã khám phá được về Nước Thiên Chúa. Các môn đệ phải là những người đầu tiên tin vào điều mình nói : Thiên Chúa đã bắt đầu hiện diện trong thế giới. Vì thế, từng ngày một, họ phải sống tin tưởng phó thác vào sự quan phòng của Chúa Cha. Họ sẽ rao giảng không chút sợ hãi, luôn ý thức sứ mạng của mình và sức mạnh của Thiên Chúa.

Vào thời đó, xúc dầu được sử dụng như một phương thuốc trị bệnh, nhưng Đức Giê-su cho nó một ý nghĩa mới : chữa lành phần xác đem lại sức khỏe, và hơn thế nữa, còn là dấu chỉ của việc chữa lành phần hồn, hoà giải con người với Thiên Chúa. Đức Giê-su đã quan tâm đến việc thành lập các cộng đoàn tín hữu. Người sai các môn đệ đi, từng hai người một, để sứ điệp không phải là của một người duy nhất, nhưng là của một nhóm người liên kết với nhau trong cùng một sứ mạng. Chúa Giê-su dạy họ cứ ở lại một nơi trong một gia đình, nơi có thể trở thành một trung tâm từ đó đức tin sẽ lan rộng.

* 6,14 Vua Hê-rô-dê sợ ông Gio-an (c.20), nhưng vẫn bị giam hãm trong môi trường sống và nét xấu của mình. Vua cai trị miền Ga-li-lê, nhưng cuộc sống sa đoạ của vua lại là một phản chứng công khai.

Trong Kinh Thánh, các ngôn sứ nhấn mạnh trách nhiệm đặc biệt của các người cầm quyền trị nước : nếu họ có nhiệm vụ lãnh đạo dân, thì họ phải sống chính trực để dân noi theo. Ông Gio-an Tẩy Giả không thể rao giảng sự công chính mà không lên án vua Hê-rê-dô về tội bất chính hay “không chung thủy” của vua.

a.” Kể khác nữa lại nói :
 “Đó là một ngôn sứ như
 một trong các ngôn sứ.”
¹⁶ Vua Hê-rô-đê nghe thế,
 liền nói : “Ông Gio-an, ta
 đã cho chém đầu, chính
 ông đã trở dậy !”

Ông Gio-an Tẩy Giả bị trảm quyết

¹⁷ Số là vua Hê-rô-đê đã
 sai người đi bắt ông Gio-
 an và xiềng ông trong
 ngục. Lý do là vì vua đã
 lấy bà Hê-rô-đi-a, vợ của
 người anh là Phi-líp-phê,
¹⁸ mà ông Gio-an lại bảo :
 “Ngài không được phép lấy
 vợ của anh ngài !” ¹⁹ Bà
 Hê-rô-đi-a căm thù ông
 Gio-an và muốn giết ông,
 nhưng không được. ²⁰ Thật
 vậy, vua Hê-rô-đê biết ông
 Gio-an là người công chính
 thánh thiện, nên sợ ông,
 và còn che chở ông. Nghe
 ông nói, nhà vua rất phân
 vân, nhưng lại cứ thích
 nghe.

²¹ Một ngày thuận lợi
 đến : nhân dịp mừng sinh
 nhật của mình, vua Hê-rô-
 đê mở tiệc thết đãi bá
 quan văn võ và các thân
 hào miền Ga-li-lê. ²² Con
 gái bà Hê-rô-đi-a vào biểu
 diễn một điệu vũ, làm cho
 nhà vua và khách dự tiệc
 vui thích. Nhà vua nói với
 cô gái : “Con muốn gì thì
 cứ xin, ta sẽ ban cho con.”
²³ Vua lại còn thề : “Con
 xin gì, ta cũng cho, dù một
 nửa nước của ta cũng
 được.” ²⁴ Cô gái đi ra hỏi
 mẹ : “Con nên xin gì đây ?”
 Mẹ cô nói : “Đầu Gio-an
 Tẩy Giả.” ²⁵ Lập tức cô vội
 trở vào đến bên nhà vua
 và xin rằng : “Con muốn
 ngài ban ngay cho con cái
 đầu ông Gio-an Tẩy Giả,
 đặt trên mâm.” ²⁶ Nhà vua
 buồn lắm, nhưng vì đã trót
 thề, lại thề trước khách dự
 tiệc, nên không muốn thất
 hứa với cô. ²⁷ Lập tức, vua
 sai thị vệ đi và truyền
 mang đầu ông Gio-an tới.
 Thị vệ ra đi, chặt đầu ông

Vua Hê-rô-đê : đây là Hê-rô-đê An-ti-pa, một trong các con trai của
 vua Hê-rô-đê Cả cai trị xứ Pa-lét-tin cho đến khi Chúa Giê-su ra đời.

Có kẻ nói : “Đó là ông Gio-an Tẩy Giả từ cõi chết trở dậy” (c.14).
 Nhiều người xem ông Gio-an Tẩy Giả như một người tử vì đạo và nghĩ
 rằng ông sẽ từ cõi chết sống lại để trừng phạt vua Hê-rô-đê. Người
 khác nói kết Chúa Giê-su với ông Gio-an Tẩy Giả : Chúa Giê-su làm
 những phép lạ mà ông Gio-an đã không làm. Người khác lại đồn rằng
 Chúa Giê-su chỉ là ông Gio-an Tẩy Giả hiện hình mà thôi.

ở trong ngục, ²⁸ bưng đầu ông trên một cái mâm trao cho cô gái, và cô gái trao cho mẹ. ²⁹ Nghe tin ấy, môn đệ đến lấy thi hài ông và đặt trong một ngôi mộ.

Đức Giê-su làm cho bánh hoá nhiều lần thứ nhất

* ³⁰ Các Tông Đồ tụ họp chung quanh Đức Giê-su, và kể lại cho Người biết mọi việc các ông đã làm, và mọi điều các ông đã

* **6,30** Công tác truyền giáo chấm dứt, các Tông Đồ cần nghỉ ngơi và lượng định công việc. Chúa Giê-su dạy dỗ và giúp các ông suy nghĩ về những gì các ông đã làm và đã thấy.

Kẻ lui người tới quá đông (c.31). Sau khi các môn đệ đi qua các làng miền Ga-li-lê, nhiều người muốn biết người đã sai họ đi. Bấy giờ là lúc đám đông dân chúng đến với Chúa Giê-su.

Người chạnh lòng thương (c.34). Cự Uớc cho thấy lòng thương xót của Thiên Chúa đối xử với dân như là người Cha. Nhưng vẫn còn thiếu một điều gì đó bao lâu Người chưa đến chia sẻ tất cả mọi sự với chúng ta.

Bấy giờ Thiên Chúa không còn phán từ trời cao, nhưng nơi Đức Giê-su, Thiên Chúa trở nên nghèo khó giữa những người nghèo khó, chia sẻ cuộc sống, đau khổ cũng như hy vọng của họ.

Lòng thương cảm đó của Chúa Giê-su cho phép ta hiểu rằng sự dấn thân phục vụ người nghèo của các Ki-tô hữu sẽ không trọn vẹn bao lâu Giáo Hội chưa đâm rễ sâu trong lớp người thấp hèn nhất.

Họ như bầy chiên không người chăn dắt (Ds 27,17 ; Is 40,11 ; Ed 34 ; Dcr 11,4-17 ; 12,8). Đây là những người không tìm được một cộng đoàn đích thực và Chúa Giê-su chạnh lòng thương họ.

Ngôn sứ Ê-dê-ki-en đã quở trách các nhà lãnh đạo Ít-ra-en vì họ đã hành động như những mục tử xấu. Ngày nay, ông cũng có thể trách ta không biết làm mục tử và ngôn sứ giữa lòng thế giới này. Trong việc quy tụ các cộng đoàn mới, tại sao ta lại thường chỉ biết chờ đợi ánh sáng của các linh mục, các nữ tu hay một vài giáo dân được lựa chọn kỹ càng ? Ta đã nhận được ánh sáng đức tin một cách nhưng không, vậy tại sao ta lại tỏ ra quá nhút nhát không dám đem ánh sáng này đến với những “kẻ ở ngoài”, không dám giúp họ cùng nhau khám phá sự phong phú này trong các nhóm hay các cộng đoàn của họ ?

Và *Người bắt đầu dạy dỗ họ nhiều điều*. Người dạy họ những gì ? Tất cả những điều làm nên Tin Mừng. Chúa Giê-su thấu suốt lòng dạ con người. Như các ngôn sứ trong Cự Uớc, Người tạo điều kiện cho mỗi người đưa ra ánh sáng cuộc sống của mình, hướng tới niềm hy vọng mà Thiên Chúa dành cho, cũng như sứ mạng mà Thiên Chúa giao phó cho mỗi người trong thế giới và trong môi trường sống của mình.

dạy. ³¹ Người bảo các ông : “Chính anh em hãy lánh riêng ra đến một nơi thanh vắng mà nghỉ ngơi đôi chút.” Quả thế, kẻ lui người tới quá đông, nên các ông cũng chẳng có thì giờ ăn uống nữa. ³² Vậy, thầy trò xuống thuyền đi lánh riêng ra một nơi hoang vắng. ³³ Thấy các ngài ra đi, nhiều người hiểu ý, nên từ khắp các thành, họ cùng nhau theo đường bộ chạy đến nơi, trước cả các ngài. ³⁴ Ra khỏi thuyền, Đức Giê-su thấy một đám người rất đông thì chạnh lòng thương, vì họ như bầy chiên không người chăn dắt. Và Người bắt đầu dạy dỗ họ nhiều điều. * ³⁵ Vì bấy giờ đã khá muộn, các môn đệ đến gần Người và

Chúa Giê-su thấy các khó khăn chồng chất trên vai họ nhưng Người sẽ động viên họ bằng những dấu hiệu khơi dậy niềm hy vọng. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, ta cũng có thể làm một cái gì đó để trở dậy. Hơn nữa, trước khi ta cố gắng trở dậy, thì Thiên Chúa đã ban cho ta những dấu hiệu để nói rằng Người không bỏ rơi ta và ta có thể tin tưởng vào Người.

* **6,35** Kinh Thánh cho biết rằng lương thực nuôi sống chúng ta là từ miệng Thiên Chúa phán và Lời mà ta cần đến cũng vậy (Đnl 8,3). Khi ban bánh cho ta, Chúa Giê-su tỏ cho ta biết lời Người là lời Thiên Chúa. *Thiên Chúa ban bánh* cho dân Người (Xh 16 ; Tv 72,16 ; Tv 81,17 ; Tv 132,15 ; Tv 147, 14).

Mọi lời miệng Thiên Chúa phán ra (Đnl 8,3 ; Kn 16,26 ; Mt 4,4). Trong ánh sáng của Cựu Ước, bài tường thuật này cho phép ta nhận ra Chúa Giê-su là vị Mục Tử mà các ngôn sứ đã từng loan báo.

Họ ngồi trên cỏ xanh (Tv 23) và *được no nê* (Tv 78,29). Đám đông ngồi ăn là hình bóng Nước Thiên Chúa trong ngày Chúa Giê-su sẽ quy tụ toàn thể nhân loại đến dự tiệc cưới mà Thiên Chúa dọn cho họ (Lc 14,16).

Người ngược mắt lên trời (c.41). Bằng cử chỉ này, Chúa Giê-su nói lên mối tương quan giữa Người với Thiên Chúa Cha, thay vì đọc một lời kinh như các thánh hay các ngôn sứ có thể làm trong một dịp như vậy.

Chúa Giê-su chính là lương thực mà con người cần đến (Ga 6). Thiên Chúa đã đặt để trên mặt đất tất cả những gì con người cần để nuôi sống mình và phát triển. Nhưng các vấn đề liên quan đến việc phân phối lương thực cho công bằng thì cũng phức tạp như bản tính con người, và không một hệ thống phân phối nào có thể giải quyết được vấn đề bao lâu ta chưa biết nghe Lời Thiên Chúa. Những kẻ nghe Lời Người thì Người cho họ đủ sức mạnh để xây dựng một thế giới trong đó có công lý, hoà bình và chia sẻ cơm bánh.

thưa : “Ở đây hoang vắng và bây giờ đã khá muộn.³⁶ Xin Thầy cho dân chúng về, để họ vào thôn xóm và làng mạc chung quanh mà mua gì ăn.”³⁷ Người đáp : “Thì chính anh em hãy cho họ ăn đi !” Các ông nói với Người : “Chúng con phải đi mua tới hai trăm quan tiền bánh mà cho họ ăn sao ?”³⁸ Người bảo các ông : “Anh em có mấy chiếc bánh ? Đi coi xem !” Khi biết rồi, các ông thưa : “Có năm chiếc bánh và hai con cá.”³⁹ Người ra lệnh cho các ông bảo mọi người ngồi thành từng nhóm trên cỏ xanh.⁴⁰ Họ ngồi xuống thành từng đám, chỗ thì một trăm, chỗ thì năm mươi.⁴¹ Người cầm lấy năm chiếc bánh và hai con cá, ngước mắt lên trời, dâng lời chúc tụng, rồi bẻ bánh ra, trao cho môn đệ để các ông dọn ra cho dân chúng. Người cũng chia hai

con cá cho mọi người.⁴² Ai nấy đều ăn và được no nê.⁴³ Người ta thu lại những mẩu bánh được mười hai thúng đầy, cùng với cá còn dư.⁴⁴ Số người ăn bánh là năm ngàn người đàn ông.

Đức Giê-su đi trên mặt biển hồ

*⁴⁵ Lập tức, Đức Giê-su bắt các môn đệ xuống thuyền qua bờ bên kia về phía thành Bết-xai-đa trước, trong lúc Người giải tán đám đông.⁴⁶ Sau khi từ biệt các ông, Người lên núi cầu nguyện.⁴⁷ Chiều đến, chiếc thuyền đang ở giữa biển hồ, chỉ còn một mình Người ở trên đất.⁴⁸ Người thấy các ông phải vất vả chèo chống vì gió ngược, nên vào khoảng canh tư đêm ấy, Người đi trên mặt biển mà đến với các ông và Người định vượt các ông.⁴⁹ Nhưng khi các ông thấy Người đi trên

Chúa Giê-su chạnh lòng thương dân chúng, đám dân mà các nhà lãnh đạo không mấy quan tâm. Dân chúng đã nghe Chúa Giê-su ban Lời cho họ mà không lo nghĩ họ sẽ có gì ăn sau đó. Là Mục Tử và là Bánh ban sự sống, đến lượt mình, Chúa Giê-su cho họ bánh và phân phát cho họ ăn no nê.

* **6,45** *Đức Giê-su bắt các môn đệ xuống thuyền. Tại sao ? Tin Mừng theo thánh Gio-an cho biết lý do (Ga 6,15) là vì dân chúng quá phấn khởi trước phép lạ và muốn tôn Người lên làm vua và làm người giải phóng được Thiên Chúa sai đến. Và các Tông Đồ cũng đồng tình với dân chúng.*

mặt biển, lại tưởng là ma, thì la lên. ⁵⁰ Quả thế, tất cả các ông đều nhìn thấy Người và đều hoảng hốt. Lập tức, Người bảo các ông : “Cứ yên tâm, chính Thầy đây, đừng sợ !” ⁵¹ Người lên thuyền với các ông, và gió lặng. Các ông cảm thấy bàng hoàng sửng sốt, ⁵² vì các ông đã không hiểu ý nghĩa phép lạ bánh hoá nhiều : lòng trí các ông còn ngu muội !

Đức Giê-su chữa nhiều người ở Ghen-nê-xa-rét

⁵³ Khi qua biển rồi, Đức Giê-su và các môn đệ ghé vào đất liền tại Ghen-nê-xa-rét và lên bờ. ⁵⁴ Thầy trò vừa ra khỏi thuyền, thì

lập tức người ta nhận ra Đức Giê-su. ⁵⁵ Họ rảo khắp vùng ấy và nghe tin Người ở đâu, thì bắt đầu cáng bệnh nhân đến đó. ⁵⁶ Người đi tới đâu, vào làng mạc, thành thị hay thôn xóm nào, người ta cũng đặt kẻ ốm đau ở ngoài đường ngoài chợ, và xin Người cho họ ít là được chạm đến tua áo choàng của Người ; và bất cứ ai chạm đến, thì đều được khỏi.

Tranh luận về những truyền thống người Pha-ri-sêu

7 * ¹ Có những người Pha-ri-sêu và một số kinh sư tụ họp quanh Đức Giê-su. Họ là những người

TRUYỀN THỐNG VÀ CÁC TRUYỀN THỐNG

* **7,1** Không một nhóm nào, kể cả Giáo Hội, có thể đứng vững mà không có truyền thống, tập quán. Nhưng dù tốt đến mấy, các truyền thống này đều do con người đặt ra. Như cách thức cử hành thánh lễ, các ngày lễ, các tuần cửu nhật, v.v. Tất cả những gì một vị giáo hoàng, một giám mục, một cộng đoàn Ki-tô hữu đã đặt ra trong quá khứ thì một vị giáo hoàng khác, một vị giám mục, một cộng đoàn Ki-tô hữu khác có thể thay đổi được. Chính vì tất cả những điều này có thể thay đổi nên ta hiểu ngay rằng đây không phải là điều chính yếu của đời sống Ki-tô giáo.

Có một điều chính yếu không thay đổi : đó là giáo huấn của Thiên Chúa. Ta tìm được nó ở đâu ? Trong Lời Thiên Chúa. Nhưng có một cách thức hiểu Kinh Thánh, mà Chúa Giê-su và các Tông Đồ cũng đã hiểu như thế : đó là điều mà người ta gọi là truyền thống các Tông Đồ. Và Hội Thánh được các Tông Đồ thành lập luôn giữ gìn truyền thống này, tức là tinh thần của các Tông Đồ.

Đừng lẫn lộn các truyền thống vừa nhiều vừa phức tạp, hay nói đúng hơn, các tập tục và thói quen trải dài qua các thế kỷ của lịch sử Giáo Hội, với truyền thống của Giáo Hội.

từ Giê-ru-sa-lem đến. ² Họ thấy vài môn đệ của Người dùng bữa mà tay còn ô ւế, nghĩa là chưa rửa. ³ Thật vậy, người Pha-ri-sêu cũng như mọi người Do-thái đều nắm giữ truyền thống của tiền nhân : họ không ăn gì, khi chưa rửa tay cẩn thận ; ⁴ thức gì mua ngoài chợ về, cũng phải rảy nước đã rồi mới ăn ; họ còn giữ nhiều tập tục khác nữa như rửa chén bát, bình lọ và các đồ đồng. ⁵ Vậy, người Pha-ri-sêu và kinh sư hỏi Đức Giê-su : “Sao các môn đệ của ông không theo truyền thống của tiền nhân, cứ để tay ô ւế mà dùng bữa ?” ⁶ Người trả lời họ : “Ngôn sứ I-sai-a thật đã nói tiên tri rất đúng về các ông là những kẻ đạo đức giả, khi viết rằng : *Dân này tôn kính Ta bằng môi bằng miệng, còn lòng chúng thì lại xa Ta.* ⁷ Chúng có thờ phượng Ta thì cũng vô ích, vì giáo lý chúng

giảng dạy chỉ là giới luật phàm nhân.

⁸ Các ông gạt bỏ điều răn của Thiên Chúa, mà duy trì truyền thống của người phàm.” ⁹ Người còn nói : “Các ông thật khéo coi thường điều răn của Thiên Chúa để nắm giữ truyền thống của các ông. ¹⁰ Quả thế, ông Mô-sê đã dạy rằng : *Người hãy thờ cha kính mẹ và kẻ nào nguyên rửa cha mẹ, thì phải bị xử tử !* ¹¹ Còn các ông, các ông lại bảo : “Người nào nói với cha với mẹ rằng : những gì con có để giúp cha mẹ đều là “*co-ban*” nghĩa là lễ phẩm đã dâng cho Chúa” rồi, ¹² và các ông không để cho người ấy làm gì để giúp cha mẹ nữa. ¹³ Thế là các ông lấy truyền thống các ông đã truyền lại cho nhau mà huỷ bỏ lời Thiên Chúa. Các ông còn làm nhiều điều khác giống như vậy nữa !”

Điều đáng tiếc là ta thường không cố gắng nhiều để hội nhập tinh thần của Giáo Hội, trong khi đó ta lại cố bám vào các thói quen hay cách làm lỗi thời và có hại.

Tại sao biết bao Ki-tô hữu bị dội khi Giáo Hội vứt bỏ tục lệ cũ rích ấy ? Chúa Giê-su cho ta biết lý do khi trích dẫn lời ngôn sứ I-sai-a : có thể họ bám vào các nghi thức bởi vì họ không có khả năng “tin”.

Cái gì làm cho con người ra ô ứ ?

* 14 Sau đó, Đức Giê-su lại gọi đám đông tới mà bảo : “Xin mọi người nghe tôi nói đây, và hiểu cho rõ :

15 Không có cái gì từ bên ngoài vào trong con người lại có thể làm cho con người ra ô ứ được ; nhưng chính cái từ con người xuất ra, là cái làm

THANH SẠCH VÀ Ô Ứ

* 7,14 Một trong các điều chính yếu của đạo Do-thái là phải giữ mình thanh sạch : ta không thể tham dự vào phụng tự mà không ở trong tình trạng thanh sạch. “Thanh sạch” không có nghĩa như ta hiểu ngày nay. Người thanh sạch là người không để mình bị nhiễm ứ – kể cả khi mình không hay biết– bởi những điều mà luật cấm. Chẳng hạn thịt heo, thịt chó bị xem là ô ứ và người ta không được phép ăn các thứ thịt ấy. Phụ nữ có kinh, người bị xuất huyết cũng bị xem là ô ứ trong một số ngày nào đó. Không ai được phép đụng tới họ. Người phong hủi là người ô ứ cho đến khi hết bệnh. Nếu sâu bọ rơi vào hũ dầu thì dầu bị xem là ô ứ và phải đem đổ đi. Ai bị nhiễm ứ –mặc dù không do lỗi mình– thì phải tẩy ứ, thường bằng nước và đôi khi bằng cách dâng những của lễ đắt tiền.

Trước đây, các lễ luật này có ích để bảo vệ lòng tin của người Do-thái sống giữa dân ngoại. Làm sao họ có thể giữ vững lòng tin vào Thiên Chúa duy nhất nếu họ phải sống chung đụng với các dân tộc khác, xem các dân tộc này như bạn hữu và bắt chước các tập quán của họ ? Với ngân ấy luật lệ tôn giáo phải giữ, người Do-thái phải sống xa rời những người không chia sẻ niềm tin của họ.

Chúa Giê-su đã “khử thiêng” các nghi thức này : trong công trình sáng tạo của Thiên Chúa, không có gì là ô ứ cả. Đụng đến người bệnh, xác chết hay máu, đâu phải là xúc phạm đến Thiên Chúa. Ăn món này món kia, ta đâu có xúc phạm đến Thiên Chúa. Tội lỗi là điều xuất phát từ lòng người chứ không phải là điều ta làm mà không có ý.

Đúng là Cựu Ước dạy ta biết thế nào là thanh sạch và ô ứ, nhưng các luật lệ này được viết từ lâu lắm rồi và, như thánh Phao-lô sẽ nói trong thư gửi tín hữu Ga-lát (Gl 4,1-7), dân Thiên Chúa thời đó còn như là một đứa trẻ, nên cần có những luật lệ rõ ràng để giáo dục nó, và thánh Tông Đồ nói cho biết rằng “khi thời gian tới hồi viên mãn”, khi dân Thiên Chúa đã trưởng thành, thì các luật lệ này không còn lý do để tồn tại nữa.

Thật là chính đáng khi các Ki-tô hữu ăn đồ chay, các cộng đoàn Ki-tô hữu từ chối uống rượu hút thuốc như một chứng tá nâng đỡ những người xung quanh mình. Nhưng không phải vì thế mà họ có thể xem đây là những điều thuộc phạm vi đức tin và lên án những ai không nhất trí với họ. Bằng không, họ sẽ làm hại đến tính siêu việt của ơn cứu độ mà Chúa Ki-tô đem đến cho mọi người – một ơn cứu độ vượt lên trên “chuyện ăn chuyện uống” (Rm 14,17).

cho con người ra ô uest. ¹⁶ Ai có tai nghe thì nghe !”

¹⁷ Khi Đức Giê-su đã rời đám đông mà vào nhà, các môn đệ hỏi Người về dụ ngôn ấy. ¹⁸ Người nói với các ông : “Cả anh em nữa, anh em cũng ngu tối như thế sao ? Anh em không hiểu sao ? Bất cứ cái gì từ bên ngoài vào trong con người, thì không thể làm cho con người ra ô uest, ¹⁹ bởi vì nó không đi vào lòng, nhưng vào bụng người ta, rồi bị thải ra

ngoài ?” Như vậy là Người tuyên bố mọi thức ăn đều thanh sạch. ²⁰ Người nói : “Cái gì từ trong con người xuất ra, cái đó mới làm cho con người ra ô uest. ²¹ Vì từ bên trong, từ lòng người, phát xuất những ý định xấu : tà dâm, trộm cắp, giết người, ²² ngoại tình, tham lam, độc ác, xảo trá, trác táng, ganh tị, phỉ báng, kiêu ngạo, ngông cuồng. ²³ Tất cả những điều xấu xa đó, đều từ bên trong xuất ra, và làm cho con người ra ô uest.”

III. NHỮNG CUỘC HÀNH TRÌNH CỦA ĐỨC GIÊ-SU Ở NGOÀI MIỀN GA-LI-LÊ

Đức Giê-su chữa con gái một bà gốc Phê-ni-xi xứ Xy-ri

* ²⁴ Đức Giê-su đứng dậy, rời nơi đó, đến địa hạt Tia. Người vào một nhà nọ mà không muốn cho ai biết, nhưng không thể giấu được. ²⁵ Thật vậy, một người đàn bà có đứa con gái nhỏ bị quỷ ám, vừa nghe nói đến Người, liền vào sắp mình dưới chân Người. ²⁶ Bà là người Hy-

Lạp, gốc Phê-ni-xi thuộc xứ Xy-ri. Bà xin Người trừ quỷ cho con gái bà. ²⁷ Người nói với bà : “Phải để cho con cái ăn no trước đã, vì không được lấy bánh dành cho con cái mà ném cho chó con.” ²⁸ Bà ấy đáp : “Thưa Ngài, đúng thế, nhưng chó con ở dưới gầm bàn lại được ăn những mảnh vụn của đám trẻ con.” ²⁹ Người nói với bà :

* 7,24 Các giới lãnh đạo chống lại Chúa Giê-su và Người phải lánh đi đến ở trọ vùng biên giới xứ Ga-li-lê. Tại đây, Người ít bị người ta theo dõi hơn và cũng có thể dễ dàng lẩn trốn. Chuyện rắc rối được kể lại ở đây xảy ra ở gần Tia, là địa hạt người Sy-ri và Phê-ni-xi cư ngụ.

“Vì bà nói thế, nên bà cứ về đi, quỷ đã xuất khỏi con gái bà rồi.”³⁰ Về đến nhà, bà thấy đứa trẻ nằm trên giường và quỷ đã xuất.

Đức Giê-su chữa người vừa điếc vừa ngọng

*³¹ Đức Giê-su lại bỏ vùng Tia, đi qua ngã Xi-đôn, đến biển hồ Ga-li-lê vào miền Thập Tỉnh.

Người Do-thái không bao giờ có thể hiểu thấu ơn được chọn làm dân Thiên Chúa mà không tự cao tự đại trong tương quan với các dân tộc khác. Họ nắm giữ niềm tin đích thực, nên buộc phải tránh xa các tôn giáo khác để khỏi bị lây nhiễm. Nhưng trong thực tế, điều này lại làm cho họ càng không thể hiểu biết bất cứ điều gì khác. Đối với họ, thế giới được chia ra làm hai : một bên là “dân” (Do-thái), bên kia là “dân ngoại” tức là tất cả các dân tộc khác. Thiên Chúa có vẻ không quan tâm đến “dân ngoại” trừ phi Người cho họ biết ách công lý của Người nặng đến đâu thôi. Người Do-thái cũng không mấy may quan tâm đến câu hỏi mà ta đặt ra ngày nay : Thiên Chúa đối xử và cứu độ những người đã không được đón nghe Lời của Người như thế nào ?

Trong nhiều thế kỷ, các Ki-tô hữu tây phương cũng đã phân loại y như vậy giữa “thế giới Ki-tô giáo” và “thế giới dân ngoại”.

Vậy, người *Phê-ni-xi*, còn được gọi là người Hy-lạp vì họ nói tiếng Hy-lạp thay vì tiếng Híp-ri, sống ngay cạnh nhưng lại rất xa lạ đối với người Do-thái. Tuy Chúa Giê-su đến để thực hiện giao ước cuối cùng và vĩnh viễn giữa Thiên Chúa và loài người, nhưng Chúa Cha không yêu cầu Người ra khỏi ranh giới xứ sở Người. Tuy nhiên, trong những năm cuộc đời công khai của Người, Chúa Giê-su đã nhiều lần tiếp xúc với dân ngoại và đã ca ngợi họ.

Sách Tin Mừng không ghi lại tất cả mọi lời nói và việc làm của Chúa Giê-su, nhưng ta không thấy trong đó một lời kêu gọi “cải đạo” nào hay một lời đe dọa cho những người đã đi theo một con đường khác với con đường mà Mặc Khải đề ra. Chúa Giê-su để họ tiếp tục đi con đường mà Chúa Cha dẫn họ đi. Người mời gọi họ tạ ơn Thiên Chúa Duy Nhất và cho họ thấy Chúa Cha đã muốn sống gần họ như thế nào qua Con của Người.

Người Do-thái thường nhìn dân ngoại với con mắt khinh miệt : họ là “*những người con*” còn dân ngoại là “*những con chó*”. Chúa Giê-su cũng lặp lại những lời này khi trả lời cho bà mẹ đang đau khổ vì đứa con gái nhỏ bị quỷ ám. Nhưng Người làm như vậy cốt để thử thách lòng tin của bà, để xem bà có cố nài xin hay không trong khi chính Thiên Chúa hình như cũng xua đuổi bà.

* 7,31 *Người ta xin Người đặt tay trên anh*. Đặt tay trên ai là để xin Thiên Chúa ban thần lực của Người cho kẻ ấy. Nhưng Chúa Giê-su không cần phải “xin” Thiên Chúa ban thần lực ấy : cử chỉ của Người cho thấy rằng, trong tư cách là con người, Người có nơi mình tất cả sức khoẻ mà ta cần đến và Người thông ban nó cho người bệnh.

³² Người ta đem một người vừa điếc vừa ngọng đến với Đức Giê-su, và xin Người đặt tay trên anh. ³³ Người kéo riêng anh ta ra khỏi đám đông, đặt ngón tay vào lỗ tai anh, và nhổ nước miếng mà bôi vào lưỡi anh. ³⁴ Rồi Người ngược mắt lên trời, rên một tiếng và nói : *Ép-pha-tha*, nghĩa là : hãy mở ra ! ³⁵ Lập tức tai anh ta mở ra, lưỡi như hết bị buộc lại. Anh ta nói được rõ ràng. ³⁶ Đức Giê-su truyền

bảo họ không được kể chuyện đó với ai cả. Nhưng Người càng truyền bảo họ, họ lại càng đồn ra. ³⁷ Họ hết sức kinh ngạc, và nói : “Ông ấy làm việc gì cũng tốt đẹp cả : ông làm cho kẻ điếc nghe được, và kẻ câm nói được.”

Đức Giê-su làm cho bánh hoá nhiều lần thứ hai

8 ^{* 1} Trong những ngày ấy, lại có một đám rất đông, và họ không có gì ăn, nên Đức Giê-su gọi các

Người rên một tiếng. Chúa Giê-su làm nhiều phép lạ chữa lành bệnh tật, vì Thiên Chúa muốn đưa ra nhiều dấu chỉ để củng cố lòng tin hoặc để làm cho ta hiểu được nhiều điều ta còn hiểu sai. Nhưng Chúa Giê-su cũng buồn phiền khi thấy có nhiều người xin Người làm phép lạ thay vì mở lòng ra để đón nhận ánh sáng. Muốn cho một người câm nói được là điều tốt, nhưng những kẻ dẫn người câm đến với Chúa Giê-su có thể là những người câm điếc đối với sự thật.

Đức Giê-su truyền bảo họ không được kể chuyện đó với ai cả (c.36). Chúa Giê-su tỏ thái độ dè dặt đối với những kẻ “chạy theo phép lạ” (Ga 4,48). Một phép lạ bất ngờ hay được xin từ lâu có thể giúp ta khám phá ra sự hiện diện của Thiên Chúa. Nhưng trong Cựu Ước, sách Đệ Nhị Luật đã cảnh giác dân Ít-ra-en phải chống lại việc khai thác các điềm thiêng dấu lạ (Đnl 13) : lòng tin phải dựa trên Lời Thiên Chúa chứ không phải trên các phép lạ.

* **8,1** Trình thuật thứ hai về phép lạ hoá bánh ra nhiều không phải lặp lại trình thuật thứ nhất (x. 6,34-44). Việc truyền miệng về các phép lạ tất nhiên cần rập theo một khuôn mẫu, nhưng ý nghĩa lại rất khác nhau. Lần thứ nhất xảy ra giữa Ti-bê-ri-a và Ca-phác-na-um (nghĩa là ngay ở trung tâm hoạt động của Chúa Giê-su tại miền Ga-li-lê), dân chúng kéo đến tìm Người đông hơn và Người hoá bánh ra nhiều, dấu chỉ cho thấy rõ ràng Người là Đấng Mê-si-a được các ngôn sứ loan báo.

Lúc đó dân chúng muốn tôn Người làm Đấng giải phóng (Ga 6) và Người đã từ chối. Ngày hôm sau đến lượt mình, Chúa Giê-su buộc họ tỏ lập trường dứt khoát về Người và cuộc tuyệt giao đã xảy ra (Ga 6,60).

môn đệ lại mà nói : ² “Thầy chạnh lòng thương đám đông, vì họ ở luôn với Thầy đã ba ngày rồi mà không có gì ăn ! ³ Nếu Thầy giải tán, để họ nhịn đói mà về nhà, thì họ sẽ bị xỉu dọc đường. Trong số đó, lại có những người ở xa đến.” ⁴ Các môn đệ thưa Người : “Ồ đây, trong nơi hoang vắng này, lấy đâu ra bánh cho họ ăn no ?” ⁵ Người hỏi các ông : “Anh

em có mấy chiếc bánh ?” Các ông đáp : “Thưa có bảy chiếc.” ⁶ Người truyền cho họ ngồi xuống đất. Rồi Người cầm lấy bảy chiếc bánh, dâng lời tạ ơn, và bẻ ra, trao cho các môn đệ để các ông dọn ra. Và các ông đã dọn ra cho đám đông. ⁷ Các ông cũng có mấy con cá nhỏ. Người đọc lời chúc tụng, rồi bảo các ông dọn luôn cá nữa. ⁸ Đám đông đã ăn và được no nê.

Nhưng sau đó, Chúa Giê-su đi đến vùng biên giới miền Ga-li-lê nơi đa số dân cư là dân ngoại. Các người này cũng muốn nghe Người giảng dạy và đi theo Người suốt hai ngày trong sa mạc. Trên bờ bên kia, Người đã cho họ ăn bánh, như một bữa ăn tiền biệt.

Có nhiều điểm khác biệt giữa hai phép lạ hoá bánh ra nhiều trong Mc : số bánh và cá, số người tham dự, số thúng (thúng đan bằng cây liễu gai cứng của người Do-thái) và số giỏ (túi gấp lại được của người Hy-lạp) mang đi sau phép lạ. Con số 12 làm ta nghĩ đến 12 chi tộc Ít-ra-en và 12 Tông Đồ. Trái lại, con số 7 nhắc ta nhớ lại 7 dân tộc ngoại bang tại xứ Ca-na-an và 7 phớ tế trong Giáo Hội sơ khai. Các khác biệt về con số trong hai phép lạ này cho thấy tác giả đã quan tâm đến thực tế của Giáo Hội vào thời ông viết Tin Mừng : Giáo Hội khai sinh trên đất Do-thái giáo nay phát triển trên đất của dân ngoại. Vì thế, trong phép lạ thứ nhất, Mc dùng cụm từ “dâng lời chúc tụng” (6,41) dành riêng cho Lễ Tạ Ôn trong các cộng đoàn Do-thái giáo và cụm từ “dâng lời tạ ơn” được sử dụng trong các cộng đoàn gốc Hy-lạp.

Một số học giả xem đây chỉ là một sự kiện được kể lại theo hai cách khác nhau trong các cộng đoàn gốc Do-thái và gốc Hy-lạp, trước khi được xem là hai sự kiện trong công trình cuối cùng biên soạn sách Tin Mừng. Nhưng đoạn văn kể lại hai phép lạ là đoạn văn rất cổ (x. phần bình giải Mt 14,13) chứ không phải được viết vào thời kỳ muộn hơn, vào lúc người ta không còn nhớ đến các biến cố xảy ra trước đó nữa. Mt 16,9 xác định có hai phép lạ, và Mc 8,19 còn nhấn mạnh cách đặc biệt hơn.

Phép lạ hoá bánh ra nhiều có một chỗ đứng quan trọng trong các sách Tin Mừng, vì nó cho thấy Chúa Giê-su chính là Đấng Mê-si-a. Về vấn đề này, x. các bình giải Mt 15,29 ; Lc 9,12 và Ga 6.

Người ta nhặt lấy những mẩu bánh còn thừa : bảy giỏ ! ⁹ Mà đám đông có khoảng bốn ngàn người. Người giải tán họ. ¹⁰ Lập tức, Đức Giê-su xuống thuyền với các môn đệ và đến miền Đan-ma-nu-tha.

Người Pha-ri-sêu xin một dấu trên trời

* ¹¹ Những người Pha-ri-sêu kéo ra và bắt đầu tranh luận với Đức Giê-su, họ đòi Người một dấu lạ từ trời để thử Người. ¹² Người thở dài nảo nuột và nói : “Sao thế hệ này lại xin một dấu lạ ? Tôi bảo thật

* 8,11 X. phần bình giải Mt 16,1.

NGƯỜI PHA-RI-SÊU

Người Pha-ri-sêu không nhìn thấy hoa trái mà giáo huấn của Chúa Giê-su mang lại. Họ không nhìn thấy hàng ngàn môn đệ đã tìm lại niềm hy vọng và dần thay đổi lối sống. Họ không nhìn thấy Thiên Chúa đã đến viếng thăm người nghèo khổ. Họ là những người có thể lực và được xã hội nể trọng nhất. Chúa Giê-su sẽ phải đương đầu với họ. Còn đối với chúng ta, câu hỏi được đặt ra là nếu Chúa Giê-su xuất hiện vào thời đại này, có lẽ Người cũng sẽ làm cho nhiều người tự coi mình là cột trụ của Giáo Hội phải bực mình chẳng ?

Quả vậy, điều mà Chúa Giê-su khiển trách người Pha-ri-sêu thì ta cũng thường gặp nơi những người cố bám vào các cơ chế tôn giáo được trọng vọng. Lúc đầu người ta muốn sống hoàn thiện, giữ đúng các điều luật dạy : nhưng trong vô thức, ước muốn này lại đi đôi với nhu cầu được xã hội công nhận. Họ ý thức được trách nhiệm của mình : đó là điều tốt và cũng là điều người Pha-ri-sêu chủ trương. Có thể đó là một khởi điểm. Nhưng thời gian trôi qua và họ không nhận thấy mình gắn bó với Thiên Chúa thì ít mà với các nhân đức riêng mình thì nhiều. Đáng lẽ ra tình yêu đã phải làm họ sống khiêm nhường hơn.

Tin tưởng vào các công trạng, vào “sự công chính” của mình (Lc 18,9), người Pha-ri-sêu nhắm một dạng thánh thiện gồm việc giữ luật, bố thí, lập công, và họ chờ đợi Thiên Chúa sẽ trả công cho mình bằng một sự biệt đãi. Như thế thì đâu là ân sủng của Tin Mừng ? Bởi vì ta có thể gặp Thiên Chúa trong mức độ ta ý thức sự yếu đuối của mình và ơn tha thứ của Thiên Chúa. Khi ấy, ta sẽ thật sự yêu mến Thiên Chúa một cách khiêm tốn và nhận ra mình là người anh em của hạng người nghèo khổ nhất và kẻ tội lỗi.

Thuộc về một thành phần ưu tú hay mạo danh là ưu tú, làm ta chăm lo tới điểm hình ảnh của mình, chú trọng đến dáng vẻ bên ngoài, xa lìa giới người “tội lỗi” và đám dân thường (nghĩa chữ “Pha-ri-sêu” chính là “biệt lập”). Môi trường “ưu tú” hơn người này tạo cơ may cho tất cả mọi tham vọng và thế là, như Chúa Giê-su nói, sự giả hình ngự trị.

cho các ông biết : thế hệ này sẽ không được một dấu lạ nào cả.”¹³ Rồi bỏ họ đó, Người lại xuống thuyền qua bờ bên kia.

Men Pha-ri-sêu và men Hê-rô-đê

*¹⁴ Các môn đệ quên đem bánh theo ; trên thuyền, các ông chỉ có một chiếc bánh.¹⁵ Người răn bảo các ông : “Anh em phải coi chừng, phải đề phòng men Pha-ri-sêu và men Hê-rô-đê !”¹⁶ Và các ông bàn tán với nhau về chuyện các ông không có bánh.¹⁷ Biết thế, Người nói với các ông : “Sao anh em lại bàn tán về chuyện anh em không có bánh ? Anh em chưa hiểu chưa thấu sao ? Lòng anh em

ngu muội thế !¹⁸ Anh em có mắt mà không thấy, có tai mà không nghe ư ? Anh em không nhớ sao :¹⁹ khi Thầy bẻ năm chiếc bánh cho năm ngàn người ăn, anh em đã thu lại được bao nhiêu thúng đầy mẩu bánh ?” Các ông đáp : “Thưa được mười hai.”²⁰ “Và khi Thầy bẻ bảy chiếc bánh cho bốn ngàn người ăn, anh em đã thu lại được bao nhiêu giỏ đầy mẩu bánh ?” Các ông nói : “Thưa được bảy.”²¹ Người bảo các ông : “Anh em chưa hiểu ư ?”

Đức Giê-su chữa người mù ở Bết-xai-đa

*²² Đức Giê-su và các môn đệ đến Bết-xai-đa. Người ta dẫn một người

* 8,14 Chúa Giê-su cảnh giác các Tông Đồ về dấu óc Pha-ri-sêu, nhưng chỉ một chi tiết cụ thể thôi (các ông quên mang theo bánh) cũng đã làm cho các ông hiểu sai hết mọi sự. Chúa Giê-su nói : “*Anh em phải coi chừng men Pha-ri-sêu*” nghĩa là giáo lý của họ (Mt 16,12). Người sợ rằng các môn đệ, xuất thân từ đám dân thường, để cho sự thông thái và tiếng tăm người Pha-ri-sêu làm choáng ngợp. Vì thế, Người báo trước cho họ biết rằng người Pha-ri-sêu mắc phải sai lầm trong cách đi tìm Thiên Chúa và phụng sự Người.

Chúa Giê-su nhất trí với người Pha-ri-sêu về nhiều điểm giải thích Kinh Thánh, chứ không về tinh thần của nhiều người trong số họ. Và trong tư cách là “*thầy dạy*”, Người đã chọn một hướng đi đối lập. Thay vì áp đặt giáo huấn từ trên ban xuống, Người hoà nhập vào một nhóm người có sẵn đơn sơ, gồm kẻ chất phác, và dùng hành động mà huấn luyện họ. Người giúp họ suy nghĩ về những gì họ thấy, họ làm và nhiều hơn thế nữa, về những gì Thiên Chúa làm với họ trong thời gian họ cùng làm việc với Người.

mù đến và nài xin Đức Giê-su sờ vào anh ta.

²³ Người cầm lấy tay anh mù, đưa ra khỏi làng, rồi nhỏ nước miếng vào mắt anh, đặt tay trên anh và hỏi : “Anh có thấy gì không ?” ²⁴ Anh nguốc mắt lên và thưa : “Tôi thấy người ta, trông họ như cây cối, họ đi đi lại lại.” ²⁵ Rồi Người lại đặt tay trên mắt anh, anh trông rõ và khỏi hẳn ; anh thấy tỏ tường mọi sự. ²⁶ Người cho

anh về nhà và dặn : “Anh đừng có vào làng.”

Ông Phê-rô tuyên xưng đức tin

* ²⁷ Đức Giê-su và các môn đệ của Người đi tới các làng xã vùng Xê-da-rê Phi-líp-phê. Dọc đường, Người hỏi các môn đệ : “Người ta nói Thầy là ai ?”

²⁸ Các ông đáp : “Họ bảo Thầy là ông Gio-an Tẩy Giả, có kẻ thì bảo là ông Ê-li-a, kẻ khác lại cho là

* 8,22 Khi một người mù bẩm sinh lại thấy được thì phải mất một thời gian để hiểu điều mình thấy, để ước lượng các khoảng cách. Vì thế, Chúa Giê-su lại đặt tay trên mắt người mù một lần nữa. Trong đời sống thiêng liêng cũng vậy, Chúa Giê-su không để ta thấy hết một lần nhưng phải trải qua nhiều gian đoạn hoán cải.

Anh đừng vào làng (c.26). Nếu anh vào, mọi người sẽ kéo đến gặp Chúa Giê-su, đùng đến Người, xin Người làm phép lạ. Nhưng Chúa đến cốt để có được những cuộc gặp gỡ thật sự với chúng ta.

ĐẮNG KI-TÔ – CON NGƯỜI

* 8,27 Từ nhiều tháng qua, các Tông Đồ đi rao giảng với Chúa Giê-su, và đây là lần đầu tiên họ khám phá ra Thầy mình là ai.

Thầy là Đấng Ki-tô. Từ Ki-tô là một từ Hy-lạp dịch từ tiếng Híp-ri Mê-si-a. Cả hai có nghĩa là “Đấng được tuyển chọn” hay “Đấng được thánh hoá”. Người Do-thái dùng từ này để chỉ vị cứu tinh mà họ chờ đợi. Các Tông Đồ khám phá Chúa Giê-su chính là Đấng Ki-tô, Vị Cứu Tinh đó, nhưng đồng thời Người dạy cho các ông biết *Con Người phải chịu đau khổ nhiều.*

Tại sao Chúa Giê-su xưng mình là *Con Người* ? Vì hai lý do : thứ nhất, vì Kinh Thánh nói về Con Người từ Thiên Chúa mà đến trong vinh quang để xét xử mọi dân tộc (Đn 7,13) ; thứ hai, vì Chúa Giê-su là Con Người hoàn hảo mang nơi mình vận mệnh của loài người.

Chúa Giê-su *phải chịu nhiều đau khổ* vì đó là số phận của người tội lỗi. Người phải chịu đau khổ, bị các nhà lãnh đạo chối bỏ vì đó là thân phận của những ai công bố sự thật giữa chúng ta. Người tự nguyện đi đến cái chết, vì hiến dâng mạng sống là cách thức duy nhất để cứu độ trần gian.

một ngôn sứ nào đó.”
 29 Người lại hỏi các ông :
 “Còn anh em, anh em bảo
 Thầy là ai ?” Ông Phê-rô
 trả lời : “Thầy là Đấng Ki-
 tô.” 30 Đức Giê-su liền cấm
 ngặt các ông không được
 nói với ai về Người.

Đức Giê-su loan báo lần thứ nhất cuộc Thương Khó và Phục Sinh

31 Rồi Người bắt đầu dạy
 cho các ông biết : Con
 Người phải chịu đau khổ
 nhiều, bị các kỳ mục,
 thượng tế cùng kinh sư
 loại bỏ, bị giết chết và sau
 ba ngày sẽ sống lại.
 32 Người nói rõ điều đó,

không úp mở. Ông Phê-rô
 liền kéo riêng Người ra
 và bắt đầu trách Người.
 33 Nhưng khi Đức Giê-su
 quay lại, nhìn thấy các
 môn đệ, Người trách ông
 Phê-rô : “Xa-tan ! lui lại
 đằng sau Thầy ! Vì tư
 tưởng của anh không phải
 là tư tưởng của Thiên
 Chúa, mà là của loài
 người.”

Những điều kiện để theo Đức Giê-su

* 34 Rồi Đức Giê-su gọi
 đám đông cùng với các
 môn đệ lại. Người nói với
 họ rằng : “Ai muốn theo
 tôi, phải từ bỏ chính mình,

*** 8,34 Phải từ bỏ chính mình**

– như ông Áp-ra-ham đã về già mà vẫn đi đến một miền đất xa lạ ;
 – như ông Mô-sê chấp nhận gánh vác một đám dân thiếu trách nhiệm ;
 – như Đức Ma-ri-a dấn bước vào một hành trình có một không hai, đến đời không có ai bao giờ hiểu được hay có thể làm gì để giúp đỡ Người.

Chúng ta phải từ bỏ cuộc sống tạm bợ này để được tái sinh bởi Thiên Chúa, như thánh tử đạo I-nhà-xi-ô thành An-ti-ô-khi-a. Khi bị kêu án tử cho sư tử ăn thịt, ngài nói : “Tôi là hạt lúa mì của Thiên Chúa ; cứ để cho nanh thú dữ nghiền nát tôi ra như bột, để tôi thành một tấm bánh tinh tuyền của Chúa Ki-tô. Các đam mê trên đời của tôi đã bị đóng đinh vào thập giá, và trong tôi tắt hẳn ngọn lửa xác thịt rồi. Trong tôi, một dòng nước vọt lên, rì rào báo tôi : “Đến với Cha đi !”

Phải vác thập giá mình. Chúa Giê-su cho ta biết rằng trở thành môn đệ của Người là đi theo con đường đã dẫn Người đến thập giá. Để đạt tới mức trưởng thành, ta phải liều mất mạng sống :

– dám liều mạng vì chính nghĩa thay vì bảo đảm tương lai,
 – chọn một lối sống cho phép ta vượt qua chính mình trên con đường yêu thương,

vác thập giá mình mà theo. ³⁵ Quả vậy, ai muốn cứu mạng sống mình, thì sẽ mất ; còn ai liều mất mạng sống mình vì tôi và vì Tin Mừng, thì sẽ được cứu mạng sống ấy. ³⁶ Vì được cả thế giới mà phải thiệt mất mạng sống, thì người ta nào có lợi gì ? ³⁷ Quả thật, người ta lấy gì mà đổi lại mạng sống mình ? ³⁸ Giữa thế hệ ngoại tình và tội lỗi này,

ai hổ thẹn vì tôi và những lời tôi dạy, thì Con Người cũng sẽ hổ thẹn vì kẻ ấy, khi Người ngự đến cùng với các thánh thiên thần, trong vinh quang của Cha Người.”

9 * ¹ Đức Giê-su còn nói với họ : “Tôi bảo thật các người : trong số những người có mặt ở đây, có những kẻ sẽ không phải nếm sự chết, trước khi

– chấp nhận người đời đánh giá đời sống của mình là một thất bại (Lc 17,33 ; Ga 12,24-25).

Chính bằng cách vắc thập giá, tự nguyện chấp nhận những hy sinh Chúa Cha gửi đến cho ta mỗi ngày, mà ta nhận được điều kỳ diệu hơn những điều hy sinh : đó là sự tự do nội tâm và hạnh phúc đích thực (Mc 10,30).

Nên để ý là Chúa Giê-su nói “*vì tôi*” chứ không nói “*vì Thiên Chúa*”. Thật vậy, nơi Chúa Giê-su, Thiên Chúa đã đến gõ cửa nhà chúng ta và đưa những đề nghị rõ ràng.

Ai hổ thẹn vì tôi và những lời tôi dạy. Người tín hữu không sợ đem lời Chúa Giê-su ra thực hành thì bị tấn công không thương tiếc bởi những người tự coi mình là Ki-tô hữu. Quả thật, ta sống trong *một thế hệ ngoại tình*, nghĩa là giữa những người tuy không từ bỏ Thiên Chúa bằng lời nói, nhưng thực tế lại nhờ thần khác (Mt 17,17 ; Ga 8,42).

* **9,1** Biến cố Chúa Giê-su hiển dung là trung tâm của Tin Mừng Mác-cô.

Thật vậy, cảnh hiển dung này là một trong những sự kiện quan trọng nhất của Tân Ước. Trong phụng vụ của Giáo Hội đông phương, lễ Hiển Dung (sự hoá thân theo như cách họ nói), giữ một vị trí hàng đầu.

Tuy không phải là chóp đỉnh, biến cố hiển dung thật sự là sự kiện thu tóm tất cả mặc khải. Chúng ta thấy ở đây ông Mô-sê và ông Ê-li-a, những người phát ngôn của Lễ Luật và các ngôn sứ (tất một lời là những người phát ngôn của Cựu Ước) giới thiệu Đấng Ki-tô của Tin Mừng cho các tông đồ Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an –những “cột trụ” của Giáo Hội– theo lối diễn tả của thánh Phao-lô trong thư gửi tín hữu Ga-lát, là những người sẽ có trách nhiệm rao giảng Tin Mừng cho mọi thụ tạo.

thấy Triều Đại Thiên Chúa đến, đầy uy lực.”

Đức Giê-su biến đổi hình dạng

² Sáu ngày sau, Đức Giê-su đem các ông Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an đi theo mình. Người đưa các ông đi riêng ra một chỗ,

chỉ mình các ông thôi, tới một ngọn núi cao. Rồi Người biến đổi hình dạng trước mắt các ông. ³ Y phục Người trở nên rực rỡ, trắng tinh, không có thợ nào ở trần gian giặt trắng được như vậy. ⁴ Và ba môn đệ thấy ông Ê-li-a cùng ông Mô-sê hiện ra đàm

Như các ông Mô-sê và ông Ê-li-a đã được Thiên Chúa dẫn tới núi thánh để trở thành chứng nhân của vinh quang Thiên Chúa (Xh 33,18-23 ; 1 V 19,9-13), thì các Tông Đồ cũng được Chúa Giê-su dẫn lên núi, và tại đó, Chúa Giê-su đã biểu lộ vinh quang Người cho họ. Như ông Mô-sê và ông Ê-li-a, hai chứng nhân của Cựu Ước, đã thoát khỏi cái chết huỷ diệt theo một cách nào đó (Đnl 34,6 ; 2 V 2,11), Chúa Giê-su cũng vậy, sau khi loan báo cuộc thương khó và cái chết, Người cho các Tông Đồ nếm trước sự phục sinh của Người.

Hãy vâng nghe lời Người (c.7). Các Tông Đồ theo Chúa Giê-su từ hơn một năm nay, và dần dà họ thấy được hố ngăn cách giữa các người lãnh đạo tôn giáo của dân Chúa và Đức Giê-su, Đấng mà họ triu mến. Vấn đề có thể được đặt ra cho họ là : Đức Giê-su không sai lầm hay sao ? Các xác tín của dân Chúa không đứng về phía các tư tế và luật sĩ hay sao ?

Chính lúc ấy Chúa Cha can thiệp như Người đã xử sự với ông Gio-an Tẩy Giả : *Hãy vâng nghe lời Người !* Hãy nghe Người vì Người là Ngôi Lời trở nên người phàm (Ga 1,14 ; Dt 1,1tt). Người là vị Ngôn Sứ và tất cả ngôn sứ khác chỉ nói về Người (Đnl 18,17).

Có một đám mây bao phủ các ông. Đám mây được nhắc đến ở đây, cũng như trong nhiều đoạn Cựu Ước, vừa cho biết vừa che giấu sự hiện diện nhiệm mầu của Thiên Chúa (Xh 19 và 1 V 8,10).

Khi Chúa Giê-su làm phép lạ, Người đã cho thấy rằng trật tự hiện nay của thế giới không phải là vĩnh viễn. Lúc này thì bức màn đã hé mở : chớ chi các Tông Đồ hiểu được rằng Con Người, danh hiệu mà Chúa Giê-su dùng để tự xưng mình, đang tiến gần tới giờ phục sinh của Người. Ít lâu sau, đồng hương của Người sẽ treo Người lên thập giá. Cũng vậy, không bao lâu nữa, Chúa Cha sẽ ban cho Người vinh quang đang chờ đợi Người. Đám mây sáng chói, áo trắng tinh là những dấu hiệu cho phép chúng ta thoáng thấy điều gì đó về mầu nhiệm Chúa Giê-su : ngày Người sẽ trỗi dậy từ cõi chết, toàn hữu thể Người sẽ được biến đổi, hoá thành sáng láng và tràn đầy sức mạnh thần linh, để rồi, đến lượt mình, Người ban dư đầy “mọi sự cho mọi người”.

đạo với Đức Giê-su. ⁵ Bấy giờ, ông Phê-rô thưa với Đức Giê-su rằng : “Thưa Thầy, chúng con ở đây, thật là hay ! Chúng con xin dựng ba cái lều, một cho Thầy, một cho ông Mô-sê, và một cho ông Ê-li-a.” ⁶ Thật ra, ông không biết phải nói gì, vì các ông kinh hoàng. ⁷ Bỗng có một đám mây bao phủ các ông. Và từ đám mây, có tiếng phán rằng : “Đây là Con Ta yêu dấu, hãy vâng nghe lời Người.” ⁸ Các ông chợt nhìn quanh, thì không thấy ai nữa, chỉ còn Đức Giê-su với các ông mà thôi.

Câu hỏi về ông Ê-li-a

⁹ Ở trên núi xuống, Đức Giê-su truyền cho các ông không được kể lại cho ai nghe những điều vừa thấy, trước khi Con Người từ cõi chết sống lại. ¹⁰ Các ông tuân lệnh đó, nhưng vẫn

bàn hỏi nhau xem câu “từ cõi chết sống lại” nghĩa là gì. * ¹¹ Các ông hỏi Đức Giê-su : “Tại sao các kinh sư lại nói ông Ê-li-a phải đến trước ?” ¹² Người đáp : “Đúng thế, ông Ê-li-a đến trước để chỉnh đốn mọi sự. Vậy sao có lời chép rằng Con Người phải chịu nhiều đau khổ và bị khinh chê ?” ¹³ Nhưng Thầy nói cho anh em biết : ông Ê-li-a đã đến, và họ đã xử với ông theo ý họ muốn, như Sách Thánh đã chép về ông.”

Đức Giê-su chữa người bị quỷ ám mắc bệnh động kinh

* ¹⁴ Khi Đức Giê-su và ba môn đệ trở lại với các môn đệ khác, thì thấy một đám người rất đông đang vây quanh các ông, và các kinh sư tranh luận với các ông. ¹⁵ Thấy Đức Giê-su, lập tức tất cả đám đông kinh ngạc. Họ chạy lại chào

* 9,11 Từ trên núi xuống, các Tông Đồ cảm thấy bối rối : “Tại sao hai ông Mô-sê và Ê-li-a lại nói về cái chết gần kề của Chúa Giê-su ? Bấy giờ họ bám theo những ảo tưởng của họ dựa trên một truyền thống nói về việc ông Ê-li-a trở lại trần gian trước khi Đấng Mê-si-a tới, và trở lại là để Đấng Mê-si-a khỏi gặp phải chống đối (Mt 3,1.23). Nhưng Chúa Giê-su lặp lại điều Người đã nói. Những lời tiên tri của Cựu Ước loan báo cho Người những nhục nhằn và đau khổ. Hơn nữa, Chúa Giê-su mời gọi các Tông Đồ đừng hiểu theo mặt chữ những gì họ đọc trong Kinh Thánh : ông Ê-li-a đã không đích thân trở lại và sẽ không trở lại ; nhưng chính ông Gio-an Tẩy Giả đã đến như một Ê-li-a mới.

Người. ¹⁶ Người hỏi các môn đệ : “Anh em tranh luận gì với họ thế ?” ¹⁷ Một người trong đám đông trả lời : “Thưa Thầy, tôi đã đem con trai tôi lại cùng Thầy ; cháu bị quỷ câm ám. ¹⁸ Bất cứ ở đâu, hề quỷ nhập vào là vật cháu xuống. Cháu sùi bọt mép,

nghiến răng, cứng đờ người ra. Tôi đã nói với các môn đệ Thầy để họ trừ tên quỷ đó, nhưng các ông không làm nổi.” ¹⁹ Người đáp : “Ôi thế hệ cứng lòng, không chịu tin ! Tôi phải ở cùng các người cho đến bao giờ, còn phải chịu đựng các người cho đến bao giờ nữa ?

* 9,14 Mọi sự đều có thể đối với người tin (c.23). Chúa Giê-su trở lại với đám đông và gặp phải sự cứng tin của con người. Nhưng lời cầu xin của người cha đứa bé bị kinh phong vẫn là một mẫu mực cho lời cầu nguyện của mọi Ki-tô hữu : Nếu chúng ta hướng về Thiên Chúa trong kinh nguyện là vì chúng ta có đức tin ; tuy nhiên cùng một trật, chúng ta khám phá thấy lòng tin của mình nghèo nàn và mong manh biết bao.

Tại sao chúng con đây lại không trừ được thần ấy ? (c.28) Các Tông Đồ tự hỏi : Sao Chúa Giê-su không ban cho họ quyền năng trên thần dữ ? Nhưng các ông không lường được lòng tin yếu kém của mình và quên cái khoảng cách giữa họ với thầy mình. Chính với họ mà Chúa Giê-su nói lời cứng rắn này : “*Thế hệ kém lòng tin !*” Biết bao người nghĩ rằng mình có đức tin vững mạnh, nhưng trong thực tế, lòng tin ấy chưa hề chuyển được gì trong cuộc sống họ.

Giống thần ấy không thể xuất, nếu người ta không cầu nguyện (c.29). Có thể có nhiều người bị quỷ ám được các sách Tin Mừng nhắc tới chỉ mắc những bệnh tâm thần và có thể được chữa lành bằng sức mạnh tự nhiên (Mc 6,5), nhưng đây không phải là trường hợp của em trai này. Đó là sức mạnh của sự dữ mà chỉ có cầu nguyện mới thắng vượt được.

Trong Tin Mừng Mc, chỉ có bốn chỗ rất ngắn nói về cầu nguyện. Lý do ở đây có thể là việc cầu nguyện không phải là điều mới mẻ đối với người Do-thái. Có hàng ngàn cách thức cầu nguyện để hướng lòng trí ta vươn lên tới Thiên Chúa : cầu nguyện với các thánh vịnh và các lời kinh của Giáo Hội, lần chuỗi, hát thánh ca, đọc Kinh Thánh. Nhưng mục đích của mọi kinh nguyện là để xin Chúa ban cho chúng ta tinh thần cầu nguyện, nghĩa là cho chúng ta được kết hợp hoàn toàn với Thiên Chúa trong cõi thâm sâu nhất của tâm hồn, ngay cả khi chúng ta làm việc và khi chúng ta chú tâm vào công việc của mình.

Vậy chúng ta nắm vững phương tiện loại trừ thần dữ, như Chúa Giê-su dạy ở đây, vì khi biết chúng ta quyết định theo Chúa Giê-su, thần dữ sẽ cố gắng hơn nữa để làm cho chúng ta thất vọng (Mt 12,43 ; 13,19).

Đem nó lại đây cho tôi.”

²⁰ Người ta đem nó lại cho Người. Vừa thấy Người, quỷ liền lay nó thật mạnh, nó ngã xuống đất, lăn lộn, sùi cả bọt mép. ²¹ Người hỏi cha nó : “Cháu bị như thế từ bao lâu rồi ?” Ông ấy đáp : “Thưa từ thuở bé.

²² Nhiều khi quỷ xô nó vào lửa hoặc đẩy xuống nước cho nó chết. Nhưng nếu Thầy có thể làm được gì, thì xin chạnh lòng thương mà cứu giúp chúng tôi.”

²³ Đức Giê-su nói với ông ta : “Sao lại nói : nếu Thầy có thể ? Mọi sự đều có thể đối với người tin.” ²⁴ Lập tức, cha đưa bé kêu lên : “Tôi tin ! Nhưng xin Thầy giúp lòng tin yếu kém của tôi !” ²⁵ Khi thấy đám đông tuôn đến, Đức Giê-su quát mắng tên quỷ : “Thần câm điếc kia, Ta truyền cho ngươi : ra khỏi đứa bé và không được nhập vào nó nữa !” ²⁶ Quỷ thét lên, lay nó thật mạnh, rồi ra khỏi. Đứa bé ra như chết, khiến

cho nhiều người nói : “Nó chết rồi !” ²⁷ Nhưng Đức Giê-su cầm lấy tay nó, đỡ nó dậy, và nó đứng lên.

²⁸ Khi Người vào nhà, các môn đệ mới hỏi riêng Người : “Tại sao chúng con đây lại không trừ nổi tên quỷ ấy ?” ²⁹ Người đáp : “Giống quỷ ấy, chỉ có cầu nguyện mới trừ được thôi.”

Đức Giê-su loan báo lần thứ hai cuộc Thương Khó và Phục Sinh

³⁰ Đức Giê-su và các môn đệ ra khỏi đó, đi bằng qua miền Ga-li-lê. Nhưng Đức Giê-su không muốn cho ai biết, ³¹ vì Người đang dạy các môn đệ rằng : “Con Người sẽ bị nộp vào tay người đời, họ sẽ giết chết Người, và ba ngày sau khi bị giết chết, Người sẽ sống lại.” ³² Nhưng các ông không hiểu lời đó, và các ông sợ không dám hỏi lại Người.

* 9,30 Thời gian không còn nhiều cho Chúa Giê-su. Giờ đây, Người chủ yếu lo huấn luyện các Tông Đồ : họ có trọng trách nối tiếp sự nghiệp của Người. Họ đã không hiểu gì về cái chết và sự phục sinh của Người : người ta chỉ hiểu được những điều này một khi nó đã xảy ra. Các Tông Đồ thấy tốt hơn không nên hỏi thêm, không nên biết thêm gì nữa ; và họ để cho Chúa Giê-su càng thêm cô đơn.

Ai là người lớn hơn hết ?

* ³³ Sau đó, Đức Giê-su và các môn đệ đến thành Ca-phác-na-um. Khi về tới nhà, Đức Giê-su hỏi các ông : “Đọc đường, anh em đã bàn tán điều gì vậy ?”
³⁴ Các ông làm thinh, vì

khi đi đường, các ông đã cãi nhau xem ai là người lớn hơn cả. * ³⁵ Rồi Đức Giê-su ngồi xuống, gọi Nhóm Mười Hai lại mà nói : “Ai muốn làm người đứng đầu, thì phải làm người rốt hết, và làm người phục

* **9,33** Các Tông Đồ trở lại Ca-phác-na-um, là trung tâm điểm từ đó họ được gửi đi thi hành sứ vụ, có thể là nhà ông Si-môn Phê-rô.

Họ đã công bố Nước Thiên Chúa, họ đã làm phép lạ chữa lành bệnh nhân, đã trừ quỷ. Nhưng họ thiếu một điều tối cần là lòng khiêm tốn.

Chúa Giê-su thường nhấn mạnh lòng khiêm tốn là nét đặc trưng của “*người phục vụ*” đích thực của Nước Thiên Chúa. Chúng ta thường có khuynh hướng xử sự như là chủ nhân những công tác, việc làm mà chúng ta được trao hoặc đón nhận trong Giáo Hội như ở ngoài đời. Chúng ta khó chấp nhận rằng ở đó có nhiều người có thể giữ những trách nhiệm quan trọng hơn trách nhiệm của chúng ta, hoặc có thể thay thế chúng ta ở những trách nhiệm mà chúng ta đang giữ. Chúng ta quá dễ dàng tự hào về những đức tính hay kiến thức của mình.

PHẨM GIÁ CỦA CON NGƯỜI

* **9,35** Câu nói cuối cùng của Chúa Giê-su cũng quan trọng như câu đầu tiên : *Ai đón tiếp một em nhỏ như em này vì danh Thầy*. Đây là nền tảng của phẩm giá con người mà Đức Giê-su đã tôn cao. Thiên Chúa không đợi chúng ta thanh tẩy rồi mới nhìn nhận *Con của Người* nơi chúng ta. Người đã tạo dựng chúng ta “*trong Đức Ki-tô*”. Có nghĩa là Người đã tạo dựng tất cả chúng ta hoàn toàn để chúng ta nên giống Con của Người (xem những gì thánh Phao-lô nói trong Ep 1).

Nhưng danh xưng “*con*” mang một giá trị khác, khi nhờ ban đức tin và bí tích Thánh Tẩy, Thiên Chúa đem chúng ta vào trong các mẫu nhiệm của Người và cho chúng ta biết phẩm giá của chúng ta. Điều cao cả nhất và đẹp nhất nơi con người không phải là khả năng suy luận, hoặc yêu thương, nhưng là có thể nói với Thiên Chúa : “Ngài là Cha của con” và được Thiên Chúa nhìn và nghĩ rằng : “Con là con của Cha.”

Ngay từ đầu Giáo Hội đã dạy về phẩm giá cao quý của con người, cho dù suốt dòng lịch sử, hành động của Giáo Hội thường không đi đôi với giáo huấn đó. Hơn tất cả ai khác, các vị tử đạo đã dạy chúng ta về giá trị của con người trời vượt trên tất cả mọi thứ lợi lộc hay liên hệ tập thể. Nhưng không thể tách rời phẩm giá này của con người khỏi mối tương quan với Chúa Cha : nếu ta không đi tới điểm này, thì sẽ khó lòng biện minh cho bao nhiêu cuộc tranh đấu của chúng ta để giành quyền lợi cho anh em.

vụ mọi người.”³⁶ Kế đó, Người đem một em nhỏ đặt vào giữa các ông, rồi ôm lấy nó và nói :³⁷ “Ai tiếp đón một em nhỏ như em này vì danh Thầy, là tiếp đón chính Thầy ; và ai tiếp đón Thầy, thì không phải là tiếp đón Thầy, nhưng là tiếp đón Đấng đã sai Thầy.”

Ai không chống lại chúng ta là ủng hộ chúng ta

*³⁸ Ông Gio-an nói với Đức Giê-su : “Thưa Thầy, chúng con thấy có người lấy danh Thầy mà trừ quỷ. Chúng con đã cố ngăn cản, vì người ấy không theo chúng ta.”³⁹ Đức Giê-su bảo : “Đừng ngăn cản người ta, vì không ai lấy

CÁC GIÁO HỘI PHÂN LY

*^{9,38} Trong khi Chúa Giê-su huấn luyện các Tông Đồ để giao phó cho họ Giáo Hội của Người, thì những người khác đi công bố Tin Mừng và trừ quỷ. Cũng vậy, trong thời đại chúng ta, ngoài Giáo Hội Công giáo là Giáo Hội tông truyền, còn có nhiều người khác, dưới nhiều danh xưng Ki-tô hữu khác nhau, dấn thân vào công việc loan báo Tin Mừng.

Việc loan báo Tin Mừng của những người ở ngoài Giáo Hội, đôi khi chống lại Giáo Hội, là một thách đố đặt ra cho Giáo Hội. Nếu có những người khác loan báo Tin Mừng, có thể vì Giáo Hội không đến được với đông đảo quần chúng : Thiên Chúa muốn những người khác làm những việc mà chúng ta không làm. Các Giáo Hội phân ly ngày càng mọc ra nhiều là một hiện tượng kêu gọi Giáo Hội Công Giáo phải tự canh tân.

Bởi vì Giáo Hội thấy mình bị tê liệt vì thiếu một tinh thần nghèo khó đích thực và do các cơ cấu nặng nề không còn cho phép những người đơn sơ tìm được nơi đó bầu khí trong lành và đầy sức sống của Tin Mừng nữa.

Đàng khác, ý thức truyền giáo lại không có : quá nhiều người Công Giáo không hề ra khỏi những thói quen giữ đạo và đoàn nhóm bé tí của họ, và Giáo Hội hầu như lại vắng bóng ở nhiều môi trường, đặc biệt các khu bình dân đông đúc ven đô và các nhóm di dân.

Vậy thì, làm sao chúng ta có thể kết án những anh chị em, nhờ hoạt động truyền giáo, đã đem nhiều người về với Chúa Ki-tô, giữa lòng những cộng đoàn sốt sắng và nhiệt tình, cho dù ở đó, mọi sự chưa phải là chân chính hết.

Những điều trình bày ở trên không có ý nói chúng ta bỏ quên đi sẵn phong phú của truyền thống Ki-tô giáo thường bị thất tán do có những người rời bỏ Giáo Hội, cách riêng đã đánh mất niềm xác tín rằng tất cả những gì liên quan đến con người phải được cứu chuộc, cũng như thái độ khiêm nhường tin tưởng và thực hành thánh ý Cha mà Đức Ma-ri-a là gương mẫu tuyệt vời.

đanh nghĩa Thầy mà làm phép lạ, rồi ngay sau đó lại có thể nói xấu về Thầy.
⁴⁰ Quả thật, ai không chống lại chúng ta là ủng hộ chúng ta.

Bác ái đối với môn đệ

⁴¹ “Ai cho anh em uống một chén nước vì lẽ anh em thuộc về Đấng Ki-tô, thì Thầy bảo thật anh em, người đó sẽ không mất phần thưởng đâu.

Đừng làm cố cho người khác và cho mình sa ngã

* ⁴² “Ai làm cố cho một trong những kẻ bé mọn đang tin đây phải sa ngã, thì thà buộc cối đá lớn vào cổ nó mà ném xuống biển còn hơn. ⁴³ Nếu tay anh làm cố cho anh sa ngã, thì chặt nó đi ; thà

cụt một tay mà được vào cõi sống còn hơn là có đủ hai tay mà phải sa hoả ngục, phải vào lửa không hề tắt. [⁴⁴] ⁴⁵ Nếu chân anh làm cố cho anh sa ngã, thì chặt nó đi ; thà cụt một chân mà được vào cõi sống còn hơn là có đủ hai chân mà bị ném vào hoả ngục. [⁴⁶] ⁴⁷ Nếu mắt anh làm cố cho anh sa ngã, thì móc nó đi ; thà chột mắt mà được vào Nước Thiên Chúa còn hơn là có đủ hai mắt mà bị ném vào hoả ngục, ⁴⁸ nơi *giòi bọ không hề chết và lửa không hề tắt.* ⁴⁹ Quả thật, ai nấy sẽ được luyện bằng lửa như thể ướp bằng muối. ⁵⁰ Muối là cái gì tốt. Nhưng muối mà hết mặn, thì anh em sẽ lấy gì ướp cho mặn lại ? Anh em hãy

* 9,42 (x. phần bình giải Mt 18,6).

Được vào cõi sống, được vào Nước Thiên Chúa : cũng là một. Nước Thiên Chúa không phải là một nơi chốn mà Thiên Chúa đặt chúng ta vào, mà là một sức sống tràn ngập chúng ta : là mỗi người gặp gỡ chính mình, là phát huy đầy đủ những tài năng nhân bản của chúng ta, là được kết hợp nên một với Thiên Chúa, nhờ đó con cái nam nữ của Thiên Chúa, đều được biến đổi nên giống Cha mình.

Anh em hãy giữ muối trong lòng anh em (c.50) là câu kết của diễn từ tiếp theo vụ tranh luận giữa các Tông Đồ (9,34).

Đương nhiên chúng ta phải phục vụ kẻ khác (9,35) nhưng điều này không có nghĩa là chúng ta sẽ đánh mất nhân cách của mình. Muối chỉ óc sáng tạo và các tài năng của mỗi người. Hãy là những con người sống cho năng động –và đôi khi cãi nhau– nhưng chúng ta hãy lo bảo vệ giữa chúng ta niềm tin tưởng huynh đệ và lòng tôn trọng nhau.

giữ muối trong lòng anh em, và sống hoà thuận với nhau.”

Vấn đề ly dị

10^{*} ¹ Đức Giê-su bỏ nơi đó, đi tới miền Giu-đê và vùng bên kia sông Gio-đan. Đông đảo dân chúng lại tuôn đến với Người. Và như thường lệ, Người lại

dạy dỗ họ.² Có mấy người Pha-ri-sêu đến gần Đức Giê-su và hỏi rằng : “Thưa Thầy, chồng có được phép rẫy vợ không ?” Họ hỏi thế là để thử Người.³ Người đáp : “Thế ông Mô-sê đã truyền dạy các ông điều gì ?”⁴ Họ trả lời : “Ông Mô-sê đã cho phép viết giấy ly dị mà rẫy vợ.”

HÔN NHÂN

* 10,1 (x. phần bình giải Mt 19,1).

Chồng có được phép (c.2). Chắc chắn là Mát-thêu chính xác hơn khi thêm “vì bất cứ lý do nào”, vì mọi người đều đồng ý là chồng có thể rẫy vợ, nhưng vấn đề tranh luận là các lý do biện minh cho việc ly dị. Mác-cô đi thẳng vào mục đích : hôn nhân là một cam kết không thể đảo ngược.

Chúa Giê-su nói lên quan điểm của Người –và là một trong những điểm gây khó chịu cho mọi người, cả các môn đệ nữa– đi ngược lại với tập quán và luật lệ được Kinh Thánh phê chuẩn.

Chúa Giê-su trưng dẫn một lệ luật khác của Thiên Chúa, *lúc khởi đầu*. Lúc khởi đầu, nghĩa là trong câu chuyện vườn địa đàng. Nhưng đừng quên rằng trong nền văn hoá cổ đại, *lúc khởi đầu* là thời vàng son, thời Thiên Chúa thiết lập những định chế lý tưởng. Vậy rõ ràng là nếu các tác giả Cựu Ước cho phép ly dị, đó là vì lệ luật của một xã hội, ngay cả lệ luật của dân Chúa, đều phản ánh mức ý thức luân lý của một thời đại.

Do đó Chúa Giê-su cho đối lập lý tưởng và thực tế. Tuy nhiên, lý tưởng này không phải chỉ để chiêm ngưỡng. Ở chỗ sách Sáng thế ghi : “*chúng sẽ nên một xương một thịt*” thì Chúa Giê-su thêm “*họ không còn là hai mà là một xương một thịt*”. Điều này có nghĩa là trước khi bắt đầu tranh cãi, phải chấp nhận tính hợp nhất của đôi vợ chồng.

Chắc phải nhắc nhớ là người ta đặt cái cây trước con trâu khi coi hôn nhân và tình yêu đôi lứa như là hậu quả của một sự kiện có trước là tính dục. Cái có trước trong chương trình của Thiên Chúa về vũ trụ, là sự kết giao giữa Con Thiên Chúa làm người và nhân loại mà Người cứu chuộc. Đây mới là sự bổ sung và là giao ước trong ân tình và trung tín. Và đây chính là mẫu mực của đôi lứa. Cả cái quá khứ sinh học đã dọn đường cho giới tính, cả quá trình tiến hoá loài người đã cho lứa đôi được trưởng thành, chỉ đến sau : tất cả đều phản chiếu chương trình vĩnh cửu của Thiên Chúa trong tạo thành và trong lịch sử.

⁵ Đức Giê-su nói với họ : “Chính vì các ông lòng chai dạ đá, nên ông Mô-sê mới viết điều răn đó cho các ông. ⁶ Còn lúc khởi đầu công trình tạo dựng, Thiên Chúa đã làm nên con người có nam có nữ ; ⁷ vì thế, người đàn ông sẽ lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, ⁸ và cả hai sẽ thành một xương một thịt. Như vậy, họ không còn là hai, nhưng chỉ là một xương một thịt. ⁹ Vậy, sự gì Thiên Chúa đã phối hợp,

loài người không được phân ly.” ¹⁰ Khi về đến nhà, các môn đệ lại hỏi Người về điều ấy. ¹¹ Người nói : “Ai rẫy vợ mà cưới vợ khác là phạm tội ngoại tình đối với vợ mình ; ¹² và ai bỏ chồng để lấy chồng khác, thì cũng phạm tội ngoại tình.”

Đức Giê-su và các trẻ em

* ¹³ Người ta dẫn trẻ em đến với Đức Giê-su, để Người đặt tay trên chúng. Nhưng các môn đệ la rầy

Không né tránh được lời dạy của Chúa Giê-su. Người đã nói những lời này trước một thực tế hôn nhân đã được mọi người chấp nhận ; những lời này vẫn còn nguyên giá trị trước cái thực tế rất phổ biến hôm nay là “không hôn phối”. Trong toàn bộ Kinh Thánh, tình yêu và trung tín đi đôi với nhau và, khi Tin Mừng nói về việc mất mạng sống là điều kiện để tìm lại mạng sống, thì cũng có giá trị cho đời sống vợ chồng.

Nếu một người phối ngẫu phản bội người khác thì sao ? Ở đây, chúng ta bước vào phạm vi những quyết định của con người, trong đó mỗi người phải giải quyết trường hợp của mình, và giải quyết theo ơn gọi mà Thiên Chúa đã tỏ cho mình biết. Người ta không thể kết án kẻ khác, nhưng Chúa Giê-su trút quyền những ai gán cho mình cái bốn phận trấn an lương tâm của những người đã ly dị, như thể việc họ làm là vô thường vô phạt đối với ơn gọi Ki-tô hữu của mình.

* **10,13** Chúa Giê-su ban cho mọi người kho tàng của trái tim Người, và đặc biệt cho những người bé nhỏ nhất. Chúa Giê-su trầm trồ mầu nhiệm của một cuộc sống đang khởi đầu với đầy những khả năng, và Người khám phá hình ảnh của Cha Người trong tất cả các em bé. Làm sao Chúa Giê-su, Đấng mời gọi chúng ta hy vọng, có thể quên rằng trẻ em cũng là niềm hy vọng của chúng ta ?

Ai không đón nhận Nước Thiên Chúa với tâm hồn của một trẻ em. Chúng ta phải quên đi sự khôn ngoan, lòng tự mãn và nổi cay đắng của những kinh nghiệm quá khứ để có thể đón nhận những ân huệ của Thiên Chúa và lời của Người, với cái nhìn thán phục và lòng đơn sơ của trẻ nhỏ.

chúng. ¹⁴ Thấy vậy, Người bực mình nói với các ông : “Cứ để trẻ em đến với Thầy, đừng ngăn cấm chúng, vì Nước Thiên Chúa là của những ai giống như chúng.” ¹⁵ Thấy bảo thật anh em : Ai không đón nhận Nước Thiên Chúa với tâm hồn một trẻ em, thì sẽ chẳng được vào.” ¹⁶ Rồi Người ôm lấy các trẻ em và đặt tay chúc lành cho chúng.

Người giàu có muốn theo Đức Giê-su

* ¹⁷ Đức Giê-su vừa lên đường, thì có một người chạy đến, quỳ xuống trước mặt Người và hỏi : “Thưa Thầy nhân lành, tôi phải làm gì để được sự sống đời đời làm gia nghiệp ?” ¹⁸ Đức Giê-su đáp : “Sao

anh nói tôi là nhân lành ? Không có ai nhân lành cả, trừ một mình Thiên Chúa.

¹⁹ Hẳn anh biết các điều răn : *Chớ giết người, chớ ngoại tình, chớ trộm cắp, chớ làm chứng gian, chớ làm hại ai, hãy thờ cha kính mẹ.*” ²⁰ Anh ta nói : “Thưa Thầy, tất cả những điều đó, tôi đã tuân giữ từ thuở nhỏ.” ²¹ Đức Giê-su đưa mắt nhìn anh ta và đem lòng yêu mến. Người bảo anh ta : “Anh chỉ thiếu có một điều, là hãy đi bán những gì anh có mà cho người nghèo, anh sẽ được một kho tàng trên trời. Rồi hãy đến theo tôi.” ²² Nghe lời đó, anh ta sa sầm nét mặt và buồn rầu bỏ đi, vì anh ta có nhiều của cải.

* **10,17** Ảnh hưởng của Chúa Giê-su phát xuất từ sức lôi cuốn bí nhiệm của bản thân Người hơn là sự mới mẻ của lời Người dạy. Trên đường đi tìm Thiên Chúa, nhiều người công chính đã bất ngờ khám phá ra chữ hoàn hảo có nghĩa là gì khi gặp được Chúa Giê-su.

Theo Mt 19,20 thì người tới gặp Chúa Giê-su là một thanh niên ; Lu-ca lại cho là một thủ lãnh (18,18) : điều này không quan trọng. Điều chúng ta quan tâm là chàng thanh niên hỏi Chúa Giê-su con đường nào dẫn tới *sự sống đời đời*, nhưng Chúa Giê-su lại không có điều luật mới nào để dạy ông. Cựu Ước đã nói hết tất cả những gì anh phải làm và làm thế nào để được sự sống đời đời bằng việc thực thi công bằng và thương cảm.

Đó là lúc Chúa Giê-su đề nghị anh, ngay hôm nay, hãy đi vào một con đường khác sẽ cho anh tự do đích thực : *“hãy đi bán những gì anh có”*.

Người giàu có khó vào Nước Thiên Chúa

* 23 Đức Giê-su rảo mắt nhìn chung quanh, rồi nói với các môn đệ : “Những người có của thì khó vào Nước Thiên Chúa biết bao !”
24 Nghe Người nói thế, các môn đệ sững sờ. Nhưng Người lại tiếp : “Các con

ơi, vào được Nước Thiên Chúa thật khó biết bao !

25 Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào Nước Thiên Chúa.”

26 Các ông lại càng sững sốt hơn nữa và nói với nhau : “Thế thì ai có thể được cứu ?” 27 Đức Giê-su nhìn thẳng vào các ông và

* 10,23 Chúa Giê-su không nói là người giàu sẽ không được cứu, nhưng là họ sẽ không đi vào Nước Thiên Chúa, tức là ngay từ bây giờ phải chia sẻ những lo lắng, niềm hạnh phúc và tự do của Đức Ki-tô.

Bao lâu ai đó chưa biết tự giải thoát khỏi những vấn đề vật chất nhu yếu và làm chủ cách nào đó những của cải đời này, thì người ấy còn thiếu một điều gì đó trong cuộc sống làm người của mình.

Nhưng những ai đã có được sự sống và của cải rồi thì Chúa Giê-su đề nghị họ từ bỏ tất cả và bước đi theo Người như là điều kiện để có thể cảm nghiệm ngay từ đời này sự hiện diện của Thiên Chúa Cha.

Con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn. Người ta đã tưởng tượng ra nhiều loại bình giải để làm cho lời này của Chúa Giê-su được dễ nghe hơn : “tại bức tường thành lũy ở Giê-ru-sa-lem có một cửa nhỏ, gọi là cửa Kim, những con lạc đà phải thò qua lại rất khó khăn”. Nhưng cái cửa này hoàn toàn không có. Hoặc : “Chúa Giê-su nói rõ ràng là một lỗ kim, nhưng phải hiểu là sợi lông lạc đà chứ không phải là con lạc đà.” Thực tế là chúng ta muốn có thể chỉnh lý lời quá quyết của Chúa Giê-su và sửa lại như sau : người giàu khó vào Nước Thiên Chúa, nhưng không phải là không thể vào.

Hãy gác qua một bên các cách giải thích thêm mắm thêm muối đó và hãy nghe Tin Mừng : với các Tông Đồ, đã hiểu rõ phép tỉ dụ, Chúa Giê-su trả lời rõ ràng : đúng vậy, không thể vào được.

Nhưng ngay lập tức, Chúa Giê-su ngỏ lời với người giàu cũng như với những ai phê bình người giàu : Người nhắc lại khoảng cách vô tận giữa con người tội lỗi với sự thánh thiện của Thiên Chúa, nhưng cũng nhắc nhở tình yêu vô biên của Chúa Cha luôn thực hiện cho chúng ta điều không thể có. Thiên Chúa cứu vớt mọi người, cả người giàu nữa, nhưng bằng cách cất đi khỏi họ mọi thứ lợi lộc và an toàn giả tạo mà của cải giàu sang có thể đem lại cho họ. Cho dù sự giàu sang có loại chúng ta ra khỏi Nước Thiên Chúa đi nữa thì không phải bằng những thực hành khổ chế hay là kết án người giàu mà chúng ta được vào đâu. Sự nghèo khó đích thực có giá trị nào mặc lòng, Chúa Giê-su vẫn nhắc nhở chúng ta cách kiên quyết rằng ơn cứu độ là công trình của Thiên Chúa và chỉ của Người mà thôi.

nói : “Đối với loài người thì không thể được, nhưng đối với Thiên Chúa thì không phải thế, vì đối với Thiên Chúa mọi sự đều có thể được.”

Đức Giê-su hứa ban phần thưởng cho người biết từ bỏ

* 28 Ông Phê-rô lên tiếng thưa Người : “Thầy coi, phần chúng con, chúng con đã bỏ mọi sự mà theo Thầy !” 29 Đức Giê-su đáp : “Thầy bảo thật anh em : Chẳng hề có ai bỏ nhà cửa, anh em, chị em, mẹ cha, con cái hay ruộng đất, vì Thầy và vì Tin Mừng, 30 mà ngay bây giờ, ở đời này, lại không nhận được nhà cửa, anh em, chị em, mẹ, con hay ruộng đất, gấp trăm, cùng với sự ngược đãi, và sự sống vĩnh cửu ở đời sau. 31 Quả thật,

nhiều kẻ đứng đầu sẽ phải xuống hàng chót, còn những kẻ đứng chót sẽ được lên hàng đầu.”

Đức Giê-su loan báo lần thứ ba cuộc Thương Khó và Phục Sinh

32 Đức Giê-su và các môn đệ đang trên đường lên Giê-ru-sa-lem, Người dẫn đầu các ông. Các ông kinh hoàng, còn những kẻ theo sau cũng sợ hãi. Người lại kéo riêng Nhóm Mười Hai ra, và bắt đầu nói với các ông về những điều sắp xảy đến cho mình : 33 “Này chúng ta lên Giê-ru-sa-lem và Con Người sẽ bị nộp cho các thượng tế và kinh sư. Họ sẽ lên án xử tử Người và sẽ nộp Người cho dân ngoại. 34 Họ sẽ nhạo báng Người, khạc nhổ vào Người, họ sẽ đánh đòn và

* 10,28 *Chẳng ai bỏ nhà cửa.* Chúa Giê-su không chỉ nói tới phần thưởng được nhận ở đời sau. Ngay ở đời này, *giữa những sự ngược đãi*, những ai hy sinh vì Nước Thiên Chúa, sẽ tìm thấy tình thân, niềm vui và một sự thành đạt viên mãn mà họ chưa bao giờ dám nghĩ tới.

Lời này của Chúa Giê-su, còn được chép ở Mt 19,29 và Lc 18,29, được Mác-cô thêm vào một chi tiết đáng chú ý : *với sự ngược đãi*. Khi sách Tin Mừng được soạn thì những ngược đãi đã bắt đầu tấn công Giáo Hội : ngay từ năm 34, rồi năm 41 và 62 tại Giê-ru-sa-lem, năm 64 ở Rô-ma, trong thời bắt đạo lớn do hoàng đế Nê-rô ra lệnh. Trong thời gian đó, người Ki-tô hữu đã nghiệm thấy những mối dây nối kết họ với nhau, thường sâu sắc hơn là liên hệ gia đình nữa. Bị săn đuổi, buộc phải trốn lánh, họ tìm được “trăm nhà anh em” để ẩn mình.

giết chết Người. Ba ngày sau, Người sẽ sống lại.”

Lời xin của hai người con ông Ê-bê-đê

* 35 Hai người con ông Ê-bê-đê là Gia-cô-bê và Gio-an đến gần Đức Giê-su và nói : “Thưa Thầy, chúng con muốn Thầy thực hiện cho chúng con điều chúng con sắp xin đây.” 36 Người

hỏi : “Các anh muốn Thầy thực hiện cho các anh điều gì ?” 37 Các ông thưa : “Xin cho hai anh em chúng con, một người được ngồi bên hữu, một người được ngồi bên tả Thầy, khi Thầy được vinh quang.” 38 Đức Giê-su bảo : “Các anh không biết các anh xin gì ! Các anh có uống nổi chén Thầy sắp uống, hay chịu

* 10,35 Chúa Giê-su cảm thấy đầy can đảm và tự tin khi dẫn đầu các môn đệ Người tiến lên Giê-ru-sa-lem, nơi khổ hình đang chờ Người. Lời yêu cầu của hai ông Gia-cô-bê và Gio-an làm cho Người phải nói lại với các môn đệ là Người không phải đi tới một thành công dễ dàng, nhưng là tới cái chết.

Có lẽ lời yêu cầu của hai ông Gia-cô-bê và Gio-an làm chúng ta khó chịu, vì thật là không đúng lúc, nhưng chúng ta có thể thấu phục lòng trung thành của hai ông.

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU – PHỤC VỤ

Người đứng đầu là người thế nào ?

Người đứng đầu phải xử sự ra sao ? Những người đứng đầu hành động thế nào, trong một nhóm, một gia đình ? Các vị lãnh đạo quốc gia mỉm cười với đám đông và ôm hôn, trước ống kính của máy quay phim, đưa bé tới tặng hoa cho họ, nhưng thật sự, ai là người phục vụ ? Ai là người để cho người khác phục vụ mình ? Chúa Giê-su đến để phục vụ và Người phục vụ nhân loại bằng cái chết tự nguyện của Người : “Người hạ mình vâng lời, mặc lấy thân nô lệ và chết trên cây thập tự” (Pl 2,7).

Uống chén chịu phép rửa là cách diễn tả bằng hình ảnh những đau khổ và cái chết của Chúa Giê-su.

Chúng tôi trích dẫn một bài thơ ngắn của Lão Tử, nhà hiền triết Trung Quốc, vịnh về cùng một chủ đề :

Sông, biển đã làm gì

Để cai trị trăm thung lũng ?

Nó đặt mình nằm dưới tất cả

Và vì thế nó cai trị trong hàng trăm thung lũng.

Nếu thánh hiền muốn làm đầu dân tộc

Hãy học nói năng cho khiêm tốn.

Nếu muốn lãnh đạo dân

Hãy đặt mình vào chỗ rốt hết.

được phép rửa Thầy sắp chịu không ?”³⁹ Các ông đáp : “Thưa được.” Đức Giê-su bảo : “Chén Thầy sắp uống, anh em cũng sẽ uống ; phép rửa Thầy sắp chịu, anh em cũng sẽ chịu.⁴⁰ Còn việc ngồi bên hữu hay bên tả Thầy, thì Thầy không có quyền cho, nhưng Thiên Chúa đã chuẩn bị cho ai thì kẻ ấy mới được.”

Người làm đầu phải hầu hạ

⁴¹ Nghe vậy, mười môn đệ kia đâm ra tức tối với ông Gia-cô-bê và ông Gio-an.⁴² Đức Giê-su gọi các ông lại và nói : “Anh em biết : những người được coi là thủ lãnh các dân thì

dùng uy mà thống trị dân, những người làm lớn thì lấy quyền mà cai quản dân.⁴³ Nhưng giữa anh em thì không được như vậy : ai muốn làm lớn giữa anh em thì phải làm người phục vụ anh em ;⁴⁴ ai muốn làm đầu anh em thì phải làm đầy tớ mọi người.⁴⁵ Vì Con Người đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ, và hiến mạng sống làm giá chuộc muôn người.”

Người mù ở Giê-ri-khô

* ⁴⁶ Đức Giê-su và các môn đệ đến thành Giê-ri-khô. Khi Đức Giê-su cùng

Đó là cách thánh hiền ở trên dân
Mà không áp bức dân.
Người lãnh đạo dân
Mà không làm dân khổ.
Người ta sẵn sàng đặt người lên hàng đầu
Mà không cảm thấy chán ngán.
Vì người chẳng đua tranh với ai
Nên chẳng ai đua tranh giành lại được người.

* **10,46** Ba-ti-mê chính là mẫu người môn đệ trung thành. Chính anh đã cầu xin với Thiên Chúa cho anh được “thấy” và Người đã cho anh “thấy”. Ngược lại với chàng thanh niên giàu có (10,17-22) tới tìm ánh sáng nhưng lại quay đi khi đã thoáng thấy, Ba-ti-mê khẩn cầu Chúa Giê-su cho anh được sáng mắt và khi anh thấy được, anh bước theo Người.

Tương phản với thái độ khiêm nhu và dứt khoát của anh mù, Mác-cô nhấn mạnh tư cách bất nhất của đám đông. Họ không hiểu nỗi đau của người tàn tật cũng không hiểu lòng tin thúc đẩy anh kêu lên. Nhưng khi Chúa Giê-su gọi người mù thì ngay tức khắc đám đông kêu anh với vẻ nịnh hót : “Can đảm lên, Người gọi anh đấy.”

Con vua Đa-vít ! Đây là một cách xưng hô chỉ Đấng Mê-si-a.

với các môn đệ và một đám người khá đông ra khỏi thành Giê-ri-khô, thì có một người mù đang ngồi ăn xin bên vệ đường, tên anh ta là Ba-ti-mê, con ông Ti-mê.⁴⁷ Vừa nghe nói đó là Đức Giê-su Na-da-rét, anh ta bắt đầu kêu lên rằng : “Lạy ông Giê-su, Con vua Đa-vít, xin rủ lòng thương tôi !”⁴⁸ Nhiều người quát nạt bảo anh ta im đi, nhưng anh ta càng kêu lớn tiếng : “Lạy Con vua Đa-vít, xin rủ lòng thương tôi !”⁴⁹ Đức Giê-su

đứng lại và nói : “Gọi anh ta lại đây !” Người ta gọi anh mù và bảo : “Cứ yên tâm, đứng dậy, Người gọi anh đấy !”⁵⁰ Anh mù liền vắt áo choàng lại, đứng phắt dậy mà đến gần Đức Giê-su.⁵¹ Người hỏi : “Anh muốn tôi làm gì cho anh ?” Anh mù đáp : “Thưa Thầy, xin cho tôi nhìn thấy được.”⁵² Người nói : “Anh hãy đi, lòng tin của anh đã cứu anh !” Tức khắc, anh ta nhìn thấy được và đi theo Người trên con đường Người đi.

IV. SỨ VỤ CỦA ĐỨC GIÊ-SU TẠI GIÊ-RU-SA-LEM

Đức Giê-su vào Giê-ru-sa-lem với tư cách là Đấng Mê-si-a

11 * ¹ Khi Đức Giê-su và các môn đệ đến gần

thành Giê-ru-sa-lem, gần làng Bết-pha-ghe và Bê-ta-ni-a, bên triền núi Ô-liu, Người sai hai môn đệ² và bảo : “Các anh đi vào làng trước mặt kia. Tới nơi, sẽ

* 11,1 X. phân bình giải Mt 21,1.

ĐÁNG CỨU ĐỘ

Từ Giê-ri-khô, Chúa Giê-su “lên” Giê-ru-sa-lem cùng với đoàn người dự lễ Vượt Qua. Trong số này, có nhiều người từ miền Ga-li-lê. Nhận ra Đức Giê-su trong đám hành hương, họ nghĩ rằng Người sẽ để dân chúng tôn Người làm Đấng Mê-si-a.

Cho đến thời điểm này, Chúa Giê-su luôn từ chối để người ta tôn mình làm Đấng Mê-si-a, vì họ chờ đợi một sự giải thoát khác với điều Người đem đến cho họ. Nhưng vào lúc này, sứ vụ của Người sắp chấm dứt, thì đã đến giờ Đức Giê-su phải tỏ mình ra cách công khai. Người là Đấng Thiên Chúa sai đến, và sau Người sẽ không còn một đấng nào khác.

thấy ngay một con lừa con chưa ai cỡi bao giờ, đang cột sẵn đó. Các anh cỡi dây ra và đem nó về đây. ³ Nếu có ai bảo : “Tại sao các anh làm như vậy?”, thì cứ nói là Chúa cần đến nó và Người sẽ gởi lại đây ngay.” ⁴ Các ông ra đi và thấy một con lừa con cột ngoài cửa ngõ, ngay mặt đường. Các ông liền cỡi dây lừa ra. ⁵ Mấy người đứng đó nói với các ông : “Các anh cỡi con lừa ra làm gì vậy?” ⁶ Hai ông trả lời như Đức Giê-su đã dặn. Và họ để mặc các ông. ⁷ Hai ông đem con lừa về cho Đức Giê-su, lấy áo choàng của mình trải lên lưng nó, và Đức Giê-su cỡi lên. ⁸ Nhiều người cũng lấy

áo choàng trải xuống mặt đường, một số khác lại chặt nhánh chặt lá ngoài đồng mà rải. ⁹ Người đi trước, kẻ theo sau, reo hò vang dậy : “*Hoan hô ! Chúc tụng Đấng ngự đến nhân danh Đức Chúa !*” ¹⁰ Chúc tụng triều đại đang tới, triều đại vua Đa-vít, tổ phụ chúng ta. Hoan hô trên các tầng trời !” ¹¹ Đức Giê-su vào Giê-ru-sa-lem và đi vào Đền Thờ. Người rảo mắt nhìn xem mọi sự, và vì giờ đã muộn, Người đi ra Bê-ta-ni-a cùng với Nhóm Mười Hai.

Cây vả không sinh trái

* ¹² Hôm sau, khi thầy trò rời khỏi Bê-ta-ni-a, thì Đức Giê-su cảm thấy đói.

Đức Giê-su được Thiên Chúa sai đến với mọi dân tộc, nhưng tiên vàn Người đến như Đấng Cứu Độ của dân Ít-ra-en. Người đã đến đúng vào thời điểm dân tộc này cần được cứu độ, vì mọi sự ngày càng xấu hơn. Các ngôn sứ đã loan báo một vị vua hiền hoà, đến viếng thăm dân, khiêm tốn ngồi trên lưng lừa như người dân đơn sơ hiền hoà, thay vì ngồi trên lưng ngựa như vị tướng quân (Dcr 9,9). Vì thế, Chúa Giê-su đã quyết định đi vào thành Giê-ru-sa-lem theo cách thức ấy. Các người Ga-li-lê tỏ ra hồ hởi đến ồn ào náo động nhưng Người không lời cuốn được cư dân trong thành.

Người Do-thái không nghĩ rằng Đấng Cứu Độ của họ lại đến một cách khiêm tốn như thế. Suốt dòng lịch sử, nhiều lần Thiên Chúa đã giải thoát họ khỏi áp bức, đói khát bởi những người Thiên Chúa sai tới. Lần này Đấng Cứu Độ đích thân đến chỉ cho họ con đường cứu độ, là tha thứ và bất bạo động, nhưng họ đã không nhận ra Người. Ngay cả những người Ga-li-lê đã hoan hô nghênh đón Đức Giê-su vào thành Giê-ru-sa-lem, hy vọng sẽ nghe được một tuyên bố nặc mùi chính trị, cũng sẽ chối bỏ Người vài ngày sau đó.

¹³ Trông thấy ở đằng xa có một cây vả tốt lá, Người đến xem có tìm được trái nào không. Nhưng khi lại gần, Người không tìm được gì cả, chỉ thấy lá thôi, vì không phải là mùa vả. ¹⁴ Người lên tiếng bảo cây vả : “Muôn đời sẽ chẳng còn ai ăn trái của mày nữa !” Các môn đệ đã nghe Người nói thế.

ĐỨC GIÊ-SU XUA ĐUỔI NHỮNG NGƯỜI BUÔN BÁN RA KHỎI ĐỀN THỜ

* ¹⁵ Thầy trò đến Giê-ru-sa-lem. Đức Giê-su vào Đền Thờ, Người bắt đầu đuổi những kẻ đang mua bán trong Đền Thờ, lật bàn của những người đổi bạc và xô ghế của những kẻ bán bồ câu. ¹⁶ Người

* **11,12** “*Từ nay, không bao giờ có ai ăn trái của mày nữa !*” Chuyện cây vả bị nguyên rủa là một “cử chỉ ngôn sứ” (x. Is 20,2 ; Gr 27,2 ; Ed 5,1 ; 12,3...). Mác-cô nhấn mạnh tính cách lạ kỳ của lời nguyên rủa : *vì không phải là mùa vả, đã làm cho các môn đệ ngạc nhiên. Ngày hôm sau, khi đi ngang cây vả và thấy nó đã chết khô, các ông lại ngạc nhiên hơn nữa, lúc đó Chúa Giê-su sẽ dạy các ông bài học về sức mạnh của lòng tin.*

ĐỀN THỜ

* **11,15** Đối với người Do-thái, Đền Thờ Giê-ru-sa-lem là Đền Thờ duy nhất của Thiên Chúa độc nhất. Mỗi thành và mỗi làng có hội đường để dân chúng tập hợp, nghe đọc Kinh Thánh và hát thánh vịnh, nhưng các tư tế chỉ dâng lễ tế và cử hành phụng tự trong Đền Thờ. Một ngôi nhà có chiều kích khiêm tốn, được đặt ở trung tâm tổng thể kiến trúc. Chỉ có các tư tế có nhiệm vụ dâng hương mới được vào đó, còn dân chúng thì chen chúc nhau trong các sân. Tại đây con buôn mua bán, đổi tiền, cung cấp súc vật, chim chóc cho việc tế lễ.

Tin Mừng Gio-an nhấn mạnh tính ngôn sứ của thái độ Chúa Giê-su : “*Các ông cứ phá huỷ Đền Thờ này đi ; nội trong ba ngày tôi sẽ dựng lại*” (Ga 2,19), còn Tin Mừng Mác-cô thì dừng lại ở sự kiện tẩy uế Đền Thờ. Thật vậy, con buôn chiếm các sân Đền Thờ, nhiều người chen lấn mua bán, không mấy quan tâm đến việc cầu nguyện và tế tự. Các tư tế tỏ ra quá quen với cảnh huyền não này, và thượng tế Cai-pha thì được hưởng quyền lợi nhiều nhất vì chính ông cấp giấy phép cho con buôn mua bán súc vật trong Đền Thờ. *Chúa Giê-su không phải là tư tế hay người bảo vệ Đền Thờ, nhưng Đền Thờ là nhà Cha Người, nên Người đuổi kẻ bán người mua ra khỏi đó.* Nhà của Ta sẽ được gọi là nhà cầu nguyện của muôn dân. *Các sân bị con buôn chiếm làm nơi chợ búa, đúng là nơi dành riêng cho ngoại kiều. Vậy đối với Chúa Giê-su, “tẩy uế Đền Thờ” là trả lại Đền Thờ ý nghĩa đích thực của nó, cho phép dân ngoại có được một nơi ưu tuyển dành cho họ để gặp gỡ Thiên Chúa.*

không cho ai được mang đồ vật gì đi qua Đền Thờ.
 17 Người giảng dạy và nói với họ : “Nào đã chẳng có lời chép rằng : *Nhà Ta sẽ được gọi là nhà cầu nguyện của mọi dân tộc sao ?* Thế mà các người đã biến thành sào huyệt của bọn cướp !”
 18 Các thượng tế và kinh sư nghe thấy vậy, thì tìm cách giết Đức Giê-su. Quả thế, họ sợ

Người, vì cả đám đông đều rất ngạc nhiên về lời giảng dạy của Người.
 19 Chiều đến, Đức Giê-su và các môn đệ ra khỏi thành.

Cây vả bị khô héo. Đức tin và cầu nguyện.

* 20 Sáng sớm, khi đi ngang cây vả, các ngài thấy nó đã chết khô tận rễ.
 21 Ông Phê-rô sức nhớ

SỨC MẠNH CỦA LÒNG TIN

*11,20 ...*mà trong lòng chẳng nghi nan, nhưng tin rằng điều mình nói sẽ xảy ra.* Xem cũng ý đó ở Gc 1,6. Ở đây, Chúa Giê-su muốn nói rõ hơn về “lòng tin có thể chuyển núi dời non” (x. 1 Cr 13,2). Chúa không nói lòng tin này sẽ được ban cho mọi người vào mọi lúc, mà nói đây là một đặc sủng, một ân huệ Thiên Chúa ban cho ai Người muốn (x. 1 Cr 12,9). Đây là một xác tin trong lòng rằng Thiên Chúa muốn làm một phép lạ, và, lòng tin vững chắc như thế cho ta đủ can đảm để hành động và ra lệnh nhân danh Thiên Chúa.

Nhưng lời hứa của Chúa Giê-su cũng có một ý nghĩa đối với mọi lời cầu nguyện của ta. Dĩ nhiên, ta đừng nghĩ rằng Thiên Chúa sẽ luôn làm các phép lạ ta xin. Nếu tôi xin Người cho trúng số độc đắc, thì Thiên Chúa đâu vì thế mà phải nghĩ rằng tôi sẽ sống tốt hơn một khi trở nên giàu có hơn. Nhưng trong thực tế, kẻ yêu mến Thiên Chúa cách khiêm nhường thì khi gặp thử thách vẫn biết Thiên Chúa muốn giúp mình. Vì thế, kẻ ấy cầu nguyện sốt sắng, biết rằng Thiên Chúa nghe lời mình xin. Như vậy kẻ say mê nước Thiên Chúa thì xin Chúa gạt bỏ những chướng ngại vật đang ngăn cản sự phát triển của Nước Người.

Chúng ta không dễ dàng xin Thiên Chúa làm những việc lớn lao hay những việc trông thấy được, vì nếu Thiên Chúa từ chối thì làm sao còn có thể tin vào Người được ? Hẳn là quá tốt đẹp nếu chỉ xin Thiên Chúa ban “ân sủng của Người”, sức mạnh nội tâm mà thôi. Nhưng nhiều người xin như vậy không phải vì quý trọng đời sống nội tâm cho bằng sợ không thấy có gì xảy đến. Có ai dám xin trời mưa hay trời hạn như ngôn sứ Ê-li-a đã làm, cũng như những người nghèo khổ mà Thiên Chúa lắng nghe vẫn còn làm ? Nhưng những kẻ đã dám liều mất tất cả vì Tin Mừng, như các Thánh, thì dám xin Thiên Chúa làm điều không thể làm được, vì họ nghe theo những dun dũi của Thánh Thần.

lại, liền thưa Đức Giê-su : “Kìa Thầy xem : cây vả Thầy rửa đã chết khô rồi !”
²² Đức Giê-su nói với các ông : “Anh em hãy tin vào Thiên Chúa.
²³ Thầy bảo thật anh em : nếu có ai nói với núi này : ‘Đời chỗ đi, nhào xuống biển !’, mà trong lòng chẳng nghi nan, nhưng tin rằng điều mình nói sẽ xảy ra, thì sẽ được như ý.
²⁴ Vì thế, Thầy nói với anh em : tất cả những gì anh em cầu xin, anh em cứ tin là mình đã được rồi, thì sẽ được như ý.
²⁵ Khi anh em đứng cầu nguyện, nếu anh em có chuyện bất bình với ai, thì hãy tha thứ cho họ, để Cha của anh em là Đấng ngự trên trời, cũng tha lỗi cho anh em. [²⁶ Nhưng nếu anh em không tha

thứ, thì Cha của anh em là Đấng ngự trên trời, cũng sẽ không tha lỗi cho anh em].”

Người Do-thái chất vấn Đức Giê-su về thẩm quyền của Người

* ²⁷ Đức Giê-su và các môn đệ lại vào Giê-ru-sa-lem. Người đang đi trong Đền Thờ, thì các thượng tế, kinh sư và kỳ mục đến cùng Người và hỏi :
²⁸ “Ông lấy quyền nào mà làm các điều ấy, hay ai đã cho ông quyền làm các điều ấy ?”
²⁹ Đức Giê-su đáp : “Tôi chỉ xin hỏi các ông một điều thôi. Các ông trả lời đi, rồi tôi sẽ nói cho các ông biết tôi lấy quyền nào mà làm các điều ấy.
³⁰ Vậy, phép rửa của ông Gio-an là do Trời

Cứ tin là mình đã làm được rồi (c.24). Chúa Giê-su mời gọi chúng ta cầu nguyện với lòng tin và bền đỗ, cho đến khi Chúa cho chúng ta cảm nhận cách chắc chắn rằng Người đã đoái nghe lời cầu xin của chúng ta ; hoặc ngược lại, sẽ cho chúng ta thấy rằng điều chúng ta xin không phải là hợp ý Người : lúc ấy, chúng ta sẽ thôi không cảm thấy ao ước điều đó nữa là khác.

CÁC TƯ TẾ XU THỜI

* **11,27** Chúa Giê-su đã không xin phép giảng dạy trong Đền Thờ cũng không xin phép đuổi con buôn ra khỏi đó. Người hành động một cách hoàn toàn tự do như các ngôn sứ thuở xưa. Vì các tư tế có nhiệm vụ bảo vệ đức tin chân thật, nên họ có muốn kiểm tra xem Chúa Giê-su có phải là ngôn sứ thật hay không cũng là chuyện bình thường. Nhưng các tư tế ấy có thật sự quan tâm đến sự thật không ? Họ có sẵn sàng nhìn nhận Chúa Giê-su là Đấng Thiên Chúa sai đến hay không ?

hay do người ta ? Các ông trả lời cho tôi đi !”³¹ Họ bàn với nhau : “Nếu mình nói : ‘Do Trời’, thì ông ấy sẽ vặn lại : ‘Thế sao các ông lại không tin ông ấy ?’³² Nhưng chẳng lẽ mình nói : ‘Do người ta’ ?” Họ sợ dân chúng, vì ai nấy đều cho ông Gio-an thật là một ngôn sứ.³³ Họ mới trả lời Đức Giê-su : “Chúng tôi không biết.” Đức Giê-su liền bảo họ : “Tôi cũng vậy, tôi cũng không nói

cho các ông là tôi lấy quyền nào mà làm các điều ấy.”

Dụ ngôn những người làm vườn nho sát nhân

12^{* 1} Đức Giê-su bắt đầu dùng dụ ngôn mà nói với họ rằng : “*Có người kia trồng được một vườn nho ; ông rào giậu chung quanh, đào bồn đập nho và xây một tháp canh. Ông cho tá điền canh tác, rồi đi xa.*² Đến mùa, ông sai một

Xét bề ngoài, các tư tế chỉ quan tâm đến một trật tự thuận lợi cho họ thôi, và ngay trước khi nghe Chúa Giê-su, họ đã xét đoán Người là một kẻ phá rối.

Vì thế, Chúa hỏi họ về ông Gio-an Tẩy Giả. Ông này đã giảng dạy dân chúng, và đây là sự kiện tôn giáo quan trọng nhất trong hai năm qua. Vì thế, lẽ ra các tư tế phải có ý kiến. Nhưng họ đã không làm và cũng không sẵn sàng làm điều đó. Vậy làm sao họ có thể đòi Chúa Giê-su phải trả lẽ hành động của Người ? Rõ ràng là họ chỉ can thiệp khi thấy có lợi cho mình thôi.

Thái độ của Chúa Giê-su buộc các người lãnh đạo tôn giáo thuộc mọi thời đại phải tự vấn xem họ có hội đủ các điều kiện cần thiết để dân chúng tôn trọng các lời tuyên bố cũng như các lời lên án của họ không.

NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC THIÊN CHÚA TUYỂN CHỌN

* **12,1** Trong dụ ngôn này, *vườn nho* là Nước Thiên Chúa, người Do-thái là dân Thiên Chúa, nên họ đã đi đến chỗ đồng hoá lợi ích riêng của họ với lợi ích của Thiên Chúa. Thiên Chúa đã giúp họ chống lại các dân tộc khác và họ tin chắc rằng họ đã được cứu độ. Họ không chút quan tâm đến số phận của tha nhân, những người không biết Thiên Chúa.

Thiên Chúa đã giao Nước của Người cho dân Do-thái ; nói cách khác, Người đã hướng dẫn họ suốt dòng lịch sử để họ trở thành một gương mẫu cho các dân khác noi theo. Họ có nhiệm vụ chia sẻ kinh nghiệm họ cho các dân để các dân phát huy công lý, tinh thần trách nhiệm và tình huynh đệ : đó là *hoa lợi* mà Thiên Chúa muốn thu gặt được.

đây tớ đến gặp các tá điền để thu hoa lợi vườn nho mà họ phải nộp. ³ Nhưng họ bắt người đẩy tớ, đánh đập và đuổi về tay không. ⁴ Ông lại sai một đầy tớ khác đến với họ. Họ đánh vào đầu anh ta và hạ nhục. ⁵ Ông sai một người khác nữa, họ cũng giết luôn. Rồi ông lại sai nhiều người khác : kẻ thì họ đánh, người thì họ giết. ⁶ Ông chỉ còn một người nữa là người con yêu dấu : người này là người cuối cùng ông sai đến gặp họ ; ông nói : "Chúng sẽ nể con ta." ⁷ Nhưng bọn tá điền ấy bảo nhau : "Đứa thừa tự đây rồi ! Nào ta giết quách nó đi, và gia tài sẽ về tay ta." ⁸ Thế là họ bắt cậu, giết chết rồi quăng ra bên ngoài vườn nho. ⁹ Vậy ông

chủ vườn nho sẽ làm gì ? Ông sẽ đến tiêu diệt các tá điền, rồi giao vườn nho cho người khác. ¹⁰ Các ông chưa đọc câu Kinh Thánh này sao ? *Tảng đá thợ xây nhà loại bỏ lại trở nên đá tảng góc tường.* ¹¹ *Đó chính là công trình của Chúa, công trình kỳ diệu trước mắt chúng ta !*

¹² Họ tìm cách bắt Đức Giê-su, nhưng lại sợ dân chúng ; quả vậy, họ thừa hiểu Người đã nhắm vào họ mà kể dụ ngôn ấy. Thế là họ để Người lại đó mà đi.

Vấn đề nộp thuế cho hoàng đế Xê-da

* ¹³ Họ cử mấy người Pha-ri-sêu và mấy người thuộc phe Hê-rô-dê đến cùng Người để Người phải

Thiên Chúa đã sai các ngôn sứ đến với họ để nhắc nhở họ món nợ ấy, nhưng họ nào để tai nghe. Cuối cùng, Con Thiên Chúa xuống thế làm người đến với họ, nhưng mọi sự vẫn như trước. Người sẽ bị quăng ra ngoài vườn nho nghĩa là bị dân tộc mình chối bỏ. Vì thế, Nước Thiên Chúa được giao cho người khác, cho những người được quy tụ vào Giáo Hội Chúa Ki-tô.

Nếu Giáo Hội có các lời hứa ban sự sống đời đời và tin chắc rằng Thiên Chúa sẽ không bao giờ bỏ rơi mình, cho dù mình có bất trung đến đâu đi chăng nữa, thì điều này không có nghĩa là mảng này hay mảng kia trong Giáo Hội không thể biến mất.

Lịch sử cho thấy rằng ngày nay Giáo Hội vắng mặt tại nhiều miền hay nhiều môi trường xã hội mà trong quá khứ đã có nhiều cộng đoàn Ki-tô hữu nổi tiếng. Trước hoàn cảnh như vậy, họ tìm những "nguyên nhân lịch sử" để lý giải thì nhiều khi dễ hơn là tự vấn mình về sự sa sút tinh thần Phúc Âm của các cộng đoàn này.

lỡ lời mà mắc bẫy. ¹⁴ Những người này đến và nói : “Thưa Thầy, chúng tôi biết Thầy là người chân thật. Thầy chẳng vị nể ai, vì Thầy không cứ bề ngoài mà đánh giá người ta, nhưng theo sự thật mà dạy đường lối của Thiên Chúa.

Vậy có được phép nộp thuế cho Xê-da hay không ? Chúng tôi phải nộp hay không phải nộp ?” ¹⁵ Nhưng Đức Giê-su biết họ giả hình, nên Người nói : “Tại sao các người lại thử tôi ? Dem một đồng bạc cho tôi xem !” ¹⁶ Họ liền đưa cho

CHÍNH TRỊ VÀ TÔN GIÁO – XÊ-DA

* **12,13** Các dịch thủ của Chúa Giê-su hỏi Người về khoản thuế mà người Do-thái phải nộp cho Xê-da, hoàng đế Rô-ma. Đây là một cách họ gài bẫy Người, vì lúc bấy giờ xứ Pa-lét-tin được đặt dưới quyền đô hộ của người Rô-ma, nên người Do-thái phải chịu ách thống trị của họ.

Người Pha-ri-sêu và phe Hê-rô-đê vốn đối nghịch nhau về chính trị giờ đây lại liên minh với nhau. Người Pha-ri-sêu chống lại sự đô hộ của người Rô-ma, trong khi phe Hê-rô-đê lại chấp nhận. Nếu Chúa nói họ phải nộp thuế cho Xê-da, thì người Pha-ri-sêu có lý do để làm Người phải mất uy tín trước mặt dân chúng. Nếu Người nói không phải nộp thuế, thì phe Hê-rô-đê sẽ có lý do để xin người Rô-ma bắt Chúa.

Chúa không lên án cũng không biện minh cho chủ nghĩa đế quốc Rô-ma. Phải chăng như vậy có nghĩa là hoà bình và công lý giữa các dân tộc chẳng liên quan gì đến các “vấn đề thiêng liêng”, và cũng chẳng làm cho Chúa bận tâm ?

Di nhiên, đây là những vấn đề quan trọng và lịch sử Kinh Thánh cho thấy Thiên Chúa muốn cho mỗi một con người được hưởng tự do, cho các dân tộc có được khả năng phát triển nền văn hoá và đời sống quốc gia riêng. Đây là điều biện minh cho sự dẫn thân chính trị của các Ki-tô hữu.

Nhưng Chúa Giê-su cũng biết rằng sự giải phóng đích thực con người luôn đi xa hơn các tranh luận và sự đối nghịch giữa các phe phái. Mà vào thời Chúa Giê-su thì dân Do-thái bị xâu xé về mặt chính trị, chia thành nhiều phe phái không đội trời chung, dẫn đến sự kiện Ít-ra-en sẽ bị xoá tên sau cuộc khởi nghĩa vào các năm 66 – 71 CN. Vậy, Chúa Giê-su kêu gọi các dịch thủ của mình đặt lại đời sống chính trị vào đúng chỗ của nó, và đừng lẫn lộn đức tin với cuồng tín tôn giáo.

Đối với người Pha-ri-sêu, nộp thuế cho Xê-da, hoàng đế ngoại bang, là chối bỏ Thiên Chúa, Đức Chúa độc nhất của Ít-ra-en. Họ đồng hoá phe quốc gia Do-thái với chính nghĩa của Thiên Chúa và, để phục vụ Thiên Chúa, họ phải đê bẹp các phe phái thù địch khác.

Người. Người hỏi : “Hình và danh hiệu này là của ai đây ?” Họ đáp : “Của Xê-da.”¹⁷ Đức Giê-su bảo họ : “Của Xê-da, trả về Xê-da ; của Thiên Chúa, trả về Thiên Chúa.” Và họ hết sức ngạc nhiên về Người.

Vấn đề người chết sống lại

* 18 Có những người thuộc nhóm Xa-đốc đến gặp Đức Giê-su. Nhóm này chủ trương không có sự sống lại. Họ hỏi Người :
¹⁹ “Thưa Thầy, ông Mô-sê

Vì đức tin đòi hỏi một sự tuân phục toàn diện, nên những người hiện còn lẫn lộn đức tin với việc đấu tranh chính trị, thường đi đến chỗ biện minh cho tất cả mọi hành động của đảng phái mình, ngay cả những đối trá và tội ác.

Hoàng đế Rô-ma không phải là Thiên Chúa cho dù ông tự xưng mình như vậy. Hoàng đế áp đặt quyền bính, bắt dân sử dụng đồng tiền Rô-ma, nhưng không thể đòi hỏi lương tâm con người, vốn chỉ thuộc về Thiên Chúa, phải tuân phục ông được. Hoàng đế cũng không phải là “kẻ thù của Thiên Chúa” như người Pha-ri-sêu quan niệm, và để phục vụ Nước Thiên Chúa, thì cũng không cần thiết phải từ chối nộp thuế hay tuân phục luật dân sự do hoàng đế ban hành.

Khi trả lời “*Của Xê-da trả về cho Xê-da, của Thiên Chúa trả về cho Thiên Chúa*”, Chúa Giê-su phân biệt tôn giáo và chính trị trong một nền văn hoá mà các nhà chính trị luôn dùng tôn giáo biện minh cho mình và cũng do đó, xem các dịch thù chính trị như là dịch thù của Thiên Chúa.

* 12,18 Tác giả Mác-cô đã muốn đặt bên nhau các cuộc đối đầu của Chúa Giê-su với hai phái quan trọng nhất trong dân Do-thái : sau nhóm người Pha-ri-sêu, là nhóm Sa-đốc (xem Từ Vựng : Giáo phái). Nhóm Xa-đốc gồm những người đứng đầu hàng tư tế, tức là những người quản lý dân Thiên Chúa. Họ không tin tưởng vào các giá trị thiêng liêng, và không có sự sống lại, xem đó chỉ là những đối mới tai hại làm suy yếu tinh thần quốc gia và quyền hành của bộ máy trung ương. Đối với họ, Kinh Thánh chỉ gồm sách Ngũ Thư là bộ sách đề cập nhiều đến hàng tư tế và không nói gì về sự sống lại.

SỰ SỐNG LẠI

“Sống lại” là gì ? Khi Chúa Giê-su cho con gái ông Gia-ia (Mc 5,21) hay ông La-da-rô (Ga 11,1) sống lại, các người này chỉ phục hồi sự sống mà họ có trước đó thôi ; và sau một thời gian, họ lại phải chết lần thứ hai. Đây không phải là sự sống lại thật.

Nhiều người nghĩ rằng có “một cái gì đó” sau cái chết và một cái gì đó trong chúng ta vẫn tồn tại, đó là “linh hồn”. Thật sự là vậy, nhưng đó không phải là điều cốt yếu.

có viết cho chúng ta rằng :
 “Nếu anh hay em của
 người nào chết đi, để lại
 vợ mà không để lại con,
 thì người ấy phải lấy
 nàng, để sinh con nối dòng
 cho anh hay em mình.”
²⁰ Vậy có bảy anh em trai.

Người thứ nhất lấy vợ,
 nhưng chết đi mà không
 để lại một đứa con nối
 dòng. ²¹ Người thứ hai lấy
 bà đó, rồi cũng chết mà
 không để lại một đứa con
 nối dòng. Người thứ ba
 cũng vậy. ²² Cả bảy người

đều không để lại một đứa
 con nối dòng. Sau cùng,
 người đàn bà cũng chết.
²³ Trong ngày sống lại, khi
 họ sống lại, bà ấy sẽ là vợ
 của ai trong số họ ? Vì bảy
 người đó đã lấy bà làm
 vợ.”

²⁴ Đức Giê-su nói :
 “Chẳng phải vì không biết
 Kinh Thánh và quyền
 năng Thiên Chúa mà các
 ông lầm sao ? ²⁵ Quả vậy,
 khi người ta từ cõi chết
 sống lại, thì chẳng còn lấy
 vợ lấy chồng, nhưng sẽ

Sự sống lại không phải là sự tồn tại của “một cái gì đó của chúng ta”, nhưng là một sự đổi mới, một sự hoá thân toàn diện con người. Đây sẽ là một công trình của ân sủng, một ân huệ của Thiên Chúa : ta sẽ được tái sinh từ chính Thiên Chúa.

Chúng ta thường tìm cách tưởng tượng xem ta sẽ như thế nào, một khi đã sống lại. Sự tò mò này chính đáng nhưng không đem lại những câu trả lời thoả đáng. Vấn đề này đã làm cho các tín hữu tiên khởi phải hoang mang như chúng ta và thánh Phao-lô đã cố gắng cung cấp cho ta một vài ánh sáng (x. 1 Cr 15,35-57), nhưng các lời giải thích chưa làm chúng ta thoả mãn.

Điều ta phải nhìn nhận là bao lâu còn sống trong thế giới hiện tại, đương nhiên lệ thuộc vào vật chất và thời gian, thì “thế giới mới, trời đất mới” mà các ngôn sứ và Chúa Giê-su đã loan báo (x. Is 65,17 ; Kh 21,1-4), ta không thể tưởng tượng ra nó như thế nào được cả.

Nếu ta phải so sánh như thánh Phao-lô đã làm thì ta có thể nói như sau : làm sao một người đã từng chỉ thấy những hạt giống thối, lại có thể tưởng tượng nổi một cây trở đầy hoa, hay một cây đã phát triển đầy đủ là như thế nào ? Xét bề ngoài, có cái gì chung giữa các hạt giống có khi nhỏ bằng đầu kim, không màu sắc, không sự sống, với một cây đã phát triển đầy đủ, với màu sắc khác nhau, đong đưa theo chiều gió ? Nhưng kẻ nhìn ngắm cây thì biết sự sống mình đang trỗi trờ từ đâu mà đến. Đối với ta bây giờ cũng vậy, ta không tưởng tượng được toàn thân ta sẽ như thế nào trong cuộc hoá thân mà Thiên Chúa dành cho chúng ta. Nhưng khi nó đã hoàn tất, thì ta hiểu được nguồn sinh lực nào liên kết con người mai hậu với con người hôm nay của chúng ta.

giống như các thiên thần trên trời. ²⁶ Còn về vấn đề kẻ chết trỗi dậy, các ông đã không đọc trong sách Mô-sê đoạn nói về bụi gai sao ? Thiên Chúa phán với ông ấy thế nào ? Người phán : *Ta là Thiên Chúa của Áp-ra-ham, Thiên Chúa của I-xa-ác, và Thiên Chúa của Gia-cóp.* ²⁷ Người không phải là

Thiên Chúa của kẻ chết, nhưng là của kẻ sống. Các ông lầm to !”

Điều răn đứng hàng đầu

* ²⁸ Có một người trong các kinh sư đã nghe Đức Giê-su và những người thuộc nhóm Xa-đốc tranh luận với nhau. Thấy Đức Giê-su đối đáp hay, ông đến gần Người và hỏi :

Những điều trên đây cho phép ta hiểu được hai điểm mà Chúa Giê-su đưa ra khiến trách người Xa-đốc :

Các ông không biết quyền năng Thiên Chúa. Họ chỉ tưởng tượng ra một thứ biếm họa về sự sống lại.

Các ông không biết Kinh Thánh. Chỉ các sách Cựu Ước được viết muộn hơn mới nói đến sự sống lại, và nhóm Xa-đốc không nhìn nhận các sách này. Trong thực tế, toàn bộ Kinh Thánh giới thiệu cho ta một Thiên Chúa hằng sống làm cho con người được trở thành bạn hữu của Người.

Ta là Thiên Chúa của Áp-ra-ham, Thiên Chúa của I-xa-ác, Thiên Chúa của Gia-cóp. Nếu Thiên Chúa kết thân như thế với các tổ phụ, thì làm sao Người có thể đứng đưng được trước cái chết của họ và để họ phải hư nát đời đời, trong khi Người bình thản vui hưởng vinh quang của mình ?

YÊU MẾN THIÊN CHÚA

* **12,28** *Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người.* Nhiều Ki-tô hữu ngạc nhiên khi thấy điều răn đứng đầu này lại không có trong Mười Điều Răn mà ông Mô-sê đã truyền lại cho dân Ít-ra-en trong sa mạc. Các điều răn chỉ nói đến việc “phụng sự Thiên Chúa”. Nhưng chúng ta gặp thấy câu ấy trong Đnl 6,5.

Lý do là vì người ta dễ cảm nhận lòng quảng đại của Thiên Chúa trong tạo thành, thán phục và biết ơn Người, hơn là sống với Người trong tương quan tình yêu hai chiều. Điều này chỉ được khám phá vào thời các ngôn sứ và được sách Đệ nhị luật đặc biệt nhấn mạnh trong các diễn từ. Và chúng ta sẽ chỉ đạt được điều này từ kinh nghiệm đời sống Ki-tô giáo.

Yêu mến Thiên Chúa không phải là một điều răn như các điều răn khác cho biết các việc phải làm hay các điều phải tránh, như “Người phải nghỉ ngơi ngày Chúa nhật”, hay “Người chớ ngoại tình”. Yêu mến Thiên Chúa liên quan đến toàn bộ cuộc sống.

“Thưa Thầy, trong mọi điều răn, điều răn nào đứng đầu ?”²⁹ Đức Giê-su trả lời : “Điều răn đứng đầu là : Nghe đây, hỡi Ít-ra-en, Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, là Đức Chúa duy nhất.³⁰ Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn và hết sức lực người.³¹ Điều răn thứ hai là : Người phải yêu người thân cận như chính mình. Chẳng có điều răn nào khác lớn hơn các điều răn đó.”³² Ông kinh sư nói với Đức Giê-su : “Thưa Thầy, hay lắm, Thầy nói rất đúng. Thiên Chúa là Đấng duy nhất, ngoài Người ra

Đó là nguyên nhân tại sao Tân Ước không trình bày “yêu mến Thiên Chúa” như một điều răn nhưng như hoa trái đầu mùa của Thần Khí mà Thiên Chúa ban cho các nghĩa tử nam nữ của Người (Rm 8,15, 22). Thiên Chúa là Đấng ta phải yêu mến trước hết (Mt 6,9-10 ; 1 Ga 4,7), đặc biệt nơi bản thân Con của Người (2 Cr 5,15 ; 1 Pr 1,8). Không có tình yêu tha nhân đích thực nếu không có tình yêu đối với Thiên Chúa (x. 1 Ga 5,2).

Người phải yêu mến Thiên Chúa người hết lòng. Người phải yêu mến Thiên Chúa hơn cả những người mà người yêu thương nhất. Người phải thiết tha ao ước điều đó, và trong mọi sự phải tìm kiếm điều Thiên Chúa chờ đợi ở nơi người.

Người phải yêu mến Thiên Chúa hết linh hồn, hết trí khôn. Người phải dùng phần trí tuệ cao quý nhất của người để nhận biết Người. Nhìn vào cuộc sống mình, người sẽ hiểu ra Thiên Chúa đã dẫn dắt người như thế nào. Nhìn xem những gì đang xảy ra trong thế giới và các biến cố xảy ra mỗi ngày, người tìm hiểu xem Nước Thiên Chúa đang đến ra sao. Kiên trì cầu nguyện và đọc Kinh Thánh, người phải xin Thiên Chúa thông ban cho mình Thần Khí của Người để người nhận biết Thiên Chúa hơn.

Người phải yêu mến Thiên Chúa hết sức lực người. Vì người rất yếu đuối, nên phải xin Thiên Chúa giúp đỡ, và cố gắng gia nhập đoàn ngũ những người tôi tớ đích thực của Thiên Chúa, bằng cách sử dụng các phương thế mà Giáo Hội cung cấp cho người.

Yêu mến người thân cận như chính mình là điều răn thứ hai vì ta không thể hiểu và giữ điều răn này mà không yêu mến Thiên Chúa. Thiên Chúa đòi hỏi ta nhiều hơn là sống liên đới với người thân cận hoặc quan tâm đến người đau khổ. Ta phải cố gắng nhìn anh chị em ta như Thiên Chúa nhìn họ và ao ước họ có được những gì chính Thiên Chúa muốn cho họ. Trong số bao nhiêu điều tốt lành mà ta có thể làm cho người thân cận, ta phải chọn những điều Thần Khí Thiên Chúa dạy ta phải làm. Tất cả các điều này đòi hỏi trước hết là chúng ta nhận biết và yêu mến Thiên Chúa.

không có Đấng nào khác.
³³ *Yêu mến Thiên Chúa hết lòng, hết trí khôn, hết sức lực, và yêu người thân cận như chính mình, là điều quý hơn mọi lễ toàn thiêu và hy lễ.* ³⁴ Đức Giê-su thấy ông ta trả lời khôn ngoan như vậy, thì bảo : “Ông không còn xa Nước Thiên Chúa đâu !” Sau đó, không ai dám chất vấn Người nữa.

Đấng Ki-tô là Con và là Chúa của vua Đa-vít

³⁵ Khi giảng dạy trong Đền Thờ, Đức Giê-su lên tiếng hỏi : “Sao các kinh sư lại nói Đấng Ki-tô là con vua Đa-vít ?” ³⁶ Chính vua Đa-vít được Thánh Thần soi sáng đã nói : *Đức Chúa phán cùng Chúa Thượng tôi : bên hữu Cha đây, Con lên ngự trị, để rồi bao địch thù, Cha sẽ đặt dưới chân Con.*

* ³⁷ Chính vua Đa-vít gọi Đấng Ki-tô là Chúa Thượng, thì Đấng Ki-tô lại là con vua ấy thế nào được ?”

Đám người đông đảo nghe Đức Giê-su cách thích thú.

Đức Giê-su lên án các kinh sư

³⁸ Trong lúc giảng dạy, Đức Giê-su nói rằng : “Anh em phải coi chừng những ông kinh sư ưa đạo quanh, xúng xính trong bộ áo thụng, thích được người ta chào hỏi ở những nơi công cộng. ³⁹ Họ ưa chiếm ghế danh dự trong hội đường, thích ngồi cỗ nhất trong đám tiệc. ⁴⁰ Họ nuốt hết tài sản của các bà goá, lại còn làm bộ đọc kinh cầu nguyện lâu giờ. Những người ấy sẽ bị kết án nghiêm khắc hơn.”

Tiền dâng cúng của bà goá nghèo

* ⁴¹ Đức Giê-su ngồi đối diện với thùng tiền dâng cúng cho Đền Thờ. Người quan sát xem đám đông bỏ tiền vào đó ra sao. Có lắm người giàu bỏ thật nhiều tiền. ⁴² Cũng có một bà goá nghèo đến bỏ vào đó

* 12,37 Các kinh sư không phải là những người xấu. Họ trở thành những bậc thầy về mặt tôn giáo vì họ quan tâm đến tôn giáo. Nhưng khi bậc thầy không còn muốn trở thành “bậc thánh” nữa, thì họ chỉ còn là những con người yếu đuối. Lòng kính trọng dành cho họ lại khiến họ tự cho phép mình phạm rất nhiều lệch lạc mà nếu người khác phạm phải thì sẽ bị trừng phạt nặng nề.

hai đồng tiền kềm, trị giá một phần tư đồng xu Rô-ma. ⁴³ Đức Giê-su liền gọi các môn đệ lại và nói : “Thầy bảo thật anh em : bà goá nghèo này đã bỏ vào thùng nhiều hơn ai hết. ⁴⁴ Quả vậy, mọi người đều rút từ tiền dư bạc thừa của họ mà đem bỏ vào đó ; còn bà này, thì rút từ cái túi thiếu của mình mà bỏ vào đó tất cả tài sản, tất cả những gì bà có để nuôi sống mình.”

Bài giảng cánh chung : Nhập đề.

13 * ¹ Đang khi Đức Giê-su ra khỏi Đền Thờ, thì một trong các môn đệ nói với Người : “Thưa Thầy, Thầy xem : đá lớn thật ! Công trình kiến trúc vĩ đại thật !” ² Đức Giê-su đáp : “Anh nhìn ngắm công trình vĩ đại đó ư ? Tại đây, sẽ không còn tảng đá nào trên tảng đá nào ; tất cả đều sẽ bị phá đổ.”

* **12,41** Tác giả Mác-cô kể lại câu chuyện bà goá nghèo để đối lại chuyện được kể trong đoạn trước. Giữa vô số tín hữu, duy chỉ người đàn bà này đã dâng cho Thiên Chúa cách phải đạo. Bà là hiện thân của đám đông những người nghèo khổ tuy không có gì nhiều nhưng lại tìm cách chia sẻ chút của ít ỏi mình có. Một người có đồng lương khiêm tốn thường có khả năng hy sinh một số giờ làm việc để học hỏi và tham gia một công tác tập thể phục vụ người khác, trong khi những người khác lại nói : “Còn tôi, tôi không thể làm như vậy : đồng lương tôi cao hơn nhiều và tôi sẽ mất mát quá nhiều !” Đồng lương ít ỏi mà người nghèo mất lại không có giá trị hơn đồng lương cao mà người khác không muốn mất đó sao ? Chỉ có người nghèo khó mới biết cho tất cả những gì mình có để nuôi thân.

NGÀY TẬN THẾ

* **13,1** Trong Kinh Thánh, các ngôn sứ đã nói một cách khá khó hiểu về cuộc khủng hoảng sẽ khai mạc thời kỳ Triều Đại Thiên Chúa đến trần gian. Theo nhiều ngôn sứ, mọi quốc gia trên thế giới sẽ liên kết với nhau để phá huỷ thành thánh Giê-ru-sa-lem, nhưng vào lúc tuyệt vọng nhất, Thiên Chúa ra tay toàn thắng của Người để thiết lập Vương Quốc của Người (x. Is 66,18 ; Ed 38 ; Ge 4 ; Dcr 14).

Đây là lý do tại sao các Tông Đồ nghĩ tới ngày tận thế khi Chúa Giê-su nói đến ngày đền thờ Giê-ru-sa-lem bị tàn phá. Câu trả lời của Chúa Giê-su rất rõ ràng : thảm kịch sẽ kết thúc với việc Giê-ru-sa-lem bị thất thủ, nhưng đó không phải là ngày tận thế.

Diễn từ mở đầu bằng lời cảnh báo của Chúa Giê-su về biến cố Giê-ru-sa-lem bị tàn phá và nhiều người trong số các thánh giả của Chúa sẽ mục kích điều này.

³ Lúc Đức Giê-su ngồi trên núi Ô-liu, đối diện với Đền Thờ, các ông Phê-rô, Gia-cô-bê, Gio-an và An-rê hỏi riêng Người : ⁴ “Xin Thầy nói cho chúng con biết bao giờ các sự việc ấy sẽ xảy ra, và khi tất cả sắp đến hồi chung cục, thì có điềm gì báo trước ?”

Khởi đầu các cơn đau đớn

⁵ Đức Giê-su bắt đầu nói với các ông : “Anh em hãy

coi chừng kéo bị người ta lừa gạt. ⁶ Sẽ có nhiều kẻ mạo danh Thầy đến nói rằng : “Chính Ta đây !”, và họ sẽ lừa gạt được nhiều người. ⁷ Khi anh em nghe có giặc giã và tin đồn giặc giã, thì đừng khiếp sợ. Những việc đó phải xảy ra, nhưng chưa phải là chung cục. ⁸ Quả thế, dân này sẽ nổi dậy chống dân kia, nước này chống nước nọ. Sẽ có động đất ở nhiều

Khi anh em nghe có chiến tranh (c.7). Điều này không có nghĩa là Thiên Chúa bỏ mặc thế giới cho quyền lực sự dữ. Đây phải nói là một cuộc sinh nở hơn là một sự ruồng rẫy, vì nhân loại đang trưởng thành và các dân tộc đang đối phó với những vấn đề phức tạp trong đời sống cũng như trong cuộc phát triển. Cơn khủng hoảng mà dân Do-thái trải qua vào thời Chúa Giê-su cũng như khủng hoảng mà các nền văn minh khác đã kinh qua : một cái gì đó chết đi và một cái gì đó hồi sinh.

Dân chúng hoảng sợ nên dễ bị các tổ chức tuyên truyền, các ý thức hệ lừa gạt. Sự hãi làm cho họ trở nên mù quáng : họ có những lập trường chính trị cực đoan là bách hại những kẻ không theo cuồng tín của họ. Vì thế, họ khai trừ những người tin. Chúa Giê-su yêu cầu các môn đệ *làm chứng* (c.9) rằng Người là Đấng Cứu Thế duy nhất, đồng thời công bố các đòi hỏi của Tin Mừng cho các cá nhân cũng như các tập thể xã hội.

Ba mươi năm sau Chúa Giê-su, người Do-thái nổi dậy chống người Rô-ma. Sau các thất bại ban đầu, quân đội Rô-ma tổ chức lại hàng ngũ, cắm chung quanh thành thánh những cờ hiệu mang hình ngẫu tượng mà chúng bái thờ. Nhiều “*Ki-tô giả*” xuất hiện (c.22), nhiều người tự xưng mình là cứu tinh của dân tộc và lôi kéo được nhiều người theo mình.

Thế là các người Do-thái cuồng tín nhất cố thủ trong thành Giê-ru-sa-lem trong khi chờ đợi Thiên Chúa ra tay can thiệp, nhưng họ lại chia rẽ nhau đến nỗi chém giết lẫn nhau. Những người chạy trốn khỏi thành vì đói khát đều bị quân Rô-ma bắt đóng đinh trước tường thành. Cuối cùng khi quân Rô-ma vào thành, phong hoả đốt đền thờ và các dinh thự, thì những người đã không bị giết –dàn ông, đàn bà, trẻ em– bị bán tại chỗ hoặc đưa về Rô-ma làm nô lệ.

nơi, sẽ có những cơn đói kém. Những sự việc ấy là khởi đầu các cơn đau đớn.

⁹ “Phần anh em, anh em hãy coi chừng ! Người ta sẽ nộp anh em cho các hội đồng và các hội đường ; anh em sẽ bị đánh đòn ; anh em sẽ phải ra trước mặt vua chúa quan quyền vì Thầy, để làm chứng cho họ được biết. ¹⁰ Nhưng trước tiên, Tin Mừng phải được rao giảng cho mọi dân tộc.

¹¹ “Khi người ta điệu anh em đi nộp, thì anh em đừng lo trước phải nói gì, nhưng trong giờ đó, Thiên Chúa cho anh em biết điều gì, thì hãy nói điều ấy : thật vậy, không phải chính anh em nói, mà là Thánh Thần nói. ¹² Anh em sẽ nộp nhau cho người ta giết ; cha sẽ nộp con, con cái sẽ đứng lên chống lại cha mẹ và làm cho cha mẹ phải chết. ¹³ Vì danh Thầy, anh em sẽ bị mọi người thù ghét. Nhưng kẻ nào bền chí đến cùng, kẻ ấy sẽ được cứu thoát.

Những ngày gian nan tại Giê-ru-sa-lem

¹⁴ “Khi anh em thấy *Đô-Ghê-Tôm-Khốc-Hại* đứng ở

nơi nó không được phép đứng – người đọc hãy lo mà hiểu !–, thì bấy giờ ai ở miền Giu-đê, hãy trốn lên núi ; ¹⁵ ai ở trên sân thượng thì đừng xuống và đừng vào lấy gì ra khỏi nhà ; ¹⁶ ai ở ngoài đồng, đừng trở lại lấy áo choàng của mình. ¹⁷ Khốn thay những người mang thai và những người đang cho con bú trong những ngày đó !

¹⁸ Anh em hãy cầu xin cho điều ấy đừng xảy ra vào mùa đông. ¹⁹ Vì những ngày đó sẽ là những ngày *gian nan đến mức* từ lúc khởi đầu, khi Thiên Chúa tạo thành vạn vật *cho đến bây giờ, chưa khi nào xảy ra* và sẽ không còn xảy ra như vậy nữa. ²⁰ Nếu Chúa không rút ngắn những ngày ấy lại, thì không ai được cứu thoát ; nhưng vì những kẻ Người đã tuyển chọn, Người đã rút ngắn những ngày ấy lại. ²¹ Bấy giờ, nếu có ai bảo anh em : “Này, Đấng Ki-tô ở đây !” “Kìa, Đấng Ki-tô ở đó !”, anh em đừng có tin. ²² Thật vậy, sẽ có những ki-tô giả và ngôn sứ giả xuất hiện, làm những dấu lạ và những việc phi thường, để lừa gạt những người đã được tuyển chọn, nếu có

thể. ²³ Phần anh em, hãy coi chừng : Thầy đã báo trước tất cả cho anh em !

Con Người quang lâm

* ²⁴ “Nhưng trong những ngày đó, sau cơn gian nan ấy, thì mặt trời sẽ ra tối tăm, mặt trăng không còn chiếu sáng, ²⁵ các ngôi sao từ trời sa xuống, và các quyền lực trên trời bị lay chuyển. ²⁶ Bấy giờ thiên hạ sẽ thấy Con Người đầy quyền năng và vinh quang ngự trong đám mây mà đến. ²⁷ Lúc đó, Người sẽ sai các thiên sứ đi, và Người sẽ tập họp những kẻ được Người tuyển chọn từ bốn phương về, từ đầu mặt đất cho đến cuối chân trời.

Dụ ngôn cây vả

* ²⁸ “Anh em cứ lấy thí dụ cây vả mà học hỏi. Khi cành nó xanh tươi và đâm chồi nảy lộc, thì anh em biết là mùa hè đã đến gần. ²⁹ Cũng vậy, khi thấy những điều đó xảy ra, anh em hãy biết là Con Người đã đến gần, ở ngay ngoài cửa rồi. ³⁰ Thầy bảo thật anh em : thế hệ này sẽ chẳng qua đi, trước khi mọi điều ấy xảy ra. ³¹ Trời đất sẽ qua đi, nhưng những lời Thầy nói sẽ chẳng qua đâu.

* ³² “Còn về ngày hay giờ đó thì không ai biết được, ngay cả các thiên sứ trên trời hay người Con cũng không, chỉ có Chúa Cha biết mà thôi.

* **13,24** *Nhưng sau cơn gian nan ấy.* Sau khi loan báo ngày thế giới Do-thái khánh tận, Chúa Giê-su nói đến một biến cố còn quan trọng gấp bội : thế giới này sẽ chấm dứt hay đúng hơn, sẽ được biến đổi.

Mặt trời sẽ ra tối tăm, mặt trăng không còn chiếu sáng (c.24). Đây là những hình ảnh lấy từ Is 13,10 và 34,4, nói lên sự hỗn loạn, sự bất ngờ, sự tan rã của thế giới loài người và vũ trụ trước oai phong của vị thẩm phán tối cao.

Người sẽ sai các Thiên sứ. Các sách Do-thái thường dùng cụm từ này để chỉ về cuộc phán xét của Thiên Chúa. Vì thế, không nên hiểu tiếng loa, tiếng kèn trong Mt 24,31 và 1 Tx 4,16 theo nghĩa đen.

* **13,28** *Anh em cứ lấy thí dụ cây vả mà học hỏi.* Chúa Giê-su lại nói đến biến cố thành Giê-ru-sa-lem bị tàn phá.

* **13,32** Đoạn này nói đến ngày tận thế. Ngày ở đây là ngày phán xét mà các ngôn sứ còn gọi là “ngày của Đức Chúa” (Am 5,18 ; Xp 1,14).

Phải tỉnh thức và sẵn sàng

* 33 “Anh em phải coi chừng, phải tỉnh thức, vì anh em không biết khi nào thời ấy đến. 34 Cũng như người kia vắng phương xa, để nhà lại, trao quyền cho các đầy tớ của mình, chỉ

định cho mỗi người một việc, và ra lệnh cho người giữ cửa phải canh thức.

35 Vậy anh em phải canh thức, vì anh em không biết khi nào chủ nhà đến : Lúc chập tối hay nửa đêm, lúc gà gáy hay tảng sáng. 36 Anh em phải canh thức,

Thì không ai biết. Chúa Giê-su nói rất rõ ràng như vậy. Thế mà có nhiều người tưởng mình biết được điều mà cả các thiên sứ cũng không biết. Qua các thế kỷ, một số người đã tiên báo ngày tận thế sắp đến rồi (x. 2 Tx 2).

Cả Người Con cũng không, chỉ có Chúa Cha biết mà thôi. Nhiều người hoang mang tự hỏi : như thế, phải chăng Chúa Giê-su không phải Thiên Chúa như Chúa Cha sao ? Đừng quên rằng nếu Chúa Giê-su là Thiên Chúa, là “Thiên Chúa bởi Thiên Chúa”, “Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật”, như ta tuyên xưng trong kinh Tin Kính, thì đồng thời, Người cũng là con của Đức Ma-ri-a, hai cái không thể tách rời và như vậy, Người là người thật sự : trí thông hiểu vô biên của Thiên Chúa không thể nào được chứa đựng trong tâm trí con người của Chúa Giê-su (x. Lc 3,21 ; Mc 6,1tt).

Đàng khác, thời gian không có cùng một ý nghĩa đối với Thiên Chúa như đối với ta. Thiên Chúa biết “giờ” trong vĩnh cửu, nhưng đó không có nghĩa là “ngày giờ” ấy tương ứng với “một ngày giờ chính xác” trên tấm lịch của ta. Ở tâm mức chúng ta, ngày giờ không được xác định, nhưng tùy ở cách thức chúng ta làm cho Triều Đại Thiên Chúa qua các nỗ lực và lời cầu nguyện của mình (x. 2 Pr 3,12).

* 13,33 Đây là một đoạn thu gom dụ ngôn những yến bạc (Mt 25,14) và dụ ngôn mười trinh nữ (Mt 25,1). Đoạn văn dạy chúng ta phải biết chờ đợi Chúa đến bằng cách hoàn tất công việc Người giao phó. Người giữ cửa tượng trưng cho các người có trách nhiệm lãnh đạo Giáo Hội ; họ không phải là người chủ nhưng chỉ là người nắm giữ chìa khoá của Giáo Hội.

CHÚA KI-TÔ ĐẾN NHƯ THẾ NÀO : SỰ DẪN THÂN CỦA NGƯỜI KI-TÔ HỮU

Trong nhiều đoạn Tin Mừng, Chúa Giê-su kêu gọi chúng ta phải tỉnh thức chờ đợi Người đến. Khi nào Người đến ? Làm sao Người có thể đến với ta nếu ta phải chết trước ngày Người đến trong vinh quang ?

Đúng là ta sẽ gặp Chúa vào ngày ta lìa đời. Tuy vậy, Chúa có trăm ngàn cách đến với ta trong khi ta chờ đợi và làm phần việc của mình.

keo lờ ra ông chủ đến bắt anh em đây, Thầy cũng thân, bắt gặp anh em đang nói với hết thầy mọi người ngủ. ³⁷ Điều Thầy nói với là : phải canh thức !”

V. CUỘC THƯƠNG KHÓ VÀ PHỤC SINH CỦA ĐỨC GIÊ-SU

Người Do-thái âm mưu hại Đức Giê-su và kinh sư bàn mưu tính kế bắt Đức Giê-su để giết Người ; ² vì họ nói : “Đừng làm vào chính ngày lễ, kéo dân chúng nao động.”

14 * ¹ Hai ngày trước lễ Vượt Qua và lễ Bánh Không Men, các thượng tế

Mỗi người một việc (c.34). Một khía cạnh dẫn thân của ta với Chúa Ki-tô là dẫn thân trong cộng đoàn Ki-tô hữu, tức là Giáo Hội : Tham dự cầu nguyện chung, cử hành thánh lễ, dạy giáo lý hay tham gia các sinh hoạt khác tương tự như thế. Và khi ta tham dự các sinh hoạt này, Chúa Ki-tô đến với ta : Người đến không chỉ một lần mà nhiều lần. Ta thấy Người đến khi các anh chị em chúng ta hoán cải ; Người đến ban cho ta sức mạnh và sự khôn ngoan ; Người đến với ta trong kinh nguyện bằng cách cho chúng ta cảm thấy chắc chắn rằng Người luôn hiện diện trong chúng ta.

Người cũng đến với ta trong cuộc sống hằng ngày. Các ngôn sứ đã thấy Thiên Chúa đến trong các biến cố đưa đến khủng hoảng và đổi mới. Đôi khi Người đến với tư cách Đấng Phục Sinh qua các biến cố vui mừng đem lại sự sống và niềm vui, cho người nghèo khổ được hưởng công lý nhiều hơn, được hy vọng nhiều hơn. Khi khác, Người lại đến với cuộc thương khó và cái chết của Người.

Chính vì Người đến trong lịch sử đời thường của ta mà ta phải dẫn thân phục vụ thế giới. Công việc gia đình, sáng kiến trong lãnh vực xã hội, chính trị : mỗi người phải canh thức theo cách riêng của mình.

Hãy canh thức (c.35), vì nhiều người tỏ ra quảng đại trong thời gian đầu, nhưng sau đó quên mất mục đích và cuối cùng chỉ còn là những nhà quản lý, những người hiếu động. Họ xả thân thực hiện một số công việc, tham gia một số phong trào, nhưng không hiến thân cho chính Thiên Chúa, nên cuộc sống của họ đầy tràn mâu thuẫn. Họ làm những điều kỳ diệu trong một thời gian, rồi đột ngột bỏ hết tất cả. Họ làm những việc có ích, nhưng không thấy lúc nào phải dừng lại mà đi theo một hướng khác. Họ làm công việc của họ và không để cho Chúa làm chủ tinh thần, con tim và toàn bộ cuộc sống của họ.

Đối với những người luôn *canh thức* thì khác hẳn : qua trung gian của họ, Thiên Chúa đến với loài người.

Xức dầu tại Bê-ta-ni-a

* ³ Lúc đó, Đức Giê-su đang ở làng Bê-ta-ni-a, tại nhà ông Si-môn Cùi. Giữa lúc Người dùng bữa, có một người phụ nữ đến, mang theo một bình bạch ngọc đựng dầu thơm cam

tùng nguyên chất thứ đắt tiền. Cô đập ra, đổ dầu thơm trên đầu Người. ⁴ Có vài người lấy làm bực tức, nói với nhau : “Phí dầu thơm như thế để làm gì ?” ⁵ Dầu đó có thể đem bán lấy trên ba trăm quan tiền mà bố thí cho người

LỄ VƯỢT QUA

* 14,1 Một lần nữa, từ gần 1500 năm, người Do-thái mừng ngày kỷ niệm họ ra đi khỏi đất Ai-cập. Lễ Vượt Qua –hay cuộc vượt qua của Chúa– là ngày lễ độc lập, ngày lễ trọng nhất trong lịch tôn giáo.

Nhưng từ hơn 40 năm qua, nền độc lập dân tộc đã không còn nữa. Vì thế, lễ Vượt Qua khơi dậy lại nơi họ ước muốn sống tự do và cũng gây ra tình hình bất ổn.

Từ khắp xứ Pa-lét-tin, người Do-thái hành hương lên Giê-ru-sa-lem, vì con chiên vượt qua phải được sát tế trong Đền Thờ và ăn thịt tại Giê-ru-sa-lem. Mỗi gia đình phải ăn thịt chiên nướng với rau đắng và bánh không men, hát luân phiên thánh vịnh và những lời chúc tụng, trong khi nhiều lần nâng những chén rượu theo một nghi thức cổ truyền và rất tỉ mỉ. Người chủ gia đình kể lại biến cố Xuất Hành ra khỏi Ai-cập, và khi nghe nhắc lại quá khứ, mọi người cầu xin Chúa giải thoát dân Người khỏi cảnh lầm than ô nhục.

Đa số người trong dân cũng như trong số các nhà lãnh đạo không thể nào có một cái nhìn mới về tương lai. Thế nhưng, ơn cứu độ cho Ít-ra-en, dân Thiên Chúa, tiên vàn đâu phải là đập tan xiềng xích về mặt chính trị, nhưng là khám phá ra sứ mạng đích thực của mình : sống giữa lòng thế giới mà làm chứng cho tình yêu và lòng thương xót của Thiên Chúa dành cho mọi người, không phân biệt chủng tộc hay đẳng phái.

Tin Mừng là men duy nhất có thể giải thoát loài người, lấy điều lành thắng điều dữ, và ơn cứu độ thì ở nơi Chúa Ki-tô. Nhưng người Do-thái đã đâu nhận biết điều này. Họ không tin tưởng Người vì đối với họ, giáo lý của Người xem ra quá lý tưởng. Giu-đa là một trong số những người hối hận vì đã theo một người lãnh đạo không dẫn họ đi đến đâu cả.

Chúa Giê-su cũng đã không làm được gì nhiều trong hai năm ấy. Kể từ khi ông Gio-an Tẩy Giả làm phép rửa cho Người. Nhưng bấy nhiêu cũng đủ cho các nhà lãnh đạo tôn giáo phải nề Người. Không một xã hội nào có thể dung nạp sự hiện diện của một con người tự do và không vương mắc tội lỗi.

* 14,3 X. Ga 12,1 và phần bình giải Lc 7,36.

nghèo.” Rồi họ gắt gỏng với cô. ⁶ Nhưng Đức Giê-su bảo họ : “Cứ để cho cô làm. Sao lại muốn gây chuyện ? Cô ấy vừa làm cho tôi một việc nghĩa. ⁷ Người nghèo thì lúc nào các ông chẳng có bên cạnh mình, các ông muốn làm phúc cho họ bao giờ mà chẳng được ! Còn tôi, các ông chẳng có mãi đâu ! ⁸ Điều gì làm được thì cô đã làm : cô đã lấy dầu thơm ướp xác tôi, để chuẩn bị ngày mai táng. ⁹ Tôi bảo thật các ông : Hễ Tin Mừng được loan báo đến đâu trong khắp thiên hạ, thì nơi đó việc cô vừa làm

cũng sẽ được kể lại để nhớ tới cô.”

Giu-da phản bội

¹⁰ Giu-đa Ít-ca-ri-ốt, một người trong Nhóm Mười Hai, đi gặp các thượng tế để nộp Người cho họ.

¹¹ Nghe hắn nói, họ rất mừng và hứa cho tiền. Giu-đa liền tìm cách nộp Người sao cho tiện.

Chuẩn bị ăn lễ Vượt Qua

* ¹² Ngày thứ nhất trong tuần Bánh Không Men, là ngày sát tế chiên Vượt Qua, các môn đệ thưa với Đức Giê-su : “Thầy muốn chúng con đi dọn cho Thầy

Vài ngày trước lễ Vượt Qua, trong khi Chúa Giê-su dùng bữa tiệc tại Bê-ta-ni-a (x. Ga 12,1), cô Ma-ri-a công khai biểu lộ tình yêu thầm thiết và say đắm của mình đối với Chúa Giê-su. Như người khác có mặt ở đó cũng yêu mến Chúa mặc dù không biết bày tỏ tình yêu của mình. Nhiều người khác nữa cũng thấy bị dội vì cô Ma-ri-a quan tâm đến Chúa Giê-su nhiều hơn quan tâm đến người nghèo.

Cô ấy vừa làm cho tôi một việc nghĩa. Người Do-thái nhìn nhận việc chôn xác kẻ chết là một trong “các việc nghĩa”. Đối với Chúa, việc làm của cô Ma-ri-a là một dấu chỉ báo trước cái chết sắp xảy ra của Người. Không nên để mất một giây trong những giờ ít ỏi Người còn sống giữa chúng ta. Theo Người, ở với Người trong những giờ phút cuối cùng này thì quan trọng hơn là đi giúp người nghèo. Trong Mc 2,19, ta cũng nhận thấy có điều tương tự liên quan đến những người tỏ ra bị câu thúc trong việc ăn chay, cầu nguyện).

Giu-đa Ít-ca-ri-ốt (c.10). Tin Mừng nhấn mạnh nét tương phản giữa hành động của cô Ma-ri-a và Giu-đa Ít-ca-ri-ốt.

GAO ƯỚC MỚI

* **14,12** Trong bữa tiệc Vượt Qua, Chúa Giê-su muốn xác định ý nghĩa của cuộc thương khó mà Người sắp phải chịu. Người đến với cái chết mà Người đã đón nhận một cách tự do, cái chết sẽ cứu độ thế giới.

ăn lễ Vượt Qua ở đâu ?” “Thầy sẽ ăn lễ Vượt Qua với các môn đệ ở phòng nào ?”¹⁵ Và ông ấy sẽ chỉ cho các anh một phòng rộng rãi trên lầu, đã được chuẩn bị sẵn sàng : và ở đó, các anh hãy dọn tiệc cho chúng ta.”¹⁶ Hai môn đệ ra đi. Vào đến thành,

Nhưng Chúa Giê-su cứu độ thế nào ? Người sẽ đưa lịch sử nhân loại đến chỗ hoàn tất : con người và các dân tộc cần phải đạt đến độ chín muồi, đối đầu với và, cuối cùng kết hợp lại với nhau trong một thân thể duy nhất. Thế giới phải trải qua trăm ngàn lần khủng hoảng và chết chóc để tiến tới sự sống lại. Trong dòng lịch sử này, Thiên Chúa gia tăng và ban phát các ơn lành của Thần Khí Người, và dẫn đưa các người được tuyển chọn tới sự thánh thiện.

Chúa Giê-su đã đưa ra một sứ điệp dẫn nhân loại, nhưng cũng cần phải có một dân Thiên Chúa, một số ít người, một nắm men cảm thấy mình nhập cuộc vào công trình của Thiên Chúa và Thiên Chúa cũng đích thân có lời cam kết với họ.

Mười hai thế kỷ trước ngày Đức Giê-su sinh ra. Thiên Chúa đã lập giao ước trên núi Xi-nai để Ít-ra-en trở thành dân Thiên Chúa giữa tất cả các dân tộc khác. Nhưng thời gian trôi qua, dân Thiên Chúa càng tỏ ra bất trung, nên các ngôn sứ chờ đợi một cái gì khác, một giao ước mà hiệu quả đầu tiên sẽ là ơn tha thứ tội lỗi (x. Gr 31,31). Gia đình Thiên Chúa không còn đồng hoá với một chủng tộc, nhưng là bao gồm những người tin đã được tha thứ tội lỗi : đó là Giáo Hội.

Hôm trước ngày chịu chết, Chúa Giê-su nhắc lại giao ước thứ nhất lập trên núi Xi-nai, khi máu súc vật được rảy lên dân (x. Xh 24,8). Người sắp đổ máu mình ra vì *muôn người* (Is 53,11). Ở đây, *muôn người* đặc biệt nhắm đến Giáo Hội. Cái chết của Chúa Giê-su thanh tẩy tất cả những ai sẽ làm thành dân riêng của Người trên trần gian.

Mỗi lần cử hành lễ tạ ơn tức là thánh lễ, ta lập lại giao ước này. Chúa Giê-su trở thành bánh thiêng liêng của ta và thánh hiến ta cho Cha của Người để càng ngày ta có thể thông phần vào công trình cứu độ của Người.

Bữa ăn cuối cùng này của Chúa Giê-su là nghi lễ phụng vụ Ki-tô giáo đầu tiên. Thay thế các nghi lễ cử hành trọng thể trong đền thờ, thời khắc phụng vụ quan trọng nhất của đời sống Giáo Hội sẽ là một bữa ăn huynh đệ, trong đó mẫu nhiệm chết và sống lại được tái hiện.

Chẳng bao giờ Thầy còn uống sản phẩm của cây nho nữa. Lễ tạ ơn loan báo ngày Chúa Giê-su sẽ cử hành tiệc thánh trong Nước Thiên Chúa với toàn thể nhân loại quy tụ nơi Người.

các ông thấy mọi sự y như Người đã nói. Và các ông dọn tiệc Vượt Qua.

Đức Giê-su báo Giu-đa sẽ phản bội

¹⁷ Chiều đến, Đức Giê-su và Nhóm Mười Hai cùng tới. ¹⁸ Đang khi dùng bữa, Người nói : “Thầy bảo thật anh em, có người trong anh em sẽ nộp Thầy, *mà lại là người đang cùng ăn với Thầy.*” ¹⁹ Các môn đệ đâm ra buồn rầu, và lần lượt hỏi Người : “Chẳng lẽ con sao ?” ²⁰ Người đáp : “Chính là một trong Nhóm Mười Hai đây, mà là người chấm chung một đĩa với Thầy. ²¹ Đã hẳn, Con Người ra đi theo như lời đã chép về Người. Nhưng khốn cho kẻ nào nộp Con Người : thà kẻ đó đừng sinh ra thì hơn !”

Đức Giê-su lập bí tích Thánh Thể

²² Cũng đang bữa ăn, Đức Giê-su cầm lấy bánh, dâng

lời chúc tụng, rồi bẻ ra, trao cho các ông và nói : “Anh em hãy cầm lấy, đây là mình Thầy.” ²³ Và Người cầm chén rượu, dâng lời tạ ơn, rồi trao cho các ông, và tất cả đều uống chén này. ²⁴ Người bảo các ông : “Đây là máu Thầy, máu Giao Ước, đổ ra vì muôn người. ²⁵ Thầy bảo thật anh em : chẳng bao giờ Thầy còn uống sản phẩm của cây nho nữa, cho đến ngày Thầy uống thứ rượu mới trong Nước Thiên Chúa.”

Đức Giê-su tiên báo ông Phê-rô sẽ chối Người

²⁶ Hát thánh vịnh xong, Đức Giê-su và các môn đệ ra núi Ô-liu. ²⁷ Đức Giê-su nói với các ông : “Tất cả anh em sẽ vấp ngã, vì Kinh Thánh đã chép : *Ta sẽ đánh người chần chần, và chần chần sẽ tan tác.* ²⁸ Nhưng sau khi trở dậy, Thầy sẽ đến Ga-li-lê trước anh em.” ²⁹ Ông Phê-rô liền thưa : “Dầu tất

Để hiểu được ý nghĩa của bữa Tiệc Ly, phải đọc các diễn từ tiền biệt của Chúa Giê-su nói với các Tông Đồ mà tác giả Gio-an đã sắp xếp vào đêm thứ Năm Tuần Thánh (x. Ga 14-17). Chúa Giê-su đã đến và dùng lời của Người để chuẩn bị đổ tràn Thần Khí trên các người tin. Bấy giờ thì Người hiện diện cách đặc biệt và tác động nơi các môn đệ với một hiệu lực mới khi họ họp nhau cử hành Bữa tiệc của Chúa. Ông Gio-an giải thích điều này trong Ga 6 và ông Phao-lô trong 1 Cr 11,17tt.

cả có vấp ngã đi nữa, thì con cũng nhất định là không.”³⁰ Đức Giê-su nói với ông : “Thầy bảo thật anh : hôm nay, nội đêm nay, gà chưa kịp gáy hai lần, thì chính anh, anh đã chối Thầy đến ba lần.”³¹ Nhưng ông Phê-rô lại nói quả quyết hơn : “Dầu có phải chết với Thầy, con cũng không chối Thầy.” Tất cả các môn đệ cũng đều nói như vậy.

Tại vườn Ghết-sê-ma-ni

*³² Sau đó, Đức Giê-su và các môn đệ đến một thửa đất gọi là Ghết-sê-ma-ni. Người nói với các ông : “Anh em ngồi lại đây, trong khi Thầy cầu nguyện.”³³ Rồi Người đem các ông Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an đi theo. Người bắt đầu cảm thấy hãi hùng xao xuyến.³⁴ Người nói với các ông : “Tâm hồn Thầy buồn đến chết được.

SỰ THINH LẶNG CỦA THIÊN CHÚA

* Chúa Giê-su một mình đương đầu với cái chết và một mình thắng nó bằng cách mang lấy nơi mình định mệnh của tất cả mọi người. Người nhìn thấy sự độc ác của những kẻ hành hạ Người hay những kẻ cho phép người ta hành hạ Người. Và đằng sau những con người này, Người nhìn thấy quyền lực của tội tằm.

Vào thời điểm này, Chúa Giê-su là con người của đau khổ, là hiện thân của tội lỗi (2 Cr 5,21) : tội lỗi loài người đè nặng trên vai Người, tội lỗi mà Người lấy mạng sống mình để làm giá chuộc đền. Người cầu nguyện cùng Chúa Cha công chính và yêu quý của Người mà *cảm thấy hãi hùng đến chết được*.

Chúa Giê-su chỉ lặp lại một câu, nói lên lời cầu nguyện trọn hảo : *Áp-ba, Cha ơi ! Xin làm điều Cha muốn*. Có những thời, những nơi mà Giáo Hội chịu sự bách hại, phải hấp hối mà không còn làm gì khác hơn là cầu nguyện để ý Thiên Chúa được thể hiện. Lúc đó, lời cầu nguyện của Giáo Hội lại có hiệu lực hơn bao giờ hết.

Nhiệm mầu thay cơn hấp hối của Con Thiên Chúa ! (hấp hối nghĩa là chiến đấu). Người sẽ ban cho biết bao kẻ tử đạo có đủ sức mạnh để không sợ chịu sự tra tấn, đòn vọt, thế mà Người lại muốn cảm nhận hết sự yếu đuối của con người. Khi làm người vì chúng ta, Người đã không gian dối : Người đã muốn ném đến cả nỗi thất vọng của con người trước cái chết.

Như tác giả thư gửi tín hữu Do-thái nhắc lại (Dt 2,10-18), tuy Người chẳng hề phạm tội và không cần dâng lễ đền tội cho mình mà lại phải trải qua khổ nhục, đau đớn và ngay cả sự thinh lặng của Thiên Chúa, để đạt tới mức “*thập toàn*” và, nhờ vậy, trở thành “Con Người”, vị lãnh đạo của toàn thể loài người.

Anh em ở lại đây mà canh thức.”³⁵ Người đi xa hơn một chút, sắp mình xuống đất mà cầu xin cho mình khỏi phải qua giờ ấy, nếu có thể được.³⁶ Người nói : “Áp-ba, Cha ơi, Cha làm được mọi sự, xin cất chén này xa con. Nhưng xin đừng làm điều con muốn, mà làm điều Cha muốn.”

³⁷ Rồi Người trở lại, thấy các môn đệ đang ngủ, liền nói với ông Phê-rô : “Si-môn, anh ngủ à ? Anh không thức nổi một giờ sao ?³⁸ Anh em hãy canh thức và cầu nguyện kẻo sa chước cám dỗ. Vì tinh thần thì hăng hái, nhưng thể xác lại yếu đuối.”

³⁹ Người lại đi cầu nguyện, kêu xin như lần trước.
⁴⁰ Rồi Người trở lại, thấy các môn đệ vẫn ngủ, vì mắt họ nặng trĩu. Các ông chẳng biết trả lời

làm sao với Người.⁴¹ Lần thứ ba, Người trở lại và bảo các ông : “Lúc này mà còn ngủ, còn nghỉ sao ? Thôi, đủ rồi. Giờ đã điểm. Nay Con Người bị nộp vào tay phường tội lỗi.⁴² Đứng dậy, ta đi nào ! Kia kẻ nộp Thầy đã tới !”

Đức Giê-su bị bắt

*⁴³ Ngay lúc đó, khi Người còn đang nói, thì Giu-đa, một người trong Nhóm Mười Hai, xuất hiện. Cùng đi với hắn, có một đám đông mang gươm giáo gậy gộc. Họ được các thượng tế, kinh sư và kỳ mục sai đến.⁴⁴ Kẻ nộp Đức Giê-su đã cho họ một ám hiệu, hắn dặn rằng : “Tôi hôn ai thì chính là người đó. Các anh bắt lấy và điệu đi cho cẩn thận.”
⁴⁵ Vừa tới, Giu-đa tiến lại gần Người và nói : “Thưa

GIU-ĐA

* 14,43 Giu-đa là một người trong Nhóm Mười Hai. Sau một đêm cầu nguyện (x. Lc 6,12), làm sao Chúa Giê-su lại chọn kẻ nộp mình ? Ở đây cũng vậy, Chúa Giê-su đã không gian dối trong thân phận làm người, trong lòng tôn trọng sự tự do của người khác. Cũng như các Tông Đồ khác, khi đi theo Chúa Giê-su, Giu-đa mơ ước một vị cứu tinh theo nghĩa người ta thường hiểu. Với thời gian, họ biết Chúa Giê-su hơn và các Tông Đồ khác đã điều chỉnh tham vọng của mình, còn Giu-đa thì không.

Giu-đa phản bội Chúa Giê-su để trả thù người thầy đã làm mình thất vọng. Tuy là một trong số những người sống trong tình thân với Chúa Giê-su nhưng ông đã không thể đáp lại tình thân Người dành cho ông và cuối cùng lún sâu vào sự dữ.

Thầy !”, rồi hôn Người.
⁴⁶ Họ liền tra tay bắt Người. ⁴⁷ Nhưng một trong những kẻ đang có mặt tại đó tuốt gươm ra, chém phải tên dây tở của thượng tế, làm nó đứt tai.

⁴⁸ Đức Giê-su nói với họ : “Tôi là một tên cướp sao mà các ông đem gươm giáo gây gộc đến bắt ? ⁴⁹ Ngày ngày, tôi vẫn ở giữa các ông, vẫn giảng dạy ở Đền Thờ, mà các ông không bắt. Nhưng thế này là để lời Sách Thánh được ứng nghiệm.” ⁵⁰ Bấy giờ các môn đệ bỏ Người mà chạy trốn hết. ⁵¹ Trong khi đó có một cậu thanh niên đi theo Người, mình khoác vồn vện một tấm vải gai. Họ túm lấy anh. ⁵² Anh liền trút tấm vải lại, bỏ chạy trần truồng.

Đức Giê-su ra trước Thượng Hội Đồng

* ⁵³ Họ điệu Đức Giê-su đến vị thượng tế. Các thượng tế, kỳ mục và kinh sư tề tựu đông đủ. ⁵⁴ Ông Phê-rô theo Người xa xa, vào tận bên trong dinh thượng tế, và ngồi sưởi bên đống lửa với đám thuộc hạ.

⁵⁵ Bấy giờ các thượng tế và toàn thể Thượng Hội Đồng tìm lời chứng buộc tội Đức Giê-su để lên án tử hình, nhưng họ tìm không ra, ⁵⁶ vì tuy có nhiều kẻ đưa chứng gian tố cáo Người, nhưng các chứng ấy lại không ăn khớp với nhau. ⁵⁷ Có vài kẻ đứng lên cáo gian Người rằng : ⁵⁸ “Chúng tôi có nghe ông ấy nói : Tôi sẽ phá Đền

CHÚA GIÊ-SU BỊ XÉT XỬ

* 14,53 Chúa Giê-su phải ra trước toà án. Trước hết là Thượng Hội Đồng Do-thái : tại đây, người ta kết án Người tội nói phạm thượng. Sau đó người ta giải Người đến ông Phi-la-tô, tổng trấn người Rô-ma : tại đây, người ta tố cáo Người là một tên phiến loạn, tội phạm chính trị.

Sở dĩ có hai toà án là vì người Rô-ma đã trút khỏi tay người Do-thái quyền kết án tử hình. Vì thế, sau khi đã kết án Chúa Giê-su theo luật lệ trong Kinh Thánh, các nhà lãnh đạo dân Thiên Chúa xin quan Phi-la-tô lên án tử cho Người. Họ đưa ra những lời tố cáo mới hầu thuyết phục quan tổng trấn người Rô-ma.

Thật khó mà xác định xem vụ án của Chúa Giê-su đã được tiến hành một cách hợp pháp hay không. Vụ án này cũng giống như nhiều vụ án khác, trong đó các nhà cầm quyền dựa vào quyền lực của mình để kết án đối thủ mà không có lỗi một cách lộ liễu về mặt pháp lý.

Thờ này do tay người phạm xây dựng, và nội ba ngày, tôi sẽ xây một Đền Thờ khác, không phải do tay người phạm !”⁵⁹ Nhưng ngay về điểm này, chúng của họ cũng không ăn khớp với nhau.

*⁶⁰ Bấy giờ vị thượng tế đứng lên giữa hội đồng hỏi Đức Giê-su : “Ông không

nói lại được một lời sao ? Mấy người này tố cáo ông gì đó ?”⁶¹ Nhưng Đức Giê-su vẫn làm thinh, không đáp một tiếng. Vị thượng tế lại hỏi Người : “Ông có phải là Đấng Ki-tô, Con của Đấng Đáng Chúc Tụng không ?”⁶² Đức Giê-su trả lời : “Phải, chính thế. Rồi các ông sẽ thấy *Con Người ngự bên hữu Đấng Toàn*

CHÚA GIÊ-SU BỊ KẾT ÁN

* 14,60 Các thượng tế đã không thể kết án tử hình Chúa Giê-su vì tội vi phạm Lê Luật. Vì thế họ phải tìm đến một điểm quan trọng hơn nhiều ; điểm này nằm ở trọng tâm của Tin Mừng : Ông có phải là Con Thiên Chúa không ?

Con Thiên Chúa có thể có nghĩa đơn giản là “Đấng Mê-si-a”. Nhưng trong số bao nhiêu bản văn Kinh Thánh nói về Đấng Mê-si-a, Chúa đã chọn hai bản văn cho thấy thần tính của Đấng Cứu Thế : *Con Người* đến từ chính Thiên Chúa (Đn 7,13), *ngự bên hữu Thiên Chúa*, như một vị ngang hàng với Thiên Chúa (Tv 110). Qua lời tuyên bố này, Chúa Giê-su khẳng định Người không phải là Con Thiên Chúa như một đấng thánh hay một sứ giả của Thiên Chúa, mà là Đấng thông phần thần tính của Chúa Cha.

Các thượng tế đã không hiểu lầm ý định của Chúa Giê-su : nếu Người chỉ tự xưng mình là Đấng Mê-si-a, thì làm gì có tội phạm thượng.

Đây không phải là vấn đề từ ngữ. Họ kết án Chúa Giê-su vì toàn bộ cách thức Người hoạt động cho thấy Người đặt mình vào vị thế chỉ thuộc quyền một mình Thiên Chúa chiếm giữ mà thôi. Như vậy, họ có thể trấn an lương tâm mình vì đã bảo vệ danh dự của Thiên Chúa Độc Nhất.

Họ không thể nhìn nhận rằng, trong thực tế, họ oán ghét Chúa và Người tố cáo họ là những kẻ giả hình, thiếu lòng tin, tham lam tiền bạc. Chúa thấy mình tự do trước các luật lệ tôn giáo mà họ ra sức bảo vệ, và Người làm cho họ mất hết uy tín và lòng tự tôn. Nói Chúa Giê-su, Thiên Chúa đến đòi họ tính số, *thu hoa lợi vườn nho* (x. Mc 12,2), và họ đã chống đối Người.

Vậy Chúa Giê-su bị kết án nhân danh Thiên Chúa, và Người đã không chống lại bản án bất công này mà các nhà lãnh đạo tôn giáo của chính dân tộc Người tuyên bố, vì họ là đại diện hợp pháp mặc dù bất xứng của Thiên Chúa.

Năng và ngự giá mây trời mà đến."⁶³ Vị thượng tế liền xé áo mình ra và nói : "Chúng ta cần gì nhân chúng nữa ?"⁶⁴ Quý vị vừa nghe hẳn nói phạm đến Thiên Chúa, quý vị nghĩ sao ?" Tất cả đều kết án Người đáng chết.

⁶⁵ Thế là một số bắt đầu khạc nhổ vào Người, bịt mặt Người lại, vừa đánh đấm Người vừa nói : "Hãy nói tiên tri đi !" Và đấm thuộc hạ tát Người tui bụi.

Ông Phê-rô chối Thầy

* ⁶⁶ Ông Phê-rô đang ở dưới sân, có một người tớ gái của thượng tế đi tới ;⁶⁷ thấy ông ngồi sưởi, cô ta nhìn ông chòng chọc mà nói : "Cả bác nữa, bác cũng đã ở với cái ông người Na-da-rét, ông Giê-su đó chứ

gì !" ⁶⁸ Ông liền chối : "Tôi chẳng biết, chẳng hiểu cô muốn nói gì !" Rồi ông bỏ đi ra phía tiền sảnh. Bấy giờ có tiếng gà gáy.⁶⁹ Người tớ gái thấy ông, lại bắt đầu nói với những người đứng đó : "Bác này cũng thuộc bọn chúng đấy."⁷⁰ Nhưng ông Phê-rô lại chối. Một lát sau, những người đứng đó lại nói với ông : "Đúng là bác thuộc bọn chúng, vì bác cũng là người Ga-li-lê !"

⁷¹ Nhưng ông Phê-rô liền thốt lên những lời độc địa và thề rằng : "Tôi thề là không có biết người các ông nói đó !" ⁷² Ngay lúc đó, gà gáy lần thứ hai. Ông Phê-rô sực nhớ điều Đức Giê-su đã nói với mình : "Gà chưa kịp gáy hai lần, thì anh đã chối

* 14,66 Các Tông Đồ không phải là những người thiếu can đảm, nếu không Chúa Giê-su đã chẳng chọn họ. Ông Phê-rô đã thành thật khi nói : "Dẫu tất cả có vấp ngã đi nữa, thì con cũng nhất định là không." Họ sẵn sàng chết vì Chúa với tất cả lòng nhiệt tình khi cùng nhau chung sức chiến đấu. Nhưng mọi sự đã xảy ra khác với điều họ nghĩ. Khi bị bắt, Chúa đã không kháng cự kẻ thù và Người làm cho các Tông Đồ phải bối rối.

Các ông bỏ trốn là một phản ứng dễ hiểu nhưng cũng làm lung lay nền tảng đức tin của họ. Ông Phê-rô chối Chúa Giê-su không chỉ vì ông sợ nhưng còn vì ông không còn biết Chúa Giê-su là ai nữa.

Sau khi vấp ngã, ông Phê-rô sẽ buộc phải nghi ngờ sức mạnh của mình cho đến cuối đời. Ông Phê-rô, người lãnh đạo Giáo Hội hoàn vũ, sẽ ý thức được sự yếu đuối của mình và sẽ không an tâm bao lâu còn chưa theo sát Chúa bằng cách hy sinh mạng sống vì Người (Ga 21,19).

Thầy đến ba lần.” Thế là ông oà lên khóc.

Đức Giê-su ra trước tổng trấn Phi-la-tô

15¹ Vừa tảng sáng, các thượng tế đã họp bàn với các kỳ mục và kinh sư, tức là toàn thể Thượng Hội Đồng. Sau đó, họ trình Đức Giê-su lại và giải đi nộp cho ông Phi-la-tô.

² Ông Phi-la-tô hỏi Người : “Ông là vua dân Do-thái sao ?” Người trả lời : “Đúng như ngài nói

đó.”³ Các thượng tế tố cáo Người nhiều tội,⁴ nên ông Phi-la-tô lại hỏi Người : “Ông không trả lời gì sao ? Nghe kia, họ tố cáo ông biết bao nhiêu tội !”⁵ Nhưng Đức Giê-su không trả lời gì nữa, khiến ông Phi-la-tô phải ngạc nhiên.

*⁶ Vào mỗi dịp lễ lớn, ông thường phóng thích cho dân một người tù, tùy ý họ xin.⁷ Khi ấy có một người tên là Ba-ra-ba, đang bị giam với những tên phiến loạn đã giết

* **15,6** Đám đông đã chọn Ba-ra-ba. Tại sao ? Vì con đường giải phóng Chúa Giê-su đề nghị thì phải có thời gian, ý thức trách nhiệm và hy sinh. Trái lại, Ba-ra-ba đề nghị con đường bạo lực vô trách nhiệm khá dễ thỏa mãn ước muốn báo thù của chúng ta.

Ở đây, Tin Mừng không có ý trút xuống tất cả mọi người Do-thái sống vào thời Chúa Giê-su trách nhiệm về cái chết của Người. Tin Mừng làm chứng cho một sự kiện : toàn thể dân chúng chứ không chỉ các nhà lãnh đạo, đã chối bỏ Chúa Giê-su, cũng như sau đó sẽ chối bỏ lời loan báo Tin Mừng Ki-tô giáo (x. Rm 10,19).

Một trong những điều đầu tiên mà Thần Khí sẽ dạy các Tông Đồ là sự chối bỏ này, tuy là điều mà các người Do-thái tin Chúa khó chấp nhận, cũng nằm trong chương trình của Thiên Chúa (x. Cv 4,11 ; Rm 11,25-32), điều này đã từng có tiền ảnh trong truyện ông Giu-se : *“Anh em đừng buồn phiền, đừng hối hận vì đã bán tôi sang đây : chính là để duy trì sự sống mà Thiên Chúa đã gửi tôi đi trước anh em”* (St 45,5).

Chúa Giê-su là của lễ đền tội cho thế gian (1 Ga 4,10). Người có muôn vàn cách thế để trở thành của lễ đền tội và thí mạng sống vì những kẻ mà Người thương mến, nhưng sự chối bỏ Đấng Mê-si-a từ phía người nhà của Người làm cho hy lễ của Người một ý nghĩa mới. Chúa bị chối bỏ bởi dân tộc của Người : sự kiện này nối dài lịch sử của dân Thiên Chúa trong quá khứ đã biết bao lần từ chối đi vào con đường cứu độ mà Thiên Chúa đề nghị. Thiên Chúa đã nói : “Không phải chúng gạt bỏ người mà là chúng gạt bỏ Ta, không chịu để Ta làm vua của chúng” (1 Sm 8,7).

người trong một vụ nổi dậy. ⁸ Đám đông kéo nhau lên yêu cầu tống trấn ban ân xá như thường lệ. ⁹ Đáp lời họ yêu cầu, ông Phi-la-tô hỏi : “Các ông có muốn ta phóng thích vua dân Do-thái cho các ông không ?” ¹⁰ Bởi ông thừa biết chỉ vì ghen tị mà các thượng tế nộp Người. ¹¹ Nhưng các thượng tế sách động đám đông đòi ông Phi-la-tô phóng thích tên Ba-ra-ba thì hơn. ¹² Ông Phi-la-tô lại hỏi : “Vậy ta phải xử thế nào với người mà các ông gọi là vua dân Do-thái ?” ¹³ Họ la lên : “Đóng đinh nó vào thập giá !” ¹⁴ Ông Phi-la-tô lại hỏi : “Nhưng ông ấy đã làm điều gì gian ác ?” Họ càng la to : “Đóng đinh nó vào thập giá !” ¹⁵ Vì muốn chiều lòng đám đông, ông Phi-la-tô phóng thích tên Ba-ra-ba, truyền

đánh đòn Đức Giê-su, rồi trao Người cho họ đóng đinh vào thập giá.

Đức Giê-su đội vòng gai

¹⁶ Lính điệu Đức Giê-su vào bên trong công trường, tức là dinh tống trấn, và tập trung cả cơ đội lại. ¹⁷ Chúng khoác cho Người một tấm áo điều, và kết một vòng gai làm vương miện đặt lên đầu Người. ¹⁸ Rồi chúng bái chào Người : “Vạn tuế đức vua dân Do-thái !” ¹⁹ Chúng lấy cây sậy đập lên đầu Người, khạc nhổ vào Người, và quỳ gối bái lạy. ²⁰ Chế giễu chán, chúng lột áo điều ra, và cho Người mặc áo lại như trước. Sau đó, chúng dẫn Người đi để đóng đinh vào thập giá.

Đường lên Gôn-gô-tha

* ²¹ Lúc ấy, có một người từ miền quê lên, đi ngang

Thánh Gio-an mời ta tự đặt cho mình câu hỏi : “Thiên Chúa có thể đến với chúng ta mà không chối bỏ Người không ?” (Ga 1,11). Và thánh Phao-lô cho ta thấy rằng cái chết trên thập giá của “Thiên Chúa được biểu lộ” cho thấy Sự Khôn Ngoan của Thiên Chúa mà ta coi là nghịch lý và khó lòng chấp nhận (1 Cr 1,17-24).

* **15,21** Chúa Giê-su bị tra tấn, chế giễu và ngược đãi. Người đã chấp nhận đi hết con đường phi nhân đạo mà, đúng hay sai, người ta thường bắt những kẻ bị xã hội ruồng bỏ phải đi. Theo đúng luật pháp Rô-ma, Chúa Giê-su bị đánh đòn, nhưng đây không phải là một hình phạt độc ác phụ trội : mất máu và kiệt sức vì đòn vọt, kẻ bị đóng đinh vào thập giá sẽ chết mau hơn, và như vậy, cơn hấp hối của họ được rút ngắn.

qua đó, tên là Si-môn, gốc Ky-rê-nê. Ông là thân phụ hai ông A-lê-xan-đê và Ru-phô. Chúng bắt ông vác thập giá đỡ Đức Giê-su.²² Chúng đưa Người lên một nơi gọi là Gôn-gô-tha, nghĩa là Đồi Sọ.

Đức Giê-su chịu đóng đinh vào thập giá

²³ Chúng trao rượu pha mộc dược cho Người, nhưng Người không uống.
²⁴ Chúng đóng đinh Người vào thập giá, rồi đem áo Người ra bắt thăm mà chia nhau, xem ai được cái gì.
²⁵ Lúc chúng đóng đinh Người là giờ thứ ba.
²⁶ Bản án xử tội Người viết rằng : “Vua người Do-thái”.
²⁷ Bên cạnh Người, chúng còn đóng đinh hai tên cướp, một đứa bên phải, một đứa bên trái. [²⁸ Thế là ứng nghiệm lời Kinh Thánh : Người bị liệt vào hạng những tên phạm pháp.]

Đức Giê-su ở trên thập giá bị sỉ vả nhạo cười

²⁹ Kể qua người lại đều nhục mạ Người, vừa *lắc đầu* vừa nói : “Ê, mi là kẻ phá Đền Thờ, và nội trong ba ngày xây lại được, ³⁰ có giỏi thì xuống khỏi thập giá mà cứu mình đi !”

³¹ Các thượng tế và kinh sư cũng chế giễu Người như vậy, họ nói với nhau : “Hắn cứu được thiên hạ, mà chẳng cứu nổi mình.
³² Ông Ki-tô vua Ít-ra-en, cứ xuống khỏi thập giá ngay bây giờ đi, để chúng ta thấy và tin.” Cả những tên cùng chịu đóng đinh với Người cũng nhục mạ Người.

Đức Giê-su chết trên thập giá

* ³³ Vào giờ thứ sáu, bóng tối bao phủ khắp mặt đất mãi đến giờ thứ chín.
³⁴ Vào giờ thứ chín, Đức Giê-su kêu lớn tiếng : “Ê-lô-i, Ê-lô-i, la-ma xa-bác-

Bị treo trên thập giá, hai cánh tay dang ra, kẻ tử tội bị nghẹt thở. Để có thể thở được, kẻ ấy phải dồn sức vào hai chân và hai cánh tay, và như vậy càng tăng thêm nỗi đau đớn, vốn đã không thể chịu nổi, do các đinh đóng thấu chân tay gây nên. Khi không còn sức để rướn mình lên, kẻ tử tội chết ngạt.

Rượu pha mộc dược là thức uống bình lính Rô-ma thường dùng. Mộc dược làm giảm đau ; nhưng Chúa Giê-su từ chối tất cả những gì làm giảm bớt những đau khổ Người phải chịu.

tha-ni ! Nghĩa là : *“Lạy Thiên Chúa, Thiên Chúa của con, sao Ngài bỏ rơi con ?”* ³⁵ Nghe vậy, một vài người đứng đó liền nói : *“Kìa hấn kêu cứu ông Ê-li-a.”* ³⁶ Rồi có kẻ chạy đi lấy một miếng bọt biển, thấm đầy *giấm*, cắm vào một cây sậy, *đưa lên cho* Người *uống* mà nói : *“Để xem ông Ê-li-a có đến đem hấn*

xuống không.” ³⁷ Đức Giê-su lại kêu lên một tiếng lớn, rồi tắt thở. ³⁸ Bức màn trướng trong Đền Thờ bỗng xé ra làm hai từ trên xuống dưới. ³⁹ Viên đại đội trưởng đứng đối diện với Đức Giê-su, thấy Người tắt thở như vậy liền nói : *“Quả thật, người này là Con Thiên Chúa.”*

ON HOÀ GIẢI

* 15,30 *Ê-lô-i, Ê-lô-i, la-ma xa-bác-tha-ni ?* Đây là phân đầu Tv 27. Một tiếng kêu hoảng hốt khởi đầu thánh vịnh, và kết thúc là niềm tin tưởng sẽ chiến thắng. Thánh vịnh này gợi nhớ cuộc thương khó của Chúa Giê-su ở nhiều đoạn.

Tiếng kêu của Chúa khi Người tắt thở là một bí ẩn, bởi vì theo lẽ thường thì một người bị đóng đinh trên thập giá phải chết vì kiệt sức, nghẹt thở, và như vậy, không thể kêu lớn tiếng được. Nhưng không ai có thể lấy đi sự sống của Chúa Giê-su ; sự sống thuộc quyền Người mà Người trao ban lúc nào tùy ý (Ga 10,18). Những kẻ đứng đó rất đổi ngạc nhiên : tiếng kêu la của người bại trận hay của của người thắng trận ?

Có những cái chết làm cho gia đình phải chia rẽ và có những cái chết làm cho gia đình được hoà giải. Thập giá trên đó Chúa Giê-su chịu đóng đinh và chịu chết gồm hai phần : một cột thẳng và một thanh ngang. Khi bị treo giữa trời và đất, Chúa Giê-su hoà giải tất cả mọi người với nhau và với Thiên Chúa. Cái chết của Người biểu lộ tỏ tường nhất tình thương mà Thiên Chúa dành cho loài người : những kẻ nhận ra tình thương này thì được hoà giải với Thiên Chúa (Rm 5,1 ; 8,1).

Bức màn trướng che Nơi Thánh trong Đền Thờ bỗng xé ra làm hai. Thiên Chúa không còn ngự nơi mà không một người phàm nào được phép vào. Thiên Chúa rời bỏ Nơi Cực Thánh từng làm mọi người phải sợ hãi, và bây giờ, Thiên Chúa mặc khải mình cho mọi người nhờ Con của Người, Đấng bị đâm thâu bởi tội lỗi, và còn hơn thế nữa, bởi lòng thương yêu Người dành cho ta.

Nhờ cái chết và sự sống lại của Người, Chúa Giê-su hoà giải mọi người, mọi dân tộc. Trước khi Chúa Giê-su xuống thế làm người, Thiên Chúa chưa cắt đi rào ngăn cách các dân tộc : Người đã chỉ hành động nơi dân tộc Do-thái. Còn bây giờ, mọi dân tộc được kêu mời trở thành nhiệm thể duy nhất của Chúa Ki-tô (Ep 2,11-16).

Các phụ nữ đạo đức trên Gôn-gô-tha Đức Giê-su được mai táng

⁴⁰ Nhưng cũng có mấy phụ nữ đứng xa xa mà nhìn, trong đó có bà Ma-ri-a Mác-đa-la, bà Ma-ri-a mẹ các ông Gia-cô-bê Thứ và Giô-xét, cùng bà Sa-lô-mê.
⁴¹ Các bà này đã đi theo và giúp đỡ Đức Giê-su khi Người còn ở Ga-li-lê. Lại có nhiều bà khác đã cùng với Người lên Giê-ru-sa-lem, cũng có mặt tại đó.

* ⁴² Chiều đến, vì hôm ấy là ngày áp lễ, tức là hôm trước ngày sa-bát, ⁴³ nên ông Giô-xép tới. Ông là người thành A-ri-ma-thê, thành viên có thể giá của hội đồng, và cũng là người vẫn mong đợi Triều Đại của Thiên Chúa. Ông đã mạnh dạn đến gặp tổng trấn Phi-la-tô để xin thi hài Đức Giê-su. ⁴⁴ Nghe nói Người đã chết, ông Phi-la-tô lấy làm ngạc

Trước đây, mỗi dân tộc có tôn giáo, tín ngưỡng riêng của mình ; nhưng bây giờ, sự nhận biết Chúa Giê-su, mà là Chúa Giê-su bị đóng đinh, là nền tảng của đức tin và sự hợp nhất. Bằng cách nhận biết và tin vào Người, các dân tộc, các quốc gia sẽ được hoà giải với nhau, mặc dù có những khác biệt khiến họ chống đối nhau.

Quả thật, người này là Con Thiên Chúa. Viên đại đội trưởng người Rô-ma đã tuyên xưng Chúa Giê-su là *người công chính* (Lc 23,47). Nhưng ở đây Mác-cô lại ghi ông tuyên xưng "*Người này là Con Thiên Chúa*" vì tác giả đã nhận ra nơi viên đại đội trưởng ngoại đạo này tất cả các dân ngoại sẽ nhận ra Con Thiên Chúa nơi Đấng Chịu Đóng Đinh.

Nhiều lần Chúa Giê-su đã nghiêm cấm không cho người ta tuyên xưng Người là Con Thiên Chúa (Mc 1,44), vì không ai có thể ai nhận biết Thiên Chúa là ai và Con Thiên Chúa nghĩa là gì (Mt 11,27) trước khi nhìn thấy Chúa Giê-su chịu chết và trước khi tin vào sự sống lại của Người (Rm 3,24-26).

* **15,42** Ông Giô-xép người thành A-ri-ma-thê vội vã xin thi hài Chúa Giê-su để đem đi mai táng, vì luật Do-thái buộc phải chôn xác người tử tội trước khi trời tối (Đnl 21,22), và hơn nữa, vì ngày này lại là ngày áp lễ Vượt Qua quan trọng như thế. Ngôi mộ đã được đục sẵn trong núi đá trên sườn đồi. Muốn vào trong mộ, phải qua một cửa rất thấp, được lấp bằng một tảng đá lớn như thốt cối xay (x. phần bình giải Ga 19,31).

Như hạt giống chôn vùi trong lòng đất, thi hài Chúa Giê-su được mai táng để một sự sống mới có thể nảy sinh (Rm 6,5 ; cũng x. phần bình giải Mt 27,51).

nhiên, và cho đòi viên đại đội trưởng đến, hỏi xem Người đã chết lâu chưa.

⁴⁵ Sau khi nghe viên sĩ quan cho biết sự việc, tổng trấn đã cho ông Giô-xếp lãnh lấy thi hài. ⁴⁶ Ông này mua một tấm vải gai, hạ xác Đức Giê-su xuống, lấy tấm vải ấy liệm Người lại, đem đặt vào ngôi mộ đã đục sẵn trong núi đá, rồi lăn tảng đá lấp cửa mộ. ⁴⁷ Còn bà Ma-ri-a Mác-đa-la và bà Ma-ri-a

mẹ ông Giô-xết, thì để ý nhìn xem chỗ họ mai táng Người.

Ngôi mộ trống. Thiên thần báo tin.

16 * ¹ Vừa hết ngày sa-bát, bà Ma-ri-a Mác-đa-la với bà Ma-ri-a mẹ ông Gia-cô-bê, và bà Sa-lô-mê, mua dầu thơm để đi ướp xác Đức Giê-su. ² Sáng tinh sương ngày thứ nhất trong tuần, lúc mặt trời hé mọc, các bà ra mộ.

CHÚA GIÊ-SU SỐNG LẠI TỪ CÔI CHẾT

* **16,1** Câu chuyện về Chúa Giê-su kết thúc đột ngột với việc các phụ nữ khám phá ngôi mộ trống. Ở trang cuối sách Tin Mừng, ta đọc thấy một bài tường thuật ngắn về các cuộc hiện ra quan trọng nhất của Chúa sau cái chết của Người. Đây không còn là con người Giê-su mà người ta đã biết trước kia nữa, nhưng là một Đức Giê-su được tái sinh bởi Chúa Cha để không còn bao giờ chết nữa, như đã được nói đến trong thánh vịnh 2 : *“Con là Con của Cha, ngày hôm nay Cha đã sinh ra Con.”*

Chúa Giê-su đã sống lại. Sách Tin Mừng kể lại cho chúng ta những biến cố xảy ra sau cái chết của Người và nêu tên những chứng nhân đã thấy Người sống lại. Chúng ta có thể tin những người này không ? Ta muốn có nhiều chi tiết hơn để củng cố niềm tin của chúng ta, nhưng cho dù người ta có công bố hàng ngàn cuộc tiếp xúc với các nhân chứng, với những tấm ảnh để xác nhận lời chứng của họ, thì ta vẫn có nghi ngờ vì ta không thấy Người và không gặp Người : Người đang ở đâu ?

Trong thực tế, vấn đề không phải là có ít hay nhiều nhân chứng. Ta nghi ngờ không phải thiếu chứng cứ nhưng vì biến cố xảy ra vượt quá tầm hiểu biết của chúng ta. Các chứng tá có đó và đã đứng vững trước những phê bình hiện đại. Nhưng làm sao có một sự sống lại, làm sao tin chắc một thế giới đầy đau khổ và những cố vấp phạm lại dẫn đến một sự sống lại ?

Tin là một hành trình cá biệt của mỗi người và, ở đây, ai sẽ tin ? Những người đã được kinh nghiệm bản thân chuẩn bị để chấp nhận sự thật căn bản sau đây : Thiên Chúa hằng sống yêu thương loài người và ban sự sống cho loài người.

³ Các bà bảo nhau : “Ai sẽ lăn tảng đá ra khỏi cửa mộ giùm ta đây ?”

⁴ Nhưng vừa ngược mắt lên, các bà đã thấy tảng đá lăn ra một bên rồi, mà tảng đá ấy lớn lắm. ⁵ Vào trong mộ, các bà thấy một người thanh niên ngồi bên phải, mặc áo trắng ; các bà hoảng sợ. ⁶ Nhưng người thanh niên liền nói : “Đừng hoảng sợ ! Các bà tìm Đức Giê-su Na-da-rét, Đấng bị đóng đinh chứ gì ! Người đã trở dậy rồi, không còn đây nữa. Chỗ đã đặt Người đây này !

⁷ Xin các bà về nói với môn đệ Người và ông Phê-rô rằng Người sẽ đến Ga-li-lê trước các ông. Ở đó, các ông sẽ được thấy Người như Người đã nói với các ông.” ⁸ Vừa ra khỏi mộ, các bà liền chạy trốn, run lấy bầy, hết hồn hết vía. Các bà chẳng nói gì với ai, vì sợ hãi.

Đức Giê-su phục sinh hiện ra

* ⁹ Sau khi sống lại vào lúc tảng sáng ngày thứ nhất trong tuần, Đức Giê-su hiện ra trước tiên với

Một số người chuẩn bị để tin vì họ đã khám phá ra rằng Thiên Chúa gần gũi họ trong cơn thử thách và ban cho họ niềm hy vọng khi mọi sự kể như đã mất. Vì thế, họ nhận ra nơi Chúa Ki-tô con người lý tưởng. Người phải chịu đau khổ trước khi đạt tới vinh quang. Vì đã hiểu biết sâu sắc hơn những điều thuộc về Thiên Chúa, họ sẵn sàng tin những người làm chứng về Đấng Phục Sinh.

Tin vào sự sống lại của Chúa Ki-tô không khó hơn là lời Người giảng dạy : hai điều không thể tách rời nhau. Thánh Gio-an Tông Đồ nói : “Người tin thì thắng thế gian” (1 Ga 5,4), nghĩa là người ấy đã vượt lên ý nghĩa sai lầm mà người ta thường gán cho cuộc sống, đã thắng nỗi sợ hãi mà mọi người chúng ta cảm thấy khi phải gạt qua một bên các lý luận của mình để phó thác mình trong tay Thiên Chúa.

* **16,9** Tin Mừng theo thánh Mác-cô kết thúc đột ngột ở câu 8. Ta chờ đợi cuộc gặp gỡ giữa Chúa Giê-su với các Tông Đồ tại Ga-li-lê, nhưng cuộc gặp gỡ này đã không xảy ra. Tại sao ? Ta không biết. Thay vào đó, ta chỉ có một bài tường thuật ngắn về cuộc hiện ra của Chúa sau khi Người sống lại.

Rao giảng Tin Mừng cho mọi loài thụ tạo (c.15). Tin Mừng là hạt giống được gieo vào thế giới và, đến thời đến buổi, sẽ nảy mầm trong lãnh vực hoạt động của con người. Cứu độ không phải là cứu vớt những linh hồn riêng rẽ, những cá nhân. Tin Mừng phải được loan báo cho toàn thể tạo thành qua mọi hoạt động của những người đã được đổi mới nhờ phép thanh tẩy. Họ là nắm men sẽ làm thay đổi lịch sử loài người.

bà Ma-ri-a Mác-đa-la, là kẻ đã được Người trừ cho khỏi bẫy quỷ.¹⁰ Bà đi báo tin cho những kẻ đã từng sống với Người mà nay đang buồn bã khóc lóc.¹¹ Nghe bà nói Người đang sống và bà đã thấy Người, các ông vẫn không tin.

¹² Sau đó, Người tỏ mình ra dưới một hình dạng khác cho hai người trong nhóm các ông, khi họ đang trên đường đi về quê.¹³ Họ trở về báo tin cho các ông khác, nhưng các ông ấy cũng không tin hai người này.

¹⁴ Sau cùng, Người tỏ mình ra cho chính Nhóm Mười Một đang khi các

ông dùng bữa. Người khiển trách các ông không tin và cứng lòng, bởi lẽ các ông không chịu tin những kẻ đã được thấy Người sau khi Người trỗi dậy. *¹⁵ Người nói với các ông : “Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, loan báo Tin Mừng cho mọi loài thụ tạo.¹⁶ Ai tin và chịu phép rửa, sẽ được cứu độ ; còn ai không tin, thì sẽ bị kết án.¹⁷ Đây là những dấu lạ sẽ đi theo những ai có lòng tin : nhân danh Thầy, họ sẽ trừ được quỷ, sẽ nói được những tiếng mới lạ.¹⁸ Họ sẽ cầm được rắn, và dù có uống nhằm thuốc

DANH THÁNH GIÊ-SU

* 16,15 Vào ngày sống lại, bản tính nhân loại của Chúa Giê-su đã bắt đầu tham dự trọn vẹn vào vinh quang Thiên Chúa. Bây giờ Người là “Con Thiên Chúa với tất cả quyền năng” (Rm 1,14). Người kêu gọi ta tin vào Danh Người, nghĩa là vào quyền năng thần linh Người vừa nhận được.

Danh xưng là một từ hầu như không có nghĩa gì đối với ta. Còn đối với người Do-thái, từ này chỉ sự hiện diện sống động của Thiên Chúa. Vì thế, họ có thể nói lên sự hiện diện nhiệm mầu của Thiên Chúa trong thế giới mà không quên lãng sự cao cả của Người. Ví dụ : người ta không nói Thiên Chúa đi với người Híp-ri vào Đất Hứa (vì Thiên Chúa không đi đứng), nhưng nói đến danh thánh (Ds 6,27) hay nhan thánh (Tv 67,2) của Người. Cũng vậy, người ta nói danh Người ở trong Đền Thờ, và từ đó chúc lành cho các hoạt động của dân (1 V 8,28).

Thánh Phao-lô nói Chúa Giê-su đã nhận được danh hiệu này, nghĩa là quyền năng và một sự hiện diện, vượt trên mọi danh hiệu (Pl 2,9). Chúa Giê-su nhận được danh hiệu ấy từ Chúa Cha nhưng không thua kém Chúa Cha. Người không nhận vinh quang và danh hiệu theo kiểu người phàm, vì vinh quang thần linh chỉ thuộc về Thiên Chúa. Nếu Chúa Giê-su nhận được một danh hiệu thần linh, ấy là vì Người đã nhận được bản tính thần linh từ Chúa Cha.

độc, thì cũng chẳng sao. Và nếu họ đặt tay trên những người bệnh, thì những người này sẽ được mạnh khoẻ.”

¹⁹ Nói xong, Chúa Giê-su được đưa lên trời và ngự

bên hữu Thiên Chúa.²⁰ Còn các Tông Đồ thì ra đi rao giảng khắp nơi, có Chúa cùng hoạt động với các ông, và dùng những dấu lạ kèm theo mà xác nhận lời các ông rao giảng.

Vậy Đức Giê-su là Chúa và bắt đầu điều khiển lịch sử loài người cũng như hành trình mỗi người chúng ta đến với Người. Các Tông Đồ được sai đi khắp thế gian để chữa lành và thánh hoá thế gian. Các phép lạ và những vụ chữa lành được nhấn mạnh trong trang Tin Mừng này tự chúng không phải là cùng đích mà là những dấu chỉ. Mục đích của việc loan báo Tin Mừng là quy tụ muôn loài thụ tạo (c.15) chung quanh Con Thiên Chúa xuống thế làm người, nhờ tác động của Thánh Thần.

Ai không tin sẽ bị kết án. Giải thích sai lời đe dọa này sẽ đem đến những hậu quả không lường được. Cho dù trong quá khứ người ta hiểu điều này như một lời kết án phải sa hoả ngục, nhưng ý nghĩa của bản văn thì lại khác hẳn.

Kẻ không tin những người đã được nghe giới thiệu sứ điệp Tin Mừng và đồng thời đã thấy và nhận được những dấu chỉ khá rõ nghĩa để có thể qua đó nhận ra bàn tay của Thiên Chúa. Kẻ ấy sẽ bị kết án, nghĩa là phải trả lễ về các hành vi tốt xấu của mình, kẻ ấy sẽ phải nhận “một” hình phạt vì đã không tin : cho dù kẻ ấy là nạn nhân của nhiều ảnh hưởng khác nhau, thì vẫn phải nhìn nhận rằng vào thời điểm ấy mình đã phạm lỗi, và có thể là lỗi nặng. Trái lại, *ai tin và chịu phép rửa, sẽ được cứu độ*, nghĩa là được hưởng các ân huệ mà Thiên Chúa ban cho chúng ta nhờ con của Người là Chúa Giê-su : kẻ ấy đã được đổi mới sâu xa và cuộc sống đã đi theo một hướng khác. Kẻ ấy sẽ được tham dự vào sứ mạng của dân Thiên Chúa trong lịch sử, một công trình cứu độ vừa nhiệm mầu vừa vĩ đại, mà nếu không có, thì loài người sẽ phải hư mất, theo đúng các nghĩa của từ này.

Đây là những dấu lạ sẽ đi theo những ai có lòng tin (c.17). Sách Công Vụ Tông Đồ kể cho chúng ta nghe một số dấu lạ và phép lạ trong thời gian đầu của Giáo Hội. Ngay cả ngày nay, người ta cũng hãy còn thấy dấu lạ ở mọi nơi người tin muốn dùng Tin Mừng mà loan báo Tin Mừng.

TIN MỪNG THEO THÁNH LU-CA

DẪN NHẬP

Thánh Lu-ca, người thầy thuốc gốc Xy-ri, có lẽ đã trở thành Ki-tô hữu khi các vị truyền giáo đầu tiên thuộc giáo đoàn Giê-ru-sa-lem và Xê-da-rê đem Tin Mừng ra khỏi biên giới nước Do-thái. Sau đó, ngài rời quê hương để tháp tùng tông đồ Phao-lô (Cv 16,10).

Đó là lý do khiến ngài đến Rô-ma, thủ đô của thế giới thời ấy. Ngài ở lại đó ít nhất hai năm, và chính tại đó mà ngài quen biết hai thánh Phê-rô và Mác-cô lúc ấy đang giảng dạy người Ki-tô hữu tại Rô-ma.

Khi viết sách Tin Mừng, ngài đã biết một số tác phẩm kể lại những hành động và phép lạ của Chúa Giê-su, là những bản văn mà các thánh Mác-cô và Mát-thêu cũng sử dụng. Ngoài ra, khi di chuyển đây đó, thánh Lu-ca đã thu gom những trình thuật

khác được các giáo đoàn đầu tiên Giê-ru-sa-lem và Xê-da-rê lưu giữ. Ở điểm này, đoạn đầu sách Tin Mừng của ngài rất minh bạch : ngài nói rõ mối quan tâm của mình đi tìm lại lời chứng của các người đã được chứng kiến ngay từ đầu và đã phục vụ Lời Chúa, tức là các Tông Đồ (1,1-4).

Do đó sẽ lâm to nếu nghĩ –như một số người đã nghĩ– rằng thánh Lu-ca có thể đã thêu dệt chung quanh những gì mình không biết, bởi vì ngài viết sách Tin Mừng sau khi các biến cố xảy ra cả một thời gian dài. Tuy có thể nói các lần sửa chữa cuối cùng là vào những năm 70, nhưng trên thực tế, Tin Mừng Lu-ca là một tác phẩm cổ xưa hơn nhiều. Dù sao, ấy là trường hợp rất đặc biệt của hai chương đầu : hai chương

này dịch rất sát một tác phẩm bằng tiếng Híp-ri hoặc A-ram thuộc thế hệ Ki-tô hữu đầu tiên.

Thánh Lu-ca là người theo văn hoá Hy-lạp và viết cho người Hy-lạp. Ngài không ghi lại, như hai thánh Mác-cô và Mát-thêu, các chi tiết về những luật lệ và tập tục Do-thái mà độc giả mình không hiểu được. Như một người Hy-lạp chính hiệu, ngài rất ghét làm cho người ta có cảm tưởng là chỉ một truyện mà kể đến hai lần.

Trong Tin Mừng, thánh Lu-ca nhìn thấy sức mạnh làm cho con người được hoà giải với Thiên Chúa và với nhau. Vì thế, ngài đã thuật lại rất kỹ các dụ ngôn về lòng thương xót và những dụ ngôn trong đó Chúa Giê-su lên án tiền

bạc, là nguyên nhân chia rẽ người với người. Ngài cũng cảm kích thái độ rất mới của Chúa Giê-su đối với phụ nữ, trong cái thế giới Do-thái vốn coi phụ nữ là hạng người vị thành niên.

Tin Mừng theo thánh Lu-ca gồm ba phần (xem dẫn nhập vào Tân Ước) :

– Sứ vụ của Chúa Giê-su tại Ga-li-lê (3,1 – 9,56).

– Hành trình lên Giê-ru-sa-lem (9,57 – 18,17).

– Cuộc tiến vào Giê-ru-sa-lem và cuộc thương khó (18,18 – 23).

Chương cuối cùng về những lần Chúa Giê-su Phục Sinh hiện ra như là một lời mời gọi đọc sách Công vụ Tông Đồ, tác phẩm tiếp nối sách Tin Mừng theo thánh Lu-ca.

TIN MỪNG

THEO THÁNH LU-CA

Lời tựa

1 * ¹ Thưa ngài Thê-ô-phi-lô đáng kính, có nhiều người đã ra công soạn bản tường thuật những sự việc đã được thực hiện giữa chúng ta. ² Họ viết theo những điều mà các người đã được chứng kiến ngay từ đầu và đã

phục vụ lời Chúa truyền lại cho chúng ta. ³ Tôi cũng vậy, sau khi đã cẩn thận tra cứu đầu đuôi mọi sự, thì thiết tưởng cũng nên tuân tự viết ra để kính tặng ngài, ⁴ mong ngài sẽ nhận thức được rằng giáo huấn ngài đã học hỏi thật là vững chắc.

* 1,1 Thánh Lu-ca đề tặng tác phẩm của mình cho ông Thê-ô-phi-lô ; có lẽ ông này là một Ki-tô hữu khá giả. Theo tập tục thời đó, lúc chưa có phương tiện in ấn, tác giả Lu-ca ký thác cho ông thủ bản của mình để ông đài thọ công việc nhân bản tác phẩm đó. Ngài cũng sẽ đề tặng cho ông như vậy sách Công vụ Tông Đồ.

Sau khi đã cẩn thận tra cứu đầu đuôi mọi sự. Như phần đầu của Tin Mừng theo thánh Mát-thêu, hai chương đầu của Tin Mừng này là một trình thuật về thời thơ ấu của Chúa Giê-su. Nhưng tinh thần làm việc thì khác hẳn. Thánh Mát-thêu tùy tiện sử dụng những truyện mà ngài không hề phối kiểm, y theo truyền thuyết những “truyện các thánh thời thơ ấu” vẫn lưu hành trong giới người Do-thái. Ngài dùng những truyện đó để cho thấy sứ mạng của Chúa Giê-su. Thánh Lu-ca cũng đưa ra một trình thuật trước hết mang tính thần học, nhưng dựa trên sự kiện. Để soạn thảo trình thuật này, ngài sử dụng một văn kiện rất cổ xưa được các giáo đoàn Ki-tô hữu ở Pa-lét-tin lưu giữ.

Vậy trong hai chương đầu, chúng ta nhận thấy bảy cảnh :

- Truyền tin về ông Gio-an
- Truyền tin về Chúa Giê-su
- Đức Ma-ri-a thăm viếng bà Ê-li-sa-bét
- Ông Gio-an sinh ra
- Chúa Giê-su sinh ra
- Chúa Giê-su được tiến dâng cho Thiên Chúa
- Chúa Giê-su trong Đền Thờ.

I. THỜI THỜ ẤU : ÔNG GIO-AN TẨY GIẢ VÀ ĐỨC GIÊ-SU SINH RA VÀ SỐNG ẨN DẬT

Truyền tin cho ông Da-ca-ri-a

* ⁵ Thời vua Hê-rô-đê cai trị miền Giu-đê, có một vị tư tế thuộc nhóm A-vi-gia, tên là Da-ca-ri-a ; vợ ông là Ê-li-sa-bét cũng thuộc dòng tộc tư tế A-ha-ron. ⁶ Cả hai ông bà đều là người công chính trước mặt Thiên Chúa, sống đúng theo mọi điều răn và mệnh lệnh của Chúa,

không ai chê trách được điều gì. ⁷ Nhưng họ lại không có con, vì bà Ê-li-sa-bét là người hiếm hoi. Vả lại, cả hai đều đã cao niên.

⁸ Sau đây là chuyện xảy ra trong lúc ông đang lo việc tế tự trước nhan Thiên Chúa khi đến phiên của nhóm ông : ⁹ Trong cuộc bắt thăm thường lệ của hàng tư tế, ông đã

* 1,5 *Thời vua Hê-rô-đê.* Vua Hê-rô-đê này được ghi trong lịch sử dưới danh hiệu Hê-rô-đê Cả, là thân phụ của “tiểu vương” Hê-rô-đê được nói tới ở 3,1 và Chúa Giê-su với tiểu vương này biết nhau. Vua Hê-rô-đê Cả là quốc vương cuối cùng của người Do-thái, và khi ông băng hà thì nước Do-thái mất quyền tự trị.

Tin Mừng Lc khởi sự ở Đền Thờ và sẽ kết thúc ở Đền Thờ. Vậy tất cả những gì ghi trong tác phẩm thứ nhất của thánh Lu-ca sẽ diễn ra trong một khung cảnh thuần là Do-thái. Chỉ trong tác phẩm thứ hai, sách Công vụ Tông Đồ, mới thấy Tin Mừng được phổ biến cho mọi dân tộc. Công trình của Thiên Chúa bắt đầu nơi những người tín hữu đơn sơ ; có nhiều người như thế tại Ít-ra-en : họ được các thánh vịnh gọi là “những người nghèo của Đức Chúa”.

Ông Da-ca-ri-a là *tư tế*. Trong xã hội Do-thái, người ta trở thành tư tế không phải do ơn gọi cá nhân, nhưng do cha truyền con nối. Có một số gia đình tư tế, là những người *thuộc dòng tộc tư tế A-ha-ron*, và tất cả con trai trong các gia đình này đều là tư tế từ đời cha đến đời con. Đặc ân của họ là được thay phiên nhau chu toàn một số chức vụ trong đền thờ Giê-ru-sa-lem. Ngoài ra, họ làm việc như bất cứ ai khác trong các thành phố và xóm làng của mình.

Bà Ê-li-sa-bét là người hiếm hoi (c.7). Tình cảnh bà Ê-li-sa-bét giống như các bà Xa-ra, Rê-bê-ca và Ra-khen, tổ tiên nổi tiếng của dân Ít-ra-en, hoặc cũng như bà An-na, mẹ của ngôn sứ Sa-mu-ên. Sự kiện này lại một lần nữa làm nổi bật lòng nhân hậu và quyền năng của Thiên Chúa đối với những người khiêm nhu và những người bị khinh thường (1 Sm 2).

trúng thăm được vào dâng hương trong Đền Thờ của Đức Chúa.¹⁰ Trong giờ dâng hương đó, toàn thể dân chúng cầu nguyện ở bên ngoài.

¹¹ Bỗng một sứ thần của Chúa hiện ra với ông, đứng bên phải hương án.¹² Thấy vậy, ông Da-ca-ri-a bối rối, và nỗi sợ hãi ập xuống trên ông.¹³ Nhưng sứ thần bảo ông : “Này ông Da-ca-ri-a, đừng sợ, vì Thiên Chúa đã nhậm lời ông cầu xin : bà Ê-li-sa-bét vợ ông sẽ sinh cho ông

một đứa con trai, và ông phải đặt tên cho con là Gio-an.¹⁴ Ông sẽ được vui mừng hơn hở, và nhiều người cũng được hỷ hoan ngày con trẻ chào đời.

¹⁵ Vì em bé sẽ nên cao cả trước mặt Chúa. Rượu lạt rượu nồng em sẽ đều không uống. Và ngay khi còn trong lòng mẹ, em đã đầy Thánh Thần.¹⁶ Em sẽ đưa nhiều con cái Ít-ra-en về với Đức Chúa là Thiên Chúa của họ.¹⁷ Được đầy thần khí và quyền năng của ngôn sứ Ê-li-a, em sẽ

Thiên Chúa đã nhậm lời ông cầu xin (c.13). Có tác giả cho rằng ông Da-ca-ri-a đã từng ước muốn có con trai nhưng nay không còn trông mong gì nữa. Ngược lại, trong Đền Thờ, ông vừa mới xin cho dân Chúa được ơn cứu độ như Người đã hứa. Cả hai điều ấy đều được hứa ban cho ông cùng một trật.

Rượu lạt rượu nồng em sẽ đều không uống (c.15). Trong dân Ít-ra-en, một số người dâng mình thánh hiến cho Thiên Chúa theo cách sau đây : không cắt tóc, không uống rượu và tạm xa lánh thế tục trong một thời gian (Ds 6). Người ta gọi họ là *na-dia*. Nhưng người con trai của ông Da-ca-ri-a thì phải là “*na-dia*” từ lòng mẹ cho đến ngày cuối đời như trường hợp của ông Sam-sôn (Tl 13,7). Người con ấy sẽ có sứ mạng rao giảng kêu gọi người ta tỏ lòng sám hối, và chính ông sẽ nêu gương sống một cuộc đời khắc khổ (Mc 1,6). Về điểm này, ông sẽ khác với Chúa Giê-su, vì ngoài một vài ngoại lệ như những ngày ăn chay trong hoang địa, Chúa Giê-su sống như mọi người và không đòi hỏi môn đệ mình phải giữ một thứ chay tịnh đặc biệt nào cả (Lc 7,33-34).

Rồi sứ thần cho biết sứ mạng của Gio-an, con ông Da-ca-ri-a : *được đầy thần khí và quyền năng của ngôn sứ Ê-li-a, em sẽ đi trước mặt Chúa (c.17).* Trong Kinh Thánh, chúng ta thấy : sau khi ông Ê-li-a được đem lên trời trên một cỗ xe đỏ như lửa (2 V 2,11) thì người tín hữu tự hỏi biến cố khác thường đó có ý nghĩa gì. Người ta đi đến chỗ nghĩ rằng, cũng như ông Ê-li-a đã đưa dân chúng trở về với đức tin giữa một thời kỳ khủng hoảng, thì ông cũng sẽ từ trời trở xuống để giúp dân khôi phục lòng chung thủy với Thiên Chúa Cứu Độ trước khi Người ngự đến.

đi trước mặt Chúa, để làm cho lòng cha ông quay về với con cháu, để làm cho tâm tư kẻ ngỗ nghịch lại hướng về nẻo chính đường ngay, và chuẩn bị một dân sẵn sàng đón Chúa.”

¹⁸ Ông Da-ca-ri-a thưa với sứ thần : “Dựa vào đâu mà tôi biết được điều ấy ? Vì tôi đã già, và nhà tôi cũng đã lớn tuổi.” ¹⁹ Sứ thần đáp : “Tôi là Gáp-ri-en, hằng đứng chầu trước mặt Thiên Chúa, tôi được sai đến nói với ông và loan báo tin mừng ấy cho ông. ²⁰ Và này đây ông sẽ bị câm, không nói được, cho đến ngày các điều ấy xảy ra, bởi vì ông đã không tin lời tôi, là những lời sẽ được ứng nghiệm đúng thời đúng buổi.” ²¹ Dân chúng đợi ông Da-ca-ri-a, và lấy làm lạ sao ông ở lại trong cung thánh lâu như thế. ²² Lúc đi ra, ông không nói

với họ được, và dân chúng biết là ông đã thấy một thị kiến trong cung thánh. Còn ông, ông chỉ làm hiệu cho họ và vẫn bị câm.

²³ Khi thời gian phục vụ ở Đền Thờ đã mãn, ông trở về nhà. ²⁴ Ít lâu sau, bà Ê-li-sa-bét vợ ông có thai, bà ẩn mình năm tháng. ²⁵ Bà tự nhủ : “Chúa đã làm cho tôi như thế đó, khi Người thương cất nỗi hổ nhục tôi phải chịu trước mặt người đời.”

Truyền tin cho Đức Ma-ri-a

* ²⁶ Bà Ê-li-sa-bét có thai được sáu tháng, thì Thiên Chúa sai sứ thần Gáp-ri-en đến một thành miền Ga-li-lê, gọi là Na-da-rét, ²⁷ gặp một trinh nữ đã thành hôn với một người tên là Giu-se, thuộc dòng dõi vua Đa-vít. Trinh nữ ấy tên là Ma-ri-a.

Sứ thần chính hướng niềm hy vọng của dân : không được nghĩ rằng chính ông Ê-li-a sẽ đích thân từ trời trở lại (Mt 3,23), mà ông Gio-an Tẩy Giả mới thật là người sẽ hành động với thần khí của ông Ê-li-a để đưa mọi con cái Ít-ra-en về với Thiên Chúa qua một đời sống công chính và trung thành với Lê Luật của Người.

Như thế, Tin Mừng khởi đầu ở một nơi hang cùng ngõ hẻm trên thế giới, với một đôi vợ chồng cao tuổi không con, vì đối với Thiên Chúa, không có gì là không thể làm được.

* 1,26 Trình thuật truyền tin sắp cho chúng ta thấy : so với thánh Gio-an, Chúa Giê-su vượt xa ngàn trùng về phương diện con người cũng như sứ mạng.

²⁸ Sứ thần vào nhà trinh nữ và nói : “Mừng vui lên, hỡi Đấng đầy ân sủng, Đức Chúa ở cùng bà.”

²⁹ Nghe lời ấy, bà rất bối rối, và tự hỏi lời chào như vậy có nghĩa gì.

³⁰ Sứ thần liền nói : “Thưa bà Ma-ri-a, xin đừng

sợ, vì bà đẹp lòng Thiên Chúa. ³¹ Và này đây bà sẽ thụ thai, sinh hạ một con trai, và đặt tên là Giê-su.

³² Người sẽ nên cao cả, và sẽ được gọi là Con Đấng Tối Cao. Đức Chúa là Thiên Chúa sẽ ban cho Người ngai vàng vua Đa-vít, tổ tiên Người. ³³ Người

Trinh nữ ấy tên là Ma-ri-a (c.27). Thánh Lu-ca dùng từ *trinh nữ* hai lần. Tại sao người không nói : một *thiếu nữ* hay một *thiếu phụ* ? Thưa chỉ vì muốn cho nghe vang dội lời các ngôn sứ đã từng khẳng định Thiên Chúa sẽ được *trinh nữ Ít-ra-en* đón nhận. Trong bao nhiêu thế kỷ, Thiên Chúa đã chịu đựng những tội bất tín bất trung của dân Người và đã tha thứ hết cho họ. Nhưng khi xuống thế làm Đấng Cứu Độ ở giữa chúng ta thì Người lại muốn được dân Người đón nhận với một tấm lòng trung trinh, hoàn toàn thuộc về Người. Thời Chúa Giê-su, khi đọc lời ngôn sứ I-sai-a 7,14, đã có nhiều người nghĩ rằng Đấng Mê-si-a sẽ sinh làm con một người mẹ đồng trinh. Và sách Tin Mừng nói cho ta biết : Đức Ma-ri-a chính là *người trinh nữ* sinh hạ Đấng Mê-si-a.

Người nữ đã được Thiên Chúa chọn ngay từ đầu, để đón nhận Con của Người với một đức tin hoàn hảo, tất phải là một trinh nữ. Người mẹ sắp truyền tặng cho con người Giê-su dòng máu trong huyết quản, những nét di truyền, tính tình, giáo dục thuở còn thơ, tất đã phải núp bóng Đấng Tối Cao mà lớn lên, tựa một đoá hoa ẩn kín chưa hề bị chiếm hữu, biến cả đời mình thành tặng phẩm hoàn toàn hiến dâng lên Thiên Chúa Hằng Sống.

Việc ấy sẽ xảy ra cách nào ? (c.34). Sứ thần nói rõ rằng thánh Giuse sẽ không can dự một chút gì trong việc đã sinh con : Đấng sinh làm con Đức Ma-ri-a cũng là Đấng vẫn hằng ở trong Thiên Chúa, được Thiên Chúa sinh ra, là Con của Thiên Chúa Cha (x. Ga 1,1).

Quyền năng Đấng Tối Cao sẽ rọi bóng trên bà (c.35). Sách Thánh vẫn nói đến đám mây toả đầy Đền Thờ (1 V 8,10), dấu chỉ sự hiện diện của Thiên Chúa bao phủ và chở che thành thánh Giê-ru-sa-lem (Hc 24,4). Khi sử dụng hình ảnh này, sách Tin Mừng cho thấy Đức Ma-ri-a trở thành nơi Thiên Chúa ngự. Thánh Thần ngự đến không phải trên Chúa Con, nhưng trước hết trên Đức Ma-ri-a : bà sẽ thụ thai do quyền năng Chúa Thánh Thần, không cần đến sự can thiệp của nam nhân. Sự kiện Chúa Giê-su đầu thai nơi Đức Ma-ri-a là hiệu quả và biểu hiện, trên bình diện sinh học, của một động tác đức tin có một không hai trong lịch sử, nhờ đó Đức Ma-ri-a đã hoàn toàn đón nhận Ngôi Lời duy nhất và hằng hữu của Thiên Chúa Cha.

sẽ trị vì nhà Gia-cóp đến muôn đời, và triều đại của Người sẽ vô cùng vô tận.”

³⁴ Bà Ma-ri-a thưa với sứ thần : “Việc ấy sẽ xảy ra cách nào, vì tôi không biết đến việc vợ chồng !”

Như thế, Giao Ước giữa Thiên Chúa và nhân loại giờ đây mới được thể hiện. Giao Ước này sẽ không chỉ là “công trình” của Chúa Giê-su : chính bản thân Người đã là Giao Ước muôn đời. Trong một gia đình, một đứa trẻ sinh ra thuộc trọn về bên nội cũng như bên ngoại : đứa trẻ ấy là mối giao ước nối kết hai gia đình trước đó xa lạ với nhau. Như thế, khi sinh làm con của Chúa Cha và của Đức Ma-ri-a, Chúa Giê-su là hiện thân của Giao Ước giữa Thiên Chúa và gia đình nhân loại, và đức tin của Hội Thánh đâm rễ sâu vào đó : “Chúa Giê-su đích thực là Thiên Chúa và đích thực là người.”

“Đức Ma-ri-a trọn đời đồng trình” là một lời khẳng định trong truyền thống Ki-tô giáo, mà truyền thống này chỉ tìm cách giúp chúng ta đi vào chiều sâu những dữ kiện đã được chép trong Kinh Thánh mà thôi. Làm sao có thể nghĩ rằng, sau khi đã được Thiên Chúa yêu mến, viếng thăm như thế để thể hiện giao ước chung cuộc giữa Người với nhân loại nơi bản thân mình, Đức Ma-ri-a lại có thể khép mình áp ú một tình yêu phạm trần và hiến thân cho một đối tượng khác, cho dấu đối tượng này là ông Giu-se, người tớ hoàn hảo của Thiên Chúa đi nữa ? Đã đành là Tin Mừng có nói đến các “anh em của Chúa Giê-su” : chúng tôi làm sáng tỏ vấn đề này ở Mc 3,31.

Một câu hỏi khác : trước khi được sứ thần đến viếng, Đức Ma-ri-a có chủ ý giữ mình đồng trình hay không ? Về chuyện đó, sách Tin Mừng không đưa ra một điều gì khác ngoài lời thưa của Đức Ma-ri-a : *Tôi không biết đến việc vợ chồng*. Nên nhớ : Đức Ma-ri-a và thánh Giu-se đã thành hôn tuy chưa về chung sống với nhau, vậy theo luật Do-thái thì hai người được hưởng mọi quyền lợi của đời sống hôn nhân (Mt 1,18-20). Có thể lời đó chỉ là một kiểu hành văn dẫn tới câu trả lời của sứ thần về việc Đức Ma-ri-a thụ thai do quyền năng Chúa Thánh Thần. Nhưng mọi sự trở thành sáng tỏ hơn với giả thiết Đức Ma-ri-a đã tận hiến bản thân mình cho Thiên Chúa độc nhất. Một quyết định như thế rất xa lạ đối với não trạng người Do-thái, nhưng cũng chắc chắn rằng Tin Mừng rực sáng với những quyết định mới mẻ, làm cho cả những người tín hữu đương thời cũng phải ngạc nhiên.

TRUYỀN TIN CHO ĐỨC MA-RI-A

Chỉ một mình Đức Ma-ri-a mới có thể cho Hội Thánh sơ khai biết về mầu nhiệm người thụ thai làm mẹ Chúa Giê-su. Nhưng người đã nói lên kinh nghiệm nội tâm ấy như thế nào, và làm sao thuật lại được chuyện ấy ? Vậy sách Tin Mừng sẽ dùng những từ ngữ và hình ảnh trong Kinh Thánh, quen thuộc đối với độc giả, để diễn đạt những điều như thế.

³⁵ Sứ thần đáp : “Thánh Ê-li-sa-bét, người họ hàng Thần sẽ ngự xuống trên bà, và quyền năng Đấng Tối Cao sẽ rợp bóng trên bà, vì thế, Đấng Thánh sắp sinh ra sẽ được gọi là Con Thiên Chúa. ³⁶ Kia bà được sáu tháng. ³⁷ Vì đối

Sứ thần Gáp-ri-en (c.26). Gáp-ri-en là tên vị sứ thần bậc nhất đã xuất hiện trong sách Đa-ni-en để loan báo công trình cứu độ (Đn 8,16 ; 9,21). Vậy là Tin Mừng muốn cho chúng ta biết rằng, đối với Đức Ma-ri-a, tất cả đã bắt đầu bằng niềm xác tín rằng người đang ở tâm điểm thời gian và không gian, nơi số phận của thế giới được quyết định.

Mừng vui lên (c.28). Đây là lời mời các ngôn sứ đã từng ngỡ với “thiếu nữ Xi-on”, tức là cộng đoàn những người khiêm nhu đang trông đợi Vị Cứu Tinh đến (Xp 3,14 ; Dcr 9,9).

Đấng đầy ân sủng. Từ dùng trong Tin Mừng có nghĩa chính xác là *được sủng ái*. Có những người khác cũng đã được yêu mến, được tuyển chọn, sủng ái, nhưng ở đây tính từ này trở thành như tên riêng của Đức Ma-ri-a.

Nghe lời ấy, bà rất bối rối. Khác với trường hợp ông Da-ca-ri-a (1,12), bản văn không nói Đức Ma-ri-a *sợ hãi* khi được đi sâu vào mầu nhiệm của Thiên Chúa. Người vốn luôn sống trong ý thức có Thiên Chúa hiện diện và hướng dẫn mọi quyết định của mình, nhưng khi được biết ơn gọi có một không hai của mình, thì không khỏi *bối rối*.

Bà sẽ thụ thai (c.31). Ở đây, Tin Mừng mượn lại những bản văn Cựu Ước khác nhau : một số báo trước tương lai của một trẻ mới sinh, số khác cho thấy Thiên Chúa giao phó một sứ mạng. X. St 16,1 ; Xh 3,11 ; Tl 6,11. Trên đây chúng ta đã nhắc tới đoạn Is 7,14 loan báo về Đấng *Em-ma-nu-en*, nghĩa là *Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta*. Đức Ma-ri-a sẽ đặt tên cho Người là *Giê-su*, nghĩa là *Vị Cứu Tinh*.

Người sẽ trị vì nhà Gia-cóp đến muôn đời. Nhà Gia-cóp là dân Ít-ra-en. Chúa Giê-su sẽ là Vị Cứu Tinh, thuộc dòng dõi vua Đa-vít, mà các ngôn sứ đã báo trước : 2 Sm 7,16 ; Is 9,6.

Người sẽ nên cao cả (c.32). Tin Mừng không viết *cao cả trước mặt Chúa* như viết về ông Gio-an Tẩy Giả (1,15) tuy ông chỉ là một người phàm. *Con Đấng Tối Cao* và *Con vua Đa-vít* : hai cụm từ này chỉ Đấng Mê-si-a (2 Sm 7,14 ; Tv 2,7). Vì thế nói rõ ông Giu-se *thuộc dòng dõi vua Đa-vít* là điều quan trọng (1,27) : x. bình giải Mt 1,20.

NỮ TỶ CỦA CHÚA

Tôi đây là nữ tỳ của Chúa (c.38). Đức Ma-ri-a không tự hạ một cách giả tạo, nhưng nói lên thái độ sẵn sàng của mình. Người sẽ sinh ra Đấng vừa là *người tôi trung* được các ngôn sứ báo trước (Is 42,1 ; 49,5 ; 52,13), vừa là *Người Con* của Thiên Chúa (Dt 1).

với Thiên Chúa, không có gì là không thể làm được.”

³⁸ Bấy giờ bà Ma-ri-a nói : “Vâng, tôi đây là nữ tỳ của Chúa, xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần nói.” Rồi sứ thần từ biệt ra đi.

Đức Ma-ri-a viếng thăm bà Ê-li-sa-bét

* ³⁹ Hồi ấy, bà Ma-ri-a vội vã lên đường, đến miền núi, vào một thành thuộc chi tộc Giu-đa. ⁴⁰ Bà vào nhà ông Da-ca-ri-a và chào hỏi bà Ê-li-sa-bét.

Từ nữ tỳ có thể làm cho nhiều người lầm hiểu Thiên Chúa như một ông chủ lợi dụng bấy tôi nhằm đạt mục đích của mình chứ không thật sự yêu mến họ. Những người đó cho rằng nếu Thiên Chúa trao cho Đức Ma-ri-a một trách nhiệm thiết thực trong biến cố Nhập Thể của Con mình thì Người đâu còn là Thiên Chúa Cao Cả một cách tuyệt đối nữa.

Nhưng nghĩ như vậy là hoàn toàn trái ngược với tinh thần Kinh Thánh. Thiên Chúa đâu cần một nữ tỳ để cho Con của Người một thể xác phạm nhân, nhưng Người muốn tìm một người mẹ cho người Con ấy ; và để Đức Ma-ri-a thật sự trở thành người mẹ đó, thì Chúa Cha ắt đã phải doái nhìn và yêu mến người hơn bất cứ thụ tạo nào khác. Vì thế mà người được gọi là *Đấng đầy ân sủng*.

Chúng ta gọi là *ân sủng* quyền năng thuộc về Thiên Chúa có sức chữa lành tâm trí chúng ta, trợ giúp đức tin của chúng ta và cho chúng ta biết tự động có những nghĩa cử yêu thương thật sự. Chúng ta gọi là *ân sủng* tất cả những gì bắt nguồn từ Thiên Chúa Hằng Sống nhưng còn phải nẩy mầm trên trái đất chúng ta : Is 45,8 ; Tv 85,12. Đức Ma-ri-a thật sự *đầy ân sủng*, vì Chúa Giê-su đã sinh làm con của ngài cũng như Người vốn sinh làm Con Thiên Chúa Cha từ muôn thuở.

Đó là lý do vì sao Hội Thánh tin rằng Đức Ma-ri-a có một vị trí độc nhất trong kế hoạch Thiên Chúa cứu độ chúng ta. Người là công trình kỳ diệu vô song mà Thiên Chúa đã thực hiện khi bắt đầu tái tạo nhân loại theo hình ảnh của Người. Bên cạnh Chúa Ki-tô là A-đam mới (Rm 5,14 ; 1 Cr 15,45), Đức Ma-ri-a là người mẹ thật của loài người, đối lập với bà E-và tội lỗi.

NHỮNG KẺ KHIÊM NHƯỜNG

* Sứ điệp của sứ thần đã không để Đức Ma-ri-a một thân một mình với các vấn đề của người. Sứ thần đã nói đến bà Ê-li-sa-bét, người chị họ đã già của người. Người sẽ đem chia sẻ với bà niềm vui và điều bí mật của mình. Đức Ma-ri-a, tuổi còn rất trẻ (khi ấy đã hơn mười lăm tuổi rồi chưa ?), sẽ được bà chị cho biết những điều mà thánh Giu-se không nói ra được. Chính đó là lúc được ứng nghiệm lời sứ thần đã báo trước cho ông Da-ca-ri-a : “*Ngay khi còn trong lòng mẹ, em đã đầy Thánh Thần*” (c.15).

⁴¹ Bà Ê-li-sa-bét vừa nghe tiếng bà Ma-ri-a chào, thì đứa con trong bụng nhảy lên, và bà được đầy tràn Thánh Thần, ⁴² liền kêu lớn tiếng và nói rằng : “Em được chúc phúc hơn mọi người phụ nữ, và người con em đang cưu mang cũng được chúc phúc.

⁴³ Bởi đâu tôi được Thân Mẫu Chúa tôi đến với tôi thế này ? ⁴⁴ Vì này đây, tai tôi vừa nghe tiếng em chào, thì đứa con trong bụng đã nhảy lên vui sướng. ⁴⁵ Em thật có phúc, vì đã tin rằng Chúa sẽ thực hiện những gì Người đã nói với em.”

Nhiều năm sau, người Do-thái sẽ lũ lượt kéo đến với ông Gio-an để tìm một lời từ Trời ban xuống. Nhưng không một ai sẽ tự hỏi ông đã được nhận Thần Khí Thiên Chúa như thế nào ; sẽ không có ai biết rằng con người rất mực khiêm nhu là Đức Ma-ri-a đã phát động chương trình của Thiên Chúa trong ngày thăm viếng này.

Em thật có phúc, vì đã tin (c.45). Điều quan trọng không phải là làm mẹ Chúa Giê-su về thể lý, và Chúa Giê-su cũng sẽ nhắc lại điều đó : 11,27-28. Một khi đã trở nên Đền Thờ Thiên Chúa, Đức Ma-ri-a thông ban Thần Khí, là chính Thần Khí của Chúa Giê-su.

Bài ca của Đức Ma-ri-a : cc. 40-55. Trong Tin Mừng, Đức Ma-ri-a là con người rất kín đáo và sẽ không tham gia sứ vụ của Chúa Giê-su ; ở đây người lại công bố cuộc cách mạng lịch sử mà Đức Giê-su Cứu Chúa đã khởi đầu khi đến với nhân loại :

- Thiên Chúa giàu lòng thương xót luôn giữ lời hứa của mình,
- vận mạng kiếp người được đảo ngược.

Mục sư Martin Luther King, người đã từng tranh đấu cho sự nghiệp giải phóng các dân tộc da đen, nhắc lại rằng : “Nhiều khi người ta chỉ nhìn Giáo Hội như một thế lực chống lại mọi thay đổi ; thật ra Giáo Hội bảo tồn một lý tưởng mãnh liệt thúc đẩy loài người đạt tới những đỉnh cao ngất và mở mắt cho họ nhìn thấy đâu là định mạng của mình. Từ các điểm nóng xa xôi của châu Phi cho đến các khu phố người da đen ở bang A-la-ba-ma, tôi đã thấy có những người đứng lên giữ bỏ xiềng xích của họ. Họ vừa khám phá rằng họ là con cái Thiên Chúa, và vì là con cái Thiên Chúa, họ không còn có thể mang một thứ ách nào nữa.”

Bài ca của Đức Ma-ri-a nói lên và sẽ còn nói lên mãi những tâm tình sâu kín nhất của tâm hồn cầu nguyện. Có một thời để đi tìm chân lý, để khám phá ra trước mặt Thiên Chúa đâu là trách nhiệm của mình. Có một thời để khẩn cầu Thiên Chúa và phụng sự Người. Nhưng cuối cùng thì chúng ta hiểu rằng tất cả là ân sủng của Thiên Chúa, Đấng đi tìm những gì nghèo hèn và yếu kém để mà bù đắp thoả thuê và nâng lên vượt bậc. Vậy chúng ta chỉ còn có một việc là tạ ơn : giữa lòng thế giới, chúng ta được cứu độ.

Bài ca “Ngợi Khen” (Magnificat)

⁴⁶ Bấy giờ bà Ma-ri-a nói :

“Linh hồn tôi ngợi khen Đức Chúa,

⁴⁷ thần trí tôi hớn hở vui mừng
vì Thiên Chúa, Đấng cứu độ tôi.

⁴⁸ Phận nữ tỳ hèn mọn,
Người đoái thương nhìn tới ;
từ nay, hết mọi đời
sẽ khen tôi diễm phúc.

⁴⁹ Đấng Toàn Năng đã làm cho tôi
biết bao điều cao cả,
danh Người thật chí thánh chí tôn !

⁵⁰ Đòi nọ tới đời kia,
Chúa hằng thương xót những ai kính sợ Người.

⁵¹ Chúa giơ tay biểu dương sức mạnh,
đẹp tan phường lòng trí kiêu căng.

⁵² Chúa hạ bệ những ai quyền thế,
Người nâng cao mọi kẻ khiêm nhường.

⁵³ Kẻ đói nghèo, Chúa ban của đầy dư,
người giàu có, lại đuổi về tay trắng.

⁵⁴ Chúa độ trì Ít-ra-en, tôi tớ của Người,

⁵⁵ như đã hứa cùng cha ông chúng ta,
vì Người nhớ lại lòng thương xót
dành cho tổ phụ Áp-ra-ham
và cho con cháu đến muôn đời.”

⁵⁶ Bà Ma-ri-a ở lại với bà Ê-li-sa-bét độ ba tháng, rồi trở về nhà.

Ông Gio-an Tẩy Giả ra đời, lảng giềng chia vui

* ⁵⁷ Tới ngày mãn nguyệt khai hoa, bà Ê-li-sa-bét sinh hạ một con trai.

⁵⁸ Nghe biết Chúa đã quá thương bà như vậy, lảng giềng và thân thích đều chia vui với bà.

* 1,57 Phép cắt bì có ý nghĩa gì ? (x. St 17).

Cậu sống trong hoang địa (c.80). Qua câu này, tác giả Lu-ca chuẩn bị đoạn văn nói về ông Gio-an xuất hiện trong hoang địa Giu-đa, gần thành Giê-ri-khô (3,2).

Ông Gio-an Tẩy Giả chịu phép cắt bì

⁵⁹ Khi con trẻ được tám ngày, họ đến làm phép cắt bì, và tính lấy tên cha là Da-ca-ri-a mà đặt cho em.

⁶⁰ Nhưng bà mẹ lên tiếng nói : “Không, phải đặt tên cháu là Gio-an.” ⁶¹ Họ bảo bà : “Trong họ hàng của bà, chẳng ai có tên như vậy cả.”

⁶² Rồi họ làm hiệu hỏi người cha, xem ông muốn đặt tên cho em bé là gì. ⁶³ Ông xin

một tấm bảng nhỏ và viết : “Tên cháu là Gio-an.” Ai nấy đều bỡ ngỡ. ⁶⁴ Ngay lúc ấy, miệng lưỡi ông lại mở ra, ông nói được, và chúc tụng Thiên Chúa. ⁶⁵ Láng giềng ai nấy đều kinh sợ. Và các sự việc ấy được đồn ra khắp miền núi Giu-đê. ⁶⁶ Ai nghe cũng để tâm suy nghĩ và tự hỏi : “Đứa trẻ này rồi ra sẽ thế nào đây ?” Và quả thật, có bàn tay Chúa phù hộ em.

Bài ca “Chúc tụng” (Benedictus)

⁶⁷ Bấy giờ, người cha của em, tức là ông Da-ca-ri-a, được đầy Thánh Thần, liền nói tiên tri rằng :

⁶⁸ *“Chúc tụng Đức Chúa là Thiên Chúa Ít-ra-en đã viếng thăm cứu chuộc dân Người.*

⁶⁹ Từ dòng dõi trung thân Đa-vít, Người đã cho xuất hiện

Vị Cứu Tinh quyền thế để giúp ta,

⁷⁰ như Người đã dùng miệng các vị thánh ngôn sứ mà phán hứa tự ngàn xưa :

⁷¹ sẽ cứu ta *thoát khỏi địch thù,*
thoát tay mọi kẻ hằng ghen ghét ;

⁷² sẽ trọn bề *nhân nghĩa với tổ tiên*
và nhớ lại lời xưa giao ước ;

⁷³ *Chúa đã thề với tổ phụ Áp-ra-ham*
rằng sẽ giải phóng ta khỏi tay địch thù,

⁷⁴ và cho ta *chẳng còn sợ hãi,*

⁷⁵ để ta sống thánh thiện
công chính trước nhan Người,
mà phụng thờ Người suốt cả đời ta.

⁷⁶ *Hài Nhi hỡi, con sẽ mang tước hiệu*
là ngôn sứ của Đấng Tối Cao :

con sẽ đi trước Chúa, mở lối cho Người,

- ⁷⁷ bảo cho dân Chúa biết : Người sẽ cứu độ
là tha cho họ hết mọi tội khiên.
⁷⁸ Thiên Chúa ta đầy lòng trắc ẩn,
cho Vàng Đông tự chôn cao vùi viếng thăm ta,
⁷⁹ soi sáng những ai ngồi nơi tăm tối
và trong bóng tử thần,
dẫn ta bước vào đường nẻo bình an.”

Ông Gio-an Tẩy Giả sống ẩn dật

⁸⁰ Cậu bé càng lớn lên thì tinh thần càng vững mạnh. Cậu sống trong hoang địa cho đến ngày ra mắt dân Ít-ra-en.

Đức Giê-su ra đời. Những người chăn chiên đến viếng thăm.

2 * ¹ Thời ấy, hoàng đế
Au-gút-tô ra chiếu chỉ,

truyền kiểm tra dân số trong khắp cả thiên hạ.
² Đây là cuộc kiểm tra đầu tiên, được thực hiện thời ông Qui-ri-ni-ô làm tổng trấn xứ Xy-ri. ³ Ai nấy đều phải về nguyên quán mà khai tên tuổi. ⁴ Bởi thế, ông Giu-se từ thành Na-da-rét, miền Ga-li-lê lên thành vua Đa-vít tức là Bê-lem, miền Giu-đê, vì ông thuộc gia đình dòng

* ^{2,1} *Hoàng đế Au-gút-tô truyền kiểm tra dân số.* Dân Do-thái nhỏ bé nằm trong đế quốc Rô-ma, một đế quốc bao gồm nhiều dân tộc khác nữa. Chi tiết về ông Qui-ri-ni-ô đặt ra một vấn đề : ông chỉ được bổ nhiệm làm tổng trấn xứ Xy-ri vào năm 6 CN, và năm đó thì Chúa Giê-su khoảng mười hai tuổi. Nhiều giả thuyết được đặt ra để dung hoà bản văn Lu-ca với các dữ kiện lịch sử ; nhưng tốt nhất nên nghĩ rằng : ở đây cũng như ở một vài chỗ khác (Cv 5,36-37), thánh Lu-ca đã ghi sai xét về niên biểu : với tư cách là chứng nhân của mẫu nhiệm Cứu Độ, người không thể sai lầm, nhưng với tư cách là sử gia thì vẫn có khi sai lầm như mọi sử gia khác.

Vậy thánh Giu-se và Đức Ma-ri-a rời Na-da-rét ít lâu trước khi con trẻ sinh ra. Tại Bê-lem, vì không có chỗ trong nhà trọ, hai ông bà vào trú trong một nơi mà dân chăn nuôi cũng cho gia súc vào trú ban đêm. Chúa Cha đã dự liệu như thế. Chúa Giê-su sẽ lớn lên trong một gia đình êm ấm không thiếu việc làm cũng không thiếu cái ăn ; tuy nhiên, khi sinh ra cũng như khi chết, Người sẽ phải chia sẻ số phận của những người bị bỏ rơi nhất.

Bà sinh con trai đầu lòng (c.7). Từ ngữ *con đầu lòng* nhấn mạnh đến các đặc ân của con trưởng, là người thuộc về Thiên Chúa (Xh 13,2 ; Lc 2,23 ; xem thêm Rm 8,29 ; Cl 1,15). Từ này cũng dùng cho người con một (con trai).

tộc vua Đa-vít. ⁵ Ông lên đó khai tên cùng với người đã thành hôn với ông là bà Ma-ri-a, lúc ấy đang có thai. ⁶ Khi hai người đang ở đó, thì bà Ma-ri-a đã tới ngày mãn nguyệt khai hoa. ⁷ Bà sinh con trai đầu lòng, lấy tã bọc con, rồi đặt nằm trong máng cỏ, vì hai ông bà không tìm được chỗ trong nhà trọ.

* ⁸ Trong vùng ấy, có những người chăn chiên sống ngoài đồng và thức

đêm canh giữ đàn vật. ⁹ Bỗng sứ thần Chúa đứng bên họ, và vinh quang của Chúa chiếu toả chung quanh, khiến họ kinh khiếp hãi hùng. ¹⁰ Nhưng sứ thần bảo họ : “Anh em đừng sợ. Nay tôi báo cho anh em một tin mừng trọng đại, cũng là tin mừng cho toàn dân : ¹¹ Hôm nay, một Đấng Cứu Độ đã sinh ra cho anh em trong thành vua Đa-vít, Người là Đấng Ki-tô Đức Chúa. ¹² Anh em

* 2,8 Sứ thần báo với các người chăn chiên : *Bình an dưới thế cho loài người Chúa thương* (c.14). Các giai đoạn cần thiết để huấn luyện nhân loại về mặt tôn giáo giờ đây đã kết thúc : Thiên Chúa sai Con của Người đến trần gian để đưa chúng ta đi vào chân lý.

Các bạn hãy xem Thiên Chúa yêu thương chúng ta dường nào ! Vây hãy để tình yêu của Người tràn ngập lòng các bạn, và đừng sợ hãi nữa ! Các bạn không hiểu rằng Thiên Chúa đã trở nên một trẻ thơ, và từ nay Người sẽ luôn mãi ở giữa chúng ta như một con trẻ trầm lặng và bất lực để tự vệ đó sao ?

Anh em cứ dấu này mà nhận ra Người (c.12). Họ sẽ nhận ra vị Thiên Chúa đã muốn trở nên nghèo vì chúng ta để ban cho chúng ta sự giàu có của Người.

Các người chăn chiên ra về, vừa đi vừa tôn vinh ca tụng Thiên Chúa (c.20). Đang khi thế giới chìm ngập trong tối tăm thì vài người chăn chiên đã nhìn thấy Thiên Chúa. Vì sao họ được gọi đến máng cỏ ? Có lẽ chỉ vì Thiên Chúa ưa thích tỏ mình ra cho người nghèo. Đức Ma-ri-a và thánh Giu-se đã có niềm vui chia sẻ với họ một phần nào bí mật của các ngài.

Biến cố Chúa Giê-su sinh ra đánh dấu thời đại mới (các Tông Đồ sẽ gọi là “thời sau hết”, x. Dt 1,2), thời mà một mặt người ta tiếp tục trông chờ ơn cứu độ cho trần gian, mặt khác người ta đã bắt đầu được hưởng ơn cứu độ đó. Các người chăn chiên là mô hình những ai được Thiên Chúa kêu gọi sống đời chiêm niệm. Sau họ, Hội Thánh không bao giờ chỉ có chuyên tâm vào việc rao giảng hay từ thiện hoặc thăng tiến con người, nhưng trong phần thiêng liêng tinh túy nhất của mình, Hội Thánh sẽ còn chiêm ngắm Chúa Ki-tô hiện diện nơi mình, để tạ ơn và vui mừng trong Thiên Chúa.

cứ dấu này mà nhận ra Người : anh em sẽ gặp thấy một trẻ sơ sinh bọc tã, nằm trong máng cỏ.” ¹³ Bỗng có muôn vàn thiên binh hợp với sứ thần cất tiếng ngợi khen Thiên Chúa rằng :

¹⁴ “Vinh danh Thiên Chúa trên trời, bình an dưới thế cho loài người Chúa thương.”

¹⁵ Khi các thiên sứ từ biệt mấy người chăn chiên về trời, những người này bảo nhau : “Nào chúng ta sang Bê-lem, để xem sự việc đã xảy ra, như Chúa đã tỏ cho ta biết.” ¹⁶ Họ liền hối hả ra đi. Đến nơi, họ gặp bà Ma-ri-a, ông Giu-se, cùng với Hải Nhi đặt nằm trong máng cỏ.

¹⁷ Thấy thế, họ liền kể lại điều đã được nói với họ về Hải Nhi này. * ¹⁸ Nghe các người chăn chiên thuật chuyện, ai cũng ngạc nhiên. ¹⁹ Còn bà Ma-ri-a thì hằng ghi nhớ mọi kỷ niệm ấy, và suy đi nghĩ lại trong lòng. ²⁰ Rồi các người

chăn chiên ra về, vừa đi vừa tôn vinh ca tụng Thiên Chúa, vì mọi điều họ đã được mắt thấy tai nghe, đúng như đã được nói với họ.

Đức Giê-su chịu phép cắt bì

²¹ Khi Hải Nhi được đủ tám ngày, nghĩa là đến lúc phải làm lễ cắt bì, người ta đặt tên cho Hải Nhi là Giê-su ; đó là tên mà sứ thần đã đặt cho Người trước khi Người được thụ thai trong lòng mẹ.

Tiến dâng Đức Giê-su cho Thiên Chúa

* ²² Khi đã đến ngày lễ thanh tẩy của các ngài

* 2,18 *Đức Ma-ri-a hằng ghi nhớ mọi kỷ niệm ấy* (c.19), bởi vì mỗi một việc xảy ra trong đời ngài là một phương tiện để Thiên Chúa mạc khải cho ngài những ý định của Người, nhất là bây giờ ngài đang ở gần bên Chúa Giê-su. Ngài kinh ngạc, thán phục, nhưng không ngỡ ngàng, vì lòng tin của ngài không hề nao núng.

Tuy nhiên, ngay cả bản thân ngài cũng phải khám phá ra, dần dần với thời gian và trong đau khổ, đầu là con đường cứu độ. *Ngài suy đi nghĩ lại trong lòng các điều ấy* cho đến ngày Chúa Giê-su phục sinh và ngày Thánh Thần hiện xuống, khi mà ý nghĩa mọi lời nói việc làm của Chúa Giê-su hiển hiện sáng tỏ.

* 2,22 *Đến ngày lễ thanh tẩy của các ngài.* Đây là lễ thanh tẩy người mẹ mới sinh con (Lv 12,1-8) và thánh hiến con đầu lòng cho Thiên Chúa (Xh 13,2.13.15).

theo luật Mô-sê, bà Ma-ri-a và ông Giu-se đem con lên Giê-ru-sa-lem, để tiến dâng cho Chúa, ²³ như đã chép trong Luật Chúa rằng : “*Mọi con trai đầu lòng phải được gọi là của thánh, dành cho Chúa*”, ²⁴ và cũng để dâng của lễ theo Luật Chúa truyền, là *một đôi chim gáy hay một cặp bồ câu non*. ²⁵ Hôi ấy ở Giê-ru-sa-lem, có một người tên là Si-mê-ôn. Ông là người công chính và sùng đạo, ông những mong chờ

niềm an ủi của Ít-ra-en, và Thánh Thần hằng ngự trên ông. ²⁶ Ông đã được Thánh Thần linh báo cho biết là ông sẽ không thấy cái chết trước khi được thấy Đấng Ki-tô của Đức Chúa. ²⁷ Được Thần Khí thúc đẩy, ông lên Đền Thờ. Vào lúc cha mẹ Hải Nhi Giê-su đem con tới để chu toàn tập tục Luật đã truyền liên quan đến Người, ²⁸ thì ông ẵm lấy Hải Nhi trên tay, và chúc tụng Thiên Chúa rằng :

Như Đức Ma-ri-a và thánh Giu-se, ông Si-mê-ôn và bà An-na thuộc “phần nhỏ còn sót lại của Ít-ra-en”. Đây là một số ít người trong dân Thiên Chúa, sống đức tin trong khiêm nhường và trung thành với giáo huấn các ngôn sứ : Thiên Chúa luôn có cách làm cho họ nhìn thấy Người.

Lưỡi gươm sẽ đâm thấu tâm hồn Đức Ma-ri-a (c.35) có nghĩa là gì ? Lưỡi gươm có lẽ chỉ nỗi đau khổ của Đức Ma-ri-a khi thấy con mình chết trên thập giá ; nhưng cũng chỉ tất cả những khi ngài đau khổ vì không hiểu được những việc con mình làm. Tình yêu song phương bền chặt nhất cũng không ngăn cản điều này là bên nào cũng cảm thấy bên kia như một mẫu nhiệm khó hiểu đối với mình. Đối với Thiên Chúa, điều này càng đúng hơn nữa : Người không chỉ ngồi đó quan sát chúng ta, Người cũng đi tìm chúng ta, “thử thách chúng ta” (theo nghĩa yêu cầu chúng ta tỏ ra mình là người như thế nào). Tình yêu của Chúa Cha sẽ là thập giá của Đức Ma-ri-a cũng như sẽ là thập giá của Chúa Giê-su.

Chúa Ki-tô là *ánh sáng* chiếu soi, nhưng đôi khi cũng làm chói mắt các dân tộc khiến họ không nhìn thấy gì và phải xấu hổ. Chúa là *một dấu hiệu cho người đời chống bóng*, một dấu hiệu phân rẽ những cá nhân và những tập thể. Ở đây có một mẫu nhiệm : những kẻ chống đối Chúa Ki-tô đâu phải luôn luôn là những người xấu. Một số người xấu đứng về phía Chúa Ki-tô vì họ không thấy rằng ánh sáng đó lên án họ. Trong khi đó, có những kẻ khác, là người tốt, lại không tin, vì Thiên Chúa hướng dẫn họ bằng một đường lối khác.

Bài ca “An Bình Ra Đi” (Nunc dimittis)

²⁹ “Muôn lạy Chúa, giờ đây
theo lời Ngài đã hứa,
xin để tôi tớ này
được an bình ra đi.

³⁰ Vì chính mắt con được thấy ơn cứu độ

³¹ Chúa đã dành sẵn cho muôn dân :

³² Đó là ánh sáng soi đường cho dân ngoại,
là vinh quang của Ít-ra-en Dân Ngài.”

Ông Si-mê-ôn nói tiên tri

³³ Cha và mẹ Hài Nhi ngạc nhiên vì những lời ông Si-mê-ôn vừa nói về Người. ³⁴ Ông Si-mê-ôn chúc phúc cho hai ông bà, và nói với bà Ma-ri-a, mẹ của Hài Nhi : “Thiên Chúa đã đặt cháu bé này làm duyên cớ cho nhiều người Ít-ra-en ngã xuống hay đứng lên. Cháu còn là dấu hiệu cho người đời chống báng ; ³⁵ và như vậy, những ý nghĩ từ thâm tâm nhiều người sẽ lộ ra. Còn chính bà, một lưỡi gươm sẽ đâm thấu tâm hồn bà.”

Bà An-na nói tiên tri

³⁶ Lại cũng có một nữ ngôn sứ tên là An-na, con ông Pơ-nu-ên, thuộc chi tộc A-se. Bà đã nhiều tuổi lắm. Từ khi xuất giá, bà đã sống với chồng được bảy năm, ³⁷ rồi ở góa, đến nay đã tám mươi tư tuổi. Bà không rời bỏ Đền Thờ,

những ăn chay cầu nguyện, sớm hôm thờ phượng Thiên Chúa.

³⁸ Cũng vào lúc ấy, bà tiến lại gần bên, cảm tạ Thiên Chúa, và nói về Hài Nhi cho hết những ai đang mong chờ ngày Thiên Chúa cứu chuộc Giê-ru-sa-lem.

Đức Giê-su tiếp tục sống ẩn dật tại Na-da-rét

³⁹ Khi hai ông bà đã làm xong mọi việc như Luật Chúa truyền, thì trở về nơi cư ngụ là thành Na-da-rét, miền Ga-li-lê. ⁴⁰ Còn Hài Nhi ngày càng lớn lên, thêm vững mạnh, đầy khôn ngoan, và hằng được ân nghĩa cùng Thiên Chúa.

Đức Giê-su ngồi giữa các bậc thầy Do-thái

* ⁴¹ Hằng năm, cha mẹ Đức Giê-su thấy hội đền Giê-ru-sa-lem mừng lễ Vượt Qua. ⁴² Khi Người được mười hai tuổi, cả gia

đình cùng lên đền, như người ta thường làm trong ngày lễ.⁴³ Xong kỳ lễ, hai ông bà trở về, còn cậu bé Giê-su thì ở lại Giê-ru-sa-lem, mà cha mẹ chẳng hay biết.⁴⁴ Ông bà cứ tưởng là cậu về chung với đoàn lũ hành, nên sau một ngày đường, mới đi tìm kiếm giữa đám bà con và người quen thuộc.⁴⁵ Không thấy con đâu, hai ông bà trở lại Giê-ru-sa-lem mà tìm.

* 2,41 Trong những năm sống ở Na-da-rét, Chúa Giê-su khám phá cuộc đời như bất cứ một trẻ nhỏ hay một thiếu niên nào cùng tuổi. Người không hấp thụ một nền giáo dục đặc biệt nào cũng không biểu lộ một năng khiếu nào khác thường, ngoài một trí phán đoán hoàn hảo đánh giá mọi sự theo tiêu chuẩn của Thiên Chúa : cc. 40 và 52 là những câu nói thật kín đáo.

Thánh Giu-se truyền lại cho Chúa Giê-su đức tin của dân Ít-ra-en, và cộng đoàn làng Na-da-rét, dù là không đáng kể, đã làm cho Người lớn lên thành một người Do-thái đạo đức, phục tùng Luật Mô-sê. Nhưng kinh nghiệm sâu xa của Người là như thế nào, và khi dần dần khám phá ra thế giới loài người thì người Con Thiên Chúa thấy chỗ đứng của mình ở đâu trong thế giới đó ? Tin Mừng Lu-ca chỉ thuật lại một sự kiện duy nhất, xem ra có ý nghĩa đối với tác giả cũng như đối với chính Đức Ma-ri-a trước đó.

Khi lên mười hai tuổi, một thiếu niên phải giữ luật đạo, trong đó có luật hành hương lên Giê-ru-sa-lem vào các dịp lễ. Dưới bóng mát các hành lang Đền Thờ, các thầy dạy Luật giảng dạy những nhóm người hành hương và đàm đạo với họ.

Chính vào dịp này, Chúa Giê-su làm cho những người thân cận phải ngỡ ngàng. *Sao con lại xử với cha mẹ như vậy ?* (c.48). Sách Tin Mừng ghi lại đậm nét tình trạng đôi bên không hiểu nhau : Đức Ma-ri-a trách Chúa Giê-su và Chúa Giê-su trách cha mẹ mình. Rồi tác giả làm nổi bật ý thức của Chúa Giê-su về mối tương quan ưu hạng giữa Người với Chúa Cha, và thái độ của Người hoàn toàn sẵn sàng thi hành sứ mạng.

Giả như vừa khi được khám phá đền thờ Giê-ru-sa-lem, là trái tim của quốc gia và trung tâm tôn giáo của Ít-ra-en, Chúa Giê-su đã cảm thấy dậy lên trong lòng Người những tâm tình hoàn toàn mới mẻ, thì lẽ ra Người cũng có cách xin phép ở lại hoặc báo trước cho cha mẹ ý định ấy. Làm sao Người có thể để qua hai ngày không nghĩ đến cha mẹ đang lo lắng đi tìm mình ? Nhưng đâu phải vậy : Người nghĩ rằng nỗi đau khổ đó là cần thiết, và Người đã giành được tự do của mình cách triệt để trước khi theo cha mẹ về nhà. Chúa Giê-su đã phải cảm nghiệm trọn một kiếp người, chỉ trừ tội lỗi ; Người đã trải qua, theo cách thức riêng của mình, các giai đoạn phát triển tâm lý, và đã làm chủ được tất cả. Thay vì nói con trẻ bị lạc, đúng hơn phải nói là cậu Giê-su đã khám phá được chính mình.

⁴⁶ Sau ba ngày, hai ông bà mới tìm thấy con trong Đền Thờ, đang ngồi giữa các thầy dạy, vừa nghe họ, vừa đặt câu hỏi. ⁴⁷ Ai nghe cậu nói cũng ngạc nhiên về trí thông minh và những lời đối đáp của cậu. ⁴⁸ Khi thấy con, hai ông bà sửng sốt, và mẹ Người nói với Người : “Con ơi, sao con lại xử với cha mẹ như vậy ? Con thấy không, cha con và mẹ đây đã phải cực lòng tìm con !” ⁴⁹ Người đáp : “Sao cha mẹ lại tìm con ? Cha mẹ không biết là con có bốn phận ở nhà

của Cha con sao ?”

⁵⁰ Nhưng ông bà không hiểu lời Người vừa nói.

Đức Giê-su còn sống ẩn dật tại Na-da-rét

* ⁵¹ Sau đó, Người đi xuống cùng với cha mẹ, trở về Na-da-rét và hằng vâng phục các ngài. Riêng mẹ Người thì hằng ghi nhớ tất cả những điều ấy trong lòng. ⁵² Còn Đức Giê-su ngày càng thêm khôn ngoan, thêm cao lớn và thêm ân nghĩa đối với Thiên Chúa và người ta.

Kể cũng lạ nếu Đức Ma-ri-a đã không định, một ngày nào đó, nói cho Chúa Giê-su biết nguồn gốc của Người và thánh Giu-se đối với Người là ai. Nếu chỉ dựa vào trình thuật này mà thôi, thì chính Chúa Giê-su đã đi bước trước và nói cho Đức Ma-ri-a và thánh Giu-se biết Người là con ai : *Con có bốn phận ở nhà của Cha con* (c.49).

Ông bà không hiểu lời Người vừa nói (c.50). Đức Ma-ri-a đã được nghe lời sứ thần truyền tin và biết tự mình khẳng định Chúa Giê-su là Con Thiên Chúa. Nhưng ngài đâu hề nghĩ rằng làm Con Thiên Chúa là làm như Chúa Giê-su vừa làm. Không phải chỉ có Đức Ma-ri-a và thánh Giu-se mới ở trong tâm trạng không hiểu như thế : cho dù chúng ta biết tất cả về đức tin, nhiều khi hành động của Thiên Chúa vẫn còn làm cho chúng ta phải ngạc nhiên hay là bất mãn nữa.

* 2,51 Tin Mừng Lu-ca không nói gì thêm về cuộc đời Chúa Giê-su ở Na-da-rét cho tới khi Người được ba mươi tuổi, lúc Người bắt đầu giảng đạo. Người đã học nghề với thánh Giu-se, và sau khi thánh Giu-se qua đời, đã trở thành bác thợ làng Na-da-rét. Chắc thánh Giu-se đã qua đời trước khi Chúa Giê-su khởi đầu sứ vụ, vì nếu không, hẳn Đức Ma-ri-a đã ở lại với thánh Giu-se khi Chúa Giê-su rời mái ấm gia đình (x. Mc 3,31). Người con của Đức Ma-ri-a đã là phạm nhân ở giữa phạm nhân, và cộng đoàn Ki-tô hữu Na-da-rét về sau đã giữ lại một số vật dụng do tay bác thợ là Con Thiên Chúa làm ra.

II. ĐỨC GIÊ-SU CHUẨN BỊ THI HÀNH SỨ MẠNG

Ông Gio-an Tẩy Giả rao giảng

3 * ¹ Năm thứ mười lăm dưới triều hoàng đế Ti-bê-ri-ô, thời Phong-xi-ô Phi-la-tô làm tổng trấn miền Giu-đê, Hê-rô-đê làm tiểu vương miền Ga-li-lê, người em là Phi-líp-phê làm tiểu vương miền I-tu-

rê và Tra-khô-nít, Ly-xa-ni-a làm tiểu vương miền A-bi-lên, ² Kha-nan và Cai-pha làm thượng tế, có lời Thiên Chúa phán cùng con ông Da-ca-ri-a là ông Gio-an trong hoang địa. * ³ Ông liền đi khắp vùng ven sông Gio-đan, rao giảng, kêu gọi người ta chịu phép

* 3,1 Tin Mừng Lu-ca đưa ra những sự kiện cho phép chúng ta định vị Chúa Giê-su trong lịch sử. Bấy giờ là năm 27 CN, và Chúa Giê-su khoảng ba mươi, ba mươi lăm tuổi. Người Do-thái đã mất quyền tự trị và xứ sở họ bị chia làm bốn xứ nhỏ. Khi ấy, Hê-rô-đê và Phi-líp-phê, là hai người con của vua Hê-rô-đê được nói đến khi Chúa Giê-su sinh ra (x. Mt 2,1), cai trị hai xứ.

Muốn tìm hiểu về các dữ kiện niên biểu : x. thêm Ga 2,20.

Trong hai chương đầu, tác giả Lu-ca cho thấy Con Thiên Chúa đã vào sống giữa loài người như thế nào. Như thánh Phao-lô viết trong thư Ga-lát, Người đã “sinh làm con một người đàn bà, và sống dưới Lễ Luật” (Gl 4,4), nghĩa là đã muốn được một nền văn hoá nhào nặn, muốn mang dấu vết thời gian, sống trong giới hạn của bối cảnh con người thời đại mình. Bấy giờ chúng ta sẽ thấy Người không phải khởi đầu sứ vụ bằng một hành động hiển hách, bằng những phép lạ thần kỳ, nhưng đã hết sức đơn sơ bước vào trào lưu mà một người khác, là ông Gio-an Tẩy Giả, đã khởi xướng.

Đoạn đầu tiên này cho thấy Đất Thánh bị chia năm xẻ bảy như một thách thức đối lại những lời Thiên Chúa hứa, và lòng người thì coi thường luật Thiên Chúa, ngay cả trong hàng ngũ thượng tế, vì các ông này vừa giữ chức vụ mình suốt đời vừa truyền chức theo kiểu cha truyền con nối, nên cùng một thời mà có nhiều thượng tế. Trong hoàn cảnh nhục nhằn như thế, một yếu tố mới sẽ làm náo động dân chúng : lời rao giảng của ông Gio-an Tẩy Giả.

* 3,3 Có tiếng người hô trong hoang địa (c.4). Những câu tiếp theo trích từ sách I-sai-a (40,3). Sau bốn thế kỷ gián đoạn, ông Gio-an nối lại truyền thống các ngôn sứ, và như nhiều vị ngôn sứ, ông sẽ nói đến một ngày phán xét gần kề. Đứng trước toà phán xét của Thiên Chúa là một điều đáng sợ, và ông Gio-an cố vũ một tâm thức nhạy bén về lẽ công bình.

rửa tỏ lòng sám hối để được ơn tha tội, ⁴ như có lời chép trong sách ngôn sứ I-sai-a rằng : *Có tiếng người hô trong hoang địa : hãy dọn sẵn con đường cho Đức Chúa, sửa lối cho thẳng để Người đi.* ⁵ *Mọi thung lũng, phải lấp cho đầy, mọi núi đồi, phải bạt cho thấp, khúc quanh co, phải uốn cho ngay, đường lối lồi lõm, phải san cho*

phẳng. ⁶ *Rồi hết mọi người phạm sẽ thấy ơn cứu độ của Thiên Chúa.*

⁷ Đám đông lũ lượt kéo đến xin ông Gio-an làm phép rửa ; ông nói với họ : “Nòi rắn độc kia, ai đã chỉ cho các anh cách trốn cơn thịnh nộ của Thiên Chúa sắp giáng xuống vậy ? ⁸ Các anh hãy sinh những hoa quả xứng với lòng sám hối. Và đừng vội nghĩ bụng

Ông nói đến *con thịnh nộ sắp giáng xuống* (c.7). Đối với người Do-thái, từ ngữ này chỉ một thử thách lớn lao có tầm cỡ toàn quốc hay toàn cầu (Lc 21,23 ; 1 Tx 2,16), trong đó các tín hữu nhận ra sự phán xét của Thiên Chúa. Chính khi ấy, kẻ xấu lãnh án phạt, còn người công chính, tức là những kẻ đặt tin tưởng vào Thiên Chúa, thì được cứu độ (Is 1,24-27 ; Ge 3,1-5 ; Dcr 14). Vậy là ông Gio-an khơi dậy niềm trông đợi một vị cứu tinh sẽ đến. Đối với chúng ta, không có gì khó để nói rằng vị cứu tinh ấy là Chúa Giê-su, và cuộc phán xét của Thiên Chúa sẽ đến ít năm sau, với cuộc chiến đã tiêu hủy nước Do-thái ; nhưng đối với những người đang nghe ông Gio-an nói, thì khó mà hình dung ra vị cứu tinh đó sẽ như thế nào.

Chúng ta đã có tổ phụ Áp-ra-ham ! (c.8). Như các ngôn sứ trước đây, ông Gio-an dạy chúng ta phải đề phòng nạn kỳ thị quốc gia hay tôn giáo ở mức độ cuồng tín. Tuyên bố rằng ta đây tranh đấu dưới cờ hiệu của Thiên Chúa Ít-ra-en (hay của Hội Thánh) thì chưa đủ, bởi vì nhiều kẻ tự phụ bênh vực chính nghĩa của Thiên Chúa lại chỉ là *nòi rắn độc* : Thiên Chúa thì yêu cầu phải sống công chính và phải đền bù điều ác đã làm.

Thế là ông Gio-an rao giảng mà không xin các nhà hữu trách tôn giáo một điều gì, và từ khắp nơi dân chúng kéo đến để tìm ơn tha thứ. Cc. 12-14 nói : ngài không hất hủi một ai, dù là gái điếm hay là người thu thuế cho đế quốc Rô-ma. Nhưng ông đòi hỏi mọi người phải tích cực huy động tinh thần liên đới. Khi nạn tham nhũng đã tràn lan, hoặc Giao Ước của Thiên Chúa đã bị lãng quên, thì những ai nhìn nhận mình đã can dự vào tội ác đang hoành hành toàn bộ xã hội phải có những hành động cụ thể trong vấn đề tiền bạc và thói ham hưởng thụ ; trước mặt mọi người, những hành động này sẽ là một dấu chỉ và là một lời kêu gọi hoán cải. Ngày nay, phải có thật nhiều dấu chỉ như thế trong các cộng đoàn Ki-tô hữu và các phong trào “bàn tay sạch” đang cố gắng tu chỉnh xã hội chúng ta.

rằng : Chúng ta đã có tổ phụ Áp-ra-ham ; vì, tôi nói cho các anh hay, Thiên Chúa có thể làm cho những hòn đá này trở nên con cháu ông Áp-ra-ham.⁹ Cái rìu đã đặt sát gốc cây : bất cứ cây nào không sinh quả tốt đều bị chặt đi và quăng vào lửa.”

¹⁰ Đám đông hỏi ông rằng : “Chúng tôi phải làm gì đây ?” ¹¹ Ông trả lời : “Ai có hai áo, thì chia cho người không có ; ai có gì ăn, thì cũng làm như vậy.”

¹² Cũng có những người thu thuế đến chịu phép rửa. Họ hỏi ông : “Thưa thầy, chúng tôi phải làm gì ?” ¹³ Ông bảo họ : “Đừng đòi hỏi gì quá mức đã ấn định cho các anh.” ¹⁴ Binh lính cũng hỏi ông : “Còn anh em chúng tôi thì phải làm gì ?” Ông bảo họ : “Chớ hà hiếp ai, cũng đừng tống tiền người ta, hãy an phận với số lương của mình.”

* ¹⁵ Hồi đó, dân đang trông ngóng, và trong

Như thế mới cho thấy được ý nghĩa của thái độ từ bỏ triệt để của ông Gio-an và đời sống khắc khổ dễ sợ của ông : không phải ai cũng phải bắt chước ông, nhưng phải có những hy sinh của ông thì lời ông mới có được sức mạnh. Các nhà lãnh đạo tôn giáo và các người Pha-ri-sêu tự cho mình là mẫu mực thì vẫn đứng xa xa, có lẽ sẽ chế nhạo ông (x. 7,30,33), nhưng dân chúng thì đến xin ông làm phép rửa cho họ.

* **3,15** Chịu phép rửa là được chìm xuống nước rồi đi lên. Nhóm người É-t-xê-nô trong sa mạc có thói quen chịu phép rửa vào một vài dịp lễ, để nói lên ước muốn được thanh tẩy chuẩn bị ngày Đấng Cứu Thế tới. Đến phiên mình thì ông Gio-an làm phép rửa cho những ai muốn chỉnh đốn đời mình bằng cách đánh dấu sự cam kết của mình trong một nghi thức hữu hình.

Ở đây sách Tin Mừng đối chiếu Chúa Giê-su và ông Gio-an, phép rửa của ông Gio-an và phép rửa Ki-tô giáo. Có lẽ tất cả chúng ta đều đã nghe nói những lời như thế này : bởi vì Chúa Giê-su đến ba mươi tuổi mới chịu phép rửa, do đó người ta cũng chỉ nên chịu phép rửa khi đã trưởng thành. Nhưng suy luận đó không có giá trị, bởi vì đây là hai phép rửa khác nhau và các đòi hỏi cũng khác nhau.

Phép rửa trong nước, phép rửa trong lửa (c.16). Sự so sánh này nhắc đến một kinh nghiệm thông thường. Chúng ta dùng nước để tẩy sạch các vết như trên quần áo, nhưng đồ đã được giặt sẽ không bao giờ giống như đồ mới ; có những vết còn không tẩy đi được nữa là khác. Trái lại, lửa thì tinh luyện kim loại bị gỉ sét, và chất kim loại ra khỏi lò lại sáng chói như mới. Nhưng lửa cũng có thể tiêu huỷ cả vết như lẫn vạt bị bợn nhơ.

thâm tâm, ai nấy đều tự hỏi : biết đâu ông Gio-an lại chẳng là Đấng Mê-si-a !¹⁶ Ông Gio-an trả lời mọi người rằng : “Tôi, tôi làm phép rửa cho anh em trong nước, nhưng có Đấng mạnh thế hơn tôi đang đến, tôi không đáng cởi quai dép cho Người. Người sẽ làm phép rửa cho anh em trong Thánh Thần và lửa.¹⁷ Tay Người cầm nia rê sạch lúa trong sân : thóc mảy thì thu vào kho lẫm, còn thóc lép thì bỏ vào lửa không hề tắt mà đốt đi.”¹⁸ Ngoài ra, ông còn khuyên dân nhiều điều khác nữa, mà loan báo Tin Mừng cho họ.

Ông Gio-an Tẩy Giả bị bỏ tù

¹⁹ Còn tiểu vương Hê-rô-đê thì bị ông Gio-an khiển trách vì đã lấy bà Hê-rô-đi-a là vợ của người anh, và vì tất cả các tội ác tiểu vương đã phạm.²⁰ Ngoài ra, tiểu vương còn phạm thêm tội này là bỏ tù ông Gio-an.

Đức Giê-su chịu phép rửa

* ²¹ Khi toàn dân đã chịu phép rửa, Đức Giê-su cũng chịu phép rửa, và đang khi Người cầu nguyện, thì trời mở ra,²² và Thánh Thần ngự xuống trên Người dưới hình dáng chim bồ câu. Lại có tiếng từ trời phán

Ông Gio-an làm phép rửa trong nước cho những ai muốn chỉnh đốn đời mình. Đối với họ, phép rửa là một cách biểu hiện công khai lòng cam kết của mình. Tuy nhiên, cũng như bất cứ lời cam kết nào của con người, những lời hứa này có thể không bền, và không đủ sức nhỏ cho tận căn cái ác nằm trong lòng người.

Chúa Giê-su thì trái lại, Người dạy các Tông Đồ làm phép rửa cho những ai đã tin và gia nhập Hội Thánh. Chính khi ấy Thiên Chúa ban Thánh Thần của Người, và Thánh Thần sẽ biến đổi họ bên trong.

Phép rửa của ông Gio-an kêu gọi ý chí con người muốn đổi đời, vì thế chỉ có người lớn mới được nhận phép rửa này thôi. Ngược lại, phép rửa Ki-tô giáo kín múc hiệu lực của nó không phải từ lòng cam kết của người nhận phép rửa cho bằng từ ân huệ Thiên Chúa ban, để chúng ta trở nên con cái Người. Bởi thế, người ta có thể xin cho trẻ em nhận phép rửa, để thông truyền cho các em ân huệ của Thiên Chúa, với điều kiện là gia đình các em và cộng đoàn Ki-tô hữu nhận trách nhiệm giúp các em phát triển trong đức tin.

Tôi không đáng (c.16). Theo phong tục thời ấy, người làm phép rửa cởi dép cho người sắp lãnh phép rửa trước khi giúp cho người này cởi áo. Ông Gio-an chỉ có ý nói rằng ông không đáng làm phép rửa cho Chúa Giê-su.

rằng : *Con là Con của Cha ; ngày hôm nay, Cha đã sinh ra Con.* **Gia phả Đức Giê-su Ki-tô**
 * 23 Khi Đức Giê-su khởi sự rao giảng, Người trạc ba mươi tuổi. Thiên hạ vẫn

* 3,21 Chúa Giê-su không cần phải hoán cải, cũng chẳng cần được ông Gio-an làm phép rửa cho, nhưng bởi vì Người là Đấng Cứu Tinh, nên Người muốn hoà đồng với các anh em tội lỗi của mình là những kẻ đang đi tìm ơn tha thứ. Khi nhận phép rửa của ông Gio-an, Chúa Giê-su khẳng định đường lối của ông là đúng : tìm kiếm sự công chính và cải thiện đời sống.

Đã từ bao thế kỷ rồi, không còn có ngôn sứ nữa. Thiên Chúa xem ra câm nín và người Do-thái thời ấy nói “trời đã đóng lại”. Nhưng giờ đây Thiên Chúa lại lên tiếng, và Chúa Giê-su tiếp nối các ngôn sứ. *Trời mở ra* : có nghĩa là Chúa Giê-su được nghe Thiên Chúa thốt lên một lời mặc khải (x. Ed 1,1 và Kh 4,1).

Con là Con của Cha (c.22). Tin Mừng không nói rõ ai đã thấy và ai đã nghe tiếng ấy (Mt 3,17 ; Mc 1,11 ; Ga 1,32-34). Sau khi học hỏi các bản văn, chúng ta có thể kết luận như sau : Chúa Giê-su đã được nhận một lời mặc khải của Thiên Chúa, mà có lẽ ông Gio-an cũng được chia sẻ. Thế nhưng, tại sao phải có chuyện tỏ bày như thế ? Chúa Giê-su có cần biết mình là Con Thiên Chúa không ?

Đừng quên rằng thuật ngữ *con Thiên Chúa* có thể có nhiều nghĩa. Những năm trước thời Chúa Giê-su, người ta đã gọi quốc vương Ít-ra-en là “con Thiên Chúa”. Thời ấy người ta cũng dùng từ “con Thiên Chúa” để chỉ đấng thiên sai mọi người mong chờ, người được Thiên Chúa tuyển chọn để cứu Ít-ra-en.

Chúa Giê-su là Con Thiên Chúa ngay từ lúc đầu thai, theo nghĩa Người là Con Một của Chúa Cha. Và cũng ngay từ lúc đó, Người đã có ý thức mình là Con Thiên Chúa. Ngược lại, chỉ khi Chúa Giê-su lãnh phép rửa của ông Gio-an, Thiên Chúa mới làm cho Người nên “con Thiên Chúa” theo nghĩa xưa của Sách Thánh, tức là ngôn sứ và vua của dân Người. Nói cách khác : Thiên Chúa kêu gọi Người bắt đầu sứ vụ cứu chuộc. Vì thế ở c.22 chúng ta đọc được một lời của Tv 2 : *Con là Con của Cha ; ngày hôm nay Cha đã sinh ra Con*, lời Thiên Chúa giới thiệu Đấng Mê-si-a của Người cho thế giới.

(Khá nhiều bản văn cổ xưa ghi c.22 y như Mc 1,11).

Bởi vì lời Thiên Chúa, nếu thật sự xuất phát từ Thiên Chúa, luôn luôn hữu hiệu và thể hiện điều đã phán, nên chính ngay lúc ấy Chúa Giê-su được tràn đầy Thánh Thần là Đấng thánh hiến các ngôn sứ và thực hiện các phép lạ. Từ lúc đầu thai, Chúa Giê-su đã được hưởng sự hiện diện viên mãn của Thánh Thần là Đấng làm cho Người kết hợp với Chúa Cha trong một mối tương quan độc nhất vô nhị. Giờ đây Người lại được thông ban Thánh Thần một lần nữa để trở nên đích thực là vị ngôn sứ và người tôi trung của Chúa Cha.

coi Người là con ông Giu-se. Giu-se là con Ê-li,²⁴ Ê-li con Mát-tát, Mát-tát con Lê-vi, Lê-vi con Man-ki, Man-ki con Gian-nai, Gian-nai con Giô-xép.²⁵ Giô-xép con Mát-tít-gia, Mát-tít-gia con A-mốt, A-mốt con Na-khum, Na-khum con Khét-li, Khét-li con Nác-gai.²⁶ Nác-gai con Ma-khát, Ma-khát con Mát-tít-gia, Mát-tít-gia con Sim-y, Sim-y con Giô-xéch, Giô-xéch con Giô-đa.²⁷ Giô-đa con Giô-kha-nan, Giô-kha-nan con Rê-sa,

Rê-sa con Dơ-rúp-ba-ven, Dơ-rúp-ba-ven con San-ti-ên.

San-ti-ên con Nê-ri,²⁸ Nê-ri con Man-ki, Man-ki con Át-đi, Át-đi con Cô-xam, Cô-xam con En-mơ-đam, En-mơ-đam con E.²⁹ E con Giê-su, Giê-su con Ê-li-e-de, Ê-li-e-de con Giô-rim, Giô-rim con Mát-tát, Mát-tát con Lê-vi.³⁰ Lê-vi con Si-mê-ôn, Si-mê-ôn con Giu-đa, Giu-đa con Giô-xép, Giô-xép con Giô-nam, Giô-nam con En-gia-kim,³¹ En-gia-kim con

Chúa Giê-su được thánh hiến để công bố Nước Thiên Chúa và để mời gọi ưu tiên người nghèo gia nhập vào đó (4,18). Biết bao danh nhân đã có công cứu người, nhưng họ chỉ cảm thấy được nung nấu để thi hành một sứ vụ nhất định nào đó thôi ; Chúa Giê-su thì khác : Người hết mình với công trình cứu độ, toàn thân Người là Đấng Cứu Độ. Ngược lại với chúng ta là kẻ lúc nào cũng lo phòng sẵn cho mình một lối thoát trong những lúc xả thân, Chúa Giê-su không hề biết ngơi nghỉ, cho tới khi lời Người, lời làm chứng cho chân lý, dẫn Người tới cái chết.

* 3,23 Ở đây, thánh Lu-ca đưa ra một danh sách các tổ tiên của Chúa Giê-su rất khác với danh sách của thánh Mát-thêu (Mt 1,1). Ngài không chỉ trở ngược lên tới ông Áp-ra-ham, mà còn cho cả một danh sách huyền thoại về tổ tiên ông Áp-ra-ham, lên mãi tới con người đầu tiên nữa, như là để nhấn mạnh rằng Chúa Giê-su đến cứu toàn thể nhân loại. Người đầu chỉ là Đấng Cứu Độ của người Ki-tô hữu : biến cố Người đến trần gian có ý nghĩa đối với toàn bộ lịch sử, làm sáng tỏ tất cả phần cốt hiến của các nhà hiền triết cũng như các bậc thánh nhân mà Thiên Chúa đã cho xuất hiện tại những vùng khác trên thế giới.

Phần danh sách từ thánh Giu-se tới ông Áp-ra-ham rất khác với danh sách thánh Mát-thêu đưa ra. Tổ tiên của Chúa Giê-su bên này với bên kia không giống nhau, vì bên thì tính cha mẹ ruột, bên lại tính cha mẹ nuôi : thật vậy, nhận con nuôi là chuyện thường trong xã hội Do-thái thời xưa.

Ma-li-a, Ma-li-a con Mi-na, Mi-na con Mát-tát-ta, Mát-tát-ta con Na-than, Na-than con Đa-vít.

³² Đa-vít con Gie-sê. Gie-sê con Ô-vết, Ô-vết con Bô-át, Bô-át con Xan-môn, Xan-môn con Nác-sôn.
³³ Nác-sôn con Am-mi-na-đáp, Am-mi-na-đáp con Át-min, Át-min con Ác-ni, Ác-ni con Khét-rôn, Khét-rôn con Pe-rét, Pe-rét con Giu-đa. ³⁴ Giu-đa con Gia-cóp, Gia-cóp con I-xa-ác, I-xa-ác con Áp-ra-ham.

Áp-ra-ham con Te-rác, Te-rác con Na-kho. ³⁵ Na-kho con Xơ-rúc, Xơ-rúc con

Rơ-u, Rơ-u con Pe-léc, Pe-léc con Ê-ve. Ê-ve con Se-lác. ³⁶ Se-lác con Kê-nan, Kê-nan con Ác-pắc-sát, Ác-pắc-sát con Sêm, Sêm con Nô-ê, Nô-ê con La-méc.
³⁷ La-méc con Mơ-thu-se-lác. Mơ-thu-se-lác con Kha-nốc, Kha-nốc con Gie-rét, Gie-rét con Ma-ha-lan-ên, Ma-ha-lan-ên con Kên-nan. ³⁸ Kên-nan con E-nốt, E-nốt con Sét, Sét con A-đam và A-đam là con Thiên Chúa.

Đức Giê-su chịu cám dỗ

4 * ¹ Đức Giê-su được dâng Thánh Thần, từ

CHÚA GIÊ-SU BỊ CÁM DỠ

* 4,1 Lịch sử, theo nghĩa thông thường, chỉ nói tới loài người và những xung đột giữa loài người với nhau. Nhưng lịch sử thánh thì nhìn sự vật từ một quan điểm khác : kế hoạch của Thiên Chúa được thể hiện, bị cản trở bởi những âm mưu phá hoại của ác thần, nhưng loài người cũng có tham gia vào cuộc chiến này, là cuộc chiến vượt quá những toan tính riêng của họ. Chính vì thế, Chúa Giê-su phải đối đầu với thần dữ.

Chúng ta nói tới cám dỗ khi cảm thấy sức ép của các bản năng xấu nơi mình hoặc khi bị hoàn cảnh thúc đẩy làm điều xấu. Chúa Giê-su thì không có các bản năng xấu của chúng ta, nhưng Thánh Thần đã dẫn Người vào sa mạc để Người chịu thử thách ở đấy – chịu cám dỗ và chịu thử thách có cùng một ý nghĩa – và chính ở đấy mà Người cảm thấy mãnh liệt nhất những gợi ý khiêu khích của ma quỷ, cốt làm cho Người giữ bổ sứ mạng của mình (cũng x. Mt 4,1).

Được dâng Thánh Thần, Chúa Giê-su đã bắt đầu sứ vụ của mình bằng cách chấp nhận một cuộc thử thách cam go : *suốt bốn mươi ngày* hoàn toàn cô đơn và chay tịnh. Chúa Giê-su đã muốn trải qua kinh nghiệm này, kinh nghiệm sức người mong manh đồng thời kiên cường, trước khi bước vào quãng đường xa lạ. Người già từ cuộc sống ở Na-da-rét để khởi đầu một sứ mạng chỉ vài năm sau sẽ đưa Người tới cái chết.

sông Gio-dan trở về. ² Suốt bốn mươi ngày, Người được Thánh Thần dẫn đi trong hoang địa và chịu quỷ cám dỗ. Trong những ngày ấy, Người không ăn gì cả, và khi hết thời gian đó, thì Người thấy đói. ³ Khi ấy quỷ nói với Người : “Nếu ông là Con Thiên Chúa thì truyền cho hòn đá này hoá bánh đi !” ⁴ Nhưng Đức Giê-su đáp lại : “Đã có lời chép rằng : *Người ta sống không chỉ nhờ cơm bánh.*”

⁵ Sau đó, quỷ đem Đức Giê-su lên cao, và trong

giây lát, chỉ cho Người thấy tất cả các nước thiên hạ. ⁶ Rồi nó nói với Người : “Tôi sẽ cho ông toàn quyền cai trị cùng với vinh hoa lợi lộc của các nước này, vì quyền hành ấy đã được trao cho tôi, và tôi muốn cho ai tùy ý. ⁷ Vậy nếu ông bái lạy tôi, thì tất cả sẽ thuộc về ông.” ⁸ Đức Giê-su đáp lại : “Đã có lời chép rằng : *Người phải bái lạy Đức Chúa là Thiên Chúa của người, và phải thờ phượng một mình Người mà thôi.*”

Và chính đó là lúc *ma quỷ* lên tiếng trong nội tâm của Chúa Giê-su. Kinh Thánh còn gọi ma quỷ là “kẻ tố cáo” vì lúc nào hắn cũng chỉ trích phê bình. Hắn thúc chúng ta tố cáo Thiên Chúa, và một khi đã làm ta sa ngã, chính hắn lại tố cáo ta, cố làm cho ta nghĩ rằng Thiên Chúa sẽ không tha thứ cho ta đâu.

Nếu ông là Con Thiên Chúa (c.3). Chúa Giê-su đã không đem quyền năng của mình ra thử. Khi thân xác đã mất sức vì ăn chay, Người không dùng đến sức mạnh thần linh của mình được sao ? Một ngày kia, Người cũng không xuống khỏi thập giá để cứu lấy mình được sao ?

Chúa Giê-su từ chối mưu ích cho chính mình : chủ đích của Người cao thượng hơn. Bấy giờ *quỷ đem Người lên cao*. Chúa Giê-su có thể tự nhủ : con người ta vốn đã là thế, vậy chỉ có một cách duy nhất làm cho người ta phục mình là dùng có chấp nhất, cứ xài khí giới của ma quỷ, kẻ chẳng tôn trọng chân lý cũng chẳng tôn trọng tự do lương tâm của ai. Lúc ấy, Người sẽ dễ dàng thống trị các quốc gia “nhân danh Thiên Chúa”, như bao nhiêu kẻ cầm quyền vẫn làm, bởi lý do ma quỷ *muốn cho ai tùy ý*.

Nhưng Chúa Giê-su đã chọn *chỉ thờ phượng Thiên Chúa mà thôi*. Bấy giờ ma quỷ hỏi : “Tại sao lại không khởi sự rao giảng bằng một chuyện gì đó giật gân, như là từ trên tường thành cao kia gieo mình xuống giữa đám đông dân chúng đang đi vào cầu nguyện trong Đền Thờ, chẳng hạn ? Ông không tin là Thiên Chúa sẽ làm phép lạ cho ông à ?” Lần này ma quỷ dùng chính lời Sách Thánh : đọc những lời ấy, người ta có thể nghĩ rằng nếu có đức tin vững mạnh, thì bảo đảm sức khoẻ sẽ không hề hấn gì và sẽ chắc chắn thành công.

⁹ Quỷ lại đem Đức Giê-su đến Giê-ru-sa-lem và đặt Người trên nóc Đền Thờ, rồi nói với Người : “Nếu ông là Con Thiên Chúa, thì đứng đây mà gieo mình xuống đi ! ¹⁰ Vì đã có lời chép rằng : *Thiên Chúa sẽ truyền cho thiên sứ gìn giữ bạn.* ¹¹ Lại còn chép rằng :

Thiên sứ sẽ tay đỡ tay nâng, cho bạn khỏi vấp chân vào đá.” ¹² Bấy giờ Đức Giê-su đáp lại : “Đã có lời rằng : *Người chớ thử thách Đức Chúa là Thiên Chúa của người.”*

¹³ Sau khi đã xoay hết cách để cám dỗ Người, quỷ bỏ đi, chờ đợi thời cơ.

III. ĐỨC GIÊ-SU RAO GIẢNG TẠI MIỀN GA-LI-LÊ

Đức Giê-su bắt đầu rao giảng

¹⁴ Được quyền năng Thần Khí thúc đẩy, Đức Giê-su

trở về miền Ga-li-lê, và tiếng tăm Người đồn ra khắp vùng lân cận.

¹⁵ Người giảng dạy trong

Nhưng Chúa Giê-su cho biết đức tin của chúng ta phải cảnh giác : đòi dẹp con đường thập giá là sai. Chúa Giê-su sẽ không xin Chúa Cha làm phép lạ để tránh những nhục nhã, để khỏi bị loại trừ, là số phận dành cho các sứ giả của Thiên Chúa. Xin phép lạ hoá ra là *thử thách Thiên Chúa*, viện cố tin tưởng vào Người.

Quỷ bỏ đi, chờ đợi thời cơ (c.13). Trong cuộc thương khó của Chúa Giê-su, quỷ sẽ làm cho tất cả sự độc ác của dân chúng đổ trút xuống đầu Vị Cứu Tinh mà nó đã không quyền rũ được : x. Ga 14,30.

X. phần bình giải Mt 4,1.

* 4,14 Bấy giờ Chúa Giê-su đến Ca-phác-na-um cùng với mấy môn đệ mà Người đã gặp đang ở với ông Gio-an Tẩy Giả. Người trọ lại ở nhà hai ông Si-môn và An-rê bên bờ hồ. Người bắt đầu giảng dạy trong các hội đường miền Ga-li-lê (Mc 1,39). Lời Người đánh động các thánh giả vì Người *được quyền năng Thần Khí thúc đẩy*, nghĩa là lời Người giảng dạy đầy uy quyền và được các phép lạ Người làm xác nhận.

Người giảng dạy trong các hội đường của người Do-thái. Bấy giờ, ở Ít-ra-en, chỉ có một Đền Thờ duy nhất là đền thờ Giê-ru-sa-lem, nơi các thầy tư tế dâng hy lễ. Nhưng ở đâu có ít nhất mười người đăng ký thì ở đó có một hội đường. Mỗi thứ bảy, các thành viên cộng đoàn cử hành phụng tự tại đó. Tham gia đọc và giải thích Sách Thánh thì không khó, và cũng nhờ tham dự các buổi phụng tự vào ngày sa-bát trong các hội đường miền Ga-li-lê sinh quán của Người, mà Chúa Giê-su được người ta biết đến.

các hội đường, và được mọi người tôn vinh.

Đức Giê-su tại Na-da-rét

* 16 Rồi Đức Giê-su đến Na-da-rét, là nơi Người sinh trưởng. Người vào hội đường như Người vẫn quen làm trong ngày sa-bát, và đứng lên đọc Sách Thánh.¹⁷ Họ trao cho Người cuốn sách ngôn sứ I-sai-a. Người mở ra, gặp đoạn

chép rằng :¹⁸ *Thần Khí Chúa ngự trên tôi, vì Chúa đã xức dầu tấn phong tôi, để tôi loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn. Người đã sai tôi đi công bố cho kẻ bị giam cầm biết họ được tha, cho người mù biết họ được sáng mắt, trả lại tự do cho người bị áp bức,*¹⁹ *công bố một năm hồng ân của Chúa.*

* 4,16 Sau một thời gian, khi người ta đã biết Người là ai rồi, Chúa Giê-su ghé qua Na-da-rét, nhưng lại bị đối xử rất tệ. Trong trình thuật của mình, thánh Lu-ca cho thấy vì sao Chúa Giê-su thu hút dân chúng và vì sao, ít là tại Na-da-rét, Người lại bị chối bỏ.

Người gặp đoạn chép rằng (c.17). Đoạn tiếp theo sau trích từ I-sai-a 61,1-2. Ngôn sứ nói về chính sứ mạng của ông : Thiên Chúa đã sai ông đến với những người Do-thái lưu đày để báo cho họ biết Người sắp đến viếng thăm họ. Nhưng đem áp dụng lời này cho Chúa Giê-su thì càng đúng hơn nữa, vì Người mang lại cho loài người tự do đích thực.

Cụm từ *trả lại tự do cho người bị áp bức* (c.18) không có trong bản văn I-sai-a : thánh Lu-ca đã lấy từ một chỗ khác cũng của ngôn sứ ấy (Is 58,6) mà đưa vào đây, bởi vì từ “trả tự do” thấu tóm rõ nhất sự nghiệp của Chúa Giê-su.

Hôm nay đã ứng nghiệm lời Kinh Thánh (c.21). Chúa Giê-su đến khai mở thời đại mới, trong đó Thiên Chúa đích thân hiện diện để hoà giải loài người với nhau. Thời xưa, cứ mỗi năm mười năm thì Ít-ra-en mừng năm toàn xá : trong thời gian một năm ấy, nợ nần được tha, nô lệ được phóng thích (Lv 25,10). Giờ đây cũng vậy, *năm hồng ân của Chúa* bắt đầu. Thời gian hứa hẹn và nói tiên tri đã chấm dứt, và Thiên Chúa bắt đầu tỏ mình ra cho loài người được biết Người là ai : Chúa Giê-su mặc khải Cha của Người và Chúa Cha mặc khải Con mình bằng những điềm thiêng dấu lạ mà người Con ấy thực hiện.

Trả lại tự do cho người bị áp bức. Chúa Giê-su mang lại sự giải thoát đích thực, bởi vì những việc Người làm đưa tất cả chúng ta trở về với chân lý : “Người Con giải phóng các ông... sự thật sẽ giải phóng các ông” (Ga 8,36.32). Lê cố nhiên, điều mà người Do-thái lúc ấy khát mong nhất là cuộc giải phóng quốc gia. Tại sao Chúa Giê-su không ra tay làm chuyện đó ? Phải chăng vì Người chỉ lo “phân linh hồn” mà thôi ?

²⁰ Đức Giê-su cuộn sách lại, trả cho người giúp việc hội đường, rồi ngồi xuống. Ai nấy trong hội đường đều chăm chú nhìn Người. ²¹ Người bắt đầu nói với họ : “Hôm nay đã ứng nghiệm lời Kinh Thánh quý vị vừa nghe.” ²² Mọi người đều tán thành và thán phục những lời hay ý đẹp thốt ra từ miệng Người.

Họ bảo nhau : “Ông này không phải là con ông Giu-se đó sao ?” ²³ Người nói với họ : “Hẳn là các ông muốn nói với tôi câu tục ngữ : Thầy lang ơi, hãy chữa lấy mình ! Tất cả những gì chúng tôi nghe nói ông đã làm tại Ca-phác-na-um, ông cũng hãy làm tại đây, tại quê ông xem nào !” ²⁴ Người nói tiếp : “Tôi bảo thật các

Thật ra, Cựu Ước chưa bao giờ loan báo về “phần rỗi linh hồn” theo như kiểu một số người ngày nay. Những người tín hữu này tưởng cứu được linh hồn mình, trong khi, bằng thái độ giả câm giả mù, chính họ ngày ngày là kẻ tòng phạm làm cho tội lỗi thâm nhiễm toàn bộ đời sống xã hội và kinh tế.

Cựu Ước đã từng loan báo Chúa Giê-su sẽ là Đấng cứu độ dân tộc và nòi giống của mình. Lời nói, việc làm của Người khơi dậy niềm hy vọng trong lòng kẻ yếu thế, và mở đường giải phóng nhân loại ở mọi lãnh vực. Nhưng đó như là những hạt giống, và cần phải kiên nhẫn chờ đợi mới được thấy nó chín muồi và sinh hoa trái.

Chúa Giê-su chẳng hề ước muốn kết thân với nhóm người cuồng tín, nhóm người bạo động trong dân tộc mình, để áp đặt trên đất nước một chủ quyền nào đó có lẽ cũng tàn bạo không kém gì ách thống trị của người Rô-ma. Người đã làm chứng cho sự thật và đặt nền tảng cho mọi phong trào giải phóng tương lai. Trong thời đại chúng ta cũng vậy, nếu có những hành động giúp cho con người được giải phóng thì có thể nói đến chuyện rao giảng Tin Mừng.

Chúa đã xúc dầu tấn phong tôi, để tôi loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn (c.18) : x. phần bình giải Lc 6,17.

Trong phần hai, thánh Lu-ca giải thích tại sao dân Na-da-rét đã chối bỏ Chúa Giê-su :

– Trước hết, vì họ kiêu ngạo : nhiều người hăm hở chạy theo một người lạ, nhưng không chấp nhận thấy một người cùng giới với mình tự nhiên nổi danh hoặc lên chức làm thầy mình : *Ông này không phải là con ông Giu-se đó sao ? (x. phần bình giải Mc 6,1).*

– Vì họ ích kỷ : họ không chấp nhận thấy người khác được hưởng ơn lộc của Thiên Chúa. Vậy Chúa Giê-su nhắc cho họ nhớ rằng các ngôn sứ thời xưa đâu đã chỉ làm ơn cho người đồng hương các ông mà thôi (x. 1 V 17,7 và 2 V 5).

ông : không một ngôn sứ nào được chấp nhận tại quê hương mình.

²⁵ “Thật vậy, tôi nói cho các ông hay : vào thời ông Ê-li-a, khi trời hạn hán suốt ba năm sáu tháng, cả nước phải đói kém dữ dội, thiếu gì bà goá ở trong nước Ít-ra-en ; ²⁶ thế mà ông không được sai đến giúp một bà nào cả, nhưng chỉ được sai đến giúp bà goá thành Xa-rép-ta miền Xi-đôn. ²⁷ Cũng vậy, vào thời ngôn sứ Ê-li-sa, thiếu gì người phong hủi ở trong nước Ít-ra-en, nhưng không người nào được sạch, mà chỉ có ông Na-a-man, người xứ Xy-ri thôi.”

²⁸ Nghe vậy, mọi người trong hội đường đầy phẫn nộ. ²⁹ Họ đứng dậy, lôi Người ra khỏi thành – thành này được xây trên núi. Họ kéo Người lên tận đỉnh

núi, để xô Người xuống vực. ³⁰ Nhưng Người băng qua giữa họ mà đi.

Đức Giê-su giảng dạy tại Ca-phác-na-um và chữa lành một người bị quỷ ám

* ³¹ Người xuống Ca-phác-na-um, một thành miền Ga-li-lê, và ngày sa-bát, Người giảng dạy dân chúng. ³² Họ sửng sốt về cách Người giảng dạy, vì lời của Người có uy quyền.

* ³³ Trong hội đường, có một người bị quỷ thần ô uest nhập, la to lên rằng : ³⁴ “Ông Giê-su Na-da-rét, chuyện chúng tôi can gì đến ông, mà ông đến tiêu diệt chúng tôi ? Tôi biết ông là ai rồi : ông là Đấng Thánh của Thiên Chúa !” ³⁵ Nhưng Đức Giê-su quát mắng nó : “Câm đi, hãy xuất khỏi người này !” Quỷ vật người ấy ngã xuống

* 4,31 X. phần bình giải Mc 1,21.

* 4,33 Tại sao Chúa Giê-su truyền cho quỷ thần ô uest phải câm miệng ? Ở 4,41 cũng thế.

Là vì Chúa Giê-su không muốn người ta nói về Người những câu như : ông ấy là *Đấng Ki-tô* hay là *Mê-si-a* hoặc *Đấng Thánh của Thiên Chúa* (tất cả các danh hiệu này đều có nghĩa là Đấng Cứu Độ, người được Thiên Chúa “xức dầu tấn phong”). Chúa Giê-su không tự nhận mình là vị cứu tinh theo kiểu người ta mong đợi, và ma quỷ hoan nghênh Người như thế chẳng phải là nhằm gây rối để rồi làm hại Người đó sao ? Những lời khen ngợi từ miệng quỷ thần ô uest chỉ làm cho Người cảm thấy ghê tởm.

giữa hội đường, rồi xuất khỏi anh ta, nhưng không làm hại gì anh. ³⁶ Mọi người rất đỗi kinh ngạc và nói với nhau : “Lời ấy là thế nào ? Ông ấy lấy uy quyền và thế lực mà ra lệnh cho các thần ô uế, và chúng phải xuất !” ³⁷ Và tiếng đồn về Người lan ra khắp nơi trong vùng.

Đức Giê-su chữa bà mẹ vợ ông Si-môn

³⁸ Đức Giê-su rời khỏi hội đường, đi vào nhà ông Si-môn. Lúc ấy, bà mẹ vợ ông Si-môn đang bị sốt nặng. Họ xin Người chữa bà. ³⁹ Đức Giê-su cúi xuống gần bà, ra lệnh cho cơn sốt, và cơn sốt biến mất : tức khắc bà trở dậy phục vụ các ngài.

Đức Giê-su chữa lành nhiều người đau yếu

⁴⁰ Lúc mặt trời lặn, tất cả những ai có người đau yếu mắc đủ thứ bệnh hoạn, đều đưa tới Người.

Người đặt tay trên từng bệnh nhân và chữa họ. ⁴¹ Quỷ cũng xuất khỏi nhiều người, và la lên rằng : “Ông là Con Thiên Chúa !” Người quát mắng, không cho phép chúng nói, vì chúng biết Người là Đấng Ki-tô.

Đức Giê-su rao giảng tại miền Giu-đê

* ⁴² Sáng ngày, Người đi ra một nơi hoang vắng. Đám đông tìm Người, đến tận nơi Người đã đến, và muốn giữ Người lại, kéo Người bỏ họ mà đi. ⁴³ Nhưng Người nói với họ : “Tôi còn phải loan báo Tin Mừng Nước Thiên Chúa cho các thành khác nữa, vì tôi được sai đi cốt để làm việc đó.” ⁴⁴ Và Người rao giảng trong các hội đường miền Giu-đê.

Đức Giê-su kêu gọi bốn môn đệ đầu tiên

5 * ¹ Một hôm, Đức Giê-su đang đứng ở bờ hồ

* 4,42 Chúa Giê-su là mẫu mực những người được Thiên Chúa sai đi. Người vừa quy tụ được một số người tâm phúc thì những người này liền tìm cách giữ Người lại vì nhận thấy Người là một vị ngôn sứ chính danh. Họ ước ao được Người dạy dỗ thêm, để hình thành một cộng đoàn được Người hướng dẫn.

Nhưng Chúa Giê-su để lại cho người khác nhiệm vụ mục tử (nghĩa là người lãnh đạo một cộng đoàn nhất định), vì Người nghĩ tới tất cả những ai còn chờ đợi được nghe Tin Mừng.

Ghen-nê-xa-rét, dân chúng chen lấn nhau đến gần Người để nghe lời Thiên Chúa. ² Người thấy hai chiếc thuyền đậu dọc bờ hồ, còn những người đánh cá thì đã ra khỏi thuyền và đang giặt lưới. ³ Đức

Giê-su xuống một chiếc thuyền, thuyền đó của ông Si-môn, và Người xin ông chèo thuyền ra xa bờ một chút. Rồi Người ngồi xuống, và từ trên thuyền Người giảng dạy đám đông.

* 5,1 CÁC TÔNG ĐỒ

Chúa Giê-su tự tiện sử dụng thuyền của ông Phê-rô, và ông này cũng sẵn sàng chiêu ý Người. Nhưng Người còn nhắm xa hơn nữa : kẻ sẵn sàng giúp Người thì không thiếu, nhưng Người lại đi tìm những ai sẽ hiến thân trọn vẹn cho sự nghiệp của Người. Thính giả thì nhiều, nhưng Chúa Giê-su thì cần các *Tông Đồ*.

Có một phương cách khác mà Chúa Giê-su dùng để giảng dạy, đó là phép lạ. Vậy đây cũng là lời Thiên Chúa dành cho những vị sắp trở thành Tông Đồ. *Hãy thả lưới* (c.4) : ông Phê-rô vâng lời dù ông nghĩ bụng sẽ chẳng bắt được gì, thế mà *hầu như rách cả lưới*.

Anh sẽ là người thu phục người ta (c.10). Ông Phê-rô trở thành nghề nhân trong một “nghệ thuật đánh cá” khác : “Quy tụ con cái Thiên Chúa đang tản mác khắp nơi về một mối” (Ga 11,52).

Xin tránh xa con vì con là kẻ tội lỗi (c.8). Bỗng dưng ông Phê-rô đâm sợ, tuy trước đây ông tưởng mình đã biết rõ Chúa Giê-su rồi : ông vừa cảm nhận Thiên Chúa đi vào đời mình, có người đã vào sâu tận đáy lòng mình. Đây là lần đầu tiên ông tin vào thân tính của Chúa Giê-su. Nhưng Chúa Giê-su cần *kẻ tội lỗi* để cứu người tội lỗi.

Họ bỏ hết mọi sự mà theo Người (c.11). Cửa cải, họ chẳng có bao nhiêu, nhưng đó là tất cả đời họ : công việc, gia đình và cả cái quá khứ hành nghề đánh cá của họ nữa.

Tông đồ có nghĩa là *được sai đi*. Chính Chúa Ki-tô đã chọn các Tông Đồ và sai các ngài đi nhân danh Người, nhưng Người sẽ sai ai nếu không phải là những người đồng ý cộng tác với Người ?

Chúng ta bắt đầu làm tông đồ, hay ít ra làm cộng sự viên của Chúa Ki-tô, khi chúng ta chấp nhận nhắm xa hơn chuyện giúp làm việc nọ việc kia trong một tổ chức hay một giáo xứ, khi chúng ta nhận chịu trách nhiệm về những con người : *thu phục người ta*.

Ở đây có lẽ thánh Lu-ca đã ráp nối hai sự việc khác nhau : Chúa gọi các môn đệ (được trình bày vắn tắt trong Mc 1,16) và mẻ lưới lạ lùng. Thánh Gio-an cũng kể một mẻ lưới lạ lùng (Ga 21), nhưng lại đặt nó sau ngày phục sinh. Có những lý do nghiêm túc cho phép nghĩ rằng cả hai đoạn đều nói về cùng một phép lạ, nhưng thánh Gio-an chọn nối liền phép lạ ấy với cuộc hiện ra của Chúa Phục Sinh với các Tông Đồ, là biến cố sau này cũng xảy ra ở địa điểm phép lạ.

⁴ Giảng xong, Người bảo ông Si-môn : “Chèo ra chỗ nước sâu mà thả lưới bắt cá.” ⁵ Ông Si-môn đáp : “Thưa Thầy, chúng tôi đã vất vả suốt đêm mà không bắt được gì cả. Nhưng vâng lời Thầy, tôi sẽ thả lưới.” ⁶ Họ đã làm như vậy, và bắt được rất nhiều cá, đến nỗi hầu như rách cả lưới. ⁷ Họ làm hiệu cho các bạn chài trên chiếc thuyền kia đến giúp. Những người này tới, và họ đã đổ lên được hai thuyền đầy cá, đến gần chìm.

⁸ Thấy vậy, ông Si-môn Phê-rô sấp mặt dưới chân Đức Giê-su và nói : “Lạy Chúa, xin tránh xa con, vì con là kẻ tội lỗi !” ⁹ Quả vậy, thấy mẻ cá vừa bắt được, ông Si-môn và tất cả những người có mặt ở đó với ông đều kinh ngạc. ¹⁰ Cả hai người con ông Ê-bê-đê, là Gia-cô-bê và Gio-an, bạn chài với ông Si-môn, cũng kinh ngạc như vậy. Bấy giờ Đức Giê-

su bảo ông Si-môn : “Đừng sợ, từ nay anh sẽ là người thu phục người ta.” ¹¹ Thế là họ đưa thuyền vào bờ, rồi bỏ hết mọi sự mà theo Người.

Đức Giê-su chữa người bị phong hủi

* ¹² Khi ấy, Đức Giê-su đang ở trong một thành kia ; có một người đầy phong hủi vừa thấy Người, liền sấp mặt xuống, xin Người rằng : “Thưa Ngài, nếu Ngài muốn, Ngài có thể làm cho tôi được sạch.” ¹³ Người giơ tay đụng vào anh ta và bảo : “Tôi muốn, anh sạch đi.” Lập tức, chứng phong hủi biến khỏi anh. ¹⁴ Rồi Người truyền anh ta không được nói với ai, và Người bảo : “Hãy đi trình diện tư tế, và vì anh đã được sạch, thì hãy dâng của lễ như ông Mô-sê đã truyền, để làm chứng cho người ta biết.”

* 5,12 X. phần bình giải Mc 1,40.

Hãy dâng của lễ như ông Mô-sê đã truyền. Điều luật buộc người mắc bệnh phong phải sống cô lập (Lv 13,45) cũng trừ lệu rằng, khi khỏi bệnh, người ấy được hội nhập trở lại vào cộng đoàn sau khi được các tư tế khám xét. Vì bệnh phong bị coi như một hình phạt của Thiên Chúa, nên được khỏi bệnh có nghĩa là được Thiên Chúa tha tội ; người được lành bệnh phải dâng một của lễ để tỏ lòng biết ơn.

* 15 Tiếng đồn về Người ngày càng lan rộng ; đám đông lũ lượt tuôn đến để nghe Người và để được chữa bệnh. 16 Nhưng Người lui vào nơi hoang vắng mà cầu nguyện.

Đức Giê-su chữa người bại liệt

* 17 Một hôm, khi Đức Giê-su giảng dạy, có mấy người Pha-ri-sêu và luật sĩ ngồi đó ; họ từ khắp các làng mạc miền Ga-li-lê, Giu-đê và từ Giê-ru-sa-lem

mà đến. Quyền năng Chúa ở với Người, khiến Người chữa lành các bệnh tật. 18 Bỗng có mấy người khiêng đến một bệnh nhân bị bại liệt nằm trên giường, họ tìm cách đem vào đặt trước mặt Người. 19 Nhưng vì có đám đông, họ không tìm được lối đem người ấy vào, nên họ mới lên mái nhà, dỡ ngói ra, thả người ấy cùng với cái giường xuống ngay chính giữa, trước mặt Đức Giê-su. 20 Thấy họ có lòng

* 5,15 *Người lui vào nơi hoang vắng mà cầu nguyện* (c.16). Nhiều lần thánh Lu-ca ghi nhận Chúa Giê-su cầu nguyện (3,21 ; 6,12 ; 9,28). Chúa Giê-su lui vào nơi vắng vẻ không phải để được yên ổn nhưng bởi vì lúc nào cũng vậy, cầu nguyện –nghĩa là tiếp xúc với Chúa Cha– là chuyện bức thiết đối với Người.

* 5,17 X. phần bình giải Mc 2,1.

Có mấy người Pha-ri-sêu và luật sĩ ngồi đó. Nhóm Pha-ri-sêu và các thầy dạy Luật lúc này chưa chống đối Chúa Giê-su, nhưng do quá trình đào tạo giáo lý của họ, họ là những người đầu tiên thắc mắc về những lời tuyên bố của Người : phải chăng Người chẳng qua là một tín hữu say mê những gì liên quan đến Thiên Chúa, hay phải chăng Người hành động với tư cách là người sáng lập một giáo phái mới ? Thử lúc họ có mặt ở đó, Chúa Giê-su chứng minh rằng Người đâu chỉ là một môn đệ của ông Mô-sê và các ngôn sứ, mà là bậc thầy của tất cả các ông.

Các thầy dạy Luật có lấy làm chướng cũng dễ hiểu (x. phần bình giải Mc 2,1). Nhưng họ cũng có những lý do còn ẩn giấu, khó thú nhận : làm sao một con người như thế, chẳng được chuẩn bị cũng chẳng có bằng cấp gì, lại có thể đương đầu với họ và dạy dỗ họ ? Họ đã từng mong chờ một vị Thiên Chúa đến chuẩn y giáo lý của họ và nhìn nhận công lao của họ. Thế mà Chúa Giê-su, một con người không quá khứ, không chức tước, cũng không được học gì về đạo, lại không tìm đến họ để mà học hỏi. Vì không chịu khuất phục trước những sự kiện đã xảy ra, cũng không thể tin, nên họ sẽ tất nhiên trở thành phe chống đối.

tin như vậy, Người bảo :
 “Này anh, anh đã được tha
 tội rồi.”

²¹ Các kinh sư và các
 người Pha-ri-sêu bắt đầu
 suy nghĩ : “Ông này là ai
 mà nói phạm thượng như
 thế ? Ai có quyền tha tội,
 ngoài một mình Thiên
 Chúa ?” ²² Nhưng Đức Giê-
 su thấu biết họ đang suy
 nghĩ như thế, nên Người
 lên tiếng bảo họ rằng :
 “Các ông đang nghĩ gì
 trong bụng vậy ? ²³ Trong
 hai điều : một là bảo :
 ‘Anh đã được tha tội rồi’,
 hai là bảo : ‘Đứng dậy mà
 đi’, điều nào dễ hơn ?
²⁴ Vậy, để các ông biết : ở
 dưới đất này, Con Người
 có quyền tha tội –Đức Giê-
 su bảo người bại liệt– : tôi
 truyền cho anh : Hãy đứng
 dậy, vác lấy giường của
 anh mà đi về nhà !”
²⁵ Ngay lúc ấy, người bại
 liệt trở dậy trước mặt họ,
 vác cái anh đã dùng để
 nằm, vừa đi về nhà vừa
 tôn vinh Thiên Chúa.

²⁶ Mọi người đều sửng
 sốt và tôn vinh Thiên
 Chúa. Họ kinh hãi bảo
 nhau : “Hôm nay, chúng ta
 đã thấy những chuyện lạ
 kỳ !”

Đức Giê-su kêu gọi ông Lê-vi

* ²⁷ Sau đó, Đức Giê-su đi
 ra và trông thấy một
 người thu thuế, tên là Lê-
 vi, đang ngồi ở trạm thu
 thuế. Người bảo ông : “Anh
 hãy theo tôi !” ²⁸ Ông bỏ
 tất cả, đứng dậy đi theo
 Người.

Đức Giê-su dùng bữa với những người tội lỗi tại nhà ông Lê-vi

²⁹ Ông Lê-vi làm tiệc lớn
 đãi Người tại nhà ông. Có
 đông đảo người thu thuế
 và những người khác cùng
 ăn với các ngài. ³⁰ Những
 người Pha-ri-sêu và những
 kinh sư thuộc nhóm của họ
 mới lẩm bẩm trách các
 môn đệ Đức Giê-su rằng :
 “Sao các ông lại ăn uống

* 5,27 X. phân bình giải Mc 2,13.

Các biến cố được gom lại trong chương này cho thấy Chúa Giê-su
 đặt chỗ đứng của mình ở đâu trong xã hội và giao tiếp với những ai :
 một vài ngư phủ sẽ đảm nhiệm sự nghiệp Người mới gây dựng ;
 những người bị phong hủi và kẻ bệnh hoạn đến với Người ; Người mời
 gọi những người như ông Lê-vi, nghĩa là xuất thân từ lớp người bị
 khinh rẻ.

với bọn thu thuế và quân tội lỗi ?”³¹ Đức Giê-su đáp lại họ rằng : “Người khoẻ mạnh không cần thầy thuốc, người đau ốm mới cần.”³² Tôi không đến để kêu gọi người công chính, mà để kêu gọi người tội lỗi sám hối ăn năn.”

Tranh luận về việc ăn chay

³³ Họ nói với Người : “Môn đệ ông Gio-an năng ăn chay cầu nguyện, môn đệ người Pha-ri-sêu cũng thế, còn môn đệ ông thì ăn với uống !”³⁴ Đức Giê-su trả lời : “Chẳng lẽ các ông lại có thể bắt khách dự tiệc cưới ăn chay, khi chàng rể còn ở với họ ?”³⁵ Sẽ có ngày chàng rể bị

dem đi ; ngày đó, họ mới ăn chay.”

³⁶ Đức Giê-su còn kể cho họ nghe dụ ngôn này : “Chẳng ai xé áo mới lấy vải vá áo cũ, vì như vậy, không những họ xé áo mới, mà miếng vải áo mới cũng không ăn với áo cũ.

³⁷ “Không ai đổ rượu mới vào bầu da cũ, vì như vậy, rượu mới sẽ làm nứt bầu, sẽ chảy ra và bầu cũng hư.”³⁸ Nhưng rượu mới thì phải đổ vào bầu mới.³⁹ Cũng không ai uống rượu cũ mà còn thêm rượu mới. Vì người ta nói : “Rượu cũ ngon hơn.”

Môn đệ bắt lúa ăn ngày sa-bát

6 *¹ Vào một ngày sa-bát, Đức Giê-su đi

* 6,1 Ở đây, Chúa Giê-su hai lần chống đối tất cả các nhóm Do-thái giáo thời bấy giờ trong vấn đề giữ ngày sa-bát. X. phần bình giải Mc 3,1.

Xin đừng quên từ *sa-bát* có nghĩa là *nghỉ ngơi*. Thời xưa, Thiên Chúa đã truyền phải thánh hoá một ngày trong tuần, không hẳn để tụ họp cử hành phụng vụ cho bằng để mọi người được nghỉ ngơi (Xh 20,10). Bởi vì Thiên Chúa Chí Thánh không muốn một dân thánh lại làm nô lệ cho nhu cầu ăn uống hằng ngày của mình hoặc cho việc lao động của mình.

Trong trường hợp thứ nhất, Chúa Giê-su không tranh luận với nhóm người Pha-ri-sêu chỉ mới thấy người ta bắt vài bông lúa và tuốt hạt đã cho là làm việc lao động rồi. Người chỉ nhắc họ nhớ rằng có những người có đức tin rất lớn mạnh, như vua Đa-vít, đôi khi cũng đã quanh co để tránh giữ luật. Nhưng liền sau đó Người thêm : *Con Người làm chủ ngày sa-bát* (c.5). Chúa Giê-su tự cho mình là ai ? Chẳng có người nào trong dân Do-thái, kể cả vị thượng tế, được miễn cho ai khỏi giữ luật sa-bát.

băng qua một cánh đồng lúa ; các môn đệ bứt lúa, vò trong tay mà ăn. ² Nhưng có mấy người Pha-ri-sêu nói : “Tại sao các ông làm điều không được phép làm ngày sa-bát ?”

³ Đức Giê-su trả lời : “Các ông chưa đọc chuyện này trong Sách sao ? Ông Đa-vít đã làm gì khi ông và thuộc hạ đói bụng ? ⁴ Ông vào nhà Thiên Chúa lấy bánh tiến mà ăn và cho thuộc hạ ăn. Thứ bánh này, chỉ có tư tế mới được ăn mà thôi.” ⁵ Rồi Người

nói : “Con Người làm chủ ngày sa-bát.”

Đức Giê-su chữa người bại tay ngày sa-bát

⁶ Một ngày sa-bát khác, Đức Giê-su cũng vào hội đường và giảng dạy. Ở đó có một người bị khô bại tay phải. ⁷ Các kinh sư và những người Pha-ri-sêu rình xem Đức Giê-su có chữa người ấy trong ngày sa-bát không, để tìm được cơ tố cáo Người. ⁸ Nhưng Người biết họ đang suy nghĩ như thế, nên bảo người bại tay : “Anh trở

Trong trường hợp thứ hai, Chúa Giê-su có thể nói với người kia : Sao anh lại xin tôi làm một điều bị cấm làm trong ngày sa-bát ? Ngày mai anh trở lại đây để được chữa bệnh. Nhưng không, Chúa Giê-su thấy tốt hơn nên đổi đầu, bởi vì Tin Mừng là để giải phóng, và người ta được giải toả khi nhận ra rằng trong xã hội chẳng có gì là tuyệt đối, cho dù xã hội muốn áp đặt những luật lệ nào đó với nhãn hiệu là bất khả xâm phạm. Luật hưu lễ (hay luật ngày sa-bát) đúng là một trong những luật căn bản trong Sách Thánh, nhưng không khỏi có những trường hợp nó ép người ta thay vì giải toả, vậy phải gác qua một bên. Những luật lệ linh thiêng nhất trong Giáo Hội cũng thế : tất cả, một lúc nào đó, đều có thể trở thành chướng ngại vật cho Tin Mừng, và nếu đúng như vậy thì, dưới ánh sáng của Thánh Thần, lương tâm Ki-tô giáo phải tìm ra một giải pháp cho thời điểm ấy.

Bao lâu người ta còn lệ thuộc vào một trật tự, vào những luật lệ và quyền hành được coi là linh thiêng mà không có ai nghĩ tới chuyện phê bình, thì người ta chẳng tự do cũng chẳng thật sự là con cái Thiên Chúa (x. 1 Cr 3,21-23 ; 8,4 ; Cl 2,20-23). Lòng tôn kính Thiên Chúa mà huỷ diệt óc phê bình của chúng ta thì đâu có phù hợp với Tin Mừng ; đạo nào ngăn cản chúng ta đi tìm chân lý và chất vấn tất cả những mối rây rứt của con người sẽ không phải là đạo thật. Học hỏi Sách Thánh mà không dám hấp thụ những kiến thức, không dám thu nạp những đóng góp của khoa học thời nay, sợ rằng quan niệm quá ngây ngô của chúng ta về lịch sử thánh sẽ sụp đổ, thì đó là một thiếu sót.

dậy, ra đứng giữa đây !” Người ấy liền trỗi dậy và đứng đó. ⁹ Đức Giê-su nói với họ : “Tôi xin hỏi các ông : ngày sa-bát, được phép làm điều lành hay điều dữ, cứu mạng người hay huỷ diệt ?” ¹⁰ Người rảo mắt nhìn họ tất cả, rồi bảo người bại tay : “Anh giơ tay ra !” Anh ấy làm như vậy và tay anh liền trở lại bình thường. ¹¹ Nhưng họ thì giận điên lên, và bàn nhau xem có làm gì được Đức Giê-su không.

Đức Giê-su tuyển chọn mười hai Tông Đồ

* ¹² Trong những ngày ấy, Đức Giê-su đi ra núi cầu nguyện, và Người đã thức suốt đêm cầu nguyện cùng Thiên Chúa. ¹³ Đến sáng, Người kêu các môn

đệ lại, chọn lấy mười hai ông và gọi là Tông Đồ. ¹⁴ Đó là ông Si-môn mà Người gọi là Phê-rô, rồi đến ông An-rê, anh của ông ; sau đó là các ông Gia-cô-bê, Gio-an, Phi-líp-phê, Ba-tô-lô-mê-ô, ¹⁵ Mát-thêu, Tô-ma, Gia-cô-bê con ông An-phê, Si-môn biệt danh là Quá Khích, ¹⁶ Giu-đa con ông Gia-cô-bê, và Giu-đa Ít-ca-ri-ốt, người đã trở thành kẻ phản bội.

Dân chúng kéo đến cùng Đức Giê-su

* ¹⁷ Đức Giê-su đi xuống cùng với các ông, Người dừng lại ở một chỗ đất bằng. Tại đó, đông đảo môn đệ của Người, và đoàn lũ dân chúng từ khắp miền Giu-đê, Giê-ru-sa-lem cũng như từ miền duyên

* 6,12 Khi cầu nguyện, Chúa Giê-su cứu mang những ai Người yêu thương nhất. Trước phục sinh, Người không thể cùng một lúc cứu mang tất cả thế giới trong tâm tưởng phạm nhân của mình, hạn hẹp như tâm tưởng của chúng ta. Người dồn hết tâm lực cho những người đang chia sẻ cuộc sống với Người và sau này sẽ là Tông Đồ của Người. Sự mạng của Người có thành công hay không sẽ tùy vào họ ; lòng tin của những người khác sẽ dựa vào họ. Người không muốn ơn gọi của họ phát xuất từ ý riêng của mình : trước khi gọi họ, Người cầu nguyện để nhờ cầu nguyện mà được biết chắc đó là thánh ý của Cha (Cv 1,24). Họ sẽ bị thử thách trăm chiều, chỉ vì Chúa Giê-su đã chọn họ và giao Hội Thánh cho họ coi sóc (Lc 22,32). Chính vì thế, Chúa Giê-su muốn dùng sức mạnh lời cầu nguyện của Người mà che chở họ (Ga 17,9). Hôm trước ngày chịu chết, Người sẽ được an ủi khi nghĩ rằng “không một ai trong những kẻ Chúa Cha đã ban cho Người phải hư mất” (Ga 17,12).

hải Tia và Xi-đôn ¹⁸ đến lạnh. ¹⁹ Tất cả đám đông để nghe Người giảng và để tìm cách sờ vào Người, vì được chữa lành bệnh tật. Những kẻ bị các thần ô uế Người phát ra, chữa lành hết mọi người.

Bài giảng khai mạc. Các mối phúc thật.

²⁰ Đức Giê-su ngược mắt lên nhìn các môn đệ và nói :

“Phúc cho anh em là những kẻ nghèo khó,
vì Nước Thiên Chúa là của anh em.

²¹ “Phúc cho anh em

* 6,17 X. phần bình giải về các mối phúc trong Mt 5,1. Thánh Mát-thêu đã biên soạn lại các mối phúc cho thích hợp với những thành phần trong Hội Thánh sống vào thời đại của ngài. Thánh Lu-ca thì ngược lại, trình bày các mối phúc ở đây y như lúc Chúa Giê-su công bố cho người miền Ga-li-lê. Đối với Chúa Giê-su, các mối phúc là một lời kêu gọi và một sứ điệp hy vọng gửi đến tất cả những ai bị đời này bỏ quên, trước hết là người nghèo trong dân tộc của Người, được thừa hưởng những lời hứa mà Thiên Chúa đã phán cùng các ngôn sứ.

Có trăm ngàn phương cách để giới thiệu Chúa Giê-su và sự nghiệp của Người. Nhưng để cho giáo huấn này xứng danh là *loan báo Tin Mừng* thì phải làm sao cho người nghèo nhận ra đó là một Tin Mừng. Nếu lớp người tự đồng hoá mình với đối tượng Tin Mừng là những tầng lớp nào khác trong xã hội, nếu họ là những người được kêu gọi ưu tiên, thì ấy là có một điểm nào đó còn thiếu, hoặc trong nội dung, hoặc trong cách thức công bố sứ điệp Tin Mừng, là sứ điệp nhằm trả lại cho hạng người bị bỏ rơi các quyền lợi của họ.

Đối tượng của ba mối phúc là những người không có những gì cần thiết để được một cuộc sống hoàn toàn xứng với nhân phẩm. Họ có phúc vì Thiên Chúa đứng về phía họ và khi Triều Đại Người đến thì họ sẽ hết nghèo khổ. Các mối phúc ấy cho biết tình thể hiện tại sẽ đảo ngược, như được ghi trong bài ca *Magnificat* (1,46-55), và người nghèo sẽ là lớp người tiên phong trong công trình cứu độ thế giới.

Tương phản với các mối phúc này, thánh Lu-ca đưa ra những lời tạ thần gọi nhớ ngôn sứ I-sai-a (65,13-14). Đây là những lời ai oán như để điều người chết, chứ không phải những lời nguyện rửa. Vì người giàu lãng quên Thiên Chúa và lòng dạ họ trở ra như đá trước ân sủng của Người (12,13 ; 16,19). Những câu tạ thần là dấu chỉ Thiên Chúa yêu thương người giàu, cũng như các mối phúc là dấu chỉ Thiên Chúa yêu thương người nghèo vậy, bởi vì Thiên Chúa yêu thương hết thấy mọi người, chỉ có cách thức là khác nhau thôi. Với kẻ nghèo, Người quả quyết sẽ phá đổ các tổ chức bất công, còn với kẻ giàu thì Người đưa ra một lời cảnh cáo : chạy theo sự giàu có là đi đến chỗ chết.

là những kẻ bây giờ đang phải đói,
vì Thiên Chúa sẽ cho anh em được no lòng.
“Phúc cho anh em
là những kẻ bây giờ đang phải khóc,
vì anh em sẽ được vui cười.

²² “Phúc cho anh em khi vì Con Người mà bị người ta oán ghét, khai trừ, sỉ vả và bị xoá tên như đồ xấu xa. ²³ Ngày đó, anh em hãy vui mừng nhảy múa, vì này đây phần thưởng dành cho anh em ở trên trời thật lớn lao. Bởi lẽ các

ngôn sứ cũng đã từng bị cha ông họ đối xử như thế.

Các mối hoạ

²⁴ “Nhưng khốn cho các người là những kẻ giàu có, vì các người đã được phần an ủi của mình rồi.

Các mối phúc không nói người giàu sẽ hoán cải, cũng chẳng bảo rằng kẻ nghèo là người tốt hơn, nhưng hứa sẽ có một vụ đảo ngược tình thế. Nước Thiên Chúa có nghĩa là một xã hội mới : Thiên Chúa ban phúc cho người nghèo chứ không phải ban cho cái nghèo.

Khốn cho các người, hỡi những kẻ bây giờ đang được no nê (c.25). Trước mắt chúng ta lúc nào cũng có sẵn một chuỗi bất tận những quảng cáo xuất hiện hàng ngày, phô bày những loại người phê phỡn mà Tv 49 nói tới thật đích đáng : “Dù sống trong danh vọng, con người cũng không hiểu biết gì ; thật nó chẳng khác chi con vật một ngày kia phải chết.” Khốn cho các người, những kẻ không còn khao khát Thiên Chúa được nữa !

Khi được mọi người ca tụng (x. 1 Cr 4,8). Kẻ bị bách hại, người được trọng vọng : có thể có sự tương phản này ngay cả trong Hội Thánh. Nhiều vấn đề có thể bị ngưng trệ, cả việc truyền giáo nữa, chỉ vì có những nhóm người có ảnh hưởng và những cá nhân chẳng thiếu gì vây cánh lại rất giỏi “lọt mắt xanh” của các bề trên. Chúa Giê-su thì nhắc lại trường hợp các ngôn sứ.

Vào thời Chúa Giê-su, nhóm Xa-đốc và phe các thượng tế không còn coi trọng các sách ngôn sứ bao nhiêu ; tất cả tâm quan trọng thì họ dành cho các sách Luật (Ngũ Thư), tụt trung hết vào việc phụng tự nơi Đền Thờ. Chúa Giê-su sẽ bảo cho các môn đệ Người biết họ là kẻ nổi nghiệp các ngôn sứ (Mt 13,17 ; Cv 3,25 ; Gc 5,10), và Người sẽ đề cao tầm quan trọng của các sứ giả không hào quang, những kẻ công bố lời Thiên Chúa ngay trong lòng dân Người và nhiều khi mâu thuẫn với những tư tưởng đang được ưu thế. Vậy không bao giờ người Ki-tô hữu nên ngạc nhiên trước những yếu đuối –chỉ nói bấy nhiêu chứ không hơn– mà họ sẽ gặp thấy trong Hội Thánh : họ hãy an phận sống trung thành với Hội Thánh, cho dù đó là nơi mình bị ngược đãi.

²⁵ “Khốn cho các người, hỡi những kẻ bây giờ đang được no nê, vì các người sẽ phải đói.

“Khốn cho các người, hỡi những kẻ bây giờ đang được vui cười, vì các người sẽ phải sầu khổ khóc than.

²⁶ “Khốn cho các người khi được mọi người ca tụng, vì các ngôn sứ giả cũng đã từng được cha ông họ đối xử như thế.

Yêu thương kẻ thù

* ²⁷ “Thầy nói với anh em là những người đang nghe Thầy đây : hãy yêu kẻ thù và làm ơn cho kẻ ghét anh em, ²⁸ hãy chúc lành cho kẻ nguyện rửa anh em và cầu nguyện cho kẻ vu khống anh em. ²⁹ Ai vả anh má bên này, thì hãy giơ cả má bên kia nữa. Ai đoạt áo ngoài của anh, thì cũng đừng cản nó lấy

* **6,27** Ở đây, thánh Lu-ca chỉ trưng một ít lời của Chúa Giê-su mà thánh Mát-thêu gom lại trong các chương 5 – 7 trong Tin Mừng của ngài. Chúng tôi đã bình giải các chương này.

Có người thất vọng vì thấy Chúa Giê-su nói tới chuyện thay đổi đời sống thay vì cải thiện xã hội. Chúng ta đừng trách Chúa Giê-su đã không đề cập tới việc cải thiện xã hội vào thời kỳ mà ngay cả ý niệm ấy cũng chưa ai có. Nhưng lý do nằm ở chỗ khác : Chúa Giê-su nhắm tới điều cốt yếu, là cội rễ sự dữ nằm nơi chính bản thân chúng ta. Dĩ nhiên là những cơ cấu bất công o ép cuộc sống và làm chúng ta bị méo mó ; nhưng không một cuộc cách mạng nào, dù mang lại những lợi ích thế nào đi nữa, có thể thiết lập một xã hội bớt áp bức hơn, nếu con người không biến đổi theo Tin Mừng. Chúa Giê-su chỉ dạy chúng ta con đường dẫn tới trưởng thành và tự do.

Ai cũng cần hoán cải theo lời Chúa Giê-su dạy. Lòng ưu ái Chúa đã tỏ ra đối với người nghèo và kẻ bị áp bức không có nghĩa là những người này tốt lành hơn người khác, nhưng là vì Thiên Chúa cảm cảnh, tỏ lòng xót thương đặc biệt hơn ở những nơi người ta khốn khổ đáng thương hơn ; Người ban hy vọng và giải thoát toàn diện nơi đâu niềm hy vọng mong manh nhất.

Người bị áp bức đâu phải là những kẻ vô tội : chớ chi họ không bị tê liệt vì sợ hãi hoặc đau óc gây sự, thềm khát những lợi lộc kẻ áp bức thí cho, thì họ đã có được một sức mạnh tinh thần khả dĩ canh tân thế giới. Chỉ ở nơi nào người bị áp bức tin tưởng mãnh liệt vào Thiên Chúa thì ở đấy họ mới được giải thoát ; bấy giờ họ có khả năng đón nhận nhau và chấp nhận liều mình đi vào con đường hoà giải trong công minh chính trực.

Những lời Chúa Giê-su nói tiếp sau đó chỉ cho thấy đâu là những cải thiện bức thiết nhất trong cách phê phán và thái độ của chúng ta.

áo trong. ³⁰ Ai xin, thì hãy cho, ai lấy cái gì của anh, thì đừng đòi lại. ³¹ Anh em muốn người ta làm gì cho mình, thì cũng hãy làm cho người ta như vậy. * ³² Nếu anh em yêu thương kẻ yêu thương mình, thì có gì là ân với nghĩa ? Ngay cả người tội lỗi cũng yêu thương kẻ yêu thương họ.

³³ Và nếu anh em làm ơn cho kẻ làm ơn cho mình, thì còn gì là ân với nghĩa ? Ngay cả người tội lỗi cũng làm như thế. ³⁴ Nếu anh em cho vay mà hy vọng đòi lại được, thì còn gì là ân với nghĩa ? Cả người tội lỗi cũng cho kẻ tội lỗi vay mượn để được trả lại sòng phẳng. * ³⁵ Trái

Ai xin, thì hãy cho (c.30). Chúa Giê-su không dạy chúng ta một quy luật có thể áp dụng tức thì trong mọi trường hợp : chúng ta biết có những trường hợp không nên cho, vì làm như thế là khuyến khích thói hư tật xấu. Chúa Giê-su muốn thức tỉnh lương tâm chúng ta thôi : tại sao bạn từ chối, không cho ? Phải chăng bạn sợ không được đáp trả ? Thế nhưng đây chẳng phải là lúc bạn phải tin tưởng vào Cha mình và bỏ đi "kho tàng" của mình hay sao (12,34) ? Bạn muốn nên hoàn thiện mà ! Vậy sao bạn lại bỏ qua bao nhiêu cơ hội khước từ sự khôn ngoan cá nhân mình, và để Thiên Chúa lo cho quyền lợi của mình ?

* **6,32** Ở đây (cũng như ở Mt 5,43), Chúa Giê-su không nghi trước hết tới những hận thù chê ghét cá nhân, nhưng tới các chống đối trên bình diện xã hội, chính trị hoặc tôn giáo : óc kỳ thị giữa người thuộc phe nhóm hoặc đảng phái mình với người thuộc phe đối lập. Ta yêu thương và tôn trọng những người thuộc phe ta, và rất ít bận tâm với quyền lợi những người bên kia. Biết đâu họ là kẻ tội lỗi, và những trường hợp khá nhất cũng là những người chẳng có gì đáng chú ý.

Chúa Giê-su mời gọi chúng ta khắc phục những khác biệt như thế : con người mới đáng kể, và khi người bên cạnh cần đến tôi, thì tôi phải quên đi màu da của họ, hoặc nhãn hiệu họ mang.

Nếu anh em cho vay (c.34). Lần nữa, đây là một thái độ mang tính xã hội : người ta tìm kết bạn với những người sẽ giúp mình được việc, và tránh những ai chỉ có thể trở thành gánh nặng cho mình (Lc 14,12).

* **6,35** X. phần bình giải Mt 7,1.

Chúng ta nên hoàn thiện khi học sống như Chúa Cha. Thiên Chúa là Thiên Chúa khi Người tỏ lòng thương xót : Người động lòng trắc ẩn trước cảnh nghèo khổ và lo âu của các thụ tạo Người đã dựng nên, và Người cho họ được sung túc với những gì Người có thể thông ban cho họ. Thái độ của kẻ tự đặt mình làm thẩm phán anh em mình thì ngược hẳn với lòng thương xót.

lại, anh em hãy yêu kẻ thù, hãy làm ơn và cho vay mà chẳng hề hy vọng được đền trả. Như vậy, phần thưởng dành cho anh em sẽ lớn lao, và anh em sẽ là con Đấng Tối Cao, vì Người vẫn nhân hậu với cả phường vô ân và quân độc ác.

Phải có lòng nhân từ

³⁶ “Anh em hãy có lòng nhân từ, như Cha anh em là Đấng nhân từ. ³⁷ Anh em đừng xét đoán, thì anh em sẽ không bị Thiên Chúa xét đoán. Anh em đừng lên án, thì sẽ không bị Thiên Chúa lên án. Anh em hãy tha thứ, thì sẽ được Thiên Chúa thứ tha. ³⁸ Anh em hãy cho, thì sẽ được Thiên Chúa cho lại. Người sẽ đong cho anh em đấu đủ lượng đã dằn, đã lắc và đầy tràn, mà đổ vào vạt áo anh em. Vì anh em đong bằng đấu nào, thì

Thiên Chúa sẽ đong lại cho anh em bằng đấu ấy.”

Mù mà lại dốt mù. Cái rác và cái xà.

³⁹ Đức Giê-su còn kể cho môn đệ dụ ngôn này : “Mù mà lại dốt mù được sao ? Lẽ nào cả hai lại không sa xuống hố ? ⁴⁰ Học trò không hơn thầy, có học hết chữ cũng chỉ bằng thầy mà thôi. ⁴¹ Sao anh thấy cái rác trong con mắt của người anh em, mà cái xà trong con mắt của chính mình thì lại không để ý tới ? ⁴² Sao anh lại có thể nói với người anh em : ‘Này anh, hãy để tôi lấy cái rác trong con mắt anh ra’, trong khi chính mình lại không thấy cái xà trong con mắt của mình ? Hỡi kẻ đạo đức giả ! Lấy cái xà ra khỏi mắt người trước đã, rồi sẽ thấy rõ, để lấy cái rác trong con mắt người anh em !

Người sẽ đổ vào vạt áo anh (c.38). Chúa Giê-su nói về cách thức Thiên Chúa dẫn đường đưa lối chúng ta ngay từ bây giờ. Tin rằng Thiên Chúa quan tâm đến chúng ta ngay hôm nay, trong những vấn đề cụ thể đang làm chúng ta bận tâm, thì khó hơn là tin vào những phần thưởng mai sau trên trời. Văn hoá tây phương có khuynh hướng duy lý đã từng thuyết phục người ta rằng Thiên Chúa để mặc cho các quy luật của thiên nhiên và nhân loại hoành hành, còn Người thì vẫn cứ điềm nhiên toạ thị. Nhưng Triều Đại Thiên Chúa có nghĩa là chính hôm nay đây, Thiên Chúa hoàn toàn tự do xoay hướng mọi tình thế, dù rằng để thực hiện điều đó, Người có lịch trình riêng của Người.

Cây nào trái ấy

* 43 “Không có cây nào tốt mà lại sinh quả xấu, cũng chẳng có cây nào xấu mà lại sinh quả tốt. 44 Thật vậy, xem quả thì biết cây. Ở bụi gai, làm sao bẻ được vả, trong bụi rậm, làm gì hái được nho ! 45 Người tốt thì lấy ra cái tốt từ kho tàng tốt của lòng mình ; kẻ xấu thì lấy ra cái xấu từ kho tàng xấu. Vì lòng có đầy, miệng mới nói ra.

Phải thực hành lời Đức Giê-su dạy

46 “Tại sao anh em gọi Thầy : ‘Lạy Chúa ! Lạy Chúa !’, mà anh em không làm điều Thầy dạy ?

47 “Ai đến với Thầy, và nghe những lời Thầy dạy mà đem ra thực hành, thì

Thầy sẽ chỉ cho anh em biết người ấy ví được như ai. 48 Người ấy ví được như một người khi xây nhà, đã cuốc, đã đào sâu và đặt nền móng trên đá. Nước lụt dâng lên, dòng sông có ùa vào nhà, thì cũng không lay chuyển nổi, vì nhà đã xây vững chắc. 49 Còn ai nghe mà không thực hành, thì ví được như người xây nhà ngay mặt đất, không nền móng. Nước sông ùa vào, nhà sụp đổ ngay và bị phá huỷ tan tành.”

Đức Giê-su chữa người nô lệ của một đại đội trưởng

7 * 1 Sau khi đã nói hết những lời ấy cho dân chúng nghe, Đức Giê-su vào thành Ca-phác-na-um. 2 Một viên đại đội trưởng kia có người nô lệ bệnh

* 6,43 *Không có cây nào tốt.* Chúng tôi đã bình giải những lời này ở Mt 7,15. Nhưng ở đây, thánh Lu-ca cho những lời ấy mang một ý nghĩa khác, vì ngài đem áp dụng vào lương tâm ngay thẳng. Chúng ta phải thanh luyện tư tưởng và tinh thần của mình để rồi sau đó hoa trái tốt mới trở sinh ra được như từ một cây tốt.

* 7,1 QUYỀN LỰC CỦA THIÊN CHÚA

Viên đại đội trưởng này của quân đội ngoại bang đã biết lấy lòng người Do-thái. Điều ngạc nhiên nhất không phải là ông đã đóng góp vào công trình xây dựng hội đường, nhưng là người Do-thái đã chấp nhận phần đóng góp của ông. Chắc chắn ông là người tốt. Nhưng ông biết các điều cấm kỵ trong Luật Do-thái, nên không dám đến thưa chuyện với Chúa Giê-su : ông e rằng Chúa cũng đồng quan điểm với những người nặng óc chủ nghĩa dân tộc đa nghi. Chúa có đáp ứng lời thỉnh cầu của một sĩ quan Rô-ma không ? Vì thế ông sai những người bạn Do-thái của mình đến gặp Chúa Giê-su.

nặng gần chết. Ông ta yêu quý người ấy lắm. ³ Khi nghe đồn về Đức Giê-su, ông cho mấy kỳ mục của người Do-thái đi xin Người đến cứu sống người nô lệ của ông.

⁴ Họ đến gặp Đức Giê-su và khẩn khoản nài xin Người rằng : “Thưa Ngài, ông ấy đáng được Ngài làm ơn cho. ⁵ Vì ông quý mến dân ta. Và lại chính ông đã xây cất hội đường cho chúng ta.” ⁶ Đức Giê-su liền đi với họ. Khi Người còn cách nhà viên sĩ quan không bao xa, thì ông này cho bạn hữu ra nói với Người : “Thưa Ngài, không dám phiền Ngài quá như vậy, vì tôi không đáng rước Ngài vào nhà tôi. ⁷ Cũng vì thế, tôi không nghĩ mình xứng đáng đến gặp Ngài. Nhưng xin Ngài cứ nói một lời, thì dây tó của tôi được khỏi bệnh. ⁸ Vì chính tôi đây, tuy dưới quyền kẻ khác, tôi cũng có lính tráng dưới quyền tôi.

Tôi bảo người này : ‘Đi !’ là nó đi ; bảo người kia : ‘Đến !’ là nó đến ; và bảo người nô lệ của tôi : ‘Làm cái này !’ là nó làm.” ⁹ Nghe vậy, Đức Giê-su thán phục ông ta, Người quay lại nói với đám đông đang theo Người rằng : “Tôi nói cho các ông hay : ngay cả trong dân Ít-ra-en, tôi cũng chưa thấy một người nào có lòng tin mạnh như thế.” ¹⁰ Về đến nhà, những người đã được sai đi thấy người nô lệ đã khỏi hẳn.

Đức Giê-su cho con trai một bà goá thành Na-in sống lại

* ¹¹ Sau đó, Đức Giê-su đi đến thành kia gọi là Na-in, có các môn đệ và một đám rất đông cùng đi với Người. ¹² Đức Giê-su đến gần cửa thành đang lúc người ta khiêng một người chết đi chôn, người này là con trai duy nhất, và mẹ anh ta lại là một bà goá.

Nhưng như vậy cũng chưa đủ để ông yên tâm : liệu Chúa Giê-su có đồng ý vào nhà một người ngoại giáo để rồi “mắc uế” (Mc 7,14) không ? Vì vậy mà ông nghĩ xa hơn nữa : những bệnh nhân khác thì xin Chúa Giê-su chạm vào người họ vì đối với họ Chúa có phép mầu của một thầy chữa bệnh, còn ông, ông hiểu rằng Chúa Giê-su nắm trong tay chính quyền lực của Thiên Chúa và không cần ở cạnh người bệnh ; đối với Chúa, ra lệnh từ xa cho người đang thập tử nhất sinh đâu phải khó khăn hơn là chữa bệnh.

Có một đám đông trong thành cùng đi với bà.

¹³ Trông thấy bà, Chúa chạnh lòng thương và nói : “Bà đừng khóc nữa !”

¹⁴ Rồi Người lại gần, sờ vào quan tài. Các người khiêng dừng lại. Đức Giê-su nói : “Này người thanh niên, tôi bảo anh : hãy trỗi dậy !” ¹⁵ Người chết liền ngồi lên và bắt đầu nói. Đức Giê-su *trao anh ta cho bà mẹ*. ¹⁶ Mọi người đều kinh sợ và tôn vinh Thiên Chúa rằng : “Một vị ngôn sứ vĩ đại đã xuất hiện giữa chúng ta, và Thiên Chúa

đã viếng thăm dân Người.”

¹⁷ Lời này về Đức Giê-su được loan truyền khắp cả miền Giu-đê và vùng lân cận.

Câu hỏi của ông Gio-an Tẩy Giả và câu trả lời của Đức Giê-su

* ¹⁸ Môn đệ của ông Gio-an báo cho ông biết tất cả những việc ấy ; ông Gio-an liền gọi hai người trong nhóm môn đệ lại, ¹⁹ sai họ đến hỏi Chúa rằng : “Thầy có thật là Đấng phải đến không, hay là chúng tôi còn phải đợi ai khác ?”

* 7,11 Chưa hề có ai nghĩ một phạm nhân nào đó có quyền trên tử thần. Chỉ một mình Chúa Giê-su chiến thắng tử thần, và một cách đơn giản biết bao ! Chúa Giê-su chỉ biết chàng thanh niên này qua mẹ anh, và chính vì bà mà Người làm cho anh lại được sống. Một người góa chồng lại không con : đối với Sách Thánh, đó là nỗi khổ cùng cực (xem truyện bà Rút), và số phận của Đức Ma-ri-a sau này cũng thế.

Bà mẹ này tiêu biểu cho nhân loại đau khổ. Sau khi con người mắc tội phạm đầu tiên, Thiên Chúa đã phán : “Người sẽ phải khổ vì con cái.” Nhân loại chỉ còn có nước đồng hành với con cái mình cho đến giờ chết, và thường là sau khi đã cướp đi lẽ sống của chúng.

NHỮNG KỂ HOÀI NGHI

* 7,18 Chúa Giê-su với ông Gio-an Tẩy Giả. Tình thế đã đảo ngược. Ông Gio-an trước đây được xem là một ngôn sứ có tầm cỡ, và Chúa Giê-su bắt đầu theo dấu chân ông mà chưa gây được ảnh hưởng như ông (3,18-20). Bây giờ thì ông Gio-an ngồi tù, còn Chúa Giê-su thì nổi danh là người có phép mầu chữa bệnh.

Trong tù, ông Gio-an có những mối hoài nghi gì không ? Cũng có thể lắm, cho dù ông đã nói với một ít người rằng Chúa Giê-su sẽ đến sau ông.

Các môn đệ của ông Gio-an đã chứng kiến những phép lạ chữa lành bệnh, thế nhưng đâu chỉ có bấy nhiêu, và Chúa Giê-su thêm : *Kẻ nghèo được nghe tin mừng*. Có những ngôn sứ đã đưa ra điều đó như dấu hiệu báo tin Thiên Chúa Cứu Độ sẽ giáng lâm (Is 61,1).

²⁰ Khi đến gặp Đức Giê-su, hai người ấy nói : “Ông Gio-an Tẩy Giả sai chúng tôi đến hỏi Thầy : ”Thầy có thật là “Đấng phải đến” không, hay là chúng tôi còn phải đợi ai khác ?”
²¹ Chính giờ ấy, Đức Giê-su chữa nhiều người khỏi bệnh hoạn tật nguyên, khỏi quỷ ám, và ban ơn cho nhiều người mù được thấy. ²² Người trả lời hai

người ấy rằng : “Các anh cứ về thuật lại cho ông Gio-an những điều mắt thấy tai nghe : người mù được thấy, kẻ què được đi, người cùi được sạch, kẻ điếc được nghe, người chết trỗi dậy, kẻ nghèo được nghe tin mừng, ²³ và phúc thay người nào không vấp ngã vì tôi.”

* ²⁴ Khi những người ông Gio-an sai đến đã ra về,

Người mù được thấy, kẻ què được đi. Các ngôn sứ đã loan báo các dấu hiệu thật sự mới lạ này (Is 35,5), bởi vì trước đó Thiên Chúa thường tỏ mình ra như một Đấng Cứu Tinh đầy quyền năng. Các lần Chúa Giê-su chữa bệnh là dấu hiệu ơn giải phóng do Người đem đến : không phải là hình phạt dành cho kẻ xấu (được ông Gio-an Tẩy Giả nói tới rất nhiều khi ông giảng thuyết), nhưng trước hết là một cuộc hoà giải, khả dĩ chữa lành một thế giới đầy tội lỗi, bạo tàn và oán hận.

Phúc thay người nào không vấp ngã vì tôi (c.23). Phúc thay những ai, sau khi đã mục kích những hoa trái của việc loan báo Tin Mừng, không hoài nghi ơn cứu độ mà Chúa Ki-tô mang đến. Phúc thay những ai không nói : đường lối này tiến chậm quá, nói thì hay, mà sự dữ vẫn hoành hành... Tin Mừng chứng tỏ sự phú túc của mình khi truyền cho người ta sức sống, trả lại niềm hy vọng cho những ai đã trải qua kinh nghiệm yếu đuối và tội lỗi. Cần phải nghiệm thấy được những điều đó và hiểu được rằng chính đó là điều cốt yếu.

Nếu thế giới xem ra vẫn tiếp tục chịu thua dưới sức mạnh của sự dữ thì cũng không quan trọng bao nhiêu. Có mặt những con người đã được giải thoát thì kẻ khác buộc phải chọn lựa giữa tốt với xấu, và chính sự kiện này giúp cho thế giới trưởng thành.

Chúa Giê-su trả lời như thế đó với các môn đệ của ông Gio-an là những người muốn thấy chính nghĩa của Thiên Chúa được toàn thắng. Có lẽ khát vọng công lý của họ chi phối họ tới mức họ không thể nhận ra lòng thương xót của Thiên Chúa đang hoạt động trong cách xử sự rất kín đáo của Chúa Giê-su.

* ^{7,24} *Khi những người ông Gio-an sai đến đã ra về.* Đa số các môn đệ của ông Gio-an đã ở lại với ông và đầu đã nhìn nhận Chúa Giê-su. Chúa không một lời khiển trách họ, nhưng đã khen ông Gio-an và xác định chỗ đứng của mình đối với ông ấy.

Đức Giê-su bắt đầu nói với đám đông về ông Gio-an rằng : “Anh em đi xem gì trong hoang địa ? Một cây sậy phát phơ trước gió chẳng ? ²⁵ Hẳn là không ! Thế thì anh em đi xem gì ? Một người mặc gấm vóc lụa là chẳng ? Nhưng kẻ áo quần lông lầy, đời sống xa hoa thì ở trong cung trong điện. ²⁶ Thế thì anh em đi xem gì ? Một vị ngôn sứ chẳng ? Đúng thế đó ; mà tôi nói cho anh em biết : đây còn hơn cả ngôn sứ nữa ! ²⁷ Chính ông là người Thiên Chúa đã nói

Còn hơn cả ngôn sứ nữa ! (c.26) Lý tưởng hoá các ngôn sứ thời quá khứ là chuyện dễ ; trường hợp ông Gio-an thì trái lại, trong giới những người có thể giá, người ta khá dè dặt khi nói đến ông.

Trong số phàm nhân đã lọt lòng mẹ, không có ai cao trọng hơn ông. Dân chúng bấy giờ coi ông Gio-an như là nhân vật cao trọng nhất thời đại ông. Chúa Giê-su nhìn nhận rằng nơi bản thân ông cũng như trong sứ điệp của ông, là tất cả tinh hoa của Cựu Ước.

Kẻ nhỏ nhất trong Nước Thiên Chúa còn cao trọng hơn ông, theo nghĩa là các môn đệ của Chúa Giê-su được gia nhập Nước Thiên Chúa mà ông Gio-an chỉ là người loan báo. Dù là bậc thánh, ông Gio-an vẫn không có được tầm hiểu biết Thiên Chúa rạng ngời nơi Chúa Giê-su. Thật ra, Chúa Giê-su chỉ muốn cho thấy rõ hơn rằng sứ mạng của Người trời vượt sứ mạng của ông Gio-an, chứ không phải nói cá nhân môn đệ mình cao trọng hơn ông Gio-an.

Ông Gio-an bảo mỗi người phải lo chỉnh đốn đời mình. Chúa Giê-su thì lại khẳng định rằng tất cả các cố gắng của chúng ta chẳng là gì cả bao lâu chúng ta không tin vào tình yêu của Chúa Cha. Môn đệ của ông Gio-an ăn chay ; môn đệ của Chúa Giê-su thì phải biết tha thứ. Ông Gio-an lôi cuốn vào sa mạc những ai biết từ bỏ tiện nghi của mình ; Chúa Giê-su thì sống giữa loài người và chữa lành thương tích của họ. Những người xin lãnh phép rửa của ông Gio-an sẵn sàng từ bỏ các tật xấu của họ, còn phép rửa của Chúa Giê-su thì trao ban Thần Khí của Thiên Chúa.

Họ giống như lũ trẻ (c.32). Họ làm cái gì cũng ngược đời. Họ trách ông Gio-an vì ông sống khổ hạnh và trách Chúa Giê-su vì Người không sống khổ hạnh. Đó là vì đâu phải chỉ có “một” cách thức phụng sự Thiên Chúa, chỉ có “một” mẫu thánh thiện, “một” nếp sống Ki-tô giáo. Thiên Chúa có trăm phương ngàn cách để hoạt động trong lịch sử, thời này thì khuyến khích một điều mà Người sẽ trách cứ sau đó hay tại một môi trường khác. Cuộc đời khổ chế khùng khiếp của các ẩn sĩ trong sa mạc hoặc của các đan sĩ Ái-nhĩ-lan thời xưa đã là một kho tàng quý báu cho xã hội Ki-tô giáo ; một dung mạo Ki-tô giáo có tính nhân đạo hơn đâu đã ngăn cản những người tín hữu khác theo chân Chúa Giê-su cho đến khổ hình thập giá.

tới trong Kinh Thánh rằng : *Này Ta sai sứ giả của Ta đi trước mặt Con, người sẽ dọn đường cho Con đến !*

²⁸ “Tôi nói cho anh em biết : trong số phàm nhân đã lọt lòng mẹ, không có ai cao trọng hơn ông Gio-an ; tuy nhiên kẻ nhỏ nhất trong Nước Thiên Chúa còn cao trọng hơn ông.
²⁹ Nghe ông giảng, toàn dân, kể cả những người thu thuế, đều nhìn nhận Thiên Chúa là Đấng Công

‘Tội tôi thối sáo cho các anh, mà các anh không nháy múa ; tội tôi hát bài đưa đám, mà các anh không khóc than.’

³³ “Thật vậy, ông Gio-an Tẩy Giả đến, không ăn bánh, không uống rượu, thì các ông bảo : ‘Ông ta bị quỷ ám.’
³⁴ Con Người đến, cũng ăn cũng uống như ai, thì các ông lại bảo : ‘Đây là tay ăn nhậu, bạn bè với quân thu thuế và phường tội lỗi.’
³⁵ Nhưng Đức Khôn Ngoan đã được tất cả con cái mình biện minh cho.”

Chính và đã chịu phép rửa của ông. ³⁰ Còn những người Pha-ri-sêu và các nhà thông luật thì khước từ ý định của Thiên Chúa về họ, và không chịu phép rửa của ông.

Đức Giê-su phán đoán về thế hệ của Người

³¹ “Vậy tôi phải ví người thế hệ này với ai ? Họ giống ai ? ³² Họ giống như lũ trẻ ngồi ngoài chợ gọi nhau mà nói :

Người phụ nữ tội lỗi đã được tha thứ và đã yêu mến Chúa nhiều

* ³⁶ Có người thuộc nhóm Pha-ri-sêu mời Đức Giê-su dùng bữa với mình. Đức Giê-su đến nhà người Pha-ri-sêu ấy và vào bàn ăn.
³⁷ Bỗng một phụ nữ vốn là người tội lỗi trong thành, biết được Người đang dùng bữa tại nhà ông Pha-ri-sêu, liền đem theo một

Chúa Giê-su tiến xa hơn ông Gio-an, nhưng Người cần có ông : người ta nghe Tin Mừng một cách thích thú nhưng thiếu nghiêm túc nếu không có lòng sám hối và tinh thần hy sinh. Phải chăng cuộc canh tân đức tin nơi các dân đạo gốc đang chờ có những ngôn sứ, những phong trào Ki-tô giáo phi chính thức : họ sẽ đòi xét lại một nền văn hoá và một xã hội đã hoá thành cần cỗi.

bình bạch ngọc đựng dầu thơm.³⁸ Chị đứng đằng sau, sát chân Người mà khóc, lấy nước mắt mà tưới ướt chân Người. Chị lấy tóc mình mà lau, rồi hôn chân Người và lấy dầu thơm mà đổ lên.

³⁹ Thấy vậy, ông Pha-ri-sêu đã mời Người liền nghĩ bụng rằng : “Nếu quả thật ông này là ngôn sứ, thì hẳn phải biết người

đàn bà đang đựng vào mình là ai, là thứ người nào : một người tội lỗi !”⁴⁰ Đức Giê-su lên tiếng bảo ông : “Này ông Si-môn, tôi có điều muốn nói với ông !” Ông ấy thưa : “Dạ, xin Thầy cứ nói.”⁴¹ Đức Giê-su nói : “Một chủ nợ kia có hai con nợ : một người nợ năm trăm quan tiền, một người năm chục.⁴² Vì họ không có gì để trả, nên chủ nợ đã thương tình tha

* 7,36 Ông Si-môn Pha-ri-sêu nắm một vài nguyên tắc đạo đức rõ ràng và đơn giản : thế gian được chia làm hai : người tốt lành và kẻ tội lỗi. Người tốt lành là những người tuân giữ Lễ Luật, còn kẻ tội lỗi là những kẻ vi phạm những điều khoản hệ trọng. Thiên Chúa yêu thương người tốt, Người không yêu thương kẻ tội lỗi ; Người xa lánh họ. Ông Si-môn là một người “tốt” : ông xa lánh kẻ tội lỗi. Mà bởi vì ông Giê-su không xa lánh người đàn bà tội lỗi nên không phải Thần Khí Thiên Chúa dẫn dắt ông ấy.

Ông Si-môn là một người Pha-ri-sêu, mà Pha-ri-sêu có nghĩa là “tách biệt”. Chúng ta đừng lên án ông ta : trước đó, cả một trào lưu trong Sách Thánh mời gọi người công chính xa lánh người tội lỗi, và người ta nghĩ rằng sự “ô uế” của kẻ này tất sẽ làm cho kẻ kia bị lây nhiễm. Chúa Giê-su cho thấy rằng nhu cầu tự tách biệt mình và ước muốn trừng phạt người tội lỗi đều do không biết gì về đức khôn ngoan của Thiên Chúa cũng như thực tại của lòng người.

Thiên Chúa biết chúng ta cần có thời giờ để kinh nghiệm cái tốt cái xấu, và để chọn một hướng đi dứt khoát. Những sai lầm của chúng ta đâu phải là điều nghiêm trọng nhất, nếu cuối cùng chúng ta biết rõ hơn chúng ta là những con người xấu xa, và Chúa mới là Đấng mà chúng ta cần đến. Chính vì thế Người dễ dàng bỏ qua những tội lỗi và quá quắt của chúng ta, khi mà, bất chấp những điều ấy, hoặc là chính vì những điều ấy, chúng ta đạt tới tình yêu chân chính.

Cũng như các thực khách khác, Chúa Giê-su ngã mình trên những gối nệm đặt quanh bàn ăn, theo phong tục những nhà khá giả (chính vì vậy mà người phụ nữ sẽ đến từ phía sau và đổ dầu thơm trên chân Chúa). Nhưng Người có thể nói gì với con người trọng vọng này, khi mà ông ta tưởng mình biết hết về Thiên Chúa, nhưng lại không có khả năng cảm nhận gì cả ? Còn Chúa Giê-su thì mong đợi người phụ nữ ấy đến.

cho cả hai. Vậy trong hai người đó, ai mến chủ nợ hơn?"⁴³ Ông Si-môn đáp: "Tôi thiết tưởng là người đã được tha nhiều hơn." Đức Giê-su bảo: "Ông xét đúng lắm."

⁴⁴ Rồi quay lại phía người phụ nữ, Người nói với ông Si-môn: "Ông thấy người phụ nữ này chứ? Tôi vào nhà ông: nước lã, ông

cũng không đổ lên chân tôi, còn chị ấy đã lấy nước mát tươi ướt chân tôi, rồi lấy tóc mình mà lau.⁴⁵ Ông đã chẳng hôn tôi một cái, còn chị ấy từ lúc vào đây, đã không ngừng hôn chân tôi.⁴⁶ Dầu ô-liu, ông cũng không đổ lên đầu tôi, còn chị ấy thì lấy dầu thơm mà đổ lên chân tôi.⁴⁷ Vì thế, tôi nói cho ông

Kẻ được tha ít (c.47). Đây là một ngôn ngữ, không phải là lời khẳng định có giá trị cho mọi trường hợp. Nhiều người đã say mê yêu mến Chúa Giê-su mà đầu đã phạm tội tầy trời nào. Nhưng với nhân vật "rất đàng hoàng" này, Chúa nói mỉa: Đây ông Si-môn, ông tưởng ông mắc nợ ít, nên ông yêu ít chứ gì.

Vì thế, tội của chị rất nhiều, nhưng đã được tha, bằng có là chị đã yêu mến nhiều (c.47). Dịch như thế hợp hơn với c.42, cho hiểu tình yêu là hậu quả của ơn tha thứ. Nhiều bản dịch vẫn giữ kiểu quen thuộc: "vì chị đã yêu mến nhiều", xem ra mâu thuẫn với c.42. Chúa Giê-su không chủ ý lý luận để khẳng định cái nào đi trước cái nào, tình yêu hay ơn tha thứ, vì cả hai đi đôi với nhau. Người đặt đối lập với nhau hai điều: một bên là kiểu đạo đức của người Pha-ri-sêu, tính toán theo công và tội, một bên là Tin Mừng chỉ biết có giá trị của tình yêu và lòng tin tưởng. Nói chung thì càng ý thức mình được Thiên Chúa tha thứ, chúng ta càng yêu mến nhiều.

Tội của chị đã được tha rồi (c.48). Hãy tưởng tượng xem những lời này nghe chướng tai như thế nào. Thật vậy, chị ta đã yêu ai ngoài Chúa Giê-su, và ai có thể tha tội cho chị nếu không phải là Thiên Chúa? Chúng ta là người ngoài cuộc thì dễ đứng về phía Chúa Giê-su để chống lại ông Si-môn và các bạn ông, nhưng chúng ta có lương được lòng tin mà Chúa đòi họ phải có để chấp nhận những lời như thế không?

Từ đâu, vấn đề được đặt ra là có ba người phụ nữ: người "phụ nữ tội lỗi" ở đây, bà Ma-ri-a Mác-da-la trong đoạn sau, và cô Ma-ri-a Bê-ta-ni-a, người đổ dầu thơm lên chân Chúa Giê-su (cử chỉ rất lạ) trong một bữa ăn khác tại nhà một ông Si-môn khác nữa, để rồi cũng bị phê phán: liên hệ giữa ba người này là thế nào? Cả ba là một, như Ga muốn cho hiểu, hay là hai hoặc ba người? Tin Mừng không cho thấy rõ, nhất là vì các tác giả Tin Mừng không ngần ngại chuyển lời này, lời kia, hoặc một cuộc đàm đạo nào đó của Chúa Giê-su sang một văn cảnh khác hợp với trình thuật của các ngài hơn.

hay : tội của chị rất nhiều, nhưng đã được tha, bằng cơ là chị đã yêu mến nhiều. Còn ai được tha ít thì yêu mến ít.”⁴⁸ Rồi Đức Giê-su nói với người phụ nữ : “Tội của chị đã được tha rồi.”⁴⁹ Bấy giờ những người đồng bàn liền nghĩ bụng : “Ông này là ai mà lại tha được tội ?”⁵⁰ Nhưng Đức Giê-su nói với người phụ nữ : “Lòng tin của chị đã

cứu chị. Chị hãy đi bình an.”

Những người phụ nữ đi theo Đức Giê-su

8 *¹ Sau đó, Đức Giê-su rảo qua các thành phố, làng mạc, rao giảng và loan báo Tin Mừng Nước Thiên Chúa. Cùng đi với Người, có Nhóm Mười Hai² và mấy người phụ nữ đã được Người trừ quỷ và

Dù sao, cũng có những liên hệ giữa các đoạn văn này. Điều làm cho những người đạo đức thấy chướng tai gai mắt không phải là vì đã có một lần Chúa Giê-su để cho một phụ nữ tội lỗi đến gần, nhưng là vì các bà thuộc nhóm môn đệ cứ thường xuyên gần gũi Chúa. Và bà Ma-ri-a Mác-đa-la, một trong các bà này, hẳn đâu phải là một tấm gương trong thời bà bị quỷ ám (8,2).

CHÚA GIÊ-SU VỚI VĂN HOÁ ĐƯƠNG THỜI

* X. phần bình giải Mt 1,18 về náo trạng trọng nam khinh nữ vào thời Chúa Giê-su, và đặc biệt trong xã hội Do-thái. Không ai làm thầy dạy đạo mà lại nói chuyện với một phụ nữ ở nơi công cộng : ngay cả đi vào bên trong hội đường, phụ nữ cũng không được phép.

Có những bà đã hiểu thái độ và lời lẽ của Chúa Giê-su như một lời kêu gọi sống tự do ; các bà đã dám nhập đoàn với các môn đệ thân tín của Chúa, bất chấp những lời ra tiếng vào. Vậy là Chúa Giê-su không hề bận tâm với những định kiến trong thiên hạ : ở đây chúng ta có được một bằng chứng phi thường về sự tự do Tin Mừng.

Chúa Giê-su xuất thân từ một dân tộc và một nền văn hoá, nên lời nói, việc làm của Người là của một người Do-thái thuộc văn hoá và thời đại của mình. Tuy nhiên, Chúa Giê-su đã không tiếp thu những yếu tố vô nhân đạo của nền văn hoá ấy ; Người không chấp nhận những thành kiến của người Do-thái thời ấy đối với nữ giới, đối với người tội lỗi, người ngoại, v.v... Tin Mừng của Người là một chất men làm dậy lên khả năng biện phân và chất vấn mọi nền văn hoá để con người có lòng tôn trọng nhau hơn.

Ma-ri-a Mác-đa-la (Mác-đa-la là một làng bên bờ hồ Ti-bê-ri-a) là người sẽ đứng dưới chân thập giá với bà *Ma-ri-a* vợ của ông Cơ-lô-pát, mẹ của các ông Gia-cô-bê và Giô-xét. Hai bà này, cũng như bà *Gio-an-na*, sẽ được nghe lời công bố đầu tiên sự kiện Chúa sống lại (Lc 24,10).

chữa bệnh. Đó là bà Ma-ri-a gọi là Ma-ri-a Mác-đa-la, người đã được giải thoát khỏi bảy quỷ, ³ bà Gio-an-na, vợ ông Khu-da quản lý của vua Hê-rô-đê, bà Susan-na và nhiều bà khác nữa. Các bà này đã lấy của cải mình mà giúp đỡ Đức Giê-su và các môn đệ.

Dụ ngôn người gieo giống

⁴ Người ta tụ họp đông đảo. Từ khắp các thành thị, người ta kéo đến cùng Đức Giê-su. Bấy giờ Người dùng dụ ngôn mà nói rằng :

⁵ “Người gieo giống đi ra gieo hạt giống của mình. Trong khi người ấy gieo, thì có hạt rơi xuống vệ đường, người ta giẫm lên và chim trời ăn mất. ⁶ Hạt

khác rơi trên đá, và khi mọc lên, lại héo đi vì thiếu ẩm ướt. ⁷ Có hạt rơi vào giữa bụi gai, gai cùng mọc lên, làm nó chết nghẹt. ⁸ Có hạt lại rơi nhằm đất tốt, và khi mọc lên, nó sinh hoa kết quả gấp trăm.” Nói xong, Người hô lên rằng : “Ai có tai nghe thì nghe.”

Tại sao Đức Giê-su dùng dụ ngôn mà nói

* ⁹ Các môn đệ hỏi Người dụ ngôn ấy có ý nghĩa gì. ¹⁰ Người đáp : “Anh em thì được ơn hiểu biết các mầu nhiệm Nước Thiên Chúa ; còn với kẻ khác thì phải dùng dụ ngôn để *chúng nhìn mà*

* 8,9 X. phân bình giải Mt 13,1-23.

Đây là ý nghĩa dụ ngôn (c.11). Việc so sánh (hoặc dụ ngôn) người gieo giống giúp ta hiểu được chuyện gì đã xảy ra chung quanh Chúa Giê-su. Nhiều người ban đầu phấn khởi nhưng sau một thời gian thì bỏ đi. Chỉ một số ít vẫn bền chí và người ta có thể tự hỏi : Nước Thiên Chúa sẽ đến thế nào được, nếu chẳng ai tha thiết quan tâm ?

Tin Mừng đã giữ lại lời giải thích của Chúa Giê-su liên quan tới những thửa đất đón nhận hạt giống. Nhưng hãy còn nhiều điều cần được giải thích. Trước hết, thánh giá của Người chắc phải ngạc nhiên nghe ví Nước Thiên Chúa với một thứ mà người ta đem gieo. Người ta đã gieo rất nhiều trong suốt thời gian lịch sử thánh, và những người đương thời của Chúa Giê-su có quyền nóng lòng mong cho mùa gặt mau đến (x. Kh 14,15).

Cũng như người đương thời của Chúa Giê-su, chúng ta muốn được gặt hái và hưởng dùng hoa trái của Nước Thiên Chúa là hoà bình trong xã hội, công lý và hạnh phúc. Nhiều người lấy làm lạ rằng Chúa Ki-tô ra đời đã hai mươi thế kỷ mà loài người vẫn còn đánh nhau.

không nhìn, nghe mà không hiểu.

Giải nghĩa dụ ngôn người gieo giống

¹¹ “Đây là ý nghĩa dụ ngôn : Hạt giống là lời Thiên Chúa. ¹² Những kẻ ở bên vệ đường là những kẻ đã nghe nhưng rồi quở đến cất Lời ra khỏi lòng họ, kéo họ tin mà được cứu độ.

¹³ Còn những kẻ ở trên đá là những kẻ khi nghe thì vui vẻ tiếp nhận Lời, nhưng họ không có rễ. Họ tin nhất thời, và khi gặp thử thách, họ bỏ cuộc.

¹⁴ Hạt rơi vào bụi gai : đó là những kẻ nghe, nhưng dọc đường bị những nỗi lo lắng và vinh hoa phú quý cùng những khoái lạc cuộc đời làm cho chết ngộp và

Đành rằng Nước Thiên Chúa đã ở giữa chúng ta, nhưng đâu có nghĩa là chúng ta sắp được hưởng dùng hoa trái của Nước ấy. Nơi đâu có Thiên Chúa ngự trị, nơi ấy là Nước Thiên Chúa, và Thiên Chúa ngự trị ở nơi nào Người có thể làm Cha, và con cái của Người biết đón nhận những gì Người dự tính để gây dựng cho họ.

Kể từ đó, loài người mặc sức trưởng thành, và tâm thức xã hội cũng phát triển. Ai nấy ý thức phẩm giá của mình cũng như vận mệnh chung của nhân loại, ngay cả khi mục đích xem ra khó đạt được hơn.

NƯỚC THIÊN CHÚA HAY TRIỀU ĐẠI THIÊN CHÚA

Chúa Giê-su nói tiếng A-ram, một thứ tiếng chỉ có một từ để chỉ ba điều khác nhau : “Vương Quốc” hay “Nước” tức là nơi Thiên Chúa ngự trị làm vua ; “vương triều” hay “triều đại” tức là thời đại Thiên Chúa làm vua ; “vương quyền” là chức vị của Thiên Chúa Tối Cao.

Chúa Giê-su thường hay nói về Nước hoặc Vương Quốc : “Anh em sẽ không được vào ‘trong’ Vương Quốc.” Nhưng trong một số trường hợp thì ý nghĩa không rõ, ví dụ như trong kinh Lạy Cha chẳng hạn. Phải đọc là “Nước Cha trị đến” hay là “Triều Đại Cha (mau) đến” ?

Trong các dụ ngôn đây, được gọi theo truyền thống là dụ ngôn về Nước Thiên Chúa, hai ý nghĩa đi đôi với nhau. Tin Mừng trọng đại mà Chúa Giê-su công bố là thời đại mới đã đến, hoàn toàn khác với những thời mà người Do-thái đã trải qua. Chắc hẳn là Thiên Chúa vẫn hiện diện trong suốt lịch sử nhân loại và nhất là trong lịch sử Ít-ra-en ; nhưng bây giờ thì Người đến một cách khác. Chỉ bây giờ nhân loại mới sắp được biết Người thật sự là Đấng như thế nào, còn Người thì sẽ làm cho họ trở nên con cái của Người, nhờ người Con đã trở thành người dương thế.

Triều đại của Thiên Chúa đã có đó, khi Chúa Giê-su mặc khải dung nhan thật của Thiên Chúa. Sau khi sống lại và đã trở thành Chúa Tể kẻ sống và người chết, chính Người sẽ nắm trong tay lịch sử nhân loại.

không đạt tới mức trưởng thành. ¹⁵ Hạt rơi vào đất tốt : đó là những kẻ nghe Lời với tấm lòng cao thượng và quảng đại, rồi nắm giữ và nhờ kiên trì mà sinh hoa kết quả.

Lãnh nhận và truyền bá giáo huấn của Đức Giê-su thế nào

¹⁶ “Chẳng có ai đốt đèn, rồi lấy hũ che đi hoặc đặt dưới gầm giường, nhưng đặt trên đế, để những ai đi vào thì nhìn thấy ánh sáng. ¹⁷ Vì chẳng có gì bí ẩn mà lại không trở nên hiển hiện, chẳng có gì che giấu mà người ta lại không biết và không bị đưa ra ánh sáng. ¹⁸ Vậy hãy để ý tới cách thức anh em nghe. Vì ai đã có, thì được cho thêm ; còn ai không có, thì ngay cái họ tưởng là có, cũng sẽ bị lấy mất.”

Những ai thật sự thuộc gia đình của Đức Giê-su

* ¹⁹ Mẹ và anh em Đức Giê-su đến gặp Người, mà không làm sao lại gần được, vì dân chúng quá đông. ²⁰ Người ta báo cho

Người biết : “Thưa Thầy, có mẹ và anh em Thầy đang đứng ngoài kia, muốn gặp Thầy.” ²¹ Người đáp lại : “Mẹ tôi và anh em tôi, chính là những ai nghe lời Thiên Chúa và đem ra thực hành.”

Đức Giê-su dẹp yên biển động

²² Một ngày nọ, Đức Giê-su xuống thuyền với các môn đệ. Người nói : “Chúng ta sang bên kia hồ đi !” Rồi thầy trò ra khơi. ²³ Đang khi các ngài đi thuyền, thì Đức Giê-su thiếp ngủ. Một trận cuồng phong ập xuống hồ ; các ngài bị ngập nước và lâm nguy. ²⁴ Các môn đệ lại gần đánh thức Người dậy và nói : “Thầy ơi, Thầy ! Chúng ta chết mất !” Người thức dậy, gầm đê sóng gió, sóng gió liền ngừng và biển lặng ngay. ²⁵ Người bảo các ông : “Đức tin anh em ở đâu ?” Các ông hoảng sợ, kinh ngạc và nói với nhau : “Vậy người này là ai mà ra lệnh cho cả sóng gió, và sóng gió phải tuân lệnh ?”

* 8,19 X. phần bình giải Mc 3,31.

Đức Giê-su chữa người bị quỷ ám tại Ghê-ra-sa

²⁶ Thầy trò ghé thuyền vào vùng đất của người Ghê-ra-sa, đối diện với miền Ga-li-lê. ²⁷ Người vừa ra khỏi thuyền và đặt chân lên đất, thì có một người dân trong thành bị quỷ ám ra đón Người. Từ lâu, anh ta không mặc quần áo, không ở trong nhà, nhưng ở trong đám mồ mả.

²⁸ Thấy Đức Giê-su, anh la lên, sấp mình dưới chân Người, và lớn tiếng nói rằng : “Lạy ông Giê-su, Con Thiên Chúa Tối Cao, chuyện tôi can gì đến ông ? Tôi xin ông đừng hành hạ tôi !” ²⁹ Ấy là vì Đức Giê-su đã truyền cho thần ô uest xuất khỏi người ấy. Thật vậy, đã nhiều lần quỷ bắt lấy anh ta, người ta dùng xiềng xích gông cùm mà trói và giữ anh ; nhưng anh bứt tung dây trói và bị quỷ đưa vào những nơi hoang vắng. ³⁰ Đức Giê-su hỏi anh : “Tên anh là gì ?” Anh thưa : “Đạo Binh”, vì rất nhiều quỷ nhập vào anh. ³¹ Lũ quỷ nài xin Người đừng truyền cho chúng rút xuống vực thẳm.

³² Ở đó có một bầy heo khá đông đang ăn trên núi. Lũ quỷ nài xin Người cho phép chúng nhập vào bầy heo kia, và Người cho phép. ³³ Lũ quỷ xuất khỏi người đó, nhập vào bầy heo. Cả bầy heo từ trên sườn núi lao xuống hồ và chết ngộp hết.

³⁴ Thấy sự việc xảy ra, các người chăn heo bỏ chạy, loan tin trong thành và thôn xóm. ³⁵ Thiên hạ ra xem sự việc đã xảy ra. Họ đến cùng Đức Giê-su và thấy kẻ đã được trừ quỷ đang ngồi dưới chân Đức Giê-su, ăn mặc hảnh hoi và trí khôn tỉnh táo. Họ phát sợ. ³⁶ Những người chứng kiến đã kể lại cho họ nghe người bị quỷ ám được cứu chữa thế nào. ³⁷ Bấy giờ đông đảo dân chúng vùng Ghê-ra-sa xin Người rời họ, vì họ sợ quá. Thế nên Người xuống thuyền trở về.

³⁸ Kẻ đã được trừ quỷ xin được ở với Người. Nhưng Người bảo anh ta về và nói : ³⁹ “Anh cứ về nhà và kể lại mọi điều Thiên Chúa đã làm cho anh.” Anh ta ra đi, rao truyền cho cả thành biết mọi điều

Đức Giê-su đã làm cho anh.

Đức Giê-su chữa người đàn bà bị băng huyết và cho con gái ông Gia-ia sống lại

⁴⁰ Khi Đức Giê-su trở về thì đám đông tiếp đón, vì ai ai cũng đợi chờ Người. ⁴¹ Bỗng có một người tên là Gia-ia đi tới ; ông là trưởng hội đường. Ông sụp xuống dưới chân Đức Giê-su, nài xin Người vào nhà ông, ⁴² vì ông có một đứa con gái duy nhất độ mười hai tuổi, mà nó lại sắp chết. Trong khi Người đi, đám đông dân chúng chen lấn làm Người nghẹt thở.

⁴³ Có một bà kia bị băng huyết đã mười hai năm, không ai có thể chữa được. ⁴⁴ Bà tiến đến phía sau Người và sờ vào tua áo của Người. Tức khắc, máu ngừng chảy. ⁴⁵ Đức Giê-su hỏi : “Ai là người đã sờ vào tôi ?” Mọi người đều chối, nên ông Phê-rô nói : “Thưa Thầy, đám đông xô đẩy, chen lấn Thầy đấy !” ⁴⁶ Nhưng Đức Giê-su nói : “Có người đã đụng vào Thầy, vì Thầy biết có một năng lực tự nơi Thầy phát ra.” ⁴⁷ Người đàn bà thấy

mình không giữ kín được nữa, thì run rẩy đến phủ phục trước mặt Người, và loan báo trước mặt toàn dân lý do tại sao bà đã đụng vào Đức Giê-su, và bà đã được khỏi bệnh tức khắc như thế nào. ⁴⁸ Đức Giê-su nói với bà : “Này con, lòng tin của con đã cứu chữa con. Con hãy đi bình an.”

⁴⁹ Đức Giê-su còn đang nói, thì có người từ nhà ông trưởng hội đường đến báo ông : “Con gái ông chết rồi, đừng làm phiền Thầy nữa !” ⁵⁰ Nghe vậy, Đức Giê-su bảo ông trưởng hội đường : “Ông đừng sợ, chỉ cần tin thôi, là con gái ông sẽ được cứu.” ⁵¹ Khi đến nhà, Người không cho ai vào với mình, trừ ông Phê-rô, ông Gio-an, ông Gia-cô-bê và cha mẹ của đứa bé. ⁵² Mọi người đều đăm ngực khóc thương nó. Đức Giê-su nói : “Đừng khóc ! Con bé có chết đâu, nó ngủ đấy !” ⁵³ Họ chế nhạo Người, vì biết nó đã chết. ⁵⁴ Nhưng Người cầm lấy tay nó, lên tiếng gọi : “Này bé, trỗi dậy đi !” ⁵⁵ Hồn đứa bé trở lại, và nó đứng dậy ngay. Đức Giê-su bảo người ta cho nó

ăn.⁵⁶ Cha mẹ nó kinh ngạc. Nhưng Người ra lệnh cho họ không được nói với ai về việc đã xảy ra.

Đức Giê-su sai mười hai Tông Đồ đi giảng

9¹ Đức Giê-su tập họp Nhóm Mười Hai lại, ban cho các ông năng lực và quyền phép để trừ mọi thứ quỷ và chữa các bệnh tật.² Người sai các ông đi rao giảng Nước Thiên Chúa và chữa lành bệnh nhân.³ Người nói : “Anh em đừng mang gì đi đường, đừng mang gậy, bao bị, lương thực, tiền bạc, cũng đừng có hai áo.”⁴ Khi anh em vào bất cứ nhà nào, thì ở lại đó và cũng từ đó mà ra đi.⁵ Hễ người ta không đón tiếp anh em, thì khi ra khỏi thành, anh em hãy giũ bụi chân để tỏ ý phản đối họ.”⁶ Các ông ra đi, rao qua các làng mạc loan báo Tin Mừng và chữa bệnh khắp nơi.

Vua Hê-rô-đê và Đức Giê-su

⁷ Tiểu vương Hê-rô-đê nghe biết tất cả những gì

đã xảy ra, thì phân vân lắm. Thật vậy, có kẻ nói : “Đó là ông Gio-an từ cõi chết trỗi dậy.”⁸ Kẻ khác nói : “Ông Ê-li-a xuất hiện đấy !” Kẻ khác nữa lại nói : “Đó là một ngôn sứ thời xưa sống lại.”⁹ Còn vua Hê-rô-đê thì nói : “Ông Gio-an, chính ta đã chém đầu rồi ! Vậy thì ông này là ai mà ta nghe đồn những chuyện như thế ?” Rồi vua tìm cách gặp Đức Giê-su.

Các Tông Đồ trở về. Đức Giê-su hoá bánh ra nhiều.

¹⁰ Các Tông Đồ trở về thuật lại cho Đức Giê-su những việc các ông đã làm. Người đem các ông đi riêng với mình, lui về thành kia gọi là Bết-xai-đa.¹¹ Đám đông dân chúng biết thế, liền đi theo Người. Người tiếp đón họ, nói với họ về Nước Thiên Chúa và chữa lành những ai cần được chữa.

*¹² Ngày đã bắt đầu tàn. Nhóm Mười Hai đến bên Đức Giê-su thưa Người

* 9,12 X. phân bình giải Mc 6,34.

Câu truyện hoá bánh ra nhiều này được cả bốn sách Tin Mừng kể lại, một điều hiếm thấy. Ngoài ra, còn một vụ hoá bánh khác nữa được kể trong Mt 15,32 và Mc 8,1.

rằng : “Xin Thầy cho đám đông về, để họ vào các làng mạc nông trại quanh đây, tìm chỗ trọ và kiếm thức ăn, vì nơi chúng ta đang ở đây là nơi hoang vắng.”¹³ Đức Giê-su bảo : “Chính anh em hãy cho họ ăn.” Các ông đáp : “Chúng con chỉ có vồn vện năm cái bánh và hai con cá, trừ phi chính chúng con phải đi mua thức ăn cho cả đám dân này.”¹⁴ Quả thật có

tới chừng năm ngàn đàn ông. Đức Giê-su nói với các môn đệ : “Anh em hãy bảo họ ngồi thành từng nhóm khoảng năm mươi người một.”¹⁵ Các môn đệ làm y như vậy, và bảo mọi người ngồi xuống.¹⁶ Bấy giờ Đức Giê-su cầm lấy năm cái bánh và hai con cá, ngước mắt lên trời, dâng lời chúc tụng, bẻ ra và trao cho môn đệ để các ông dọn ra cho đám

Câu chuyện được kể nhiều lần như vậy có lẽ vì đây là phép lạ chứng tỏ rõ ràng nhất quyền uy tuyệt đối của Chúa Giê-su trên các định luật thiên nhiên (x. phần bình giải Mt 15,29). Cũng có lý do khác nữa là người ta nghĩ phép lạ này loan báo bí tích Thánh Thể, như Tin Mừng Gio-an sẽ ghi lại đậm nét (Ga 6).

Nhưng chúng ta cũng nên nhớ rằng người Do-thái thời Chúa Giê-su là một dân nghèo, quá đông đảo trên một miền đất phì nhiêu nhưng lại hạn hẹp. Người Rô-ma chiếm đóng xứ này đòi thu phần lớn các tài nguyên : những kẻ nắm chính quyền, như Hê-rô-dê, đặt ra nhiều thứ thuế, một phần cũng là đích đáng vì có những quy hoạch đồ sộ đòi hỏi một số công nhân quá lớn.

Nhiều người không đủ ăn hàng ngày, cũng như ngày nay ở nhiều xứ ; Chúa Giê-su và các môn đệ chia sẻ số phận ấy. Ở nơi hoang dã này, Chúa Giê-su cảm thấy mình có trách nhiệm đối với tất cả mọi người anh em mà Người đã mời đến (như trong Lc 11,5), và Người làm theo sự thôi thúc của lòng tin. Trong cuộc sống hàng ngày, thời ấy cũng như ngày nay, chắc phải có nhiều người chia sẻ những món ít ỏi mình vốn vөн còn giữ với một người nào đó còn nghèo hơn nữa, tin tưởng trong lòng sẽ được Thiên Chúa trả công. Phần Chúa Giê-su thì Người đâu có thể thua kém họ. Phép lạ Người làm vào lúc ấy sẽ củng cố lòng tin của bao nhiêu người có đức tin và lòng khiêm tốn, những người có thể không thuộc về Giáo Hội, nhưng có lòng vị tha biết liêu mất tất cả những thứ vốn vөн còn lại của mình.

Phép lạ này của Chúa Giê-su sẽ khơi dậy trong lòng người ta một niềm phấn khởi không mấy đẹp và cuối cùng sẽ gây chia rẽ trong nhóm các môn đệ của Người (x. phần bình giải Mc 6,45), nhưng Chúa không quan tâm. Người đâu đã nhân số bánh lên cho họ ăn no nhằm thu hút họ đến nhà thờ, nhưng là để thực hiện những lời Cha của Người đã hứa với người nghèo.

đồng.¹⁷ Mọi người đều ăn, và ai nấy được no nê. Những miếng vụn còn thừa, người ta thu lại được mười hai thúng.

Ông Phê-rô tuyên xưng Đức Giê-su là Đấng Ki-tô của Thiên Chúa

* 18 Hôm ấy, Đức Giê-su cầu nguyện một mình. Các môn đệ cũng ở đó với Người, và Người hỏi các ông rằng : “Dân chúng nói Thầy là ai ?”¹⁹ Các ông thưa : “Họ bảo Thầy là ông Gio-an Tẩy Giả, nhưng có

kẻ thì bảo là ông Ê-li-a, kẻ khác lại cho là một trong các ngôn sứ thời xưa đã sống lại.”²⁰ Người lại hỏi : “Còn anh em, anh em bảo Thầy là ai ?” Ông Phê-rô thưa : “Thầy là Đấng Ki-tô của Thiên Chúa.” *²¹ Nhưng Người nghiêm giọng truyền các ông không được nói điều ấy với ai.

Đức Giê-su tiên báo cuộc Thương Khó lần thứ nhất

²² Người còn nói : “Con Người phải chịu đau khổ nhiều, bị các kỳ mục,

* 9,18 Sự việc này xảy ra ở Xê-da-rê Phi-líp-phê, thị trấn ở tận miền bắc Pa-lét-tin, dưới chân núi Khéc-môn. Lúc ấy Chúa Giê-su không được an toàn ở Ga-li-lê nữa, nên Người đã lánh đi xa. Theo thói quen, Người đã phái Nhóm Mười Hai đi trước, tới những nơi Người sẽ đi qua, để các ông dọn đường cho Người.

Dân chúng nói Thầy là ai ? Còn anh em, khi ở giữa họ thì anh em bảo Thầy là ai ? *Anh em bảo* với họ *Thầy là ai ?* Ông Phê-rô là người đầu tiên trả lời, nắm chắc mình không lầm khi xưng Thầy là Đấng Thiên Sai, người được Thiên Chúa phái đến.

Chúa Giê-su không phủ nhận điều đó, nhưng Người cấm họ nói ra ngay bây giờ. Sở dĩ như vậy là vì, theo dân chúng nghĩ, vị giải phóng dân tộc phải đánh bại kẻ thù của dân tộc. Các Tông Đồ có thể sử dụng chẳng một từ ngữ sẽ bị người ta hiểu sai ? Chúa Giê-su đã biết rõ mình đang đi tới chỗ thất bại.

Nếu đem so sánh trình thuật này với Mc 8,27 và Mt 16,13, chúng ta sẽ đi đến kết luận sau đây : thánh Mát-thêu đã lấy hai biến cố khác nhau, trong đó ông Phê-rô là người đầu tiên tuyên xưng lòng tin của mình, gom lại thành một trình thuật duy nhất. Biến cố thứ nhất được thánh Lu-ca kể ra ở đây. Trong biến cố thứ hai, ông Phê-rô nhìn nhận Chúa Giê-su là Con Thiên Chúa, và ông được nhận lời Chúa hứa như trong trình thuật của thánh Mát-thêu. Điều này có thể đã xảy ra sau vụ hoá bánh ra nhiều (x. Ga 6,67-69) hoặc có lẽ sau phục sinh : x. Ga 21,15-17, đoạn ghi lại rằng Chúa Giê-su đặt nặng, không phải lòng tin, nhưng là tình yêu mà Người nhận thấy nơi ông Phê-rô. Cũng xem Gl 2,7-8.

thượng tế cùng kinh sư loại bỏ, bị giết chết, và ngày thứ ba sẽ trỗi dậy.”

Điều kiện phải có để theo Đức Giê-su

²³ Rồi Đức Giê-su nói với mọi người : “Ai muốn theo tôi, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình hằng ngày mà theo. ²⁴ Quả vậy, ai muốn cứu mạng sống

mình, thì sẽ mất ; còn ai liều mất mạng sống mình vì tôi, thì sẽ cứu được mạng sống ấy. ²⁵ Vì người nào được cả thế giới mà phải đánh mất chính mình hay là thiệt thân, thì nào có lợi gì ? ²⁶ Ai xấu hổ vì tôi và những lời của tôi, thì Con Người cũng sẽ xấu hổ vì kẻ ấy, khi Người ngự đến trong vinh quang của

* 9,21 Tại sao Chúa Giê-su lại đặt những câu hỏi chúng ta vừa đọc ở đây ? Tin Mừng nói rõ : vì đã đến lúc Chúa Giê-su phải loan báo cuộc thương khó của Người cho các ông biết. Chúa không chỉ đến để dạy dỗ, nhưng còn để mở rộng con đường dẫn đưa loài người tới ơn phục sinh. Bởi lẽ các Tông Đồ nhìn nhận Người là Đấng Cứu Độ Thiên Chúa đã hứa cho Ít-ra-en, nên họ phải biết rằng sẽ không có ơn cứu độ nếu tử thân không bị đánh bại (1 Cr 15,25-26). Và Chúa Giê-su mang lại chiến thắng này khi Người tự ý chọn con đường thập giá : *Con Người phải chịu đau khổ nhiều, bị các kỳ mục, thượng tế cùng kinh sư loại bỏ.*

Liên sau đó Chúa Giê-su thêm : tất cả chúng ta phải tham gia cuộc chiến thắng sự chết của Người, mà điều này thì hướng đi chúng ta chọn trong cuộc sống sẽ biểu lộ cho thấy rõ. Chúng ta phải chọn giữa phục vụ và được phục vụ, giữa hy sinh cho tha nhân và lợi dụng tha nhân. Ngay từ những năm đầu đời, trẻ con phải được hướng dẫn trong lựa chọn này : nó không phải là trọng tâm của gia đình, không phải là ông trời con, coi cha mẹ như là nô lệ, nhưng phải học cho biết phục vụ và hiến thân.

Phải vác thập giá mình hằng ngày. Ở đây nói về thập giá Chúa trao cho chúng ta, mà chúng ta không phải chọn vì là thập giá chúng ta sẽ gặp thấy trên đường đời của mình. Không nên vác nó một cách miễn cưỡng, vì như vậy nó sẽ nặng thêm, nhưng tốt hơn phải yêu mến nó vì chính Chúa đã chọn nó cho chúng ta. Biết bao trẻ em khuyết tật có thể giúp cha mẹ các em trở thành những người con cái Thiên Chúa, giống hình ảnh Chúa Giê-su, nhờ cuộc sống đầy tình yêu của mình.

Ai muốn cứu mạng sống mình. Chúa Giê-su nhắc lại hướng đi cuộc đời chúng ta, trên đại thể. Quan niệm của Người khác hẳn với những kẻ chỉ lo “tránh tội” trong khi lòng họ vẫn chạy theo con đường danh vọng và tìm cách hưởng thụ tối đa trên đời này. Nguyên thái độ chỉ muốn sống an nhàn mà không biết liều mình vì đại nghĩa đã đủ làm cho chúng ta xa rời đường lối của Thiên Chúa.

mình, của Chúa Cha và các thánh thiên thần.

Triều đại Thiên Chúa đã gần đến

²⁷ “Thầy bảo thật anh em : trong số người có mặt ở đây, có những kẻ sẽ không phải chết, trước khi thấy Nước Thiên Chúa.”

Đức Giê-su hiển dung

* ²⁸ Khoảng tám ngày sau khi nói những lời ấy, Đức Giê-su lên núi cầu nguyện đem theo các ông

Phê-rô, Gio-an và Gia-cô-bê. ²⁹ Đang lúc Người cầu nguyện, dung mạo Người bỗng đổi khác, y phục Người trở nên trắng tinh chói loà. ³⁰ Và kìa, có hai nhân vật đàm đạo với Người, đó là ông Mô-sê và ông Ê-li-a. ³¹ Hai vị hiện ra, rạng ngời vinh hiển, và nói về cuộc xuất hành Người sắp hoàn thành tại Giê-ru-sa-lem. ³² Còn ông Phê-rô và đồng bạn thì ngủ mê mệt, nhưng khi tỉnh hẳn, các ông nhìn

Ai xấu hổ vì tôi (c.26). Thiên Chúa còn đòi hỏi chúng ta chứng tỏ đức tin của mình bằng cách sống trung thành, trong cụ thể, với những đòi hỏi của Tin Mừng nữa. Điều này sẽ khiến chúng ta phải đánh liều chấp nhận những rủi ro, dù chỉ là những nhạo cười chế giễu từ phía đồng nghiệp hoặc láng giềng thôi. Và trong những thời kỳ bạo lực lộng hành, người Ki-tô hữu há có thể làm thình được sao, chỉ biết lo tổ chức những buổi họp “thiên liêng”, mà chẳng có một hành động gì cụ thể để nói lên điều mà bản thân họ suy nghĩ và thực thi ?

* ^{9,28} Vào thời đầu sứ vụ của mình, Chúa Giê-su đã nhận được một mặc khải của Thiên Chúa (Lc 3,21). Dấu hiệu mới ở đây, mà Người nhận được trong biến cố Hiển Dung, báo trước và chuẩn bị một giai đoạn mới : cuộc Thương Khó.

Chúa Giê-su rao giảng đã hai năm rồi mà không có chút hy vọng nào cho thấy Ít-ra-en sẽ có thể khắc phục cục diện tàn khốc làm nó phải sụp đổ. Ngay cả các phép lạ của Chúa Giê-su cũng không thuyết phục được đồng bào của Người. Thế là Người sẽ phải đối đầu với quyền lực sự dữ ; hy lễ Người dâng sẽ có hiệu lực hơn lời nói của Người, để khơi dậy tình yêu và lòng xả kỷ nơi tất cả những ai sau này sẽ tiếp nối công trình cứu độ của Người.

Đức Giê-su đem theo các ông Phê-rô, Gio-an và Gia-cô-bê. Ba người này có vị trí ưu hạng giữa Nhóm Mười Hai (Mc 1,29 ; 3,16 ; 5,37 ; 10,35 ; 13,3), như thế để giúp chúng ta hiểu rằng phần đông các “Tông Đồ” tương lai sẽ phản ứng khá chậm chạp. Tất cả sự kiên nhẫn và cách xử sự khéo léo của Chúa Giê-su đã không làm cho các ông tiến mau hơn, và các ông chẳng có sẵn sàng cùng đi vào trong đám mây với Chúa.

thấy vinh quang của Đức Giê-su, và hai nhân vật đứng bên Người. ³³ Đang lúc hai vị này từ biệt Đức Giê-su, ông Phê-rô thưa với Người rằng : “Thưa Thầy, chúng con ở đây, thật là hay ! Chúng con xin dựng ba cái lều, một cho Thầy, một cho ông Mô-sê, và một cho ông Ê-li-a.” Ông không biết mình đang nói gì. ³⁴ Ông còn

đang nói, thì bỗng có một đám mây bao phủ các ông. Khi thấy mình vào trong đám mây, các ông hoảng sợ. ³⁵ Và từ đám mây có tiếng phán rằng : “Đây là Con Ta, người đã được Ta tuyển chọn, hãy vâng nghe lời Người !” ³⁶ Tiếng phán vừa dứt, thì chỉ còn thấy một mình Đức Giê-su. Còn các môn đệ thì nín thính, và trong những ngày ấy,

Đức Giê-su lên núi cầu nguyện. Có thể biến cố Chúa Giê-su chờ đợi lúc ấy đã xảy ra trong một đêm cầu nguyện. Cuộc hiển dung này của Chúa Giê-su có ý nghĩa trước tiên là đối với Người. Chúa đâu biết trước hết tất cả mọi sự, và những nghi nan, những lo lắng đâu đã được tha cho Người. Xem ra Chúa Cha chẳng tỏ ra hậu đãi Người nhiều cho lắm : có chẳng là chính Người đã phục vụ mà không chờ mong được ân thưởng từ trời. Tuy nhiên, hôm đó Người đã nhận được những xác tín về kết cục của sứ mạng mình.

Đối với các Tông Đồ, đây là lời chứng có tính quyết định và sẽ giúp họ tin vào sự Phục Sinh. (Bức thư gọi là “Thư thứ hai của thánh Phê-rô” không lầm khi nhấn mạnh đến chứng cứ này của Thiên Chúa, cho dù được viết một cách vụng về (2 Pr 1,17-18) vì muốn mạo danh là của chính thánh Phê-rô viết). Thật ra, nhiều người đã được lịch sử coi như là ngôn sứ, hoặc như là “vị ngôn sứ”, nhưng chẳng có ai trong đó đã dám đưa ra một lời chứng ủng hộ mình như thế từ Thiên Chúa.

Phần mình, Chúa Giê-su đã dựa trên các lời chứng, bắt đầu từ lời chứng của ông Gio-an, bởi vì trong toàn bộ mặc khải của Sách Thánh, đức tin dựa trên những lời chứng. Ở đây thì có vị lập quốc Ít-ra-en là ông Mô-sê, và tổ phụ các ngôn sứ là ông Ê-li-a, thừa nhận Chúa Giê-su.

Thánh Lu-ca cho chúng ta biết các ông Mô-sê và Ê-li-a đàm đạo với Chúa về cuộc ra đi của Người (từ Hy-lạp được dùng có nghĩa là “xuất hành”). Vậy Chúa Giê-su sẽ là Mô-sê mới, đưa dân Thiên Chúa vượt qua thế giới nô lệ này mà đi vào Đất Hứa.

Đây là Con Ta. Cũng x. phần bình giải lời này ở 3,22. Tuy nhiên, ở đây Chúa Giê-su xuất đầu lộ diện là Đấng mà các ông Mô-sê và Ê-li-a đã từng mong đợi và chỉ có công dọn đường cho Người đến, mặc dù lúc này có thể họ nâng đỡ Người, vì Người vẫn còn mang thân phận phạm nhân mỏng giòn của chúng ta. Về cuộc hiển dung này của Chúa Giê-su, x. phần bình giải Mc 9,1.

các ông không kể lại cho ai biết gì cả về những điều mình đã thấy.

Đức Giê-su chữa đứa trẻ bị kinh phong

³⁷ Hôm sau, khi Đức Giê-su và ba môn đệ ở trên núi xuống, có đám đông dân chúng tới đón Người. ³⁸ Bỗng có một người đàn ông từ trong đám đông kêu lên rằng : “Thưa Thầy, tôi xin Thầy đoái nhìn đứa con trai tôi, vì tôi chỉ có một mình cháu. ³⁹ Thế mà quỷ nhập vào cháu, khiến cháu bỗng đứng la lên, vật mình vật mẩy, sùi cả bọt mép, và khó lắm nó mới chịu rời cháu, bỏ cháu lại đó một chút. ⁴⁰ Tôi có xin các môn đệ Thầy trừ tên quỷ đó, nhưng các ông trừ không được.” ⁴¹ Đức Giê-su đáp : “Ôi thế hệ cứng lòng không chịu tin và gian tà ! Tôi phải ở cùng các người và chịu đựng các người cho đến bao giờ nữa ? Ông đem cháu lại đây !” ⁴² Đứa trẻ đang tiến lại, thì quỷ

vật nó xuống và lay nó thật mạnh. Đức Giê-su quát mắng tên quỷ ô ướ, chữa đứa trẻ, và trao lại cho cha nó. ⁴³ Mọi người đều kinh ngạc trước quyền năng cao cả của Thiên Chúa.

Đức Giê-su tiên báo cuộc Thương Khó lần thứ hai

Đang lúc mọi người còn ngỡ về tất cả các việc Đức Giê-su làm, Người nói với các môn đệ : ⁴⁴ “Phần anh em, hãy lắng tai nghe cho kỹ những lời sau đây : Con Người sắp bị nộp vào tay người đời.” ⁴⁵ Nhưng các ông không hiểu lời đó, vì đối với các ông, lời đó còn bí ẩn, đến nỗi các ông không nhận ra ý nghĩa. Nhưng các ông sợ không dám hỏi lại Người về lời ấy.

Ai là người lớn nhất trong các môn đệ

* ⁴⁶ Một câu hỏi chợt đến với các ông : trong các

* 9,46 X. phần bình giải Mc 9,33.

Thánh Mác-cô lưu ý Chúa Giê-su đã ôm một em bé vào lòng : đây là một điều đáng ghi nhận vào một thời đại mà trẻ em là con số không, và các thầy dạy đạo chỉ bận tâm một điều là nghiêm phạt chúng thôi. Hình như mẫu người đạo đức thời ấy là con người nghiêm nghị, không biết cười biết chạy, không lưu tâm đến những ai không đáng kể bằng mình, như là đàn bà con nít.

ông, ai là người lớn nhất ?
⁴⁷ Đức Giê-su biết điều các ông đang tự hỏi trong lòng, liền đem một em nhỏ đặt bên cạnh mình ⁴⁸ và nói với các ông : “Ai tiếp đón em nhỏ này vì danh Thầy, là tiếp đón chính Thầy ; và ai tiếp đón Thầy, là tiếp đón Đấng đã sai Thầy. Thật vậy, ai là người nhỏ nhất trong tất cả anh em, thì kẻ ấy là người lớn nhất.”

Nhân danh Đức Giê-su mà trừ quỷ

⁴⁹ Ông Gio-an lên tiếng nói : “Thưa Thầy, chúng con thấy có người nhân danh Thầy mà trừ quỷ. Chúng con đã cố ngăn cản, vì người ấy không cùng với chúng con đi theo Thầy.” ⁵⁰ Đức Giê-su bảo ông : “Đừng ngăn cản người ta. Quả thật, ai không chống lại chúng ta là ủng hộ chúng ta !”

IV. ĐỨC GIÊ-SU LÊN GIÊ-RU-SA-LEM

Một làng miền Sa-ma-ri không đón tiếp Đức Giê-su

* ⁵¹ Khi đã tới ngày Đức Giê-su được rước lên trời, Người nhất quyết đi lên Giê-ru-sa-lem. ⁵² Người sai

mấy sứ giả đi trước. Họ lên đường và vào một làng người Sa-ma-ri để chuẩn bị cho Người đến. ⁵³ Nhưng dân làng không đón tiếp Người, vì Người đang đi về hướng Giê-ru-sa-lem. ⁵⁴ Thấy

Chúa Giê-su không trả lời câu hỏi của các Tông Đồ : ai là người lớn nhất ? Bởi vì điều quan trọng không phải là trở thành người lớn nhất, nhưng là người gần gũi Chúa Ki-tô nhất, và để đón nhận Chúa Ki-tô thì phải tiếp đón Người ở giữa những thành phần nhỏ bé nhất.

* **9,51** Câu này mở đầu một phân đoạn khác của Tin Mừng Lu-ca (cõi Dẫn nhập vào Tân Ước). Sau khi nhắc lại những việc Chúa Giê-su đã làm ở Ga-li-lê, thánh Lu-ca muốn ghi lại nhiều lời Chúa Giê-su đã nói trong những hoàn cảnh khác nhau, và để cho trình thuật của mình có đầu có đuôi, tác giả hình dung Chúa Giê-su đưa ra những câu trả lời này đang trên đường đi từ Ga-li-lê đến Giê-ru-sa-lem.

Đoạn thứ nhất nhắc chúng ta nhớ rằng Sa-ma-ri nằm giữa hai miền Ga-li-lê và Giu-đê. Dân cư Sa-ma-ri không phải là người Do-thái, và hai dân tộc này thù ghét nhau sâu sắc. Vào những ngày người Do-thái ở Ga-li-lê đi ngang qua đất Sa-ma-ri để hành hương lên Giê-ru-sa-lem, thì nhà nhà đều đóng cửa không tiếp.

thế, hai môn đệ Người là ông Gia-cô-bê và ông Gio-an nói rằng : “Thưa Thầy, Thầy có muốn chúng con khiến lửa từ trời xuống thiêu huỷ chúng nó không ?”

⁵⁵ Nhưng Đức Giê-su quay lại quở mắng các ông.

⁵⁶ Rồi Thầy trò đi sang làng khác.

Đức Giê-su đòi hỏi môn đệ phải bỏ mọi sự

* ⁵⁷ Đang khi Thầy trò đi đường thì có kẻ thưa Người rằng : “Thưa Thầy, Thầy đi đâu, tôi cũng xin đi theo.” ⁵⁸ Người trả lời : “Con chồn có hang, chim trời có tổ, nhưng Con

Chúa Giê-su kêu gọi các Tông Đồ đừng vội nóng giận : những người Sa-ma-ri từ chối không đón tiếp Chúa Giê-su trong dịp này đáng trách hơn những kẻ đóng cửa không tiếp một người Sa-ma-ri vì người này là kẻ đối nghịch.

Xem ra cứ mỗi lần Chúa Giê-su gặp mặt người Sa-ma-ri là Chúa dạy chúng ta có một cái nhìn mới về những kẻ không cùng một niềm tin như chúng ta. Những người không cùng tôn giáo thường hay gây hấn với nhau, nhiều khi có thái độ rất tàn bạo, đặc biệt nhất là những người tự xưng mình được Thiên Chúa duy nhất mặc khải cho, và người của thời Cựu Ước xưa đã như vậy rồi. Chúa Giê-su không ngã theo thứ cuồng tín ấy : Người dạy ta đừng lẫn lộn chính nghĩa của Thiên Chúa với chính nghĩa của chúng ta, hay với những lợi ích của tập thể tôn giáo của chúng ta : điều Người dạy là tuyệt đối tôn trọng những ai được Thiên Chúa dẫn đi theo một con đường khác.

Bài học này tương phản biết bao với những truyền thuyết thời xưa mà c.54 gợi nhớ cho chúng ta (x. 2 V 1,9-10).

*** 9,57 NHỮNG ĐOẠN TUYỆT VÀ QUYỀN TỰ DO**

Tương phản với thái độ thông cảm mà Chúa Giê-su thường tỏ ra trước sự yếu đuối của con người, chúng ta thấy ở đây Người có thái độ đòi hỏi rất nghiêm ngặt với kẻ muốn đi theo Người. Chúa không thể mất thời giờ với những môn đệ không biết sẵn sàng hy sinh tất cả vì Tin Mừng.

Người thứ ba trong số các ứng viên này có lẽ thậm hy vọng rằng, đến giờ từ biệt, gia đình anh sẽ nài nỉ xin anh đừng đại dột như thế, rồi thì anh sẽ ở lại mà vẫn được tiếng là đã có ý hướng tốt : tôi muốn lắm, nhưng...

Trường hợp thứ hai thì khác : *Cứ để kẻ chết chôn kẻ chết của họ.* Trước những lời thách thức như vậy, mà thỉnh thoảng chúng ta gặp thấy trong Tin Mừng, cần tránh hai thái độ. Thái độ thứ nhất là coi những lời ấy như một luật chung, một mệnh lệnh đưa ra cho mọi người không chút linh động ; thái độ thứ hai, thường xảy ra hơn nhiều, là nói : “Không nên hiểu sát chữ câu đó, đấy chỉ là một kiểu nói của người đông phương.”

Người không có chỗ tựa đầu.”

⁵⁹ Đức Giê-su nói với một người khác : “Anh hãy theo tôi !” Người ấy thưa : “Thưa Thầy, xin cho phép tôi về chôn cất cha tôi trước đã.” ⁶⁰ Đức Giê-su bảo : “Cứ để kẻ chết chôn kẻ chết của họ. Còn anh, anh hãy đi loan báo Triều Đại Thiên Chúa.”

⁶¹ Một người khác nữa lại nói : “Thưa Thầy, tôi

xin theo Thầy, nhưng xin cho phép tôi từ biệt gia đình trước đã.” ⁶² Đức Giê-su bảo : “Ai đã tra tay cầm cày mà còn ngoái lại đằng sau, thì không thích hợp với Nước Thiên Chúa.”

Đức Giê-su sai bảy mươi hai môn đệ đi giảng

10 * ¹ Sau đó, Chúa chỉ định bảy mươi hai người khác, và sai các ông cứ từng hai người một đi

Thế nhưng đối với Chúa Giê-su thì chẳng thể có môn đệ, cũng chẳng có đường vào Nước Thiên Chúa, nếu đã không qua một kinh nghiệm về tự do ; và nếu một ai đó chưa hề dám đi ngược lại với cách suy nghĩ và tiếp nhận của môi trường mình đang sống, thì khó mà nghĩ được rằng người đó thật sự tự do. Chúng ta hãy nghĩ tới thánh Phan-xi-cô Át-xi-di, đi ăn xin ngay trong thành phố của mình sau khi đã sống ở đó như một cậu ấm của một gia đình giàu có.

Xin cho phép tôi về chôn cất cha tôi trước đã. Rất có thể câu này có nghĩa là người ấy muốn phụng dưỡng cha già của mình cho đến ngày người mãn phần (x. Tb 6,15).

Còn anh, anh hãy đi loan báo Triều Đại Thiên Chúa. Một tiếng gọi của Chúa Giê-su mà đến tai anh, thì tiếng ấy nói lên tất cả ý muốn của Thiên Chúa về anh trong chính lúc này. Hãy để đó những cái cố anh muốn vịn để thoái thác ; những bốn phận ấy của anh có lẽ chẳng qua là bốn phận thuộc về thế giới “kẻ chết”.

* **10,1 X.** phần bình giải Mt 10,5 và Mc 6,7.

Thánh Lu-ca kể lại đợt sai phái Nhóm Bảy Mươi (hay bảy mươi hai) môn đệ sau đợt sai phái Nhóm Mười Hai (9,1). Đã có mười hai Tông Đồ theo số các chi tộc Ít-ra-en. Vì con số bảy mươi cũng có một giá trị tượng trưng, gợi nhớ các dân ngoại cũng như bảy mươi kỳ mục được cộng tác với ông Mô-sê (Ds 11,16-17), nên sự việc này là tiền ảnh sự vụ mà Hội Thánh sẽ đảm trách cho đến tận thế : loan Tin Mừng cho mọi dân tộc (Mt 28,19-20).

Không có môn đệ nào mà không được sai đi. Chúa Giê-su không chỉ đào tạo họ bằng cách dạy dỗ thôi, nhưng còn bằng cách giao nhiệm vụ cho họ nữa. Có lẽ Người sai bảy mươi ông ấy không lâu sau khi gọi họ, và ngày nay cũng thế, những người thừa sai hăng hái nhất thường là những người mới vào đạo.

trước, vào tất cả các thành, các nơi mà chính Người sẽ đến. ² Người bảo các ông :

“Lúa chín đầy đồng mà thợ gặt lại ít. Vậy anh em hãy xin chủ mùa gặt sai thợ ra gặt lúa về. ³ Anh em hãy ra đi. Nay Thầy sai anh em đi như chiên con đi vào giữa bầy sói. ⁴ Đừng mang theo túi tiền, bao bì, giày dép. Cũng đừng chào hỏi ai dọc đường. ⁵ Vào bất cứ nhà

nào, trước tiên hãy nói : “Bình an cho nhà này !” ⁶ Nếu ở đó, có ai đáng hưởng bình an, thì bình an của anh em sẽ ở lại với người ấy ; bằng không thì bình an đó sẽ trở lại với anh em. ⁷ Hãy ở lại nhà ấy, và người ta cho ăn uống thức gì, thì anh em dùng thức đó, vì làm thợ thì đáng được trả công. Đừng đi hết nhà nọ đến nhà kia. * ⁸ Vào bất cứ thành nào mà được người

Khi Hội Thánh đã có mặt một thời gian ở một nơi nào đó rồi, thì ta có khuynh hướng nghĩ rằng mọi người đã có dịp đón nhận Tin Mừng, và không cần có một đợt sai đi, hoặc là không thể sai đi được nữa. Không, Chúa Giê-su kêu mời chúng ta đặt lại vấn đề.

Người sai các ông cứ từng hai người một. Chúa Giê-su đòi hỏi gì ? Thừa là phải làm chứng một cách tập thể ; chúng ta tìm đến với tha nhân : đó không bao giờ là chuyện riêng tư của cá nhân chúng ta, nhưng là một công việc có tính cộng đoàn, là công việc của Hội Thánh.

Hãy nói : “Bình an cho nhà này !” Làm sao cho cuộc gặp gỡ của chúng ta là một cuộc đối thoại, một cuộc chia sẻ thật sự với người kia. Lúc ấy, và chỉ lúc ấy, chúng ta mới có thể chia sẻ cả đức tin là nguồn sống của chúng ta nữa, xác tín rằng đối với những người mà chúng ta gặp gỡ thật sự như thế, *Triều Đại Thiên Chúa đã đến gần rồi.*

Hãy chữa những người đau yếu : xem vài đoạn sau.

Nhiều người đã phấn khởi đón tiếp các vị giảng Lời Chúa cho họ, nhưng lại không gia nhập một cộng đoàn Ki-tô hữu. Như thế không có nghĩa là các thừa sai đã nỗ lực uống công. Biết đâu chính những người ấy sẽ giữ lại kỷ niệm giây phút đạt dào ơn thánh đó, và sẽ sống cuộc sống hằng ngày của họ với niềm tin sâu sắc hơn. Dù sao đi nữa thì Chúa cũng đã kích động tâm hồn một số thánh giả, và số người này sẽ là một nhân tố mới trong Hội Thánh của Người.

Đừng chào hỏi ai dọc đường (c.4). Khí thế người thừa sai sẽ giảm sút nếu họ cứ la cà trò chuyện hoặc đến trọ nhờ bạn hữu, là những người đã không đón nhận Nước Thiên Chúa. Chi bằng họ tin thác vào sự quan phòng của Cha trên trời : Người sẽ mở lòng và mở cửa nhà một ai đó trong số những kẻ đón nghe Tin Mừng.

ta tiếp đón, thì cứ ăn những gì người ta dọn cho anh em. ⁹ Hãy chữa những người đau yếu trong thành, và nói với họ : “Triều Đại Thiên Chúa đã đến gần các ông.” ¹⁰ Nhưng vào bất cứ thành nào mà người ta không tiếp đón, thì anh em ra các quảng trường mà nói : ¹¹ “Ngay cả bụi trong thành các ông dính chân chúng tôi, chúng tôi cũng xin giữ trả lại các ông. Tuy nhiên các ông phải biết điều này : Triều Đại Thiên Chúa đã đến gần.” ¹² Thầy nói cho anh em hay : trong ngày ấy, thành Xơ-đôm còn được xử

khoan hồng hơn thành đó.”

¹³ “Khốn cho ngươi, hỡi Kho-ra-din ! Khốn cho ngươi, hỡi Bết-xai-da ! Vì nếu các phép lạ đã làm nơi các ngươi mà được làm tại Tia và Xi-đôn, thì từ lâu họ đã mặc áo vải thô, ngồi trên tro tỏ lòng sám hối rồi. ¹⁴ Vì thế, trong cuộc Phán Xét, Tia và Xi-đôn sẽ được xử khoan hồng hơn các ngươi. ¹⁵ Còn ngươi nữa, hỡi Ca-phác-na-um, ngươi tưởng sẽ được nâng lên đến tận trời ư ? Không, ngươi sẽ phải nhào xuống tận âm phủ !

CHỮA LÀNH BỆNH NHÂN

* 10,8 Chúa Giê-su nói : *Hãy chữa những người đau yếu.* Chúa không đến để chữa tất cả mọi bệnh nhân, nhưng để mang ơn cứu độ. Vì chúng ta là những kẻ có tội, nên ơn cứu độ được thể hiện qua đau khổ và thập giá. Những người được Chúa Giê-su sai đi không nghĩ mình thay thế các thầy thuốc. Họ không công bố đức tin như một phương thuốc chữa bệnh : như vậy là đức tin bị xuống giá sao ! Tuy nhiên, họ trao tặng “ơn khỏi bệnh” cho tất cả những ai chưa khám phá rằng Nước Thiên Chúa và lòng thương xót của Người đang đến gần. Chúa Giê-su không muốn chúng ta kỳ kèo cho được những dấu lạ, nhưng Người luôn luôn ban những dấu ấy trong cộng đoàn Ki-tô hữu.

Cộng đoàn Ki-tô hữu hiện diện ở đâu thì phải lo cho bệnh nhân, thăm nom họ ở đó : như thế cộng đoàn mới tỏ ra mình là gia đình của mọi người, mình quan tâm đến mọi người. Khi thi hành “tác vụ” này bên giường bệnh nhân, người Ki-tô hữu mỗi ngày mỗi phát hiện rõ ràng hơn có Thiên Chúa đi trước dọn đường giúp họ. Không phải chính họ khuyến khích và nâng đỡ bệnh nhân nữa, nhưng đúng là Thiên Chúa đích thân lên tiếng và tỏ lòng yêu thương qua chứng nhân của Người. Tình thương nơi người thăm bệnh mở đường cho người bệnh tiến tới hoán cải và đón nhận lòng thương xót của Thiên Chúa. Cùng x. phần bình giải Gc 5,13.

¹⁶ “Ai nghe anh em là nghe Thầy ; và ai khước từ anh em là khước từ Thầy ; mà ai khước từ Thầy là khước từ Đấng đã sai Thầy.”

Hãy mừng vì tên anh em được ghi trên trời

* ¹⁷ Nhóm Bảy Mươi Hai trở về, hớn hởi nói : “Thưa Thầy, nghe đến danh Thầy, cả ma quỷ cũng phải khuất phục chúng con.”

¹⁸ Đức Giê-su bảo các ông : “Thầy đã thấy Xa-tan như một tia chớp từ trời sa xuống. ¹⁹ Đây, Thầy đã ban cho anh em quyền năng để đạp lên rắn rết, bọ cạp và mọi thế lực Kẻ Thù, mà chẳng có gì làm hại được anh em. ²⁰ Tuy nhiên, anh em chớ mừng vì quỷ thần phải khuất phục anh em, nhưng hãy mừng vì tên anh em đã được ghi trên trời.”

* **10,17** *Những điều Cha đã mặc khải cho những người bé mọn* là gì, nếu không phải là Tin Mừng có một khả năng diệu kỳ để hoán cải con người và mang ánh sáng đến cho họ ? Các Tông Đồ ngạc nhiên nhận thấy *Danh* Chúa Giê-su toả ra sức mạnh lạ lùng ấy (Mc 16,17). Chúa Giê-su cho thấy rõ sự thất bại của Xa-tan là Kẻ Thù, là cha của sự gian dối, của tự do giả hiệu, của những xa hoa trói buộc lòng người.

Những bậc khôn ngoan thông thái tưởng mình là người hiểu biết, nhưng cái chính yếu thì có lẽ họ nào biết đến. Vị Thiên Chúa mà họ nói tới thường chỉ là một biếm hoạ về Thiên Chúa thật, và họ đâu nhận ra Người nơi Chúa Giê-su. Bao lâu họ không nhìn thấy quyền năng Thiên Chúa đang hoạt động ở những nơi Chúa Giê-su được tuyên xưng, thì họ không thể nói được thế giới đang đi về đâu.

Những người bé mọn thì trái lại, giờ đây được nhận ánh sáng. Trước đó không lâu, họ thấy mình là một thế hệ bị bỏ rơi. Từ thế hệ này sang thế hệ khác, lớp người thấp cổ bé miệng mãi hy sinh vì con cháu, hoặc bị hạng người quyền thế bỏ rơi, chỉ biết hứa sẽ làm cho con cháu họ được sung sướng. Giờ đây, những người bé mọn, tức là những kẻ chẳng có chức tước gì, có được tất cả nếu được Chúa Giê-su, vì *Cha đã giao phó mọi sự cho Người*.

Những người bé mọn sống đức tin của mình trong những chuyện nhỏ, nhưng họ biết chắc không một nghĩa cử yêu thương nào của họ là ướng phỉ cả. Chúa Giê-su *mặc khải Cha cho chúng ta*, và khi chúng ta thật sự biết Cha rồi, thì chúng ta được chia sẻ quyền lực của Người trên các biển cả. Những ước nguyện và lời cầu xin của chúng ta đầy quyền năng, bởi vì chúng ta đã đạt tới trung tâm điểm, từ đó Thiên Chúa điều khiển các sức mạnh giải cứu nhân loại : tên chúng ta *đã được ghi trên trời* (c.20) theo nghĩa là chúng ta hiện giờ đã ra công làm việc cho cuộc sống vĩnh cửu và chúng ta đã bước vào vĩnh cửu rồi.

Chúa Cha mặc khải cho những người bé mọn

²¹ Ngay giờ ấy, được Thánh Thần tác động, Đức Giê-su hớn hở vui mừng và nói : “Lạy Cha là Chúa Tể trời đất, con xin ngợi khen Cha, vì Cha đã giấu kín không cho bậc khôn ngoan thông thái biết những điều này, nhưng lại mặc khải cho những người bé mọn. Vâng, lạy Cha, vì đó là điều đẹp ý Cha.

Chúa Cha và Chúa Con

²² “Cha tôi đã giao phó mọi sự cho tôi. Và không ai biết người Con là ai, trừ Chúa Cha, cũng như không ai biết Chúa Cha là ai, trừ người Con, và kẻ mà người Con muốn mặc khải cho.”

Đặc ân các môn đệ

²³ Rồi Đức Giê-su quay lại với các môn đệ và bảo riêng : “Phúc thay mắt nào được thấy điều anh em thấy ! ²⁴ Quả vậy, Thầy bảo cho anh em biết : nhiều ngôn sứ và nhiều vua chúa đã muốn thấy điều anh em đang thấy, mà không được thấy, muốn nghe điều anh em đang nghe, mà không được nghe.”

Điều răn lớn

* ²⁵ Và này có người thông luật kia đứng lên hỏi Đức Giê-su để thử Người rằng : “Thưa Thầy, tôi phải làm gì để được sự sống đời đời làm gia nghiệp ?” ²⁶ Người đáp : “Trong Luật đã viết gì ?

Loan báo Tin Mừng không có nghĩa là tuyên truyền cho Tin Mừng, nhưng là làm cho mọi người nhận thấy quyền lực giải thoát của Tin Mừng trước sự dữ. Ở đây, thái độ hiếu động nào cũng là vô ích ; phải nhìn nhận rằng tự sức mình, chúng ta chẳng làm được gì trong lãnh vực này cả ; chỉ bằng cảm tạ Thiên Chúa đã ban cho chúng ta *được thấy, được nghe* và truyền đạt ơn cứu độ của Người.

Phúc thay mắt nào được thấy. Hãy thôi không so bì với những người nổi tiếng, với các vua chúa và ngôn sứ thời xưa nữa ! Các bạn là những người đang sống bây giờ đây và chẳng phải là vua, là ngôn sứ gì cả, các bạn đã nhận được phần tuyệt hảo rồi.

* **10,25 Ai là người thân cận của tôi ?** Thầy thông luật cứ tưởng Chúa Giê-su sẽ ấn định giới hạn rõ rệt cho các bốn phần của ông. Ông phải cứu giúp những ai đây ? Người thân trong gia đình ? Người cùng chủng tộc ? Kẻ không thèm nói chuyện với ông ?

Ông đọc thế nào ?”²⁷ Ông ấy thưa : *“Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn, hết sức lực, và hết trí khôn người, và yêu mến người thân cận như chính mình.”*²⁸ Đức Giê-su bảo ông ta : *“Ông trả lời đúng lắm. Cứ làm như vậy là sẽ được sống.”*

Dụ ngôn người Sa-ma-ri tốt lành

²⁹ Nhưng ông ấy muốn chứng tỏ là mình có lý,

nên mới thưa cùng Đức Giê-su rằng : *“Nhưng ai là người thân cận của tôi ?”*

³⁰ Đức Giê-su đáp : *“Một người kia từ Giê-ru-sa-lem xuống Giê-ri-khô, dọc đường bị rơi vào tay kẻ cướp. Chúng lột sạch người ấy, đánh như tử, rồi bỏ đi, để mặc người ấy nửa sống nửa chết.”*³¹ Tình cờ, có thầy tư tế cũng đi xuống trên con đường ấy. Trông thấy người này, ông tránh qua bên kia mà đi.³² Rồi cũng thế, một thầy Lê-vi

Chúa Giê-su kết thúc trình thuật của mình bằng một câu hỏi hoàn toàn khác, và đó là một điều có ý nghĩa : *Trong ba người đó, ai đã tỏ ra là người thân cận ?* Chẳng khác gì nói : Đừng tính toán xem ai là người thân cận của anh, nhưng hãy tự coi mình là người ở cận bên, người thân của người anh em đang cần đến anh, hãy nghe theo tiếng gọi anh cảm thấy đang thôi thúc mình. Bao lâu chúng ta còn coi điều răn yêu thương như một ràng buộc thì chúng ta chưa yêu thương như Thiên Chúa muốn.

Cảm thấy xúc động trước cảnh khốn quẫn của tha nhân mà thôi thì chưa đủ để gọi là thương yêu. Chúng ta thấy người Sa-ma-ri ngừng lại ở một khúc đường nguy hiểm ; anh trả tiền và liều gặp phải những nguy cơ khác nữa khi nhận thanh toán tất cả chi phí cần thiết. Anh liều mạng, không so đo, lại vì một người xa lạ nữa chứ. Có lần, ông Martin Luther King [một mục sư người Mỹ da đen, đã bị ám sát vì lập trường bất bạo động của ông] ghi nhận rằng tình thương không giới hạn trong việc trợ giúp những ai đau khổ : *“Ban đầu, chúng ta phải là người Sa-ma-ri tốt lành đối với những người đã gục ngã trên đường. Nhưng một ngày nào đó, chúng ta sẽ phải công nhận rằng “con đường đi Giê-ri-khô” phải được chỉnh đốn lại, để những đàn ông đàn bà đang đi trên đường đời không còn tiếp tục bị đánh đập và cướp bóc nữa.”*

Trong dụ ngôn này, một lần nữa, Chúa Giê-su kêu gọi các viên chức nhà đạo và những ai tự phụ mình tôn trọng Lễ Luật nên cảnh giác, vì thường thì trong thực tế, họ chẳng biết yêu thương. Mà chính một người Sa-ma-ri, kẻ thuộc một dân tộc khó thương và một tôn giáo lai căng, lại là người chăm sóc nạn nhân bị thương tích.

đi tới chỗ ấy, cũng thấy, cũng tránh qua bên kia mà đi.³³ Nhưng một người Sa-ma-ri kia đi đường, tới ngang chỗ người ấy, cũng thấy, và chạnh lòng thương.³⁴ Ông ta lại gần, lấy dầu lấy rượu đổ lên vết thương cho người ấy và băng bó lại, rồi đặt người ấy trên lưng lừa của mình, đưa về quán trọ mà săn sóc.³⁵ Hôm sau, ông lấy ra hai quan tiền, trao cho chủ quán và nói : “Nhờ bác săn sóc cho người này, có tốn kém thêm bao nhiêu, thì khi trở về, chính tôi sẽ hoàn lại bác.”³⁶ Vậy theo ông nghĩ, trong ba người đó, ai đã tỏ ra là người thân cận với người đã bị rơi vào tay kẻ cướp ?”

³⁷ Người thông luật trả lời : “Chính là kẻ đã thực thi lòng thương xót đối với người ấy.” Đức Giê-su bảo ông ta : “Ông hãy đi, và cũng hãy làm như vậy.”

Hai chị em Mác-ta và Ma-ri-a

* ³⁸ Trong khi thầy trò đi đường, Đức Giê-su vào làng kia. Có một người phụ nữ tên là Mác-ta đón Người vào nhà.³⁹ Cô có người em gái tên là Ma-ri-a. Cô này cứ ngồi bên chân Chúa mà nghe lời Người dạy.⁴⁰ Còn cô Mác-ta thì tất bật lo việc phục vụ. Cô tiến lại mà nói : “Thưa Thầy, em con để mình con phục vụ, mà Thầy không để ý tới sao ? Xin Thầy bảo nó giúp con

* **10,38** Trong đời sống gia đình, có nhiều điều xem ra cần thiết : quét dọn, nấu ăn, chăm lo con cái. Nhưng nếu với tất cả ngần ấy chuyện, người ta không còn thì giờ để nghe nhau nữa, thì sống có ích gì chẳng ? Có lẽ chúng ta làm nhiều việc tốt lành cần thiết để phục vụ Thiên Chúa và tha nhân ; dầu vậy, cũng chỉ có một chuyện cần thiết mà thôi cho tất cả mọi người : thái độ sẵn sàng đối với Chúa Giê-su khi Người hiện diện.

Cô Mác-ta không có giờ để ngồi lại với Chúa Giê-su. Chúa Giê-su ban bình an : những ai không bình an trăm nghìn phục vụ Người là không tiếp đón Người. Có những người phục vụ, làm việc mà cứ lảng xãng đứng ngồi không yên, để rồi sau đó, trong nhà mình hay giữa cộng đoàn, họ cảm thấy lòng mình trống rỗng, trong khi lẽ ra họ phải gặp được Chúa trong công việc hằng ngày của mình.

Cả việc cầu nguyện cũng có thể là một cách làm cho người ta bận lên như cô Mác-ta : đọc kinh lấy được, tìm đủ mọi lời để thưa với Chúa cả trăm lần cũng bấy nhiêu lo âu ; hễ phụ trách buổi lễ thì bồn chồn lo lắng sao cho các bài thánh thi được hát thật hay, buổi lễ diễn tiến cho tươm tất.

một tay !”⁴¹ Chúa đáp : chuyện cần thiết mà thôi. “Mác-ta ! Mác-ta ơi ! Chị Ma-ri-a đã chọn phần tốt bản khoăn lo lắng nhiều nhất và sẽ không bị lấy chuyện quá !”⁴² Chỉ có một đi.”

Kinh “Lạy Cha”

11 *¹ Có một lần Đức Giê-su cầu nguyện ở nơi kia. Người cầu nguyện xong, thì có một người trong nhóm môn đệ nói với Người : “Thưa Thầy, xin dạy chúng con cầu nguyện, cũng như ông Gio-an đã dạy môn đệ của ông.”² Người bảo các ông : “Khi cầu nguyện, anh em hãy nói :

“Lạy Cha,
xin làm cho danh thánh Cha vinh hiển,
Triều Đại Cha mau đến,

Cầu nguyện là dành thời giờ để đón nghe, để suy gẫm Lời Chúa trong thinh lặng, để cho lắng xuống những khát vọng của mình nhằm chỉ còn chú ý tới Thiên Chúa đang hiện diện thâm kín, và để chìm sâu vào ý muốn của Người. Thật là kỳ lạ ! Trong một số đạo phi Ki-tô giáo, người ta luyện tập để tìm được bình an, và họ đã đạt tới sự thanh thần đích thực, trong khi chúng ta thì muốn đi vào cầu nguyện nhưng lại đã mang những bận tâm của mình, và chúng ta kết thúc giờ cầu nguyện mà chẳng trút đi được những mối bận tâm ấy.

Cô Ma-ri-a cứ ngồi bên chân Chúa. Đây là thái độ muôn đời của người môn đệ : ngồi bên chân thầy của mình. Cùng với các môn đệ đi theo Chúa, cô Ma-ri-a lắng nghe. Đầu phải lúc nào Chúa Giê-su cũng dạy giáo lý, nhưng vì chính bản thân Người là Lời Thiên Chúa, nên tất cả những gì Người nói hay làm đều có Thiên Chúa hiện diện. Ngồi ở đấy, cô Ma-ri-a cảm thấy dễ chịu, và cô biết rằng sự hiện diện của cô không làm phiền Chúa Giê-su chút nào.

Ma-ri-a đã chọn phần tốt nhất. Cô chỉ làm theo bản năng của mình thôi, nhưng Chúa Giê-su thì thấy xa hơn : Người đầu còn ở đó bao lâu nữa, và dù sao sự hiện diện của Người giữa chúng ta luôn luôn là ngắn ngủi. Cô Ma-ri-a đã khéo tận dụng những giờ phút ngắn ngủi ấy mà Chúa có thể dành cho cô, và cô lấy thì giờ ngồi yên đó với Người, chăm chú nghe.

* 11,1 Các Tông Đồ lúc ấy đã biết cầu nguyện, và họ cầu nguyện chung với nhau như mọi người Do-thái, trong hội đường và vào những thời điểm quan trọng trong ngày. Nhưng nhờ ở gần bên Chúa Giê-su, họ phát hiện một cách sống làm người, một lối sống chung với nhau khác nữa, và họ cảm thấy nhu cầu thưa chuyện với Chúa Cha (x. Mt 6,9).

- ³ xin Cha cho chúng con
ngày nào có lương thực ngày ấy ;
⁴ xin tha tội cho chúng con,
vì chính chúng con cũng tha
cho mọi người mắc lỗi với chúng con,
và xin đừng để chúng con sa chước cám dỗ.”

Người bạn quá rầy

* ⁵ Người còn nói với các ông : “Ai trong anh em có một người bạn, và nửa

đêm đến nhà người bạn ấy mà nói : ‘Bạn ơi, cho tôi vay ba cái bánh, ⁶ vì tôi có anh bạn lỡ đường ghé lại nhà, và tôi không có gì

* 11,5 Chúa Giê-su kêu gọi chúng ta kiên trì cầu xin, không biết mệt bao giờ, chỉ có làm Thiên Chúa mệt thôi. Không phải lúc nào Thiên Chúa cũng sẽ ban điều chúng ta xin, cũng chẳng ban theo cách chúng ta xin, bởi vì chúng ta thường không biết điều gì hợp cho chúng ta. Nhưng Người sẽ ban Chúa Thánh Thần (c.13), là Đấng sẽ cho chúng ta có một cái nhìn sáng suốt hơn để nhận ra ý muốn của Người, cùng với lòng can đảm để thực thi ý muốn đó.

Ai gõ cửa thì sẽ mở cho (c.10). Một trang sách của cha Molinié sẽ giúp bình giải câu này : “Thiên Chúa không mở cửa cho chúng ta ngay, không phải là vì Người thích bắt chúng ta đợi. Chúng ta phải kiên trì cầu nguyện, không phải vì cần có một số kinh phải niệm phải khấn, nhưng là vì việc cầu nguyện cần có một phẩm chất nào đó, một phong cách như thế nào đó. Giả như chúng ta đạt tới đó ngay từ đầu, hẳn chúng ta sẽ được nhậm lời tức khắc.

“Lời cầu nguyện là ‘những tiếng rên siết’ của Chúa Thánh Thần trong chúng ta, như thánh Phao-lô viết (x. Rm 8,26). Nhưng nhắm đi nhắc lại là điều cần thiết để tiếng rên siết ấy mở thông con đường thấu đến trái tim chai đá của chúng ta, như ‘nước chảy đá mòn’ vậy. Nhờ đọc đi đọc lại kinh Lạy Cha hay kinh Kính Mừng, chúng ta có thể hy vọng một ngày kia chúng ta sẽ đọc được các kinh ấy trong tâm tình hoà hợp trọn vẹn với ý muốn của Thiên Chúa. Chính Người chờ đợi tiếng rên siết này, là tiếng duy nhất có thể làm cho Người rung động, vì sự thật chính đó là tiếng lòng của Người.

“Bao lâu chưa đạt tới điểm đó, hay đúng hơn bao lâu chúng ta chưa thốt ra được những lời như thế từ trong ruột của mình, thì Thiên Chúa sẽ chưa chịu thua đâu. Không phải Thiên Chúa giữ thế thủ, vì lòng Người vốn luôn tha thiết, nhưng bao lâu nơi chúng ta không có gì tương hợp với Người, thì luồng giao lưu giữa Người với chúng ta vẫn chưa thông được. Cầu nguyện riết làm con người mệt mỏi ; nhưng nếu kiên trì thay vì nản chí thì lòng kiêu ngạo sẽ dần dần bớt đi, cho tới khi cạn kiệt và chịu thua, con người sẽ nhận được nhiều hơn gấp mấy lần điều mình mong ‘cầu được ước thấy’.”

dọn cho anh ta ăn cả' ;
 7 mà người kia từ trong nhà lại đáp : 'Xin anh đừng quấy rầy tôi : cửa đã đóng rồi, các cháu lại ngủ cùng giường với tôi, tôi không thể dậy lấy bánh cho anh được.' ? 8 Thầy nói cho anh em biết : dẫu người kia không dậy để cho người này vì tình bạn, thì cũng sẽ dậy để cho người này tất cả những gì anh ta cần, vì anh ta cứ lì ra đó.

Cứ xin thì sẽ được

9 "Thế nên Thầy bảo anh em : anh em cứ xin thì sẽ được, cứ tìm thì sẽ thấy, cứ gõ cửa thì sẽ mở cho. 10 Vì hễ ai xin thì nhận được, ai tìm thì thấy, ai gõ cửa thì sẽ mở cho. 11 Ai trong anh em là một người cha, mà khi con xin cá, thì thay vì cá lại lấy rắn mà cho nó ? 12 Hoặc nó xin trứng lại cho nó bò cạp ? 13 Vậy nếu anh em vốn là những kẻ xấu mà còn biết cho con

LỜI VAN NÀI – CÁC THÁNH

Chúa Giê-su mời gọi chúng ta kiên trì cầu nguyện, không phải để được Thiên Chúa nhậm lời, nhưng là để chúng ta đi sâu hơn vào trong những tâm tưởng và ước muốn của Người. Lời van xin sốt sắng không còn ích kỷ nữa mà trở thành lời cầu nguyện, nghĩa là nó nâng tâm hồn chúng ta lên và cho chúng ta được gần với Thiên Chúa hơn.

Chúa Giê-su không nói gì về việc cầu nguyện các thánh. Rất thường khi, những người thực hành điều này chọn một con đường đi ngược lại với việc cầu nguyện đích thực, vì cái mà họ tìm là nhận một ân huệ nhất định nào đó thay vì khám phá lòng thương xót của Thiên Chúa. Đối với những người ấy, chạy đến với ai thì không cần biết, miễn sao kiếm ra một người phân phát ơn lành cho hữu hiệu và như cái máy tự động là được rồi. Chính đó là lúc người ta bắt đầu đi săn đón các thánh, chạy tới các đền thờ và làm đủ thứ việc đạo đức.

Hội Thánh là một gia đình. Giống như chúng ta hay xin bạn hữu cầu nguyện cho mình, thì chúng ta cũng xin như vậy với đàn anh đàn chị của chúng ta là các thánh. Chẳng ai chỉ trích chúng ta được nếu chúng ta tỏ lòng tin tưởng vào lời chuyển cầu của các ngài, nhất là các đấng chúng ta ngưỡng mộ, vì chúng ta được biết cuộc đời và sự nghiệp của các ngài. Nhưng không được lẫn lộn việc nài van các thánh đang nói đây với lời cầu nguyện kiên trì, là lời cầu nguyện đưa chúng ta đi vào mầu nhiệm của Thiên Chúa. Đức Ma-ri-a, Mẹ của Thiên Chúa, là thụ tạo duy nhất có thể đồng hành với chúng ta trong lối cầu nguyện này, vì Thiên Chúa đã ban Người làm mẹ chúng ta, đã đặt nơi Mẹ tất cả lòng thương xót mà Chúa dành cho chúng ta, và Chúa kết hợp với Mẹ mật thiết đến độ khi chúng ta chiêm ngắm Mẹ thì thế nào cũng gặp được Thiên Chúa.

cái mình của tốt của lành, phương chi Cha trên trời lại không ban Thánh Thần cho những kẻ kêu xin Người sao ?”

Đức Giê-su và quỷ vương Bê-en-dê-bun

* 14 Bấy giờ Đức Giê-su trừ một tên quỷ, và nó là quỷ câm. Khi quỷ xuất rồi, thì người câm nói được. Đám đông lấy làm ngạc nhiên. 15 Nhưng trong số đó có mấy người lại bảo : “Ông ấy dựa thế quỷ vương Bê-en-dê-bun mà trừ quỷ.” 16 Kẻ khác lại muốn thử Người, nên đã đòi Người một dấu lạ từ trời. 17 Nhưng Người biết tư tưởng của họ, nên nói : “Nước nào tự chia rẽ thì sẽ điều tàn, nhà nọ đổ xuống nhà kia. 18 Nếu Xa-tan cũng tự chia rẽ chống lại chính mình, thì nước nó tồn tại sao được ?... bởi lẽ các ông nói tôi dựa thế Bê-

en-dê-bun mà trừ quỷ. 19 Nếu tôi dựa thế Bê-en-dê-bun mà trừ quỷ, thì con cái các ông dựa thế ai mà trừ ? Bởi vậy, chính họ sẽ xét xử các ông. 20 Còn nếu tôi dùng ngón tay Thiên Chúa mà trừ quỷ, thì quả là Triều Đại Thiên Chúa đã đến giữa các ông. 21 Khi một người mạnh được vũ trang đầy đủ canh giữ lâu đài của mình, thì của cải người ấy được an toàn. 22 Nhưng nếu có người mạnh thế hơn đột nhập và thắng được người ấy, thì sẽ tước lấy vũ khí mà người ấy vẫn tin tưởng và sẽ đem phân phát những gì đã lấy được.

Không theo Đức Giê-su là chống lại Người

* 23 “Ai không đi với tôi là chống lại tôi, và ai không cùng tôi thu góp là phân tán.

* 11,14 X. phần bình giải Mc 3,20 và Mt 12,22.

Dùng ngón tay Thiên Chúa (c.20). Trong Xh 8,15, thuật ngữ này được dùng để chỉ quyền năng của Thiên Chúa khi Người thực hiện các phép lạ.

* 11,23 *Ai không đi với tôi*. Câu này xem ra mâu thuẫn với Lc 9,50 : *Ai không chống lại chúng ta là ủng hộ chúng ta*. Thật ra, ở Lc 9,50, Chúa Giê-su nhìn nhận rằng, so với nhóm môn đệ đi theo Người rành rành trước mắt, gia đình thiêng liêng của Người đông đảo hơn nhiều : phạm ai hoạt động theo cùng một hướng với Giáo Hội, dù không thuộc về Giáo Hội, cũng phải được kể là bạn hữu.

Quý phản công

* 24 “Khi thần ô uế xuất khỏi một người, thì nó đi rảo qua những nơi khô cháy, tìm chốn nghỉ ngơi. Mà vì tìm không ra, nó nói : ”Ta sẽ trở về nhà ta, nơi ta đã bỏ ra đi.” 25 Khi đến nơi, nó thấy nhà được quét tước, dọn dẹp hẳn hoi. 26 Nó liền đi kéo thêm bảy thần khác dữ hơn nó, và chúng vào ở đó. Rốt cuộc tình trạng của người ấy lại còn tệ hơn trước.”

Thế nào là hạnh phúc thật

* 27 Khi Đức Giê-su đang giảng dạy, thì giữa đám

đông có một người phụ nữ lên tiếng thưa với Người : “Phúc thay người mẹ đã cứu mạng và cho Thầy bú mớm !” 28 Nhưng Người đáp lại : “Đúng hơn phải nói rằng : Phúc thay kẻ lắng nghe và tuân giữ lời Thiên Chúa.”

Dấu lạ ngôn sứ Giô-na

* 29 Khi dân chúng tụ họp đông đảo, Đức Giê-su bắt đầu nói : “Thế hệ này là một thế hệ gian ác ; chúng xin dấu lạ. Nhưng chúng sẽ không được thấy dấu lạ nào, ngoài dấu lạ ông Giô-na. 30 Quả thật,

Ngược lại, ở Lc 11,23, Chúa Giê-su nói về những ai từ chối tỏ lập trường khi nghe sứ điệp của Người, và cho mình là người đứng trung lập : họ không nhập cuộc với Chúa, và sau này sẽ chỉ trích Chúa.

* 11,24 Người Do-thái thời ấy nghĩ rằng các thần ô uế tìm đến những nơi hoang vắng (Tb 8,3), rằng Thiên Chúa đầy chúng phải vào những nơi ấy. Cái “nhà” Chúa Giê-su nói tới đây chỉ dân chúng đang vây quanh Người.

* 11,27 *Phúc thay người mẹ đã cứu mạng Thầy !* Bà này thềm được như mẹ của Chúa Giê-su, bà ta thán phục lời nói năng của Chúa. Nhưng bà sẽ nhầm nếu nghĩ rằng thân nhân của Chúa có thể kiêu hãnh vì Người, và sẽ hoài công nếu chỉ ngưỡng mộ lời Chúa nói thay vì tâm tâm niệm niệm lời đó. Vậy Chúa Giê-su giúp bà nghĩ đến Chúa Cha, vì lời Người giảng là lời của Chúa Cha, cũng như nghĩ tới bản thân bà, vì Chúa Cha mời gọi bà gia nhập gia đình con cái của Người.

Phần Đức Ma-ri-a là mẹ của Chúa Giê-su và là “người đã tin” (Lc 1,45), thì chúng ta biết rằng những lời Chúa nói, Mẹ “hàng ghi nhớ trong lòng” (Lc 2,19).

* 11,29 Dân Ni-ni-vê tội lỗi đã không nhận được dấu hiệu nào khác ngoài ông Giô-na, người đã đến mời gọi họ ăn năn sám hối. Những người đồng thời với Chúa Giê-su thì tưởng mình “tốt lành” vì thuộc về dân Thiên Chúa : họ không nhận ra rằng đã đến lúc họ cũng phải sám hối như vậy.

ông Giô-na đã là một dấu lạ cho dân thành Ni-ni-vê thế nào, thì Con Người cũng sẽ là một dấu lạ cho thế hệ này như vậy. ³¹ Trong cuộc Phán Xét, nữ hoàng Phương Nam sẽ đứng lên cùng với những người của thế hệ này và bà sẽ kết án họ, vì xưa bà đã từ tận cùng trái đất đến nghe lời khôn ngoan của vua Sa-lô-môn ; mà đây thì còn hơn vua Sa-lô-môn nữa. ³² Trong cuộc Phán Xét, dân thành Ni-ni-vê sẽ trở dậy cùng với thế hệ này và sẽ kết án họ, vì xưa dân ấy đã sám hối khi nghe ông Giô-na rao giảng ; mà đây thì còn hơn ông Giô-na nữa.

Hai lời nói về đèn

³³ “Chẳng có ai đốt đèn lên rồi đặt vào chỗ khuất hoặc dưới cái thùng, nhưng đặt trên đế, để những ai đi

vào thì nhìn thấy ánh sáng.

³⁴ “Đèn của thân thể là con mắt của anh. Khi mắt anh sáng, thì toàn thân anh cũng sáng. Nhưng khi mắt anh xấu, thì thân anh cũng tối. ³⁵ Vậy hãy coi chừng kéo ánh sáng nơi anh lại thành bóng tối. ³⁶ Nếu toàn thân anh sáng, không có phần nào tối tăm, thì nó sẽ sáng hoàn toàn, như khi đèn toả sáng chiếu soi anh.”

Đức Giê-su khiển trách các người Pha-ri-sêu và các nhà thông luật

* ³⁷ Đức Giê-su đang nói, thì có một ông Pha-ri-sêu mời Người đến nhà dùng bữa. Tới nơi, Người liền vào bàn ăn. ³⁸ Thấy vậy, ông Pha-ri-sêu lấy làm lạ vì Người không rửa tay trước bữa ăn. ³⁹ Nhưng

Dân thành Ni-ni-vê sẽ kết án (c.32). Chúa Giê-su dùng lại hình ảnh quen thuộc : một cuộc xét xử tập thể, trong đó mỗi người tự bào chữa bằng cách cho thấy kẻ khác còn tệ hơn mình nữa. Nhưng trong hình ảnh này, Chúa Giê-su lưu ý một sự thật sâu xa : tất cả những gì Thiên Chúa ban cho mỗi người chúng ta thì đều phải sinh hoa trái cho toàn thể nhân loại được hưởng.

* 11,37 X. phần bình giải Mt 23.

Kinh Thánh không đòi hỏi phải làm theo các nghi thức thanh tẩy nói tới ở Mc 7,3, nhưng các thầy Do-thái thời Chúa Giê-su thì càng ngày càng nhấn mạnh rằng chúng rất cần thiết. Chúa Giê-su chống lại những ràng buộc mới này trong cách giữ đạo. Tại sao các ông ấy không quan tâm hơn tới việc thanh tẩy nội tâm ?

Chúa nói với ông ấy rằng : “Thật, nhóm Pha-ri-sêu các người, bên ngoài chén đĩa, thì các người rửa sạch, nhưng bên trong các người thì đầy những chuyện cướp bóc, gian tà. ⁴⁰ Đồ ngốc ! Đáng làm ra cái bên ngoài lại đã không làm ra cái bên trong sao ? ⁴¹ Tốt hơn, hãy bố thí những gì ở bên trong, thì bấy giờ mọi sự sẽ trở nên trong sạch cho các người. ⁴² Khốn cho các người, hỡi các người Pha-ri-sêu ! Các người nộp thuế thập phân về bạc hà, vân hương, và đủ thứ rau cỏ, mà sao lãng lẽ công bình và lòng yêu mến Thiên Chúa. Các điều này phải làm, mà các điều kia cũng

không được bỏ. ⁴³ Khốn cho các người, hỡi các người Pha-ri-sêu ! Các người thích ngồi ghế đầu trong hội đường, thích được người ta chào hỏi ở nơi công cộng. ⁴⁴ Khốn cho các người ! Các người như mồ mả không có gì làm dấu, người ta giẫm lên mà không hay.”

⁴⁵ Một người trong số các nhà thông luật lên tiếng nói : “Thưa Thầy, Thầy nói như vậy là nhục mạ cả chúng tôi nữa !” ⁴⁶ Đức Giê-su nói : “Khốn cho cả các người nữa, hỡi các nhà thông luật ! Các người chất trên vai kẻ khác những gánh nặng không thể gánh nổi, còn chính

Chúng ta đọc thấy một loạt những lời khiển trách các ông Pha-ri-sêu mà Chúa Giê-su thốt lên trong nhiều cơ hội khác nhau. Nếu thánh Lu-ca, cũng như thánh Mát-thêu, đã ghi lại những lời rất cứng cỏi này của Chúa Giê-su, có lẽ đây là một cách nhắc nhở rằng Tin Mừng đi xa hơn nhiều so với tầm nhìn của nhóm Pha-ri-sêu, những người vốn rất quan tâm việc phục vụ Thiên Chúa. Họ có mặt trong cộng đoàn Ki-tô giáo sơ khai, và có ảnh hưởng lớn (Cv 15,5). Cũng có thể là vì thái độ thù nghịch của phái Pha-ri-sêu trong những năm tiếp theo đã khiến phải nhắc lại những lời khiển trách ấy. Nhưng chắc chắn có những lý do khác sâu xa hơn.

Thật ra, cộng đoàn tôn giáo nào cũng có lúc đi ngược lại các nguyên tắc của mình : giao ước mới được khắc ghi trong trái tim con người. Giao ước là chuyện riêng từng người, không ai giống ai, và vẫn là một quà tặng nhưng không đối với ai ứng nhận sống theo đó. Trên lý thuyết, có được một kiến thức tốt về giáo lý, được thừa hành một tác vụ, hoặc thuộc về một nhóm không coi nhẹ việc giữ đạo, quả là một hồng ân. Nhưng trên thực tế, tất cả những điều đó lại khiến chúng ta khó giữ thái độ khiêm tốn hơn, và thường ngăn trở chúng ta đi ngồi vào chỗ rớt hết, là đúng chỗ của mình.

các người, thì dù một ngón tay cũng không động vào.

⁴⁷ “Khốn cho các người ! Các người xây lăng cho các ngôn sứ, nhưng cha ông các người đã giết chết các vị ấy ! ⁴⁸ Như vậy, các người vừa chứng thực vừa tán thành việc làm của cha ông các người, vì họ đã giết các vị ấy, còn các người thì xây lăng.

* ⁴⁹ “Vì thế mà Đức Khôn Ngoan của Thiên Chúa đã phán : “Ta sẽ sai Ngôn Sứ và Tông Đồ đến với chúng : chúng sẽ giết người này, lùng bắt người kia. ⁵⁰ Như

vậy, thế hệ này sẽ bị đòi nợ máu tất cả các ngôn sứ đã đổ ra từ tạo thiên lập địa, ⁵¹ từ máu ông A-ben đến máu ông Da-ca-ri-a, người đã bị giết giữa bàn thờ và Thánh Điện. Phải, tôi nói cho các người biết : thế hệ này sẽ bị đòi nợ máu.

⁵² “Khốn cho các người, hỡi những nhà thông luật ! Các người đã cất giấu chìa khoá của sự hiểu biết : các người đã không vào, mà những kẻ muốn vào, các người lại ngăn cản.”

* 11,49 *Ta sẽ sai Ngôn Sứ đến với chúng.* Những soạn giả đi trước thánh Lu-ca đã viết những lời này của Chúa Giê-su (cũng đọc thấy trong Mt 23,34) sau công thức : “Đức Khôn Ngoan của Thiên Chúa phán”, một cách nói chỉ về Chúa Giê-su. Khi chép những lời này vào giữa bài diễn từ của Chúa Giê-su, thánh Lu-ca đã quên xoá công thức đó ; không có nó, bản văn rõ nghĩa hơn.

X. phần bình giải Mt 23,37. Chúa Giê-su khẳng định rằng nhóm Pha-ri-sêu và các thầy dạy luật sẽ là những kẻ đầu tiên chịu trách nhiệm về cuộc bách hại các Ki-tô hữu vào những năm đầu (bách hại các Tông Đồ và các ngôn sứ mà Người sẽ gửi tới). Chúa Giê-su cũng khẳng định rằng hình phạt kẻ bách hại phải chịu sẽ giáng xuống trên thế hệ này, như thế là Người báo trước cuộc suy vong của dân tộc Do-thái vào năm 70.

Lời cảnh cáo của Chúa Giê-su cũng có giá trị cho các cơ cấu Ki-tô giáo và tất cả những ai, bằng cách này hay cách khác, làm người lãnh đạo cộng đoàn. Có lẽ cả chúng ta nữa, chúng ta xây dựng một Giáo Hội gồm những người ưu tú, một Giáo Hội vô tình coi khinh những kẻ nghèo hèn, bé mọn. Và thế là chẳng bao lâu, các ngôn sứ sẽ bị tê liệt hoặc loại trừ.

Các người đã không vào, mà những kẻ muốn vào, các người lại ngăn cản (c.52). Chẳng phải đây là một trong những lý do làm cho bao nhiêu người đơn sơ chất phác đã đến với các giáo hội khác, hoặc quay về phía các giáo phái hay sao ?

⁵³ Khi Đức Giê-su ra khỏi đó, các kinh sư và các người Pha-ri-sêu bắt đầu cảm giận Người ra mặt, và vặn hỏi Người về nhiều chuyện, ⁵⁴ gài bẫy để xem có bắt được Người nói điều gì sai chằng.

Hãy nói công khai và đừng sợ

12 * ¹ Trong lúc ấy, đám đông tụ họp hàng vạn người, đến nỗi giẫm lên nhau. Bấy giờ Đức Giê-su bắt đầu nói, trước hết là với các môn đệ : “Anh em phải coi chừng men Pha-ri-sêu, tức là thói đạo đức giả. ² Không có gì che giấu mà sẽ không bị lộ ra, không có gì bí mật mà người ta sẽ không biết. ³ Vì thế, tất cả những gì anh em nói lúc đêm hôm, sẽ được nghe giữa ban ngày ; và điều anh em rỉ tai trong buồng kín, sẽ được công bố trên mái nhà.

⁴ “Thầy nói cho anh em là bạn hữu của Thầy được

biết : Anh em đừng sợ những kẻ giết thân xác, mà sau đó không làm gì hơn được nữa. ⁵ Thầy sẽ chỉ cho anh em biết phải sợ ai : hãy sợ Đấng đã giết rồi, lại có quyền ném vào hoả ngục. Thật vậy, Thầy nói cho anh em biết : anh em hãy sợ Đấng ấy. ⁶ Năm con chim sẻ chỉ bán được hai hào, phải không ? Thế mà không một con nào bị bỏ quên trước mặt Thiên Chúa. ⁷ Ngay đến tóc trên đầu anh em cũng được đếm cả rồi. Anh em đừng sợ, anh em còn quý giá hơn muôn vàn chim sẻ.

⁸ “Thầy nói cho anh em biết : phàm ai tuyên bố nhận Thầy trước mặt thiên hạ, thì Con Người cũng sẽ tuyên bố nhận người ấy trước mặt các thiên thần của Thiên Chúa. ⁹ Còn ai chối Thầy trước mặt thiên hạ, thì sẽ bị chối trước mặt các thiên thần của Thiên Chúa.

* **12,1** Không có gì che giấu mà sẽ không bị lộ ra : Có thể người ta có nhiều cách khác nhau để giải thích những lời này của Chúa Giê-su. Các đoạn này nói về lòng dũng cảm làm chứng cho đức tin. Ở đây, bản văn gán thói đạo đức giả cho những ai không dám bênh vực chân lý hoặc công lý vì sợ lụy đến thân : mối bận tâm chính của họ là không mất một người bạn nào.

Anh em đừng sợ : x. phần bình giải Mt 10,28.

Bất cứ ai nói phạm đến Con Người (c.10) : x. phần bình giải Mc 3,29.

¹⁰ “Bất cứ ai nói phạm đến Con Người, thì còn được tha ; nhưng ai nói phạm đến Thánh Thần, thì sẽ chẳng được tha.

¹¹ “Khi người ta đưa anh em ra trước hội đường, trước mặt những người lãnh đạo và những người cầm quyền, thì anh em đừng lo phải bào chữa làm sao, hoặc phải nói gì, ¹² vì ngay trong giờ đó, Thánh Thần sẽ dạy cho anh em biết những điều phải nói.”

Đừng thu tích của cải cho mình

* ¹³ Có người trong đám đông nói với Đức Giê-su

rằng : “Thưa Thầy, xin Thầy bảo anh tôi chia phần gia tài cho tôi.”

¹⁴ Người đáp : “Này anh, ai đã đặt tôi làm người xử kiện hay người chia gia tài cho các anh ?” ¹⁵ Và Người nói với họ : “Anh em phải coi chừng, phải giữ mình khỏi mọi thứ tham lam, không phải vì dư giả mà mạng sống con người được bảo đảm nhờ của cải đâu.”

¹⁶ Sau đó Người nói với họ dụ ngôn này : “Có một nhà phú hộ kia, ruộng nương sinh nhiều hoa lợi,

¹⁷ mới nghĩ bụng rằng : ‘Mình phải làm gì đây ? Vì còn chỗ đâu mà tích

THAM LAM, NĂNG SUẤT

* ^{12,13} Ai đã đặt tôi làm người xử kiện cho các anh ? Chúa Giê-su không giải quyết những tranh chấp pháp lý như các thầy thông luật, vì quả nhiên Luật Do-thái quyết định về những vụ dân sự cũng như những vấn đề tôn giáo. Như vậy Chúa có thể để dành uy tín của mình vào điều cốt yếu, là vạch trần tính tham lam trong lòng chúng ta : việc này quan trọng hơn là lo xem xét quyền lợi của mỗi người.

Phải giữ mình khỏi mọi thứ tham lam (c.15). Vấn đề không phải là dành chịu cảnh sống xuềnh xoàng hoặc cùng khốn, nhét mười người vào ngũ chung một phòng. Chúng ta biết rằng như thế thì con người không thể phát triển nổi, không thể ý thức về phẩm giá và ơn gọi làm con Thiên Chúa của mình. Chúa Giê-su không chỉ trích nỗ lực của chúng ta tạo nên một xã hội công bình hơn, vì tất cả Sách Thánh đòi hỏi chúng ta làm điều đó.

Mưu cầu công lý là một chuyện, vì không có công lý thì không có hoà bình cũng không có hiệp thông, nhưng cứ lăm le nhìn và ham muốn của người lại là chuyện khác. Hôm nay ta nói thao thao về công lý, nhưng ngày mai ta chỉ còn biết lo thu vào cho nhiều hơn nữa thôi. Lòng tham không đáy sẽ không để ta yên, và ngay bây giờ đây, nó đóng cửa không cho chúng ta vào Nước Thiên Chúa (Mc 10,23 ; 1 Tm 6,9).

trữ hoa mầu !' ¹⁸ Rồi ông ta tự bảo : 'Mình sẽ làm thế này : phá những cái kho kia đi, xây những cái lớn hơn, rồi tích trữ tất cả thóc lúa và của cải mình vào đó. ¹⁹ Lúc ấy ta sẽ nhủ lòng : hồn ta hồi, mình bây giờ ê hề của cải, dư xài nhiều năm. Thôi, cứ nghỉ ngơi, cứ ăn uống vui chơi cho đã !' ²⁰ Nhưng Thiên Chúa bảo ông ta : 'Đồ ngốc ! Nội đêm nay, người ta sẽ đòi lại mạng người, thì những gì người sắm sẵn đó sẽ về tay ai ?' ²¹ Ấy kẻ nào thu tích của

cải cho mình, mà không lo làm giàu trước mặt Thiên Chúa, thì số phận cũng như thế đó."

Tin tưởng vào Thiên Chúa quan phòng

²² Đức Giê-su nói với các môn đệ rằng : "Vì vậy, Thầy bảo cho anh em biết : đừng lo cho mạng sống : lấy gì mà ăn ; cũng đừng lo cho thân thể : lấy gì mà mặc ; ²³ vì mạng sống thì hơn của ăn, và thân thể thì hơn áo mặc. ²⁴ Hãy nhìn những con quạ mà suy : chúng không gieo,

Không phải vì dư giả mà mạng sống con người được bảo đảm (c.15). Bạn còn lo lắng vì thiếu thốn, nhưng đừng để mối bận tâm đó làm bạn quên đi những gì, ngay hôm nay đây, làm cho bạn được sống. Về điểm này, có lẽ chúng ta phải nhường lời cho vô số những anh chị em, tuy phải ngụp lặn trong cảnh nghèo khó, lại biết cách sống ở đời, theo nghĩa mạnh nhất của chữ "sống". Chúng ta có phải thương hại họ chăng, hay phải kể họ vào số những người đã được hưởng Nước Thiên Chúa rồi ? Một trong những cản trở lớn nhất cho việc giải phóng các nước nghèo là lòng tham của chính họ. Ngày nào họ chấp nhận hy sinh mất mát để tỏ rõ lập trường của mình về mặt kinh tế (ví dụ không nhập, không buôn, không tiêu thụ một số sản phẩm nước ngoài), ngày ấy họ sẽ mạnh hơn các tập đoàn, các ma-phi-a nhiều, và họ sẽ bắt đầu sống với tư cách là dân tộc.

Mình phải làm gì đây ? (c.17). Nhà phú hộ trong dụ ngôn dự tính xây những kho lẫm lớn hơn nữa, làm lợi chỉ cho riêng mình thôi, và Chúa Giê-su lên án ông ta. Chúng ta cũng vậy, phải tự hỏi xem mình phải thay đổi điều gì trong cách cư xử của mình, để góp phần vạch ra một đường lối kinh tế có khả năng phân phối một cách tốt đẹp hơn các tài nguyên trên thế giới.

Những ai lo làm giàu trước mặt Thiên Chúa thì tìm được hạnh phúc trong giây phút hiện tại. Dù ở đâu, họ cũng tìm làm quen, kết bạn với người xung quanh, và những mối tương giao này giúp họ được niềm vui "có qua có lại mới toại lòng nhau", thay vì ước mong và có được mọi sự một cách ích kỷ.

không gặt, cũng không có kho có lẫm, thế mà Thiên Chúa vẫn nuôi chúng. Anh em còn quý giá hơn loài chim biết bao !²⁵ Hỡi có ai trong anh em, nhờ lo lắng, mà kéo dài đời mình thêm được một gang tay ?²⁶ Vậy, việc nhỏ nhất mà anh em còn làm không được, thì anh em lo lắng về những việc khác làm gì ?²⁷ Hãy nhìn hoa huệ mà suy : chúng không kéo sợi, không dệt vải, thế mà, Thầy bảo cho anh em biết : ngay cả vua Sa-lô-môn, dù vinh hoa tột bậc, cũng không mặc đẹp bằng một bông hoa ấy.²⁸ Vậy nếu hoa cỏ ngoài đồng, nay còn, mai đã quẳng vào lò, mà Thiên Chúa còn mặc đẹp cho như thế, thì huống hồ là anh em, ôi

những kẻ kém tin !²⁹ Phần anh em, đừng tìm xem mình sẽ ăn gì, uống gì, và đừng bận tâm.³⁰ Vì tất cả những thứ đó, dân ngoại trên thế gian vẫn tìm kiếm ; nhưng Cha của anh em thừa biết anh em cần những thứ đó.³¹ Vậy hãy lo tìm Nước của Người, còn các thứ kia, Người sẽ thêm cho.

* ³² “Hỡi đoàn chiên nhỏ bé, đừng sợ, vì Cha anh em đã vui lòng ban Nước của Người cho anh em.

Bán của cải đi mà bố thí

³³ “Hãy bán tài sản của mình đi mà bố thí. Hãy sắm lấy những túi tiền không hề cũ rách, một kho tàng không thể hao hụt ở trên trời, nơi kẻ trộm

GIÁO HỘI THANH BẦN

* **12,32** *Hỡi đoàn chiên nhỏ bé, đừng sợ* (c.32). Chẳng nơi nào trong Tin Mừng, Chúa Giê-su cho chúng ta nghĩ rằng với thời gian, phần đông người ta sẽ trở lại. Chúng ta biết thế giới phi Ki-tô giáo đông hơn thế giới Ki-tô giáo nhiều và cũng tăng số nhanh hơn. Khi trong giới “Ki-tô giáo” nhiều người không giữ đạo nữa, thì chúng ta hiểu rõ hơn rằng Giáo Hội vừa là một dấu chỉ vừa là một đoàn chiên nhỏ bé.

Chúa Giê-su yêu cầu mỗi cá nhân đừng gắn bó với của cải đời này, và Người cũng yêu cầu điều đó với đoàn chiên xét về mặt tập thể. Điều quan trọng cho Giáo Hội không phải là gây dựng những tổ chức có thể lực, cũng chẳng phải là chiếm những địa vị then chốt trong xã hội “để làm vinh danh Thiên Chúa nhất”. Một Giáo Hội đang đợi chủ mình trở về thì việc đầu tiên phải quan tâm là sẵn sàng cuốn gói lên đường – một thái độ áp dụng cho bất cứ lãnh vực nào –, khi lại được Chúa sai đi, được yêu cầu trở lại làm Giáo Hội thừa sai.

không bén mảng, mỗi một không đục phá. ³⁴ Vì kho tàng của anh em ở đâu, thì lòng anh em ở đó.

Phải sẵn sàng chờ Chủ trở về

* ³⁵ “Anh em hãy thắt lưng cho gọn, thắp đèn cho sẵn. ³⁶ Hãy làm như những người đợi chủ đi ăn cưới

về, để khi chủ vừa về tới và gõ cửa, là mở ngay.

³⁷ Khi chủ về mà thấy những đầy tớ ấy đang tỉnh thức, thì thật là phúc cho họ. Thầy bảo thật anh em : chủ sẽ thất lưng, đưa họ vào bàn ăn, và đến bên từng người mà phục vụ.

³⁸ Nếu canh hai hoặc canh ba ông chủ mới về, mà còn

Cha anh em đã vui lòng ban Nước của Người cho anh em. So sánh chỗ này với Lc 10,21 và Mt 16,17. Hội Thánh là đoàn chiên nhỏ bé biết theo đuổi điều chính yếu.

Hãy bán tài sản của mình đi. Dân chúng có xác tín rằng Giáo Hội làm chuyện này không ? Người Ki-tô hữu vui mừng khi giám mục hay mục tử của họ lên án bất công và nhắc nhớ quyền lợi của giới công nhân, của lớp người sống bên lề xã hội ; tuy nhiên, giảng dạy người khác thôi thì chưa đủ. Thiên Chúa đòi hỏi mọi người thực thi công lý và đòi hỏi Giáo Hội thực thi đức thanh bản. Bao lâu chính bản thân Giáo Hội không đón nhận toàn bộ giáo huấn của Tin Mừng thì chẳng ai chịu nghe lời kêu gọi thực thi công lý của chúng ta đâu.

* **12,35** Chúa Giê-su triển khai dụ ngôn người đầy tớ đợi chủ trở về. Người đầy tớ này đối lập với người phú hộ ở đoạn trên là con người chỉ biết lo sống lâu sống khoẻ mà thôi. Người đầy tớ này *làm giàu trước mặt Thiên Chúa.*

Phúc cho những đầy tớ nào chủ về mà thấy đang tỉnh thức (x. c.37). Tỉnh thức là đợi chờ thế giới mới mà Thiên Chúa đang tạo thành cùng với chúng ta. Tỉnh thức cũng có nghĩa là cảnh giác và sáng suốt : chúng ta không chấp nhận gọi cái tốt là xấu, và cái xấu là tốt ; chúng ta tự nhận mình là thất tín thất trung khi ưng thuận cái xấu hoặc làm thinh không lên tiếng.

Con Người sẽ đến như kẻ trộm (cc. 39-40). Nếu chúng ta sống trong ân sủng của Thiên Chúa thì tại sao chỉ nghĩ tới ngày chết, hoặc sợ bị Người phán xét ? Chúa Giê-su thì nói khi đi ăn cưới về, ông chủ sung sướng đến nổi đảo ngược vai trò chủ tớ để đi phục vụ đầy tớ của mình. Chúng ta phụng sự Thiên Chúa có thể đã nhiều năm rồi, lẽ nào đời sống thiêng liêng của chúng ta không đạt tới một giai đoạn, trong đó Thiên Chúa vui thích tiếp đãi chúng ta trọng hậu và làm cho chúng ta được phỉ nguyện ?

Bấy giờ ông Phê-rô hỏi (c.41). Đoạn này dành cho những người có trách nhiệm trong Giáo Hội.

thấy họ tỉnh thức như vậy, thì thật là phúc cho họ.³⁹ Anh em hãy biết điều này : nếu chủ nhà biết giờ nào kẻ trộm đến, hẳn ông đã không để nó khoét vách nhà mình đâu.⁴⁰ Anh em cũng vậy, hãy sẵn sàng, vì chính giờ phút anh em không ngờ, thì Con Người sẽ đến.”

⁴¹ Bấy giờ ông Phê-rô hỏi : “Lạy Chúa, Chúa nói dụ ngôn này cho chúng con hay cho tất cả mọi người ?”

⁴² Chúa đáp : “Vậy thì ai là người quản gia trung tín, khôn ngoan, mà ông chủ sẽ đặt lên coi sóc kẻ ăn người ở, để cấp phát phần thóc gạo đúng giờ đúng lúc ?

⁴³ Khi chủ về mà thấy đầy tớ ấy đang làm như vậy, thì thật là phúc cho anh ta.⁴⁴ Thầy bảo thật anh

em, ông sẽ đặt anh ta lên coi sóc tất cả tài sản của mình.⁴⁵ Nhưng nếu người đầy tớ ấy nghĩ bụng : ‘Chủ ta còn lâu mới về’, và bắt đầu đánh đập tôi trai tớ gái và chè chén say sưa,⁴⁶ chủ của tên đầy tớ ấy sẽ đến vào ngày hẳn không ngờ, vào giờ hẳn không biết, và ông sẽ loại hẳn ra, bắt phải chung số phận với những tên thất tín.

⁴⁷ “Đầy tớ nào đã biết ý chủ mà không chuẩn bị sẵn sàng, hoặc không làm theo ý chủ, thì sẽ bị đòn nhiều.⁴⁸ Còn kẻ không biết ý chủ mà làm những chuyện đáng phạt, thì sẽ bị đòn ít. Hễ ai đã được cho nhiều thì sẽ bị đòi nhiều, và ai được giao phó nhiều thì sẽ bị đòi hỏi nhiều hơn.

Chủ ta còn lâu mới về (c.45). Những người có trách nhiệm có thể phản bội sứ mạng của mình. Thường thì họ sai phạm ở chỗ chỉ lo sao cho guồng máy chạy được tốt thôi, mà quên đi ngày (hay những lần) Chúa Ki-tô trở lại.

Thiên Chúa vẫn đến, đến từng giây từng phút qua những biến cố xáo trộn các dự tính của chúng ta. Vậy Giáo Hội không nên quá tin tưởng vào các quy hoạch hoạt động của mình : đó ai biết được Thiên Chúa dành cho ta một ngày mai như thế nào ? Chi bằng Giáo Hội tự vấn xem thái độ cầu nguyện và sẵn lòng của mình đã đến đâu rồi, có thể Chúa mới ban cho Giáo Hội được sẵn sàng khi Người đến lay chuyển vũ trụ của chúng ta.

Hãy tỉnh thức : để mà chiêm ngắm, trân trọng và khám phá sự hiện diện của Thiên Chúa và những ơn lành Người ban, làm cho đời chúng ta tươi sáng.

Thái độ của Đức Giê-su trước cuộc Thương Khó

* 49 “Thầy đã đến ném lửa vào mặt đất, và Thầy những ước mong phải chi lửa ấy đã bùng lên ! 50 Thầy còn một phép rửa phải chịu, và lòng Thầy khắc

khoải biết bao cho đến khi việc này hoàn tất !

Thầy đến để gây chia rẽ

51 “Anh em tưởng rằng Thầy đến để ban hoà bình cho trái đất sao ? Thầy bảo cho anh em biết : không phải thế đâu, nhưng

MỘT TIN MỪNG NẢY LỬA

* 12,49 *Thầy đã đến ném lửa vào mặt đất.* Lửa có tiêu biểu một cái gì đó chính xác như là tình yêu, Tin Mừng hay ân huệ Thánh Thần không ? Chỉ cần dừng lại ở hình ảnh ngọn lửa tôi luyện, thiêu huỷ những gì cũ kỹ, ngọn lửa sưởi ấm và hỗ trợ sự sống ; ngọn lửa vừa là Thần Khí vừa là phán xét của Thiên Chúa tiêu diệt hết những gì không chịu nổi tác động cải hoá của Người.

Chúa Giê-su đến để tái tạo trần gian và cạo giũa cho sạch lớp bẩn những viên đá quý sẽ tồn tại muôn đời. Vậy thì thời đại Ki-tô giáo sẽ bị hùng chẳng kém gì những thời đại đã qua : xem sách Khải huyền.

Thầy còn một phép rửa phải chịu. Chúa Giê-su vừa là thủ lĩnh vừa là vị đầu đàn những kẻ phải đối mặt với sự chết như cửa ải tất yếu dẫn đến phục sinh. Bước gian truân này, Chúa Giê-su cảm thấy nó “hài hùng” biết bao, và chúng ta cũng cảm thấy như vậy : đó là phép rửa trong lửa (x. Lc 3,16), qua đó chúng ta bước vào cuộc sống vinh quang và vĩnh cửu. Và đây là phép rửa đích thực, mà các phép rửa trong nước và trong Thần Khí chỉ là những giai đoạn chuẩn bị thôi (Rm 6,3-5).

Thầy đến để đem sự chia rẽ (c.51). Những lời nói tiếp theo của Chúa Giê-su có thể gây hoang mang cho những ai tìm đến Người để được hai chữ bình yên. Chúa Giê-su gây chia rẽ giữa các quốc gia, các gia đình và các nhóm xã hội (x. phần bình giải Mt 10,34).

Người ta thường muốn biến tôn giáo thành một thứ keo sơn thống nhất quốc gia hoặc xây dựng gia đình hoà thuận. Đức tin là nhân tố hoà bình và cảm thông, đúng vậy ; nhưng nó cũng tách biệt ra : một bên là những ai sống trong chân lý, một bên là những anh em hay bạn hữu của họ, khi những người này không thể cùng chia sẻ tất cả những gì hiện giờ là quan trọng đối với họ. Sự tách biệt này gây tổn thương và tai tiếng, là duyên cớ cho biết bao cuộc bách hại.

Tin Mừng không đưa thế giới này đến một địa đường trần gian, nhưng làm cho nó chín muồi. Cái chết của Chúa Giê-su đưa ra ánh sáng những gì trước kia con người còn giấu kín trong lòng (Lc 2,35) ; nó cũng lột trần sự giả dối và bạo lực sẵn có trong xã hội các nước, như trường hợp xã hội Do-thái thời Chúa Giê-su.

là đem sự chia rẽ. ⁵² Vì từ nay, năm người trong cùng một nhà sẽ chia rẽ nhau, ba chống lại hai, hai chống lại ba. ⁵³ Họ sẽ chia rẽ nhau : cha chống lại con trai, con trai chống lại cha ; mẹ chống lại con gái, con gái chống lại mẹ ; mẹ chồng chống lại nàng dâu, nàng dâu chống lại mẹ chồng.”

Nhận xét thời đại

* ⁵⁴ Đức Giê-su cũng nói với đám đông rằng : “Khi các người thấy mây kéo lên ở phía tây, các người nói ngay : ‘Mưa đến nơi rồi’, và xảy ra đúng như vậy. ⁵⁵ Khi thấy gió nồm thổi, các người nói : ‘Trời sẽ oi bức’, và xảy ra đúng như vậy. ⁵⁶ Những kẻ đạo

đức giả kia, cảnh sắc đất trời, thì các người biết nhận xét, còn thời đại này, sao các người lại không biết nhận xét ?

⁵⁷ “Sao các người không tự mình xét xem cái gì là phải ? ⁵⁸ Thật vậy, khi anh đi cùng đối phương ra toà, thì dọc đường hãy cố gắng giải quyết với người ấy cho xong, kéo người ấy lôi anh đến quan toà, quan toà lại nộp anh cho thừa phát lại, và thừa phát lại tống anh vào ngục. ⁵⁹ Tôi bảo cho anh biết : anh sẽ không ra khỏi đó trước khi trả hết đồng kềm cuối cùng.”

Nếu không sám hối, thì sẽ chết hết

13 * ¹ Cùng lúc ấy, có mấy người đến kể lại

* **12,54** *Khi các người thấy mây kéo lên.* Những dấu hiệu biểu lộ ra chung quanh Chúa Giê-su đủ để làm cho người ta hiểu rằng đã đến thời họ được kêu gọi hoán cải, thời mà các ngôn sứ đã báo trước. Ít-ra-en nên nhìn nhận Đấng Cứu Độ của mình : ngày mai sẽ quá muộn (cc. 57-59).

Khi anh đi cùng đối phương ra toà (c.58). Thánh Mát-thêu áp dụng câu này của Chúa Giê-su vào việc hoà giải huynh đệ. Ở đây thì thánh Lu-ca áp dụng vào việc hoán cải của chúng ta. Cuộc hành trình của chúng ta đi tới ngày phán xét của Thiên Chúa được ví với lệnh đòi ra hầu toà ; chúng ta phải tận dụng thời gian còn lại để dàn xếp cho ổn thoả. Đừng bỏ lỡ thời cơ này, khi chúng ta còn có thể thoát khỏi phán quyết nhờ lòng tin vào Chúa Ki-tô.

* **13,1** *Cùng lúc ấy, có mấy người đến kể lại cho Đức Giê-su nghe.* Đây nói về một cuộc nổi dậy của nhóm người Ga-li-lê xảy ra trong Đền Thờ và sự can thiệp tức khắc của quân đội Rô-ma đóng trong đồn lũy gần đó. Bọn lính đã xâm phạm những nơi thánh dành riêng cho người Do-thái và đã gây đổ máu trong Thánh Điện.

cho Đức Giê-su nghe chuyện những người Ga-li-lê bị tổng trấn Phi-la-tô giết, khiến máu đổ ra hoà lẫn với máu tế vật họ đang dâng. ² Đức Giê-su đáp lại rằng : “Các ông tưởng mấy người Ga-li-lê này phải chịu số phận đó vì họ tội lỗi hơn mọi người Ga-li-lê khác sao ? ³ Tôi nói cho các ông biết : không phải thế đâu ; nhưng nếu các ông không sám hối, thì các ông cũng sẽ chết hết như vậy.”

⁴ Cũng như mười tám người kia bị thập Si-lô-ác đổ xuống đè chết, các ông tưởng họ là những người mắc tội nặng hơn tất cả mọi người ở thành Giê-ru-sa-lem sao ? ⁵ Tôi nói cho các ông biết : không phải thế đâu ; nhưng nếu các ông không chịu sám hối, thì các ông cũng sẽ chết hết y như vậy.”

Dụ ngôn cây vả không ra trái

⁶ Rồi Đức Giê-su kể dụ ngôn này : “Người kia có

Những người kể lại sự cố này chờ đợi Chúa Giê-su tỏ tình liên đới với các đồng bào và đồng đạo của mình sau vụ tàn sát và phạm thượng đó. Nhưng Chúa Giê-su lờ đi, không nghĩ tới những chuyện như vậy. Người để mặc cho họ bùng bùng khí thế bênh vực những chính nghĩa thật ra của loài người hơn là của Thiên Chúa, và Người lưu ý họ rằng những người Ga-li-lê ấy chẳng tốt hơn cũng chẳng xấu hơn bọn lính Rô-ma, hoặc hơn các người Do-thái đang vây quanh Người lúc ấy. Lúc này đây, Thiên Chúa kêu gọi tất cả mọi người hoán cải, vì đó là chuyện sống còn của họ. Vì dưới thời kỳ Rô-ma chiếm đóng, bầu khí bạo động dâng cao đến độ chỉ có lối thoát duy nhất là lòng tin : tin mới có thể tha thứ.

HÌNH PHẠT CỦA THIÊN CHÚA

Trong đoạn này, Chúa Giê-su muốn chỉnh lại ý niệm của chúng ta về những hình phạt của Thiên Chúa. Không thể tin vào Thiên Chúa mà không tin có công lý. Theo tín ngưỡng của người Hy-lạp, các thần có tính thất thường, lươn lẹo, và Công lý là một sức mạnh thần thiêng thuộc cấp cao hơn các thần. Nhưng ai cũng cho mình là trung tâm vũ trụ và mình bao giờ cũng tốt hơn người khác. Nếu bất hạnh giáng xuống người khác thì ta nghĩ rằng thế là phải, nhưng nếu nó giáng xuống bản thân mình thì ta lại hỏi : “Tôi đã làm gì động đến Thiên Chúa mà phải chịu như vậy ?”

Tin Mừng sẽ làm rõ nét nhiều góc cạnh của vấn đề. Thứ nhất, chúng ta hãy gắng vượt khỏi óc thiên vị dòng tộc hoặc phe đảng (x. 6,32) : điều ác do kẻ thù của ta gây ra không tệ hơn điều ác do ta gây ra đâu.

một cây vả trồng trong vườn nho mình. Bác ta ra cây tìm trái mà không thấy, ⁷ nên bảo người làm vườn : ‘Anh coi, đã ba năm nay tôi ra cây vả này tìm trái, mà không thấy. Vậy anh chặt nó đi, để làm gì cho hại đất ?’ ⁸ Nhưng người làm vườn đáp : ‘Thưa ông, xin cứ để nó lại năm nay nữa. Tôi sẽ vun xới chung quanh, và bón phân cho nó.’ ⁹ May ra sang năm nó có trái,

nếu không thì ông sẽ chặt nó đi.”

Đức Giê-su chữa một phụ nữ còng lưng ngày sa-bát

* ¹⁰ Ngày sa-bát kia, Đức Giê-su giảng dạy trong một hội đường. ¹¹ Ở đó, có một phụ nữ bị quỷ làm cho tàn tật đã mười tám năm. Lưng bà còng hẳn xuống và bà không thể nào đứng thẳng lên được. ¹² Trông thấy bà, Đức Giê-su gọi lại và bảo : “Này bà,

Kế đến, công lý của Thiên Chúa vượt quá công lý của chúng ta rất xa, và chỉ thể hiện thật sự ở thế giới bên kia (trường hợp ông La-da-rô : 16,19).

Những bất hạnh mà trên đời này chúng ta coi là “hình phạt của Thiên Chúa” chỉ là những dấu hiệu, những biện pháp giáo dục Thiên Chúa dùng để làm cho chúng ta ý thức về tội lỗi : vì Thiên Chúa đầy tình yêu, nên từ cái xấu Người rút ra cái tốt cho những ai tin tưởng vào Người. Và nhiều khi Người làm cho một tội nhân hồi tâm trở về bằng cách ban một ơn mà người ấy không hề mơ ước (xem trường hợp ông Da-kêu : 19,1).

Tại sao Cựu Ước nói nhiều đến hình phạt của Thiên Chúa như thế ? Là vì Sách Thánh ngỡ lời với một dân còn quá dốt nát. Họ có đức tin nhưng không biết gì về đời sau, nên phải cho họ thấy những hình phạt của Thiên Chúa ở đời này, để họ tin rằng Thiên Chúa là Đấng công bằng. Thật ra, Thiên Chúa hiện nay vẫn tiếp tục ban những dấu hiệu như vậy, cho những cá nhân cũng như tập thể. Biết nhận ra những dấu hiệu đó thì tốt, tuy cũng biết rằng đây không phải là lời cuối cùng đức công bằng của Thiên Chúa nói lên.

* **13,10** Người Do-thái xưa dùng từ “tháo cởi” để nói rằng một tội, một vạ đã được tha. Nhưng tháo cởi cũng là giải thoát một con vật khỏi cái ách nó mang. Chúa Giê-su là Đấng giải thoát loài người và Người mời gọi chúng ta theo gương Người.

Chúng ta đừng ngạc nhiên thấy ông trưởng hội đường *tức tối*. Có thể trước đó ông chưa hề đoái hoài đến người chị em đau ốm này, nên giờ đây nghĩa cử của Chúa Giê-su làm ông cảm thấy bị chạm tự ái thì cũng phải thôi. Và có lẽ chúng ta cũng như ông vậy. Nhưng Chúa Giê-su thì chẳng hề nghĩ phải xin phép cấp trên để cứu mạng người.

bà đã được giải thoát khỏi tật nguyên !”¹³ Rồi Người đặt tay trên bà, tức khắc bà đứng thẳng lên được và tôn vinh Thiên Chúa.

¹⁴ Ông trưởng hội đường tức tối vì Đức Giê-su đã chữa bệnh vào ngày sa-bát. Ông lên tiếng nói với đám đông rằng : “Đã có sáu ngày để làm việc, thì đến mà xin chữa bệnh những ngày đó, đừng có đến vào ngày sa-bát !”

¹⁵ Chúa đáp : “Những kẻ đạo đức giả kia ! Thế ngày sa-bát, ai trong các người lại không cởi dây, dắt bò lừa rời máng cỏ đi uống nước ? ¹⁶ Còn bà này, là con cháu ông Áp-ra-ham, bị Xa-tan trói buộc đã mười tám năm nay, thì chẳng lẽ lại không được cởi xiềng xích đó trong ngày sa-bát sao ?” ¹⁷ Nghe Người nói thế, tất cả những kẻ chống đối Người lấy làm xấu hổ, còn toàn thể đám đông thì vui mừng vì mọi việc hiển hách Người đã thực hiện.

Dụ ngôn hạt cải

* ¹⁸ Vậy Người nói : “Nước Thiên Chúa giống cái gì đây ? Tôi phải ví Nước ấy với cái gì ? ¹⁹ Nước Thiên Chúa giống như chuyện một hạt cải người nọ lấy gieo trong vườn mình. Nó lớn lên và trở thành cây, chim trời làm tổ trên cành được.”

Dụ ngôn nắm men trong bột

²⁰ Người lại nói : “Tôi phải ví Nước Thiên Chúa với cái gì ? ²¹ Nước Thiên Chúa giống như chuyện nắm men bà kia lấy vùi vào ba thúng bột, cho đến khi tất cả bột dậy men.”

Cửa hẹp. Thiên Chúa ruồng bỏ người Do-thái bất trung và kêu mời dân ngoại.

* ²² Trên đường lên Giê-ru-sa-lem, Đức Giê-su đi ngang qua các thành thị và làng mạc mà giảng dạy. ²³ Có kẻ hỏi Người : “Thưa Ngài, những người được

* 13,18 X. phần bình giải Mt 13,31.

Khi kết thúc sứ vụ ở Ga-li-lê, Chúa Giê-su kêu mời dân chúng vững tâm hy vọng : kết quả có lẽ khiêm tốn, nhưng một chút gì đó đã được gieo, và Nước Thiên Chúa bắt đầu lan rộng.

* 13,22 X. phần bình giải Mt 7,13.

cứu thoát thì ít, có phải không ?” Người bảo họ :
²⁴ “Hãy chiến đấu để qua được cửa hẹp mà vào, vì tôi nói cho anh em biết : có nhiều người sẽ tìm cách vào mà không thể được.

²⁵ “Một khi chủ nhà đã đứng dậy và khoá cửa lại, mà anh em còn đứng ở ngoài, bắt đầu gõ cửa và nói : ‘Thưa ngài, xin mở cho chúng tôi vào !’, thì ông sẽ bảo anh em : ‘Các anh đấy ư ? Ta không biết các anh từ đâu đến !’
²⁶ Bấy giờ anh em mới nói : ‘Chúng tôi đã từng được ăn uống trước mặt ngài, và ngài cũng đã từng giảng dạy trên các đường phố của chúng tôi.’
²⁷ Nhưng ông sẽ đáp lại : ‘Ta không biết các anh từ đâu đến. *Cút đi cho khuất mắt ta, hơi tất cả những quân làm điều bất chính !*’

²⁸ “Bấy giờ anh em sẽ khóc lóc nghiêng rặng, khi thấy các ông Áp-ra-ham, I-xa-ác và Gia-cóp cùng tất

cả các ngôn sứ được ở trong Nước Thiên Chúa, còn mình lại bị đuổi ra ngoài.
²⁹ Thiên hạ sẽ từ đông tây nam bắc đến dự tiệc trong Nước Thiên Chúa.

³⁰ “Và kìa có những kẻ đứng chót sẽ lên hàng đầu, và có những kẻ đứng đầu sẽ xuống hàng chót.”

Con cáo già Hê-rô-đê

³¹ Cũng vào giờ ấy, có mấy người Pha-ri-sêu đến thưa Đức Giê-su rằng : “Xin ông đi ra khỏi đây, vì vua Hê-rô-đê đang muốn giết ông !”
³² Người bảo họ : “Các ông hãy đi nói với con cáo ấy thế này : ‘Hôm nay và ngày mai tôi trừ quỷ và chữa lành bệnh tật, ngày thứ ba tôi hoàn tất.
³³ Tuy nhiên, hôm nay, ngày mai và ngày mốt, tôi phải tiếp tục đi, vì một ngôn sứ mà chết ngoài thành Giê-ru-sa-lem thì không được.’

Những người được cứu thoát thì ít, có phải không ? Đối với Chúa Giê-su, thác mắc này là vô bổ. Tốt hơn nên tự hỏi Ít-ra-en đã nghe tiếng gọi của Thiên Chúa chưa, và có đi theo con đường hẹp dẫn tới ơn cứu độ không.

Thiên hạ sẽ từ đông tây nam bắc (c.29) : từ mọi nước mọi dân, qua các thế kỷ, người ta sẽ hoán cải và gia nhập Hội Thánh, trong khi đa số dân Do-thái vẫn ở bên ngoài.

Đức Giê-su than trách thành Giê-ru-sa-lem

* 34 “Giê-ru-sa-lem, Giê-ru-sa-lem ! Người giết các ngôn sứ và ném đá những kẻ được sai đến cùng người ! Đã bao lần Ta muốn tập họp con cái người lại, như gà mẹ tập họp gà con dưới cánh, mà các người không chịu. 35 Thì này, nhà các người sẽ bị bỏ mặc cho các người. Mà Ta nói cho các người hay : các người sẽ không còn thấy Ta nữa cho đến thời các người nói : *Chúc tụng Đấng ngự đến nhân danh Đức Chúa !*”

Ngày sa-bát Đức Giê-su chữa người mắc bệnh phù thũng

14¹ Một ngày sa-bát kia, Đức Giê-su đến nhà một ông thủ lãnh nhóm Pha-ri-sêu để dùng bữa :

họ cố dò xét Người. ² Và kia trước mặt Đức Giê-su, có một người mắc bệnh phù thũng. ³ Người lên tiếng nói với các nhà thông luật và những người Pha-ri-sêu : “Có được phép chữa bệnh ngày sa-bát hay không ?” ⁴ Nhưng họ làm thinh. Người đỡ lấy bệnh nhân, chữa khỏi và cho về. ⁵ Rồi Người nói với họ : “Ai trong các ông có đứa con trai hoặc có con bò sa xuống giếng, lại không kéo nó lên ngay, dù là ngày sa-bát ?” ⁶ Và họ không thể đáp lại những lời đó.

Hãy ngồi chỗ cuối

* 7 Người nhận thấy khách dự tiệc cứ chọn chỗ nhất mà ngồi, nên nói với họ dụ ngôn này : ⁸ “Khi anh được mời đi ăn cưới, thì đừng ngồi vào chỗ nhất,

* 13,34 X. phần bình giải Mt 23,37.

Tuy nhiên, cần để ý một điểm khác biệt nhỏ : *Cho đến thời các người nói* (c.35). Đối với thánh Lu-ca là môn đệ của thánh Phao-lô, đây là một điều chắc chắn : sẽ có ngày Ít-ra-en thừa nhận Chúa Ki-tô (x. Rm 11,25-32). Vì Chúa Giê-su đã đến để cứu độ Ít-ra-en, nghĩa là làm cho lịch sử Ít-ra-en có một ý nghĩa, và dân sẽ được cứu độ. Và khi đó có thể lịch sử các dân khác cũng sẽ dứt điểm.

* 14,7 Ở đây, Chúa Giê-su triển khai một châm ngôn Kinh Thánh khuyên người ta có thái độ khiêm nhu trong quan hệ xã giao (Cn 25,6-7). Thái độ này phù hợp với con cái Thiên Chúa. Trong mọi lãnh vực sinh hoạt, chúng ta đừng có ham được giống những kẻ giẫm lên người khác để trèo lên địa vị cao. Thiên Chúa biết cách “đê cao kẻ khiêm nhường” và đặt họ ở đầu tụy ý Người.

keo lỗ có nhân vật nào quan trọng hơn anh cũng được mời, ⁹ và rồi người đã mời cả anh lẫn nhân vật kia phải đến nói với anh rằng : ‘Xin ông nhường chỗ cho vị này.’ Bấy giờ anh sẽ phải xấu hổ mà xuống ngồi chỗ cuối. ¹⁰ Trái lại, khi anh được mời, thì hãy vào ngồi chỗ cuối, để cho người đã mời anh phải đến nói : ‘Xin mời ông bạn lên trên cho.’ Thế là anh sẽ được vinh dự trước mặt mọi người đồng bàn. ¹¹ Vì phàm ai tôn mình lên sẽ bị hạ xuống ; còn ai hạ mình xuống sẽ được tôn lên.”

Khi đãi khách, hãy mời những người nghèo khó

* ¹² Rồi Đức Giê-su nói với kẻ đã mời Người rằng :

“Khi nào ông đãi khách ăn trưa hay ăn tối, thì đừng mời bạn bè, anh em, hay bà con, hoặc láng giềng giàu có, kẻ họ cũng mời lại ông, và như thế ông được đáp lễ rồi. ¹³ Trái lại, khi ông đãi tiệc, hãy mời những người nghèo khó, tàn tật, què quặt, đui mù. ¹⁴ Họ không có gì đáp lễ, và như thế, ông mới thật có phúc : vì ông sẽ được đáp lễ trong ngày các kẻ lành sống lại.”

Dụ ngôn khách được mời xin kiếu

* ¹⁵ Nghe vậy, một trong những kẻ đồng bàn nói với Đức Giê-su : “Phúc thay ai được dự tiệc trong Nước Thiên Chúa !” ¹⁶ Người đáp : “Một người kia làm tiệc

Khi chúng ta qua khỏi đời này mà về ở bên Thiên Chúa thì sẽ có biết bao điều bất ngờ ! Có thể là một vị giáo hoàng, một giám mục hay một nhân vật Công Giáo nổi danh nào đó bị xếp đứng sau một bà cụ già đã từng bán báo hay một kẻ vô gia cư đã từng ăn xin ở cửa nhà thờ.

* **14,12** Chúng ta tìm kết bạn với người trên mình, nghĩ rằng giao du với người trên thì thú vị hơn với kẻ dưới. Thậm chí nhiều khi người ta còn dạy trẻ con tránh chơi với những bạn “thiếu giáo dục”, hoặc là, thành thật mà nói, tránh xa những người sẽ chẳng giúp chúng tìm được một địa vị tốt hơn trong xã hội.

Những lời này của Chúa Giê-su lưu ý một trong những nguyên nhân chính gây nên bất công. Tất cả chúng ta đều có lỗi khi quyết định cấu kết với những người có thể mang lợi ích đến cho mình ; mạnh ai nấy tìm cách vươn lên, để mặc những kẻ yếu kém hơn trong cảnh bơ vơ, tũ cổ vô thân.

lớn và đã mời nhiều người.
 17 Đến giờ tiệc, ông sai đầy tớ đi thưa với quan khách rằng : ‘Mời quý vị đến, cỗ bàn đã sẵn.’
 18 Bấy giờ mọi người nhất loạt bắt đầu xin kiếu. Người thứ nhất nói : ‘Tôi mới mua một thửa đất, cần phải đi thăm ; cho tôi xin kiếu.’
 19 Người khác nói : ‘Tôi mới tậu năm cặp bò, tôi đi thử đày ;

cho tôi xin kiếu.’
 20 Người khác nói : ‘Tôi mới cưới vợ, nên không thể đến được.’

21 “Đầy tớ ấy trở về, kể lại sự việc cho chủ. Bấy giờ chủ nhà nổi cơn thịnh nộ bảo người đầy tớ rằng : ‘Mau ra các nơi công cộng và đường phố trong thành, đưa các người nghèo khó, tàn tật, đui mù, què quặt

THOẠI THÁC

* 14,15 Cự Uớc thường hay nói tới một bữa tiệc Thiên Chúa sẽ thiết đãi các tôi tớ trung thành của Người, khi Người đến lập Vương Quốc. Chúa Giê-su cũng triển khai đề tài này, bởi vì bữa tiệc tượng trưng cho tình hiệp thông giữa các thánh (cộng đoàn những người sống những giá trị Nước Trời). Dụ ngôn này rất giống dụ ngôn ở Mt 22.

Những kẻ đồng bàn nói với Chúa Giê-su : “Phúc thay ai được dự tiệc trong Nước Thiên Chúa !” Có lẽ những người ấy không ngờ rằng, để được tham dự bữa tiệc trong cõi vĩnh hằng, thì ngay bây giờ phải đáp lời Thiên Chúa mời gọi chúng ta xây dựng một thế giới huynh đệ hơn. Kể nào hôm nay không màng đến anh em mình thì sẽ không được tham dự bữa tiệc trong Nước Thiên Chúa.

Bản văn đưa ra những lý do khiến các khách được mời không hưởng ứng lời Chúa mời họ nhập cuộc vào một thế giới liên đới. *Tôi mới mua một thửa đất. Tôi mới cưới vợ.* Các lý do đều tốt cả, nhưng chính vì thế mà những lợi ích kinh tế của gia đình làm tê liệt chí hướng xả thân phục vụ cộng đoàn của chúng ta, và khiến chúng ta không được vào phòng tiệc.

Mặt khác, chỉ vì nhờ tham gia đời sống của Giáo Hội và dần thân trong những cơ quan đủ loại mà nhiều người Ki-tô hữu, vốn xuất thân từ môi trường khiếm tốn, lại có văn hoá hơn và được tiếp xúc với những người thuộc đủ mọi giới. Như vậy là tốt lắm. Tuy nhiên, nếu chúng ta không tự mình đòi hỏi chính mình cho thật nghiêm túc thì chẳng mấy chốc các quan hệ xã hội sẽ chi phối chúng ta, và chúng ta sẽ thôi không “tìm Nước Thiên Chúa và sự công chính của Người” qua những quan hệ đó nữa.

Đưa các người nghèo khó, ép người ta vào, bắt họ vào chiếm chỗ vốn là của họ trong xã hội cũng như trong Hội Thánh. Thiên Chúa trông cậy vào lớp người nghèo và những kẻ sống bên lề xã hội để duy trì trong thế giới lòng khao khát đức công bằng, để thức tỉnh lương tri lớp người đang sống giữa đầy đủ tiện nghi.

vào đây.’²² Đây tớ nói : ‘Thưa ông, lệnh ông đã được thi hành mà vẫn còn chỗ.’²³ Ông chủ bảo người đầy tớ : ‘Ra các đường làng, đường xóm, ép người ta vào đây nhà cho ta.’²⁴ Tôi nói cho các anh biết : Những khách đã được mời trước kia, không ai sẽ được dự tiệc của tôi.”

Vác thập giá mình mà đi theo Đức Giê-su

*²⁵ Có rất đông người cùng đi đường với Đức Giê-su. Người quay lại bảo họ :

²⁶ “Ai đến với tôi mà không dứt bỏ cha mẹ, vợ con, anh em, chị em, và cả

mạng sống mình nữa, thì không thể làm môn đệ tôi được.²⁷ Ai không vác thập giá mình mà đi theo tôi, thì không thể làm môn đệ tôi được.

Từ bỏ hết những gì mình có

²⁸ “Quả thế, ai trong anh em muốn xây một cây tháp, mà trước tiên lại không ngồi xuống tính toán phí tổn, xem mình có đủ để hoàn thành không ?

²⁹ Kéo lở ra, đặt móng rồi mà không có khả năng làm xong, thì mọi người thấy vậy sẽ lên tiếng chế cười mà bảo :³⁰ ‘Anh ta đã

* 14,25 Chúa Giê-su nghĩ tới những kẻ trước kia hăng hái đi theo Người, nhưng sau đó lại không còn ấp ủ hoài vọng hiến thân cho Tin Mừng nữa, nên rút lui, trở về với một cuộc sống “bình thường” hơn và an toàn hơn, theo suy nghĩ thường tình. Chúa Giê-su cần có những môn đệ biết hiến thân một lần dứt khoát.

Tại sao lại ví với một ông vua đi giao chiến ? Thưa là vì kẻ tự nguyện phục vụ Tin Mừng thật đúng là một ông vua và được Thiên Chúa đãi ngộ như với bậc đế vương (Mc 10,30). Nhưng người ấy phải biết rằng mình chiến đấu chống lại “thủ lãnh thế gian này”, tức là ma quỷ, kẻ sẽ chặn lối mình bằng trăm ngàn thử thách và mưu mẹo bất ngờ. Nếu không hiến thân hết mình thì người môn đệ sẽ thất bại, và giá như anh chưa bắt đầu gì cả thì tình trạng anh sẽ không tệ như vậy.

Ai trong anh em không từ bỏ hết (c.33). Chúa Giê-su đòi hỏi một số người xa lìa bà con thân thuộc và những vấn đề trong gia đình của họ. Người cho mọi người thấy rằng chúng ta sẽ không bao giờ được tự do để đáp lại những lời mời gọi của Thiên Chúa, nếu chúng ta không chịu xem xét lại những mối liên hệ gia đình, thời biểu của chúng ta và tất cả những gì chúng ta hy sinh để sống “như mọi người”.

Ai đến với tôi mà không dứt bỏ cha mẹ, vợ con. Điểm này cũng có trong Mt 10,37. Trong Lc thì thêm : *vợ*.

khởi công xây, mà chẳng có sức làm cho xong việc.’
³¹ Hoặc có vua nào đi giao chiến với một vua khác, mà trước tiên lại không ngồi xuống bàn tính xem mình có thể đem một vạn quân ra, đương đầu với đối phương dẫn hai vạn quân tiến đánh mình chẳng ?
³² Nếu không đủ sức, thì khi đối phương còn ở xa, ắt nhà vua đã phải sai sứ đi cầu hoà. ³³ Cũng vậy, ai trong anh em không từ bỏ hết những gì mình có, thì không thể làm môn đệ tôi được.

Muối mà nhạt đi...

³⁴ “Muối quả là một cái gì tốt. Nhưng chính muối mà nhạt đi, thì lấy gì ướp nó cho mặn lại ? ³⁵ Dùng

nó để bón ruộng hay trộn phân đều không thích hợp, nên người ta quăng nó ra ngoài. Ai có tai nghe thì nghe.”

Ba dụ ngôn về lòng thương xót của Thiên Chúa

15 ¹ Các người thu thuế và các người tội lỗi đều lui tới với Đức Giê-su để nghe Người giảng.
² Những người Pha-ri-sêu và các kinh sư bèn xâm xì với nhau : “Ông này đón tiếp phường tội lỗi và ăn uống với chúng.” * ³ Đức Giê-su mới kể cho họ dụ ngôn này :

Dụ ngôn con chiên bị mất

⁴ “Người nào trong các ông có một trăm con chiên mà bị mất một con, lại

CON CHIÊN GHÊ

* **15,3** Tại sao vậy ông Pha-ri-sêu xâm xì ? Tại vì họ rất quan tâm tới sự thanh sạch hình thức. Theo quan điểm này, đã được ghi trong Cựu Ước, nếu hai người liên hệ với nhau thì người mắc uest lây sang người kia. Bởi vì người tội lỗi, vốn là những kẻ không hề lo thanh tẩy mình trong đời sống hằng ngày với đầy những vụ mắc uest, nên Chúa Giê-su bị coi là một người Thầy chấp nhận để cho mình luôn ở trong tình trạng mắc uest. Và Người sẽ nói về lòng thương xót của Thiên Chúa, Đấng không hề ngoảnh mặt làm ngơ đối với tội nhân.

Hơn nữa, có một chút gì đó trần tục trong thái độ bất bình của đám “người tốt” : phải thấy chúng tôi khác với mấy người kia chứ ! Và một lần nữa Chúa Giê-su lại phải đánh đổ cái suy nghĩ cố hữu cho rằng người ta đã lập công thì Thiên Chúa phải thưởng công.

Phúc thay con chiên mà Chúa Giê-su phải bỏ lại chín mươi chín con kia để đi tìm ! Vô phúc cho những người công chính không cần được Thiên Chúa tha thứ !

không để chín mươi chín con kia ngoài đồng hoang, để đi tìm cho kỳ được con chiên bị mất ? ⁵ Tìm được rồi, người ấy mừng rỡ vác lên vai. ⁶ Về đến nhà, người ấy mời bạn bè, hàng xóm lại, và nói : ‘Xin chung vui với tôi, vì tôi đã tìm được con chiên của tôi, con chiên bị mất đó.’ ⁷ Vậy, tôi nói cho các ông hay : trên trời cũng thế, ai nấy sẽ vui mừng vì một người tội lỗi ăn năn sám hối, hơn là vì chín mươi chín người công chính không cần phải sám hối ăn năn.

Dụ ngôn đồng bạc bị đánh mất

⁸ “Hoặc người phụ nữ nào có mười đồng quan, mà chẳng may đánh mất một

đồng, lại không thắp đèn, rồi quét nhà, moi móc tìm cho kỳ được ? ⁹ Tìm được rồi, bà ấy mời bạn bè, hàng xóm lại, và nói : ‘Xin chung vui với tôi, vì tôi đã tìm được đồng quan tôi đã đánh mất.’ ¹⁰ Cũng thế, tôi nói cho các ông hay : giữa triều thần Thiên Chúa, ai nấy sẽ vui mừng vì một người tội lỗi ăn năn sám hối.”

Dụ ngôn người cha nhân hậu

* ¹¹ Rồi Đức Giê-su nói tiếp : “Một người kia có hai con trai. ¹² Người con thứ nói với cha rằng : ‘Thưa cha, xin cho con phần tài sản con được hưởng.’ Và người cha đã chia của cải cho hai con. ¹³ Ít ngày sau,

Ngày nay, tại những đô thị lớn, Giáo Hội xem ra chỉ giữ có một con chiên ngoan. Phải chăng Giáo Hội nên đi ra các vùng quê, nghĩa là rời bỏ những toà nhà, những cơ cấu cũ kỹ của mình, những kiểu nhóm họp trịnh trọng và bề vệ của mình, để đi tìm chín mươi chín con chiên lạc ? Làm sao thoát khỏi nhóm nhỏ những người Ki-tô hữu sống yên hàn không vấn đề kia ? Làm sao biết nhìn xa hơn những nghi thức phụng vụ đổi mới của chúng ta và chấp nhận bị chỉ trích như Chúa Giê-su đã bị chỉ trích, khi đến với những người không “thuộc phe chúng ta” ?

Ai đã *thắp đèn, quét nhà và moi móc tìm*, nếu không phải là chính Thiên Chúa ? Nhưng vì tôn kính Thiên Chúa, người Do-thái thời Chúa Giê-su kỵ húy : thay vì nêu tên Thiên Chúa, họ dùng những cụm từ như *triều thần Thiên Chúa* hoặc là *trên trời*.

TỘI NGUYÊN TỐ – NGƯỜI CHA NHÂN HẬU

* Trong dụ ngôn này có ba nhân vật : *người cha* tiêu biểu cho Thiên Chúa, *người con cả*, cho nhóm Pha-ri-sêu. Còn *người con thứ* là ai ? Một tội nhân, hay là “con người” ?

người con thứ thu góp tất cả rồi đi phương xa. Ở đó anh ta sống phóng đãng, phung phí tài sản của mình.

¹⁴ “Khi anh ta đã ăn tiêu hết sạch, thì lại xảy ra trong vùng ấy một nạn đói khủng khiếp. Và anh ta bắt đầu lâm cảnh túng thiếu, ¹⁵ nên phải đi ở đợ cho một người dân trong vùng ; người này sai anh

ta ra đồng chăn heo. ¹⁶ Anh ta ao ước lấy đậu muồng heo ăn mà nhét cho đầy bụng, nhưng chẳng ai cho.

¹⁷ Bấy giờ anh ta hồi tâm và tự nhủ : ‘Biết bao nhiêu người làm công cho cha ta được cơm dư gạo thừa, mà ta ở đây lại chết đói !

¹⁸ Thôi, ta đứng lên, đi về cùng cha và thưa với người : ‘Thưa cha, con thật đắc tội với Trời và với cha, ¹⁹ chẳng

Con người ấy muốn hưởng tự do và thường nghĩ rằng Thiên Chúa cấm tự do. Anh ta xa lìa Cha mình vì không hiểu thấu tình yêu của Người và cảm thấy sự hiện diện của Người đã trở thành nặng nề. Sau khi phung phí một gia tài mà anh không biết đánh giá và trân trọng, anh đánh mất luôn danh giá của mình, đi làm tôi mọi kẻ khác với những hành động ô nhục (heo là giống vật ô uế đối với người Do-thái).

Nhưng người con ấy trở về nhà. Anh đã ý thức tình trạng nô lệ của anh và biết chắc Thiên Chúa dành cho anh một số mệnh tốt lành hơn. Anh dứt khoát lên đường trở về. Đến nơi, anh khám phá ra rằng Cha mình rất khác với những gì anh đã từng nghĩ về Người : Cha vẫn đợi anh và chạy ra đón anh, phục hồi thế giá của anh và không muốn nhắc tới phần gia tài đã mất nữa. Rồi cả nhà *mở tiệc ăn mừng*, bữa tiệc mà Chúa Giê-su hay nhắc đi nhắc lại.

Lúc này chúng ta mới hiểu rằng Thiên Chúa là Cha. Người đầu đã cho chúng ta sinh ra ở đời để chúng ta lập công và tích góp phần thưởng, nhưng là để khám phá ra rằng chúng ta là con cái Người. Quả thật, chúng ta là tội nhân : ngay từ đầu đời, chúng ta đã bị tình cảm của mình và áp lực xấu của xã hội khống chế. Hơn thế nữa : bao lâu Thiên Chúa không đi bước trước và tự mặc khải mình cho chúng ta thì chúng ta không thể quan niệm tự do của mình là gì khác ngoài trạng thái không lệ thuộc Thiên Chúa (x. phân bình giải St 3 : tội nguyên tổ).

Lỗi lầm của chúng ta không làm cho Thiên Chúa ngạc nhiên, bởi lẽ khi dựng nên chúng ta là con người tự do, Người đã liệu để cho chúng ta có khả năng sa ngã. Khi sống kinh nghiệm thiện ác, chúng ta có Thiên Chúa ở kề bên, cho tới khi, nhờ Con Một Người là Chúa Giê-su, Người có thể gọi chúng ta là con. Chúng ta hãy để ý tới câu tuyệt diệu này : *Con thật đắc tội với Trời và với cha*. Phạm tội là phản lại Thiên Chúa chân thật và thánh thiện. Nhưng Thiên Chúa cũng là Cha Hiền, với tất cả tình thương dành cho con cái ; đứa con có tội đang ở trước mặt Đấng rút ra cái tốt từ cái xấu.

còn đáng gọi là con cha nữa. Xin coi con như một người làm công cho cha vậy.’²⁰ Thế rồi anh ta đứng lên đi về cùng cha.

“Anh ta còn ở đằng xa, thì người cha đã trông thấy. Ông chạnh lòng thương, chạy ra ôm cổ anh ta và hôn lấy hôn để.²¹ Bấy giờ người con nói rằng : ‘Thưa cha, con thật đắc tội với Trời và với cha, chẳng còn đáng gọi là con cha nữa...’²² Nhưng người cha liền bảo các đầy tớ rằng : ‘Mau đem áo đẹp nhất ra đây mặc cho cậu, xỏ nhẫn vào ngón tay, xỏ dép vào chân cậu,²³ rồi đi bắt con bê đã vỗ béo làm thịt để chúng ta mở tiệc ăn mừng !’²⁴ Vì con ta đây đã chết mà nay sống lại, đã mất mà nay lại tìm thấy.’ Và họ bắt đầu ăn mừng.

²⁵ “Lúc ấy người con cả của ông đang ở ngoài

đồng. Khi anh ta về gần đến nhà, nghe thấy tiếng đàn ca nhảy múa,²⁶ liền gọi một người đầy tớ ra mà hỏi xem có chuyện gì.

²⁷ Người ấy trả lời : ‘Em cậu đã về, và cha cậu đã làm thịt con bê béo, vì gặp lại cậu ấy mạnh khoẻ.’

²⁸ Người anh cả liền nổi giận và không chịu vào nhà. Nhưng cha cậu ra năn nỉ.²⁹ Cậu trả lời cha : ‘Cha coi, đã bao nhiêu năm trời con hầu hạ cha, và chẳng khi nào trái lệnh, thế mà chưa bao giờ cha cho lấy được một con dê con để con ăn mừng với bạn bè.³⁰ Còn thằng con của cha đó, sau khi đã nuốt hết của cải của cha với bọn điếm, nay trở về, thì cha lại giết bê béo ăn mừng !’

³¹ “Nhưng người cha nói với anh ta : ‘Con à, lúc nào con cũng ở với cha, tất cả những gì của cha đều là của con.³² Nhưng chúng ta

Thiên Chúa, Cha của chúng ta, là thế đó : ngày qua ngày Người tạo dựng chúng ta, tuy chúng ta nào có biết và cứ đường mình mà đi ; Người là vị Thiên Chúa đi tìm tội nhân để ban cho họ được đầy tràn những phúc lộc của Người.

Nhưng người con cả, một con người không hề sai trái nhưng lòng dạ hẹp hòi, đã chẳng hiểu chi về những điều ấy. Anh phục vụ với hy vọng mình sẽ được ân thưởng, hoặc ít ra được nhìn nhận là cao hơn kẻ khác một bậc. Chính vì thế anh không có khả năng đón nhận người tội lỗi hay là nhập cuộc vui với Chúa Ki-tô, vì thật ra, anh không biết thương người.

phải ăn mừng, phải vui vẻ, vì em con đây đã chết mà nay lại sống, đã mất mà nay lại tìm thấy.”

Dụ ngôn người quản gia bất lương

16 * ¹ Đức Giê-su còn nói với các môn đệ rằng : “Một nhà phú hộ kia có một người quản gia. Người ta tố cáo với ông là anh này đã phung phí của cải nhà ông. ² Ông mới gọi anh ta đến mà bảo : ‘Tôi nghe người ta nói gì về anh đó ? Công việc quản lý của anh, anh tính sổ đi, vì từ nay anh không được làm quản gia nữa !’ ³ Người quản gia liền nghĩ bụng :

‘Mình sẽ làm gì đây ? Vì ông chủ đã cất chức quản gia của mình rồi. Cuộc đất thì không nổi, ăn mày thì hổ ngươi. ⁴ Mình biết phải làm gì rồi, để sau khi mất chức quản gia, sẽ có người đón rước mình về nhà họ !’

⁵ “Anh ta liền cho gọi từng con nợ của chủ đến, và hỏi người thứ nhất : ‘Bác nợ chủ tôi bao nhiêu vậy ?’ ⁶ Người ấy đáp : ‘Một trăm thùng dầu ô-liu.’ Anh ta bảo : ‘Bác cầm lấy biên lai của bác đây, ngồi xuống mau, viết năm chục thôi.’ ⁷ Rồi anh ta hỏi người khác : ‘Còn bác, bác nợ bao nhiêu vậy ?’ Người ấy đáp : ‘Một ngàn gia

* **16,1** Chúa Giê-su không bận tâm lên án người quản lý bất lương ; Người chỉ làm nổi bật óc sáng suốt của anh, biết bảo đảm cho tương lai của mình : con người này đã kịp thời hiểu rằng tình bạn thì bền hơn tiền bạc. *Con cái ánh sáng* cũng phải làm như vậy : dẹp đi cái hào quang tôn tiền bạc lên làm chúa tể. Dường như ai ai cũng đều nghĩ rằng đem tiền đầu tư đúng chỗ là cách bảo toàn cuộc sống và tương lai của mình. Chúa Giê-su thì trái lại, Người bảo chúng ta đừng ngần ngại tiêu tiền và dùng nó để đổi lấy một thứ của quý báu hơn.

Chúng ta không phải là sở hữu chủ, mà là người quản lý các tài sản chúng ta có : chúng ta phải quản lý những của đó nhằm mưu ích cho mọi người. Tiền của không phải là xấu, miễn là chúng ta sử dụng nó như một phương tiện giúp cho việc trao đổi được dễ dàng. Thế mà Chúa Giê-su gọi nó là *bất chính* (c.9), bởi vì nó không phải là cái thiện chân chính (nó không làm cho chúng ta nên “công chính”, nghĩa là đúng như Thiên Chúa muốn), cũng như bởi vì công nghệ mãi thu gom tiền của mà không mất lòng tin tưởng vào Cha và không làm hại tha nhân.

Tiền của là thứ vật cầm đó rồi mất đó, không thể trở nên thành phần của con người chúng ta được ; vậy nó không thuộc loại *của cải dành riêng cho (chúng ta)* (c.12).

lúa.' Anh ta bảo : 'Bác cầm lấy biên lai của bác đây, viết lại tám trăm thôi.'

⁸ "Và ông chủ khen tên quản gia bất lương đó đã hành động khôn khéo. Quả thế, con cái đời này khôn khéo hơn con cái ánh sáng khi xử sự với người đồng loại.

Trung tín trong việc sử dụng Tiền Của

⁹ "Phần Thầy, Thầy bảo cho anh em biết : hãy dùng Tiền Của bất chính mà tạo lấy bạn bè, phòng khi hết tiền hết bạc, họ sẽ đón rước anh em vào nơi ở vĩnh cửu. ¹⁰ Ai trung tín

trong việc rất nhỏ, thì cũng trung tín trong việc lớn ; ai bất lương trong việc rất nhỏ, thì cũng bất lương trong việc lớn. ¹¹ Vậy nếu anh em không trung tín trong việc sử dụng Tiền Của bất chính, thì ai sẽ tín nhiệm mà giao phó của cải chân thật cho anh em ? ¹² Và nếu anh em không trung tín trong việc sử dụng của cải của người khác, thì ai sẽ ban cho anh em của cải dành riêng cho anh em ?

* ¹³ "Không gia nhân nào có thể làm tôi hai chủ, vì hoặc sẽ ghét chủ này mà yêu chủ kia, hoặc sẽ gắn

NGƯỜI GIÀU

* **16,13** *Người Pha-ri-sêu cười nhạo Đức Giê-su.* Hơn các tác giả Tin Mừng khác, thánh Lu-ca cho thấy rõ tinh thần Ki-tô giáo không thể đi đôi với lòng tham tiền hám của. Người Pha-ri-sêu có thể biện minh cho lòng ham tiền của họ bằng cách trích dẫn Kinh Thánh. Thật vậy, ban đầu, người Do-thái coi sự giàu có như một ơn lành của Thiên Chúa. Họ cho rằng đó là phần thưởng Thiên Chúa ban cho những kẻ đẹp lòng Người và biết đối nhân xử thế trên đời. Tuy nhiên, với thời gian, họ đã hiểu rằng tiền bạc có phần nguy hiểm và nhiều khi đó là đặc quyền đặc lợi của những kẻ xa rời Thiên Chúa (Tv 49 ; Gióp).

Đôi khi chỉ cần có một địa vị ngon lành là người ta tự cho mình có lý : vì thế người Pha-ri-sêu cảm thấy họ có quyền xét đoán và định đoạt những việc thuộc về Thiên Chúa. Theo gót họ, nhiều Ki-tô hữu thuộc những lớp người có ảnh hưởng đã từng có ý đem tiền tài và quyền chức phục vụ Nước Thiên Chúa, rồi chẳng mấy chốc họ tự phong mình làm người quản lý Nước Thiên Chúa. Nhưng đến phiên tiền bạc lại làm chủ các sở hữu chủ của nó. Con người mau chóng tán thành một trật tự pháp lý trong đó các đặc quyền của mình được hợp thức hoá, mà quên đi những giá trị của Tin Mừng là công bình, khiêm tốn và thanh bần. Cuối cùng thì chính Giáo Hội lại bị những kẻ đi tìm Thiên Chúa khinh rẻ.

bó với chủ này mà khinh để chủ nợ. Anh em không thể vừa làm tôi Thiên Chúa, vừa làm tôi Tiền Của được.”

Đức Giê-su khiển trách người Pha-ri-sêu ham tiền

¹⁴ Người Pha-ri-sêu vốn ham hố tiền bạc, nên nghe các điều ấy, thì cười nhạo Đức Giê-su. ¹⁵ Người bảo họ : “Các ông là những kẻ làm ra bộ công chính trước mặt người đời, nhưng Thiên Chúa thấu biết lòng các ông, bởi vì điều cao trọng đối với người đời lại là điều ghê tởm trước mặt Thiên Chúa.

Dùng sức mạnh mà vào Nước Thiên Chúa

* ¹⁶ “Cho đến thời ông Gio-an, thì có Lê Luật và các ngôn sứ ; còn từ thời đó, thì Tin Mừng Nước Thiên Chúa được loan báo, và ai cũng dùng sức mạnh mà vào.

Lê Luật sẽ không bao giờ ra vô hiệu

¹⁷ “Trời đất qua đi còn dễ hơn là một cái phết của Lê Luật rụng mất.

Vấn đề ly dị

¹⁸ “Bất cứ ai rẫy vợ mà cưới vợ khác là phạm tội

Vì sao trong Hội Thánh, những tín hữu xuất thân là hạng người khiếm tốn đôi khi cảm thấy mình thấp bé so với người giàu có ?

LÊ LUẬT

* **16,16** Ở đây chúng ta có ba lời nói của Chúa Giê-su, và cả ba chỉ có một điểm chung là nói về *Lê Luật*. *Lê Luật* là những điều luật Thiên Chúa đã ban cho người Do-thái. Đàng khác, *Lê Luật và các ngôn sứ* là một cách nói để chỉ toàn bộ Sách Thánh. Ở đây, Chúa Giê-su nói về *Lê Luật* để chỉ thời Cựu Ước, tất cả những gì đã xảy ra để chuẩn bị thời điểm Người đến trần gian.

Còn dễ hơn là một cái phết của Lê Luật rụng mất : có ý nói không một điều luật nào mà không có kết quả. Tuy vậy Chúa Giê-su khẳng định rằng, cùng lúc với Người, thời giờ quyết định đã đến, và những gì trước đó là tất yếu để chuẩn bị đón Người thì sẽ không cần tuân giữ như trước nữa (x. Mt 5,17-20).

Đối với những người Do-thái tuân giữ Lê Luật thời ấy, và đặc biệt với những ai đã từng theo làm đồ đệ ông Gio-an Tẩy Giả, thì họ phải tiến thêm một bước và cố gắng nhiều mới có thể tin vào Chúa Giê-su, phải *dùng sức mạnh mà vào Nước Thiên Chúa* (Lc 7,24). Nói có vẻ nghịch lý, nhưng thật ra, nếu so với thái độ tin tưởng và nhắm mắt liêu mình đi theo Đức Giê-su chịu đóng đinh, thì giữ đạo bên ngoài, ép mình giữ luật và ăn chay, là những việc dễ làm hơn nhiều.

ngoại tình ; và ai cưới người đàn bà bị chồng rẫy, thì cũng phạm tội ngoại tình.

Dụ ngôn ông nhà giàu và anh La-da-rô nghèo khó

¹⁹ “Có một ông nhà giàu kia, mặc toàn lụa là gấm vóc, ngày ngày yến tiệc linh đình. ²⁰ Lại có một người nghèo khó tên là La-da-rô, mụn nhọt đầy

minh, nằm trước cổng ông nhà giàu, ²¹ thêm được những thứ trên bàn ăn của ông ấy rớt xuống mà ăn cho no. Lại thêm mấy con chó cứ đến liếm gẻ chốc anh ta. ²² Thế rồi người nghèo này chết, và được thiên thần đem vào lòng ông Áp-ra-ham. Ông nhà giàu cũng chết, và người ta đem chôn.

* **16,19** Dụ ngôn này nói về cái hố sâu ngăn cách kẻ giàu người nghèo trên khắp hoàn cầu. Theo quy luật tiền định của tiền bạc, thì người giàu sinh sống riêng biệt : nhà cửa, phương tiện di chuyển, giải trí, y tế. Vào giờ chết của họ, những bức tường họ sẵn sàng dựng lên thuở bình sinh sẽ trở thành một vực thẳm không tài nào vượt nổi. Ai hôm nay chấp nhận sự ngăn cách này thì mai sau sẽ vĩnh viễn ở phía bên kia vực thẳm.

Một người nghèo khó tên là La-da-rô : Chúa Giê-su gọi tên người nghèo, còn tên người giàu thì không. Như thế là Người đảo ngược trật tự xã hội thường tình : ông nọ bà kia đáng được xem là người, còn dân lao động chân tay thì không. Khi chết, ông La-da-rô đã tìm được những người bạn hữu : các thiên thần, ông Áp-ra-ham, tổ phụ những người có đức tin. Ngược lại, ông nhà giàu chẳng có bạn bè, chẳng có trạng sư biện hộ cho hoàn cảnh của ông ta : hoả ngục, chính là nỗi cô đơn.

Có người muốn biết người giàu ấy đã phạm tội gì để bị sa hoả ngục. Có lẽ ông ta đã từ chối không cho ông La-da-rô những mẩu bánh thừa của ông ? Tin Mừng không nói vậy. Tội của ông là đã không nhìn thấy ông La-da-rô nằm trước cửa nhà ông. *“Hãy nhớ lại : suốt đời con, con đã nhận phần phước của con rồi.”*

Người giàu đã không nhìn thấy ông La-da-rô trước cửa nhà mình. Ngày nay có những triệu triệu La-da-rô và họ đã nằm trước cửa nhà chúng ta rồi ; họ tên là thế giới thứ ba, thứ tư đó. Trên quy mô toàn cầu, các nước tiên tiến và thành phần thiểu số may mắn đã chiếm hết chỗ trên bàn ăn vốn được dọn cho tất cả mọi người, là thực quyền, và là văn hoá do các phương tiện truyền thông áp đặt. Các công nghiệp quốc gia và các nguồn lao động đã bị phá huỷ do một hệ thống tự do mậu dịch không tôn trọng luân lý xã hội, và hàng trăm triệu La-da-rô bị đẩy ra ngoài lề xã hội cho đến chết vì nghèo khổ, hoặc vì bạo lực do cuộc sống vô nhân đạo gây ra.

²³ “Dưới âm phủ, đang khi chịu cực hình, ông ta ngược mắt lên, thấy tổ phụ Áp-ra-ham ở tận đằng xa, và thấy anh La-da-rô trong lòng tổ phụ. ²⁴ Bấy giờ ông ta kêu lên : ‘Lạy tổ phụ Áp-ra-ham, xin thương xót con, và sai anh La-da-rô nhúng đầu ngón tay vào nước, nhỏ trên lưỡi con cho mát ; vì ở đây con bị lửa thiêu đốt khổ lắm !’ ²⁵ Ông Áp-ra-ham đáp : ‘Con ơi, hãy nhớ lại : suốt đời con, con đã nhận phần phước của con rồi ; còn La-da-rô suốt một đời chịu toàn những bất hạnh. Bây giờ, La-da-rô được an ủi nơi đây, còn con thì phải chịu khổn khổ. ²⁶ Hơn nữa, giữa chúng ta đây và các con đã

có một vực thẳm lớn, đến nỗi bên này muốn qua bên các con cũng không được, mà bên đó có qua bên chúng ta đây cũng không được.’

²⁷ “Ông nhà giàu nói : ‘Lạy tổ phụ, vậy thì con xin tổ phụ sai anh La-da-rô đến nhà cha con, ²⁸ vì con hiện còn năm người anh em nữa. Xin sai anh đến cảnh cáo họ, kéo họ lại cũng sa vào chốn cực hình này !’ ²⁹ Ông Áp-ra-ham đáp : ‘Chúng đã có Mô-sê và các Ngôn Sứ, thì chúng cứ nghe lời các vị đó.’ ³⁰ Ông nhà giàu nói : ‘Thưa tổ phụ Áp-ra-ham, họ không chịu nghe đâu, nhưng nếu có người từ cõi chết đến với họ, thì họ sẽ

Người nghèo La-da-rô sống giữa những đồng gạch bỏ hoang, những đồng rác bẩn thỉu : họ đi làm diêm, làm nghề cướp giật, đến khi nằm xuống giữa tuổi thanh xuân mới gặp được một ai đó yêu thương họ : được sum họp với ông Áp-ra-ham và các thiên thần.

Trong khi đó thì ông nhà giàu cố công gắng sức rất nhiều, không phải để hưởng thụ trên đời cho bằng để tự thuyết phục rằng mình có lý, và ông ta còn trông đợi Giáo Hội biện minh cho ông nữa kia. Chính cái tình trạng hư đốn tinh thần này đã đưa ông xuống hoá ngục, vì đôi lần nó khiến ông thù ghét hoặc khinh dể tất cả những ai tuyên bố các đòi hỏi của sự công bình hiểu theo giáo huấn của ông *Mô-sê và các ngôn sứ*, tức là của Sách Thánh.

Mô-sê và các ngôn sứ mà họ còn chẳng chịu nghe. Dụ ngôn ông La-da-rô và nhà phú hộ không chỉ nhắc chúng ta nhớ đến các đòi hỏi của tình yêu tha nhân, mà còn cho biết tầm quan trọng vô song của lời Chúa nữa. Nhiều Ki-tô hữu chạy theo những thị kiến, những cuộc hiện ra, những phép lạ, trong khi đó họ lại lãng quên lời Chúa. Chỉ có lời này mới có khả năng cải hoá và cứu vớt anh em nhà phú hộ.

ăn năn sám hối.’³¹ Ông Áp-ra-ham đáp : ‘Mô-sê và các Ngôn Sứ mà họ còn chẳng chịu nghe, thì người chết có sống lại, họ cũng chẳng chịu tin.’”

Cớ vấp ngã

17¹ Đức Giê-su nói với các môn đệ rằng : “Không thể không có những cớ làm cho người ta vấp ngã ; nhưng khốn cho kẻ làm cớ cho người ta vấp ngã !² Thà buộc cối đá lớn vào cổ nó và xô xuống biển, còn lợi cho nó hơn là để nó làm cớ cho một trong những kẻ bé nhỏ này vấp ngã.³ Anh em hãy đề phòng !

Sửa lỗi anh em

“Nếu người anh em của anh xúc phạm đến anh, thì hãy khiển trách nó ; nếu nó hối hận, thì hãy tha cho nó.⁴ Dù nó xúc phạm đến anh một ngày đến bảy lần, rồi bảy lần trở lại nói với anh : ‘Tôi hối hận’, thì anh cũng phải tha cho nó.”

Sức mạnh của lòng tin

⁵ Các Tông Đồ thưa với Chúa Giê-su rằng : “Thưa Thầy, xin thêm lòng tin cho chúng con.”⁶ Chúa đáp : “Nếu anh em có lòng tin

lớn bằng hạt cải, thì dù anh em có bảo cây dâu này : ‘Hãy bật rễ lên, xuống dưới biển kia mà mọc’, nó cũng sẽ vâng lời anh em.

Phục vụ cách khiêm tốn

⁷ “Ai trong anh em có người đầy tớ đi cày hay đi chăn chiên, mà khi nó ở ngoài đồng về, lại bảo nó : ‘Mau vào ăn cơm đi’,⁸ chứ không bảo : ‘Hãy dọn cơm cho ta ăn, thắt lưng hầu bàn cho ta ăn uống xong đã, rồi anh hãy ăn uống sau !’ ?⁹ Chẳng lẽ ông chủ lại biết ơn đầy tớ vì nó đã làm theo lệnh truyền sao ?¹⁰ Đối với anh em cũng vậy : khi đã làm tất cả những gì theo lệnh phải làm, thì hãy nói : chúng tôi là những đầy tớ vô dụng, chúng tôi đã chỉ làm việc bổn phận đầy thôi.”

Mười người phong hủi

*¹¹ Trên đường lên Giê-ru-sa-lem, Đức Giê-su đi qua biên giới giữa hai miền Sa-ma-ri và Ga-li-lê.¹² Lúc Người vào một làng kia, thì có mười người phong hủi đón gặp Người. Họ dừng lại đằng xa¹³ và kêu lớn tiếng : “Lạy Thầy Giê-su, xin rủ lòng thương chúng tôi !”¹⁴ Thấy vậy,

Đức Giê-su bảo họ : “Hãy đi trình diện với các tư tế.” Đang khi đi thì họ được sạch. ¹⁵ Một người trong bọn, thấy mình được khỏi, liền quay trở lại và lớn tiếng tôn vinh Thiên Chúa. ¹⁶ Anh ta sấp mình dưới chân Đức Giê-su mà tạ ơn. Anh ta lại là người Sa-ma-ri. ¹⁷ Đức Giê-su mới nói : “Không phải cả mười người đều được sạch sao ? Thế thì chín người kia đâu ? ¹⁸ Sao không thấy họ trở lại tôn vinh

Thiên Chúa, mà chỉ có người ngoại bang này ?”
¹⁹ Rồi Người nói với anh ta : “Đứng dậy về đi ! Lòng tin của anh đã cứu chữa anh.”

Triều Đại Thiên Chúa đang ở giữa các ông

* ²⁰ Người Pha-ri-sêu hỏi Đức Giê-su bao giờ Triều Đại Thiên Chúa đến. Người trả lời : “Triều Đại Thiên Chúa không đến như một điều có thể quan sát được. ²¹ Và người ta sẽ không nói : ‘Ồ đây này !’

* **17,11** Mười người phong hủi đã được chữa lành, nhưng chỉ có một người được nghe Chúa Giê-su nói : “*Lòng tin của anh đã cứu chữa anh*”, bởi vì anh đã đền đáp Chúa từ tận đáy lòng mình. Trong khi các người kia chỉ lo sao cho các tư tế cho phép họ trở về sống giữa gia đình, xã hội, thì riêng anh, anh muốn ngay lập tức cảm tạ Thiên Chúa ở chính nơi mà ơn của Người đã đến với anh : lòng tin cứu thoát và biến đổi chúng ta là như thế đó. Trong số tất cả những người xin được khỏi bệnh hoặc những ơn nào đó, thử hỏi có mấy ai sẽ biết yêu mến Thiên Chúa ?

* **17,20** ...*hỏi bao giờ Triều Đại Thiên Chúa đến*. Triều Đại ấy không đến như một cuộc cách mạng hay một vụ đổi mùa : nó đã bắt đầu hoạt động nơi những ai đón nhận Tin Mừng. Ai tin thì Triều Đại Thiên Chúa đã là của họ.

Sau đó, Chúa Giê-su nói về ngày tận số của Giê-ru-sa-lem và cuộc quang lâm thứ hai của Người (Mc 13,14). Người thời ấy quan niệm cuộc chiến thắng này của Đấng Thiên Sai một cách rất vật chất, gắn liền với cuộc giải phóng khỏi quyền cai trị của người Rô-ma. Để mở mang đầu óc của họ, Chúa Giê-su ví von ngày ấy với hai hiện tượng : *ánh chớp* mà từ khắp nơi mọi người đều thấy, và *đàn diều hâu* thế nào cũng tụ lại bên xác chết. Mọi người cũng sẽ thấy rõ như thế cuộc trở lại của Chúa Ki-tô, không một chút hoài nghi.

Những ai không đợi chờ Người thì không được chuẩn bị cho cuộc trở lại này (như thời ông Nô-ê). Giờ phán xét sẽ tách biệt người lành kẻ dữ, trong khi chẳng có gì ngăn cách họ trong cuộc sống thường ngày : hai người cùng làm việc bên nhau thì *một người sẽ được đem đi, còn người kia bị bỏ lại* (cc. 35-36).

hay ‘Ở kia kia !’, vì này Triều Đại Thiên Chúa đang ở giữa các ông.”

Ngày của Con Người

²² Rồi Đức Giê-su nói với các môn đệ : “Sẽ đến thời anh em mong ước được thấy một trong những ngày của Con Người thôi, mà cũng không được thấy.

²³ Người ta sẽ bảo anh em : ‘Người ở kia kia !’ hay ‘Người ở đây này !’ Anh em đừng đi, đừng chạy theo. ²⁴ Vì ánh chớp chói lòà chiếu sáng từ phương trời này đến phương trời kia thế nào, thì Con Người cũng sẽ như vậy trong ngày của Người. ²⁵ Nhưng trước đó, Người phải chịu đau khổ nhiều và bị thế hệ này loại bỏ.

²⁶ “Và cũng như thời ông Nô-ê, sự việc đã xảy ra cách nào, thì trong những ngày của Con Người, sự việc cũng sẽ xảy ra như vậy. ²⁷ Thiên hạ ăn uống,

cưới vợ lấy chồng, mãi cho đến ngày ông Nô-ê vào tàu, và nạn hồng thủy ập tới, tiêu diệt tất cả. ²⁸ Sự việc cũng xảy ra giống như vậy trong thời ông Lót : thiên hạ ăn uống, mua bán, trồng trọt, xây cất. ²⁹ Nhưng ngày ông Lót ra khỏi Xơ-dôm, thì Thiên Chúa khiến mưa lửa và diêm sinh từ trời đổ xuống tiêu diệt tất cả. ³⁰ Sự việc cũng sẽ xảy ra như thế, ngày Con Người được mặc khải.

³¹ “Ngày ấy, ai ở trên sân thượng mà đồ đạc ở dưới nhà, thì đừng xuống lấy. Cũng vậy, ai ở ngoài đồng thì đừng quay trở lại.

³² Hãy nhớ chuyện vợ ông Lót. ³³ Ai tìm cách giữ mạng sống mình, thì sẽ mất ; còn ai liều mất mạng sống mình, thì sẽ bảo tồn được mạng sống.

³⁴ Thầy nói cho anh em biết : đêm ấy, hai người đang nằm chung một

Mt 24,17 nói về người “ở trên sân thượng” là đề cập tới cuộc tàn phá Giê-ru-sa-lem, có nghĩa là người ấy phải chạy cho nhanh. Trong bản văn này thì ý nghĩa lại khác : ngày tận thế mà lo tìm cách giữ mạng giữ của thì đã quá trễ.

Ở đâu vậy ? (c.37) : đây là câu hỏi lạc điệu, cũng như trong Lc 17,20, vì Chúa đâu đến quy tụ người lành tại một địa điểm vật chất. Ngày đó, những người lành sẽ được ra trình diện trước Thiên Chúa : điều này chắc chắn xảy ra cũng như điều hầu bu lại quanh xác chết.

giường, thì một người sẽ được đem đi, còn người kia bị bỏ lại. ³⁵ Hai người đàn bà đang cùng nhau xay bột, thì một người sẽ được đem đi, còn người kia bị bỏ lại. ³⁶ Hai người đàn ông đang ở ngoài đồng, thì một người sẽ được đem đi, còn người kia bị bỏ lại.” ³⁷ Các môn đệ lên tiếng hỏi Đức Giê-su : “Thưa Thầy, ở đâu vậy ?” Người nói với các ông : “Xác nằm đâu, điều hậu tỵ đó.”

Dụ ngôn quan toà bất chính và bà goá quấy rầy

18 * ¹ Đức Giê-su kể cho các môn đệ dụ ngôn sau đây, để dạy các ông phải cầu nguyện luôn, không được nản chí. ² Người nói : “Trong thành kia, có một ông quan toà. Ông ta chẳng kính sợ Thiên Chúa, mà cũng chẳng coi ai ra gì. ³ Trong thành đó, cũng có một bà goá. Bà này đã nhiều lần đến thưa với ông : ‘Đối phương tôi hại tôi, xin ngài minh xét cho.’ ⁴ Một

* **18,1** Nếu Thiên Chúa công bình thì tại sao Người không xét xử công bình ? (Tv 44,23 ; Kb 1 ; Dcr 1,12 ; Kh 6,9). Chúa Giê-su trả lời : các ông có thật sự mong ước điều ấy không ? Các ông có cầu nguyện đúng cách để Thiên Chúa xét xử công bình không ? Các ông sẽ phải đợi, nhưng đừng hồ nghi Người sẽ xét xử công bình.

Một quan toà chẳng coi ai ra gì : nhiều người nghĩ về Thiên Chúa như thế khi họ thấy những bất công và những chuyện phi lý trên đời. Nhưng nếu chúng ta kiên trì cầu nguyện thì dần dần chúng ta sẽ khám phá ra rằng đâu phải tất cả mọi chuyện đều phi lý như ta tưởng, và sẽ có ngày chúng ta biết nhận ra trong các biến cố dung nhan của vị Thiên Chúa yêu thương chúng ta.

Những kẻ ngày đêm hằng kêu cứu với Người. Chúa Giê-su thường hay nhấn mạnh trách nhiệm của chúng ta đối với thế giới, nhưng Người cũng mời gọi chúng ta cầu nguyện với Thiên Chúa đêm ngày. Tại sao người ta cứ phân biệt một cách dễ dàng như thế (hay là chúng ta phân biệt họ) người cầu nguyện với người hoạt động ?

Liệu Người còn thấy lòng tin trên mặt đất nữa chăng ? Chúa Giê-su xác nhận một ý kiến phổ biến trong xã hội Do-thái đương thời. Vào những ngày cuối trước cuộc Phán Xét, sự dữ sẽ hoành hành mãnh liệt đến nỗi “lòng yêu mến của nhiều người sẽ nguội đi” (Mt 24,12).

Thật ra, trong cuộc giảng lâm lần thứ nhất của Chúa Giê-su thì Cựu Ước xem ra đã kết thúc với một thất bại : kẻ tin vào Người thì rất ít, và bốn mươi năm sau cuộc thương khó của Người, đa số đã buông trôi, để mặc cho cảnh hỗn độn, những thiên sai giả và những cuộc bạo động đẩy cả dân tộc đến chỗ diệt vong.

thời gian khá lâu, ông không chịu. Nhưng cuối cùng, ông ta nghĩ bụng : ‘Dầu rằng ta chẳng kính sợ Thiên Chúa, mà cũng chẳng coi ai ra gì, ⁵ nhưng mục vụ này quấy rầy mãi, thì ta xét xử cho rồi, kéo mục ấy cứ đến hoài, làm ta nhức đầu nhức óc.’”

⁶ Rồi Chúa nói : “Anh em nghe quan toà bất chính ấy nói đó ! ⁷ Vậy chẳng lẽ Thiên Chúa lại không minh xét cho những kẻ Người đã tuyển chọn, ngày đêm hằng kêu cứu với Người sao ? Lẽ nào Người bắt họ chờ đợi mãi ? ⁸ Thấy nói cho anh em biết, Người sẽ mau chóng

minh xét cho họ. Nhưng khi Con Người ngự đến, liệu Người còn thấy lòng tin trên mặt đất nữa chăng ?”

Dụ ngôn người Pha-ri-sêu và người thu thuế

* ⁹ Đức Giê-su còn kể dụ ngôn sau đây với một số người tự hào cho mình là công chính mà khinh chê người khác : ¹⁰ “Có hai người lên đền thờ cầu nguyện. Một người thuộc nhóm Pha-ri-sêu, còn người kia làm nghề thu thuế. ¹¹ Người Pha-ri-sêu đứng thẳng, nguyện thầm rằng : ‘Lạy Thiên Chúa, xin tạ ơn Chúa, vì con không như bao kẻ khác :

* **18,9** Nhóm Pha-ri-sêu trung thành tuân giữ luật Thiên Chúa : họ gia tăng những việc ăn chay và từ thiện. Khốn nỗi, nhiều người cho là mình có công trạng do một cuộc sống gương mẫu : việc lành họ làm buộc Thiên Chúa phải thưởng công cho họ.

Người thu thuế thì, ngược lại, tự nhận mình là kẻ có tội với Thiên Chúa và với tha nhân : anh chỉ biết xin ơn tha thứ. Chính anh là người sống trong sự thật và trong sự công chính của Thiên Chúa khi anh trở về nhà (bản văn nói là anh được nên công chính, nghĩa là được đẹp ý Thiên Chúa).

Chúa Giê-su lên tiếng nói với một số người tự hào cho mình là công chính (c.9). Là công chính đối lại với được nên công chính ở c.14. Sách Thánh gọi là “người công chính” những ai sống đứng đắn trước mặt Thiên Chúa vì tuân giữ Luật Người ; như trong Mt 1,19 và Lc 1,6 : hai ông Giu-se và Da-ca-ri-a được gọi là người công chính. Tuy nhiên, ở nhiều nơi, người ta xem các hành động bên ngoài làm nên người “công chính” rất ư là quan trọng, và nhóm Pha-ri-sêu hoặc bất kỳ nhóm tôn giáo nào –cũng đồng thời là một đảng phái hay một nhóm người trong xã hội–, thì tự coi mình là người tử tế vì những hành động bề ngoài ấy.

trộm cắp, bất chính, ngoại tình, hoặc như tên thu thuế kia. ¹² Con ăn chay mỗi tuần hai lần, con dâng cho Chúa một phần mười thu nhập của con.' ¹³ Còn người thu thuế thì đứng đằng xa, thậm chí chẳng dám ngước mắt lên trời, nhưng vừa đấm ngực vừa thưa rằng : 'Lạy Thiên Chúa, xin thương xót con là kẻ tội lỗi.' ¹⁴ Tôi nói cho các ông biết : người này, khi trở xuống mà về nhà, thì đã được nên công chính rồi ; còn người kia thì không. Vì phạm ai tôn mình lên sẽ bị hạ xuống ;

còn ai hạ mình xuống sẽ được tôn lên."

Đức Giê-su và các trẻ em

¹⁵ Người ta còn đem cả trẻ thơ đến với Đức Giê-su, để Người đặt tay trên chúng. Thấy vậy, các môn đệ la rầy chúng. ¹⁶ Nhưng Đức Giê-su gọi chúng lại mà nói : "Cứ để trẻ em đến với Thầy, đừng ngăn cấm chúng, vì Nước Thiên Chúa là của những ai giống như chúng. ¹⁷ Thầy bảo thật anh em : Ai không đón nhận Nước Thiên Chúa với tâm hồn một trẻ em, thì sẽ chẳng được vào."

Chúa Giê-su kêu gọi chúng ta sống khiêm tốn nếu muốn được đức "công chính" hoặc đức chính trực duy nhất mà Thiên Chúa chấp nhận, vì đâu phải cứ lập công tích đức mà chúng ta được nên công chính, nhưng là phải nhận lấy nhân đức ấy từ tay Thiên Chúa, như một ân huệ Người tặng ban cho những ai mong nhận từ nơi Người ơn tha thứ và thánh thiện. Không phải ngẫu nhiên mà dụ ngôn này là riêng của tác giả Lu-ca, người môn đệ của thánh Phao-lô, vì chính thánh Phao-lô, một người Pha-ri-sêu đã trở lại, thường nhắc đi nhắc lại thế nào là sự công chính đích thực của người Ki-tô hữu. Những gì Thiên Chúa dành cho chúng ta lớn lao đến nỗi chúng ta không thể nào mua lấy được bằng những việc đạo đức hoặc những việc lành : nhưng Thiên Chúa ban tất cả nếu chúng ta tin tưởng vào Người (x. Rm 4).

Cũng chẳng phải ngẫu nhiên mà Chúa Giê-su đưa ra làm ví dụ một người Pha-ri-sêu chỉ biết so sánh mình với một người khác để thấy mình tốt hơn người ấy. Đây chính là chỗ ma quỷ đón đường mọi người và tất cả những nhóm Ki-tô hữu nào tự hào mình đã chọn một con đường hoán cải. Bất cứ nơi đâu Giáo Hội chia rẽ, dù là vì lý do chính trị hay tôn giáo, thì có thể cầm chắc là người ta thích ở trong tình trạng ấy vì nó cho phép mỗi người tự so sánh mình với kẻ khác. Và thật khó mà có chân trong một nhóm "người trở lại" mà không nhìn bằng cặp mắt thương hại những anh em Ki-tô hữu đã không chọn đi cùng một con đường với mình.

Người thủ lãnh giàu có

¹⁸ Có một thủ lãnh hỏi Đức Giê-su : “Thưa Thầy nhân lành, tôi phải làm gì để được sự sống đời đời làm gia nghiệp ?” ¹⁹ Đức Giê-su đáp : “Sao ông nói tôi nhân lành ? Chẳng có ai nhân lành cả, trừ một mình Thiên Chúa. ²⁰ Hẳn ông biết các điều răn : *Chớ ngoại tình, chớ giết người, chớ trộm cắp, chớ làm chứng gian, hãy thờ cha kính mẹ.*” ²¹ Ông ta nói : “Tất cả những việc đó, tôi đã tuân giữ từ thuở nhỏ.” ²² Nghe vậy, Đức Giê-su bảo ông : “Ông chỉ còn thiếu có một điều, là hãy bán tất cả những gì ông có mà phân phát cho người nghèo, và ông sẽ được một kho tàng trên trời. Rồi hãy đến theo tôi.” ²³ Nghe vậy, ông ta buồn lắm, vì ông rất giàu.

Người giàu có khó vào Nước Thiên Chúa

²⁴ Đức Giê-su nhìn ông ta và nói : “Những người có của thì khó vào Nước Thiên Chúa biết bao ! ²⁵ Quả vậy, con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào Nước Thiên Chúa.” ²⁶ Những người

nghe Đức Giê-su nói liền hỏi : “Thế thì ai có thể được cứu ?” ²⁷ Người đáp : “Những gì không thể được đối với loài người, thì đều có thể được đối với Thiên Chúa.”

Phần thưởng dành cho ai bỏ mọi sự mà theo Đức Giê-su

²⁸ Ông Phê-rô thưa : “Thầy coi, phần chúng con, chúng con đã bỏ những gì là của mình mà theo Thầy.” ²⁹ Người đáp : “Thầy bảo thật anh em : chẳng hề có ai bỏ nhà, bỏ vợ, anh em, cha mẹ hay con cái vì Nước Thiên Chúa, ³⁰ mà lại không được gấp bội ở đời này và sự sống vĩnh cửu ở đời sau.”

Đức Giê-su tiên báo cuộc Thương Khó lần thứ ba

³¹ Đức Giê-su kéo riêng Nhóm Mười Hai ra và nói với các ông : “Này chúng ta lên Giê-ru-sa-lem, và tất cả những gì các ngôn sứ đã viết về Con Người sẽ được hoàn tất. ³² Quả vậy, Người sẽ bị nộp cho dân ngoại, sẽ bị nhục báng, nhục mạ, khạc nhổ. ³³ Sau khi đánh đòn, họ sẽ giết Người, và ngày thứ ba

Người sẽ sống lại.”³⁴ Nhưng các ông không hiểu gì cả ; đối với các ông, lời ấy còn bí ẩn, nên các ông không rõ những điều Người nói.

Đức Giê-su chữa người mù tại Giê-ri-khô

³⁵ Khi Đức Giê-su gần đến Giê-ri-khô, có một người mù đang ngồi ăn xin ở vệ đường.³⁶ Nghe thấy đám đông đi qua, anh ta hỏi xem có chuyện gì.³⁷ Họ báo cho anh biết là Đức Giê-su Na-da-rét đang đi qua đó.³⁸ Anh liền kêu lên rằng : “Lạy ông Giê-su, Con vua Đa-vít, xin rủ lòng thương tôi !”³⁹ Những người đi đầu quát nạt, bảo anh ta im đi ; nhưng anh càng kêu lớn tiếng : “Lạy Con vua Đa-vít, xin rủ lòng thương tôi !”⁴⁰ Đức Giê-su dừng lại, truyền

dẫn anh ta đến. Khi anh đã đến gần, Người hỏi :⁴¹ “Anh muốn tôi làm gì cho anh ?” Anh ta đáp : “Lạy Ngài, xin cho tôi nhìn thấy được.”⁴² Đức Giê-su nói : “Anh nhìn thấy đi ! Lòng tin của anh đã cứu chữa anh.”⁴³ Lập tức, anh ta nhìn thấy được và theo Người, vừa đi vừa tôn vinh Thiên Chúa. Thấy vậy, toàn dân cất tiếng ngợi khen Thiên Chúa.

Ông Da-kêu

19^{* 1} Sau khi vào Giê-ri-khô, Đức Giê-su đi ngang qua thành phố ấy.² Ở đó có một người tên là Da-kêu ; ông đứng đầu những người thu thuế, và là người giàu có.³ Ông ta tìm cách để xem cho biết Đức Giê-su là ai, nhưng

QUYỀN PHÉP CỦA CHÚA GIÊ-SU

* **19,1** Tại Giê-ri-khô, ông Da-kêu đã bị xếp loại : con người vốn quen thói làm ăn mờ ám này, làm gì hoá cải được ? Thiên Chúa phải dành cho ông ta hình phạt nào đây ! Nhưng ô kìa, Người lại đến nhà ông !

Chúa Giê-su chứng tỏ Người được Thánh Thần hướng dẫn khi thấy ông Da-kêu giữa đám đông ; cùng lúc ấy, Người hiểu rằng Người đã tới Giê-ri-khô ngày hôm ấy để cứu một người giàu có.

Ông Da-kêu dư biết thiên hạ ganh ghét ông và thù hằn như ông. Thật ra ông đâu phải là người xấu bụng : dù đã nhúng tay vào những chuyện xấu xa, nhưng trong lòng ông vẫn còn ghi chữ thiện : ông thăm thán phục ngôn sứ Giê-su. Chính từ nỗi lòng thăm kín này, từ niềm thiết tha tìm đến ánh sáng của ông, mà Thiên Chúa cứu độ ông. Ân huệ Chúa Giê-su ban cho ông khiến ông bộc lộ ra hết những gì là tốt lành và nhân ái còn vùi sâu trong lương tri của mình.

không được, vì dân chúng thì đông, mà ông ta lại lùn. ⁴ Ông liền chạy tới phía trước, leo lên một cây sung để xem Đức Giê-su, vì Người sắp đi qua đó. ⁵ Khi Đức Giê-su tới chỗ ấy, thì Người nhìn lên và nói với ông : “Này ông Da-kêu, xuống mau đi, vì hôm nay tôi phải ở lại nhà ông !” ⁶ Ông vội vàng tụt xuống, và mừng rỡ đón rước Người. ⁷ Thấy vậy, mọi người xầm xì với nhau : “Nhà người tội lỗi mà ông ấy cũng vào trọ !” ⁸ Ông Da-kêu đứng đó thưa với

Chúa rằng : “Thưa Ngài, đây phân nửa tài sản của tôi, tôi cho người nghèo ; và nếu tôi đã chiếm đoạt của ai cái gì, tôi xin đền gấp bốn.” ⁹ Đức Giê-su mới nói về ông ta rằng : “Hôm nay, ơn cứu độ đã đến cho nhà này, bởi người này cũng là con cháu tổ phụ Áp-ra-ham. ¹⁰ Vì Con Người đến để tìm và cứu những gì đã mất.”

Dụ ngôn mười nén bạc

* ¹¹ Khi dân chúng đang nghe những điều ấy, thì Đức Giê-su lại kể thêm

Lc ghi ông mừng rỡ đón rước Chúa Giê-su : niềm vui mừng này cho thấy đã có sự biến đổi nơi ông. Sau đó, ông sẽ có cách đền bù những việc xấu ông đã làm. Dân chúng thì tức tối, và ở điểm này, họ bắt chước nhóm Pha-ri-sêu : đáng lẽ ngôn sứ Giê-su phải đứng về phía họ và chia sẻ nỗi căm hờn của họ chứ ! Nhưng Chúa Giê-su không phải là một kẻ mỉa dân. Đối với Người, sự hiểu lầm của dân chúng cũng chẳng quan trọng gì hơn sự hiểu lầm của nhóm Pha-ri-sêu. Một lần nữa Chúa Giê-su chứng tỏ quyền phép của Người : tiêu diệt sự dữ bằng cách cứu tội nhân.

* 19,11 Người miền Ga-li-lê lên Giê-ru-sa-lem để mừng lễ Vượt Qua, và Chúa Giê-su cùng đi với họ. Người biết cái chết đang chờ Người ; còn họ thì xác tín rằng Người sẽ được tôn làm vua và Người giải phóng Ít-ra-en.

Trong dụ ngôn này, Chúa Giê-su ám chỉ một biến cố chính trị đã làm rung động cả nước : những biến động quanh vụ nổi loạn vua Hê-rô-dê Cả. Chúa Giê-su dùng biến cố này như một hình ảnh để kêu gọi thánh giả chờ đợi một chuyện khác. Người sẽ làm vua khi trở về từ phương xa (cái chết của Người), vào thời sau hết. Trong thời gian chờ đợi thì các môn đệ của Người có nhiệm vụ làm sinh lợi những tài sản Người đã trao ban. Họ không được cứ ở đó khoanh tay chờ Người trở lại, bởi vì kẻ thù của Người sẽ lợi dụng lúc Người vắng mặt để ra sức chống lại ảnh hưởng của Người. Các tội trung của Chúa Giê-su sẽ thông phần chiến thắng của Người theo mức độ họ đã ra công góp sức.

một dụ ngôn, vì Người đang ở gần Giê-ru-sa-lem và vì họ tưởng là Triều Đại Thiên Chúa sắp xuất hiện đến nơi rồi.¹² Vậy Người nói : “Có một người quý tộc kia trốn đi phương xa lãnh nhận vương quyền, rồi trở về.¹³ Ông gọi mười người trong các tôi tớ của ông đến, phát cho họ mười nén bạc và nói với họ : ‘Hãy lo làm ăn sinh lợi cho tới khi tôi đến.’¹⁴ Nhưng đồng bào ông ghét ông, nên họ cử một phái đoàn đến sau ông để nói rằng : ‘Chúng tôi không muốn ông này làm vua chúng tôi.’

¹⁵ “Sau khi lãnh nhận vương quyền, ông trở về. Bấy giờ ông truyền gọi những đầy tớ ông đã giao bạc cho, để xem mỗi người làm ăn sinh lợi được bao nhiêu.¹⁶ Người thứ nhất

đến trình : ‘Thưa ngài, nén bạc của ngài đã sinh lợi được mười nén.’¹⁷ Ông bảo người ấy : ‘Khá lắm, hỡi đầy tớ tài giỏi ! Vì anh đã trung thành trong việc rất nhỏ, thì hãy cầm quyền cai trị mười thành.’¹⁸ Người thứ hai đến trình : ‘Thưa ngài, nén bạc của ngài đã làm lợi được năm nén.’¹⁹ Ông cũng bảo người ấy : ‘Anh cũng vậy, anh hãy cai trị năm thành.’

²⁰ Rồi người thứ ba đến trình : ‘Thưa ngài, nén bạc của ngài đây, tôi đã bọc khăn giữ kỹ.’²¹ Tôi sợ ngài, vì ngài là người khắc nghiệt, đòi cái không gửi, gặt cái không gieo.’²² Ông nói : ‘Hỡi đầy tớ tội tệ ! Tôi cứ lời miệng anh mà xử anh. Anh đã biết tôi là người khắc nghiệt, đòi cái không gửi, gặt cái không gieo.’²³ Thế sao anh không

Đoạn văn này rất giống dụ ngôn những yến bạc (Mt 25,14). Tuy nhiên, chúng ta để ý đến hai điểm dị biệt :

Một đàng, trong phần dẫn nhập và phần kết luận, Chúa Giê-su ám chỉ thời cuộc trên quê hương. Dân Do-thái thuộc quyền đế quốc Rô-ma, và các tiểu vương địa phương phải làm vừa lòng đế quốc đang bảo hộ vương quyền của họ.

Đàng khác, dụ ngôn làm rõ nét đức công bình của Thiên Chúa : mỗi người nhận lãnh theo công đã lập được (mà không quên rằng công trạng này là ơn Thiên Chúa ban). Hạnh phúc trên trời không phải là cái có thể được phát đồng đều. Mỗi người sẽ nhận biết Thiên Chúa và được thông chia những phúc lộc của Người tùy lúc bình sinh người ấy đã biết yêu thương nhiều hay ít.

gửi bạc của tôi vào ngân hàng ? Có vậy, khi tôi đến, tôi mới rút ra được cả vốn lẫn lời chứ !”²⁴ Rồi ông bảo những người đứng đó : ‘Lấy lại nén bạc nó giữ mà đưa cho người đã có mười nén.’²⁵ Họ thưa ông : ‘Thưa ngài, anh ấy có mười nén rồi !’²⁶ – ‘Tôi nói cho các anh hay : phàm ai đã

có, thì sẽ được cho thêm ; còn ai không có, thì ngay cái nó đang có cũng sẽ bị lấy đi.’

²⁷ “Còn bọn thù địch của tôi kia, những người không muốn tôi làm vua cai trị chúng, thì hãy dẫn chúng lại đây và giết chết trước mặt tôi.”

V. ĐỨC GIÊ-SU RAO GIẢNG TẠI GIÊ-RU-SA-LEM

Đức Giê-su vào Giê-ru-sa-lem với tư cách là Mê-si-a

²⁸ Nói những lời ấy xong, Đức Giê-su đi đầu, tiến lên Giê-ru-sa-lem. ²⁹ Khi đến gần làng Bết-pha-gê và làng Bê-ta-ni-a, bên triền núi gọi là núi Ô-liu, Người sai hai môn đệ và bảo :
³⁰ “Các anh đi vào làng trước mặt kia. Khi vào sẽ thấy một con lừa con chưa ai cỡi bao giờ, đang cột sẵn đó. Các anh cỡi đây ra và dắt nó đi. ³¹ Nếu có ai hỏi : ‘Tại sao các anh cỡi lừa người ta ra’, thì cứ nói : ‘Chúa có việc cần dùng !’
³² Hai người được sai liền ra đi và thấy y như Người đã nói. ³³ Các ông đang cỡi đây lừa, thì những người chủ nói với các ông : ”Tại

sao các anh lại cỡi lừa người ta ra ?”³⁴ Hai ông đáp : “Chúa có việc cần dùng.”

³⁵ Các ông dắt lừa về cho Đức Giê-su, rồi lấy áo choàng của mình phủ trên lưng lừa, và giúp Người cỡi lên. ³⁶ Người đi tới đầu, dân chúng cũng lấy áo choàng trải xuống mặt đường. ³⁷ Khi Người đến gần chỗ dốc xuống núi Ô-liu, tất cả đoàn môn đệ vui mừng bắt đầu lớn tiếng ca tụng Thiên Chúa, vì các phép lạ họ đã được thấy.
³⁸ Họ hô lên : *Chúc tụng Đức Vua, Đáng ngự đến nhân danh Chúa !* Bình an trên cõi trời cao, vinh quang trên các tầng trời !

Đức Giê-su tán thành việc các môn đệ hoan hô Người

³⁹ Trong đám đông, có vài người thuộc nhóm Phari-sêu nói với Đức Giê-su : “Thưa Thầy, Thầy trách môn đệ Thầy đi chứ !”

⁴⁰ Người đáp : “Tôi bảo các ông : họ mà làm thính, thì sỏi đá cũng sẽ kêu lên !”

Đức Giê-su thương tiếc thành Giê-ru-sa-lem

⁴¹ Khi đến gần Giê-ru-sa-lem và trông thấy thành, Đức Giê-su khóc thương ⁴² mà nói : “Phải chi ngày hôm nay ngươi cũng nhận ra những gì đem lại bình an cho ngươi ! Nhưng hiện giờ, điều ấy còn bị che khuất, mắt ngươi không thấy được. ⁴³ Thật vậy, sẽ tới những ngày quân thù đắp lũy chung quanh, bao vây và công hãm ngươi tư bề. ⁴⁴ Chúng sẽ dè bẹp ngươi và con cái đang ở giữa ngươi, và sẽ không để hòn đá nào trên hòn đá nào, vì ngươi đã không nhận biết thời giờ ngươi được Thiên Chúa viếng thăm.”

Đức Giê-su đuổi những người đang buôn bán trong Đền Thờ

⁴⁵ Đức Giê-su vào Đền Thờ, Người bắt đầu đuổi

những kẻ đang buôn bán ⁴⁶ và nói với họ : “Đã có lời chép rằng : *Nhà Ta sẽ là nhà cầu nguyện*, thế mà các ngươi đã biến thành *sào huyệt của bọn cướp* !”

Đức Giê-su giảng dạy tại Đền Thờ

⁴⁷ Hằng ngày, Người giảng dạy trong Đền Thờ. Các thượng tế và kinh sư tìm cách giết Người, cả các thân hào trong dân cũng vậy. ⁴⁸ Nhưng họ không biết phải làm sao, vì toàn dân say mê nghe Người.

Câu hỏi về quyền bính của Đức Giê-su

20 ¹ Một hôm, đang khi Đức Giê-su giảng dạy cho dân trong Đền Thờ và loan báo Tin Mừng, thì các thượng tế và kinh sư cùng các kỳ mục kéo đến ² và nói với Người rằng : “Xin ông cho chúng tôi biết : ông lấy quyền nào mà làm các điều ấy ? Hay ai là người đã cho ông quyền ấy ?”

³ Đức Giê-su đáp : “Tôi cũng vậy, tôi hỏi các ông một điều, xin nói cho tôi biết : ⁴ phép rửa của ông Gio-an là do Trời hay do người ta ?” ⁵ Họ liền bàn tính với nhau : “Nếu mình

nói : ‘Do Trời’, thì ông ấy sẽ vặn lại : ‘Thế sao các ông lại không tin ông ấy ?’⁶ Còn nếu mình nói : ‘Do người ta’, thì toàn dân sẽ ném đá mình, vì họ xác tín rằng ông Gio-an là một Ngôn Sứ.’⁷ Họ mới trả lời là họ không biết do đâu.⁸ Đức Giê-su liền bảo họ : “Tôi cũng vậy, tôi cũng không nói cho các ông là tôi lấy quyền nào mà làm các điều ấy.”

Dụ ngôn những tá điền sát nhân

⁹ Rồi Đức Giê-su bắt đầu kể cho dân nghe dụ ngôn này : “Có người kia trồng được một vườn nho và cho tá điền canh tác, rồi đi xa một thời gian khá lâu.

¹⁰ “Đến mùa, ông sai một đầy tớ đến gặp các tá điền để chúng nộp hoa lợi vườn nho cho anh đem về. Nhưng bọn tá điền đánh anh ta rồi đuổi về tay

*Tảng đá thợ xây nhà loại bỏ,
lại trở nên đá tảng góc tường ?*

¹⁸ “Phàm ai ngã xuống đá này, kẻ ấy sẽ tan xương ; đá này rơi trúng ai, sẽ làm người ấy nát thịt.”

¹⁹ Ngay giờ đó, các kinh sư và thượng tế tìm cách

không.¹¹ Ông lại sai một đầy tớ khác, nhưng họ cũng đánh anh ta, hạ nhục, rồi đuổi về tay không.¹² Ông còn sai thêm một người thứ ba, nhưng họ cũng đánh trọng thương, rồi quăng ra ngoài.¹³ Ông chủ vườn nho mới nói : “Ta phải làm gì đây ? Ta sẽ phái người con yêu dấu của ta, biết đâu chúng sẽ nể con ta.’¹⁴ Nhưng vừa thấy cậu, bọn tá điền liền bàn nhau : ‘Đứa thừa tự đây rồi ! Ta giết quách nó đi, rồi gia tài sẽ về tay ta.’¹⁵ Thế là chúng quăng cậu ra bên ngoài vườn nho, rồi giết đi.

“Vậy ông chủ vườn nho sẽ làm gì chúng ?¹⁶ Ông sẽ đến tru diệt các tá điền ấy, rồi giao vườn nho cho người khác”. Nghe vậy, họ nói : “Mong đừng có chuyện ấy !”¹⁷ Nhưng Đức Giê-su đưa mắt nhìn họ và nói : “Vậy câu Kinh Thánh này có nghĩa gì :

tra tay bắt Đức Giê-su, nhưng lại sợ dân. Quả vậy, họ thừa hiểu Người đã nhắm vào họ mà kể dụ ngôn ấy.

Nộp thuế cho Xê-da

²⁰ Họ rình rập và sai một số người giả bộ công chính đến dò la, mong bắt quả tang Đức Giê-su lờ lời, để nộp Người cho nhà chức trách có thẩm quyền là tổng trấn. ²¹ Những người này hỏi Đức Giê-su rằng : “Thưa Thầy, chúng tôi biết Thầy nói và dạy một cách thẳng thắn, không thiên vị ai, nhưng theo sự thật mà dạy đường lối của Thiên Chúa. ²² Vậy, chúng tôi có được phép nộp thuế cho Xê-da hay không ?” ²³ Nhưng Đức Giê-su thấu suốt lòng xảo trá của họ, nên Người nói : ²⁴ “Cho tôi coi một quan

tiền ! Quan tiền này mang hình và danh hiệu của ai đây ?” Họ đáp : “Của Xê-da.” ²⁵ Người bảo họ : “Thế thì của Xê-da, trả về Xê-da ; của Thiên Chúa, trả về Thiên Chúa.”

²⁶ Họ không tài nào bắt quả tang Người lờ lời trước mặt dân ; nghe câu trả lời của Người, họ ngạc nhiên và làm thinh luôn.

Kẻ chết sống lại

²⁷ Có mấy người thuộc nhóm Xa-đốc đến gặp Đức Giê-su. Nhóm này chủ trương không có sự sống lại. ²⁸ Mấy người ấy hỏi Đức Giê-su : “Thưa Thầy, ông Mô-sê có viết cho

* 20,27 X. phần bình giải Mc 12,8.

Tin Mừng Lu-ca có những cách dùng từ riêng để nói về sự sống lại trong cc. 34-36. Ấy là vì ở các nước theo văn hoá Hy-lạp (và thánh Lu-ca viết cho cư dân ở đó), nhiều người tin linh hồn bất tử : họ coi linh hồn bất tử là chuyện tự nhiên đối với người phàm. Thánh Lu-ca nói rõ cho họ hiểu rằng sự sống mới mà Chúa Giê-su hứa ban không phải tự nhiên mà có được. Đây là một ân huệ Thiên Chúa ban tặng cho *những ai được xét là đáng hưởng phúc đời sau.*

Họ là con cái Thiên Chúa, vì là con cái sự sống lại (c.36), câu này là lối nói đặc trưng của tiếng Híp-ri. Theo nghĩa đó, sống lại không phải là trở về với đời sống chúng ta sống hiện nay ; đó là công trình của Thần Khí Thiên Chúa, Đấng biến đổi và thánh hoá những kẻ Người cho sống lại. Vì thế những kẻ được sống lại được làm *con Thiên Chúa* (như xưa người ta nói về các thiên thần) một cách còn xác thực hơn là làm con người trên thế giới này : một khi được giải thoát khỏi tội lỗi, họ được tái sinh với sự sống của Thiên Chúa.

Đối với Người, tất cả đều đang sống. Sự sống của họ đã khởi đầu khi Thiên Chúa tìm gặp và kêu gọi họ ; và họ không thể bị tiêu vong, bởi vì Thiên Chúa đã cất họ ra khỏi thế giới này để đem họ vào thế giới riêng của Người.

chúng ta điều luật này : Nếu anh hay em của người nào chết đi, đã có vợ mà không có con, thì người ấy phải lấy nàng, để sinh con nối dòng cho anh hay em mình. ²⁹ Vậy nhà kia có bảy anh em trai. Người anh cả lấy vợ, nhưng chưa có con thì đã chết. ³⁰ Người thứ hai, ³¹ rồi người thứ ba đã lấy người vợ goá ấy. Cứ như vậy, bảy anh em đều chết đi mà không để lại đứa con nào. ³² Cuối cùng, người đàn bà ấy cũng chết. ³³ Vậy trong ngày sống lại, người đàn

bà ấy sẽ là vợ ai, vì cả bảy đều đã lấy nàng làm vợ ?”

³⁴ Đức Giê-su đáp : “Con cái đời này cưới vợ lấy chồng, ³⁵ chứ những ai được xét là đáng hưởng phúc đời sau và sống lại từ cõi chết, thì không cưới vợ cũng chẳng lấy chồng. ³⁶ Quả thật, họ không thể chết nữa, vì được ngang hàng với các thiên thần. Họ là con cái Thiên Chúa, vì là con cái sự sống lại. ³⁷ Còn về vấn đề kẻ chết trỗi dậy, thì chính ông Mô-sê cũng đã cho thấy trong đoạn văn nói về bụi

Niềm tin vào sự sống lại tương phản với thuyết luân hồi của đạo Phật, theo đó vong hồn đầu thai vào một thân xác, trong thân phận mà luật nhân quả quy định. Và vòng luân hồi cứ mãi chuyển xoay bao lâu linh hồn chưa rũ sạch bụi trần. Đây là một giáo thuyết rất có thể lực và ngày nay đang thu hút nhiều người tây phương. Có thể nói giáo thuyết này có tính thực dụng và có nguy cơ khiến con người không thấy trách nhiệm của mình ở đâu, tự hỏi tại sao mình phải gánh nghiệp quả của người khác ở kiếp trước, và yên trí rằng cuối cùng nghiệp quả của mình đến kiếp nào đó cũng sẽ được diệt sạch thôi. Sự thật thì các tín đồ Ấn giáo dường như không ngừng lo tu tâm dưỡng tính hơn là người tây phương, và họ nóng lòng được siêu thoát, sớm chấm dứt vòng sinh diệt ấy.

Sự khác biệt nằm ở chỗ khác. Đây là hai quan niệm về con người. Một bên thì nói rằng linh hồn bị nhốt trong một thân xác. Bên kia rằng thân xác được linh hồn làm cho sống động. Theo thuyết thứ nhất, phải giải thoát linh hồn, theo thuyết thứ hai, hồn xác chỉ là một và phải bảo tồn tính thống nhất này. Thân xác không phải là tấm áo phủ lên linh hồn, để có thể chuyển từ một cụ già sang một đứa bé sơ sinh, nhưng là biểu hiện vật chất của con người. Chính vì thế, niềm hy vọng Ki-tô giáo dựa trên tín điều thân xác sống lại, nghĩa là tín điều tuyên xưng rằng mỗi người đều có khả năng được tái sinh làm con Thiên Chúa với chính sự sống của Người, để rồi có khả năng diễn đạt con người mình một cách viên mãn trong một thân xác “hiển vinh”.

gai, khi ông gọi Đức Chúa là *Thiên Chúa của tổ phụ Áp-ra-ham, Thiên Chúa của tổ phụ I-xa-ác, và Thiên Chúa của tổ phụ Gia-cóp.* ³⁸ Mà Người không phải là Thiên Chúa của kẻ chết, nhưng là Thiên Chúa của kẻ sống, vì đối với Người, tất cả đều đang sống.”

³⁹ Bấy giờ có mấy người thuộc nhóm kinh sư lên tiếng nói : “Thưa Thầy, Thầy nói hay lắm.” ⁴⁰ Thế là, họ không dám chất vấn Người điều gì nữa.

Đức Ki-tô là Con và cũng là Chúa của vua Đa-vít

⁴¹ Nhưng Người hỏi họ : “Sao người ta lại nói Đấng Ki-tô là con vua Đa-vít ?

⁴² Vì chính vua Đa-vít đã nói trong sách Thánh vịnh : *Đức Chúa phán cùng Chúa Thượng tôi : Bên hữu Cha đây, Con lên ngự trị,* ⁴³ *Để rồi bao địch thù, Cha sẽ đặt làm bệ dưới chân Con.*

⁴⁴ “Như vậy, vua Đa-vít gọi Đấng Ki-tô là Chúa Thượng ; thế thì làm sao

Đấng Ki-tô lại là con vua ấy được ?”

Đức Giê-su khiển trách các kinh sư

* ⁴⁵ Toàn dân đang nghe, thì Người nói với các môn đệ : ⁴⁶ “Anh em phải coi chừng những ông kinh sư ưa dạo quanh, xúng xính trong bộ áo thụng, thích được chào hỏi ở những nơi công cộng, ưa chiếm ghế danh dự trong hội đường, thích ngồi cỗ nhất trong đám tiệc. ⁴⁷ Họ nuốt hết tài sản của các bà goá, lại còn làm bộ đọc kinh cầu nguyện lâu giờ. Những người ấy sẽ bị kết án nghiêm khắc hơn.”

Hai đồng tiền nhỏ của bà goá

21 ¹ Ngược mắt lên nhìn, Đức Giê-su thấy những người giàu đang bỏ tiền dâng cúng của họ vào thùng tiền. ² Người cũng thấy một bà goá túng thiếu kia bỏ vào đó hai đồng tiền kẽm. ³ Người liền nói : “Thầy bảo thật anh em : bà goá nghèo này

* **20,45** Họ nuốt hết tài sản của các bà goá. Thời nào cũng thế, những bà goá có đức tin muốn giúp những kẻ được coi là người phục vụ Thiên Chúa, nhưng họ thường bị những kẻ vô liêm sỉ hoặc những giáo phái khai thác.

đã bỏ vào nhiều hơn ai hết. ⁴ Quả vậy, tất cả những người kia đều rút từ tiền dư bạc thừa của họ, mà bỏ vào dâng cúng ; còn bà này, thì rút từ cái túi thiếu của mình, mà bỏ vào đó tất cả những gì bà có để nuôi sống mình.”

Bài giảng về sự sụp đổ của thành Giê-ru-sa-lem. Nhập đề.

* ⁵ Nhân có mấy người nói về Đền Thờ được trang hoàng bằng những viên đá đẹp và những đồ dâng cúng, Đức Giê-su bảo : ⁶ “Những gì anh em đang chiêm ngưỡng đó sẽ có ngày bị tàn phá hết, không còn tảng đá nào trên tảng đá nào.” ⁷ Họ hỏi Người : “Thưa Thầy, vậy bao giờ các sự việc đó sẽ xảy ra, và khi sắp xảy ra, thì có điềm gì báo trước ?”

Những điềm báo trước

⁸ Đức Giê-su đáp : “Anh em hãy coi chừng kéo bị lừa gạt, vì sẽ có nhiều người mạo danh Thầy đến nói rằng : ‘Chính ta đây’, và : ‘Thời kỳ đã đến gần’ ; anh em chớ có theo họ. ⁹ Khi anh em nghe có chiến tranh, loạn lạc, thì đừng sợ hãi. Vì những việc đó phải xảy ra trước, nhưng chưa phải là chung cục ngay đâu”. ¹⁰ Rồi Người nói tiếp : “Dân này sẽ nổi dậy chống dân kia, nước này chống nước nọ. ¹¹ Sẽ có những trận động đất lớn, và nhiều nơi sẽ có ôn dịch và đói kém ; sẽ có những hiện tượng kinh khủng và điềm lạ lớn lao từ trời xuất hiện.

¹² “Nhưng trước khi tất cả các sự ấy xảy ra, thì người ta sẽ tra tay bắt và ngược đãi anh em, nộp anh em cho các hội đường và

* 21,5 X. phân bình giải Mc 13,1 và Mt 24,1.

Sẽ có cơn khốn khổ cùng cực trên đất này (c.23). Lc loan báo cuộc tiêu vong của quốc gia Do-thái rõ nét hơn Mt và Mc.

Cho đến khi mãn thời của dân ngoại (c.24). Tác giả Lu-ca chia lịch sử thành hai thời kỳ. Một bên là thời Cựu Ước : thời mà lịch sử thánh được xem như song song với lịch sử Ít-ra-en. Rồi sau thời Chúa Giê-su là đến *thời của dân ngoại*. Biến cố dân tộc Do-thái bị tiêu vong và dân cư bị phân tán khai mở một giai đoạn mới, trong đó lịch sử thánh sẽ là thời gian Giáo Hội loan Tin Mừng và nỗ lực bảo toàn nhân phẩm trong các quốc gia. Đó là thời Tân Ước, sẽ kết thúc bằng cuộc khùng hoảng lớn chấm dứt lịch sử nhân loại.

bỏ tù, điệu anh em đến trước mặt vua chúa quan quyền vì danh Thầy. ¹³ Đó sẽ là cơ hội để anh em làm chứng cho Thầy. ¹⁴ Vậy anh em hãy ghi lòng tạc dạ điều này, là anh em đừng lo nghĩ phải bào chữa cách nào. ¹⁵ Vì chính Thầy sẽ cho anh em ăn nói thật khôn ngoan, khiến tất cả địch thủ của anh em không tài nào chống chọi hay cãi lại được. ¹⁶ Anh em sẽ bị chính cha mẹ, anh chị em, bà con và bạn hữu bắt nạt. Họ sẽ giết một số người trong anh em. ¹⁷ Vì danh Thầy, anh em sẽ bị mọi người thù ghét. ¹⁸ Nhưng dù một sợi tóc trên đầu anh em cũng không bị mất đâu. ¹⁹ Có kiên trì, anh em mới giữ được mạng sống mình.

Giê-ru-sa-lem bị vây hãm

²⁰ “Khi anh em thấy thành Giê-ru-sa-lem bị các đạo binh vây hãm, bấy giờ anh em hãy biết rằng đã gần đến ngày khốc hại của thành. ²¹ Bấy giờ, ai ở miền Giu-đê, hãy trốn lên núi ; ai ở trong thành, hãy bỏ đi nơi khác ; ai ở vùng quê, thì chớ vào thành. ²² Thật vậy, đó sẽ là những ngày báo oán, ngày

mà tất cả những gì đã chép trong Kinh Thánh sẽ được ứng nghiệm. ²³ Khốn thay những người mang thai và những người đang cho con bú trong những ngày đó !

Cơn khốn khổ. Thời của dân ngoại.

“Vi sẽ có cơn khốn khổ cùng cực trên đất này, và cơn thịnh nộ sẽ giáng xuống dân này. ²⁴ Họ sẽ ngã gục dưới lưỡi gươm, sẽ bị dày đi khắp các dân các nước, và *Giê-ru-sa-lem sẽ bị dân ngoại giày xéo*, cho đến khi mãn thời của dân ngoại.

Những điềm lạ. Con Người quang lâm.

²⁵ “Sẽ có những điềm lạ trên mặt trời, mặt trăng và các vì sao. Dưới đất, *muôn dân* sẽ lo lắng hoang mang trước cảnh *biển gào sóng thét*. ²⁶ Người ta sợ đến hồn xiêu phách lạc, chờ những gì sắp giáng xuống địa cầu, vì các quyền lực trên trời sẽ bị lay chuyển. ²⁷ Bấy giờ thiên hạ sẽ thấy Con Người đầy quyền năng và vinh quang ngự trong đám mây mà đến. ²⁸ Khi những biến cố ấy bắt đầu xảy ra, anh em hãy đứng thẳng và

ngẩng đầu lên, vì anh em sắp được cứu chuộc.”

Dụ ngôn cây vả

²⁹ Đức Giê-su kể cho các môn đệ nghe một dụ ngôn : “Anh em hãy xem cây vả cũng như tất cả những cây khác. ³⁰ Khi cây đâm chồi, anh em nhìn thì đủ biết là mùa hè đã đến gần rồi. ³¹ Anh em cũng vậy, khi thấy những điều đó xảy ra, thì hãy biết là Triều Đại Thiên Chúa đã đến gần. ³² Thấy bảo thật anh em : thế hệ này sẽ chẳng qua đi, trước khi mọi điều ấy xảy ra. ³³ Trời đất sẽ qua đi, nhưng những lời Thầy nói sẽ chẳng qua đâu.

Phải tỉnh thức và cầu nguyện

* ³⁴ “Vậy anh em phải đề phòng, chớ để lòng mình ra nặng nề vì chè chén say sưa, lo lắng sự đời, kẻo Ngày ấy như một chiếc lưới bất thần chụp xuống đầu anh em, ³⁵ vì Ngày ấy sẽ ập xuống trên mọi dân cư khắp mặt đất. ³⁶ Vậy anh em hãy tỉnh thức và cầu nguyện luôn, hầu đủ sức thoát khỏi mọi điều sắp xảy đến và đứng vững trước mặt Con Người.”

Những ngày sau hết của Đức Giê-su

³⁷ Ban ngày, Đức Giê-su giảng dạy trong Đền Thờ ; nhưng đến tối, Người đi ra và qua đêm tại núi gọi là núi Ô-liu. ³⁸ Sáng sớm, toàn dân đến với Người trong Đền Thờ để nghe Người giảng dạy.

* *Vậy anh em phải đề phòng* (c.34). Sau khi đã nói về ngày tận số gần kề của Giê-ru-sa-lem (cc. 28-32), thánh Lu-ca đề cập tới Ngày mà lịch sử nhân loại chấm dứt với cuộc trở lại của Chúa Ki-tô với tư cách là Thẩm Phán (cc. 34-36). Một lần nữa, Chúa kêu gọi chúng ta tỉnh thức và cầu nguyện, thức đêm để cầu nguyện.

Hầu đủ sức đứng vững. Hầu tránh khỏi sai lầm và mắc lừa trong những thử thách lớn lao sẽ xảy ra trước khi Chúa Ki-tô quang lâm (2 Tx 2,9 ; 1 Tx 3,13). Kinh Lạy Cha cũng nói lên mối bận tâm ấy cho những kẻ đợi trông Nước Thiên Chúa đến : “xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ”.

Thật ra, cầu nguyện ngày đêm nhắm cao xa hơn là tránh những bước sa ngã có thể xảy ra : cầu nguyện là một trong các hình thức chúng ta cộng tác vào chương trình của Thiên Chúa. Nhiều lần trong lịch sử, đã thấy hiệu năng của cầu nguyện để được giải thoát ; cầu nguyện làm cho giờ quang lâm của Chúa đến sớm hơn.

VI. CUỘC THƯƠNG KHÓ

**Âm mưu hại Đức Giê-su.
Giu-đa tìm cách nộp Thầy.**

22¹ Lễ Bánh Không Men, cũng gọi là lễ Vượt Qua, đã đến gần.
² Các thượng tế và kinh sư tìm cách thủ tiêu Đức Giê-su, vì họ sợ dân.

³ Xa-tan đã nhập vào Giu-đa, cũng gọi là Ít-ca-ri-ốt, một người trong Nhóm Mười Hai.
⁴ Hắn đi nói chuyện với các thượng tế và lãnh binh Đền Thờ về cách thức nộp Người cho họ.
⁵ Họ rất mừng và đồng ý sẽ cho hắn tiền.
⁶ Hắn ưng thuận và tìm dịp tiện để nộp Đức Giê-su cho họ, lúc không có đám đông.

Chuẩn bị ăn lễ Vượt Qua

* ⁷ Đã đến ngày lễ Bánh Không Men, ngày phải sát

tế chiên Vượt Qua.
⁸ Đức Giê-su sai ông Phê-rô với ông Gio-an đi và dặn :
“Các anh hãy đi dọn cho chúng ta ăn lễ Vượt Qua.”
⁹ Hai ông hỏi : “Thầy muốn chúng con dọn ở đâu ?”
¹⁰ Người bảo họ : “Này, khi vào thành, các anh sẽ gặp một người mang vò nước. Cứ đi theo người đó, người đó vào nhà nào,
¹¹ thì các anh vào thưa với chủ nhà : “Thầy nhắn ông : Căn phòng dành cho tôi ăn lễ Vượt Qua với các môn đệ của tôi ở đâu ?”
¹² Và ông ấy sẽ chỉ cho các anh một căn phòng rộng rãi trên lầu, đã được trang bị : các anh hãy dọn ở đó.”
¹³ Các ông ra đi, thấy mọi sự y như Người đã nói, và các ông dọn tiệc Vượt Qua.

* **22,7** *Thầy muốn chúng con dọn ở đâu ?* (c.9). Đây là mối bận tâm đầu tiên của khách hành hương khi tới Giê-ru-sa-lem : tìm được một mái nhà để có thể ăn thịt chiên sát tế.

Các anh sẽ gặp một người (đàn ông). Thường là phụ nữ mang vò nước, vậy một người đàn ông mang vò nước thì dễ nhận ra. Chúa Giê-su biết ông Giu-đa phản bội Người nên không muốn cho biết trước nơi Người sẽ mừng lễ Vượt Qua : người ta có thể đột nhập nơi ấy. Vì thế Người dựa vào thực giác ngôn sứ của mình : địa điểm bữa tiệc cuối cùng sẽ do Chúa Cha chỉ định. Quả nhiên đó là nhà của một môn đệ Chúa Giê-su ở Giê-ru-sa-lem, một người giàu có. Ngôi nhà này có lẽ là nơi các Tông Đồ đã họp nhau lại sau khi Chúa Giê-su chết, và là nơi Hội Thánh đã khởi đầu.

Ăn tiệc Vượt Qua

* 14 Khi giờ đã đến, Đức Giê-su vào bàn cùng với các Tông Đồ. 15 Người nói với các ông : “Thầy những khát khao mong mỗi ăn lễ Vượt Qua này với anh em trước khi chịu khổ hình. 16 Bởi vì, Thầy nói cho anh em hay, Thầy sẽ không bao giờ ăn lễ Vượt Qua này nữa, cho đến khi lễ này được nên trọn vẹn trong Nước Thiên Chúa.”

17 Rồi Người nhận lấy chén, dâng lời tạ ơn và nói : “Anh em hãy cầm lấy mà

chia nhau. 18 Bởi vì, Thầy bảo cho anh em biết, từ nay, Thầy không còn uống sản phẩm của cây nho nữa, cho đến khi Triều Đại Thiên Chúa đến.”

Đức Giê-su lập phép Thánh Thể

19 Rồi Người cầm lấy bánh, dâng lời tạ ơn, bẻ ra, trao cho các ông và nói : “Đây là mình Thầy, hiến tế vì anh em. Anh em hãy làm việc này, mà tưởng nhớ đến Thầy.” 20 Và tới tuần rượu cuối bữa ăn,

* 22,14 X. phần bình giải Mc 14,12.

Đức Giê-su vào bàn. Bản văn nói rõ hơn : Người “ngả lưng”, như thời ấy người ta quen làm trong các buổi tiệc : thực khách ngả người lên trên những chiếc gối chung quanh bàn tiệc.

Rất khó mà biết rõ có phải bữa ăn cuối cùng này của Chúa Giê-su bắt đầu bằng bữa ăn chiền Vượt Qua, rồi kết thúc bằng tiệc Thánh Thể, hay là Chúa Giê-su chỉ cử hành tiệc Thánh Thể mà không tham dự lễ Vượt Qua Do-thái. Dù sao thì giáo huấn của Tin Mừng là Thánh Thể đối với Hội Thánh sẽ như là lễ Vượt Qua đối với dân Ít-ra-en vậy.

Rồi Người nhận lấy chén (c.17). Vị chủ sự bữa tiệc Vượt Qua bốn lần cầm lấy chén và chúc tụng, rồi các người đồng bàn chuyển tay nhau mà uống.

Thầy không còn uống sản phẩm của cây nho nữa (c.18). Ngay đối với người Do-thái, tiệc Vượt Qua đã là tiền ảnh báo trước bữa tiệc Nước Thiên Chúa ; với Chúa Giê-su, điều này chắc chắn đã ứng nghiệm một cách rất độc đáo trong đêm ấy.

Đây là mình Thầy (c.19). Bánh thánh là biểu tượng của thân mình Chúa Ki-tô, hay đó là chính thân mình Chúa Ki-tô ? Về vấn đề này đã có những cuộc tranh luận vô tận giữa Công Giáo và Tin Lành. Bên Công Giáo thì quả quyết rằng bánh ấy thật sự là thân mình Chúa Ki-tô ; bên Tin Lành thì giữ lập trường cho rằng tấm bánh không hàm chứa sự hiện diện thể lý của thân mình Chúa Ki-tô, và họ chỉ coi đó là một biểu tượng. Cả hai bên đều đã cố gắng tìm hiểu nhau nhiều hơn.

Người cũng làm như vậy và nói : “Chén này là giao ước mới, lập bằng máu Thầy, máu đổ ra vì anh em.

cho kẻ nào nộp Con Người.”²³ Các Tông Đồ bắt đầu bàn tán với nhau xem ai trong Nhóm lại là kẻ toan làm chuyện ấy.

Đức Giê-su tiên báo Giu-đa sẽ nộp Thầy

²¹ “Nhưng này bàn tay kẻ nộp Thầy đang cùng đặt trên bàn với Thầy. ²² Đã hẳn Con Người ra đi như đã ấn định, nhưng khôn

Kẻ làm đầu phải hầu thiên hạ

* ²⁴ Các ông còn cãi nhau sôi nổi xem ai trong Nhóm được coi là người lớn nhất. ²⁵ Đức Giê-su bảo các ông : “Vua các dân thì dùng uy

Hội Thánh Công Giáo khẳng định rằng bánh đã được thánh hiến (truyền phép) vừa là biểu tượng vừa là thực thể. Đấy không phải thuần là hình ảnh thân mình Chúa Ki-tô. Tuy nhiên, đây không phải là sự hiện diện của một thực thể vật chất, làm như chúng ta có thể nói : “Chúa Giê-su ở cách tôi hai thước.” Thân mình Chúa Ki-tô hiện diện đó, nhưng qua một bí tích dùng bánh và rượu, và sự hiện diện này đi đôi với biểu tượng. Vì bánh là của ăn, nên thân mình Chúa Ki-tô hiện diện với tư cách là bánh ban sự sống. Khi rước lễ, chúng ta đón nhận thân mình Chúa Ki-tô Phục Sinh (càng thêm một lý do để thấy đây là một sự hiện diện không có tính vật chất, nhưng thuộc loại khác mà không kém phần thiết thực), để nơi ta, Người trở nên sức mạnh và sự sống. Đối với người tín hữu đi rước lễ, sự hiện diện của thân mình Chúa là một thực thể nhiệm mầu thuộc thể giới nội tâm. Mục đích thiết yếu của Thánh Thể là nói lên, đổi mới và tăng cường tình hiệp thông giữa Chúa Giê-su và những ai tham dự bàn tiệc của Người.

Máu Thầy, máu đổ ra vì anh em (c.20). Chúa Giê-su cho chúng ta hiểu ý nghĩa cái chết của Người : Người sẽ là người Tôi Trung của Đức Chúa mà sách I-sai-a đã tiên báo (53,12), Đấng mang lấy tội lỗi của muôn người. Chính vì thế mà trong Mt và Mc, Chúa Giê-su nói “máu đổ ra vì muôn người”. *Muôn người* ở đây trước tiên chỉ người Ki-tô hữu : vì thế chúng ta đọc : *đổ ra vì anh em*, cũng như trong 1 Cr 11,24.

Giao ước mới : x. phần bình giải Mc 14,12.

Anh em hãy làm việc này, mà tưởng nhớ đến Thầy. Với những lời này, Chúa Giê-su lập bí tích Thánh Thể, mà theo sau Người, Hội Thánh sẽ cử hành. *Tưởng nhớ đến Thầy*, nhưng không phải như tưởng niệm một người chết. Vào dịp lễ Vượt Qua, người Do-thái tưởng niệm sự can thiệp của Thiên Chúa đến giải thoát họ khỏi ách Ai-cập : trong thánh lễ, chúng ta tưởng niệm sự can thiệp của Thiên Chúa đến cứu chúng ta qua hy lễ của Con Một của Người.

mà thống trị dân, và giữa anh em như một người phục vụ.

những ai cầm quyền thì tự xưng là ân nhân.²⁶ Nhưng anh em thì không phải như thế, trái lại, ai lớn nhất trong anh em, thì phải nên như người nhỏ tuổi nhất, và kẻ làm đầu thì phải nên như người phục vụ.²⁷ Bởi lẽ, giữa người ngồi ăn với kẻ phục vụ, ai lớn hơn ai? Hẳn là người ngồi ăn chứ? Thế mà, Thầy đây, Thầy sống

Phần thưởng dành cho các Tông Đồ

²⁸ “Còn anh em, anh em vẫn một lòng gắn bó với Thầy, giữa những lúc Thầy gặp thử thách gian nan.²⁹ Vì thế, Thầy sẽ trao Vương Quốc cho anh em, như Cha Thầy đã trao cho Thầy,³⁰ để anh em được đồng bàn ăn uống với

* 22,24 Sau khi tường thuật bữa tiệc cuối cùng, thánh Lu-ca nêu ra một vài kỷ niệm về cuộc đàm đạo sau bữa ăn, trong đó Chúa Giê-su từ biệt các Tông Đồ. Thật ra, Chúa Giê-su cảm thấy mình cô đơn. Đường như trong mấy tháng trời vừa qua, các ông chẳng hiểu thêm một chút gì, và sau bữa ăn tối ấy, là thánh lễ đầu tiên, họ chỉ nói lên những lo lắng rất là trần tục.

Các Tông Đồ tranh nhau giành chỗ nhất trong Nước Thiên Chúa : các ông hãy còn quan niệm Nước Thiên Chúa như thế nào? Trong bữa ăn, chẳng phải Chúa Giê-su đã hành động như người tôi tớ trong nhà đó sao? (x. Ga 13,1).

Anh em được ngự toà... (c.30). Chúa Giê-su chia sẻ tất cả với các môn đệ của Người, với những ai đã hiến thân cho công trình của Người. *Mười hai chi tộc Ít-ra-en* tức là toàn dân Thiên Chúa, là tất cả chúng ta, những kẻ xuất thân từ mọi dân mọi nước, đã đón nhận niềm tin các Tông Đồ truyền lại.

Ông Phê-rô tưởng mình vốn là người đứng đầu nên sẽ vững mạnh hơn kẻ khác. Còn Chúa Giê-su lại nhìn thấy sứ mạng tương lai của ông, và mặc dù ông đã sa ngã, Chúa muốn ban cho ông một ơn đặc biệt để ông có thể củng cố niềm tin của người khác. Đây là cách xử sự của Chúa Giê-su : *cứu vớt cái gì đã hư mất*, và một khi đã gặp thấy nơi ông Phê-rô những yếu đuối bất trị của con người, thì Chúa dùng ông làm trung gian để ban cho Hội Thánh tính chất kiên cường mà không một xã hội trần thế nào khác có thể mơ ước có được. Hội Thánh tồn tại liên tục trong suốt bao thế kỷ là một phần nhờ các giáo hoàng, những người kế vị thánh Phê-rô.

Cuối cùng, Chúa Giê-su nói một câu có nghĩa bóng là cuộc khủng hoảng đã bao nhiêu lần được báo trước nay đã gần kề : các Tông Đồ hiểu sai ý Người, bèn đi tìm gương giáo của mình để chuẩn bị.

Thầy trong Vương Quốc của Thầy, và ngự toà xét xử mười hai chi tộc Ít-ra-en.”

Đức Giê-su tiên báo : ông Phê-rô sẽ chối Thầy, nhưng sẽ trở lại.

³¹ Rồi Chúa nói : “Si-môn, Si-môn ơi, kìa Xa-tan đã xin được sàng anh em như người ta sàng gạo.
³² Nhưng Thầy đã cầu nguyện cho anh để anh khỏi mất lòng tin. Phần anh, một khi đã trở lại, hãy làm cho anh em của anh nên vững mạnh.”
³³ Ông Phê-rô thưa với Người : “Lạy Chúa, dầu có phải vào tù hay phải chết với Chúa đi nữa, con cũng sẵn sàng.”
³⁴ Đức Giê-su lại nói : “Này anh Phê-rô, Thầy bảo cho anh biết, hôm nay gà chưa kịp gáy, thì đã ba lần anh chối là không biết Thầy.”

Giờ chiến đấu quyết liệt

³⁵ Rồi Người nói với các ông : “Khi Thầy sai anh em ra đi, không túi tiền, không bao bì, không giày dép, anh em có thiếu thốn gì không ?” Các ông đáp : “Thưa không.”
³⁶ Người bảo các ông : “Nhưng bây giờ, ai có túi tiền thì hãy mang theo, ai có bao bì cũng vậy ; còn ai chưa có gươm thì bán áo đi mà mua.”
³⁷ Vì Thầy bảo cho anh em hay : cần phải ứng nghiệm nơi bản thân Thầy lời Kinh Thánh đã chép : *Người bị liệt vào hàng phạm pháp.* Thật vậy, những gì đã chép về Thầy sắp được hoàn tất.”
³⁸ Các ông nói : “Lạy Chúa, đã có hai thanh gươm đây.” Người bảo họ : “Đủ rồi !”

Tại núi Ô-liu

* ³⁹ Sau đó, Người đi ra núi Ô-liu như đã quen. Các môn đệ cũng theo Người.
⁴⁰ Đến nơi, Người bảo các

* 22,39 Có thể Chúa Giê-su đã mừng lễ Vượt Qua trong một căn nhà ở phía tây nam thành cổ Giê-ru-sa-lem. Người đã đi qua các bậc thang trên ngõ hẻm dẫn xuống thung lũng Ty-rô-pê-on ; Người đã đi lên tới khu Ô-phen, thành cổ vua Đa-vít, để rồi đi xuống suối Kít-rôn hầu như luôn luôn khô cạn. Có lẽ từ đó, Người theo đường mòn dẫn lên Núi Ô-liu. Người ta gọi như thế vì thời ấy triều đòai phía tây trồng đầy ô-liu. Chúa Giê-su vào vườn Ghết-sê-ma-ni, tiếng A-ram có nghĩa là “bồn ép dầu”. Có lẽ phần đất này thuộc về một người trong các môn đệ Chúa Giê-su, bởi vì Người đã tới đây nhiều lần rồi (Ga 18,2).

ông : “Anh em hãy cầu nguyện kẻo sa chước cám dỗ.”

⁴¹ Rồi Người đi xa các ông một quãng, chùng bằng ném một hòn đá, và quỳ gối cầu nguyện rằng :
⁴² “Lạy Cha, nếu Cha muốn, xin cất chén này xa con. Tuy vậy, xin đừng cho ý con thể hiện, mà là ý Cha.” ⁴³ Bấy giờ có thiên sứ tụt trời hiện đến tặng sức cho Người. ⁴⁴ Lòng xao xuyên bồi hồi, nên Người càng khẩn thiết cầu xin. Và mồ hôi Người như những giọt máu rơi xuống đất.

⁴⁵ Cầu nguyện xong, Người đứng lên, đến chỗ các môn đệ, thấy các ông đang ngủ vì buồn phiền,
⁴⁶ Người liền nói với các ông : “Sao anh em lại ngủ ? Dậy mà cầu nguyện, kẻo sa chước cám dỗ.”

Đức Giê-su bị bắt

⁴⁷ Người còn đang nói, thì một đám đông xuất hiện, và kẻ dẫn đầu tên là Giu-đa, một người trong Nhóm Mười Hai. Hắn lại gần Đức Giê-su để hôn Người. ⁴⁸ Đức Giê-su bảo hắn : “Giu-đa ơi, anh dùng cái hôn mà nộp Con Người

Khá nhiều thủ bản Tin Mừng cổ xưa không có cc. 43-44 : dường như các câu này đã bị xoá bỏ, vì nhiều người nghe chướng tai bởi nó cho thấy Chúa Ki-tô “yếu đuối”.

Người lâm cơn xao xuyên bồi hồi (c.44). Cũng như tất cả chúng ta, và có lẽ còn hơn nữa, Chúa Giê-su chắc chắn cảm thấy hãi hùng trước cái chết. Nhưng do có sự hiện diện của Cha Chí Thánh, hắn là cảnh tượng một thế giới tội lỗi cũng đến ám ảnh giày xéo Người đến tuyệt vọng. Nếu muốn hiểu đôi chút điều gì đã xảy ra lúc ấy thì chúng ta phải nghe lời các thánh nhân thuật lại, vì các ngài đã có kinh nghiệm về cuộc thử thách khủng khiếp này, tuy theo cách khác.

Có thiên sứ tụt trời (c.43). Sách Thánh đôi khi nói về một thiên thần để cho biết Thiên Chúa can thiệp một cách nhiệm mầu nhằm khuyến khích, dạy bảo hoặc trừng phạt. Vị *thiên sứ* này nhắc nhớ vị đã đến động viên ông Ê-li-a (1 V 19,5). Phải hiểu Thiên Chúa đã muốn ban cho Chúa Giê-su một sự trợ giúp đặc biệt để Người vượt qua cơn thử thách phi thường này. Đây cũng vậy, có lẽ cần lời chứng của các thánh để giúp hiểu được phần nào.

Mồ hôi Người như những giọt máu. Đây là một triệu chứng được biết trong giới y khoa, do lo lắng và đau khổ gây ra cùng một lúc.

Thời điểm và cách thức vấp bắt Chúa Giê-su đúng là thủ đoạn của những kẻ đã ra tay đêm ấy : họ làm điều ác, do *quyền lực tối tăm* thúc đẩy.

sao ?”⁴⁹ Thấy việc sắp xảy ra, những kẻ đứng chung quanh Người liền hỏi : “Lạy Chúa, chúng con tuốt gươm chém được không ?”⁵⁰ Thế rồi một người trong nhóm chém tên dây tở của thượng tế, làm nó đứt tai bên phải.⁵¹ Nhưng Đức Giê-su lên tiếng : “Thôi, ngừng lại.” Và Người sờ vào tai tên dây tở mà chữa lành.

⁵² Sau đó Đức Giê-su nói với các thượng tế, lãnh

binh Đền Thờ và kỳ mục đến bắt Người : “Tôi là một tên cướp sao mà các ông đem gươm giáo gậy gộc đến ?”⁵³ Ngày ngày, tôi ở giữa các ông trong Đền Thờ, mà các ông không tra tay bắt. Nhưng đây là giờ của các ông, là thời của quyền lực tối tăm.”

Ông Phê-rô chối Thầy

* ⁵⁴ Họ bắt Đức Giê-su, điệu Người đến nhà vị thượng tế. Còn ông Phê-rô

*** 22,54 TẠI SAO HỌ GIẾT CHÚA GIÊ-SU ?**

Về hai phiên tòa xử Chúa Giê-su, một bên đạo, một bên đời, x. phần bình giải Mc 14,53.

Cuộc xét xử và lên án tử hình Chúa Giê-su ở đây không khác chi nhiều với những gì đã xảy ra cho nhiều người Ki-tô hữu. Nguyên việc dành ưu tiên cho những người nghèo khổ nhất, dạy bảo dân đen biết sống tự do và có trách nhiệm, thì đâu có nước nào cho là trọng tội ; vậy mà trong bao nhiêu thế kỷ, như thế đã đủ để một số người chuốc vào thân những vu khống và bách hại. Mặt khác, chúng ta đã có lần nói Chúa Giê-su giảng dạy trong những hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, bởi lẽ quê hương Người lúc ấy phải phục quyền quân Rô-ma xâm lược, và bất cứ sứ điệp nào nói tới giải phóng đều có mùi phản động.

Những kẻ tố cáo và các quan tòa xử Chúa Giê-su có đủ thứ lý do để căm ghét Người. Tuy nhiên, Tin Mừng kể rằng các lời buộc tội đều xoay quanh một điểm chính yếu trong giáo huấn của Người. Chúa Giê-su đã bị kết án vì tự cho mình ngang hàng với Thiên Chúa : *Đấng Mê-si-a, Con Thiên Chúa. Đấng sẽ ngự bên hữu Thiên Chúa* (cc. 67.69).

Thời ấy, các thượng tế được tuyển lựa đều xuất thân từ các gia đình có thế lực, thường tranh giành nhau địa vị này ; ngoài quyền bính, họ còn nắm ngân quỹ của Đền Thờ nữa. Ông Kha-nan và các con trai ông (cả người con rể là ông Cai-pha) có tiếng là đã từng tác oai tác quái, bịt miệng những kẻ chống đối bằng đòn gậy các thị vệ của mình, một đội binh bất hợp pháp. Từ hơn một thế kỷ trước, họ là những người, cùng với nhóm Pha-ri-sêu và các kỳ mục, những người thuộc các gia đình có thế lực trong xứ, làm thành Thượng Hội Đồng.

thì theo xa xa. ⁵⁵ Họ đốt lửa giữa sân và đang ngồi quây quần với nhau, thì ông Phê-rô đến ngồi giữa họ. ⁵⁶ Thấy ông ngồi bên ánh lửa, một người tớ gái nhìn ông chòng chọc và nói : “Cả bác này cũng đã ở với ông ấy đấy !” ⁵⁷ Ông liền chối : “Tôi có biết ông ấy đâu, chị !” ⁵⁸ Một lát sau, có người khác thấy ông, liền nói : “Cả bác nữa, bác cũng thuộc bọn chúng !” Nhưng ông Phê-rô đáp lại : “Này anh, không phải đâu !” ⁵⁹ Chừng một giờ sau, có người khác lại quả quyết : “Đúng là bác này cũng đã ở với ông ấy, vì bác ta cũng là người Ga-li-lê.” ⁶⁰ Nhưng ông Phê-rô trả lời : “Này anh, tôi không biết anh nói gì !” Ngay lúc ông còn đang nói, thì gà gáy. ⁶¹ Chúa quay lại nhìn ông, ông sực nhớ lời Chúa đã bảo ông : “Hôm nay, gà chưa kịp gáy, thì anh đã chối Thầy ba lần.” ⁶² Và ông ra ngoài, khóc lóc thảm thiết.

Đức Giê-su bị đánh đập

⁶³ Những kẻ canh giữ Đức Giê-su nhạo báng đánh đập Người. ⁶⁴ Chúng bịt mắt Người lại, rồi hỏi rằng : “Nói tiên tri xem :

ai đánh ông đó ?” ⁶⁵ Chúng còn thốt ra nhiều lời khác xúc phạm đến Người.

Đức Giê-su ra trước Thượng Hội Đồng

⁶⁶ Khi trời sáng, đoàn kỳ mục trong dân, các thượng tế và kinh sư nhóm họp. Họ điệu Người ra trước Thượng Hội Đồng ⁶⁷ và hỏi : “Ông có phải là Đấng Mê-si-a thì nói cho chúng tôi biết !” Người đáp : “Tôi có nói với các ông, các ông cũng chẳng tin ; ⁶⁸ tôi có hỏi, các ông cũng chẳng trả lời. ⁶⁹ Nhưng từ nay, *Con Người sẽ ngự bên hữu Thiên Chúa toàn năng.*” ⁷⁰ Mọi người liền nói : “VẬY ông là Con Thiên Chúa sao ?” Người đáp : “Đúng như các ông nói, chính tôi đây.” ⁷¹ Họ liền nói : “Chúng ta cần gì lời chứng nữa ? Chính chúng ta vừa nghe miệng hắn nói !”

23 * ¹ Toàn thể cử tọa đứng lên, điệu Đức Giê-su đến ông Phi-la-tô.

Đức Giê-su ra trước tòa tổng trấn Phi-la-tô

² Họ bắt đầu tố cáo Người rằng : “Chúng tôi đã phát giác ra tên này sách động dân tộc chúng tôi, và

ngăn cản dân chúng nộp thuế cho hoàng đế Xê-da, lại còn xưng mình là Mê-si-a, là Vua nữa.”³ Ông Phi-la-tô hỏi Người : “Ông là Vua dân Do-thái sao ?” Người trả lời : “Chính ngài nói đó.”⁴ Ông Phi-la-tô nói với các thượng tế và đám đông : “Ta xét thấy người này không có tội gì.”⁵ Nhưng họ cứ khẳng khẳng nói : “Hắn đã xúi dân nổi loạn, đi giảng dạy khắp vùng Giu-đê, bắt đầu từ Ga-li-lê cho đến đây.”⁶ Nghe nói thế, ông Phi-la-tô liền hỏi xem đương sự có phải là người Ga-li-lê không.⁷ Và khi biết Người thuộc thẩm quyền vua Hê-rô-đê, ông liền cho áp giải Người đến với nhà vua lúc ấy cũng đang có mặt tại Giê-ru-sa-lem.

Đức Giê-su ra trước mặt vua Hê-rô-đê

⁸ Vua Hê-rô-đê thấy Đức Giê-su thì mừng rỡ lắm, vì từ lâu vua muốn được gặp

Người bởi đã từng nghe nói về Người. Và lại, vua cũng mong được xem Người làm một hai phép lạ.⁹ Nhà vua hỏi Người nhiều điều, nhưng Người không trả lời gì cả.¹⁰ Các thượng tế và kinh sư đứng đó, tố cáo Người dữ dội.¹¹ Vua Hê-rô-đê cũng như thị vệ đều khinh dễ Người ra mặt nên khoác cho Người một chiếc áo rục rỏ mà chế giễu, rồi cho giải Người lại cho ông Phi-la-tô.¹² Ngày hôm ấy, vua Hê-rô-đê và tổng trấn Phi-la-tô bắt đầu thân thiện với nhau, chứ trước kia hai bên vẫn hiểm thù.

Đức Giê-su lại ra trước toà tổng trấn Phi-la-tô

¹³ Bấy giờ ông Phi-la-tô triệu tập các thượng tế, thủ lãnh và dân chúng lại¹⁴ mà nói : “Các người nộp người này cho ta, vì cho là tay kích động dân, nhưng ta đã hỏi cung ngay trước mặt các người, mà không

* **23,1** Ông Phi-la-tô không muốn kết án Chúa Giê-su, một phần vì ông ghét các tư tế Do-thái ; vì thế ông cho điệu Người đến vua Hê-rô-đê. Ông này cho Người khoác *một chiếc áo rục rỏ*, coi Người như một tên điên đòi làm vua.

Ngày hôm ấy, vua Hê-rô-đê và tổng trấn Phi-la-tô bắt đầu thân thiện với nhau (c.12), vì tuy có những khác biệt, hai ông nhận thấy hai bên đều thuộc cùng một loại : những kẻ tự cho phép mình định đoạt chuyện sống chết của một con người trong hạng thứ dân.

thấy người này có tội gì, như các người tố cáo. ¹⁵ Cả vua Hê-rô-đê cũng vậy, bởi lẽ nhà vua đã cho giải ông ấy lại cho chúng ta. Và các người thấy đó, ông ấy chẳng can tội gì đáng chết cả. ¹⁶ Vậy ta sẽ cho đánh đòn rồi thả ra.” ¹⁷ Vào mỗi dịp lễ lớn, ông Phi-la-tô phải phóng thích cho họ một người tù. ¹⁸ Nhưng tất cả mọi người đều la ó : “Giết nó đi, thả Ba-ra-ba cho chúng tôi !” ¹⁹ Tên này đã bị tống ngục vì một vụ bạo động đã xảy ra trong thành, và vì tội giết người.

²⁰ Ông Phi-la-tô muốn thả Đức Giê-su, nên lại lên tiếng một lần nữa. ²¹ Nhưng họ cứ một mực la lớn : “Đóng đinh ! Đóng đinh nó vào thập giá !” ²² Lần thứ ba, ông Phi-la-

tô nói với họ : “Nhưng ông ấy đã làm điều gì gian ác ? Ta xét thấy ông ấy không có tội gì đáng chết. Vậy ta sẽ cho đánh đòn rồi thả ra.” ²³ Nhưng họ cứ la to hơn, nhất định đòi phải đóng đinh Người. Và tiếng la càng thêm dữ dội.

²⁴ Ông Phi-la-tô quyết định chấp thuận điều họ yêu cầu. ²⁵ Ông phóng thích người tù họ xin tha, tức là tên bị tống ngục vì tội bạo động và giết người. Còn Đức Giê-su thì ông trao nộp theo ý họ muốn.

Trên đường lên núi Sọ

²⁶ Khi điệu Đức Giê-su đi, họ bắt một người từ miền quê lên, tên là Si-môn, gốc Ky-rê-nê, đặt thập giá lên vai cho ông vác theo sau Đức Giê-su. * ²⁷ Dân chúng đi theo

* **23,18** Ba-ra-ba có lẽ là một người trong nhóm khủng bố luôn luôn quấy phá quân Rô-ma áp bức. Các thượng tế căm ghét nhóm này, vì chính các ông cũng muốn được yên thân với người Rô-ma. Thế nhưng chính các ông lại xúi dân xin thả Ba-ra-ba. Còn đám dân, vốn rất ghét các ông tư tế này thì chỉ biết hòa theo : thế là ông Phi-la-tô thất bại trong dự tính của mình là tha cho Chúa Giê-su.

* **23,27** *Cây khô héo sẽ ra sao ?* (c.31). Chúa Giê-su đã từng dạy rằng hy lễ được Thiên Chúa đoái nhận thì sinh hoa kết trái ; nhưng ở đây, Người thương tiếc một dân tộc phải đau khổ vô ích vì đã bỏ qua thời cơ và sắp bị tiêu hủy do chính tại lỗi của mình.

Dân chúng đi theo Người đông lắm (c.27), nhất là phụ nữ. Chỉ mình thánh Lu-ca ghi nhận lòng thương cảm của các bà. Ngược lại với Mt đã nói mạnh rằng dân Do-thái có lỗi, Lc muốn cho thấy nhiều người đã chạnh lòng thương khi thấy Chúa Giê-su bị kết án.

Người đông lắm, trong số đó có nhiều phụ nữ vừa đấm ngực vừa than khóc Người. ²⁸ Đức Giê-su quay lại phía các bà mà nói : “Hỡi chị em thành Giê-ru-sa-lem, đừng khóc thương tôi làm gì. Có khóc thì khóc cho phận mình và cho con cháu. ²⁹ Vì ngày đây sẽ tới những ngày người ta phải nói : “Phúc thay đàn bà hiếm hoi, người không sinh không đẻ, kẻ không cho bú mớm !” ³⁰ Bấy giờ người ta sẽ bắt đầu nói với núi non : *Đổ xuống chúng tôi đi !, và với gò nong : Phủ lấp chúng tôi đi !* ³¹ Vì cây xanh tươi mà người ta còn đối xử như thế, thì cây khô héo sẽ ra sao ?” ³² Có hai tên gian phi cũng bị điệu đi hành quyết cùng với Người.

Đức Giê-su chịu đóng đinh vào thập giá

³³ Khi đến nơi gọi là “Đồi Sọ”, họ đóng đinh Người

vào thập giá, cùng lúc với hai tên gian phi, một tên bên phải, một tên bên trái. ³⁴ Bấy giờ Đức Giê-su cầu nguyện rằng : “Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết việc họ làm.” Rồi họ lấy áo của Người chia ra mà bắt thăm.

Đức Giê-su bị nhục mạ

³⁵ Dân chúng đứng nhìn, còn các thủ lãnh thì buông lời cười nhạo : “Hắn đã cứu người khác, thì cứu lấy mình đi, nếu thật hắn là Đấng Ki-tô của Thiên Chúa, là người được tuyển chọn !” ³⁶ Lính tráng cũng chế giễu Người. Chúng lại gần, đưa giấm cho Người uống ³⁷ và nói : “Nếu ông là vua dân Do-thái thì cứu lấy mình đi !” ³⁸ Phía trên đầu Người, có bản án viết : “Đây là vua người Do-thái.”

Người gian phi sám hối

* ³⁹ Một trong hai tên gian phi bị treo trên thập

* **23,39** Vì Chúa Giê-su đã quyết định gánh lấy tội lỗi chúng ta, nên chỗ mà các nhà lãnh đạo dân Do-thái đã đặt Người vào là chỗ rất xứng hợp. Hai người bị đóng đinh hai bên hướng nhìn về con người đã đến chia sẻ số phận của họ và cùng chết với họ. *Hôm nay, anh sẽ được ở với tôi trên Thiên Đàng.* Trước kia, Chúa Giê-su đã không ngừng nhắc rằng Thiên Chúa ban ơn cứu độ như một món quà tuyệt đối cho không ; Người đã đến trần gian không phải để kêu gọi người

giá cũng nhục mạ Người : ⁴⁵ Mặt trời ngưng chiếu sáng. Bức màn trướng trong Đền Thờ bị xé ngay chính giữa. ⁴⁶ Đức Giê-su kêu lớn tiếng : Lạy Cha, *con xin phó thác hồn con trong tay Cha*. Nói xong, Người tắt thở.

⁴¹ Chúng ta chịu như thế này là đích đáng, vì xứng với việc đã làm. Chứ ông này đâu có làm điều gì trái !”

⁴² Rồi anh ta thưa với Đức Giê-su : “Ông Giê-su ơi, khi ông vào Nước của ông, xin nhớ đến tôi !” ⁴³ Và Người nói với anh ta : “Tôi bảo thật anh, hôm nay, anh sẽ được ở với tôi trên Thiên Đàng.”

Đức Giê-su trút hơi thở cuối cùng

⁴⁴ Bấy giờ đã gần tới giờ thứ sáu, thế mà bóng tối bao phủ khắp mặt đất, mãi đến giờ thứ chín.

Sau khi Đức Giê-su tắt thở

⁴⁷ Thấy sự việc xảy ra như thế, viên đại đội trưởng cất tiếng tôn vinh Thiên Chúa rằng : “Người này đích thực là người công chính !” ⁴⁸ Toàn thể dân chúng đã kéo đến xem cảnh tượng ấy, khi thấy sự việc đã xảy ra, đều đăm đăm ngược trở về.

⁴⁹ Đứng đằng xa, có tất cả những người quen biết Đức Giê-su cũng như những phụ nữ đã theo Người từ Ga-li-lê ; các bà đã chứng kiến những việc ấy.

công chính, nhưng là kẻ tội lỗi. Trong giờ phút quyết liệt này, khi lia thế để về bên Cha, Chúa Giê-su chứng thực lời Người một cách rõ ràng không thể tưởng tượng được. Với người tử tội ấy, kẻ đã biết nhận rằng “*Chúng ta chịu như thế này là đích đáng*” và chẳng biết cậy vào đâu ngoại trừ lòng phó thác khiêm tốn và đầy nhân ái của mình, với con người ấy, thì từ trên thập giá, Chúa Giê-su tuyên bố : “*Hôm nay, anh sẽ được ở với tôi trên Thiên Đàng.*” Chúng ta hãy nghe nhà hùng biện Công Giáo Bossuet : “*Hôm nay : thật là nhanh chóng ! Ở với tôi : cùng hội cùng thuyền quá tuyệt diệu ! Trên Thiên Đàng : nơi ở bao tuyệt vời !*” Vậy thì ai còn hoài nghi được nữa về lòng thương xót của Thiên Chúa, ai còn có thể đem công đức của mình ra khoe nữa ?

Mai táng Đức Giê-su

⁵⁰ Khi ấy có một người tên là Giô-xép, thành viên của Thượng Hội Đồng, một người lương thiện, công chính. ⁵¹ Ông đã không tán thành quyết định và hành động của Thượng Hội Đồng. Ông là người thành A-ri-ma-thê, một thành của người Do-thái, và cũng là người vẫn mong chờ Nước Thiên Chúa. ⁵² Ông đến gặp tổng trấn Phi-la-tô để xin thi hài Đức Giê-su. ⁵³ Ông hạ xác Người xuống, lấy tấm vải gai mà liệm, rồi đặt Người vào

ngôi mộ đục sẵn trong núi đá, nơi chưa chôn cất ai bao giờ. ⁵⁴ Hôm ấy là áp lễ, và ngày sa-bát bắt đầu ló rạng.

⁵⁵ Cùng đi với ông Giô-xép, có những người phụ nữ đã theo Đức Giê-su từ Ga-li-lê. Các bà để ý nhìn ngôi mộ và xem xác Người được đặt như thế nào.

⁵⁶ Rồi các bà về nhà, chuẩn bị dầu và thuốc thơm. Nhưng ngày sa-bát, các bà nghỉ lễ như Luật truyền.

VII. SAU PHỤC SINH

Ngôi mộ trống

24 * ¹ Ngày thứ nhất trong tuần, vừa tảng sáng, các bà đi ra mộ,

mang theo dầu thơm đã chuẩn bị sẵn. ² Họ thấy tảng đá đã lăn ra khỏi mộ. ³ Nhưng khi bước vào, họ không thấy thi hài Chúa

* **24,1** *Chúa Giê-su* (c.3), chữ “Chúa” ở câu này không phải là chữ đệm đi với danh thánh “Giê-su” như chúng ta quen dùng trong tiếng Việt, mà là một danh hiệu đặc biệt như “Đức Chúa” trong Cựu Ước. Khi ghép hai chữ như thế ở đây, thánh Lu-ca cho chúng ta biết rằng Đấng Phục Sinh đã bước vào một cõi sống khác với cuộc sống trần gian này. Chúng ta đừng quên những điều sau đây :

1) Không một sách Tin Mừng nào miêu tả hiện tượng Chúa Giê-su sống lại : đây là một biến cố mất phạm không thể nhìn thấy.

2) Chúa Giê-su đã từ cõi chết đi vào Cõi Sống. Khi từ trần gian về với Chúa Cha, Chúa Giê-su hết lệ thuộc vào thời gian và không gian : vậy chúng ta đừng tìm cách vẽ ra một lộ trình nào đó của Chúa Giê-su Phục Sinh. Từ nay, Người tùy ý chọn thời điểm, địa điểm mà xuất hiện nhằm củng cố lòng tin của những người sẽ trở thành các chứng nhân đầu tiên của Người.

Giê-su đâu cả. ⁴ Họ còn đang phân vân, thì bỗng có hai người đàn ông y phục sáng chói, đứng bên họ. ⁵ Đang lúc các bà sợ hãi, cúi gằm xuống đất, thì hai người kia nói : “Sao các bà lại tìm Người Sống ở giữa kẻ chết ? ⁶ Người không còn đây nữa, nhưng đã trở dậy rồi. Hãy nhớ lại điều Người đã nói với các bà hồi còn ở Ga-li-lê, ⁷ là Con Người phải bị nộp vào tay phường tội lỗi, và bị đóng đinh vào thập giá, rồi ngày thứ ba sống lại.”

Các Tông Đồ không tin lời các phụ nữ

⁸ Bấy giờ các bà nhớ lại những điều Đức Giê-

su đã nói. ⁹ Khi từ mộ trở về, các bà kể cho Nhóm Mười Một và mọi người khác biết tất cả những sự việc ấy. ¹⁰ Mấy bà nói đây là bà Ma-ri-a Mác-đa-la, bà Gio-an-na, và bà Ma-ri-a, mẹ ông Gia-cô-bê. Các bà khác cùng đi với mấy bà này cũng nói với các Tông Đồ như vậy. ¹¹ Nhưng các ông cho là chuyện vớ vẩn, nên chẳng tin.

Ông Phê-rô ra mộ

¹² Dầu vậy, ông Phê-rô cũng đứng lên chạy ra mộ. Nhưng khi cúi nhìn, ông thấy chỉ còn có những khăn liệm thôi. Ông trở về nhà, rất đỗi ngạc nhiên về sự việc đã xảy ra.

Trong số những lần Chúa hiện ra dưới nhiều cách thức khác nhau, mỗi tác giả Tin Mừng ghi lại những lần riêng mình cho là giải bày dự tính của mình cách mỹ mãn nhất. Sau khi đã chọn lựa, các ngài biên soạn bản văn của mình một cách hoàn toàn tự do, chẳng hạn như đem soạn lại thành loạt các phép lạ hoặc lời nói của Chúa Giê-su.

Lời các Tông Đồ rao giảng về Chúa Giê-su sống lại dựa trên hai sự kiện : ngôi mộ trống và những lần Chúa xuất hiện (x. phần bình giải Mt 28,1).

3) Trước khi các Tin Mừng được viết, đã có thư thứ nhất của thánh Phao-lô gửi tín hữu Cô-rin-tô kê ra những lần Chúa xuất hiện (x. 1 Cr 15,3tt).

4) Tuy cả bốn Tin Mừng đều nhất trí về phần cốt tủy, nhưng vẫn có những khác biệt lớn xét về thứ tự và nơi chốn các cuộc xuất hiện xảy ra. Thánh Lu-ca không nói tới những lần hiện ra ở Ga-li-lê. Thánh Mát-thêu thì cho ta cái cảm tưởng rằng những gì quan trọng đều diễn ra ở Ga-li-lê và cũng từ đó mà Chúa Giê-su đã lên trời. Thánh Phao-lô nhắc tới trước tiên một cuộc hiện ra với thánh Phê-rô, nhưng lại không nói tới các bà (vả lại vào thời ấy, không biết lời chứng của các bà có giá trị gì đối với người Do-thái ?).

Đức Giê-su hiện ra với hai môn đệ trên đường Em-mau

* 13 Cũng ngày hôm ấy, có hai người trong nhóm môn đệ đi đến một làng kia tên là Em-mau, cách Giê-ru-sa-lem chừng mười một cây số. 14 Họ trò chuyện với nhau về tất cả những sự việc mới xảy ra. 15 Đang lúc họ trò chuyện và bàn tán, thì chính Đức Giê-su tiến đến gần và cùng đi với họ. 16 Nhưng mắt họ còn bị ngăn cản,

không nhận ra Người. 17 Người hỏi họ : “Các anh vừa đi vừa trao đổi với nhau về chuyện gì vậy ?” Họ dừng lại, vẻ mặt buồn rầu.

18 Một trong hai người tên là Cơ-lê-ô-pát trả lời : “Chắc ông là người duy nhất trú ngụ tại Giê-ru-sa-lem mà không hay biết những chuyện đã xảy ra trong thành mấy bữa nay.”

19 Đức Giê-su hỏi : “Chuyện gì vậy ?” Họ thưa : “Chuyện ông Giê-su Na-da-

* 24,13 Hai môn đệ này đang trở về quê nhà và nghề nghiệp của họ sau khi không còn hy vọng nào nữa ; nhưng chúng ta đã quen gọi họ là các “lữ khách Em-mau”. Trong câu truyện này, chúng ta sẽ lưu ý thánh Lu-ca cẩn thận như thế nào khi lần lượt sử dụng các động từ *thấy* và *nhận ra*. Quả thế, tác giả muốn cho chúng ta hiểu rằng sau khi Chúa Giê-su phục sinh, không ai có thể được *nhìn thấy* Người bằng con mắt thể xác nữa : Người đã vượt qua thế gian này mà về với Cha Người, và thế giới mới này vượt quá tầm mức của giác quan chúng ta. Nhưng chính nhờ cái nhìn mới mẻ này, chính nhờ ánh sáng đức tin này mà chúng ta *nhận ra* Người hiện diện và hành động trong chúng ta và quanh chúng ta. Tuy đã có một vài thị kiến đặc biệt, đã có một vài cuộc hiện ra của Chúa Phục Sinh đánh dấu lịch sử Hội Thánh, nhưng dân Ki-tô giáo vẫn được mời gọi *nhận ra* Người trong đức tin.

Ông Cơ-lê-ô-pát và những bạn đồng hành của ông là những khách hành hương theo nghĩa họ đã từng đi theo Chúa Giê-su, cứu mạng những hy vọng của dân tộc mình, luôn luôn hướng về lời hứa của Thiên Chúa mà tiến bước. Thế nhưng cuối cùng họ chẳng được gì hết ngoài cái chết của Chúa Giê-su.

Chính Đức Giê-su cùng đi với họ (c.15) : “Khi có hai ba người họp nhau lại nhân danh Thầy thì Thầy ở giữa họ”, Chúa Giê-su đã nói thế (Mt 18,20). Các khách hành hương nấn chí ấy đâu đã bị bỏ rơi : Chúa Giê-su đích thân cùng đi với họ, cũng như Người làm như thế với chúng ta trong những lúc chúng ta chán nản nhất. Vậy là Chúa Giê-su hiện ra với họ và dạy họ rằng không thể vào được Nước Thiên Chúa nếu không kinh qua cái chết.

rét. Người là một ngôn sứ đầy uy thế trong việc làm cũng như lời nói trước mặt Thiên Chúa và toàn dân.

²⁰ Thế mà các thượng tế và thủ lãnh của chúng ta đã nộp Người để Người bị án tử hình, và đã đóng đinh Người vào thập giá.

²¹ Phần chúng tôi, trước đây vẫn hy vọng rằng chính Người là Đấng sẽ cứu chuộc Ít-ra-en. Hơn nữa, những việc ấy xảy ra đến nay là ngày thứ ba rồi. ²² Thật ra, cũng có mấy người đàn bà trong nhóm chúng tôi đã làm

chúng tôi kinh ngạc. Các bà ấy ra mộ hồi sáng sớm,

²³ không thấy xác Người đâu cả, về còn nói là đã thấy thiên thần hiện ra bảo rằng Người vẫn sống.

²⁴ Vài người trong nhóm chúng tôi đã ra mộ, và thấy sự việc y như các bà ấy nói ; còn chính Người thì họ không thấy.”

²⁵ Bấy giờ Đức Giê-su nói với hai ông rằng : “Các anh chẳng hiểu gì cả ! Lòng trí các anh thật là chậm tin vào lời các ngôn sứ ! ²⁶ Nào Đấng Ki-tô lại chẳng phải chịu khổ hình

Mắt họ còn bị ngăn cản, không nhận ra Người (c.16). Với lối nói này, hao hao giống Ga 14,19, thánh Lu-ca nhấn mạnh rằng, sau khi sống lại, Chúa Giê-su chỉ được *nhận ra* bởi những ai đón nhận sự sống của Người. Vậy đâu phải với con mắt thể xác của họ mà các môn đệ Em-mau, và tất cả mọi tín hữu sau này, sẽ *nhận ra Chúa Giê-su*, nhưng là với cái nhìn tinh khôi của đức tin.

Bắt đầu từ ông Mô-sê và tất cả các ngôn sứ (c.27). Xin nhắc lại : “ông Mô-sê và các ngôn sứ” là một cách nói để chỉ Sách Thánh. Vậy là Chúa Giê-su kêu mời họ đi từ niềm tin của Ít-ra-en, hoặc từ kỳ vọng một tương lai hạnh phúc cho toàn dân, mà đạt tới niềm tin vào Người, chấp nhận mẫu nhiệm Người bị dân mình loại bỏ và chịu khổ hình thập giá.

Những gì liên quan đến Người trong tất cả Sách Thánh (c.27). Chúa Giê-su không chỉ nhắc lại những bản văn loan báo cuộc thương khó và sự sống lại của Người, như Is 50 ; 52,13 và tt ; Dcr 12,11 ; Tv 22 ; 69, mà cả những chỗ cho thấy kế hoạch của Thiên Chúa được hoàn thành qua thử thách và lắng nhục.

Đối với chúng ta cũng thế, chúng ta tin nhưng thiếu kiên nhẫn, nên thường hay phàn nàn than trách. Nhưng Chúa Giê-su đâu để chúng ta một mình. Người đã phục sinh, không phải để ngự cõi mây xanh, nhưng là để dẫn đầu nhân loại trên đường hành hương, và Người lôi cuốn chúng ta hướng về ngày cuối cùng ấy, khi mà Người sẽ đến đón chúng ta.

như thế, rồi mới vào trong vinh quang của Người sao ?
²⁷ Rồi bắt đầu từ ông Mô-sê và tất cả các ngôn sứ, Người giải thích cho hai ông những gì liên quan đến Người trong tất cả Sách Thánh.

²⁸ Khi gần tới làng họ muốn đến, Đức Giê-su làm như còn phải đi xa hơn nữa. ²⁹ Họ nài ép Người rằng : “Mời ông ở lại với chúng tôi, vì trời đã xế chiều, và ngày sắp tàn.” Bấy giờ Người mới vào và ở lại với họ. ³⁰ Khi đồng bàn với họ, Người cầm lấy bánh, dâng lời chúc tụng, và bẻ ra trao cho họ. ³¹ Mắt họ liền mở ra và họ nhận ra Người, nhưng Người lại biến mất. ³² Họ mới bảo nhau : “Đọc

đường, khi Người nói chuyện và giải thích Kinh Thánh cho chúng ta, lòng chúng ta đã chẳng bùng cháy lên sao ?”

³³ Ngay lúc ấy, họ đứng dậy, quay trở lại Giê-ru-salem, gặp Nhóm Mười Một và các bạn hữu đang tụ họp tại đó. ³⁴ Những người này bảo hai ông : “Chúa trỗi dậy thật rồi, và đã hiện ra với ông Si-môn.” ³⁵ Còn hai ông thì thuật lại những gì đã xảy ra dọc đường và việc mình đã nhận ra Chúa thế nào khi Người bẻ bánh.

Đức Giê-su hiện ra với các Tông Đồ

* ³⁶ Các ông còn đang nói, thì chính Đức Giê-su đứng giữa các ông và bảo :

Hiện nay thì Hội Thánh làm cho chúng ta điều mà Chúa Giê-su đã làm cho hai môn đệ. Trước hết, Hội Thánh dạy chúng ta biết “giải thích Sách Thánh” : điều quan trọng để hiểu Sách Thánh không phải là thuộc lòng cho nhiều đoạn văn, nhưng là phát hiện những sợi chỉ đỏ xuyên qua nhiều biến cố khác nhau, và hiểu được kế hoạch của Thiên Chúa qua lịch sử loài người. Trong buổi dạy Kinh Thánh đầu tiên của Người, Chúa Giê-su đã dạy họ rằng Đấng Ki-tô phải chịu đau khổ.

Sau đó, Hội Thánh cử hành Thánh Lễ tạ ơn. Chúng ta hãy để ý xem thánh Lu-ca miêu tả như thế nào : *Người cầm lấy bánh, dâng lời chúc tụng, và bẻ ra trao cho họ* ; các tín hữu thời bấy giờ dùng những cụm từ diễn tả bốn động tác ấy để nói về Thánh Thể. Chúng ta có thể đến gần Chúa Giê-su khi vừa đàm đạo vừa suy gẫm lời Người ; chúng ta nhận thấy có Người hiện diện trong các buổi họp huynh đệ của chúng ta, nhưng khi chúng ta chia sẻ với nhau tấm bánh là Thân Mình Người, thì Người cho chúng ta nhận ra Người một cách khác.

“Bình an cho anh em !”

³⁷ Các ông kinh hồn bạt vía, tưởng là thấy ma.

³⁸ Nhưng Người nói : “Sao lại hoảng hốt ? Sao lòng anh em còn ngờ vực ?

³⁹ Nhìn chân tay Thầy coi, chính Thầy đây mà ! Cứ rờ xem, ma đâu có xương có thịt như anh em thấy Thầy có đây ?” ⁴⁰ Nói xong, Người đưa tay chân ra cho các ông xem. ⁴¹ Các ông còn chưa tin vì mừng quá, và còn đang ngỡ ngàng, thì Người hỏi : “Ồ đây anh em có gì ăn không ?”

⁴² Các ông đưa cho Người một khúc cá nướng. ⁴³ Người cầm lấy và ăn trước mặt các ông.

Những lời chỉ bảo sau hết cho các Tông Đồ

* ⁴⁴ Rồi Người bảo : “Khi còn ở với anh em, Thầy đã từng nói với anh em rằng tất cả những gì sách Luật Mô-sê, các sách Ngôn Sứ và các Thánh Vịnh đã chép về Thầy đều phải được ứng nghiệm.” ⁴⁵ Bấy giờ Người mở trí cho các ông hiểu Kinh Thánh ⁴⁶ và

* **24,36** Ngay từ ngày phục sinh, Chúa Giê-su đã trở về với sự sống vinh quang của Người. Dầu vậy, nếu Người còn muốn nhiều lần gặp gỡ các môn đệ, đó là để giúp họ hiểu rằng Người không phải rơi vào hoàn cảnh một cuộc sống suy nhược, mà hẳn là ngược lại, Người đã vĩnh viễn bước vào “cuộc sống viên mãn”.

* **24,44** Nhân những cuộc gặp gỡ này, Chúa Giê-su giải thích cho các Tông Đồ ý nghĩa của sứ mạng ngắn ngủi và sáng chói của Người : Người đã cứu chúng ta khỏi tội lỗi, có nghĩa là Người đã chinh đốn lại lịch sử cốt sao cho loài người được phục sinh.

Tất cả những gì đã chép về Thầy đều phải được ứng nghiệm. Những gì các ngôn sứ đã báo trước về một Đấng Cứu Tinh bị loại trừ và gánh lấy tội của dân mình, đều phải được ứng nghiệm. Tội gì thế ? Thừa hiển nhiên là tội lỗi của tất cả mọi người, nhưng cũng là bạo lực của cả xã hội Do-thái thời Chúa Giê-su. Chính tội này đã đưa Người đến cái chết thập giá cách trực tiếp hơn.

Thật ra, con đường chết và phục sinh này không chỉ dành cho Chúa Giê-su, nhưng còn cho dân của Người nữa. Vào thời điểm đó, dân Ít-ra-en nằm dưới quyền thống trị của đế quốc Rô-ma, phải chấp nhận chấm dứt mọi tham vọng trần thế của mình : quyền tự trị, niềm tự hào dân tộc, nhận biết mình tội hẵn các dân tộc khác về mặt tôn giáo để được hồi sinh trong tư cách là dân Thiên Chúa phân tán giữa muôn dân mà trở thành nhân chứng đặc lực về ơn cứu độ. Một số ít người đã theo Chúa Giê-su đi vào con đường này và đó là khởi đầu của Hội Thánh : những kẻ đã *nhân danh Người mà rao giảng cho muôn dân.*

Người nói : “Có lời Kinh Thánh chép rằng : Đấng Ki-tô phải chịu khổ hình, rồi ngày thứ ba, từ cõi chết sống lại ; ⁴⁷ phải nhân danh Người mà rao giảng cho muôn dân, bắt đầu từ Giê-ru-sa-lem, kêu gọi họ sám hối để được ơn tha tội. ⁴⁸ Chính anh em là chứng nhân về những điều này.

⁴⁹ “Phân Thầy, Thầy sẽ gửi cho anh em điều Cha Thầy đã hứa. Còn anh em, hãy ở lại trong thành, cho đến khi nhận được quyền

năng từ trời cao ban xuống.”

Đức Giê-su được rước lên trời

⁵⁰ Sau đó, Người dẫn các ông tới gần Bê-ta-ni-a, rồi giơ tay chúc lành cho các ông. ⁵¹ Và đang khi chúc lành, thì Người rời khỏi các ông và được đem lên trời. ⁵² Bấy giờ các ông bái lạy Người, rồi trở lại Giê-ru-sa-lem, lòng đầy hoan hỷ, ⁵³ và hằng ở trong Đền Thờ mà chúc tụng Thiên Chúa.

Nhân danh Người kêu gọi họ sám hối để được ơn tha tội. Sám hối hoặc hối cải Ki-tô giáo không phải như là chuyển từ đảng phái này sang đảng phái khác, từ nhóm tôn giáo này qua một nhóm khác. Sám hối có nghĩa là cải tổ bản thân con người. Thế nhưng con người là thành phần của một xã hội, một thế giới, một lịch sử. Vì thế, công việc *rao giảng cho muôn dân* không chỉ giới hạn trong việc công bố sứ điệp của Chúa Giê-su cứu độ, mà còn có nghĩa là giáo dục muôn dân nhằm giúp họ tìm lại được chương trình của Thiên Chúa về con người. Thánh Lu-ca đã nói tới “thời của dân ngoại” (21,24), và ngày nay chúng ta thấy cộng đoàn quốc tế đang được xây dựng. Việc loan báo Tin Mừng này không thể thực hiện trong thời gian mười hay một trăm năm.

Chính anh em là chứng nhân về những điều này (c.48). Chúa Giê-su đặt các Tông Đồ làm chứng nhân chính thức về Tin Mừng của Người ; các ngài sẽ đứng ra bảo đảm cho đức tin.

Hãy ở lại trong thành (c.49). Các Tông Đồ chưa sẵn sàng để khởi sự ngay sứ mạng. Các ngài còn phải lo củng cố tình đoàn kết huynh đệ và lòng nhiệt thành của cộng đoàn, trong khi chờ đợi giờ phút Chúa Cha đã chọn để ban cho các ngài *quyền năng từ trời cao ban xuống*.

Thầy sẽ gửi cho anh em điều Cha Thầy đã hứa. Không có cách nói nào mạnh hơn để Chúa Giê-su khẳng định cùng một trật uy quyền thần linh của Người và tín điều Ba Ngôi nhưng là một Thiên Chúa.

Quyển sách thứ nhất của thánh Lu-ca kết thúc ở đây ; và chính chỗ dứt điểm này sẽ làm khởi điểm cho sách Công vụ Tông Đồ sẽ được viết sau.

TIN MỪNG THEO THÁNH GIO-AN

DẪN NHẬP

Thoạt nhìn ba cuốn sách Tin Mừng đầu tiên, chúng ta có thể không để ý đến việc làm công phu và khéo léo của các nhà biên soạn đã cho nó hình thành. Không cần biết các ông đã đưa ra cái nhìn về Đấng Cứu Thế như thế nào, nhưng các ông đã sử dụng các lời chứng một cách hết sức đơn giản, đến độ chúng ta cứ tưởng như đang thấy và nghe chính Chúa Giê-su nói chuyện với chúng ta.

Về phương diện này, Tin Mừng theo thánh Gio-an lại khác hẳn. Cuốn sách đã đồng hành với tác giả trong suốt cuộc hành trình tông đồ của ông, và ông không ngừng sửa đi chỉnh lại trong nỗ lực đào sâu các kinh nghiệm của ông về Chúa Giê-su, giờ đây đã phục sinh và đang hiện diện trong Hội Thánh, trong đó ông là người tông

đồ và chứng nhân của Chúa. Chính ông đã không giấu ý định của mình khi viết : “Những điều đã được viết ra đây là để anh em tin rằng Đức Giê-su là Con Thiên Chúa” (Ga 20,31).

Đức tin của Hội Thánh vẫn tuyên xưng Đức Giê-su là Con Thiên Chúa, nhưng vào thời đó, người ta hiểu những từ ngữ này như thế nào ? Sự phục sinh đã tỏ lộ thiên tính của Đức Giê-su ; nhưng người ta có thể tự hỏi Người là Con Thiên Chúa từ lúc nào, và Người là Thiên Chúa đến mức độ nào. Tin Mừng Ga khẳng định rõ ràng Chúa Giê-su đã hiện hữu từ đời đời nơi Thiên Chúa, và nguồn gốc thần linh này liên soi sáng cho thấy tâm cơ của tác phẩm. Là người Con được Thiên Chúa sinh ra tự đời đời và đã làm người, Chúa Giê-su đến không chỉ để dạy chúng ta sống tốt hơn,

nhưng để biến đổi cả tạo thành.

Tác giả Gio-an đã không sáng tác sách Tin Mừng của ông bằng cách dựng đứng câu truyện. Chúng ta có thể đọc thấy nhiều lời chứng rất chính xác, trong đó số chi tiết có thể kiểm chứng được thì nhiều hơn trong các sách Tin Mừng khác. Nhưng tác giả không chỉ nại vào các kỷ niệm của mình mà thôi. Theo tiến trình suy tư và kinh nghiệm của ông, ông triển khai thêm và dựng thành những “diễn từ”, đọc nghe như thể Chúa Giê-su thật sự đang nói với chúng ta vậy.

Tin Mừng Ga có tính bút chiến : các chân lý càng nguyên tuyền và cứng rắn thì càng ít có thánh giả nghe lọt tai. Sách này không phải đã không gây tranh luận trong chính nội bộ Giáo Hội vào những thế kỷ đầu tiên, khi mới được phổ biến. Nhưng nó cũng khá nhanh chóng được công nhận là lời của Thiên Chúa và của các Tông Đồ.

Như thế, Tin Mừng Ga đã được soạn đi soạn lại, và có lẽ chỉ được xuất bản sau khi tác giả qua đời,

tức vào khoảng năm 95, như có thể thấy khi đọc đoạn văn ngắn được thêm vào ở cuối. Trong đợt soạn thảo cuối cùng, dường như trình thuật được bố cục lại xoay quanh ba lễ Vượt Qua đánh dấu cuộc đời công khai của Chúa Giê-su.

Ở đây chúng ta có một yếu tố quan trọng để hiểu tư tưởng của ông Gio-an. Ông viết xong cuốn Tin Mừng 20 năm sau khi Thành Giê-ru-sa-lem và Đền Thờ bị người Rô-ma phá bình địa. Nhưng, cũng như thánh Phao-lô, tác giả hiểu rằng Chúa Giê-su đã khai mở cho thế giới một kỷ nguyên mới. Cuộc mặc khải được ban cho dân Do-thái và những lễ nghi long trọng ở Đền Thờ đã thuộc về quá khứ. Thế nhưng chính ở trong Giao Ước đầu tiên này, nay đã trở thành Cựu Ước, mà chúng ta phải tìm ra những chìa khoá giúp hiểu được công trình của Chúa Giê-su. Vì thế, ông Gio-an sẽ thường hay nói về các ngày lễ Do-thái giáo, về các biểu tượng tôn giáo : nước, lá dứa, con chiên và từ đó, ông sẽ cho thấy các hình ảnh ấy đã hoá thân như

thế nào trong đời sống và phụng vụ mới của người Ki-tô hữu.

Sau khúc dạo đầu này, mà chúng tôi gọi là Tuần Lễ Khai Mạc (từ ch.1 đến 2,16), một số người phân biệt ba phần như sau :

– Ở Ga 2,13 : Chúa Giê-su lên Đền Thờ dự lễ Vượt Qua. Các ch. 2 – 5 triển khai dấu chỉ Đền Thờ.

– Ở Ga 6,4 : lại một lễ Vượt Qua. Ga triển khai dấu chỉ bánh.

– Ở Ga 13,1 : lễ Vượt Qua thứ ba : Chúa Giê-su sẽ bị giết chết vào giờ người ta sát tế chiên lễ Vượt Qua trong Đền Thờ. Và con chiên là dấu chỉ thứ ba.

Có phải ông Gio-an là tác giả sách Tin Mừng mang tên ông ?

Đây là một vấn đề rất khó giải quyết. Không thiếu những lý do để cho rằng ông không phải là tác giả xác thực, nhưng cũng có nhiều lý chứng để ủng hộ truyền thống cho rằng chính ông là tác giả.

Như chúng tôi đã nói trong phần Dẫn Nhập các Sách Tin Mừng, có một sự

e ngại nào đó thôi thúc chúng ta đi tìm tác giả bên ngoài nhóm các Tông Đồ. Sự điệp của ông Gio-an quá rõ. Nó nói với chúng ta rằng Đấng đã để lại dấu ấn vĩnh viễn nơi ông, Đấng đã yêu mến ông và được ông yêu mến, chính là Lời Vĩnh Cửu của Thiên Chúa, là Thiên Chúa sinh bởi Thiên Chúa. Đó là những điều đủ làm chúng ta sửng sốt. Vì thế, người ta muốn rằng đó là những điều mà một người khác nói, không phải một chứng nhân trực tiếp, mà là một nhà thần học nào đó đã dễ dàng lý tưởng hoá con người Giê-su, bởi vì từ xa, ông ấy không cảm nhận được một cách hiển nhiên dung mạo nhân loại của Người, cách nhìn, cách ăn uống, mùi mồ hôi của Người... chẳng.

Nhưng phải công nhận rằng các lý do để nghi ngờ rất mạnh, và lý do chính là như sau : nhiều thập niên đã trôi qua giữa các lời chứng đầu tiên rất sốt dẻo về các hành động, cử chỉ của Chúa Giê-su và các diễn từ được triển khai từ những lời chứng đó, những diễn từ dường như

có khi không còn dính dáng gì với truyền thống nguyên thủy nữa. Hỏi một người trong số các môn đệ đầu tiên của Chúa Giê-su đã có thể đi hết một chặng đường dài như vậy không ?

Vị soạn giả đã cuối cùng định hình cho các diễn từ, vào những năm 70-80, có lẽ tại Ê-phê-xô, nơi mà một truyền thống rất cổ xưa cho biết ông Gio-an đã lui về và qua đời, là một nhà thần học. Ông chú trọng nhiều những gì liên quan đến Đền Thờ, vì thế có thể nghĩ rằng ông là một tư tế. Điều này có thể tương hợp được hay không với những gì liên quan đến người đánh cá, con của ông Dê-bê-đê, tại biển hồ Ti-bê-ri-a ? Có thể nào một cái nhìn thần học như thế về Đức Giê-su, Đấng Ki-tô, và tiếp theo là Con Thiên Chúa và Đấng Cứu Thế, phát sinh được trong tâm trí người đánh cá này, để rồi sau đó được diễn đạt trong sách Tin Mừng của ông hay không ?

Đây là loại vấn nạn mà, để trả lời, mỗi người sẽ phải quyết đoán từ kinh nghiệm riêng của mình. Chúng ta có thể gặp thấy

nhiều tín hữu chưa từng học thần học ở đại học nào, nhưng vẫn là những nhà thần học theo một nghĩa rất thật và rất sâu. Chỉ cần một cuộc gặp gỡ đặc biệt sâu xa là những thiên tài của họ trỗi dậy. Thế rồi họ trở thành những người thuộc nhóm tông đồ nhỏ bé kia, không ngừng cùng với nhau cầu nguyện và suy nghĩ về các biến cố và khám phá liên quan đến sứ vụ của mình trong Giáo Hội, tìm hiểu các đường lối của Thiên Chúa. Họ cần có những sách vở, những con người giúp đỡ họ suy nghĩ chín chắn hơn chăng ? Thiên Chúa vốn đã phú ban cho họ sự khôn ngoan bên trong, cũng sẽ cho họ tìm được những sự trợ giúp bên ngoài.

Ấu đó là trường hợp của ông Gio-an cũng nên, vì ông là người rất gắn bó với Chúa Giê-su, và sau này làm Tông Đồ Chúa những 60 năm trời. Ông không học ở những trường học của các ráp-bi như ông Phao-lô, và vì lẽ đó, ông không dùng những kiểu lý luận phức tạp như ông này, nhưng là nhà thần

học thì đúng : ông hiểu biết Thiên Chúa.

Như vậy mỗi người sẽ chọn câu trả lời cho vấn đề này. Người ta có thể nghiêng về giả thuyết một ông Gio-an Thần Học Gia, khác với ông Gio-an con Dê-bê-đê và là hậu sinh ông Gio-an Tông Đồ, chịu trách nhiệm về cuốn sách Tin Mừng này, về cái nhìn thần học về Ngôi Lời làm người, và về cách viết phóng khoáng của ông không sát lắm với con

người Giê-su bằng xương bằng thịt. Ngược lại, những ai đã được kinh nghiệm về sự hiện diện sống động của Chúa Ki-tô và được Người chiêm đoạt sẽ nhận ra, ở nhiều đoạn, một nhân chứng trực tiếp. Đặc biệt là ở Ga 19,31-37, nhân chứng nói lên sự kiện chính xác đã làm rung động trái tim ông cách sâu thẳm và đã đưa ông vào tận mâu nhiệm của Chúa Giê-su.

TIN MỪNG THEO THÁNH GIO-AN

I. LỜI TỰA

- 1** * ¹ Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời.
Ngôi Lời vẫn hướng về Thiên Chúa,
và Ngôi Lời là Thiên Chúa.
² Lúc khởi đầu, Người vẫn hướng về Thiên Chúa.
³ Nhờ Ngôi Lời, vạn vật được tạo thành,
và không có Người,
thì chẳng có gì được tạo thành.

* 1,1 *Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời.* Khởi nguyên đích thực không phải là việc sáng thế. Vì cái khởi điểm của thời gian, không gian, vật chất và các hữu thể chẳng giải thích được gì mà còn cần được giải thích nữa. Khởi nguyên đích thực thì vượt ngoài thời gian. Thánh Gio-an không nói rằng vào lúc khởi đầu này, “Thiên Chúa hiện hữu” vì chúng ta đã biết điều đó rồi. Ông nói đến *Ngôi Lời*. Chúng ta giữ nguyên thuật ngữ *lời* truyền thống này, mặc dù từ mà thánh Gio-an dùng có nghĩa rộng hơn. Đó vừa là tư tưởng vừa là lời diễn tả điều ta mang trong tâm trí. Có lẽ ta phải dịch là “Điều biểu lộ” Thiên Chúa.

Nói về Ngôi Lời này hay Điều biểu lộ Chúa Cha, hoặc nữa là Điều biểu lộ Con Chúa Cha, đều là như nhau. Ở những trang khác, Ngôi Lời còn được gọi là “phản ánh về huy hoàng” (Dt 1,3) và hình ảnh (Cl 1,15) của Chúa Cha. Ngôi Con không phải là một phần của Ngôi Cha, cũng không phải là một vị Thiên Chúa khác bởi vì Người đâu có gì làm riêng của mình, mà tất cả những gì là của Cha cũng đều là của Người (Ga 16,15).

Thánh Gio-an sẽ nhắc chúng ta rằng chưa có ai đã nhìn thấy Thiên Chúa (c.18). Thiên Chúa Cha, nguồn phát sinh vạn vật trên trời dưới đất, thì vô thủy vô chung, và chỉ mình Người biết được bản thân Người vô cùng vô tận như thế nào. Ở đây thánh Gio-an cho chúng ta biết rằng, đối với Người, hiện hữu chính là thông truyền chính mình, diễn tả chính mình, cho đi chính mình. Thiên Chúa diễn tả chính mình nơi Đấng vừa là Ngôi Lời vừa là Ngôi Con của Người, và qua Lời duy nhất không phải được tạo thành này, Lời biểu lộ Người cách viên mãn, Người tạo dựng vũ trụ – một cách khác nữa để nói lên cái ở bên trong Người.

- Điều đã được tạo thành ⁴ ở nơi Người là sự sống, và sự sống là ánh sáng cho nhân loại.
- ⁵ Ánh sáng chiếu soi trong bóng tối, và bóng tối đã không diệt được ánh sáng.
- ⁶ Có một người được Thiên Chúa sai đến, tên là Gio-an.
- ⁷ Ông đến để làm chứng, và làm chứng về ánh sáng, để mọi người nhờ ông mà tin.
- ⁸ Ông không phải là ánh sáng, nhưng ông đến để làm chứng về ánh sáng.
- ⁹ Ngôi Lời là ánh sáng thật, ánh sáng đến thế gian và chiếu soi mọi người.

Điều đã được tạo thành ở nơi Người là sự sống. Tất cả về huy hoàng của vũ trụ, sự sống và tiềm năng tự phát triển bên trong của nó, đều phát sinh như một phản ánh mang tính hữu hình và vật chất của Ngôi Lời Thiên Chúa.

Nhưng như thế vẫn chưa đủ để thoả mãn nhu cầu Thiên Chúa muốn thông đạt chính mình. Như nhiều đoạn văn của Cựu Ước chép (Cn 8,22 và 31 ; Kn 7,7-30), Thiên Chúa đã bước vào lịch sử nhân loại qua Ngôi Lời của Người. Mỗi người theo cách của mình, những vị mang lời Thiên Chúa đã diễn tả Người, cũng như các ngôn sứ trong Kinh Thánh và cả ngôn sứ các tôn giáo khác nữa. Ngôi Lời đã soi sáng mọi người, kể cả những ai không biết Thiên Chúa ; Ngôi Lời là lương tâm của người công chính thuộc mọi chủng tộc và mọi thời đại. Nhưng Ngôi Lời này, Người Con và Lời của Chúa Cha, một ngày kia đã đến để ban cho ta lời nói cuối cùng qua chính cuộc đời của Người, khi trở nên một người phạm giữa chúng ta.

Dù là chúng ta nghiên cứu lịch sử con người từ cội nguồn hay là đọc Cựu Ước, chúng ta đều thấy ngôn ngữ mà Thiên Chúa sử dụng giữa xã hội loài người đã phát triển như thế nào. Nó vẫn luôn là ngôn ngữ nhân loại nhưng đã được Thần Khí Thiên Chúa thổi vào, và một cách đặc biệt trong lịch sử Ít-ra-en, nó cũng chính là lời của Thiên Chúa. Chúng ta sẽ gặp lại lời hằng sống này nơi Chúa Giê-su, Ngôi Con làm người, nhưng theo một cách thức khiến chúng ta sẽ ngỡ ngàng. Vì mầu nhiệm của Ngôi Con là ở chính chỗ này : đúng thực Người là Thiên Chúa cũng như Ngôi Cha, nhưng một khi đã lãnh nhận tất cả, Người lại sẵn sàng trao hiến tất cả : Người từ bỏ chính mình, trở thành “vô ngã”, để Chúa Cha ngợi khen và tôn vinh Người một lần nữa.

Lưu ý trong c.18 cụm từ ngoại thường : *Con Một vốn là Thiên Chúa*. Bản văn ghi chính xác : “Đấng hằng ở nơi cung lòng Chúa Cha”.

- 10 Người ở giữa thế gian,
và thế gian đã nhờ Người mà có,
nhưng lại không nhận biết Người.
- 11 Người đã đến nhà mình,
nhưng người nhà chẳng chịu đón nhận.
- 12 Còn những ai đón nhận,
tức là những ai tin vào danh Người,
thì Người cho họ quyền trở nên con Thiên Chúa.
- 13 Họ được sinh ra, không phải do khí huyết,
cũng chẳng do ước muốn của nhục thể,
hoặc do ước muốn của người đàn ông,
nhưng do bởi Thiên Chúa.
- 14 Ngôi Lời đã trở nên người phàm
và cư ngụ giữa chúng ta.
Chúng tôi đã được nhìn thấy
vinh quang của Người,
vinh quang mà Chúa Cha ban cho Người,
là Con Một đầy tràn ân sủng và sự thật.

Có một người được Thiên Chúa sai đến. Hai lần trong các câu 6-8 và 15, ông Gio-an tác giả Tin Mừng nói về ông Gio-an Tẩy Giả, vị tiên hô của Chúa Giê-su. Ngôi Lời đã chơi đẹp, theo đúng luật : Người đã không đến trong vinh quang, đã tự giới thiệu mình bằng một lời phát xuất tự mình nhưng vẫn là lời phàm nhân, tức là lời của ông Gio-an. Bác bỏ lời chứng này thì rất dễ, và trong thực tế, *Người đã đến nhà mình*, là dân Do-thái, và *người nhà đã chẳng đón nhận Người*.

Ngôi Lời đã trở nên người phàm (c.14). Dịch sát chữ Hy-lạp của Ga là *xác thật* ; từ này nhấn mạnh thái độ hoàn toàn hạ mình của Thiên Chúa, Đấng vốn là thần linh nay trở nên loài thụ tạo với một thân xác có sinh có tử. Ga nói *trở nên* chứ không phải “mặc lấy hình hài” một con người, bởi vì Con Thiên Chúa đã thật sự làm người.

Người cư ngụ giữa chúng ta (c.14). Ga dùng một động từ thoát hiểu là “cắm lều của mình”. Bằng cụm từ này, Ga gợi nhớ căn lều thần thiêng được dùng làm nơi thờ phượng của người Híp-ri trong sa mạc và là nơi Thiên Chúa hiện diện giữa họ (Xh 33,7-11). Thật ra, Chúa Giê-su, Con Thiên Chúa làm người, mới là đền thờ đích thực của Thiên Chúa ở giữa dân Người (Ga 2,21), một đền thờ cũng khiếm tốn và bề ngoài xem ra mong manh không kém căn lều trong sa mạc : nhưng chính nơi Người mà sự viên mãn của Thiên Chúa hiện diện. Các Tông Đồ đã *nhìn thấy vinh quang của Người* ở một vài thời điểm trong cuộc đời trần thế của Người (Ga 2,11 và Lc 9,32). Họ đã nhìn thấy vinh quang trong cuộc Thương Khó và Phục Sinh của Người.

- 15 Ông Gio-an làm chứng về Người, ông tuyên bố :
 “Đây là Đấng mà tôi đã nói :
 Người đến sau tôi,
 nhưng trỗi hơn tôi, vì có trước tôi.”
- 16 Từ nguồn sung mãn của Người,
 tất cả chúng ta đã lãnh nhận
 hết ơn này đến ơn khác.
- 17 Quả thế,
 Lễ Luật đã được Thiên Chúa ban qua ông Mô-sê,
 còn ân sủng và sự thật,
 thì nhờ Đức Giê-su Ki-tô mà có.
- 18 Thiên Chúa, chưa bao giờ có ai thấy cả ;
 nhưng Con Một vốn là Thiên Chúa
 và là Đấng hằng ở nơi cung lòng Chúa Cha,
 chính Người đã tỏ cho chúng ta biết.

Ngôi Lời đến cứu thoát chúng ta như thế nào ? Ga không hẳn nói rằng Chúa Giê-su vớt chúng ta ra khỏi vực thẳm tội lỗi cho bằng khẳng định rằng Người dẫn dắt chúng ta đến một trạng thái hoàn toàn bất ngờ và vượt quá tầm với của chúng ta : *Người cho họ quyền trở nên con Thiên Chúa*. Cùng với Người, chúng ta được tác thành làm con cái Thiên Chúa khi chúng ta tin vào danh Người, nghĩa là vào thần tính của Người.

Tình yêu và sự thật nhờ Người mà có (c.17). Kinh Thánh nói rằng *tình yêu* (hay *ân sủng*) và *lòng thành tín* (hay *sự thật*) là hai đức tính chính yếu của Thiên Chúa (Xh 34,6-7) : những từ này được lặp đi lặp lại như một điệp khúc suốt Tv 89. Vậy Ga có ý nói rằng nơi Chúa Giê-su, Thiên Chúa đã trao ban chính mình cách viên mãn (CI 2,9).

Lễ Luật đã được Thiên Chúa ban qua ông Mô-sê (c.17). Lịch sử Kinh Thánh tố cáo những tội lỗi của Ít-ra-en, nhưng tiên báo sẽ đến ngày luật lệ ghi khắc trên bia đá hay trang sách không còn cần thiết nữa (Gr 31,33). Sẽ có ngày Thiên Chúa thay đổi trái tim con người (Ed 36,26), để thiết lập giữa Thiên Chúa và loài người những mối quan hệ yêu thương và thành tín (Hs 2,21-22). Ga khẳng định rằng, nhờ Chúa Giê-su Kitô, thời kỳ yêu thương và thành tín ấy (là đạo tụyệt hảo) đã đến.

II. SỨ VỤ CỦA ĐỨC GIÊ-SU

1. LOAN BÁO NHIỆM VỤ MỚI

A. TUẦN LỄ KHAI MẠC

Lời chứng của ông Gio-an

* 19 Và đây là lời chứng của ông Gio-an, khi người Do-thái từ Giê-ru-sa-lem cử một số tư tế và mấy thầy Lê-vi đến hỏi ông : “Ông là ai ?” 20 Ông tuyên bố thẳng thắn, ông tuyên bố rằng : “Tôi không phải là Đấng Ki-tô.” 21 Họ lại hỏi ông : “Vậy thì thế nào ? Ông có phải là ông Ê-li-a không ?” Ông nói : “Không

phải.” – “Ông có phải là vị ngôn sứ chăng ?” Ông đáp : “Không.” 22 Họ liền nói với ông : “Thế ông là ai, để chúng tôi còn trả lời cho những người đã cử chúng tôi đến ? Ông nói gì về chính ông ?” 23 Ông nói : *Tôi là tiếng người hô trong hoang địa : Hãy sửa đường cho thẳng để Đức Chúa đi, như ngôn sứ I-sai-a đã nói.* 24 Trong nhóm được cử đi, có mấy người thuộc phái

* 1,19 CON CHIÊN

Các nhà cầm quyền tự hỏi : “Cái người tự mình đứng ra giảng dạy này là ai thế ?” Vào thời đó, có nhiều nhóm Do-thái “thanh tẩy” người ta (dìm xuống nước) : đây là một cách thức tẩy sạch tội, mong Đấng Cứu Thế mau đến.

Tôi không đáng (c.27). Có nghĩa là ông Gio-an không xứng đáng thanh tẩy Chúa Giê-su : x. phần bình giải Lc 3,16.

Về việc rao giảng của ông Gio-an Tẩy Giả, x. Lc 3,10.

Mê-si-a là danh hiệu người Do-thái đặt cho Đấng Cứu Thế họ mong đợi. Họ cũng nói đến vị *Ngôn Sứ*, nhưng không rõ vị này có phải là một ai khác Đấng Mê-si-a không. Họ cũng tin rằng ngôn sứ Ê-li-a sẽ lại xuất hiện trước khi Đấng Mê-si-a đến (Mc 9,11).

Đây là Chiên Thiên Chúa (c.29). Trong ngôn ngữ của người Do-thái, từ này có nghĩa là người tôi tớ đồng thời có nghĩa là con chiên. Chúa Giê-su là Người Tôi Tớ của Thiên Chúa được các ngôn sứ tiên báo, là Đấng sẽ tự hiến mình cho anh chị em của mình. Người cũng là Con Chiên đích thực sẽ thay thế cho con chiên Vượt Qua (Mc 14,12).

Có người đến sau tôi (c.30). Trong lịch sử, Chúa Giê-su xuất hiện sau ông Gio-an, nhưng vì là Ngôi Lời Thiên Chúa, Người có trước mọi loài thụ tạo. Người cũng dẫn đầu tất cả mọi người, kể cả ông Gio-an Tẩy Giả.

Pha-ri-sêu. ²⁵ Họ hỏi ông : “VẬY TẠI SAO ÔNG LÀM PHÉP RỬA, NẾU ÔNG KHÔNG PHẢI LÀ ĐẮNG KI-TÔ, CŨNG KHÔNG PHẢI LÀ ÔNG Ê-LI-A HAY VỊ NGÔN SỨ ?” ²⁶ Ông Gio-an trả lời : “TÔI ĐÂY LÀM PHÉP RỬA TRONG NƯỚC. NHƯNG CÓ MỘT VỊ ĐANG Ở GIỮA CÁC ÔNG MÀ CÁC ÔNG KHÔNG BIẾT. ²⁷ NGƯỜI SẼ ĐẾN SAU TÔI VÀ TÔI KHÔNG ĐÁNG CỞI QUẠI DÉP CHO NGƯỜI.” ²⁸ CÁC VIỆC ĐÓ ĐÃ XẢY RA TẠI BÊ-TA-NI-A, BÊN KIA SÔNG GIO-ĐAN, NƠI ÔNG GIO-AN LÀM PHÉP RỬA.

²⁹ Hôm sau, ông Gio-an thấy Đức Giê-su tiến về phía mình, liền nói : “ĐÂY LÀ CHIÊN THIÊN CHÚA, ĐÂY ĐẮNG XOÁ BỎ TỘI TRẦN GIAN. ³⁰ CHÍNH NGƯỜI LÀ ĐẮNG TÔI ĐÃ NÓI TỚI KHI BẢO RẰNG : CÓ NGƯỜI ĐẾN SAU TÔI, NHƯNG TRỞI HƠN TÔI, VÌ CÓ TRƯỚC TÔI.

³¹ TÔI ĐÃ KHÔNG BIẾT NGƯỜI, NHƯNG ĐỂ NGƯỜI ĐƯỢC TỎ RA CHO DÂN ÍT-RA-EN, TÔI ĐẾN LÀM PHÉP RỬA TRONG NƯỚC.” ³² ÔNG GIO-AN CÒN LÀM CHỨNG : “TÔI ĐÃ THẤY THẦN KHÍ TỰA CHIM BỒ CÂU TỪ TRỜI XUỐNG VÀ NGỰ TRÊN NGƯỜI. ³³ TÔI ĐÃ KHÔNG BIẾT NGƯỜI. NHƯNG CHÍNH ĐẮNG SAU TÔI ĐI LÀM PHÉP RỬA TRONG NƯỚC ĐÃ BẢO TÔI : ”NGƯỜI THẤY THẦN KHÍ XUỐNG VÀ NGỰ TRÊN AI, THÌ NGƯỜI ĐÓ CHÍNH LÀ ĐẮNG LÀM PHÉP RỬA TRONG THÁNH THẦN.” ³⁴ TÔI ĐÃ THẤY, NÊN XIN CHỨNG THỰC RẰNG NGƯỜI LÀ ĐẮNG THIÊN CHÚA TUYỂN CHỌN.”

CÁC MÔN ĐỆ ĐẦU TIÊN

* ³⁵ Hôm sau, ông Gio-an lại đang đứng với hai người trong nhóm môn đệ của ông. ³⁶ Thấy Đức Giê-su đi ngang qua, ông lên tiếng nói : “ĐÂY LÀ CHIÊN

* 1,35 KHÁM PHÁ CHÚA GIÊ-SU

Cuốn Tin Mừng này là tác phẩm của tác giả Tin Mừng Gio-an, mà chúng ta không nên lẫn lộn với ông Gio-an Tẩy Giả. Ông Gio-an tác giả Tin Mừng là một trong hai môn đệ đầu tiên đi theo Chúa Giê-su (c.39).

Ông Gio-an muốn giúp chúng ta hiểu ý nghĩa sâu xa của các việc Chúa làm nên cường điệu các chi tiết mà chúng ta có khi không chú ý tới. Ví dụ Kinh Thánh bắt đầu bằng một bài thơ về cuộc sáng thế, được phân bố trong thời gian bảy ngày, vậy vì bài thơ sáng thế này mà tác giả Gio-an trình bày bước đầu sứ vụ công khai của Chúa trong vòng bảy ngày (số bảy là con số hoàn hảo). X. cc. 29.35.43.

Thiên Chúa.”³⁷ Hai môn đệ nghe ông nói, liền đi theo Đức Giê-su.³⁸ Đức Giê-su quay lại, thấy các ông đi theo mình, thì hỏi : “Các anh tìm gì thế ?” Họ đáp : “Thưa Ráp-bi (nghĩa là thưa Thầy), Thầy ở đâu ?”³⁹ Người bảo họ : “Đến mà xem.” Họ đã đến xem chỗ Người ở, và ở lại với Người ngày hôm ấy. Lúc đó vào khoảng giờ thứ mười.

⁴⁰ Ông An-rê, anh ông Si-môn Phê-rô, là một trong hai người đã nghe ông Gio-an nói và đi theo Đức Giê-su.⁴¹ Trước hết, ông gặp em mình là ông Si-môn và nói : “Chúng tôi đã gặp Đấng Mê-si-a” (nghĩa là Đấng Ki-tô).

⁴² Rồi ông dẫn em mình đến gặp Đức Giê-su. Đức Giê-su nhìn ông Si-môn và nói : “Anh là Si-môn, con ông Gio-an, anh sẽ được gọi là Kê-pha” (tức là Phê-rô).

⁴³ Hôm sau, Đức Giê-su quyết định đi tới miền Ga-li-lê. Người gặp ông Phi-líp-phê và nói : “Anh hãy theo tôi.”⁴⁴ Ông Phi-líp-phê là người Bết-xai-da, cùng quê với các ông An-rê và Phê-rô.

⁴⁵ Ông Phi-líp-phê gặp ông Na-tha-na-en và nói : “Đáng mà sách Luật Mô-sê và các ngôn sứ nói tới, chúng tôi đã gặp : đó là ông Giê-su, con ông Giu-se, người Na-da-rét.”⁴⁶ Ông

Vào ngày đầu tiên, ông Gio-an Tẩy Giả khẳng định : Có một vị đang đứng giữa các ông mà các ông không biết. Trong tuần ấy, ông Gio-an Tẩy Giả sẽ là người đầu tiên khám phá Chúa Giê-su. Sau đó đến lượt các ông Gio-an, An-rê và Si-môn. Ngày cuối của tuần lễ đầu tiên là ngày lễ cưới tại Ca-na, thì chính Chúa *tỏ vinh quang của Người ra cho họ*.

Ông Gio-an Tẩy Giả không đổ kỵ. Ông mời hai môn đệ mình đi theo Chúa Giê-su, và chính hai ông sẽ đưa các ông khác đến. Với chúng ta cũng thế : những tình huống và những cuộc gặp gỡ xảy ra đúng lúc để đưa chúng ta đến với Chúa Ki-tô.

Các người tìm gì ? Ông Gio-an đầu đã quên lời đầu tiên này Chúa nói với hai ông. Chúng ta muốn biết Chúa Giê-su là ai, nhưng Người thì lại hỏi chúng ta đi tìm gì ; bởi vì tìm thấy Người chẳng đưa ta tới đâu nếu lòng chúng ta không có chút khát vọng nào.

Hai ông này bắt đầu sống với Chúa. Với thời gian, họ sẽ khám phá ra Người là *Thầy*, là *Đấng Mê-si-a* và là *Con Thiên Chúa*. Và chúng ta cũng thế : càng tiến lên trên con đường đi theo Chúa Giê-su Ki-tô thì chúng ta ngày càng hiểu biết Người sâu xa hơn.

Na-tha-na-en liền bảo : “Từ Na-da-rét, làm sao có cái gì hay được ?” Ông Phi-líp-phê trả lời : “Cứ đến mà xem !” ⁴⁷ Đức Giê-su thấy ông Na-tha-na-en tiến về phía mình, liền nói về ông rằng : “Đây đích thật là một người Ít-ra-en, lòng dạ không có gì gian dối.” ⁴⁸ Ông Na-tha-na-en hỏi Người : “Làm sao Ngài lại biết tôi ?” Đức Giê-su trả lời : “Trước khi Phi-líp-phê gọi anh, lúc anh đang ở dưới cây vả, tôi đã thấy anh rồi.” ⁴⁹ Ông Na-tha-na-en nói : “Thưa Thầy, chính Thầy là Con Thiên Chúa,

chính Thầy là Vua Ít-ra-en !” ⁵⁰ Đức Giê-su đáp : “Vì tôi nói với anh là tôi đã thấy anh ở dưới cây vả, nên anh tin ! Anh sẽ còn được thấy những điều lớn lao hơn thế nữa.” ⁵¹ Người lại nói : “Thật, tôi bảo thật các anh, các anh sẽ thấy trời rộng mở, và các thiên thần của Thiên Chúa lên lên xuống xuống trên Con Người.”

Tiệc cưới Ca-na

2 * ¹ Ngày thứ ba, có tiệc cưới tại Ca-na miền Ga-li-lê. Trong tiệc cưới có thân mẫu Đức Giê-

Hai môn đệ này đã nhận ra Chúa Giê-su. Nói rằng Người đã nhận ra những ai Chúa Cha giao phó cho Người thì cũng đúng không kém. Người đã nhận ra ông Na-tha-na-en như thế đó khi ông còn ở dưới cây vả (c.48). Đây là kiểu nói của một thầy thông luật thời xưa đang giảng dạy, vì họ thường dạy dưới bóng cây vả. Cũng thế, Chúa Giê-su nhận ra ông Si-môn, người được Chúa Cha chọn làm tảng đá hàng đầu để xây dựng Hội Thánh (Mt 16,18).

Các anh sẽ thấy trời mở ra (c.51). X. St 28,12. Chúa Giê-su là cầu nối giữa Thiên Chúa và loài người. Chính từ Chúa Giê-su mà Thiên Chúa thông ban cho nhân loại những kho tàng phong phú của Người.

* 2,1 CÁC DẤU LẠ ĐỨC GIÊ-SU LÀM

“Tuần lễ khám phá” kết thúc bằng tiệc cưới Ca-na. Chúa Giê-su đã đến dự tiệc cưới và đem theo các môn đệ để các ông chung vui ca hát, nhảy múa và nâng ly với hai họ. Chúa tham dự như thế là thánh hoá trước thời gian, không những hôn nhân mà cả những lễ hội và đời sống giao tế của chúng ta trong xã hội nữa.

Các môn đệ bắt đầu biết Chúa Giê-su, nhưng có người đã hiểu và tin ở Người rồi : Đức Ma-ri-a, mẹ Người. Tại sao Mẹ lại nghĩ đến việc xin Người làm phép lạ ? Mẹ có biết Người có khả năng làm phép lạ hay không ? Đức Ma-ri-a đã không xin cho tội nhân hoá cải, hay xin cho kẻ đói có bánh ăn ; nhưng điều Mẹ ước muốn là một phép lạ, hay một điều gì tương tự, để cho chú rể khỏi bối rối.

su. ² Đức Giê-su và các môn đệ cũng được mời tham dự. ³ Khi thấy thiếu rượu, thân mẫu Đức Giê-su nói với Người : “Họ hết rượu rồi.” ⁴ Đức Giê-su đáp : “Thưa bà, chuyện đó can gì đến bà và tôi ? Giờ của tôi chưa đến.” ⁵ Thân mẫu Người nói với gia nhân : “Người bảo gì, các anh cứ việc làm theo.”

⁶ Ở đó có đặt sáu chum đá dùng vào việc thanh tẩy theo thói tục người Do-

thái, mỗi chum chứa được khoảng tám mươi hoặc một trăm hai mươi lít nước. ⁷ Đức Giê-su bảo họ : “Các anh đổ đầy nước vào chum đi !” Và họ đổ đầy tới miệng. ⁸ Rồi Người nói với họ : “Bây giờ các anh múc và đem cho ông quản tiệc.” Họ liền đem cho ông. ⁹ Khi người quản tiệc ném thử nước đã hoá thành rượu (mà không biết rượu từ đâu ra, còn gia nhân đã múc nước thì

Chúa Giê-su trả lời Mẹ bằng một câu mà nếu nói với người xa lạ có thể bị xem là một lời khiển trách, nhưng nói với mẹ mình, với một giọng khác, lại làm nổi bật sự thân tình, một sự đồng cảm vượt mọi lời nói. Xem ra Chúa Giê-su đâu đã nghĩ bất đầu sứ mạng của Người theo cách ấy hay vào lúc ấy, nhưng thần trí Người nhận ra Thần Khí đang lên tiếng qua mẹ mình, và Người đã ban tặng Mẹ *dấu lạ* đầu tiên này.

Xin nhắc lại là Gio-an chỉ kể có bảy phép lạ Chúa Giê-su làm, mà ông gọi là *công việc* hay là *dấu lạ*. Đó là những công trình mà người Con Thiên Chúa thực hiện, qua đó Người biểu lộ quyền năng của mình. Đó cũng là những dấu chỉ, nghĩa là những điều chúng ta trông thấy, phù hợp với khả năng chúng ta, hướng chúng ta đến công trình thật sự được giao cho Người : ban sự sống và canh tân thế giới.

Đó là lý do tại sao ông Gio-an nhắc đến một số chi tiết trong biến cố này, có vai trò tiên báo những thực tại thiêng liêng. Chúa Giê-su tham dự một *hôn lễ*, mà mục đích của toàn bộ công trình của Chúa là gì nếu không phải là chuẩn bị một *hôn lễ* khác – *hôn lễ* kết hợp Thiên Chúa với nhân loại ? Chúa Giê-su nói *giờ của Người* chưa đến, nhưng thật ra *giờ* nói đây là giờ Thương Khó và Phục Sinh của Người.

Ông Gio-an nói thêm rằng Chúa Giê-su dùng thứ nước mà người Do-thái sử dụng cho việc thanh tẩy. Người Do-thái bị ám ảnh phải làm sao tránh ‘bị ô ւế’, nên việc giữ đạo của họ đầy dẫy những nghi thức tẩy rửa. Còn Chúa Giê-su, khi biến nước thành rượu, muốn nói lên rằng tôn giáo đích thực không được đồng hoá với chuyện sợ tội. Điều quý nhất, điều mà Người sẽ ban cho, chính là Thần Khí, vì Thần Khí như một thứ rượu nồng sẽ khiến chúng ta quên đi những quy tắc sáo mòn và những tín điều hẹp hòi của chúng ta.

biết), ông mới gọi tân lang lại ¹⁰ và nói : “Ai ai cũng thết rượu ngon trước, và khi khách đã ngà ngà mới đãi rượu xoàng hơn. Còn anh, anh lại giữ rượu ngon mãi cho đến bây giờ.”
¹¹ Đức Giê-su đã làm dấu

lạ đầu tiên này tại Ca-na miền Ga-li-lê và bày tỏ vinh quang của Người. Các môn đệ đã tin vào Người.
 * ¹² Sau đó, Người cùng với thân mẫu, anh em và các môn đệ xuống Ca-phác-na-um và ở lại đó ít ngày.

B. LỄ VƯỢT QUA THỨ NHẤT

Đức Giê-su tẩy uế Đền Thờ

* ¹³ Gần đến lễ Vượt Qua của người Do-thái, Đức

Giê-su lên thành Giê-ru-sa-lem. ¹⁴ Người thấy trong Đền Thờ có những kẻ bán chiên, bò, bồ câu, và

Nước biến thành rượu : Chúa Giê-su đến ở giữa chúng ta và biến đổi thăng hoa cuộc sống hằng ngày của chúng ta với những công việc lớn nhỏ nặng nhẹ đời thường của nó.

Chính như thế mà Chúa Giê-su tỏ vinh quang của Người ra cho những người mới bắt đầu khám phá Người. Đức Ma-ri-a đã đem ân sủng đến với Gio-an Tẩy Giả (Lc 1,39) ; giờ đây Mẹ lại can thiệp để Tin Mừng được sớm khởi đầu. Mẹ sẽ không còn nói gì trong Tin Mừng nữa, và những lời cuối cùng của Mẹ là : *Người bảo gì, các anh cứ làm theo.*

Trong những ngày đầu tiên này sau khi được ông Gio-an thanh tẩy, Chúa Giê-su vẫn sống giữa các người họ hàng và đồng hương của Người mà Tin Mừng gọi là “các anh em của Chúa” : x. phân bình giải Mc 3,31.

* **2,12** Với đám cưới ở Ca-na, phần đầu của Tin Mừng mà chúng ta gọi là tuần lễ khám phá đã khép lại. Trong phần kế tiếp, Chúa Giê-su xác định thân thể của mình trong tương quan với thế giới Do-thái và những hy vọng của họ. Ga trình bày bốn màn :

– *Chúa Giê-su trong Đền Thờ* : các tư tế có dấu ọc duy vật và Chúa Giê-su xét đoán họ cách nghiêm khắc.

– *Chúa Giê-su và ông Ni-cô-đê-mô* : ông này nêu ra những lo ngại của giới Do-thái trí thức và có đức tin.

– *Người phụ nữ Sa-ma-ri* : Đây là cuộc đối thoại giữa Chúa Giê-su và giới bình dân, những người sống đức tin theo cách riêng của họ.

– *Chúa Giê-su chữa lành con trai của một viên quan chức* : Chúa Giê-su để ý rằng đa số những người đến với Người chỉ tìm Người vì các phép lạ.

những người đang ngồi đổi tiền. ¹⁵ Người liền lấy dây làm roi mà xua đuổi tất cả chiên cũng như bò, ra khỏi Đền Thờ ; còn tiền của những người đổi bạc, Người đổ tung ra, và lật nhào bàn ghế của họ. ¹⁶ Người nói với những kẻ bán bồ câu : “Đem tất cả những thứ này ra khỏi đây, đừng biến nhà Cha tôi thành nơi buôn bán.” ¹⁷ Các môn đệ của Người nhớ lại lời đã chép trong Kinh Thánh : *Vì nhiệt tâm lo việc nhà Chúa, mà tôi đây sẽ phải thiệt thân.*

¹⁸ Người Do-thái hỏi Đức Giê-su : “Ông lấy dấu lạ nào chứng tỏ cho chúng tôi thấy là ông có quyền làm

như thế ?” ¹⁹ Đức Giê-su đáp : “Các ông cứ phá huỷ Đền Thờ này đi ; nội ba ngày, tôi sẽ xây dựng lại.”

²⁰ Người Do-thái nói : “Đền Thờ này phải mất bốn mươi sáu năm mới xây xong, thế mà nội trong ba ngày ông xây lại được sao ?”

²¹ Nhưng Đền Thờ Đức Giê-su muốn nói ở đây là chính thân thể Người.

²² Vậy, khi Người từ cõi chết trỗi dậy, các môn đệ nhớ lại Người đã nói điều đó, họ tin vào Kinh Thánh và lời Đức Giê-su đã nói.

Đức Giê-su ở tại Giê-ru-sa-lem

²³ Trong lúc Đức Giê-su ở Giê-ru-sa-lem vào dịp lễ

* 2,13 Chúa Giê-su vẫn chưa bắt đầu rao giảng. Người đi lên Đền Thờ Giê-su-sa-lem, là trái tim của đất nước Do-thái (Mc 11,17). Dân chúng cần có các tư tế để dâng lễ vật của mình, và Đền Thờ là nơi tập trung những của lễ dâng cúng của cộng đoàn. Vì thế mà lúc nào và ở đâu cũng vậy, “Đền Thờ” là đầu mối tranh chấp cho những ai có nhiều tham vọng (x. Edr 4,1 ; 2 Mcb 1,13 ; 2 Mcb 4,7). Các ngôn sứ đã từng khiển trách những vụ lạm dụng tôn giáo như thế, và Dcr đã tiên báo ngày mà Đền Thờ sẽ được thanh tẩy – điều này, Chúa Giê-su sẽ làm theo cách riêng của mình (Dcr 14,21).

Vì nhiệt tâm lo việc nhà Chúa mà con phải thiệt thân. Lời kẻ thoái mạ Ngài, này chính con hứng chịu : Tv 69 nói như thế. Thật ra, chính lòng thù ghét của các thượng tế đã dẫn Chúa Giê-su đến cái chết.

Các Tông Đồ không thể hiểu những lời này : lúc đó, đối với họ, không có gì linh thiêng hơn Đền Thờ và Kinh Thánh. Sau này họ sẽ biết mỗi một lời nói của Chúa đều nặng kí như cả quyển Kinh Thánh. Họ cũng sẽ hiểu rằng Chúa Giê-su là Đền Thờ đích thực. Cho đến lúc đó người ta xây các đền thờ và tìm những nơi gặp gỡ Thiên Chúa và cầu xin ân huệ của Người. Giờ đây Thiên Chúa hiện diện nơi Chúa Giê-su : chính Người trao ban kho tàng của Thiên Chúa cho chúng ta.

Vượt Qua, có nhiều kẻ tin vào danh Người bởi đã chứng kiến các dấu lạ Người làm. ²⁴ Nhưng chính Đức Giê-su không tin họ, vì Người biết họ hết thấy, ²⁵ và không cần ai làm chứng về con người. Quả thật, chính Người biết có gì trong lòng con người.

Cuộc đối thoại với ông Ni-cô-đê-mô

3 * ¹ Trong nhóm Pha-ri-sêu, có một người tên là Ni-cô-đê-mô, một thủ lãnh của người Do-thái. ² Ông đến gặp Đức Giê-su ban đêm. Ông nói với Người : “Thưa Thầy, chúng tôi biết : Thầy là

* 3,1 ON TÁI SINH

Ông Ni-cô-đê-mô là một người sùng đạo. Ông muốn biết rõ hơn những chân lý về Thiên Chúa, và ông đã đến với Chúa Giê-su để tìm thầy học đạo. Nhưng nhu cầu của ông không hẳn là những kiến thức mới mẻ, mà là một cuộc đối mới nội tâm. Thường thì đó cũng là điều chúng ta cần đến. Chúng ta phải nhìn nhận rằng chúng ta hoàn toàn bất lực, không thể tự mình phá đổ những trở ngại ngăn cản ta sống một cách trung thực. Như ông Ni-cô-đê-mô, chúng ta là những người *già cỗi* cho dù (hay bởi vì) ta đã tích lũy được bao nhiêu kinh nghiệm và kiến thức.

Chúa Giê-su nói chúng ta phải *sinh ra một lần nữa* (c.3) ; sách Tin Mừng dùng một từ có thể hiểu theo hai nghĩa : “một lần nữa” và “bởi ơn trên”. Không ai tự cho mình sự sống, và cũng như chúng ta lãnh nhận sự sống *theo tính xác thật* từ những người khác, thì chúng ta cũng lãnh nhận sự sống làm con Thiên Chúa từ Thánh Thần.

Ai cũng nói mình đang sống : mọi người đều có những suy tính và vui hưởng cuộc sống. Nhưng đây có thể chỉ là đời sống *theo tính xác thật*, đời sống của một người chưa thức tỉnh.

Sự sống phát sinh từ Thần Khí thì mâu nhiệm hơn, vì Thần Khí tác động trong sâu thẳm con người chúng ta. Chúng ta nhìn mọi sự từ bên ngoài : để ý khuôn mặt và cách đi đứng của tha nhân, nhưng đâu thấy những gì Thiên Chúa thực hiện nơi người ấy. Thế nhưng một người tín hữu đã quen được Thần Khí hướng dẫn thì dần dần phát hiện ra rằng những động cơ và tham vọng của mình không như trước nữa. Người ấy cảm thấy thoải mái với Thiên Chúa và không còn sợ hãi khi ở bên Người. Người ấy khám phá rằng đâu hẳn tự mình định hướng đời mình, mà là Một Đấng Khác sống nơi mình, mặc dù khó nói ra cho chính xác những gì xảy ra nơi bản thân.

Chúa Giê-su so sánh tác động của Thần Khí với cơn *gió* thoảng mà chúng ta cảm nhận được dù không nhìn thấy hay nắm bắt được. Cũng nên lưu ý rằng trong ngôn ngữ của Chúa Giê-su, từ *hơi thở* vừa có nghĩa là *thần khí* vừa có nghĩa là *gió*.

một vị tôn sư được Thiên Chúa sai đến. Quả vậy, chẳng ai làm được những dấu lạ Thầy làm, nếu Thiên Chúa không ở cùng người ấy.”³ Đức Giê-su trả lời : “Thật, tôi bảo thật ông : không ai có thể thấy Nước Thiên Chúa, nếu không được sinh ra một lần nữa bởi ơn trên.”⁴ Ông Ni-cô-dê-mô thưa : “Một người đã già rồi, làm sao có thể sinh ra được ? Chẳng lẽ người đó có thể trở vào lòng mẹ lần thứ hai để sinh ra sao ?”⁵ Đức Giê-su đáp : “Thật, tôi bảo thật ông : không ai có thể vào Nước Thiên Chúa, nếu không sinh ra bởi nước và Thần Khí.”⁶ Cái bởi xác thịt sinh ra là xác thịt ; cái bởi Thần Khí sinh ra

là thần khí.⁷ Ông dừng ngạc nhiên vì tôi đã nói : các ông cần phải được sinh ra một lần nữa bởi ơn trên.⁸ Gió muốn thổi đâu thì thổi ; ông nghe tiếng gió, nhưng không biết gió từ đâu đến và thổi đi đâu. Ai bởi Thần Khí mà sinh ra thì cũng vậy.”

⁹ Ông Ni-cô-dê-mô hỏi Người : “Làm sao những chuyện ấy có thể xảy ra được ?”¹⁰ Đức Giê-su đáp : “Ông là bậc thầy trong dân Ít-ra-en, mà lại không biết những chuyện ấy ! *¹¹ Thật, tôi bảo thật ông : chúng tôi nói những điều chúng tôi biết, chúng tôi làm chúng về những điều chúng tôi đã thấy, nhưng các ông không nhận lời chứng của chúng tôi.

Tất cả chúng ta phải tái sinh *bởi nước và bởi Thần Khí* : ở đây ám chỉ bí tích Thánh Tẩy. Đừng nghĩ rằng chỉ cần được nhận nước thanh tẩy là đã bắt đầu sống theo Thần Khí ; đúng hơn chúng ta nhận nước thanh tẩy là để bắt đầu sống sự sống của Thần Khí : lời Tin Mừng ở đây áp dụng cho người thành niên nhập đạo và sống đời sống mới trong đức tin Ki-tô giáo. Trường hợp thanh tẩy trẻ em thì khác. Bí tích Thánh Tẩy hoạt động nơi các em, nhưng một ngày nào đó các em sẽ phải đón nhận Lời và từ bỏ con người cũ của mình để được Thần Khí cứu mang dưỡng dục.

Ông Ni-cô-dê-mô là một người sùng đạo và có đức tin như nhiều người trong dân Ít-ra-en. Nhưng tại sao ông lại đến vào *ban đêm* ? Có thể ông không muốn liêu mất danh tiếng là bậc thầy của mình ; có thể ông không muốn trà trộn với đám người hạ lưu thường vây quanh Chúa Giê-su. Thái độ ông không phù hợp với một người phải được tái sinh : những người này đã thoát được những nỗi e sợ làm người ta bị tê liệt : họ vui sướng gặp gỡ Chúa trong một Giáo Hội người nghèo.

¹² Nếu tôi nói với các ông về những chuyện dưới đất mà các ông còn không tin, thì giả như tôi nói với các ông về những chuyện trên trời, làm sao các ông tin được ? ¹³ Không ai đã lên trời, ngoại trừ Con Người, Đấng từ trời xuống. ¹⁴ Như ông Mô-sê đã giương cao con rắn trong sa mạc, Con Người cũng sẽ phải được giương cao như vậy, ¹⁵ để ai tin vào Người thì được sống muôn đời.

¹⁶ Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một, để ai tin vào Con của Người thì khỏi phải chết, nhưng được sống muôn đời. ¹⁷ Quả vậy, Thiên Chúa sai Con của Người đến thế gian, không phải để lên án thế gian, nhưng là để thế gian, nhờ Con của Người, mà được cứu độ. ¹⁸ Ai tin vào Con của Người, thì không bị lên án ; nhưng kẻ không tin, thì bị lên án rồi, vì đã không tin vào

* 3,11 CHÚA GIÊ-SU MẶC KHẢI KẾ HOẠCH CỦA THIÊN CHÚA

Sách Tin Mừng Ga khác với ba sách Tin Mừng kia. Sau khi kể lại những lời Chúa Giê-su đã nói, ông Gio-an thường giải thích thêm để cho thấy lòng tin của ông còn căn cứ vào những lời Chúa nói trong những dịp khác nữa. Trường hợp ở đây là như vậy.

Ông Ni-cô-đê-mô hỏi : *Làm sao những chuyện ấy có thể xảy ra được ?* Thưa rằng sự sống theo Thần Khí nằm trong kế hoạch nhiệm mầu của Thiên Chúa đối với chúng ta. Không ai có thể giải bày những điều như thế cho đúng với sự thật, ngoại trừ Con Thiên Chúa : Người đã thấy *những chuyện trên trời*, là sự sống thâm sâu của Thiên Chúa ; và Người cũng có thể nói đến *những chuyện dưới đất*, hay những chuyện thuộc về Nước Thiên Chúa đang đến với chúng ta. Nếu các thánh giả của Chúa Giê-su không đón nhận những điều Người nói về Vương Triều của Thiên Chúa, thì họ càng coi nhẹ hơn nữa những điều Người tiết lộ về mầu nhiệm của Thiên Chúa. Chúa Giê-su mặc khải cho chúng ta biết những điều mà tự mình chúng ta không thể biết được. Vậy người Ki-tô hữu không phải chỉ là một người “tin có Thiên Chúa” ; chúng ta là Ki-tô hữu vì chúng ta tin vào *lời chứng* của Chúa Giê-su (c.11) về Thiên Chúa và kế hoạch cứu độ của Người.

Trong kế hoạch này có điều rất khó chấp nhận : Con Người sẽ phải chết trên thập giá và sống lại (*được giương cao* (c.14) ngụ ý khổ hình thập giá cũng như sự sống lại). Chúa Giê-su nhắc đến *con rắn trong sa mạc*. Câu chuyện này trong Kinh Thánh (Ds 21) tiên báo số phận của Chúa Giê-su, mà dĩ nhiên là người Do-thái không hiểu ý nghĩa của sứ điệp này ; thật ra họ gạt qua một bên tất cả những gì có thể cho biết trước về những đau khổ mà Đấng Cứu Tinh của họ sẽ phải chịu.

danh của Con Một Thiên Chúa.¹⁹ Và đây là bản án : ánh sáng đã đến thế gian, nhưng người ta đã chuộng bóng tối hơn ánh sáng, vì các việc họ làm đều xấu xa.²⁰ Quả thật, ai làm điều ác, thì ghét ánh sáng và không đến cùng ánh sáng, để các việc họ làm khỏi bị chê trách.²¹ Nhưng kẻ sống theo sự thật, thì đến

cùng ánh sáng, để thiên hạ thấy rõ : các việc của người ấy đã được thực hiện trong Thiên Chúa.”

Sứ vụ của Đức Giê-su tại Giu-dê. Lời chứng cuối cùng của ông Gio-an.

²² Sau đó, Đức Giê-su và các môn đệ đi tới miền Giu-dê. Người ở lại nơi ấy với các ông và làm phép

Họ cũng phải xét lại những suy nghĩ của họ về một điểm khác nữa. Người Do-thái hy vọng Thiên Chúa sẽ xét xử thế gian và trừng phạt kẻ xấu. Nhưng giờ đây Thiên Chúa lại đưa chính Con của mình lên thế gian để *thế gian được cứu độ* (c.17).

Những đoạn khác trong Tân Ước nói rằng chúng ta không được yêu thế gian ; điều này xem ra mâu thuẫn với điều chúng ta vừa đọc : *Thiên Chúa yêu thế gian*. Lý do là vì từ *thế gian* có nhiều nghĩa.

Trước tiên *thế gian* có nghĩa là toàn thể tạo thành, mà tạo thành thì tốt bởi vì là công trình của Thiên Chúa. Nhưng trọng tâm của công trình này là con người – đã trót đặt mình dưới ảnh hưởng của Xa-tan (8,34 và 44). Mọi thứ con người tội lỗi tạo ra – sự giàu có, văn hoá, đời sống xã hội – đều phải chịu ảnh hưởng của cái xấu, bị cái xấu lợi dụng và làm biến dạng đi. Do đó mà Thiên Chúa *sai Con của Người đến để thế gian được cứu độ*.

Tuy sự phục sinh của Chúa Giê-su đã khai mào cho quyền lực vô địch của Người trên dòng lịch sử, nhưng một trào lưu mạnh mẽ vẫn còn tiếp tục lôi cuốn tất cả những ai từ chối đón nhận chân lý. Chính trào lưu tai hại này đôi khi được gọi là *thế gian*. Đúng hơn phải nói rằng : *thế gian* chỉ những người tự nộp mình cho Thủ Lãnh thế gian. X. Ga 15,19 : *Anh em không thuộc về thế gian*.

Đàng khác, chúng ta rất khó yêu thế gian hiểu theo cái nhìn của Thiên Chúa, tức là một đối tượng đưa chúng ta đến với Người và không níu kéo chúng ta dừng lại nơi bản thân nó. Vì vậy mà cũng có chỗ nói : *Anh em đừng yêu thế gian* (1 Ga 2,15).

* 3,22 Tin Mừng ngụ ý rằng nhiều môn đệ của ông Gio-an Tẩy Giả không đón nhận Chúa Giê-su. Những người môn đệ này đã được gương sáng của thầy mình chinh phục : ông Gio-an là người cục mịch ăn nói thẳng thừng, rất nghiêm khắc trong cái ăn, cái uống hay cái mặc. Có thể điều rất hệ trọng đối với họ là Thiên Chúa phải biểu lộ sự công bình của Người bằng cách trừng phạt kẻ ác cho đích đáng.

rửa. ²³ Còn ông Gio-an, ông cũng đang làm phép rửa tại Ê-nôn, gần Sa-lim, vì ở đây có nhiều nước, và người ta thường đến chịu phép rửa. ²⁴ Lúc ấy, ông Gio-an chưa bị tổng giam.

²⁵ Bấy giờ, có một cuộc tranh luận xảy ra giữa các môn đệ của ông Gio-an và một người Do-thái về việc thanh tẩy. ²⁶ Họ đến gặp ông Gio-an và nói : “Thưa thầy, người trước đây đã ở với thầy bên kia sông Gio-dan và được thầy làm chứng cho, bây giờ ông ấy cũng đang làm phép rửa, và thiên hạ đều đến với ông.” ²⁷ Ông Gio-an trả lời : “Chẳng ai có thể nhận được gì mà không do Trời ban. ²⁸ Chính anh em làm chứng cho thầy là thầy đã nói : ‘Tôi đây không phải

là Đấng Ki-tô, mà là kẻ được sai đi trước mặt Người.’ ²⁹ Ai cưới cô dâu, người ấy là chú rể. Còn người bạn của chú rể đứng đó nghe chàng, thì vui mừng hơn hẳn vì được nghe tiếng nói của chàng. Đó là niềm vui của thầy, niềm vui ấy bây giờ đã trọn vẹn. ³⁰ Người phải nổi bật lên, còn thầy phải lu mờ đi.

³¹ Đấng từ trên cao mà đến thì ở trên mọi người ; kẻ từ đất mà ra thì thuộc về đất và nói những chuyện dưới đất. Đấng từ trời mà đến thì ở trên mọi người ; ³² Người làm chứng về những gì Người đã thấy đã nghe, nhưng chẳng ai nhận lời chứng của Người. ³³ Ai nhận lời chứng của Người, thì xác nhận Thiên Chúa là Đấng chân thật.

Cũng như nhiều người hăng say tranh đấu cho bất kỳ một chính nghĩa nào, các môn đệ của ông Gio-an quá gắn bó với người hùng của mình nên không dễ đón nhận người khác. Để trở thành môn đệ Đức Ki-tô, chúng ta nhiều khi phải thấy xa hơn người mà chúng ta tôn là ngôn sứ.

Vị ngôn sứ vĩ đại nhất khẳng định : *Người phải nổi bật lên, còn thầy phải lu mờ đi* (c.30). Chỉ một mình Chúa Giê-su đến từ trời cao và có thể làm thoả mãn trái tim con người. Nơi Người, không có gì tốt lành bị mất đi, vì Người hàm chứa tất cả.

Con thịnh nộ của Thiên Chúa ở lại trên người ấy (c.36). Những ai không đón nhận Con Thiên Chúa thì vẫn ở nguyên trong tình trạng như khi con người bị đuổi ra khỏi vườn địa đàng. Nếu họ không thể chấp nhận lời chứng của Chúa Con, *Đấng hằng ở nơi cung lòng Chúa Cha*, thì họ không bao giờ giải quyết được các mâu thuẫn trong cuộc sống của họ và trong cái thế giới họ đang sống.

³⁴ Quả vậy, Đấng được Thiên Chúa sai đi, thì nói những lời của Thiên Chúa, vì Thiên Chúa ban Thần Khí cho Người vô ngần vô hạn. ³⁵ Chúa Cha yêu thương người Con và đã giao mọi sự trong tay Người. ³⁶ Ai tin vào người Con thì được sự sống đời đời ; còn kẻ nào không chịu tin vào người Con thì không được sự sống, nhưng

cơn thịnh nộ của Thiên Chúa đè nặng trên kẻ ấy.”

Đức Giê-su tại Sa-ma-ri

4 * ¹ Nhóm Pha-ri-sêu nghe tin Đức Giê-su thâm nạp và làm phép rửa cho nhiều môn đệ hơn ông Gio-an. ² (Thật ra, không phải chính Đức Giê-su làm phép rửa, nhưng là các môn đệ của Người). ³ Biết thế, Đức Giê-su bỏ miền

* 4,1 NƯỚC HẰNG SỐNG

Người Do-thái ghét người Sa-ma-ri thậm tệ. Hơn nữa, thời đó, nói chuyện với phụ nữ nơi công cộng bị xem là xúc phạm đến thuần phong mỹ tục. Nhưng Chúa Giê-su vượt lên trên các thiên kiến xã hội và chủng tộc : Chúa gọi chuyện với một phụ nữ Sa-ma-ri. Nơi người phụ nữ này, Chúa Giê-su đến đón gặp toàn dân đất Pa-lét-tin. Người phụ nữ ấy thuộc một tỉnh khác và một tôn giáo khác, nhưng người Do-thái lẫn người Sa-ma-ri đều cùng chia sẻ các lời hứa của Thiên Chúa và cùng chờ đợi một Vị Cứu Tinh như nhau.

Điều người phụ nữ quan tâm trước hết là giải cơn khát. Tổ tiên dân Do-thái đã từng đi từ nguồn nước này đến nguồn nước khác với bầy đoàn gia súc của họ. Những người được biết đến nhiều nhất (như ông Gia-cóp) đã đào giếng, và sa mạc đã nở hoa quanh các giếng này. Vậy câu chuyện này giống như một dụ ngôn : khắp nơi, con người tìm cách giải quyết cơn khát, nhưng họ phải lao nhọc nhiều và chẳng tìm thấy gì ngoài nước giếng. Hồ chứa nước mà không bị nứt rạn đã là một cái phúc (Gr 2,13). Chúa Giê-su thì ban *nước hằng sống*, là món quà Thiên Chúa tặng ban cho con cái Người, nghĩa là Thánh Thần (7,37-39).

Khi có nước trong sa mạc, thì dù không thấy nước chảy trên mặt đất, ta vẫn có thể nhận ra nhờ cây cỏ ở đó mọc nhiều hơn. Cũng vậy khi chúng ta sống cho ra sống : chúng ta hành động tốt hơn, quyết định tự do hơn và suy nghĩ chín chắn hơn. Nhưng chúng ta đâu nhìn thấy nguồn nước làm nảy sinh những hoa trái ấy : đây là sự sống vĩnh hằng mà cái chết không làm gì được.

Điều thứ nhì người phụ nữ ấy quan tâm : Sự thật ở đâu ? Chúa Giê-su bảo chị : *Chị đã năm đời chồng rồi...* Điều này nhắc nhớ số phận của nhiều người : họ đã phục vụ nhiều ông chủ hay nhiều “đức ông chồng” rồi mà chẳng bao giờ nhận ra được ai là Chúa của mình. Và trước đó nữa, hỏi làm sao nhận ra đạo nào là đạo thật ?

Giu-đê mà trở lại miền Ga-li-lê. ⁴ Do đó, Người phải băng qua Sa-ma-ri. ⁵ Vậy, Người đến một thành xứ Sa-ma-ri, tên là Xy-kha, gần thửa đất ông Gia-cóp đã cho con là ông Giu-se. ⁶ Ở đây, có giếng của ông Gia-cóp. Người đi đường mỗi mệt, nên ngồi ngay xuống bờ giếng. Lúc đó vào khoảng mười hai giờ trưa.

⁷ Có một người phụ nữ Sa-ma-ri đến lấy nước. Đức Giê-su nói với người ấy : “Chị cho tôi xin chút nước uống !” ⁸ Lúc đó, các môn đệ của Người đã vào thành mua thức ăn. ⁹ Người phụ nữ Sa-ma-ri liền nói : “Ông là người Do-thái, mà lại xin tôi, một phụ nữ Sa-ma-

ri, cho ông nước uống sao ?” Quả thế, người Do-thái không được giao thiệp với người Sa-ma-ri. ¹⁰ Đức Giê-su trả lời : “Nếu chị nhận ra ân huệ Thiên Chúa ban, và ai là người nói với chị : ‘Cho tôi chút nước uống’, thì hẳn chị đã xin, và người ấy đã ban cho chị nước hằng sống.” ¹¹ Chị ấy nói : “Thưa ông, ông không có gầu, mà giếng lại sâu. Vậy ông lấy đâu ra nước hằng sống ?” ¹² Chẳng lẽ ông lớn hơn tổ phụ chúng tôi là Gia-cóp, người đã cho chúng tôi giếng này ? Chính Người đã uống nước giếng này, cả con cháu và đàn gia súc của Người cũng vậy.” ¹³ Đức Giê-su trả lời : “Ai uống nước này, sẽ lại khát. ¹⁴ Còn ai uống

Người Sa-ma-ri có Kinh Thánh của họ, hơi khác với Kinh Thánh của người Do-thái, và ở ngay tại đây, cách giếng thành Xy-kha vài cây số là đền thờ của họ, vẫn cạnh tranh với Đền Thờ Giê-su-sa-lem. Chúa Giê-su xác quyết rằng đạo Do-thái là đạo thật : *Ơn cứu độ phát xuất từ dân Do-thái*. Về điểm này Người không chia sẻ ý kiến của những người nói rằng : “Theo Giáo Hội nào cũng chẳng sao, bởi vì ở đâu cũng thờ cùng một Thiên Chúa như nhau.” Tuy nhiên dù được may mắn ở trong đạo thật, vẫn phải tìm cách hiểu biết Thiên Chúa trong thần khí (c.23). Thần Khí mà chúng ta lãnh nhận từ Chúa Con cho phép chúng ta thờ phượng Thiên Chúa *trong sự thật*. Chúa Cha ước muốn có những kẻ thờ phượng Người như thế, biết sống trong tình thân thiết với Người.

Thần Khí và sự thật (c.24). Điều Thiên Chúa để ý đến khi ta cầu nguyện không phải là những ngôn từ, nhưng là nét đơn sơ và cao thượng của tinh thần. Thánh Thần Chúa chỉ có thể được thông ban cho những ai tìm sự thật và sống theo sự thật trong một thế giới gian dối.

nước tôi cho, sẽ không bao giờ khát nữa. Và nước tôi cho sẽ trở thành nơi người ấy một mạch nước vọt lên, đem lại sự sống đời đời.”

¹⁵ Người phụ nữ nói với Đức Giê-su : “Thưa ông, xin ông cho tôi thứ nước ấy, để tôi hết khát và khỏi phải đến đây lấy nước.”

¹⁶ Người bảo chị ấy : “Chị hãy gọi chồng chị, rồi trở lại đây.” ¹⁷ Người phụ nữ đáp : “Tôi không có chồng.” Đức Giê-su bảo : “Chị nói : ‘Tôi không có chồng’ là phải, ¹⁸ vì chị đã năm đời chồng rồi, và người hiện đang sống với chị không phải là chồng chị. Chị đã nói đúng.”

¹⁹ Người phụ nữ nói với Người : “Thưa ông, tôi thấy ông thật là một ngôn sứ ...” ²⁰ Cha ông chúng tôi đã thờ phượng Thiên Chúa

trên núi này ; còn các ông lại bảo : Giê-ru-sa-lem mới chính là nơi phải thờ phượng Thiên Chúa.”

²¹ Đức Giê-su phán : “Này chị, hãy tin tôi : đã đến giờ các người sẽ thờ phượng Chúa Cha, không phải trên núi này hay tại Giê-ru-sa-lem. ²² Các người thờ Đấng các người không biết ; còn chúng tôi thờ Đấng chúng tôi biết, vì ơn cứu độ phát xuất từ dân Do-thái. ²³ Nhưng giờ đã đến –và chính là lúc này đây– giờ những người thờ phượng đích thực sẽ thờ phượng Chúa Cha trong thần khí và sự thật, vì Chúa Cha tìm kiếm những ai thờ phượng Người như thế. ²⁴ Thiên Chúa là thần khí, và những kẻ thờ phượng Người phải thờ phượng trong thần khí và

Nhìn từ một góc độ khác, bài tường thuật về người phụ nữ Sa-ma-ri là một dụ ngôn về cuộc đời chúng ta. Tất cả chúng ta là người phụ nữ Sa-ma-ri ấy. Cuộc gặp gỡ bên bờ giếng Gia-cóp ấy là cuộc gặp gỡ của chúng ta với Chúa Giê-su ; cách Chúa dùng để dẫn người phụ nữ ấy đến chỗ nhận ra và yêu mến Người cũng là cách Chúa dùng để hoàn thành cuộc hoán cải của chúng ta, từng bước một. Cuối cùng người phụ nữ ấy trở thành môn đệ Người, và qua kinh nghiệm này chị cũng trở nên người tông đồ của Chúa : “Có nhiều người Sa-ma-ri trong thành đó đã tin vào Đức Giê-su, vì lời người phụ nữ làm chứng” (c.39). Hiểu biết Chúa Giê-su như vậy là nguồn của việc tông đồ. Rao giảng Tin Mừng là chia sẻ kinh nghiệm của chúng ta với người khác.

Còn bốn tháng nữa... (c.35). Mùa lúa chín tượng trưng những kẻ được Chúa dạy dỗ : họ cũng phải đạt tới mức chín muồi.

sự thật.”²⁵ Người phụ nữ thưa : “Tôi biết Đấng Mê-si-a, gọi là Đức Ki-tô, sẽ đến. Khi Người đến, Người sẽ loan báo cho chúng tôi mọi sự.”²⁶ Đức Giê-su nói : “Đấng ấy chính là tôi, người đang nói với chị đây.”

²⁷ Vừa lúc đó, các môn đệ trở về. Các ông ngạc nhiên vì thấy Người nói chuyện với một phụ nữ. Tuy thế, không ai dám hỏi : “Thầy cần gì vậy ?” Hoặc “Thầy nói gì với chị ấy ?”²⁸ Người phụ nữ để vò nước lại, vào thành và nói với người ta :²⁹ “Đến mà xem : có một người đã nói với tôi tất cả những gì tôi đã làm. Ông ấy không phải là Đấng Ki-tô sao ?”³⁰ Họ ra khỏi thành và đến gặp Người.

³¹ Trong khi đó, các môn đệ thưa với Người rằng : “Ráp-bi, xin mời Thầy dùng bữa.”³² Người nói với các ông : “Thầy phải dùng một thứ lương thực mà

anh em không biết.”³³ Các môn đệ mới hỏi nhau : “Đã có ai mang thức ăn đến cho Thầy rồi chẳng ?”

³⁴ Đức Giê-su nói với các ông : “Lương thực của Thầy là thi hành ý muốn của Đấng đã sai Thầy, và hoàn tất công trình của Người.”³⁵ Nào anh em chẳng nói : Còn bốn tháng nữa mới đến mùa gặt ? Nhưng này, Thầy bảo anh em : Ngược mắt lên mà xem, đồng lúa đã chín vàng đang chờ ngày gặt hái !³⁶ Ai gặt thì lãnh tiền công và thu hoa lợi để được sống muôn đời, và như thế, cả người gieo lẫn kẻ gặt đều hơn hở vui mừng.³⁷ Thật vậy, câu tục ngữ “kẻ này gieo, người kia gặt” quả là đúng !³⁸ Thầy sai anh em đi gặt những gì chính anh em đã không phải vất vả làm ra. Người khác đã làm lụng vất vả ; còn anh em, anh em được vào hưởng kết quả công lao của họ.”

Ai gặt thì lãnh tiền công và thu hoa lợi : Chúa Giê-su đưa ra một lời khẳng định có thể áp dụng cho trăm ngàn trường hợp. Có thể hiểu c.36 này nói về niềm vui chung giữa Chúa Cha, là người gieo, và Chúa Con, là người gặt. Theo một nghĩa khác, ở c.37, thì Chúa Giê-su và các môn đồ đã không phí công vô ích. *Người khác đã làm lụng vất vả* : Chúa Giê-su ám chỉ những người đi trước mình : các ngôn sứ, và đặc biệt là ông Gio-an Tẩy Giả.

³⁹ Có nhiều người Sa-ma-ri trong thành đó đã tin vào Đức Giê-su, vì lời người phụ nữ làm chứng : ông ấy nói với tôi mọi việc tôi đã làm. ⁴⁰ Vậy, khi đến gặp Người, dân Sa-ma-ri xin Người ở lại với họ, và Người đã ở lại đó hai ngày. ⁴¹ Số người tin vì lời Đức Giê-su nói còn đông hơn nữa. ⁴² Họ bảo người phụ nữ : “Không còn phải vì lời chị kể mà chúng tôi tin. Quả thật, chính chúng tôi đã nghe và biết rằng Người thật là Đấng cứu độ trần gian.”

Đức Giê-su ở Ga-li-lê

⁴³ Sau hai ngày, Đức Giê-su bỏ nơi đó đi Ga-li-lê.

⁴⁴ Chính Người đã quả quyết : ngôn sứ không được tôn trọng tại quê hương mình. ⁴⁵ Khi Người đến Ga-li-lê, dân chúng trong miền đón tiếp Người, vì đã được chứng kiến tất cả những gì Người làm tại Giê-ru-sa-lem trong dịp lễ, bởi lẽ chính họ cũng đã đi dự lễ.

Dấu lạ thứ hai ở Ca-na : Đức Giê-su chữa con của một sĩ quan cận vệ của nhà vua

* ⁴⁶ Vậy Đức Giê-su trở lại Ca-na miền Ga-li-lê, là nơi Người đã làm cho nước hoá thành rượu. Bấy giờ có một sĩ quan cận vệ của nhà vua có đứa con trai

* 4,46 X. Lc 7,1.

Các ông mà không thấy dấu lạ diệu thiên thì các ông sẽ chẳng tin đâu ! Người mà Chúa Giê-su quả trách không phải là viên sĩ quan –ông sắp chứng tỏ một lòng tin rất lớn–, nhưng là người Do-thái và chính chúng ta. Chúa Giê-su làm các phép lạ là để xác minh sứ mạng của Người ; nhưng Người cũng bảo rằng chỉ cần mắt thấy tai nghe việc làm và lời nói của Người thôi thì đã đủ cho chúng ta nhận ra Người rồi. Những kẻ yêu nhau có cần phép lạ để tin tưởng nhau không ? Những người hăng hái đi theo một người lãnh đạo có đòi hỏi những chứng cứ rành rành không phản bác được không ? Nếu chúng ta đứng về phía sự thật thì phải nhận ra sự thật khi nó xuất hiện.

Phép lạ thứ hai Chúa Giê-su làm ở Ca-na kết thúc phần hai này của Tin Mừng, trong đó Chúa Giê-su xác định vai trò của Người có liên quan với xã hội Do-thái và các kỳ vọng của họ.

Một phân đoạn mới bắt đầu : Chúa Giê-su công bố *công trình* mà Người đến thế gian để thực hiện : Chúa Cha đã gửi Người đến để xét xử và ban sự sống. Nhưng trước hết chúng ta phải tin vào Đấng Thiên Sai này của Thiên Chúa. Chính đây là đề tài các chương 5 – 6.

đang bị bệnh tại Ca-phác-na-um. ⁴⁷ Khi nghe tin Đức Giê-su từ Giu-đê đến Ga-li-lê, ông tới gặp và xin Người xuống chữa con ông vì nó sắp chết. ⁴⁸ Đức Giê-su nói với ông : “Các ông mà không thấy dấu lạ điềm thiêng thì các ông sẽ chẳng tin đâu !” ⁴⁹ Viên sĩ quan nói : “Thưa Ngài, xin Ngài xuống cho, kéo cháu nó chết mất !” ⁵⁰ Đức Giê-su bảo : “Ông cứ về đi, con ông sống.” Ông tin vào lời Đức Giê-su nói với mình,

và ra về. ⁵¹ Ông còn đang đi xuống, thì gia nhân đã đón gặp và nói là con ông sống rồi. ⁵² Ông hỏi họ con ông đã bắt đầu khá hơn vào giờ nào. Họ đáp : “Hôm qua, vào lúc một giờ trưa thì cậu hết sốt.” ⁵³ Người cha nhận ra là vào đúng giờ đó, Đức Giê-su đã nói với mình : “Con ông sống”, nên ông và cả nhà đều tin. ⁵⁴ Đó là dấu lạ thứ hai Đức Giê-su đã làm, khi Người từ miền Giu-đê đến miền Ga-li-lê.

2. LỄ THỨ HAI TẠI GIÊ-RU-SA-LEM

Đức Giê-su chữa một người đau ốm ở hồ nước tại Bết-da-tha

5 * ¹ Sau đó, nhân dịp lễ của người Do-thái, Đức Giê-su lên Giê-ru-sa-lem. ² Tại Giê-ru-sa-lem, gần

Cửa Chiên, có một hồ nước, tiếng Híp-ri gọi là Bết-da-tha. Hồ này có năm hành lang. ³ Nhiều người đau ốm, dui mù, què quặt, bất toại nằm la liệt ở đó, (chờ cho nước động, ⁴ vì

* **5,1** Tại sao Chúa Giê-su đi đến hồ Bết-da-tha ? Hiện nay người ta biết hồ tắm này được người ngoại đạo dâng cúng cho thần sức khỏe là Asclepios. Dân chúng đồn rằng tại đây thỉnh thoảng có những bệnh nhân được chữa lành. Những người Do-thái sùng đạo công phần thấy những vụ chữa lành xảy ra tại một nơi ngoại giáo, nên nói rằng người ta được chữa lành không phải nhờ thần Asclepios mà là nhờ *một thiên sứ của Chúa*. C.4 giải thích như thế, nhưng lại thiếu trong nhiều bản. Một số tín hữu không mấy bối rối lương tâm thì đến nơi thờ thần ngoại ấy để tìm cách phục hồi sức khỏe. Chúa Giê-su cũng đến đó, để tìm người có tội mà Người muốn cứu chữa.

Lưu ý câu trả lời đầu tiên của người bệnh. Ở tụ điểm phép lạ này, nhiều người hy vọng được chữa lành, nhưng rất ít người được lành. *Không có người*. Chúng ta phải hiểu đây có nghĩa là một mình con người không thể tự cứu lấy mình. Con người cần có Chúa Giê-su.

thỉnh thoảng có thiên thần Chúa xuống hồ khuấy nước lên ; khi nước khuấy lên, ai xuống trước, thì dù mắc bệnh gì đi nữa, cũng được khỏi).⁵ Ở đó, có một người đau ốm đã ba mươi tám năm.⁶ Đức Giê-su thấy anh ta nằm đấy và biết anh sống trong tình trạng đó đã lâu, thì nói : “Anh có muốn khỏi bệnh không ?”⁷ Bệnh nhân đáp : “Thưa Ngài, khi nước khuấy lên, không có người đem tôi xuống hồ. Lúc tôi tới đó, thì đã có người

khác xuống trước mất rồi !”⁸ Đức Giê-su bảo : “Anh hãy trỗi dậy, vác chõng mà đi !”⁹ Người ấy liền được khỏi bệnh, vác chõng và đi được.

Hôm đó lại là ngày sa-bát.¹⁰ Người Do-thái mới nói với kẻ được khỏi bệnh : “Hôm nay là ngày sa-bát, anh không được phép vác chõng !”¹¹ Nhưng anh đáp : “Chính người chữa tôi khỏi bệnh đã nói với tôi : ‘Anh hãy vác chõng mà đi !’”¹² Họ hỏi

Chúa Giê-su biến mất ngay sau phép lạ. Một số người có thể rêu rao sao Chúa lại thoải mái trong một đền thờ ngoại giáo, hay Người đã nhân danh các thần ngoại mà chữa bệnh. Chúa Giê-su sẽ tỏ mình ra trong Đền Thờ của vị Thần đích thực là Cha của Người.

Người Do-thái công kích Chúa Giê-su vì Người làm phép lạ vào ngày sa-bát. Hãy xét kỹ hơn câu trả lời của Chúa : *Cho đến nay, Cha tôi vẫn làm việc.* Thời ấy, đây là một đề tài tranh cãi giữa các luật sĩ : Thiên Chúa có ra tay làm việc trong vũ trụ không ? Người có nghỉ ngơi khi đã làm xong công trình sáng tạo không ? Chúa Giê-su nói lên ý kiến của mình : Loài người dành một ngày nghỉ ngơi để tôn vinh Thiên Chúa là tốt ; nhưng chính Thiên Chúa thì không hề nghỉ ngơi : thế gian không vắng Chúa bao giờ. Chúa Giê-su vốn là Thiên Chúa Ngôi Con, nên bắt chước Chúa Cha thay vì nghỉ ngơi như kẻ phạm nhân.

Đối thủ của Người nghe vậy thì đã không hiểu lắm các đòi hỏi của Người đâu : họ muốn giết Người bởi vì Người *coi mình ngang hàng với Thiên Chúa* (c.18).

Đừng phạm tội nữa... (c.14). Chúa Giê-su nhắc nhở người bệnh là vì yếu lòng tin mà anh đã tìm đến ngôi đền ngoại giáo để được chữa lành, mất trắng 38 năm chờ đợi, cũng như thời xưa dân Do-thái đã từng lẩn trốn 38 năm trời ở ốc đảo Ca-dê trong sa mạc trước khi vào được miền Đất Hứa. Tác giả Gio-an ghi lại sự trùng hợp này. Ông cũng hiểu rằng phép chữa lành ở hồ là hình ảnh bí tích Thánh Tẩy. Lời Chúa Giê-su nói với người được chữa lành là nói với tất cả những ai đã hoán cải và được thanh tẩy : *Đừng phạm tội nữa.*

anh : “Ai là người đã bảo anh : ‘Vác chõng mà đi’ ?”¹³ Nhưng người đã được khỏi bệnh không biết là ai. Quả thế, Đức Giê-su đã lánh đi, vì có đám đông ở đấy.¹⁴ Sau đó, Đức Giê-su gặp người ấy trong Đền Thờ và nói : “Này, anh đã được khỏi bệnh. Đừng phạm tội nữa, kẻo lại phải khốn hơn trước !”¹⁵ Anh ta đi nói với người Do-thái : Đức Giê-su là người đã chữa anh khỏi bệnh.¹⁶ Do đó, người Do-thái chống đối Đức Giê-su, vì Người hay chữa bệnh ngày sa-

bát.¹⁷ Nhưng Đức Giê-su đáp lại : “Cho đến nay, Cha tôi vẫn làm việc, thì tôi cũng làm việc.”¹⁸ Bởi vậy, người Do-thái lại càng tìm cách giết Đức Giê-su, vì không những Người phá luật sa-bát, lại còn nói Thiên Chúa là Cha của mình, và như thế là tự coi mình ngang hàng với Thiên Chúa.

Diễn từ về công việc của Chúa Con

*¹⁹ Đức Giê-su lên tiếng nói với họ rằng : “Thật, tôi bảo thật các ông : người

Sau trình thuật này, lại có một đoạn trình bày mới về niềm tin Kitô giáo (x. phần bình giải Ga 3,11). Diễn từ này chiếm phần cuối của ch. 5 : 5,19-47, và kết thúc ở đoạn 7,19-24 – nhưng chúng ta không hiểu tại sao đoạn này lại bị dời vị trí như vậy.

Cần nêu lên rằng trong tất cả các “diễn từ” này, tác giả thích lặp đi lặp lại 7 lần các từ quan trọng của diễn từ. Thí dụ như ở đây, ta thấy *sa-bát*, *Giê-su* và *Mô-sê*, mỗi từ lặp lại bảy lần, và từ *Cha* thì mười bốn lần : tác giả muốn cho đối lập đạo Do-thái được Mô-sê thiết lập – mà một trong các điều luật chủ yếu là nghỉ ngơi ngày sa-bát – với đạo của thời đại mới được Chúa Giê-su khai sinh khi mặc khải cho chúng ta nhận biết Chúa Cha.

* 5,19 CHÚA CON VÀ CHÚA CHA, SỰ SỐNG LẠI

Các đối thủ của Chúa Giê-su ngạc nhiên khi thấy Người vi phạm luật ngày nghỉ thánh ; nhưng thật ra Chúa mới *chỉ làm có một việc* này (7,21, và xin nhắc lại rằng phần cuối bài diễn từ đã bị lạc vào ở 7,18-24). Chúa Giê-su còn hơn là một nhà cải cách nữa : Người đến để đổi mới tạo thành.

Các sách Cựu Ước nói đến Thiên Chúa với tư cách Người là Đấng độc nhất vô nhị. Giờ đây Chúa Giê-su cho ta thấy một khuôn mặt mới của Thiên Chúa : Người là Ngôi Cha, đã sai Con mình đến để hoàn tất công việc của Người. Qua bất cứ việc chi Người làm, Thiên Chúa đều thông ban sự sống cho chúng ta, và công cuộc lớn lao nhất của Người là làm cho *phục sinh*.

Con không thể tự mình làm bất cứ điều gì, ngoại trừ điều Người thấy Chúa Cha làm ; vì điều gì Chúa Cha làm, thì người Con cũng làm như vậy. ²⁰ Quả thật, Chúa Cha yêu người Con và cho người Con thấy mọi điều mình làm, lại sẽ còn cho người Con thấy những việc lớn lao hơn nữa, khiến chính các ông cũng phải kinh ngạc. ²¹ Chúa Cha làm cho kẻ

chết trở dậy và ban sự sống cho họ thế nào, thì người Con cũng ban sự sống cho ai tùy ý. ²² Quả thật, Chúa Cha không xét xử một ai, nhưng đã ban cho người Con mọi quyền xét xử, ²³ để ai nấy đều tôn kính người Con như tôn kính Chúa Cha. Kẻ nào không tôn kính người Con, thì cũng không tôn kính Chúa Cha, Đấng đã sai người Con. ²⁴ Thật, tôi bảo

Chúng ta đã nói “phục sinh” không có nghĩa là “cải tử hoàn sinh”, mà là bắt đầu một cuộc sống mới, một cuộc sống được biến đổi. Dĩ nhiên kẻ chết sẽ phục sinh, nhưng chúng ta cũng có thể nói đến ơn phục sinh trong cuộc đời của những người vừa bắt đầu sống đức tin. Một lời của Chúa Giê-su được đón nhận với lòng tin ban cho ta sự sống ; lời ấy đâm rễ nơi chúng ta và biến đổi chúng ta. Tình yêu tác sinh của Thiên Chúa đến với chúng ta qua *tiếng nói của Chúa Giê-su* (c.25). So sánh cc. 25 và 28.

Như vậy Chúa Giê-su không phải là một người như chúng ta, bởi vì dù mang nhân tính, Chúa cũng mang thần tính nữa và mặc khải cho chúng ta thấy khuôn mặt kia của Thiên Chúa. Người muốn xoá đi nơi lòng chúng ta hình ảnh một Thiên Chúa ganh tị và kẻ cả. Tin Mừng cho thấy Chúa Cha trao ban mọi quyền hành của Người cho một con người, là Đức Ki-tô. Điều này phù hợp với tâm lý học hiện đại vẫn dạy rằng một con người chỉ thật sự trưởng thành khi thoát khỏi quyền hành của cha mẹ. Vì vậy mà thế giới hiện nay của chúng ta từ chối khái niệm một vị Thiên Chúa kẻ cả.

Trong nhiều dịp, Chúa Giê-su tự xưng mình là *Con Người* (x. phần bình giải Mc 8,27). Nhưng ở đây, tác giả nói đến *người Con* (c.27). Khi nhận mình là người Con, Chúa Giê-su kết hợp hai khẳng định này :

– mọi việc Cha tôi làm thì tôi cũng làm ; mọi thứ Cha tôi có thì tôi cũng có.

– tôi không thể tự mình làm bất cứ điều gì.

Như thế Chúa Giê-su là gương mẫu các con cái Thiên Chúa. Chúng ta phải chiêm ngắm Chúa Cha để Người dạy cho ta học việc làm của Người : không có đời sống Ki-tô giáo mà không có cầu nguyện, nghĩa là không có một mối quan hệ thân riêng với Thiên Chúa.

thật các ông : ai nghe lời tôi và tin vào Đấng đã sai tôi, thì có sự sống đời đời và khỏi bị xét xử, nhưng đã từ cõi chết bước vào cõi sống.

²⁵ Thật, tôi bảo thật các ông : giờ đã đến – và chính là lúc này đây – giờ các kẻ chết nghe tiếng Con Thiên Chúa ; ai nghe thì sẽ được sống. ²⁶ Quả thật, Chúa Cha có sự sống nơi mình thế nào, thì cũng ban cho người Con được có sự sống nơi mình như vậy, ²⁷ lại ban cho người Con được quyền xét xử, vì người Con

là Con Người. ²⁸ Các ông chớ ngạc nhiên về điều này, vì giờ đã đến, giờ mọi kẻ ở trong mồ sẽ nghe tiếng người Con ²⁹ và sẽ ra khỏi đó : ai đã làm điều lành, thì sẽ sống lại để được sống ; ai đã làm điều dữ, thì sẽ sống lại để bị kết án.

* ³⁰ Tôi không thể tự ý mình làm gì. Tôi xét xử theo như tôi được nghe, và phán quyết của tôi thật công minh, vì tôi không tìm cách làm theo ý riêng tôi, nhưng theo ý Đấng đã sai tôi.

* 5,30 LÀM CHỨNG

Để nhắm hướng đi trên đường đời, chúng ta cần hiểu biết thế giới và con người. Chúng ta có thể tích lũy sự hiểu biết này một phần nhờ lý trí và khoa học, nhưng thường hơn, nhờ lời chứng của người khác đã ảnh hưởng và dẫn dắt chúng ta – nhờ những lời nói, gương sáng và đức tính riêng cá nhân họ.

Chính theo cách đó mà những người yêu nhau khám phá ra nhau, bạn bè đón nhận nhau. Chính theo kiểu đó mà người ta chọn một nghề, dẫn thân vào chính trường hay vào một tôn giáo. Cũng chính theo cách đó mà người ta khám phá lời Chúa. Vì vậy mà Chúa Giê-su nói về các chứng cứ ủng hộ uy tín của Người :

– công việc của Người, hay các phép lạ của Người.

– lời chứng của ông Gio-an Tẩy Giả khi ông chỉ rõ Người là Đấng Cứu Thế.

– những lời Kinh Thánh nói về Người.

Một số người cho rằng bởi vì Kinh Thánh là Lời Chúa rồi, nên họ đâu cần có thêm gì khác để hướng dẫn họ. Thế nhưng cũng như Thiên Chúa đã nói qua các biến cố và các ngôn sứ, thì Người cũng tiếp tục nói với chúng ta qua trung gian các biến cố thời sự và qua các vị phát ngôn của Thần Khí trong Giáo Hội. Vì thế, Chúa Giê-su tố giác những ai nghĩ họ đã nắm toàn bộ chân lý chỉ vì họ có cuốn Kinh Thánh, chứ không tin vào Người là Đấng Chúa Cha sai đến với họ (c.38).

³¹ Nếu tôi làm chứng về chính mình, thì lời chứng của tôi không thật. ³² Có Đấng khác làm chứng về tôi, và tôi biết : lời Người làm chứng về tôi là lời chứng thật. ³³ Chính các ông đã cử người đến gặp ông Gio-an, và ông ấy đã làm chứng cho sự thật. ³⁴ Phần tôi, tôi không cần lời chứng của một phạm nhân, nhưng tôi nói ra những điều này để các ông được cứu độ. ³⁵ Ông Gio-an là ngọn đèn cháy sáng, và các ông đã muốn vui hưởng ánh sáng của ông trong

một thời gian. ³⁶ Nhưng phần tôi, tôi có một lời chứng lớn hơn lời chứng của ông Gio-an : đó là những việc Chúa Cha đã giao cho tôi để tôi hoàn thành ; chính những việc tôi làm đó làm chứng cho tôi rằng Chúa Cha đã sai tôi. ³⁷ Chúa Cha, Đấng đã sai tôi, chính Người cũng đã làm chứng cho tôi. Các ông đã không bao giờ nghe tiếng Người, cũng chẳng bao giờ thấy tôn nhan Người. ³⁸ Các ông đã không để cho lời Người ở mãi trong lòng, bởi vì

Thiên Chúa dạy bảo chúng ta theo đường lối của Người. Trong cuộc đời chúng ta và trong lịch sử các dân tộc, Thiên Chúa đã an bài sẵn những lời mời gọi và những lời cảnh cáo cho những ai biết lắng tai nghe. Người nhờ một cộng đoàn tín hữu, là Giáo Hội, mà hướng dẫn chúng ta. Nhưng trong cộng đoàn Giáo Hội này, chúng ta lại gặp thấy những người sống theo Thần Khí, trong khi người khác thì chỉ có một lớp sơn bên ngoài là người ngay thẳng và sùng đạo.

Vậy làm sao phân biệt cái đúng cái sai ? Làm sao nhận ra ai là những người nói về đường lối Chúa từ kinh nghiệm cá nhân mình ? Chúa Giê-su nói những ai yêu mến sự thật thì nhận ra ai là người nói sự thật. Những người đồng hội đồng thuyền thì tâm đắc lời chứng của nhau – đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu. Muốn nhận ra ai là sứ giả của Thiên Chúa, chúng ta không được giống như những kẻ hay *tôn vinh lẫn nhau* (c.44) mà vì thế trở thành nô lệ những giá trị hữu danh vô thực. Ai tìm kiếm sự thật và lòng thương xót sẽ nhận ra cái mà Ga gọi là *vinh quang*, là dấu ấn bảo đảm mà Thiên Chúa đặt vào lời nói và gương lành những bậc tôi trung của Người.

Thiên Chúa hài lòng khi chúng ta nhận diện các chứng nhân của Người, và qua đó chúng ta tôn vinh Người. Nhưng điều làm cho Người hài lòng hơn nữa là mọi người cùng tôn vinh Chúa Con cũng như tôn vinh Chúa Cha. Khi tin vào Con Thiên Chúa, chúng ta tỏ ra xứng đáng được Thiên Chúa tin cậy, và như thế chúng ta trở nên con cái Thiên Chúa.

chính các ông không tin vào Đấng Người đã sai đến. ³⁹ Các ông nghiên cứu Kinh Thánh, vì nghĩ rằng trong đó các ông sẽ tìm được sự sống đời đời. Mà chính Kinh Thánh lại làm chứng về tôi. ⁴⁰ Các ông không muốn đến cùng tôi để được sự sống.

⁴¹ Tôi không cần người đời tôn vinh. ⁴² Nhưng tôi biết : các ông không có lòng yêu mến Thiên Chúa. ⁴³ Tôi đã đến nhân danh Cha tôi, nhưng các ông không đón nhận. Nếu có ai khác nhân danh mình mà đến, thì các ông lại đón

nhận. ⁴⁴ Các ông tôn vinh lẫn nhau và không tìm kiếm vinh quang phát xuất từ Thiên Chúa duy nhất, thì làm sao các ông có thể tin được ?

⁴⁵ Các ông đừng tưởng là tôi sẽ tố cáo các ông với Chúa Cha. Kẻ tố cáo các ông chính là ông Mô-sê, người mà các ông tin cậy. ⁴⁶ Vì nếu các ông tin ông Mô-sê, thì hẳn các ông cũng tin tôi, bởi lẽ ông ấy đã viết về tôi. ⁴⁷ Nhưng nếu điều ông ấy viết mà các ông không tin, thì làm sao tin được lời tôi nói ?”

3. LỄ VƯỢT QUA - DIỄN TỪ VỀ BÁNH TRƯỜNG SINH

Đức Giê-su hoá bánh ra nhiều

6 * ¹ Sau đó, Đức Giê-su sang bên kia Biển Hồ Ga-li-lê, cũng gọi là Biển Hồ Ti-bê-ri-a. ² Có đông đảo dân chúng đi theo Người, bởi họ từng được chứng kiến những dấu lạ Người đã làm cho những kẻ đau ốm. ³ Đức Giê-su lên núi và ngồi đó với các môn đệ. ⁴ Lúc ấy, sắp đến

lễ Vượt Qua là đại lễ của người Do-thái.

⁵ Ngược mắt lên, Đức Giê-su nhìn thấy đông đảo dân chúng đến với mình. Người hỏi ông Phi-líp-phê : “Ta mua đâu ra bánh cho họ ăn đây ?” ⁶ Người nói thế là để thử ông, chứ Người đã biết mình sắp làm gì rồi. ⁷ Ông Phi-líp-phê đáp : “Thưa, có mua đến hai trăm quan tiền

* 6,1 X. Mc 6,30.

bánh cũng chẳng đủ cho mỗi người một chút.”⁸ Một trong các môn đệ, là ông An-rê, anh ông Si-môn Phê-rô, thưa với Người :
⁹ “Ở đây có một em bé có năm chiếc bánh lúa mạch và hai con cá, nhưng với ngần ấy người thì thắm vào đâu !”¹⁰ Đức Giê-su nói : “Anh em cứ bảo người ta ngồi xuống đi.” Chỗ ấy có nhiều cỏ. Người ta ngồi xuống, nguyên số đàn ông đã tới khoảng năm ngàn.
¹¹ Vậy, Đức Giê-su cầm lấy bánh, dâng lời tạ ơn, rồi phân phát cho những người ngồi đó. Cá nhỏ, Người cũng phân phát như vậy, ai muốn ăn bao nhiêu tùy ý.¹² Khi họ đã no nê rồi, Người bảo các môn đệ : “Anh em thu lại những miếng thừa kẻo phí đi.”
¹³ Họ liền đi thu những miếng thừa của năm chiếc bánh lúa mạch người ta ăn còn lại, và chất đầy được mười hai thúng.¹⁴ Dân chúng thấy dấu lạ Đức Giê-su làm thì nói : “Hẳn ông này là vị ngôn sứ, Đấng phải đến thế gian !”
¹⁵ Nhưng Đức Giê-su biết

họ sắp đến bắt mình đem đi mà tôn làm vua, nên Người lại lánh mặt, đi lên núi một mình.

Đức Giê-su đi trên mặt Biển Hồ mà đến với các môn đệ

¹⁶ Chiều đến, các môn đệ xuống bờ Biển Hồ,¹⁷ rồi xuống thuyền đi về phía Ca-phác-na-um bên kia Biển Hồ. Trời đã tối mà Đức Giê-su chưa đến với các ông.¹⁸ Biển động, vì gió thổi mạnh.¹⁹ Khi đã chèo được chừng năm hoặc sáu cây số, các ông thấy Đức Giê-su đi trên mặt Biển Hồ và đang tới gần thuyền. Các ông hoảng sợ.²⁰ Nhưng Người bảo các ông : “Thầy đây mà, đừng sợ !”²¹ Các ông muốn rước Người lên thuyền, nhưng ngay lúc đó thuyền đã tới bờ, nơi các ông định đến.

Diễn từ trong hội đường Ca-phác-na-um

* ²² Hôm sau, đám đông dân chúng còn đứng ở bờ bên kia Biển Hồ, thấy rằng ở đó chỉ có một chiếc thuyền và Đức Giê-su lại

* 6,22 Trong những trang tiếp theo, Ga triển khai các lời Chúa Giê-su công bố trong hội đường Ca-phác-na-um. Trong dịp này, Chúa Giê-su chắc chắn đã không xác định giáo lý về Thánh Thể một cách minh

không cùng xuống thuyền đó với các môn đệ, nhưng chỉ có các ông đi mà thôi.

²³ Tuy nhiên, có những thuyền khác từ Ti-bê-ri-a đến gần nơi dân chúng đã được ăn bánh sau khi Chúa dâng lời tạ ơn.

²⁴ Vậy khi dân chúng thấy Đức Giê-su cũng như các môn đệ đều không có ở đó, thì họ xuống thuyền đi Ca-phác-na-um tìm Người.

²⁵ Khi gặp thấy Người ở bên kia Biển Hồ, họ nói : “Thưa Thầy, Thầy đến đây bao giờ vậy ?” ²⁶ Đức Giê-su đáp : “Thật, tôi bảo thật các ông, các ông đi tìm tôi không phải vì các ông đã thấy dấu lạ, nhưng vì các ông đã được ăn bánh no nê. ²⁷ Các ông hãy ra công làm việc không phải vì lương thực mau hư nát, nhưng để có lương

bạch như thế (cc. 48-58). Nhưng không thể nghi ngờ rằng cách Chúa phát biểu đã khiến người nghe phải chúng tai đến phần nộ. Và Chúa đã nói gì nếu không phải là chúng ta phải đến với Người, là *bánh thật* (c.32), để lãnh nhận sự sống đời đời ?

Loài người phần đông đã từng sống tay làm hàm nhai : mối quan tâm hàng đầu của họ là bảo đảm của ăn cho ngày mai, vì không có của nuôi thân thì sự sống sẽ chấm dứt. Con người không có sự sống nơi mình : phải không ngừng lấy từ bên ngoài những gì cần thiết để duy trì sự sống. Nhưng dù sao đi nữa, một ngày kia sự sống sẽ lia khỏi chúng ta vì chúng ta đã không tìm được *lương thực thường tồn* (c.27).

Thật ra con người cần đến cái thiết yếu hơn là cơm bánh : khi ăn khi uống, con người tìm đến một thứ gì đó giúp nó không còn đói và khát nữa. Một khi được bảo đảm miếng ăn, nó sẽ cứ nhân lên (hoặc xã hội sẽ nhân lên) những đối tượng ước nguyện của nó mà không bao giờ cảm thấy thoả lòng. Chúng ta chỉ được toại nguyện vào ngày phục sinh, giữa cộng đoàn các thánh trên trời, nơi bình an và tình hợp nhất được hoàn thành viên mãn. Và chính đó là *việc làm của Con Người*.

Bài diễn từ mở đầu bằng một câu hỏi của người Do-thái : *Chúng tôi phải làm gì để thi hành những việc Thiên Chúa muốn ?* Chúa Giê-su trả lời : *Việc Thiên Chúa muốn là các ông tin.* Chúa Cha không đòi hỏi những “công việc” làm để chấp hành một đạo luật tôn giáo, mà là đức tin. Trong chương trước, Chúa Giê-su tuyên bố rằng công việc của Người là làm cho chúng ta phục sinh. Còn ở đây Người cho biết công việc của chúng ta là *tin vào Đấng Chúa Cha sai đến.*

Từ then chốt trong diễn từ này là *bánh*. Vì thế mà tác giả Gio-an lặp lại từ ấy bảy lần trong mỗi đoạn của chương này. Và cụm từ *từ trời xuống* cũng xuất hiện bảy lần trong chương này.

thực thường tồn đem lại phúc trường sinh, là thứ lương thực Con Người sẽ ban cho các ông, bởi vì chính Con Người là Đấng Thiên Chúa Cha đã ghi dấu xác nhận.” * 28 Họ liền hỏi Người : “Chúng tôi phải làm gì để thực hiện những việc Thiên Chúa muốn ?” 29 Đức Giê-su trả lời : “Việc Thiên Chúa muốn cho các ông làm, là tin vào Đấng Người đã sai đến.” 30 Họ lại hỏi : “Vậy chính ông, ông làm được dấu lạ nào cho chúng tôi thấy để tin ông ? Ông sẽ làm gì đây ?” 31 Tổ tiên chúng tôi đã ăn man-na trong sa mạc, như có lời chép : *Người đã cho họ ăn bánh bởi trời.*”

32 Đức Giê-su đáp : “Thật, tôi bảo thật các ông, không phải ông Mô-sê đã cho các ông ăn bánh bởi trời đâu, mà chính là Cha tôi cho các ông ăn bánh bởi trời, bánh đích thực, 33 vì bánh Thiên Chúa ban là bánh từ trời xuống, bánh đem lại sự sống cho thế gian.” 34 Họ liền nói : “Thưa Ngài, xin cho chúng tôi được ăn mãi thứ bánh ấy.” 35 Đức Giê-su bảo họ : “Chính tôi là bánh trường sinh. Ai đến với tôi, không hề phải đói ; ai tin vào tôi, chẳng khát bao giờ !” 36 Nhưng tôi đã bảo các ông : các ông đã thấy tôi mà không tin. 37 Tất cả những người Chúa Cha ban cho tôi đều

* 6,28 Phần đầu của diễn từ bắt đầu từ đây : Chúa Giê-su trở thành bánh nuôi sống chúng ta khi chúng ta tin vào Người.

Xưa kia, khi dân Ít-ra-en đi lang thang trong sa mạc và thiếu thốn mọi thứ, Thiên Chúa ban cho họ một thức ăn “từ trời xuống” là *man-na*. Nhưng nếu Thiên Chúa chỉ là ân nhân của chúng ta, và nếu chúng ta hề đến với Người là để xin xỏ cái này cái kia, thì cuối cùng chúng ta chỉ chú tâm đến cái Thiên Chúa ban cho ; chúng ta hầu như chẳng biết cảm tạ Người rồi sau đó lại tiếp tục than van. Đó là điều dân Ít-ra-en đã làm, vì sau khi nhận được man-na, họ nổi loạn chống lại Thiên Chúa và chết trong sa mạc. Thật vậy, những của cải vật chất, cho dù là của trời cho, chẳng làm cho ta tốt hơn đâu, vì nó đâu có thể ban cho chúng sự sống đích thực.

Vì vậy Thiên Chúa ban một quà tặng thuộc loại khác. Bánh từ trời xuống không phải là một vật gì đó, mà là một Ai đó. Bánh đích thực này ban sự sống đời đời cho chúng ta, nhưng để nhận được bánh ấy, mỗi cá nhân cần có thái độ đáp ứng riêng của mình với Chúa Ki-tô là tin vào Người.

sẽ đến với tôi, và ai đến với tôi, tôi sẽ không loại ra ngoài, ³⁸ vì tôi tự trời mà xuống, không phải để làm theo ý tôi, nhưng để làm theo ý Đấng đã sai tôi. ³⁹ Mà ý của Đấng đã sai tôi là tất cả những kẻ Người đã ban cho tôi, tôi sẽ không để mất một ai, nhưng sẽ cho họ sống lại trong ngày sau hết. ⁴⁰ Thật vậy, ý của Cha tôi là tất cả những ai thấy người Con và tin vào người Con, thì được sống muôn đời, và tôi sẽ cho họ sống lại trong ngày sau hết.”

⁴¹ Người Do-thái liền xâm xì phản đối, bởi vì Đức Giê-su đã nói : “Tôi là bánh từ trời xuống.” ⁴² Họ nói : “Ông này chẳng phải là ông Giê-su, con ông Giu-se đó sao ? Cha mẹ ông ta, chúng ta đều biết cả, sao bây giờ ông ta lại nói : “Tôi từ trời xuống ?” ⁴³ Đức Giê-su bảo họ : “Các ông đừng có xâm xì với nhau ! ⁴⁴ Chẳng ai đến với tôi được, nếu Chúa Cha là Đấng đã sai tôi, không lôi kéo người ấy, và tôi, tôi sẽ cho người ấy sống lại trong ngày sau hết. ⁴⁵ Xưa

Hết thấy những người Chúa Cha ban cho tôi đều sẽ đến với tôi (c.37). Đâu phải tất cả những ai tự hào được nằm trong số người theo chính đạo đều đến với Chúa Ki-tô. Ngay trong Hội Thánh, có đủ hạng người tin hữu, mà chỉ những ai được Chúa Cha ban ơn đức tin mới tìm được con đường đến với một Chúa Ki-tô bị nghi kỵ và khiếm tốn. Khi đã nói lên hết tầm quan trọng của các bí tích và việc thiện rồi, thì không được quên lời quả quyết này của Chúa Giê-su : mọi nỗ lực của chúng ta không thể thay thế hồng ân Chúa Cha ban khi tuyển chọn chúng ta, kêu gọi chúng ta nhận biết Con của Người theo đúng chân lý.

Ông này chẳng phải là con ông Giu-se đó sao ? (c.42). Thính giả của Chúa Giê-su là những người Do-thái : họ tin Thiên Chúa và tin lời Kinh Thánh. Tuy nhiên, tin lời những vị ngôn sứ trong quá khứ được suy tôn sau khi họ chết là một chuyện ; và đón nhận những người Thiên Chúa sai đến trong thời đại mình mà thường bị nghi kỵ lại là chuyện khác, nhất là khi vị *sứ giả* này chỉ khiếm tốn làm nghề thợ mộc. Điều này hiện nay vẫn còn nguyên giá trị : chúng ta phải thắng vượt lòng nghi kỵ của mình để nghe theo lời các sứ giả của Thiên Chúa. Nhiều người tin lời Kinh Thánh hoặc lời Chúa Giê-su nói, nhưng có mấy ai nghe theo những tiếng nói vang lên trong Giáo Hội kêu gọi sống nghèo khó hay từ bỏ ngẫu tượng.

Các ông đừng có xâm xì với nhau (c.43). Kinh Thánh dùng từ “xâm xì” hay “kêu trách” trong Xh : dân Ít-ra-en có thái độ ngờ vực đối với Thiên Chúa và không ngừng phê bình các quyết định của ông Mô-sê (Xh 15,24 ; 16,12 ; 17,3).

có lời chép trong sách các ngôn sứ : *Hết mọi người sẽ được Thiên Chúa dạy dỗ.* Vậy phàm ai nghe và đón nhận giáo huấn của Chúa Cha, thì sẽ đến với tôi.
⁴⁶ Không phải là đã có ai thấy Chúa Cha đâu, nhưng chỉ có Đấng từ nơi Thiên Chúa mà đến, chính Đấng ấy đã thấy Chúa Cha.
⁴⁷ Thật, tôi bảo thật các

ông, ai tin thì được sự sống đời đời. * ⁴⁸ Tôi là bánh trường sinh. ⁴⁹ Tổ tiên các ông đã ăn man-na trong sa mạc, nhưng đã chết. ⁵⁰ Còn bánh này là bánh từ trời xuống, để ai ăn thì khỏi phải chết. ⁵¹ Tôi là bánh hằng sống từ trời xuống. Ai ăn bánh này, sẽ được sống muôn đời. Và bánh tôi sẽ ban

Hết mọi người sẽ được Thiên Chúa dạy dỗ (c.45). Nhiều bản văn trong các sách ngôn sứ đã cho thấy đạo Do-thái sắp phải chuyển mình như thế nào để tiến lên. Giao ước trên núi Xi-nai đã ban những luật lệ và ràng buộc trong đạo để giáo dục lương tâm của dân Chúa. Nhưng rồi thời đại mới sẽ mở ra, khi Thiên Chúa dạy dỗ từng người tín hữu của Người như Người đã từng dạy dỗ các ngôn sứ lớn (Is 54,13 ; Gr 31,34 ; Ge 3,1). Chúa Giê-su nhắc lại những lời hứa này, nhưng nói rõ thêm một điểm. Đó không phải là những mặc khải phân phát đó đây cho mọi người, mà là ơn gọi nhiệm mầu dẫn chúng ta đến với Chúa Giê-su. Chúa Cha ban cho chúng ta một thái độ mới : tìm thấy mọi sự trong Chúa Giê-su ; và nơi Người, là tấm gương hoàn hảo phản chiếu Thiên Chúa, chúng ta khám phá ra ý định Chúa Cha dành cho chúng ta. Chúa Giê-su là Lời của Thiên Chúa. Nơi Người, Chúa Cha đã “hết lời” với chúng ta, và kể từ nay, những mặc khải chân chính nhất cũng chỉ có thể làm một việc là dẫn chúng ta quay về với Người.

* 6,48 PHÉP THÁNH THỂ – CÁC BÍ TÍCH

Phần thứ hai của diễn từ : Chúa Giê-su trở thành bánh nuôi dưỡng chúng ta khi chúng ta *ăn thịt của Người* trong bí tích Thánh Thể. Bí tích Thánh Thể là lễ cử hành bữa Tiệc Ly của Chúa (mà chúng ta thường gọi là “thánh lễ”), biểu hiện cách đậm đà nhất sự kết hợp của chúng ta với Thiên Chúa trong Chúa Ki-tô.

Làm sao ông này có thể cho chúng ta ăn thịt ông ta được ? (c.52). Những người Do-thái đa nghi đối với Thiên Chúa trong sa mạc cũng có giọng điệu như thế (Ds 11,4 và 18). Ga vốn thích chơi chữ đã đưa vào những chữ ở đây một ý nghĩa khác : Tại sao một sứ giả từ trời đến đến lấy thịt mình cho thế gian, khi điều chúng ta cần lại là thứ thuộc về tinh thần ? Chúa Giê-su trả lời ở c.63 : mặc dù *thịt* này có vẻ như là thức ăn trần tục, nhưng thật ra nó giúp chúng ta chia sẻ sự sống của Chúa Ki-tô đã phục sinh và đã được *Thần Khí* biến đổi. Do đó nó thông ban cho ta *sự sống* (6,63).

tặng, chính là thịt tôi đây, để cho thế gian được sống.”

⁵² Người Do-thái liền tranh luận sôi nổi với nhau. Họ nói : “Làm sao ông này có thể cho chúng ta ăn thịt ông ta được ?”

⁵³ Đức Giê-su nói với họ : “Thật, tôi bảo thật các ông : nếu các ông không ăn thịt và uống máu Con Người, các ông không có sự sống nơi mình. ⁵⁴ Ai ăn thịt và uống máu tôi, thì được sống muôn đời, và tôi sẽ cho người ấy sống lại vào

Qua những cử chỉ hữu hình, người tín hữu tham dự vào thực tại vô hình và sống kết hợp với Chúa Ki-tô Phục Sinh. Giáo Hội định nghĩa *bí tích* là một thứ hữu hình tượng trưng và sản sinh một thực tại thiêng liêng. Khi chúng ta lấy đức tin mà tham dự vào các bí tích, chúng ta gặp gỡ Chúa Ki-tô hằng sống đang đổi mới cuộc đời chúng ta. Trong Tiệc thánh (thánh lễ), chúng ta thật sự nhận lãnh Mình và Máu Chúa Ki-tô trong cái chỉ còn là hình thức của bánh và rượu. Chúa Ki-tô Phục Sinh tự biến mình thành thức ăn nuôi dưỡng cho chúng ta được sống đời đời.

Chúa Giê-su là *bánh hằng sống*, bánh tác động nơi chúng ta. Khi chúng ta ăn bánh thông thường, chúng ta tiêu hoá và đồng hoá bánh, còn khi ta ăn bánh *trường sinh* (là Mình Chúa Ki-tô), thì chính bánh này đồng hoá chúng ta. Chúa Ki-tô biến đổi chúng ta, ban cho ta sự sống của Người và kết hợp chúng ta vào đời sống của Người : *kẻ ăn tôi cũng sẽ nhờ tôi mà được sống* (c.57).

Thịt và máu. Trong văn hoá Híp-ri, *thịt và máu* chỉ con người trong thân phận xác đất vật hèn, có sinh có tử. Chúa Giê-su muốn chúng ta nhận toàn diện “chất người” của Chúa (trong thân phận xác đất vật hèn của nó) làm sở hữu của chúng ta, và “chất người” ấy thì thông ban cho ta thần tính của nó. Dĩ nhiên là việc rước lễ chỉ có ý nghĩa đầy đủ khi có cả hai hình thức bánh và rượu ; để được vậy, bí tích Thánh Thể chỉ thành khi ít nhất vị chủ tế chịu lễ dưới cả hai hình thức.

Một lần nữa, Chúa Giê-su sắp “hoàn thành” những gì chất chứa trong Cụ Ước : hoàn thành, nghĩa là làm cho một thực tại trở thành hiện hữu ở nơi mà nó mới chỉ được biết qua hình bóng. Trong số những lễ tế được dâng trong Đền Thờ, có những lễ tế được nối dài bằng một bữa ăn liên hoan : người dâng của lễ ăn một phần lễ vật “trước nhan Đức Chúa” (Đnl 12,18) để hiệp thông với Thiên Chúa, còn phần tốt nhất của lễ vật thì được dành để hiến tế cho Người.

Chúa Giê-su là con Chiên Vượt Qua (1,36), tự hiến mình làm của lễ xoá tội trần gian, và qua đó, đưa tất cả những lễ xá tội thời Cụ Ước đến điểm hoàn thành mỹ mãn (Dt 10,5-6). Khi hiến thân, hiến cả mình và máu con người phục sinh của mình, làm của ăn nuôi dân Người, thì Chúa Giê-su thể hiện, nơi Người và nhờ Người, sự kết hợp hoàn hảo của Ít-ra-en mới với Chúa Cha.

ngày sau hết, ⁵⁵ vì thịt tôi thật là của ăn, và máu tôi thật là của uống. ⁵⁶ Ai ăn thịt và uống máu tôi, thì ở lại trong tôi, và tôi ở lại trong người ấy. ⁵⁷ Như Chúa Cha là Đấng hằng sống đã sai tôi, và tôi sống nhờ Chúa Cha thế nào, thì kẻ ăn tôi, cũng sẽ nhờ tôi mà được sống như vậy. ⁵⁸ Đây là bánh từ trời xuống, không phải như

bánh tổ tiên các ông đã ăn, và họ đã chết. Ai ăn bánh này, sẽ được sống muôn đời.”

* ⁵⁹ Đó là những điều Đức Giê-su đã nói khi giảng dạy trong hội đường, ở Ca-phác-na-um.

⁶⁰ Nghe rồi, nhiều môn đệ của Người liền nói : “Lời này chướng tai quá ! Ai mà nghe nổi ?”

Nhưng những điều nói trên đâu dễ dàng thuyết phục chúng ta, vì chúng ta thấy rõ đâu phải rước lễ là đủ để trở nên hoàn thiện. Đó là lý do tại sao những lời của Chúa Giê-su thường làm chúng ta hoang mang : *ai ăn thịt tôi thì có sự sống, ai không ăn thì...* Nhưng chúng ta hãy nghiên cứu kỹ hơn các dụ ngôn về Nước Thiên Chúa : quà tặng Thiên Chúa ban, dù là lời Người hay là Mình Chúa Ki-tô, đều là một hạt giống nhỏ bé đến nỗi nó thường bị tiêu tán và chỉ sinh hoa trái cho những ai bền chí.

Các bí tích chúng ta lãnh nhận giúp sự sống của Chúa trong chúng ta ngày càng chín chắn hơn ; nó tác động nơi cõi tâm sâu nhất con người chúng ta. Chúng ta dễ dàng thất vọng thấy mình còn nhiều thói hư tật xấu, mặc dù vẫn lãnh nhận các bí tích. Chúng ta đâu hiểu rằng công trình biến đổi là điều rất sâu kín không dễ gì thoáng nhìn mà thấy được.

* **6,59** *Lời này chướng tai quá !* Làm sao những người nghe Chúa Giê-su có thể tin rằng “người con của ông Giu-se” lại từ Thiên Chúa mà đến ? Và ngày nay, làm sao chúng ta có thể tin rằng chúng ta cần đến Thánh Thể ? Chúa Giê-su cho chúng ta biết tại sao Người đã đến : Con Thiên Chúa đã xuống trần với chúng ta, để sau đó sẽ *lên nơi Người ở trước kia* (c.62). Người đã đến từ Thiên Chúa để thông ban cho ta chính sự sống của Thiên Chúa, mà sự sống này sẽ đem chúng ta vào tận cung lòng Thiên Chúa (Ga 14,12).

Phải hiểu rằng thế giới chúng ta đã được đổi mới là nhờ sự phục sinh của Chúa Giê-su. Con Thiên Chúa đã trở *lên nơi Người ở trước kia*, với thân xác nhân loại đã được Thân Khí biến đổi. Con Thiên Chúa đã trở lên đó với chất người của chúng ta. Người đầu tiên của nhân loại đã đạt tới cõi của Thiên Chúa. Khi Con Thiên Chúa đi vào vinh quang của Chúa Cha, Người mang trên đôi vai toàn thể thụ tạo mà Người đã từng muốn đổi mới và thánh hiến.

⁶¹ Nhưng Đức Giê-su tự mình biết được là các môn đệ đang xâm xì về vấn đề ấy, Người bảo các ông : “Điều đó, anh em lấy làm chướng, không chấp nhận được ư ? ⁶² Vậy nếu anh em thấy Con Người lên nơi đã ở trước kia thì sao ? ⁶³ Thần khí mới làm cho sống, chứ xác thịt chẳng có ích gì. Lời Thầy nói với anh em là thần khí và là sự sống.

⁶⁴ Nhưng trong anh em có những kẻ không tin.” Quả thật, ngay từ đầu, Đức Giê-su đã biết những kẻ nào không tin, và kẻ nào sẽ nộp Người. ⁶⁵ Người nói tiếp : “Vì thế, Thầy đã bảo anh em : không ai đến với Thầy được, nếu Chúa Cha không ban ơn ấy cho.” ⁶⁶ Từ lúc đó, nhiều môn đệ rút lui, không còn đi theo Người nữa.

Mặc dù nhìn bên ngoài, cuộc sống vẫn diễn ra như trước, nhưng chúng ta phải tin rằng một thế giới khác, cái thế giới đích thực, đã có mặt đây rồi. Thần Khí vẫn hoạt động giữa những xáo trộn lớn lao không ngừng khuấy động toàn thể nhân loại. Một cách vô hình, Chúa Ki-tô vẫn hoạt động để thánh hiến thế giới này. Người khiến cho nhân loại có thể đạt đến sự trưởng thành qua vô vàn khủng hoảng và tử vong dọn đường cho cuộc phục sinh.

Những người nghe Chúa Giê-su không thể hiểu nổi (6,61) mầu nhiệm Con Thiên Chúa tự nguyện hạ mình và trút bỏ vinh quang thần tính của mình như thế. Người đã trở nên phạm nhân và chịu chết như một tên nô lệ (x. Ga 1,14 và Pl 2,7), để sau đó Chúa Cha sẽ cho Người trở lên nơi Người đã ở trước kia. Chúng ta cũng vậy, chúng ta khó lòng tin rằng Thiên Chúa hoạt động giữa chúng ta, trong lòng một nhân loại vô trách nhiệm đến thế nhưng vẫn được Thiên Chúa yêu thương, trong một Giáo Hội bất xứng đến như vậy nhưng vẫn được Thiên Chúa trọng dụng để thực hiện kế hoạch của Người, trong một lịch sử hết sức vô vọng nhưng lại là thời gian chuẩn bị dọn Tiệc Nước Trời.

Xác thịt chẳng có ích gì (c.63). Chúa Giê-su nói Người sẽ ban thịt của Người cho chúng ta, nhưng không nên hiểu đây là cách nối tiếp một tập tục trong đạo Do-thái là ăn thịt các con vật được sát tế. Trong văn hoá Híp-ri, *thịt* và *máu* chỉ về thế giới “dưới đất” nơi con người bôn ba chạy giạt, cái thế giới không thông với cõi của Thiên Chúa. Thánh Thể thì trái lại, có thân mình Chúa Ki-tô phục sinh. Đây là một thực tại đã được Thần Khí biến đổi và hoạt động cách linh thiêng.

Thưa Thầy, chúng con sẽ đến với ai ? (c.68). Nhiều môn đệ Chúa Giê-su lìa xa Người, nhưng thay mặt cho những người ở lại, ông Phê-rô hứa trung thành với Chúa (x. thêm Mt 16,13tt).

Ông Phê-rô tuyên xưng lòng tin

⁶⁷ Vậy Đức Giê-su hỏi Nhóm Mười Hai : “Cả anh em nữa, anh em cũng muốn bỏ đi hay sao ?”

⁶⁸ Ông Si-môn Phê-rô liền đáp : “Thưa Thầy, bỏ Thầy thì chúng con biết đến với ai ? Thầy mới có những lời đem lại sự sống đời đời. ⁶⁹ Phần chúng con, chúng con đã tin và nhận

biết rằng chính Thầy là Đấng Thánh của Thiên Chúa.” ⁷⁰ Đức Giê-su đáp : “Chẳng phải Thầy đã chọn anh em là Nhóm Mười Hai sao ? Thế mà một người trong anh em lại là quỷ !”

⁷¹ Người muốn nói về Giu-đa, con ông Si-môn Ít-ca-ri-ốt ; thật thế, chính y, một môn đệ trong Nhóm Mười Hai, sẽ nộp Người.

4. LỄ LỄU

Đức Giê-su lên Giê-ru-sa-lem dự lễ và giảng dạy

7 * ¹ Sau đó, Đức Giê-su thường đi lại trong miền Ga-li-lê ; thật vậy, Người không muốn đi lại

trong miền Giu-đê, vì người Do-thái tìm giết Người.

² Lễ Lều của người Do-thái gần tới, ³ anh em Đức Giê-su nói với Người :

* ^{7,1} Chúa Giê-su buộc người ta phải tự hỏi Người là ai. Tự hỏi như thế thì tốt hơn là không hỏi gì hết, như những nhóm người tưởng đã biết Người rồi, chẳng hạn trường hợp các anh em của Người.

Hãy tỏ mình ra cho thiên hạ (cc. 3 và 4). Các anh em của Chúa đây là những người trong gia đình và những đồng hương của Người ở Na-da-rét (x. Mc 3,31). Những người này có thể đã gia nhập Giáo Hội sau khi Chúa sống lại, và cho mình là nhân vật quan trọng chỉ vì họ có dây mơ rễ má với Chúa. Nhưng vào lúc này, khi Chúa đang giảng dạy, thì họ hãy còn lâu mới hiểu được Người. Họ muốn Chúa cố ý làm cho mình nổi danh vì các phép lạ mình làm, trong khi Chúa lại giảng về mẫu nhiệm cái chết dẫn đến vinh quang.

Thời của tôi chưa mãn (c.8). Chúa Giê-su cho đối lập nhau hai loại người : những người sống theo kế hoạch riêng của họ và những người để cho Thần Khí hướng dẫn họ. Hạng người thứ nhất *không thời không giờ* bởi vì họ không biết đến tiếng gọi của Thiên Chúa ; họ hành động tùy hứng tùy nghi. Còn những người được Thần Khí hướng dẫn thì chờ đợi giờ của Thiên Chúa. Tất cả những gì họ thực hiện vào giờ của Thiên Chúa đều thành công, làm vinh danh Người.

“Ông bỏ đây mà sang miền Giu-đê đi, để cả môn đệ của ông cũng được nhìn thấy những việc ông làm, ⁴ vì không ai muốn nổi danh mà lại hoạt động âm thầm cả. Nếu ông làm những việc ấy, thì hãy tỏ mình ra cho thiên hạ biết.” ⁵ Thật thế, anh em Người không tin vào Người. ⁶ Đức Giê-su nói với họ : “Thời của tôi chưa đến, nhưng thời của các anh lúc nào cũng thuận tiện. ⁷ Thế gian không thể ghét các anh, nhưng tôi thì nó ghét, vì tôi làm chứng rằng các việc nó làm thì xấu xa. ⁸ Các anh cứ lên dự lễ đi ; còn tôi, tôi không lên dự lễ này, vì thời của tôi chưa chín muồi.” ⁹ Nói thế rồi, Người

ở lại miền Ga-li-lê. ¹⁰ Tuy nhiên, khi anh em Người đã lên dự lễ, thì chính Người cũng lên, nhưng không công khai và hầu như bí mật. ¹¹ Người Do-thái tìm kiếm Người trong dịp lễ và nói : “Ông ấy đâu rồi ?” ¹² Dân chúng bàn tán nhiều về Người. Kẻ thì bảo : “Đó là một người tốt.” Kẻ thì nói : “Không, ông ta mê hoặc dân chúng.” ¹³ Nhưng không ai dám công khai nói về Người, vì sợ người Do-thái.

¹⁴ Vào giữa kỳ lễ, Đức Giê-su lên Đền Thờ và giảng dạy. ¹⁵ Người Do-thái lấy làm ngạc nhiên. Họ nói : “Ông này không học hành gì, mà sao lại thông thạo chữ nghĩa thế !”

Người Do-thái (cc. 13.15.35). Có những lý do nặng ký cho phép nghĩ rằng tác giả Gio-an đã viết sách Tin Mừng của ông cho các cộng đoàn Ki-tô hữu ở bên kia sông Gio-dan (10,40 ; 11,54), một miền tự thấy mình xa lạ đối với giới Do-thái ở Giê-ru-sa-lem và miền Giu-đê. Có lẽ điều này lý giải sự kiện ông tự đồng hoá mình với các thánh giả và viết *người Do-thái* như thể bản thân ông không thuộc nhóm người này vậy. Nhưng còn có lý do này là trong các cộng đoàn Ki-tô hữu của ông, ông Gio-an chạm trán với một trào lưu mạnh thế, sau này được gọi là nhóm “Ki-tô hữu gốc Do-thái”. Những người này thật sự tin Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a, nhưng lại không muốn làm bất cứ điều gì có vẻ chống đối cộng đoàn Do-thái giáo. Họ nói về “Đức Giê-su, Con Thiên Chúa”, nhưng không nghĩ từ này có tất cả ý nghĩa đậm đặc của nó như trong đức tin Ki-tô giáo. Vì vậy khi tác giả nói về *những người Do-thái đã tin Chúa Giê-su* mà không hiểu Người (8,31), thì chúng ta đoán được rằng thật ra ông nghĩ đến những người Ki-tô hữu gốc Do-thái đó, những người ba mươi năm sau sẽ có ảnh hưởng lớn trên một số Giáo Hội miền Pa-lét-tin.

¹⁶ Đức Giê-su trả lời : “Đạo lý tôi dạy không phải là của tôi, nhưng là của Đấng đã sai tôi. ¹⁷ Ai muốn làm theo ý của Người, thì sẽ biết rằng đạo lý ấy là bởi Thiên Chúa hay do tôi tự mình giảng dạy. ¹⁸ Ai tự mình giảng dạy, thì tìm vinh quang cho chính mình. Còn ai tìm vinh quang cho Đấng đã sai mình, thì là người chân thật, và nơi người ấy không có gì là bất chính. * ¹⁹ Ông Mô-sê đã chẳng ban Lễ Luật cho các ông sao ? Thế mà không một ai trong các ông tuân giữ Lễ Luật !

Sao các ông lại tìm cách giết tôi ?” ²⁰ Dân chúng đáp : “Ông bị quỷ ám rồi ! Có ai tìm giết ông đâu ?” ²¹ Đức Giê-su trả lời : “Tôi chỉ làm có một việc, mà tất cả các ông đều ngạc nhiên. ²² Ông Mô-sê đã truyền cho các ông làm phép cắt bì (thật ra, phép

ấy đã có từ thời các tổ phụ, chứ không phải từ thời ông Mô-sê), và các ông làm phép cắt bì cả trong ngày sa-bát. ²³ Vậy nếu người ta làm phép cắt bì cả trong ngày sa-bát để khỏi lỗi Luật Mô-sê, thì sao các ông lại nổi giận với tôi, vì tôi đã chữa lành toàn thân một người trong ngày sa-bát ? ²⁴ Các ông đừng xét đoán theo bề ngoài nữa, nhưng hãy xét đoán cho công minh.”

Dân chúng tranh luận về nguồn gốc của Đấng Ki-tô

* ²⁵ Bấy giờ có những người ở Giê-ru-sa-lem nói : “Ông này không phải là người họ đang tìm giết đó sao ? ²⁶ Kia, ông ta ăn nói công khai mà họ chẳng bảo gì cả. Phải chăng các nhà hữu trách đã thật sự nhìn nhận ông là Đấng Ki-tô ? ²⁷ Ông ấy, chúng ta biết ông xuất thân từ đâu

* 7,19 Chúng ta đã nói đoạn 7,19-24 là phần kết của diễn từ trong ch. 5. Không hiểu vì lý do gì nó lại lạc vào đây.

*** 7,25 ON CỨU ĐỘ – ĐI TÌM CHÂN LÝ**

Đức Giê-su là ai ? Biết Đức Giê-su là ai là điều cốt tử đối với chúng ta, vì điều mà Người ban tặng cho chúng ta là vô giá : đó là được thông phần sự sống của Thiên Chúa. Nhưng nếu Đức Giê-su không đến từ Thiên Chúa, thì lời hứa này có giá trị gì ?

Vậy chúng ta phải khám phá ra cho được Đức Giê-su là ai, vì nhờ đó mà chúng ta sẽ tìm thấy ơn cứu thoát.

rồi ; còn Đấng Ki-tô, khi Người đến thì chẳng ai biết Người xuất thân từ đâu cả.”²⁸ Lúc giảng dạy trong Đền Thờ, Đức Giê-su nói lớn tiếng rằng : “Các ông biết tôi ư ? Các ông biết tôi xuất thân từ đâu ư ? Tôi đâu có tự mình mà đến. Đấng đã sai tôi là Đấng chân thật. Các ông, các ông không biết Người.²⁹ Phần tôi, tôi biết Người, bởi vì tôi từ nơi Người mà đến, và chính Người đã sai tôi.”

³⁰ Bấy giờ họ tìm cách bắt Người, nhưng chẳng có ai tra tay bắt, vì giờ của Người chưa đến.

Đức Giê-su loan báo Người sắp ra đi

³¹ Trong dân chúng, có nhiều kẻ đã tin vào Người, họ nói : “Khi Đấng Ki-tô đến, liệu Người có làm nhiều dấu lạ hơn ông này chăng ?”³² Người Pha-risêu nghe dân chúng bàn tán với nhau về Người như thế, nên họ và các thượng tế sai vệ binh đi

Con người của Người lôi cuốn chúng ta, nhưng lời Người nói lại làm chúng ta khó chịu. Khi Người tuyên bố rằng thế giới đã được cứu rồi, rằng chúng ta đã được sống lại và chúng ta là con cái Thiên Chúa, chúng ta cứ nghĩ đó là văn chương chữ nghĩa bởi vì thực tế có vẻ khác quá đi. Chúng ta cần có thì giờ, kinh nghiệm và đau khổ, để thay đổi quan điểm của mình, và bước lên một bậc cao hơn để từ đó chúng ta sẽ khám phá thế giới và con người đúng y như Người mô tả. Lên tới đó, chúng ta sẽ nhìn nhận Đức Giê-su là Vị Cứu Tinh, mà cũng được biết chúng ta được cứu thoát, bởi vì qua những giai đoạn tìm tòi ấy, chúng ta đã có khả năng nhìn thấy mọi sự như Thiên Chúa thấy.

Trong khi đối thoại với những người không có đức tin, chúng ta đừng bao giờ quên rằng chính họ là những người phải đạt tới chân lý mà họ còn thiếu, nhờ được Thần Khí soi dẫn. Chính họ là kẻ phải đào sâu trong lòng mình để bắt gặp mạch nước ngầm đang chảy.

Chúng ta biết ông xuất thân từ đâu (c.27). Những người Do-thái này tưởng mình biết Kinh Thánh, nhưng Kinh Thánh lại có trăm ngàn chỗ vượt quá trí khôn của chúng ta nếu chúng ta không biết lắng nghe. Trước mặt họ, Chúa Giê-su tự xưng mình là Đấng Thiên Sai. Người dùng tước hiệu này không phải để gây sự nể nang, nhưng là để làm nổi bật đặc tính của Người là lệ thuộc vào Chúa Cha đồng thời biết rõ Chúa Cha.

Các ông sẽ tìm tôi mà không gặp (c.34). Đây cũng là lời cảnh cáo Thiên Chúa đã từng đưa ra qua tiếng các ngôn sứ (Gr 13,16). Một lần nữa, Chúa Giê-su lại áp dụng cho mình những ngôn từ và đặc quyền mà Kinh Thánh chỉ dành cho Thiên Chúa.

bất Người. ³³ Vậy, Đức Giê-su bảo họ : “Tôi còn ở với các ông ít lâu nữa thôi, rồi tôi đi đến cùng Đấng đã sai tôi. ³⁴ Các ông sẽ tìm tôi mà không gặp, và nơi tôi ở, các ông không thể đến được.” ³⁵ Người Do-thái liền nói với nhau : “Ông ấy sắp đi đâu mà chúng ta không gặp được ? Phải chăng ông sắp đi gặp kiêu bào sống giữa người Hy-lạp, để giảng dạy cho người Hy-lạp ?” ³⁶ Ông ấy muốn nói gì khi bảo : ‘Các ông sẽ tìm tôi mà không

gặp, và nơi tôi ở, các ông không thể đến được.’ ?”

Lời hứa ban nước hằng sống

* ³⁷⁻³⁸ Hôm ấy là ngày bế mạc tuần lễ Lễ, và là ngày long trọng nhất. Đức Giê-su đứng trong Đền Thờ và lớn tiếng nói rằng : “Ai khát, hãy đến với tôi, ai tin vào tôi, hãy đến mà uống ! Như Kinh Thánh đã nói : Từ lòng Người, sẽ tuôn chảy những dòng nước hằng sống.” ³⁹ Đức Giê-su muốn nói về Thần

* 7,37 VIỆC THÔNG BAN THẦN KHÍ

Vào ngày bế mạc lễ Lễ, ngày long trọng nhất, một đám rước đi đến hồ nước Si-lô-ác để lấy nước ; đó là lúc Chúa Giê-su loan báo về “ân huệ” (4,10) Thiên Chúa ban là *nước hằng sống*.

Trước khi Chúa Ki-tô đến, đã có lời chép : “Thần khí của Đức Chúa ngập tràn cõi đất” (Kn 1,7). Ấy là vì Thiên Chúa chưa bao giờ ngừng thông ban chính mình, thần khí của Người thẩm thấu thần trí chúng ta để thức tỉnh nó và ban cho sức mạnh và sự sống : thời đại nào cũng có những nhà tư tưởng, những nghệ sĩ và những anh hùng. Và thần khí tác động nơi những tâm hồn ngay thẳng.

Chúng ta đã từng có dịp nói rằng Thần Khí được ban sau khi Ngôi Lời –là Con Thiên Chúa– xuất hiện. Và cũng như Lời Chúa đến với tất cả mọi người thì mọi người cũng được thông ban Thần Khí Chúa. Nhưng điều này lại không xảy ra như vậy khi nói về những người tin vào Chúa Ki-tô. Ở đây, Ga nói rõ : thời đại Thần Khí chưa đến bao lâu *Chúa Giê-su chưa được tôn vinh* (c.39).

Thần Khí chưa được trao ban (c.39). Nhiều thủ bản đã tìm cách nói câu đó cho rõ ràng hơn : “họ chưa nhận được Thần Khí”. Thần Khí là Thiên-Chúa-tự-trao-ban cho tất cả mọi loài thuộc mọi thời. Như thể Người có thể tự phân hoá, cứ ngụ nơi mỗi một thụ tạo nhờ những ân huệ đủ loại, để sau đó tất cả được quy về một mối duy nhất trong Thiên Chúa. Vì vậy mà chúng ta thấy trong Sách Thánh khi thì viết là “Thần Khí” hay “Thánh Thần” (Lc 1,15 ; Cv 6,3), khi thì viết là “thần khí” (Is 11,2), hoặc có cả “bấy thần khí” nữa (Kh 1,4 ; 3,1).

Khí mà những kẻ tin vào Người sẽ lãnh nhận. Thật thế, bấy giờ họ chưa nhận được Thần Khí, vì Đức Giê-su chưa được tôn vinh.

Dân chúng lại tranh luận về nguồn gốc của Đấng Ki-tô

⁴⁰ Trong dân chúng, có những người nghe các lời ấy thì nói : “Ông này thật là vị ngôn sứ.” ⁴¹ Kẻ khác rằng : “Ông này là Đấng Ki-tô.” Nhưng có kẻ lại nói : “Đấng Ki-tô mà lại xuất thân từ Ga-li-lê sao ?

⁴² Nào Kinh Thánh đã chẳng nói : *Đấng Ki-tô xuất thân từ dòng dõi vua Đa-vít và từ Bê-lem, làng của vua Đa-vít sao ?*

⁴³ Vậy, vì Người mà dân chúng đâm ra chia rẽ.

⁴⁴ Một số trong bọn họ muốn bắt Người, nhưng chẳng có ai tra tay bắt.

⁴⁵ Các vệ binh trở về với các thượng tế và người Pha-ri-sêu. Họ liền hỏi

chúng : “Tại sao các anh không điếu ông ấy về đây ?”

⁴⁶ Các vệ binh trả lời : “Xưa nay chưa hề đã có ai nói năng như người ấy !”

⁴⁷ Người Pha-ri-sêu liền nói với chúng : “Cả các anh nữa, các anh cũng bị mê hoặc rồi sao ? ⁴⁸ Trong hàng thủ lãnh hay trong giới Pha-ri-sêu, đã có một ai tin vào tên ấy đâu ?

⁴⁹ Còn bọn dân đen này, thứ người không biết Lê Luật, đúng là quân bị nguyên rủa !”

⁵⁰ Trong nhóm Pha-ri-sêu, có một người tên là Ni-cô-đê-mô, trước đây đã đến gặp Đức Giê-su ; ông nói với họ :

⁵¹ “Lê Luật của chúng ta có cho phép kết án ai, trước khi nghe người ấy và biết người ấy làm gì không ?”

⁵² Họ đáp : “Cả ông nữa, ông cũng là người Ga-li-lê sao ? Ông cứ nghiên cứu, rồi sẽ thấy : không một ngôn sứ nào xuất thân từ Ga-li-lê cả.”

Từ lòng Người, sẽ tuôn chảy những dòng nước hằng sống. Có vài bản dịch ngắt câu ở c.38 như thế này : “Ai tin vào tôi, thì –như Kinh Thánh đã nói– từ lòng người ấy sẽ tuôn chảy những dòng nước hằng sống”, nghĩa là nói về người tín hữu, và sẽ ám chỉ Is 58,11. Nhưng hiểu như vậy thì không theo mạch ý của phần tiếp theo sau. Ở đây, Ga đưa chúng ta về với những đoạn văn ngôn sứ nói về Đấng Mê-si-a, là nguồn nước hằng sống : xin nhớ lại nước phun ra từ tảng đá (Xh 17 ; Ds 20,8) và con suối từ Đền Thờ chảy ra (Ed 47,1). Vì Chúa Giê-su vừa là Tảng Đá vừa là Đền Thờ mới.

Người phụ nữ ngoại tình

⁵³ Sau đó, ai nấy trở về nhà mình.

8 * ¹ Còn Đức Giê-su thì đến núi Ô-liu.

² Vừa tảng sáng, Người trở lại Đền Thờ. Toàn dân đến với Người. Người ngồi xuống giảng dạy họ. ³ Lúc đó, các kinh sư và người Pha-ri-sêu dẫn đến trước mặt Đức Giê-su một phụ nữ bị bắt gặp đang ngoại tình. Họ để chị ta đứng ở giữa, ⁴ rồi nói với Người : “Thưa Thầy, người đàn bà này bị bắt quả tang đang ngoại tình. ⁵ Trong sách Luật, ông Mô-sê

truyền cho chúng tôi phải ném đá hạng đàn bà đó. Còn Thầy, Thầy nghĩ sao ?”

⁶ Họ nói thế nhằm thử Người, để có bằng cứ tố cáo Người. Nhưng Đức Giê-su cúi xuống lấy ngón tay viết trên đất. ⁷ Vì họ cứ hỏi mãi, nên Người ngẩng lên và bảo họ : “Ai trong các ông sạch tội, thì cứ việc lấy đá mà ném trước đi.” ⁸ Rồi Người lại cúi xuống viết trên đất. ⁹ Nghe vậy, họ bỏ đi hết, kể trước người sau, bắt đầu từ những người lớn tuổi. Chỉ còn lại một mình Đức Giê-su, và người phụ nữ thì đứng ở giữa. ¹⁰ Người

* 8,1 Không thấy có đoạn văn 8,1-11 trong các thủ bản cổ xưa nhất của Tin Mừng Ga. Nhiều người nghĩ rằng đoạn này được lấy từ những nguồn tư liệu khác. Có lẽ nguyên thủy nó thuộc về Tin Mừng Lc và sau này mới được đưa vào bản văn Ga.

Nếu Chúa Giê-su tỏ ra tôn trọng người phụ nữ này như thế và không chịu kết án bà theo thói đời, đó có phải vì Người thấy tội của bà không có gì là trầm trọng không ? Không phải, đúng hơn, nên nói đó là vì Thiên Chúa dùng những phương thế khác để đưa tội nhân đến chỗ ăn năn và để thanh luyện họ qua đau khổ.

Có một sự khác biệt rất lớn giữa nói cho ai đó biết tư tưởng hay hành động của người ấy là không tốt và kết án người ấy. Chúng ta thì thường hay kết án, vì chúng ta không dành chỗ cho sự hoán cải và lòng thương xót. Đối với người phụ nữ trong câu chuyện này, Chúa Giê-su vừa đòi hỏi vừa có lòng thương xót.

Đường như một số trang của Tin Mừng Ga không được xếp đúng theo thứ tự. Chúng ta đã lưu ý là đoạn 7,19-24 có lẽ phải tiếp nối ch.5. Cũng thế, diễn từ 8,12-29 có vẻ tiếp tục câu chuyện về phép lạ ghi trong ch.9. Sau khi chữa lành người mù và cho thấy sự mù loà về mặt thiêng liêng của người Pha-ri-sêu, Chúa Giê-su tuyên bố : *Tôi là ánh sáng*. Lời của Chúa Giê-su “Tôi đã nói với các ông là các ông sẽ mang tội lỗi mình mà chết” (8,24) nhắc nhớ lời Người nói ở 9,41.

ngẩng lên và nói : “Này chị, họ đâu cả rồi ? Không ai lên án chị sao ?”

¹¹ Người đàn bà đáp : “Thưa ông, không có ai cả.” Đức Giê-su nói : “Tôi cũng vậy, tôi không lên án chị đâu ! Thôi chị cứ về đi, và từ nay đừng phạm tội nữa !”

Đức Giê-su, ánh sáng cho trần gian

* ¹² Đức Giê-su lại nói với người Do-thái : “Tôi là ánh sáng thế gian. Ai theo tôi, sẽ không phải đi trong bóng tối, nhưng sẽ nhận

được ánh sáng đem lại sự sống.”

Tranh luận về lời chứng của Đức Giê-su liên quan đến bản thân Người

¹³ Người Pha-ri-sêu nói với Đức Giê-su : “Ông làm chứng cho chính mình ; lời chứng của ông không thật !”

¹⁴ Người trả lời : “Tôi có làm chứng cho chính mình đi nữa, thì lời chứng của tôi vẫn là chứng thật, bởi vì tôi biết tôi từ đâu tới và đi đâu. Còn các ông, các ông không biết tôi từ đâu tới và đi đâu. ¹⁵ Các ông xét đoán theo kiểu người

*** 8,12 ÁNH SÁNG**

Chúa Giê-su là ánh sáng cho mọi người thuộc mọi thời đại. Trước đây, Thiên Chúa đã dùng một cột mây sáng mà dẫn đưa dân Híp-ri đi trong sa mạc. Nay Người dẫn chúng ta đi nhờ Con của Người : ai theo Chúa Giê-su sẽ không phải đi trong bóng tối.

Ánh sáng biểu trưng cho nhiều điều tốt đẹp : ánh bình minh sau một đêm tối ; ánh đèn soi sáng cả nhà trong khi bóng tối dày đặc bên ngoài ; đèn đường soi sáng mọi người, sang hèn như nhau ; ánh sáng chiến thắng quyền lực của cái ác và cái ngu. Chúa Ki-tô là tất cả những điều đó và còn hơn thế nữa đối với những ai đi theo Người. Người là ánh sáng nhờ vào đó chúng ta sống viên mãn ; ánh sáng của Người giúp chúng ta biết đặt cho từng sự việc và từng hành động nhân sinh cái vị trí và giá trị đích đáng của nó.

Nhờ ánh sáng Chúa Ki-tô, chúng ta chiến thắng được những gì mờ ám nơi mình. Chúng ta chỉ nhận thức được một phần nhỏ của nội tâm chúng ta thôi, và lúc nào chúng ta cũng nghiêng theo những chuyển động ngoài ý muốn xuất phát từ tính khí và bản tính của mình. Chúng ta có những ý hướng tốt lành và lòng chúng ta trong sạch (ít nhất chúng ta nghĩ vậy), nhưng chúng ta đâu nhận thức rằng chúng ta thường tuân theo tiếng gọi của “huyết nhục” như nói trong Kinh Thánh. Nhưng nếu chúng ta sống trong ánh sáng, thì về lâu về dài ánh sáng sẽ tràn vào mọi ngõ ngách tâm hồn chúng ta.

phàm ; phần tôi, tôi không xét đoán ai cả. ¹⁶ Mà nếu tôi có xét đoán, thì sự xét đoán của tôi vẫn đúng sự thật, vì không phải chỉ có mình tôi, nhưng có tôi và Đấng đã sai tôi. ¹⁷ Trong Lễ Luật của các ông, có chép rằng lời chứng của hai người là chứng thật. ¹⁸ Tôi làm chứng cho chính mình, và Chúa Cha là Đấng đã sai tôi cũng làm chứng cho tôi.” ¹⁹ Họ liền hỏi Người : “Cha ông ở đâu ?” Đức Giê-su đáp : “Các ông không biết tôi, cũng chẳng biết Cha tôi. Nếu các ông

biết tôi, thì hẳn cũng biết Cha tôi.”

²⁰ Người đã nói những lời ấy, khi giảng dạy trong Đền Thờ, tại nơi đặt thùng tiền dâng cúng. Không có ai bắt Người, vì giờ của Người chưa đến. ²¹ Đức Giê-su lại nói với họ : “Tôi ra đi, các ông sẽ tìm tôi, và các ông sẽ mang tội mình mà chết. Nơi tôi đi, các ông không thể đến được.” ²² Người Do-thái mới nói : “Ông ấy sẽ tự tử hay sao mà lại nói : ‘Nơi tôi đi, các ông không thể

TA HẰNG HỮU

Trong diễn từ này, Chúa Giê-su làm chứng về thần tính của bản thân Người. Người giải thích cho chúng ta hiểu nguồn gốc bí ẩn, nhiệm mầu của Người. Ở trang này, chúng ta đọc được bảy lần cụm từ *Ta hằng hữu* : tác giả muốn chúng ta hiểu rằng đây là từ then chốt của diễn từ.

TA HẰNG HỮU : Thiên Chúa đã tự xưng như thế với ông Mô-sê. Chúng ta biết người Do-thái gọi Thiên Chúa là *Gia-vê*, nghĩa là *Đấng Hằng Hữu*, Đấng làm cho vạn vật hiện hữu. Mà Chúa Giê-su lại tuyên bố “*Ta hằng hữu*”, tự đặt cho mình cái danh xưng không được phép dùng để gọi bất cứ thụ tạo nào. Lời khẳng định đơn giản này đủ để phản bác một số “*Ki-tô hữu*”, là những người theo phái A-ri-a-nus thời xưa và các Nhân Chứng Giê-hô-va thời nay, không nhìn nhận thần tính của Người. Họ nói bởi vì Thiên Chúa chỉ có một, thì làm gì đời sống Thiên Chúa có thể bị chia ra cho ba ngôi vị. Tuy họ gọi Đức Ki-tô là Con Thiên Chúa, họ vẫn không nhìn nhận Người là Thiên Chúa sinh bởi Thiên Chúa. Nhưng Chúa Giê-su HẰNG HỮU không kém gì Chúa Cha và không hoà lẫn với Chúa Cha. Thật vậy, Chúa nói : *Chúa Cha là Đấng đã sai phái tôi* (c.16), và còn nữa, ở c.17 : *lời chứng của hai người là chứng thật* (theo luật Do-thái).

Các ông sẽ mang tội (lỗi) mình mà chết (cc. 21 và 24). Tội không phải chỉ là làm điều xấu. Tội còn là khép mình lại trong vỏ sò bản thân và trong cái khôn phàm trần của mình, thay vì mở rộng tâm hồn hướng tới những chân trời khác, chân trời của Thiên Chúa chẳng hạn.

đến được' ?" ²³ Người bảo họ : "Các ông bởi hạ giới ; còn tôi, tôi bởi thượng giới. Các ông thuộc về thế gian này ; còn tôi, tôi không thuộc về thế gian này. ²⁴ Tôi đã nói với các ông là các ông sẽ mang tội lỗi mình mà chết. Thật vậy, nếu các ông không tin là Tôi Hằng Hữu, các ông sẽ mang tội lỗi mình mà chết." ²⁵ Họ liền hỏi Người : "Ông là ai ?" Đức Giê-su đáp : "Hoàn toàn đúng như tôi vừa nói với các ông đó. ²⁶ Tôi còn có nhiều điều phải nói và xét đoán về các ông. Nhưng Đấng đã sai tôi là Đấng chân thật ; còn tôi, tôi nói lại cho thế gian những điều tôi đã

nghe Người nói." ²⁷ Họ không hiểu là Đức Giê-su nói với họ về Chúa Cha. ²⁸ Người bảo họ : "Khi các ông giương cao Con Người lên, bấy giờ các ông sẽ biết là Tôi Hằng Hữu, và biết tôi không tự mình làm bất cứ điều gì, nhưng Chúa Cha đã dạy tôi thế nào, thì tôi nói như vậy. ²⁹ Đấng đã sai tôi vẫn ở với tôi ; Người không để tôi cô độc, vì tôi hằng làm những điều đẹp ý Người." ³⁰ Khi Đức Giê-su nói thế, thì có nhiều kẻ tin vào Người.

Đức Giê-su và ông Áp-ra-ham

* ³¹ Vậy, Đức Giê-su nói với những người Do-thái

Ở đây, loài người chia ra làm hai loại : *những người bởi thượng giới* là những người mong mỏi Thiên Chúa, và *những người bởi hạ giới* là những người tự giới hạn mình trong những mục tiêu phạm tục. Tội là từ chối *sinh ra một lần nữa* hay *bởi ơn trên*, như Chúa Giê-su đã nói với ông Ni-cô-đê-mô (3,3). Những người Do-thái này không tin vào Chúa Giê-su, vì cách sống và thông điệp của Người hé mở một thế giới bên kia không có sức hấp dẫn đối với họ. Chúa Giê-su mà tranh luận với họ thì sẽ mất thì giờ vô ích ; sự khôn ngoan của Thiên Chúa sắp được mặc khải rõ ràng hơn nhiều qua cái chết của Người trên thập giá (c.28).

* 8,31 SỰ THẬT – TỰ DO – TỘI LỖI

Chúa Giê-su nói với những người Do-thái đã tin Người. Những người này tin Người theo cách riêng của họ, và họ rất giống những người mà thánh Phao-lô công kích trong Gl 3 – 4. Từ các cuộc tranh luận của Chúa Giê-su với những kẻ tự cho mình là người theo đạo thật, chúng ta có thể hình dung Chúa Giê-su, nếu Người sống giữa chúng ta hôm nay, thì Người sẽ sửa dạy như thế nào nhiều kẻ vênh vang tự xưng mình là Ki-tô hữu hay là "người Công Giáo".

đã tin Người : “Nếu các ông ở lại trong lời của tôi, thì các ông thật là môn đệ tôi ; ³² các ông sẽ biết sự thật, và sự thật sẽ giải phóng các ông.” ³³ Họ đáp : “Chúng tôi là dòng dõi ông Áp-ra-ham. Chúng tôi không hề làm nô lệ cho ai bao giờ. Làm sao ông lại nói : các ông sẽ được tự do ?” ³⁴ Đức Giê-su trả lời : “Thật, tôi bảo thật các ông : hễ ai phạm tội thì làm nô lệ cho tội. ³⁵ Mà kẻ nô lệ thì không được ở trong nhà luôn mãi, người con mới được ở luôn mãi. ³⁶ Vậy, nếu người Con có giải phóng các ông, thì các ông mới thật sự là những người tự do. ³⁷ Tôi biết các ông là dòng dõi ông Áp-ra-

ham, nhưng các ông tìm cách giết tôi, vì lời tôi không thấm vào lòng các ông. ³⁸ Phần tôi, tôi nói những điều đã thấy nơi Cha tôi ; còn các ông, các ông làm những gì đã nghe cha các ông nói.” ³⁹ Họ đáp : “Cha chúng tôi là ông Áp-ra-ham.” Đức Giê-su nói : “Giả như các ông là con cái ông Áp-ra-ham, hẳn các ông phải làm những việc ông Áp-ra-ham đã làm. ⁴⁰ Thế mà bây giờ các ông lại tìm giết tôi, là người đã nói cho các ông sự thật mà tôi đã nghe biết từ Thiên Chúa. Điều đó, ông Áp-ra-ham đã không làm. ⁴¹ Còn các ông, các ông làm những việc cha các ông làm.”

Người sẽ không quả trách chúng ta vì các tội lỗi chúng ta đã phạm cho bằng vì chúng ta vẫn tiếp tục *sống trong tội*. Tội lỗi là những hành vi xấu đôi khi còn có thể dung tha, và thường thì vừa mới phạm là chúng ta ăn năn ngay. Còn “sống trong tội” là sống gian dối, là cứ dương dương tự đắc hay khư khư giữ ý kiến và ngoan cố giành quyền lợi. Thái độ này ngăn cản chúng ta bước vào đường lối của Thiên Chúa, mặc dù nhìn bên ngoài chúng ta vẫn sống ngay thẳng và tuyên xưng niềm tin của mình.

Chúa Giê-su không phải là chiêu bài của một nhóm người nào trong xã hội, Công Giáo hay là gì khác, để mà giương lên chống lại các nhóm khác. Người đến trong tư thế là Vua của vương quốc *sự thật*. Những ai tìm sự thật thì thuộc về Người, bất chấp tư tưởng của họ như thế nào, và đặc biệt là những ai *sống trong sự thật*.

Đối với những người Do-thái, thế giới được chia thành hai nhóm : *con cái Áp-ra-ham*, là chính họ, và phần còn lại. Họ huênh hoang về các tổ tiên của họ mà quên mất rằng dưới mắt Chúa, mỗi người là mình, với thực chất của mình thôi.

Họ mới nói : “Chúng tôi đâu phải là con hoang. Chúng tôi chỉ có một Cha : đó là Thiên Chúa !”⁴² Đức Giê-su bảo họ : “Giả như Thiên Chúa là Cha các ông, hẳn các ông phải yêu mến tôi, vì tôi phát xuất từ Thiên Chúa và bởi Thiên Chúa mà đến. Thật thế, tôi không tự mình mà đến, nhưng chính Người đã sai tôi.⁴³ Tại sao các ông không hiểu lối nói của tôi ? Là vì các ông không thể nghe lời tôi nói.⁴⁴ Cha các ông là ma quỷ, và các ông muốn làm những gì cha các ông ham thích. Ngay từ đầu, nó đã là tên sát nhân. Nó đã không đứng về phía sự thật, vì sự

thật không ở trong nó. Khi nó nói dối là nó nói theo bản tính của nó, bởi vì nó là kẻ nói dối, và là cha sự gian dối.⁴⁵ Còn tôi, chính vì tôi nói sự thật, nên các ông không tin tôi.⁴⁶ Ai trong các ông chứng minh được là tôi có tội ? Nếu tôi nói sự thật, sao các ông lại không tin tôi ?⁴⁷ Ai thuộc về Thiên Chúa, thì nghe lời Thiên Chúa nói ; còn các ông, các ông không chịu nghe, vì các ông không thuộc về Thiên Chúa.”

⁴⁸ Người Do-thái đáp : “Chúng tôi bảo ông là người Sa-ma-ri và là người bị quỷ ám thì chẳng đúng

Chúa Giê-su trước mặt họ tự nhận mình là chứng nhân của sự thật, và chỉ cần có Chúa hiện diện là họ thấy phải tự xét mình. Sự thật mà Chúa Giê-su nói đến không phải là một học thuyết để môn đệ Người đem áp đặt cho thiên hạ bằng vũ lực. Nó chẳng cần đến những tay tuyên truyền thuộc lâu lâu những chứng cứ và lời dẫn Kinh Thánh, nhưng là cần những chứng nhân nói lên kinh nghiệm của mình. Chúa Giê-su nói : *Sự thật sẽ làm cho các ông được tự do*, và : *Người Con sẽ làm cho các ông được tự do* (cc. 32 và 36). Vậy sự thật “của chúng ta” là sống ơn gọi của mình, là ơn gọi làm con Thiên Chúa.

Người tín hữu nào biết mình được Thiên Chúa yêu thương và cố gắng sống cho trung thực thì đã ở trong sự thật rồi, cho dù họ còn giữ một vài thành kiến phổ biến trong môi trường họ sống, cho dù trong lối sống của họ, họ còn bị nhiều dối trá và ảo tưởng đẩy đưa mà không ý thức.

Chúa Giê-su cũng nói đến *tự do*. Sự thật và tự do đi đôi với nhau. Nhiều cá nhân cũng như dân tộc đã không hề quản ngại một cố gắng nào để bẻ gãy xiềng xích. Nhưng vừa được giải phóng là họ nhanh chóng rơi vào những hình thức phục tùng khác, bởi vì cội rễ của sự nô lệ nằm ở trong con người chúng ta.

lắm sao ?”⁴⁹ Đức Giê-su trả lời : “Tôi không bị quỷ ám. Nhưng tôi tôn kính Cha tôi ; còn các ông, các ông lại làm nhục tôi.⁵⁰ Phần tôi, tôi không tìm vinh quang cho mình. Có Đấng tìm cho tôi và xét xử cho tôi.⁵¹ Thật, tôi bảo thật các ông : ai tuân giữ lời tôi, thì sẽ không bao giờ phải chết.”

⁵² Người Do-thái liền nói : “Bây giờ, chúng tôi biết chắc là ông bị quỷ ám. Ông Áp-ra-ham đã chết, các ngôn sứ cũng vậy ; thế mà ông lại nói : ‘Ai tuân giữ lời tôi, thì sẽ không bao giờ phải chết.’

⁵³ Chẳng lẽ ông lại cao trọng hơn cha chúng tôi là ông Áp-ra-ham sao ? Người đã chết, các ngôn sứ cũng đã chết. Ông tự coi mình là ai ?”⁵⁴ Đức Giê-su đáp : “Nếu tôi tôn vinh chính mình, vinh quang của tôi chẳng là gì cả. Đấng tôn vinh tôi chính là Cha tôi, Đấng mà các ông gọi là Thiên Chúa của các ông.⁵⁵ Các ông không biết Người ; còn tôi, tôi biết Người. Nếu tôi nói là tôi không biết Người, thì tôi cũng là kẻ nói dối như các ông. Nhưng tôi biết Người và giữ lời Người.⁵⁶ Ông Áp-ra-ham là cha các ông đã hơn hở vui mừng vì hy

Khi làm điều ác, chúng ta là đồng phạm của quỷ dữ và vô hình trung sa vào lưới của nó. Để rồi sau đó khó mà cưỡng lại các ảo tưởng và ảnh hưởng độc hại mà nhờ đó nó chế ngự thế gian, vì nó chính là *cha của sự gian dối* (c.44).

Bao lâu chúng ta cứ sống bươn bả không nghĩ đến thân phận đích thực của mình, chúng ta chỉ là những nô lệ, cho dù chúng ta nổi trội vì rất giàu có, học hành uyên bác hay có chức quyền. Chúng ta làm tăng số hàng ngũ của cái *hạ giới* (c.23) luôn luôn bấp bênh tạm bợ. Các thế hệ *nô lệ* nối tiếp nhau rồi qua đi như những đợt sóng biển : *kẻ nô lệ thì không ở lại trong nhà mãi mãi* (c.35). Chúa Ki-tô thì ngược lại, Người cho chúng ta được bước vào, ngay từ bây giờ, trong một thế giới khác, trong *thượng giới*, nơi tất cả *ở lại mãi mãi* (c.35). Kể từ khi chúng ta trở thành con cái Thiên Chúa, mọi việc chúng ta làm đều sinh hoa trái cho cõi vĩnh hằng.

Trước khi có ông Áp-ra-ham, thì tôi, Tôi Hằng Hữu (c.58). Đây là lần thứ bảy cụm từ “Tôi Hằng Hữu” xuất hiện trong chương này, và lần này phải được hiểu theo nghĩa mạnh chỉ xứng hợp với Thiên Chúa, y như khi Người tỏ mình ra cho ông Mô-sê vậy. Tuy nhiên, cũng không sai nghĩa nếu dịch lời tuyên bố này là “Trước khi có ông Áp-ra-ham, thì đã có tôi.”

vọng được thấy ngày của tôi. Ông đã thấy và đã mừng rồi.”

⁵⁷ Người Do-thái nói : “Ông chưa được năm mươi tuổi mà đã thấy ông Áp-ra-ham !” ⁵⁸ Đức Giê-su đáp : “Thật, tôi bảo thật các ông : trước khi có ông Áp-ra-ham, thì tôi, Tôi Hằng Hữu !”

⁵⁹ Họ liền lượm đá để ném Người. Nhưng Đức Giê-su lánh đi và ra khỏi Đền Thờ.

Đức Giê-su chữa một người mù từ thuở mới sinh

9 * ¹ Đi ngang qua, Đức Giê-su nhìn thấy một người mù từ thuở mới sinh. ² Các môn đệ hỏi Người : “Thưa Thầy, ai đã

phạm tội khiến người này sinh ra đã bị mù, anh ta hay cha mẹ anh ta ?”

³ Đức Giê-su trả lời : “Không phải anh ta, cũng chẳng phải cha mẹ anh ta đã phạm tội. Nhưng sở dĩ như thế là để thiên hạ nhìn thấy công trình của Thiên Chúa được tỏ hiện nơi anh. ⁴ Chúng ta phải thực hiện công trình của Đấng đã sai Thầy, khi trời còn sáng ; đêm đến, không ai có thể làm việc được. ⁵ Bao lâu Thầy còn ở thế gian, Thầy là ánh sáng thế gian.”

⁶ Nói xong, Đức Giê-su nhỏ nước miếng xuống đất, trộn thành bùn và xúc vào mắt người mù, ⁷ rồi bảo anh ta : “Anh hãy đến hồ Si-lô-ác mà rửa” (Si-lô-ác

*** 9,1. TIN, NGHĨA LÀ THẤY**

Chúa Giê-su là ánh sáng : người mù ở đây nhìn thấy ánh sáng ban ngày. Chúa Giê-su là ánh sáng, nhưng loài người phân ra nhiều loại trong cách ứng xử với Người. Một số người mở lòng đón nhận ánh sáng, người khác vẫn mù quáng và từ chối không chịu tin vào vị sứ giả này của Thiên Chúa.

Chúng ta có thể thấy trong chương này những phản ứng khác nhau trước phép lạ : người mù thì hiểu ngay sự kiện anh ta được chữa lành có ý nghĩa gì, cha mẹ anh thì tỏ ra sợ sệt và có thái độ xu thời, còn những người Pha-ri-sêu đã mục kích cảnh tượng thì chỉ biết xét đoán và không nhận ra rằng họ tự kết án chính mình.

Tin Mừng mở ra cho chúng ta một cách khác để giải thích phép lạ này : người bắt đầu nhìn thấy là người tin (x. đặc biệt cc. 4 và 39-41).

Thưa Thầy, ai đã phạm tội, người này hay cha mẹ anh ? (c.2). Nhưng Chúa Giê-su không chịu xem mọi nỗi bất hạnh như là hình phạt của Thiên Chúa.

có nghĩa là : *người được sai phái*). Vậy anh ta đến rửa ở hồ, và khi về thì nhìn thấy được.

⁸ Các người láng giềng và những kẻ trước kia thường thấy anh ta ăn xin mới nói : “Hắn không phải là người vắn ngồi ăn xin đó sao ?” ⁹ Có người nói : “Chính hắn đó !” Kẻ khác lại rằng : “Không phải đâu ! Nhưng là một đứa nào giống hắn đó thôi !” Còn anh ta thì quả quyết : “Chính tôi đây !” ¹⁰ Người ta liền hỏi anh : “Vậy, làm sao mắt anh lại mở ra được như thế ?” ¹¹ Anh ta trả lời : “Người tên là Giê-su đã trộn một chút bùn, xúc vào mắt tôi, rồi bảo : ‘Anh hãy đến hồ Si-lô-ác mà rửa.’ Tôi đã đi, đã rửa và tôi nhìn thấy.” ¹² Họ lại hỏi anh : “Ông ấy ở đâu ?”

Anh ta đáp : “Tôi không biết.”

¹³ Họ dẫn kẻ trước đây bị mù đến với những người Pha-ri-sêu. ¹⁴ Nhưng ngày Đức Giê-su trộn chút bùn và làm cho mắt anh ta mở ra lại là ngày sa-bát. ¹⁵ Vậy, các người Pha-ri-sêu hỏi thêm một lần nữa làm sao anh nhìn thấy được. Anh trả lời : “Ông ấy lấy bùn thoa vào mắt tôi, tôi rửa và tôi nhìn thấy.” ¹⁶ Trong nhóm Pha-ri-sêu, người thì nói : “Ông ta không thể là người của Thiên Chúa được, vì không giữ ngày sa-bát” ; kẻ thì bảo : “Một người tội lỗi sao có thể làm được những dấu lạ như vậy ?” Thế là họ đâm ra chia rẽ. ¹⁷ Họ lại hỏi người mù : “Còn anh, anh nghĩ gì về người đã mở mắt cho anh ?” Anh

Chúa chữa lành người mù vào ngày sa-bát. Các người chứng kiến phép lạ tự hỏi Thiên Chúa sẽ đứng về phía Lê Luật ngăn cấm làm việc trong ngày đó, hay về phía người đã thực hiện việc nghĩa ấy. Người Pha-ri-sêu bảo vệ Lê Luật : điều này không có gì lạ, bởi vì họ cảm thấy gần gũi với sách vở văn tự, còn những lầm than của con người thì họ chỉ nhìn thấy từ xa.

Các ông không biết ông ấy bởi đâu mà đến (c.30). Có ai là người sống trong một thế giới mở cửa ra cho Thiên Chúa ? Không lạ gì người mù bị nhóm Pha-ri-sêu đuổi đi, bởi vì niềm tin vào Chúa Ki-tô tất nhiên sẽ tách biệt những người tin với những ai không đón nhận đường lối hành động của Thiên Chúa.

Người mù *thấy được* : anh cũng khám phá ra Đức Ki-tô và bắt đầu tin.

đáp : “Người là một vị ngôn sứ !”

¹⁸ Người Do-thái không tin là trước đây anh bị mù mà nay nhìn thấy được, nên đã gọi cha mẹ anh ta đến. ¹⁹ Họ hỏi : “Anh này có phải là con ông bà không ? Ông bà nói là anh bị mù từ khi mới sinh, vậy sao bây giờ anh lại nhìn thấy được ?” ²⁰ Cha mẹ anh đáp : “Chúng tôi biết nó là con chúng tôi, nó bị mù từ khi mới sinh. ²¹ Còn bây giờ làm sao nó thấy được, chúng tôi không biết, hoặc có ai đã mở mắt cho nó, chúng tôi cũng chẳng hay. Xin các ông cứ hỏi nó ; nó đã khôn lớn rồi, nó có thể tự khai được.” ²² Cha mẹ anh nói thế vì sợ người Do-

thái. Thật vậy, người Do-thái đã đồng lòng trục xuất khỏi hội đường kẻ nào dám tuyên xưng Đức Giê-su là Đấng Ki-tô. ²³ Vì thế, cha mẹ anh mới nói : “Nó đã khôn lớn rồi, xin các ông cứ hỏi nó.”

²⁴ Một lần nữa, họ gọi người trước đây bị mù đến vai bảo : “Anh hãy tôn vinh Thiên Chúa. Chúng ta đây, chúng ta biết ông ấy là người tội lỗi.” ²⁵ Anh ta đáp : “Ông ấy có phải là người tội lỗi hay không, tôi không biết. Tôi chỉ biết một điều : trước đây tôi bị mù mà nay tôi nhìn thấy được !” ²⁶ Họ mới nói với anh : “Ông ấy đã làm gì cho anh ? Ông ấy đã mở mắt cho anh thế nào ?” ²⁷ Anh trả lời : “Tôi đã nói

Nhiều người nghĩ rằng đức tin là một ảo tưởng, là một tấm màn phủ lên trên thực tế, và cái thiết thực thì nằm trong giới hạn lãnh vực vật chất, những gì có thể sờ, thấy, đếm, đong. Chân lý lại khác hẳn : người có đức tin cũng thấy những cái người khác thấy và biết ; nhưng ngoài ra, họ còn nắm bắt được một cái gì đó mà kẻ không có đức tin không nhận ra được. Cần có một giác quan đặc biệt mới thấy được xa hơn thế giới vật chất này.

Không được lẫn lộn đức tin Ki-tô giáo với tín ngưỡng về một vị Thiên Chúa vĩ đại hơn chúng ta. Đức tin là khả năng nhận biết, dưới ánh sáng Chúa Ki-tô, cái gì là chân thật, trong các mục tiêu được nhắm tới cũng như các phương tiện được vận dụng. Vì thế chúng ta không nên nghĩ rằng tin hay không tin là vấn đề không quan trọng mấy trong các cuộc đấu tranh trên đời. Ngay khi nhằm một mục tiêu cụ thể, người tin và người không tin cùng có một chọn lựa như nhau, họ cũng sẽ không gặp nhau ở điểm trọng yếu nhất đâu.

với các ông rồi mà các ông vẫn không chịu nghe. Tại sao các ông còn muốn nghe lại chuyện đó nữa ? Hay các ông cũng muốn làm môn đệ ông ấy chăng ?”

²⁸ Họ liền mắng nhiếc anh : “Có mà y mới là môn đệ của ông ấy ; còn chúng ta, chúng ta là môn đệ của ông Mô-sê. ²⁹ Chúng ta biết rằng Thiên Chúa đã nói với ông Mô-sê ; nhưng chúng ta không biết ông Giê-su ấy bởi đâu mà đến.”

³⁰ Anh đáp : “Kể cũng lạ thật ! Các ông không biết ông ấy bởi đâu mà đến, thế mà ông ấy lại là người đã mở mắt tôi ! ³¹ Chúng ta biết : Thiên Chúa không nhậm lời những kẻ tội lỗi ; còn ai kính sợ Thiên Chúa và làm theo ý của Người, thì Người nhậm lời kẻ ấy. ³² Xưa nay chưa hề nghe nói có ai đã mở mắt cho người mù từ lúc mới sinh. ³³ Nếu không phải là người bởi Thiên Chúa mà đến, thì ông ta đã chẳng làm được gì.”

³⁴ Họ đối lại : “Mày sinh ra tội lỗi ngay từ đầu, thế mà

mày lại muốn làm thầy chúng ta ư ?” Rồi họ trực xuất anh.

³⁵ Đức Giê-su nghe nói họ đã trực xuất anh. Khi gặp lại anh, Người hỏi : “Anh có tin vào Con Người không ?” ³⁶ Anh đáp : “Thưa Ngài, Đấng ấy là ai để tôi tin ?” ³⁷ Đức Giê-su trả lời : “Anh đã thấy Người. Chính Người đang nói với anh đây.” ³⁸ Anh nói : “Thưa Ngài, tôi tin.” Rồi anh sắp mình xuống trước mặt Người.

³⁹ Đức Giê-su nói : “Tôi đến thế gian này chính là để xét xử : cho người không xem thấy được thấy, và kẻ xem thấy lại nên đui mù !”

⁴⁰ Những người Pha-ri-sêu đang ở đó với Đức Giê-su nghe vậy, liền lên tiếng : “Thế ra cả chúng tôi cũng đui mù hay sao ?” ⁴¹ Đức Giê-su bảo họ : “Nếu các ông đui mù, thì các ông đã chẳng có tội. Nhưng giờ đây các ông nói rằng : ‘Chúng tôi thấy’, nên tội các ông vẫn còn !”

Chúa Ki-tô đến, tất phải có một sự phân loại (9,39), nghĩa là ai nấy phải tỏ lập trường của mình đối với Người. Chúa Giê-su xét xử con người, hay đúng hơn chúng ta tự xét xử chính mình, tùy theo ta đón nhận hay từ chối Người.

Vị Mục Tử nhân lành

10 * ¹ “Thật, tôi bảo thật các ông : Ai không đi qua cửa mà vào ràn chiên, nhưng trèo qua lối khác mà vào, người ấy là kẻ trộm, kẻ cướp. ² Còn ai đi qua cửa mà vào, người ấy là mục tử. ³ Người giữ cửa mở cho anh ta vào, và chiên nghe tiếng của anh ; anh gọi tên từng con, rồi dẫn chúng ra. ⁴ Khi đã cho chiên ra hết, anh ta đi trước và chiên đi theo sau, vì chúng nhận biết tiếng của anh. ⁵ Chúng sẽ không theo người lạ, nhưng sẽ chạy trốn, vì chúng không nhận biết tiếng người lạ.” ⁶ Đức Giê-su kể cho họ nghe dụ ngôn đó. Nhưng họ không hiểu những điều Người nói với họ.

⁷ Vậy, Đức Giê-su lại nói : “Thật, tôi bảo thật các ông : Tôi là cửa cho chiên ra vào. ⁸ Mọi kẻ đến trước tôi đều là trộm cướp ; nhưng chiên đã không nghe họ. ⁹ Tôi là cửa. Ai qua tôi mà vào thì sẽ được cứu. Người

ấy sẽ ra vào và gặp được đồng cỏ. ¹⁰ Kẻ trộm chỉ đến để ăn trộm, giết hại và phá huỷ. Phần tôi, tôi đến để cho chiên được sống và sống dồi dào.

¹¹ Tôi chính là Mục Tử nhân lành. Mục Tử nhân lành hy sinh mạng sống mình cho đoàn chiên. ¹² Người làm thuê, vì không phải là mục tử, và vì chiên không thuộc về anh, nên khi thấy sói đến, anh bỏ chiên mà chạy. Sói vồ lấy chiên và làm cho chiên tán loạn, ¹³ vì anh ta là kẻ làm thuê, và không thiết gì đến chiên. ¹⁴ Tôi chính là Mục Tử nhân lành. Tôi biết chiên của tôi, và chiên của tôi biết tôi, ¹⁵ như Chúa Cha biết tôi, và tôi biết Chúa Cha, và tôi hy sinh mạng sống mình cho đoàn chiên.

¹⁶ Tôi còn có những chiên khác không thuộc ràn này. Tôi cũng phải đưa chúng về. Chúng sẽ nghe tiếng tôi. Và sẽ chỉ có một đoàn chiên và một mục tử.

* 10,1 QUÊ HƯƠNG KHÔNG BIÊN GIỚI

Với dụ ngôn này của Chúa Giê-su, chúng ta có thể tưởng tượng ra một ràn chiên lớn, trong đó các bầy chiên thuộc nhiều mục tử nhập lại qua đêm dưới sự canh giữ của một người giữ ràn. Khi trời sáng, mỗi mục tử gọi chiên của mình và dẫn chúng ra ngoài.

¹⁷ Sở dĩ Chúa Cha yêu mến tôi, là vì tôi hy sinh mạng sống mình để rồi lấy lại.
¹⁸ Mạng sống của tôi, không ai lấy đi được, nhưng chính tôi tự ý hy sinh mạng sống mình. Tôi có quyền hy sinh và có quyền lấy lại mạng sống ấy. Đó là mệnh lệnh của Cha tôi mà tôi đã nhận được.”

¹⁹ Người Do-thái lại chia rẽ nhau vì những lời đó.
²⁰ Nhiều người trong nhóm họ nói : “Ông ấy bị quỷ ám và điên khùng rồi ! Nghe ông ấy làm gì ?”
²¹ Kẻ khác bảo : “Người bị quỷ ám đâu có nói được như vậy ! Quỷ có thể mở mắt cho người mù được sao ?”

5. LỄ CUNG HIẾN ĐỀN THỜ

Đức Giê-su xưng mình là Con Thiên Chúa

²² Khi ấy, ở Giê-ru-sa-lem, người ta đang mừng lễ Cung Hiến Đền Thờ. Bấy giờ là mùa đông.
²³ Đức Giê-su đi đi lại lại

trong Đền Thờ, tại hành lang Sa-lô-môn. ²⁴ Người Do-thái vây quanh Đức Giê-su và nói : “Ông còn để lòng trí chúng tôi phải thắc mắc cho đến bao giờ ? Nếu ông là Đấng Ki-tô, thì xin nói công khai cho

Kinh Thánh đã từng tiên báo sẽ có ngày Thiên Chúa, Vị Mục Tử đích thực, đến để thu thập các con chiên tứ tán của dân Người, để đưa chúng về sống an toàn trên quê hương của chúng. Chúa Giê-su là người Mục Tử, và Người đến để thực hiện điều đã được tiên báo, nhưng Người sẽ không làm điều ấy như người ta vẫn tưởng. Người Do-thái nghĩ rằng người Mục Tử sẽ cho họ phục hồi sự thịnh vượng trước đây của họ : họ sẽ là một nước có đặc quyền giữa các nước khác.

Ở đây, Chúa Giê-su nói rõ rằng dân của Người không đồng hoá với dân Do-thái. Chỉ những ai tin mới là dân thuộc về Người. Trong dân Do-thái, Người sẽ chọn những *chiên thuộc về Người*, và Người cũng sẽ chọn cả *những chiên không thuộc ràn này* (c.16), nghĩa là từ những dân tộc không phải là dân Do-thái. Bấy giờ Người sẽ đi trước, dẫn đầu đàn chiên. Người sẽ không giam nó trong một ràn, không đặt cho nó một vị trí cố định trong bất cứ một xã hội hay dân tộc nào trên thế gian này, mà sẽ dẫn nó đến nơi mà chỉ có Người biết là nơi nào. *Đàn chiên* duy nhất (c.16), là Hội Thánh duy nhất, lữ hành trong suốt chiều dài lịch sử mà không đồng hoá mình với bất cứ quốc gia hay nền văn minh nào, không tự giam mình trong những cơ cấu của mình.

chúng tôi biết.”²⁵ Đức Giê-su đáp : “Tôi đã nói với các ông rồi mà các ông không tin. Những việc tôi làm nhân danh Cha tôi, những việc đó làm chứng cho tôi.²⁶ Nhưng các ông không tin, vì các ông không thuộc về đoàn chiên của tôi.²⁷ Chiên của tôi thì nghe tiếng tôi ; tôi biết chúng và chúng theo tôi.²⁸ Tôi ban cho chúng sự sống đời đời ; không bao giờ chúng phải diệt vong và không ai cướp được chúng khỏi tay tôi.²⁹ Cha tôi, Đấng đã ban chúng cho tôi, thì lớn hơn tất cả, và không ai cướp được

chúng khỏi tay Chúa Cha.³⁰ Tôi và Chúa Cha là một.”

³¹ Người Do-thái lại lấy đá để ném Đức Giê-su.

³² Người bảo họ : “Tôi đã cho các ông thấy nhiều việc tốt đẹp Chúa Cha đã giao cho tôi làm ; vì việc nào mà các ông ném đá tôi ?”³³ Người Do-thái đáp : “Chúng tôi ném đá ông, không phải vì một việc tốt đẹp, nhưng vì một lời nói phạm thượng : ông là người phạm mà lại tự cho mình là Thiên Chúa.”

³⁴ Đức Giê-su bảo họ : “Trong Lề Luật các ông, đã chẳng có chép lời này

Các mục tử của dân Do-thái nghĩ rằng họ có thể bảo toàn tình đoàn kết bằng cách trau dồi niềm tự hào dân tộc, nương tựa vào các tầng lớp có học thức hơn. Chúa Giê-su thì trái lại, Chúa thống nhất dân Người chỉ duy bằng sức lôi cuốn của con người mình. Tất cả những ai *nghe tiếng Người* và tin lời Người đều thuộc về Người.

Lịch sử cho thấy người ta sẵn sàng tự tập xung quanh những vị nhân, là những nhà lãnh đạo hay những vị thánh. Mà khi một dân tộc không có biên giới, không vũ khí, ngôn ngữ hay luật lệ để tự vệ trước những tấn công từ bên ngoài hay những chia rẽ bên trong, thì sự hiện diện của người mục tử hay người lãnh đạo còn cấp thiết hơn nữa. Niềm tin vào Chúa Ki-tô kết hợp chúng ta còn bền chặt hơn là những nỗ lực để giữ nguyên các truyền thống của quá khứ hay tình liên đới giữa những người đồng đạo. Dân Chúa không phải là một khối đại chúng, mà là những con người đã cùng với Chúa Ki-tô bắt đầu một cuộc mạo hiểm trong niềm tin tưởng và mến thương nhau : *Tôi biết chiên tôi và chúng sẽ nghe tiếng tôi* (cc. 14 và 16).

Khi nói về người Mục Tử, Kinh Thánh thường chỉ về chính Thiên Chúa, vị Vua duy nhất của Ít-ra-en, nhưng đôi khi cũng chỉ về vị Vua Mê-si-a được Thiên Chúa sai đến. Chúa Giê-su chỉ nói đến một Mục Tử duy nhất : khác biệt với Chúa Cha, nhưng Người và *Chúa Cha là một* (c.30).

sao : ‘Ta đã phán : các người là những bậc thần thánh’ ? ³⁵ Nếu Lễ Luật gọi những kẻ được Thiên Chúa ngỏ lời là những bậc thần thánh, mà lời Kinh Thánh không thể bị huỷ bỏ, ³⁶ thì tôi là người Chúa Cha đã thánh hiến và sai đến thế gian, làm sao các ông lại bảo tôi : ‘Ông nói phạm thượng !’ vì tôi đã nói : ‘Tôi là Con Thiên Chúa’ ? ³⁷ Nếu tôi không làm các việc của Cha tôi, thì các ông đừng tin tôi. ³⁸ Còn nếu tôi làm các việc đó, thì dù các ông không tin tôi, ít ra cũng hãy tin các việc đó. Như vậy, các ông sẽ biết và ngày càng biết thêm rằng : Chúa Cha ở trong tôi và tôi ở trong Chúa Cha.” ³⁹ Bấy giờ họ lại tìm cách bắt Người,

nhưng Người đã thoát khỏi tay họ.

Đức Giê-su rút lui sang bên kia sông Gio-đan

⁴⁰ Đức Giê-su lại ra đi, sang bên kia sông Gio-đan, đến chỗ trước kia ông Gio-an đã làm phép rửa, và Người ở lại đó. ⁴¹ Nhiều người đến gặp Đức Giê-su. Họ bảo nhau : “Ông Gio-an đã không làm một dấu lạ nào cả, nhưng mọi điều ông ấy nói về người này đều đúng.” ⁴² Ở đó, nhiều người đã tin vào Đức Giê-su.

Anh La-da-rô sống lại

11 * ¹ Có một người bị đau nặng, tên là La-da-rô, quê ở Bê-ta-ni-a, làng của hai chị em cô Mác-ta và Ma-ri-a. ² Cô

Các người là những bậc thần thánh (c.34). Trong Kinh Thánh, các thiên sứ đôi khi được gọi là con Thiên Chúa, và Chúa Giê-su nhận xét là các nhà lãnh đạo cũng có thể được Kinh Thánh gọi là thần thánh nữa. Do đó, cho tới lúc này, Chúa Giê-su không muốn người ta tung hô mình là Con Thiên Chúa, vì tước hiệu này có thể hiểu theo nghĩa bóng. Nhưng bây giờ thì Chúa tự xưng mình cách đồng dạng nhất khi nói : *Chúa Cha ở trong tôi và tôi ở trong Chúa Cha* (c.38). Tuy nhiên, khi nhấn mạnh quyền năng thần tính của mình (cc. 15.18.29.38), Người vẫn đồng thời cho hiểu rõ Người hoàn toàn lệ thuộc vào Chúa Cha. Chúng ta nhận ra người Con Thiên Chúa là ở điểm ấy.

* **11,1** Đây là phép lạ thứ bảy và cuối cùng của Chúa Giê-su được Ga thuật lại. Những lời mở đầu được viết để giới thiệu *người bệnh*. Anh La-da-rô tiêu biểu người bị tội lỗi gây thương tổn và đang đi đến cái chết, trừ phi Chúa Ki-tô cho anh được cải tử hoàn sinh.

Ma-ri-a là người sau này sẽ xúc dầu thơm cho Chúa, và lấy tóc lau chân Người. Anh La-da-rô, người bị đau nặng, là em của cô. ³ Hai cô cho người đến nói với Đức Giê-su : “Thưa Thầy, người Thầy thương mến đang bị đau nặng.” ⁴ Nghe vậy, Đức Giê-su bảo : “Bệnh này không đến nỗi chết đâu, nhưng là dịp để bày tỏ vinh quang của Thiên Chúa : qua cơn bệnh này, Con Thiên Chúa được tôn vinh.”

⁵ Đức Giê-su quý mến cô Mác-ta, cùng hai người em là cô Ma-ri-a và anh La-da-rô.

⁶ Tuy nhiên, sau khi được tin anh La-da-rô lâm bệnh, Người còn lưu lại thêm hai ngày tại nơi

đang ở. ⁷ Rồi sau đó, Người nói với các môn đệ : “Nào chúng ta cùng trở lại miền Giu-đê !” ⁸ Các môn đệ nói : “Thưa Thầy, mới đây người Do-thái tìm cách ném đá Thầy, mà Thầy lại còn đến đó sao ?” ⁹ Đức Giê-su trả lời : “Ban ngày chẳng có mười hai giờ đó sao ? Ai đi ban ngày thì không vấp ngã, vì thấy ánh sáng mặt trời. ¹⁰ Còn ai đi ban đêm, thì vấp ngã vì không có ánh sáng nơi mình !”

¹¹ Nói những lời này xong, Người bảo họ : “La-da-rô, bạn của chúng ta, đang yên giấc ; tuy vậy, Thầy đi đánh thức anh ấy dậy.” ¹² Các môn đệ nói với Người : “Thưa Thầy, nếu anh ấy yên giấc được,

Anh La-da-rô đã sống trở lại ! Chúng ta đừng ganh tị thấy anh được may mắn sống thêm vài năm nữa, để rồi kém may mắn chết lại lần thứ hai. Phép lạ này chỉ có vai trò báo trước sự phục sinh đích thực : đây không phải là chuyện tăng thêm tuổi thọ mà là cuộc biến đổi toàn diện con người chúng ta. Phục sinh là sự kiện mang tính chất tâm linh, mặc dù nó tác động trên toàn thể con người chúng ta. Nó khởi đầu ngay khi đức tin làm cho chúng ta rời khỏi nếp sống của mình để mở lòng đón nhận sự sống của Thiên Chúa.

Giống như cô Mác-ta (c.24), người Do-thái tin kẻ chết sẽ sống lại vào ngày sau hết. Nhưng họ nghĩ sẽ có một sức mạnh thần linh nào đó đến lay chuyển cả vũ trụ và mở tung mồ mã để người chết có thể ra khỏi mồ. Sự thật thì ơn phục sinh khởi phát từ người Con Thiên Chúa, Đấng có tất cả quyền năng thiết yếu để làm cho kẻ chết sống lại và biến đổi tạo thành. Ai phục tùng Chúa Ki-tô thì *đã từ cõi chết bước vào cõi sống* (5,24), và do đó *muôn đời sẽ không phải chết* (11,26).

anh ấy sẽ khoẻ lại.”¹³ Đức Giê-su nói về cái chết của anh La-da-rô, còn họ tưởng Người nói về giấc ngủ thường.¹⁴ Bấy giờ Người mới nói rõ : “La-da-rô đã chết.¹⁵ Thầy mừng cho anh em, vì Thầy đã không có mặt ở đó, để anh em tin. Thôi, nào chúng ta đến với anh ấy.”¹⁶ Ông Tô-ma, gọi là Đi-đy-mô, nói với các bạn đồng môn : “Cả chúng ta nữa, chúng ta cũng đi để cùng chết với Thầy !”

¹⁷ Khi đến nơi, Đức Giê-su thấy anh La-da-rô đã chôn trong mồ được bốn ngày rồi.¹⁸ Bê-ta-ni-a cách Giê-ru-sa-lem không đầy ba cây số.¹⁹ Nhiều người Do-thái đến chia

buồn với hai cô Mác-ta và Ma-ri-a, vì em các cô mới qua đời.²⁰ Vừa được tin Đức Giê-su đến, cô Mác-ta liền ra đón Người. Còn cô Ma-ri-a thì ngồi ở nhà.²¹ Cô Mác-ta nói với Đức Giê-su : “Thưa Thầy, nếu có Thầy ở đây, em con đã không chết.²² Nhưng bây giờ con biết : Bất cứ điều gì Thầy xin cùng Thiên Chúa, Người cũng sẽ ban cho Thầy.”²³ Đức Giê-su nói : “Em chị sẽ sống lại !”²⁴ Cô Mác-ta thưa : “Con biết em con sẽ sống lại, khi kẻ chết sống lại trong ngày sau hết.”

²⁵ Đức Giê-su liền phán : “Chính Thầy là sự sống lại và là sự sống. Ai tin vào Thầy, thì dù đã chết, cũng sẽ được sống.²⁶ Ai sống và

Chính vì vậy mà Ga dùng một cách xưng hô trang trọng : trong khi các người có mặt ở đây thường gọi Chúa là “Thầy”, thì bảy lần bản văn Ga cho họ gọi Chúa là “Ngài”. Qua đó tác giả dạy chúng ta rằng phép lạ anh La-da-rô sống lại này là một hình ảnh nói lên cuộc sống lại vinh quang của Chúa.

Người Do-thái tìm cách ném đá Chúa Giê-su (c. 8), nhưng về mặt luật pháp, họ khó lòng bắt giam Người. Họ chỉ có thể làm điều ấy tại Giê-su-sa-lem, nơi cộng đồng tôn giáo và tổ chức chính trị của họ có thế lực. Bao lâu Chúa Giê-su còn ở bên kia sông Gio-đan thì Người vẫn an toàn. Nhưng biến cố anh La-da-rô sống lại đầy nhanh giờ chết và sống lại của Người.

Ban ngày chẳng có mười hai giờ sao ? (c.9). Chúa Giê-su sẽ sống trọn vẹn mười hai giờ đời của Người, hoặc sứ mạng của Người, mà không sợ nguy hiểm. Cũng như Chúa Giê-su, những ai đi *ban ngày*, nghĩa là đi theo kế hoạch của Thiên Chúa, sẽ không vấp ngã ; đối với họ, Chúa Ki-tô sẽ là *ánh sáng cho trần gian* (8,12).

tin vào Thầy, sẽ không bao giờ phải chết. Chị có tin thế không ?”²⁷ Cô Mác-ta đáp : “Thưa Thầy, có. Con vẫn tin Thầy là Đức Ki-tô, Con Thiên Chúa, Đấng phải đến thế gian.”

²⁸ Nói xong, cô đi gọi em là Ma-ri-a, và nói nhỏ : “Thầy đến rồi, Thầy gọi em đây !”²⁹ Nghe vậy, cô Ma-ri-a vội đứng lên và đến với Đức Giê-su.³⁰ Lúc đó, Người chưa vào làng, nhưng vẫn còn ở chỗ cô Mác-ta đã ra đón Người.³¹ Những người Do-thái đang ở trong nhà với cô Ma-ri-a để chia buồn, thấy cô vội vã đứng dậy đi ra,

liền đi theo, tưởng rằng cô ra mộ khóc em.

³² Khi đến gần Đức Giê-su, cô Ma-ri-a vừa thấy Người, liền phủ phục dưới chân và nói : “Thưa Thầy, nếu có Thầy ở đây, em con đã không chết.”³³ Thấy cô khóc, và những người Do-thái đi với cô cũng khóc, Đức Giê-su thỏn thức trong lòng và xao xuyến.

³⁴ Người hỏi : “Các người để xác anh ấy ở đâu ?” Họ trả lời : “Thưa Thầy, mời Thầy đến mà xem.”³⁵ Đức Giê-su liền khóc.³⁶ Người Do-thái mới nói : “Kìa xem ! Ông ta thương anh La-da-rô biết mấy !”³⁷ Có vài người trong nhóm họ nói :

Con vẫn tin Ngài là Đức Ki-tô (c.27). Lời tuyên xưng đức tin của cô Mác-ta thật phi thường ! Nó giống như lời tuyên xưng đức tin của ông Phê-rô (Mt 16,16) ; và không bao lâu nữa, chính cô Ma-ri-a sẽ báo tin vui Chúa sống lại cho chính các Tông Đồ. Tin Mừng không trọng nam khinh nữ chút nào, cũng không tôn vinh phẩm trật các giáo sĩ.

Lạy Cha, con cảm tạ Cha (c.41). Lời cảm tạ này, chúng ta chỉ đọc thấy trong Ga, cùng với lời cầu nguyện dài ở ch.17, là một lời cầu tụy có vẻ xin ơn nhưng thật ra là lời ca ngợi Chúa Cha. Chúng ta đọc được một lời nguyện tương tự khác trong Lc 10,21. Có lẽ đối với chúng ta, những lời cảm tạ được ghi nhận là của Chúa Giê-su đây xem ra quá ít ỏi, bởi vì chúng ta nghĩ lòng biết ơn là thái độ chính yếu của người Ki-tô hữu, nhưng Chúa Giê-su biểu lộ lòng tri ân của Người trong mọi việc Người làm. Trong suốt cuộc đời trần thế của Người, Người đã từ bỏ ý muốn riêng tư của Người, để qua Người, Chúa Cha có thể được tôn vinh (Ga 12,27-28).

Cởi khăn và vải cho anh ấy (c.44). Người Do-thái dùng băng vải quấn xác người chết trước khi đem chôn. Nhưng chữ “cởi” cũng mang một nghĩa khác : đó là từ ngữ mà Giáo Hội sơ khai dùng để chỉ ơn tha tội. Như anh La-da-rô, những ai được lãnh ơn tha tội thì phục hồi sự sống.

“Ông ta đã mở mắt cho người mù, lại không thể làm cho anh ấy khỏi chết ư?”³⁸ Đức Giê-su lại thốt thức trong lòng. Người đi tới mộ. Ngôi mộ đó là một cái hang có phiến đá đậy lại.³⁹ Đức Giê-su nói : “Đem phiến đá này đi.” Cô Mác-ta là chị người chết liền nói : “Thưa Thầy, nặng mùi rồi, vì em con ở trong mồ đã được bốn ngày.”⁴⁰ Đức Giê-su bảo : “Nào Thầy đã chẳng nói với chị rằng nếu chị tin, chị sẽ được thấy vinh quang của Thiên Chúa sao?”⁴¹ Rồi người ta đem phiến đá đi. Đức Giê-su ngược mắt lên và nói : “Lạy Cha, con cảm tạ Cha, vì Cha đã nhậm lời con.⁴² Phần con, con biết Cha hằng nhậm lời con, nhưng vì dân

chúng đứng quanh đây, nên con đã nói để họ tin là Cha đã sai con.”⁴³ Nói xong, Người kêu lớn tiếng : “Anh La-da-rô, hãy ra khỏi mồ !”⁴⁴ Người chết liền ra, chân tay còn quấn vải, và mặt còn phủ khăn. Đức Giê-su bảo : “Cởi khăn và vải cho anh ấy, rồi để anh ấy đi.”

Các thủ lãnh Do-thái quyết định giết Đức Giê-su

*⁴⁵ Trong số những người Do-thái đến thăm cô Ma-ri-a và được chứng kiến việc Đức Giê-su làm, có nhiều kẻ đã tin vào Người.⁴⁶ Nhưng lại có những người đi gặp nhóm Pha-ri-sêu và kể cho họ những gì Đức Giê-su đã làm.⁴⁷ Vậy các thượng tế và các người Pha-ri-sêu

* 11,45 GIÁO HỘI CÔNG GIÁO

Những lời của thượng tế Cai-pha sắp được ứng nghiệm, nhưng không theo nghĩa như trong câu ông nói. Chúa Giê-su sẽ chết để quy tụ con cái Thiên Chúa đang tản mác về một mối (c.52).

Sự phục sinh của Chúa Ki-tô có hiệu quả trên toàn thế giới, là quy tụ loài người vốn đã bị Thiên Chúa bắt phải ly tán ngay từ thuở đầu. Chúa Giê-su cũng đã nói : “Một khi được giương cao lên khỏi mặt đất, tôi sẽ kéo mọi người lên với tôi” (12,32). Nói cách khác, thập giá và phục sinh là nguồn mạch phát sinh sự hợp nhất và tình huynh đệ.

Giáo Hội tập hợp những người tín hữu thuộc mọi chủng tộc và văn hoá : chúng ta gọi Giáo Hội là “công giáo” với nghĩa là đại đồng. Nhưng đây chỉ là khởi đầu và dấu chỉ của thực tại sẽ xuất hiện vào thời cánh chung, khi toàn thể nhân loại sẽ được quy tụ trong Chúa Ki-tô.

triệu tập Thượng Hội Đồng và nói : “Chúng ta phải làm gì đây ? Người này làm nhiều dấu lạ.⁴⁸ Nếu chúng ta cứ để ông ấy tiếp tục, mọi người sẽ tin vào ông ấy, rồi người Rô-ma sẽ đến phá huỷ cả nơi thánh của ta lẫn dân tộc ta.”⁴⁹ Một người trong Thượng Hội Đồng tên là Cai-pha, làm thượng tế năm ấy, nói rằng : “Các ông không hiểu gì cả,⁵⁰ các ông cũng chẳng nghĩ đến điều lợi cho các ông là : thà một người chết thay cho dân còn hơn là toàn dân bị tiêu diệt.”⁵¹ Điều

đó, ông không tự mình nói ra, nhưng vì ông là thượng tế năm ấy, nên đã nói tiên tri là Đức Giê-su sắp phải chết thay cho dân,⁵² và không chỉ thay cho dân mà thôi, nhưng còn để quy tụ con cái Thiên Chúa đang tản mác khắp nơi về một mối.⁵³ Từ ngày đó, họ quyết định giết Đức Giê-su.⁵⁴ Vậy Đức Giê-su không đi lại công khai giữa người Do-thái nữa ; nhưng từ nơi ấy, Người đến một vùng gần hoang địa, tới một thành gọi là Ép-ra-im. Người ở lại đó với các môn đệ.

6. SỬ VỤ CÔNG KHAI CỦA ĐỨC GIÊ-SU KẾT THÚC

Lễ Vượt Qua gần đến

⁵⁵ Khi ấy sắp đến lễ Vượt Qua của người Do-thái. Từ miền quê, nhiều người lên Giê-ru-sa-lem để cử hành

các nghi thức thanh tẩy dọn mình mừng lễ.⁵⁶ Họ tìm Đức Giê-su và đứng trong Đền Thờ bàn tán với nhau : “Có thể ông ấy sẽ không lên dự lễ, các ông

Ở nhiều quốc gia, đông đảo dân nghèo ở nông thôn và thành thị vẫn còn bị áp bức, làm trở ngại những cuộc gặp gỡ giữa người với người, để bàn luận và hiểu rõ hoàn cảnh của mình. Đây là một dạng bạo lực ngầm ngấm chống lại sự hợp nhất.

Các Ki-tô hữu phải là những người đầu tiên nhận thức rằng chúng ta đang sống trong một thế kỷ khác thường, trong đó, lần đầu tiên, mọi dân tộc cùng có chung một lịch sử và, dù muốn dù không, cũng phải chấp nhận một định mệnh chung. Lẽ ra người Ki-tô hữu phải là những người đầu tiên lấy hoạt động bất bạo động và tinh thần hoà giải mà tạo thuận lợi cho công cuộc tập hợp con cái Thiên Chúa đã bị phân tán. Họ không thể huy động hết sức lực của mình vào những dự án trợ giúp kẻ nghèo.

có nghĩ thế không ?”
⁵⁷ Còn các thượng tế và người Pha-ri-sêu thì ra lệnh : ai biết được ông ấy ở đâu thì phải báo cho họ đến bắt.

Xức dầu thơm tại Bê-ta-ni-a

12^{*} ¹ Sáu ngày trước lễ Vượt Qua, Đức Giê-su đến làng Bê-ta-ni-a, nơi anh La-da-rô ở. Anh này đã được Người cho sống lại từ cõi chết. ² Ở đó, người ta dọn bữa ăn tối thết đãi Đức Giê-su ; cô Mác-ta lo hầu bàn, còn anh La-da-rô là một trong những kẻ cùng dự tiệc với Người. ³ Cô Ma-ri-a lấy một cân dầu thơm cam tùng nguyên chất và quý giá xúc chân Đức Giê-su, rồi lấy tóc mà lau. Cả nhà sực mùi thơm.

⁴ Một trong các môn đệ của Đức Giê-su là Giu-đa Ít-ca-ri-ốt, kẻ sẽ nộp Người, liền nói : ⁵ “Sao lại không bán dầu thơm đó lấy ba trăm quan tiền mà cho người nghèo ?” ⁶ Y nói thế, không phải vì lo cho người nghèo, nhưng vì y là một tên ăn cắp : y giữ túi tiền và thường lấy cho mình những gì người ta bỏ vào quỹ chung. ⁷ Đức Giê-su nói : “Hãy để cô ấy yên. Cô đã giữ dầu thơm này là có ý dành cho ngày mai táng Thầy. ⁸ Thật vậy, người nghèo thì bên cạnh anh em lúc nào cũng có ; còn Thầy, anh em không có mãi đâu.”

⁹ Một đám đông người Do-thái biết Đức Giê-su

* 12,1 Hai tác giả Mát-thêu và Mác-cô cũng nhắc đến câu chuyện cô Ma-ri-a, giữa bữa ăn tối, bày tỏ tình yêu thầm thiết cô dành cho Chúa Giê-su. Cô yêu mến Người hết tình hết nghĩa, và tình yêu này không những không làm cô nên mù quáng, lại còn khiến cô cảm nhận và chiêm ngưỡng nhân cách huyền nhiệm của Người hơn. Không phải tất cả mọi Tông Đồ đã hiểu được cử chỉ của cô, bởi vì các ông hãy còn nhiều điều phải học về cách yêu mến Chúa.

Như Giu-đa, chúng ta thường nói đến việc *cho kẻ nghèo*. Nhưng lệnh truyền của Chúa không phải là cho mà là yêu thương. Yêu thương người nghèo là nói cho họ biết Chúa kêu gọi họ, và giúp họ lớn lên trong tư cách làm người, bằng cách thắng vượt những hèn yếu của bản thân cũng như những chia rẽ, và chu toàn sứ mạng Thiên Chúa giao phó cho họ là làm chứng cho Tin Mừng. Nếu chúng ta không sống giữa họ, chúng ta cần hoán cải và sống nghèo khó thật sự để cùng với họ khám phá Nước Trời. Yêu thương người nghèo thật sự là điều rất khó, và chúng ta có thể làm được điều đó thế nào nếu chúng ta không yêu mến Chúa Giê-su cách nồng nàn ?

đang ở đó. Họ tuân đến, không phải chỉ vì Đức Giê-su, nhưng còn để nhìn thấy anh La-da-rô, kẻ đã được Người cho sống lại từ cõi chết.¹⁰ Các thượng tế mới quyết định giết cả anh La-da-rô nữa,¹¹ vì tại anh mà nhiều người Do-thái đã bỏ họ và tin vào Đức Giê-su.

Đức Giê-su vào Giê-ru-sa-lem với tư cách là Đấng Mê-si-a

¹² Hôm sau, dân chúng lũ lượt tuân đến mừng lễ. Thoạt nghe tin Đức Giê-su tới Giê-ru-sa-lem,¹³ họ cầm nhánh lá thiên tuế ra đón Người và reo hò :

*Hoan hô ! Hoan hô ! Chúc tụng Đấng ngự đến nhân danh Chúa ! Chúc tụng vua Ít-ra-en !*¹⁴ Đức Giê-su gặp một con lừa nhỏ, liền cỡi lên như có lời chép :¹⁵ *Hỡi thiếu nữ Xi-on, đừng sợ ! Nay Đức Vua của ngươi ngự đến, ngồi trên lưng lừa con.*¹⁶ Lúc đầu, các môn đệ không hiểu những điều ấy. Nhưng sau khi Đức Giê-su được tôn vinh, các ông mới nhớ lại là Kinh Thánh đã chép những điều đó về Người, và dân chúng đã làm cho Người đúng y như vậy.

¹⁷ Vậy, đám đông dân chúng làm chứng cho Đức Giê-su, họ là những người

Sáu ngày trước Lễ Vượt Qua. Mc và Mt cho ta cảm tưởng là bữa ăn này đã xảy ra trước lễ Vượt Qua hai ngày chứ không phải sáu (Mt 26,2). Các tác giả Tin Mừng không nhất trí về ngày tháng của lễ Vượt Qua. Trong khi Ga đặt ngày Chúa chết vào ngày áp lễ, nghĩa là ngay trước bữa tiệc Vượt Qua (Ga 19,14), thì ba tác giả kia lại nói rằng bữa Tiệc Ly diễn ra vào ngày người Do-thái ăn mừng lễ Vượt Qua. Theo một truyền thống rất cổ xưa mà nhiều Giáo Hội đông phương vẫn còn giữ lại, thì Chúa Giê-su có lẽ đã cử hành bữa Tiệc Ly vào ngày thứ Ba chứ không phải thứ Năm. Như thế vụ án xử Người đã kéo dài hai ngày thứ Tư và thứ Năm. (Điều này có vẻ hợp với sự thật hơn, vì khó mà hình dung tất cả các phiên họp của hai toà án đạo đời xử Chúa Giê-su diễn ra chỉ trong một buổi sáng thứ Sáu). Dĩ nhiên ngày Chúa chết thì nhằm ngày thứ Sáu như tất cả các văn bản đều xác nhận.

Có thể giải thích các điểm bất đồng trên như sau : lễ Vượt Qua không phải là một ngày cố định, nhưng được cử hành theo tuần trăng mới – cũng là điều không phải lúc nào cũng dễ xác định. Điều chắc chắn là một số nhóm người cử hành lễ Vượt Qua ba ngày trước các nhóm khác. Có thể Chúa Giê-su đã cử hành vào ngày thứ Ba (áp ngày lễ thứ Tư), trong khi đa số người khác lại cử hành vào ngày thứ Sáu (áp ngày lễ thứ Bảy).

đã có mặt, khi Đức Giê-su gọi anh La-da-rô ra khỏi mồ và làm cho anh trỗi dậy từ cõi chết. ¹⁸ Sở dĩ dân chúng đi đón Người, là vì họ nghe biết Người đã làm dấu lạ đó. ¹⁹ Bấy giờ người Pha-ri-sêu bảo nhau : “Các ông thấy chưa : các ông chẳng làm nên trò trống gì cả ! Kìa thiên hạ theo ông ấy hết !”

Đức Giê-su loan báo Người sẽ được tôn vinh nhờ cái chết của Người

* ²⁰ Trong số những người lên Giê-ru-sa-lem thờ phượng Thiên Chúa, có mấy người Hy-lạp. ²¹ Họ đến gặp ông Phi-líp-phê, người Bết-xai-đa, miền Ga-li-lê, và xin rằng : “Thưa ông, chúng tôi muốn được

gặp ông Giê-su.” ²² Ông Phi-líp-phê đi nói với ông An-rê. Ông An-rê cùng với ông Phi-líp-phê đến thưa với Đức Giê-su. ²³ Đức Giê-su trả lời : “Đã đến giờ Con Người được tôn vinh ! ²⁴ Thật, Thầy bảo thật anh em, nếu hạt lúa gieo vào lòng đất mà không chết đi, thì nó vẫn trơ trọi một mình ; còn nếu chết đi, nó mới sinh được nhiều hạt khác. ²⁵ Ai yêu quý mạng sống mình, thì sẽ mất ; còn ai coi thường mạng sống mình ở đời này, thì sẽ giữ lại được cho sự sống đời đời. ²⁶ Ai phục vụ Thầy, thì hãy theo Thầy ; và Thầy ở đâu, kẻ phục vụ Thầy cũng sẽ ở đó. Ai phục vụ Thầy, Cha Thầy sẽ quý trọng người ấy.”

* **12,20** Nhiều người nước ngoài (được gọi là *người Hy-lạp* vì ngôn ngữ họ dùng) đã theo đạo Do-thái. Dù không giữ luật Do-thái, họ vẫn được nhận vào Đền Thờ Giê-su-sa-lem, nơi một khoảng sân được dành riêng cho họ (khác với khoảng sân của người Do-thái). Lòng tha thiết của những người ngoại quốc ấy là cơ hội cho Chúa Giê-su loan báo rằng Nước của Người sẽ được lan rộng trên khắp thế giới khi Người được giương cao trên thập giá.

Nếu hạt lúa không chết đi (c.24). Chúa Giê-su sắp chết và Hội Thánh sẽ ra đời. Chúa Giê-su để di thể của Người chôn vùi trong lòng đất, để khi ra khỏi mồ, chính thân thể đã được vinh quang ấy sẽ là tụ điểm của tất cả mọi người tín hữu.

Nếu hạt lúa không chết đi. Đây là quy luật của mọi mầm sống nhắm tới ngày sinh hoa kết trái (Mc 8,34-35). Các tín hữu đầu tiên đã từng nói : “Máu tử đạo là hạt giống.”

* ²⁷ “Bây giờ, tâm hồn Thầy xao xuyến ! Thầy biết nói gì đây ? Lạy Cha, xin cứu con khỏi giờ này, nhưng chính vì giờ này mà con đã đến. ²⁸ Lạy Cha, xin tôn vinh Danh Cha.”
Bây giờ có tiếng từ trời vọng xuống : “Ta đã tôn vinh Danh Ta, Ta sẽ còn tôn vinh nữa !” ²⁹ Dân chúng đứng ở đó nghe vậy liền nói : “Đó là tiếng sấm !”

Người khác lại bảo : “Tiếng một thiên thần nói với ông ta đấy !”
³⁰ Đức Giê-su đáp : “Tiếng ấy đã vọng xuống không phải vì tôi, mà vì các người. ³¹ Giờ đây đang diễn ra cuộc phán xét thế gian này. Giờ đây thủ lãnh thế gian này sắp bị tống ra ngoài ! ³² Phần tôi, một khi được giương cao lên khỏi mặt đất, tôi sẽ kéo

* 12,27 Trang Tin Mừng Ga này nhắc nhớ cuộc hiển dung của Chúa Giê-su (Mc 9,2) và con thống khổ của Người trong vườn Ghết-sê-ma-ni (Mc 14,32).

Bây giờ có tiếng từ trời vọng xuống (c.28). Đang khi Chúa Giê-su đi qua giữa đám đông ồn ào thì người ta nghe thấy một cái gì đó : một sứ điệp từ trời hay một tiếng động không rõ từ đâu ? Chuyện này thì nhà sử học không nắm được nguyên do, nhưng đó như là một thoáng thế giới thực thụ vừa loé lên giữa cảnh nhốn nháo đầy ảo ảnh của loài người. Đám đông ở hiện trường không hiểu sứ điệp của Chúa Giê-su và sau đó bỏ rơi Người : đây là chuyện nhỏ. Chúa nhìn xa hơn. Chúa biết mình không thể cứu đất nước khỏi sụp đổ về mặt lịch sử nữa, nhưng hiểu rằng cái chết của mình sẽ thay đổi tiến trình lịch sử thế giới : Chúa sẽ chiến thắng ở chính nơi mà vận mệnh con người sắp thua thiệt.

Từ những ngày đầu của lịch sử loài người, kẻ thống trị thế gian này, là Ác Thần, đã làm mờ đục khả năng nhận biết Thiên Chúa nơi chúng ta. Trước đó, Thiên Chúa đã tiên liệu cho toàn thể tạo thành của Người vươn mạnh lên để từ từ sản sinh ra Con Người Mới. Do tội lỗi, cuộc sinh nở này mang vết hằn của khổ đau, đổ vỡ và nô dịch. Con đường cứu độ duy nhất là trở về với thái độ phục tùng, không phải một “Thượng Đế” mơ hồ, mà là một người *Cha*. Và Chúa Ki-tô đã mở đường cho chúng ta qua cuộc hy sinh của Người : *chính vì giờ này mà con đã đến* (c.27).

Chúng ta dễ quên rằng mục đích cuộc đời chúng ta là *tôn vinh Thiên Chúa*. Chúng ta tôn vinh Thiên Chúa không phải trước hết bằng việc xây đền thờ hay hát kinh ‘Vinh Danh Thiên Chúa !’, mà bằng cách biến mình làm hy lễ đẹp lòng Người. Thánh I-rê-nê, giám mục tử đạo của Giáo Hội sơ khai, đã viết : “Vinh quang Thiên Chúa là con người đầy sức sống, nhưng đối với con người, sống là nhìn thấy Thiên Chúa.”

mọi người lên với tôi.”
³³ Đức Giê-su nói thế để ám chỉ Người sẽ phải chết cách nào.

³⁴ Vậy, dân chúng thưa Người : “Chúng tôi đã học biết trong sách Luật rằng : Đấng Ki-tô phải trường tồn mãi mãi. Thế sao ông lại nói : ‘Con Người phải được giương cao’ ? Con Người đó là ai ?”
³⁵ Đức Giê-su bảo họ : “Ánh sáng còn ở giữa các ông ít lâu nữa thôi. Các ông hãy bước đi, bao lâu các ông còn có ánh sáng, kéo bóng tối bắt chợt các ông. Ai bước đi trong bóng tối, thì không biết mình đi đâu.
³⁶ Bao lâu các ông còn có ánh sáng, hãy tin vào ánh

sáng, để trở nên con cái ánh sáng.” Nói thế xong, Đức Giê-su rời nơi đó và lánh đi không cho họ thấy.

Kết luận : Người Do-thái cứng lòng không chịu tin.

* ³⁷ Người đã làm ngần ấy dấu lạ trước mặt họ, thế mà họ vẫn không tin vào Người.
³⁸ Như vậy là ứng nghiệm lời ngôn sứ I-sai-a : *Lạy Đức Chúa, ai đã tin lời chúng tôi rao giảng ? Và quyền lực của Đức Chúa đã được tỏ cho ai ?*

³⁹ Sở dĩ họ không thể tin là vì ngôn sứ I-sai-a còn nói : ⁴⁰ *Thiên Chúa đã làm cho mắt chúng ra đui mù và lòng chúng ra chai đá,*

Vậy tôn vinh Thiên Chúa là chấp nhận để cho Người ban cho ta sự sống, làm cho ta nên giống như Người và chuẩn bị cho ta phần chiếu vinh quang của chính Người. Điều này đòi hỏi chúng ta phải thật sự hy sinh, bởi vì Thiên Chúa cho chúng ta đi qua cái chết để đạt tới sự sống của Người. Con đường tuân phục ý Chúa giúp chúng ta thoát khỏi tính ích kỷ và những giới hạn đời người hiện tại của chúng ta, và đưa chúng ta đến một trạng thái hiện hữu khác, sẽ là trạng thái cuối cùng vĩnh viễn. Thiên Chúa được tôn vinh khi con cái Người đạt tới vinh quang, nghĩa là đã được nhào luyện bằng lửa và Thánh Thần.

*** 12,37 MỘT CHỌN LỰA KHÔNG THỂ CỨU VẤN**

Cuộc đời rao giảng của Chúa Giê-su đã đến hồi kết thúc. Ông Gio-an thấy khó hiểu được tại sao dân được Thiên Chúa chọn lại vẫn mù quáng chẳng nhận ra Đấng Thiên Sai của họ. Ông cố tìm cách soi sáng thái độ chối bỏ này bằng hai đoạn văn ngôn sứ :

Đoạn thứ nhất là một bài thơ dài nói về người Tôi Trung của Đức Chúa, một nạn nhân thuận tình cam chịu vì anh em mình (Is 52,13tt). Bài thơ đã cho ta biết con người ta khó mà sẵn sàng chấp nhận một Vị Cứu Tinh bị sỉ nhục.

keo mắt chúng thấy và lòng chúng hiểu được mà hoán cải, rồi Ta sẽ chữa chúng cho lành !

⁴¹ Ngôn sứ I-sai-a nói những lời đó, vì đã thấy vinh quang của Đức Giê-su, và ông đã nói về Người.

⁴² Tuy nhiên, ngay cả trong giới lãnh đạo Do-thái cũng có nhiều người đã tin vào Đức Giê-su. Nhưng họ không dám xưng ra, vì sợ bị nhóm Pha-ri-sêu khai trừ khỏi hội đường. ⁴³ Thật thế, họ chuộng vinh quang của người phàm hơn là vinh quang của Thiên Chúa. ⁴⁴ Đức Giê-su lớn tiếng nói rằng : “Ai tin vào tôi, thì không phải là tin vào tôi,

nhưng là tin vào Đấng đã sai tôi ; ⁴⁵ ai thấy tôi là thấy Đấng đã sai tôi. ⁴⁶ Tôi là ánh sáng đến thế gian, để bất cứ ai tin vào tôi, thì không ở lại trong bóng tối. ⁴⁷ Ai nghe những lời tôi nói mà không tuân giữ, thì không phải chính tôi xét xử người ấy, vì tôi đến không phải để xét xử thế gian, nhưng để cứu thế gian. ⁴⁸ Ai từ chối tôi và không đón nhận lời tôi, thì có quan toà xét xử người ấy : chính lời tôi đã nói sẽ xét xử người ấy trong ngày sau hết. ⁴⁹ Thật vậy, không phải tôi tự mình nói ra, nhưng là chính Chúa Cha, Đấng đã sai tôi, truyền lệnh cho tôi phải nói gì, tuyên bố gì.

Đoạn văn thứ hai cho biết cuộc thất bại của Chúa Ki-tô là chuyện có thể thấy trước : người ta cũng đâu đã chịu nghe lời các ngôn sứ đã đi trước. Nhưng điều này lại thể hiện được một kế hoạch nhiệm mầu của Thiên Chúa.

Tác giả Gio-an làm nổi bật cái tội của số đông trong dân : họ là những người không chịu đứng về phía Chúa Ki-tô, mặc dù trong thâm tâm họ vẫn nể trọng Người. Một phần nào đó, người Do-thái đã ngỡ ngờ rằng Chúa Giê-su đến từ Thiên Chúa, nhưng tin vào những gì Người tuyên bố và đòi hỏi lại là chuyện khác.

Đối với chúng ta cũng thế, tin vào Tin Mừng là chọn một lập trường ; chúng ta không thể có thái độ bàng quan đối với Giáo Hội được Chúa Giê-su thiết lập nhưng lại không trong sáng cho lắm. Lời Người đến với chúng ta giữa bao nỗi lo âu, và thường thì chúng ta không cảm thấy có phận sự đáp ứng : “Để từ từ xem !” Khi bỏ qua lời Người như vậy, chúng ta nghĩ không có gì là nghiêm trọng. Thật ra là chúng ta đã chối bỏ chính Thiên Chúa và chân lý của Người, và có lẽ chúng ta sẽ chẳng còn cơ hội nào nữa để đón nhận lời Người. Tất cả cái vinh cửu được quyết định ngay hôm nay.

⁵⁰ Và tôi biết : mệnh lệnh thì tôi nói đúng như Chúa của Người là sự sống đời đời. Vậy, những gì tôi nói, đời. Vậy, những gì tôi nói, thì tôi nói đúng như Chúa của Người là sự sống đời đời. Cha đã nói với tôi.”

III. GIỜ CỦA ĐỨC GIÊ-SU LỄ VƯỢT QUA CỦA CHIÊN THIÊN CHÚA

1. BỮA ĂN CUỐI CÙNG CỦA ĐỨC GIÊ-SU VÀ CÁC MÔN ĐỆ

Đức Giê-su rửa chân cho các môn đệ

13 * ¹ Trước lễ Vượt Qua, Đức Giê-su biết giờ của Người đã đến, giờ phải bỏ thế gian mà về với Chúa Cha. Người vẫn yêu thương những kẻ thuộc về

mình còn ở thế gian, và Người yêu thương họ đến cùng.

* ² Ma quỷ đã gieo vào lòng Giu-đa, con ông Si-môn Ít-ca-ri-ốt, ý định nộp Đức Giê-su. ³ Đức Giê-su biết rằng : Chúa Cha đã

* **13,1** Phần thứ hai của Tin Mừng Ga bắt đầu ở đây.

Trong phần đầu, qua các dấu chỉ và diễn từ, Chúa Giê-su loan báo công việc Người sắp thực hiện trong thế gian và vinh quang Người sẽ nhận lãnh sau khi được “giương lên cao”. Lúc này thì *giờ của Người đã đến*, giờ Người sắp thực hiện tất cả những gì đã được loan báo.

Phần hai bắt đầu bằng những lời từ biệt của Chúa Giê-su sau bữa Tiệc Ly.

Trong các chương trước, mỗi diễn từ của Chúa dựa vào một phép lạ. Ở đây, những lời từ biệt trong các chương 14 – 17 lại khởi đầu bằng một việc lạ thường : cử chỉ “rửa chân”. Cử chỉ này đưa ra hai bài học :

– thế nào là được thanh tẩy trước khi tham dự vào Bữa Tiệc của Chúa.

– thế nào là thực hành luật yêu thương.

* **13,2 NGHI THỨC SÁM HỐI**

Tác giả Gio-an không ám chỉ bí tích Thánh Thể khi tường thuật bữa Tiệc Ly (Mc 14,22), nhưng ông triển khai chủ đề “rửa chân”.

Người bắt đầu rửa chân cho các môn đệ (c.5). Người nghèo trong dân Do-thái thì đi chân không, còn những người khác thì đi dép. Cử chỉ hiếu khách theo truyền thống là sai đầy tớ rửa chân cho khách (x. St 18,4). Các Tông Đồ chắc chắn không giữ tập tục này vì không có đầy tớ, nhưng tối hôm đó, Chúa Giê-su tự nguyện làm đầy tớ của họ.

giao phó mọi sự trong tay Người, Người bởi Thiên Chúa mà đến, và sắp trở về cùng Thiên Chúa, ⁴ nên trong một bữa ăn, Người đứng dậy, rời bàn ăn, cởi áo ngoài ra, và lấy khăn mà thắt lưng. ⁵ Rồi Đức Giê-su đổ nước vào chậu, bắt đầu rửa chân cho các môn đệ và lấy khăn thắt lưng mà lau.

⁶ Vậy, Người đến chỗ ông Si-môn Phê-rô, ông liền thưa với Người : “Thưa Thầy ! Thầy mà lại rửa chân cho con sao ?” ⁷ Đức Giê-su trả lời : “Việc Thầy làm, bây giờ anh chưa hiểu, nhưng sau này anh sẽ hiểu.” ⁸ Ông Phê-rô lại thưa : “Thầy mà rửa chân cho con, không đời nào con chịu đâu !” Đức Giê-su đáp : “Nếu Thầy không rửa cho anh, anh sẽ chẳng được

chung phần với Thầy.”

⁹ Ông Si-môn Phê-rô liền thưa : “VẬY, thưa Thầy, xin cứ rửa, không những chân, mà cả tay và đầu con nữa.”

¹⁰ Đức Giê-su bảo ông : “Ai đã tắm rồi, thì không cần phải rửa nữa ; toàn thân người ấy đã sạch. Về phần anh em, anh em đã sạch, nhưng không phải tất cả đâu !” ¹¹ Thật vậy, Người biết ai sẽ nộp Người, nên mới nói : “Không phải tất cả anh em đều sạch.”

¹² Khi rửa chân cho các môn đệ xong, Đức Giê-su mặc áo vào, về chỗ và nói : “Anh em có hiểu việc Thầy mới làm cho anh em không ?

¹³ Anh em gọi Thầy là ‘Thầy’, là ‘Chúa’, điều đó phải lắm, vì quả thật, Thầy là Thầy, là Chúa.

¹⁴ Vậy, nếu Thầy là Chúa, là Thầy, mà còn rửa chân

Chúa rửa chân cho các ông không chỉ đơn giản để các ông được sạch sẽ và thoải mái. Đây là một hành vi thánh thiêng, có giá trị thanh tẩy, cũng như hành vi rửa tội vậy. Các Tông Đồ đã sống trong ân sủng của Thiên Chúa : lời của Chúa Giê-su mà họ đón nhận trong đức tin *đã thanh tẩy họ* (15,3). Nhưng họ cần được chuẩn bị thêm trước khi chia sẻ bánh sự sống nơi bàn tiệc của Chúa. Không có tôn giáo nào đem của cải thiêng liêng ban phát đại trà cho thiên hạ một cách bất cần, không cần biết đó là ai, và họ nhận cách nào. Chẳng hạn người Do-thái thì tuân giữ các nghi thức thanh tẩy trước khi tham dự bữa tiệc Vượt Qua.

Chúa Giê-su cũng đòi hỏi không kém : chính Người đã rửa chân cho các Tông Đồ mình. Người không yêu cầu các ông xưng thú tội lỗi, nhưng các ông đã phải khiêm tốn để cho Người, là Chúa của mình, rửa chân cho mình.

cho anh em, thì anh em cũng phải rửa chân cho nhau. ¹⁵ Thầy đã nêu gương cho anh em, để anh em cũng làm như Thầy đã làm cho anh em. ¹⁶ Thật, Thầy bảo thật anh em : tôi tớ không lớn hơn chủ nhà, kẻ được sai đi không lớn hơn người sai đi. ¹⁷ Anh em đã biết những điều đó, nếu anh em thực hành, thì thật phúc cho anh em ! ¹⁸ Thầy không nói về tất cả anh em đâu. Chính Thầy biết những người Thầy đã chọn, nhưng phải ứng nghiệm lời Kinh Thánh sau đây : *Kẻ đã cùng con chia cơm sẽ bán lại giờ gót đạp con.* ¹⁹ Thầy nói với anh em điều đó ngay từ lúc này, trước khi sự việc xảy ra, để khi sự việc xảy ra, anh em tin là Thầy Hằng Hữu. ²⁰ Thật, Thầy bảo thật anh

em : ai đón tiếp người Thầy sai đến là đón tiếp Thầy, và ai đón tiếp Thầy là đón tiếp Đấng đã sai Thầy.”

Đức Giê-su loan báo Giu-đa sẽ phản bội

²¹ Nói xong, Đức Giê-su cảm thấy tâm thần xao xuyên. Người tuyên bố : “Thật, Thầy bảo thật anh em : có một người trong anh em sẽ nộp Thầy.”

²² Các môn đệ nhìn nhau, phân vân không biết Người nói về ai. ²³ Trong số các môn đệ, có một người được Đức Giê-su thương mến. Ông đang dùng bữa, đầu tựa vào lòng Đức Giê-su. ²⁴ Ông Si-môn Phê-rô làm hiệu cho ông ấy và bảo : “Hỏi xem Thầy muốn nói về ai ?”

²⁵ Ông này liền nghiêng mình vào ngực Đức Giê-su

Hành động này nhắc nhớ cả hai bí tích Thánh Tẩy và Sám Hối. Hai bí tích này liên kết người thanh tẩy với người được thanh tẩy trong cùng một tâm tình khiêm tốn và lòng xót thương. Từ đây trở đi, các Tông Đồ sẽ làm như Chúa đã làm trước các ông, vì *Người sẽ sai các ông đi nhân danh Người* mà ban ơn tha tội. Tuy nhiên, các ông sẽ không hành động theo kiểu các viên chức hay quan toà đứng ở trên cao ban ân xá xuống cho tội phạm, nhưng sẽ nêu gương khiêm nhường và thương xót, để thanh tẩy những ai đến gần Bàn Tiệc của Chúa.

Chữ *Chúa* xuất hiện bảy lần trong chương này. Điều này giúp ta hiểu được rằng qua việc rửa chân cho các Tông Đồ, Chúa Giê-su đã làm một cử chỉ đầy ý nghĩa, cho thấy rõ hơn bất cứ hành động nào khác, Chúa và Thiên Chúa của chúng ta là một Đấng như thế nào.

và hỏi : “Thưa Thầy, ai vậy ?”²⁶ Đức Giê-su trả lời : “Thầy chấm bánh đưa cho ai, thì chính là kẻ ấy.” Rồi Người chấm một miếng bánh, trao cho Giu-đa, con ông Si-môn Ít-ca-ri-ốt.²⁷ Y vừa ăn xong miếng bánh, Xa-tan liền nhập vào y. Đức Giê-su bảo y : “Anh làm gì thì làm mau đi !”²⁸ Nhưng trong số các người đang dùng bữa, không ai hiểu tại sao Người nói với y như thế.²⁹ Vì Giu-đa giữ túi tiền, nên có vài người tưởng rằng Đức Giê-su nói với y : “Hãy mua những món cần dùng trong dịp lễ”, hoặc bảo y bố thí cho người nghèo.³⁰ Sau khi ăn miếng bánh, Giu-đa liền đi ra. Lúc đó, trời đã tối.

Những lời cáo biệt

³¹ Khi Giu-đa đi rồi, Đức Giê-su nói : “Giờ đây, Con Người được tôn vinh, và Thiên Chúa cũng được tôn vinh nơi Người.³² Nếu Thiên Chúa được tôn vinh nơi Người, thì Thiên Chúa cũng sẽ tôn vinh Người nơi chính mình, và Thiên Chúa sắp tôn vinh Người.

* ³³ Hỡi anh em là những người con bé nhỏ của Thầy, Thầy còn ở với anh em một ít lâu nữa thôi. Anh em sẽ tìm kiếm Thầy ; nhưng như Thầy đã nói với người Do-thái : ‘Nơi tôi đi, các người không thể đến được’, bây giờ, Thầy cũng nói với anh em như vậy.³⁴ Thầy ban cho anh em một điều răn mới là anh em hãy yêu thương nhau ;

* 13,33 ĐỨC ÁI KI-TÔ GIÁO

Thầy ban cho anh em một điều răn mới, nghĩa là một điều răn thích hợp với một thời đại mới đang bắt đầu (1 Ga 2,7-8). Cựu Ước đã nói đến lòng trung thành nội tâm đối với Thiên Chúa và lòng yêu thương đối với người thân cận, nhưng sứ điệp này hãy còn bị chôn vùi trong những mớ chỉ thị phức tạp của Lễ Luật. Ngoài ra có nhiều cách yêu thương : ngay cả những người cuồng tín cũng cho là họ yêu mến Thiên Chúa. Trong Tân Ước, Chúa Giê-su tuyên bố rằng tình yêu Thiên Chúa là luật đứng đầu, và tấm gương mà Chúa đã nêu ra trong cuộc đời trần thế của Người chỉ cho ta biết phải yêu thương như thế nào.

Yêu cách đẹp lòng Thiên Chúa là nhằm giải phóng tha nhân và giúp họ phát huy các tài năng Người ban cho họ. Yêu như Chúa Ki-tô yêu là tôn trọng mẫu nhiệm của từng cá nhân và giúp mỗi người trở nên mẫu người đẹp ý Thiên Chúa, thông qua mẫu nhiệm chết và phục sinh.

anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em. ³⁵ Mọi người sẽ nhận biết anh em là môn đệ của Thầy ở điểm này : là anh em có lòng yêu thương nhau.”

³⁶ Ông Si-môn Phê-rô nói với Đức Giê-su : “Thưa Thầy, Thầy đi đâu vậy ?” Đức Giê-su trả lời : “Nơi Thầy đi, bây giờ anh không thể theo đến được ; nhưng sau này anh sẽ đi theo.” ³⁷ Ông Phê-rô thưa : “Thưa Thầy, sao con lại

không thể đi theo Thầy ngay bây giờ được ? Con sẽ thí mạng con vì Thầy !” ³⁸ Đức Giê-su đáp : “Anh sẽ thí mạng vì Thầy ư ? Thật, Thầy bảo thật cho anh biết : gà chưa gáy, anh đã chối Thầy ba lần.

14 * ¹ Anh em đừng xao xuyến ! Hãy tin vào Thiên Chúa và tin vào Thầy. ² Trong nhà Cha Thầy, có nhiều chỗ ở ; nếu không, Thầy đã nói với anh em rồi, vì Thầy đi dọn chỗ cho anh em. ³ Nếu

Chúng ta càng đi sâu hơn vào mầu nhiệm tình yêu Thiên Chúa được biểu lộ nơi Chúa Giê-su, thì tình yêu của chúng ta càng được biến hoá đến mức hoà nhập vào tình yêu vĩnh cửu của Người, và cuối cùng chỉ còn tình yêu Người tác động nơi chúng ta. Tình yêu đích thực đến từ Thiên Chúa và đưa chúng ta trở về Thiên Chúa là mối dây hợp nhất.

Chúa Giê-su thường hay nhắc đến tầm quan trọng vô song của tình yêu. Sau này, các Tông Đồ của Người (1 Ga 4,7 trở đi) và Giáo Hội sẽ đúc kết giáo huấn của Người : ai yêu mến Thiên Chúa thì yêu thương anh em, và chúng ta có yêu thương anh em hay không là tùy chúng ta có yêu mến Thiên Chúa hay không. Yêu mến Thiên Chúa có nghĩa là gì ? Các vị đã từng yêu mến Thiên Chúa nhiều cho chúng ta biết rằng yêu mến Thiên Chúa không nằm ở chỗ “cảm nhận Thiên Chúa”, cảm thấy mình có một tình cảm nào đó, tâm tình ái mộ nào đó đối với Người. Đức ái Ki-tô giáo không phải là vấn đề tình cảm (cho dù đôi khi cũng tốt nếu ta cảm nghiệm được những tâm tình ấy) ; yêu mến Thiên Chúa là từng giây từng phút muốn cho Người được tôn thờ trên hết, và chỉ muốn những gì Người muốn.

* 14,1 ĐỜI SỐNG THIÊN LƯƠNG

Sau đoạn rửa chân, tác giả Gio-an trình bày ba diễn từ chia tay Chúa Giê-su nói với các Tông Đồ. Những người đã từng sống thân thiết với Chúa trong nhiều ngày tháng khám phá rằng họ sẽ phải sống một tương quan khác với Chúa Ki-tô Phục Sinh, hiện diện bên họ dù là vô hình. Chúa Giê-su nói : “Thầy ở với anh em bấy lâu” (cc. 9 và 25) ; từ nay, “Thầy ở trong anh em” (c.20). Diễn từ thứ nhất chiếm trọn ch. 14.

Thầy đi dọn chỗ cho anh em, thì Thầy lại đến và đem anh em về với Thầy, để Thầy ở đâu, anh em cũng ở đó. ⁴ Và Thầy đi đâu, thì anh em biết đường rồi.”

⁵ Ông Tô-ma nói với Đức Giê-su : “Thưa Thầy, chúng con không biết Thầy đi đâu, làm sao biết được đường ?” ⁶ Đức Giê-su đáp : “Chính Thầy là con đường, là sự thật và là sự sống. Không ai có thể đến với Chúa Cha mà không qua Thầy. ⁷ Nếu anh em biết Thầy, anh em cũng biết Cha Thầy. Ngay từ bây giờ, anh em biết Người và đã thấy Người.”

⁸ Ông Phi-líp-phê nói : “Thưa Thầy, xin tỏ cho chúng con thấy Chúa Cha, như thế là chúng con mãn nguyện.” ⁹ Đức Giê-su trả lời : “Thầy ở với anh em bấy lâu, thế mà anh Phi-líp-phê, anh chưa biết Thầy ư ? Ai thấy Thầy là thấy Chúa Cha. Sao anh lại nói : ‘Xin tỏ cho chúng con thấy Chúa Cha’ ? ¹⁰ Anh không tin rằng Thầy ở trong Chúa Cha và Chúa Cha ở trong Thầy sao ? Các lời Thầy nói với anh em, Thầy không tự mình nói ra. Nhưng Chúa Cha, Đấng luôn ở trong Thầy, chính Người làm những việc của mình.

Sự kiện Chúa Giê-su trở lên bên cạnh Chúa Cha không phải là một thành tích cá nhân : Chúa mở ra cho tất cả chúng ta con đường đi về nhà, về nguồn cội của mình, không phải trên còi cao xanh mà là nơi Thiên Chúa. *Có nhiều chỗ ở* (c.2), nghĩa là cũng có chỗ cho chúng ta nữa. *Chỗ* đây không phải chỉ một “bất động sản” ta sẽ an cư trong đó, nhưng có nghĩa là nơi đó, Thiên Chúa ban mình trọn vẹn cho chúng ta. Nơi Người chúng ta sẽ được tất cả, và mỗi chúng ta sẽ chiếu toả ánh quang của Người, là nét độc đáo riêng mà chỉ có Người mới có thể ban cho ta. Mỗi người ở chỗ riêng của mình mà lại hiệp thông với tất cả mọi người khác.

Giờ đây, khi đã biết mục đích là gì, chúng ta hãy tiến về tình hiệp thông chung cuộc ấy. Chúa Giê-su nói : “*Tôi là đường.*” Người đã trở nên người phàm cốt là để nơi Người, chúng ta thấy được Chúa Cha. Người đã đi hết con đường của Người, con đường làm chúng ta ngỡ ngàng, nhưng ấy là nhằm cho chúng ta suy gẫm những việc Người làm mà tiến đến sự thật. Cho dù lúc đầu chúng ta không hiểu thấu tư tưởng của Người, nhưng với thời gian, chúng ta sẽ khám phá ra Chúa, và sẽ hiểu rằng con đường Người đi cũng là con đường chúng ta đi. Qua thập giá và cái chết, chúng ta sẽ chinh phục được *sự thật* của chính mình và sẽ đạt tới *sự sống*.

¹¹ Anh em hãy tin Thầy : Chúa Cha được tôn vinh Thầy ở trong Chúa Cha và Chúa Cha ở trong Thầy ; bằng không thì hãy tin vì công việc Thầy làm.

¹² Thật, Thầy bảo thật anh em, ai tin vào Thầy, thì người đó cũng sẽ làm được những việc Thầy làm. Người đó còn làm những việc lớn hơn nữa, bởi vì Thầy đến cùng Chúa Cha.

¹³ Và bất cứ điều gì anh em nhân danh Thầy mà xin, thì Thầy sẽ làm, để

Chúa Cha được tôn vinh nơi người Con. ¹⁴ Nếu anh em nhân danh Thầy mà xin Thầy điều gì, thì chính Thầy sẽ làm điều đó.

¹⁵ Nếu anh em yêu mến Thầy, anh em sẽ giữ các điều răn của Thầy. ¹⁶ Thầy sẽ xin Chúa Cha và Người sẽ ban cho anh em một Đấng Bảo Trợ khác đến ở với anh em luôn mãi. ¹⁷ Đó là Thần Khí sự thật, Đấng mà thế gian không thể đón nhận, vì thế gian

Thầy ở trong Chúa Cha và Chúa Cha ở trong Thầy, và anh em ở trong Thầy (cc. 11.20). Chúa Ki-tô cho chúng ta được gia nhập gia đình của Thiên Chúa. Vậy hãy thôi nói tới chuyện đến gần Thiên Chúa cứ như Người xa cách chúng ta lắm. Cũng không còn là sống ở bên Thiên Chúa như thể Người giữ lại cho riêng mình tất cả mầu nhiệm của Người vậy. Chúng ta bước vào sự sống nhiệm mầu của Ba Ngôi Thiên Chúa cùng chia sẻ cho nhau tất cả, và là Thiên Chúa nhất thể và duy nhất. Những gì là vật chất không thể hoà nhập vào nhau, nhưng trong thế giới tâm linh thì điều đó là có thể. Chúa Ki-tô ở trong Cha, và Cha ở trong Người, và Cha và Người sẽ ở lại với chúng ta (c.23).

Trong phần dẫn nhập vào Tin Mừng, thánh Gio-an giải thích rằng mọi việc Thiên Chúa làm trong thế giới phải được hiểu dưới ánh sáng của mối tương quan thâm tình giữa Chúa Cha và người Con. Ở đây ông nói thêm rằng sự hiện diện của Thiên Chúa nơi chúng ta là nhờ vào một Đấng nữa là Thánh Thần. Một mình Chúa Cha, Đấng không ai đã từng nhìn thấy, cũng như một mình người Con, Đấng đã tỏ mình ra, thì không thể tự mình kết hợp với loài người. Nhưng Hai Vị có thể làm điều đó nhờ Thánh Thần, Đấng mà chúng ta đáng lý ra phải gọi là *Vị Thiên Chúa hiệp thông*. Do đó chúng ta gọi tất cả những gì liên quan đến mối quan hệ của chúng ta với Thiên Chúa là *đời sống trong Thánh Thần, đời sống thần thiêng hay thiêng liêng*.

Ch. 14 này triển khai ba bước tiến trong đời sống thiêng liêng :

- tuân giữ lời Chúa Giê-su : suy gẫm lời Người, đem ra thực hành và làm cho bám rễ sâu trong tâm hồn mình.

- rồi đến khi được Thần Khí chỉ đạo cho chúng ta biết phải xin gì nhân danh Chúa Giê-su, thì tin tưởng cầu xin những gì chính Chúa muốn.

không thấy và cũng chẳng biết Người. Còn anh em biết Người, vì Người luôn ở giữa anh em và ở trong anh em. ¹⁸ Thầy sẽ không để anh em mồ côi. Thầy đến cùng anh em. ¹⁹ Chẳng bao lâu nữa, thế gian sẽ không còn thấy Thầy. Phần anh em, anh em sẽ được thấy Thầy, vì Thầy sống và anh em cũng sẽ được sống. ²⁰ Ngày đó, anh em sẽ biết rằng Thầy ở trong Cha Thầy, anh em ở trong Thầy, và Thầy ở trong anh em. ²¹ Ai có và giữ các điều răn của Thầy, người ấy mới là kẻ yêu

mến Thầy. Mà ai yêu mến Thầy, thì sẽ được Cha Thầy yêu mến. Thầy sẽ yêu mến người ấy, và sẽ tỏ mình ra cho người ấy.”

²² Ông Giu-đa, không phải Giu-đa Ít-ca-ri-ốt, nói với Đức Giê-su : “Thưa Thầy, tại sao Thầy phải tỏ mình ra cho chúng con, mà không tỏ mình ra cho thế gian ?” ²³ Đức Giê-su đáp : “Ai yêu mến Thầy, thì sẽ giữ lời Thầy. Cha Thầy sẽ yêu mến người ấy. Cha Thầy và Thầy sẽ đến và ở lại với người ấy. ²⁴ Ai không yêu mến Thầy, thì

– cuối cùng, làm những gì Chúa Giê-su đã làm. Người đã không làm đủ thứ việc thiện, nhưng đã chu toàn điều gì Chúa Cha yêu cầu Người làm, ngay cả khi lòng tuân phục của Người ra như chỉ là một sự hy sinh vô ích.

Thầy sẽ xin Chúa Cha, và Người sẽ ban cho anh em một Đấng Bảo Trợ khác (c.16). Chúa Giê-su nói đến Chúa Thánh Thần mà Người gọi là *Đấng Bảo Trợ*. Từ này trong tiếng Hy-lạp có nhiều nghĩa. Ở đây chúng ta dịch là *Đấng Bảo Trợ*. Thánh Thần ban cho người tín hữu lòng tin tưởng và linh hứng cho họ cầu nguyện, để họ có thể được Thiên Chúa nhậm lời.

Đấng Bảo Trợ sẽ dạy anh em mọi điều (c.26). Thánh Thần giúp chúng ta hiểu và giải nghĩa những lời của Chúa Giê-su ở mỗi thời đại.

Ông Giu-đa nói với Đức Giê-su (c.22). Ba đoạn can thiệp của các Tông Đồ thuộc một lối hành văn được ông Gio-an sử dụng để cho diễn từ của Chúa Giê-su được sinh động hơn. Mỗi lần là một câu hỏi vụng về, một dịp để Chúa Giê-su trả lời bằng cách chỉnh lại cho đúng với ý Chúa muốn nói, tương tự trường hợp với người phụ nữ Sa-ma-ri.

Thưa Thầy, tại sao Thầy phải tỏ mình ra cho chúng con, mà không tỏ mình ra cho thế gian ? (c.22). Ông Giu-đa đã hiểu là Chúa Giê-su nói đến những lần gặp gỡ bí mật : không phải vậy. Ý Chúa muốn nói là Người sẽ tỏ mình ra cho các ông nhờ Thánh Thần của Người để dạy dỗ và ban bình an cho các ông.

không giữ lời Thầy. Và lời anh em nghe đây không phải là của Thầy, nhưng là của Chúa Cha, Đấng đã sai Thầy. ²⁵ Các điều đó, Thầy đã nói với anh em, đang khi còn ở với anh em. ²⁶ Nhưng Đấng Bảo Trợ là Thánh Thần Chúa Cha sẽ sai đến nhân danh Thầy, Đấng đó sẽ dạy anh em mọi điều và sẽ làm cho anh em nhớ lại mọi điều Thầy đã nói với anh em.

²⁷ Thầy để lại bình an cho anh em, Thầy ban cho anh em bình an của Thầy. Thầy ban cho anh em

không theo kiểu thế gian. Anh em đừng xao xuyên cũng đừng sợ hãi. ²⁸ Anh em đã nghe Thầy bảo : ‘Thầy ra đi và đến cùng anh em’. Nếu anh em yêu mến Thầy, thì hẳn anh em đã vui mừng vì Thầy đi về cùng Chúa Cha, bởi vì Chúa Cha cao trọng hơn Thầy. ²⁹ Bây giờ, Thầy nói với anh em trước khi sự việc xảy ra, để khi xảy ra, anh em tin.

³⁰ Thầy sẽ không còn nói nhiều với anh em nữa, bởi vì Thủ lãnh thế gian đang đến. Đã hẳn, nó không

Anh em đã nghe Thầy bảo (c.28). Xin nhắc lại : tác giả Tin Mừng cải biên diễn từ này của Chúa Giê-su cho đối tượng mới là các thánh giả của riêng ông. *Anh em* ở đây chính là những người này.

Chúa Cha cao trọng hơn Thầy (c.28). Câu này không mâu thuẫn với những điều tác giả dạy về thần tính của Chúa Giê-su trong toàn bộ Tin Mừng của ông. Câu này phải được đọc kèm theo các câu 5,18 ; 10,30 ; 16,15, nếu chúng ta muốn biết đôi điều về mẫu nhiệm Chúa Ki-tô, “Thiên Chúa đích thực” (x. Rm 9,5 ; Tt 2,13 ; 1 Ga 5,20).

Ngay từ thế kỷ thứ tư, vị giám mục lớn bảo vệ đức tin là thánh Hila-ri-ô đã viết : “Ngôi Cha lớn hơn vì là Đấng trao ban. Nhưng vì Người trao ban cho Ngôi Con chính bản thân duy nhất của mình, nên Ngôi Con không hề kém hơn Ngôi Cha.”

Hơn nữa tính đặc thù của Ngôi Con là hy sinh mạng sống mình vì hiếu với Cha, cho đến khi Cha trả lại cho Người “vinh quang mà (Người) vẫn được hưởng từ trước” (17,5 và 6,62). Do đó, các Tông Đồ trước đây vẫn thấy Ngôi Con sống làm người giữa muôn người trong lúc sa cơ thất thế, nay hẳn phải rất vui mừng trước cuộc ra đi của Người.

Thánh Thần Chúa Cha sẽ sai đến (c.26). So sánh với 15,26 : *Thánh Thần mà Thầy sẽ sai đến.* Thánh Thần phát sinh từ Ngôi Cha vì Ngôi Cha là Nguồn phát sinh duy nhất, nhưng Ngôi Con thì ban Thánh Thần là chính Thần Khí của Người chứ không phải Thần Khí Người đã lãnh nhận.

làm gì được Thầy. ³¹ Nhưng chuyện đó xảy ra là để cho thế gian biết rằng Thầy yêu mến Chúa Cha và làm đúng như Chúa Cha đã truyền cho Thầy. Nào đứng dậy ! Ta đi khỏi đây !”

Cây nho thật

15 * ¹ “Thầy là cây nho thật, và Cha Thầy là người trồng nho. ² Cành nào gắn liền với Thầy mà không sinh hoa trái, thì Người chặt đi ; còn cành

nào sinh hoa trái, thì Người cắt tỉa cho nó sinh nhiều hoa trái hơn. ³ Anh em được thanh sạch rồi nhờ lời Thầy đã nói với anh em. ⁴ Hãy ở lại trong Thầy như Thầy ở lại trong anh em. Cũng như cành nho không thể tự mình sinh hoa trái, nếu không gắn liền với cây nho, anh em cũng thế, nếu không ở lại trong Thầy.

⁵ Thầy là cây nho, anh em là cành. Ai ở lại trong

* **15,1** Trong bài diễn từ chia tay thứ hai này, Chúa Giê-su mời gọi chúng ta hãy bền tâm vững chí ở giữa thế gian. Diễn từ được chia làm bốn phần :

– dụ ngôn cây nho : “Thầy cắt cử anh em để anh em sinh được hoa trái” ;

– “thế gian ghét anh em” ;

– công việc của Thánh Thần ;

– “Ít lâu nữa, anh em sẽ lại thấy Thầy”.

Trước tiên là dụ ngôn cây nho. Chúa Giê-su dùng một hình ảnh từ Kinh Thánh, nhưng lại đổi ý nghĩa của nó, như Người đã làm khi nói về Người Mực Tử nhân lành (10,1). Cây nho vốn tượng trưng dân Ít-ra-en. Được trồng từ những gốc tuyền và được Thiên Chúa chăm sóc, lên ra vườn nho phải sinh hoa trái công chính (Mc 12,1). Nhưng khi đến sống giữa chúng ta, Chúa Giê-su đã chấm dứt giai đoạn lịch sử trong đó Nước Thiên Chúa đồng hoá với dân Do-thái.

Giờ đây *Cây Nho thật* đã bén rễ. Chúa Ki-tô là thân nho từ đó đâm ra những *cành nho*, nghĩa là chúng ta đang sống nhờ Người. Nhưng Chúa cũng là toàn bộ cây nho, cả thân lẫn cành : các Ki-tô hữu đích thực là thân thể Chúa Ki-tô.

Xưa cây nho là dân tộc Ít-ra-en, và điều quan trọng nhất có lẽ là toàn thể cộng đồng đáp ứng tiếng gọi của Thiên Chúa. Cá nhân không quan trọng bằng tập thể dân Ít-ra-en. Bây giờ thì Chúa Giê-su không nói : cộng đồng Ki-tô hữu là cây nho, mà nói : *Thầy là cây nho*. Thế thì điều quan trọng là mỗi người chúng ta được liên kết với Chúa Giê-su nhờ đức tin, cầu nguyện và lời của Người. Như ở ch. 10, con người mới là điều đáng quan tâm.

Thầy và Thầy ở lại trong người ấy, thì người ấy sinh nhiều hoa trái, vì không có Thầy, anh em chẳng làm gì được. ⁶ Ai không ở lại trong Thầy, thì bị quăng ra ngoài như cành nho và sẽ khô héo. Người ta nhặt lấy, quăng vào lửa cho nó cháy đi. ⁷ Nếu anh em ở lại trong Thầy và lời Thầy ở lại trong anh em, thì muốn gì, anh em cứ xin, anh em sẽ được như ý. ⁸ Điều làm Chúa Cha được tôn vinh là : Anh em sinh nhiều hoa trái và trở thành môn đệ của Thầy.

⁹ Chúa Cha đã yêu mến Thầy thế nào, Thầy cũng

yêu mến anh em như vậy. Anh em hãy ở lại trong tình thương của Thầy. ¹⁰ Nếu anh em giữ các điều răn của Thầy, anh em sẽ ở lại trong tình thương của Thầy, như Thầy đã giữ các điều răn của Cha Thầy và ở lại trong tình thương của Người. ¹¹ Các điều ấy, Thầy đã nói với anh em để anh em được hưởng niềm vui của Thầy, và niềm vui của anh em được nên trọn vẹn.

¹² Đây là điều răn của Thầy : anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em.

¹³ Không có tình thương

Tất cả chúng ta đều phải sinh hoa trái, mà Chúa Giê-su không nói rõ hoa trái đây là những gì : phục vụ, hiểu biết, hành động vì công bằng xã hội, hay sống tận hiến cho Thiên Chúa trong thinh lặng. Chúa chỉ nêu ra rằng những hoa trái này phải sản sinh từ Thần Khí của Người và mang dấu ấn riêng của Người. Mức thành đạt của Hội Thánh không phải đo bằng những huân công chiến tích, mà bằng sự thăng tiến của những con người trong Hội Thánh biết đào sâu mầu nhiệm Chúa Ki-tô và thông phần vào thập giá cũng như sự sống lại của Người.

Sau khi xác minh rằng chúng ta hoàn toàn lệ thuộc vào Người, Chúa Giê-su lập lại giới luật yêu thương của Người. Cần có một trật tự nào đó để vun đắp một đời sống Ki-tô giáo. Nếu ngay từ đầu chúng ta nói : “Chúng ta phải yêu thương người thân cận, vì đó là điều duy nhất hệ trọng”, thì chúng ta sẽ chẳng đi tới đâu, bởi vì mỗi người yêu thương theo cách hiểu của mình, bao lâu chưa nằm lòng cách suy nghĩ của Chúa Ki-tô. Điều Chúa yêu cầu chúng ta trước hết là chia sẻ tâm tư của Người : đó là ý nghĩa của kiểu nói *giữ các điều răn của Thầy*. Như thế chúng ta trở thành bạn hữu của Người, hiểu biết Người như một Đấng yêu mến chúng ta và hành động nơi chúng ta. Rồi sau đó chúng ta sẽ *sinh hoa trái* đích thực của tình yêu, trên cây nho duy nhất là Chúa Ki-tô.

nào cao cả hơn tình thương của người đã hy sinh tính mạng vì bạn hữu của mình. ¹⁴ Anh em là bạn hữu của Thầy, nếu anh em thực hiện những điều Thầy truyền dạy. ¹⁵ Thầy không còn gọi anh em là tôi tớ nữa, vì tôi tớ không biết việc chủ làm. Nhưng Thầy gọi anh em là bạn hữu, vì tất cả những gì Thầy nghe được nơi Cha Thầy, Thầy đã cho anh em biết.

¹⁶ Không phải anh em đã chọn Thầy, nhưng chính Thầy đã chọn anh em, và cắt cử anh em để anh em ra đi, sinh được hoa trái, và hoa trái của anh em tồn tại, hầu tất cả những gì

anh em xin cùng Chúa Cha nhân danh Thầy, thì Người ban cho anh em. ¹⁷ Điều Thầy truyền dạy anh em là hãy yêu thương nhau.

Các môn đệ và thế gian

* ¹⁸ Nếu thế gian ghét anh em, anh em hãy biết rằng nó đã ghét Thầy trước. ¹⁹ Giả như anh em thuộc về thế gian, thì thế gian đã yêu thích cái gì là của nó. Nhưng vì anh em không thuộc về thế gian và Thầy đã chọn, đã tách anh em khỏi thế gian, nên thế gian ghét anh em. ²⁰ Hãy nhớ lời Thầy đã nói với anh em : tôi tớ không

* **15,18** Mặc dù Chúa Ki-tô trở về bên Chúa Cha để bắt đầu hiện diện một cách hiệu quả hơn và phổ quát hơn giữa loài người, nhưng Xa-tan vẫn tiếp tục tung hoành. Giáo Hội và người tín hữu Chúa Ki-tô bỗng chốc trở nên kẻ thù của những người (thường là vô hình trung) làm trợ thủ cho Xa-tan. Ga gọi những người này là *thế gian*.

Giả như anh em thuộc về thế gian (c.19), nghĩa là giả như anh em là sản phẩm của thế gian, đứng về phe thế gian.

Số phận người tín hữu là bị thế gian ghét bỏ. Chuyện thường xảy ra là chỉ cần một ai đó bắt đầu sống đúng với tinh thần Ki-tô giáo hơn, có trách nhiệm hơn, thì liền gặp phải chống đối và thù ghét, ngay trong chính gia đình mình. Không ai biết đầu mối của thù hận ấy là gì, trừ ra ác quỷ, kẻ gây xào xáo để làm ta nản lòng.

Có lẽ ở ngay trong Giáo Hội, chúng ta cũng thấy có sự ngược đãi như vậy nhắm vào những môn đệ chân chính của Chúa Ki-tô. Một số người, do tham vọng hoặc bốn phận, tự đồng hoá mình với những cái họ xem là “quyền lợi của Hội Thánh”, nên có thể sẽ ngược đãi, đôi khi rất ác nghiệt, những ai hướng nhìn về Tin Mừng trước hết. Phải chăng ấy là vì những người nói trên thật ra *không biết Chúa Ki-tô, cũng chẳng biết Chúa Cha* (16,3) ?

lớn hơn chủ nhà. Nếu họ đã bắt bớ Thầy, họ cũng sẽ bắt bớ anh em. Nếu họ đã tuân giữ lời Thầy, họ cũng sẽ tuân giữ lời anh em. ²¹ Nhưng họ sẽ làm tất cả những điều ấy chống lại anh em, vì anh em mang danh Thầy, bởi họ không biết Đấng đã sai Thầy.

²² Giả như Thầy không đến và không nói với họ, họ đã chẳng có tội. Nhưng bây giờ, họ không thể chữa tội được. ²³ Ai ghét Thầy, thì cũng ghét Cha Thầy. ²⁴ Giả như Thầy không làm giữa họ những việc không một ai khác đã làm, họ đã không có tội. Nhưng nay họ thấy rồi mà vẫn ghét cả Thầy lẫn Cha Thầy. ²⁵ Như thế là ứng

nghiệm lời đã viết trong Sách Luật của họ : *Chúng ghét con vô cớ.*

* ²⁶ Khi Đấng Bảo Trợ đến, Đấng mà Thầy sẽ sai đến với anh em từ nơi Chúa Cha, Người là Thần Khí sự thật phát xuất từ Chúa Cha, Người sẽ làm chứng về Thầy. ²⁷ Cả anh em nữa, anh em cũng làm chứng, vì anh em ở với Thầy ngay từ đầu.

16 ¹ Thầy đã nói với anh em các điều ấy, để anh em khỏi bị vấp ngã. ² Họ sẽ khai trừ anh em khỏi hội đường. Hơn nữa, sẽ đến giờ kẻ nào giết anh em cũng tưởng mình phụng thờ Thiên Chúa. ³ Họ sẽ làm như thế, bởi vì họ không biết Chúa Cha cũng

* 15,26 CHÚA CHA, CHÚA CON VÀ CHÚA THÁNH THẦN

Khi cho chúng ta trở thành con cái của Cha Người, Chúa Giê-su bày tỏ cho chúng ta biết mầu nhiệm thâm sâu của Thiên Chúa. Nơi Thiên Chúa, có sự kết hợp giữa ba Ngôi Vị : Cha, Con, và Thánh Thần là Thần Khí chung của cả Hai Vị.

Chúng ta nói đến Thần Khí chung của Hai Ngôi vì Chúa Giê-su đã nói : *Chúa Cha sẽ ban cho anh em một Đấng Bảo Trợ khác* (14,16), và cũng nói : *Đấng Bảo Trợ mà Thầy sẽ sai đến với anh em* (15,26). Bây giờ Người tuyên bố : *Mọi sự Chúa Cha có đều là của Thầy* (16,15).

“Thần Khí” không phải là một biểu tượng thi ca, đó là Một Vị, là Chúa Thánh Thần. Điểm này đã được bàn đến rồi (7,37 ; 14,1).

Bắt đầu từ ngày lễ Ngũ Tuần, Thánh Thần hoạt động trong Hội Thánh, và như thế cho thấy rằng Người là Thần Khí của Chúa Ki-tô. Những người Do-thái không tin nghĩ rằng Thiên Chúa ở với họ, nhưng thật ra Thần Khí của Người không hoạt động nơi họ. Do đó rõ ràng họ đã phạm tội (c.9) vì không tin vào Chúa Ki-tô.

chẳng biết Thầy. ⁴ Nhưng Thầy đã nói với anh em những điều ấy, để khi đến giờ họ hành động, anh em nhớ lại là Thầy đã nói với anh em rồi.

Đấng Bảo Trợ sẽ đến

“Những điều ấy, Thầy đã không nói với anh em ngay từ đầu, vì lúc ấy Thầy còn ở với anh em. ⁵ Bây giờ Thầy đến cùng Đấng đã sai Thầy, và không ai trong anh em hỏi : ‘Thầy đi đâu?’ ⁶ Nhưng vì Thầy nói ra các điều ấy, nên lòng anh em tràn ngập ưu phiền. ⁷ Song, Thầy nói thật với anh em : Thầy ra đi thì có lợi cho anh em. Thật vậy, nếu Thầy không ra đi, Đấng Bảo Trợ sẽ

không đến với anh em ; nhưng nếu Thầy đi, Thầy sẽ sai Đấng ấy đến với anh em. ⁸ Khi Người đến, Người sẽ chứng minh rằng thế gian sai lầm về tội lỗi, về sự công chính và việc xét xử : ⁹ về tội lỗi : vì chúng không tin vào Thầy ; ¹⁰ về sự công chính : vì Thầy đến cùng Chúa Cha, và anh em không còn thấy Thầy nữa ; ¹¹ về việc xét xử : vì Thủ lãnh thế gian này đã bị xét xử rồi.

¹² Thầy còn nhiều điều phải nói với anh em. Nhưng bây giờ, anh em không có sức chịu nổi. ¹³ Khi nào Thần Khí sự thật đến, Người sẽ dẫn anh em tới sự thật toàn vẹn. Người sẽ không tự

Về sự công chính (c.10). Chúa Giê-su là Đấng Công Chính và, khi kết thúc cuộc đời dương thế mà đến cùng Chúa Cha, Người chỉ cho chúng ta con đường công chính, hay con đường thánh thiện.

Sách Công vụ cho thấy tác động của Thánh Thần nơi các môn đệ đầu tiên của Chúa Giê-su. Người hướng dẫn những vị ra đi loan báo Tin Mừng, ban cho họ sức mạnh và những đặc sủng ; những ai đón nhận ơn hoán cải, thì Người ban cho họ ơn nhận biết Thiên Chúa, nhiều khả năng mới mẻ để làm việc, chữa lành bệnh tật, phục vụ và lay chuyển một thế giới ngái ngủ. Suốt dòng lịch sử, Thánh Thần sẽ cho xuất hiện những người đầy đức tin, những vị tử đạo, những ngôn sứ, và nhờ họ, sẽ biến đổi thế giới.

Qua đó mà Chúa Cứu Thế, bề ngoài có vẻ là kẻ chiến bại, sẽ được chứng minh là công chính ; và kẻ thua cuộc rõ ràng sẽ là Xa-tan vốn đã bị xét xử rồi (c.11). Tên đạo diễn đầu sỏ của tấn kịch loài người, là Ác Thần, đã bị truất bỏ, và ảnh hưởng của hắn đã bị hạn chế. Một lực lượng mới là Thánh Thần sẽ định hướng cho lịch sử và hướng dẫn chúng ta đến chân lý toàn diện.

mình nói điều gì, nhưng tất cả những gì Người nghe, Người sẽ nói lại, và loan báo cho anh em biết những điều sẽ xảy đến. ¹⁴ Người sẽ tôn vinh Thầy, vì Người sẽ lấy những gì là của Thầy mà loan báo cho anh em. ¹⁵ Mọi sự Chúa Cha có đều là của Thầy. Vì thế, Thầy đã nói : Người lấy những gì là của Thầy mà loan báo cho anh em.

Đức Giê-su loan báo Người sẽ mau trở lại

* ¹⁶ “Ít lâu nữa, anh em sẽ không còn trông thấy

Thầy, rồi ít lâu nữa, anh em sẽ lại thấy Thầy.”

¹⁷ Bấy giờ vài người trong nhóm môn đệ của Đức Giê-su hỏi nhau : “Người muốn nói gì khi bảo chúng ta : ‘Ít lâu nữa, anh em sẽ không trông thấy Thầy, rồi ít lâu nữa, anh em sẽ lại thấy Thầy’ và ‘Thầy đến cùng Chúa Cha’ ?”

¹⁸ Vậy các ông nói : “‘Ít lâu nữa’ nghĩa là gì ? Chúng ta không hiểu Người nói gì !”

¹⁹ Đức Giê-su biết là các ông muốn hỏi mình, nên bảo các ông : “Anh em bàn luận với nhau về lời Thầy nói : ‘Ít lâu nữa, anh em sẽ không trông thấy Thầy,

*** 16,16 ĐỨC GIÊ-SU Ở GIỮA CHÚNG TA**

Chúa Giê-su ở giữa chúng ta, và chúng ta có thể ý thức sự hiện diện của Người dù trong lòng không cảm thấy được ấm áp. Chính Người đã nói : “Anh em sẽ được thấy Thầy, vì Thầy sống và anh em sẽ được sống” (14,19). Điều quan trọng không phải là cảm nhận được sự hiện diện của Người, mà là kiên trì trong đường lối của Người. Để đạt tới đức tin trưởng thành, chúng ta cần nếm qua cái chua xót thiếu vắng Người trong thời gian có thể dài hoặc ngắn : *Ít lâu nữa, anh em sẽ không còn trông thấy Thầy.*

Các môn đệ Chúa đã kinh nghiệm điều ấy lần đầu tiên vào giờ chết của Người ; sau đó họ đã *thấy Người* từ cõi chết sống lại. Điều ấy cũng sẽ ứng nghiệm vào ngày tận thế, khi chúng ta khám phá ra Chúa Kitô vinh hiển mà chúng ta đã từng chờ đợi trong đức tin. Không nên quá tự tin khi Người cho chúng ta cảm nhận được sự hiện diện của Người, chẳng hạn trong thời gian mới theo đạo. Khi mọi sự có vẻ dễ dàng, chúng ta không nên coi khinh những ai có vẻ không được Người chiều chuộng như chúng ta. Biết đâu *ít lâu nữa*, Chúa sẽ để chúng ta sống trong tăm tối.

Sau khi Chúa Giê-su sống, một tình bạn thực thụ sẽ chớm nở giữa Chúa và các môn đệ của Người : Người sẽ nói rõ với họ về Chúa Cha, và họ sẽ nhận danh Người mà cầu xin.

rồi ít lâu nữa, anh em sẽ lại thấy Thầy'.²⁰ Thật, Thầy bảo thật anh em : anh em sẽ khóc lóc và than van, còn thế gian sẽ vui mừng. Anh em sẽ lo buồn, nhưng nỗi buồn của anh em sẽ trở thành niềm vui.²¹ Khi sinh con, người đàn bà lo buồn vì đến giờ của mình ; nhưng sinh con rồi, thì không còn nhớ đến cơn gian nan nữa, bởi được chan chứa niềm vui vì một con người đã sinh ra trong thế gian.²² Anh em cũng vậy, bây giờ anh em lo buồn, nhưng Thầy sẽ gặp lại anh em, lòng anh em sẽ vui mừng ; và niềm vui của anh em, không ai lấy mất được.²³ Ngày ấy, anh em không còn phải hỏi Thầy gì nữa. Thật, Thầy bảo thật anh em : anh em mà xin Chúa Cha điều gì, thì Người sẽ ban cho anh em nhân danh Thầy.

²⁴ Cho đến nay, anh em đã chẳng xin gì nhân danh Thầy. Cứ xin đi, anh em sẽ được, để niềm vui của anh em nên trọn vẹn.

²⁵ Thầy đã dùng dụ ngôn mà nói những điều ấy với anh em. Sẽ đến giờ Thầy không còn dùng dụ ngôn mà nói với anh em nữa, nhưng Thầy sẽ nói rõ cho anh em về Chúa Cha, không còn úp mở.²⁶ Ngày ấy, anh em sẽ nhân danh Thầy mà xin, và Thầy không nói với anh em là Thầy sẽ cầu xin Chúa Cha cho anh em.²⁷ Thật vậy, chính Chúa Cha yêu mến anh em, vì anh em đã yêu mến Thầy, và tin rằng Thầy từ Thiên Chúa mà đến.²⁸ Thầy từ Chúa Cha mà đến, và Thầy đã đến thế gian. Nay Thầy lại bỏ thế gian mà đến cùng Chúa Cha."

Thầy sẽ nói rõ cho anh em... Câu trả lời ngây ngô của các Tông Đồ (c.29) làm nổi bật lên điều Chúa nói trong c.25. Ý Chúa Giê-su đâu nói Người sẽ trở lại cách hữu hình để dạy dỗ rõ ràng hơn chứ không phải bằng dụ ngôn. Đúng hơn, Người ám chỉ một dạng hiểu biết thiêng liêng về bản thân Người và lời của Người, mà các môn đệ sẽ lãnh nhận từ Thần Khí.

Anh em sẽ nhân danh Thầy mà xin (c.26). Được nhận biết Chúa Giê-su nhờ Thánh Thần, người tín hữu biết họ phải cầu xin điều gì với Người và Người sẽ ban cho họ. Cũng thế, họ sẽ biết những điều Thiên Chúa không muốn ban cho và do đó sẽ không ước muốn mà cầu xin những điều ấy.

²⁹ Các môn đệ Người thưa : “Đấy, bây giờ Thầy nói rõ, chứ không còn dùng dụ ngôn nào nữa.

³⁰ Giờ đây, chúng con nhận ra là Thầy biết hết mọi sự, và Thầy không cần phải có ai hỏi Thầy. Vì thế, chúng con tin Thầy từ Thiên Chúa mà đến.”

³¹ Đức Giê-su đáp : “Bây giờ anh em tin à ? ³² Nay đến giờ -và giờ ấy đã đến rồi- anh em sẽ bị phân tán mỗi người một ngã và để Thầy cô độc một mình. Nhưng Thầy không cô độc đâu, vì Chúa Cha ở với Thầy. ³³ Thầy nói với anh em những điều ấy, để trong Thầy anh em được bình an. Trong thế gian,

anh em sẽ phải gian nan khốn khó. Nhưng can đảm lên ! Thầy đã thắng thế gian.”

Lời cầu nguyện của Đức Giê-su

17 * ¹ Nói thế xong, Đức Giê-su ngược mặt lên trời và cầu nguyện : “Lạy Cha, giờ đã đến ! Xin Cha tôn vinh Con Cha để Con Cha tôn vinh Cha. ² Thật vậy, Cha đã ban cho Người quyền trên mọi phạm nhân là để Người ban sự sống đời đời cho tất cả những ai Cha đã ban cho Người. ³ Mà sự sống đời đời đó là họ nhận biết Cha, Thiên Chúa duy nhất và chân thật, và nhận biết

* 17,1 DUY NHẤT VÀ THÁNH THIÊN

“Lời nguyện của Đức Giê-su Thượng Tế” hay “lời nguyện hiến tế” là tên đặt cho lời cầu nguyện trong đó, trước khi chết, Chúa Ki-tô dâng hiến mạng sống của Người, với tư cách là tư tế đồng thời là lễ vật (c.19). Trong thời Cựu Ước, từ “thánh hiến” được áp dụng cho hai việc : vị tư tế tự thánh hiến mình, nghĩa là làm những nghi thức chuẩn bị để xứng đáng dâng của lễ, và ông cũng thánh hiến lễ vật khi tiến dâng nó lên Thiên Chúa.

Chúa Giê-su đến chấm dứt phương thức thờ phượng của Cựu Ước trong Đền Thờ Do-thái giáo (Dt 8,13 ; 10,9). Dân Do-thái đã từng được gọi là *thánh*, nghĩa là được tách riêng ra để phụng sự vị Thiên Chúa Chí Thánh mà, giữa muôn dân, họ là dân duy nhất được đặc ân nhận biết.

Chúa Giê-su cầu nguyện cho những kẻ thuộc về Người để họ trở thành dân mới của Người (Tv 102,19), dân thánh, nghĩa là được thánh hiến cho Thiên Chúa *trong sự thật* (c.17). Người sẽ đổ xuống trên họ Thần Khí sự thật đã được hứa ban trước đó cho dân Ít-ra-en, và Thần Khí này sẽ dạy dỗ họ từ trong đáy lòng của họ.

Đấng Cha đã sai đến, là Giê-su Ki-tô.

⁴ Phần con, con đã tôn vinh Cha ở dưới đất, khi hoàn tất công trình Cha đã giao cho con làm. ⁵ Vậy, lạy Cha, giờ đây, xin Cha tôn vinh con bên Cha : xin ban cho con vinh quang mà con vẫn được hưởng bên Cha trước khi có thế gian. ⁶ Những kẻ Cha đã chọn từ giữa thế gian mà ban cho con, con đã cho họ biết danh Cha. Họ thuộc về Cha, Cha đã ban họ cho con, và họ đã tuân giữ lời Cha. ⁷ Giờ đây, họ biết rằng tất cả những gì Cha ban cho con đều do bởi Cha, ⁸ vì con đã ban cho họ lời mà Cha đã ban cho

con ; họ đã nhận những lời ấy, họ biết thật rằng con đã từ Cha mà đến, và họ đã tin là Cha đã sai con.

⁹ Con cầu nguyện cho họ. Con không cầu nguyện cho thế gian, nhưng cho những kẻ Cha đã ban cho con, bởi vì họ thuộc về Cha. ¹⁰ Tất cả những gì con có đều là của Cha, tất cả những gì Cha có đều là của con ; và con được tôn vinh nơi họ. ¹¹ Con không còn ở trong thế gian nữa, nhưng họ, họ ở trong thế gian ; phần con, con đến cùng Cha.

Lạy Cha chí thánh, xin gìn giữ các môn đệ trong danh Cha mà Cha đã ban

Xin gìn giữ các môn đệ trong danh Cha (c.11). Nói cách khác : xin gìn giữ họ trong ánh quang nhiệm mầu của Cha, mà Cha vẫn chia sẻ cho Con. Đây là lời cầu nguyện của Chúa Giê-su cho Hội Thánh của Người, vì Người giao phó cho Hội Thánh chính sứ mạng của Người. Nhiệm vụ hàng đầu của Hội Thánh sẽ là nhận biết Thiên Chúa. (Từ *nhận biết* được lặp lại bảy lần, cho thấy rõ việc nhận biết là tâm điểm trong ý nguyện của Chúa Giê-su). Ki-tô giáo sẽ nghèo nàn biết bao nếu chỉ biết nói suông : Yêu thương, yêu thương ! Cho dù Hội Thánh ở vào tình huống nào, sứ mạng đặc biệt và không thay thế được của Hội Thánh vẫn là gìn giữ và rao truyền sự hiểu biết chân chính về Chúa Cha và điều răn mà Con của Người đã ban.

Chúa Giê-su cũng muốn hễ ai thuộc về Người thì nhận biết Thiên Chúa. Điều này đòi hỏi phải hiểu sâu lời Chúa, kiên trì trong cầu nguyện và tham dự các buổi phụng tự của cộng đoàn tín hữu. Khi thực hành những việc này, chúng ta sẽ nhận được ơn trợ giúp của Thánh Thần, Đấng trao ban các ơn hiểu biết và khôn ngoan (Cl 1,9). Từ ơn hiểu biết sẽ phát sinh những việc thiện và tình yêu : đây là khởi điểm của *sự sống đời đời* (c.3), khi mà chúng ta sẽ được nhìn thấy tỏ tường dung nhan Thiên Chúa (1 Ga 3,2).

cho con, để họ nên một như chúng ta. ¹² Khi còn ở với họ, con đã gìn giữ họ trong danh Cha mà Cha đã ban cho con. Con đã canh giữ, và không một ai trong họ phải hư mất, trừ đứa con hư hỏng, để ứng nghiệm lời Kinh Thánh. ¹³ Bây giờ, con đến cùng Cha, và con nói những điều này lúc còn ở thế gian, để họ được hưởng trọn vẹn niềm vui của con. ¹⁴ Con đã truyền lại cho họ lời của Cha, và thế gian đã ghét họ, vì họ không thuộc về thế gian, cũng như con đây không thuộc về thế gian. ¹⁵ Con không xin Cha cất họ khỏi thế gian, nhưng xin Cha gìn giữ họ khỏi ác thần. ¹⁶ Họ không

thuộc về thế gian cũng như con đây không thuộc về thế gian. ¹⁷ Xin Cha lấy sự thật mà thánh hiến họ. Lời Cha là sự thật. ¹⁸ Như Cha đã sai con đến thế gian, thì con cũng sai họ đến thế gian. ¹⁹ Vì họ, con xin thánh hiến chính mình con, để nhờ sự thật, họ cũng được thánh hiến.

²⁰ Con không chỉ cầu nguyện cho những người này, nhưng còn cho những ai nhờ lời họ mà tin vào con, ²¹ để tất cả nên một, như Cha ở trong con và con ở trong Cha để họ cũng ở trong chúng ta. Như vậy, thế gian sẽ tin rằng Cha đã sai con. ²² Phần con, con đã ban cho họ vinh quang mà Cha

Chúa Ki-tô đã cầu nguyện cho Hội Thánh của Người được nên một, nghĩa là được nên dấu chỉ hợp nhất trong một thế giới bị phân hoá. Tuyên xưng Chúa Ki-tô thì chưa đủ ; người ta còn phải thấy được ở giữa họ một Hội Thánh duy nhất và hợp nhất nữa.

Hội Thánh *công giáo*, nghĩa là toàn cầu, trong đó không ai cảm thấy mình là người xa lạ. Một Hội Thánh *duy nhất* bất phân, nhờ có cùng một Thần Khí, với mỗi dây hợp nhất thấy rõ giữa các thành viên.

Lịch sử Giáo Hội dường như mâu thuẫn với ý cầu nguyện của Chúa Giê-su, cũng như với ý muốn của Người là xây dựng Hội Thánh Người trên nền tảng Nhóm Mười Hai, đặt thánh Phê-rô làm thủ lãnh hữu hình của Nhóm và của cả Hội Thánh. Nhưng duy trì sự hợp nhất giữa những người thuộc đủ mọi quốc gia, với những tính khí và văn hoá khác nhau, đòi hỏi nhiều tình yêu và thông cảm.

Ngay từ những năm đầu tiên, một số người trong Giáo Hội đã bắt đầu bác bỏ đức tin mà các Tông Đồ rao giảng, và từ đó các nhóm hay giáo phái đã xuất hiện.

đã ban cho con, để họ được nên một như chúng ta là một : ²³ Con ở trong họ và Cha ở trong con, để họ được hoàn toàn nên một ; như vậy, thế gian sẽ nhận biết là chính Cha đã sai con và đã yêu thương họ như đã yêu thương con.

²⁴ Lạy Cha, con muốn rằng con ở đâu, thì những người Cha đã ban cho con cũng ở đó với con, để họ chiêm ngưỡng vinh quang của con, vinh quang mà

Cha đã ban cho con, vì Cha đã yêu thương con trước khi thế gian được tạo thành. ²⁵ Lạy Cha là Đấng công chính, thế gian đã không biết Cha, nhưng con, con đã biết Cha, và những người này đã biết là chính Cha đã sai con.

²⁶ Con đã cho họ biết danh Cha, và sẽ còn cho họ biết nữa, để tình Cha đã yêu thương con, ở trong họ, và con cũng ở trong họ nữa.”

2. CUỘC THƯƠNG KHÓ

Đức Giê-su bị bắt giữ

18 ¹ Sau khi nói những lời đó, Đức Giê-su đi ra cùng với các môn đệ,

sang bên kia suối Kít-rôn. Ở đó, có một thửa vườn, Người cùng với các môn đệ đi vào. ² Giu-đa, kẻ nộp

Về sau, vì những lý do lịch sử, các nước thuộc đế quốc Rô-ma chia ra làm hai khối : đế quốc Phương Đông theo văn hoá Hy-lạp, và đế quốc Phương Tây (Tây Âu) trong đó nền văn hoá trung cổ sẽ phát triển sau thời kỳ các dân tộc man di xâm lăng Châu Âu. Giữa người Ki-tô hữu thuộc hai khối, sự giao lưu trở nên ngày càng khó khăn. Và bởi vì họ sống cùng một niềm tin nhưng lại theo những truyền thống và lối sống đạo khác nhau, nên họ bắt đầu cho rằng họ theo những tôn giáo khác nhau. Các Giáo Hội đông phương, được gọi là Giáo Hội Chính Thống, tách khỏi Giáo Hội Rô-ma như thế đó.

Mãi sau này, sự lơ là của hàng giáo phẩm trước hiện tượng những lạm dụng dai dẳng trong một Giáo Hội đã ngã theo “thời đời”, là cơ hội thúc đẩy những người Tin Lành thành lập những Giáo Hội mới gọi là “Giáo Hội cải cách”. Ngoài ra, sự ly khai này còn có những nguyên nhân rất phức tạp, chính trị, kinh tế và xã hội. Cuộc khủng hoảng văn hoá mà khối Ki-tô giáo đang trải qua buộc người Ki-tô hữu phải xét lại các quan điểm của mình về Kinh Thánh, triết học và xã hội. Đứng trước các vấn đề này, tùy theo lập trường mình chọn mà người này theo Giáo Hội Tin Lành, người kia ở lại trong Giáo Hội Công Giáo.

Người, cũng biết nơi này, vì Người thường tụ họp ở đó với các môn đệ. ³ Vậy, Giu-đa tới đó, dẫn một toán quân cùng đám thuộc hạ của các thượng tế và nhóm Pha-ri-sêu ; họ mang theo đèn đuốc và khí giới. ⁴ Đức Giê-su biết mọi việc sắp xảy đến cho mình, nên tiến ra và hỏi : “Các anh tìm ai ?” ⁵ Họ đáp : “Tìm Giê-su Na-da-rét.” Người nói : “Chính tôi đây.” Giu-đa, kẻ nộp Người, cũng đứng chung với họ. ⁶ Khi Người vừa nói : “Chính tôi đây”, thì họ lùi lại và ngã xuống đất. ⁷ Người lại hỏi một lần nữa : “Các anh tìm ai ?” Họ đáp : “Tìm Giê-su Na-da-rét.” ⁸ Đức Giê-su nói : “Tôi đã bảo các anh là chính tôi đây. Vậy, nếu các anh tìm bắt tôi, thì hãy để cho những người này đi.” ⁹ Thế là ứng nghiệm lời Đức Giê-su đã nói : “Những người Cha đã

ban cho con, con không để mất một ai.”

¹⁰ Ông Si-môn Phê-rô có sẵn một thanh gươm, bèn tuốt ra, nhằm người đầy tớ vị thượng tế, mà chém đứt tai phải của y. Người đầy tớ ấy tên là Man-khô. ¹¹ Đức Giê-su nói với ông Phê-rô : “Hãy xỏ gươm vào bao. Chén mà Chúa Cha đã trao cho Thầy, lẽ nào Thầy chẳng uống ?”

Đức Giê-su bị điệu ra trước các ông Kha-nan và Cai-pha. Ông Phê-rô chối Thầy.

¹² Bấy giờ toán quân và viên chỉ huy cùng đám thuộc hạ của người Do-thái bắt Đức Giê-su và trói Người lại. ¹³ Trước tiên, họ điệu Đức Giê-su đến ông Kha-nan là nhạc phụ ông Cai-pha. Ông Cai-pha làm thượng tế năm đó. ¹⁴ Chính ông này đã đề nghị với người Do-thái là nên để một người chết thay cho dân thì hơn.

Ngày nay, một phần đáng kể những khó khăn trong quá khứ nói trên đã được làm sáng tỏ. Anh em Công Giáo, Chính Thống và Tin Lành đang có nhiều cố gắng trong nỗ lực hợp nhất lại với nhau. Nhưng đồng thời những rạn nứt mới lại xuất hiện trong nội bộ Giáo Hội. Bởi vì đứng trước các vấn nạn đương thời gây nhiều xung đột nhất, người Ki-tô hữu không nhất trí với nhau, không những trong cách chọn lựa của họ về mặt chính trị, mà còn trong cách hiểu biết Chúa Ki-tô, trong cách rao truyền thông điệp của Người nữa.

¹⁵ Ông Si-môn Phê-rô và một môn đệ khác đi theo Đức Giê-su. Người môn đệ này quen biết vị thượng tế, nên cùng với Đức Giê-su vào sân trong của tư dinh vị thượng tế. ¹⁶ Còn ông Phê-rô đứng ở phía ngoài, gần cổng. Người môn đệ kia quen biết vị thượng tế ra nói với chị giữ cổng, rồi dẫn ông Phê-rô vào. ¹⁷ Người tớ gái giữ cổng nói với ông Phê-rô : “Cả bác nữa, bác không thuộc nhóm môn đệ của người ấy sao ?” Ông liền đáp : “Đâu phải.” ¹⁸ Vì trời lạnh, các đầy tớ và thuộc hạ đốt than và đứng sưởi ở đó ; ông Phê-rô cũng đứng sưởi với họ. ¹⁹ Vị thượng tế tra hỏi Đức Giê-su về các môn đệ và giáo huấn của Người. ²⁰ Đức Giê-su trả lời : “Tôi đã nói công khai trước mặt thiên hạ ; tôi hằng giảng dạy trong hội đường và tại Đền Thờ, nơi mọi người Do-thái tụ họp. Tôi không hề nói điều gì lén lút. ²¹ Sao ông lại hỏi tôi ?

Điều tôi đã nói, xin cứ hỏi những người đã nghe tôi. Chính họ biết tôi đã nói gì.” ²² Đức Giê-su vừa dứt lời, thì một tên trong nhóm thuộc hạ đứng đó và vào mặt Người mà nói : “Anh trả lời vị thượng tế như thế ư ?” ²³ Đức Giê-su đáp : “Nếu tôi nói sai, anh chứng minh xem sai ở chỗ nào ; còn nếu tôi nói phải, sao anh lại đánh tôi ?” ²⁴ Ông Kha-nan cho giải Người đến thượng tế Cai-pha, Người vẫn bị trói.

²⁵ Còn ông Si-môn Phê-rô thì vẫn đứng sưởi ở đó. Người ta nói với ông : “Cả bác nữa, bác không thuộc nhóm môn đệ của ông ấy sao ?” Ông liền chối : “Đâu phải.” ²⁶ Một trong các đầy tớ của vị thượng tế, có họ với người bị ông Phê-rô chém đứt tai, lên tiếng hỏi : “Tôi đã chẳng thấy bác ở trong vườn với ông ấy sao ?” ²⁷ Một lần nữa ông Phê-rô lại chối, và ngay lúc ấy gà liền gáy.

Vì vậy, phong trào đại kết, nghĩa là nỗ lực hoà giải và xích lại gần nhau giữa các Giáo Hội, đòi hỏi chúng ta cũng phải vượt qua những mâu thuẫn mới đang đe dọa sự hợp nhất trong nội bộ Giáo Hội. Chúng ta phải làm cả cái không thể làm, để sự hợp nhất của tất cả các Ki-tô hữu được thành tựu, như Chúa Ki-tô mong muốn, và bằng những phương cách Người mong muốn.

Đức Giê-su bị điệu ra trước tổng trấn Phi-la-tô

* 28 Vậy, người Do-thái điệu Đức Giê-su từ nhà ông Cai-pha đến dinh tổng trấn. Lúc đó trời vừa sáng. Nhưng họ không vào dinh kéo bị nhiễm uest mà không ăn lễ Vượt Qua được. 29 Vì thế, tổng trấn Phi-la-tô ra ngoài gặp họ và hỏi : “Các người tố cáo ông này về tội gì ?” 30 Họ đáp : “Nếu ông này không làm điều ác, thì chúng tôi đã chẳng đem nộp cho quan.” 31 Ông Phi-la-tô bảo họ : “Các người cứ đem ông ta đi mà xét xử theo luật của các người.” Người Do-thái đáp : “Chúng tôi không có quyền xử tử ai cả.” 32 Thế là ứng nghiệm lời Đức Giê-su đã nói, khi

ám chỉ Người sẽ phải chết cách nào.

33 Ông Phi-la-tô trở vào dinh, cho gọi Đức Giê-su và nói với Người : “Ông có phải là vua dân Do-thái không ?” 34 Đức Giê-su đáp : “Ngài tự ý nói điều ấy, hay những người khác đã nói với ngài về tôi ?” 35 Ông Phi-la-tô trả lời : “Tôi là người Do-thái sao ? Chính dân của ông và các thượng tế đã nộp ông cho tôi. Ông đã làm gì ?” 36 Đức Giê-su trả lời : “Nước tôi không thuộc về thế gian này. Nếu Nước tôi thuộc về thế gian này, thuộc hạ của tôi đã chiến đấu không để tôi bị nộp cho người Do-thái. Nhưng thật ra Nước tôi không thuộc chốn này.” 37 Ông

* 18,28 CHÚA KI-TÔ VUA

Nước tôi không thuộc về thế gian này (c.36). Phải nhớ lại những gì đã viết về Lc 8,9. Trong Tin Mừng ở đây, một từ Hy-lạp duy nhất lại có ba nghĩa : *vương quốc* hay *nước*, là lãnh thổ vua cai trị ; *triều đại*, là việc cai trị của vua hay thời đại vua cai trị ; *vương quyền*, là chức phẩm và quyền bính của vua.

Dấu sao sẽ hiểu sai nếu hiểu lời Chúa nói đây có nghĩa là : “Nước của tôi là ở một thế giới khác, do đó những vấn đề xã hội và chính trị của thế gian này không can gì đến tôi. Tôi đã đến để ban cho từng cá nhân một ơn cứu độ thiêng liêng dành cho những kẻ tin.”

Cũng thế, sẽ sai lầm nếu hiểu câu “*Ngài không có quyền gì đối với tôi, nếu Trời chẳng ban cho ngài*” (19,11) theo nghĩa : những kẻ có quyền là được Thiên Chúa trực tiếp ban quyền cho, và vì thế không ai được phép hoặc bốn phận đấu tranh để đặt lên, thay thế họ, những người đỡ tham những hơn, đỡ bất công hơn, hay có khả năng hơn. X. phần bình giải Rm 13,1.

Phi-la-tô liền hỏi : “Vậy ông là vua sao ?” Đức Giê-su đáp : “Chính ngài nói rằng tôi là vua. Tôi đã sinh ra và đã đến thế gian nhằm mục đích này : làm chứng cho sự thật. Ai đứng về phía sự thật thì nghe tiếng tôi.”³⁸ Ông Phi-la-tô nói với Người : “Sự thật là gì ?”

Nói thế rồi, ông lại ra gặp người Do-thái và bảo họ : “Phần ta, ta không tìm thấy lý do nào để kết tội ông ấy.³⁹ Theo tục lệ của các người, vào dịp lễ Vượt Qua, ta thường tha một người nào đó cho các người. Vậy các người có muốn ta tha vua dân Do-

thái cho các người không ?”

⁴⁰ Họ lại la lên rằng : “Đừng tha nó, nhưng xin tha Ba-ra-ba !” Mà Ba-ra-ba là một tên cướp.

19¹ Bấy giờ ông Phi-la-tô truyền đem Đức Giê-su đi và đánh đòn Người.

² Bọn lính kết một vòng gai làm vương miện, đặt lên đầu Người, và khoác cho Người một áo choàng đỏ.³ Họ đến gần và nói : “Kính chào Vua dân Do-thái !”, rồi vả vào mặt Người.

⁴ Ông Phi-la-tô lại ra ngoài và nói với người Do-thái : “Đây ta dẫn ông ấy ra ngoài cho các người, để

Bị trói hai tay, Chúa Giê-su ứng xử với phong độ của hàng vương đế trước mặt Phi-la-tô, viên tổng trấn tự giam hãm trong chức vụ và tham vọng của mình. Chúa Giê-su không làm vua như *vua chúa trần gian*, vì Người không bắt thiên hạ phục quyền mình. Chúa Giê-su, vua dân Do-thái, không phải đến để phục hưng nước Do-thái độc lập, nhưng là để thiết lập *vương quốc chân lý* mà Thiên Chúa đã hứa ban suốt bao nhiêu thế kỷ. Mà chân lý thì không tiến vào thế giới bằng vũ lực, nhưng nhờ vào lời chứng của những người sống trong chân lý. Người ta có thể ngược đãi các chứng nhân chân lý, nhưng chính họ thì không ngược đãi một ai.

Nước tôi không thuộc về thế gian này. Chúa Giê-su không như những nhà cầm quyền khác đã giành quyền bằng sức mạnh hay qua một cuộc bầu cử. Người được chính Chúa Cha sai đến và phong vương.

Quan Phi-la-tô thì trái lại, được hoàng đế Rô-ma bổ nhiệm : đường công danh của ông là do tham vọng bản thân cũng như lệ thuộc vào sự bảo trợ của người khác. Làm sao một con người như thế lại có thể có quyền gì đối với Con Thiên Chúa, và do sợ dân mà có thể bắt Người chịu đóng đinh, nếu không phải là để thực hiện mệnh Trời ? Thật vậy, ngay một con chim sẽ rơi xuống đất cũng không qua ý muốn của Chúa Cha.

các người biết là ta không tìm thấy lý do nào để kết tội ông ấy.”⁵ Vậy, Đức Giê-su bước ra ngoài, đầu đội vương miện bằng gai, mình khoác áo choàng đỏ. Ông Phi-la-tô nói với họ : “Đây là người !”⁶ Khi vừa thấy Đức Giê-su, các thượng tế cùng các thuộc hạ liền kêu lên rằng : “Đóng đinh, đóng đinh nó vào thập giá !” Ông Phi-la-tô bảo họ : “Các người cứ đem ông này đi mà đóng đinh vào thập giá, vì phần ta, ta không tìm thấy lý do để kết tội ông ấy.”⁷ Người Do-thái đáp lại : “Chúng tôi có Lễ Luật ; và chiếu theo Lễ Luật, thì nó phải chết, vì nó đã xưng mình là Con Thiên Chúa.”

⁸ Nghe lời đó, ông Phi-la-tô càng sợ hơn nữa. ⁹ Ông lại trở vào dinh và nói với Đức Giê-su : “Ông từ đâu mà đến ?” Nhưng Đức Giê-su không trả lời. ¹⁰ Ông Phi-la-tô mới nói với Người : “Ông không trả lời tôi ư ? Ông không biết rằng tôi có quyền tha và cũng có quyền đóng đinh ông vào thập giá sao ?” ¹¹ Đức Giê-su đáp lại : “Ngài không có quyền gì đối với tôi, nếu Trời chẳng ban cho ngài. Vì thế, kẻ nộp tôi cho ngài thì mắc tội nặng hơn.”

Đức Giê-su bị kết án tử hình

¹² Từ đó, ông Phi-la-tô tìm cách tha Người. Nhưng

Thiên Chúa không cho phép loài người thụ tạo huỷ hoại định mệnh của con cái Người, cho dù quyền thế của họ hùng cường đến đâu. Người chăm lo cho mỗi người chúng ta, đến nỗi ngay cả những bất công chúng ta phải chịu thế nào cũng phục vụ kế hoạch Người đã định cho chúng ta. Và bởi vì số phận chúng ta tùy thuộc Cha trên trời đồng thời cũng tùy vào những nhà cầm quyền trần thế, chúng ta phải tin rằng Người hướng dẫn họ trong nhiều tình huống, ngay cả khi chức quyền của họ “thuộc về thế gian này”, nghĩa là không hoàn toàn quang minh chính đại.

Khi kết án Chúa Giê-su, Phi-la-tô đã làm một điều bất công. Vì đã đàn áp và bóc lột người Do-thái một cách thô bỉ, ông sợ họ đi tố cáo ông với hoàng đế. Nhưng đối với ông, kết án Chúa Giê-su chẳng qua là giết chết thêm một tên Do-thái nữa thôi : ông không mang hết tất cả trách nhiệm, vì nền công lý loại này nằm trong cơ cấu thuộc địa của người Rô-ma.

Thượng tế Cai-pha thì trái lại, đã nộp Chúa Giê-su sau khi tuyên án hành động và lời nói của Chúa một cách hoàn toàn sáng suốt : vậy là ông mắc tội nặng hơn (19,11).

dân Do-thái kêu lên rằng : “Nếu ngài tha nó, ngài không phải là bạn của Xê-da. Ai xưng mình là vua, thì chống lại Xê-da.”¹³ Khi nghe thấy thế, ông Phi-la-tô truyền dẫn Đức Giê-su ra ngoài. Ông đặt Người ngồi trên toà, ở nơi gọi là Nền Đá, tiếng Híp-ri là Gáp-ba-tha.¹⁴ Hôm ấy là ngày áp lễ Vượt Qua, vào khoảng mười hai giờ trưa. Ông Phi-la-tô nói với người Do-thái : “Đây là vua các người !”¹⁵ Họ liền hô lớn : “Đem đi ! Đem nó đi ! Đóng đinh nó vào thập giá !” Ông Phi-la-tô nói với họ : “Chẳng lẽ ta lại đóng đinh vua các người sao ?” Các thượng tế đáp : “Chúng tôi không có vua nào cả, ngoài Xê-da.”¹⁶ Bấy giờ ông Phi-la-tô trao Đức Giê-su cho họ đóng đinh vào thập giá.

Đức Giê-su chịu đóng đinh vào thập giá

Vậy họ điệu Đức Giê-su đi.¹⁷ Chính Người vác lấy thập giá đi ra, đến nơi gọi là Cái Sọ, tiếng Híp-ri là Gôn-gô-tha ;¹⁸ tại đó, họ đóng đinh Người vào thập giá, đồng thời cũng đóng đinh hai người khác nữa, mỗi người một bên, còn Đức Giê-su thì ở giữa.¹⁹ Ông Phi-la-tô cho viết một tấm bảng và treo trên thập giá ; bảng đó có ghi : “Giê-su Na-da-rét, Vua dân Do-thái.”²⁰ Trong dân Do-thái, có nhiều người đọc được bảng đó, vì nơi Đức Giê-su bị đóng đinh là một địa điểm ở gần thành. Tấm bảng này viết bằng các tiếng : Híp-ri, La-tinh và Hy-lạp.²¹ Các thượng tế của người Do-thái nói với ông Phi-la-tô : “Xin ngài đừng viết : ‘Vua dân Do-thái’, nhưng viết : ‘Tên

Chúng tôi không có vua nào cả, ngoài Xê-da (19,15). Đám đông bị các thủ lĩnh kích động đã hô vang như thế, mặc dù họ thù ghét người Rô-ma và hoàng đế của họ (trong đoạn văn này, “Xê-da” không chỉ về vị hoàng đế mà lịch sử gọi là Giu-li-út Xê-da, chết vào năm 44 tCN ; vị “Xê-da” hay hoàng đế đương kim vào thời kỳ này là Ti-bê-ri-út). Thực tế là sau đó vài năm, dân Do-thái không có vua nào khác ngoài Xê-da, và ông này sẽ huỷ diệt đất nước họ.

Quan Phi-la-tô muốn cứu mạng người tù của ông khi cho Người xuất hiện mặt mày bầm dập đến thậm tệ. Nhưng khi đưa ra một ông vua bị nhục nhã như thế, ông làm cho đám dân đang bị ông áp bức cảm thấy bị xúc phạm trầm trọng : họ chỉ có thể nổi loạn thôi.

này đã nói : Ta là Vua dân Do-thái'." ²² Ông Phi-la-tô trả lời : "Ta viết sao, cứ để vậy !"

Lính tráng chia nhau áo xống của Đức Giê-su

²³ Đóng đinh Đức Giê-su vào thập giá xong, lính tráng lấy áo xống của Người chia làm bốn phần, mỗi người một phần ; họ lấy cả chiếc áo dài nữa. Nhưng chiếc áo dài này không có đường khâu, dệt

liền từ trên xuống dưới. ²⁴ Vậy họ nói với nhau : "Đừng xé áo ra, cứ bắt thăm xem ai được." Thế là ứng nghiệm lời Kinh Thánh : *Áo xống tôi, chúng đem chia chác, cả áo dài, cũng bắt thăm luôn.* Đó là những điều lính tráng đã làm.

Đức Giê-su và thân mẫu của Người

* ²⁵ Đứng gần thập giá Đức Giê-su, có thân mẫu

* 19,25 NGƯỜI MẸ CÁC TÍN HỮU

E-và đã ở bên cạnh A-đam lúc con người sa ngã. Nay trong cuộc phục hưng, nghĩa là cuộc sáng tạo thứ hai, một phụ nữ khác ở bên cạnh A-đam thứ hai là Con Người. Đức Ma-ri-a không chồng không con để đón về nuôi dưỡng, và đối với người Do-thái, một phụ nữ đơn chiếc là coi như bị nguyên rủa. Chúa Giê-su giao phó mẹ Người cho ông Gio-an, và ông Gio-an cho mẹ Người. Ông Gio-an chứng nhận đã nghe được hai lời này. Lưu ý là bản Hy-lạp của ông viết : Chúa Giê-su nói với *người mẹ*, chứ không phải nói với *mẹ Người*. Đây là một cử chỉ biểu trưng khác nữa của Chúa Giê-su : Đức Ma-ri-a sẽ là người mẹ của tất cả mọi tín hữu.

Qua hành động cuối cùng này của Chúa Giê-su, Giáo Hội đã khám phá đôi chút về mẫu nhiệm đời sống Ki-tô hữu. Người tín hữu là thành viên của một gia đình thiêng liêng. Cũng như một đứa trẻ cần có cha và mẹ để phát triển bình thường, thì người tín hữu cũng cần có Đức Ma-ri-a và Cha trên trời. Đây là một giáo lý không thay đổi của Giáo Hội, mà giáo lý này tuyệt đối không đưa loài thụ tạo lên đồng hàng với Đấng Tạo Hoá. Không phải ngẫu nhiên mà Thiên Chúa ban cho chúng ta một người mẹ : nếu một đứa trẻ không có mẹ là bất hạnh, thì người tín hữu cũng bất hạnh nếu tôn giáo của họ chỉ được biểu hiện qua một thế giới toàn những nam nhân.

Người tín hữu nào đón nhận Mẹ Ma-ri-a vào nhà mình như ông Gio-an sẽ không trở thành cuồng tín, cũng không là người xét nét về đức tin. Có một dạng khiêm nhường, hân hoan và bình an nội tâm, một cách sùng kính đơn sơ, là nét đặc trưng của những người công giáo đã biết đón nhận Mẹ Ma-ri-a mà vẫn không vì thế mà lãng quên Chúa Cứu Thế của mình.

Người, chị của thân mẫu, bà Ma-ri-a vợ ông Cơ-lô-pát, cùng với bà Ma-ri-a Mác-đa-la.²⁶ Khi thấy thân mẫu và môn đệ mình thương mến đứng bên cạnh, Đức Giê-su nói với thân mẫu rằng : “Thưa Bà, đây là con của Bà.”²⁷ Rồi Người nói với môn đệ : “Đây là mẹ của anh.” Kể từ giờ đó, người môn đệ rước bà về nhà mình.

Đức Giê-su chết trên thập giá

*²⁸ Sau đó, Đức Giê-su biết là mọi sự đã hoàn tất. Và để ứng nghiệm lời Kinh Thánh, Người nói :

“Tôi khát !”²⁹ Ở đó, có một bình đầy giấm. Người ta lấy miếng bọt biển có thấm đầy giấm, buộc vào một nhánh hương thảo, rồi đưa lên miệng Người.³⁰ Nhấp xong, Đức Giê-su nói : “Thế là đã hoàn tất !” Rồi Người gục đầu xuống và trao Thần Khí.

Đức Giê-su bị lưỡi đồng đâm thấu

*³¹ Hôm đó là ngày áp lễ, người Do-thái không muốn để xác chết trên thập giá trong ngày sa-bát, mà ngày sa-bát đó lại là ngày lễ lớn. Vì thế họ xin ông Phi-la-tô cho đánh

* **19,28 Tôi khát !** Chúa Giê-su bị cơn khát hành hạ, nhưng Người cũng khát mong thấy Vương Quốc của Cha Người được thiết lập trên thế giới. Người khao khát tình yêu vô vị lợi của những ai có thể chia sẻ những tâm tư và nỗi lo âu của Người và sẵn lòng đi theo Người lên đến Núi Sọ.

Thế là đã hoàn tất ! Chúa Giê-su uống cạn chén đắng cay và sỉ nhục. Chén này, Chúa Cha đã đặt vào tay Người để Người trở nên Đấng Cứu Thế mà chúng ta cần đến. Giờ đây, phần việc của Con Thiên Chúa làm người đã hoàn tất : một cuộc sáng thế mới. Cuộc đời trần thế của Con Thiên Chúa đã kết thúc, và từ hạt giống được gieo vào lòng đất này sẽ nảy sinh Con Người Mới.

Giờ đây, đã kết thúc thời kỳ chuẩn bị, trong đó Lễ Luật của đạo Do-thái chiếm vị trí hàng đầu, và luôn phảng phất nỗi lo sợ do những tội không được tha. Giờ đây đã chấm dứt giai đoạn lịch sử trong đó loài người cam chịu để cho những lo sợ đè nặng trên số phận của mình, coi đó là một định mệnh thật ra chẳng qua là thân phận con người hãy còn bị Ác Thần kiểm chế.

Thế là một giai đoạn lịch sử mới đã bắt đầu, thời đại Giao Ước Mới giữa Thiên Chúa và nhân loại. Thánh Thần sẽ được thông ban cho Hội Thánh. Vì vậy mà Ga nói : Chúa Giê-su *trao Thần Khí*, hiểu là ban Thánh Thần cho chúng ta.

giập ống chân các người bị cùng bị đóng đinh với Đức
đóng đinh và lấy xác Giê-su.³³ Khi đến gần Đức
xuống.³² Quân lính đến, Giê-su và thấy Người đã
đánh giáp ống chân người chết, họ không đánh giáp
thứ nhất và người thứ hai ống chân Người.³⁴ Nhưng

* 19,31 THÁNH TÂM

Cuối bài tường thuật cuộc Thương Khó và cái Chết của Chúa Giê-su, tác giả như đóng dấu ấn của riêng cá nhân mình trên tác phẩm bằng một lời chứng được lặp lại ba lần. Chúa Giê-su đã chết. Người lính đâm mũi giáo, và từ trái tim bị đâm thủng của Chúa, *máu cùng nước chảy ra*. Đối với tác giả, đây là giây phút mà ý nghĩa của tấn kịch này được lộ ra.

Hôm ấy là ngày chuẩn bị lễ Vượt Qua, và trưa hôm thứ sáu này, gần bên địa điểm hành hình này, người Do-thái từ trên đồi đi xuống Đền Thờ để sát tế con chiên Vượt Qua. Trong nghi lễ sát tế này thì không được để rơi mất một giọt máu nào. Năm nay, ông Gio-an không đi theo đám đông ấy ; ông đứng đây, dưới chân cây thập giá với Đức Ma-ri-a và một vài phụ nữ thánh thiện. Và đây, cũng như vị tư tế trong Đền Thờ vào cùng giờ phút ấy, người lính làm cho Chúa Giê-su, trên thập giá, đổ hết máu mình ra cho đến giọt cuối cùng. Bấy giờ ông Gio-an sáng mắt ra : ông bỗng thấy sáng lên chói ngời ý nghĩa của lời ông Gio-an Tẩy Giả đã thốt ra bên bờ sông Gio-đan : *Đây là Chiên Thiên Chúa, đây Đấng xóa bỏ tội trần gian* (1,29).

Cử chỉ người lính bỗng mang giá trị ngôn sứ, mặc khải mầu nhiệm của Chiên Thiên Chúa. Máu chuộc tội đã đổ ra, không phải trên bàn thờ trong Đền Thánh nữa, mà trên miền đất đã được tái sinh, chứa chan sức sống nhờ máu Chúa Ki-tô. Nghi lễ sát tế chiên Vượt Qua mà xưa ông Mô-sê đã sáng lập nay được hoàn thành và biến thái. Cũng như trong cuộc “vượt cạn” kỳ sinh nở, *máu và nước vọt ra* từ cạnh sườn Chúa Giê-su hôm nay loan báo thời đại mới với các bí tích Thánh Tẩy và Thánh Thể. Và Ga nhắc nhớ một điều luật khác nữa về nghi lễ sát tế con chiên : *Không một khúc xương nào của Người sẽ bị đánh giáp* (x. Xh 12,46).

Vết thương mở rộng nơi cạnh sườn Chúa Giê-su mời gọi chúng ta khám phá mỗi tình mãnh liệt và nhiệm mầu đã nung nấu trái tim Chúa suốt đời. Các môn đệ đã từng chia sẻ cuộc sống thường nhật của Người rồi sẽ thấy những kỷ niệm và cảm xúc của mình phai nhạt và tan biến theo dòng thời gian. Nhưng họ cũng sẽ khám phá rằng không có một lời, một cử chỉ nào, hay một khoảnh khắc lặng nào của Chúa Giê-su lại không nói lên tình yêu của Người đối với Thiên Chúa. Chính từ trái tim bị lưỡi đồng khai mở mà phát sinh nơi chúng ta lòng sùng kính Trái Tim Chúa Giê-su. Đừng bận tâm suy nghĩ lòng vòng để lý giải đức tin chúng ta, nhưng hãy chiêm ngắm tình yêu Thiên Chúa và để tình yêu ấy biến đổi chúng ta.

một người lính lấy giáo đâm vào cạnh sườn Người. Tức thì, máu cùng nước chảy ra. ³⁵ Người xem thấy việc này đã làm chứng, và lời chứng của người ấy xác thực ; và người ấy biết mình nói sự thật để cho cả anh em nữa cũng tin. ³⁶ Các việc này đã xảy ra để ứng nghiệm lời Kinh Thánh : *Không một khúc xương nào của Người sẽ bị đánh giập.* ³⁷ Lại có lời Kinh Thánh khác : *Họ sẽ nhìn lên Đấng họ đã đâm thấu.*

Đức Giê-su được mai táng

* ³⁸ Sau đó, ông Giô-xép, người A-ri-ma-thê, xin ông Phi-la-tô cho phép hạ thi hài Đức Giê-su xuống. Ông Giô-xép này là một môn

đệ theo Đức Giê-su, nhưng cách kín đáo, vì sợ người Do-thái. Ông Phi-la-tô chấp thuận. Vậy, ông Giô-xép đến hạ thi hài Người xuống. ³⁹ Ông Ni-cô-đê-mô cũng đến. Ông này trước kia đã tới gặp Đức Giê-su ban đêm. Ông mang theo chừng một trăm cân mộc được trộn với trầm hương. ⁴⁰ Các ông lãnh thi hài Đức Giê-su, lấy băng vải tẩm thuốc thơm mà quấn, theo tục lệ chôn cất của người Do-thái. ⁴¹ Nơi Đức Giê-su bị đóng đinh có một thửa vườn, và trong vườn, có một ngôi mộ còn mới, chưa chôn cất ai. ⁴² Vì hôm ấy là ngày áp lễ của người Do-thái, mà ngôi mộ lại gần bên, nên các ông mai táng Đức Giê-su ở đó.

* **19,38** Chúa Giê-su vừa tắt thở giữa hai kẻ cướp, thì hai người trong nhóm Pha-ri-sêu liên quan tâm đến việc chôn cất Chúa cho tử tế. Ông Giô-xép, người A-ri-ma-thê, xin ông Phi-la-tô : ấy là vì theo quy chế xã hội đương thời, các môn đệ Chúa không có tư cách tiếp cận vị tổng trấn Rô-ma. Còn hai ông Giô-xép và Ni-cô-đê-mô thì làm môn đệ, nhưng cách kín đáo. Bởi vì Chúa Giê-su luôn sống chan hoà với hạng người bình dân, nên những người có địa vị xã hội cao hơn khó mà hội nhập nhóm người của Chúa. Đây là một điển hình về hậu quả không tránh khỏi của việc chọn ưu tiên đứng về phía người nghèo.

Địa điểm hành hình là một công trường khai thác đá đã phế bỏ, nằm sát bên tường thành Giê-ru-sa-lem. Có những huyệt đã được khoét sẵn hai bên, trong khi ở cuối công trường là những thửa vườn (c.41). Chính giữa là một tảng đá cao khoảng năm thước, gọi là Cái Sọ, và chính trên đó mà người ta dựng lên các thập tự giá.

3. NGÀY PHỤC SINH

Ngôi mộ trống

20 * ¹ Sáng sớm ngày thứ nhất trong tuần, lúc trời còn tối, bà Ma-ri-a Mác-đa-la đi đến mộ, thì thấy tảng đá đã lăn khỏi mộ. ² Bà liền chạy về gặp ông Si-môn Phê-rô và người môn đệ Đức Giê-su thương mến. Bà nói :

“Người ta đã đem Chúa đi khỏi mộ ; và chúng tôi chẳng biết họ để Người ở đâu.”

³ Ông Phê-rô và môn đệ kia liền đi ra mộ. ⁴ Cả hai người cùng chạy. Nhưng môn đệ kia chạy mau hơn ông Phê-rô và đã tới mộ trước. ⁵ Ông cúi xuống và

* **20,1** Hai ngày sau khi chôn cất Chúa, các môn đệ đứng trước sự kiện ngôi mộ trống, và các cuộc hiện ra bắt đầu liền sau đó. Biến cố Chúa phục sinh đã xảy ra ngày thứ nhất trong tuần, từ rày về sau được gọi là Ngày của Chúa hoặc là chủ nhật.

Trong Lc, sau khi phục sinh, Chúa Giê-su khơi dậy niềm tin và hy vọng của các môn đệ Người. Còn ở đây thì chúng ta thấy một nhóm người tín hữu lặng lẽ nhìn ngắm Chúa Phục Sinh của họ. Chúa Ki-tô hiện ra với bà Ma-ri-a nhưng cô không nhận ra Người. Khi xuất hiện giữa các môn đệ, Người phải đưa ra cho các ông thấy các vết thương của Người, để chứng tỏ đây chính là Người, một người trước đó đã chết. Chúa Giê-su ở giữa họ nhưng ngoại hình Người là của một người lạ.

Ông Si-môn Phê-rô cũng đến. Nhiều đoạn văn ghi nhận rằng ông Phê-rô là nhân chứng đã được mục kích ngôi mộ trống đồng thời Đấng phục sinh từ cõi chết (Lc 24,12 và 24,44 ; 1 Cr 15,5). Đức tin chúng ta chủ yếu dựa trên lời chứng của các Tông Đồ, và trước hết là lời chứng của vị đứng đầu các ông.

Ông thấy những băng vải để ở đó. Băng vải đây chỉ tẩm vải dài khoảng 4 mét, trải bên dưới xác người chết từ chân lên đầu, rồi phủ lên trên xác từ đầu xuống chân ; nó cũng chỉ những dải vải nối kết hai đầu tẩm vải ấy lại với nhau. Khuôn mặt người chết được bọc trong một tấm khăn riêng biệt, gọi là *khăn che đầu*, bọc phía dưới cằm và bên trên đầu.

Chúa Giê-su không sống lại trong thân thể phàm trần của Người. Mọi sự diễn ra như thể thân thể này đã mất đi phần “vật chất” của nó trong giờ phút Con Người Mới được sinh ra. Khi nói đến thân thể phục sinh của Chúa Giê-su là chúng ta nói đến một thực thể hoàn toàn mới, không ai có khả năng cảm nghiệm dưới trần gian. Những ai thấy Chúa trong giấc mơ hay thị kiến thì chỉ thấy những hình ảnh của Người chứ không thật sự thấy Người trong vinh quang, có lẽ trừ trường hợp một vài vị thánh lớn nhất.

nhìn thấy những băng vải còn ở đó, nhưng không vào. ⁶ Ông Si-môn Phê-rô theo sau cũng đến nơi. Ông vào thẳng trong mộ, thấy những băng vải để ở đó, ⁷ và khăn che đầu Đức Giê-su. Khăn này không để lẫn với các băng vải, nhưng cuốn lại, xếp riêng ra một nơi. ⁸ Bấy giờ người môn đệ kia, kẻ đã tới mộ trước, cũng đi vào. Ông đã thấy và đã tin. ⁹ Thật vậy, trước đó, hai ông chưa hiểu rằng : theo Kinh Thánh, Đức Giê-su phải trỗi dậy từ cõi chết.

¹⁰ Sau đó, các môn đệ lại trở về nhà.

Đức Giê-su hiện ra với bà Ma-ri-a Mác-đa-la

* ¹¹ Bà Ma-ri-a Mác-đa-la đứng ở ngoài, gần bên mộ, mà khóc. Bà vừa khóc vừa cúi xuống nhìn vào trong mộ, ¹² thì thấy hai thiên thần mặc áo trắng ngồi ở nơi đã đặt thi hài của Đức Giê-su, một vị ở phía đầu, một vị ở phía chân. ¹³ Thiên thần hỏi bà : “Này bà, sao bà khóc ?” Bà thưa : “Người ta đã lấy mất Chúa tôi rồi, và tôi

* **20,11** *Thôi, đừng giữ Thầy lại, vì Thầy chưa lên cùng Chúa Cha* (c.17). Trước khi chết, Chúa Giê-su đã phản đối trước những tình cảm và biểu lộ tha thiết nồng nhiệt của bà Ma-ri-a. Nhưng giờ đây, cứ chỉ quen thuộc của người phụ nữ muốn chiếm hữu người Thầy yêu dấu của mình không còn thích hợp nữa.

Chúa Giê-su giờ đây đã là Đấng Phục Sinh, và mặc dù Người còn chịu xuất hiện cho các môn đệ nhìn thấy trong vài ngày, Người đã đi vào Vinh Quang của Chúa Cha. Các môn đệ của Người phải chấp nhận đoạn tuyệt với sự hiện diện thể lý của Chúa Giê-su, cho đến nay vốn là nguồn lực ban sức mạnh cho các ông. Từ nay trở đi, những ai tin vào Người, yêu mến Người, sẽ phải gắn bó với Người trong cõi thâm kín và huyền diệu, trong mức độ họ đã đi vào chiều sâu của cầu nguyện và đức tin. Lúc bấy giờ, tâm hồn chiêm niệm, mà ở đây bà Ma-ri-a là biểu tượng, sẽ được Chúa Ki-tô cho hưởng riêng một mình tình yêu trọn vẹn của Người (x. Dc 2,16 ; 6,3).

Thầy chưa lên cùng Chúa Cha. Chúa Giê-su đang bộc lộ nỗi khát vọng lớn lao đầy ấp cuộc đời Người. Người đã đến từ Thiên Chúa Cha và phải trở về với Cha. Đây là “tình yêu cao cả nhất trên đời”. Tất cả tình yêu mà Chúa Giê-su dành cho chúng ta chỉ là hào quang từ tình yêu ấy toả ra, vì Thiên Chúa Cha là suối nguồn và cùng đích của mọi tình yêu.

Không phải tình cờ mà ở đây, từ *Chúa* cũng lại được dùng bảy lần trong nguyên bản Hy-lạp, và lần cuối cùng là từ miệng ông Tô-ma : *Lạy Chúa của con !* Niềm tin của Giáo Hội là như thế đó.

không biết họ để Người ở đâu !”¹⁴ Nói xong, bà quay lại và thấy Đức Giê-su đứng đó, nhưng bà không biết là Đức Giê-su.¹⁵ Đức Giê-su nói với bà : “Này bà, sao bà khóc ? Bà tìm ai ?” Bà Ma-ri-a tưởng là người làm vườn, liền nói : “Thưa ông, nếu ông đã đem Người đi, thì xin nói cho tôi biết ông để Người ở đâu, tôi sẽ đem Người về.”¹⁶ Đức Giê-su gọi bà : “Ma-ri-a !” Bà quay lại và nói bằng tiếng Híp-ri : “Ráp-bu-ni !” (nghĩa là ‘Lạy Thầy’).¹⁷ Đức Giê-su bảo : “Thôi, đừng giữ Thầy lại, vì Thầy chưa lên cùng Chúa Cha. Nhưng hãy đi gặp anh em Thầy và bảo họ : ‘Thầy lên cùng Cha của Thầy, cũng là Cha của

anh em, lên cùng Thiên Chúa của Thầy, cũng là Thiên Chúa của anh em’.”¹⁸ Bà Ma-ri-a Mác-đa-la đi báo cho các môn đệ : “Tôi đã thấy Chúa”, và bà kể lại những điều Người đã nói với bà.

Đức Giê-su hiện ra với các môn đệ

*¹⁹ Vào chiều ngày ấy, ngày thứ nhất trong tuần, nơi các môn đệ ở, các cửa đều đóng kín, vì các ông sợ người Do-thái. Đức Giê-su đến, đứng giữa các ông và nói : “Bình an cho anh em !”²⁰ Nói xong, Người cho các ông xem tay và cạnh sườn. Các môn đệ vui mừng vì được thấy Chúa.²¹ Người lại nói với các ông : “Bình an cho anh em ! Như

Có thể ngày nay chúng ta không thấy rõ chữ *Chúa* được áp dụng cho Đức Giê-su có ý nghĩa lớn lao như thế nào đối với các Ki-tô hữu đầu tiên. Để chỉ về Thiên Chúa, bản Kinh Thánh Híp-ri hầu như luôn dùng một trong hai danh xưng : *Thiên Chúa* hoặc *Gia-vê*. Trong bản Hy-lạp được người Do-thái cũng như Ki-tô hữu trong đế quốc Rô-ma sử dụng, thì “Thiên Chúa” được dịch ra tiếng Hy-lạp ; còn “Gia-vê”, vốn được xem như tên riêng của Thiên Chúa, được thay thế bằng từ Hy-lạp có nghĩa là “Chúa”. Rất sớm, các Tông Đồ có thói quen dành từ *Thiên Chúa* cho Chúa Cha, và giữ lại từ *Chúa* cho Đức Giê-su. Làm như thế, các ông minh xác lòng tin của các ông vào thần tính của Đức Giê-su.

* **20,19** Cũng như trong cuộc sáng tạo đầu tiên, hơi thở của Thiên Chúa đã thổi sinh khí và linh hồn vào con người, thì cũng vậy, hơi thở của Chúa Giê-su thông ban sự sống cho tạo thành thiêng liêng mới. Chúa đã chịu chết để xoá tội trần gian, giờ đây để lại cho những kẻ thuộc về Người quyền tha tội.

Chúa Cha đã sai Thầy, thì Thầy cũng sai anh em.”
²² Nói xong, Người thổi hơi vào các ông và bảo : “Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần.”
²³ Anh em tha tội cho ai, thì người ấy được tha ; anh em cầm giữ ai, thì người ấy bị cầm giữ.”

²⁴ Một người trong Nhóm Mười Hai, tên là Tô-ma, cũng gọi là Đi-đy-mô, không ở với các ông khi

Đức Giê-su đến. ²⁵ Các môn đệ khác nói với ông : “Chúng tôi đã được thấy Chúa !” Ông Tô-ma đáp : “Nếu tôi không thấy dấu đinh ở tay Người, nếu tôi không xỏ ngón tay vào lỗ đinh và không đặt bàn tay vào cạnh sườn Người, tôi chẳng có tin.”
²⁶ Tám ngày sau, các môn đệ Đức Giê-su lại có mặt trong nhà, có cả ông Tô-ma ở đó với các ông. Các cửa đều đóng kín.

Như thế niềm hy vọng của dân Chúa trong Kinh Thánh đã thành hiện thực. Thiên Chúa đã giáo dục, giúp họ khám phá rằng tội lỗi hiện diện khắp nơi. Trong Đền Thờ, lễ vật không ngừng được dâng hiến để làm nguôi lòng Thiên Chúa. Nhưng cả biển máu ấy không hề tiêu diệt được tội lỗi, và chính các tư tế cũng hiến dâng tế vật cho tội lỗi mình trước khi cầu khẩn Thiên Chúa cho người khác. Nghi lễ và nghi thức đâu có thanh tẩy con tim và đâu ban được Thần Khí : x. Dt 7 - 10.

Nhưng giờ đây, nơi con người Chúa Giê-su sống lại, một thế giới mới vừa sinh ra. Chắc hẳn loài người vẫn là những người có tội, nhưng vị trưởng tử, “người anh cả”, đã thông phần sự sống thánh thiện của Thiên Chúa.

Nỗi đau khổ lớn nhất của những ai đã tiến xa trong đời sống thiêng liêng là thấy mình chưa được hoàn toàn giải thoát khỏi tội lỗi. Do đó họ cảm nhận ơn tha tội là quà tặng lớn lao nhất được ban cho Hội Thánh. Tội không chỉ là những lỗi phạm thường ngày của chúng ta, trong đó phần sai lầm và yếu đuối là chính. Tội là từ chối hay e sợ nộp mình cho Thiên Chúa, là Đấng duy nhất có khả năng đưa chúng ta đến một cuộc sống hoàn toàn trần trụi lại hoàn toàn viên mãn. Khi tha tội cho chúng ta là Người ban cho chúng ta được biết tự nộp mình cho Người.

Khả năng tha thứ là sức mạnh duy nhất có thể giải quyết hết những mối căng thẳng trong thế giới loài người. Cho dù trái tim chúng ta không dễ dàng vượt tới độ lượng tha thứ, nhưng thái độ dung thứ là bí quyết vô cùng quý giá mà Giáo Hội phải xem là tài sản độc đáo của mình. Ai không biết tha thứ là không biết thương người. Khi dạy chúng ta ý thức thân phận tội lỗi của mình và thanh tẩy chúng ta khỏi tội, Giáo Hội giúp chúng ta biểu lộ một tình yêu chân chính hơn đối với người xung quanh.

Đức Giê-su đến, đứng giữa các ông và nói : “Bình an cho anh em.”²⁷ Rồi Người bảo ông Tô-ma : “Đặt ngón tay vào đây, và hãy nhìn xem tay Thầy. Đưa tay ra mà đặt vào cạnh sườn Thầy. Đừng cứng lòng nữa,

nhưng hãy tin.”²⁸ Ông Tô-ma thưa Người : “Lạy Chúa của con, lạy Thiên Chúa của con !”²⁹ Đức Giê-su bảo : “Vì đã thấy Thầy, nên anh tin. Phúc thay những người không thấy mà tin !”

4. KẾT LUẬN THỨ NHẤT

³⁰ Đức Giê-su đã làm nhiều dấu lạ khác nữa trước mặt các môn đệ ; nhưng những dấu lạ đó không được ghi chép trong sách này.³¹ Còn những

điều đã được chép ở đây là để anh em tin rằng Đức Giê-su là Đấng Ki-tô, Con Thiên Chúa, và để nhờ tin mà được sự sống nhờ danh Người.

IV. ĐOẠN CUỐI

Đức Giê-su hiện ra ở Biển Hồ Ti-bê-ri-a

21^{*} Sau đó, Đức Giê-su lại tỏ mình ra cho các môn đệ ở biển hồ Ti-bê-ri-a. Người tỏ mình ra như thế này.² Ông Si-môn Phê-rô, ông Tô-ma gọi là Đi-đy-mô, ông Na-tha-na-en người Ca-na miền Ga-li-

lê, các người con ông Ê-bê-dê và hai môn đệ khác nữa, tất cả đang ở với nhau.³ Ông Si-môn Phê-rô nói với các ông : “Tôi đi đánh cá đây.” Các ông đáp : “Chúng tôi cùng đi với anh.” Rồi mọi người ra đi, lên thuyền, nhưng đêm ấy họ không bắt được gì cả.

* 21,1 Chúa Giê-su lại hiện ra, lần này bên biển hồ Ti-bê-ri-a. Bài tường thuật ở đây có sức gợi cảm hơn là mô tả, và đây áp sự hiện diện của Chúa Giê-su Phục Sinh, mới sáng sớm đã có mặt trên bờ hồ. Ông Gio-an, nhà ngôn sứ, nhận ra Chúa trên gương mặt xa lạ này.

Các Tông Đồ kéo lưới vào bờ : lưới đầy những *một trăm năm mươi ba con cá lớn*. Con số này có một ý nghĩa tượng trưng : con số chỉ sự viên mãn và tính toàn cầu. Đó sẽ là những đức tính của hoạt động Giáo Hội ; người tông đồ sẽ là những người đến với mọi dân nước để kéo họ về với Chúa Ki-tô.

⁴ Khi trời đã sáng, Đức Giê-su đứng trên bãi biển, nhưng các môn đệ không nhận ra đó chính là Đức Giê-su. ⁵ Người nói với các ông : “Này các chú, không có gì ăn ư ?” Các ông trả lời : “Thưa không.” ⁶ Người bảo các ông : “Cứ thả lưới xuống bên phải mạn thuyền đi, thì sẽ bắt được cá.” Các ông thả lưới xuống, nhưng không sao kéo lên nổi, vì lưới đầy những cá. ⁷ Người môn đệ được Đức Giê-su thương mến nói với ông Phê-rô : “Chúa đó !” Vừa nghe nói “Chúa đó !”, ông Si-môn Phê-rô vội khoác áo vào vì đang ở trần, rồi nhảy xuống biển. ⁸ Các môn đệ khác chèo thuyền vào bờ kéo theo lưới đầy cá, vì các ông không xa bờ lắm, chỉ cách vào khoảng gần một trăm thước.

⁹ Bước lên bờ, các ông nhìn thấy có sẵn than hồng với cá đặt ở trên, và có cả bánh nữa. ¹⁰ Đức Giê-su bảo các ông : “Đem

ít cá mới bắt được tới đây !” ¹¹ Ông Si-môn Phê-rô lên thuyền, rồi kéo lưới vào bờ. Lưới đầy những cá lớn, đếm được một trăm năm mươi ba con. Cá nhiều như vậy mà lưới không bị rách. ¹² Đức Giê-su nói : “Anh em đến mà ăn !” Không ai trong các môn đệ dám hỏi “Ông là ai ?”, vì các ông biết rằng đó là Chúa. ¹³ Đức Giê-su đến, cầm lấy bánh trao cho các ông ; rồi cá, Người cũng làm như vậy. ¹⁴ Đó là lần thứ ba Đức Giê-su tỏ mình ra cho các môn đệ, sau khi trở dậy từ cõi chết.

* ¹⁵ Khi các môn đệ ăn xong, Đức Giê-su hỏi ông Si-môn Phê-rô : “Này anh Si-môn, con ông Gio-an, anh có mến Thầy hơn các anh em này không ?” Ông đáp : “Thưa Thầy có, Thầy biết con yêu mến Thầy.” Đức Giê-su nói với ông : “Hãy chăm sóc chiên con của Thầy.” ¹⁶ Người lại hỏi : “Này anh Si-môn, con ông

* 21,15 Chúa Giê-su hỏi ông Phê-rô một câu đến ba lần, cân xứng với ba lần ông chối Chúa trong cuộc Thương Khó của Người. Ông Phê-rô, người mục tử các mục tử, cũng là một tội nhân đã được tha thứ. Chúa Giê-su giao phó cả Hội Thánh cho ông, cũng như ở Mt 16,18. *Anh có mến Thầy không ?* Đây là điều kiện thứ nhất để làm người mục tử trong Giáo Hội.

Gio-an, anh có mến Thầy không ?” Ông đáp : “Thưa Thầy có, Thầy biết con yêu mến Thầy.” Người nói : “Hãy chôn đất chiên của Thầy.”¹⁷ Người hỏi lần thứ ba : “Này anh Si-môn, con ông Gio-an, anh có yêu mến Thầy không ?” Ông Phê-rô buồn vì Người hỏi tới ba lần : “Anh có yêu mến Thầy không ?” Ông đáp : “Thưa Thầy, Thầy biết rõ mọi sự ; Thầy biết con yêu mến Thầy.” Đức Giê-su bảo : “Hãy chăm sóc chiên của Thầy.¹⁸ Thật, Thầy bảo thật cho

anh biết : lúc còn trẻ, anh tự mình thắt lưng lấy, và đi đâu tùy ý. Nhưng khi đã về già, anh sẽ phải dang tay ra cho người khác thắt lưng và dẫn anh đến nơi anh chẳng muốn.”¹⁹ Người nói vậy, có ý ám chỉ ông sẽ phải chết cách nào để tôn vinh Thiên Chúa. Thế rồi, Người bảo ông : “Hãy theo Thầy.”

²⁰ Ông Phê-rô quay lại, thì thấy người môn đệ Đức Giê-su thương mến đi theo sau ; ông này là người đã nghiêng mình vào ngực Đức Giê-su trong bữa ăn

Cuộc đối thoại này giữa Chúa Giê-su và ông Phê-rô nói rõ cho biết làm Ki-tô hữu có nghĩa là gì. Mỗi ngày, Chúa Giê-su hỏi chúng ta có yêu mến Người một cách đặc biệt và “trên hết mọi sự” hay không : *Anh có mến Thầy hơn các anh em này không ?* Cũng như ông Phê-rô, chúng ta trả lời ‘có’, mặc dù chúng ta đầy những yếu đuối ; và Chúa Giê-su lại mời gọi chúng ta đi theo Người vì tình yêu (c.22), và cùng với Người gánh vác dân Thiên Chúa. Để bước theo Chúa Giê-su, không có cách nào tốt cho bằng hy sinh cuộc đời mình cho sứ mạng của Người.

Chúa Giê-su ra lệnh cho ông Phê-rô chăm sóc Hội Thánh và qua đó Người truyền lệnh cho chúng ta có thái độ phục tùng. Chúng ta tự nguyện phục tùng, không phải vì các mục tử luôn luôn là những người tài đức và không hề sai lầm, nhưng là vì các ngài có một nhiệm vụ tối cần là thực thi quyền bính. Chúng ta tin rằng trong lịch sử, các ngài là những người kế vị các Tông Đồ, và vì lẽ đó, đã lãnh nhận từ Thiên Chúa sứ mạng dẫn dắt đoàn chiên.

Tin Mừng kết thúc với lời tiên báo về hai số phận khác nhau dành cho hai thánh Phê-rô và Gio-an. Thánh Phê-rô sẽ tử vì đạo tại Rô-ma vào năm 66 hay 67 ; còn thánh Gio-an thì năm 90 hãy còn sống. Ông là người cuối cùng trong số các nhân chứng của Chúa Ki-tô, và nhiều người vẫn nghĩ là ông sẽ không chết trước ngày Chúa lại đến : đó là lý do tại sao Tin Mừng nhấn mạnh rằng Chúa Giê-su đã không hứa như thế.

tối và hỏi : “Thưa Thầy, ai là kẻ nộp Thầy ?”²¹ Vậy khi thấy người đó, ông Phê-rô nói với Đức Giê-su : “Thưa Thầy, còn anh này thì sao ?”²² Đức Giê-su đáp : “Giả như Thầy muốn anh ấy còn ở lại cho tới khi Thầy đến, thì việc gì đến anh ? Phần anh, hãy theo Thầy.”²³ Do đó, mới có tiếng đồn giữa anh em là môn đệ ấy sẽ không chết. Nhưng Đức Giê-su đã không nói với ông Phê-rô là : “Anh ấy sẽ không chết”, mà chỉ nói : “Giả

như Thầy muốn anh ấy còn ở lại cho tới khi Thầy đến, thì việc gì đến anh ?”

Kết luận

²⁴ Chính môn đệ này làm chúng về những điều đó và đã viết ra. Chúng tôi biết rằng lời chúng của người ấy là xác thực.

²⁵ Còn có nhiều điều khác Đức Giê-su đã làm. Nếu viết lại từng điều một, thì tôi thiết nghĩ : cả thế giới cũng không đủ chỗ chứa các sách viết ra.

Đoạn cuối cùng được những người ở bên cạnh thánh Gio-an khi ông qua đời viết thêm vào làm phần kết luận cho sách Tin Mừng của thánh nhân.

SÁCH CÔNG VỤ TÔNG ĐỒ

DẪN NHẬP

Trong ba năm sống công khai, Chúa Giê-su đã thiết lập nền móng của Hội Thánh : Người đã quy tụ các môn đệ đầu tiên, và cho họ tham gia vào sứ mạng của Người (Mc 3,13-16). Trong dân mới này của Thiên Chúa, Người đã đặt thánh Phê-rô làm người lãnh đạo “cộng đoàn Hội Thánh” (Mt 16,18) và bảo vệ đức tin (Lc 22,32). Người đã lập Nhóm Mười Hai và các môn đệ làm một đoàn chứng nhân (Ga 15,16), và hứa ban cho họ Thần Khí, Đấng sẽ làm sáng tỏ trước mắt họ sự thật toàn vẹn mà Người đã mang đến trần gian (Ga 16,13).

Hôm nay, Chúa đã phục sinh ; một dân mới, một thế giới mới đã được sinh ra từ vết thương rộng mở nơi cạnh sườn của Chúa Giê-su, tựa như thai nhi lọt lòng mẹ trong nước và máu vậy (x. Ga 19,34). Dưới ánh sáng lời Chúa

Giê-su, trong khí thế của Người, dân mới ấy lên đường loan báo cho mọi dân tộc biết những kỳ công của Thiên Chúa, và quy tụ con cái Thiên Chúa đang tản mác khắp nơi về một mối (Ga 11,52).

Rồi đây hai gương mặt vĩ nhân sẽ nổi bật trong cuộc hành trình tông đồ này : thánh Phê-rô và thánh Phao-lô. Một người sẽ dốc sức nhiều hơn vào việc đem Tin Mừng cho người Do-thái, người kia sẽ được tách riêng để loan báo Tin Mừng cứu độ cho dân ngoại (Gl 2,7-8).

Thánh Lu-ca, tác giả sách Tin Mừng thứ ba, sẽ làm chứng về cuộc khai sinh này của Hội Thánh trong một cuốn sách gọi là Công vụ các Tông Đồ, có lẽ lúc đầu gọi là Công vụ những người Tông Đồ. Nếu trước đó đã có những trình thuật cổ xưa hơn mà thánh Lu-ca đã sử dụng để soạn thảo tác phẩm này

(cũng như trường hợp các sách Tin Mừng), thì tác giả đã khéo phối hợp các nguồn tài liệu khác nhau ấy cách tài tình đến nỗi ngày nay khó mà nhận ra trong Cv những tài liệu ấy.

Một số nhà chuyên môn cho rằng lúc đầu sách Công vụ Tông Đồ và Tin Mừng thứ ba làm thành một tác phẩm duy nhất, sau đó người ta mới chia thành hai. Dù sao có điều chắc chắn là ngay từ đầu tk II, sách Cv đã có mặt như một bản văn riêng biệt. Tuy nhiên, tác phẩm làm chứng về cuộc khai sinh Hội Thánh này đã đến tay chúng ta dưới hai dạng : “bản văn thông dụng” nằm trong đa số các thủ bản cổ gốc Xy-ri và Ai-cập, và bản văn được gọi là “tây phương”, dài hơn và mang nặng dấu vết các cuộc tranh cãi giữa người Do-thái và các Ki-tô hữu tiên khởi.

Sách Cv không theo một dàn bài mạch lạc. Tuy nhiên, có thể nhận ra trong tác phẩm một vài phân đoạn lớn làm nổi bật ý định của thánh Lu-ca. Tuy không tập trung hẳn vào hai thánh Phê-rô và

Phao-lô, nhưng tác giả dành cho các ngài một vị trí ưu việt. Tuy có nhiều luật trừ, khuôn mặt thánh Phê-rô rất nổi trong suốt mười hai chương đầu, còn thánh Phao-lô thì trong phần thứ hai của tác phẩm.

Về mặt địa lý, có thể thấy rằng sách Cv dẫn chúng ta đi từ Giê-ru-salem, xuyên qua miền Giu-đê và Sa-ma-ri, đến tận Rô-ma, theo đúng hành trình sứ mạng mà Chúa Giê-su đã vạch ra cho các Tông Đồ trong ngày Người thăng thiên (Cv 1,8). Trong bảy chương đầu, chúng ta ở tại Giê-ru-salem, rồi ở ch.8 và các chương sau đó chúng ta thấy -với những luật trừ luôn phải chấp nhận- Hội Thánh phát triển ở miền Giu-đê, Sa-ma-ri và miền duyên hải ; rồi khởi từ ch. 13, chúng ta cùng với thánh Phao-lô ra đi đến A-xi-a và Hy-lạp để rồi có mặt ở Rô-ma, trong cung điện hoàng đế, nghĩa là ở ngay trung tâm thế giới ngoại giáo.

Đến đây, sách Cv đột ngột dừng lại, như thể thánh Lu-ca là một người tiên hô có nhiệm vụ hộ vệ

công cuộc quảng bá Tin Mừng cứu độ phát xuất từ Giê-ru-sa-lem cho đến tận cùng trái đất, đã đạt tới đích và thực hiện xong hợp đồng của mình. Điều đó đủ nhắc lại cho chúng ta biết -nếu cần- rằng sách Cv, cũng như các sách Tin Mừng, không phải là một cuốn sách kể lại cuộc đời thánh Phê-rô, thánh Phao-lô, hay một cuốn sách lịch sử với đầy đủ chi tiết về Hội Thánh tiên khởi, nhưng là một tác phẩm làm chứng về hoạt động của Chúa Thánh Thần.

Thật vậy, Chúa Thánh Thần là “tác nhân” đích thực của việc khai sinh Hội Thánh : chính vì thế mà từ những thế kỷ Ki-tô giáo đầu tiên, nhiều nhà bình giải đã không ngần ngại gọi cuốn sách này là “Tin Mừng của Chúa Thánh Thần”. Ở đây, có thể cải biên lời của thánh Gio-an : “Chúa Thánh Thần đã làm nhiều dấu lạ khác nữa không được ghi chép trong sách này. Còn những điều đã được chép ở đây là để anh em tin rằng Chúa Thánh Thần đang hoạt động trong Hội

Thánh của Chúa Giê-su Ki-tô” (x. Ga 20,30-31).

Trong sách Cv, còn thấy xuất hiện một vài nét độc đáo khác : Hội Thánh đắm rề vào trong kinh nghiệm và truyền thống của đức tin dân Ít-ra-en. Ở đây, một niềm xác tín vốn đã hiển hiện trong các sách Tin Mừng lại trở thành yếu tố chủ đạo : “Chúa Giê-su đã làm cho lời Kinh Thánh được ứng nghiệm đến mức hoàn hảo”, nghĩa là Người đã mặc khải ý nghĩa cuối cùng của tất cả các thực tại trong Cựu Ước, và nơi bản thân Người, các thực tại ấy ngời lên tuyệt mỹ : vương quyền Đa-vít, lời giảng của các ngôn sứ, Đền Thờ, man-na và Con Chiên, v.v...

Trong sách Cv, qua các lời giảng dạy dưới mọi hình thức của thánh Phê-rô và đặc biệt của thánh Phao-lô, thánh Lu-ca đã dụng ý cho thấy thật rõ nét hai điều không thể tách rời nhau : mâu nhiệm Đức Ki-tô và mâu nhiệm Hội Thánh đã từng được loan báo và chuẩn bị trong Cựu Ước bằng cách nào, và hai mâu nhiệm ấy làm

cho lịch sử Ít-ra-en có được đầy đủ ý nghĩa như thế nào.

Nhằm mục tiêu ấy, thánh Lu-ca thích đối chiếu Chúa Giê-su với Hội Thánh của Người, cũng như dân của Cựu Ước và Hội Thánh. Đan cử các đoạn đối chiếu cái chết của thánh Tê-pha-nô và của Chúa Giê-su, cuộc hành trình lên Giê-ru-sa-lem của thánh Phao-lô và của Chúa Giê-su, nhưng cũng có sự đối chọi giữa tháp Ba-ben và biến cố ngày lễ Ngũ Tuần nữa.

Vẫn theo hướng đó, Giê-ru-sa-lem là địa danh luôn được nhắc đi nhắc lại dưới ngòi bút của thánh Lu-ca (58 lần). Cũng như sách Lc, trong đó Thành Thánh được nêu tên đến 30 lần—khác với ba sách Tin Mừng kia—, sách Cv cho chúng ta thấy Giê-ru-sa-lem là nơi đã hoàn tất ơn cứu độ, và chính từ nơi đây mà Tin Mừng phải được mang đi loan báo cho tất cả mọi dân mọi nước.

SÁCH CÔNG VỤ TÔNG ĐỒ

Lời tựa

1 * ¹ Thưa ngài Thê-ô-phi-lô, trong quyển thứ nhất, tôi đã tường thuật tất cả những việc Đức Giê-su làm và những điều Người dạy, kể từ đầu ² cho tới ngày Người được rước lên trời. Trước ngày ấy, Người đã dạy bảo các Tông Đồ mà Người đã tuyển chọn nhờ Thánh Thần. ³ Người lại còn dùng

nhiều cách để chứng tỏ cho các ông thấy là Người vẫn sống sau khi đã chịu khổ hình : trong bốn mươi ngày, Người đã hiện ra nói chuyện với các ông về Nước Thiên Chúa. ⁴ Một hôm, đang khi dùng bữa với các Tông Đồ, Đức Giê-su truyền cho các ông không được rời khỏi Giê-ru-sa-lem, nhưng phải ở lại mà chờ đợi điều Chúa Cha đã hứa, “điều mà anh em

* 1,1 Trong suốt các chương sách Cv, các Tông Đồ luôn khẳng định họ là những người “làm chứng Chúa Giê-su sống lại” (2,32 ; 3,15 ; 5,32 ; 10,41 ; 13,31). Lời chứng này không dựa trên những tình cảm băng quơ, những thị kiến đáng ngờ, nhưng dựa trên những “bằng chứng” mà Chúa Giê-su đã để lại cho các Tông Đồ sau khi Người sống lại, và các sách Tin Mừng đã kể lại.

Việc ghi nhận con số bốn mươi ngày là quan trọng. Con số có tính biểu trưng này, khởi hứng từ thực tại bốn mươi tuần lễ đũa con nằm trong bụng mẹ, gợi nhớ thời gian thử thách cũng như thời gian tăng trưởng chín muồi ; đó là thời gian đợi chờ một cuộc sinh nở mới. Bốn mươi ngày ở trong hoang địa, Chúa Giê-su dọn mình chuẩn bị sứ mạng cứu thế của Người. Trong bốn mươi ngày, các Tông Đồ sẽ dọn mình sẵn sàng lãnh nhận Thần Khí và sứ mạng làm chứng của các ngài.

Chính tại Giê-ru-sa-lem mà các Tông Đồ sẽ được nhận phép rửa trong Thần Khí, Đấng sẽ làm cho các ngài trở thành những thụ tạo mới. Thần Khí bay lượn trên mặt nước (St 1,2) trong những ngày sáng thế tiên khởi sẽ đến trên các ngài và khai sinh một thời đại mới. Các ngài là “trụ cột” của Hội Thánh, nhưng Hội Thánh trước tiên và ưu tiên là tác phẩm của Chúa Thánh Thần. Chính trong Thần Khí mà các Tông Đồ tìm được sức mạnh để làm chứng cho Đấng Phục Sinh ở giữa trần gian.

đã nghe Thầy nói tới, ⁵ đó là : ông Gio-an thì làm phép rửa bằng nước, còn anh em thì trong ít ngày nữa sẽ chịu phép rửa trong Thánh Thần.”

Thăng thiên

⁶ Bấy giờ những người đang tụ họp ở đó hỏi Người rằng : “Thưa Thầy, có phải bây giờ là lúc Thầy khôi phục vương quốc Ít-ra-en không ?”

⁷ Người đáp : “Anh em

không cần biết thời giờ và kỳ hạn Chúa Cha đã toàn quyền sắp đặt, ⁸ nhưng anh em sẽ nhận được sức mạnh của Thánh Thần khi Người ngự xuống trên anh em. Bấy giờ anh em sẽ là chứng nhân của Thầy tại Giê-ru-sa-lem, trong khắp các miền Giu-đê, Sa-ma-ri và cho đến tận cùng trái đất.”

⁹ Nói xong, Người được cất lên ngay trước mắt các

Anh em sẽ là chứng nhân của Thầy tại Giê-ru-sa-lem, trong khắp các miền Giu-đê, Sa-ma-ri và cho đến tận cùng trái đất (c.8). Ở đây thánh Lu-ca đưa ra bố cục địa lý của sách Công vụ (x. dẫn nhập sách Cv), đồng thời cho chúng ta thấy đà năng động ở Cựu Ước bị hoàn toàn đảo lộn do cái chết và phục sinh của Chúa Giê-su. Từ những trang đầu của sách Sáng thế, chúng ta biết rằng đất trời là của Thiên Chúa : Người đã tạo dựng trời đất, và tất cả thuộc về Người. Nhưng với ơn gọi của ông Áp-ra-ham và hành trình của ông Mô-sê, chúng ta nhận thấy trong vũ trụ lại có một miền đất được Thiên Chúa đặc biệt ban phúc lành, đó là Đất Hứa. Khi vua Đa-vít chiếm đóng Giê-ru-sa-lem, thành này trở nên *Thành vua Đa-vít* nhưng cũng là *Thành của Thiên Chúa*. Từ đó, Thánh vịnh có thể xưng ca : “Chúa yêu chuộng cửa thành, hơn mọi nhà của dòng họ Gia-cóp” (Tv 87,2), và trong Thành Thánh này, “núi Đền Thờ” sẽ là nơi Thiên Chúa ngự (x. phần bình giải 1 V 8,30). Như thế, qua những tháng năm Thiên Chúa đồng hành với dân Người, ban lời Người để soi dẫn họ trên đường đi, mắt họ sẽ hướng nhìn về Giê-ru-sa-lem và Đền Thờ. Nhưng khi con người đã phá hủy Đền Thờ đích thực (Ga 2,19) là chính nhân tính của Chúa Giê-su, bằng cách đóng đinh Người vào thập giá, thì Thiên Chúa sẽ làm cho sự sống bùng dậy từ cái chết. Một năng động mới lấy đà từ đây, toả ra từ Giê-ru-sa-lem lan tới các vùng khác trên miền Đất Hứa (Giu-đê, Sa-ma-ri), cho đến tận cùng cõi đất.

Mỗi sách Tin Mừng, theo cách riêng của mình, đều kết thúc bằng lời sai đi, tung các môn đệ lên đường thi hành sứ vụ. Cũng thế, từ trang mở đầu sách Cv, Chúa Giê-su nhắc cho Hội Thánh của Người ghi nhớ các đòi hỏi của sứ vụ : ngày nào Hội Thánh hay một cộng đoàn dân thánh ngừng trệ sứ vụ truyền giáo của mình, thì đó không còn là Hội Thánh của Chúa Giê-su nữa.

ông, và có đám mây quyền
lấy Người, khiến các ông
không còn thấy Người nữa.
¹⁰ Và đang lúc các ông còn
đăm đăm nhìn lên trời
phía Người đi, thì bỗng có
hai người đàn ông mặc áo
trắng đứng bên cạnh ¹¹ và

nói : “Hỡi những người Ga-
li-lê, sao còn đứng nhìn
trời ? Đức Giê-su, Đấng
vừa lìa bỏ các ông và được
rước lên trời, cũng sẽ ngự
đến y như các ông đã thấy
Người lên trời.”

I. HỘI THÁNH TẠI GIÊ-RU-SA-LEM

Nhóm các Tông Đồ

* ¹² Bảy giờ các ông từ
núi gọi là núi Ô-liu trở về
Giê-ru-sa-lem. Núi này ở

gần Giê-ru-sa-lem, cách
đoạn đường được phép đi
trong ngày sa-bát. ¹³ Trở
về nhà, các ông lên lầu

Người được cất lên ngay trước mắt các ông (c.9). Chúa Giê-su đã để lại nhiều “bằng chứng” Người đã sống lại cho những người sẽ được gọi làm chứng cho sự kiện ấy (1,3), nhưng giờ đây Người phải cho các môn đệ biết mục đích cuối cùng của sự phục sinh. Qua cảnh tượng được cất lên trời trong lần hiện ra cuối cùng này, Chúa Giê-su mặc khải cho họ thấy ý nghĩa của chính cuộc đời Người : vốn từ Chúa Cha mà đến, Người lại trở về với Chúa Cha ; nhưng Người đầu trở về một mình mà dẫn *theo một đám tù* (Ep 4,8) đã được Người giải thoát khỏi quyền lực tối tăm để đưa vào vương quốc ánh sáng của Người (Cl 1,13) ; Người đi dọn chỗ cho chúng ta, để Người ở đầu chúng ta cũng ở đó (Ga 14,2-3).

Hiện giờ thì các môn đệ còn ở giữa trần gian, nơi họ phải làm chứng cho thực tại mới của Nước Thiên Chúa mà Chúa Giê-su đã thiết lập : vương quốc này không như các vương quốc trần gian được thiết lập trên cơ sở quyền lực và tiền tài (Lc 22,25-26), nhưng là vương quốc của tình yêu, công lý và bình an. Vương quốc này không ở trên mây trên gió nhưng đã ở giữa chúng ta (Lc 17,20-21), và lớn rộng mỗi khi chúng ta để cho Thần Khí Thiên Chúa hướng dẫn đời mình.

* 1,12 Đây là cộng đoàn đầu tiên đang cầu nguyện, một nhóm khoảng một trăm hai mươi người (c.15), trong đó các Tông Đồ chiếm một vị trí đặc biệt. Các người phụ nữ được nhắc đến ở đây trước hết là những bà đã theo Đức Giê-su đến Giê-ru-sa-lem (Lc 23,55). Như thánh Gio-an đã kể lại lời Chúa Giê-su nói với thân mẫu Người đứng dưới chân cây thập giá (Ga 19,26), ở đây thánh Lu-ca cho chúng ta thấy tình mẫu tử thiêng liêng của Đức Ma-ri-a : Mẹ có mặt ở đó, chia sẻ niềm mong đợi của các Tông Đồ. Chắc chắn Đức Ma-ri-a giữ một vai trò có tính quyết định trong những ngày này, những ngày các ông đem ra nghiền ngẫm

trên, là nơi các ông trú ngụ. Đó là các ông : Phê-rô, Gio-an, Gia-cô-bê, An-rê, Phi-líp-phê, Tô-ma, Ba-tô-lô-mê-ô, Mát-thêu, Gia-cô-bê con ông An-phê, Si-môn thuộc nhóm Quá Khích, và Giu-đa con ông Gia-cô-bê. ¹⁴ Tất cả các ông đều đồng tâm nhất trí, chuyên cần cầu nguyện cùng với mấy người phụ

nữ, với bà Ma-ri-a thân mẫu Đức Giê-su, và với anh em của Đức Giê-su.

Chọn ông Mát-thi-a thay thế ông Giu-đa

* ¹⁵ Trong những ngày ấy, ông Phê-rô đứng lên giữa các anh em – có khoảng một trăm hai mươi người đang họp mặt– Ông nói : ¹⁶ “Thưa

tất cả những gì đã thấy và học hỏi được nơi Chúa Giê-su : chỉ mình Mẹ có thể kể cho các ông nghe về biến cố Truyền Tin, về đời sống ẩn dật của Chúa, giúp họ đi vào mẫu nhiệm nhân cách thần linh của Người. Nhưng về tất cả những điều đó thì thánh Lu-ca lại không nói gì : giờ đây, Đức Ma-ri-a lui vào thinh lặng. Khác hẳn các anh em của Chúa đây tham vọng nắm quyền trong Hội Thánh, Mẹ hiện diện ở đó, trầm lặng nguyện cầu. Từ những ngày đầu tiên này, Hội Thánh đã có phẩm trật ; nhưng tất cả những người sẽ được lãnh nhận Thần Khí đều là những thành viên đích xác của “cộng đoàn” này, còn gọi là “nhóm hiệp thông”.

* 1,15 Ở đây thánh Phê-rô hành động với tư cách là người lãnh đạo Hội Thánh tiên khởi. Giu-đa chết đi để một chỗ trống trong *Tông Đồ đoàn*, mà con số mười hai rõ ràng gợi nhớ mười hai người con của ông Gia-cóp. Như Ít-ra-en xưa kia không chấp nhận có sự chia rẽ hay ly khai nào làm mất đi một hay vài chi tộc của mình, thì thánh Phê-rô cũng thế, không thể chấp nhận thấy Nhóm Mười Hai thiếu đi một thành viên.

Và ông sẽ xin chính Thiên Chúa tuyển chọn. Ngày nay chúng ta ngạc nhiên trước cách chỉ định bằng rút thăm này : chẳng phải đây là một cách thoái thác trách nhiệm hay sao ? Đừng quên rằng biến cố này xảy ra trong một cộng đoàn theo một nền văn hoá tôn giáo, trong đó người ta dễ dàng đón nhận các dấu chỉ của Thiên Chúa. Sau khi đặt ra các điều kiện liên quan đến các ứng cử viên, người ta đề cử hai vị. Nhưng phải chọn ai đây ? Họ cầu nguyện, xin Thiên Chúa tỏ cho biết quyết định của Người mà họ sẽ tuân theo. Cách thức lựa chọn này, trong tinh thần cầu nguyện và phó thác cho Thiên Chúa, để biết, trong hai người, phải chọn người nào hội đủ các điều kiện nhất định, cuối cùng chẳng tốt đẹp hơn bao nhiêu cuộc bầu phiếu trong lịch sử, trong đó những vụ tính toán và vụ lợi đã được đặt lên trên các lợi ích đích thực của Hội Thánh hay sao ?

anh em, lời Kinh Thánh phải ứng nghiệm, lời mà Thánh Thần đã dùng miệng vua Đa-vít để nói trước về Giu-đa, kẻ đã trở thành tên dẫn đường cho những người bắt Đức Giê-su. ¹⁷ Y đã là một người trong số chúng tôi và được tham dự vào công việc phục vụ của chúng tôi.

¹⁸ Vậy, con người ấy đã

*Ước gì lều trại nó phải tan hoang,
không còn ai trú ngụ.*

và

ước gì người khác nhận lấy chức vụ của nó.

²¹ “Vậy phải làm thế này : chúng tôi đi theo Chúa Giê-su suốt thời gian Người sống giữa chúng ta, ²² kể từ khi Người được ông Gio-an làm phép rửa cho đến ngày Người lìa bỏ chúng ta và được rước lên trời. Một trong những anh em đó phải cùng với chúng

dùng tiền công của tội ác mà tậu một thửa đất ; y đã ngã lộn đầu xuống, vỡ bụng, lòi cả ruột gan ra.

¹⁹ Điều đó, mọi người ở Giê-ru-sa-lem đều biết, khiến họ đặt tên cho thửa đất ấy là Kha-ken-đơ-ma, theo tiếng của họ nghĩa là Đất Máu. ²⁰ Thật thế, trong sách Thánh vịnh có chép rằng :

tôi làm chứng rằng Người đã phục sinh.”

²³ Họ đề cử hai người : ông Giô-xếp, biệt danh là Ba-sa-ba, cũng gọi là Giút-tô, và ông Mát-thi-a. ²⁴ Họ cầu nguyện rằng : “Lạy Chúa, chính Chúa thấu suốt lòng mọi người ; giữa hai người này, xin chỉ cho thấy Chúa chọn ai ²⁵ để

Trong đoạn văn này, cũng nên để ý các điều kiện mà thánh Phê-rô đưa ra : *Đã theo Chúa Giê-su kể từ khi Người được ông Gio-an làm phép rửa cho đến ngày Người lìa bỏ chúng ta.* Lời rao giảng của ông Gio-an và biến cố Chúa lên trời là điểm khởi đầu và kết thúc công cuộc loan báo Tin Mừng (Cv 13,24-31). Về điểm này, Tin Mừng thánh Mác-cô là điển hình.

Còn một điểm đáng lưu ý nữa là ở đây, cũng như thường thấy trong Cựu Ước (Gia-cóp, Đa-vít, v.v...), Thiên Chúa chọn người đứng hạng thứ và có lẽ là người tầm thường hơn hết : người ta xướng lên tên tuổi đầy đủ của ứng viên thứ nhất : *Ông Giô-xếp, biệt danh là Ba-sa-ba, cũng gọi là Giút-tô* (c.23), để liền sau đó cho biết là *ông Mát-thi-a*, người không có thêm biệt hiệu nào khác, là chính người được Thiên Chúa chọn.

nhận chỗ trong sứ vụ Tông Đồ, chỗ Giu-đa đã bỏ để đi về nơi dành cho y.”²⁶ Họ rút thăm, thăm trúng ông Mát-thi-a : ông được kể thêm vào số mười một Tông Đồ.

Ngày lễ Ngũ Tuần

2 * ¹ Khi đến ngày lễ Ngũ Tuần, mọi người đang tề tựu ở một nơi, ² bỗng từ trời phát ra một tiếng động, như tiếng gió mạnh ùa vào đây cả căn nhà, nơi họ đang tụ họp. ³ Rồi họ thấy xuất hiện những hình lưỡi giống như lưỡi lửa tản ra đậu xuống từng người một. ⁴ Và ai nấy đều được tràn đầy ơn Thánh Thần, họ bắt đầu

nói các thứ tiếng khác, tùy theo khả năng Thánh Thần ban cho.

⁵ Lúc đó, tại Giê-ru-sa-lem, có những người Do-thái sùng đạo, từ các dân thiên hạ trở về. ⁶ Nghe tiếng ấy, có nhiều người kéo đến. Họ kinh ngạc vì ai nấy đều nghe các ông nói tiếng bản xứ của mình. ⁷ Họ sửng sốt, thán phục và nói : “Những người đang nói đó không phải là người Ga-li-lê cả ư ? ⁸ Thế sao mỗi người chúng ta lại nghe họ nói tiếng mẹ đẻ của chúng ta ? ⁹ Chúng ta đây, có người là dân Pác-thi-a, Mê-đi, Ê-lam,

* 2,1 Từ ngày Chúa Thăng Thiên cho đến ngày lễ Ngũ Tuần, chín ngày đã trôi qua, chín ngày rông Hội Thánh tiên khởi cầu nguyện. Chính từ sự việc này mà có tập quán “làm tuần cứu nhật”. “Tuần cứu nhật” quan trọng nhất là tuần chúng ta chuẩn bị lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống, để cầu xin Thiên Chúa ban Thần Khí của Người cho chúng ta.

Đối với người Do-thái, lễ Ngũ Tuần là một trong các lễ lớn nhất trong năm. Lễ này nguyên là một lễ hội của giới nhà nông, nhưng đến những thế kỷ cuối cùng của thời Cựu Ước, người ta lại có thói quen biến nó thành lễ kỷ niệm Thiên Chúa ban Lê Luật cho ông Mô-sê trên núi Xi-nai. Nhân lễ này, cũng như lễ Vượt Qua, nhiều người Do-thái từ các xứ thuộc vùng Địa Trung Hải đi hành hương đến Giê-ru-sa-lem.

Chính trong những ngày mừng lễ Vượt Qua của người Do-thái, là lễ tưởng niệm cuộc giải phóng khỏi ách nô lệ Ai-cập, mà Chúa Giê-su đã chết và phục sinh để mang lại cho con người ơn giải thoát khỏi cái chết và tội lỗi. Chính vào ngày tưởng niệm Thiên Chúa ban Luật trên núi Xi-nai, ngày Thiên Chúa ký kết Giao Ước với dân Ít-ra-en, mà hôm nay Thiên Chúa ban Thần Khí của Người cho “Ít-ra-en của Thiên Chúa” (Gl 6,16), nghĩa là Hội Thánh. Như vậy, giờ đây trong Hội Thánh cũng như nói Chúa Giê-su Ki-tô, tất cả mọi thực tại của Cựu Ước đã được ứng nghiệm một cách hoàn mỹ.

Mê-xô-pô-ta-mi-a, Giu-đê, Cáp-pa-đô-ki-a, Pon-tô, và A-xi-a, ¹⁰ có người là dân Phy-ghi-a, Pam-phy-li-a, Ai-cập, và những vùng Li-by-a giáp giới Ky-rê-nê ; nào là những người từ Rô-ma đến đây ; ¹¹ nào là người Do-thái cũng như người đạo theo ; nào là người đảo Cơ-rê-ta hay người Á-rập, vậy mà chúng ta đều nghe họ dùng tiếng

nói của chúng ta mà loan báo những kỳ công của Thiên Chúa !” ¹² Ai nấy đều sửng sốt và phân vân, họ bảo nhau : “Thế nghĩa là gì ?” ¹³ Nhưng người khác lại chế nhạo : “Mấy ông này say bứ rồi !”

Ông Phê-rô giảng cho dân chúng

¹⁴ Bấy giờ, ông Phê-rô đứng chung với Nhóm

*Mỗi người chúng ta lại nghe họ nói tiếng mẹ đẻ của chúng ta... Ý câu này được lặp lại ba lần (cc. 6.8.11) cho chúng ta thấy rằng đây là một trong các chìa khoá của bài trình thuật. Phép lạ xảy ra trong ngày lễ Ngũ Tuần không nằm ở chỗ các Tông Đồ vốn là những người gốc Pa-lét-tin lại bắt đầu nói các tiếng lạ, cho bằng ở sự kiện tất cả các người ngoại quốc có mặt ở đó đều nghe loan báo những kỳ công của Thiên Chúa trong tiếng mẹ đẻ của mình : đây mới thật là dấu chỉ của lễ Ngũ Tuần. Nhiều bản văn Tân Ước khác gọi nhắc đến *ơn nói các thứ tiếng* này (Cv 10,46 ; 19,6 ; 1 Cr 12,10 ; 14,2-19), nhưng ở đây, chính Thiên Chúa đặt nền tảng cho mọi công cuộc loan báo Tin Mừng : những người được kêu gọi đón nhận đức tin không bị buộc phải từ bỏ ngôn ngữ hay văn hoá của mình để gia nhập Hội Thánh, như các tân tông Do-thái giáo. Trái lại, Thiên Chúa muốn được tôn vinh và chúc tụng bằng mọi thứ ngôn ngữ, mọi nền văn hoá. Như thế mới hiển thị rõ nét sự đa dạng đa năng giữa các chi thể trong Thân Thể Chúa Ki-tô (1 Cr 12,12-13), cũng như được hiển thị rõ nét công trình của Chúa Giê-su và Thần Khí của Người là quy tụ về một mối những con cái Thiên Chúa đang tản mác khắp nơi (Ga 11,52) .*

Trong lịch sử, Giáo Hội đã từng bị cám dỗ quên đi dấu chỉ ngày lễ Ngũ Tuần này, nên đã áp đặt ngôn ngữ và văn hoá của mình cho các dân tộc, các môi trường mới được nghe loan báo Tin Mừng. Nhưng lịch sử Giáo Hội cũng cho thấy rằng, để gìn giữ Giáo Hội khỏi sa chước cám dỗ này, Chúa Thánh Thần thường xuyên cho xuất hiện những vị Tông Đồ thấm đẫm tinh thần lễ Ngũ Tuần.

* 2,14 Đây là lời tuyên xưng đầu tiên về biến cố Chúa Giê-su phục sinh. Ý thức trách nhiệm của mình trong Nhóm Mười Hai, thánh Phê-rô lên tiếng nói nhân danh cả nhóm các ông. Ngài nhắc lại các đoạn văn trong Cựu Ước : sách Giô-en, Thánh vịnh, v.v... và cho thấy các lời ấy đã được ứng nghiệm nơi Chúa Giê-su Ki-tô và trong Hội Thánh mới khai sinh.

Mười Một lớn tiếng nói với họ rằng : “Thưa anh em miền Giu-đê và tất cả những người đang cư ngụ tại Giê-ru-sa-lem, xin biết cho điều này, và lắng nghe những lời tôi nói đây.¹⁵ Không, những người này không say rượu như anh em nghĩ, vì bây giờ mới là giờ thứ ba.¹⁶ Nhưng đó là điều đã được ngôn sứ Giô-en nói đến :¹⁷ *Thiên Chúa phán : Trong những ngày cuối cùng, Ta sẽ đổ Thần Khí Ta trên hết thầy người phàm, con trai con gái các người sẽ trở thành ngôn sứ, thanh niên sẽ thấy thị kiến, bô lão sẽ được báo mộng.*¹⁸ *Trong những ngày đó, Ta cũng sẽ đổ Thần Khí Ta cả trên tôi nam tó nữ của Ta, và chúng sẽ trở thành ngôn sứ.*¹⁹ *Ta sẽ cho xuất hiện những điềm thiêng trên*

*trời cao, và những dấu lạ dưới đất thấp, đó là máu, lửa và những cột khói.*²⁰ *Mặt trời sẽ trở nên tối tăm, mặt trăng hoá thành máu, trước khi ngày của Đức Chúa đến, ngày vĩ đại, vinh quang.*²¹ *Bấy giờ hết những ai kêu cầu danh Đức Chúa, sẽ được ơn cứu độ.*

²² “Thưa đồng bào Ít-ra-en, xin nghe những lời sau đây. Đức Giê-su Na-da-rét, là người đã được Thiên Chúa phái đến với anh em. Và để chứng thực sứ mạng của Người, Thiên Chúa đã cho Người làm những phép mầu, điềm thiêng và dấu lạ giữa anh em. Chính anh em biết điều đó.²³ Theo kế hoạch Thiên Chúa đã định và biết trước, Đức Giê-su ấy đã bị nộp, và anh em đã dùng bàn tay kẻ dữ đóng đinh Người vào thập

Ta sẽ đổ Thần Khí Ta (c.17). Chúa Cha đổ Thần Khí của Chúa Giê-su trên tất cả mọi người, Người làm cho tất cả trở thành những ngôn sứ, những chứng nhân của Người.

Ta sẽ cho xuất hiện những điềm thiêng trên trời cao (c.19). Thánh Phê-rô tiếp tục trích dẫn lời ngôn sứ Giô-en loan báo Ngày của Đức Chúa, nghĩa là, theo Cựu Ước, ngày Phán Xét đáng sợ của Thiên Chúa. Trong mạch văn Ge thì hình như chỉ một mình dân Ít-ra-en thoát khỏi hình phạt ; nhưng thánh Phê-rô hiểu bản văn rộng hơn, và ở cuối bài giảng (c.39), ngài khẳng định rằng ơn cứu độ Thiên Chúa ban là dành cho người ở gần cũng như kẻ ở xa, cho tất cả mọi người, tiêu biểu là những người nước ngoài thuộc mọi quốc gia đang hiện diện ở đó.

giá mà giết đi. ²⁴ Nhưng Thiên Chúa đã làm cho Người sống lại, giải thoát Người khỏi những đau khổ của cái chết. Vì lẽ cái chết không tài nào khống chế được Người mãi. ²⁵ Quả vậy, vua Đa-vít đã nói về Người rằng : *Tôi luôn nhìn thấy Đức Chúa trước mặt tôi, vì Người ở bên hữu, để tôi chẳng nao lòng.* ²⁶ *Bởi thế tâm hồn con mừng rỡ, và miệng lưỡi hân hoan, cả thân xác con cũng nghỉ ngơi trong niềm hy vọng.* ²⁷ *Vì Chúa chẳng đành bỏ mặc linh hồn con trong cõi âm ty, cũng không để Vị Thánh của Ngài phải hư nát.* ²⁸ *Chúa sẽ dạy con biết đường về cõi sống, và cho con được vui sướng tràn trề khi ở trước Thánh Nhan.*

²⁹ “Thưa anh em, xin được phép mạnh dạn nói với anh em về tổ phụ Đa-

vít rằng : người đã chết và được mai táng, và mộ của người còn ở giữa chúng ta cho đến ngày nay. ³⁰ Nhưng vì là ngôn sứ và biết rằng Thiên Chúa *đã thể với người là sẽ đặt một người trong dòng dõi trên ngai vàng của người,* ³¹ nên người đã thấy trước và loan báo sự phục sinh của Đức Ki-tô khi nói : Người đã không bị bỏ mặc trong cõi âm ty và thân xác Người không phải hư nát. ³² Chính Đức Giê-su đó, Thiên Chúa đã làm cho sống lại ; về điều này, tất cả chúng tôi xin làm chứng. ³³ Thiên Chúa Cha đã ra tay uy quyền nâng Người lên, trao cho Người Thánh Thần đã hứa, để Người đổ xuống : đó là điều anh em đang thấy đang nghe. ³⁴ Thật vậy, vua Đa-vít đã chẳng lên trời, thế mà lại nói : *Đức Chúa phán cùng Chúa*

Thiên Chúa đã làm cho Người sống lại (c.24). Thánh Phê-rô nhắc lại : trong đời sống công khai, Chúa Giê-su đã cho thấy biết bao dấu chứng tình yêu ; dù vậy, hay đúng hơn chính vì vậy mà Người đã bị nộp vào tay kẻ ngoại bang. Con người khước từ tình yêu Thiên Chúa quả là điều bí ẩn nhiệm mầu ! Điều này, ngôn sứ Hô-sê đã nhận xét hơn 700 năm trước khi Chúa Giê-su xuất hiện (Hs 11,1-4), và được chính Chúa Giê-su tiên báo trong dụ ngôn những tá điền sát nhân (Mt 21,33-39). Nhưng tình yêu Thiên Chúa mạnh hơn tội lỗi chúng ta (Rm 5,20), nên Người đã làm cho Đức Giê-su sống lại từ cõi chết và trở thành nguồn ơn cứu độ cho tất cả mọi người (cc. 33.36).

Thượng tời : Bên hữu Cha đây, Con lên ngự trị, ³⁵ *để rồi bao địch thù, Cha sẽ đặt làm bệ dưới chân Con.* ³⁶ *Vậy toàn thể nhà Ít-ra-en phải biết chắc điều này : Đức Giê-su mà anh em đã treo trên thập giá, Thiên Chúa đã đặt Người làm Đức Chúa và làm Đấng Kitô.”*

Những người trở lại đầu tiên

³⁷ Nghe thế, họ đau đớn trong lòng, và hỏi ông Phê-rô cùng các Tông Đồ khác : “Thưa các anh, vậy chúng tôi phải làm gì ?” ³⁸ Ông Phê-rô đáp : “Anh em hãy sám hối, và mỗi người hãy chịu phép rửa

nhân danh Đức Giê-su Kitô, để được ơn tha tội ; và anh em sẽ nhận được ân huệ là Thánh Thần. ³⁹ *Thật vậy, đó là điều Thiên Chúa đã hứa cho anh em, cũng như cho con cháu anh em và tất cả những người ở xa, tất cả những người mà Chúa là Thiên Chúa chúng ta sẽ kêu gọi.”* ⁴⁰ Ông Phê-rô còn dùng nhiều lời khác để long trọng làm chứng và khuyên nhủ họ. Ông nói : “Anh em hãy tránh xa thế hệ gian tà này để được cứu độ.” ⁴¹ *Vậy những ai đã đón nhận lời ông, đều chịu phép rửa. Và hôm ấy đã có thêm khoảng ba ngàn người theo đạo.*

Anh em hãy sám hối (c.38). Thánh Phê-rô lặp lại những lời Chúa Giê-su đã nói vào lúc khởi đầu cuộc đời rao giảng của Người (Mt 4,17) : Giáo Hội đi theo vết chân của Chúa. Lúc này vấn đề không còn là lãnh nhận phép rửa của ông Gio-an Tẩy Giả nữa, vốn chỉ là một nghi thức thanh tẩy chứng tỏ lòng hoán cải chân thành. Chúng ta phải lãnh nhận phép rửa “nhân danh Chúa Giê-su”. Nhờ phép rửa này, chúng ta được chìm vào trong cái chết của Người và được sống một đời sống mới (Rm 6,4), một ân huệ nhưng không của Thiên Chúa.

Ba ngàn người (c.41). Con số này đôi khi làm chúng ta ngạc nhiên. Đáng là khi thấy Chúa Giê-su bị bắt và bị kết án, đám đông đã bị lung lạc, nhưng tất cả những người ấy, đã từng đi theo Chúa ở Ga-li-lê và ở Giê-ru-sa-lem, họ đâu phải đột nhiên biến mất hết. Cho dù hình ảnh Chúa Giê-su trong lòng họ đã bị bôi đen do những vu khống và ghen ghét của kẻ thù, nhưng lửa hồng vẫn âm ỉ dưới đồng tro tàn, và lời rao giảng hùng hồn đầy xác tín của thánh Phê-rô đã nhóm cháy trở lại ngọn lửa đức tin ấy.

Cộng đoàn tín hữu đầu tiên

* 42 Các tín hữu chuyên cần nghe các Tông Đồ giảng dạy, luôn luôn hiệp thông với nhau, siêng năng tham dự lễ bẻ bánh, và cầu nguyện không ngừng.

43 Mọi người đều kính sợ, vì các Tông Đồ làm nhiều điềm thiêng dấu lạ.

44 Tất cả các tín hữu hợp nhất với nhau, và để mọi sự làm của chung. 45 Họ đem bán đất đai của cải, lấy tiền chia cho mỗi người tùy theo nhu cầu.

46 Họ đồng tâm nhất trí, ngày ngày chuyên cần đến Đền Thờ. Khi làm lễ bẻ bánh tại tư gia, họ dùng bữa với lòng đơn sơ vui vẻ.

47 Họ ca tụng Thiên Chúa,

* 2,42 Ở đây thánh Lu-ca cho chúng ta thấy trong cộng đoàn Ki-tô hữu Giê-ru-sa-lem, có bốn yếu tố chủ đạo mà nếu thiếu thì không thể có Hội Thánh Chúa Giê-su Ki-tô.

Lời giảng dạy của các Tông Đồ : Hội Thánh, được Chúa Giê-su thiết lập để làm chứng cho thực tại mới của Nước Thiên Chúa, là một Hội Thánh *tông truyền*, dựa trên những người đã được Chúa Giê-su chọn và lập thành Tông Đồ (Mc 3,13) ; Hội Thánh được nuôi dưỡng bằng lời giảng dạy của các ngài, nghĩa là lời của Thiên Chúa mà chỉ một mình Hội Thánh có khả năng truyền đạt cho chúng ta cách đầy đủ.

Hiệp thông với nhau : cộng đoàn Hội Thánh phải là dấu chỉ hữu hình cho thấy Chúa Giê-su quy tụ loài người trong tình yêu ; và ở điểm này cũng phải nói không thể có Hội Thánh hay cộng đoàn Hội Thánh nếu không có cuộc sống huynh đệ đích thực.

Lễ bẻ bánh : đây là từ ngữ mà Hội Thánh tiên khởi đã dùng để chỉ lễ tạ ơn hay là thánh lễ. Đây là bí tích hiệp thông với Chúa Ki-tô, Đấng là Lời và là Bánh Hằng Sống (Ga 6,35.51).

Cầu nguyện : làm sao những người đã khám phá ra tình yêu của Chúa Cha nơi Chúa Giê-su Ki-tô lại có thể sống mà không cầu nguyện (Ep 6,18 ; 1 Tx 5,17) ?

Bốn yếu tố chủ đạo được thánh Lu-ca làm rõ nét trên đây là gốc rễ của mọi cộng đoàn Ki-tô hữu. Thật thế, Thần Khí của Chúa Giê-su đến với chúng ta qua lời Người và qua Thánh Thể, là chính nguồn năng động của Hội Thánh. Từ ngữ "lời" ở đây không chỉ nói đến việc học hỏi Kinh Thánh để hiểu biết Kinh Thánh. Kinh Thánh còn giúp chúng ta nhận ra Thiên Chúa tiếp tục lên tiếng qua các biến cố hiện tại như thế nào, những biến cố trong đời tư chúng ta, hay của cộng đoàn chúng ta cũng như của thế giới.

Lòng đơn sơ vui vẻ (c.46) : câu này cho thấy sự thay đổi trong cuộc sống các Ki-tô hữu tiên khởi, cũng như tình hiệp thông huynh đệ chân chính giữa họ : họ thật sự đã hoà giải với nhau.

và được toàn dân thương mến. Và Chúa cho cộng đoàn mỗi ngày có thêm những người được cứu độ.

Ông Phê-rô chữa một người què

3 ¹ Một hôm, ông Phê-rô và ông Gio-an lên Đền Thờ, vào buổi cầu nguyện giờ thứ chín. ² Khi ấy, người ta khiêng đến một người què từ khi lọt lòng mẹ. Ngày ngày họ đặt anh ta bên cửa Đền Thờ gọi là Cửa Đẹp, để xin kẻ ra vào Đền Thờ bố thí. ³ Vừa thấy ông Phê-rô và ông Gio-an sắp vào Đền Thờ, anh liền xin bố thí. ⁴ Hai ông nhìn thẳng vào anh, và ông Phê-rô nói : “Anh nhìn

chúng tôi đây !” ⁵ Anh ta chăm chú nhìn hai ông, tưởng rằng sẽ được cái gì. ⁶ Bấy giờ ông Phê-rô nói : “Vàng bạc thì tôi không có ; nhưng cái tôi có, tôi cho anh đây : nhân danh Đức Giê-su Ki-tô người Na-da-rét, anh đứng dậy mà đi !” ⁷ Rồi ông nắm chặt lấy tay mặt anh, kéo anh trở dậy. Lập tức bàn chân và xương mắt cá của anh trở nên cứng cáp. ⁸ Anh đứng phắt dậy, đi lại được ; rồi cùng với hai ông, anh vào Đền Thờ, vừa đi vừa nhảy nhót và ca tụng Thiên Chúa. ⁹ Toàn dân thấy anh đi lại và ca tụng Thiên Chúa. ¹⁰ Và khi nhận ra anh chính là người vẫn

Đây không phải là niềm vui ngây ngô mà đôi khi người ta gặp thấy trong một vài nhóm Ki-tô hữu : những người này sống vô tư, chẳng quan tâm gì đến các vấn đề trên thế giới. Các môn đệ đầu tiên cũng như đối thủ của họ thì không thể nào quên Chúa Giê-su đã đương đầu như thế nào với vấn đề hoà giải dân tộc. *Họ được toàn dân thương mến* (c.47), được nhìn nhận là những con người mang nặng ưu tư của thời đại mình với tinh thần trách nhiệm.

* **3,1** Vụ hai thánh Phê-rô và Gio-an chữa lành một người què ở cửa Đền Thờ cho thấy giờ đây, cùng với biến cố Chúa Ki-tô phục sinh và Chúa Thánh Thần hiện xuống, một thời đại mới đã bắt đầu như thế nào. Luật Do-thái xem người khuyết tật là những người ô ւế, phải loại trừ, không cho phục vụ ở Đền Thờ (Lv 21,16-24). Sách 2 Sm giải thích cho biết luật này nhằm vào những đối tượng nào : không một người tật nguyên nào được phép vào Đền Thờ (2 Sm 5,6-8). Nhưng từ nay, sẽ không còn ai là người ô ւế hay bị loại trừ nữa, hay nói chính xác hơn, sứ mạng của Hội Thánh là mang lại cho mọi người ơn cứu độ *nhân danh Chúa Giê-su*, chữa lành bệnh tật nhân danh Chúa Giê-su, để ai ai cũng có được chỗ đứng trong dân mới của Thiên Chúa.

ngồi ăn xin tại Cửa Đẹp Đền Thờ, họ kinh ngạc sững sờ về sự việc mới xảy đến cho anh.

Ông Phê-rô giảng cho dân chúng

¹¹ Anh cứ níu lấy ông Phê-rô và ông Gio-an, nên toàn dân rất kinh ngạc, chạy ùa tới các ông tại hành lang gọi là hành lang Sa-lô-môn. * ¹² Thấy vậy, ông Phê-rô lên tiếng nói với dân : “Thưa đồng bào Ít-ra-en, sao lại ngạc nhiên về điều đó, sao lại nhìn chúng tôi chăm chăm, như thể chúng tôi đã làm cho người này đi lại được, nhờ quyền năng riêng hay lòng đạo đức của chúng tôi ? ¹³ Thiên Chúa của các tổ phụ Áp-ra-ham,

I-xa-ác và Gia-cóp, Thiên Chúa của cha ông chúng ta, đã tôn vinh Tôi Trung của Người là Đức Giê-su, Đấng mà chính anh em đã nộp và chối bỏ trước mặt quan Phi-la-tô, dù quan ấy xét là phải tha. ¹⁴ Anh em đã chối bỏ Đấng Thánh và Đấng Công Chính, mà lại xin ân xá cho một tên sát nhân. ¹⁵ Anh em đã giết Đấng khơi nguồn sự sống, nhưng Thiên Chúa đã làm cho Người trỗi dậy từ cõi chết : về điều này, chúng tôi xin làm chứng. ¹⁶ Chính nhờ lòng tin vào danh Người, mà danh Người đã làm cho kẻ anh em nhìn và biết đây trở nên cứng cáp ; chính lòng tin Người đã ban cho anh này được

* **3,12** Lời giảng của thánh Phê-rô sẽ làm rõ nét ý nghĩa của phép lạ, của *dấu chỉ* vừa được tỏ lộ trước mắt tất cả những người đến Đền Thờ cầu nguyện. *Danh Đức Giê-su* chỉ quyền năng, sức mạnh thần linh của Chúa. Chính *danh Người đã cho anh này được khỏi hẳn như thể trước mắt tất cả anh em* (c.16). Cũng thế, danh này, quyền năng thần linh này trở nên nguồn ơn chữa lành và ban sự sống cho tất cả những ai tin vào Người. Để lời giảng dạy của mình có điểm tựa chắc chắn, thánh Phê-rô dùng hình ảnh Người Tôi Trung cũng như lời Thiên Chúa hứa với ông Áp-ra-ham và sau này lặp lại với ông Mô-sê.

Điều đáng lưu ý là hình ảnh đầu tiên mà Hội Thánh tiên khởi gắn liền với Chúa Giê-su sau khi Người sống lại là hình ảnh Người Tôi Trung (Cv 3,13.26 ; 4,27-30). Thật vậy, chính trong bốn bài thơ của ngôn sứ I-sai-a (42,1-9 ; 49,1-7 ; 50,4-11 ; 52,13 – 53,12) mà chúng ta nhận ra lời tiên báo về Người Tôi Trung thánh này của Thiên Chúa, Đấng mang lại ơn cứu độ cho tất cả mọi người bằng cách mang lấy tội lỗi của họ, gánh chịu đau khổ và cái chết (53,4).

khỏi hẳn như thế, ngay trước mắt tất cả anh em.

¹⁷ “Thưa anh em, giờ đây tôi biết anh em đã hành động vì không hiểu biết, cũng như các thủ lãnh của anh em. ¹⁸ Nhưng, như vậy là Thiên Chúa đã thực hiện những điều Người dùng miệng tất cả các ngôn sứ mà báo trước, đó là : Đấng Ki-tô của Người phải chịu khổ hình. ¹⁹ Vậy anh em hãy sám hối và trở lại cùng Thiên Chúa, để Người xoá bỏ tội lỗi cho anh em. ²⁰ Như vậy thời kỳ an lạc mà Đức Chúa ban cho anh em sẽ đến, khi Người sai Đấng Ki-tô Người đã dành cho anh em, là Đức Giê-su. ²¹ Đức Giê-su còn phải được giữ lại trên trời, cho đến thời phục hồi vạn vật, thời mà Thiên Chúa đã dùng miệng các vị thánh ngôn sứ của Người mà loan báo tự ngàn xưa. ²² Thật

vậy, ông Mô-sê đã nói : *Từ giữa đồng bào của anh em, Đức Chúa là Thiên Chúa của anh em sẽ cho trỗi dậy một ngôn sứ như tôi để giúp anh em ; tất cả những gì vị ấy nói với anh em, anh em hãy nghe.* ²³ *Kể nào mà không nghe ngôn sứ ấy, thì sẽ bị diệt trừ khỏi dân.* ²⁴ Sau đó, mọi ngôn sứ, kể từ ông Sa-mu-en đến các vị kế tiếp, khi lên tiếng thì cũng đã loan báo những ngày chúng ta đang sống.

²⁵ “Phần anh em, anh em là con cháu của các ngôn sứ và của giao ước mà Thiên Chúa đã lập với cha ông anh em, khi Người phán với ông Áp-ra-ham : *Nhờ dòng dõi người, mọi gia tộc trên mặt đất sẽ được chúc phúc.* ²⁶ Thiên Chúa đã cho Tôi Trung của Người trỗi dậy để giúp anh em trước tiên, và sai đi chúc phúc cho anh em,

Khi nhắc lại lời hứa dành cho ông Áp-ra-ham và sau này được lặp lại với ông Mô-sê, thánh Phê-rô muốn nhấn mạnh cho thấy tất cả Cựu Ước đã được ứng nghiệm hoàn hảo như thế nào nơi Chúa Giê-su cũng như nơi Hội Thánh của Người mà hôm ấy thánh Phê-rô là người phát ngôn. Lòng thù ghét và bất chính của loài người không thể vĩnh viễn làm cản trở kế hoạch của Thiên Chúa, và chính Đấng mà dân Người loại bỏ, thì Thiên Chúa lại ban cho toàn thể nhân loại làm Đấng Cứu Độ.

Như vậy, hôm nay *mọi gia tộc trên mặt đất* (3,25) phải hướng về Người.

bằng cách làm cho mỗi người trong anh em lìa bỏ những tội ác của mình.”

Ông Phê-rô và ông Gio-an ra trước Thượng Hội Đồng

4 * ¹ Hai ông còn đang nói với dân, thì có các tư tế, viên lãnh binh Đền Thờ, và các người thuộc nhóm Xa-đốc kéo đến. ² Họ bực tức vì các ông giảng dạy cho dân và dựa vào trường hợp Đức Giê-su mà loan báo kẻ chết sẽ sống lại. ³ Họ bắt hai ông và tống ngục cho đến ngày

hôm sau, vì trời đã về chiều. ⁴ Nhưng trong đám người nghe lời giảng, có nhiều kẻ đã tin theo, chỉ riêng số đàn ông đã lên đến chừng năm ngàn.

⁵ Hôm sau, các thủ lãnh Do-thái, các kỳ mục và kinh sư họp nhau tại Giê-ru-sa-lem. ⁶ Có cả thượng tế Kha-nan, các ông Cai-pha, Gio-an, A-lê-xan-đê và mọi người trong dòng họ thượng tế. ⁷ Họ cho điệu hai Tông Đồ ra giữa hội đồng và tra hỏi : “Nhờ

* 4,1 Các thủ lãnh người Do-thái xét xử hai thánh Phê-rô và Gio-an. Nhưng Chúa Thánh Thần thì xét xử các thủ lãnh người Do-thái.

Các vị này tưởng mình nắm chắc chân lý trong tay vì họ có học và có quyền. Họ không thể lùi bước trước những con người tâm thường dám phản bác những khẳng định của họ. Trong khi đó thì thánh Phê-rô lưu ý họ rằng chữa lành một người bệnh mà lại bị bắt quả thật là lạ lùng (c.9) !

Các thủ lãnh này là những người thuộc phái Xa-đốc : họ không tin kẻ chết sống lại (Cv 23,6).

Bản văn gợi ý rằng tất cả chúng ta đều có thể làm chứng cho Chúa Ki-tô và chân lý của Người nếu chúng ta quyết chí dán thân. Có lẽ chúng ta còn bị khựng lại vì sợ thấy mình đơn thân độc mã trước các chống đối, thay vì tin tưởng vào lời hứa của Chúa Ki-tô (Mt 10,17-20).

Dưới gầm trời này, không có một danh nào khác đã được ban cho nhân loại (c.12). Như vậy, thánh Phê-rô quyết đoán khẳng định rằng Chúa Giê-su là Đấng Cứu Độ duy nhất của tất cả mọi người, tiền nhân cũng như hậu thế, kẻ nhận biết Người cũng như kẻ không nhận biết. Nhiều người Ki-tô hữu nghĩ rằng ai theo đạo nào thì sẽ được những vị họ thờ trong đạo ấy cứu độ. Lẽ cố nhiên là chúng ta phải tôn trọng lòng thành của tín đồ các tôn giáo khác, nhưng chúng ta không nên lẫn lộn đường lối của Thiên Chúa với lòng thành của con người. Nghĩa là những ai suốt đời đã sống đúng theo lòng tin lòng đạo của mình thì tất nhiên sẽ được cứu rỗi, nhưng, cũng y như người Ki-tô hữu, họ được cứu rỗi là nhờ Chúa Giê-su, vì chính Chúa đã chết và phục sinh để giải thoát họ khỏi tội lỗi và mở ra cho họ một con đường về với Chúa Cha.

quyền năng nào hay nhân danh ai mà các ông làm điều ấy ?”⁸ Bấy giờ, ông Phê-rô được đầy Thánh Thần, liền nói với họ : “Thưa quý vị thủ lãnh trong dân và quý vị kỳ mục,⁹ hôm nay chúng tôi bị thẩm vấn về việc lành chúng tôi đã làm cho một người tàn tật, về cách thức người ấy đã được cứu chữa.¹⁰ Vậy xin tất cả quý vị và toàn dân Ít-ra-en biết cho rằng : chính nhờ danh Đức Giê-su Ki-tô, người Na-da-rét, Đấng mà quý vị đã đóng đinh vào thập giá, và Thiên Chúa đã làm cho trỗi dậy từ cõi chết, chính nhờ Đấng ấy mà người này được lành mạnh ra đứng trước mặt quý vị.¹¹ Đấng ấy là tảng đá mà quý vị là thợ xây loại bỏ, chính tảng đá ấy lại trở nên đá tảng góc tường.¹² Ngoài Người ra, không ai đem lại ơn cứu độ ; vì dưới gầm trời này, không có một danh nào

khác đã được ban cho nhân loại, để chúng ta phải nhờ vào danh đó mà được cứu độ.”

¹³ Họ ngạc nhiên khi thấy ông Phê-rô và ông Gio-an mạnh dạn, và biết rằng hai ông là những người không có chữ nghĩa, lại thuộc giới bình dân. Họ nhận ra hai ông là những người đã từng theo Đức Giê-su ;¹⁴ đồng thời họ lại thấy người đã được chữa lành đứng đó với hai ông, nên họ không biết đối đáp thế nào.¹⁵ Họ mới truyền cho hai ông ra khỏi Thượng Hội Đồng, và bàn tính với nhau.¹⁶ Họ nói : “Ta phải xử làm sao với những người này ? Họ đã làm một dấu lạ rành rành : điều đó hiển nhiên đối với mọi người cư ngụ tại Giê-ru-sa-lem, và ta không thể chối được.¹⁷ Nhưng để cho việc đó khỏi lan rộng thêm trong dân, ta hãy ngầm đe, nghiêm cấm họ từ nay

Những gì tai đã nghe, mắt đã thấy, chúng tôi không thể không nói ra (c.20) ; x. 1 Ga 1,1-4.

Ta hãy ngầm đe (c.17), sau khi ngầm đe lần nữa (c.21). Lời của hai thánh Phê-rô và Gio-an đã gây ấn tượng mạnh trên các thủ lãnh Do-thái. Những người này sợ dân chúng, là những kẻ đã được chứng kiến phép lạ chữa người què. Thế là, cũng như tất cả những người nắm quyền lực trong tay, khi lâm lỗi mà không muốn bị mất mặt thì họ lên tiếng hăm dọa để bịt miệng thế gian.

không được nói đến danh ấy với ai nữa.”

¹⁸ Họ cho gọi hai ông vào và tuyệt đối cấm hai ông không được lên tiếng hay giảng dạy về danh Đức Giê-su nữa. ¹⁹ Hai ông Phê-rô và Gio-an đáp lại : “Nghe lời các ông hơn là nghe lời Thiên Chúa, xin hỏi : trước mặt Thiên Chúa, điều ấy có phải lẽ không ? Các ông thử xét xem ! ²⁰ Phần chúng tôi, những gì tai đã nghe, mắt đã thấy, chúng tôi không thể không nói ra.” ²¹ Sau khi ngấm đê lần nữa, họ thả hai ông về, vì không tìm được cách trừng trị hai ông. Lý do là vì họ sợ dân : ai nấy đều tôn vinh Thiên Chúa vì việc đã xảy ra. ²² Thật vậy, người được phép lạ ấy chữa lành đã ngoài bốn mươi tuổi.

Các Tông Đồ cầu nguyện trong cơn bách hại

* ²³ Được thả về, hai ông đến với các anh em và

thuật lại mọi điều các thượng tế và kỳ mục đã nói với hai ông. ²⁴ Nghe vậy, họ đồng tâm nhất trí cất tiếng lên cùng Thiên Chúa : “Lạy Chúa, Ngài là Đấng tạo thành trời đất với biển khơi cùng muôn loài trong đó ; ²⁵ Ngài là Đấng đã nhờ Thánh Thần, dùng miệng tổ phụ chúng con là Đa-vít, tôi trung của Ngài, mà phán : *Sao chư dân lại ồn ào náo động, sao vạn quốc dám bày kế viển vông ?* ²⁶ *Vua chúa trên gian cùng nổi dậy, vương hầu khanh tướng rập mưu đồ, chống lại Đức Chúa, chống lại Đấng Người đã xúc dầu phong vương.*

²⁷ “Đúng vậy, Hê-rô-dê, Phong-xi-ô Phi-la-tô, cùng với *chư dân* và dân Ít-ra-en đã toa rập trong thành này, chống lại tôi tớ thánh của Ngài là Đức Giê-su, Đấng Ngài đã xúc dầu.

²⁸ Như thế họ đã thực hiện tất cả những gì quyền

* 4,23 Đối với các tín hữu, cộng đoàn thật sự là gia đình mới của họ : đó là nơi mà họ chia sẻ cuộc sống với nhau và cầu nguyện. Như chúng ta đã thấy (Cv 2,42) : những gì vừa xảy ra, vụ hai thánh Phê-rô và Gio-an bị bắt và xét xử, họ đem ra suy nghĩ dưới ánh sáng lời Chúa (Tv 2,1-2). Thế rồi tất cả mọi người đồng tâm hiệp ý cầu nguyện để xin Thiên Chúa ban cho họ được can đảm nói lời Ngài với tất cả sự mạnh dạn (c.29).

năng và ý muốn của Ngài đã định trước.²⁹ Giờ đây, lạy Chúa, xin để ý đến những lời ngăm đe của họ, và cho các tôi tớ Ngài đây được nói lời Ngài với tất cả sự mạnh dạn.³⁰ Xin giơ tay chữa lành, và thực hiện những dấu lạ diệu thiêng, nhân danh tôi tớ thánh của Ngài là Đức Giê-su.”³¹ Họ cầu nguyện xong, thì nơi họ họp nhau rung chuyển ; ai nấy đều được tràn đầy Thánh Thần và bắt đầu mạnh dạn nói lời Thiên Chúa.

Cộng đoàn tín hữu đầu tiên

*³² Các tín hữu thời bấy giờ đông đảo, mà chỉ có một lòng một ý. Không một ai coi bất cứ cái gì mình có là của riêng,

nhưng đối với họ, mọi sự đều là của chung.

³³ Nhờ quyền năng mạnh mẽ Thiên Chúa ban, các Tông Đồ làm chứng Chúa Giê-su đã sống lại. Và Thiên Chúa ban cho tất cả các ông dồi dào ân sủng.

³⁴ Trong cộng đoàn, không ai phải thiếu thốn, vì tất cả những người có ruộng đất nhà cửa, đều bán đi, lấy tiền,³⁵ đem đặt dưới chân các Tông Đồ. Tiền ấy được phân phát cho mỗi người tùy theo nhu cầu.

Lòng rộng rãi của ông Ba-na-ba

³⁶ Ông Giô-xếp, người được các Tông Đồ đặt tên là Ba-na-ba, nghĩa là người có tài yên ủi, có một thửa

* 4,32 So sánh với 5,4. Cc. 32-37 có vẻ cho thấy rằng việc đem của riêng làm của chung là quy luật trong cộng đoàn Ki-tô hữu đầu tiên này, trong khi ở 5,4 thì chính thánh Phê-rô nói rõ vợ chồng Kha-nani-a và Xa-phi-ra vẫn có quyền giữ lại tài sản của họ. Trước đó, Chúa Giê-su đã không đòi hỏi phải đem của riêng đặt làm của chung, nhưng nhiều tín hữu đã thực hành điều đó vì ước muốn loại bỏ mọi ngăn cách giữa anh em đồng loại, đặc biệt là các rào cản do bạc tiền dựng lên. Trong suốt lịch sử của mình, Hội Thánh sẽ luôn được chứng kiến những nỗ lực tự nguyện sống nghèo khó và chia sẻ như thế.

Có thể việc đặt của riêng làm của chung này đã không giúp người ta hăng say lao động cho lắm, và người ta từ từ ăn thâm vốn mà không nghĩ tìm cách mưu cầu những gì thiết yếu cho đời sống cộng đoàn chẳng. Có điều chắc chắn là thánh Phao-lô sẽ phải tổ chức những cuộc lạc quyền trong các Hội Thánh khác để giúp đỡ “những người túng thiếu ở Giê-ru-sa-lem” (Gl 2,10 ; Rm 15,25 ; 2 Cr 8).

đất. Ông là một thầy Lê-vi quê quán ở đảo Síp.³⁷ Ông bán đất đi, lấy tiền đem đặt dưới chân các Tông Đồ.

Kha-na-ni-a và Xa-phi-ra gian lận

5 *¹ Có một người tên là Kha-na-ni-a cùng với vợ là Xa-phi-ra bán một thửa đất.² Ông đồng ý với vợ giữ lại một phần

tiền, rồi đem phần còn lại đặt dưới chân các Tông Đồ.³ Ông Phê-rô mới nói : “Anh Kha-na-ni-a, sao anh lại để Xa-tan xâm chiếm lòng anh, khiến anh lừa dối Thánh Thần, mà giữ lại một phần giá thửa đất ?

⁴ Khi đất còn đó thì nó chẳng còn là của anh sao ? Bán đi rồi thì anh chẳng có quyền sử dụng tiền bán đó sao ? Sao anh lại rắp

* 5,1 Khi chúng ta còn bé, người lớn thường hay kể cho chúng ta nghe những kỳ công mà Thiên Chúa đã thực hiện trong quá khứ, như thể Thiên Chúa chỉ hành động vào thời ấy thôi. Người Do-thái thời bấy giờ cũng nghĩ như thế. Kinh Thánh kể lại những lần Thiên Chúa đã can thiệp, phạt nhân tiền những kẻ chống lại ông Mô-sê như thế nào (x. phần bình giải Ds 12,1 ; 16,1 ; 17,1). Nhưng đây, Thiên Chúa lại ra tay hành động trong cộng đoàn Ki-tô hữu, và họ bỗng khám phá ra rằng ông Phê-rô, là dân đánh cá, cũng đâu kém gì ông Mô-sê. X. Cv 13,11 ; 1 Cr 11,30.

Tội của đôi vợ chồng này không phải là giữ lại một phần tài sản của mình : ai đâu đã ép buộc họ đưa tiền cho cộng đoàn. Nhưng họ đã cố tình lừa dối các Tông Đồ, cố làm cho các ngài tưởng họ đã đưa tất cả, trong khi sự thật không phải vậy.

Phải hết sức thận trọng khi đề cập đến vấn đề Thiên Chúa trừng phạt. Đối với người Ki-tô hữu, chỉ có một sự trừng phạt duy nhất là đời đời phải lìa xa Thiên Chúa. Ngay cả cái chết bất ngờ cũng không có nghĩa là Thiên Chúa có ý phạt chúng ta. Tuy nhiên, cái chết của Kha-na-ni-a và Xa-phi-ra là một lời cảnh cáo và là một tín hiệu cho người khác.

Ở đây, lần đầu tiên chúng ta gặp thấy từ *Hội Thánh* (c.11). Ý nghĩa chính xác của từ này là “hội nghị được (Thiên Chúa) triệu tập”. Trước thời Chúa Giê-su, người Do-thái dùng từ này để chỉ cộng đoàn mới sẽ được Thiên Chúa tuyển chọn vào thời Đấng Mê-si-a xuất hiện. Dù là xuất thân từ Do-thái giáo hay lương dân, các Ki-tô hữu đều ý thức mình thuộc về cộng đoàn mới này : họ là những người Do-thái đích thực, là Ít-ra-en đích thực. Lần lần, Chúa Thánh Thần sẽ tách họ khỏi cộng đoàn Do-thái chính thức. Từ *Hội Thánh* lúc này vẫn chỉ áp dụng cho cộng đoàn Ki-tô hữu Giê-ru-sa-lem. Với thời gian, các cộng đoàn Hội Thánh khác xuất hiện mỗi ngày đông hơn, từ này sẽ chỉ toàn thể dân Thiên Chúa.

tâm làm việc ấy ? Anh đã không lừa dối người phàm, mà lừa dối Thiên Chúa.”⁵ Nghe những lời ấy, Kha-na-ni-a ngã xuống tắt thở. Tất cả những ai nghe kể lại chuyện này đều rất sợ hãi.⁶ Các thanh niên đến liệm xác ông và đem đi chôn.

⁷ Khoảng ba giờ sau, vợ ông đi vào mà không hay biết chuyện đã xảy ra.⁸ Ông Phê-rô lên tiếng hỏi : “Chị nói cho tôi hay : anh chị bán thửa đất được bấy nhiêu, phải không ?” Chị ta đáp : “Vâng, được bấy nhiêu thôi.”⁹ Ông Phê-rô liền nói : “Sao anh chị lại đồng lòng với nhau để thử thách Thần Khí Chúa ? Kìa những người đã chôn cất chồng chị còn đứng ở ngoài cửa, họ sắp khiêng cả chị đi đấy !”¹⁰ Lập tức bà ta ngã xuống dưới chân ông Phê-rô và tắt thở. Khi vào, các thanh niên thấy bà đã chết, liền khiêng đi

chôn bên cạnh chồng.¹¹ Toàn thể Hội Thánh và tất cả những ai nghe kể chuyện này đều rất sợ hãi.

Các Tông Đồ làm phép lạ

* ¹² Nhiều dấu lạ điềm thiêng được thực hiện trong dân, nhờ bàn tay các Tông Đồ.

Mọi tín hữu đều đồng tâm nhất trí, thường hội họp tại hành lang Sa-lô-môn.¹³ Không một ai khác dám nhập đoàn với họ. Nhưng dân thì lại ca tụng họ.¹⁴ Càng ngày càng có thêm nhiều người tin theo Chúa : cả đàn ông đàn bà rất đông.

¹⁵ Người ta còn khiêng cả những kẻ đau ốm ra tận đường phố đặt trên giường trên chõng, để khi ông Phê-rô đi qua, ít ra cái bóng của ông cũng phủ lên được một bệnh nhân nào đó.¹⁶ Nhiều người từ các thành chung quanh Giê-ru-

* 5,12 *Cả đàn ông đàn bà rất đông* nhập đoàn với họ (c.14). Tất cả mọi người Do-thái đều tin vào Thiên Chúa, Đấng đã phán dạy qua các ngôn sứ. Nhưng tin vào Đức Giê-su với tư cách Người là vị Ngôn Sứ được Thiên Chúa sai đến mà bị họ chối từ lại là chuyện hoàn toàn khác. Đoạn văn này cho chúng ta biết : tin vào Chúa và gia nhập cộng đoàn là hai bước đường không thể tách rời nhau. Không thể đi theo Chúa Giê-su mà không đồng hành với dân mới, được Chúa cho sinh ra “bởi nước và Thần Khí”.

Cc. 15-16 không ngại so sánh thánh Phê-rô với Chúa Giê-su.

sa-lem cũng lũ lượt kéo đến, đem theo những kẻ ốm đau cùng những người bị thần ô uế ám, và tất cả đều được chữa lành.

Các Tông Đồ bị bắt và được giải thoát

* 17 Bảy giờ, vị thượng tế cùng tất cả những người theo ông –tức là phái Xa-đốc– ra tay hành động. Đây lòng ghen tức, 18 họ bắt các Tông Đồ, nhốt vào nhà tù công cộng.

19 Nhưng ban đêm thiên sứ của Đức Chúa mở cửa

ngục, đưa các ông ra mà nói : 20 “Các ông hãy đi, vào đứng trong Đền Thờ mà nói cho dân những lời ban sự sống.” 21 Nghe thế, các ông vào Đền Thờ ngay từ lúc rạng đông và bắt đầu giảng dạy.

Các Tông Đồ ra trước Thượng Hội Đồng

Vị thượng tế cùng những người kề cận đến và triệu tập Thượng Hội Đồng và toàn thể viện bô lão It-ra-en, rồi sai người vào nhà giam điệu các Tông Đồ tới.

* 5,17 Phải chăng có thể ví sự đối đầu này giữa các Tông Đồ và các thủ lãnh trong dân với những cảnh ngày nay vẫn xảy ra ở nhiều nơi, khi Hội Thánh tố giác những trường hợp bất công ?

Nhiều người sẽ nói : hai chuyện đầu giống nhau. Các Tông Đồ bị bách hại là vì họ tuyên xưng Chúa Giê-su, còn bây giờ là người Ki-tô hữu đi làm chính trị. Nhưng chuyện đầu phải rõ trắng đen như thế !

Thời ấy người Do-thái bị đô hộ và chia rẽ, còn Chúa Giê-su thì nói năng như một người tự do. Người đưa ra một đường lối khoáng đạt, ngày nay có thể gọi là hành vi bất bạo động. Các nhà cầm quyền đã thủ tiêu Người để bảo vệ an ninh quốc gia (Ga 11,48) và chính sách của họ. Như thế, tin vào Chúa Giê-su nhìn nhận rằng người ta đã đối xử bất công với Người khi chối bỏ Người. Đi vào con đường Người đã vạch ra là lên án cả một chính sách dựa trên bạo quyền và vụ lợi (Lc 21,12-16).

Hãy xem các tư tế xét xử hai thánh Phê-rô và Gio-an như thế nào : họ yêu cầu các ngài cắt đứt quan hệ với một con người (Chúa Giê-su) mà họ cũng đã lên án cách hợp pháp.

Tuyên xưng Chúa Giê-su có nghĩa là rao giảng một cuộc hoà giải đại đồng (Ep 2,14), được thể hiện trong mọi lãnh vực cuộc sống con người, kể cả lãnh vực kinh tế và chính trị. Hội Thánh đầu còn tuyên xưng Chúa Giê-su là Đấng Cứu Độ (5,31) nếu nhắm mắt làm ngơ trong khi có bao nhiêu quốc gia phải chết dần chết mòn bởi thiếu việc làm, thiếu lương thực, giáo dục và sức khoẻ. Tuy nhiên, tố giác không phải là xét xử, và sẽ là vô ích nếu chúng ta không còn biết loan truyền kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa nữa.

²² Nhưng khi thuộc hạ đến, họ không thấy các ông trong ngục. Họ trở về báo cáo ²³ rằng : “Chúng tôi thấy ngục đóng kỹ lưỡng và những người lính canh đứng ở cửa ; nhưng khi mở cửa ra, chúng tôi không thấy ai ở bên trong.”

²⁴ Nghe những lời ấy, viên lãnh binh Đền Thờ và các thượng tế phân vân về các ông, không biết chuyện gì xảy ra. ²⁵ Bấy giờ có một người đến báo cáo cho họ : “Những người các ông đã tống ngục, kìa họ đang đứng trong Đền Thờ và giảng dạy cho dân !”

²⁶ Viên lãnh binh bèn đi với bọn thuộc hạ và điệu các ông về, nhưng không dùng bạo lực vì sợ bị dân ném đá.

²⁷ Họ điệu các ông đến giữa Thượng Hội Đồng ; vị

thượng tế hỏi các ông rằng :

²⁸ “Chúng tôi đã nghiêm cấm các ông không được giảng dạy về danh ấy nữa, thế mà các ông đã làm cho Giê-ru-sa-lem ngập đầy giáo lý của các ông, lại còn muốn cho máu người ấy đổ trên đầu chúng tôi !” ²⁹ Bấy giờ ông Phê-rô và các Tông Đồ khác đáp lại rằng : “Phải vâng lời Thiên Chúa hơn vâng lời người phàm.

³⁰ Đức Giê-su đã bị các ông treo lên cây gỗ mà giết đi ; nhưng Thiên Chúa của cha ông chúng ta đã làm cho Người trỗi dậy, ³¹ và Thiên Chúa đã ra tay uy quyền nâng Người lên, đặt làm thủ lãnh và Đấng Cứu Độ, hầu đem lại cho Ít-ra-en ơn sám hối và ơn tha tội. ³² Về những sự kiện đó, chúng tôi xin làm chứng, cùng với Thánh Thần, Đấng mà Thiên

Ông Ga-ma-li-ên là một trong những bậc thầy dạy Luật Mô-sê nổi tiếng nhất. Ở đây, chúng ta thấy tinh thần cởi mở và lòng tin của vị thầy cao niên Do-thái này : ông biết rõ là đường lối Thiên Chúa đâu phải luôn luôn hợp với đường lối loài người.

Nếu ý định hay công việc này là do người phàm (c.38). Chúa Giê-su đã từng nói tương tự như thế (Mt 15,13). Tuy nhiên dường như điều này không hiển nhiên lắm đối với chúng ta : chẳng phải có những học thuyết sai lầm cứ tồn tại dài dài đó sao ? Nhưng có lẽ những học thuyết đó trụ được qua nhiều thế kỷ là vì, tuy sai lầm và gây tai hại, nó hàm chứa những nguyên lý hữu ích hoặc cần thiết trong một thời gian, hoặc cho một số thành phần nhân loại. Có thể nó nói lên những điều quan trọng mà Hội Thánh phải nói nhưng đã không thể hoặc không dám nói.

Chúa đã ban cho những ai vâng lời Người.”³³ Nghe vậy, họ giận điên lên và muốn giết các ông.

Ông Ga-ma-li-ên lên tiếng

³⁴ Bấy giờ có một người Pha-ri-sêu tên là Ga-ma-li-ên đứng lên giữa Thượng Hội Đồng ; ông là một kinh sư được toàn dân kính trọng. Ông truyền đưa các đương sự ra ngoài một lát.³⁵ Rồi ông nói với Thượng Hội Đồng : “Thưa quý vị là người Ít-ra-en, xin quý vị coi chừng điều quý vị sắp làm cho những người này.³⁶ Thời gian trước đây, có Thê-đa nổi lên, xưng mình là một nhân vật và kết nạp được khoảng bốn trăm người ; ông ta đã bị giết, và mọi kẻ theo ông cũng tan rã, không còn gì hết.³⁷ Sau ông, có Giu-đa người Ga-li-lê nổi lên vào thời kiểm

tra dân số, và lôi cuốn dân đi với mình ; cả ông này cũng bị diệt, và tất cả những người theo ông ta đều bị tan tác.³⁸ Vậy giờ đây, tôi xin nói với quý vị : hãy để mặc những người này. Cứ cho họ về, vì nếu ý định hay công việc này là do người phạm, tất sẽ bị phá huỷ ;³⁹ còn nếu quả thật là do Thiên Chúa, thì quý vị không thể nào phá huỷ được ; không khéo quý vị lại thành những kẻ chống Thiên Chúa.” Họ tán thành ý kiến của ông.

⁴⁰ Họ cho gọi các Tông Đồ lại mà đánh đòn và cấm các ông không được nói đến danh Đức Giê-su, rồi thả các ông ra.⁴¹ Các Tông Đồ ra khỏi Thượng Hội Đồng, lòng hân hoan bởi được coi là xứng đáng chịu khổ nhục vì danh Đức Giê-su.

Kinh nghiệm cho thấy rằng đa phần nhân loại không nhận ra trong Ki-tô giáo chân lý mà họ tìm kiếm. Thiên Chúa đã bỏ rơi họ chăng ? Nếu chúng ta có Chúa Ki-tô rồi thì chúng ta có thể xác quyết rằng ông này ông kia không phải là “vị ngôn sứ”. Nhưng biết đâu Thiên Chúa đã muốn ông ấy làm ngôn sứ cho một nhóm người nhất định nào đó, để giúp họ đi một đoạn đường tiến về ánh sáng.

Ông Ga-ma-li-ên đã từng là thầy của thánh Phao-lô ở Giê-ru-sa-lem trong thời gian hai hoặc ba năm, ít lâu sau các biến cố này (Cv 22,3). Cuộc trở lại của thánh Phao-lô sẽ được Thiên Chúa an bài, được chuẩn bị nhờ tình giao hảo giữa thánh nhân với con người cởi mở và chân thành này, cũng như nhờ cái chết của thánh Tê-pha-nô (7,54-60).

⁴² Mỗi ngày, trong Đền Thờ và tại tư gia, các ông không ngừng giảng dạy và loan báo Tin Mừng về Đức Ki-tô Giê-su.

II. NHỮNG BƯỚC ĐẦU CỦA CÔNG CUỘC TRUYỀN GIÁO

Lập nhóm Bảy người

6 * ¹ Thời đó, khi số môn đệ thêm đông, thì các tín hữu Do-thái theo văn hoá Hy-lạp kêu trách những tín hữu Do-thái bản xứ, vì trong việc phân phát lương thực hằng ngày, các bà goá trong nhóm họ bị bỏ quên. ² Bởi thế, Nhóm Mười Hai triệu tập toàn thể các môn đệ và nói : “Chúng tôi mà bỏ

việc rao giảng Lời Thiên Chúa để lo việc ăn uống, là điều không phải. ³ Vậy, thưa anh em, anh em hãy tìm trong cộng đoàn bảy người được tiếng tốt, đầy Thần Khí và khôn ngoan, rồi chúng tôi sẽ cất đặt họ làm công việc đó. ⁴ Còn chúng tôi, chúng tôi sẽ chuyên lo cầu nguyện và phục vụ Lời Thiên Chúa.” ⁵ Đề nghị trên được mọi

* **6,1** Chắc chắn Chúa Giê-su đã không chỉ dẫn cho các Tông Đồ biết chi tiết các ông phải tổ chức Hội Thánh như thế nào. Nhưng một cuộc xung đột lại bùng nổ giữa hai nhóm người : nhóm người Do-thái bản xứ, chưa bao giờ ra khỏi nước và nói tiếng A-ram, và nhóm người Do-thái theo văn hoá Hy-lạp, đã từng sống ở nước ngoài và thường dùng tiếng Hy-lạp. Dường như nhóm sau này theo trào lưu nhóm Êt-xê-nô và không tham dự các nghi lễ ở Đền Thờ. Do đó, họ không cảm thấy thoải mái trong đời sống phụng vụ cũng như cộng đoàn, và chỉ có thể thấy mình ngày càng bị ức chế. Trong thực tế, các Tông Đồ dễ dàng tự đồng hoá với nhóm người bản xứ hơn, và đã tới lúc cần phải để cho nhóm Hy-lạp hoá có một quyền tự trị nào đó, với những vị phụ trách riêng biệt. Rất có thể đang hình thành ở đây một Giáo Hội dùng ngôn ngữ Hy-lạp, với một lối phụng vụ Hy-lạp.

Cộng đoàn chọn ra bảy người. Quyền bính của họ phải được Chúa Ki-tô trao ban, vậy là phải được các Tông Đồ truyền lại cho họ.

Các ứng viên phải được đầy Thần Khí và khôn ngoan (c.3). Ấy là vì họ không chỉ có đó để làm những dịch vụ vật chất ; vả lại, nếu “chỉ” để lo việc tài chánh không thôi, thì Hội Thánh cũng sẽ đủ cực lòng với những vị quản lý tài ba nhưng lại không có tinh thần của Tin Mừng.

người tán thành. Họ chọn ông Tê-pha-nô, một người đầy lòng tin và đầy Thánh Thần, cùng với các ông Phi-líp-phê Pơ-rô-khô-rô, Ni-ca-no, Ti-môn, Pác-mê-na và ông Ni-cô-la, một người ngoại quê An-ti-ô-khi-a đã theo đạo Do-thái.⁶ Họ đưa các ông ra trước mặt các Tông Đồ. Sau khi cầu nguyện, các Tông Đồ đặt tay trên các ông.

⁷ Lời Thiên Chúa vẫn lan tràn, và tại Giê-ru-salem, số các môn đệ tăng thêm rất nhiều, lại cũng có một đám rất đông các tư tế đón nhận đức tin.

Ông Tê-pha-nô bị bắt

⁸ Ông Tê-pha-nô được đầy ân sủng và quyền năng, đã làm những điềm thiêng dấu lạ lớn lao trong dân.⁹ Có những người thuộc hội đường gọi là hội đường của nhóm nô lệ được giải phóng, gốc Ky-rê-nê và A-lê-xan-ri-a, cùng với một số người gốc Ki-li-ki-a và A-xi-a, đứng lên tranh luận với ông Tê-pha-nô.¹⁰ Nhưng họ không địch nổi lời lẽ khôn ngoan mà Thần Khí đã ban cho ông.¹¹ Bấy giờ, họ mới xui mấy người phao lên rằng : “Chúng tôi đã nghe hấn nói lộng ngôn xúc phạm đến ông Mô-sê

Bảy người này có phải là bảy phó tế đầu tiên hay không ? Thánh Lu-ca chỉ nói là họ phục vụ. “Phó tế” trong tiếng Hy-lạp có nghĩa là người phục vụ, thường là người quản gia. Trên thực tế, từ “phó tế” này sẽ ngay từ đầu tạo ý nghĩa xác đáng cho mọi thừa tác vụ trong Hội Thánh : đó là *việc phục vụ* (1 Cr 12,5). Điều quan trọng chính là cộng đoàn được Chúa Thánh Thần quy tụ để ở giữa loài người, họ làm chứng về ơn cứu độ Chúa Giê-su ban tặng. Qua bao nhiêu thế kỷ, các thừa tác viên trong Hội Thánh sẽ bị cám dỗ lạm quyền, dùng chức vụ vốn được trao ban để mưu ích cho cộng đoàn làm bản đạ tiến thân. Điều được nêu lên đây để nói về những vị được trọng vọng hơn trong phẩm trật Hội Thánh, thì cũng nên áp dụng cho bất cứ ai được giao phó những trách nhiệm ít quan trọng hơn, linh mục hay giáo dân : tất cả mọi người hãy ghi nhớ lời Chúa Giê-su đã nói (Lc 22,24-27).

* 6,8 Ông Tê-pha-nô thuộc nhóm người Do-thái theo văn hoá Hy-lạp. Như các tư tế ở Cum-ran bên bờ Biển Chết, ông ít gắn bó với phụng tự ở Đền Thờ và truyền thống các rập-bi bằng nhóm người Do-thái chính thống ; đối với nhóm này ông là một tín hữu khả nghi. Ông ở trong số những người thúc đẩy Hội Thánh thoát ly những khuôn mẫu của quá khứ và các ràng buộc với cộng đồng Do-thái giáo.

và Thiên Chúa.”¹² Họ sách động dân và các kỳ mục cùng kinh sư, rồi ập đến bắt ông và điệu đến Thượng Hội Đồng.¹³ Họ đưa mấy người chứng gian ra khai rằng : “Tên này không ngừng nói những lời phạm đến Nơi Thánh và Lê Luật.”¹⁴ Vì chúng tôi đã nghe hẳn nói rằng Giê-su người Na-da-rét sẽ phá huỷ nơi này và thay đổi những tục lệ mà ông Mô-sê đã truyền lại cho chúng ta.”¹⁵ Toàn thể cử tọa trong Thượng Hội Đồng đều nhìn thẳng vào ông Tê-pha-nô, và họ thấy mặt ông giống như mặt thiên sứ.

Diễn từ của ông Tê-pha-nô

7¹ Bấy giờ vị thượng tế hỏi ông Tê-pha-nô : “Có đúng như vậy không ?”
² Ông đáp : “Thưa quý vị là những bậc cha anh, xin

nghe tôi đây : Thiên Chúa hiển vinh đã hiện ra với ông Áp-ra-ham, tỏ phụ chúng ta, khi ông còn đang ở miền Mê-xô-pô-ta-mi-a, trước khi ông đến ở Kha-ran.³ *Người phán với ông : Hãy rời bỏ xứ sở, họ hàng người, và đến đất Ta sẽ chỉ cho người.*⁴ Ông liền bỏ xứ người Can-đê mà đến ở Kha-ran. Sau khi thân phụ qua đời, Người bảo ông rời nơi ấy đến đất này, nơi anh em hiện đang ở.⁵ Người không ban cho ông sản nghiệp nào ở đất này, dù một tấc đất cũng không, nhưng hứa cho ông cũng như cho dòng dõi ông được chiếm hữu đất này, mặc dầu bấy giờ ông không có con.⁶ Thiên Chúa phán với ông rằng *dòng dõi ông sẽ trú ngụ nơi đất khách quê người, và người ta sẽ bắt họ làm nô lệ và ngược đãi họ trong vòng bốn trăm*

Bài diễn từ dài của ông trước Thượng Hội Đồng là một bài tóm lược Cựu Ước đáng chú ý. Ông nhấn mạnh các sáng kiến liên hồi của Thiên Chúa, Đấng kêu gọi, ban phúc lành và lời hứa, sửa dạy và cứu độ, mà đứng trước tình yêu không mệt mỏi này, Ít-ra-en lại thường xuyên nổi loạn, coi thường Thiên Chúa và loại trừ những người được sai đến với họ. Non tám thế kỷ trước Chúa Ki-tô, ngôn sứ Hô-sê đã mô tả bi kịch này rồi : tình yêu Thiên Chúa bị dân Người khước từ (Hs 11,1-4). Nay ông Tê-pha-nô lại tuyên bố điều đó một lần nữa : bi kịch này đã đến hồi bi đát nhất khi Đức Giê-su, Con Thiên Chúa làm người, bị đóng đinh trên thập giá (Cv 2,23 ; 3,15 ; 4,10).

năm. ⁷ Người lại phán : *Nhưng Ta sẽ xét xử dân đã bắt chúng làm nô lệ, và sau đó chúng sẽ ra đi và sẽ thờ phượng Ta tại nơi này.* ⁸ Rồi Người ban cho ông giao ước, mà dấu chỉ là phép cắt bì ; và như thế, sau khi sinh ông I-xa-ác được tám ngày, ông làm phép cắt bì cho con ; ông I-xa-ác cũng làm như thế cho ông Gia-cóp, và ông Gia-cóp đã làm như thế cho mười hai tổ phụ.

⁹ “Các tổ phụ ghen ông Giu-se nên đã bán ông cho người ta đưa sang Ai-cập. Nhưng Thiên Chúa vẫn ở với ông. ¹⁰ Người cứu ông khỏi mọi bước ngặt nghèo, cho ông được cảm tình của Pha-ra-ô, vua Ai-cập, và được khôn ngoan trước mặt nhà vua, khiến nhà vua đặt ông làm tể tướng cai quản nước Ai-cập và toàn thể hoàng cung. ¹¹ Rồi xảy ra nạn đói trong cả nước Ai-cập và tại Ca-nan : đó là thời rất ngặt nghèo, và cha ông chúng ta không tìm đâu ra lương thực. ¹² Khi ông Gia-cóp nghe nói bên Ai-cập có lúa mì, liền sai cha ông chúng ta đi lần thứ nhất. ¹³ Rồi đến lần thứ hai, thì ông

Giu-se cho các anh em nhận ra mình ; bấy giờ Pha-ra-ô biết rõ gốc tích của ông Giu-se. ¹⁴ Ông Giu-se liền sai đi mời thân phụ là ông Gia-cóp, cùng với tất cả họ hàng là bảy mươi lăm người. ¹⁵ Vậy ông Gia-cóp xuống Ai-cập. Ông đã qua đời ở đó, và cha ông chúng ta cũng vậy. ¹⁶ Hải cốt các ông được đưa về Si-khem và táng trong ngôi mộ mà ông Áp-ra-ham đã bỏ tiền ra mua của con cái Kha-mo tại Si-khem.

¹⁷ “Khi gần đến thời thực hiện lời Thiên Chúa đã long trọng hứa với ông Áp-ra-ham, thì dân sinh sôi nảy nở ra nhiều tại Ai-cập, ¹⁸ cho đến khi một vua khác lên trị vì nước Ai-cập. Vua này không biết ông Giu-se. ¹⁹ Là người xảo quyệt, vua xử tệ với nòi giống chúng ta, ngược đãi cha ông chúng ta, đến nỗi bắt các cụ phải đem trẻ sơ sinh của mình bỏ đi, không cho chúng sống. ²⁰ Chính vào thời đó, Mô-sê sinh ra. Đứa bé kháu khỉnh trước mặt Thiên Chúa, lại chỉ được nuôi ba tháng ở nhà thân phụ. ²¹ Sau đó bị bỏ, nhưng được

con gái Pha-ra-ô rước về nuôi làm con trai mình.

²² Cậu bé được dạy cho biết tất cả về sự khôn ngoan của người Ai-cập, và là người đầy uy thế trong lời nói cũng như việc làm.

²³ “Khi được chẵn bốn mươi tuổi, ông Mô-sê nảy ra ý định thăm viếng các anh em mình là con cái Ít-ra-en. ²⁴ Thấy một người anh em bị một người Ai-cập làm hại, ông liền bênh, và để trả thù cho người bị áp bức, ông đánh chết người Ai-cập. ²⁵ Ông tưởng các anh em ông sẽ hiểu rằng Thiên Chúa dùng tay ông để ban ơn cứu độ cho họ ; nhưng họ thì không hiểu. ²⁶ Ngày hôm sau, đang khi họ đánh lộn thì ông xuất hiện và dàn xếp cho đôi bên làm hoà. Ông nói : ‘Này các người, các người là anh em, tại sao lại xử tệ với nhau ?’ ²⁷ Nhưng kẻ đang xử tệ với người đồng bào gạt ông ra và nói : *Ai đã đặt ông làm người lãnh đạo và người xét xử chúng tôi ?* ²⁸ *Hay là ông tính giết tôi, y như đã giết tên Ai-cập hôm qua ?* ²⁹ Nghe câu nói ấy, ông Mô-sê liền trốn đi và đến trú ngụ ở

miền Ma-đi-an. Ở đó ông sinh được hai con trai.

³⁰ “Đúng bốn mươi năm sau, *một thiên sứ hiện ra với ông tại sa mạc núi Xi-nai, trong ngọn lửa của một bụi cây đang cháy.*

³¹ Ông Mô-sê ngạc nhiên khi thấy thị kiến ấy. Đang khi ông lại gần để xem cho rõ, thì có tiếng Chúa phán với ông : ³² *Ta là Thiên Chúa của cha ông ngươi, Thiên Chúa của Áp-ra-ham, I-xa-ác và Gia-cóp.* Ông Mô-sê phát run lên, không dám nhìn nữa. ³³ Bấy giờ Chúa phán với ông : *‘Cởi dép ở chân ra, vì nơi người đang đứng là đất thánh !* ³⁴ *Ta đã thấy rõ cảnh khổ cực của dân Ta bên Ai-cập và đã nghe tiếng chúng kêu than, nên Ta xuống giải thoát chúng.* Bây giờ, người hãy đi ! Ta sai người sang Ai-cập.’

³⁵ “Ông Mô-sê này là người mà họ đã từng chối bỏ khi nói : *Ai đã đặt ông làm người lãnh đạo và người xét xử ?*, thì Thiên Chúa lại sai ông làm người lãnh đạo và cứu chuộc, qua trung gian vị thiên sứ đã hiện ra với ông trong bụi gai. ³⁶ Chính ông đã đưa họ ra, bằng cách làm

những diêm thiêng dẫu lạ tại đất Ai-cập, trong Biển Đỏ và trong sa mạc bốn mươi năm trường. ³⁷ Chính ông Mô-sê đó là người đã nói với con cái Ít-ra-en : *Từ giữa đồng bào của anh em, Thiên Chúa sẽ cho đứng lên một ngôn sứ như tôi để giúp anh em.*

³⁸ Chính ông là người đã có mặt trong đại hội ở sa mạc, bên cạnh vị thiên sứ nói với ông trên núi Xi-nai, và bên cạnh cha ông chúng ta. Chính ông đã đón nhận những lời hằng sống để ban cho chúng ta. ³⁹ Nhưng cha ông chúng ta đã không muốn vâng lời :

Hỡi nhà Ít-ra-en,

bốn mươi năm trường trong sa mạc,

các người có dâng lên Ta

vật hy sinh và lễ tế nào đâu ?

⁴³ *Các người đã kiêu lêu của thần Mô-lóc*

và ngôi sao của thần Rê-phan,

là những ảnh tượng các người đã làm ra để thờ ;

nên Ta đã đày các người tới bên kia Ba-by-lon.

⁴⁴ “Khi ở trong sa mạc, cha ông chúng ta có Lều chứng ước, như Đấng phán với ông Mô-sê đã truyền phải làm theo kiểu mẫu ông đã thấy. ⁴⁵ Lều ấy, cha ông chúng ta đã kế thừa, và đã cùng với ông Giô-suê, đem vào đất chiếm được của các dân ngoại mà

ông ; họ đã gạt ông ra và trong thâm tâm, họ đã quay lại Ai-cập. ⁴⁰ Họ nói với ông A-ha-ron : *Xin ông làm cho chúng tôi những vị thần dẫn đầu chúng tôi, vì cái ông Mô-sê, người đã đưa chúng tôi ra khỏi đất Ai-cập, chúng tôi không biết chuyện gì đã xảy ra cho ông ta.* ⁴¹ Trong những ngày ấy, họ đã làm tượng một con bê, họ dâng lễ tế cho ngẫu tượng ấy và ăn mừng công trình tay họ làm ra. ⁴² Bấy giờ Thiên Chúa xoay mặt họ đi, và để mặc họ thờ thiên binh, như có lời chép trong sách các ngôn sứ :

Thiên Chúa đã đuổi đi khuất mắt các ông. Lều ở lại đó cho đến thời vua Đa-vít. ⁴⁶ Vua này đẹp lòng Thiên Chúa và đã xin được tìm một ngôi nhà cho Thiên Chúa của Gia-cóp.

⁴⁷ Nhưng chính vua Sa-lô-môn mới xây nhà cho Người. ⁴⁸ Tuy nhiên, Đấng

Tối Cao không ở trong người phạm làm ra, như những ngôi nhà do tay lời ngôn sứ đã nói :

- ⁴⁹ *Chúa phán : Trời là ngai của Ta,
còn đất là bệ dưới chân Ta.
Các người sẽ xây cho Ta nhà nào,
và nơi nào sẽ là chốn Ta nghỉ ngơi ?*
- ⁵⁰ *Chẳng phải chính tay Ta
đã làm nên mọi sự ấy sao ?*

⁵¹ “Hỡi những người cứng đầu cứng cổ, lòng và tai không cắt bì, các ông luôn luôn chống lại Thánh Thần. Cha ông các ông thế nào, thì các ông cũng vậy. ⁵² Có ngôn sứ nào mà cha ông các ông không bắt bớ ? Họ đã giết những vị tiên báo Đấng Công Chính sẽ đến ; còn các ông, nay đã trở thành những kẻ phản bội và sát hại Đấng ấy. ⁵³ Các ông là những người đã lãnh nhận Lễ Luật do các thiên sứ công bố, nhưng lại chẳng tuân giữ.”

⁵⁴ Khi nghe những lời ấy, lòng họ giận điên lên, và họ nghiêng răng cắn thù ông Tê-pha-nô.

Ông Tê-pha-nô bị ném đá. Ông Sao-lô bắt đạo.

⁵⁵ Được đầy ơn Thánh Thần, ông dăm dăm nhìn

trời, thấy vinh quang Thiên Chúa, và thấy Đức Giê-su đứng bên hữu Thiên Chúa. ⁵⁶ Ông nói : “Kìa, tôi thấy trời mở ra, và Con Người đứng bên hữu Thiên Chúa.” * ⁵⁷ Họ liền kêu lớn tiếng, bịt tai lại và nhất tề xông vào ông ⁵⁸ rồi lôi ra ngoài thành mà ném đá. Các nhân chứng để áo mình dưới chân một thanh niên tên là Sao-lô. ⁵⁹ Họ ném đá ông Tê-pha-nô, đang lúc ông cầu xin rằng : “Lạy Chúa Giê-su, xin nhận lấy hồn con.” ⁶⁰ Rồi ông quỳ gối xuống, kêu lớn tiếng : “Lạy Chúa, xin đừng chấp họ tội này.” Nói thế rồi, ông an nghỉ.

* 7,57 So sánh Cv 7,56 với Mt 26,64 ; Cv 7,60 với Lc 23,34. Ông Sao-lô, sau này là thánh Phao-lô, thuộc nhóm người được giao nhiệm vụ ném đá ông Tê-pha-nô.

8 * ¹ Phần ông Sao-lô, ông tán thành việc giết ông Tê-pha-nô.

Hồi ấy, Hội Thánh tại Giê-ru-sa-lem trải qua một cơn bất bớ dữ dội. Ngoài các Tông Đồ ra, mọi người đều phải tản mác về các vùng quê miền Giu-đê và Sa-ma-ri.

² Có mấy người sùng đạo chôn cất ông Tê-pha-nô và khóc thương ông thảm thiết.

³ Còn ông Sao-lô thì cứ phá hoại Hội Thánh : ông đến từng nhà, lôi cả đàn ông lẫn đàn bà đi tống ngục.

Ông Phi-líp-phê đến Sa-ma-ri

* ⁴ Vậy những người phải tản mác này đi khắp nơi loan báo lời Chúa.

⁵ Ông Phi-líp-phê xuống một thành miền Sa-ma-ri và rao giảng Đức Ki-tô cho dân cư ở đó. ⁶ Đám đông một lòng chú ý đến những điều ông Phi-líp-phê giảng, bởi được nghe đồn và được chứng kiến những dấu lạ ông làm. ⁷ Thật vậy, các thần ô uế vừa kêu lớn tiếng vừa xuất khỏi nhiều người trong số những kẻ bị chúng ám. Nhiều người tê bại và tàn tật được chữa lành. ⁸ Trong thành, người ta rất vui mừng.

Thầy phù thủy Si-môn

⁹ Trong thành ấy, có một người tên là Si-môn, vốn dùng phù phép làm cho dân Sa-ma-ri kinh ngạc. Ông ta xưng mình là một nhân vật quan trọng, ¹⁰ và mọi người từ nhỏ đến lớn

* 8,1 Cuộc bắt đạo buộc các Ki-tô hữu (ít nhất là những người theo văn hoá Hy-lạp) phải phân tán tới các miền Giu-đê và Sa-ma-ri. Như thế là viễn cảnh mà Chúa Giê-su đã mở ra ngày Người lên trời đã bắt đầu hình thành. Ở đây cũng như ở nhiều đoạn khác, điềm gỡ trở nên điềm lành. Ch. 8 sẽ cho chúng ta biết một số trường hợp rao giảng Tin Mừng ở các miền Giu-đê và Sa-ma-ri.

Về thái độ của ông Sao-lô, xem những điều chính ngài nói ra ở Gl 1,13.

* 8,4 Các Ki-tô hữu bị phân tán tuyên xưng đức tin của họ, thành lập những cộng đoàn Ki-tô hữu ở Sa-ma-ri. Công cuộc loan báo Tin Mừng mang lại niềm vui : Thiên Chúa tự mặc khải cho dân, và nhờ Thần Khí của Người mà chữa trị họ được lành cả hồn lẫn xác. Chắc không phải tất cả mọi người sẽ trở lại đầu, nhưng dân chúng ở đó đã được hưởng những ngày tháng vui mừng phấn khởi.

đều chú ý đến ông. Họ nói : “Ông này là Quyền năng của Thiên Chúa, Quyền năng được gọi là ‘Vĩ đại.’”

¹¹ Họ chú ý đến ông, vì từ khá lâu ông đã dùng phù phép làm cho họ kinh ngạc. ¹² Nhưng khi họ tin lời ông Phi-líp-phê loan báo Tin Mừng về Nước Thiên Chúa và về danh Đức Giê-su Ki-tô, thì họ đã chịu phép rửa, có cả đàn ông lẫn đàn bà. ¹³ Cả ông Si-môn nữa cũng đã tin theo, và sau khi chịu phép rửa, ông cứ theo sát ông

Phi-líp-phê, và kinh ngạc vì được thấy các dấu lạ và các phép mầu vĩ đại xảy ra.

* ¹⁴ Các Tông Đồ ở Giê-ru-sa-lem nghe biết dân miền Sa-ma-ri đã đón nhận lời Thiên Chúa, thì cử ông Phê-rô và ông Gio-an đến với họ. ¹⁵ Khi đến nơi, hai ông cầu nguyện cho họ, để họ nhận được Thánh Thần. ¹⁶ Vì Thánh Thần chưa ngự xuống một ai trong nhóm họ : họ mới chỉ chịu phép rửa nhân danh Chúa Giê-su. ¹⁷ Bấy

* 8,14 Ông Phi-líp-phê, một người trong Nhóm Bảy Mươi, làm phép rửa, nhưng người đến thông ban ơn Thánh Thần là hai ông Phê-rô và Gio-an.

Vậy từ lúc đầu, chúng ta thấy phép rửa và việc *đặt tay* là hai giai đoạn của nghi thức nhập đạo Ki-tô giáo, liên quan đến hai khía cạnh khác nhau của đời sống trong Hội Thánh. Phép rửa nhấn mạnh khía cạnh con người được đổi mới nhờ đức tin ; việc đặt tay cho thấy ơn Chúa Thánh Thần được thông truyền từ đời này sang đời khác, khởi từ những người đầu tiên đã lãnh nhận Thánh Thần trong ngày lễ Ngũ Tuần.

Việc đặt tay này (ngày nay trở thành bí tích Thêm Sức trong Hội Thánh) lúc bấy giờ thường được đánh dấu bởi những điềm lạ xảy ra, như sách Công vụ (19,6) và các thư thánh Phao-lô (1 Cr 12 và 14) đã ghi lại. Thường thì chúng ta chỉ dừng lại ở khía cạnh ly kỳ của các ân huệ này, nhưng thật ra đây là những điều bằng bạc trong cuộc sống, mà những ai đã chấp nhận để cho Thánh Thần hướng dẫn mình vẫn tiếp tục cảm nghiệm cách này hay cách khác.

Chuyện thầy phù thủy Si-môn là một dịp cho thánh Phê-rô lên án một cách hiểu sai lạc về các ân huệ thiêng liêng. Ông Si-môn tưởng các Tông Đồ là những phù thủy cao tay hơn mình, và ông muốn mua chuộc các ngài để được quyền năng làm một số phép lạ. Thánh Phê-rô cho chúng ta hiểu rằng đi tìm phép lạ không chắc là một cách chuẩn bị thích hợp để đón nhận Chúa Thánh Thần. Dù sao, những việc ấy không thể mua bằng tiền.

giờ hai ông đặt tay trên họ, và họ nhận được Thánh Thần.

¹⁸ Ông Si-môn thấy khi các Tông Đồ đặt tay, thì Thánh Thần được ban xuống, nên ông đem tiền đến biếu các ông ¹⁹ và nói : “Xin cũng ban quyền ấy cho tôi nữa, để tôi đặt tay cho ai thì người ấy nhận được Thánh Thần.” ²⁰ Nhưng ông Phê-rô đáp : “Tiền bạc của anh tiêu tan luôn với anh cho rồi, vì anh tưởng có thể lấy tiền mà mua ân huệ của Thiên Chúa ! ²¹ Chẳng có phần chia cho anh, cũng chẳng có phần thừa kế trong việc

này đâu, vì lòng anh không ngay thẳng trước mặt Thiên Chúa. ²² Vậy anh hãy sám hối về việc xấu ấy của anh, và cầu xin Chúa, may ra Người sẽ tha cho anh tội đã nghĩ như thế trong lòng. ²³ Thật vậy, tôi thấy anh đang ứ đậy mặt đấng và đang bị tội ác trói buộc.” ²⁴ Ông Si-môn thưa : “Xin hai ông cầu cùng Chúa cho tôi, để không điều nào trong những điều các ông đã nói giáng xuống trên tôi.”

²⁵ Sau khi đã long trọng làm chứng và nói lời Chúa, hai Tông Đồ trở về Giê-ru-sa-lem và loan Tin Mừng

Các ân huệ của Thần Khí không phải lúc nào cũng y như các ân huệ được đề cập trong sách Công vụ : các ân huệ Thiên Chúa ban là tùy theo nhu cầu của Hội Thánh.

Những cộng đoàn đơn sơ và nghèo nàn thì nhận được nhiều ơn để chữa lành bệnh nhân hơn : bởi vì họ thiếu những phương tiện thông thường, nên Thiên Chúa có mặt giữa họ. Các nhóm cầu nguyện nhận được ơn nói tiếng lạ, vì ơn ấy giúp họ tin tưởng vào Thiên Chúa và kiên trì ca tụng Người. Ở đâu đức tin dựa trên lòng xác tín Thiên Chúa là Đấng Chí Công và lòng kính sợ Người, thì ta thấy có ơn nói tiên tri và ơn dò thấu những bí mật của lòng người. Trái lại, trong giới trí thức hay lý luận, thì người ngôn sứ thường nổi bật với ơn biết ăn nói chừng chạc và soi sáng đức tin, nhờ đó cộng đoàn cũng như cá nhân nhận ra tiếng nói của Thiên Chúa.

Chúa Thánh Thần tiếp tục hoạt động nơi nhiều tín hữu ; có thể họ không nói các tiếng lạ, không chữa bệnh, nhưng họ hành động dưới sự thúc đẩy của Chúa Thánh Thần, và làm nảy sinh những hoa quả của Thần Khí (Gl 5,22-24). Như vậy, họ là những chứng nhân đích thực của Chúa Giê-su.

Chịu phép rửa nhân danh Chúa Giê-su (c.16). X. phần bình giải về vấn đề này ở 19,5.

cho nhiều làng miền Sa-ma-ri.

Ông Phi-líp-phê làm phép rửa cho một viên thái giám

* 26 Thiên sứ của Chúa nói với ông Phi-líp-phê : “Đứng lên, đi về hướng nam, theo con đường từ Giê-ru-sa-lem xuống Ga-da ; con đường này vắng.”²⁷ Ông đứng lên đi. Khi ấy có một viên thái giám người Ê-thi-óp, làm quan lớn trong triều của bà Can-đa-kê, nữ hoàng nước Ê-thi-óp. Ông này làm tổng quản kho bạc của bà. Ông đã lên Giê-ru-sa-lem hành hương²⁸ và bây giờ đang trên đường về. Ngồi

trên xe nhà, ông đọc sách ngôn sứ I-sai-a.²⁹ Thần Khí nói với ông Phi-líp-phê : “Tiến lên, đuổi kịp xe đó.”³⁰ Ông Phi-líp-phê chạy lại, nghe thấy ông kia đọc sách ngôn sứ I-sai-a, thì hỏi : “Ngài có hiểu điều ngài đọc không ?”³¹ Ông quan đáp : “Mà làm sao tôi hiểu được nếu không có người dẫn giải ?” Rồi ông mời ông Phi-líp-phê lên ngồi với mình.³² Đoạn Kinh Thánh ông đang đọc là đoạn này : *Như chiên bị đem đi làm thịt, như cừu câm nín khi bị xén lông, Người chẳng mở miệng kêu ca.*³³ *Bởi Người bị hạ xuống, nên bản án của Người đã được*

* 8,26 Để ý hoàn cảnh trong đó Chúa Thánh Thần dẫn ông Phi-líp-phê đến với một người không thuộc dân Do-thái cũng chẳng phải là người Sa-ma-ri ; đây là người đầu tiên thuộc một dân tộc khác được đón nhận Tin Mừng.

Người Ê-thi-óp này lên Giê-ru-sa-lem hành hương (c.27). Người ta thường dùng cụm từ này để nói về những người nước ngoài đã cảm súc hấp dẫn của đạo Do-thái và niềm tin độc thần của đạo này. Tuy không giữ tất cả các tập tục Do-thái giáo, họ vẫn đọc Kinh Thánh và thích tham dự các nghi lễ Do-thái giáo. Họ sẽ có một vai trò quan trọng trong các sứ vụ loan truyền đạo Chúa Ki-tô giữa các dân phi Do-thái giáo.

Mọi sự bắt đầu với đoạn sách ngôn sứ Is 53,7. Bài thơ này nói về một người *Tôi Trung của Thiên Chúa* bị lên án một cách bất công và chịu đau khổ để chuộc tội toàn thể nhân loại. Các Tông Đồ và Hội Thánh tiên khởi nhận ra đây là một trong những đoạn văn tiên báo Chúa Ki-tô rõ nét nhất : x. phân bình giải Mc 14,32 và 1 Pr 2,24-25. Bài thơ này của ngôn sứ I-sai-a kết thúc với vài câu còn kín đáo gợi ý rằng người *Tôi Trung của Thiên Chúa* sẽ được phục sinh.

huỷ bỏ. Dòng dõi Người, ai sẽ kể lại, vì cuộc sống của Người trên trần gian đã bị chấm dứt.

³⁴ Viên thái giám ngỡ lời với ông Phi-líp-phê : “Xin ông cho biết : vị ngôn sứ nói thế về ai ? Về chính mình hay về một ai khác ?”

³⁵ Ông Phi-líp-phê lên tiếng, và khởi từ đoạn Kinh Thánh ấy mà loan báo Tin Mừng Đức Giê-su cho ông.

³⁶ Đọc đường, các ông tới một chỗ có nước, viên thái giám mới nói : “Sẵn nước đây, có gì ngăn trở tôi chịu phép rửa không ?” ³⁷ Ông Phi-líp-phê đáp : “Nếu ngài tin hết lòng, thì được.” Viên thái giám thưa : “Tôi tin Đức Giê-su Ki-tô là Con Thiên Chúa.” ³⁸ Ông truyền dừng xe lại. Ông Phi-líp-phê và viên thái

giám, cả hai cùng xuống chỗ có nước, và ông Phi-líp-phê làm phép rửa cho ông quan. ³⁹ Khi hai ông lên khỏi nước, Thần Khí Chúa đem ông Phi-líp-phê đi mất, và viên thái giám không còn thấy ông nữa. Nhưng ông tiếp tục cuộc hành trình, lòng đầy hoan hỷ. ⁴⁰ Còn ông Phi-líp-phê thì người ta gặp thấy ở Át-đốt. Ông loan báo Tin Mừng cho mọi thành thị ông đi qua, cho tới khi đến Xê-da-rê.

Ông Sao-lô được kêu gọi làm Tông Đồ

9 * ¹ Ông Sao-lô vẫn còn hăm hăm đe dọa giết các môn đệ Chúa, nên đã tới gặp thượng tế ² xin thư giới thiệu đến các hội đường ở Đa-mát, để nếu thấy những người theo

* **9,1** Đây là một biến cố có tính quyết định đối với Hội Thánh mới khai sinh. Chúa Ki-tô đích thân đến chinh phục kẻ bách hại người Ki-tô hữu cách hùng hổ nhất (x. Gl 1,13 ; Cv 22,4-5.19 ; 26,9-11).

Thật là sai lầm nếu giới thiệu thánh Phao-lô như một kẻ gian ác cuối cùng đã tìm được nẻo chính đường ngay. Như chúng ta đọc thấy trong Cv 22,3-4 ; Gl 1,14 và Pl 3,4-14 : từ lúc còn trẻ, thánh Phao-lô đã thấy có nhu cầu hiến mình phụng sự Thiên Chúa. Chính vì thế mà ngài đã đến Giê-ru-sa-lem để học hỏi Lê Luật, nghĩa là học đạo, với các bậc thầy nổi tiếng thời bấy giờ. Chính con người trai trẻ đáng tin cậy này được người Do-thái trao nhiệm vụ cam go đi loại trừ khỏi các cộng đoàn của họ cái giáo lý mới lạ và đáng ngờ của các Ki-tô hữu. Phao-lô nhận trách nhiệm trấn áp các môn đệ của Chúa Giê-su và thi hành điều đó một cách nghiêm khắc, vì lợi ích của đạo mình.

Đạo, bất luận đàn ông hay đàn bà, thì bắt trời giải về Giê-ru-sa-lem.

³ Vậy đang khi ông đi đường và đến gần Đa-mát, thì bỗng nhiên có một luồng ánh sáng từ trời chiếu xuống bao phủ lấy ông. ⁴ Ông ngã xuống đất và nghe có tiếng nói với ông : “Sa-un, Sa-un, tại sao ngươi bắt bớ Ta ?” ⁵ Ông nói : “Thưa Ngài, Ngài là ai ?” Người đáp : “Ta là Giê-su mà ngươi đang bắt bớ. ⁶ Nhưng ngươi hãy đứng dậy, vào thành, và

người ta sẽ nói cho ngươi biết ngươi phải làm gì.”

⁷ Những người cùng đi với ông dừng lại, sững sờ : họ nghe có tiếng nói, nhưng không trông thấy ai. ⁸ Ông Sao-lô từ dưới đất đứng dậy, mắt thì mở nhưng không thấy gì. Người ta phải cầm tay dắt ông vào Đa-mát. ⁹ Suốt ba ngày, ông không nhìn thấy, cũng chẳng ăn, chẳng uống.

¹⁰ Bảy giờ ở Đa-mát có một môn đệ tên là Kha-na-ni-a. Trong một thị kiến, Chúa phán với ông :

Tại sao ngươi bắt bớ Ta ? Tôi bị gọi là kẻ bắt đạo trong khi khát vọng duy nhất của tôi là được phụng sự Thiên Chúa ! Người đang nói với tôi là Vị Chúa nào đây ? Cho tới lúc này, Phao-lô cảm thấy mình thư thái như người Pha-ri-sêu trong dụ ngôn (Lc 18,9) ; ông cảm tạ Thiên Chúa đã cho mình nên một tín hữu đứng đắn và tích cực trong cộng đoàn. Giờ đây, dưới ánh sáng Chúa Ki-tô, ông khám phá ra rằng những công trạng và tận tụy của mình chẳng có giá trị gì đối với Thiên Chúa cả ; đức tin chỉ là cuồng tín, thái độ giữ đạo cứng chạc của mình không che giấu nổi lòng tự cao tự đại. Phao-lô thấy mình là một kẻ tội lỗi, bạo tàn và phản nghịch, nhưng đồng thời cũng hiểu ra rằng Thiên Chúa đón nhận, tuyển chọn và tha thứ cho mình. Về Phao-lô, Chúa nói : *Người ấy là lợi khi Ta chọn* (c.15).

Và đây không còn phải là người Pha-ri-sêu trong dụ ngôn nữa : thánh Phao-lô đến đặt mình vào vị trí của người thu thuế : “Lạy Thiên Chúa, xin thương xót con là kẻ tội lỗi” (Lc 18,13). Đây là lối hoán cải Ki-tô giáo đích thực.

Từ nay, ông Sao-lô (sau này được đổi tên là Phao-lô) sẽ là lợi khí của Chúa Ki-tô : Ngài sẽ làm cho Hội Thánh lan rộng đến những nước khác. Cho đến lúc này, Hội Thánh mới chỉ ở trong môi trường Do-thái giáo, gồm toàn những người Do-thái, với những người lãnh đạo Do-thái. Thánh Phao-lô cũng là một người Do-thái, nhưng được huấn luyện ở nước ngoài. Ngài đã hấp thụ cả văn hoá Hy-lạp lẫn văn hoá của dân tộc mình. Chính vì lý do ấy và vì bản lĩnh xuất chúng của ngài mà sau này ngài sẽ là vị Tông Đồ của người Hy-lạp.

“Kha-na-ni-a !” Ông thưa :
 “Đạ, lạy Chúa, con đây.”

¹¹ Chúa bảo ông : “Đứng lên, đi tới phố gọi là Phố Thăng, đến nhà Giu-đa tìm một người tên là Sao-lô quê ở Tác-xô : người ấy đang cầu nguyện ¹² và thấy một người tên là Kha-na-ni-a đi vào, đặt tay trên mình để làm cho mình lại thấy được.”

¹³ Ông Kha-na-ni-a thưa : “Lạy Chúa, con đã nghe lắm kể nói về người ấy, về tất cả những điều ác người ấy đã làm cho dân thánh Chúa tại Giê-ru-salem. ¹⁴ Còn ở đây, người ấy được các thượng tế cho quyền bắt trói tất cả những ai kêu cầu danh Chúa.” ¹⁵ Nhưng Chúa phán với ông : “Cứ đi, vì người ấy là lợi khí Ta chọn

để mang danh Ta đến trước mặt các dân ngoại, các vua chúa và con cái Ít-ra-en. ¹⁶ Thật vậy, chính Ta sẽ chỉ cho người ấy thấy tất cả những đau khổ người ấy phải chịu vì danh Ta.” ¹⁷ Ông Kha-na-ni-a liền đi ; ông vào nhà, đặt tay trên ông Sao-lô và nói : “Anh Sa-un, Chúa đã sai tôi đến đây, Người là Đức Giê-su, Đấng đã hiện ra với anh trên đường anh tới đây. Người sai tôi đến để anh lại thấy được và để anh được đầy Thánh Thần.” ¹⁸ Lập tức có những cái gì như vẩy bong ra khỏi mắt ông Sao-lô, và ông lại thấy được. Ông đứng dậy và chịu phép rửa. ¹⁹ Rồi ông ăn và khoẻ lại.

Hội Thánh phải canh tân đổi mới không ngừng, mang Tin Mừng đến cho những dân tộc mới, những môi trường mới. Vào những thời điểm trọng yếu của lịch sử, Chúa Ki-tô kêu gọi những con người mà Hội Thánh cần đến : Thánh Phan-xi-cô Át-xi-di, đức Gio-an XXIII.

Đạo (c.2) (ds : con đường) : đây là tên gọi của Ki-tô giáo. Người ta không xem đó như là một tôn giáo mới cho bằng là một lối sống mới rực sáng niềm hy vọng. Đôi khi người ta ngạc nhiên thấy thánh Phao-lô hoán cải quá đột ngột : đó là vì quên rằng Thiên Chúa đầy khôn ngoan đã từ lâu chuẩn bị thửa đất sẵn sàng đón nhận ân huệ ấy : thánh Phao-lô đã được học hỏi “dưới chân ông Ga-ma-li-ên” (Cv 22,3), một trong các bậc thầy được trọng vọng lúc bấy giờ và được tiếng là có tinh thần cởi mở (Cv 5,35-39) ; ngoài ra, ngài đã từng tham dự vào vụ ném đá ông Tê-pha-nô (Cv 7,58), và ở đó, đã chứng kiến niềm tin kích động lòng người cũng như lòng bác ái vô bờ của vị tử đạo tiên khởi (Cv 7,59-60).

Ông Sao-lô rao giảng tại Đa-mát

* Ông ở lại Đa-mát với các môn đệ mấy hôm, ²⁰ rồi lập tức ông bắt đầu rao giảng Đức Giê-su trong các hội đường, rằng Người là Con Thiên Chúa. ²¹ Mọi người nghe ông giảng đều kinh ngạc và nói : “Ông này chẳng phải là người ở Giê-ru-sa-lem vẫn tiêu diệt những ai kêu cầu danh Giê-su sao ? Chẳng phải ông đã đến đây với mục đích bắt trói họ giải về cho các thượng tế sao ?” ²² Nhưng ông Sao-lô càng thêm vững mạnh, và ông làm cho người Do-thái ở Đa-mát phải bẽ mặt, khi mình chứng rằng Đức Giê-su là Đấng Mê-si-a.

²³ Sau một thời gian khá lâu, người Do-thái cùng nhau bàn kế giết ông Sao-lô ; ²⁴ nhưng ông biết được âm mưu của họ. Thậm chí người ta canh giữ các cửa thành ngày đêm, để giết

ông. ²⁵ Nhưng ban đêm, các môn đệ ông đã đưa ông qua tường thành bằng cách đặt ông ngồi trong một cái thùng rồi dùng dây thả xuống.

Ông Sao-lô tới thăm Giê-ru-sa-lem

²⁶ Khi tới Giê-ru-sa-lem, ông Sao-lô tìm cách nhập đoàn với các môn đệ. Nhưng mọi người vẫn còn sợ ông, vì họ không tin ông là một môn đệ. ²⁷ Ông Ba-na-ba liền đứng ra bảo lãnh đưa ông Sao-lô đến gặp các Tông Đồ, và tường thuật cho các ông nghe chuyện ông ấy được thấy Chúa hiện ra trên đường và phán dạy làm sao, cũng như việc ông ấy đã mạnh dạn rao giảng nhân danh Đức Giê-su tại Đa-mát thế nào. ²⁸ Từ đó ông Sao-lô cùng với các Tông Đồ đi lại hoạt động tại Giê-ru-sa-lem. Ông mạnh dạn rao giảng nhân danh Chúa.

* 9,19 Trong ba năm trường , thánh Phao-lô tuyên xưng niềm tin và kể lại kinh nghiệm riêng của mình trong tỉnh Đa-mát, còn được gọi là Ả-rập (Gl 1,17 ; 2 Cr 11,32).

Thánh Phao-lô đã bắt đầu đi con đường riêng của mình, nhưng ngài vẫn giữ liên hệ chặt chẽ với Hội Thánh : chuyến đi của ngài lên Giê-ru-sa-lem để gặp gỡ các Tông Đồ cho thấy rõ điều đó. Tuy nhiên, trong khi chờ đợi Thần Khí soi sáng, thánh Phao-lô bảo vệ sự độc lập của mình.

²⁹ Ông thường đàm đạo và tranh luận với những người Do-thái theo văn hoá Hy-lạp. Nhưng họ tìm cách giết ông. ³⁰ Các anh em biết thế, liền dẫn ông xuống Xê-da-rê và tiễn ông lên đường về Tác-xô.

Thời kỳ yên ổn

* ³¹ Hồi ấy, trong khắp miền Giu-đê, Ga-li-lê và Sa-ma-ri, Hội Thánh được bình an, được xây dựng vững chắc và sống trong niềm kính sợ Chúa, và ngày một thêm đông, nhờ Thánh Thần nâng đỡ.

Ông Phê-rô chữa một người tê bại ở Lốt

³² Bấy giờ ông Phê-rô rảo khắp nơi, xuống thăm cả dân thánh cư ngụ tại Lốt. ³³ Nơi đây ông gặp thấy một người tên là Ê-nê liệt giường đã tám năm, vì anh bị tê bại.

³⁴ Ông Phê-rô nói với anh ta : “Anh Ê-nê, Đức Giê-su Ki-tô chữa anh khỏi. Anh hãy đứng dậy và tự dọn giường lấy.” Lập tức anh đứng dậy. ³⁵ Tất cả những người cư ngụ ở Lốt và đồng bằng Sa-ron thấy anh, và họ trở lại cùng Chúa.

Ông Phê-rô làm cho một người chết sống lại

³⁶ Ở Gia-phô, trong số các môn đệ có một bà tên là Ta-bi-tha, có nghĩa là Linh Dương. Bà này đầy công đức vì những việc lành và bố thí bà đã làm. ³⁷ Trong những ngày ấy, bà mắc bệnh và qua đời. Người ta tẩm xác cho bà và đặt ở lầu trên. ³⁸ Vì Lốt gần Gia-phô, nên khi các môn đệ nghe biết ông Phê-rô ở đó, liền cử hai người đến mời : “Xin ông đến với chúng tôi, đừng trì hoãn.”

* 9,31 Chúa Giê-su đã sai các Tông Đồ ra đi làm chứng cho Người “tại Giê-ru-sa-lem, trong khắp các miền Giu-đê, Sa-ma-ri và cho đến tận cùng trái đất” (Cv 1,8). Hội Thánh đã được khai sinh, phát triển và lần đầu tiên bị bách hại ở Giê-ru-sa-lem (Cv 1 – 7). Trong ch. 8 chúng ta gặp lại Hội Thánh trong câu chuyện xảy ra cho ông Phi-líp-phê tại Sa-ma-ri. Ở đây thì gặp lại qua những hoạt động của thánh Phê-rô tại Giu-đê.

Khi kể câu chuyện thánh Phê-rô làm cho bà Ta-bi-tha sống lại như một phiên bản của phép lạ Chúa Giê-su cho con gái ông Gia-ia sống lại (Lc 8,49-56), thánh Lu-ca lại một lần nữa làm nổi lên rõ nét mối liên hệ bất khả phân ly giữa Chúa Ki-tô và Hội Thánh của Người.

³⁹ Ông Phê-rô đứng dậy cùng đi với họ. Tới nơi, người ta đưa ông lên lầu trên. Các bà goá xúm lại quanh ông, vừa khóc vừa cho ông xem những áo dài và áo choàng bà Linh Dương đã may khi còn sống với họ. ⁴⁰ Ông Phê-rô cho mọi người ra ngoài, rồi quỳ xuống cầu nguyện. Sau đó, ông quay lại về phía thi hài và ra lệnh : “Bà Ta-bi-tha, hãy đứng dậy !” Bà ấy mở mắt ra, và khi thấy ông Phê-rô, liền ngồi dậy. ⁴¹ Ông đưa tay đỡ bà đứng dậy, rồi gọi dân thánh và các bà goá lại và cho thấy bà đang sống. ⁴² Cả thành Gia-phô đều biết việc này, và có nhiều người tin vào Chúa.

⁴³ Ông Phê-rô ở lại Gia-phô khá lâu, tại nhà một

người thợ thuộc da tên là Si-môn.

Ông Phê-rô tới nhà một viên đại đội trưởng người Rô-ma

10 ^{*} ¹ Ở Xê-da-rê có một người tên là Co-nê-li-ô làm đại đội trưởng thuộc cơ đội gọi là cơ đội I-ta-li-a. ² Ông là người đạo đức và kính sợ Thiên Chúa, cũng như cả nhà ông ; ông rộng tay cứu trợ dân và luôn luôn cầu nguyện cùng Thiên Chúa.

³ Một hôm, vào khoảng giờ thứ chín, trong một thị kiến ông thấy rõ ràng một thiên sứ của Thiên Chúa vào nhà ông và nói : “Co-nê-li-ô !” ⁴ Ông nhìn thẳng vào thiên sứ và phát sợ, ông nói : “Thưa ngài, có việc chi vậy ?” Thiên sứ đáp : “Lời cầu nguyện và

* **10,1** Câu chuyện ông Co-nê-li-ô theo đạo đánh dấu một bước ngoặt mới trong đời sống của Hội Thánh non trẻ này. Cảnh trí câu chuyện thật giàu ý nghĩa : được xây trên bờ biển Pa-lét-tin, quay ra Địa Trung Hải và hướng về Rô-ma, thành phố Xê-da-rê này đã là thủ phủ của tỉnh Giu-đê thuộc đế quốc Rô-ma từ ngót 35 năm trước. Khi đến Xê-da-rê, thánh Phê-rô ở trong cái thế của một người đi bách bộ ra tới bờ biển, phải chọn lựa giữa đôi đường : hoặc là quay trở vô đất liền và đóng kín Hội Thánh trong ranh giới hạn hẹp của miền Pa-lét-tin Do-thái giáo, hoặc là, cùng với Hội Thánh, dong buồm ra khơi mở rộng trước mắt để đến tận Rô-ma, thủ đô của dân ngoại, “Ba-by-lon mới”, hiện thân của mọi tội lỗi trần gian (Kh 17,5). Chính theo hướng thứ hai này mà Chúa Thánh Thần sẽ chọn : Người sẽ ngự xuống trên những người ngoại giáo quy tụ chung quanh ông Co-nê-li-ô, và rồi thánh Phao-lô chỉ còn cách rửa tội cho họ thôi (Cv 11,15-17).

việc cứu trợ của ông đã thấu toà Thiên Chúa khiến Người nhớ đến ông. ⁵ Vậy bây giờ ông hãy sai người đi Gia-phô mời một người tên là Si-môn, cũng gọi là Phê-rô. ⁶ Ông ấy trọ tại nhà một người thợ thuộc da tên là Si-môn, ở gần bờ biển.” ⁷ Khi vị thiên sứ nói với ông Co-nê-li-ô vừa đi khỏi, ông gọi hai người nhà và một người lính đạo đức trong số những người vẫn ở dưới quyền ông. ⁸ Ông kể cho họ nghe tất cả sự việc, rồi sai họ đi Gia-phô.

⁹ Hôm sau, đang khi họ đi đường và đến gần Gia-phô, thì ông Phê-rô lên sân thượng cầu nguyện ; lúc đó, vào khoảng giờ

thứ sáu. ¹⁰ Ông thấy đói và muốn ăn. Đang khi người ta dọn bữa thì ông xuất thần. ¹¹ Ông thấy trời mở ra và một vật gì sà xuống, trông như một tấm khăn lớn buộc bốn góc, đang được thả xuống đất. ¹² Trong đó có mọi giống vật bốn chân và rắn rết sống trên đất, cùng mọi thứ chim trời. ¹³ Có tiếng phán bảo ông : “Phê-rô, đứng dậy, làm thịt mà ăn !” ¹⁴ Ông Phê-rô thưa : “Lạy Chúa, không thể được, vì không bao giờ con ăn những gì ô uế và không thanh sạch.” ¹⁵ Lại có tiếng phán bảo ông lần thứ hai : “Những gì Thiên Chúa đã tuyên bố là thanh sạch, thì người chớ gọi là ô

Ông là người kính sợ Thiên Chúa cũng như người Ê-thi-óp ở 8,27, nghĩa là một người nước ngoài tin vào vị Thiên Chúa độc nhất của người Do-thái.

Trông như một tấm khăn lớn (c.11) : có lẽ gợi nhớ Nhà Tạm trong thời kỳ sống trong sa mạc (Xh 25,8-9). Nhưng trong tấm khăn ở đây lại có những động vật thanh sạch và ô uế, và các con vật ô uế này, thánh Phê-rô lại được mời sát tế mà ăn như người ta vẫn làm trong các hy lễ hiệp thông : thật là chuyện chướng tai gai mắt ! Nhưng rồi ngài sẽ hiểu ý nghĩa của thị kiến này khi người nhà của ông Co-nê-li-ô đến (Cv 10,28).

Phải có Chúa Thánh Thần hiển linh trên các người ngoại giáo này, thánh Phê-rô mới buộc lòng rửa tội cho họ. Ngày nay, ở nhiều nơi, Hội Thánh có nguy cơ biến thành những nhóm người khép kín, già nua. Các giáo hoàng và giám mục mời gọi chúng ta đi bước trước và đối thoại với tất cả mọi người. Vậy mà có những ngày tưởng chừng như chỉ có thiên sứ can thiệp vào mới có thể thuyết phục chúng ta đến với người khác và giúp họ gia nhập Hội Thánh.

uế.”¹⁶ Việc ấy xảy ra đến ba lần, và lập tức vật ấy được đưa lên trời.

¹⁷ Ông Phê-rô còn đang phân vân tự hỏi thị kiến ông vừa thấy có ý nghĩa gì, thì những người ông Co-nê-li-ô sai đi đã hỏi ra được nhà ông Si-môn, và họ đang đứng trước cổng.

¹⁸ Họ lớn tiếng hỏi có phải ông Si-môn, cũng gọi là Phê-rô, trọ ở đây không.

¹⁹ Ông Phê-rô vẫn còn phân vân về thị kiến, thì Thần Khí bảo ông : “Kìa có ba người đang tìm người.”²⁰ Đứng lên, xuống mà đi với họ, đừng ngần ngại gì, vì chính Ta đã sai họ đến.”²¹ Ông Phê-rô xuống với những người ấy và nói : “Tôi đây chính là người các ông đang tìm. Vì lý do nào các ông đến đây ?”²² Họ đáp : “Ông đại đội trưởng Co-nê-li-ô,

một người công chính, kính sợ Thiên Chúa và được toàn dân Do-thái chứng nhận là tốt, đã được một thánh thiên sứ linh báo là phải cho mời ông đến nhà, để được nghe các lời ông dạy.”²³ Ông Phê-rô liền rước họ vào và mời họ nghỉ lại.

Hôm sau, ông lên đường với họ ; có mấy người anh em ở Gia-phô cùng đi với ông.²⁴ Hôm sau nữa, ông vào Xê-da-rê. Bấy giờ ông Co-nê-li-ô đang đợi ; ông đã cho mời thân bằng quyến thuộc đến.²⁵ Khi ông Phê-rô bước vào, thì ông Co-nê-li-ô liền ra đón và phủ phục dưới chân ông mà bái lạy.²⁶ Nhưng ông Phê-rô đỡ ông ấy lên và nói : “Xin ông đứng dậy, vì bản thân tôi đây cũng chỉ là người phàm.”²⁷ Rồi ông vừa nói chuyện với ông Co-

Người đã gửi đến lời loan báo Tin Mừng bình an (c.36). Bài giảng ngắn này của thánh Phê-rô thật tài tình : ngài phân định những gì mọi người đều đã biết : “Quý vị biết rõ biến cố đã xảy ra”. Cuộc đời, cuộc thương khó và cái chết của Chúa Giê-su, tất cả những ai đôi mắt theo nhân vật nổi tiếng này đều đã biết. Nhưng nhận biết sự phục sinh của Người là vai trò làm chứng của đức tin, của những chứng nhân Thiên Chúa đã tuyển chọn từ trước. Như Chúa Giê-su đã làm chứng cho tình yêu Thiên Chúa, thì Hội Thánh cũng vậy, qua mọi thời, Hội Thánh sẽ lấy việc làm của mình mà làm chứng cho tình yêu của Thiên Chúa, Đấng cư ngụ nơi lòng mình, nơi lòng mỗi một cá nhân. Tuy nhiên, Hội Thánh vẫn có sứ mạng đặc biệt là nói cho thế giới biết lời mặc khải đã được trao gửi cho mình.

nê-li-ô, vừa đi vào. Thấy có đông người tụ họp ở đó, ²⁸ ông nói với họ : “Quý vị thừa biết : giao du hay vào nhà một người khác chủng tộc là điều cấm kỵ đối với người Do-thái. Nhưng tôi thì Thiên Chúa đã cho tôi thấy là không được gọi ai là ô uế hay không thanh sạch. ²⁹ Vì thế khi được mời, tôi đã đến mà không hề chống cãi. Vậy tôi xin hỏi : vì lẽ nào quý vị đã mời tôi đến ?” ³⁰ Ông Co-nê-li-ô trả lời : “Cách đây bốn hôm, vào khoảng giờ này, lúc tôi đang đọc kinh giờ chín tại nhà, bỗng có một người đứng trước mặt tôi, y phục rực rỡ. ³¹ Người ấy nói với tôi : ‘Ông Co-nê-li-ô, Thiên Chúa đã nhậm lời cầu nguyện của ông và nhớ đến việc cứu trợ của ông. ³² Vậy ông hãy sai người đi Gia-phô mời ông Si-môn, cũng gọi là Phê-rô ; ông ấy trọ tại nhà ông Si-môn, thợ thuộc da, ở gần bờ biển.’ ³³ Lập

tức tôi đã sai người đến mời ông, và ông đã có lòng tốt đến đây. Vậy bây giờ tất cả chúng tôi đang ở trước mặt Thiên Chúa, để nghe tất cả những gì Người đã truyền cho ông.”

Ông Phê-rô giảng tại nhà ông Co-nê-li-ô

³⁴ Bấy giờ ông Phê-rô lên tiếng nói : “Quả thật, tôi biết rõ Thiên Chúa không thiên vị người nào. ³⁵ Nhưng hề ai kính sợ Thiên Chúa và ăn ngay ở lành, thì dù thuộc bất cứ dân tộc nào, cũng đều được Người tiếp nhận.

³⁶ “Người đã gửi đến cho con cái nhà Ít-ra-en lời loan báo Tin Mừng bình an, nhờ Đức Giê-su Ki-tô, là Chúa của mọi người. ³⁷ Quý vị biết rõ biến cố đã xảy ra trong toàn cõi Giu-đê, bắt đầu từ miền Ga-li-lê, sau phép rửa mà ông Gio-an rao giảng. ³⁸ Quý vị biết rõ : Đức Giê-su xuất

Thẩm phán để xét xử kẻ sống và kẻ chết (c.42). Cách nói này chịu ảnh hưởng những quan niệm tôn giáo thời bấy giờ : người ta phân biệt việc xét xử những người được chứng kiến Chúa Ki-tô trở lại vào ngày tận thế (kẻ sống), và những người sẽ chết trước ngày đó (cũng x. 1 Tx 4,16-17).

Sẽ nhờ danh Người mà được ơn tha tội. Nhờ danh Người có nghĩa là nhờ quyền năng của riêng Người : câu này khẳng định uy quyền thần linh của Chúa Giê-su.

thân từ Na-da-rét, *Thiên Chúa đã dùng Thánh Thần và quyền năng mà xúc dầu tấn phong Người*. Đi tới đâu là Người thì ân giáng phúc tới đó, và chữa lành mọi kẻ bị ma quỷ kiềm chế, bởi vì Thiên Chúa ở với Người. ³⁹ Còn chúng tôi đây xin làm chứng về mọi việc Người đã làm trong cả vùng dân Do-thái và tại chính Giê-ru-sa-lem. Họ đã treo Người lên cây gỗ mà giết đi. ⁴⁰ Ngày thứ ba, Thiên Chúa đã làm cho Người trỗi dậy, và cho Người xuất hiện tỏ tường, ⁴¹ không phải trước mặt toàn dân, nhưng trước mặt những chứng nhân Thiên Chúa đã tuyển chọn từ trước, là chúng tôi, những kẻ đã được cùng ăn cùng uống với Người, sau khi Người từ cõi chết sống lại. ⁴² Người truyền cho chúng tôi phải rao giảng cho dân, và long trọng làm chứng rằng chính Người là Đấng Thiên Chúa đặt làm thẩm phán, để xét xử kẻ sống và kẻ chết. ⁴³ Tất cả các ngôn sứ đều làm chứng về Người và nói rằng phạm ai tin vào Người thì sẽ nhờ danh Người mà được ơn tha tội.”

Ông Phê-rô làm phép rửa cho những người ngoại đầu tiên

⁴⁴ Ông Phê-rô còn đang nói những điều đó, thì Thánh Thần đã ngự xuống trên tất cả những người đang nghe lời Thiên Chúa. ⁴⁵ Những tín hữu thuộc giới cắt bì cùng đến đó với ông Phê-rô, đều kinh ngạc vì thấy Thiên Chúa cũng ban Thánh Thần xuống cả trên các dân ngoại nữa, ⁴⁶ bởi họ nghe những người này nói các thứ tiếng và tán dương Thiên Chúa. Bấy giờ ông Phê-rô nói rằng : ⁴⁷ “Những người này đã nhận được Thánh Thần cũng như chúng ta, thì ai có thể ngăn cản chúng ta lấy nước làm phép rửa cho họ ?” ⁴⁸ Rồi ông truyền làm phép rửa cho họ nhân danh Đức Giê-su Ki-tô. Sau đó họ xin ông ở lại ít ngày.

Ông Phê-rô tự biện minh ở Giê-ru-sa-lem

11 * ¹ Các Tông Đồ và các anh em ở miền Giu-đê nghe tin là cả dân ngoại cũng đã đón nhận lời Thiên Chúa. ² Khi ông Phê-rô lên Giê-ru-sa-lem,

các người thuộc giới cắt bì chỉ trích ông, ³ họ nói : “Ông đã vào nhà những kẻ không cắt bì và cùng ăn uống với họ !” ⁴ Bấy giờ ông Phê-rô bắt đầu trình bày cho họ đầu đuôi sự việc, ông nói : ⁵ “Tôi đang cầu nguyện tại thành Gia-phô, thì trong lúc xuất thần, tôi thấy thị kiến này : có một vật gì sà xuống, trông như một tấm khăn lớn buộc bốn góc, từ trời thả xuống đến tận chỗ tôi. ⁶ Giương mắt nhìn kỹ, tôi thấy các giống vật bốn chân sống trên đất, các thú rừng, rắn rết và chim trời. ⁷ Và tôi nghe có tiếng phán bảo tôi : ‘Phê-rô,

đứng dậy, làm thịt mà ăn !’ ⁸ Tôi đáp : ‘Lạy Chúa, không thể được, vì những gì ô uest và không thanh sạch không bao giờ lọt vào miệng con !’ ⁹ Có tiếng từ trời phán lần thứ hai : ‘Những gì Thiên Chúa đã tuyên bố là thanh sạch, thì người chớ gọi là ô uest !’ ¹⁰ Việc ấy xảy ra đến ba lần, rồi tất cả lại được kéo lên trời.

¹¹ “Ngay lúc đó, có ba người đến nhà chúng tôi ở : họ được sai từ Xê-da-rê đến gặp tôi. ¹² Thần Khí bảo tôi đi với họ, đừng ngần ngại gì. Có sáu anh em đây cùng đi với tôi. Chúng tôi đã vào nhà ông

* 11,1 Thánh Phê-rô đi làm phép rửa cho một người phi Do-thái là chuyện hết sức bình thường đối với chúng ta. Nhưng chúng ta đừng quên rằng người Ki-tô hữu ở Giê-ru-sa-lem lúc bấy giờ vẫn là những người Do-thái, với tất cả nền giáo dục, những thiên kiến và cảm tính của họ. Họ không hiểu được làm sao người ta có thể gia nhập đại gia đình của Chúa Giê-su mà không phải hội nhập vào dân Thiên Chúa trước đã, và theo họ, dân này vẫn là dân Do-thái. Người ta không chịu phép cắt bì mà cũng trở nên anh em ruột thịt của họ được sao ?

Lời họ cảnh cáo thánh Phê-rô là chứng cứ đầu tiên của hiện tượng này là, trong lịch sử, các Ki-tô hữu kỳ cựu sẽ không ngừng gây sức ép trên các linh mục và giám mục của họ. Mỗi khi có người muốn mở rộng cánh cửa Hội Thánh của chúng ta cho những người thuộc một giới khác, một văn hoá khác, thì sẽ có một nhóm người có thể lực đứng lên đòi rằng chỉ chấp nhận những người bằng lòng trở thành Ki-tô hữu giữ đạo theo y khuôn mẫu của chúng ta mới được.

Các tín hữu Giê-ru-sa-lem ở đoạn này không ứng xử theo ác ý, và họ chấp nhận lời giải thích của thánh Phê-rô. Nhưng cũng như ngài, các vị lãnh đạo Hội Thánh sẽ cần có lòng can đảm để đáp lại những mời gọi của Chúa Thánh Thần, đi ngược dòng những thiên kiến của phe nhóm.

Co-nê-li-ô. ¹³ Ông này thuật lại cho chúng tôi nghe việc ông đã thấy thiên sứ đứng trong nhà ông và bảo : ‘Hãy sai người đi Gia-phô mời ông Si-môn, cũng gọi là Phê-rô. ¹⁴ Ông ấy sẽ nói với ông những lời nhờ đó ông và cả nhà ông sẽ được cứu độ.’

¹⁵ “Tôi vừa mới bắt đầu nói, thì Thánh Thần đã ngự xuống trên họ, như đã ngự xuống trên chúng ta lúc ban đầu. ¹⁶ Tôi sực nhớ lại lời Chúa nói rằng : ‘Ông Gio-an thì làm phép rửa bằng nước, còn anh em thì sẽ được rửa trong Thánh Thần.’ ¹⁷ Vậy, nếu Thiên Chúa đã ban cho họ cùng một ân huệ như Người đã ban cho chúng

ta, vì chúng ta tin vào Chúa Giê-su Ki-tô, thì tôi là ai mà dám ngăn cản Thiên Chúa ?”

¹⁸ Nghe thế, họ mới chịu im, và họ tôn vinh Thiên Chúa mà nói : “Vậy ra Thiên Chúa cũng ban cho các dân ngoại ơn sám hối để được sự sống !”

Thành lập Hội Thánh An-ti-ô-khi-a

* ¹⁹ Vậy những người phải tử nạn vì cuộc bách hại xảy ra nhân vụ ông Tê-pha-nô, di đến tận miền Phê-ni-xi, đảo Síp và thành An-ti-ô-khi-a. Họ không rao giảng lời Chúa cho ai ngoài người Do-thái. ²⁰ Nhưng trong nhóm, có mấy người gốc Síp và Ky-rê-nê ; những người

* 11,19 An-ti-ô-khi-a, cách Giê-ru-sa-lem 500 km về phía bắc, là thủ phủ tỉnh Xy-ri thuộc đế quốc Rô-ma. Đây là xứ dân ngoại, nói tiếng Hy-lạp, nhưng đã có một cộng đoàn Do-thái giáo quan trọng. Thánh Lu-ca không cho biết ai là người đầu tiên đã giới thiệu đức tin Ki-tô giáo cho những người ngoại giáo ở đây, cũng như quá trình cuộc truyền giáo là như thế nào : vị nào hay những vị Ki-tô hữu gốc Do-thái nào đã làm điều đó thật xứng được dựng tượng đài, hay hơn thế nữa, được dành cho một ngày mừng lễ trong phụng vụ chúng ta. Vậy là lần đầu tiên, tại An-ti-ô-khi-a, chúng ta có một Hội Thánh quy tụ người Do-thái và không Do-thái : chính đây là tương lai của Hội Thánh.

Giáo đoàn Giê-ru-sa-lem là Rô-ma của Hội Thánh tiên khởi. Giáo đoàn ý thức quyền bính của mình, và tức thì muốn cứu xét cho kỹ hiện tượng tân kỳ này : một Hội Thánh trong đó người Do-thái chấp nhận đồng hành với kẻ không cắt bì ! Luật Mô-sê đã chẳng nghiêm cấm kiểu đi lại này sao ?

này, khi đến An-ti-ô-khi-a, đã giảng cho cả người Hy-lạp nữa, loan Tin Mừng Chúa Giê-su cho họ. ²¹ Vì có bàn tay Chúa ở với họ, nên một số đông đã tin và trở lại cùng Chúa.

²² Tin ấy đến tai Hội Thánh tại Giê-ru-sa-lem, nên người ta cử ông Ba-na-ba đi An-ti-ô-khi-a. ²³ Khi tới nơi và thấy ơn Thiên Chúa như vậy, ông Ba-na-ba mừng rỡ và khuyên nhủ ai nấy bền lòng gắn bó cùng Chúa. ²⁴ Ông là người tốt, đầy ơn Thánh Thần và lòng tin. Và đã có thêm một đám rất đông theo Chúa.

²⁵ Ông Ba-na-ba thấy đi Tác-xô tìm ông Sao-lô. ²⁶ Tìm được rồi, ông đưa ông Sao-lô đến An-ti-ô-khi-a. Hai ông cùng làm việc

trong Hội Thánh ấy suốt một năm và giảng dạy cho rất nhiều người. Chính tại An-ti-ô-khi-a mà lần đầu tiên các môn đệ được gọi là Ki-tô hữu.

Ông Ba-na-ba và ông Sao-lô được cử đi Giê-ru-sa-lem

* ²⁷ Trong những ngày ấy, có những ngôn sứ từ Giê-ru-sa-lem xuống An-ti-ô-khi-a. ²⁸ Một trong những người ấy tên là A-ga-bô đứng lên và được Thần Khí soi sáng, báo trước là sẽ có nạn đói lớn trong khắp cả thiên hạ ; đó là nạn đói xảy ra dưới thời hoàng đế Cơ-lau-đi-ô. ²⁹ Các môn đệ mới quyết định là mỗi người tùy theo khả năng, sẽ gửi quà giúp đỡ anh em ở miền Giu-đê. ³⁰ Và họ đã làm việc ấy :

* 11,27 Lần đầu tiên sách Công vụ đề cập đến các *ngôn sứ*. Đây là tước hiệu Hội Thánh tặng cho một số người lãnh đạo giáo đoàn, nhưng hoá ra chỉ nhìn nhận đó là một ân huệ của Chúa Thánh Thần, một trong những ân huệ mà thánh Phao-lô đặt ở hàng đầu. Trong nhiều dịp khác nhau, ngôn sứ được Thiên Chúa cho biết trước những sự gì sắp xảy ra, hoặc cho giáo đoàn, hoặc cho thành viên này hay thành viên khác của giáo đoàn. Nhưng điều chính yếu là vị ngôn sứ được ban uy quyền khi phát ngôn, một ơn để giải thích Kinh Thánh đúng theo nhu cầu tức thời, và tất cả mọi người đều nhận ra trong lời ngôn sứ một giáo huấn của Thiên Chúa.

Thánh Lu-ca đã ghi nhận nghĩa cử tương thân tương trợ đầu tiên giữa các Ki-tô hữu không cùng một quốc gia. Đoạn này đề cập đến *hàng kỳ mục* (x. phân bình giải Dt 9), là kiểu xưng hô gọi các vị lãnh đạo giáo đoàn, theo cung cách Do-thái giáo.

gửi đến cho hàng kỳ mục qua tay ông Ba-na-ba và ông Sao-lô.

Ông Phê-rô bị bắt và được cứu cách lạ lùng

12^{*} ¹ Thời kỳ ấy, vua Hê-rô-đê ra tay ngược đãi một số người trong Hội Thánh. ² Nhà vua đã cho chém đầu ông Gia-cô-bê là anh ông Gio-an. ³ Thấy việc đó làm vừa lòng người Do-thái, nhà vua lại cho bắt cả ông Phê-rô nữa. Bấy giờ đang là tuần lễ Bánh Không Men. ⁴ Bắt được rồi, nhà vua truyền tống ngục và giao cho bốn топ lính canh gác, mỗi топ gồm bốn người, định sau lễ Vượt Qua sẽ điệu ông ra cho dân chúng. ⁵ Đang khi ông Phê-rô bị giam giữ như thế, thì Hội Thánh không ngừng dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện khẩn thiết cho ông.

⁶ Trong đêm trước ngày bị vua Hê-rô-đê đem ra xử, ông Phê-rô ngủ giữa hai người lính, và bị khoá vào hai cái xiềng. Trước cửa ngục lại có lính canh. ⁷ Bỗng thiên sứ của Chúa đứng bên cạnh ông, và ánh sáng chói rực cả phòng giam. Thiên sứ đập vào cạnh sườn ông Phê-rô, đánh thức ông và bảo : “Đứng dậy mau đi !” Xiềng xích liền tuột khỏi tay ông. ⁸ Thiên sứ nói tiếp : “Thắt lưng lại và xỏ dép vào !” Ông làm như vậy. Rồi thiên sứ lại bảo ông : “Khoác áo choàng vào và đi theo tôi !” ⁹ Ông liền theo ra, mà không biết việc thiên sứ làm đó có thật hay không, cứ tưởng là mình thấy một thị kiến. ¹⁰ Qua vọng canh thứ nhất, rồi vọng canh thứ hai, thiên sứ và ông tới trước cửa sắt thông ra phố. Cửa

* 12,1 Đợt bắt đạo thứ hai này ập xuống trên đầu toàn bộ cộng đoàn Ki-tô hữu tại Giê-ru-sa-lem (x. 8,1). Cùng với hai thánh Phê-rô và Gio-an, thánh Gia-cô-bê Tiên là một trong những người tâm phúc của Chúa Giê-su (Lc 9,28).

Thánh Phê-rô được giải thoát lần thứ hai (x. 5,19) là biến cố làm nổi bật quyền năng của lời chuyển cầu của Hội Thánh cho vị lãnh đạo của mình, cũng như ý muốn của Chúa Ki-tô bảo vệ Hội Thánh khỏi quyền lực sự ác (x. Mt 16,18).

Xin báo tin này cho ông Gia-cô-bê (c.17). Đây là thánh Gia-cô-bê, “người anh em của Chúa” : khi ấy, ông đã được xem là người đứng đầu giáo đoàn Giê-ru-sa-lem.

tự động mở ra trước mặt hai người. Ra đến ngoài, đi hết một đường phố, thì bỗng nhiên thiên sứ bỏ ông mà đi. ¹¹ Lúc ấy ông Phê-rô mới hoàn hồn và nói : “Bây giờ tôi biết thật sự là Chúa đã sai thiên sứ của Người đến, và Người đã cứu tôi thoát khỏi tay vua Hê-rô-đê, và khỏi mọi điều dân Do-thái mong muốn tôi phải chịu.”

¹² Ý thức được như vậy, ông đi đến nhà bà Ma-ri-a, mẹ của ông Gio-an, cũng gọi là Mác-cô ; ở đó có khá đông người đang tụ họp và cầu nguyện. ¹³ Ông đập cổng thì có một người tớ gái tên là Rô-đê ra nghe ngóng. ¹⁴ Nhận ra tiếng ông Phê-rô, cô mừng quýnh, không mở cổng, mà lại chạy vào báo tin ông Phê-rô đang đứng ngoài cổng. ¹⁵ Người ta bảo cô : “Đồ khùng !” Nhưng cô ấy cứ quả quyết là đúng như vậy. Họ nói : “Thiên sứ của ông ấy đấy !” ¹⁶ Trong khi đó, ông Phê-rô tiếp tục đập cổng. Mở cổng ra, thấy ông, họ kinh ngạc. ¹⁷ Ông giơ tay làm hiệu bảo họ im lặng, rồi kể cho họ nghe Chúa đã đưa ông

ra khỏi tù thế nào. Ông nói : “Xin báo tin này cho ông Gia-cô-bê và cho các anh em.” Rồi ông ra đi, đến một nơi khác.

¹⁸ Sáng ra, bọn lính nhón nháo không ít : ông Phê-rô đã ra sao rồi ? ¹⁹ Vua Hê-rô-đê cho truy nã ông : bởi không tìm ra, nhà vua tra hỏi lính canh và ra lệnh điệu họ đi xử. Rồi nhà vua bỏ miền Giu-đê xuống ở Xê-da-rê.

Cái chết của vua Hê-rô-đê

²⁰ Nhà vua đang tức tối với dân thành Tia và Xi-đôn. Họ đồng tâm nhất trí đến yết kiến nhà vua. Sau khi đã mua chuộc được quan thị vệ của vua là Bơ-lát-tô, họ cầu hoà, vì lãnh thổ của họ phải nhờ lãnh thổ của nhà vua cung cấp lương thực. ²¹ Đến ngày hẹn, vua Hê-rô-đê mặc cẩm bào, ngồi trên ngai, ngỏ lời với họ. ²² Dân hoan hô : “Tiếng thần minh, chứ không phải tiếng người phàm !” ²³ ngay lúc đó, thiên sứ của Chúa đánh phạt nhà vua, vì nhà vua đã không tôn vinh Thiên Chúa. Nhà vua bị giòi bọ rúc rĩa nên đã tắt thở.

Ông Ba-na-ba và ông Sao-lô trở về An-ti-ô-khi-a

* 24 Trong khi ấy, lời Thiên Chúa vẫn lan tràn và phát triển. 25 Còn ông Ba-na-ba và ông Sao-lô,

sau khi đã chu toàn công việc phục vụ tại Giê-ru-sa-lem thì trở về, đem theo ông Gio-an, cũng gọi là Mác-cô.

III. CUỘC HÀNH TRÌNH TRUYỀN GIÁO CỦA ÔNG BA-NA-BA VÀ ÔNG SAO-LÔ. CÔNG ĐỒNG GIÊ-RU-SA-LEM.

Ông Ba-na-ba và ông Sao-lô được cử đi truyền giáo

13¹ Trong Hội Thánh tại An-ti-ô-khi-a, có những ngôn sứ và thầy dạy, đó là các ông Ba-na-ba, Si-mê-

ôn biệt hiệu là Đen, Lu-ki-ô người Ky-rê-nê, Ma-na-en, bạn thời thơ ấu của tiểu vương Hê-rô-đê, và Sao-lô.
² Một hôm, đang khi họ làm việc thờ phượng Chúa

* 12,24 Các chuyện sử vụ của thánh Phao-lô bắt đầu từ đây. Vai trò sai đi ("sai sứ") thuộc quyền Hội Thánh là phải lẽ : chỉ khi được sai đi người ta mới gọi là có sứ vụ. Nhưng sáng kiến lại phát xuất từ Chúa Thánh Thần, và sáng kiến này đi đôi với đời sống đạo sốt sắng của giáo đoàn An-ti-ô-khi-a. Lưu ý giáo đoàn có thái độ nào khi chấp nhận để hai người trong số năm vị linh hoạt viên chính của mình ra đi : về phía mình, hai thánh Phao-lô và Ba-na-ba sẵn sàng đánh liều trong cuộc phiêu lưu này. Việc đặt tay (13,3) là để xin ân sủng Thiên Chúa xuống ơn trên hai vị thừa sai. Cho đến lúc này, thánh Phao-lô mới chỉ là người trợ tá của thánh Ba-na-ba.

Thật khó biết được Hội Thánh đã được tổ chức như thế trong thời kỳ sơ khai. Lúc ấy không có phẩm trật gồm ba bậc như chúng ta thấy ngày nay : giám mục, linh mục, phó tế, hoàn toàn thống nhất dưới quyền một vị giáo hoàng. Ba chức bậc này chỉ được thiết lập rõ ràng vào cuối thế kỷ I. Chắc chắn các giáo đoàn Giê-ru-sa-lem và An-ti-ô-khi-a không có tổ chức điều hành như các giáo đoàn ở những thành phố nhỏ.

Thông thường, các giáo đoàn chọn kỳ mục của mình trong số những người có uy tín nhất. Những người này chỉ cần được các Tông Đồ, hay một cấp trên hữu trách nào đó thừa nhận hoặc cất đặt, và được các giáo đoàn lân cận chấp nhận nữa là đủ. Công việc "chủ sự" của các kỳ mục bao gồm việc làm phép rửa, cử hành lễ Tạ Ơn, và xức dầu bệnh nhân. Định chế về các kỳ mục này (x. 14,23 ; 11,30) họa lại cách tổ chức các cộng đoàn Do-thái giáo.

và ăn chay, thì Thánh Thần phán bảo : “Hãy dành riêng Ba-na-ba và Sao-lô cho Ta, để lo công việc Ta đã kêu gọi hai người ấy làm.”³ Bấy giờ họ ăn chay cầu nguyện, rồi đặt tay trên hai ông và tiễn đi.

Thầy phù thủy Ê-ly-ma tại đảo Sýp

*⁴ Vậy, được Thánh Thần sai đi, hai ông xuống Xê-lêu-ki-a, rồi từ đó đáp tàu đi đảo Sýp.⁵ Đến Xa-la-min, hai ông loan báo lời Thiên Chúa trong các hội đường người Do-thái.

Có ông Gio-an giúp hai ông.

⁶ Các ông đi xuyên qua đảo đến Pa-phô ; ở đây các ông gặp một người phù thủy, mạo xưng là ngôn sứ ; ông này là người Do-thái, tên là Ba-giê-su.⁷ Ông ta ở với thống đốc Xéc-ghi-ô Phao-lô, một người thông minh. Thống đốc cho mời ông Ba-na-ba và ông Sao-lô đến và ước ao được nghe lời Thiên Chúa.⁸ Nhưng người phù thủy ấy, tên Hy-lạp là Ê-ly-ma, chống lại hai ông và tìm cách ngăn cản thống đốc tin Chúa.⁹ Bấy giờ ông

Bất cứ nơi đâu có những *ngôn sứ* được nhìn nhận chính hiệu là ngôn sứ (trường hợp ở An-ti-ô-khi-a), thì các ngài được hưởng một quyền bính gần bằng quyền bính các Tông Đồ (1 Cr 12,28 và Ep 2,20).

Hai thánh Phao-lô và Ba-na-ba chưa được xem là Tông Đồ, nhưng các ngài là những ngôn sứ. Phần các thầy dạy, thì họ có tư cách để dạy học sách Kinh Thánh, như các thầy dạy Lễ Luật trong xã hội Do-thái.

* 13,4 Sự vụ đầu tiên này khởi sự theo truyền thống người Do-thái. Họ có thể đi khắp đó đây trong cả đế quốc Rô-ma : trong tất cả các thành phố quan trọng, họ đều tìm được một khu Do-thái hay một cộng đồng người Do-thái. Từ An-ti-ô-khi-a, hai thánh Ba-na-ba và Phao-lô đáp tàu đi đảo Sýp, quê hương của thánh Ba-na-ba.

Cuộc gặp mặt với thống đốc Xéc-ghi-ô Phao-lô là một cơ duyên : Tin Mừng không chỉ chinh phục những người đơn sơ chất phác, mà cả những người quyền thế nữa. Thánh Phao-lô ý thức mình phải làm chứng *trước mặt vua chúa quan quyền* (Lc 21,12). Ông nói tiên tri của ông Sao-lô khởi sắc khi ông gặp ngài Xéc-ghi-ô Phao-lô. Từ đây trở đi, sách Công vụ không gọi ông là Sao-lô nữa mà là Phao-lô : phải chăng viên thống đốc đã cho phép ông mượn tên họ của mình ? Đối với thánh Phao-lô, một người đã là công dân Rô-ma (16,37), thì đây là thêm một bước nữa để hoà nhập thế giới người phi Do-thái.

Sao-lô, cũng gọi là Phao-lô, được đầy Thánh Thần, nhìn thẳng vào người phù thủy,¹⁰ và nói : “Hỡi kẻ đầy mọi thứ mưu mô và mọi trò xảo trá, hỡi con cái ma quỷ và kẻ thù của tất cả những gì là công chính, người không bỏ thói bẻ cong những đường lối ngay thẳng của Chúa sao ?¹¹ Giờ đây, này bàn tay Chúa giáng xuống trên người : người sẽ bị mù, không thấy ánh sáng mặt trời trong một thời gian.” Lập tức, mù loà và tối tăm ập xuống trên người phù thủy, và ông ta phải lần mò tìm người dắt.¹² Bấy giờ, thấy việc xảy ra, thống đốc liền tin theo, vì

ông rất đổi ngạc nhiên về giáo huấn của Chúa.

Hai ông đến An-ti-ô-khi-a miền Pi-xi-di-a

¹³ Từ Pa-phô, ông Phao-lô và các bạn đồng hành vượt biển đến Péc-gê miền Pam-phy-li-a. Nhưng ông Gio-an bỏ các ông mà về Giê-ru-sa-lem.¹⁴ Còn hai ông thì rời Péc-gê tiếp tục đi An-ti-ô-khi-a miền Pi-xi-di-a. Ngày sabát, hai ông vào hội đường ngồi tham dự.¹⁵ Sau phần đọc sách Luật và sách Các Ngôn Sứ, các trưởng hội đường cho người đến nói với hai ông : “Thưa anh em, nếu anh em muốn

Ông Phao-lô và các bạn đồng hành (c.13). Từ đầu sứ vụ, thánh Phao-lô nghiêm nhiên được xem là người lãnh đạo, và thánh Ba-na-ba bước sang vị trí thứ. Khi họ vào đất liền, đến miền đất Péc-gê khí hậu không lành, thì chàng trai Gio-an Mác-cô bỏ rơi hai ngài. Có thể các kế hoạch táo bạo của thánh Phao-lô đã làm cho chàng này khiếp sợ ; chàng ta biết chút ít tiếng Hy-lạp, nhưng thấy mình khó nhập vào một xứ trong đó rất ít người biết tiếng ấy. Hai thánh Phao-lô và Ba-na-ba đi vào miền núi xứ Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay và đến ngay trung tâm của tỉnh Pi-xi-di-a là An-ti-ô-khi-a (đùng lặn lộn với An-ti-ô-khi-a tỉnh Xy-ri).

Thánh Lu-ca kể lại chi tiết các biến cố xảy ra ở An-ti-ô-khi-a miền Pi-xi-di-a, bởi vì nhiều lần sau này, lời rao giảng của thánh Phao-lô đều đưa đến những phản ứng như nhau, nơi người Do-thái cũng như người Hy-lạp (tức là người ngoại giáo).

Thánh Phao-lô lên tiếng nói trong buổi họp ngày thứ bảy tại hội đường (nhà cầu nguyện của người Do-thái). Buổi phụng tự gồm các thánh vịnh và các bài đọc Kinh Thánh, dĩ nhiên là Cựu Ước. Sau đó một hay hai người có trách nhiệm đứng ra bình giải. Do nề mặt thánh Phao-lô là người khách vắng lai đã tỏ ý muốn ngỏ lời với họ, nên họ mời ngài phát biểu.

khuyên nhủ dân điều gì, xin cứ nói.”

Ông Phao-lô giảng cho người Do-thái

¹⁶ Ông Phao-lô đứng dậy, giơ tay xin mọi người lưu ý, rồi nói :

“Thưa đồng bào Ít-ra-en và những người kính sợ Thiên Chúa, xin nghe đây : ¹⁷ Thiên Chúa của dân Ít-ra-en đã chọn cha ông chúng ta, đã làm cho dân này thành một dân lớn trong thời họ cư ngụ ở đất Ai-cập, và đã giơ cánh tay mạnh mẽ của Người mà đem họ ra khỏi đó. ¹⁸ Và

trong thời gian chừng bốn mươi năm, Người đã nuôi dưỡng họ trong sa mạc. ¹⁹ Rồi Người đã tiêu diệt bảy dân tộc ở đất Ca-na-an và ban đất của chúng cho họ làm gia sản : ²⁰ tất cả đã xảy ra trong khoảng bốn trăm năm mươi năm. Sau đó, Người ban cho họ các vị thủ lãnh cho đến thời ngôn sứ Sa-mu-en. ²¹ Rồi họ đòi có vua, Thiên Chúa ban cho họ ông Sa-un, con ông Kít thuộc chi tộc Ben-gia-min, trị vì bốn mươi năm. ²² Sau khi truất phế vua Sa-un, Người đã cho ông Đa-vít xuất hiện

Diễn từ của thánh Phao-lô, ôn lại lịch sử Ít-ra-en, có lẽ là khá vô vị đối với chúng ta, cũng như bài giảng của thánh Phê-rô (ch. 2) và của thánh Tê-pha-nô (ch. 7). Nhưng đó là cách giảng đạo của người Do-thái, và đối với những người sống tha phương ấy, không có gì thú vị cho bằng được nghe nhắc lại lịch sử mà họ đã thuộc nằm lòng, một lịch sử làm cho họ thấy mình có gốc rễ, căn tính riêng, giữa các dân tộc khác. Vậy thánh Phao-lô trình bày lịch sử này, làm nổi bật một loạt những sự kiện giúp cho thấy hướng đi của nó và dĩ nhiên là quy nó về Chúa Ki-tô. Ngài chứng minh rằng các lời Thiên Chúa hứa với Ít-ra-en đã được ứng nghiệm nhờ sự phục sinh của Chúa Ki-tô.

Ở đây có một cách hiểu Tin Mừng mà chúng ta không được đánh mất. Chúng ta nói đức tin Do-thái giáo, và sau đó đức tin Ki-tô giáo, có “tính lịch sử”. Có nghĩa là trước hết, Thiên Chúa thật sự đã mặc khải chính mình trong lịch sử : đức tin của chúng ta không phải là một giáo thuyết được những nhà tư tưởng phát hiện, và cũng không phải phát xuất từ những thần thoại. Nhưng cũng có nghĩa là sự phục sinh của Chúa Giê-su đã đánh dấu một bước ngoặt lớn trong toàn bộ lịch sử nhân loại, và rồi, năm này qua năm khác, lịch sử tiếp tục tiến về một đích điểm, và chung cục duy nhất sẽ là Ngày Xét Xử và Triều Đại của Thiên Chúa. Chúng ta không thể chỉ rao giảng một giáo lý chân thật một cách cố định, chúng ta phải cho thấy được rằng Tin Mừng và Thần Khí Thiên Chúa đang hoạt động như thế nào trong các biến cố lịch sử.

làm vua cai trị họ. Người đã làm chứng về ông rằng : *Ta đã tìm được Đa-vít, con của Gie-sê, một người đẹp lòng Ta và sẽ thi hành mọi ý muốn của Ta.* ²³ Từ dòng dõi vua này, theo lời hứa, Thiên Chúa đã đưa đến cho Ít-ra-en một Đấng Cứu Độ là Đức Giê-su. ²⁴ Để dọn đường cho Đức Giê-su, ông Gio-an đã rao giảng kêu gọi toàn dân Ít-ra-en chịu phép rửa tỏ lòng sám hối. ²⁵ Khi sắp hoàn thành sứ mạng, ông Gio-an đã tuyên bố : ‘Tôi không phải là Đấng mà anh em tưởng đâu, nhưng kìa Đấng ấy đến sau tôi, và tôi không đáng cởi dép cho Người.’

²⁶ “Thưa anh em là con cái thuộc dòng giống Áp-ra-ham, và thưa anh em đang hiện diện nơi đây, là những người kính sợ Thiên Chúa, lời cứu độ này được gửi tới chúng ta. ²⁷ Dân cư thành Giê-ru-sa-lem và các thủ lãnh của họ đã không nhận biết Đức Giê-su ; khi kết án Người, họ đã làm cho ứng nghiệm những lời ngôn sứ đọc mỗi ngày sa-bát. ²⁸ Tuy không thấy Người có tội gì đáng chết, họ vẫn đòi Phi-la-tô xử tử. ²⁹ Sau khi thực hiện tất cả mọi điều Kinh Thánh chép về Người, họ đã hạ Người từ trên cây gỗ xuống và mai táng trong mồ. ³⁰ Nhưng Thiên Chúa

Cử tọa có nhiều cách phản ứng khác nhau. Ở đó (c.43) không chỉ có người Do-thái, còn có *những người tôn thờ Thiên Chúa*, và những người đạo theo (đã dần bước sâu xa hơn trong Do-thái giáo) mà chúng ta đã gặp thấy trong câu chuyện viên thái giám người Ê-thi-óp (8,27) và ông Co-nê-li-ô (10,1) : Người Do-thái xem những người này như những tín hữu hạng hai.

Ngay từ những lời chào đầu tiên, thánh Phao-lô đặt họ ngang hàng với người Do-thái. Sau đó, trong bài giảng, ngài không nhấn mạnh việc tuân giữ Lễ Luật, một việc mà chỉ có người Do-thái mới tuân theo đầy đủ, khiến họ tự cao tự đại so với người khác ; trái lại, ngài tuyên bố Lễ Luật đã hết thời (c.38). Thánh Phao-lô nhấn mạnh những lời hứa mà Thiên Chúa dành cho tất cả mọi người. *Những người tôn thờ Thiên Chúa* thì phần khởi ủng hộ một Tin Mừng đã làm cho họ trở thành những tín hữu chính danh.

Ra khỏi hội đường, thánh Phao-lô không tự giam mình trong nhóm người Do-thái, nhưng liền sau đó, ngài tìm cảm tình viên trong số *những người tôn thờ Thiên Chúa*. Cuộc tiếp xúc này chắc đánh động họ khá nhiều, bởi vì ngày thứ bảy sau đó, họ kéo theo cả một đoàn người chưa từng thấy bao giờ.

đã làm cho Người trỗi dậy từ cõi chết.³¹ Trong nhiều ngày, Đức Giê-su đã hiện ra với những kẻ từng theo Người từ Ga-li-lê lên Giê-ru-sa-lem. Giờ đây chính họ làm chứng cho Người trước mặt dân.

³² “Còn chúng tôi, chúng tôi xin loan báo cho anh em Tin Mừng này : điều Thiên Chúa hứa với cha ông chúng ta,³³ thì Người đã thực hiện cho chúng ta là con cháu các ngài, khi làm cho Đức Giê-su sống lại, đúng như lời đã chép trong Thánh vịnh 2 : *Con là Con của Cha, ngày hôm nay Cha đã sinh ra Con.*

³⁴ “Về việc Người đã làm cho Đức Giê-su từ cõi chết

sống lại, không còn phải hư nát nữa, thì Người phán thế này : *Ta sẽ ban cho các người những ơn lộc đã hứa cho Đa-vít.*³⁵ Vì vậy ở chỗ khác, lại có lời rằng : *Ngài sẽ không để Vị Thánh của Ngài phải hư nát.*³⁶ Thế mà vua Đa-vít, sau khi phục vụ ý định của Thiên Chúa trong đời ông, đã an nghỉ, đã được chôn cất bên cạnh tổ tiên và phải hư nát.³⁷ Còn Đấng mà Thiên Chúa đã cho trỗi dậy thì không phải hư nát.

³⁸ “Vậy thưa anh em, xin biết cho điều này : chính nhờ Đấng ấy mà ơn tha tội được loan báo cho anh em ; và trong khi anh em

Bấy giờ một cơn khủng hoảng xảy ra. Số người Do-thái tự hào nhất đâm sợ khi thấy vây quanh mình là đám người ngoại giáo ô uest ấy. Họ chống đối thánh Phao-lô, và chỉ còn nghĩ đến một chuyện là tống ngài đi cho rảnh. Một số phụ nữ giàu có và đạo đức can thiệp vào. Chính từ đây mới bắt đầu có một cộng đoàn Ki-tô hữu tách biệt khỏi cộng đoàn người Do-thái.

Tất cả những điều ấy không phải là chuyện thời sự hay sao ? Nếu chúng ta không thường thấy những cuộc khủng hoảng như thế xảy ra trong Hội Thánh chúng ta, có lẽ ấy là vì số các tông đồ không đông, như vào thời thánh Phao-lô, và vì chúng ta chưa được tiếp đón vị khách dám lên tiếng nói cho những người ở bên ngoài những tường rào của chúng ta.

Tất cả những người đã được Thiên Chúa định cho hưởng sự sống đời đời (c.48). Câu này không hề lên án những người không tin, mà chỉ muốn nói rằng nếu có người đã đón nhận đức tin thì đó là một ân huệ Thiên Chúa ban cho họ : từ nay, Thiên Chúa đi vào cuộc đời của họ, và làm cho họ trở thành những người mang một luồng sinh khí thần linh có thiên chức biến đổi thế giới (Ga 17,3).

không thể được giải thoát khỏi tội lỗi mà trở nên công chính nhờ tuân giữ Luật Mô-sê, ³⁹ thì nhờ Người, mọi kẻ tin đều được nên công chính.

⁴⁰ “Vậy hãy coi chừng kéo lại xảy ra điều đã nói trong sách Các Ngôn Sứ : ⁴¹ *Hỡi những kẻ khinh mạn, hãy xem, hãy kinh ngạc sững sờ và biến mất đi ! Vì chính vào thời các người, Ta sắp làm một việc, một việc mà các người sẽ chẳng tin, nếu có ai kể lại cho các người.*

⁴² Khi ông Phao-lô và ông Ba-na-ba đi ra, người ta mời hai ông lại nói về đề tài ấy ngày sa-bát sau. ⁴³ Tan buổi họp, có nhiều người Do-thái và nhiều người đạo theo, tức là những người tôn thờ Thiên Chúa, đi theo hai ông. Hai ông nói chuyện với họ và khuyên nhủ họ gắn bó với ơn Thiên Chúa.

Ông Phao-lô và ông Ba-na-ba hướng về dân ngoại

⁴⁴ Ngày sa-bát sau, gần như cả thành tụ họp nghe lời Thiên Chúa. ⁴⁵ Thấy những đám đông như vậy, người Do-thái sinh lòng ghen tức, họ phản đối

những lời ông Phao-lô nói và nhục mạ ông. ⁴⁶ Bấy giờ ông Phao-lô và ông Ba-na-ba mạnh dạn lên tiếng : “Anh em phải là những người đầu tiên được nghe công bố lời Thiên Chúa, nhưng vì anh em khước từ lời ấy, và tự coi mình không xứng đáng hưởng sự sống đời đời, thì đây chúng tôi quay về phía dân ngoại. ⁴⁷ Vì Chúa truyền cho chúng tôi thế này : *Ta sẽ đặt người làm ánh sáng muôn dân, để người đem ơn cứu độ đến tận cùng cõi đất.*”

⁴⁸ Nghe thế, dân ngoại vui mừng tôn vinh lời Chúa, và tất cả những người đã được Thiên Chúa định cho hưởng sự sống đời đời, đều tin theo. ⁴⁹ Lời Chúa lan tràn khắp miền ấy.

⁵⁰ Nhưng người Do-thái sách động nhóm phụ nữ thượng lưu đã theo đạo Do-thái, và những thân hào trong thành, xúi giục họ ngược đãi ông Phao-lô và ông Ba-na-ba, và trục xuất hai ông ra khỏi lãnh thổ của họ. ⁵¹ Hai ông liền giữ bụi chân phản đối họ và đi tới I-cô-ni-ô. ⁵² Còn các

môn đệ được tràn đầy hoan lạc và Thánh Thần.

Loan báo Tin Mừng tại I-cô-ni-ô

14^{* 1} Tại I-cô-ni-ô cũng xảy ra như vậy : hai ông vào hội đường người Do-thái và giảng dạy, khiến rất đông người Do-thái và Hy-lạp tin theo.

² Nhưng những người Do-thái không tin theo thì xúi giục những người ngoại và làm cho họ có ác cảm với các anh em.

³ Vậy hai ông ở lại một thời gian khá lâu, mạnh dạn vì dựa vào Chúa, là Đấng chứng nhận lời giảng về ân sủng của Người, khi cho tay các ông thực hiện những dấu lạ điềm thiêng.

⁴ Quân chúng trong thành chia rẽ, kẻ thì đứng về phía người Do-thái, kẻ thì đứng về phía các Tông Đồ. ⁵ Những người ngoại và những người Do-thái, cùng với các thủ lãnh của họ, mưu toan làm nhục và ném đá hai ông. ⁶ Biết thế, hai ông lánh sang các thành miền Ly-caô-ni-a là Lýt-ra, Đéc-bê và các vùng phụ cận ; ⁷ và tại đó các ông tiếp tục loan báo Tin Mừng.

Ông Phao-lô chữa một người bại chân

^{* 8} Tại Lýt-ra, có một người bại hai chân ngồi đó ; anh ta bị què từ khi lọt lòng mẹ, chưa hề đi được bước nào. ⁹ Anh nghe ông Phao-lô giảng. Ông nhìn thẳng vào anh và thấy anh có lòng tin để được cứu

* 14,1 *Tại I-cô-ni-ô cũng xảy ra như vậy.* Hai thánh Phao-lô và Ba-na-ba ăn nói mạnh dạn. Đây là một trong những dấu hiệu chỉ người tông đồ đích thực, được Chúa Thánh Thần linh hứng. Thái độ mạnh dạn này là điều quan trọng giúp các thánh giả quyết định hoán cải, nhưng không phải là một năng khiếu tự nhiên. Luôn luôn chính Thiên Chúa mới là nguồn cảm hứng lời rao giảng của người tông đồ, đồng thời là Đấng cảm hoá thánh giả để họ lấy đức tin mà hưởng ứng, nhất là trong những hoàn cảnh khó khăn (x. 1 Tx 2,2 ; 2 Cr 12,10).

Về những lần thánh Phao-lô bị ngược đãi, x. phần bình giải Gl 5,11.

* 14,8 Sau khi rời khỏi thành I-cô-ni-ô, nơi nhiều người nói tiếng Hy-lạp, thì việc tiếp xúc chẳng còn được dễ dàng nữa : trước hết là vấn đề ngôn ngữ, tiếp theo đó, truyền thống giữ đạo là một gánh nặng.

chữa, ¹⁰ thì lớn tiếng nói : “Anh trỗi dậy đi, hai chân đứng thẳng !” Anh đứng phắt dậy và đi lại được.

¹¹ Thấy việc ông Phao-lô làm, đám đông hô lên bằng tiếng Ly-ca-o-ni-a : “Thần linh mặc lột người phạm đã xuống với chúng ta !” ¹² Họ gọi ông Ba-na-ba là thần Dớt, ông Phao-lô là thần Héc-mê, vì ông là người phát ngôn. ¹³ Thầy tư tế đền thờ thần Dớt ở ngoại thành đem bò

và vòng hoa đến trước cổng thành, và cùng với đám đông, muốn dâng lễ tế. ¹⁴ Nghe biết được, hai tông đồ Ba-na-ba và Phao-lô xé áo mình ra, xông vào đám đông mà kêu lên : ¹⁵ “Hỡi các bạn, các bạn làm gì thế này ? Chúng tôi đây cũng chỉ là người phạm, cùng thân phận với các bạn. Chúng tôi loan Tin Mừng cho các bạn, là hãy bỏ những cái hão huyền này đi, mà trở lại

Đôi khi chúng ta tưởng rằng dường như trong một môi trường mà ai nấy đều theo một tôn giáo, tức là đã có một tín ngưỡng nào đó đối với bậc thần linh, thì việc rao giảng đức tin phải dễ dàng hơn. Nghĩ vậy là sai. Vào thời ấy, theo một tôn giáo nhiều khi là phục tùng những tập tục và truyền thống đã có trong xã hội từ ngàn xưa gắn liền với tôn giáo đó, là giam mình trong giềng mối những tương quan có tính cầu cạnh đối với thần thánh, thậm chí không tưởng tượng được mình có thể ứng xử như một con người tự do trực diện với Thiên Chúa.

Ông Phao-lô thấy anh có lòng tin để được cứu chữa (c.9). Người này chắc hẳn còn lâu mới tin nhận Chúa Giê-su là Đức Ki-tô và là Con Thiên Chúa, nhưng anh đã có đức tin như những người được Chúa làm phép lạ trong Tin Mừng. Thiên Chúa không chỉ kêu gọi các nhà thần học, mặc dù trong Hội Thánh cần có mặt họ ; những người khác, “hạng người phạm nhỏ”, cũng phải cảm thấy mình là thành phần thuộc bản chất của Hội Thánh không thua gì họ.

Sự ngộ nhận theo sau việc thánh Phao-lô chữa lành người bại chân là điều hoàn toàn dễ hiểu. Bị người Do-thái ngược đãi, hai thánh Phao-lô và Ba-na-ba rời khỏi con đường lộ đá của người Rô-ma, vào ẩn lánh trong các thôn làng, nơi ít có ảnh hưởng văn hoá và ngôn ngữ Hy-lạp : chỉ một số người có chức vụ trong làng hiểu được thánh Phao-lô, còn dân chúng thì chỉ thấy phép lạ, vì họ chỉ biết tiếng Ly-ca-o-ni-a là tiếng địa phương. Đối với họ là những người ngoại giáo, thì hai thánh Phao-lô và Ba-na-ba là hai thần linh giáng thế (cc. 11 và 12). Vì thế, họ muốn tế lễ cúng các ngài, để tỏ lòng biết ơn (c.13). Chính lúc ấy sự ngộ nhận biến thành thảm kịch : người Do-thái đến nơi đứng vào lúc mọi việc có vẻ đã được dàn xếp ổn thoả.

cùng Thiên Chúa hằng sống, *Đấng đã tạo thành trời đất với biển khơi cùng muôn loài trong đó.* ¹⁶ Trong những thế hệ đã qua, Người để cho muôn dân đi theo đường lối của họ.

¹⁷ Tuy vậy Người không ngừng làm chứng cho mình, khi thi ân giáng phúc, ban mưa từ trời và mùa màng sung túc cho các bạn, và cho các bạn được no lòng, được an vui.”

¹⁸ Nói vậy mà hai ông vẫn còn phải vất vả mới can được đám đông không dưng lễ tế cho hai ông.

¹⁹ Bấy giờ có những người Do-thái từ An-ti-ô-khi-a và I-cô-ni-ô đến, thuyết phục được đám đông. Họ ném

đá ông Phao-lô rồi lôi ông ra ngoài thành, vì tưởng ông đã chết. ²⁰ Nhưng khi các môn đệ xúm lại quanh ông, ông đứng dậy và vào thành. Hôm sau, ông thấy đi Đéc-bê cùng với ông Ba-na-ba.

* ²¹ Sau khi đã loan Tin Mừng cho thành ấy và nhận khá nhiều người làm môn đệ, hai ông trở lại Lýt-ra, I-cô-ni-ô và An-ti-ô-khi-a. ²² Hai ông củng cố tinh thần các môn đệ, và khuyên nhủ họ giữ vững đức tin. Hai ông nói : “Chúng ta phải chịu nhiều gian khổ mới được vào Nước Thiên Chúa.” ²³ Trong mỗi Hội Thánh, hai ông chỉ định cho họ

Sự hiện diện của người Do-thái trong mọi thành phố của đế quốc, những liên lạc chặt chẽ giữa các cộng đoàn của họ với nhau, làm cho họ trở thành những địch thủ đáng gờm, một khi chính quyền trung ương Giê-ru-sa-lem đứng về phía họ. Người Do-thái sắp ngược đãi các cộng đoàn Ki-tô hữu, và làm cho chính quyền Rô-ma không có cảm tình được với các cộng đoàn ấy, cho đến khi xảy ra cuộc chiến Do-thái vào những năm 66-70, đưa đất nước của họ đến chỗ diệt vong.

Thật ra những khó khăn ở Lýt-ra đã giúp thánh Phao-lô xác định rõ hơn các mục tiêu của mình : ngài sẽ không đánh liều đi vào các làng quê nơi ngài không biết tiếng nói của dân và cũng không dễ gì làm cho dân hiểu mình nữa. Từ nay, ngài sẽ loan báo Tin Mừng trong những thành phố nằm trên các trục chính, cũng như ở các hải cảng ; ngài sẽ để cho người khác, những Ki-tô hữu mới theo đạo và là dân địa phương, lo việc loan báo Tin Mừng ở những vùng sâu hơn.

* 14,21 Đéc-bê là chặng cuối của hành trình truyền giáo này. Hai thánh Phao-lô và Ba-na-ba trở về theo con đường mà họ đã đến, ghé thăm các giáo đoàn các ngài đã thành lập trên lục địa. Sau đó, các ngài đáp tàu đi An-ti-ô-khi-a mà không trở lại đảo Síp.

những kỳ mục, và sau khi ăn chay cầu nguyện, hai ông phó thác những người đó cho Chúa, Đấng họ đã tin.

²⁴ Hai ông đi qua miền Pi-xi-di-a mà đến miền Pam-phy-li-a, ²⁵ rao giảng lời Chúa tại Péc-ghê, rồi xuống Át-ta-li-a. ²⁶ Từ đó hai ông vượt biển về An-ti-ô-khi-a, là nơi trước đây các ông đã được giao phó cho ân sủng của Thiên Chúa để làm công việc vừa mới hoàn thành.

²⁷ Khi tới nơi, hai ông tập họp Hội Thánh và kể lại tất cả những gì Thiên Chúa đã cùng làm với hai ông, và việc Người đã mở cửa cho các dân ngoại đón nhận đức tin. ²⁸ Rồi hai ông ở lại một thời gian khá lâu với các môn đệ.

Cuộc tranh luận tại An-ti-ô-khi-a

15 * ¹ Có những người từ miền Giu-đê đến dạy anh em rằng : “Nếu anh em không chịu phép cắt bì theo tục lệ Mô-sê, thì anh

Hội Thánh thời bấy giờ không có giáo xứ, cũng chẳng có giáo sĩ, cơ chế hay sách vở gì cả. Vậy người tông đồ phải lo tổ chức Hội Thánh như thế nào đó để Hội Thánh có thể tồn trụ. Cũng như các cộng đoàn Do-thái có những người lãnh đạo được gọi là kỳ mục, thì người Ki-tô hữu cũng có những kỳ mục lãnh đạo giáo đoàn và chủ sự lễ Tạ Ơn (x. phần bình giải 12,24). Trong các buổi hội họp này, mỗi người chia sẻ cho tất cả mọi người những ân huệ thiêng liêng mình đã nhận được (x. 1 Cr 12 – 14).

Những sách các giáo đoàn dùng là các sách thuộc bộ Kinh Thánh Do-thái, tức là Cựu Ước. Các ngôn sứ trong Hội Thánh (Cv 13,1) rút ra từ những sách đó những bài học mới : trong đó họ khám phá ra lời loan báo về Chúa Ki-tô. Thỉnh thoảng, một số tông đồ hay ngôn sứ từ những nơi khác đến thăm các giáo đoàn.

Như vậy, chúng ta hiểu rằng một chuyến đi thi hành sứ vụ chỉ đạt mục tiêu khi đã xây dựng được những giáo đoàn người thành niên, có những vị lãnh đạo đặc trách họ và sự tham gia của tất cả mọi thành viên.

* **15,1** Ở đây, chúng ta thấy cuộc tranh luận lớn đầu tiên trong Hội Thánh. Thánh Phao-lô tường thuật câu chuyện này ở Gl 2,1-10.

Từ hai hay ba thế kỷ trước đây, người Do-thái kiêu cư ở các xứ nói tiếng Hy-lạp đã lôi cuốn được rất nhiều người ngoại giáo tin theo niềm tin của họ. Nhưng những người ấy phải hoà đồng với dân Do-thái trong thực tế, bởi vì Kinh Thánh –tức Cựu Ước– đặt ngang nhau những đòi hỏi như : phải tin vào một Thiên Chúa duy nhất, chịu cắt bì, ăn mặc kiểu Do-thái, tuân giữ các cấm kỵ trong chế độ ăn uống của dân Do-thái.

em không thể được cứu độ.”² Ông Phao-lô và ông Ba-na-ba chống đối và tranh luận khá gay go với họ. Người ta bèn quyết định cử ông Phao-lô, ông Ba-na-ba và một vài người khác lên Giê-ru-sa-lem gặp các Tông Đồ và các kỳ mục, để bàn về vấn đề đang tranh luận này.

³ Các ông được Hội Thánh tiễn đưa. Khi đi qua miền Phê-ni-xi và miền Sa-ma-ri, các ông tường thuật việc các dân ngoại

đã trở lại với Thiên Chúa, khiến tất cả các anh em rất đổi vui mừng.⁴ Tới Giê-ru-sa-lem, các ông được Hội Thánh, các Tông Đồ và kỳ mục tiếp đón, và các ông kể lại tất cả những gì Thiên Chúa đã cùng làm với các ông.

Cuộc tranh luận tại Giê-ru-sa-lem

⁵ Có những người thuộc phái Pha-ri-sêu đã trở thành tín hữu, bấy giờ đứng ra nói rằng : “Phải

Một số khá đông Ki-tô hữu tại Giê-ru-sa-lem không quan niệm việc gia nhập Hội Thánh một cách nào khác ; lập trường các Ki-tô hữu xuất thân từ phái Pha-ri-sêu thì cương quyết hơn (c.5), trong khi ông Gia-cô-bê bày tỏ lập trường cách uyển chuyển hơn : dân ngoại được cứu độ nhờ tin vào Chúa Ki-tô, nhưng đức tin này vẫn gắn liền với việc tuân giữ Lễ Luật. Có nghĩa là : đối với các Ki-tô hữu ấy, cho dù họ không hoàn toàn ý thức, thì tin là hoà nhập vào dân Thiên Chúa, nhưng dân Thiên Chúa đây vẫn còn đồng hoá với Ít-ra-en.

Các chuyến công vụ của thánh Phao-lô đã tạo nên một yếu tố mới : một số giáo đoàn được khai sinh ở những xứ thuộc Hy-lạp, mà đại đa số gồm những người không phải là Do-thái, và thánh nhân không hề đặt điều kiện nào để họ được thanh tẩy. Đối với họ, dân Thiên Chúa là chính cộng đoàn Ki-tô hữu.

Hội Thánh sắp bị chia rẽ chẳng ? Phải chăng thánh Phao-lô sắp trở nên người sáng lập một “Hội Thánh Chúa Ki-tô” khác, cực đoan hơn, thậm chí định rằng duy chỉ nhờ tin vào Chúa Ki-tô mà con người được cứu độ ? Cuộc họp mặt ở Giê-ru-sa-lem là một nỗ lực của toàn thể Hội Thánh để xác lập đức tin của mình và bảo vệ sự hợp nhất trong nội bộ.

Cách thức giải quyết cuộc khủng hoảng này làm nổi bật khía cạnh cộng đoàn của Hội Thánh. Các kỳ mục là những người phụ trách Hội Thánh Mẹ ở Giê-ru-sa-lem, nhóm họp với các Tông Đồ là những vị nắm quyền bính tối cao trong Hội Thánh. Thánh Phê-rô nhắc lại cho mọi người nghe kinh nghiệm ngài đã sống với viên đại đội trưởng Co-nê-li-ô (ch. 10), và mở rộng con đường tự do, hoàn toàn thoát ly Do-thái giáo.

làm phép cắt bì cho người ngoại và truyền cho họ giữ luật Mô-sê.”⁶ Các Tông Đồ và các kỳ mục bèn họp nhau để xem xét vụ này.

Diễn từ của ông Phê-rô

⁷ Sau khi các ông đã tranh luận nhiều, ông Phê-rô đứng lên nói : “Thưa anh em, anh em biết : ngay từ những ngày đầu, Thiên Chúa đã chọn tôi giữa anh em, để các dân ngoại được nghe lời Tin Mừng từ miệng tôi và tin theo.”⁸ Thiên Chúa là Đấng thấu suốt mọi tâm can đã chứng tỏ Người chấp nhận họ, khi ban Thánh Thần cho họ cũng như đã ban cho chúng ta.⁹ Người không phân biệt chút nào giữa chúng ta với họ, vì đã dùng đức tin để thanh tẩy lòng họ.¹⁰ Vậy bây giờ, sao anh em lại thử thách Thiên Chúa, mà quàng vào cổ các môn đệ một cái ách mà cả cha ông chúng ta lẫn chúng ta đã không có sức mang nổi ?

¹¹ Và lại, chính nhờ ân sủng Chúa Giê-su mà chúng ta tin mình được cứu độ, cùng một cách như họ.”

¹² Bây giờ toàn thể hội nghị im lặng. Họ nghe ông Ba-na-ba và ông Phao-lô thuật lại các dấu lạ điềm thiêng Thiên Chúa đã dùng hai ông mà làm giữa các dân ngoại.

Diễn từ của ông Gia-cô-bê

* ¹³ Khi hai ông dứt lời, ông Gia-cô-bê lên tiếng nói : “Thưa anh em, xin nghe tôi đây :¹⁴ Ông Si-môn đã thuật lại cho chúng ta rằng : ngay từ đầu, Thiên Chúa đã đoái thương chọn trong các dân ngoại một dân mang danh Người.¹⁵ Những lời các ngôn sứ cũng phù hợp với điều ấy, như đã chép :¹⁶ *Sau đó, Ta sẽ trở lại, và sẽ xây dựng lại lều Đa-vít đã sụp đổ ; đóng hoang tàn đó, Ta sẽ xây dựng lại, và Ta sẽ dựng lại lều ấy.*¹⁷ *Như vậy các người còn*

* 15,13 Thánh Gia-cô-bê, người lãnh đạo rất bảo thủ của Hội Thánh Giê-ru-sa-lem, đứng lên can thiệp, nhấn mạnh một số biện pháp để khỏi gây bất bình cho người Ki-tô hữu gốc Do-thái. Ngay cả khi không buộc giữ Luật, các Ki-tô hữu gốc ngoại vẫn được yêu cầu kiêng cử một số điều mà người Do-thái quá ghê tởm. Trước hết là vấn đề máu và thịt không cắt tiết, kể đến là vấn đề hôn nhân giữa bà con gần và thịt đã cúng cho ngẫu tượng.

lại và tất cả các dân ngoại được mang danh Ta sẽ tìm kiếm Chúa. Chúa phán như vậy, ¹⁸ Người là Đấng cho biết những điều ấy tự ngàn xưa.

¹⁹ “Vì vậy, phần tôi, tôi xét là không được gây phiền hà cho những người gốc dân ngoại trở lại với Thiên Chúa, ²⁰ nhưng chỉ viết thư bảo họ kiêng những thức ăn ô uế vì đã cúng cho ngẫu tượng, tránh gian dâm, kiêng ăn thịt loài vật không cắt tiết và kiêng ăn tiết. ²¹ Thật vậy, từ những thế hệ xa xưa, trong mỗi thành ông Mô-sê đều có những người rao giảng : họ đọc lời của ông trong các hội đường mỗi ngày sa-bát.”

Thư của các Tông Đồ

* ²² Bấy giờ các Tông Đồ và các kỳ mục, cùng với toàn thể Hội Thánh, quyết định chọn mấy người trong các ông, để phái đi An-ti-ô-khi-a với ông Phao-lô và ông Ba-na-ba. Đó là ông Giu-đa, biệt danh là Ba-sa-ba, và ông Xi-la, những người có uy tín trong Hội Thánh. ²³ Các ông trao cho phái đoàn bức thư sau :

“Anh em Tông Đồ và kỳ mục chúng tôi gửi lời chào anh em gốc dân ngoại tại An-ti-ô-khi-a, tại miền Xy-ri và Ki-li-ki-a. ²⁴ Chúng tôi nghe biết có một số người trong chúng tôi, không được chúng tôi uỷ nhiệm, mà lại đi nói những điều gây xáo trộn

* **15,22** Nếu đọc lại Gl 2 rồi Cv 21,25, người ta có thể nghĩ rằng ở đây thánh Lu-ca đã nối kết hai biến cố này lại với nhau : một bên là cuộc họp mặt ở Giê-ru-sa-lem, bên kia là quyết định mà sau đó thánh Gia-cô-bê đã ban hành cho các Hội Thánh thuộc quyền Giê-ru-sa-lem nhiều hơn, trong đó đa phần là tín hữu gốc Do-thái. Điều này sẽ giúp chúng ta hiểu được nghị quyết sau đây.

Quyết định cuối cùng của “Công Đồng” Giê-ru-sa-lem, như được trình bày ở đây, hẳn là điều tốt nhất mà các Tông Đồ và Thánh Thần có thể làm được vào thời điểm đó. Nhưng cũng phải nhìn nhận rằng sự dàn xếp này chỉ có thể mang tính giai đoạn và không thể biện hộ được trên cơ sở tín lý. Áp đặt luật lệ Do-thái giáo là bắt tội người phi Do-thái, và cũng là một cách nói lên rằng Hội Thánh không có khả năng đứng vững trong luồng khí mới mẻ của Tin Mừng, tự do đối với quá khứ, tự do đối với các luật lệ tôn giáo. Thực tế là một vài năm sau đó, các luật lệ ấy không còn đặt vấn đề nữa, chỉ vì Hội Thánh đã thoát ly cộng đoàn Do-thái giáo, cũng như bị cộng đoàn này khai trừ.

nơi anh em, làm anh em hoang mang.²⁵ Vì thế, chúng tôi đã đồng tâm nhất trí quyết định chọn một số đại biểu, và phái họ đến với anh em, cùng với những người anh em thân mến của chúng tôi là ông Ba-na-ba và ông Phao-lô,²⁶ những người đã cống hiến cuộc đời vì danh Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta.²⁷ Vậy chúng tôi cử ông Giu-đa và ông Xi-la đến trình bày trực tiếp những điều viết sau đây :²⁸ Thánh Thần và chúng tôi đã quyết định không đặt lên vai anh em một gánh nặng nào khác ngoài những điều cần thiết này :²⁹ là kiêng ăn đồ đã cúng cho ngẫu tượng, kiêng ăn tiết, ăn thịt loài vật không cắt tiết, và tránh gian dâm. Anh em cần thận

tránh những điều đó là tốt rồi. Chúc anh em an mạnh.”

Các đại biểu đến An-ti-ô-khi-a

³⁰ Sau khi được mọi người tiễn chân, các đại biểu xuống An-ti-ô-khi-a, triệu tập cộng đoàn lại và trao bức thư.³¹ Đọc thư xong, họ vui mừng vì lời khích lệ đó.³² Ông Giu-đa và ông Xi-la, vì cũng là ngôn sứ, đã nói chuyện lâu với các anh em mà khuyên nhủ và làm cho họ được vững mạnh.³³ Hai ông ở lại một thời gian, rồi các anh em lại tiễn chân hai ông trở về bình an với những người đã phái hai ông đi.³⁴ Nhưng ông Xi-la quyết định ở lại, chỉ một mình ông Giu-đa đi. *³⁵ Còn ông Phao-lô và ông Ba-na-ba thì ở lại An-ti-ô-khi-a.

Độc giả đã lưu ý những cách nói sau đây : *Các Tông Đồ và các kỳ mục, cùng với toàn thể Hội Thánh... Thánh Thần và chúng tôi đã quyết định* (cc. 22,28) : một cộng đoàn hiệp nhất với các Tông Đồ của mình quyết định điều gì thì bảo đảm có Chúa Thánh Thần. Trong lịch sử, nhiều lần cũng đã có những cuộc tranh luận tương tự xảy ra, nhưng không còn là chuyện giải toả Tin Mừng khỏi luật lệ Cựu Ước nữa, mà tại vì những luật lệ, những tập tục của Hội Thánh đã trở thành *một cái ách* mà một phần lớn nhân loại *không có sức mang nổi* (15,10). Chỉ có những cuộc thảo luận quy mô, như ở Giê-ru-sa-lem, mới cho phép mổ xẻ những trở ngại, những cấm kỵ trong Giáo Hội. Bao lâu các bộ máy trung ương còn bóp nghẹt tự do ngôn luận, thì công việc truyền giáo suy yếu đi, và Hội Thánh đóng kín mình lại với một nhóm người giữ đạo theo xưa ngày càng trở thành thiểu số.

Cùng với nhiều người loan báo Tin Mừng lời khác, hai ông giảng dạy và Chúa.

IV. NHỮNG CUỘC HÀNH TRÌNH TRUYỀN GIÁO CỦA ÔNG PHAO-LÔ

Ông Phao-lô và ông Ba-na-ba chia tay. Ông Phao-lô chọn ông Xi-la làm cộng tác viên.

³⁶ Ít ngày sau, ông Phao-lô nói với ông Ba-na-ba : “Ta hãy trở lại thăm các anh em trong mỗi thành ta đã loan báo lời Chúa, xem họ ra sao.” ³⁷ Ông Ba-na-ba muốn đem theo cả ông Gio-an cũng gọi là Mác-cô. ³⁸ Nhưng ông Phao-lô thì nghĩ là một người đã từng bỏ hai ông từ khi ở miền Pam-phy-li-a và đã không cộng tác với hai ông, thì không nên đem theo. ³⁹ Hai bên nổi nóng đến mức phải chia tay nhau. Ông Ba-na-ba

dem ông Mác-cô theo, vượt biển đi đảo Síp. ⁴⁰ Còn ông Phao-lô thì chọn ông Xi-la và lên đường, sau khi đã được các anh em giao phó cho ân sủng Chúa.

Ông Phao-lô chọn thêm ông Ti-mô-thê

⁴¹ Ông đi qua miền Xy-ri và miền Ki-li-ki-a, và làm cho các Hội Thánh được vững mạnh.

16 * ¹ Ông đến Đéc-bê, rồi đến Lýt-ra. Ở đó có một môn đệ tên là Ti-mô-thê, mẹ là người Do-thái đã tin Chúa, còn cha là người Hy-lạp. ² Ông được các anh em ở Lýt-ra và I-cô-ni-ô chứng nhận là

* 15,35 Chúng ta đang ở vào năm 50. Mười ba năm đã qua từ khi thánh Phao-lô được gặp Chúa Ki-tô trên đường đi Đa-mát, và cuộc đời của ngài bắt đầu một giai đoạn mới. Các Tông Đồ và Hội Thánh Giê-ru-sa-lem đã chính thức nhìn nhận sứ vụ Chúa Ki-tô đã trao cho ngài trong ngày ngài trở lại : ngài sẽ là vị Tông Đồ các dân ngoại trong đế quốc Rô-ma (Gl 2,7-9 ; Ep 3,8-9). Ngài sẽ thi hành sứ vụ này như là người đặc trách duy nhất.

Cuộc chia tay đầy sóng gió giữa thánh Phao-lô và bạn của ngài là thánh Ba-na-ba không nên làm chúng ta ngạc nhiên : đức tin không xoá bỏ bản linh của chúng ta. Thời gian và ân sủng sẽ giảm thiểu dần các góc cạnh nhọn bén. Vài năm sau đó, ông Mác-cô sẽ ở bên cạnh thánh Phao-lô lúc ngài bị giam trong tù (Plm 24 ; 2 Tm 4,11).

tốt. ³ Ông Phao-lô muốn ông ấy cùng lên đường với mình, nên đã đem ông đi làm phép cắt bì, vì nể các người Do-thái ở những nơi ấy ; thật vậy, ai cũng biết cha ông là người Hy-lạp.

⁴ Khi đi qua các thành, các ông truyền lại cho các anh em những chỉ thị đã được các Tông Đồ và kỳ mục ở Giê-ru-sa-lem ban bố, để họ tuân giữ.

⁵ Vậy các Hội Thánh được vững mạnh trong đức tin và mỗi ngày thêm đông số.

Đi qua miền A-xi-a

⁶ Các ông đi qua miền Phy-ghi-a và Ga-lát, vì Thánh Thần ngăn cản không cho các ông rao giảng lời Chúa ở A-xi-a. ⁷ Khi tới sát ranh giới My-xi-a, các ông thử vào miền

* **16,1** Đối với thánh Phao-lô, lập nên hàng kỳ mục cho mỗi giáo đoàn vẫn chưa đủ, ngài còn muốn có những phụ tá (19,22), để các người này, như ngài, sẽ thăm viếng và trợ lực các giáo đoàn đã có và thành lập những giáo đoàn mới. Ông Ti-mô-thê là người phụ tá đầu tiên. Thánh Phao-lô chú trọng đến những lời chứng nhận tích cực của các tín hữu về ông Ti-mô-thê. Sau thời thánh nhân, mỗi khi phải tìm người lãnh đạo Hội Thánh, người ta rất chú trọng đến ý kiến của giáo đoàn (x. 1 Tm 3,7 ; Tt 1,6).

Có một chi tiết cho chúng ta thấy thánh Phao-lô là một con người có khả năng nhân nhượng. Ngài không muốn người ngoại phải chịu cắt bì, bởi vì nghi thức đó chẳng có ý nghĩa gì đối với một Ki-tô hữu. Nhưng vì mẹ của ông Ti-mô-thê là người Do-thái, nên ngài đã cắt bì cho ông, tránh gây rắc rối với người tín hữu gốc Do-thái, để ông có thể lo việc tông đồ của mình cho tốt đẹp hơn.

Thánh Lu-ca chỉ cho rất ít chi tiết về một cuộc hành trình đã kéo dài có lẽ đến hai năm. Các bức thư của thánh Phao-lô sẽ cho chúng ta hiểu được chút ít về công việc đào tạo người tín hữu và người phụ trách cộng đoàn tín hữu, một công việc đòi hỏi phải kiên trì mà ngài đã dồn hết sức lực để hoàn thành. Hoàn thành một sứ vụ không chỉ là nhóm tụ người ta lại cho đông để giảng lời Chúa cho họ, mà còn phải thức tỉnh và giúp hoán cải những con người sẽ làm cho giáo đoàn sống tự lập và ngày càng phát triển nữa.

Hai lần, Chúa Thánh Thần ngăn cản không cho phép thánh Phao-lô nấn lại lâu trong tỉnh A-xi-a thuộc đế quốc Rô-ma. Ngài phải đi xa hơn, đến Ma-kê-đô-ni-a là tỉnh nằm gần Châu Âu nhất. Đó là cách Thiên Chúa xác nhận ý muốn của Người : Tin Mừng phải đi đến tận trung tâm của đế quốc. Thánh Phao-lô, con người năng động và đầy sáng kiến đến thế, vẫn để cho Chúa Thánh Thần hướng dẫn đời mình.

Bi-thy-ni-a, nhưng Thần Khí Đức Giê-su không cho phép. * ⁸ Các ông bèn đi qua miền My-xi-a mà xuống Trô-a.

⁹ Ban đêm, ông Phao-lô thấy một thị kiến : một người miền Ma-kê-đô-ni-a đứng đó, mời ông rằng : “Xin ông sang Ma-kê-đô-ni-a giúp chúng tôi !”

¹⁰ Sau khi ông thấy thị kiến đó, lập tức chúng tôi tìm cách đi Ma-kê-đô-ni-a, vì hiểu ra rằng Thiên Chúa kêu gọi chúng tôi loan báo Tin Mừng cho họ.

Đến Phi-líp-phê

¹¹ Xuống tàu ở Trô-a, chúng tôi đi thẳng đến đảo Xa-mốt-ra-kê, rồi hôm sau đến Nê-a-pô-li. ¹² Từ đó chúng tôi đi Phi-líp-phê là thị trấn quan trọng nhất trong hạt ấy của tỉnh Ma-kê-đô-ni-a, và là thuộc địa Rô-ma. Chúng tôi ở lại thành đó mấy ngày. ¹³ Ngày sa-bát, chúng tôi

ra khỏi cổng thành, men theo bờ sông, đến một chỗ chúng tôi đoán chừng có nơi cầu nguyện. Chúng tôi ngồi xuống nói chuyện với những phụ nữ đang họp nhau tại đó. ¹⁴ Có một bà tên là Ly-đi-a, quê ở Thy-a-ti-ra, chuyên buôn bán vải điều. Bà là người tôn thờ Thiên Chúa ; bà nghe, và Chúa mở lòng cho bà để bà chú ý đến những lời ông Phao-lô nói. ¹⁵ Sau khi bà và cả nhà đã chịu phép rửa, bà mời chúng tôi : “Các ông đã coi tôi là một tín hữu Chúa, thì xin các ông đến ở nhà tôi.” Và bà ép chúng tôi phải nhận lời.

Ông Phao-lô và ông Xi-la bị bắt giam

* ¹⁶ Một hôm, đang khi chúng tôi đi tới nơi cầu nguyện, một đầy tớ gái đón gặp chúng tôi ; cô ta bị quỷ thần ộp, và thuật bói toán của cô làm lợi

* **16,8** Ở c.10, bản văn đột ngột xưng *chúng tôi* : vậy là thánh Lu-ca bắt đầu kể những kỷ niệm của mình. Từ điểm này có thể suy ra rằng ở Trô-a, thánh Phao-lô và ông Xi-la đã gặp thánh Lu-ca, vốn là một thầy thuốc ở An-ti-ô-khi-a, đang đợi các ngài. Có lẽ thánh Lu-ca đã đến đó bằng đường biển, trong khi hai vị thừa sai đi qua ngã đất liền.

* **16,16** Ngay ở giai đoạn đầu, Tin Mừng biểu lộ sức mạnh giải phóng của mình mà đưa các Tông Đồ đi vào tù. Thánh Phao-lô giải thoát một cô gái làm nghề bói toán. Khả năng này, có thể Kinh Thánh công

nhiều cho các chủ của cô.
¹⁷ Cô lẻo đẽo theo ông Phao-lô và chúng tôi mà kêu : “Các ông này là tôi tớ Thiên Chúa Tối Cao ; họ loan báo cho các người con đường cứu độ.”¹⁸ Cô cứ làm thế trong nhiều ngày. Bực mình, ông Phao-lô quay lại bảo quý : “Nhân danh Đức Giê-su Ki-tô, ta truyền cho người phải xuất khỏi người này !” Ngay lúc ấy, quý thần liền xuất.

¹⁹ Các chủ của cô thấy hy vọng kiếm lợi đã tiêu tan, liền túm lấy ông Phao-lô và ông Xi-la mà lôi đến quảng trường, đưa ra trước nhà chức trách.²⁰ Họ điệu hai ông đến các quan tòa và nói : “Những người này

gây xáo trộn trong thành phố chúng ta ; họ là người Do-thái,²¹ và họ truyền bá những tập tục mà người Rô-ma chúng ta không được phép chấp nhận và thi hành.”²² Đám đông nổi lên chống hai ông. Các quan tòa, sau khi đã cho lột áo hai ông, thì ra lệnh đánh đòn.²³ Khi đã đánh như tử, họ tống hai ông vào ngục, và truyền cho viên cai ngục phải canh giữ cẩn thận.²⁴ Được lệnh đó, người này tống hai ông vào phòng giam sâu nhất và cùm chân lại.

Các nhà truyền giáo được giải thoát cách lạ lùng

²⁵ Vào quãng nửa đêm, ông Phao-lô và ông Xi-la

nhận nó không nhất thiết là một trò lừa đảo, nhưng Cựu Ước lại lên án. Có lẽ nó có liên hệ với những quyền lực tối tăm từ chối nhìn nhận Thiên Chúa làm chủ định mệnh con cái của Người (Cl 2,15 ; 1 Cr 2,8) : tìm cách biết chuyện tương lai của mình thật ra là nghi ngờ Thiên Chúa, luôn luôn là như vậy.

Mấy người chủ của cô gái đưa ra một lý chứng nhằm gây ấn tượng cho các nhà chức trách, trong một xã hội coi phong tục tập quán là thánh thiêng. Lý chứng đó, người Do-thái đã từng dùng và sẽ còn dùng để chống lại thánh Phao-lô, và sau này, nhiều xã hội gọi là Ki-tô giáo cũng sẽ dùng để chống lại những người tín hữu chân chính : *Họ truyền bá những tập tục mà người Rô-ma chúng ta không được phép chấp nhận* (c.21).

Trong các nhà tù người Rô-ma, có một căn phòng chính ; giữa nền nhà là một cửa lưới sắt, qua đó người ta đẩy xuống một ngục tối ở dưới hầm những phạm nhân nguy hiểm nhất. Chính đó là nơi người ta giam thánh Phao-lô và ông Xi-la. Mặc dầu bị xiềng xích và đầy thương tích, các ngài vẫn tự do và hớn hỡ ca ngợi Thiên Chúa ; giữa đêm khuya thình lịnh, các người tù khác lắng tai nghe.

hát thánh ca cầu nguyện với Thiên Chúa ; các người tù nghe hai ông hát. ²⁶ Bỗng nhiên có động đất mạnh, khiến nền móng nhà tù phải rung chuyển. Ngay lúc đó, tất cả các cửa mở toang và xiềng xích của mọi người buột tung ra. ²⁷ Viên cai ngục choàng dậy và thấy các cửa ngục mở toang, liền rút gươm định tự tử, vì tưởng rằng các người tù đã trốn đi. ²⁸ Nhưng ông Phao-lô lớn tiếng bảo : “Ông chớ hại mình làm chi ; chúng tôi còn cả đây mà !”

²⁹ Viên cai ngục bảo lấy đèn, nhảy bổ vào, run rẩy sấp mình dưới chân ông Phao-lô và ông Xi-la, ³⁰ rồi đưa hai ông ra ngoài và nói : “Thưa các ngài, tôi phải làm gì để được cứu độ ?” ³¹ Hai ông đáp : “Hãy tin vào Chúa Giê-su, thì ông và cả nhà sẽ được cứu

độ.” ³² Hai ông liền giảng lời Chúa cho viên cai ngục cùng mọi người trong nhà ông ấy. ³³ Ngay lúc đó, giữa ban đêm, viên cai ngục đem hai ông đi, rửa các vết thương, và lập tức ông ấy được chịu phép rửa cùng với tất cả người nhà. ³⁴ Rồi ông ấy đưa hai ông lên nhà, dọn bàn ăn. Ông và cả nhà vui mừng vì đã tin Thiên Chúa.

³⁵ Sáng ngày ra, các quan toà sai vệ binh đến nói với viên cai ngục : “Thả những người ấy ra !” ³⁶ Viên cai ngục báo tin ấy cho ông Phao-lô : “Các quan toà sai người đến bảo thả các ngài. Vậy bây giờ xin các ngài ra và đi bình an.”

³⁷ Nhưng ông Phao-lô nói với họ : “Chúng tôi là những công dân Rô-ma, không có án gì cả, mà họ đã đánh đòn chúng tôi trước công chúng, rồi tống

Thiên Chúa cũng để tai nghe, nên các cửa lưới sắt mở ra. Cũng có biết bao giai thoại giống như thế ở khắp những nơi có người liêu minh hy sinh mạng sống và tự do của mình để làm chứng cho sự tự do Ki-tô giáo !

Chúng ta quen dành thời gian để chuẩn bị một lễ thanh tẩy, và chúng ta có lý, nên có lễ ở đây chúng ta lấy làm ngạc nhiên thấy lễ này được cử hành một cách nhanh chóng như vậy cho cả một gia đình. Có thể nói đâu phải ai cũng là Phao-lô, hoặc đây là một trường hợp hơi đặc biệt. Phải nói thêm rằng đây là một thế giới khác hẳn thế giới chúng ta, trong đó mỗi cá nhân đều được chuẩn bị đào sâu đức tin của mình như chúng ta ngày nay.

ngục. Bây giờ họ lại lén lút tống chúng tôi ra ! Không được ! Họ phải đích thân đến đưa chúng tôi ra !”

³⁸ Các vệ binh trình lại những lời ấy cho các quan toà. Những ông này sợ hãi khi nghe biết hai ông là công dân Rô-ma. ³⁹ Họ bèn đến xin lỗi, rồi đưa hai ông ra và xin hai ông rời khỏi thành phố. ⁴⁰ Ra khỏi ngục, hai ông đến nhà bà Ly-đi-a ; sau khi gặp các anh em và khuyên nhủ họ, hai ông ra đi.

Ông Phao-lô gặp khó khăn với người Do-thái tại Thê-xa-lô-ni-ca

17 * ¹ Hai ông đi ngang qua Am-phi-pô-li và A-

pô-lô-ni-a, đến Thê-xa-lô-ni-ca, là nơi có một hội đường của người Do-thái.

² Theo thói quen, ông Phao-lô đến với họ, và trong ba ngày sa-bát liền, ông thảo luận với họ ; dựa vào Kinh Thánh, ông ³ giải thích và xác định rằng Đấng Ki-tô phải chịu khổ hình và sống lại từ cõi chết ; ông nói : “Đấng Ki-tô ấy, chính là Đức Giê-su mà tôi rao giảng cho anh em.” ⁴ Trong nhóm đó, có mấy người đã chịu tin theo và nhập đoàn với ông Phao-lô và ông Xi-la ; một số rất đông những người Hy-lạp tôn thờ Thiên Chúa và không ít phụ nữ quý phái cũng làm như vậy.

* **17,1** Trong sứ vụ truyền giáo này, nên lưu ý trường hợp Thê-xa-lô-ni-ca, thủ phủ của tỉnh Ma-kê-đô-ni-a. Phần lớn người Do-thái ở đây chống đối thánh Phao-lô. Giáo đoàn Ki-tô hữu này đã khởi đầu với những người gốc Hy-lạp, là *những người tôn thờ Thiên Chúa* mà thánh Phao-lô đã gặp trong hội đường, cùng với một số người Hy-lạp gốc ngoại khác. Vài người Do-thái đã tin theo (c.4) có lẽ sẽ là những thành viên nòng cốt và huấn luyện viên của giáo đoàn : họ biết sử dụng Kinh Thánh, biết cách hát thánh vịnh, có ít nhiều khái niệm về phụng vụ cộng đoàn, sáng suốt hơn để nhận định về mặt luân lý. Thánh Phao-lô luôn canh chừng không để người Do-thái đưa các tân tông trở về với một lối giữ đạo chiếu luật, nhưng, trong một thời gian, chính những người ấy là những thành viên mà ngài thấy có nhiều hứa hẹn nhất.

Vụ bắt bớ đã ngăn cản thánh Phao-lô ở lại đó quá hai tháng. Một Hội Thánh non trẻ như vậy, được thành lập trong những điều kiện như thế, có trụ nổi không ? Thực tế là Hội Thánh ấy đã bền tâm đứng vững : x. 1 và 2 Tx.

⁵ Nhưng người Do-thái sinh ghen tức, họ quy tụ một số du đảng đầu đường xó chợ, họp thành đám đông, gây náo động trong thành. Họ kéo đến nhà ông Gia-xon, tìm ông Phao-lô và ông Xi-la để đưa hai ông ra trước đại hội toàn dân. ⁶ Không tìm thấy hai ông, họ bèn lôi ông Gia-xon và một số anh em ra trước nhà chức trách thành phố, mà kêu la rằng : “Những tên gây rối trong cả thiên hạ, nay vác mặt đến đây, ⁷ thế mà Gia-xon lại chứa chấp chúng ! Tất cả bọn này đi ngược lại các chiếu chỉ của hoàng đế Xê-da, vì chúng nói rằng có một vua khác là Giê-su.” ⁸ Nghe những lời ấy, đám đông và các nhà chức trách thành phố xôn xao, ⁹ họ đòi ông Gia-xon và những người kia phải nộp tiền ký quỹ rồi mới thả ra.

Lại gặp khó khăn ở Bê-roi-a

¹⁰ Ngay đêm ấy, các anh em tiễn ông Phao-lô và ông Xi-la đi Bê-roi-a. Đến nơi, các ông vào hội đường người Do-thái. ¹¹ Những người Do-thái ở đây cởi mở hơn những người ở Thê-xa-lô-ni-ca :

họ đón nhận lời Chúa với tất cả nhiệt tâm, ngày ngày tra cứu Sách Thánh để xem có đúng như vậy không. ¹² Vậy nhiều người trong nhóm họ tin theo ; về phía người Hy-lạp, cũng có nhiều phụ nữ thượng lưu và nhiều đàn ông cũng tin theo.

¹³ Nhưng khi người Do-thái ở Thê-xa-lô-ni-ca biết là ông Phao-lô cũng loan báo lời Thiên Chúa ở Bê-roi-a nữa, thì họ lại đến đầy sách động và gây xôn xao trong dân chúng. ¹⁴ Bấy giờ các anh em lập tức tiễn ông Phao-lô ra tận bờ biển ; còn ông Xi-la và ông Ti-mô-thê thì vẫn ở lại đó. ¹⁵ Các người tháp tùng đưa ông Phao-lô đến A-thê-na rồi từ đó trở về, mang theo lệnh bảo ông Xi-la và ông Ti-mô-thê phải đến với ông Phao-lô càng sớm càng tốt.

Ông Phao-lô giảng ở A-thê-na

* ¹⁶ Trong khi ông Phao-lô đợi hai ông ở A-thê-na, ông nổi giận vì thấy thành phố nhan nhản những tượng thần. ¹⁷ Vậy ông thảo luận trong hội đường với những người Do-thái

và những người tôn thờ Thiên Chúa, và ngoài quảng trường mỗi ngày với những người qua lại. ¹⁸ Có mấy triết gia thuộc phái Khoái Lạc và phái Khắc Kỷ cũng trao đổi với ông. Kẻ thì nói : “Con vẹt đó muốn nói gì vậy ?” Người khác lại bảo : “Hình như ông ta rao giảng về những thần xa lạ”, vì ông Phao-lô loan báo Tin Mừng về Đức Giê-su và về sự Phục Sinh.

¹⁹ Họ mời ông đi với họ đến Hội đồng A-rê-ô-pa-gô và nói : “Chúng tôi có thể biết thứ đạo lý mới ông dạy là gì không ?” ²⁰ Quả ông có đem đến cho chúng tôi một số điều lạ tai ; vậy chúng tôi muốn biết những điều đó nghĩa là gì.” ²¹ Thật thế, mọi người A-thê-na và kiều dân ở đó chỉ để thời giờ bàn tán hay nghe những chuyện mới nhất.

* 17,16 A-thê-na là thành phố nổi tiếng nhất thế giới Hy-lạp. Mặc dù bị tước hết mọi quyền hành chính trị, thành phố vẫn tiếp tục là trung tâm văn hoá của thế giới Rô-ma. Thánh Phao-lô đến A-thê-na, vì ngài luôn dành ưu tiên cho các trung tâm lớn và các hải cảng, với những phương tiện giao thông dễ dàng hơn, và các tin tức –Tin Mừng– từ đó được truyền đi nhanh hơn qua đường biển.

Thánh Phao-lô được mời phát biểu trước mặt các triết gia và chức sắc của A-thê-na, và ngài nhận lời. Để ngỏ lời với những nhà trí thức này, ngài đưa ra một thông điệp có bố cục hẳn hoi, nhưng là một thất bại. Có lẽ phải đoán trước là như vậy. Thường là những người có đời sống gần với Chúa Ki-tô thì mới đến với đức tin. Còn những người nói trên chỉ quan tâm đến những điều mới lạ ; họ là những bậc thầy, thánh Phao-lô lại không có một tước vị nào hết.

Thánh Phao-lô đặt đức tin Ki-tô giáo trực diện với các tôn giáo, chứng minh rằng đây là thời điểm cho các dân tộc bước vào một kỷ nguyên mới của thế giới. Trong phần đầu, thánh Phao-lô trình bày cho thấy có nhiều thứ tôn giáo : đây chỉ là giai đoạn đầu tiên trong kế hoạch của Thiên Chúa. Tiếp đến là Tin Mừng : một cuộc thống nhất thiên hạ và một cuộc phán xét của Thiên Chúa. Có lẽ đây là nơi mà ngài có ý muốn và có khả năng đưa ra lời chứng của mình, nhưng họ không để ngài nói hết lời.

Không như người Do-thái vẫn thường làm (x. Kn 11 – 15), thánh Phao-lô không hề công kích các ảnh tượng và việc tôn kính ảnh tượng. Ngài biết rằng trong tất cả mọi tôn giáo, nhiều người đặt ảnh tượng ở đúng chỗ của nó thôi, và họ không lẫn lộn vị Thiên Chúa chân thật và duy nhất –mà họ linh cảm phần nào– với các ảnh tượng và nghi thức cổ truyền.

Diễn từ của ông Phao-lô trước Hội đồng A-rê-ô-pa-gô

²² Đứng giữa Hội đồng A-rê-ô-pa-gô, ông Phao-lô nói : “Thưa quý vị người A-thê-na, tôi thấy rằng, về mọi mặt, quý vị là người sùng đạo hơn ai hết. ²³ Thật vậy, khi rảo qua thành phố và nhìn lên những nơi thờ phượng của quý vị, tôi đã thấy có cả một bàn thờ, trên đó khắc chữ : ‘Kính thần vô danh’. Vậy Đấng quý vị không biết mà vẫn tôn thờ, thì tôi xin rao giảng cho quý vị.

²⁴ “Thiên Chúa, Đấng tạo thành vũ trụ và muôn loài trong đó, Đấng làm Chúa Tể trời đất, không ngự

trong những đền do tay con người làm nên.

²⁵ Người cũng không cần được bàn tay con người phục vụ, như thể Người thiếu thốn cái gì, vì Người ban cho mọi loài sự sống, hơi thở và mọi sự. ²⁶ Từ một người duy nhất, Thiên Chúa đã tạo thành toàn thể nhân loại, để họ ở trên khắp mặt đất ; Người đã vạch ra những thời kỳ nhất định và những ranh giới cho nơi ở của họ.

²⁷ Như vậy là để họ tìm kiếm Thiên Chúa ; may ra họ dò dẫm mà tìm thấy Người, tuy rằng thật sự Người không ở xa mỗi người chúng ta. ²⁸ Thật vậy, chính ở nơi Người mà chúng ta sống, cử động, và

Thánh Phao-lô chỉ muốn chứng minh rằng vị Thiên Chúa ngài giới thiệu đây thì vượt hẳn các hình ảnh mà chúng ta gán ghép cho Người ; và ngay sau đó, ngài khẳng định : trong kế hoạch của Thiên Chúa, chỉ có một nhân loại duy nhất. *Từ một người duy nhất, Thiên Chúa đã tạo thành toàn thể nhân loại* (c.26). Chúng ta đừng trở lại các cuộc tranh luận cũ rích thời xưa để xem thánh Phao-lô có lên án hay không những lý thuyết cho rằng con người xuất hiện từ những cá thể khác nhau. Thánh Phao-lô khẳng định nhân loại chỉ là một trong kế hoạch của Thiên Chúa : người đầu tiên giữa tất cả, người mẫu mực, người anh cả, không phải là một tổ tiên xa xưa nào, mà là Đức Ki-tô, Con Thiên Chúa.

Như vậy là để họ tìm kiếm Thiên Chúa ; may ra họ dò dẫm mà tìm thấy Người (c.27). Lời khẳng định thật lạ lùng về một nhân loại chưa được Thiên Chúa nói cho biết hết mọi sự mà phải *dò dẫm* bước đi, tức là sẽ nhiều phen lạc hướng. Thiên Chúa đã muốn và vẫn muốn như thế, khiến chúng ta luôn phải ngạc nhiên thán phục lòng kiên nhẫn vô biên của Người. Ở đây, thánh Phao-lô không lên án các triết gia không có đức tin hay những vị lập thuyết có khi gây nhiều thiệt hại.

hiện hữu, như một số thi sĩ của quý vị đã nói : ‘Chúng ta cũng thuộc dòng giống của Người.’

²⁹ “VẬY, vì là dòng giống Thiên Chúa, chúng ta không được nghĩ rằng thần linh giống như hình tượng do nghệ thuật và tài trí con người chạm trổ trên vàng, bạc hay đá.

³⁰ “VẬY mà Thiên Chúa nhắm mắt bỏ qua những thời người ta không nhận biết Người. Bây giờ Người truyền cho người ta rằng mọi người ở mọi nơi phải sám hối, ³¹ vì Người đã ấn định một ngày để xét xử thiên hạ theo công lý, nhờ một người mà Người đã chỉ định. Để bảo đảm điều ấy với mọi người, Thiên

Chúa đã làm cho vị này sống lại từ cõi chết.”

³² Vừa nghe nói đến người chết sống lại, kẻ thì nhạo cười, kẻ thì nói : “Vấn đề ấy, để khi khác chúng tôi sẽ nghe ông.”

³³ Thế là ông Phao-lô bỏ họ mà đi. ³⁴ Nhưng có mấy người đã theo ông và tin Chúa, trong số đó có ông Đi-ô-ny-xi-ô, thành viên Hội đồng A-rê-ô-pa-gô và một phụ nữ tên là Đa-ma-ri cùng những người khác nữa.

Thành lập Hội Thánh Cô-rin-tô

18 * ¹ Sau đó, ông Phao-lô rời A-thê-na đi Cô-rin-tô. ² Tại đây, ông gặp một người Do-thái tên là A-qui-

VẬY là thánh Phao-lô mở ra những đường lối đáng dỗi theo : có thể nào chúng ta chỉ biết kết án suç công cái thế giới đầy khủng hoảng của chúng ta không ? Chưa bao giờ nhân loại phải trải qua một cuộc đảo chiều như thế trong hoàn cảnh sống, phải vượt qua những cách thức như thế, phải chấp nhận những thay đổi như thế trong cuộc sống hàng ngày. Người ta có lạc mất hướng đi, có dò dẫm kiếm tìm, với những lầm lỡ tầy trời, thì cũng là chuyện thường tình, là điều nằm trong kế hoạch của Thiên Chúa. Nhiều lúc Hội Thánh cũng không đủ khả năng để cho biết phải chọn đường nào hơn. Người Ki-tô hữu không phải là Hội Thánh sao ? Mà họ lại chia rẽ. Thiên Chúa không quen cho xuất hiện những ngôn sứ để suy nghĩ và nhận thức thay cho người khác. VẬY chúng ta chỉ có thể khẳng định lại điều chúng ta tin và xác tín : mọi sự cuối cùng phải đi đến một cuộc phán xét, và cuộc phán xét này sẽ diễn ra trước mặt Chúa Ki-tô. Các dân các nước được cứu độ hay bị kết án tùy theo họ có đón nhận hay không vị Thiên Chúa đã trở nên một con người giữa chúng ta, và là một trong số người sống phục tòng.

la, quê ở Pon-tô, vừa mới từ I-ta-li-a đến, cùng với vợ là Pơ-rít-ki-la, vì hoàng đế Cơ-lau-đi-ô đã ra lệnh cho mọi người Do-thái phải rời Rô-ma. Ông Phao-lô đến thăm hai ông bà,³ và vì cùng nghề, nên ông ở lại nhà họ và cùng làm việc : họ làm nghề dệt lều.⁴ Mỗi ngày sa-bát, ông thảo luận tại hội đường, cố

thuyết phục cả người Do-thái lẫn người Hy-lạp.

⁵ Khi ông Xi-la và ông Ti-mô-thê từ Ma-kê-đô-ni-a xuống, thì ông Phao-lô chỉ lo giảng, long trọng làm chứng cho người Do-thái biết rằng Đức Giê-su chính là Đấng Ki-tô.⁶ Bởi họ chống đối và nói lộng ngôn, nên ông giữ áo mà bảo họ : “Máu các người cứ

* 18,1 Cô-rin-tô, hải cảng hàng đầu của Hy-lạp và thủ phủ của tỉnh A-khai-a, là một trong những thành phố lớn của đế quốc Rô-ma. Đó là một trung tâm tôn giáo, thương mại và văn hoá. Thành phố nổi tiếng vì xa hoa và suy đồi. Thánh Phao-lô sẽ ở lại đó mười tám tháng cho đến cuối năm 52. Ở đây chúng ta có một mốc thời gian chính xác : lịch sử đã ghi nhận ông Ga-li-on (c.12) làm thống đốc tỉnh A-khai-a trong năm 52.

Ông A-qui-la cùng với vợ là Pơ-rít-ki-la vừa mới đến Cô-rin-tô. Có lẽ họ đã là Ki-tô hữu, nhưng sắc chỉ của hoàng đế không phân biệt người Do-thái theo Ki-tô giáo với những người Do-thái khác.

Hai ông bà A-qui-la và Pơ-rít-ki-la sẵn sàng có đó khi thánh Phao-lô cần đến. Nhiều lần hai ông bà đã giúp đỡ ngài (Rm 16,3), với thái độ sẵn sàng tự nhiên của những người không cảm thấy mình nặng nợ với thành này xứ nọ.

Một thị kiến (c.9) : thị kiến không nhiều trong sách Công vụ. Có lẽ thánh Phao-lô đã tự hỏi tốt hơn có nên rút lui một thời gian hay không, như ngài đã từng làm và như Chúa Giê-su đã khuyên làm khi gặp bắt bớ (Mt 10,23). Khi ma quỷ bị tấn công vào lãnh địa của mình, nó liền gây mưu và trở ngại vì sợ mất quyền hành. Ở trung tâm suy đồi này, ân sủng sẽ chiến thắng.

Người Do-thái đưa ông ra toà (c.12). Ở đây, chúng ta lại có một ví dụ mới về những vấn đề mà thánh Phao-lô đã gặp phải trong các trung tâm lớn của người Rô-ma. Dù thứ dân tộc sống chung với nhau và nhiều cuộc xung đột được giải quyết trong nội bộ theo luật lệ và tập tục riêng của mỗi cộng đoàn. Ông Ga-li-on, thống đốc của Rô-ma, không muốn dấy vào những chuyện truyền thống và tranh cãi lời thôi, nhất là với người Do-thái, là nhóm người đã được hưởng đặc ân về mặt tôn giáo trong đế quốc Rô-ma, từ gần một thế kỷ nay. Những người ấy tức giận thấy thánh Phao-lô thành công tuy cũng dựa vào lời Thiên Chúa duy nhất như họ. Họ sợ đây rồi người Ki-tô hữu bất cần sao đó sẽ khiến dân ngoại phản ứng bất lợi cho họ.

đổ xuống trên đầu các người ! Phần tôi, tôi vô can ; từ nay trở đi, tôi sẽ đến với người ngoại.”⁷ Ông rời bỏ chỗ ấy, đến nhà một người tên là Ti-xi-ô Giút-tô. Ông này là một người ngoại tôn thờ Thiên Chúa, nhà ở sát bên hội đường.⁸ Ông Cơ-rít-pô, trưởng hội đường, tin Chúa, cùng với cả nhà. Nhiều người Cô-rin-tô đã nghe ông Phao-lô giảng cũng tin theo và chịu phép rửa.⁹ Một đêm, Chúa bảo ông Phao-lô trong một thị kiến : “Đừng sợ ! Cứ nói đi, đừng làm thinh,¹⁰ vì Thầy ở với anh ; không ai tra tay hại anh được, vì Thầy có một dân đông đảo trong thành này.”¹¹ Ông Phao-lô ở lại đó một năm rưỡi, dạy cho họ lời Thiên Chúa.

Người Do-thái đưa ông Phao-lô ra toà

¹² Thời ông Ga-li-on làm thống đốc tỉnh A-khai-a, người Do-thái nhất tề nổi

dậy chống ông Phao-lô ; họ đưa ông ra toà¹³ và nói : “Tên này xúi giục người ta tôn thờ Thiên Chúa trái với Lễ Luật.”¹⁴ Ông Phao-lô toan mở miệng, thì ông Ga-li-on đã nói với người Do-thái : “Hỡi người Do-thái, giả như có gì là trái Luật hay phạm pháp, thì lẽ đương nhiên là tôi sẽ chịu khó nghe các ông.¹⁵ Nhưng đây lại là những chuyện tranh luận về giáo thuyết, danh từ, luật lệ riêng của các ông, thì các ông hãy tự xét lấy. Phần tôi, tôi không muốn xét xử những điều ấy.”¹⁶ Rồi ông đuổi họ ra khỏi toà án.¹⁷ Mọi người liền túm lấy ông Xốt-thê-nê, trưởng hội đường, mà đánh túi bụi ngay trước toà án. Nhưng ông Ga-li-on chẳng bận tâm gì về việc này.

Ông Phao-lô trở về An-ti-ô-khi-a và bắt đầu cuộc hành trình thứ ba

* ¹⁸ Ông Phao-lô còn ở lại Cô-rin-tô khá lâu, rồi

Mọi người liền túm lấy ông Xốt-thê-nê (c.17). Khá chắc chắn ông Xốt-thê-nê này là người được nêu tên trong 1 Cr 1,1. Cho dù ông có mặt tại đó như một nhân vật nổi bật trong nhóm Ki-tô hữu, thì cũng chưa chắc người Do-thái đã hành hung ông trước mặt một quan chức : có lẽ đúng ra là một đám người qua lại sẵn thấy cảnh lộn xộn đã xông vào đánh một người Do-thái được nhiều người biết đến.

từ giã các anh em và vượt biển sang miền Xy-ri, cùng với bà Pơ-rít-ki-la và ông A-qui-la. Trước đó, tại Ken-khơ-rê, ông xuống tóc, vì có lời khẩn.

¹⁹ Khi đến Ê-phê-xô, ông Phao-lô từ biệt hai người kia. Phần ông, ông vào hội đường và thảo luận với người Do-thái. ²⁰ Họ xin ông ở lại lâu hơn. Ông không chịu. ²¹ Nhưng khi từ giã họ, ông nói : “Để lần khác tôi sẽ trở lại với các ông, nếu Thiên Chúa

muốn.” Rồi ông xuống tàu rời Ê-phê-xô.

²² Đến Xê-da-rê, ông lên Giê-ru-sa-lem chào thăm Hội Thánh, rồi xuống An-ti-ô-khi-a. ²³ Sau khi ở đó một thời gian, ông ra đi, lần lượt qua miền Ga-lát và Phy-ghi-a và làm cho tất cả các môn đệ được vững mạnh.

Ông A-pô-lô

²⁴ Có một người Do-thái tên là A-pô-lô, quê ở A-lê-xan-ri-a, đã đến Ê-phê-xô ;

* 18,18 Trong đoạn văn ngắn này, thánh Lu-ca đã nối liền chặng cuối cuộc hành trình thứ hai và chặng đầu cuộc hành trình thứ ba.

Thánh Phao-lô không ở lại Ê-phê-xô, thủ phủ của tỉnh A-xi-a. Sau hai năm rưỡi truyền giáo, ngài vội vã trở về. Ngài lên Giê-ru-sa-lem, rồi trở lại An-ti-ô-khi-a, là Hội Thánh đầu tiên trong các Hội Thánh nằm trong thế giới ngoại giáo. Chính đây là nơi mà thánh nhân trở về nghỉ ngơi lấy sức sau mỗi chuyến đi. Cuộc sống của cộng đoàn đông đúc này, với những năm tháng đầy kinh nghiệm, những tiếp xúc với các Tông Đồ, giúp ngài thấy được hướng tương lai của Hội Thánh.

Vì có lời khẩn. Ngài xuống tóc như sách Ds 6,5 đã đề cập đến. Vì là người Do-thái chính tông, nên tất cả những gì ngài viết –nhằm giúp các Ki-tô hữu gốc ngoại thoát ra khỏi những ràng buộc của Lê Luật–vẫn không ngăn cản ngài cảm thấy thoải mái trong những cách thức giữ đạo cổ truyền của Do-thái giáo. Tuy thừa biết chỉ có đức tin mới giải thoát, nhưng ngài vẫn muốn đánh dấu bằng lời khẩn một mặt ước nào đó giữa ngài với Chúa.

Trên đường ra đi tiếp theo, thánh Phao-lô ghé thăm các Hội Thánh ngài đã thiết lập trong cuộc truyền giáo thứ hai. Như vậy ngài phải mất đến nhiều tháng, và chỉ có mặt tại Ê-phê-xô vào năm 54. Trong khoảng thời gian này, một Hội Thánh đã được thành lập tại đó.

* 18,24 Trong khi thánh Phao-lô vắng mặt, ông A-qui-la, bà Pơ-rít-ki-la và nhiều người khác đã tìm lại được những người đầu tiên ngài đã tiếp xúc trước đây trong cộng đoàn Do-thái. Một thành tích quan trọng : họ đã thu nạp được ông A-pô-lô, người sẽ trở thành một trong những thừa sai có thể giá nhất (1 Cr 3,6 ; 4,6 ; 16,12).

ông là người có tài hùng biện và thông thạo Kinh Thánh. ²⁵ Ông đã được học Đạo Chúa ; với tâm hồn nồng nhiệt, ông thường lên tiếng giảng dạy chính xác những điều liên quan đến Đức Giê-su, tuy rằng ông chỉ biết có phép rửa của ông Gio-an. ²⁶ Ông bắt đầu mạnh dạn rao giảng trong hội đường. Sau khi nghe ông nói, bà Pơ-rít-ki-la và ông A-qui-la mời ông về nhà trình bày Đạo của Thiên Chúa cho ông chính xác hơn.

²⁷ Ông A-pô-lô muốn sang miền A-khai-a thì các anh em khuyến khích ông và viết thư xin các môn đệ tiếp đón ông. Khi đến nơi, nhờ ơn Chúa, ông đã giúp ích nhiều cho các tín hữu, ²⁸ vì ông mạnh mẽ và công khai bẻ lại người Do-thái, dẫn Kinh Thánh mà minh chứng rằng Đức Giê-su là Đấng Ki-tô.

Môn đệ của ông Gio-an Tẩy Giả tại Ê-phê-xô

19 * ¹ Trong khi ông A-pô-lô ở Cô-rin-tô thì

Tương truyền rằng ông A-pô-lô đã biết được ít nhiều về Đạo, nhưng vẫn còn ở giai đoạn phép rửa của ông Gio-an. Đạo (c.26) : chúng ta đã gặp từ này, một từ chỉ Ki-tô giáo ; không phải là một tôn giáo thật sự nữa, cũng không chỉ là một niềm tin hay một luận lý, mà là tất cả những điều ấy gộp lại và còn hơn thế nữa. Có thể ông A-pô-lô, cũng như mười hai người được nói đến ở 19,1-7, đã có mặt tại Pa-lét-tin một thời gian, sau khi Chúa Giê-su đã xuất hiện công khai. Nhưng lúc ấy lời dạy của ông chưa tạo ra thật sự một phong trào và chưa có tiếng vang như lời rao giảng của ông Gio-an Tẩy Giả, là người có uy đủ để thúc giục lòng dân đến xin ông ban phép rửa tỏ lòng sám hối.

* **19,1** Đã ba năm qua kể từ ngày thánh Phao-lô muốn rao giảng Tin Mừng cho Ê-phê-xô. Đây là một trong những thành phố đẹp nhất và vĩ đại nhất của đế quốc.

Thánh Lu-ca muốn kể chuyện mười hai người môn đệ này của ông Gio-an Tẩy Giả chịu phép rửa. Như nói trên, họ đã biết một phần giáo huấn của Chúa Giê-su, nhưng để được gọi là môn đệ của Người, họ còn thiếu cái quan trọng nhất : họ chưa được lãnh nhận Thánh Thần.

Thì Thánh Thần ngự xuống trên họ (c.6). X. Cv 8,14. Đừng quên rằng ngôn ngữ Ki-tô giáo lúc đầu còn rất giới hạn. Người ta biết Chúa Thánh Thần không chỉ tự biểu hiện qua những điềm thiêng đi kèm theo việc đặt tay, mà còn hơn thế nữa. Từ đó mà có những cách nói : chúng tôi chưa hề được nghe nói đến việc có Thánh Thần ; có những bản văn khác thì đọc : *chuyện người ta lãnh nhận Thánh Thần*.

ông Phao-lô đi qua miền thượng du đến Ê-phê-xô. Ông Phao-lô gặp một số môn đệ ² và hỏi họ : “Khi tin theo, anh em đã nhận được Thánh Thần chưa ?” Họ trả lời : “Ngay cả việc có Thánh Thần, chúng tôi cũng chưa hề được nghe nói.” ³ Ông hỏi : “Vậy anh em đã được chịu phép rửa

nào ?” Họ đáp : “Phép rửa của ông Gio-an.” ⁴ Ông Phao-lô nói : “Ông Gio-an đã làm một phép rửa tỏ lòng sám hối, và ông bảo dân tin vào Đấng đến sau ông, tức là Đức Giê-su.” ⁵ Nghe nói thế, họ chịu phép rửa nhân danh Chúa Giê-su. ⁶ Và khi ông Phao-lô đặt tay trên họ, thì

Đặt tay là xác nhận sự biến đổi được thể hiện trong phép thánh tẩy, nhờ cảm nghiệm các ơn của Thánh Thần (1 Cr 12,7). Ngày nay, nhiều Ki-tô hữu sẽ lấy làm ngạc nhiên nếu chưa bao giờ được ném qua loại kinh nghiệm này về Thiên Chúa. Chúng ta cứ nói rằng ngày nay điều này không còn cần thiết hay không xảy ra nữa. Đã hẳn là điều quan trọng không phải là cảm nhận, mà là tin và sống đức tin của mình. Nhưng trong một đời người, những lúc được cảm nghiệm qua giác quan thường gây cảm xúc mạnh làm cho đức tin lại nở hoa : chúng ta cảm thấy Thiên Chúa gần gũi chúng ta làm sao, và Người làm chủ những phản ứng thầm kín của chúng ta như thế nào. Phải chăng đầu óc hay lý luận của chúng ta và lối sống trong Giáo Hội của chúng ta, với thái độ hay nghi ngờ trước những gì mang sắc thái cá nhân, đã dập tắt các ân huệ Thánh Thần, – nếu không phải vì chúng ta hãy còn hồ hững, chưa hết mình với Chúa Giê-su.

Họ chịu phép rửa nhân danh Chúa Giê-su (c.5). Nên chăng phải nghĩ rằng lúc đầu, phép thánh tẩy được cử hành “nhân danh Chúa Giê-su” chứ không phải “nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần” ? Không có gì chắc chắn. “Nhân danh” có nghĩa là “nhờ sức mạnh của”. Có thể vào thời ấy, phép rửa nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần được gọi là “phép rửa nhân danh Chúa Giê-su”, để phân biệt với phép rửa của ông Gio-an và các phép rửa trong các tôn giáo khác. Cũng có thể là khi lãnh nhận nước rửa tội nhân danh Thiên Chúa Ba Ngôi, chính người chịu phép rửa phải đích thân kêu cầu danh thánh Chúa Giê-su.

Nhưng cũng rất có thể là vào những thời kỳ đầu tiên, người ta làm phép rửa nhân danh Chúa Giê-su, rồi về sau, Hội Thánh sửa đổi công thức đó để phân biệt với những nhóm người tin Chúa Giê-su, nhưng không nhìn nhận Người là Con Thiên Chúa, sinh bởi Chúa Cha. Sự thay đổi này không có gì phải làm chúng ta ngạc nhiên : Hội Thánh thời các Tông Đồ đã đưa ra công thức thứ nhất, cũng chính Hội Thánh ấy đã đưa ra công thức thứ hai mà Mt 28,19 đặt trên miệng Chúa Giê-su.

Thánh Thần ngự xuống trên họ, họ nói tiếng lạ và nói tiên tri.⁷ Cả nhóm có chừng mười hai người.

Thành lập Hội Thánh Ê-phê-xô

⁸ Ông Phao-lô vào hội đường, và trong vòng ba tháng, ông mạnh dạn rao giảng, thảo luận về Nước Thiên Chúa và cố gắng thuyết phục họ.⁹ Nhưng có một số người cứng lòng, không chịu tin, lại còn nói xấu Đạo trước mặt cộng đồng, nên ông tuyệt giao với họ, tách các môn đệ ra; ngày ngày ông thảo luận trong trường học của ông Ty-ran-nô.¹⁰ Cứ như thế trong vòng hai năm, khiến mọi người ở A-xi-a, Do-thái cũng như Hy-lạp, đều được nghe lời Chúa.

Những người Do-thái làm nghề trừ quỷ

* ¹¹ Thiên Chúa dùng tay ông Phao-lô mà làm những

phép lạ phi thường,¹² đến nỗi người ta lấy cả khăn cả áo đã chạm đến da thịt ông mà đặt trên người bệnh, và bệnh tật biến đi, tà thần cũng phải xuất.

¹³ Có mấy người Do-thái đi đây đi đó làm nghề trừ quỷ cũng thử lấy danh Chúa Giê-su mà chữa những người bị tà thần ám. Họ nói: “Nhân danh Đức Giê-su mà ông Phao-lô rao giảng, ta truyền lệnh cho các ngươi!”¹⁴ Ông Xi-kêu-a nọ, thượng tế Do-thái, có bảy con trai thường làm như vậy.¹⁵ Nhưng tà thần đáp: “Đức Giê-su, tao biết; ông Phao-lô, tao cũng tường; còn bay, bay là ai?”¹⁶ Rồi người bị tà thần ám xông vào họ, đè cả bọn xuống đánh túi bụi, khiến họ phải bỏ nhà ấy mà chạy trốn, trần truồng và đầy thương tích.¹⁷ Mọi người ở Ê-phê-xô, Do-thái cũng

* 19,11 Chúa Giê-su đã hứa ban những dấu lạ cho những người có lòng tin (Mc 16,15-18). Ngày nay, Chúa cũng ban những dấu lạ như thế khi Hội Thánh khôi phục sứ vụ truyền giáo của mình.

Những chuyện lành bệnh gây nhiều ấn tượng cho chúng ta. Nhưng khi có những người thật sự hoán cải xưng thú rằng mình đã từng làm nghề phù thủy và đem đốt những quyển sách vô cùng đắt giá, thì chuyện hoán cải của họ đâu kém phần quan trọng. Hình như họ không làm như vậy vào ngày chịu phép rửa, nhưng là sau đó, khi họ hiểu được những gì đức tin đòi hỏi họ phải làm.

như Hy-lạp, đều biết chuyện ấy ; ai cũng sợ hãi, và thiên hạ tán dương danh Chúa Giê-su.

¹⁸ Trong số các tín hữu, có nhiều người đến thú nhận và kể ra những phù phép của mình. ¹⁹ Khá đông người làm nghề phù

thuỷ đem gom sách vở mà đốt trước mặt mọi người ; tổng cộng số sách ấy trị giá tới năm mươi ngàn đồng bạc.

²⁰ Như vậy, nhờ uy lực của Chúa, lời Chúa cứ lan tràn và thêm vững mạnh.

V. KẾT THÚC NHỮNG CUỘC HÀNH TRÌNH TRUYỀN GIÁO. ÔNG PHAO-LÔ, NGƯỜI TÙ CỦA ĐỨC KI-TÔ.

Các dự định của ông Phao-lô

* ²¹ Sau khi những việc ấy xảy ra, ông Phao-lô được Thánh Thần thúc đẩy, quyết định đi ngang qua miền Ma-kê-đô-ni-a và miền A-khai-a mà về Giê-ru-sa-lem ; ông nói : “Về đó rồi, tôi còn phải đi thăm Rô-ma nữa.” ²² Ông

sai hai người trong các phụ tá của ông là Ti-mô-thê và Ê-rát-tô đi Ma-kê-đô-ni-a, còn ông thì ở lại A-xi-a một thời gian.

Thợ bạc Ê-phê-xô gây rối loạn

²³ Vào thời kỳ ấy, xảy ra một vụ rối loạn khá trầm trọng liên quan đến Đạo.

* **19,21** Tin Mừng đã thành công đến nỗi những kẻ thờ ngẫu tượng phải nao núng. Cho dù bên cạnh Tin Mừng đã có nhiều tôn giáo khác. Thế giới thuộc đế quốc Rô-ma đầy những lo âu về mặt tôn giáo ; đặc biệt, từ A-xi-a đã xuất hiện nhiều loại giáo thuyết và cúng bái hô hào mình có khả năng giải thoát khỏi tử thần. Nhưng đó chỉ toàn là những lý thuyết, những chuyện huyền hoặc mà người ta truyền lại cho nhau. Ngày nay, chúng ta gọi là bí truyền những bí mật cũ như trái đất ấy. Các Tông Đồ thì trái lại, đứng lên làm chứng : một người Do-thái tên là Giê-su đã sống lại, và chúng tôi đã thấy Người phục sinh.

Một vụ nổi loạn xảy ra. Giới thợ bạc chuyên làm tượng thần bảo vệ quyền lợi của họ. Người Do-thái đang sống bình yên giữa dân ngoại thì sợ người ta lầm lẫn mình với người Ki-tô hữu. Họ muốn được an toàn.

²⁴ Số là có một người thợ bạc tên là Đê-mết-ri-ô, chuyên làm mô hình đền nữ thần Ác-tê-mi bằng bạc, và nhờ đó đem lại cho các người thợ một nguồn lợi không nhỏ. ²⁵ Ông ta tập hợp họ và những người làm nghề tương tự, và nói : “Thưa các bạn, các bạn thừa biết là nhờ việc làm ăn này mà chúng ta phát tài. ²⁶ Thế mà, như các bạn thấy và nghe biết : không những ở Ê-phê-xô này, mà gần như trong khắp cả A-xi-a, tên Phao-lô ấy đã thuyết phục và làm cho một đám đông đáng kể thay lòng đổi dạ, khi hắn nói rằng thần linh do tay người làm ra không phải là thần. ²⁷ Như vậy, có nguy cơ là không những ngành nghề của chúng ta bị chê bai, mà cả đền thờ đại nữ thần Ác-tê-mi cũng bị người ta coi chẳng ra gì, và rốt cuộc vị nữ thần mà toàn A-xi-a và cả thiên hạ tôn thờ cũng chẳng còn gì là vĩ đại nữa.” ²⁸ Nghe nói thế, họ đầy lòng căm phẫn và thét lên : “Vĩ đại thay, thần Ác-tê-mi của người Ê-phê-xô !” ²⁹ Cả thành đầy hỗn loạn, người ta ùn ùn kéo đến hí trường, lôi theo ông Gai-ô và ông A-rít-ta-

khô là những người Ma-kê-đô-ni-a, bạn đồng hành của ông Phao-lô. ³⁰ Ông Phao-lô muốn ra trước đại hội toàn dân, nhưng các môn đệ không cho. ³¹ Có mấy vị chức sắc tỉnh A-xi-a, là bạn của ông Phao-lô, cũng sai người đến khuyên ông đừng liều mình đến hí trường.

³² Dân chúng hò la, kẻ thế này, người thế nọ, đại hội trở nên hỗn loạn và phần đông không biết mình họp nhau để làm gì.

³³ Trong đám đông, có những người nói rõ sự thể cho ông A-lê-xan-đê biết, vì người Do-thái đã đưa ông ra. Ông A-lê-xan-đê giơ tay làm hiệu tỏ ý muốn thanh minh với đại hội toàn dân. ³⁴ Nhưng khi nhận ra ông là người Do-thái, thì tất cả mọi người đồng thanh hò hét suốt gần hai tiếng đồng hồ : “Vĩ đại thay, thần Ác-tê-mi của người Ê-phê-xô !” ³⁵ Sau cùng, viên thư ký thành phố trấn an đám đông, ông nói : “Thưa đồng bào Ê-phê-xô, có ai trong loài người lại không biết rằng thành Ê-phê-xô được coi sóc đền thần Ác-tê-mi vĩ đại và giữ pho tượng của

người từ trời rơi xuống ?

³⁶ Điều đó hẳn không ai chối cãi được, vậy đồng bào hãy bình tĩnh và đừng làm gì hấp tấp. ³⁷ Đồng bào đã đưa những người này tới đây : họ không phạm thánh cũng chẳng nói lộng ngôn chống nữ thần của chúng ta. ³⁸ Vậy nếu ông Ê-mét-ri-ô và các thợ cùng đi với ông có điều gì kiện cáo ai, thì đã có các phiên toà, các thống đốc : họ cứ việc đưa nhau ra toà ! ³⁹ Ngoài ra, nếu đồng bào còn điều gì khác muốn yêu cầu, thì đại hội hợp pháp sẽ giải quyết. ⁴⁰ Quả thế, điều xảy ra hôm nay có nguy cơ làm chúng ta bị tố cáo về tội nổi loạn, vì không có lý do nào để chúng ta có thể biện minh việc tụ họp này.” Nói thế rồi, ông giải tán đại hội.

Ông Phao-lô rời Ê-phê-xô

20 * ¹ Sau khi cuộc náo động chấm dứt, ông Phao-lô mời các môn đệ tới, khuyên nhủ họ, rồi chào từ biệt và lên đường đi Ma-kê-đô-ni-a. ² Ông đi qua miền đó, nói nhiều lời khuyên nhủ các anh em, rồi tới Hy-lạp ³ và ở lại đó ba tháng. Vì người Do-thái âm mưu hại ông, nên khi sắp xuống tàu sang miền Xy-ri, ông quyết định qua ngã Ma-kê-đô-ni-a mà về. ⁴ Cùng đi với ông, có ông Xô-pát-rô, con ông Py-rô, người Bê-roi-a, hai ông A-rít-ta-khô và Xê-cun-đô, người Thê-xa-lô-ni-ca, ông Gai-ô, người Đéc-bê, ông Ti-mô-thê, hai ông Ty-khi-cô và Trô-phi-mô, người A-xi-a. ⁵ Các ông này đã đi trước chúng tôi và đợi chúng tôi ở Trô-a. ⁶ Phần

* **20,1** Thánh Phao-lô ở lại Ê-phê-xô hai năm rưỡi, và một số chi tiết trong các bức thư của ngài cho thấy bài trình thuật của thánh Lu-ca có nhiều thiếu sót : phần lớn hoạt động của thánh Phao-lô không được nói tới, cách riêng là việc rao giảng Tin Mừng trong các thành phụ cận Ê-phê-xô do một nhóm người mà ngài huy động : xem phần dẫn nhập thư gửi tín hữu Ê-phê-xô. Thánh Phao-lô đã trải qua nhiều gian khổ và có lẽ bị cầm tù (Dẫn nhập thư gửi tín hữu Phi-líp-phê). Chính trong thời gian này ngài viết thư gửi tín hữu Ga-lát và thư thứ nhất gửi tín hữu Cô-rin-tô.

Thánh Phao-lô đi Ma-kê-đô-ni-a (Thê-xa-lô-ni-ca nằm trong vùng này) và Hy-lạp (ở xứ này, ngài dừng lại một thời gian ở Cô-rin-tô). Ngài luôn ấp ủ giấc mộng đi đến Rô-ma, và ở tại Cô-rin-tô, ngài viết thư gửi tín hữu Rô-ma.

chúng tôi, sau tuần lễ Bánh Không Men, chúng tôi xuống tàu rời Phi-líp-phê, và năm ngày sau gặp các ông ấy ở Trô-a và ở lại đó bảy ngày.

Ở Trô-a, ông Phao-lô làm cho một người chết sống lại

* 7 Ngày thứ nhất trong tuần, chúng tôi họp nhau để bẻ bánh. Ông Phao-lô thảo luận với các anh em, và vì hôm sau ông ra đi,

nên ông đã kéo dài cuộc nói chuyện đến mãi nửa đêm. ⁸ Có khá nhiều đèn ở lầu trên, nơi chúng tôi họp nhau. ⁹ Một thiếu niên kia, tên là Êu-ty-khô, ngồi ở cửa sổ, đã thiếp đi và ngủ say trong khi ông Phao-lô vẫn cứ giảng. Vì ngủ say, nên nó ngã từ tầng thứ ba xuống. Vực lên, thì nó đã chết. ¹⁰ Ông Phao-lô xuống, cúi mình trên nó, ôm lấy và nói : “Đừng xôn xao nữa, vì nó sống mà !”

* 20,7 Thánh Lu-ca cho biết rằng lễ Bẻ Bánh được cử hành vào ngày hôm sau ngày sa-bát, hiện nay là ngày Chúa nhật. Các Ki-tô hữu đã tách khỏi người Do-thái, thay thế ngày sa-bát bằng ngày hôm sau, tức ngày thứ nhất trong tuần, ngày Chúa Giê-su sống lại. Như vậy, họ đã đưa vào niên lịch đang dùng biến cố trọng yếu đối với lòng tin của họ.

Buổi họp đương nhiên được tổ chức tại một tư gia. Xem những chỗ thánh Phao-lô nói “Hội Thánh họp tại” nhà của gia đình nọ, gia đình kia (Rm 16,5.14.15). Và đây là bước đầu các buổi họp của người Ki-tô giáo, gồm có những chia sẻ, lời giảng huấn, cầu nguyện, và kết thúc bằng lời tạ ơn và việc rước Mình Thánh Chúa Ki-tô.

Mỗi người có thể phát biểu, nhưng thánh Phao-lô, cũng như mọi ngôn sứ và tông đồ, thì có nhiều điều để nói, được chuẩn bị trước hay được linh hứng. Ngài có thể nói những gì nào ?

Ngài đọc và trích dẫn những đoạn Kinh Thánh soi sáng người ta hiểu rõ sứ mạng của Chúa Giê-su – và nhờ Người mà ý nghĩa những đoạn đó được sáng tỏ một cách mỹ mãn ;

Ngài chia sẻ tối đa về đức tin của mình cũng như lòng phục tùng của ngài đối với Chúa Ki-tô ;

Ngài cho thấy Thần Khí Chúa Ki-tô đã tỏ mình ra như thế nào qua những gì xảy ra trong thời gian ngài thi hành sứ vụ của mình.

Phần này của buổi họp kéo dài ra : các ngôn sứ, ngay cả thánh Phao-lô, lắm khi có khuynh hướng nói dài không dứt. Tuy nhiên, không thể chia tay mà không kết thúc bằng nghi thức *bẻ bánh*.

Với biến cố một thiếu niên trong cộng đoàn bị ngã nặng và sự can thiệp của thánh Phao-lô, những người tham dự chứng kiến quyền năng thắng vượt cái chết của Thiên Chúa.

¹¹ Rồi ông lên, bẻ bánh và ăn. Ông còn nói chuyện khá lâu, mãi đến tảng sáng mới ra đi. ¹² Người ta đưa cậu bé đang sống về, và ai nấy được an ủi không ít.

Từ Trô-a đến Mi-lê-tô

¹³ Chúng tôi xuống tàu trước đi Át-xô, là nơi chúng tôi sẽ đón ông Phao-lô ; ông đã sắp đặt như thế, vì ông tính đi đường bộ. ¹⁴ Khi ông gặp lại chúng tôi ở Át-xô, chúng tôi đón ông xuống tàu rồi đi tới Mi-ty-len. ¹⁵ Từ đó chúng tôi vượt biển và hôm sau tới ngang đảo Khi-ô. Hôm sau nữa, chúng tôi cập bến ở đảo

Xa-mốt, rồi ngày kế đó đến Mi-lê-tô, ¹⁶ vì ông Phao-lô đã quyết định không ghé Ê-phê-xô, để khỏi mất thời giờ ở A-xi-a. Ông vội vã như thế để, nếu có thể, thì có mặt ở Giê-ru-sa-lem ngày lễ Ngũ Tuần.

Từ giã các kỳ mục trong Hội Thánh Ê-phê-xô

¹⁷ Từ Mi-lê-tô, ông sai người đi mời các kỳ mục trong Hội Thánh Ê-phê-xô. ¹⁸ Khi họ đến gặp ông, ông nói với họ :

“Anh em biết, từ ngày đầu tiên đặt chân đến A-xi-a, tôi đã luôn luôn cư xử với anh em thế nào. ¹⁹ Khi phục vụ Chúa, tôi đã hết lòng khiêm tốn, đã nhiều

* 20,17 Thánh Phao-lô trở lại Pa-lét-tin. Ngài có linh cảm, hoặc đã được Chúa Thánh Thần mặc khải cho biết rằng một giai đoạn khác trong đời ngài sắp bắt đầu : những năm bị giam cầm và thử thách. Vì thế ngài muốn nói lời từ biệt với các vị lãnh đạo Hội Thánh tại A-xi-a, một tỉnh thuộc đế quốc Rô-ma. Ngài không quen biết họ nhiều bởi vì việc rao giảng Tin Mừng trong tỉnh này là do một nhóm phụ tá của ngài đảm trách (20,4). Những vị lãnh đạo này được gọi là *kỳ mục* ở c.17 và *người coi sóc* ở c.28 (do đó mà có từ “giám mục”). Xem chủ đề này trong phần bình giải Pl 1,1.

Thánh Phao-lô lấy bản thân mình làm gương và từ đó khai triển đề tài những ràng buộc mà các vị *chấn dất* Hội Thánh (“mục tử”) đảm nhận (c.28). Tiếp theo, ngài kêu gọi họ không nên chỉ biết luẩn quẩn trong vai trò lãnh đạo hoặc điều hành giáo đoàn, mà còn phải chuẩn bị giáo đoàn cho những thời kỳ khó khăn nữa. Họ chỉ cần trông gương thánh nhân mà nghĩ đến mình thì sẽ nhận thấy công việc tông đồ đòi hỏi biết bao là hy sinh. Họ có thể đang tâm ngồi đó chẳng, chờ cho có một vị tông đồ nào đó, một ai đó khác, dĩ nhiên không phải là họ, nai lưng ra đối đầu với các khủng hoảng ?

lần phải rơi lệ, đã gặp bao thử thách do những âm mưu của người Do-thái.

²⁰ Anh em biết tôi đã không bỏ qua một điều gì có ích cho anh em ; trái lại tôi đã giảng cho anh em và dạy anh em ở nơi công cộng cũng như tại chốn tư gia. ²¹ Tôi đã khuyến cáo cả người Do-thái lẫn người Hy-lạp phải trở về với Thiên Chúa, và tin vào Đức Giê-su, Chúa chúng ta.

²² “Giờ đây, bị Thần Khí trời buộc, tôi về Giê-ru-salem, mà không biết những gì sẽ xảy ra cho tôi ở đó, ²³ trừ ra điều này, là tôi đến thành nào, thì Thánh Thần cũng khuyến cáo tôi rằng xiềng xích và gian truân đang chờ đợi tôi.

²⁴ Nhưng mạng sống tôi, tôi coi thật chẳng đáng giá gì, miễn sao tôi chạy hết chặng đường, chu toàn chức vụ tôi đã nhận từ Chúa Giê-su, là long trọng làm chứng cho Tin Mừng về ân sủng của Thiên Chúa.

²⁵ “Giờ đây tôi biết rằng : tất cả anh em, những người tôi đã đến thăm để rao giảng Nước Thiên Chúa, anh em sẽ không còn thấy mặt tôi nữa. ²⁶ Vì vậy, hôm nay tôi xin tuyên bố với anh em rằng : nếu có ai trong anh em phải hư mất, thì tôi vô can. ²⁷ Thật tôi đã không bỏ qua điều gì, trái lại đã rao giảng cho anh em tất cả ý định của Thiên Chúa.

Cc. 28-30 cảnh báo về những chia rẽ và lạc giáo trong Hội Thánh : sẽ gặp lại ngôn ngữ này trong các thư Mục Vụ (2 Tm 3,1-9). Chúng ta đã quá quen thấy anh em Ki-tô hữu chia rẽ nhau, nhưng đối với thánh Phao-lô thì đó là điều không thể tưởng tượng được. Khi ngài nói “các Hội Thánh Đức Ki-tô” (Rm 16,4 và 16 ; 1 Cr 4,17 ; 11,16), ngài chỉ có thể nghĩ đến những giáo đoàn có tình nghĩa tương giao với nhau, và tất cả đều đón nhận cùng một đức tin và cùng một truyền thống từ các Tông Đồ, không hề có sự tranh cãi.

Trong cc. 33-35, thánh Phao-lô mượn ý bài diễn từ của ông Sa-mu-en khi từ nhiệm (1 Sm 12,3) : tiếc thay, người phục vụ có cách vụ lợi cho mình rất sớm, trong bất cứ công việc tông đồ hay công việc tương tự nào khác !

Thánh Phao-lô gợi ý cho thấy số phận nào đang chờ đợi ngài : chúng ta không thể mơ ước gì hơn là bước theo Chúa Ki-tô, Đấng đã *mua Hội Thánh bằng máu của chính mình* (c.28). Người lãnh đạo Hội Thánh chỉ tìm được nghỉ ngơi và lưu trí thật sự ở trên trời mà thôi (20,32).

²⁸ “Anh em hãy ân cần lo cho chính mình và toàn thể đoàn chiên mà Thánh Thần đã đặt anh em làm người coi sóc, hãy chặn dất Hội Thánh của Thiên Chúa, Hội Thánh Người đã mua bằng máu của chính mình.

²⁹ “Phần tôi, tôi biết rằng khi tôi đi rồi, thì sẽ có những sói dữ đột nhập vào anh em, chúng không tha đàn chiên. ³⁰ Ngay từ giữa hàng ngũ anh em sẽ xuất hiện những người giảng dạy những điều sai lạc, hòng lôi cuốn các môn đệ theo chúng. ³¹ Vì vậy anh em phải canh thức, và nhớ rằng, suốt ba năm, ngày đêm tôi đã không ngừng khuyên bảo mỗi người trong anh em, lắm khi phải rơi lệ.

³² “Giờ đây, tôi xin phó thác anh em cho Thiên Chúa và cho lời ân sủng của Người, là lời có sức xây dựng và ban cho anh em được hưởng phần gia tài cùng với tất cả những người đã được thánh hiến.

³³ “Vàng bạc hay quần áo của bất cứ ai, tôi đã chẳng ham. ³⁴ Chính anh em biết rõ : những gì cần thiết cho tôi và cho những người sống với tôi, đôi tay này đã tự cung cấp. ³⁵ Tôi luôn tỏ cho anh em thấy rằng phải giúp đỡ những người đau yếu bằng cách làm lụng vất vả như thế, và phải nhớ lại lời Chúa Giê-su đã dạy : cho thì có phúc hơn là nhận.”

³⁶ Nói thế rồi, ông Phao-lô cùng với tất cả các anh em quỳ gối xuống cầu nguyện. ³⁷ Ai nấy òa lên khóc và ôm cổ ông mà hôn. ³⁸ Họ đau đớn nhất vì lời ông vừa nói là họ sẽ không còn thấy mặt ông nữa. Rồi họ tiễn ông xuống tàu.

Ông Phao-lô lên Giê-ru-sa-lem

21 * ¹ Đến khi dứt ra được mà xuống tàu, chúng tôi đi thẳng đến đảo Cô, ngày hôm sau đến đảo Rô-đô, rồi từ đó đến Pa-ta-ra. ² Gặp

* **21,1** Thánh Phao-lô trẩy lên Giê-ru-sa-lem, và Thần Khí Chúa liên tiếp biểu hiện dưới nhiều hình thức, dùng những cung cách kỳ lạ để gọi ngài dừng đi, trong khi chính *bị Thần Khí trôi buộc* (20,22) mà ngài đã ra đi, nghĩa là không có cách nào quyết định khác được.

chuyến đi Phê-ni-xi, chúng tôi xuống tàu và ra khơi. ³ Khi trông thấy đảo Síp, chúng tôi đi vòng phía nam mà hướng về Xy-ri, và cập bến tại Tia, vì tàu phải đỗ hàng ở đó. ⁴ Tìm gặp được các môn đệ, chúng tôi ở lại đó bảy ngày. Được Thần Khí soi sáng, họ nói với ông Phao-lô đừng lên Giê-ru-sa-lem. ⁵ Nhưng khi hết thời gian ở đó, chúng tôi ra đi và lên đường, có tất cả các môn đệ cùng với vợ con họ tiễn chân đến tận ngoại

thành. Chúng tôi quỳ xuống trên bãi biển mà cầu nguyện. ⁶ Sau khi từ biệt nhau, chúng tôi xuống tàu, còn họ thì trở về nhà.

⁷ Phần chúng tôi, để kết thúc chuyến vượt biển này, chúng tôi đi từ Tia đến Pơ-tô-lê-mai ; chúng tôi chào thăm các anh em ở đó và ở lại với họ một ngày. ⁸ Hôm sau chúng tôi lên đường và đến Xê-da-rê. Chúng tôi vào nhà ông Phi-líp-phê, người loan báo Tin Mừng, thuộc nhóm Bảy người, và ở lại với ông. ⁹ Ông này có

Chính đây là lúc ta nghiệm thấy Thần Khí Thiên Chúa và thần trí của kẻ được Người linh hứng tuy hai mà một như thế nào : những người cảnh báo thánh Phao-lô là những người biết ngài sẽ gặp chuyện chẳng lành nên đến báo cho ngài hay, và họ không muốn ngài đi. Thánh Phao-lô cũng biết vậy nhưng cứ muốn đi.

Điểm này là quan trọng : ai từ bỏ mình và tự hiến cho Thiên Chúa thì sẽ thấy Thần Khí ngày càng hoạt động mạnh trong đời mình, không phải qua những thị kiến hay những chuyện diệu kỳ, mà qua một cảm hứng âm thầm lặng lẽ. Trạng thái này trở thành quen thuộc đến nỗi người ấy không thể sống thiếu cảm hứng đó nữa, và kinh nghiệm cho người ấy biết rằng cảm hứng nội tâm đó là đúng, mặc dầu lý trí thì gợi hứng để hành động cách khác.

Hội Thánh sơ khai có các ngôn sứ của mình, nhưng vẫn muốn để cộng đoàn *phân định* xem đó có thật sự là “Thần Khí của Thiên Chúa” hay không (1 Cr 14,29 ; 1 Tx 5,21 ; 1 Ga 4,1-3).

Bài tường thuật cuộc hành trình giúp cho thấy lòng hiếu khách của các giáo đoàn tiên khởi là như thế nào : họ khao khát được tiếp xúc những anh chị em từ nơi khác đến, vào thời kỳ mà phương tiện truyền thông còn hạn chế biết bao. Với lại, chẳng lẽ cử hành lễ bẻ bánh với những khách vắng lai còn xa lạ này mà ít ra không yêu cầu họ tự giới thiệu và nói về Hội Thánh của mình ? Nhưng khi khách vắng lai là những Tông Đồ hoặc ngôn sứ thì lại khác hẳn, bởi vì cùng với những tin tức về Hội Thánh toàn cầu, mọi người được thấy những biểu hiện của Thánh Thần, những ánh sáng mới mẻ để hiểu thêm Lời Chúa.

bốn người con gái đồng trinh được ơn nói tiên tri.¹⁰ Đang khi chúng tôi ở lại đó nhiều ngày, có một ngôn sứ tên là A-ga-bô từ miền Giu-đê xuống.¹¹ Ông đến thăm chúng tôi và lấy dây lưng của ông Phao-lô tự trói chân tay lại và nói : “Đây là điều Thánh Thần phán : người có dây lưng này sẽ bị người Do-thái trói lại như thế ở Giê-ru-sa-lem mà nộp vào tay người ngoại.”¹² Nghe vậy, chúng tôi và các người địa phương nài xin ông Phao-lô đừng lên Giê-ru-sa-lem.¹³ Bấy giờ ông Phao-lô trả lời : “Có gì mà anh em phải khóc và làm tan nát trái tim tôi ? Phần tôi, tôi sẵn sàng không những để cho người ta trói, mà còn chịu chết tại Giê-ru-sa-lem vì danh

Chúa Giê-su.”¹⁴ Không thể thuyết phục được ông, chúng tôi đành thôi và nói : “Xin cho ý Chúa được thể hiện !”

Ông Phao-lô tới Giê-ru-sa-lem

¹⁵ Sau mấy ngày đó, khi đã chuẩn bị xong, chúng tôi lên Giê-ru-sa-lem.¹⁶ Còn những môn đệ từ Xê-da-rê cùng đi với chúng tôi ; họ dẫn chúng tôi đến trọ nhà ông Mơ-na-xon người Sýp, một môn đệ kỳ cựu.

* ¹⁷ Khi chúng tôi đến Giê-ru-sa-lem, các anh em niềm nở đón tiếp chúng tôi.¹⁸ Hôm sau, ông Phao-lô cùng đi với chúng tôi đến nhà ông Gia-cô-bê, ở đó có đông đủ các kỳ mục đang họp.¹⁹ Sau khi chào hỏi, ông Phao-lô kể lại từng chi tiết những gì

* 21,17 Khi thánh Phao-lô tới Giê-ru-sa-lem, các Ki-tô hữu gốc Do-thái đến chào mừng ngài, nhưng tức khắc lại gây sự với ngài. Họ đồn đại nhau rằng chẳng những ngài không buộc các Ki-tô hữu gốc ngoại tuân giữ Luật Mô-sê mà lại còn kêu gọi người Do-thái bỏ Luật nữa. Vậy họ yêu cầu ngài chứng tỏ lòng trung thành của ngài đối với quá khứ bằng cách đỡ đầu một số tín hữu đang phải giữ lời khấn – một việc làm khá tốn kém-, vì nếu ngài từ Hy-lạp qua, hẳn ngài phải có tiền và có khả năng chịu hết các chi phí !

Họ nêu ra tầm quan trọng của giáo đoàn Giê-ru-sa-lem : *hàng vạn người Do-thái* (c.20), để ai nấy phải tôn trọng những đòi hỏi của họ. Có thể là họ đông hơn người Ki-tô hữu thuộc thế giới ngoại bang : thánh Phao-lô chấp nhận lời họ yêu cầu trong tinh thần xây dựng hoà bình.

Thiên Chúa đã dùng việc phục vụ của ông mà làm nơi các dân ngoại.²⁰ Nghe nói thế, họ tôn vinh Thiên Chúa, rồi nói với ông Phao-lô : “Thưa anh, anh thấy có hàng vạn người Do-thái đã tin theo, và tất cả đều nhiệt thành đối với Luật Mô-sê.²¹ Thế mà họ đã nghe nói về anh rằng : anh dạy tất cả những người Do-thái sống giữa các dân ngoại phải bỏ ông Mô-sê, anh bảo họ đừng làm phép cắt bì cho con cái, và đừng giữ các tục lệ nữa.²² Vậy phải làm gì ? Thế nào người ta cũng sẽ nghe biết là anh đã tới.²³ Vậy xin anh làm như chúng tôi nói với anh đây : chúng tôi có bốn người đang phải giữ lời khấn ;²⁴ anh hãy đem họ theo mà cùng làm nghi lễ tẩy ứ với họ, và đài thọ chi phí cho họ để họ có thể xuống tóc. Như vậy ai nấy sẽ biết rằng những điều họ đã nghe nói về anh chỉ là chuyện không đâu ; trái

lại, chính anh cũng ăn ở như người tuân giữ Lê Luật.²⁵ Còn về những người ngoại đã tin theo, thì chúng tôi đã viết thư thông báo những quyết định của chúng tôi, là họ phải kiêng : ăn đồ cúng cho ngẫu tượng, ăn tiết, ăn thịt loài vật không cắt tiết, và tránh gian dâm.”

²⁶ Bấy giờ ông Phao-lô đem bốn người kia theo, và ngày hôm sau ông cùng làm nghi lễ tẩy ứ với họ. Rồi ông vào Đền Thờ và loan báo ngày kết thúc thời gian tẩy ứ, là ngày phải dâng lễ vật cầu cho mỗi người trong nhóm họ.

Ông Phao-lô bị bắt

* ²⁷ Khi sắp hết thời gian bảy ngày, những người Do-thái từ A-xi-a đến thấy ông trong Đền Thờ thì sách động toàn thể đám đông và tra tay bắt ông.²⁸ Họ tri hô : “Hỡi đồng bào Ít-ra-en, giúp một tay nào ! Nó kia kia,

* 21,27 Có những điểm tương đồng giữa vụ bắt xử thánh Phao-lô, ông Tê-pha-nô và Chúa Giê-su vài năm trước đó (x. 6,9). Người Do-thái A-xi-a đưa ra một số cáo trạng : tội nặng nhất của thánh Phao-lô là đã đem một người không cắt bì vào trong Đền Thờ. Tội phạm thánh này đáng bị xử tử. *Tên (này) dạy cho mọi người những điều phản dân, phạm đến Lê Luật và Nơi Thánh này.* Cũng những lời y như thế đã được thốt lên để buộc tội Chúa Ki-tô và thánh Tê-pha-nô.

tên vẫn đi mọi nơi dạy cho mọi người những điều phản dân, phạm đến Lễ Luật và Nơi Thánh này ! Nó còn đem cả mấy người Hy-lạp vào Đền Thờ mà làm cho Nơi Thánh này ra ô uest.”²⁹ Họ nói thế là vì trước đó họ đã thấy ông Trô-phi-mô, người Ê-phê-xô, cùng đi với ông Phao-lô trong thành, và họ nghĩ ông Phao-lô đã đưa ông ấy vào Đền Thờ.

³⁰ Cả thành phố sôi động và dân đổ xô đến. Họ túm lấy ông Phao-lô, lôi ra khỏi Đền Thờ ; lập tức người ta đóng các cửa Đền Thờ lại.³¹ Họ còn đang tìm cách giết ông, thì có tin báo lên cho vị chỉ huy cơ đội : “Cả Giê-ru-sa-lem náo động !”³² Lập tức, ông ta huy động một số binh sĩ và đại đội trưởng, và xông vào đám đông. Vừa thấy vị chỉ huy và binh sĩ, thì họ thôi không đánh ông Phao-lô nữa.³³ Bấy giờ vị

chỉ huy lại gần, bắt ông và ra lệnh lấy hai cái xiềng còng ông lại, rồi hỏi cho biết ông là ai và đã làm gì.³⁴ Đám đông la hét, kẻ thế này, người thế nọ. Vì quá ồn ào, vị chỉ huy không thể biết được điều gì chắc chắn, nên mới ra lệnh đem ông Phao-lô về đồn.³⁵ Khi đến bậc thềm, binh sĩ phải khiêng ông đi, vì đám đông quá hung bạo.³⁶ Dân cứ theo sau cả đám mà hò la : “Giết nó đi !”

³⁷ Khi sắp bị đem vào đồn, ông Phao-lô nói với vị chỉ huy : “Tôi có được phép nói với ông một lời chằng ?” Ông này đáp : “Ông biết tiếng Hy-lạp à ?”³⁸ Vậy ra ông không phải là tên Ai-cập, trước đây ít lâu, đã xúi bốn ngàn tên khùng bố nổi loạn và dẫn chúng vào sa mạc hay sao ?³⁹ Ông Phao-lô nói : “Tôi đây là người Do-thái, quê ở Tác-xô miền Ki-li-ki-a, công dân một thành không

Đó là lời cáo gian. Tuy nhiên, người Do-thái không hoàn toàn sai : thánh Phao-lô đã gây dựng những Ki-tô hữu di thay thế việc phượng tự trong Đền Thờ bằng niềm tin vào Chúa Ki-tô, thay thế việc giữ Luật bằng lòng vâng phục Thần Khí, và thay thế chủ nghĩa dân tộc của người Do-thái bằng tình huynh đệ đại đồng của dân Ki-tô giáo.

Đội quân Rô-ma xâm chiếm Giê-ru-sa-lem đóng đô trong một pháo đài nối liền với Đền Thờ, từ đó họ có thể không ngừng canh giữ điểm nóng ấy. Nhờ vậy mà họ có thể can thiệp trước khi thánh Phao-lô phải chịu cùng một số phận như thánh Tê-pha-nô.

phải là không có tiếng tăm. Xin ông cho phép tôi ngỏ lời với dân.”⁴⁰ Được vị chỉ huy cho phép, ông Phao-lô đứng trên bậc thềm giơ tay làm hiệu cho dân. Mọi người im phăng phắc ; ông Phao-lô nói với họ bằng tiếng Híp-ri :

Ông Phao-lô nói với người Do-thái ở Giê-ru-sa-lem

22^{*} ¹ “Thưa quý vị là những bậc cha anh, xin nghe những lời biện bạch tôi nói với quý vị bây giờ đây.”² Khi nghe thấy ông nói với họ bằng tiếng Híp-ri, họ càng yên lặng hơn. Ông nói tiếp :³ “Tôi là người Do-thái, sinh ở Tác-xô miền Ki-li-ki-a, nhưng tôi đã được nuôi dưỡng tại thành này ; dưới chân ông Ga-ma-li-ên, tôi đã được giáo dục để giữ Luật cha ông một cách nghiêm ngặt. Tôi cũng đã nhiệt thành phục vụ Thiên Chúa như tất cả các ông hiện nay.”⁴ Tôi đã bắt bố

Đạo này, không ngần ngại giết kẻ theo Đạo, đã đóng xiềng và tống ngục cả đàn ông lẫn đàn bà,⁵ như cả vị thượng tế lẫn toàn thể hội đồng kỳ mục có thể làm chứng cho tôi. Tôi còn được các vị ấy cho thư giới thiệu với anh em ở Đa-mát, và tôi đi để bắt trời những người ở đó, giải về Giê-ru-sa-lem trừng trị.

⁶ “Đang khi tôi đi đường và đến gần Đa-mát, thì vào khoảng trưa, bỗng nhiên có một luồng ánh sáng chói lọi từ trời chiếu xuống bao phủ lấy tôi.⁷ Tôi ngã xuống đất và nghe có tiếng nói với tôi : ‘Sa-un, Sa-un, tại sao ngươi bắt bố Ta ?’⁸ Tôi đáp : ‘Thưa Ngài, Ngài là ai ?’ Người nói với tôi : ‘Ta là Giê-su Na-da-rét mà ngươi đang bắt bố.’⁹ Những người cùng đi với tôi trông thấy có ánh sáng, nhưng không nghe thấy tiếng Đấng đang nói với tôi.¹⁰ Tôi nói : ‘Lạy Chúa, con

* **22,1** Ở đây, thánh Phao-lô đưa ra lời chứng của cá nhân mình. Ngài nhấn mạnh lòng trung thành của mình đối với đạo cha ông, tuy vậy ngài không thể cưỡng lại tâm tình gắn bó với Đức Ki-tô là *Chúa* (và chúng ta biết đối với ngài, từ ngữ *Chúa* có giá trị như *Đức Chúa* của người Do-thái). Ngài sẽ nại đến ông Ga-ma-li-ên (Cv 5,34), sau đó đến một người Do-thái tin theo Chúa Ki-tô và rất mực trung thành với Lễ Luật là ông Kha-na-ni-a (c.12).

phải làm gì ? Chúa bảo tôi : ‘Hãy đứng dậy, đi vào Đa-mát, ở đó người ta sẽ nói cho anh biết tất cả những gì Thiên Chúa đã chỉ định cho anh phải làm.’¹¹ Vì ánh sáng chói loà kia làm cho tôi không còn trông thấy nữa, nên tôi đã được các bạn đồng hành cầm tay dắt vào Đa-mát.

¹² “Ở đó, có ông Kha-na-ni-a, một người sùng đạo, sống theo Lê Luật và được mọi người Do-thái ở Đa-mát chứng nhận là tốt.¹³ Ông đến, đứng bên tôi và nói : ‘Anh Sa-un, anh thấy lại đi !’ Ngay lúc đó, tôi thấy lại được và nhìn ông.¹⁴ Ông nói : ‘Thiên Chúa của cha ông chúng ta đã chọn anh để anh được biết ý muốn của Người, được thấy Đấng Công Chính và nghe tiếng từ miệng Đấng ấy phán ra.¹⁵ Quả vậy, anh sẽ làm chứng nhân cho Đấng ấy trước mặt mọi người về các điều anh đã thấy và đã nghe.¹⁶ Vậy bây giờ anh

còn chần chừ gì nữa ? Anh hãy đứng lên, chịu phép rửa và thanh tẩy mình cho sạch tội lỗi, miệng kêu cầu danh Người.’

¹⁷ “Khi trở về Giê-ru-sa-lem, đang lúc tôi cầu nguyện trong Đền Thờ, thì tôi xuất thần¹⁸ và thấy Chúa bảo tôi : ‘Mau lên, hãy rời khỏi Giê-ru-sa-lem gấp, vì chúng sẽ không nhận lời anh làm chứng về Thầy đâu.’¹⁹ Tôi thưa : ‘Lạy Chúa, chính họ biết rõ con đây đã đến từng hội đường bắt giam và đánh đòn những kẻ tin Chúa.²⁰ Khi người ta đổ máu ông Tê-pha-nô, chúng nhân của Chúa, thì chính con cũng có mặt, con tán thành và giữ áo cho những kẻ giết ông ấy.’²¹ Chúa bảo tôi : ‘Hãy đi, vì Thầy sẽ sai anh đến với các dân ngoại ở phương xa.’”

Ông Phao-lô, công dân Rô-ma

²² Đám đông lắng nghe ông Phao-lô nói tới đó thì

Đám đông lắng tai nghe. Nhưng họ phản ứng ngay khi thánh Phao-lô cho hiểu rằng chính dân ngoại cũng được kêu mời cùng hưởng ân huệ Thiên Chúa ban, y như dân Do-thái : dân ngoại à ? chẳng phải họ là kẻ thù của chúng ta, là dân ô uế và là kẻ thù của Thiên Chúa hay sao ! Cũng một lời khẳng định tương tự như thế đã từng đưa Chúa Giê-su đến án tử hình (Mt 21,42).

hét lên : “Hãy búng khỏi mặt đất loại người như thế ! Nó không đáng sống !”
²³ Họ hò la, phát áo và tung bụi lên trời. ²⁴ Vị chỉ huy cơ đội ra lệnh đem ông Phao-lô vào đồn và truyền đánh đòn tra tấn, để biết lý do tại sao người ta hò hét phản đối ông ấy như vậy. ²⁵ Họ vừa nọc ông Phao-lô ra để đánh đòn, thì ông nói với viên đại đội trưởng đứng gần đó : “Một công dân Rô-ma chưa được xét xử, các ông có được phép đánh đòn không ?”
²⁶ Nghe vậy, viên đại đội trưởng đi báo cáo cho vị chỉ huy rằng : “Ông định làm gì bây giờ ? Đương sự là công dân Rô-ma !” ²⁷ Vị chỉ huy liền đến gặp ông Phao-lô và hỏi : “Ông nói cho tôi biết : ông là công dân Rô-ma sao ?” Ông Phao-lô trả lời : “Phải.”
²⁸ Vị chỉ huy nói tiếp : “Tôi

đây, tôi phải tốn bao nhiêu tiền của mới mua được quyền công dân ấy.” Ông Phao-lô đáp : “Còn tôi, sinh ra đã có quyền ấy rồi.” ²⁹ Lập tức những người sắp tra tấn ông rút lui, còn vị chỉ huy thì phát sợ, vì biết rằng ông Phao-lô là công dân Rô-ma mà mình lại đã còng ông ấy.

Ông Phao-lô ra trước Thượng Hội Đồng

³⁰ Hôm sau, vì muốn biết chắc chắn người Do-thái tố cáo ông Phao-lô về điều gì, vị chỉ huy tháo xiềng cho ông và ra lệnh cho các thượng tế và toàn thể Thượng Hội Đồng họp lại, rồi ông đưa ông Phao-lô từ đồn xuống, để ra trước mặt họ.

23 * ¹ Ông Phao-lô nhìn thẳng vào Thượng Hội Đồng rồi nói : “Thưa anh em, cho đến ngày hôm

* **23,1** Để hiểu rõ các chương tiếp theo và vụ án xử thánh Phao-lô, phải nhớ rằng tổ chức pháp chế rất chặt chẽ trong đế quốc Rô-ma. Toà án tối cao được đặt tại Rô-ma : đây là toà án của hoàng đế Xê-da, và những công dân Rô-ma nào cho rằng mình bị xử oan ở địa phương của mình thì có thể kháng cáo lên toà án của hoàng đế. Trong mỗi tỉnh có những tổng trấn lo việc pháp đình. Trong lãnh thổ Do-thái, là nước bị quân Rô-ma xâm chiếm, người Rô-ma giữ quyền xét xử các vụ án quan trọng nhất, phần còn lại thì giao cho các toà án Do-thái, đặc biệt những vụ việc liên quan đến tôn giáo. Thánh Phao-lô sẽ ra hầu toà ở nhiều nơi, đầu tiên là Thượng Hội Đồng, là toà án tôn giáo của người Do-thái, và cuối cùng sẽ được giải đến toà án của Xê-da.

nay, tôi đã ăn ở trước mặt Thiên Chúa với một lương tâm hoàn toàn ngay thẳng.”² Nhưng thượng tế Kha-na-ni-a truyền cho những người phụ tá đánh vào miệng ông Phao-lô.³ Bấy giờ ông Phao-lô nói với ông ấy : “Bức tường tôi vô tội kia, Thiên Chúa sẽ đánh ông ! Ông ngồi xử tôi chiếu theo Lê Luật, mà ông lại ra lệnh đánh tôi trái với Lê Luật !”⁴ Những người phụ tá nói : “Vị thượng tế của Thiên Chúa mà mi dám nguyện rửa sao ?”⁵ Ông Phao-lô trả lời : “Thưa anh em, tôi không biết đó là thượng tế ; quả có lời chép : *Người không được nguyện rửa người đầu mục trong dân.*”

⁶ Ông Phao-lô biết rằng một phần Thượng Hội Đồng thuộc phái Xa-đốc, còn phần kia thuộc phái Pha-ri-sêu, nên ông nói lớn tiếng giữa hội nghị : “Thưa anh em, tôi là người

Pha-ri-sêu, thuộc dòng dõi Pha-ri-sêu ; chính vì hy vọng rằng kẻ chết sẽ sống lại mà tôi bị đưa ra xét xử.”⁷ Ông vừa nói thế, thì người Pha-ri-sêu và người Xa-đốc chống đối nhau, khiến hội nghị chia rẽ.⁸ Thật vậy, người Xa-đốc chủ trương rằng chẳng có sự sống lại, chẳng có thiên sứ hay quỷ thần ; còn người Pha-ri-sêu thì lại tin là có.⁹ Người ta la lối om sòm. Có mấy kinh sư thuộc phái Pha-ri-sêu đứng lên phản đối mạnh mẽ : “Chúng tôi không thấy người này có gì là xấu. Biết đâu một vị thần hay một thiên sứ đã nói với ông ấy ?”¹⁰ Hai bên chống đối gay gắt đến nỗi vị chỉ huy sợ người ta xé xác ông Phao-lô, nên mới ra lệnh cho lính xuống lôi ông ra khỏi đám người đó mà đưa về đồn.

¹¹ Đêm ấy Chúa đến bên ông Phao-lô và nói : “Hãy

Như thế, trong giai đoạn này của cuộc đời thánh Phao-lô, đã ứng nghiệm những lời Chúa Giê-su nhắn nhủ khi trao cho các Tông Đồ sứ mạng rao giảng về Người trước mặt các quan quyền Do-thái và ngoại đạo (Lc 21,12).

Thánh Phao-lô sẽ tìm cách lấy biến cố phục sinh của Chúa Ki-tô làm chủ đề rao giảng của mình. Đã có một phiên tòa xét xử Chúa Giê-su. Giờ đây, thánh Phao-lô cố gắng sao cho các nhà cầm quyền có cảm tình với Đấng Phục Sinh.

vững lòng ! Con đã long trọng làm chứng cho Thầy ở Giê-ru-sa-lem thế nào, thì con cũng phải làm chứng như vậy tại Rô-ma nữa.”

Người Do-thái âm mưu giết ông Phao-lô

¹² Sáng ngày ra, người Do-thái âm mưu với nhau. Họ thề độc là sẽ không ăn không uống, bao lâu chưa giết được ông Phao-lô.

¹³ Có trên bốn mươi người đã cùng thề với nhau như vậy. ¹⁴ Họ đến gặp các thượng tế và kỳ mục mà nói : “Chúng tôi đã thề độc là sẽ không ăn uống gì, bao lâu chưa giết được tên Phao-lô. ¹⁵ Vậy bây giờ xin quý vị, cùng với Thượng Hội Đồng, đề nghị vị chỉ huy cho dẫn nó xuống với quý vị, lấy cớ là để điều tra về nó cho cẩn kẽ hơn. Phần chúng tôi, chúng tôi sẵn sàng giết nó trước khi nó tới.”

¹⁶ Nhưng người con trai của bà chị ông Phao-lô nghe biết âm mưu đó, liền đến đồn và vào báo tin cho ông Phao-lô. ¹⁷ Ông Phao-lô mời viên đại đội trưởng đến và nói : “Xin ông dẫn cháu này đến gặp vị chỉ

huy, vì cháu có điều phải báo cáo cho ông ấy.” ¹⁸ Viên đại đội trưởng đem cậu bé đi theo, dẫn đến gặp vị chỉ huy mà trình rằng : “Tù nhân Phao-lô đã mời tôi đến và xin tôi dẫn cậu này đến gặp ông ; cậu ấy có điều phải nói với ông.” ¹⁹ Vị chỉ huy nắm tay cậu bé, đưa riêng ra một nơi mà hỏi : “Em có điều gì phải báo cáo cho ta biết ?”

²⁰ Cậu bé trả lời : “Người Do-thái đã đồng ý với nhau là sẽ xin ông ngày mai cho điệu ông Phao-lô xuống Thượng Hội Đồng, lấy cớ là để tra hỏi cho cẩn kẽ hơn. ²¹ Vậy xin ông đừng tin họ, vì có trên bốn mươi người trong bọn họ đang phục sẵn để hại ông ấy ; họ đã thề độc là sẽ không ăn không uống, bao lâu chưa giết được ông ấy. Hiện giờ họ sẵn sàng, chỉ còn chờ ông chấp thuận.” ²² Vị chỉ huy cho cậu bé về và căn dặn : “Đừng nói với ai là em đã tiết lộ những chuyện đó cho ta.”

Ông Phao-lô bị giải đi Xê-da-rê

²³ Ông gọi hai viên đại đội trưởng đến và bảo : “Các anh hãy chuẩn bị hai trăm bộ binh, bảy mươi kỵ

binh và hai trăm khinh binh, để ngay giờ thứ ba đêm nay đi Xê-da-rê.²⁴ Cũng phải có sẵn ngựa cho ông Phao-lô, để đưa ông ấy an toàn đến với tổng trấn Phê-lích.”

²⁵ Ông viết một bức thư nội dung như sau : ²⁶ “Cơ-lau-đi-ô Ly-xi-a trân trọng chào ngài tổng trấn Phê-lích đáng kính. ²⁷ Người này đã bị người Do-thái bắt và sắp bị họ giết, thì tôi đem lính đến giải thoát, vì được biết rằng đương sự là công dân Rô-ma. ²⁸ Vì muốn biết rõ họ tố cáo đương sự về tội gì, tôi đã đưa đương sự ra trước Thượng Hội Đồng của họ. ²⁹ Tôi thấy rằng đương sự bị tố cáo về những vấn đề liên quan đến Lễ Luật của họ, nhưng không có tội gì đáng chết hay đáng bị tù. ³⁰ Được báo là người ta âm mưu hại đương sự, tôi đã cho giải đương sự lên ngài ngay lập tức, một trật bảo nguyên cáo muốn kiện đương sự thì cứ lên ngài mà kiện.”

³¹ Tuân lệnh trên, binh lính đã nhận ông Phao-lô, và ban đêm đưa ông đi Anti-pát-ri. ³² Hôm sau, họ để kỵ binh tiếp tục đi với

ông, còn họ thì trở về đồn.

³³ Đến Xê-da-rê, kỵ binh trình thư và giao ông Phao-lô cho tổng trấn.

³⁴ Tổng trấn đọc thư và hỏi ông là người tỉnh nào. Biết ông là người miền Ki-li-ki-a, ³⁵ ông nói : “Tôi sẽ xét vụ của anh, khi nào cả nguyên cáo nữa cũng đến.” Rồi ông ra lệnh giam ông Phao-lô ở dinh Hê-rô-dê.

Tổng trấn Phê-lích xử vụ kiện ông Phao-lô

24¹ Năm ngày sau, thượng tế Kha-na-ni-a xuống Xê-da-rê cùng với một số kỳ mục và một trạng sư tên là Téc-tu-lô. Họ đến kiện ông Phao-lô trước tòa tổng trấn. ² Ông Phao-lô bị gọi ra tòa, và ông Téc-tu-lô bắt đầu tố cáo như sau : “Thưa ngài Phê-lích đáng kính, nhờ ngài chúng tôi được sống trong cảnh thái bình ; nhờ ngài ân cần săn sóc, dân tộc này được hưởng nhiều cải cách. ³ Ở đâu và lúc nào chúng tôi cũng đón nhận những ân huệ ấy với tất cả lòng biết ơn.

⁴ Nhưng để khỏi quấy rầy ngài thêm, chúng tôi sẽ trình bày vấn tất vụ việc như sau, xin ngài nghe với tấm lòng khoan hậu sẵn

có. ⁵ Số là chúng tôi đã bắt gặp tên này, một thứ ôn dịch, chuyên gây bạo loạn giữa mọi người Do-thái trong thiên hạ, và là đầu sỏ phái Na-da-rét. ⁶ Y còn mưu toan xúc phạm đến Đền Thờ, và chúng tôi đã bắt y. ⁷ Chúng tôi muốn xử y chiếu theo Luật của chúng tôi, nhưng viên chỉ huy Ly-xi-a đã can thiệp, dùng bạo lực mà giật y khỏi tay chúng tôi, và truyền cho những người tố cáo y phải đến trước toà ngài. ⁸ Tra hỏi y, ngài sẽ có thể biết rõ về mọi điều chúng tôi tố cáo y.” ⁹ Người Do-thái tán đồng và quả quyết là đúng như vậy.

Ông Phao-lô tự biện hộ trước tổng trấn Rô-ma

¹⁰ Tổng trấn ra hiệu bảo ông Phao-lô nói, ông liền đáp : “Tôi biết rằng đã từ nhiều năm, ngài cầm cân nảy mực cho dân tộc này, nên tôi sung sướng biện hộ cho mình. ¹¹ Chính ngài có thể biết rõ : tôi lên Giê-ru-sa-lem hành hương đến nay chưa quá mười hai ngày. ¹² Trong Đền Thờ, trong các hội đường cũng như trong thành phố, người ta đã không bắt gặp

được tôi thảo luận với ai hay sách động đám đông. ¹³ Họ cũng không thể đưa ra cho ngài bằng chứng về những điều bây giờ họ tố cáo tôi.

¹⁴ “Tuy nhiên, tôi xin công nhận với ngài điều này : tôi phụng thờ Thiên Chúa của cha ông chúng tôi theo Đạo mà họ gọi là bè phái ; tôi tin mọi điều chép trong sách Luật Mô-sê và sách Các Ngôn Sứ. ¹⁵ Tôi đặt nơi Thiên Chúa niềm hy vọng này, như chính họ cũng hy vọng, là người lành và kẻ dữ sẽ sống lại. ¹⁶ Vì thế, cả tôi nữa, tôi cố gắng để trước mặt Thiên Chúa và người ta, lương tâm tôi không có gì đáng chê trách.

¹⁷ “Sau nhiều năm, tôi về Giê-ru-sa-lem để đem tiền cứu trợ cho dân tộc tôi và để dâng lễ phẩm lên Thiên Chúa. ¹⁸ Chính lúc đó họ bắt gặp tôi trong Đền Thờ, sau khi tôi làm nghi lễ tẩy uest, không có tụ tập đám đông, cũng không gây ồn ào chi cả. ¹⁹ Có mấy người Do-thái từ A-xi-a đến. Đáng lẽ họ phải ra trình diện với ngài mà tố cáo tôi, nếu như họ có điều gì chống tôi. ²⁰ Hoặc

những người đang có mặt đây cứ nói xem : khi tôi ra trước Thượng Hội Đồng, họ đã tìm thấy điều gì phạm pháp ? ²¹ Phải chăng là lời duy nhất tôi đã hô lên khi đứng giữa họ : chính vì sự phục sinh của kẻ chết mà hôm nay tôi bị các ông đưa ra xét xử ?”

Ông Phao-lô bị giam ở Xê-da-rê

²² Ông Phê-lích là người biết rất chính xác về Đạo, ông hoãn vụ án lại và nói : “Khi nào viên chỉ huy Ly-xi-a xuống, tôi sẽ xét vụ kiện của các người.” ²³ Ông truyền cho viên đại đội trưởng giam ông Phao-lô, nhưng cho ông hưởng chế độ dễ dãi và không ngăn cấm thân nhân nào đến giúp đỡ ông.

²⁴ Ít ngày sau, ông Phê-lích cùng đến với vợ là bà Đơ-ru-xi-la, người Do-thái. Ông cho vời ông Phao-lô đến và nghe ông nói về lòng tin vào Đức Ki-tô Giê-su. ²⁵ Nhưng khi ông Phao-lô biện luận về đức công chính, sự tiết độ và cuộc phán xét mai sau, thì ông Phê-lích phát sợ nên nói : “Bây giờ ông có thể lui ra. Khi nào tiện dịp, tôi

sẽ cho gọi ông đến.” ²⁶ Một trật, ông cũng hy vọng ông Phao-lô dứt lốt ; vì thế ông năng cho vời ông Phao-lô đến nói chuyện.

²⁷ Mãn hạn hai năm, ông Phê-lích được ông Po-ki-ô Phét-tô đến thay thế. Vì muốn được lòng người Do-thái, ông Phê-lích cứ để ông Phao-lô ở lại trong tù.

Ông Phao-lô kháng cáo lên hoàng đế Xê-da

25 ¹ Ba ngày sau khi nhậm chức, tổng trấn Phét-tô từ Xê-da-rê lên Giê-ru-sa-lem. ² Các thượng tế và thân hào Do-thái đến kiện ông Phao-lô. Họ khẩn khoản ³ xin tổng trấn một ân huệ để hại ông Phao-lô, là đưa ông về Giê-ru-sa-lem, vì họ đang chuẩn bị một cuộc mai phục để giết ông dọc đường. ⁴ Nhưng ông Phét-tô đáp rằng ông Phao-lô đang bị giam giữ ở Xê-da-rê, còn chính ông cũng sắp sửa về đó ngay. ⁵ Ông lại thêm : “Những ai trong các ông có đủ tư cách, hãy cùng xuống đó với tôi, và nếu đương sự có gì sai trái thì cứ việc tố.”

⁶ Sau khi ở lại Giê-ru-sa-lem không quá tám hay

mười ngày, ông xuống Xê-da-rê. Hôm sau ông ra ngôi toà và truyền điệu ông Phao-lô đến. ⁷ Ông Phao-lô vừa tới, thì những người Do-thái từ Giê-ru-sa-lem xuống đã vây quanh ông : họ tố cáo ông nhiều tội, mà toàn là tội nặng, nhưng họ không thể minh chứng. ⁸ Ông Phao-lô tự biện hộ : “Tôi không có tội gì đối với Lễ Luật Do-thái, đối với Đền Thờ hay hoàng đế Xê-da.” ⁹ Ông Phét-tô muốn được lòng người Do-thái nên đề nghị với ông Phao-lô : “Ông có muốn lên Giê-ru-sa-lem để được xử tại đó trước mặt tôi về những lời tố cáo này không ?” ¹⁰ Nhưng ông Phao-lô đáp : “Tôi đang đứng trước toà án của hoàng đế Xê-da, tôi phải được xử tại đó. Tôi đã không làm gì hại người Do-thái, như chính ngài thừa biết. ¹¹ Nếu quả thật tôi có tội, nếu tôi đã làm điều gì đáng chết, thì tôi không xin tha chết. Nhưng nếu những điều tố cáo của các người này là vô căn cứ, thì không ai có quyền nộp tôi cho họ. Tôi kháng cáo lên hoàng đế Xê-da !” ¹² Bấy giờ ông Phét-tô bàn

với hội đồng tư vấn, rồi trả lời : “Ông đã kháng cáo lên hoàng đế Xê-da, thì ông sẽ lên hoàng đế Xê-da.”

Ông Phao-lô ra trình diện vua Ác-ríp-pa

¹³ Ít ngày sau, vua Ác-ríp-pa và bà Béc-ni-kê đến Xê-da-rê chào mừng ông Phét-tô. ¹⁴ Vì hai người ở lại đó nhiều ngày, ông Phét-tô mới đem vụ ông Phao-lô ra trình bày với nhà vua. Ông nói : “Ở đây có một người tù ông Phê-lích để lại. ¹⁵ Khi tôi tới Giê-ru-sa-lem, các thượng tế và các kỳ mục Do-thái đến kiện và xin tôi kết án người ấy. ¹⁶ Tôi đã trả lời họ rằng người Rô-ma không có lệ nộp bị cáo nào, trước khi đương sự ra đối chất với nguyên cáo, và được cơ hội biện hộ về lời tố cáo. ¹⁷ Vậy họ cùng đến đây với tôi, và không chút trì hoãn, ngày hôm sau tôi ra ngôi toà và truyền điệu đương sự đến. ¹⁸ Đứng quanh đương sự, các nguyên cáo đã không đưa ra một tội trạng nào như tôi tưởng. ¹⁹ Họ chỉ tranh luận với ông ta về một số vấn đề liên quan đến tôn giáo riêng của họ,

và liên quan đến một ông Giê-su nào đó đã chết, mà Phao-lô quả quyết là vẫn sống. ²⁰ Phần tôi, phân vân trước cuộc tranh luận về những chuyện ấy, tôi hỏi xem ông ta có muốn đi Giê-ru-sa-lem để được xử tại đó về vụ này không. ²¹ Nhưng Phao-lô đã kháng cáo, xin dành vụ này cho thánh thượng xét xử, nên tôi đã ra lệnh giữ ông ta lại cho đến khi giải lên hoàng đế.” ²² Bấy giờ vua Ác-ríp-pa nói với ông Phét-tô : “Tôi cũng muốn được nghe ông ta nói.” Ông Phét-tô trả lời : “Ngày mai ngài sẽ được nghe.”

²³ Vậy hôm sau vua Ác-ríp-pa và bà Béc-ni-kê tiến vào công đường cách rất long trọng, cùng với các sĩ quan chỉ huy cơ đội và các người có chức vị trong thành phố. Theo lệnh của ông Phét-tô, người ta điệu ông Phao-lô đến. ²⁴ Ông Phét-tô nói : “Kính thưa đức vua Ác-ríp-pa và toàn thể quý vị có mặt ở đây với chúng tôi, quý vị thấy

người này : toàn thể cộng đồng Do-thái đã đến gặp tôi, ở Giê-ru-sa-lem cũng như ở đây, về việc của đương sự. Họ la lên rằng đương sự không được phép sống nữa. ²⁵ Phần tôi, tôi không thấy đương sự đã làm gì đáng chết ; nhưng vì chính đương sự đã kháng cáo lên thánh thượng, nên tôi đã quyết định giải về kinh. ²⁶ Về vụ của đương sự, tôi không có gì chắc chắn để tâu lên chúa thượng. Vì thế tôi đã đưa đương sự ra trình diện quý vị, và nhất là ngài, kính thưa đức vua Ác-ríp-pa, để sau lần tra hỏi này, tôi sẽ có gì để tâu. ²⁷ Vì thiết tưởng giải tù nhân lên, mà không nói rõ đương sự bị tố cáo về những tội gì, thì thật là vô lý.”

Diễn từ của ông Phao-lô trước mặt vua Ác-ríp-pa

26^{*} ¹ Vua Ác-ríp-pa nói với ông Phao-lô : “Ông được phép tự bào chữa.”

* **26,1** Để nghe thánh Phao-lô với bài diễn từ của ngài, chắc chắn đây không phải là cử tọa lý tưởng. Hiện diện ở đó có ông vua bù nhìn là Ác-ríp-pa, mà tổng trấn người Rô-ma, là người có thực quyền, muốn giúp cho được khuây khoả. Ông Phét-tô thì không hiểu gì bao nhiêu về vụ xung đột giữa thánh Phao-lô và Thượng Hội Đồng, nên hy vọng

Ông Phao-lô bèn giơ tay ra tự biện hộ :

² “Kính thưa đức vua Ác-ríp-pa, tôi lấy làm sung sướng vì hôm nay sắp được tự biện hộ trước mặt ngài, về mọi điều người Do-thái tố cáo tôi, ³ nhất là vì ngài am hiểu tất cả những tục lệ và những chuyện tranh luận giữa người Do-thái. Bởi thế, xin ngài kiên nhẫn nghe tôi nói.

⁴ “Tôi đã sống như thế nào từ hồi niên thiếu, ngay từ đầu, giữa dân tộc tôi và tại Giê-ru-sa-lem, điều đó mọi người Do-thái đều rõ. ⁵ Từ lâu họ đã biết, và nếu muốn, họ có thể làm chứng rằng tôi đã sống theo phái nghiêm ngặt nhất trong tôn giáo chúng tôi, tức là phái Phari-sêu. ⁶ Và giờ đây tôi bị đưa ra toà chính là vì hy vọng điều Thiên Chúa đã hứa cho cha ông chúng tôi.

⁷ Mười hai chi tộc chúng tôi ngày đêm kiên trì thờ phượng Chúa, hy vọng thấy lời hứa ấy được thực hiện. Kính thưa đức vua, chính vì niềm hy vọng đó mà tôi bị người Do-thái tố cáo. ⁸ Sao trong quý vị lại có người cho rằng việc Thiên Chúa làm cho kẻ chết sống lại là chuyện không thể tin được ?

⁹ “Về phần tôi, trước kia tôi nghĩ rằng phải dùng mọi cách để chống lại danh Giê-su người Na-da-rét. ¹⁰ Đó là điều tôi đã làm tại Giê-ru-sa-lem. Được các thượng tế uỷ quyền, chính tôi đã bỏ tù nhiều người trong dân thánh ; và khi họ bị xử tử, tôi đã bỏ phiếu tán thành. ¹¹ Nhiều lần tôi đã rảo khắp các hội đường, dùng cực hình cưỡng bức họ phải nói lộng ngôn. Tôi đã giận dữ quá mức đến nỗi

vua Ác-ríp-pa, vốn là người Do-thái và hậu duệ của vua Đa-vít, sẽ giúp ông hiểu rõ vấn đề hơn. Cũng có mặt ở đó người phụ nữ nổi tiếng là Béc-ni-kê, em vua Ác-ríp-pa và cũng là thiếp của ông trước khi đi với những người khác. Rồi tất cả những kẻ đến đó tìm giải trí, trong đó có cả những sĩ quan Rô-ma vốn chẳng hề biết gì về những chuyện này. Vậy là chúng ta có một bài trình thuật thứ ba về cuộc trở lại của thánh Phao-lô (x. ch. 9 và 22). Lần này, thánh Phao-lô đặt cuộc trở lại của ngài vào trong bối cảnh truyền thống tôn giáo của dân Ít-ra-en : có gì đáng ngạc nhiên đâu, cuộc trở lại này chỉ làm sáng tỏ điều mà Thiên Chúa đã hứa ban cho dân Người từ ngàn xưa : đó là kẻ chết được sống lại.

sang cả các thành nước ngoài mà bắt bớ họ.

¹² “Thế là sau khi được các thượng tế trao quyền và uỷ nhiệm, tôi lên đường đi Đa-mát. ¹³ Kính thưa đức vua, đang khi đi đường, vào lúc trưa, tôi đã thấy một luồng ánh sáng chói lọi hơn mặt trời, từ trời chiếu toả xuống chung quanh tôi và các bạn đồng hành. ¹⁴ Tất cả chúng tôi đều ngã nhào xuống đất, và tôi nghe có tiếng nói với tôi bằng tiếng Híp-ri : ‘Sa-un, Sa-un, tại sao người bắt bớ Ta ? Đá lại mũi nhọn thì khốn cho người !’ ¹⁵ Tôi hỏi : ‘Thưa Ngài, Ngài là ai ?’ Chúa đáp : ‘Ta là Giê-su mà người đang bắt bớ. ¹⁶ Nhưng người hãy trỗi dậy, đứng thẳng lên. Ta hiện ra với người là để chọn người làm đầy tớ và làm chứng nhân về những điều người đã thấy, cũng như những điều

Ta sẽ hiện ra mà tỏ cho người biết. ¹⁷ Ta sẽ cứu người thoát khỏi tay dân Do-thái và các dân ngoại : Ta sai người đến với chúng ¹⁸ để mở mắt cho chúng, khiến chúng rời bóng tối mà trở về cùng ánh sáng, thoát khỏi quyền lực Xatan mà trở về cùng Thiên Chúa. Như vậy, nhờ tin vào Ta, chúng sẽ được ơn tha tội và được hưởng phần gia tài cùng với các người đã được thánh hiến.”

¹⁹ “Từ đó, kính thưa đức vua Ác-ríp-pa, tôi đã không cưỡng lại thị kiến bởi trời. ²⁰ Trái lại, tôi đã rao giảng trước hết cho những người ở Đa-mát, rồi cho những người ở Giê-ru-sa-lem và trong khắp miền Giu-đê, sau đó cho các dân ngoại, kêu gọi họ sám hối và trở về cùng Thiên Chúa, đồng thời làm những việc chứng tỏ lòng

Tôi kêu gọi họ sám hối (c.20). Các ngôn sứ đã từng nói như vậy. Xưng mình là người Do-thái chưa đủ, còn phải tự vấn lương tâm nữa. Và ở đây, thánh Phao-lô có thể nói mạnh trước cử tọa này, gồm những người có đức hạnh không cao đây là bao, có lẽ ngoại trừ ông Phét-tô, người Rô-ma.

Đức Ki-tô sống lại từ cõi chết (c.23). Một lần nữa, đây là điểm có tính quyết định. Ông Phét-tô đã hiểu vậy khi nghe thánh Phao-lô giảng (25,19). Chúng ta biết ngày nay, một số người Ki-tô hữu cũng không tin kẻ chết sống lại, có thể vì họ hiểu sai, cũng có thể vì nền văn hoá hiện đại của chúng ta khó chấp nhận điều đó.

ăn năn sám hối.²¹ Chính vì thế, người Do-thái đã bắt tôi khi tôi đang ở trong Đền Thờ và tìm cách giết tôi.²² Được Thiên Chúa phù hộ, cho đến ngày hôm nay, tôi vẫn tiếp tục làm chứng trước mặt kẻ nhỏ cũng như kẻ lớn ; tôi không nói gì khác ngoài những điều các ngôn sứ và ông Mô-sê đã báo trước sẽ xảy ra,²³ đó là : Đáng Ki-tô sẽ chịu đau khổ và là người đầu tiên sống lại từ cõi chết, để loan báo ánh sáng cho dân Do-thái cũng như cho các dân ngoại.”

Phản ứng của cử tọa

²⁴ Ông Phao-lô còn đang tự biện hộ như thế, thì ông Phét-tô lớn tiếng nói : “Ông Phao-lô, ông diên mất rồi ! Ông hay chữ quá nên hoá diên !”²⁵ Ông Phao-lô đáp : “Thưa ngài Phét-tô đáng kính, tôi

không diên đâu, nhưng tôi nói lên những điều hợp với sự thật và lẽ phải.²⁶ Quả thế, đức vua biết rõ những điều ấy, và tôi mạnh dạn nói với người : tôi tin chắc rằng trong các điều ấy, không có gì mà người không biết, vì chuyện này đã không xảy ra ở một xứ nào đó.²⁷ Kính thưa đức vua Ác-ríp-pa, chắc là ngài tin các ngôn sứ ? Tôi biết là ngài tin.”²⁸ Vua Ác-ríp-pa nói với ông Phao-lô : “Chút nữa là ông thuyết phục được tôi trở thành Ki-tô hữu rồi đấy !”²⁹ Ông Phao-lô trả lời : “Chút nữa hay nhiều nữa, thì tôi cũng xin Thiên Chúa cho, không những ngài, mà hết mọi người đang nghe tôi nói hôm nay, được trở nên giống như tôi, trừ ra những xiềng xích này !”

³⁰ Bấy giờ nhà vua, ông tổng trấn, bà Béc-ni-kê và

Đón nhận Chúa Ki-tô là từ bỏ thói độc tài của lý trí. Lý trí đi đúng tuyến trong nghiên cứu khoa học, nhưng lại thiếu cận khi đối diện với những chân lý thiết yếu. Bao lâu chưa tin vào sự phục sinh, thì người ta có thể có một văn hoá tôn giáo, nhưng vẫn chưa bước qua ngưỡng cửa đức tin. Và thánh An-xen-mô nói rất đúng, cho dù chúng ta có thể nghe chướng tai : “Tin để mà hiểu.”

Thánh Phao-lô không lo lắng tự biện hộ cho bằng lo thuyết phục cử tọa của mình : ngài biết mình phải làm chứng “trước mặt các dân và vua chúa của họ”. Thật ra, để cho Tin Mừng được loan đi nhanh chóng thì đầu nhất thiết là vua chúa phải trở lại đạo.

cử toạ đứng dậy. ³¹ Khi ra về, họ nói với nhau : “Người này không làm chi đáng chết hay đáng bị tù.” ³² Vua Ác-ríp-pa nói với ông Phét-tô : “Đáng lẽ người này có thể được thả ra, nếu đã chẳng kháng cáo lên hoàng đế Xê-da.”

Ông Phao-lô khởi hành đi Rô-ma

27 * ¹ Khi có quyết định cho chúng tôi đáp tàu sang I-ta-li-a, người ta giao ông Phao-lô và mấy tù nhân khác cho một đại đội trưởng tên là Giu-li-ô, thuộc cơ đội Au-gút-ta. ² Chúng tôi xuống một chiếc tàu của thành Át-ra-mýt-ti-on, sắp nhổ neo đi các cảng miền A-xi-a và chúng tôi ra khơi. Cùng đi với chúng tôi có anh A-rít-ta-khô, một người Ma-kê-

đô-ni-a quê Thê-xa-lô-ni-ca. ³ Hôm sau, chúng tôi cập bến Xi-đôn ; ông Giu-li-ô xử nhân đạo với ông Phao-lô, cho phép ông đi thăm bạn hữu và để họ săn sóc ông. ⁴ Từ đó, chúng tôi lại ra khơi và đi vòng theo đảo Sýp, vì gió ngược. ⁵ Rồi chúng tôi vượt qua biển Ki-li-ki-a và Pam-phy-li-a và tới My-ra miền Ly-ki-a. ⁶ Ở đây, viên đại đội trưởng tìm được một chiếc tàu của thành A-lê-xan-ri-a sắp đi I-ta-li-a, nên ông cho chúng tôi sang tàu đó.

⁷ Trong vòng nhiều ngày, tàu đi chậm, và vất vả lắm chúng tôi mới đến ngang Cơ-ni-đô. Vì không thuận gió, chúng tôi đi vòng theo đảo Cơ-rê-ta, hướng về phía mũi Xan-mô-nê. ⁸ Chúng tôi vất vả đi men

* 27,1 Thánh Phao-lô bị giải đi Rô-ma cùng với một nhóm tù nhân. Chúng ta không khó hình dung rằng cho dù ông sĩ quan xử nhân đạo với ngài, tình cảnh của ngài cũng không được thoải mái lắm. Viên sĩ quan này có thẩm quyền riêng của ông bên cạnh thẩm quyền của thuyền trưởng : các binh lính biết rằng nếu một người tù thoát ngục thì người canh giữ hắn sẽ bị xử tử (x. 12,19 và 27,42). Bài trình thuật này là một tài liệu rất hay về ngành hàng hải trong vùng Địa Trung Hải thời bấy giờ. Thánh Lu-ca đã ghi lại nhiều chi tiết, tương phản hẳn với truyện con tàu ông Giô-na gặp bão, có lẽ là tác phẩm của một soạn giả chưa từng đi biển bao giờ. Rõ ràng là thánh Phao-lô đã quen đi chuyển bằng đường biển như thế : trong 2 Cr 11,25, ngài nói là đã *ba lần bị đắm tàu*. Trong câu chuyện chiếc tàu gặp bão, nghị lực tâm hồn của thánh Phao-lô nổi bật : thánh nhân biết mình sẽ phải làm chứng trước toà án của hoàng đế Rô-ma.

theo mũi đó đến một nơi gọi là Bến Lành, gần đó có thành La-xai-a.

Ông Phao-lô gặp bão và bị đắm tàu

⁹ Chúng tôi đã mất khá nhiều thời gian, và việc đi biển từ nay thật nguy hiểm, vì ngày ăn chay đã qua rồi. Ông Phao-lô khuyên họ : ¹⁰ “Thưa các bạn, tôi thấy rằng chuyến đi biển này sẽ gây nhiều thiệt hại và mất mát, chẳng những cho hàng hoá và con tàu, mà còn cho tính mạng chúng ta nữa.”

¹¹ Nhưng viên đại đội trưởng tin tài công và chủ tàu hơn tin lời ông Phao-lô. ¹² Vì cảng không thích hợp cho tàu ở lại qua mùa đông, nên đa số có ý kiến lại ra khơi, để nếu có thể thì cập bến và qua mùa đông ở Phê-ních, một cảng khác trên đảo Cơ-rê-ta quay về hướng tây nam và tây bắc.

¹³ Một cơn gió nam thổi nhẹ, khiến họ tưởng rằng có thể thực hiện được ý định, nên nhổ neo và cho tàu đi men theo đảo Cơ-rê-ta. ¹⁴ Nhưng chẳng bao lâu một trận cuồng phong, gọi là gió đông bắc, từ đảo

thổi ra. ¹⁵ Tàu bị cuốn đi, không thể chống chọi với gió, nên chúng tôi đành để cho trôi giạt. ¹⁶ Khi chạy vòng phía sau một đảo nhỏ tên là Cau-đa, chúng tôi vất vả lắm mới ghì chiếc xuống lại được.

¹⁷ Kéo nó lên rồi, họ dùng các phương tiện cấp cứu, lấy thùng đánh đai con tàu. Rồi, vì sợ tàu bị mắc cạn trong vịnh Xiếc-ti, họ thả neo nổi và cứ để tàu trôi giạt. ¹⁸ Chúng tôi vẫn bị bão dữ dội, nên hôm sau thủy thủ ném hàng hoá xuống biển, ¹⁹ và hôm sau nữa họ tự tay quăng đồ trang bị của tàu đi. ²⁰ Đã từ nhiều ngày, chẳng thấy mặt trời hay một vì sao nào xuất hiện, còn bão vẫn thổi mạnh, nên chúng tôi mất dần hy vọng được cứu.

²¹ Từ lâu không ai ăn uống gì ; bấy giờ ông Phao-lô đứng giữa họ mà nói : “Thưa các bạn, phải chỉ các bạn đã nghe tôi không rời đảo Cơ-rê-ta, thì đã tránh được những thiệt hại mất mát này. ²² Nhưng giờ đây tôi khuyên các bạn cứ can đảm, vì không ai trong các bạn phải mất mạng đâu, chỉ mất tàu thôi. ²³ Thật vậy, đêm vừa

rồi, một thiên sứ của Thiên Chúa là Chúa Tế của tôi và là Đấng tôi phụng thờ, đã hiện ra với tôi ²⁴ và bảo : 'Này ông Phao-lô, đừng sợ ! Ông phải ra trước toà hoàng đế Xê-da ; vì thương ông, Thiên Chúa cho tất cả những người cùng đi tàu với ông được sống.' ²⁵ Vì thế, thưa các bạn, hãy can đảm lên ! Tôi tin tưởng nơi Thiên Chúa : sự việc sẽ xảy ra đúng như lời đã phán với tôi. ²⁶ Nhưng chúng ta sẽ phải mắc cạn ở một hòn đảo."

²⁷ Đến đêm thứ mười bốn, chúng tôi đang trôi giạt trên biển Át-ri-a, thì vào quãng nửa đêm, các thủy thủ có cảm giác như đang tới gần đất. ²⁸ Thả dây dò đáy biển, họ thấy sâu hai mươi sải ; cách một quãng, họ lại thả dây dò lần nữa, thì thấy còn mười lăm sải. ²⁹ Sợ rằng tàu chúng tôi có thể đụng phải đá ngầm, họ thả bốn chiếc neo ở đằng lái và cầu mong cho trời mau sáng. ³⁰ Nhưng các thủy thủ tìm cách bỏ tàu mà trốn : họ hạ chiếc xuồng xuống biển, lấy cố là để thả neo đằng mũi.

³¹ Ông Phao-lô mới bảo viên đại đội trưởng và binh sĩ : "Nếu những người này không ở lại trên tàu, thì các ông không thể được cứu đâu !" ³² Lính bèn cắt đứt dây xuồng, cho nó trôi đi.

³³ Trong khi đợi trời sáng, ông Phao-lô khuyên mọi người nên ăn uống ; ông nói : "Cho đến hôm nay là mười bốn ngày, các bạn nhịn đói chờ đợi, không ăn gì cả. ³⁴ Vậy tôi khuyên các bạn nên ăn uống, vì có thể các bạn mới được cứu. Không ai trong các bạn sẽ mất một sợi tóc trên đầu." ³⁵ Nói thế rồi, ông cầm lấy bánh, dâng lời tạ ơn Thiên Chúa trước mặt mọi người, bẻ ra và bắt đầu ăn. ³⁶ Mọi người lấy lại được can đảm và họ cũng ăn uống. ³⁷ Chúng tôi ở trên tàu tất cả là hai trăm bảy mươi sáu người. ³⁸ Sau khi ăn no, họ đổ lúa mì xuống biển cho tàu nhẹ bớt.

³⁹ Đến sáng, họ không nhận ra được đó là đất nào, nhưng thấy rõ một vùng có bãi cát, và tính chuyện cho tàu chạy vào, nếu có thể. ⁴⁰ Họ mới gỡ các neo, bỏ lại dưới biển,

đồng thời tháo những thừng cột bánh lái ra ; rồi căng buồm đằng mũi lên cho gió thổi, hướng thẳng vào bãi. ⁴¹ Nhưng họ đụng phải bãi cát ngầm, nên cho tàu mắc cạn ở đó. Mũi tàu đâm vào cát, không nhúc nhích được, còn đằng lái thì bị sóng mạnh đánh vỡ tan.

⁴² Bấy giờ binh sĩ nảy ra ý muốn giết các người tù, vì sợ có người bơi được mà trốn mất. ⁴³ Nhưng viên đại đội trưởng muốn cứu ông Phao-lô nên ngăn cản họ thực hiện ý định. Ông ra lệnh cho những ai biết bơi thì nhảy xuống trước bơi vào bờ ; ⁴⁴ còn những người khác thì bám vào ván hoặc mảnh tàu vỡ mà vào. Thế là mọi người vào được bờ và được cứu.

Ông Phao-lô tại đảo Man-ta

28 * ¹ Được cứu rồi, chúng tôi mới biết đảo

ấy gọi là Man-ta. ² Dân địa phương đối xử với chúng tôi một cách nhân đạo hiếm có. Họ đốt một đống lửa to và tiếp đón tất cả chúng tôi, vì trời đã bắt đầu mưa và lạnh. ³ Ông Phao-lô vợ được một mớ cành khô và đang bỏ vào lửa, thì một con rắn độc bị nóng bò ra, cuốn vào tay ông. ⁴ Người địa phương thấy con vật lủng lẳng ở tay ông thì bảo nhau : “Chắc chắn người này là một tên sát nhân : hấn vừa được cứu khỏi chết dưới biển, nhưng Thần Công Lý đã không để cho sống.” ⁵ Nhưng ông giữ con vật vào lửa mà không hề hấn gì. ⁶ Họ cứ đợi ông sẽ sưng phù lên hoặc lăn ra chết ; nhưng đợi lâu mà không thấy có gì khác thường xảy đến cho ông, thì đổi ý và bảo ông là một vị thần.

⁷ Gần nơi ấy, có đồn điền của viên quan lớn nhất

* **28,1** Thánh Phao-lô đã suýt chết ngoài biển : khi cập bến, ngài suýt bị tốp lính canh giết quách cho xong ; rồi đến thuyền con rắn độc : xem lời hứa của Chúa Giê-su trong Mc 16,17-18. Lưu ý nghĩa cử đầu tiên của thánh Phao-lô khi đặt chân đến một vùng đất chưa được nghe loan báo Tin Mừng : chữa lành người bệnh nhân danh Chúa Kitô. Có thể tưởng tượng thấy bóng dáng ngài đang làm như thế ở những vùng ngoại ô của chúng ta, nơi mà Hội Thánh gần như chưa đặt chân tới.

đảo, tên là Púp-li-ô. Ông tiếp đón chúng tôi và niềm nở cho chúng tôi trú ngụ trong ba ngày. ⁸ Có ông thân sinh ông Púp-li-ô đang liệt giường vì bị sốt và kiết lỵ. Ông Phao-lô vào thăm, cầu nguyện, đặt tay trên ông và chữa khỏi. ⁹ Thấy thế, các bệnh nhân khác trên đảo cũng đến với ông và được chữa lành. ¹⁰ Họ trọng đãi chúng tôi, và khi chúng tôi xuống tàu, họ đã đem tới những gì chúng tôi cần dùng.

Từ Man-ta tới Rô-ma

* ¹¹ Ba tháng sau, chúng tôi ra khơi trên một chiếc tàu đã qua mùa đông tại đảo ; tàu này của thành A-lê-xan-ri-a và mang huy hiệu hai thần Đi-ốt-cu-ri. ¹² Chúng tôi ghé vào thành Xy-ra-cu-xa và ở lại đó ba ngày. ¹³ Từ nơi ấy, chúng tôi đi men theo bờ biển và

tới thành Rê-gi-ô. Ngày hôm sau có gió nam nổi lên, và sau hai ngày chúng tôi tới cảng Pu-tê-ô-li. ¹⁴ Ở đây chúng tôi gặp được những người anh em, họ mời chúng tôi ở lại với họ bảy ngày. Chúng tôi đến Rô-ma như thế đó.

¹⁵ Các anh em ở Rô-ma nghe tin chúng tôi tới thì đến tận chợ Áp-pi-ô và Ba Quán đón chúng tôi. Thấy họ, ông Phao-lô tạ ơn Thiên Chúa và thêm can đảm. ¹⁶ Khi chúng tôi vào Rô-ma, ông Phao-lô được phép ở nhà riêng cùng với người lính canh giữ ông.

Ông Phao-lô tiếp xúc với kiều bào Do-thái ở Rô-ma

* ¹⁷ Ba ngày sau, ông mời các thân hào Do-thái đến. Khi họ đã tới đông đủ, ông nói với họ : “Thưa anh em, tôi đây, mặc dầu đã không làm gì chống lại

* 28,11 Tại Rô-ma, thánh Phao-lô được đối xử khá tử tế. Thay vì bị giam ngục, ngài được phép ở lại trong thành tuy bị khoá tay (tay phải của ngài bị xiềng lại với tay trái của người lính canh). Một trong những điều ngài kinh nghiệm đầu tiên là tình huynh đệ Ki-tô giáo.

* 28,17 Tại Rô-ma, thánh Phao-lô muốn gặp ngay các vị có chức quyền trong cộng đoàn Do-thái giáo. Vào thời điểm này, mặc dù Do-thái giáo thường xuyên khước từ lời rao giảng Ki-tô giáo, nhưng vẫn chưa chính thức lên án. Đối với họ, Ki-tô giáo hãy còn là một “giáo phái”, một đảng phái, giống như phái Pha-ri-sêu hay là Êt-xê-nô. Biết rằng tin tức lan truyền từ cộng đoàn này sang cộng đoàn khác như thế nào trong giới người Do-thái, nên thánh Phao-lô muốn rào đón trước.

dân ta hay các tục lệ của tổ tiên, tôi đã bị bắt tại Giê-ru-sa-lem và bị nộp vào tay người Rô-ma. ¹⁸ Sau khi điều tra, họ muốn thả tôi, vì tôi không có tội gì đáng chết. ¹⁹ Nhưng vì người Do-thái chống đối, nên bó buộc tôi phải kháng cáo lên hoàng đế Xê-da ; tuy vậy không phải là tôi muốn tố cáo dân tộc tôi. ²⁰ Đó là lý do khiến tôi xin được gặp và nói chuyện với anh em, bởi chính vì niềm hy vọng của Ít-ra-en mà tôi phải mang xiềng xích này.”

²¹ Họ nói với ông : “Về phía chúng tôi, chúng tôi không nhận được thư nào từ Giu-đê nói về ông, cũng chẳng có ai trong các anh em đến đây báo cáo hoặc nói gì xấu về ông. ²² Chúng tôi muốn được nghe ông trình bày ý nghĩ

của ông, vì chúng tôi biết là phái của ông đến đâu cũng gặp chống đối.”

Ông Phao-lô tuyên bố với kiều bào Do-thái ở Rô-ma

²³ Họ hẹn ngày với ông, và hôm đó đến gặp ông tại nhà trọ đông hơn. Ông trình bày cho họ và long trọng làm chứng về Nước Thiên Chúa ; từ sáng đến chiều, ông dựa vào Luật Mô-sê và các ngôn sứ mà nói về Đức Giê-su, để cố thuyết phục họ. ²⁴ Nghe ông nói, người thì được thuyết phục, người thì không chịu tin. ²⁵ Khi giải tán, họ vẫn không đồng ý với nhau ; ông Phao-lô chỉ nói thêm một lời : “Thánh Thần đã nói rất đúng khi dùng ngôn sứ I-sai-a mà phán với cha ông anh em ²⁶ rằng : *Hãy đến gặp dân này và nói : Các người có*

Đối với ngài, điều rất quan trọng là không để cho những lời người ta tố cáo ngài, và từ đó vụ án xử ngài, làm cho ngài bị coi là một kẻ phản quốc. Nhưng điều mà ngài mong ước mãnh liệt hơn nữa là đã kích thích diện thái độ không chịu tin vào Chúa Giê-su. Cộng đoàn Ki-tô hữu đã làm rồi những gì có thể làm trong giới người Do-thái tại Rô-ma, nhưng ngài thì muốn đánh một đòn quyết liệt.

Ở đây, thánh Lu-ca muốn kết thúc bằng phần thuật cuộc gặp gỡ này. Thánh Phao-lô lặp lại gần như nguyên văn những gì ngài đã nói trong lần rao giảng đầu tiên tại An-ti-ô-khi-a miền Pi-xi-di-a (13,46-47) : Tin Mừng phải được loan báo trước tiên cho dân Do-thái, nhưng nếu họ khước từ, thì sẽ không có gì ngăn cản việc loan báo Lời Chúa cho tất cả mọi dân tộc khác.

lắng tai nghe cũng không hiểu, có trở mắt nhìn cũng chẳng thấy ;²⁷ vì lòng dân này đã ra chai đá : chúng đã bịt tai nhắm mắt, kéo mắt chúng thấy, tai chúng nghe, và lòng hiểu được mà hoán cải, và rồi Ta sẽ chữa chúng cho lành.

²⁸ “Vậy xin anh em biết cho rằng : ơn cứu độ này của Thiên Chúa đã được gửi đến cho các dân ngoại ;

họ thì họ sẽ nghe.”²⁹ Ông nói thế rồi thì người Do-thái đi ra, tranh luận với nhau rất sôi nổi.

³⁰ Suốt hai năm tròn, ông Phao-lô ở tại nhà ông đã thuê, và tiếp đón tất cả những ai đến với ông.

³¹ Ông rao giảng Nước Thiên Chúa và dạy về Chúa Giê-su Ki-tô, một cách rất mạnh dạn, không gặp ngăn trở nào.

Suốt hai năm tròn, thánh Phao-lô ở tại nhà ông đã thuê (c.30), nghĩa là ở trong tình trạng bị giam lỏng : đó là thời hạn mà luật pháp quy định cho trường hợp bắt giam để phòng ngừa. Vậy rất có thể mọi việc kết thúc bằng quyết định bãi án. Một số tác giả vội xem các yếu tố được đưa ra trong các thư Mục Vụ về những hoạt động sau này của thánh Phao-lô là những chuyện bịa đặt, nên cho rằng lúc ấy, ngài đã bị kết án tử hình. Không có lý do gì mà thánh Lu-ca lại giấu chuyện đó, càng không có lý do để tác giả muốn cho hiểu là thánh Phao-lô thay đổi chỗ ở.

Không gặp ngăn trở nào (c.31). Đó là lời cuối cùng : Tin Mừng đã được loan đi để chiến thắng, và không ai có thể ngăn chặn lại được (Kh 6,2).

CÁC THƯ CỦA THÁNH PHAO-LÔ

DẪN NHẬP

Ngay từ đầu, Hội Thánh đó đây đã cần thận bảo tồn những thư tín thu nhận từ các Tông Đồ, bởi vì nhận thấy các ngài là những chứng nhân đức tin được Thiên Chúa tuyển chọn. Tuy nhiên vào thời ấy, công việc thu thập các tài liệu này khó khăn hơn ngày nay, ngay cả việc cứu khỏi ẩm ướt các bản giấy cói cũng khó hơn, vì đó là chất liệu rất dễ bị hư hại.

Rất sớm, đã có một sưu tập đầu tiên gồm bảy lá thư đầu của thánh Phao-lô, xếp theo thứ tự dài trước ngắn sau : bốn thư “lớn” là các thư gửi tín hữu Rô-ma, Cô-rin-tô và Ga-lát, và các “ngục thư” nghĩa là các thư viết trong tù. Thêm vào sau là các thư khác, thứ nhất là hai thư gửi tín hữu Thê-xa-lô-ni-ca, thật ra là những thư xưa nhất, rồi đến các thư được đưa vào với sự bảo trợ của thánh Phao-lô : các thư gửi ông Ti-mô-thê và

ông Ti-tô, được viết vài ba chục năm sau ; và lá thư tuyệt vời gửi cho người Híp-ri (“thư Do-thái”), mà người ta không biết tác giả là ai tuy có thể nói ông này đã ngồi viết bên cạnh thánh Phao-lô.

Có một cụm từ trong “thư thứ hai của thánh Phê-rô”, không phải do chính thánh Phê-rô viết nhưng là khoảng năm chục năm sau khi ngài mất, cho chúng ta thấy rằng ngay từ thời đó các thư của thánh Phao-lô đã được kể vào số các Sách Thánh được linh hứng (2 Pr 3,15-16).

Thánh Phao-lô tự xem mình là “tông đồ các dân ngoại”, lấy đó làm ơn gọi riêng của mình, bên cạnh thánh Phê-rô là người được Thiên Chúa uỷ thác nhiệm loan báo Tin Mừng cho giới người Do-thái, không những ở Pa-lét-tin, mà còn trong khắp đế quốc Rô-ma, bất cứ nơi

nào những người này định thánh Phao-lô đã chiếm cư. Thánh Phao-lô đã một vị thế trọng yếu đến nhận sứ vụ ấy từ chính nổi nó không chấm dứt với Chúa Giê-su, khi ngài trở cái chết của ngài. Tinh lại (Cv 22,21 ; Gl 2,7). thần của thánh Phao-lô, Trong kế hoạch Thiên một trong những vị biểu lộ Chúa liên quan đến sứ rõ nét nhất tinh thần của mạng của Hội Thánh và Chúa Giê-su, mãi tác động làm cho Hội Thánh ngày trong thế giới chúng ta càng lan rộng, sứ vụ của qua các lá thư của ngài.

THƯ GỬI TÍN HỮU RÔ-MA

DẪN NHẬP

Tin Mừng được loan báo cho người Hy-lạp

Chúa Giê-su tự giới thiệu Người là Đấng Cứu Độ, và trước hết Người muốn cứu dân Do-thái. Người nói với họ về Nước Trời và họ đã hiểu ý Người : Thiên Chúa sắp đến lập vương quốc nơi đất nước họ cũng như trong đời sống của họ. Người không phải là không biết tập thể họ có những khát vọng nào, nhưng Người hướng các khát vọng ấy về một sứ vụ có tính đại đồng hơn : đối với họ, đó quả thật là một "Tin Mừng".

Nhưng sau khi sứ vụ Chúa Giê-su gặp thất bại tại It-ra-en, đồng thời để mở rộng sứ vụ của Người sang các phần đất thuộc đế quốc Rô-ma, Tin Mừng tất nhiên cũng phải trở thành tin mừng cho người Hy-lạp sống trong đế quốc này, là những người đang nghe lời rao giảng của các Tông Đồ. Họ vốn được sự

bảo vệ của những cơ cấu xã hội vững chắc được mọi người công nhận, nên vẫn thấy niềm khát khao giải phóng dân tộc của người Do-thái là xa lạ đối với mình. Trong quá trình thôn tính các nước nhỏ cũng như lớn, đế quốc Rô-ma đã làm tiêu tán niềm tự hào dân tộc và các tham vọng của họ, để lại một khoảng trống, trong đó những trăn trở về mặt tôn giáo ngày càng phát triển mạnh. Các dân ấy quan tâm đến tất cả những gì liên quan tới con người, và giữa một số những giáo thuyết và tôn giáo hỗn tạp, họ đi tìm một phương thế thoát ra khỏi số mệnh của mình. Vì vậy, phải nói về Chúa Kitô, cho họ biết Người là Đấng giải toả các mâu thuẫn của chúng ta và ban cho chúng ta sự sống.

Trong lá thư gửi các Kitô hữu ở Rô-ma, kinh đô của đế quốc, thánh Phao-

lô muốn đáp ứng các bận tâm của người Hy-lạp nhưng không bỏ quên người Do-thái. Bởi vì người Do-thái rất đông trong giáo đoàn Rô-ma cũng như trong tất cả các giáo đoàn nằm trong đế quốc, và vì đối với họ là những người đã tin vào Chúa Ki-tô, điều khó nhất là phải xác định lập trường của mình trước mặt Thiên Chúa sau khi phần lớn dân tộc họ đã từ chối đức tin Ki-tô giáo. Cho đến lúc ấy, họ đã chia sẻ các niềm hy vọng của dân tộc họ, nghĩ rằng toàn dân Ít-ra-en sẽ nhận biết Thiên Chúa Cứu Độ trong ngày Người đến, nhưng giờ đây thì họ chỉ còn là một thiểu số xem ra như ở bên lề lịch sử Kinh Thánh ngàn đời.

Lá thư gửi cho tín hữu Rô-ma

Phần lớn lá thư gửi tín hữu Rô-ma trình bày ơn gọi Ki-tô hữu với một tâm nhìn xa rộng. Chắc chắn chúng ta sẽ cảm thấy lá thư này khó hiểu, vì nó thật sự thuộc loại khó. Trong thư, chúng ta sẽ gặp thấy những tranh luận, và cách sử dụng các bản văn Kinh Thánh sẽ nhiều khi

làm chúng ta chùng hững, vì thánh Phao-lô tranh luận theo cách ông đã học trong các trường phái ráp-bi ở Giê-ru-sa-lem. Nhưng phải nhớ rằng tư tưởng thánh Phao-lô không khởi xuất từ một hệ giáo thuyết hay một thần học : ông luôn khởi đầu từ kinh nghiệm riêng của mình. Cuộc gặp gỡ với Chúa Ki-tô Phục Sinh, cuộc trở lại ly kỳ đặt ông làm người phục vụ Tin Mừng, rồi bề dày kinh nghiệm đời sống tông đồ và các ân huệ Thần Khí tác động nơi ông, tình hiệp thông liên li với Chúa Giê-su : tất cả những điều ấy đặt nền cho cái nhìn của ông về đức tin.

Vậy thánh Phao-lô sẽ nói đến ơn cứu độ của Thiên Chúa, như thể quên đi bối cảnh sôi động ở Pa-lét-tin, nơi mà chủ nghĩa dân tộc Do-thái phải đương đầu với người Rô-ma và tất cả mọi triển vọng tôn giáo đều mang màu sắc chính trị. Ôn cứu độ của Thiên Chúa, đó là ơn cứu độ được ban cho nhân loại xét như một tổng thể, nhưng là một ơn cứu độ được thể hiện nơi tâm hồn con

người ; tất cả sẽ tùy thuộc vào sự đáp trả của chúng ta trước tiếng gọi của Thiên Chúa : chúng ta có biết đặt tin tưởng nơi Người không ?

Phân thánh Phao-lô, vốn mang đậm dấu vết kinh nghiệm riêng của mình, thì ngài mô tả hành trình đức tin như một cuộc hoán cải có ít nhiều kịch tính. Con người là nô lệ của tội lỗi (còn phải hiểu thánh Phao-lô muốn nói gì qua từ ngữ này) ; chúng ta ước muốn được giải thoát, nhưng thiếu cái chìa khoá giúp hiểu lòng mình : chúng ta được tạo dựng để tham dự vào sự sống của Thiên Chúa, và bao lâu chưa đạt được đời sống ấy, chúng ta mang nơi mình mầm mống nổi loạn, ý thức hay vô thức, chống lại Thiên Chúa. Phải chăng nên quay về với tôn giáo ? Sẽ không đi tới đâu, thánh Phao-lô nói mà đanh giọng khiến nhiều người khó chịu : bao lâu người ta tưởng được trở nên “tốt lành” nhờ việc giữ đạo bên ngoài của mình, thì người ta quay lưng với sức mạnh duy nhất có khả năng giải thoát chúng ta, là tình yêu

nhân hậu của Thiên Chúa. Nhưng khi Thiên Chúa đưa tay cứu vớt và dạy chúng ta biết yêu mến. Chúa Giê-su đến với chúng ta mà chúng ta đóng đinh Người vào thập giá, nhưng chính đó là lúc Thiên Chúa tỏ cho chúng ta thấy Người yêu thương chúng ta như thế nào và tha thứ cho chúng ta. Người không chờ đợi một đáp trả nào khác ngoài hành động chứng minh đức tin của chúng ta, một đức tin giải thoát chúng ta trong tích tắc.

Ơn cứu độ này được toàn bộ Kinh Thánh loan báo, nhưng lại gây bối rối cho tất cả những ai trong Do-thái giáo hãy còn dừng lại ở trình độ các tập tục và nghi thức. Các tập tục nghi thức này thuộc một giai đoạn lịch sử nhân loại mà cái chết của Chúa Giê-su đã làm cho kết thúc. Phép rửa chúng ta lãnh nhận đưa chúng ta vào một thế giới nhiệm mầu, là chính Chúa Ki-tô Phục Sinh ; từ nay chúng ta ở “trong Chúa Ki-tô”, và sống nhờ Thần Khí của Người. Thần Khí được ban xuống mở ra một kỷ

nguyên mới, trong đó tất cả phải được sáng tạo theo luật yêu thương, đối với những ai đã trở nên con cái Thiên Chúa.

Thế là thánh Phao-lô trở lại vấn đề dân Do-thái : nghĩ gì về toàn bộ dòng lịch sử dân Ít-ra-en này, một dân được Thiên Chúa hứa ban một vị cứu tinh mà cuối cùng lại không tiếp nhận Người ? Thánh Phao-lô sẽ chỉ ra cho biết không được lẫn lộn hai vấn đề : Thiên Chúa kêu gọi một dân tộc, để trao cho họ một vai trò đặc biệt trong lịch sử, và kêu gọi những cá nhân thuộc dân tộc ấy. Đối với mỗi người, tin vào Chúa Ki-tô sẽ là kết quả của ơn gọi nhưng không của Thiên Chúa.

Thánh Phao-lô đã gửi thư này vào năm 57 hoặc 58, có lẽ từ Cô-rin-tô. Cho đến nay ông ngỡ lời với các cộng đoàn mà ông quen biết và hiểu rõ các khó khăn. Lần này thì không phải vậy ; vào cuối phần trình bày, ông sẽ nói một cách khá tổng quát về đời sống Ki-tô hữu, và một cách đặc biệt hơn, về cung cách chấp nhận lẫn nhau giữa những người có gốc

gác rất khác nhau. Ở Rô-ma cũng như các nơi khác, tập hợp người Do-thái và những người tân tòng gốc ngoại để họ cùng làm chung một cộng đoàn là chuyện không đơn giản lắm. Vào thời ấy, thánh Phao-lô đã giảng cho họ điều mà ngày nay chính chúng ta vẫn không thực hành nổi : chấp nhận nhau với các dị biệt của nhau.

Thư gửi tín hữu Rô-ma trong Hội Thánh

Giờ đây không thể nói đến thư gửi tín hữu Rô-ma mà không có ít ra một lời về vị trí của bức thư đối với các Hội Thánh Tin Lành, trong quá khứ và tương lai.

Chúng ta biết ông Lu-tê-rô đã hun đúc cuộc Cải Cách trong thời gian bình giải lá thư này. Ông đã không sai lầm khi nhận thấy trong thư lời kết án một Hội Thánh hưởng thụ an lạc nơi trần gian, trong đó đức tin thường chỉ còn là những tập tục, những nghi lễ đã bị cắt đứt khỏi đức tin. Mà đức tin mới là giá trị chính yếu để được cứu độ. Quả thật, xã hội

Ki-tô giáo thời Trung Cổ là một đoàn dân có thể sánh với dân Ít-ra-en. Người ta sinh ra là Ki-tô hữu và nghĩ mình sẽ cứ như vậy cả đời. Người ta tin Chúa, nhưng không khác gì những người tin các thần linh trong bất cứ nền văn hoá nào, và tưởng mình có thể tự cứu lấy mình bằng những nghi thức tôn giáo, bằng cách đi làm phước để lập công lên thiên đàng.

Vậy nhắc nhớ rằng đức tin là linh hồn của mọi cuộc hoán cải là một điều rất đổi trọng đại, cũng như nhắc nhớ rằng hoán cải là đáp trả lời mời gọi nhưng không của Thiên Chúa. Trong thư này, chỉ có Đức Ki-tô Cứu Chúa, và như vậy đã đủ để phá giá toàn bộ guồng máy tôn giáo lúc bấy giờ, bị gò ép dưới những truyền thống và nghi thức sùng bái. Đã có đức tin, mà người ta chỉ giảng về luân lý, hay nói đúng hơn, người ta chỉ đưa ra những danh mục luân lý. Đã có Lời Chúa gửi đến cho mọi người, mà người ta chỉ đặt tin tưởng nơi các cha thầy. Vậy đây là một cuộc phê bình tận

căn về một Hội Thánh cuối cùng mãi lo chiêm ngắm chính mình thay vì hướng nhìn về Thiên Chúa, một Hội Thánh mà toàn bộ hệ thống chính trị, tín lý có khuynh hướng trấn áp và khép lại mọi chân trời mới.

Tuy nhiên chúng ta đã cho biết lá thư này đâm rễ sâu vào cả một kinh nghiệm của thánh Phao-lô trong cương vị là người Do-thái và người Pha-ri-sêu, sau đó là người tông đồ được Chúa Ki-tô kêu gọi trực tiếp. Chính khởi từ đó mà ngài nói về tội lỗi và ơn công chính hoá, về ơn gọi và ơn cứu độ nhờ đức tin. Còn về phía mình, ông Lu-tê-rô và các người đương thời của ông thì đọc thư này khởi từ các vấn nạn của họ – phải nói : từ những lo âu của họ.

Họ là những người tiêu biểu cho một xã hội Ki-tô giáo đang thời khảnh tận, một xã hội bị ám ảnh bởi viễn tượng tội lỗi và án phạt đời đời, nạn nhân của một thứ triết lý (duy danh), theo đó vạn vật không phải tự thân là tốt hay xấu, mà Thiên Chúa tuyên bố chúng như thế

nào thì chúng như thế ấy. Vậy tất cả những gì thánh Phao-lô nói về ơn tiền định dành cho dân Do-thái, thì họ đọc ra thành vấn đề tiền định dành cho cá nhân, có số phận lên thiên đàng hay xuống hoả ngục. Thánh Phao-lô nói Thiên Chúa làm cho chúng ta nên công chính—lúc ấy từ ngữ này chưa mang một ý nghĩa rõ ràng—để cho hiểu rằng Thiên Chúa tái lập nơi chúng ta một trật tự vốn là trật tự thật của chúng ta. Còn họ thì hiểu rằng nếu chúng ta tin, Thiên Chúa sẽ coi chúng ta là công chính mặc dù nơi chúng ta chẳng có gì thay đổi. Các viễn tượng rộng lớn về một nhân loại ba chìm bảy nổi dưới tác động của tội lỗi và ân sủng, bất lực tự giải thoát chính mình, sẽ thu hẹp lại thành một vấn đề cá nhân : tôi thật sự tự do hay chỉ là một con cờ của ân sủng ? Hiểu sát mặt chữ ngôn ngữ tượng hình của thánh Phao-lô, người ta sẽ dựng lên một giáo thuyết về tội nguyên thủy (tổ tông), theo đó tất cả chúng ta đều phải trả giá,

cho đến đời đời, tội phạm của vị thủy tổ.

Nhiều thế hệ Tin Lành và Công Giáo sẽ mang dấu vết các tranh luận này. Dù là nói về ơn cứu độ duy nhờ đức tin, hay nhờ đức tin và việc làm, hay nhờ đức tin, việc làm và các bí tích, thì tình yêu Chúa Cha và Đức Ki-tô Cứu Chúa vẫn mãi ở hàng thứ yếu, đứng sau cái ám ảnh về ơn cứu độ : làm sao tôi có thể xoay sở được trong cái khung cứng ngắc này mà Thiên Chúa giam hãm tôi ? Vị Thiên Chúa công minh, truyền xuống những phán quyết khắt khe, kết án hoả ngục một cách dễ dàng, sẽ là một chán thương tình thần mà phương Tây phải chịu, chuẩn bị cuộc nổi loạn là chủ nghĩa vô thần đấu tranh.

Ngày nay, hiểu biết điều ấy không phải là vô ích. Một khi đã thường xuyên tiếp xúc với thánh Phao-lô, và nhất là qua thư gửi tín hữu Rô-ma, thì có thể nhận thấy rằng, đối với ngài, Cha của Chúa Giê-su thật sự là một người cha, và Người được yêu mến muôn phần. Nơi ngài,

người ta khám phá trăm ngàn chi tiết biểu lộ kinh nghiệm ngài hiệp thông liên lý và sống “trong” Thiên Chúa Ba Ngôi, một kinh nghiệm rất gần với kinh nghiệm của thánh Gio-an.

Điều đó không cản trở chúng ta tìm lại trong thư này chính cái mà ông Lu-

tê-rô, sau thánh Âu-tinh, đã nhận thấy : một trình bày tài tình về mẫu nhiệm loài người được Chúa Ki-tô cứu độ. Có lẽ vì đã phân nào lãng quên lá thư và giáo thuyết này mà người Công Giáo thường hay tự đóng khung trong các nghi thức và bí tích, mà xao lãng sứ vụ của mình.

THƯ GỬI TÍN HỮU RÔ-MA

Lời mở đầu

1 * ¹ Tôi là Phao-lô, tôi tớ của Đức Ki-tô Giê-su ; tôi được gọi làm Tông Đồ, và dành riêng để loan báo Tin Mừng của Thiên Chúa. ² Tin Mừng ấy, xưa

Người đã dùng các ngôn sứ của Người mà hứa trước trong Kinh Thánh. ³ Đó là Tin Mừng về Con của Người là Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta.

* ^{1,1} *Tôi là Phao-lô, được dành riêng để loan báo Tin Mừng.* Thời ấy, từ *Tin Mừng* mang nghĩa chiến thắng. Thánh Phao-lô tự giới thiệu là người rao giảng sứ điệp giải thoát dành cho nhân loại.

Tin Mừng ở chỗ nào ? Con Thiên Chúa đã đến trần gian, đã chia sẻ thân phận chung của tất cả mọi người, rồi nhờ sự sống lại của Người, Người đã bước vào cõi vinh quang xứng hợp với Người.

Người đã được đặt làm Con Thiên Chúa (c.4). Cũng có thể dịch là “được thừa nhận” là Con Thiên Chúa. Như vậy không có nghĩa là trước khi sống lại, Chúa Giê-su không phải là Con Thiên Chúa, nhưng Người đã thật sự là một người trong chúng ta đến nỗi tính chất “Con Thiên Chúa” không hiện rõ ra chút nào. Trong ngày Phục Sinh, Thần Khí Thiên Chúa đã tràn ngập và biến đổi nhân tính của Người : từ nay Người hiện diện và hành động trong lịch sử chúng ta với tư cách là Con Thiên Chúa.

Nói chung thánh Phao-lô dành từ *Thiên Chúa* để chỉ Chúa Cha, nguồn mạch của hữu thể thần linh và của tất cả mọi sáng kiến thần linh : cùng với Chúa Con và Chúa Thánh Thần, toàn thể mầu nhiệm đời sống Thiên Chúa được hoàn thành, và chính trong đời sống này mà ơn gọi Ki-tô hữu đậm rề. Thánh Phao-lô sẽ luôn luôn nhắc đến danh thánh của Ba Ngôi Thiên Chúa.

Được dành riêng và được gọi làm tông đồ. Mười hai vị Tông Đồ đã được Chúa Giê-su tuyển chọn và huấn luyện, và trong ngày lễ Ngũ Tuần, Thánh Thần đã xác nhận các ngài trong sứ vụ của các ngài. Thánh Phao-lô là tông đồ đầu thua gì các ngài : ngài đã được chính Chúa Giê-su kêu gọi trên đường Đa-mát.

Chúng ta cùng khích lệ nhau vì chung một niềm tin (c.12). Cũng như mọi tín hữu, người tông đồ cần chia sẻ những lo âu, hy vọng và đức tin của mình : Hội Thánh là hiệp thông, và nếu không có tình hiệp thông này với anh em thì không ai trong chúng ta đi thẳng con đường trưởng thành của mình được.

Xét như một người phàm, Đức Giê-su Ki-tô xuất thân từ dòng dõi vua Đa-vít. ⁴ Nhưng xét như Đấng đã từ cõi chết sống lại nhờ Thánh Thần, Người đã được đặt làm Con Thiên Chúa với tất cả quyền năng.

⁵ Nhờ Người, chúng tôi đã nhận được đặc ân và chức vụ Tông Đồ, làm cho hết thảy các dân ngoại vâng phục Tin Mừng hầu danh Người được rạng rỡ. ⁶ Trong số đó, có cả anh em, là những người đã được kêu gọi để thuộc về Đức Giê-su Ki-tô.

⁷ Kính gửi tất cả anh em ở Rô-ma, những người được Thiên Chúa yêu thương, được kêu gọi làm dân thánh.

Xin Thiên Chúa là Cha chúng ta, và xin Chúa Giê-su Ki-tô ban cho anh em ân sủng và bình an.

Tạ ơn và cầu xin

⁸ Trước hết, nhờ Đức Giê-su Ki-tô, tôi tạ ơn Thiên Chúa của tôi về tất cả anh em, vì trong khắp hoàn cầu, ai ai cũng đều nói đến lòng tin của anh em. ⁹ Thiên Chúa là Đấng

tôi hết lòng thờ phượng khi loan báo Tin Mừng về Con của Người, chính Người làm chứng cho tôi là tôi hằng nhắc nhở đến anh em : ¹⁰ mỗi khi cầu nguyện, tôi hằng xin Người cho tôi có ngày nào được dịp tốt đến thăm anh em, nếu Người muốn.

¹¹ Thật vậy, tôi rất ước ao được gặp anh em, để chia sẻ với anh em phần nào ân huệ của Thánh Thần, nhờ đó anh em vững mạnh, ¹² nghĩa là để chúng ta cùng khích lệ nhau, bởi vì cả anh em lẫn tôi, chúng ta đều chung một niềm tin. ¹³ Thưa anh em, tôi không muốn để anh em chẳng hay biết là đã nhiều lần tôi có ý định đến thăm anh em, mong cũng thu lượm được kết quả nào đó nơi anh em, như đã thu lượm được nơi các dân ngoại khác, nhưng cho đến nay tôi cứ bị ngăn trở hoài. ¹⁴ Tôi mắc nợ người Hy-lạp cũng như người man-di, người thông thái cũng như người dốt nát. ¹⁵ Bởi vậy, tôi nóng lòng loan báo Tin Mừng cho cả anh em nữa, những người đang sống ở Rô-ma.

CON NGƯỜI ĐƯỢC CỨU ĐỘ NHỜ ĐỨC TIN

1. THIÊN CHÚA LÀM CHO CON NGƯỜI NÊN CÔNG CHÍNH

Đề tài bức thư

* 16 Vàng, tôi không hổ thẹn vì Tin Mừng. Quả thế, Tin Mừng là sức

mạnh Thiên Chúa dùng để cứu độ bất cứ ai có lòng tin, trước là người Do-thái, sau là người Hy-lạp. 17 Vì

* 1,16 *Tôi không hổ thẹn* (c.16). Vị Cứu Tinh mà thánh Phao-lô rao giảng là một người Do-thái chịu đóng đinh thập giá, một người thợ mộc vô danh tiểu tốt. Đã bao nhiêu lần người ta cười nhạo thánh Phao-lô khi ngài nói với họ về con người tử tội đã trở dậy từ cõi chết này, vị thẩm phán tương lai của toàn thể nhân loại !

Là sức mạnh Thiên Chúa (c.16). Có những phép lạ đi kèm theo việc rao giảng Tin Mừng, nhưng đó chỉ là những dấu chỉ. Thiên Chúa còn can thiệp một cách mạnh mẽ hơn biết bao để biến đổi con người và lịch sử ở bất cứ nơi đâu Tin Mừng được rao giảng.

Sự công chính... công chính hoá... người công chính... (c.17). Từ ngữ “sự công chính” được thánh Phao-lô sử dụng có nghĩa là “công bình” cũng như là “chính trực”. Đàng khác, khi ngài nói về “sự công chính” của Thiên Chúa, thì thường không có nghĩa Thiên Chúa là Đấng Công Chính : Thiên Chúa công chính có nghĩa là Thiên Chúa can thiệp để cho thế giới phục hồi trật tự. Và đặc biệt hơn, “sự công chính” của Thiên Chúa làm cho con người trở thành “công chính”, nghĩa là ngay lành trước mắt Người. Điều quan trọng là phải hiểu rằng các từ “sự công chính” và “người công chính” mang một nghĩa rất rộng trong từ vựng Ki-tô giáo, và cuối cùng được dùng để chỉ về tất cả những gì là tốt đẹp, có thể nói : một cuộc sống đẹp lòng Thiên Chúa. “Người công chính” gần như là một vị thánh, theo nghĩa chúng ta hiểu ngày nay, hay nói khiêm tốn hơn, là một người đã được Thiên Chúa cho phục hồi trật tự.

Vì thế chúng ta cũng sẽ dịch cụm từ “Thiên Chúa công chính hoá chúng ta” ra thành : Thiên Chúa làm cho chúng ta nên công chính và thánh thiện, hoặc : Thiên Chúa ban cho chúng ta đức chính trực công minh.

Cũng như nhiều người khác, người Do-thái nghĩ rằng con người trở nên tốt lành nhờ cố gắng cá nhân của mình. Thánh Phao-lô vận lại rằng thứ công bình chính trực mà Thiên Chúa lưu tâm là một điều khác hẳn : một điều vượt xa ngàn trùng những gì con người tự mình có thể làm. Chúng ta là người công chính và là bạn hữu Thiên Chúa khi Người cho chúng ta được đến gần Người và rửa thương thánh hoá chúng ta.

trong Tin Mừng, sự công chính của Thiên Chúa được mặc khải, nhờ đức tin để đưa đến đức tin, như có lời chép : *Người công chính nhờ đức tin sẽ được sống.*

A. NGƯỜI NGOẠI VÀ NGƯỜI DO-THÁI PHẢI CHỊU CƠN THỊNH NỘ CỦA THIÊN CHÚA

Người ngoại phải chịu cơn thịnh nộ của Thiên Chúa

* 18 Thật vậy, từ trời, Thiên Chúa mặc khải cơn thịnh nộ của Người chống lại mọi thứ vô luân và bất

chính của những người lấy sự bất chính mà giam hãm chân lý.¹⁹ Những gì người ta có thể biết về Thiên Chúa, thì thật là hiển nhiên trước mắt họ, vì

Các Tông Đồ rao giảng Tin Mừng cho hai hạng người :

– người Do-thái, những người đã từng được Thiên Chúa chuẩn bị đón nhận một Đấng Cứu Tinh,

– người Hy-lạp (nghĩa là những người thời bấy giờ nói tiếng Hy-lạp). Đối với người Do-thái, tất cả các thần dân khác của đế quốc Rô-ma đều là người Hy-lạp. Các dân này không được biết lời Thiên Chúa và không hy vọng gì nơi Người.

Nhưng thánh Phao-lô thì cho thấy rằng mọi người, kể cả người Do-thái, đều cần đến Tin Mừng, vì mọi người đều sống trong tội lỗi.

* 1,18 Trong các đoạn này, thánh Phao-lô ngỏ lời với thế giới ngoại giáo người Hy-lạp : họ đại diện cho phần lớn nhân loại đã không được nghe biết Lời Thiên Chúa. Thật ra, lương tâm của họ đâu vắng bóng Thiên Chúa, và trong bao nhiêu thế kỷ văn minh và tìm kiếm thiêng liêng, họ đã cố gắng nhận biết Thiên Chúa và chân lý. Nhưng thánh Phao-lô chứng minh rằng dù nhân loại có nỗ lực như thế vẫn phải thất bại : tình trạng ngu muội và vô luân lan tràn rộng rãi hơn ở những nước không được nghe Thiên Chúa ban Lời như Người đã ban Lời cho dân Do-thái. Chúng ta cũng có thể tự hỏi mình đang ở tình trạng nào, sau một hoặc hai thế kỷ người ta tự hào có khả năng uốn nắn lương tâm con người mà không cần nhắc đến Thiên Chúa.

Tuy biết Thiên Chúa, họ đã không tôn vinh Người (c.21). Phải so sánh bản văn này với một bản văn khác trong sách Khôn ngoan (ch. 13) và với bài giảng của thánh Phao-lô trong Cv 17,27-29. Các bản văn này cho chúng ta biết tất cả mọi người đều có thể nhận biết Thiên Chúa. Ai ngắm nhìn thế giới hoặc suy tư về cuộc đời thì dễ dàng tìm gặp ở đó những dấu chỉ có Thiên Chúa hiện diện. Nhưng khi sống trong tội lỗi thì người ta lấy sự bất chính mà giam hãm chân lý (c.18).

chính Thiên Chúa đã cho họ thấy rõ.²⁰ Quả vậy, những gì người ta không thể nhìn thấy được nơi Thiên Chúa, tức là quyền năng vĩnh cửu và thần tính của Người, thì từ khi Thiên Chúa tạo thành vũ trụ, trí khôn con người có thể nhìn thấy được qua những công trình của Người. Do đó, họ không

thể tự bào chữa được,²¹ vì tuy biết Thiên Chúa, họ đã không tôn vinh hay cảm tạ Người cho phải đạo. Trái lại, đầu óc họ suy luận viển vông và tâm trí ngu si của họ hoá ra mê muội.²² Họ khoe mình khôn ngoan, nhưng đã trở nên điên rồ.²³ Thay vì Thiên Chúa vinh quang bất tử, họ đã thờ hình tượng

Loài người vẫn luôn tôn thờ một Thiên Chúa, nhưng hiểu biết của họ về Người rất lơ mờ. Mọi lầm lẫn về Thiên Chúa là nguyên nhân những lầm lẫn về con người và văn minh. Đức tin không phải là một môn nhiệm ý, hay một xa xỉ phẩm, như thể người ta không có đức tin cũng vẫn có thể sống thoải mái như thường. Dĩ nhiên, một phần lớn hành tinh chúng ta chẳng thấy cần đến đức tin chút nào. Nhưng nếu rút bỏ đi hết những gì đức tin đã mang lại cho văn hoá và đời sống chúng ta, thì thế giới sẽ rũ chét vì thiếu hy vọng, như trường hợp các dân tộc hoặc những con người đã chối bỏ đức tin.

Thiên Chúa đã để mặc họ buông theo dục tình đồi bại (c.26). Thánh Phao-lô nhấn mạnh hiện tượng đồng tính luyến ái. Trong thế giới Hy-lạp thời bấy giờ, đồng tính luyến ái được chấp nhận và thậm chí còn được các triết gia vĩ đại nhất tán dương nữa. Thánh Phao-lô nói : đấy không phải là dấu chỉ một tinh thần cởi mở hoặc phóng khoáng hơn đâu, đấy là bằng chứng người ta không nhận biết Thiên Chúa.

Lời kết án này chỉ lặp lại những lời kết án của Cựu Ước (Lv 20,13), và ngày nay xem ra đã lỗi thời ở những nước mà chủ nghĩa tự do thật tình được tôn làm đạo lý : được phép làm mọi sự, cái gì cũng đều tốt, tùy mức đồng tiền cũng như sức khoẻ người ta sẵn có. Giới tính không còn đảm nhận một trách nhiệm nào, và chỉ cần hai bên đối ngẫu thoả thuận nhau là dứt khoát biện minh được cho mọi việc. Trong thực tế, khi mà loài thụ tạo, động vật hay chế phẩm, đã chiếm lấy chỗ của Thiên Chúa, thì ngay cả người Ki-tô hữu cũng sẽ nghĩ rằng phạm những gì họ muốn xem là tốt đẹp đều được Thiên Chúa cho là tốt đẹp : *Họ đã không tôn vinh Thiên Chúa, đầu óc họ suy luận viển vông (c.21).*

Thật ra, đồng tính luyến ái là một dạng tôn thờ ngẫu tượng là thân xác mình. Dĩ nhiên, vấn đề không phải là kết án những người có khuynh hướng đồng tính luyến ái, dù là do bản tính tự nhiên, dù là, phổ biến hơn, do méo mó văn hoá.

người phạm là loài phải chết, hay hình tượng các loài chim chóc, thú vật, rắn rết.

²⁴ Vì thế, Thiên Chúa đã để mặc họ buông theo dục vọng mà làm những điều ô uế, khiến thân thể họ ra hư hèn. ²⁵ Thay vì Thiên Chúa thật, họ đã theo những thần giả ; họ đã tôn thờ những loài thụ tạo, thay vì chính Đấng Tạo Hoá. Chúc tụng Người đến muôn thuở muôn đời. Amen.

²⁶ Bởi thế, Thiên Chúa đã để mặc họ buông theo dục tình đồi bại. Đàn bà không quan hệ theo lẽ tự nhiên, mà lại làm điều trái tự nhiên. ²⁷ Đàn ông cũng vậy, không quan hệ với đàn bà theo lẽ tự nhiên, mà lại đem lòng thèm muốn lẫn nhau : đàn ông bậy bạ với đàn ông. Như vậy là chuốc vào thân hình phạt xứng với sự lầm lạc của mình.

²⁸ Vì họ đã không thèm nhận biết Thiên Chúa,

nên Người đã để mặc họ theo trí óc lệch lạc mà làm những điều bất xứng, ²⁹ lòng họ đầy bất chính, xấu xa, tham lam, độc ác đủ thứ ; nào là ganh tị, giết người, cãi cọ, mưu mô, thâm hiểm ; nào là nói hành nói xấu, ³⁰ vu oan giá họa. Họ thù ghét Thiên Chúa, ngạo ngược, kiêu căng, khoác lác, giỏi làm điều ác, không vâng lời cha mẹ, ³¹ không có lương tri, không giữ lời hứa, không chút tình cảm, không chút xót thương.

³² Họ thừa biết phán quyết của Thiên Chúa là : hễ ai làm những điều như vậy thì đáng chết. Thế mà không những họ cứ phạm những tội đó, lại còn tán thành những kẻ làm như vậy.

Người Do-thái cũng phải chịu cơn thịnh nộ của Thiên Chúa

2 * ¹ Hỡi người, dù bạn là ai đi nữa mà bạn xét đoán, thì bạn cũng

* **2,1** *Bạn cũng không thể tự bào chữa được.* Thánh Phao-lô ngỡ lời với người Do-thái đang chờ đợi Thiên Chúa xét xử thế giới, xác tín rằng phần họ thì sẽ không bị kết án vì đã theo đạo thật. Thánh Phao-lô nhắc nhở họ điều mà chính chúng ta đã biết : người ta càng có nhiều kiến thức tôn giáo thì càng có nhiều chứng cứ để biện minh cho lầm lỗi của mình.

không thể tự bào chữa được. Vì khi bạn xét đoán người khác, mà bạn cũng làm như họ, thì bạn tự kết án chính mình. ² Chúng ta biết rằng : Thiên Chúa cứ theo sự thật mà xét xử những ai làm những điều đó. ³ Còn bạn, hỡi người xét đoán những kẻ làm những điều đó trong khi chính mình cũng làm như vậy, bạn tưởng mình sẽ khỏi bị Thiên Chúa xét xử sao ? ⁴ Hay là bạn coi thường lòng Chúa vô cùng nhân hậu, khoan dung, đại lượng, mà không nhận ra rằng : Thiên Chúa nhân hậu như thế là để thúc giục bạn hối cải sao ? ⁵ Thế nhưng bạn lòng chai dạ đá không chịu hối cải, và như

vậy bạn càng làm cho cơn thịnh nộ của Thiên Chúa chồng chất trên đầu bạn, trong ngày Thiên Chúa nổi cơn thịnh nộ và biểu lộ phán quyết công minh. ⁶ Ngày đó, Thiên Chúa sẽ *thưởng phạt mỗi người tùy theo việc họ làm* ; ⁷ những ai bền chí làm việc thiện mà tìm vinh quang, danh dự và phúc trường sinh bất tử, thì Thiên Chúa sẽ cho họ được sống đời đời ; ⁸ còn những ai chống Thiên Chúa mà không vâng phục chân lý và chạy theo điều ác, thì Người sẽ nổi trận lôi đình, trút cơn thịnh nộ xuống đầu họ. ⁹ Người sẽ bắt mọi kẻ làm điều ác phải gian nan khốn khổ, trước là người

Thiên Chúa sẽ ban cho *sự sống đời đời... vinh quang và danh dự* (cc. 7.10). Thánh Phao-lô vừa mới lên án sự bất chính và sự dữ trong thế giới ngoại giáo. Giờ đây ngài nhìn nhận có nhiều người sống ngay lành mặc dầu họ không theo đạo thật. Trong đoạn này, ngài quả quyết hai điều :

– Thiên Chúa sẽ xét xử mỗi người theo tiêu chuẩn mỗi cá nhân có được : lương tâm cá nhân hoặc Lễ Luật.

– Thiên Chúa cũng có những con cái Người trong số những kẻ không tin : Người sẽ xét xử họ giống y như Người xét xử chúng ta, tùy theo con đường mà Người đã an bài cho họ đi.

Ở nhiều chỗ, thánh Phao-lô đặt đối lập *chữ viết* và *tinh thần* (cc. 27-29). *Chữ viết* chỉ về các điều răn viết thành văn mà người Do-thái cố gắng tuân giữ, nhưng các điều răn này vẫn là ở bên ngoài. Mục đích các điều răn là nhằm đưa đến chỗ hoá cải nội tâm : đó là *tinh thần*. Cũng có hai nhóm từ ngữ đối lập nhau trong các thư thánh Phao-lô : xác thịt, giao ước cũ, điều răn, Lễ Luật, chữ viết... và Thần Khí, giao ước mới, lời hứa, tinh thần...

Do-thái, sau là người Hy-lạp.¹⁰ Nhưng Người sẽ ban vinh quang, danh dự và bình an cho tất cả những ai làm điều thiện, trước là người Do-thái, sau là người Hy-lạp,¹¹ vì Thiên Chúa không thiên vị ai.

Mặc dầu có Luật Mô-sê

¹² Quả thế, những người không biết Luật Mô-sê mà phạm tội, thì sẽ bị diệt vong không chiếu theo Luật đó. Còn những người sống dưới Luật Mô-sê mà phạm tội, thì sẽ bị xét xử theo Luật đó.¹³ Thật vậy, người ta được Thiên Chúa coi là công chính, không phải vì nghe biết Lễ Luật, nhưng là vì tuân giữ Lễ Luật.¹⁴ Dân ngoại là những người không có Luật Mô-sê ; nhưng mỗi khi họ theo lẽ tự nhiên mà làm những gì Luật dạy, thì họ là Luật cho chính mình, mặc dầu họ không có Luật Mô-sê.¹⁵ Họ cho thấy là điều gì Luật đòi hỏi, thì đã được ghi khắc trong lòng họ. Lương tâm họ cũng chứng thực điều đó, vì họ tự phán đoán trong lòng, khi thì cho mình là trái, khi thì cho mình là phải.¹⁶ Người ta sẽ thấy điều đó, trong

ngày Thiên Chúa cho Đức Ki-tô Giê-su đến xét xử những gì bí ẩn nơi con người theo Tin Mừng tôi rao giảng.

¹⁷ Còn bạn, bạn mang tên là người Do-thái, lại ỷ rằng mình có Lễ Luật, và tự hào vì có Thiên Chúa ;¹⁸ bạn được biết ý Người, được Lễ Luật dạy cho điều hay lẽ phải ;¹⁹ bạn xác tín rằng mình là người dẫn dắt kẻ mù loà, là ánh sáng cho kẻ ở trong bóng tối,²⁰ là nhà giáo dục kẻ u mê, là thầy dạy người non dại, vì bạn tưởng mình có Lễ Luật là có tất cả tri thức và chân lý :²¹ Vậy, bạn biết dạy người khác, mà lại không dạy chính mình ! Bạn giảng : đừng trộm cắp, mà bạn lại trộm cắp !²² Bạn nói : chớ ngoại tình, mà bạn lại ngoại tình ! Bạn gớm ghét ngẫu tượng, mà bạn lại cướp bóc đền miếu !²³ Bạn tự hào vì có Lễ Luật, mà bạn lại vi phạm Lễ Luật, và như vậy bạn làm nhục Thiên Chúa !²⁴ Thật đúng như lời chép : *Chính vì các người mà danh Thiên Chúa bị sỉ báng giữa chư dân.*

Mặc dầu có phép cắt bì

²⁵ Còn phép cắt bì, đã hẳn là có ích, nếu bạn thi hành Lễ Luật. Nhưng nếu bạn vi phạm Lễ Luật, thì bạn có được cắt bì cũng kể như không cắt bì. ²⁶ Trái lại, nếu người không được cắt bì mà giữ những điều Luật dạy, thì tuy họ không được cắt bì, Thiên Chúa chẳng coi họ như đã được cắt bì sao? ²⁷ Người không được cắt bì trong thân xác mà vẫn chu toàn Lễ Luật, người ấy sẽ lên án bạn, vì bạn có Lễ Luật ghi chép hẳn hoi và bạn đã được cắt bì, mà vẫn vi phạm Lễ Luật. ²⁸ Thật vậy, người Do-thái chính hiệu không phải là căn cứ vào cái thấy được bên ngoài, phép cắt bì chính hiệu không phải là căn cứ vào cái thấy được bên ngoài, nơi thân xác.

²⁹ Nhưng người Do-thái chính hiệu là người Do-thái tận đáy lòng, phép cắt bì chính hiệu là phép cắt bì trong tâm hồn, theo tinh thần của Lễ Luật chứ không phải theo chữ viết của Lễ Luật. Người như thế được Thiên Chúa chứ không phải người phàm khen ngợi.

Mặc dầu có lời hứa của Thiên Chúa

3 * ¹ Vậy thì người Do-thái được gì hơn? Phép cắt bì có ích lợi gì? ² Nhiều lắm chứ! Về mọi mặt! Trước hết, họ đã được Thiên Chúa giao phó lời Người cho họ. ³ Nhưng nếu có một số người Do-thái không trung tín thì sao? Chẳng lẽ sự bất trung bất tín của họ lại làm cho lòng trung tín của

* **3,1** *Chúng ta đã chứng minh rằng mọi người đều bị tội lỗi thống trị* (c.9). Đây là câu trọng tâm của đoạn thư. Như người khác, người Do-thái phải có một thái độ đức tin và chịu hoán cải. Nhưng chính đây là điều họ khó mà hiểu được vì đã từng được Thiên Chúa dạy bảo và vẫn luôn là những người có đức tin. Họ tưởng mình được cứu độ vì họ được mang trên thân thể vết tích của phép cắt bì.

Người Do-thái được gì hơn? (c.1) Đó là câu hỏi người Do-thái đặt ra cho thánh Phao-lô khi ngài nói đến ơn cứu độ được ban cho những ai không biết Lễ Luật, nghĩa là không biết đạo Thiên Chúa đã dạy. Đó cũng là câu hỏi mà người Ki-tô hữu thời cận đại tự đặt ra, một khi họ không còn nghĩ rằng tất cả những ai sống mà không tin Chúa Ki-tô và Hội Thánh thì sẽ xuống hoả ngục. Giả có vậy thì may mắn biết bao nếu chúng ta được như họ: chúng ta sẽ được cứu độ mà không cần phải mang chi cho nặng cái ách đạo lý Ki-tô giáo!

Thiên Chúa ra vô hiệu ? chân thật, còn mọi người
 4 Không phải thế ! Thiên đều giả dối. Như có lời
 Chúa nhất định là Đấng chép trong Kinh Thánh :

*Như vậy, Ngài thật công bình khi tuyên án,
 liêm chính khi xét xử.*

5 Nhưng nếu sự bất khi Người trút cơn thịnh
 chính của chúng tôi làm nộ ? Ấy là tôi nói theo
 nổi bật sự công chính của kiểu người phàm. 6 Không
 Thiên Chúa, thì phải nói phải thế ! Vì giả như
 sao ? Phải chăng Thiên Thiên Chúa không công
 Chúa không công chính chính, thì làm sao Người

Thiên Chúa giao phó lời Người cho họ. Thay vì nghĩ như trên, thánh Phao-lô mời gọi người Do-thái –và như vậy cả chúng ta nữa– hãy chú tâm vào ân sủng phi thường mà Thiên Chúa đã ban cho họ khi Người tự mặc khải cho họ qua Lời của Người và khi làm cho họ trở nên chứng nhân những kỳ công của Người.

Chính vì thế mà phép rửa chúng ta lãnh nhận đưa chúng ta nhập vào số ít người được gọi là “dân Thiên Chúa”, được Thiên Chúa uỷ thác một sứ mạng trong thế giới, bên cạnh bao nhiều người khác đến với Thiên Chúa mà không được biết các bí mật và Đức Ki-tô của Người. Phép rửa đầu phải là một thứ bảo hiểm cho phép chúng ta có quyền cảm thấy mình tốt lành hơn kẻ khác.

Đoạn 3,4-8 thì không dễ hiểu, là một đoạn trong ngoặc cắt ngang dòng tư tưởng : tiếp theo 3,3 là 3,9. Thánh Phao-lô đi trạch mạch văn vì điều ngài nói ở 3,3 gọi cho ngài nhớ đến hai việc :

– một chân lý mà ngài dạy : Thiên Chúa rút ra điều thiện ngay cả từ tội lỗi chúng ta ;

– cách suy diễn hiểm độc mà các đối thủ của ngài đưa ra : không cần tuân giữ luật lệ Thiên Chúa nữa thì ông ấy sẽ rất hài lòng.

Mà thánh Phao-lô thì chỉ muốn nói rằng điều này không dẫn đến điều kia.

Ở 3,4 từ *giả dối* phải được hiểu theo nghĩa tiếng Híp-ri : người làm trái ngược điều người ta mong đợi (ở 3,7 chúng tôi đã dịch như thế).

Luật chẳng qua chỉ làm cho người ta ý thức về tội (c.20). Luật Do-thái, hoặc Luật Mô-sê, chỉ toàn bộ các luật lệ tôn giáo, phụng vụ, luân lý và xã hội, cai quản dân Ít-ra-en (x. 7,4). Nhưng trong các thư thánh Phao-lô, Luật đôi khi chỉ Kinh Thánh, và đôi khi chỉ đạo Do-thái. Nhiều người Do-thái tưởng mình xứng đáng hưởng ơn cứu độ vì tuân giữ Luật, nhưng thánh Phao-lô thì nói chúng ta sẽ không có khả năng trở nên công chính, nghĩa là đứng đắn dưới mắt Thiên Chúa, bằng nỗ lực của riêng mình : phải từ bỏ ý nghĩ Thiên Chúa mắc nợ ta nên phải thưởng công ta.

phán xét thế gian được ?
⁷ Nhưng nếu sự giả dối của tôi làm cho thấy rõ hơn Thiên Chúa là Đấng chân thật, và như vậy càng tôn vinh Người, thì tại sao tôi lại còn bị kết án là kẻ tội lỗi ?⁸ Thế thì “Sao ta không cứ làm điều dữ đi, để nhờ đó mà được điều lành ?” như có những kẻ vu cho chúng tôi nói câu đó. Họ có bị kết tội cũng là đích đáng.

Mọi người đều bị tội lỗi thống trị

⁹ Vậy thì sao ? Người Do-thái chúng tôi có hơn gì người khác không ? Không hơn gì cả ! Quả thế, chúng ta đã chứng minh rằng mọi người, Do-thái cũng như Hy-lạp đều bị tội lỗi thống trị.¹⁰ Như có lời chép rằng : *Không ai là người công chính, dẫu một người cũng không ;¹¹ chẳng ai có lương tri, chẳng ai kiếm tìm Thiên Chúa.¹² Người người đã lìa xa chính lộ, chỉ biết*

theo nhau làm chuyện suy đồi ; chẳng có một ai làm điều thiện, dẫu một người cũng không.¹³ Cửa họng chúng như nắm mồ mở rộng, khéo đẩy đưa ba tác lười phỉnh phờ, chúng chứa đầy môm nọc độc hổ mang,¹⁴ miệng độc dữ điều ngoa những buông lời nguyên rủa.¹⁵ Chúng nhanh chân đi đổ máu người ta,¹⁶ đi tới đâu cũng gieo tai rắc họa.¹⁷ Chúng chẳng biết con đường đưa tới bình an,¹⁸ chẳng thấy cần phải kính sợ Thiên Chúa.

¹⁹ Chúng ta biết rằng : tất cả những gì sách Luật nói là nhằm những người sống dưới Luật đó. Như vậy ai ai cũng phải cảm miêng và mọi người trên thế gian đều mắc tội trước tòa Thiên Chúa.²⁰ Bởi lẽ trước nhan Chúa, không người phạm nào được nhìn nhận là công chính vì đã làm những gì Luật dạy. Luật chẳng qua chỉ làm cho người ta ý thức về tội.

B. CON NGƯỜI ĐƯỢC NÊN CÔNG CHÍNH NHỜ ĐỨC TIN

Thiên Chúa cho thấy Người là Đấng Công Chính

* ²¹ Nhưng ngày nay, sự công chính của Thiên

Chúa đã được thể hiện mà không cần đến Luật Mô-sê. Điều này, sách Luật và các ngôn sứ làm chứng.
²² Quả thế, người ta được

* 3,21 Cho đến đây thánh Phao-lô đã triển khai hai điểm : toàn thể giới nằm dưới ách tội lỗi ; tuân giữ Luật không đủ để đạt tới ơn cứu độ. Giờ đây ngài giới thiệu Tin Mừng : Thiên Chúa đã đến cứu chúng ta nhờ Chúa Ki-tô.

Mọi người bị tước mất vinh quang Thiên Chúa (c.23). Thiên Chúa không cam lòng để con người ở trong tình trạng hiện nay, cho dù con người cam phạm trong cảnh tâm thường của mình. Thiên Chúa mời gọi chúng ta chia sẻ vinh quang của Người, nghĩa là toàn bộ những gì sâu thẳm nơi Người, tất cả những gì làm cho Người nên nhiệm mầu, cao cả, hạnh phúc và vinh hăng. Thiên Chúa đã tạo dựng chúng ta để cho chúng ta đi vào tình hiệp thông với Người, mà vì Người vượt tâm với của chúng ta, nên chính Người đưa tay cứu chúng ta và làm cho chúng ta nên công chính (c.26). Chúng ta đã nói ở 1,17 rằng người công chính là người ngay lành và được tái tạo đẹp ý Thiên Chúa.

Giờ đây, với những ai tưởng mình có công vì đã tuân giữ các điều răn, thánh Phao-lô tuyên bố rằng sự hoàn hảo đích thực là từ trời cao mà đến với chúng ta và được ban cho chúng ta. Cách sống tốt lành duy nhất, theo như Thiên Chúa đòi hỏi chúng ta, là tham dự vào sự hoàn hảo và tình yêu vốn đã có trong Thiên Chúa.

Thánh Phao-lô thấy khó diễn tả mâu nhiệm cứu độ khi sử dụng các từ ngữ thuộc từ vựng tôn giáo, vì nó vẫn còn gợi lên hình ảnh một Thiên Chúa đầy những nét tàn bạo. Ngài vừa mới nói đến sự công chính của Thiên Chúa, nhưng tác động của sự công chính ấy trước hết là làm cho con người phục hồi trật tự. Ngài đã nói đến “cơn thịnh nộ” của Thiên Chúa, cơn giận của Người trước sự dữ, nhưng kết quả cơn thịnh nộ này lại là cuộc giáng lâm của Đấng Cứu Độ. Ngài nói Thiên Chúa đã làm cho Đức Ki-tô trở thành lễ vật hy sinh mà chúng ta cần đến để đền tội chúng ta. Nhưng không được nghĩ rằng Thiên Chúa thịnh nộ đòi hỏi một người vô tội phải đau khổ. Chính Thiên Chúa ban lễ vật hy sinh khi hiến mình cho chúng ta, và cuộc giáng lâm của Chúa Giê-su nói lên tình yêu bao la của Chúa Cha. Vậy thánh Phao-lô đem lại cho các từ ngữ này một ý nghĩa hoàn toàn mới : ơn cứu độ Ki-tô giáo là một điều tuyệt đối mới, mà các thuyết ngoại giáo không hề biết đến. Thiên Chúa rồi sẽ lập nên công lý, trật tự đích thực, nhưng không phải bằng cách kết án mà bằng cách cứu độ. Thiên Chúa chiến thắng sự dữ bằng tình yêu, và những ai trước đó không biết yêu là gì sẽ được cứu độ.

Thiên Chúa làm cho nên công chính nhờ lòng tin vào Đức Giê-su Ki-tô. Tất cả những ai tin đều được như thế, bất luận là ai.²³ Thật vậy, mọi người đã phạm tội và bị tước mất vinh quang Thiên Chúa,²⁴ nhưng họ được trở nên công chính do ân huệ Thiên Chúa ban không, nhờ công trình cứu chuộc thực hiện trong Đức Ki-tô Giê-su.²⁵ Thiên Chúa đã đặt Người làm hy lễ xá tội nhờ máu của Người cho những ai có lòng tin. Như vậy, Thiên Chúa cho thấy Người là Đấng Công Chính. Trước kia, trong thời Thiên Chúa nhẫn nại, Người đã bỏ qua các tội lỗi người ta phạm.²⁶ Nhưng bây giờ, Người muốn cho thấy rằng Người vừa là Đấng Công Chính, vừa làm cho kẻ tin vào Đức Giê-su được nên công chính.

Vai trò của đức tin

²⁷ Vậy thì hãnh diện ở chỗ nào ? Chẳng còn gì để hãnh diện ! Dựa vào luật nào mà hãnh diện ? Vào việc làm chăng ? Không, nhưng dựa vào lòng tin.²⁸ Thật vậy, chúng tôi nghĩ rằng : người ta được nên công chính vì tin, chứ không phải vì làm những gì Luật dạy.²⁹ Hay là Thiên Chúa chỉ là Thiên Chúa của người Do-thái thôi ? Thiên Chúa không là Thiên Chúa của các dân ngoại nữa sao ? Có chứ ! Người cũng là Thiên Chúa của các dân ngoại nữa,³⁰ vì chỉ có một Thiên Chúa, Đấng làm cho người được cắt bì nên công chính vì họ tin, và làm cho người không được cắt bì nên công chính cũng bởi họ tin.³¹ Vậy có phải là chúng ta dựa vào đức tin mà huỷ bỏ Lễ Luật chăng ? Không phải thế ! Trái lại, chúng ta củng cố Lễ Luật.

Những điều nói trên cho phép chúng ta đem đặt "Lễ Luật" (c.31) cũng như các tôn giáo khác trở về vị trí của nó. Các tôn giáo ấy đã được Thiên Chúa dùng để cứu độ loài người, nhưng có bao giờ đem lại cho loài người cái phúc được hoàn toàn thuận hảo với Người đâu.

C. GƯƠNG TỐ PHỤ ÁP-RA-HAM

Ông Áp-ra-ham được nên công chính vì đã tin

4 * ¹ Vậy phải nói sao về ông Áp-ra-ham, tổ phụ dân tộc chúng tôi ? Ông đã được gì ? ² Giả như ông Áp-ra-ham được nên công chính vì những việc ông đã làm, thì ông có lý do để hãnh diện ; nhưng không phải là hãnh diện trước mặt Thiên Chúa. ³ Thật vậy, Kinh Thánh

nói gì ? Ông Áp-ra-ham đã tin Thiên Chúa, và vì thế được kể là người công chính. ⁴ Người nào làm việc, thì lương trả cho người ấy không được kể là ân huệ, mà là nợ. ⁵ Trái lại người nào không dựa vào việc làm nhưng tin vào Thiên Chúa, Đấng làm cho kẻ vô đạo nên công chính, thì lòng tin làm cho người ấy được Thiên Chúa kể là công chính. ⁶ Đó là điều

* 4,1 Vậy thì thánh Phao-lô yêu cầu các anh em Do-thái của ngài trở về nguồn mạch khởi. Rất lâu trước khi có Luật Mô-sê thì đã có đức tin của ông Áp-ra-ham : có nghĩa là đức tin là cái căn bản hơn, phổ quát hơn, trong khi "Luật" là một hình thức tôn giáo riêng biệt của người Do-thái, và chỉ có hiệu lực trong một thời gian lịch sử của họ. Thánh Phao-lô hỏi : làm sao ông Áp-ra-ham đã trở nên bạn hữu của Thiên Chúa và gương mẫu các tín hữu ? Có phải vì ông đã tin vào các lời hứa của Thiên Chúa hay vì ông đã chịu cắt bì ? Cũng gần giống như hỏi một người Ki-tô hữu : Cái gì là quan trọng : tin vào Chúa Ki-tô, hay là chịu thanh tẩy ?

Câu trả lời đã rõ ràng : chúng ta trở nên bạn hữu của Thiên Chúa khi tin vào các lời hứa của Người. Nghi thức thanh tẩy đã xác nhận ân huệ của Thiên Chúa và sự đáp ứng đức tin của chúng ta.

Ông vẫn vững tin không nao núng, khi nghĩ rằng thân xác ông đã chết (c.19). Đức tin của ông Áp-ra-ham đã là đức tin của một người Ki-tô hữu : tin vào một Thiên Chúa làm cho kẻ chết trỗi dậy và có khả năng làm cả những gì không thể được.

Đức tin trở nên vô nghĩa (c.14). Ở đây thánh Phao-lô chỉ đúng vào một điểm chính yếu chúng ta thường không để ý. Tin vào một Thiên Chúa khen thưởng kẻ làm điều thiện và vâng theo luật Người là đã có đức tin rồi : x. Dt 11,6. Tuy nhiên một đức tin tiềm ẩn dưới lòng tôn kính và bản năng công lý thì hãy còn kém xa thái độ tin tưởng của một Áp-ra-ham không hề hoài nghi lòng trung tín của Thiên Chúa, sau khi được Thiên Chúa ban một lời hứa. Trong tôn giáo nào cũng có một chút gì đó của lòng tin, nhưng đối với một Ki-tô hữu thì đức tin là tất cả : luật chơi của chúng ta ở đây với Thiên Chúa là hai bên giử cho nhau chữ tín.

vua Đa-vít nói khi ca tụng chính mà không xét đến hạnh phúc của người được việc làm :
Thiên Chúa kể là công

⁷ *Hạnh phúc thay kẻ lỗi lầm mà được tha thứ,
người có tội mà được khoan dung !*

⁸ *Hạnh phúc thay người Chúa không kể là có tội !*

Không phải vì chịu phép cắt bì

⁹ Lời ca tụng hạnh phúc này chỉ áp dụng cho những người được cắt bì, hay cho cả những người không được cắt bì nữa ? Quả vậy, như chúng ta vừa nói : Ông Áp-ra-ham đã tin, và vì thế được kể là người công chính. ¹⁰ Ông được kể là người công chính khi nào ? Trước hay sau khi ông được cắt bì ? Không phải sau, mà là trước khi ông được cắt bì ! ¹¹ Ông nhận được phép cắt bì như dấu hiệu chứng thực rằng : nhờ tin mà ông được trở nên công chính, trước khi được cắt bì. Như vậy, ông là cha của mọi kẻ tin mà không được cắt bì, và vì tin nên được kể là công chính. ¹² Ông cũng là cha của những người được cắt bì, nhưng không phải chỉ được cắt bì, mà còn đòi bước tổ phụ chúng ta là ông Áp-ra-ham, trên đường đức tin, đức tin ông đã có trước khi được cắt bì.

Không phải vì giữ Lễ Luật

¹³ Thật vậy, không phải chiếu theo Lễ Luật, mà Thiên Chúa đã hứa cho ông Áp-ra-ham và dòng dõi ông được thế gian làm gia nghiệp ; nhưng ông được lời hứa đó, vì đã trở nên công chính nhờ lòng tin. ¹⁴ Nếu gia nghiệp được dành cho những kẻ lệ thuộc vào Lễ Luật, thì đức tin trở nên vô nghĩa, và lời Thiên Chúa hứa bị huỷ bỏ. ¹⁵ Quả thế, Luật gây nên cơn thịnh nộ của Thiên Chúa, còn ở đâu không có Lễ Luật, thì cũng không có vi phạm. ¹⁶ Bởi vậy, vì tin mà người ta được thừa hưởng lời Thiên Chúa hứa ; như thế lời hứa là ân huệ Thiên Chúa ban không, và có giá trị cho toàn thể dòng dõi ông Áp-ra-ham, nghĩa là không phải chỉ cho những ai giữ Lễ Luật, mà còn cho những ai có lòng tin như ông. Ông là tổ phụ chúng ta hết thảy, ¹⁷ như có lời chép : *Ta đã đặt người*

làm tổ phụ nhiều dân tộc. Ông là tổ phụ chúng ta trước mặt Thiên Chúa, Đấng ông tin tưởng, Đấng làm cho kẻ chết được sống và khiến những gì không có hoá có.

Lòng tin của ông Áp-ra-ham và lòng tin của chúng ta

¹⁸ Mặc dầu không còn gì để trông cậy, ông vẫn trông cậy và vững tin, do đó ông đã trở thành tổ phụ nhiều dân tộc, như lời Thiên Chúa phán : *Dòng dõi người sẽ đông đảo như thế.* ¹⁹ Ông đã gần một trăm tuổi, nhưng ông vẫn vững tin không nao núng, khi nghĩ rằng thân xác ông cũng như dạ bà Xa-ra đều đã chết. ²⁰ Ông đã chẳng mất niềm tin, chẳng chút nghi ngờ lời Thiên

Chúa hứa ; trái lại, nhờ niềm tin, ông đã nên vững mạnh và tôn vinh Thiên Chúa, ²¹ vì ông hoàn toàn xác tín rằng : điều gì Thiên Chúa đã hứa thì Người cũng có đủ quyền năng thực hiện. ²² Bởi thế, *ông được kể là người công chính.*

²³ Nhưng khi viết *ông được kể là người công chính*, thì không phải chỉ nói về ông, ²⁴ mà còn nói về cả chúng ta nữa : chúng ta sẽ được kể là công chính, vì tin vào Đấng đã làm cho Đức Giê-su, Chúa chúng ta, sống lại từ cõi chết ; ²⁵ Đức Giê-su chính là Đấng đã bị trao nộp vì tội lỗi chúng ta và đã được Thiên Chúa làm cho sống lại để chúng ta được nên công chính.

2. THIÊN CHÚA CỨU ĐỘ CON NGƯỜI

Một khi nên công chính, con người được bảo đảm ơn cứu độ

5 * ¹ Vạy, một khi đã được nên công chính

nhờ đức tin, chúng ta được bình an với Thiên Chúa, nhờ Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta. ² Vì chúng ta tin, nên Đức Giê-su đã

* 5,1 Trong đoạn này, thánh Phao-lô dựa vào kinh nghiệm riêng của ngài để giúp chúng ta khám phá những gì thay đổi trong đời sống chúng ta từ khi nhờ đức tin, trật tự đích thực (cán cân “công lý”) đã được tái lập nơi chúng ta.

mở lối cho chúng ta vào hưởng ân sủng của Thiên Chúa, như chúng ta đang được hiện nay ; chúng ta lại còn tự hào về niềm hy vọng được hưởng vinh quang của Thiên Chúa.³ Nhưng không phải chỉ có thế ; chúng ta còn tự hào khi gặp gian truân, vì biết rằng : ai gặp gian truân thì quen chịu đựng ;⁴ ai quen chịu đựng, thì được

kể là người trung kiên ; ai được công nhận là trung kiên, thì có quyền trông cậy.⁵ Trông cậy như thế, chúng ta sẽ không phải thất vọng, vì Thiên Chúa đã đổ tình yêu của Người vào lòng chúng ta, nhờ Thánh Thần mà Người ban cho chúng ta.⁶ Quả vậy, khi chúng ta không có sức làm được gì vì còn là hạng người vô đạo, thì

Trước hết là tâm tình bình an : *chúng ta được bình an với Thiên Chúa* (c.1). Trước đó, có thể chúng ta cảm thấy mình rất thoải mái, đâu ý thức mình có tội hoặc mắc nợ ai. Nhưng một khi được bình an, chúng ta nhận ra rằng trước đây, có một khoảng trống nơi mình, một thái độ hậm hực khiến chúng ta khép cửa lòng mình với Thiên Chúa một cách vô thức. Chỉ có lúc ấy chúng ta mới ý thức được như vậy. Chúng ta tin gì ? Chúng ta tin vào tình yêu Thiên Chúa, và chúng ta nhận thấy tình yêu ấy nơi Chúa Giê-su chết và sống lại vì chúng ta.

Đức Giê-su đã mở lối cho chúng ta vào hưởng ân sủng của Thiên Chúa (c.2). Ân huệ mà thánh Phao-lô nói đến, chúng ta gọi đó là tình trạng ân sủng. Không nhất thiết phải cảm nhận mình có ân sủng để gọi là được ở trong ân sủng, và cố đi tìm cho ra một nhóm người trong đó mình được cảm giác về Thiên Chúa là một sai lầm : đó vẫn là một cách tìm thoả mãn chính mình, và những người bạn đích thực của Thiên Chúa thì không làm như vậy. Cái quan trọng không phải trước hết là thấy hoặc cảm thấy, nhưng là tin những gì Thiên Chúa làm. Tuy nhiên, có trăm ngàn cơ hội cho chúng ta được ý thức lại một lần nữa sự hiện diện của Thiên Chúa trong chúng ta. Thánh Phao-lô, người đã từng chiến đấu bao nhiêu cho Chúa Ki-tô, nói rằng chính trong thử thách mà người ta khám phá rõ nhất sức mạnh Chúa Ki-tô đang tác động nơi chúng ta và làm cho chúng ta trưởng thành (2 Cr 12,9).

Chúng ta lại còn tự hào về niềm hy vọng hưởng vinh quang của Thiên Chúa (c.2). Đây là niềm hy vọng lớn lao trong Ki-tô giáo, mà những người không gặp gỡ Chúa Ki-tô không biết đến, là niềm xác tín về một mục đích vượt trên tất cả những gì các bậc hiền nhân và các nhà huyền nhiệm vĩ đại nhất thuộc mọi tôn giáo đã nghĩ ra, đã hy vọng và kinh nghiệm qua. Đó là tình hiệp thông trọn vẹn nơi chính Thiên Chúa.

theo đúng kỳ hạn, Đức Ki-tô đã chết vì chúng ta. ⁷ Hầu như không ai chết vì người công chính, hoạ may có ai dám chết vì một người lương thiện chẳng. ⁸ Thế mà Đức Ki-tô đã chết vì chúng ta, ngay khi chúng ta còn là những người tội lỗi, đó là bằng chứng Thiên Chúa yêu thương chúng ta. ⁹ Phương chi bây giờ chúng ta đã được nên công chính nhờ

máu Đức Ki-tô đổ ra, hẳn chúng ta sẽ được Người cứu khỏi cơn thịnh nộ của Thiên Chúa. ¹⁰ Thật vậy, nếu ngay khi chúng ta còn thù nghịch với Thiên Chúa, Thiên Chúa đã để cho Con của Người phải chết mà cho chúng ta được hoà giải với Người, phương chi bây giờ chúng ta đã được hoà giải rồi, hẳn chúng ta sẽ được cứu nhờ sự sống của Người Con ấy.

Trông cậy như thế, chúng ta sẽ không phải thất vọng (c.5). Khác với dân Ít-ra-en trong Cựu Ước, là dân tộc vẫn luôn sống trong tạm bợ trong khi mong chờ chân lý và công lý cuối cùng, thì người Ki-tô hữu, ngay trong hiện tại, đã nếm trước những gì một ngày kia họ sẽ được hưởng một cách viên mãn. Một hương vị thần thiêng đã được đổ vào lòng chúng ta (c.5), và điều Thiên Chúa ban khi Thần Khí của Người đến với chúng ta là sự bình an.

Đức Ki-tô đã chết vì chúng ta, ngay khi chúng ta còn là những người tội lỗi (c.8). Chúng ta biết Chúa Ki-tô đã chết vì tội lỗi chúng ta, nhưng thường thì điều đó không làm cho chúng ta cảm kích bao nhiêu, vì cuộc hy sinh của Người xem ra quá xa vời và không thiết thực lắm. Nhưng khi Thiên Chúa ban cho chúng ta hiểu được điều đó thì tình yêu liền chớm nở trong tâm hồn chúng ta. Tình yêu đáp trả tình yêu, cuộc hoán cải đích thực là như vậy.

Chúng ta được nên công chính nhờ Máu Đức Ki-tô đổ ra (c.9). Có cần máu của Chúa Ki-tô không? Ở 3,25, chúng ta đã nói thánh Phaolô lệ thuộc từ vưng tôn giáo đương thời của ngài : trong đạo Do-thái, phải có máu các tế vật thì mới có ơn tha tội. Các ngôn sứ đã từng nói các rãnh máu trong Đền Thờ không có giá trị gì nếu không có lòng vâng phục Thiên Chúa. Kế đến, một số ngôn sứ đã hiểu rằng lệ hy sinh đích thực để thế giới được giao hoà là các khổ nhục của một số ít người trung thành trong dân Thiên Chúa (Is 53,13). Dù giải thích thế nào đi nữa, công trình cứu độ thế giới phải xuyên qua những đau khổ và cái chết của người vô tội, và dân Thiên Chúa phải chấp nhận mình nằm trong số các nạn nhân như thế của bạo lực. Vậy là cái chết oan khốc và máu đổ ra của Chúa Giê-su thuộc ngôn ngữ của Thiên Chúa, cũng như là một phần của kinh nghiệm kiếp người. Thánh Phaolô biết rất rõ điều ấy, bởi ông đã từng can dự vào vụ giết chết ông Tê-pha-nô (Cv 22,20).

¹¹ Nhưng không phải chỉ Chúa chúng ta, Đấng nay có thể, chúng ta còn có đã hoà giải chúng ta với Thiên Chúa là niềm tự Thiên Chúa. hào, nhờ Đức Giê-su Ki-tô,

A. CHÚNG TA ĐƯỢC GIẢI THOÁT KHỎI TỘI LỖI, SỰ CHẾT VÀ LỀ LUẬT

A-đam và Đức Ki-tô Giê-su

* ¹² Vì một người duy nhất, mà tội lỗi đã xâm nhập trần gian, và tội lỗi gây nên sự chết ; như thế, sự chết đã lan tràn tới mọi người, bởi vì mọi người đã phạm tội. ¹³ Trước khi có Lề Luật, đã có tội lỗi ở trần gian. Nhưng nếu không có Luật, thì tội không bị kể là tội. ¹⁴ Thế mà, từ thời A-đam đến

thời Mô-sê, sự chết đã thống trị cả những người đã không phạm tội bất tuân lệnh Thiên Chúa như A-đam đã phạm. A-đam là hình ảnh Đấng sẽ tới.

¹⁵ Nhưng sự sa ngã của A-đam không thể nào sánh được với ân huệ của Thiên Chúa. Thật vậy, nếu vì một người duy nhất đã sa ngã, mà muôn người phải chết, thì ân sủng của

* ^{5,12} Xin cố gắng theo dõi dòng tư tưởng của thánh Phao-lô, vì ở đây ngài rẽ sang một hướng mới.

Trong hai chương đầu, ngài đã chứng minh rằng nếu không tin vào Chúa Ki-tô thì loài người sống trong tội lỗi, kể cả người Do-thái đã đón nhận Lời Thiên Chúa. Rồi ngài quả quyết rằng người ta được cứu độ không phải do vâng phục lề luật, mà là do đức tin. Chỉ có cách đó chúng ta mới được giao hoà với Thiên Chúa và được bước vào một mối tương giao thân tình với Người. Mối tương quan này dần dần sẽ đưa chúng ta tới mục đích của mọi đời người là chia sẻ “vinh quang” Thiên Chúa, sự sống vĩnh hằng của Thiên Chúa.

Nhưng giờ đây thánh Phao-lô lại mở rộng chân trời. Chúa Giê-su đầu đã đến chỉ để giao hoà các tội nhân, rất nhiều tội nhân, nhưng là để cứu độ nhân loại xét như một tổng thể. Nói theo ngôn ngữ hiện đại, Người đã đến cứu vãn lịch sử nhân loại. Nói theo ngôn ngữ Kinh Thánh, Người đã đến để cứu “A-đam”.

Đối với thánh Phao-lô, cũng như đối với người Do-thái đương thời, A-đam vừa là con người đầu tiên được Thiên Chúa tạo dựng vừa là toàn thể nhân loại. “Con cái A-đam” với ông tổ mà họ mang tên chỉ là một. Ngay từ khởi thủy nhân loại cho đến ngày nay, vẫn là một A-đam đầy ắp vụn, phản loạn và hung bạo.

Thiên Chúa ban nhờ một người duy nhất là Đức Giê-su Ki-tô, còn dồi dào hơn biết mấy cho muôn người.¹⁶ Ơn Thiên Chúa ban cũng khác với hậu quả do một người phạm tội đã gây ra. Quả thế, vì một người duy nhất phạm tội, con người đã bị xét xử để phải mang án, còn sau nhiều

lần sa ngã, thì lại được Thiên Chúa ban ơn cho trở nên công chính.¹⁷ Nếu chỉ vì một người, một người duy nhất sa ngã, mà sự chết đã thống trị, thì điều Thiên Chúa làm qua một người duy nhất là Đức Giê-su Ki-tô, lại còn lớn lao hơn biết mấy. Quả vậy, những ai

Vì một người duy nhất, mà tội lỗi đã xâm nhập trần gian (c.12). Thánh Phao-lô nói theo trình thuật sách Sáng thế, nhưng không phải để nhấn mạnh tầm quan trọng của cái tội con người đầu tiên đã phạm, như một số người đã làm sau này. Chúa Giê-su đã quên nói với chúng ta về cái tội đẩy ta xuống hoả ngục ấy, và những gì Kinh Thánh nói trước Chúa thì rất tinh vi (x. Kn 10,1-2 ; Hc 49,16). Ở đây thánh Phao-lô muốn cho chúng ta thấy chúng ta có quan hệ liên đới đôi ngã : trong A-đam, tất cả mọi người đều có tội, trong Chúa Ki-tô, tất cả lại được hoà giải. Thiên Chúa đã sáng tạo thế giới và đã viếng thăm thế giới để cứu nhân loại xét như một tổng thể duy nhất, được hợp nhất trong Chúa Ki-tô. Đó là lý do tại sao thánh Phao-lô đặt đối lập nhau hai vị thủy tổ : con người đầu tiên trong các trình thuật cổ xưa, và vị đứng đầu trong kế hoạch của Thiên Chúa.

Nhưng cho dù vai trò của một thủy tổ vẫn còn rất bí nhiệm, thánh Phao-lô quả quyết rõ ràng với chúng ta rằng nhân loại không phải thuận hảo với Thiên Chúa theo lẽ tự nhiên, và không thể đạt tới mục tiêu của mình nếu không được Chúa Ki-tô cứu thoát.

Chớ có nói rằng nhân loại xấu xa, vì chính Thiên Chúa đã tạo dựng nên nó. Có lẽ phải nhắc lại rằng, vào các tk XVI và XVII, lịch sử phương Tây đã mang đậm dấu vết những tranh luận về tội lỗi và ân sủng. Khi ấy người ta nói lên những điều ghê rợn (ví dụ Thiên Chúa kết án tất cả loài người phải sa hoả ngục vì tội của A-đam !), đến nỗi phản ứng gây nên là một chủ nghĩa vô thần hung hãn : một Thiên Chúa vô đoán và độc dữ như thế thì phải tống khứ đi thôi. Và chính khi ấy thì Rousseau cùng với các nhà tư tưởng khác quả quyết rằng bản chất con người là tốt, chỉ có xã hội làm cho nó ra xấu. Phương Đông chúng ta cũng có câu “nhân chi sơ tính bản thiện ...”.

Các Tông Đồ vẫn giữ lập trường cho rằng nhân loại đang ở trong tình trạng bị tha hoá. Để nói lên điều đó, thánh Gio-an dùng hai kiểu nói : “thế gian” và “thủ lãnh của thế gian này”, nghĩa là quỷ dữ (x. phần bình giải Ga 3,16 và 1 Ga 2,15). Về phần mình, thánh Phao-lô sẽ nói về “tội lỗi”.

được Thiên Chúa ban ân sủng dồi dào và cho trở nên công chính, thì sẽ được sống và được thống trị.

¹⁸ Tóm lại, cũng như vì một người duy nhất đã sa ngã mà mọi người bị Thiên Chúa kết án, thì nhờ một người duy nhất đã thực hiện lễ công chính, mọi người cũng

được Thiên Chúa làm cho nên công chính, nghĩa là được sống. ¹⁹ Thật vậy, cũng như vì một người duy nhất đã không vâng lời Thiên Chúa, mà muôn người thành tội nhân, thì nhờ một người duy nhất đã vâng lời Thiên Chúa, muôn người cũng sẽ thành người công chính.

Trong các đoạn này, tội là toàn bộ những sức mạnh giam hãm một nhân loại vốn nghiêng theo con đường xấu. Chúng ta không hoàn toàn chịu trách nhiệm về các tội chúng ta thường khi không cố tình muốn phạm (7,16-24), và đây chính là bằng chứng tình cảnh nô lệ hay tha hoá của chúng ta. Đối với chúng ta, nhận diện chân lý và xét đoán theo chân lý là một điều biết bao khó khăn. Chỉ việc này thôi cũng cho thấy rằng tội đã có mặt đó rồi : chúng ta không phải là con cái Thiên Chúa tự bẩm sinh.

A-đam là hình ảnh Đấng sẽ tới (c.14). Đối lập với cái nhìn về số phận con người theo sách Sáng thế (các ch. 2 - 3), thánh Phao-lô đưa ra một hình ảnh khác : Chúa Ki-tô chịu đóng đinh. Đối lập với màn phạm tội bên cây trái cấm, thánh Phao-lô đưa ra cảnh tượng chuộc tội hoàn tất trên cây thập giá. Có ba nhân vật trong cảnh thứ nhất : con người (A-đam), tội (con rắn) và cái chết. Trong cảnh thứ hai thì có bốn : con người (Chúa Ki-tô), tội, cái chết và sự công chính (hay sự sống được Thiên Chúa đặt trở lại trong trật tự).

Ân sủng của Thiên Chúa còn dồi dào hơn biết mấy (c.15). Hiệu quả của tội chỉ có gia tăng. Ngày nay chúng ta cảm thấy mình bị đánh gục và bất lực trước những tai ương trong xã hội, trước những vùng bạo lực. Nhưng thánh Phao-lô thì nhìn thấy tầm cao trọng của ân huệ Thiên Chúa ban : trong khi nhân loại tăng số và tội lỗi nắm những phương tiện mạnh hơn để khẳng định thế lực của nó, thì số người được Thiên Chúa kêu gọi thoát cảnh nô lệ sự dữ cũng tăng lên nhiều hơn.

Trong đoạn văn hơi phức tạp này còn có một điều khác : Thánh Phao-lô quả quyết rằng ơn cứu chuộc mà Chúa Ki-tô ban cho chúng ta không giới hạn trong việc sửa mình lánh tội. Thiên Chúa chưa thoả lòng nếu chỉ giúp được chúng ta thoát khỏi sự dữ : Người kêu gọi chúng ta đến với Người, và trong khi nâng loài người dậy, Người cũng đồng thời mời họ *thống trị*, nghĩa là chia sẻ chính vinh quang của Người.

²⁰ Lê Luật đã xen vào, để cho sự sa ngã lan tràn ; nhưng ở đâu tội lỗi đã lan tràn, ở đó ân sủng càng chứa chan gấp bội. ²¹ Như vậy, nếu tội lỗi đã thống trị bằng cách làm cho người ta phải chết, thì ân sủng cũng thống trị bằng cách làm cho người ta nên công chính để được sống

đời đời, nhờ Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta.

Phép rửa

* ¹ Vậy phải nói sao ?
6 Chúng ta cứ ở mãi trong tội lỗi, để ân sủng càng lan tràn ư ? ² Không phải thế ! Chúng ta là những kẻ đã chết đối với tội lỗi, thì làm sao còn sống mãi trong tội được.

Những ai được Thiên Chúa ban ân sủng dồi dào, thì sẽ được sống và được thông trị (c.17). Chúa Ki-tô tập hợp chúng ta lại ; Người quy tụ chúng ta bằng cuộc hiến tế của Người và trở nên thủ lãnh mới của nhân loại. Thánh Phao-lô nghĩ trước hết đến ơn cứu độ dành cho những ai đón nghe Tin Mừng, tin vào Chúa Ki-tô và gia nhập Hội Thánh. Nhưng ngài nhấn mạnh sự kiện này là Chúa Ki-tô cứu độ một thế giới gồm những người tội lỗi. Chúa Ki-tô là A-đam mới : vậy Người không chỉ là thủ lãnh những người có đức tin, nhưng còn là thủ lãnh toàn thể nhân loại. Tất cả mọi người tiếp tục bị lôi cuốn theo sự dữ phát sinh từ sa ngã của A-đam, nhưng tất cả đều cùng được Chúa Ki-tô cứu độ, trong mức độ họ tích cực liên đới với công trình của Người. Ai không dự phần vào việc cứu vớt anh em mình là tự xem mình như kẻ xa lạ với công trình cứu độ ấy, bởi vì dây dẫu phải là chuyện cứu rỗi “riêng tôi”, nhưng là cứu rỗi A-đam.

Lê Luật đã xen vào, để cho sự sa ngã tràn lan (c.20). Xem Luật là ân huệ lớn lao Thiên Chúa ban là sai (như trước đây người ta đã nghĩ, và Cựu Ước cũng nói như thế !). Hoặc giả nên nói rằng chính nhờ Luật mà người Do-thái khám phá sớm hơn rằng các dân tộc khác cần được cứu độ biết bao. Thành quả đầu tiên của Luật là gia tăng tội phạm, vì từ nay ai nấy đã biết bổn phận của mình là gì nhưng lại không làm.

* **6,1** *Chúng ta là những kẻ đã chết đối với tội lỗi (c.2).* Nói rằng Luật đã lỗi thời thì luôn có nguy cơ bị hiểu lầm. Nhưng đâu có nghĩa là từ nay người ta sẽ sống theo bản năng : người ta chỉ mới thoát khỏi một hoàn cảnh trong đó Luật có vẻ khống chế tất cả, nhưng thật ra tội đã tìm gặp sự đồng tình nơi ta : thái độ gây hấn hay xa cách đối với Thiên Chúa. Còn chết đối với tội lỗi có nghĩa là tội không tìm gặp hưởng ứng nào nơi chúng ta nữa. “Đã chết” rồi, đúng vậy : bước chân từ nay đã dứt khoát và bước đi này gắn liền chặt chẽ với cái chết của Chúa Ki-tô. Chết với Người để sống lại với Người : đó là ý nghĩa của bí tích Thánh Tẩy.

³ Anh em không biết rằng : khi chúng ta được chìm vào nước thanh tẩy, để thuộc về Đức Ki-tô Giê-su, là chúng ta được chìm vào trong cái chết của Người sao ? ⁴ Vì được chìm vào trong cái chết của Người, chúng ta đã cùng được mai táng với Người.

Bởi thế, cũng như Người đã được sống lại từ cõi chết nhờ quyền năng vinh hiển của Chúa Cha, thì chúng ta cũng được sống một đời sống mới.

⁵ Thật vậy, vì chúng ta đã nên một với Đức Ki-tô nhờ được chết như Người đã chết, thì chúng ta cũng

Trong Hội Thánh thời sơ khai, phần nhiều người ta làm bí tích Thánh Tẩy cho người lớn : họ đã được nghe loan báo Tin Mừng và họ cam kết gia nhập cộng đoàn dân thánh của Thiên Chúa. Vậy bí tích Thánh Tẩy đi kèm với cuộc hoán cải. Khi thánh Phao-lô nói “bí tích Thánh Tẩy” thì phải hiểu là toàn bộ cuộc hành trình hoán cải, kể cả phần học giáo lý dự tòng, luyện tập sống nếp sống người Ki-tô hữu... Nếu không, bí tích Thánh Tẩy chẳng qua chỉ là một nghi thức.

Chúng ta được chìm vào trong cái chết của Chúa Ki-tô (c.3). Kẻ được thanh tẩy tham dự vào cuộc hiến tế của Chúa Ki-tô để được cùng Người đi vào cõi sống : đây chẳng khác nào chấp nhận một cuộc đổi đời toàn diện.

Anh em cũng vậy, hãy coi mình như đã chết đối với tội lỗi (c.11). Dĩ nhiên là bí tích Thánh Tẩy, dù đã được lãnh nhận với đức tin, đầu làm cho chúng ta nên hoàn hảo ngay tức khắc. Có phải vì thế mà chúng ta cứ phải bám lấy các điều răn ? Cứ nom nớp sợ bị cám dỗ, hoảng hốt thấy mình phạm tội hàng ngày, hoá ra như bị tê liệt ? Hãy coi chừng những bối rối lương tâm và mặc cảm tội lỗi ! Thánh Phao-lô đề nghị với chúng ta một con đường khác : trước hết phải tin rằng tội không có quyền hành gì trên chúng ta. Chúng ta sẽ đưa mắt nhìn về Chúa Ki-tô, biết rằng chúng ta thuộc về Người và chính Người sẽ biến đổi chúng ta. Sống kết hợp với Chúa như vậy, bề ngoài có vẻ vô tư đó, nhưng lại hữu hiệu hơn thái độ bồn chồn lo lắng. Đó là con đường thánh Tê-rê-xa Li-di-ơ đã vạch ra cho những ai cảm thấy mình không có khả năng làm những việc lớn.

Tội lỗi đừng có thống trị thân xác phải chết của anh em nữa (c.17). Mặc dầu ý thức mình thuộc về Chúa Ki-tô, nhưng người tín hữu vẫn phạm tội hàng ngày. Tuy nhiên tội lỗi không làm họ mất đi lòng tin thác đối với Chúa Cha, là điều thiết yếu cho phép họ đứng dậy sau mỗi bước lỗi lầm (1 Ga 2,1). Họ biết họ là tội nhân và mãi là những tội nhân được Thiên Chúa tha thứ, chỉ cần họ cố gắng sửa mình và trở nên những con người tốt lành hơn. Có vui lòng tuân thủ những đòi hỏi thường nhật của một cuộc sống tốt đẹp hơn thì từng bước một, chúng ta mới đạt tới tự do.

sẽ nên một với Người, nhờ được sống lại như Người đã sống lại. ⁶ Chúng ta biết rằng : con người cũ nơi chúng ta đã bị đóng đinh vào thập giá với Đức Ki-tô, như vậy, con người do tội lỗi thống trị đã bị huỷ diệt, để chúng ta không còn làm nô lệ cho tội lỗi nữa. ⁷ Quả thế, ai đã chết, thì thoát khỏi quyền của tội lỗi.

⁸ Nếu chúng ta đã cùng chết với Đức Ki-tô, chúng ta cũng sẽ cùng sống với Người : đó là niềm tin của chúng ta. ⁹ Thật vậy, chúng ta biết rằng : một

khi Đức Ki-tô đã sống lại từ cõi chết, thì không bao giờ Người chết nữa, cái chết chẳng còn quyền chi đối với Người. ¹⁰ Người đã chết, là chết đối với tội lỗi, và một lần là đủ. Nay Người sống, là sống cho Thiên Chúa. ¹¹ Anh em cũng vậy, hãy coi mình như đã chết đối với tội lỗi, nhưng nay lại sống cho Thiên Chúa, trong Đức Ki-tô Giê-su.

Phục vụ tội lỗi và phục vụ sự công chính

¹² Vậy tội lỗi đừng có thống trị thân xác phải

Vào thời thánh Phao-lô, có những người nô lệ bị sang tay từ chủ này qua chủ khác. Hơn nữa một người tự do bị mắc nợ có thể bán mình cho chủ nợ để trả nợ. Thánh Phao-lô dùng hình ảnh này để dạy chúng ta vâng nghe Thần Khí, cũng như các nô lệ không làm chủ số phận mình. Chúng ta hãy tìm cách phân định những gì Thần Khí chỉ dạy trước khi chọn một quyết định.

Nhìn từ bên ngoài, có thể đời sống người Ki-tô hữu tựa hồ một kiếp sống nô lệ, nhưng người Ki-tô hữu thì cảm thấy và biết là mình tự do. Có thể đưa ra tỉ dụ một người mẹ không rời đứa con đang bệnh của bà : bà rất là tự do, chẳng theo luật nào khác ngoài tình mẹ thương con.

Những gì thánh Phao-lô muốn cho chúng ta hiểu cũng gần giống như vậy. Người ta có thể nghĩ rằng những lời giải thích của ngài trong ch. 6 và 7 chỉ là lý thuyết và không chính xác lắm. Nhưng ấy là vì thánh Phao-lô muốn giúp chúng ta nhận thấy có điều gì mới mẻ phi thường trong đời sống Ki-tô hữu, và ngài dự biết độc giả của ngài không thể cảm nhận điều ngài cảm nhận, vì họ đâu đã trải qua cùng những kinh nghiệm như ngài. Đối với họ thật là khó hiểu làm sao trong một cuộc đời, không còn có ràng buộc mà cũng không còn chỗ đứng cho tội lỗi nữa. Ở c.19, thánh Phao-lô nói một cách nhẹ nhàng : “Tôi ví von như thế để giúp anh em, vì anh em chưa phải là những nhà đạo đức lớn, và anh em chưa hiểu thấu, nhưng sự thật là như vậy : anh em hãy vươn tới sự tự do đích thực ấy đi.”

chết của anh em nữa, khiến anh em phải nghe theo những dục vọng của thân xác. ¹³ Anh em đừng dùng chi thể của anh em như khí cụ để làm điều bất chính, phục vụ cho tội lỗi nữa. Trái lại, anh em là những người sống đã từ cõi chết trở về, anh em hãy hiến toàn thân cho Thiên Chúa, và dùng chi thể của anh em như khí cụ để làm điều công chính, phục vụ Thiên Chúa. ¹⁴ Tội lỗi sẽ không còn quyền chi đối với anh em nữa, vì anh em không còn lệ thuộc vào Lễ Luật, nhưng lệ thuộc vào ân sủng.

Người tín hữu được giải thoát khỏi tội lỗi

¹⁵ Vậy thì sao ? Chúng ta cứ phạm tội ư, vì chúng ta không còn lệ thuộc vào Lễ Luật, nhưng lệ thuộc vào ân sủng ? Không đời nào ! ¹⁶ Anh em không biết sao ? Khi đem thân làm nô lệ để vâng phục ai, thì anh em là nô lệ của người mà anh em vâng phục : hoặc làm nô lệ tội lỗi, thì sẽ phải chết ; hoặc làm nô lệ phục vụ Thiên Chúa, thì sẽ được nên công chính. ¹⁷ Tạ ơn Thiên Chúa ! Trước kia anh em làm nô

lệ tội lỗi, nhưng nay anh em đã hết lòng vâng theo quy luật đạo lý đã đào tạo anh em. ¹⁸ Anh em đã được giải thoát khỏi ách tội lỗi mà trở thành nô lệ sự công chính. ¹⁹ Ấy là tôi nói theo kiểu người phạm, hợp với tầm hiểu biết yếu kém của anh em. Trước đây, anh em đã dùng chi thể của mình mà làm những điều ô uế và sự vô luân, để trở thành vô luân, thì nay anh em cũng hãy dùng chi thể làm nô lệ sự công chính để trở nên thánh thiện.

Kết quả của tội lỗi và kết quả của sự công chính

²⁰ Khi còn là nô lệ tội lỗi, anh em được tự do không phải làm điều công chính. ²¹ Bấy giờ anh em thu được kết quả nào, bởi làm những việc mà ngày nay anh em phải xấu hổ ? Vì rốt cuộc những việc ấy đưa đến chỗ chết. ²² Nhưng giờ đây anh em đã được giải thoát khỏi ách tội lỗi mà trở thành nô lệ của Thiên Chúa ; anh em thu được kết quả là được trở nên thánh thiện, và rốt cuộc được sống đời đời. ²³ Thật vậy, lương bổng mà tội lỗi trả cho người ta, là

cái chết ; còn ân huệ Thiên Chúa ban không, là sự sống đời đời trong Đức Ki-tô Giê-su, Chúa chúng ta.

Người tín hữu được giải thoát khỏi Lễ Luật

7 * ¹ Thưa anh em, –tôi nói đây là nói với những người biết Luật– anh em không biết điều này sao : Luật chỉ có hiệu lực đối với người ta, bao lâu người ta còn sống ? ² Tỉ dụ như người đàn bà có chồng, thì luật buộc theo chồng bao lâu chồng còn sống. Nhưng nếu chồng chết, thì vợ không

còn bị luật ràng buộc với chồng nữa. ³ Vậy bao lâu chồng còn sống, mà vợ đi lấy người khác, thì sẽ bị gọi là kẻ ngoại tình. Nhưng nếu chồng chết, thì vợ được tự do không phải giữ luật đó nữa, và có đi lấy người khác, cũng không phải là ngoại tình. ⁴ Đối với anh em cũng thế. Bởi được liên kết với thân thể Đức Ki-tô, anh em đã chết đối với Luật Mô-sê. Giờ đây, anh em thuộc về một người khác, tức là thuộc về Đấng đã được Thiên Chúa cho sống lại từ cõi chết, để chúng ta

* 7,1 Chương trước cho thấy Chúa Ki-tô giải thoát chúng ta và trở thành người chủ duy nhất của chúng ta như thế nào. Người Ki-tô hữu gốc Do-thái có thể tự hỏi : Vậy thì Luật của Cựu Ước không có giá trị sao ? Chẳng phải Thiên Chúa đã truyền xuống đó sao ?

Anh em đã chết đối với Luật (c.4). Luật là cái có tính cách tạm thời : thời của Luật đã chấm dứt với cái chết của Chúa Ki-tô. Ở đây chúng ta gặp lại một trong những trục giác lớn của thánh Phao-lô. Trong giai đoạn lịch sử đầy hỗn loạn của dân Do-thái dưới thời kỳ Rô-ma chiếm đóng, cái chết của Chúa Giê-su xem ra chỉ là một biến cố nhỏ. Tuy nhiên đó còn hơn là một khúc quặt, làm đứt đoạn lịch sử thế giới. Trước đó là thời của một nhân loại không đáng kể ; sau đó là thời gian Thiên Chúa có thể hành động và tỏ mình ra một cách rõ ràng (Gl 4). Chúa Giê-su chết là lịch sử thời cũ khánh tận. Theo nghĩa này, cách tính niên đại khởi đầu từ Chúa Ki-tô đầu chỉ là một chọn lựa giữa các chọn lựa khác : nó đáp ứng đúng một thực tế.

Người Do-thái đã nhận bí tích Thánh Tẩy không còn buộc phải giữ tất cả các điều răn của Lễ Luật mà trước đó họ coi là quyền bính tối thượng. Tất nhiên, có nhiều điều răn liên quan tới đức công bình và lòng thương xót, nên không được xao lãng những điều răn ấy. Nhưng, ngay trong trường hợp này, người Ki-tô hữu không dừng lại ở một tôn giáo chỉ trọng điều răn : lòng tin vào Chúa Ki-tô, Đấng Cứu Độ duy nhất, là nguồn cảm hứng khởi động tất cả mọi hành vi của chúng ta.

sinh hoa kết quả cho Thiên Chúa. ⁵ Vì trước đây, khi chúng ta còn bị tính xác thịt chi phối, thì các đam mê tội lỗi dùng Lễ Luật mà hoạt động nơi các chi thể chúng ta, để chúng ta sinh hoa kết quả đưa tới cái chết. ⁶ Nhưng nay, chúng ta không còn bị Lễ Luật ràng buộc nữa, vì chúng ta đã chết đối với cái vắn giam hãm chúng ta. Như vậy, chúng ta phục vụ Thiên Chúa theo tinh thần mới, chứ không theo bản văn cũ của Lễ Luật.

Vai trò của Lễ Luật

⁷ Vậy phải nói sao ? Lễ Luật là tội chăng ? Không phải thế ! Nhưng tôi đã chẳng biết tội là gì

nếu không có Lễ Luật. Thật vậy, tôi đã chẳng biết ham muốn là gì, nếu Luật không dạy : *Người không được ham muốn.* ⁸ Tội đã thừa cơ, dùng điều răn mà làm nảy sinh trong tôi đủ thứ ham muốn. Thật vậy, không có Lễ Luật thì tội đã chết rồi.

⁹ Xưa kia, không có Luật thì tôi sống ; nhưng từ khi có điều răn thì tội bắt đầu sống, ¹⁰ còn tôi thì chết. Thành thử điều răn lẽ ra phải đưa đến sự sống, lại dẫn tôi đến chỗ chết.

¹¹ Quả thế, tội đã thừa cơ, dùng điều răn để quyến rũ tôi và cũng dùng điều răn đó để giết tôi.

¹² Như vậy, Lễ Luật là thánh, và điều răn cũng là

Chúng ta đã chết đối với cái vắn giam hãm chúng ta (c.6). Luật Mô-sê, ân huệ lớn lao Thiên Chúa ban cho Ít-ra-en, thuộc về một thời đại trong đó loài người không được hoàn toàn tự do. Người Ki-tô hữu ngày nay nhận thấy trong lễ luật những chỉ dẫn cho biết ý muốn của Thiên Chúa, nhưng giữ quyền hành động theo các tiêu chuẩn đức tin của mình. Không có luật nào, ngay cả luật đạo, có thể qua mặt những đòi hỏi của một lương tâm chừng chặc : “Một cuộc đời đoan chính tạo nên vẻ đẹp còn tài tình hơn bất cứ luật tu hành nào.”

Xem cùng một đề tài ở 2 Cr 5,14 : “Nếu một người đã chết thay cho mọi người, thì mọi người đều chết.”

Xưa kia, không có Luật thì tôi sống (c.9). Thật là sai lầm nếu nghĩ rằng thánh Phao-lô nói với chúng ta về chính mình : không, ngài tự đạo diễn, lên tiếng nói nhân danh nhân loại : x. phần bình giải 5,12-14. Các diễn viên khác của thảm kịch là tội lỗi, Luật và cái chết.

Đối với người Do-thái, kết luận sẽ rõ ràng thôi : Luật và các điều răn của Luật không có quyền năng đổi mới con người.

thánh, đúng và tốt. ¹³ Vậy phải chăng điều tốt lại đã gây nên cái chết cho tôi ? Không phải thế ! Nhưng chính tội đã dùng điều tốt mà gây nên cái chết cho tôi : như vậy, tội để lộ chân tướng và cho thấy tất cả sức mạnh tội lỗi của nó.

Cuộc chiến đấu nội tâm

* ¹⁴ Vẫn biết rằng Lễ Luật là bởi Thần Khí, nhưng tôi thì lại mang tính xác thịt, bị bán làm tôi cho tội lỗi. ¹⁵ Thật vậy, tôi làm gì tôi cũng chẳng

hiểu : vì điều tôi muốn, thì tôi không làm, nhưng điều tôi ghét, thì tôi lại cứ làm. ¹⁶ Nếu tôi cứ làm điều tôi không muốn, thì tức là tôi đồng ý với Lễ Luật và nhận rằng Lễ Luật là tốt. ¹⁷ Vậy thật ra không còn phải là chính tôi làm điều đó, nhưng là tội vẫn ở trong tôi. ¹⁸ Tôi biết rằng sự thiện không ở trong tôi, nghĩa là trong xác thịt tôi. Thật vậy, muốn sự thiện thì tôi có thể muốn, nhưng làm thì không. ¹⁹ Sự thiện tôi muốn thì tôi không

* 7,14 Thánh Phao-lô mô tả hoàn cảnh những người đã được biết các điều răn của Thiên Chúa nhưng lại không biết gì về tình yêu của Người. Những con người như thế đâu được tự do, nhưng bị xâu xé : hai sức mạnh chống đối nhau nơi họ. Một đàng thì Luật áp đặt cho họ một bổn phận ; đàng khác thì Luật phải tuân theo một thứ luật đã được ghi khắc “trong xương thịt”, nghĩa là trong bản tính của họ. Những người ấy không thật sự tự do.

Nơi con người có một phần thuận là “thần khí”, và một phần khác nghịch lại với các đòi hỏi của bổn phận, là “xác thịt”. Xác thịt không có nghĩa là thân thể ; nó chỉ những gì yếu đuối nơi chúng ta khi đứng trước bổn phận của mình và kháng cự lại những mời gọi của Thiên Chúa : x. phần bình giải 8,5.

Đối mặt với tội – ở đây chỉ về những sức mạnh ngăn cản nhân loại đáp lời Thiên Chúa và đón nhận những ý định của Người –, thì sự tự do của chúng ta bất lực. Nơi mỗi người chúng ta, “xác thịt” đồng loã với sự dữ : có thể chúng ta lên án ma quỷ, thái độ vô trách nhiệm, nạn tham nhũng... thật ra bản thân chúng ta hãy còn vương ít nhiều những tục lụy đó.

Trong chương này, thánh Phao-lô sẽ còn tiếp tục lên tiếng nói thay cho những ai chưa biết họ được cứu độ nhờ Chúa Ki-tô : họ bị xâu xé và mất tự do. Trong chương kế tiếp, ngài sẽ nói đến sự tương phản giữa thần khí và xác thịt nơi những người tin. Đối với những người này, các xung đột sẽ được giải quyết và họ được sống bình an. Do vậy mà ở đây thánh nhân kết thúc bằng lời cảm thán : *Ai sẽ giải thoát tôi... Tạ ơn Thiên Chúa...*

làm, nhưng sự ác tôi không muốn, tôi lại cứ làm.²⁰ Nếu tôi cứ làm điều tôi không muốn, thì không còn phải là chính tôi làm điều đó, nhưng là tội vẫn ở trong tôi.

²¹ Bởi đó tôi khám phá ra luật này : khi tôi muốn làm sự thiện thì lại thấy sự ác xuất hiện ngay.

²² Theo con người nội tâm, tôi vui thích vì luật của Thiên Chúa ; ²³ nhưng trong các chi thể của tôi, tôi lại thấy một luật

khác : luật này chiến đấu chống lại luật của lý trí và giam hãm tôi trong luật của tội là luật vẫn nằm sẵn trong các chi thể tôi.

²⁴ Tôi thật là một người khốn nạn ! Ai sẽ giải thoát tôi khỏi thân xác phải chết này ? ²⁵ Tạ ơn Thiên Chúa, nhờ Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta !

Như vậy, nếu theo lý trí, thì tôi làm nô lệ luật của Thiên Chúa ; nhưng theo xác thịt, thì tôi làm nô lệ luật của tội.

B. NGƯỜI TÍN HỮU SỐNG THEO THẦN KHÍ

Sống theo Thần Khí

8 * ¹ Vậy giờ đây, những ai ở trong Đức Ki-tô

Giê-su, thì không còn bị lên án nữa. ² Thật vậy, luật của Thần Khí ban sự sống trong Đức Ki-tô Giê-

* 8,1 Sau khi viết thật dài để cho thấy giới hạn của một luật tôn giáo, thật ra của bất cứ tôn giáo nào, đề cao việc tuân giữ các hình thức bên ngoài, thì thánh Phao-lô sẽ nói về đời sống trong Thần Khí. Bởi vì, đối với ngài, đời sống Ki-tô giáo trước hết là đời sống trong Thần Khí. Có thể tưởng rằng tất cả những gì tiếp theo là một tranh luận dài dòng về thần học : chắc chắn là vậy, và thánh Phao-lô cứ một mực lý luận như ngài đã được tập luyện trong trường phái các nhà ráp-bi. Nhưng xét kỹ lại thì đó không phải là một đoạn văn triển khai một luận đề : thánh Phao-lô đi từ một kinh nghiệm thiêng liêng, kinh nghiệm của bản thân ngài.

Không phải chỉ vì nghe nói bí tích Thêm Sức đã ban cho mình Thần Khí mà người Ki-tô hữu tin rằng mình đã lãnh nhận Thần Khí của Thiên Chúa. Nếu trong đời sống Ki-tô hữu có một kinh nghiệm đặc thù nào thì đó chính là kinh nghiệm Thần Khí Thiên Chúa tác động nơi chúng ta. Đành rằng phải luôn cảnh giác vì biết mình bị cám dỗ muốn được cảm nghiệm về Thiên Chúa thay vì tin vào lời của Người, nhưng đâu phải vì thế mà chúng ta sẽ không có được kinh nghiệm thiêng liêng nào (x. phần bình giải Cv 21,1).

su, đã giải thoát tôi khỏi luật của tội và sự chết.³ Điều mà Lê Luật không thể làm được, vì bị tính xác thịt làm cho ra suy yếu, thì Thiên Chúa đã làm : khi sai chính Con mình đến mang thân xác giống như thân xác tội lỗi chúng ta để đền tội chúng

ta, Thiên Chúa đã lên án tội trong thân xác Con mình.⁴ Thiên Chúa làm như vậy, để sự công chính mà Luật đòi hỏi được hoàn toàn thực hiện nơi chúng ta, là những người không sống theo tính xác thịt, nhưng theo Thần Khí.

Về phần mình, thánh Phao-lô đã biết thế nào là một đời sống được Thần Khí hướng dẫn thường xuyên : ngài đã thoát khỏi hoàn cảnh một tội nhân bị xâu xé giữa lương tâm và những thói hư tật xấu của mình, và đã thống nhất cái tôi của mình bằng thái độ sẵn sàng đối với Thiên Chúa. Vậy ngài sẽ không ngần ngại nói về một biến đổi toàn diện xảy ra cho những ai tin vào Chúa Ki-tô, mặc dầu sau đó ngài sẽ thừa nhận rằng đây có lẽ là một việc đang hình thành hơn là đã hoàn tất.

Thiên Chúa đã sai chính Con mình đến (c.3). Không lẽ Người chỉ sai Con mình đến để lên tiếng nói, để đưa ra những luật lệ, để nêu lên những gương cao cả về đức ái mà thôi ? Ôn cứu độ Thiên Chúa ban cho chúng ta thì khác hẳn. Hãy xem những gì xảy ra khi người ta muốn vực dậy những người sống bèn lè xã hội : trao tặng vật và giúp đỡ họ bao nhiêu cũng không đủ để họ trở thành những người có trách nhiệm, nếu chính bản thân họ không đứng ra đương đầu với các vấn đề của mình.

Điều này, Thiên Chúa biết rõ. Đâu phải Người chạnh lòng thương tội nhân và tự nhủ : Tội nghiệp quá ! Chúng vô trách nhiệm lắm thay !... Đây Ta sẽ cho chúng mặc áo trắng và quên đi tội lỗi của chúng, để chúng có vẻ mặt thánh thiện mà được ngồi bên Ta. Đối với Thiên Chúa, không cần nguy trang thực tại nhưng là tái tạo loài người. Vậy phải có một thành phần thuộc dòng giống loài người đến đánh bại tội lỗi, đánh bại sức mạnh của tử thần đang làm tê liệt loài người, và đưa loài người đạt tới *vinh quang của Thiên Chúa* (3,23 ; 5,2).

Thiên Chúa đã cho Người *mang thân xác giống như thân xác tội lỗi chúng ta* (c.3). *Giống như* : Tuy chẳng hề phạm một tội nào, Chúa Giê-su gánh lấy tội lỗi của loài người (Dt 2,14 và 4,15). Sau hy lễ của Chúa Giê-su, Thần Khí của Người sẽ cho phép các tín hữu chiến thắng cái chết.

Bằng tình yêu và tha thứ, Thiên Chúa đã tạo nên một thế giới mới trong đó không còn oán giận, căm thù, cũng không còn những ân hận cắn rứt lương tâm chúng ta nữa. Chúng ta sống hoà thuận với Người và giữa chúng ta với nhau.

* ⁵ Những ai sống theo tính xác thịt, thì hướng về những gì thuộc tính xác thịt ; còn những ai sống theo Thần Khí, thì hướng về những gì thuộc Thần Khí. ⁶ Hướng đi của tính xác thịt là sự chết, còn hướng đi của Thần Khí là sự sống và bình an. ⁷ Thật vậy, hướng đi của tính xác thịt là sự phản nghịch cùng Thiên Chúa, vì tính xác thịt không phục tùng

luật của Thiên Chúa, mà cũng không thể phục tùng được. ⁸ Những ai bị tính xác thịt chi phối thì không thể vừa lòng Thiên Chúa. ⁹ Nhưng anh em không bị tính xác thịt chi phối, mà được Thần Khí chi phối, bởi vì Thần Khí của Thiên Chúa ngự trong anh em. Ai không có Thần Khí của Đức Ki-tô, thì không thuộc về Đức Ki-tô. ¹⁰ Nhưng nếu Đức Ki-tô ở trong anh em,

* 8,5 Vậy cuộc sống làm người của Chúa Ki-tô là giai đoạn Người chuẩn bị ban tặng Thần Khí cho những ai sẽ được chọn làm nghĩa tử rồi sau đó được lãnh nhận sự sống thần linh. Chúa Ki-tô đã đến trước, rồi tới Thần Khí : trước đây, thánh Phao-lô đã nói về công trình cứu độ của Chúa Ki-tô (các ch. 5 và 6) ; giờ đây ngài nói về Thần Khí.

Những ai sống theo tính xác thịt. Ở 7,14, chúng ta đã nói đôi lời về ý nghĩa của từ *xác thịt*. Ở đây, thánh Phao-lô bàn về những xung đột nội tâm nơi mỗi người chúng ta, và xác thịt chỉ về một thực tại mang ít nhiều thú tính, mà chúng ta cảm thấy nó đè nặng trên chúng ta. Nhưng có bao giờ chúng ta gặp thấy bản tính ở nguyên trạng của nó đâu : bản tính con người của thế kỷ XX, những dục vọng bản năng, những hoang tưởng của nó, những gì nó tưởng không thể thiếu được, lại tùy thuộc một phần lớn vào nền giáo dục và văn hoá của chúng ta. Sự căng thẳng chúng ta nghiệm thấy giữa xác thịt và thần khí chính là một phần nào đó của sự căng thẳng giữa nền văn hoá của chúng ta và tinh thần của Chúa Ki-tô ; mà văn hoá hiện nay thì đề cao tự do và đi tìm những lạc thú, những cái luôn luôn mới, trong khi tinh thần Chúa Ki-tô thì tìm cách phụng sự Chúa Cha. Trong một bối cảnh như thế, chúng ta đừng ngạc nhiên trước các “yêu sách” tự do tính dục của vài nhóm người muốn cho mình là Ki-tô hữu : họ luôn miệng nói về quyền lợi, như thể đối với Chúa Cha, người Ki-tô hữu có những quyền lợi nào khác ngoài quyền làm tôi tớ phụng sự Người như Chúa Giê-su đã làm, và quyền từ bỏ chính mình.

Ở c.5, chúng ta đọc : *hướng về những gì thuộc tính xác thịt*. Động từ trong bản văn Hy-lạp chỉ những gì người ta nhắm đi nhắc lại trong tâm trí, những ước ao toan tính của con người. Cũng động từ ấy được lặp lại ở cc. 6 và 7, nhưng dịch là “hướng đi”. Đoạn này nói về những dục vọng bản năng cũng như những toan tính của chúng ta khi chúng ta nghiêng theo bản năng ấy.

thì dầu thân xác anh em có phải chết vì tội đã phạm, Thần Khí cũng ban cho anh em được sống, vì anh em đã được trở nên công chính. ¹¹ Lại nữa, nếu Thần Khí ngự trong anh em, Thần Khí của Đấng đã làm cho Đức Giê-su sống lại từ cõi chết, thì Đấng đã làm cho Đức Giê-su sống lại từ cõi chết, cũng sẽ dùng Thần Khí của Người đang ngự trong anh

em, mà làm cho thân xác của anh em được sự sống mới.

¹² Vậy thưa anh em, chúng ta mang nợ, không phải mang nợ đối với tính xác thịt, để phải sống theo tính xác thịt. ¹³ Vì nếu anh em sống theo tính xác thịt, anh em sẽ phải chết ; nhưng nếu nhờ Thần Khí, anh em diệt trừ những hành vi của con người ích

Hướng đi của tính xác thịt là sự chết... Hướng đi của tính xác thịt là sự phản nghịch cùng Thiên Chúa... Đó là những lời khẳng định rất chững tai đối với chúng ta, những người sống trong một thế giới xa lạ với đức tin, nhưng trong thế giới này lại có biết bao điều lành điều tốt. Có thể nói rằng Thần Khí Thiên Chúa hoạt động ngay ở những nơi mà người ta không biết đến tên Người. Tuy vậy, chỉ ở đâu người ta biết xét lại những chân lý đã trở thành khuôn sáo thì ở đó mới có sự sống. Muốn làm đẹp lòng Thiên Chúa, phải luôn luôn giống như ông Áp-ra-ham : sống bền lễ thể gian, nghĩa là đề phòng xác thịt.

Những ai sống theo Thần Khí (c.5). Phải viết là “Thần Khí” hay “thần khí” ? Trong văn hoá Kinh Thánh, thần khí là cái vừa thuộc về chúng ta vừa thuộc về Thiên Chúa. Thần khí là cái mà Thiên Chúa gửi đến cho con người, và cũng là tấm lòng của con người mở rộng đón nhận hành động của Thiên Chúa. Trong đoạn này, đôi khi có thể hiểu là “thần khí”, tức thần khí của chúng ta được Thiên Chúa viếng thăm ; khi khác cũng có thể hiểu là “thần khí”, tức một cách hành động của Thiên Chúa nơi chúng ta ; khi khác nữa còn là “Thần Khí”, nghĩa là Thiên Chúa thông ban chính mình.

Xin nói lại : điều thánh Phao-lô viết đây không phải là luận thuyết về những gì phải xảy ra “tận đáy lòng chúng ta”, mà là những gì phát xuất từ chính kinh nghiệm của ngài. Thường thì Thần Khí được ban cho ngài chỉ lôi cuốn một phần bản thân ngài thôi, tức *thần khí* của ngài. Phần còn lại, mà ngài gọi là *xác thịt* thì vẫn còn nguyên là xác thịt (đúng ra phải nói : là thực tại sống động, toàn bộ cái vốn tâm lý của ngài). Có lẽ phần xác thịt này hiện đang được thả lỏng hơn, bởi vì thần khí đâu phải lúc nào cũng chăm chú kiềm chế xác thịt để bắt nó tuân phục Lê Luật, như nó đã từng cố làm trước kia (7,15-25). Ấy chính vì *xác thịt không thể phục tùng* (c.7), nó chỉ có thể thêm được nghỉ ngơi ăn uống, mơ tưởng yêu đương và sống thoải mái thôi.

kỷ nơi anh em, thì anh em sẽ được sống.

Nhờ Thần Khí, chúng ta được làm con Thiên Chúa

¹⁴ Quả vậy, phàm ai được Thần Khí Thiên Chúa hướng dẫn, đều là con cái Thiên Chúa. ¹⁵ Phần anh em, anh em đã không lãnh nhận Thần Khí khiến anh em trở thành nô lệ và phải sợ sệt như xưa, nhưng là Thần Khí làm cho anh em nên nghĩa tử, nhờ đó

chúng ta được kêu lên : “Áp-ba ! Cha ơi !” ¹⁶ Chính Thần Khí chứng thực cho thần trí chúng ta rằng chúng ta là con cái Thiên Chúa. ¹⁷ Vậy đã là con, thì cũng là thừa kế, mà được Thiên Chúa cho thừa kế, thì tức là đồng thừa kế với Đức Ki-tô ; vì một khi cùng chịu đau khổ với Người, chúng ta sẽ cùng được hưởng vinh quang với Người.

Vậy thánh Phao-lô như thể mục kích từ bên ngoài các dực vọng của xác thịt, nhưng bên trong thì *thần khí* ngài đã được kiên định. Thần khí này giờ đây được đặt dưới ảnh hưởng của Thần Khí Thiên Chúa và cảm nhận niềm vui thả mình cho Người lôi cuốn. Thế là ngài vẫn tiếp tục nhìn thấy và cảm nghiệm nơi mình những mâu thuẫn (2 Cr 12,7), nhưng đó không còn là cuộc đọ sức trầy trật nữa : ngài được chứng kiến cuộc chiến thắng của Thần Khí.

Thánh Phao-lô không quên rằng có kẻ khác ít tiến bộ hơn ngài và còn phải vất vả chinh phục tự do của mình. Ngài không bảo với họ xác thịt là xấu xa, nhưng *phải diệt trừ những hành vi của con người ích kỷ* (c.13), điều mà chúng ta gọi là hãm mình ép xác.

Thần Khí làm cho anh em nên nghĩa tử (c.15). Bản văn Hy-lạp cũng có thể hiểu là “Thần Khí làm cho anh em trở nên con cái với đầy đủ quyền lợi” (cũng x. Gl 4,5). Chắc chắn thánh Phao-lô không muốn nhấn mạnh sự khác biệt mà chúng ta thường hiểu khi nói : “Chúa Giê-su là Con Một, còn chúng ta là nghĩa tử, con nuôi.” Nói như thế là chúng ta dựng lên một hàng rào ngăn cách, dù rất mong manh, giữa Thiên Chúa và chúng ta, mà Tin Mừng thì đâu muốn thế, một khi chúng ta đã nhận biết Chúa Cha.

Chính Thần Khí chứng thực cho thần trí chúng ta rằng chúng ta là con cái Thiên Chúa (c.16), nghĩa là chúng ta như được bảo đảm vậy. Ai sống trong Thần Khí thì sống trong ánh sáng, và người ấy ý thức được điều ấy. Bao lâu chúng ta tuân giữ giáo huấn của Chúa Ki-tô và tham dự vào đời sống của Giáo Hội, thì Thần Khí ban cho chúng ta một sự hiểu biết và một niềm vui nội tâm đối với những gì liên quan đến Thiên Chúa. Mỗi ngày Thần Khí hướng dẫn chúng ta và ban cho chúng ta cảm hứng để biết cách làm đẹp lòng Thiên Chúa.

Vinh quang dành cho ta

* 18 Thật vậy, tôi nghĩ rằng : những đau khổ chúng ta chịu bây giờ sánh sao được với vinh quang mà Thiên Chúa sẽ mặc khải nơi chúng ta. 19 Muôn loài thụ tạo những ngong

ngóng đợi chờ ngày Thiên Chúa mặc khải vinh quang của con cái Người. 20 Quả thế, muôn loài đã lâm vào cảnh hư ảo, không phải vì chúng muốn, nhưng là vì Thiên Chúa bắt chịu vậy ; tuy nhiên, vẫn còn niềm trông cậy 21 là có ngày

* 8,18 Thần Khí không chỉ là “Đấng an ủi” các tín hữu : Người làm cho toàn thể tạo thành quay trở về với Thiên Chúa. Người tín hữu khám phá ra rằng sự biến đổi khởi đầu nơi họ rồi ra sẽ ảnh hưởng trên toàn thể giới.

Vinh quang mà Thiên Chúa sẽ mặc khải nơi chúng ta. Tuy sự hiện diện của Thần Khí nơi chúng ta rất kín đáo, nhưng chúng ta mong chờ con người toàn diện chúng ta được biến đổi. Hiện nay, mặc dù được ơn bình an của Chúa Ki-tô, nhưng đau khổ và cám dỗ vẫn là những cản trở không cho phép chúng ta được hưởng vinh quang, được tự do trọn vẹn. Nhờ cuộc biến đổi toàn diện con người (đây là ý nghĩa của cụm từ *cầu chuộc thân xác chúng ta ở c.23*), chúng ta mới đạt tới sự tự do vinh hiển của con cái Thiên Chúa.

Khi nói về con người thì không thể tách nó ra khỏi vũ trụ mà nó là thành phần. Ở những nơi khác trong vũ trụ, có những hữu thể thông minh nào khác không ? Kinh Thánh không nói đến điều này, mà chỉ nói rằng toàn thể tạo thành được chi phối bởi cùng một mẫu nhiệm chết và sống lại, là mẫu nhiệm đã ghi dấu ấn trên vận mệnh loài người chúng ta, mẫu nhiệm mà Con Thiên Chúa đã đến đảm nhận.

Thiên Chúa đã bắt chịu cảnh hư ảo (c.20). Thánh Phao-lô cho chúng ta thấy rằng tội lỗi đã phá huỷ trật tự thiên nhiên : một vài bản văn Cựu Ước cho thấy thiên nhiên bị liên lụy do loài người tội lỗi (Gr 14 ; Gn 3,7 và 4,11). Chắc chắn loài người đã phát triển trong gây hấn và bạo lực : từ đó phát sinh hiện tượng đàn ông thống trị đàn bà, và tính khí hiếu chiến của nam giới. Từ đó phát triển một khoa học chỉ nhắm tới chinh phục và thôn tóm : chẳng phải tội của A-đam là muốn cưỡng đoạt cho được sự hiểu biết và hạnh phúc đó sao ?

Kinh Thánh ghi nhận rằng các tiến bộ xã hội thường dẫn đến bóc lột và nô dịch. Các khám phá khoa học đã được sử dụng để huỷ diệt hàng triệu sinh mạng, và các tiến bộ của những vùng tự do kinh tế làm cho số người khổ khổ sống bên lề xã hội đông hơn số người sống sung túc.

Đúng là khoa học hiện đại đã chứng minh rằng con người là thượng đỉnh, là nơi mà huyết mạch sự sống tụ về. Nhưng không được quên rằng con người liên đới như là ruột thịt với tất cả những gì có sự sống.

cũng sẽ được giải thoát, không phải lệ thuộc vào cảnh hư nát, mà được cùng với con cái Thiên Chúa chung hưởng tự do và vinh quang. ²² Thật vậy, chúng ta biết rằng : cho đến bây giờ, muôn loài thụ tạo cùng rên siết và quằn quại như sắp sinh nở. ²³ Không phải muôn loài mà thôi, cả chúng ta cũng rên siết trong lòng : chúng ta đã lãnh nhận Thần Khí như ân huệ mở đầu, nhưng còn

trông đợi Thiên Chúa ban cho trọn quyền làm con, nghĩa là cứu chuộc thân xác chúng ta nữa. ²⁴ Quả thế, chúng ta đã được cứu độ, nhưng vẫn còn phải trông mong. Thấy được điều mình trông mong, thì không còn phải là trông mong nữa : vì ai lại trông mong điều mình đã thấy rồi ? ²⁵ Nhưng nếu chúng ta trông mong điều mình chưa thấy, thì đó là chúng ta bền chí đợi chờ.

Kinh Thánh không mời gọi chúng ta mơ ước một thiên nhiên đã trở về trạng thái địa đàng để một số người giàu có được hưởng thụ. Cũng không yêu cầu phải xem động vật là những con người có quyền lợi. Tình yêu đích thực tôn trọng trật tự của tạo thành : “yêu thú vật” sẽ luôn là chuyện không đáng gì cả so với tình yêu có trách nhiệm, biết đón nhận và sống hiệp thông với những con người tự do cũng được gọi làm con Thiên Chúa như chúng ta.

Toàn bộ thiên nhiên đã được trao gửi cho con người để con người đưa nó trở về với Thiên Chúa, sử dụng nó, và để nó giúp chính bản thân con người trở thành một cửa lễ dâng lên Thiên Chúa (Rm 12,1). Đó là ý nghĩa các lễ nghi hiến tế loài vật trong Cựu Ước. Những bước đầu suy tư của người thời nay về trách nhiệm của con người đối với tạo thành mở mắt cho chúng ta thấy một khía cạnh của tội, nhưng cũng buộc chúng ta tự hỏi lịch sử chúng ta đang đi về đâu.

Muôn loài thụ tạo cùng rên siết và quằn quại như sắp sinh nở (c.22). Trong thế giới, chúng ta thấy có nhiều mâu thuẫn và căng thẳng hơn là tiến triển êm đềm. Thật vậy, trái đất này đâu phải là nơi ở trường kỳ của con cái Thiên Chúa : nó ở trạng thái biến đổi không ngừng ; thời gian chiến đấu và sống đức tin trong đêm tối chuẩn bị chúng ta đón nhận điều chúng ta trông đợi từ tay Thiên Chúa : *được trọn quyền làm con* (c.23).

Thiên nhiên chỉ có thể cùng với chúng ta tham dự vào cuộc *sinh nở* này (c.22), mà cuộc Thương Khó của Chúa Giê-su là dấu chỉ. Và thiên nhiên sẽ tham dự vào *tự do và vinh quang của con cái Thiên Chúa* : thật là khó mà nghĩ rằng những con người phục sinh lại không được ở trong một thế giới đã được thay hình đổi dạng nên một thế giới thần linh.

* 26 Hơn nữa, lại có Thần Khí giúp đỡ chúng ta là những kẻ yếu hèn, vì chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải ; nhưng chính Thần Khí cầu thay nguyện giúp chúng ta, bằng những tiếng rên siết khôn tả. 27 Và Thiên Chúa, Đấng thấu suốt tâm can, biết Thần Khí muốn nói

gì, vì Thần Khí cầu thay nguyện giúp cho dân thánh theo đúng ý Thiên Chúa.

Ý định cứu độ của Thiên Chúa

* 28 Chúng ta biết rằng : Thiên Chúa làm cho mọi sự đều sinh lợi ích cho những ai yêu mến Người,

* 8,26 *Chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải.* Thường thì chúng ta tưởng mình chỉ cầu nguyện khi nói hay khi xin một điều gì đó. Thánh Phao-lô cho thấy rằng lời nói không phải là quan trọng : cầu nguyện là chính nỗi niềm khát khao nồng nàn của Thần Khí Thiên Chúa nằm tận đáy lòng của chúng ta.

Thần Khí cầu thay nguyện giúp chúng ta. Mượn những lời lẽ được Thần Khí linh hứng để trình lên Thiên Chúa các vấn đề và lo âu của chúng ta là điều rất tốt. Còn tốt hơn nữa khi Thần Khí mời gọi chúng ta cầu nguyện trong thinh lặng : nơi đây, Thiên Chúa thông ban bình an của Người cho chúng ta.

* 8,28 Ở các trang trước, thánh Phao-lô đã mô tả hoạt động của Thiên Chúa nơi chúng ta qua Thần Khí. Nhưng thật ra, Thiên Chúa trải rộng sự quan phòng của Người trên tất cả mọi biến cố trong cuộc đời chúng ta. Trong thế giới, trong gia đình chúng ta hay trong cuộc đời chúng ta, không có gì xảy ra do tình cờ hoặc do định mệnh cả.

Những ai Người đã biết từ trước... Thánh Phao-lô nhấn mạnh sự quan tâm đặc biệt của Chúa Cha đối với riêng từng người chúng ta. Trong Chúa Ki-tô, Thiên Chúa đã biết chúng ta từ thuở tạo thiên lập địa : những đứa con được cha mẹ nhận biết trước khi được sinh ra, lại còn được dành cho một chỗ độc đáo trong tạo thành nữa !

Những ai Người đã kêu gọi (c.30). Bất chấp chúng ta đã được biết Chúa Ki-tô bằng cách nào, nhưng chắc chắn Thiên Chúa đã có lời mời riêng mỗi người chúng ta đến với đức tin.

Người làm cho họ nên công chính (c.30). Thiên Chúa đã đặt chúng ta trở vào trong trật tự, cái trật tự mà Người yêu thích. Điều này đi xa hơn là đem trở về đường ngay nẻo chính những người không đứng đắn lắm – và lại chuyển cái tà quy chánh như vậy có bảo đảm được rằng chúng ta sẽ là người đứng đắn mãi mãi. Nhưng ở chiều sâu hơn, có một ít điều đã thành tựu nơi chúng ta, một ít điều đã được gieo vào thế giới : trong thời đại chúng ta hay vài thế kỷ sau này, một tâm thức mới sẽ xuất hiện trong nhân loại, phát sinh từ vô số những cuộc cải tà quy chánh mà chúng ta đã đảm nhận.

tức là cho những kẻ được Người kêu gọi theo như ý Người định.²⁹ Vì những ai Người đã biết từ trước, thì Người đã tiên định cho họ nên đồng hình đồng dạng với Con của Người, để Con của Người làm trưởng tử giữa một đàn em đông đúc.³⁰ Những ai Thiên Chúa đã tiên định, thì Người cũng kêu gọi ; những ai Người đã kêu gọi, thì Người cũng làm cho nên công chính ; những ai Người đã làm cho nên công chính, thì Người cũng cho hưởng phúc vinh quang.

Ca tụng tình yêu của Thiên Chúa

³¹ Vậy còn phải nói gì thêm nữa ? Có Thiên Chúa bênh đỡ chúng ta, ai còn chống lại được chúng ta ?³² Đến như chính Con Một, Thiên Chúa cũng chẳng tiếc, nhưng đã trao nộp vì hết thấy chúng ta. Một khi đã ban Người Con đó, lẽ nào Thiên Chúa lại chẳng rộng ban tất cả cho chúng ta ?³³ Ai sẽ buộc tội những người Thiên Chúa đã chọn ? Chẳng lẽ Thiên Chúa, Đấng làm cho nên

Những ai Thiên Chúa đã tiên định (c.30). Tác giả nói mạnh. Từ câu này mà một số người kết luận rằng chúng ta không thật sự tự do : những ai Thiên Chúa đã tuyển chọn hoặc loại bỏ thì tự khắc được cứu độ hay bị kết án.

Nhưng hiểu vậy là sai. Thánh Phao-lô không nói một số người đã có tên trong “sổ thiên tào” để được cứu độ và một số người khác thì để bị kết án : ngài cho thấy Thiên Chúa tiến hành hoạt động của Người, từ tiếng gọi vang lên trong cõi vĩnh hằng cho đến ngày chúng ta sẽ hoá thân trong vinh quang của Người. Có thể diễn giải rằng sau khi định đoạt phần phúc cho chúng ta, Người kêu gọi chúng ta ; sau khi kêu gọi chúng ta, Người làm cho chúng ta nên công chính...

Ở đây, có lẽ thánh Phao-lô chỉ nghĩ đến nhóm Ki-tô hữu độc giả của ngài, nhưng Thiên Chúa đâu tự giới hạn mình trong Giáo Hội. Mọi người, ở khắp mọi nơi, có thể tìm đến với Người nhờ công trình cứu độ của Con Một Người (tức là Ngôi Lời, hay Lời) : Đấng Cứu Độ là Cứu Chúa của cả thế giới (Ga 4,42).

Cũng x. phần bình giải 9,14.

Ai còn chống lại được chúng ta ? (c.31). Thánh Phao-lô nghĩ đến sự dữ vây quanh và thường lôi kéo chúng ta. Ngài nghĩ đến ngày phán xét, ngày mà “kẻ tố cáo”, thân khí sự dữ, sẽ nhắc nhớ tất cả các lỗi lầm chúng ta đã phạm. Ngài nghĩ đến những hối hận quấy rối lương tâm chúng ta. Trong những thứ đó, đâu có gì mạnh hơn tình yêu Chúa Ki-tô ! Người tín hữu không được hoảng sợ trước những lỗi lầm mình hay tái phạm, cũng không được nghi ngờ tình yêu Thiên Chúa.

công chính ? ³⁴ Ai sẽ kết án họ ? Chẳng lẽ Đức Giê-su Ki-tô, Đấng đã chết, hơn nữa, đã sống lại, và đang ngự bên hữu Thiên Chúa mà chuyển cầu cho chúng ta ?

³⁵ Ai có thể tách chúng ta ra khỏi tình yêu của Đức Ki-tô ? Phải chăng là gian truân, khốn khổ, đói rách, hiểm nguy, bắt bớ, gươm giáo ? ³⁶ Như có lời chép : *Chính vì Ngài mà mỗi ngày chúng con bị giết, bị coi như bầy cừu để sát sinh.*

³⁷ Nhưng trong mọi thử thách ấy, chúng ta toàn thắng nhờ Đấng đã yêu mến chúng ta.

³⁸ Đúng thế, tôi tin chắc rằng : cho dầu là sự chết hay sự sống, thiên thần hay ma vương quỷ lực, hiện tại hay tương lai, hoặc bất cứ sức mạnh nào, ³⁹ trời cao hay vực thẳm hay bất cứ một loài thụ tạo nào khác, không có gì tách được chúng ta ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa thể hiện nơi Đức Ki-tô Giê-su, Chúa chúng ta.

C. VẤN ĐỀ ÍT-RA-EN KHÔNG TIN

Các đặc ân dành cho Ít-ra-en

9 * ¹ Có Đức Ki-tô chúng ta giám, tôi xin nói sự thật, tôi không nói dối và lương tâm tôi, được Thánh Thần hướng dẫn, cũng làm chứng cho tôi rằng : ² lòng

tôi rất đổi ưu phiền và đau khổ mãi không ngơi. ³ Quả vậy, giả như vì anh em đồng bào của tôi theo huyết thống, mà tôi có bị nguyên rửa và xa lìa Đức Ki-tô, thì tôi cũng cam lòng. ⁴ Họ là người Ít-ra-

* **9,1** Thánh Phao-lô vừa mới quả quyết rằng Thiên Chúa làm cho tất cả đều sinh ích cho những ai Người đã tuyển chọn. Dù vậy, ngài phải thừa nhận một thực tại đặc biệt đau đớn cho ngài bởi ngài là người Do-thái : dân Do-thái đã không nhìn nhận Đấng Cứu Độ của mình. Nếu họ là dân nước được tuyển chọn, thì tại sao có ít người được "tiên định" như thế ?

Đó cũng là nỗi lo lắng của các gia đình Công Giáo khi con cái họ không đến nhà thờ, hoặc khi giới trẻ mới lớn lên tuyên bố đã mất đức tin. Đó là vấn nạn nhiều người đặt ra trong các nước Ki-tô giáo kỳ cựu tại Châu Âu : tất cả lịch sử của họ phải chấm dứt trong thất bại hay sao ?

en, họ đã được Thiên Chúa nhận làm con, được Người cho thấy vinh quang, ban tặng các giao ước, lề luật, một nền phụng tự và các lời hứa ; ⁵ họ là con cháu các tổ phụ ; và sau hết, chính Đức Ki-tô, xét theo huyết thống, cũng cùng một nòi giống với họ. Người là Thiên Chúa, Đấng vượt trên mọi sự. Chúc tụng Người đến muôn thuở muôn đời. Amen.

Thiên Chúa không thất tín

⁶ Nói thế không có nghĩa là lời Thiên Chúa đã hoá ra vô hiệu. Vì không phải tất cả con cháu ông Áp-ra-ham đều là dân Ít-ra-en ; ⁷ cũng như không phải vì họ thuộc dòng dõi ông Áp-ra-ham mà họ đều là con cái ông. Nhưng chính dòng dõi I-xa-ác mới được mang tên người,

⁸ nghĩa là không phải hề là con đẻ của ông Áp-ra-ham, thì là con cái Thiên Chúa ; nhưng con cái sinh ra do lời Thiên Chúa hứa mới được kể là chính tông. ⁹ Thật vậy, lời hứa là thế này : *Sang năm, cũng vào thời kỳ này, Ta sẽ trở lại và Xa-ra sẽ có một con trai.* ¹⁰ Không phải chỉ có thế : bà Rê-bê-ca đã có thai với một người duy nhất là ông I-xa-ác, tổ tiên chúng ta. ¹¹ Nhưng khi các con bà chưa sinh ra, và do đó chưa làm gì tốt hay xấu, thì Thiên Chúa đã nói với bà : *Thằng anh sẽ làm tôi thằng em.* Như vậy là để giữ vững kế hoạch Thiên Chúa đã tự do chọn lựa, ¹² mà chọn không dựa vào việc người ta làm, nhưng dựa vào ý muốn của Thiên Chúa là Đấng kêu gọi. ¹³ Như có lời chép : *Ta yêu Gia-cóp mà ghét Ê-xau.*

Nhưng sự thật là vì đức tin đâu phải do cha truyền con nối như một di sản. Đã có những thời kỳ, những thể chế văn hoá, trong đó cả một dân tộc cùng theo một tôn giáo và có vẻ cùng chia sẻ một niềm tin. Sách Công vụ cho chúng ta thấy rằng, trong nhiều trường hợp, theo sau cuộc trở lại của người gia trưởng là cả gia đình lãnh nhận phép rửa : Cv 11,14 ; 16,33. Tuy nhiên, đức tin vẫn luôn là một ân sủng Thiên Chúa ban, và một khi người ta sống hoàn toàn tự lập trong một thế giới đa tín ngưỡng, thì đức tin không còn là một gia sản được nữa.

Thiên Chúa không bắt công

* 14 Vậy phải nói sao ? Chẳng lẽ Thiên Chúa bắt công ư ? Không phải thế !

15 Quả vậy, Thiên Chúa đã phán với ông Mô-sê : *Ta muốn thương xót ai thì thương xót, muốn cảm*

thương ai thì cảm thương.

16 Vậy người ta được chọn không phải vì muốn hay chạy vạy, nhưng vì được Thiên Chúa thương xót.

17 Quả thế, trong Kinh Thánh, Thiên Chúa cũng nói với Pha-ra-ô : *Ta đã cất nhắc ngươi lên, chính*

* 9,14 Trong đoạn này, thánh Phao-lô đoán trước có một vấn nạn : nếu Thiên Chúa muốn gọi ai tùy ý, thì chúng ta có thật sự tự do để tin hay không (c.19) ? Điều này vẫn luôn là một mâu thuẫn. Thánh Phao-lô không có tham vọng đưa ra giải thích, ngài chỉ khẳng định lại rằng được đến với Chúa Ki-tô là một ơn mà Thiên Chúa muốn ban cho ai tùy ý (x. Ga 6,44). Nhưng kinh nghiệm cá nhân ngài đã trải qua khi trở lại, kinh nghiệm bị Thiên Chúa cưỡng đoạt tự do của mình như các ngôn sứ lớn cũng đã từng trải qua, khiến ngài dùng những lời lẽ rất mạnh như có vẻ phủ nhận tự do của chúng ta, nhất là ở c.22.

Về điểm này, có thể lưu ý hai điều :

Thánh Phao-lô sử dụng những bản văn Cựu Ước đã ghi lại những lần Thiên Chúa toan tính những chuyện như cứu độ hay huỷ diệt dân Ít-ra-en (c.27), yêu thương Ít-ra-en và ban cho nó một phần đất tốt, còn phần đất xấu thì ban cho dân thuộc dòng dõi Ê-xau, là Ê-đôm (c.13), làm cho Pha-ra-ô trở nên cứng lòng để đưa ông tới chỗ suy sụp (c.17). Đó là vấn đề những thất bại hay cứu vãn trong lịch sử, và thánh Phao-lô dùng những bản văn ấy để làm sáng tỏ sự kiện lịch sử này : dân Do-thái nói chung đã không nhận biết Chúa Ki-tô. Không thể từ đó mà vội kết luận về phần trách nhiệm của kẻ tin hay kẻ không tin. Và nếu đòi áp dụng bản văn vào chuyện thiên đàng và hoả ngục, như một số người đã làm, thì chỉ làm rối thêm vấn đề. Chắc chắn là trong trí thánh Phao-lô, vấn đề không phải là vậy. Nhận biết Đức Ki-tô là một ơn mà Thiên Chúa ban cho ai tùy ý, nhưng chắc chắn Người còn ban những ơn khác nữa, để loài người cũng được cứu độ cho dù không nhận biết Chúa Ki-tô.

Điều thứ hai nên lưu ý : tất cả các nhà hùng biện, kể cả thánh Phao-lô, đều có khi nói những lời hơi quá đáng mà sau đó họ sẽ chỉnh lại bằng cách cho thấy những khía cạnh khác của sự việc. Phải biết tìm đọc những lời Kinh Thánh khác khả dĩ lập lại thể quân bình. Nếu Thiên Chúa kêu gọi chúng ta đi vào tương quan tình yêu và trung tín với Người (Hs 2,21), ấy chính vì chúng ta có tự do và có trách nhiệm (Hc 15,14). Nếu Thiên Chúa đã định cho ai đó xuống hoả ngục, thì làm sao Người có thể kêu gọi và yêu cầu người ấy sống một cuộc đời thánh thiện được ? Đó sẽ là một trò đùa hết sức tàn nhẫn, và khó mà tưởng tượng Chúa Giê-su chấp nhận nhập cuộc với trò chơi này.

là để dùng người làm có ông làm ra tôi như thế cho mọi người thấy sức này? ²¹ Phải chăng thợ mạnh của Ta, và để cho gốm không có quyền dùng danh Ta lẫy lừng trên đất sét theo ý mình : từ khắp hoàn cầu. ¹⁸ Vậy cùng một nắm đất mà nắn Thiên Chúa thương xót ai ra đồ vật khác nhau, cái là tùy ý Người, và làm cho ai thì dùng vào việc cao quý, cái thì dùng vào việc thấp ai ra cứng cổ cũng tùy ý hèn. ²² Thiên Chúa cũng Người.

¹⁹ Hẳn bạn sẽ nói với tôi : “Vậy Thiên Chúa còn trách gì nữa ? Vì ai cưỡng lại được ý Người ?” ²⁰ Hỡi người, bạn là ai mà dám cãi lại Thiên Chúa ? Chẳng lẽ sản phẩm lại nói với người sản xuất : Sao Con Chúa cũng muốn cho biết

TIỀN ĐỊNH

Không nên lẫn lộn hai tư tưởng rất khác nhau về *tiền định*.

Khi thánh Phao-lô nói về *tiền định*, ngài nói đến một kế hoạch yêu thương mà Thiên Chúa đã có *ngay từ khởi đầu*. Chính đó là lúc Thiên Chúa quyết định đổ tràn xuống trên chúng ta tất cả những phúc lộc phong nhiêu mà tình yêu của Người dành cho người Con Một. X. phần bình giải Ep 1,5.

Tư tưởng này, các ông Lu-tê-rô, Can-vanh cũng như nhiều nhà thần học Công Giáo vào tk XVI lại hoàn toàn hiểu cách khác. Các ông nghĩ rằng, khi tạo nên con người, Thiên Chúa không cần biết nó có thể phạm hay không, và không tính trước cuộc giáng lâm của Chúa Ki-tô. Rồi vì tội A-đam, đức công bình của Thiên Chúa chỉ có thể kết án hoả ngục tất cả dòng dõi ông. Nhưng lòng thương xót của Người lại can thiệp vào để cứu lại một số người trong dòng dõi ấy bằng cách sai phái Chúa Giê-su đến. Vậy *tiền định* ở đây được hiểu là *tiền định sau khi ông A-đam phạm tội* : chẳng một ai có thể thoát khỏi *tiền định* này, dù là để được cứu độ hay là sa hoả ngục.

Khi thánh Phao-lô nói về *tiền định*, ngài hướng lòng về Thiên Chúa để tạ ơn Người. Các ông nói trên thì thu mình lại, không dám tin bản thân mình sẽ được cứu độ : chẳng phải Thiên Chúa đã định cho các ông xuống hoả ngục rồi đó sao ? Và để thoát khỏi nỗi hoang mang của mình, ông Lu-tê-rô đặt đối lập với vị Thiên Chúa đáng sợ kia một Đức Giê-su từ bi lân ái.

vinh quang của Người dồi dào biết mấy đối với những kẻ được Người thương xót, những kẻ mà Người đã chuẩn bị trước cho họ lãnh nhận vinh quang đó. ²⁴ Những kẻ ấy là chính chúng ta. Thiên Chúa đã kêu gọi chúng ta là những người không phải chỉ thuộc dân Do-thái, mà còn thuộc các dân ngoại nữa.

Cựu Ước thấy trước Ít-ra-en sẽ thất trung và dân ngoại sẽ được kêu gọi

²⁵ Đó chính là điều Thiên Chúa phán trong sách Hô-sê : *Dân trước đây không phải dân của Ta, Ta sẽ gọi là Dân của Ta ; người chẳng được yêu, Ta sẽ gọi là Người Yêu.* ²⁶ Và chính ở nơi đã nói về họ : *“Các người không phải là dân*

Không phải ngẫu nhiên mà cùng thời ấy, trực diện với một thứ đạo tuyệt vọng và gieo tuyệt vọng, Chúa Giê-su đã nhiều lần hiện ra, khích động lòng tôn kính Thánh Tâm Người, nhắc nhở rằng, nơi Người, tất cả là tình yêu dành cho chúng ta. Không phải chỉ có Chúa Giê-su là vị Thiên Chúa yêu thương chúng ta : Chúa Cha, Đấng đã tiền định cứu độ chúng ta, cũng là tình yêu không kém chi Con của Người.

Vậy xin nói cho chính xác tiền định là gì đối với người Ki-tô hữu :

– Đối với Thiên Chúa là Đấng vượt ngoài thời gian, không có trước cũng không có sau. Người trông thấy và đồng thời xác định khởi điểm và đích điểm của mỗi người chúng ta. Không có cuộc đời nào hư hỏng do bị Thiên Chúa lãng quên cả (Rm 8,28), càng không phải do Người không yêu cách chân thành (Gc 1,13). Không ai có thể gây trở ngại khiến kế hoạch cứu độ của Người không thành tựu : Rm 8,15.

– Lý do duy nhất khiến Thiên Chúa dựng nên chúng ta là vì Người muốn cho chúng ta được no thoả tình yêu, no thoả những phúc lộc dồi dào của Người, khi làm cho chúng ta trở thành nghĩa tử của Người : x. Ep 2,7 ; 1 Cr 2,9 ; 1 Ga 3,1 và x. phần bình giải Ep 1.

– Ôn cứu độ chúng ta được hưởng là một ân huệ Thiên Chúa ban. Không ai có thể tin nếu không được gọi : Rm 11,5. Không ai có thể làm đẹp lòng Thiên Chúa mà không nhờ ân sủng của Người : Pl 2,13. Không ai có thể tự hào về công trạng của mình, hoặc đòi hỏi Thiên Chúa phải thưởng công mình : Ep 2,9 ; Pl 3,9.

– Thiên Chúa làm hết mọi sự nơi chúng ta, miễn là chúng ta mở lòng đón nhận tác động của Người. Ai từ chối đón nhận phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về án phạt mình sẽ chịu. Vậy Giáo Hội có nói đến hai chữ tiền định là để diễn đạt công trình cứu độ này, chứ không bao giờ để đề cập tới hoạ ngục. So sánh Mt 25,34 : Vương Quốc dọn sẵn “cho các người” và 25,41 : lửa đời đời “dành sẵn cho tên Ác Quỷ”.

của Ta”, thì ở đó họ sẽ được gọi là con cái của Thiên Chúa hằng sống.

²⁷ Ngôn sứ I-sai-a đã lớn tiếng nói về dân Ít-ra-en rằng : *Dù số con cái Ít-ra-en có nhiều như cát biển, thì chỉ phần còn sót lại mới được cứu.* ²⁸ *Quả thế, Đức Chúa sẽ thực hiện lời Người cách trọn vẹn và mau chóng trên mặt đất.*

²⁹ Như ngôn sứ I-sai-a đã tiên báo : *Nếu như Đức Chúa các đạo binh chẳng chữa lại cho chúng ta kẻ nổi dôi, thì chúng ta đã trở nên như thành Xơ-đôm, và giống như thành Gô-mô-ra rồi.*

³⁰ Vậy phải nói sao ? Phải nói rằng : các dân ngoại không tìm cách để được nên công chính, thì được nên công chính, mà được nên công chính là nhờ đức tin. ³¹ Còn dân Ít-ra-en tìm một luật làm cho họ nên công chính thì lại không đạt tới Luật đó. ³² Tại sao thế ? Tại vì họ không tìm cách nên công chính nhờ đức tin, nhưng nhờ việc làm. Họ đã vấp phải hòn đá làm cho vấp, ³³ như có lời chép rằng : *Này đây Ta đặt tại Xi-on một hòn đá làm cho vấp, một tảng đá làm cho ngã ; nhưng kẻ tin vào đó sẽ không phải thất vọng.*

Phần còn sót lại mới được cứu (c.27). Đáng lẽ, thay vì than trách, những người Do-thái đã tin vào Chúa Ki-tô phải tạ ơn Thiên Chúa đã kêu gọi họ. Thiên Chúa dùng những thành phần thiếu số để cứu độ trần gian, và ngay trong lòng Giáo Hội, những người sống Tin Mừng cách nghiêm túc là số ít : đây cũng là một ơn Thiên Chúa ban.

Giờ đây thánh Phao-lô giải thích lý do tại sao người Do-thái đã không đạt tới mục đích của Luật (c.31) : họ muốn được Thiên Chúa nhìn nhận công trạng của mình. Ở điểm này, một số người Ki-tô hữu cũng giống họ : cảm thấy tự tin nhờ công việc mình làm, và tự mãn về cuộc đời mình sống. Thái độ tự phụ này ngăn cản họ tự nhận mình là tội nhân.

Họ tìm cách nên công chính tự sức mình (10,3). Nhiều người Ki-tô hữu cũng vậy, muốn đến gần Thiên Chúa với đầy những quà cáp, trong khi điều Chúa Ki-tô mời gọi họ làm là nhận lãnh. Vậy chúng ta đến nhận các bí tích, không phải là do chúng ta xứng đáng, mà là như những người hành khất giũ tay ra xin làm phước.

Tảng đá làm cho ngã : x. Is 8,14 và 28,16.

Ít-ra-en không nhận biết rằng Thiên Chúa làm cho con người nên công chính

10 * ¹ Thưa anh em, lòng tôi những ước mong và tôi cầu xin cho dân Do-thái được cứu độ. ² Quả thế, tôi làm chứng cho họ là họ có lòng nhiệt thành đối với Thiên Chúa, nhưng lòng nhiệt thành đó không được sáng suốt, ³ họ không nhận biết rằng chính Thiên Chúa làm cho người ta nên công chính, và họ tìm cách nên công chính tự sức mình. Như vậy là họ không tuân theo đường lối Thiên Chúa làm cho người ta nên công chính. ⁴ Quả thế, cứu cánh của Lề Luật là Đức Ki-tô, khiến bất cứ ai tin đều được nên công chính.

Ông Mô-sê báo trước con người được nên công chính nhờ đức tin

⁵ Về việc người ta được nên công chính nhờ Lề Luật, ông Mô-sê có viết : *Ai thực hành những điều Lề Luật dạy, thì nhờ đó sẽ được sống.* ⁶ Còn về việc người ta được nên công chính nhờ đức tin, thì có lời nói : *Đừng tự hỏi : ai sẽ lên trời ?* ngụ ý là : để đem Đức Ki-tô xuống. ⁷ Cũng đừng hỏi : *Ai sẽ xuống âm phủ ?* ngụ ý là : để đưa Đức Ki-tô lên từ cõi chết. ⁸ Vậy Kinh Thánh nói gì ? Thưa : *Lời Thiên Chúa ở gần bạn, ngay trên miệng, ngay trong lòng.* Lời đó chính là lời chúng tôi rao giảng để khơi dậy đức tin. ⁹ Nếu miệng bạn tuyên xưng Đức Giê-su là Chúa, và lòng bạn tin rằng

* **10,1** Để tiếp tục triển khai cũng đề tài dân Ít-ra-en cứng lòng tin như trên, thánh Phao-lô sử dụng phương pháp tranh luận của người Do-thái cùng thời với ngài. Nên ghi nhận cách thức ngài dùng để phân biệt các dòng tư tưởng khác nhau trong Kinh Thánh. Đúng là một phần lớn các bản văn Cựu Ước xem ra chỉ biết có việc trung tín tuân hành các điều răn, nhưng có những bản văn khác đã làm nổi bật ân huệ nhưng không của Thiên Chúa. Một lần nữa, ngài cho thấy dấu có “một” đạo Kinh Thánh nào, và dấu phải chỉ cần hiểu theo sát nghĩa đen tất cả những chữ đọc được trong đó là đủ (thuyết chủ trương kiểu đọc hiểu này được gọi là “thuyết cơ bản”). Kinh Thánh cung cấp cho chúng ta một chuỗi lời chứng, từ đó chúng ta nhận ra một con đường và một hướng sự phạm của Thiên Chúa. Qua các thế kỷ và những nền văn hoá khác nhau, Do-thái rồi Hy-lạp, Người dẫn đường cho dân của Người tiến đến chân lý vẹn toàn.

Thiên Chúa đã làm cho Người sống lại từ cõi chết, thì bạn sẽ được cứu độ. ¹⁰ Quả thế, có tin thật trong lòng, mới được nên công chính ; có xưng ra ngoài miệng, mới được ơn cứu độ. ¹¹ Kinh Thánh nói : *Mọi kẻ tin vào Người sẽ không phải thất vọng.* ¹² Như vậy, không có sự khác biệt giữa người Do-thái và người Hy-lạp, vì tất cả đều có cùng một Chúa, là Đấng quảng đại đối với tất cả những ai kêu cầu Người. ¹³ Vì : *Tất cả những ai kêu cầu danh Đức Chúa sẽ được cứu thoát.*

Ít-ra-en không tự bào chữa

¹⁴ Thế nhưng làm sao họ kêu cầu Đấng họ không

*Tiếng các ngài đã dội khắp hoàn cầu,
và thông điệp loan đi tới chân trời góc biển.*

¹⁹ Tôi xin hỏi thêm : Phải chăng dân Ít-ra-en đã không hiểu ? Trước hết, ông Mô-sê nói : *Ta sẽ làm cho các ngươi ganh tị với*

*Những kẻ không tìm Ta, lại được gặp Ta ;
những kẻ không hỏi Ta,
Ta đã xuất hiện cho chúng thấy.*

²¹ Còn về dân Ít-ra-en, ông nói : *Suốt ngày Ta dang tay kêu gọi một dân không vâng lời và ngỗ nghịch.*

tin ? Làm sao họ tin Đấng họ không được nghe ? Làm sao mà nghe, nếu không có ai rao giảng ? ¹⁵ Làm sao mà rao giảng, nếu không được sai đi ? Như có lời chép : *Đẹp thay bước chân những sứ giả loan báo tin mừng !* ¹⁶ Nhưng không phải mọi người đều đã vâng theo Tin Mừng ; chính ngôn sứ I-sai-a đã nói : *Lạy Đức Chúa, ai đã tin khi nghe chúng con giảng ?* ¹⁷ Ấy vậy, có đức tin là nhờ nghe giảng, mà nghe giảng là nghe công bố lời Đức Ki-tô.

¹⁸ Nhưng tôi xin hỏi : Phải chăng họ đã không được nghe giảng ? Có chứ !

một dân không đáng gọi là dân, tức giận một dân ngu đần. ²⁰ Ông I-sai-a còn dám nói :

Phần còn sót lại của Ít-ra-en

11 ¹ Vậy tôi xin hỏi : Phải chăng Thiên Chúa đã ruồng bỏ dân Người ? Không phải thế !

Chính tôi đây cũng là người Ít-ra-en, thuộc dòng dõi Áp-ra-ham, thuộc chi tộc Ben-gia-min. ² *Thiên Chúa không ruồng bỏ dân Người, dân mà Người đã biết từ trước. Anh em chẳng biết truyện ông Ê-li-a trong Kinh Thánh sao ? Khi cầu nguyện với Thiên Chúa, ông đã tố cáo dân Ít-ra-en rằng : ³ Lạy Chúa, các ngôn sứ của Ngài, chúng đã giết chết ; bàn thờ của Ngài, chúng đã phá huỷ. Chỉ còn sót lại một mình con, thế mà chúng cũng đang tìm hại mạng sống con. ⁴ Thiên Chúa trả lời ông thế nào ? Ta chữa lại cho Ta bảy ngàn người, là những kẻ đã không quý gởi thờ thân Ba-an. ⁵ Ngày nay cũng vậy, còn sót lại một số người được tuyển chọn nhờ ân sủng của Thiên Chúa. ⁶ Nhưng nếu được chọn nhờ ân sủng, thì không phải là do việc làm, chẳng vậy ân sủng không còn là ân sủng nữa.*

⁷ Vậy thì sao ? Điều mà Ít-ra-en tìm kiếm, thì họ đã không đạt được ; nhưng

những kẻ được tuyển chọn đã đạt được. Còn những người khác thì đã ra cứng lòng, ⁸ như có lời chép : *Thiên Chúa đã cho họ một thần khí hôn mê, cho họ mắt để không thấy, tai để không nghe, mũi cho đến ngày nay. ⁹ Vua Đa-vít cũng nói : Ước gì bàn tiệc của chúng nên dỏ, nên bầy cho chúng sa vào, và nên có vấp ngã, nên hình phạt đích đáng ! ¹⁰ Ước gì mắt chúng mù đi không thấy nữa và lưng sụm xuống đến mãn đời.*

Thiên Chúa sẽ khôi phục Ít-ra-en

* ¹¹ Vậy tôi xin hỏi : Phải chăng Ít-ra-en đã vấp đến mức phải ngã quy ? Không phải thế ! Nhưng vì họ sa ngã mà Thiên Chúa cho các dân ngoại hưởng ơn cứu độ, khiến họ phải ganh tị. ¹² Nếu vì người Do-thái sa ngã mà thế giới được ơn phúc dồi dào, nếu vì họ suy vi mà các dân ngoại được ơn phúc dồi dào, thì khi họ trở về đông đủ, tình trạng còn tốt đẹp hơn biết mấy ! ¹³ Tôi xin

* 11,11 Có lẽ chúng ta đã quen với một cái nhìn “tiến bộ” về lịch sử, xem như tất cả phải tiến triển hay toả ra từ những gì sẵn có. Thế nhưng Chúa Giê-su đã cho thấy rằng các thời đại tiếp nối nhau và đầu

ngỏ lời với anh em là những người gốc dân ngoại. Với tư cách là Tông Đồ các dân ngoại, tôi coi trọng chức vụ của tôi, ¹⁴ mong sao nhờ vậy mà tôi làm cho anh em đồng bào tôi phải ganh tị, và tôi cứu được một số anh em đó. ¹⁵ Thật vậy, nếu vì họ bị gạt ra một bên mà thế giới được hoà giải với Thiên Chúa, thì việc họ được thâu nhận lại là gì, nếu không phải là từ cõi chết bước vào cõi sống ?

Cây ô-liu dại và cây ô-liu tốt

¹⁶ Nếu cái bánh đầu tiên mà thánh thì cả khối bột làm bánh cũng vậy ; nếu rễ cây mà thánh, thì cành cây cũng vậy. ¹⁷ Một số

cành cây ô-liu đã bị chặt đi, còn bạn là ô-liu dại đã được thắp vào đó, và cùng được hưởng sự sống dồi dào từ rễ cây ô-liu chính. ¹⁸ Vì thế, bạn đừng có lên mặt khinh để các cành khác. Thì bạn cứ lên mặt đi ! Đâu phải bạn mang rễ, mà là rễ mang bạn ! ¹⁹ Có lẽ bạn sẽ nói : “Một số cành đã bị chặt đi, để tôi được thắp vào.” ²⁰ Đúng thế ! Vì họ không tin mà đã bị chặt đi, còn bạn vì tin mà còn đó. Đừng có tự cao tự đại, nhưng phải sợ thì hơn. ²¹ Thật vậy, nếu những cành tự nhiên, mà Thiên Chúa đã không tha, thì Người cũng sẽ chẳng tha bạn đâu. ²² Bạn hãy xem Thiên Chúa nhân từ

có giống nhau. Nếu có tiến bộ nào, mà theo một nghĩa nào đó thì hiển nhiên là có, thì tiến bộ đó xảy ra qua những xáo trộn, những góc nhìn hoàn toàn đảo lộn. Ngay trong Giáo Hội đã có bao nhiêu khúc ngoặt trong thế kỷ này rồi. Chắc chắn chúng ta phải từ bỏ quan niệm cho rằng Giáo Hội sẽ là cái khối Ki-tô giáo tây phương dần dần bành trướng ra tới những phần còn lại của thế giới nhờ các cuộc truyền giáo : thánh Phao-lô mới gọi độc giả của ngài nghĩ đến chuyện có khả năng xảy ra là ơn Chúa sẽ rời bỏ những vùng đã từng được tưới gội sung túc, để đến những miền đất khác mà sinh hoa trái. Nhưng ngài quả quyết chuyện ấy không phải do Thiên Chúa bỗng nhiên tiên hậu bất nhất : đối với Người, cần phải làm cho toàn thể nhân loại được lớn lên tới mức trưởng thành, và chỉ có một mình Người biết rõ những bước đường tăng trưởng đó của nhân loại. Tuy nhiên chúng ta lưu ý thánh Phao-lô bệnh vực vai trò ưu thắng của dân Do-thái như thế nào : cũng có thể nói như vậy về các thành trì Ki-tô giáo cổ xưa tại phương Tây : hiện vai trò các nơi ấy có mờ nhạt đi nhiều, nhưng chắc chắn vẫn còn có tính quyết định theo mức độ người Ki-tô hữu ở đó trung thành sống đức tin.

và nghiêm khắc thế nào : Người nghiêm khắc với những kẻ sa ngã, nhưng nhân từ với bạn, cứ một mực cậy nhờ vào lòng nhân từ đó. Chẳng vậy, cả bạn nữa cũng sẽ bị chặt đi.

²³ Còn người Do-thái, nếu họ từ bỏ thái độ ngoan cố chẳng chịu tin, thì họ sẽ được tháp vào, vì Thiên Chúa thừa sức tháp họ một lần nữa. ²⁴ Nếu bạn vốn là cành của cây ô-liu dại, mà còn được chặt đi và tháp vào cây ô-liu tốt,

trái lẽ tự nhiên, thì phương chi họ vốn là những cành của cây ô-liu chính, họ lại càng có thể được tháp vào cây cũ.

Ít-ra-en sẽ trở lại

* ²⁵ Thưa anh em, tôi không muốn anh em chẳng hay biết mầu nhiệm này, để anh em đừng tự cho mình là khôn, đó là : một phần dân Ít-ra-en đã ra cứng lòng, cho đến khi các dân ngoại gia nhập đông đủ. ²⁶ Như vậy, toàn thể Ít-

* 11,25 Đối với chúng ta, số phận của dân Do-thái cực kỳ quan trọng, bởi vì tổ tiên của họ cũng là tổ tiên của chúng ta. Các Ki-tô hữu đầu tiên không bao giờ nghĩ họ đã ly khai với dân tộc này (Cv 13,26-32 ; 26,22) : trái lại, họ là những người đã đón nhận Đấng Cứu Độ mà cả dòng dõi Ít-ra-en vẫn hằng chờ mong. Họ là những người đàn anh của một dân mới (Tv 22,32) chứ không phải một dân khác, vì họ là *số nhỏ còn sót lại của Ít-ra-en*.

Đức tin của chúng ta cắm rễ trong các biến cố của lịch sử, Cựu Ước cũng như Tân Ước, và vì thế mà các sách Tin Mừng đã ghi lại đậm nét hai biến cố xảy ra vào năm 70 là nước Ít-ra-en đại bại và Giê-rusa-lem bị tàn phá, như Chúa Giê-su đã tiên báo. Tin Mừng Lc cho rằng bi kịch Đấng Cứu Độ bị chối bỏ sẽ đánh dấu số phận dân Do-thái *cho đến khi mãn thời của dân ngoại*, nghĩa là cho đến khi lịch sử kết thúc (Lc 21,24). Tin Mừng không nói gì hơn.

Nhưng ở đây, thánh Phao-lô yêu cầu chúng ta đừng lẫn lộn hai điều. Một đàng Thiên Chúa muốn gọi ai tùy ý, dù họ ở bất cứ nơi nào trên thế giới, để họ nhận biết và tin vào Chúa Ki-tô, và chính họ là những kẻ được Thiên Chúa giao phó những công trình vĩ đại và tối mật của Người. Trong một thời gian, Người có thể gọi một số người rất đông trong một dân tộc nhất định, như Người đã làm suốt mười thế kỷ trong khối Ki-tô giáo tây phương, rồi sau đó lại để dân tộc ấy đứng ngoài dòng thác những cuộc trở lại. Và hiểu theo nghĩa này, thì tập thể dân Do-thái đã bỏ lỡ cơ hội hoán cải theo Tin Mừng. Nhưng đàng khác, điều này không thể huỷ được những điều Thiên Chúa đã hứa với dân Do-thái : Người đã làm cho họ thành một dân riêng, mang một sứ mạng độc nhất mà họ vẫn tiếp tục chu toàn để thế giới được cứu độ.

ra-en sẽ được cứu độ, như có lời chép : *Từ núi Xi-on, vị Cứu Tinh sẽ đến, Người sẽ loại bỏ những điều vô đạo khỏi nhà Gia-cóp.* ²⁷ *Đó sẽ là giao ước của Ta với chúng, khi Ta xoá bỏ tội lỗi chúng.*

²⁸ Đối chiếu với Tin Mừng thì họ là thù địch, điều đó có lợi cho anh em ; nhưng theo ơn tuyển chọn, họ là những người được yêu thương, và đó là nhờ các tổ phụ. ²⁹ Quả thế, khi Thiên Chúa đã ban ơn và kêu gọi, thì Người không hề đổi ý.

³⁰ Thật vậy, trước kia anh em đã không vâng phục Thiên Chúa, nhưng nay anh em đã được thương xót, vì họ không vâng phục ; ³¹ họ cũng thế : nay họ không vâng phục Thiên Chúa, vì Người

thương xót anh em, nhưng đó là để chính họ cũng được thương xót. ³² Quả thế, Thiên Chúa đã giam hãm mọi người trong tội không vâng phục, để thương xót mọi người.

Ca tụng thánh ý nhiệm mầu

³³ Sự giàu có, khôn ngoan và thông suốt của Thiên Chúa sâu thẳm dường nào ! Quyết định của Người, ai dò cho thấu ! Đường lối của Người, ai theo dõi được ! ³⁴ *Thật vậy, ai đã biết tư tưởng của Chúa ? Ai đã làm cố vấn cho Người ?* ³⁵ *Ai đã cho Người trước, để Người phải trả lại sau ?* ³⁶ Vì muôn vật đều do Người mà có, nhờ Người mà tồn tại và quy hướng về Người. Xin tôn vinh Thiên Chúa đến muôn đời ! A-men.

Đây là một dịp để mời gọi chúng ta suy xét lại kinh nghiệm mà chính mình đang sống trong Giáo Hội. Mặc dầu số người Ki-tô hữu có ý thức mình được Thiên Chúa gọi, và gọi sống theo Tin Mừng, không đông lắm, nhưng Giáo Hội trong tư cách là dân có đạo, vẫn tiếp tục chu toàn sứ mạng của mình : Giáo Hội là cần thiết để thế giới được cứu độ, và “quyền lực tử thần sẽ không thắng nổi Giáo Hội”.

KHUYÊN NHỦ

Cách thức xứng hợp để xót chúng ta, tôi khuyên
thờ phượng Thiên Chúa nhủ anh em hãy hiến dâng
12* 1 Thưa anh em, vì thân mình làm của lễ sống
 Thiên Chúa thương động, thánh thiện và đẹp

* 12,1 Ở đây Thánh Phao-lô bắt đầu phần thứ hai thư Rm : như trong các thư khác, phần này thực tế hơn phần thứ nhất.

Anh em hãy hiến dâng thân mình làm của lễ sống động. Không phải chỉ có ngày Chúa nhật là thuộc về Thiên Chúa, mặc dầu thánh lễ hằng tuần là cốt tủy của đời sống Ki-tô hữu. Và không chỉ những việc bốn phận nhất định nào đó là cái mà chúng ta phải chu toàn : Thiên Chúa đòi hỏi tất cả sức sống nảy sinh từ con người chúng ta.

Anh em đừng có rập theo đời này. Chúng ta bị choáng ngợp bởi những tuyên truyền, quảng cáo thời trang, ca nhạc, chưa kể cái khối nặng trĩu những thói quen khó dứt bỏ của chúng ta. Tất cả những thứ ấy chính là thói đời, cứ siết chặt chúng ta trong gong kim những lý luận và nhu cầu giả trá của nó. Mà chúng ta lẽ ra phải tự do để con tim mình chỉ thuộc về Thiên Chúa ! Cái mà ai cũng làm thường trở thành quen thuộc, và nô lệ tiền bạc một cách thân thương lại còn dễ trở thành quen thuộc hơn nữa. Không gây hấn cũng chẳng bi quan, người Ki-tô hữu chỉ còn một cách là phản kháng thói đời này thôi.

Hãy cải biến con người anh em bằng cách đổi mới tâm thần (c.2). Trước khi tiếp nhận một luật sống, phải đạt tới cái tâm, cái hồn của luật ấy : để giống thánh Phan-xi-cô, không phải trước hết là khoác áo thầy tu, nhưng là cảm thấy bàng hoàng trước tình yêu Chúa Ki-tô nghèo khó. Cuộc cải biến Ki-tô giáo được thể hiện từ những tiêu chuẩn mới, từ một cái nhìn mới về cuộc đời, về thế giới hiện đại, về tự do của chúng ta. Bí tích Thánh Tẩy làm chúng ta trở nên thụ tạo mới là khởi điểm của một cuộc đổi mới tinh thần dưới ánh sáng Thiên Chúa. X. Ep 4,23.

Hầu có thể nhận ra đâu là ý Thiên Chúa (c.2). Thực hành những luật lệ tốt nhất chưa đủ : chúng ta phải không ngừng nỗ lực khám phá, suy niệm và hiểu biết ý muốn của Thiên Chúa trong mọi biến cố cuộc đời mình.

Cũng như trong một thân thể (x. 1 Cr 12). Tất cả chúng ta làm thành một thân thể duy nhất và chúng ta không thể trốn tránh trách nhiệm của mình. Ở đâu người Ki-tô hữu là thiểu số ít ỏi, họ thường cậy nhờ rất nhiều vào sự giúp đỡ của cộng đoàn và cộng đoàn chiếm nhiều thời giờ của họ. Vậy thánh Phao-lô nhắm tới cuộc sống trong Giáo Hội theo mô hình này. Ngài cho thấy rõ mỗi người có chức năng riêng của mình trong Giáo Hội : chúng ta thấy ở đây rất khác với cách giữ đạo ở những nơi mà trong thánh lễ, số đông chỉ là "thính giả".

lòng Thiên Chúa. Đó là cách thức xứng hợp để anh em thờ phượng Người.² Anh em đừng có rập theo đời này, nhưng hãy cải biến con người anh em bằng cách đổi mới tâm thần, hầu có thể nhận ra đâu là ý Thiên Chúa : cái gì là tốt, cái gì đẹp lòng Chúa, cái gì hoàn hảo.

Sống khiêm nhường và bác ái trong cộng đoàn

³ Dựa vào ân sủng Thiên Chúa đã ban cho tôi, tôi xin nói với từng người trong anh em : đừng đi quá mức khi đánh giá mình, nhưng hãy đánh giá mình cho đúng mức, mỗi người tùy theo lượng đức tin Thiên Chúa đã phân phát

cho. * ⁴ Cũng như trong một thân thể, chúng ta có nhiều bộ phận, mà các bộ phận không có cùng một chức năng,⁵ thì chúng ta cũng vậy : tuy nhiều nhưng chỉ là một thân thể trong Đức Ki-tô, mỗi người liên đới với những người khác như những bộ phận của một thân thể.⁶ Chúng ta có những đặc sủng khác nhau, tùy theo ân sủng Thiên Chúa ban cho mỗi người. Được ơn làm ngôn sứ, thì phải nói sao cho phù hợp với đức tin.⁷ Được ơn phục vụ, thì phải phục vụ. Ai dạy bảo, thì cứ dạy bảo.⁸ Ai khuyên răn, thì cứ khuyên răn. Ai phân phát, thì phải chân thành. Ai chủ tọa, thì phải có

* 12,4 Cách thức thánh Phao-lô nói về cộng đoàn Ki-tô hữu giúp chúng ta hiểu rằng Giáo Hội thời bấy giờ không phải được tổ chức như ngày nay. Trong Giáo Hội sơ khai, không phải tất cả mọi sự đều tùy thuộc những linh mục đã được tách riêng ra để huấn luyện và được phái từ nơi khác đến các cộng đoàn. Như chúng ta đã bình giải ở Cv 12,24, cộng đoàn bổ nhiệm một hội đồng các kỳ mục được các Tông Đồ chuẩn nhận. Trong số các kỳ mục, các *ngôn sứ* được tôn trọng đặc biệt. Các kỳ mục lãnh đạo Giáo Hội chủ tọa thánh lễ.

Cộng đoàn biết có thể cậy nhờ vào khả năng của mỗi thành viên, và những thừa tác vụ hay việc phục vụ mà các thành viên đảm nhận trong Giáo Hội thì được coi là ân huệ Thiên Chúa ban. X. Ep 4,11 và phần bình giải 1 Tm 4,14.

Trong lịch sử, Giáo Hội đã phải không ngừng đổi mới cơ cấu của mình, và thích nghi với các thực tại mới trong xã hội cũng như những tiến bộ về văn hoá.

Ai phân phát thì phải chân thành (c.8). Thánh Phao-lô đi từ chỗ chu toàn các thừa tác vụ đến chỗ thực thi đức ái đối với tha nhân.

nhật tâm. Ai làm việc bác ái thì vui vẻ mà làm.

* ⁹ Lòng bác ái không được giả hình giả bộ. Anh em hãy gồm ghét điều dữ, tha thiết với điều lành ; ¹⁰ thương mến nhau với tình huynh đệ, coi người khác trọng hơn mình ; ¹¹ nhiệt thành, không trễ nải ; lấy tinh thần sốt sắng mà phục vụ Chúa. ¹² Hãy vui mừng vì có niềm hy vọng, cứ kiên nhẫn lúc gặp gian truân, và chuyên cần cầu nguyện. ¹³ Hãy chia sẻ với những người trong dân thánh đang lâm cảnh thiếu thốn, và ân cần tiếp đãi khách đến nhà.

Bác ái đối với mọi người, kể cả thù địch.

¹⁴ Hãy chúc lành cho những người bắt bớ anh em, chúc lành chứ đừng nguyện rửa : ¹⁵ vui với người vui, khóc với người khóc. ¹⁶ Hãy đồng tâm

nhất trí với nhau, đừng tự cao tự đại, nhưng ham thích những gì hèn mọn. Anh em đừng cho mình là khôn ngoan, ¹⁷ đừng lấy ác báo ác, hãy chú tâm vào những điều mọi người cho là tốt. ¹⁸ Hãy làm tất cả những gì anh em có thể làm được, để sống hoà thuận với mọi người. ¹⁹ Anh em thân mến, đừng tự mình báo oán, nhưng hãy để cho cơn thịnh nộ của Thiên Chúa làm việc đó, vì có lời chép : Đức Chúa phán : *Chính Ta sẽ báo oán, chính Ta sẽ đáp trả.* ²⁰ Trái lại, kẻ thù người có đói, hãy cho nó ăn ; có khát, hãy cho nó uống ; làm như vậy, người sẽ chất than hồng lên đầu nó. ²¹ Đừng để cho sự ác thắng được mình, nhưng hãy lấy thiện mà thắng ác.

Phục tùng chính quyền

13 * ¹ Mỗi người phải phục tùng chính

* 12,9 Cc. 9-13 đưa ra một chương trình cho đời sống Ki-tô giáo. Thánh Phao-lô chú tâm đến thái độ và ý hướng nội tâm nhiều hơn là khuyên phải làm việc này việc nọ một cách rõ ràng.

Đừng lấy ác báo ác (c.17) : nghĩa là hãy tha thứ, một đòi hỏi mà Chúa Giê-su đã nhiều lần nêu rõ. Một thứ khôn ngoan không đúng nghĩa khuyên chúng ta lấy ác báo ác, lấy ti tiện đáp ti tiện... Và cũng chỉ là khôn vặt khi cố gắng làm cho mình ra vẻ quan trọng, cao sang, hay là gặp ai có bề thế thì tỏ ra nể trọng hơn.

quyền, vì không có quyền bính nào mà không bởi Thiên Chúa, và những quyền bính hiện hữu là do Thiên Chúa thiết lập. ² Như vậy, ai chống đối quyền bính là chống lại trật tự Thiên Chúa đặt ra, và kẻ nào chống lại sẽ chuốc lấy án phạt. ³ Thật thế, làm điều thiện thì không phải sợ nhà chức trách, có làm điều ác mới phải sợ. Bạn muốn khỏi phải sợ chính quyền ư ? Hãy làm điều thiện, và bạn sẽ được họ khen ngợi, ⁴ vì chính quyền là người thừa hành của Thiên Chúa để giúp bạn làm điều thiện. Nhưng nếu bạn làm

điều ác, thì hãy sợ, vì họ mang gươm không phải không có lý do. Thật vậy, họ là người thừa hành của Thiên Chúa để giáng cơn thịnh nộ của Người xuống kẻ làm điều ác. ⁵ Vì lẽ đó, cần thiết phải phục tùng, không những vì sợ bị phạt, mà còn vì lương tâm. ⁶ Đó cũng là lý do khiến anh em nộp thuế : nhân viên thu thuế là những người phục vụ Thiên Chúa, khi chu toàn phận sự. ⁷ Anh em nợ ai cái gì, thì hãy trả cho người ta cái đó : nộp sưu cho người đòi sưu, trả thuế cho người đòi thuế, sợ người phải sợ, kính người phải kính.

* 13,1 Trong môi trường sống của thánh Phao-lô, nhiều người đến với đạo để trốn tránh bốn phận trong gia đình và nhiệm vụ ngoài xã hội của mình (x. 2 Tx 3,6-12). Thánh Phao-lô nhấn mạnh khía cạnh "huyền nhiệm" của đời sống Ki-tô hữu nhưng không hề chấp nhận thái độ trốn tránh như thế, trái ngược với những gì ngài đã được dạy khi học khoa Kinh Thánh. Vậy ngài sẽ nhấn mạnh đến nghĩa vụ người công dân, trong bối cảnh một xã hội khác xa các nước dân chủ hiện nay trên thế giới.

Bản văn này đã bị các chế độ độc tài trong quá khứ xuyên tạc, bởi vì, sau khi dùng vũ lực áp đặt luật của mình, họ muốn được phục tùng như thể họ là những tối tở chân chính phục vụ Thiên Chúa và công ích vậy. Ngày nay, bản văn vẫn còn bị bóp méo tại nhiều nước, là những thuộc địa ngầm của các đế quốc lớn ; một số cơ quan đầy quyền thế tự tiện gửi đến đó các nhà giảng thuyết, mong các vị sẽ dựa vào đoạn này mà kêu gọi người Ki-tô hữu câm miệng trước cảnh bất công và bóc lột kinh tế. Thật thì, theo một nghĩa nào đó, ai là người đã được trao chức vụ đều là *những người thừa hành* của Thiên Chúa và *quyền bính (của họ) là do Thiên Chúa thiết lập*. Nhưng chẳng phải Kinh Thánh cũng đã nói rằng quý dữ ban quyền cho những ai hầu hạ nó sao ? (Lc 4,5-7 ; Kh 13,6-9 ; Ga 12,31 và 14,30).

Yêu thương là chu toàn Lễ Luật

⁸ Anh em đừng mắc nợ gì ai, ngoài món nợ tương thân tương ái ; vì ai yêu người, thì đã chu toàn Lễ Luật. ⁹ Thật thế, các điều răn như : *Người không*

được ngoại tình, không được giết người, không được trộm cắp, không được ham muốn, cũng như các điều răn khác, đều tóm lại trong lời này : Người phải yêu người thân cận như chính mình. ¹⁰ Đã yêu

Thánh Phao-lô và độc giả của ngài sống trong một thế giới hầu như chẳng có ai hồ nghi chính quyền Rô-ma là bất chính cả. Và bởi vì không có công ích cũng không có hoà bình nếu không có quyền lực và phục tùng, nên thánh Phao-lô tuyên bố rằng lòng phục tùng chính quyền hiện hành là xuất phát từ Thiên Chúa. Khi nói đến những người *chống đối quyền bính*, ngài nghĩ đến những ai muốn áp đặt lợi ích của họ hay của phe nhóm họ. Điều ngài từ chối là thái độ phi xã hội, một điểm sẽ được nhắc tới ở 1 Pr 2,13 và Tt 3,1, khi chính quyền bắt đầu có thái độ nghi ngờ đối với người Ki-tô hữu.

Không ai có thể dựa vào các lời này để lên án những người chống đối vì lý do lương tâm. Dù sao, người Ki-tô hữu chỉ đặt lương tâm mình dưới quyền của Chúa Ki-tô. Khi những người cầm quyền đòi hỏi một điều gì trái ngược với sự thật và lẽ công bình, thì người Ki-tô hữu chống đối theo như lương tâm thôi thúc họ, và sẵn sàng hứng chịu sự trấn áp đương nhiên sẽ tới do luật loài người quy định, và đến tính mạng của mình họ cũng sẵn sàng hy sinh nữa. Các vị tử đạo được Giáo Hội ngày nay tôn kính, nhưng đối với đa số thì, vào thời đại các ngài, các ngài đã bị kết án là quân bạo động và là kẻ thù của trật tự xã hội.

Chính quyền là người thừa hành của Thiên Chúa để giúp bạn làm điều thiện (c.4). Vậy chúng ta phải tự hỏi xem các luật lệ và quyền hành có dẫn đưa chúng ta đến điều thiện, có ưu đãi các thành phần thiểu số hay không : đừng quên Is 5,8 ; 7 ; 10,1-3 ; Am 5,7-12. Người tín hữu chỉ nhìn nhận một Đức Chúa duy nhất, và sẽ không chấp nhận có những người quyền cao chức trọng biến thành những “chúa tể” chuyên chính, có thể loại trừ những ai chống lại quyền hành tuyệt đối của họ.

Chúa Giê-su đã từ chối tham gia chính trị (Mc 12,13-17), nhưng không nói điều gì chống lại những người làm chính trị. Người đã đủ tự do để tố giác chính quyền, để từ chối tuân giữ những luật lệ nặng tính áp bức, dù là thánh thiêng nhất.

Trong thế kỷ vừa qua, Giáo Hội thường nhắc nhở chúng ta rằng không có quyền bính nào có thể tước mất quyền lợi của một ai, và tất cả mọi người phải tích cực góp phần vào việc bầu chọn những vị sẽ phục vụ lợi ích của tất cả mọi người (*Vui Mừng và Hy Vọng*, 93-98).

thương thì không làm hại người đồng loại ; yêu thương là chu toàn Lễ Luật vậy.

Người tín hữu là con cái ánh sáng

* ¹¹ Phải như thế, vì anh em biết chúng ta đang sống trong thời nào. Đã đến lúc anh em phải thức dậy, vì hiện nay ngày Thiên Chúa cứu độ chúng ta đã gần hơn trước kia, khi chúng ta mới tin đạo. ¹² Đêm sắp tàn, ngày gần đến. Vậy chúng ta hãy loại bỏ những việc làm đen tối, và cầm lấy vũ khí của sự sáng để chiến đấu. ¹³ Chúng ta hãy ăn ở cho

đứng đắn như người đang sống giữa ban ngày : không chè chén say sưa, không chơi bời dâm dăng, cũng không cãi cọ ghen tương. ¹⁴ Nhưng anh em hãy mặc lấy Chúa Giê-su Ki-tô, và đừng chiều theo tính xác thịt mà thoả mãn các dục vọng.

Bác ái đối với người yếu tin

14 * ¹ Anh em hãy đón nhận người yếu đức tin và đừng tranh luận với họ. ² Có người tin mình ăn được mọi thứ, có người vì yếu chỉ ăn rau. ³ Người ăn đừng có khinh kẻ không ăn, còn kẻ không ăn cũng

* **13,11** *Đã đến lúc anh em phải thức dậy.* Thánh Phao-lô vừa nhắc nhở bốn phạm người Ki-tô hữu trong thế giới này, thì liền sau đó ngài quay ngược chiều : người Ki-tô hữu nhất định không được bám rễ ở luôn dưới thế này, vì hoài bão của họ là mong đợi ngày Chúa Ki-tô quang lâm.

Trong ba mươi năm đầu tiên Giáo Hội, mọi người đều tưởng Chúa Giê-su sắp sửa trở lại. Rồi một khi thấy rõ lịch sử hãy còn dài, thì hoài bão của mỗi người lại hướng về ngày cuối đời của mình : lúc ấy họ sẽ được gặp Chúa Ki-tô. Thế nhưng chúng ta vẫn biết rằng lịch sử đang tiếp diễn, và không những chúng ta phải sẵn sàng vào giờ phút cuối cùng của mình, mà còn phải tích cực tham gia việc loan báo Tin Mừng cho thế giới nữa. Một cách trực tiếp hay gián tiếp, Tin Mừng là sức mạnh đưa lịch sử đến tâm vóc trưởng thành của nó : bằng cách sống thánh thiện và có tinh thần trách nhiệm, chúng ta góp phần cho Triều Đại Thiên Chúa mau đến.

* **14,1** Độc giả của thánh Phao-lô có thật sự khác chúng ta không ? Sau khi nghe nhắc lại bấy nhiêu chân lý cao siêu, họ có khả năng mài nhẵn đi các góc cạnh khiến cho đời sống cộng đoàn quá nặng nề hay không ?

đừng xét đoán người ăn, vì Thiên Chúa đã đón nhận người ấy. ⁴ Bạn là ai mà xét đoán người nhà của kẻ khác ? Nó đứng hay nó ngã, đó là việc của chủ nó. Nhưng nó sẽ đứng, vì Chúa có khả năng làm cho nó đứng. ⁵ Người thì cho rằng : ngày này trọng hơn ngày khác ; kẻ thì lại nghĩ : ngày nào cũng như nhau. Trong thâm tâm, mỗi người phải có xác tín.

⁶ Ai để ý đến ngày này ngày nọ, thì làm thế để kính Chúa. Người ăn, thì vì Chúa mà ăn, bởi lẽ họ tạ ơn Thiên Chúa. Còn người không ăn, thì không ăn vì Chúa, họ cũng tạ ơn Thiên Chúa. ⁷ Thật vậy, không ai trong chúng ta sống cho chính mình, cũng như không ai chết cho chính mình. ⁸ Chúng ta có sống là sống cho Chúa, mà có chết cũng là chết cho

Anh em hãy đón nhận người yếu đức tin. Đa số người Ki-tô hữu Rô-ma là người nước ngoài. Do-thái hay “Hy-lạp”, họ xuất thân từ những nền văn hoá và tôn giáo khác nhau, và đầu đã từ bỏ hết những tập tục trước kia của họ. Người Do-thái đòi phải ăn những thứ thịt đặc biệt, người khác lại theo chế độ ăn chay, làm cho vấn đề thêm phức tạp. Người Do-thái có ngày sa-bát của họ, người khác lại có những ngày lành ngày tốt và những ngày kiêng kị. Lúc đầu, ai nấy còn lịch sự với nhau ; rồi từ từ, vì tự kiêu, không khỏi có chuyện người này kích người nọ “vì đức tin” của mình.

Thánh Phao-lô nhắc nhở chúng ta những gì Chúa Giê-su đã dạy (Mc 7,19) : không có thức ăn hay thức uống nào là bị cấm cả. Nhưng ngài từ chối tranh luận về đề tài ấy. *Sao bạn lại xét đoán người anh em ?* (c.10). Ai đã vượt lên trên các thành kiến thì phải tôn trọng lương tâm của người khác. Khi cần, mỗi người phải hy sinh sở thích riêng của mình vì lợi ích chung. Ngày nay, cũng có những khó khăn như vậy khi những Ki-tô hữu thuộc văn hoá và chủng tộc khác nhau phải sống chung đụng nhau (ở nơi khác thì những khác biệt về chính trị sẽ thay thế chuyện “rau thịt” mà bản văn đề cập như là yếu tố gây chia rẽ) : đây là dịp để tỏ lòng tôn trọng lẫn nhau.

Hành động nào không do xác tín đều là tội (c.23) : nên hiểu theo nghĩa là “hành động nào trái ngược với xác tín”. Đây là lời xác quyết căn bản về tự do của lương tâm. Có lẽ người ta thường quên điều đó ; nhưng chính thánh Tô-ma A-qui-nô nhắc lại : không được tuân giữ một luật lệ hay quyền bính tôn giáo nào nếu đó là trái với lương tâm của mình. Bù lại, chúng ta phải huấn luyện lương tâm mình, vì nó luôn có nguy cơ rơi vào sai lầm. Chúng ta phải vun đắp tiêu chuẩn cho mình bằng cách đọc sách báo, trao đổi, suy niệm Kinh Thánh, tận dụng những phương tiện mà Giáo Hội dùng theo trăm ngàn cách để soi sáng chúng ta.

Chúa. Vậy, dù sống, dù chết, chúng ta vẫn thuộc về Chúa ; ⁹ vì Đức Ki-tô đã chết và sống lại chính là để làm Chúa kẻ sống cũng như kẻ chết. ¹⁰ Thế mà bạn, sao bạn lại xét đoán người anh em ? Và bạn nữa, sao bạn khinh dể người anh em ? Quả thế, tất cả chúng ta sẽ phải ra trước toà Thiên Chúa, ¹¹ vì có lời chép rằng : *Đức Chúa phán : Ta lấy sự sống Ta mà thề : mọi người sẽ quỳ gối lạy Ta, và mọi miệng lưỡi phải xưng tụng Thiên Chúa.* ¹² Như vậy, mỗi người trong chúng ta sẽ phải trả lời về chính mình trước mặt Thiên Chúa.

¹³ Vậy chúng ta đừng xét đoán nhau nữa. Tốt hơn, anh em hãy xét sao để tránh gây cố cho anh em mình phải vấp hay phải ngã. ¹⁴ Trong Chúa Giê-su, tôi biết và xác tín rằng không có gì tự nó là ô ố ; có ô ố là chỉ đối với người cho nó là ô ố. ¹⁵ Nếu vì bạn ăn một thức ăn, mà bạn làm phiền lòng người anh em, thì bạn không còn sống theo đức ái nữa. Đừng vì chuyện ăn uống mà làm cho người anh em

của bạn phải hư mất, vì Đức Ki-tô đã chết cho người ấy.

¹⁶ Vậy đừng để cho thiên hạ chê bai điều mà anh em cho là tốt. ¹⁷ Vì Nước Thiên Chúa không phải là chuyện ăn chuyện uống, nhưng là sự công chính, bình an và hoan lạc trong Thánh Thần. ¹⁸ Ai phục vụ Đức Ki-tô như thế, thì đẹp lòng Thiên Chúa và được người ta quý trọng. ¹⁹ Vậy chúng ta hãy theo đuổi những gì đem lại bình an và những gì xây dựng cho nhau. ²⁰ Đừng vì một thức ăn mà phá huỷ công trình Thiên Chúa. Đã hẳn, mọi thức ăn đều thanh sạch ; nhưng ăn mà gây cố vấp ngã, thì là điều xấu. ²¹ Tốt nhất là đừng ăn thịt, uống rượu, và tránh những gì có thể gây cố cho anh em mình vấp ngã.

²² Bạn xác tín điều gì, thì cứ giữ lấy cho mình trước mặt Thiên Chúa. Phúc thay ai không cho mình là có lỗi khi quyết định làm điều gì ! ²³ Còn ai hồ nghi mà cứ ăn, thì bị kết án, vì hành động không do xác tín. Hành động nào không do xác tín đều là tội.

15¹ Bản phận của chúng ta, những người có đức tin vững mạnh, là phải nâng đỡ những người yếu đuối, không có đức tin vững mạnh, chứ không phải chiều theo sở thích của mình.² Mỗi người chúng ta hãy chiều theo sở thích kẻ khác, vì lợi ích của họ, và để xây dựng.³ Thật vậy, Đức Ki-tô đã không chiều theo sở thích của mình, trái lại, như có lời chép : *Lời kẻ thoá mạ Ngài, này chính con hứng chịu.*⁴ Quả thế, mọi lời xưa đã chép trong Kinh Thánh, đều được chép để dạy dỗ chúng ta. Những lời ấy làm cho chúng ta nên kiên nhẫn, và an ủi chúng ta, để nhờ đó chúng ta vững lòng trông cậy.

⁵ Xin Thiên Chúa là nguồn kiên nhẫn và an ủi, làm cho anh em được đồng tâm nhất trí với nhau, như Đức Ki-tô Giê-su đòi hỏi.⁶ Nhờ đó, anh em sẽ có thể hiệp ý đồng thanh mà tôn vinh Thiên Chúa, là Thân Phụ Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta.

⁷ Vậy, anh em hãy đón nhận nhau, như Đức Ki-tô

đã đón nhận anh em, để làm rạng danh Thiên Chúa.⁸ Thật vậy, tôi xin quả quyết : Đức Ki-tô có đến phục vụ những người được cắt bì, để thực hiện những gì Thiên Chúa đã hứa với tổ tiên họ, đó là do lòng trung thành của Thiên Chúa.⁹ Còn các dân ngoại có được tôn vinh Thiên Chúa, thì đó là do lòng thương xót của Người, như có lời chép : *Vì thế giữa muôn dân con cất lời cảm tạ, dâng điệu hát cung đàn ca mừng danh thánh Chúa.*¹⁰ Chỗ khác lại chép : *Hỡi chư dân, hãy vui mừng với dân Thiên Chúa !*¹¹ Chỗ khác nữa : *Muôn nước hỡi, nào ca ngợi Chúa, ngàn dân ơi, hãy chúc tụng Người !*

¹² Ông I-sai-a cũng nói : *Từ gốc tổ Gie-sê sẽ xuất hiện một mầm non, một Đấng sẽ đứng lên lãnh đạo chư dân. Chư dân sẽ hy vọng nơi Người.*¹³ Xin Thiên Chúa là nguồn hy vọng, ban cho anh em được chan chứa niềm vui và bình an nhờ đức tin, để nhờ quyền năng của Thánh Thần, anh em được tràn trề hy vọng.

KẾT

Công việc phục vụ của thánh Phao-lô

* 14 Thưa anh em, chính tôi, tôi tin chắc rằng anh em có đầy thiện chí, thừa hiểu biết và có khả năng khuyên bảo nhau. 15 Trong thư này, đôi chỗ tôi đã nói hơi mạnh, chẳng qua là để nhắc lại cho anh em điều anh em đã biết. Tôi viết thế là dựa vào ân sủng Thiên Chúa đã ban cho tôi

16 làm người phục vụ Đức Giê-su Ki-tô giữa các dân ngoại, lo việc tế tự là rao giảng Tin Mừng của Thiên Chúa, để các dân ngoại được Thánh Thần thánh hoá mà trở nên một lễ phẩm đẹp lòng Thiên Chúa.

17 Vậy, trong Đức Ki-tô Giê-su, tôi có quyền hãnh diện về công việc phục vụ Thiên Chúa. 18 Thật thế,

* 15,14 Ở đây, chúng ta ghi nhận sự tế nhị của thánh Phao-lô. Ngài có quyền uy của một tông đồ Chúa Ki-tô và có khả năng giải quyết các vấn đề của Giáo Hội Rô-ma. Thế nhưng, tuy đang phải đưa ra cho họ một giáo huấn, ngài hết sức cẩn thận để không gây chia rẽ hay cạnh tranh : ngài tỏ lòng kính nể các vị đã sáng lập cũng như các vị lãnh đạo cộng đoàn Rô-ma.

Làm người phục vụ Đức Giê-su Ki-tô, lo việc tế tự là rao giảng Tin Mừng của Thiên Chúa (c.16). Chúng ta đừng nghĩ thánh Phao-lô tự coi mình là tư tế theo nghĩa được áp dụng cho các linh mục trong Giáo Hội. Các Ki-tô hữu thời sơ khai không dùng từ ngữ “tư tế” để chỉ các thừa tác viên phục vụ cộng đoàn của họ, bởi vì đối với họ, từ ngữ ấy không ăn nhằm gì với các tư tế trong đạo Do-thái hay trong dân ngoại, là những trung gian cần thiết giữa Thiên Chúa và thường dân. Chúa Giê-su là Tư Tế và là Trung Gian (xem thư gửi tín hữu Do-thái), còn những ai đã chịu thanh tẩy thì không cần trung gian nào khác, vì tất cả đều đã được thánh hiến cho Thiên Chúa,

Nhưng ở đây, thánh Phao-lô tự so sánh mình với các tư tế có nhiệm vụ tiến dâng lễ vật cho Thiên Chúa : hiến lễ của ngài chính là các dân ngoại mà ngài đã giúp giải hoà với Thiên Chúa. Đó là cách thức thờ phượng mới và thiêng liêng (12,1) mà các Tông Đồ dâng lên Thiên Chúa.

Ngày nay hãy còn tồn tại một điều nguy hiểm là đặt nặng việc cử hành những nghi lễ phục vụ mà quên đi nhiệm vụ khó khăn –và thường bị vu khống– là hoà giải những con người đã được giải phóng và có ý thức về phẩm giá của mình. Những ai đã hiến đời mình cho việc rao giảng Tin Mừng theo cách này càng làm cho việc cử hành thánh lễ được mang đầy đủ ý nghĩa của nó.

tôi đâu dám nhắc đến chuyện nào khác, ngoài những gì Đức Ki-tô đã dùng tôi mà thực hiện để đưa các dân ngoại về phục vụ Thiên Chúa, thực hiện bằng lời nói việc làm, ¹⁹ bằng sức mạnh của những dấu lạ điềm thiêng, bằng quyền năng của Thánh Thần. Như vậy, từ Giê-ru-sa-lem, đi vòng đến tận miền I-ly-ri, tôi đã làm tròn sứ mạng loan báo Tin Mừng Đức Ki-tô. ²⁰ Nhưng tôi chỉ có tham vọng là loan báo Tin Mừng ở những nơi người ta chưa được nghe nói đến danh Đức Ki-tô. Tôi làm thế vì

không muốn xây dựng trên nền móng người khác đã đặt. ²¹ Trái lại, như có lời chép : *Những kẻ đã không được loan báo về Người, sẽ thấy, những kẻ đã không được nghe nói về Người, sẽ hiểu.*

Dự định máy chuyển đi

* ²² Chính vì lẽ đó mà đã bao lần tôi bị ngăn trở không thể đến với anh em. ²³ Nhưng bây giờ tôi không còn môi trường hoạt động trong những vùng này nữa ; đàng khác, từ nhiều năm nay, tôi vẫn ước ao đến thăm anh em, ²⁴ khi nào tôi sang Tây-ban-nha.

* **15,22** Sang Tây-ban-nha có nghĩa là đi xa hơn Rô-ma, trung tâm của thế giới thời bấy giờ. Điểm này giúp chúng ta có một ý niệm về lòng nhiệt thành của thánh Phao-lô : ngài hăm hở đi lập những cộng đoàn mới ở khắp nơi trên thế giới, không đợi cho các cộng đoàn ngài vừa thành lập được hoàn hảo trước đã. Ngày nay, di truyền giáo không phải là đi xa hơn Rô-ma hay vượt trùng dương : cộng đoàn Ki-tô hữu nào cũng phải nhanh chóng nhìn xa hơn ranh giới của môi trường “tốt lành” của mình, nơi mà mình cảm thấy thật thoải mái. Như thế có lẽ chúng ta sẽ khám phá hàng triệu những người khác đang sống bên cạnh mình nhưng lại rất cách xa.

Tôi còn phải đi Giê-ru-sa-lem để phục vụ dân thánh ở đó (c.25). Các sáng kiến của cộng đoàn Giê-ru-sa-lem về việc gom góp của cải làm của chung (Cv 2,4) đã kết thúc bằng một thất bại. Bấy giờ thánh Phao-lô tổ chức lạc quyền trong tất cả các cộng đoàn Hy-lạp để giúp đỡ họ. Ngài hy vọng cuộc trợ giúp huynh đệ này sẽ thắt chặt dây liên kết giữa nhóm Ki-tô hữu gốc Hy-lạp và nhóm Ki-tô hữu gốc Do-thái.

Trong Giáo Hội, thường khó tránh những căng thẳng giữa các nhóm thuộc văn hoá hay giai cấp khác nhau. Nguyên việc đối thoại thường khi cũng đã là khó. Trong tình cảnh này, việc tương trợ tương tế, do tình yêu huy động, lại có thể giúp mọi người đi đến chỗ “tâm đầu” mặc dù chưa đạt tới “ý hợp”.

Tôi hy vọng trên đường đi sẽ ghé thăm anh em, và được anh em tiễn đưa qua đó, sau khi được tha mãi phần nào vì đã gặp anh em.²⁵ Nhưng bây giờ tôi còn phải đi Giê-ru-sa-lem để phục vụ dân thánh ở đó,²⁶ vì miền Ma-kê-đô-ni-a và miền A-khai-a đã có nhã ý đóng góp để giúp những người nghèo trong số dân thánh ở Giê-ru-sa-lem.²⁷ Họ đã có nhã ý làm như vậy, nhưng thật ra họ cũng có bổn phận đối với dân thánh ở đó. Bởi vì các dân ngoại đã được chia sẻ các phúc lộc thiêng liêng của dân thánh ở Giê-ru-sa-lem, thì họ cũng có bổn phận dùng của cải vật chất mà giúp đỡ lại.²⁸ Vậy khi đã hoàn thành công việc ấy và đã chính thức chuyển giao kết quả cuộc lạc quyền, tôi sẽ ghé thăm anh em trên đường đi Tây-ban-nha.²⁹ Tôi biết rằng, khi đến thăm anh em, tôi sẽ đến với đầy đủ phúc lành của Đức Ki-tô.

³⁰ Thưa anh em, vì Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, và vì tình yêu của Thánh Thần, tôi khuyên nhủ anh em cùng chiến đấu với tôi, bằng cách cầu

xin Thiên Chúa cho tôi,³¹ để tôi thoát khỏi tay những người miền Giu-đê không chịu tin và để dân thánh vui lòng chấp nhận những gì tôi mang đến Giê-ru-sa-lem phục vụ họ.³² Như thế, tôi sẽ vui mừng đến với anh em và được nghỉ ngơi giữa anh em, nếu Thiên Chúa muốn.

³³ Xin Thiên Chúa là nguồn bình an, ở cùng tất cả anh em. A-men.

Giới thiệu và chào thăm

16¹ Tôi xin giới thiệu với anh em chị Phê-bê, người chị em của chúng tôi, là nữ trợ tá Hội Thánh Ken-khơ-rê.² Mong anh em tiếp đón chị trong Chúa cách xứng đáng, như dân thánh phải đối xử với nhau. Chị có việc gì cần đến anh em, xin anh em giúp đỡ, vì chính chị cũng đã bảo trợ cho nhiều người, kể cả tôi nữa.

³ Tôi xin gửi lời thăm chị Pơ-rít-ca và anh A-qui-la, những người cộng tác với tôi để phục vụ Đức Ki-tô Giê-su ;⁴ hai anh chị đã liều mất đầu để cứu mạng tôi. Không chỉ mình tôi, mà còn các Hội Thánh trong dân ngoại cũng phải

mang ơn anh chị. ⁵ Tôi cũng xin gửi lời thăm Hội Thánh vẫn họp tại nhà anh chị ấy.

Xin gửi lời thăm anh Ê-pê-nét, bạn yêu quý của tôi, là của đầu mùa miền A-xi-a dâng lên Đức Ki-tô. ⁶ Xin gửi lời thăm chị Ma-ri-a, người đã vất vả nhiều vì anh em. ⁷ Xin gửi lời thăm các anh An-rô-ni-cô và Giu-ni-a, bà con với tôi; và đã từng ngồi tù với tôi; các anh là những người xuất sắc trong các Tông Đồ, lại còn theo Đức Ki-tô trước tôi. ⁸ Xin gửi lời thăm anh Am-li-át, bạn yêu quý của tôi trong Chúa. ⁹ Xin gửi lời thăm anh Ua-ban, người cộng tác với chúng tôi trong Đức Ki-tô, và anh Ta-khy, bạn yêu quý của tôi. ¹⁰ Xin gửi lời thăm anh A-pe-lê, người đã từng được tôi luyện trong Đức Ki-tô. Xin gửi lời thăm mọi người trong nhà anh A-rít-tô-bu-lô. ¹¹ Xin gửi lời thăm anh Hê-rô-đi-on, bà con với tôi. Xin gửi lời thăm bà con anh Na-ki-xô, những người

đang ở trong Chúa. ¹² Xin gửi lời thăm hai chị Try-phen và Try-phô-xa, những người đang vất vả vì Chúa. Xin gửi lời thăm chị Péc-xi-đê yêu quý, người đã vất vả nhiều vì Chúa. ¹³ Xin gửi lời thăm anh Ru-phô, người được Chúa chọn, và thăm mẹ của anh, cũng là mẹ của tôi. ¹⁴ Xin gửi lời thăm các anh A-xinh-rít, Phơ-lê-gon, Héc-mê, Pát-rô-ba, Héc-ma và những anh em ở với các anh ấy. ¹⁵ Xin gửi lời thăm anh Phi-lô-lô-gô và chị Giu-li-a, anh Nê-rê và cô em anh ấy, anh Ô-lim-pa và mọi người trong dân thánh đang ở với các anh chị ấy. ¹⁶ Anh em hãy hôn chào nhau một cách thánh thiện. Tất cả các Hội Thánh Đức Ki-tô gửi lời chào anh em.

Tái bút lần thứ nhất : khuyên nhủ coi chừng

* ¹⁷ Thưa anh em, tôi khuyên nhủ anh em hãy coi chừng những kẻ gây chia rẽ và làm cố vấp ngã, vì đi ngược lại với đạo lý

* **16,17** Anh em hãy coi chừng những kẻ gây chia rẽ. Hầu như không có thư nào của thánh Phao-lô mà không khuyên đề phòng những kẻ xúi giục gây chia rẽ và những ai rao giảng một Tin Mừng khác. Giáo lý của Giáo Hội là giáo lý các Tông Đồ, chứng nhân của Chúa Giê-su.

anh em đã học hỏi ; anh em hãy xa lánh họ.
¹⁸ Hạng người đó chẳng phục vụ Đức Ki-tô, Chúa chúng ta, mà phục vụ chính cái bụng của mình. Họ dùng những lời ngọt ngào nịnh bợ mà quyến rũ những tâm hồn đơn sơ.
¹⁹ Thật vậy, ai ai cũng biết rằng anh em vâng phục Thiên Chúa ; bởi thế tôi lấy làm vui vì anh em. Nhưng tôi muốn cho anh em khôn ngoan làm điều tốt, trong sạch không làm điều xấu. ²⁰ Thiên Chúa là nguồn bình an, chẳng bao lâu nữa sẽ đè bẹp Xa-tan, bắt nó phải ở dưới chân anh em. Nguyện xin Đức Giê-su, Chúa chúng ta, ban ân sủng cho anh em.

Tái bút lần thứ hai : chào thăm lần cuối

²¹ Anh Ti-mô-thê, người cộng tác với tôi, các anh Lu-ki-ô, Gia-xon và Xô-xi-pát-rô, bà con của tôi, gửi lời thăm anh em.
²² Tôi là Téc-xi-ô, người chép thư này, xin gửi lời

thăm anh em trong Chúa.
²³ Anh Gai-ô, người tiếp rước tôi và tiếp rước cả Hội Thánh trong nhà của anh, gửi lời thăm anh em. Anh Ê-rát-tô, quản lý kho bạc của thành phố, và anh Qua-tô, người anh em chúng tôi, gửi lời thăm anh em. ²⁴ Nguyện xin Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, ban ân sủng cho toàn thể anh em. A-men.

Vinh tụng ca

²⁵ Vinh danh Thiên Chúa, Đấng có quyền năng làm cho anh em được vững mạnh theo Tin Mừng tôi loan báo, khi rao giảng Đức Giê-su Ki-tô. Tin Mừng đó mặc khải mầu nhiệm vốn được giữ kín tự ngàn xưa ²⁶ nhưng nay lại được biểu lộ như lời các ngôn sứ trong Sách Thánh. Theo lệnh của Thiên Chúa, Đấng hằng có đời đời, mầu nhiệm này được thông báo cho muôn dân biết, để họ tin mà vâng phục Thiên Chúa.
²⁷ Chỉ mình Thiên Chúa là

Có một phẩm trật, một trật tự được thiết lập hợp pháp, và thánh Phao-lô đòi hỏi thái độ tuân phục đối với tất cả những gì liên quan tới đức tin.

Câu cuối cùng là một kinh tạ ơn, tương tự một lời kinh khác được triển khai rộng hơn, mở đầu bức thư gửi tín hữu Ê-phê-xô.

Đấng khôn ngoan thượng
trí. Kính dâng Người mọi
vinh quang đến muôn thuở

muôn đời, nhờ Đức Giê-su
Ki-tô. A-men.

THƯ 1 GỬI TÍN HỮU CÔ-RIN-TÔ

DẪN NHẬP

Khi nói về các Ki-tô hữu đầu tiên, một số người ca tụng họ như thể họ là gương mẫu mọi nhân đức. Thư 1 gửi tín hữu Cô-rin-tô sẽ cho chúng ta thấy rằng các tín hữu thời sơ khai cũng có những yếu đuối như chúng ta, và đức tin đâu đã huỷ diệt những thực tại đè nặng trên kiếp người.

Trong số các thành phố vùng Địa Trung Hải, Cô-rin-tô có một bộ mặt riêng biệt. Thành phố nằm trên một eo đất giữa hai vịnh, nên đã hưởng nhiều thuận lợi do vị trí của mình. Ngày xưa, hai hải cảng phía đông và phía tây được một con đường lát đá nối liền lại, trên đó người ta kéo tàu bè bằng những chiếc xe bò khổng lồ. Như vậy các thủy thủ không phải đi vòng qua phía nam đất Hy-lạp, đỡ được một cuộc hành trình thời đó lâu dài và nguy hiểm. Dĩ nhiên muốn qua thì phải

trả tiền, điều này có lợi cho thành phố về mặt tài chính ; đàng khác cũng cần nhiều nhân công, thời ấy có nghĩa là cần rất nhiều nô lệ.

Từ lâu đời, thành phố có đền thờ nữ thần A-phơ-rô-đi-tê, nữ thần tình yêu đối với người Hy-lạp. Chung quanh đền thờ, nhờ có thu tiền, đã phát triển một tổ chức “mại dâm thánh” chẳng có gì là thánh ngoài cái tên. Vào thời thánh Phao-lô, số gái mại dâm thuộc tổ chức này phải đến mấy ngàn.

Sau cùng, gần sát Cô-rin-tô, cứ hai năm một lần, có những cuộc thi đấu thể thao, tương tự các thể vận hội ngày nay, thu hút đông đảo người đến dự. Những người này tìm chỗ trọ quanh quần đảo đó gần thành phố, và nhiều người giảng lều mà ở.

Trong hai thư thánh Phao-lô, chúng ta sẽ nhận thấy nhiều chỗ ám chỉ rất

rõ các khía cạnh trên đây của sinh hoạt thành phố này : tiền bạc, chế độ nô lệ, nạn mại dâm, các cuộc thi đấu trên sân vận động.

Tại Cô-rin-tô có một giáo đoàn năng nổ nhưng hơi thiếu trật tự, gồm những người Do-thái và người ngoại giáo đã trở lại sau khi nghe thánh Phao-lô giảng. Sau những năm đầu hăng say, nhiều người trong số họ đã trở về với các tật xấu, các tập tục ngoại giáo trước kia. Các người phụ trách giáo đoàn cảm thấy mình không có khả năng đối phó với các khó khăn, như nào là những chia rẽ nội bộ, nào là những nghi vấn về đức tin, vì thế họ nhờ đến thánh Phao-lô. Vì đang mắc công việc tông đồ tại Ê-phê-xô, ngài viết thư này để trả lời họ.

Chúng ta nên lưu ý lời lẽ đầy uy thế của thánh tông đồ Phao-lô trong bức thư ngài viết cho Hội Thánh nhân danh Chúa Ki-tô, và cách ngài giảng dạy : trước khi trực tiếp trả lời một câu hỏi, ngài luôn xác định lại các điều căn bản của đức tin. Người Cô-rin-tô bấy giờ sống giữa một thế giới ngoại giáo, nên các nghi vấn của họ cũng có tính cách thời sự như những vấn đề chúng ta bàn luận ngày nay :

– đời sống độc thân và hôn nhân,

– vấn đề sinh sống giữa những người không có đức tin Ki-tô giáo,

– trật tự trong cộng đoàn khi cử hành bữa tiệc của Chúa cũng như khi thực hành các “ân huệ thiêng liêng”,

– vấn đề kẻ chết sống lại.

THƯ 1 GỬI TÍN HỮU CÔ-RIN-TÔ

LỜI MỞ ĐẦU

Lời chào thăm. Lời cảm tạ.

1 * ¹ Tôi là Phao-lô, bởi ý Thiên Chúa được gọi làm Tông Đồ của Đức Ki-tô Giê-su, và ông Xốt-thê-

nê là người anh em của chúng tôi, ² kính gửi Hội Thánh của Thiên Chúa ở Cô-rin-tô, những người đã được hiến thánh trong Đức Ki-tô Giê-su, được kêu gọi

* ^{1,1} Tôi là Phao-lô, bởi ý Thiên Chúa được gọi làm Tông Đồ, kính gửi Hội Thánh của Thiên Chúa ở Cô-rin-tô cùng với tất cả những ai ở bất cứ nơi nào kêu cầu danh Chúa của chúng ta là Đức Giê-su Ki-tô. Qua ba lời này, thánh Phao-lô bảo vệ uy thế làm tông đồ của mình, và nhắc cho người Cô-rin-tô nhớ rằng họ là thành phần của một thực tại rộng lớn hơn, tức là Hội Thánh ở khắp nơi, Hội Thánh duy nhất của Chúa Ki-tô, vượt lên trên các nhóm riêng lẻ.

Được kêu gọi làm dân thánh (c.2). Anh em phải nên thánh, nhưng anh em đã là thánh rồi. Bởi vì theo Kinh Thánh, một người hay một vật đã thuộc về Thiên Chúa rồi thì là *thánh*. Những người đã được thanh tẩy thì đã được hiến thánh cho Thiên Chúa và là thành phần của dân thuộc về Thiên Chúa, tức là cộng đoàn *dân thánh*, là Hội Thánh.

Ơn gọi Thiên Chúa đã ban không cho phép họ tiếp tục sống như trước. Trước kia lương tri họ thích ứng thoải mái với các tiêu chuẩn luân lý của môi trường họ sống ; giờ đây, trong nếp sống giữa lòng Hội Thánh, trong vấn đề luân lý tính dục cũng như cách thức biểu hiện đời sống tôn giáo, ơn kêu gọi của Thiên Chúa đòi hỏi họ phải từ bỏ quan niệm một cuộc sống chỉ dựa trên những cái "tự nhiên". Từ nay, họ phải cố gắng làm sao hướng tới một lý tưởng cho cuộc đời mà chính Chúa Ki-tô là hiện thân.

Trong Đức Ki-tô. Kết từ Hy-lạp mà thánh Phao-lô dùng ở đây có thể dịch là *trong, nhờ, hoặc với*, tùy trường hợp. Vì thế, *trong Chúa Ki-tô* có nhiều nghĩa :

– Chúng ta là con cái Thiên Chúa, được tạo dựng theo hình ảnh Con Một của Người, và vì chúng ta với người Con đó chỉ là một, nên Thiên Chúa yêu chúng ta *trong Chúa Ki-tô*.

– Chúa Cha cứu độ chúng ta *nhờ Chúa Ki-tô*, nghĩa là nhờ cả một kế hoạch của Người mà trung tâm điểm là Chúa Ki-tô.

làm dân thánh, cùng với tất cả những ai ở bất cứ nơi nào kêu cầu danh Chúa của chúng ta, Đức Giê-su Ki-tô, là Chúa của họ và của chúng ta. ³ Xin Thiên Chúa là Cha chúng ta, và xin Chúa Giê-su Ki-tô ban cho anh em ân sủng và bình an.

* ⁴ Tôi hằng cảm tạ Thiên Chúa của tôi vì anh em, về ân huệ Người đã ban cho anh em nơi Đức Ki-tô Giê-su. ⁵ Quả vậy, trong Đức Ki-tô Giê-su, anh em đã trở nên phong phú về mọi phương diện,

phong phú vì được nghe lời Chúa và hiểu biết mầu nhiệm của Người. ⁶ Thật thế, lời chứng về Đức Ki-tô đã ăn sâu vững chắc vào lòng trí anh em, ⁷ khiến anh em không thiếu một ân huệ nào, trong lúc mong đợi ngày Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, mặc khải vinh quang của Người. ⁸ Chính Người sẽ làm cho anh em nên vững chắc đến cùng, nhờ thế không ai có thể trách cứ được anh em trong Ngày của Chúa chúng ta là Đức Giê-su Ki-tô. ⁹ Thiên Chúa là Đấng trung thành,

– Là thành phần trong thân thể Chúa Ki-tô, chúng ta sống *trong Chúa Ki-tô* và nhận được Thánh Thần của Người.

– Chúa Cha kêu gọi chúng ta chia sẻ gia nghiệp của Người *với Chúa Ki-tô*.

Từ “Ki-tô hữu” đã được dùng lần đầu tiên tại An-ti-ô-khi-a để chỉ các môn đệ Chúa Ki-tô (Cv 11,26), nhưng bấy giờ vẫn chưa thông dụng lắm ; “trong Chúa Ki-tô” đôi khi có nghĩa là “thuộc (đạo) Ki-tô”. Chẳng hạn “thành hôn trong Chúa Ki-tô” có nghĩa là thành hôn theo Ki-tô giáo.

* 1,4 Lời tạ ơn của thánh Phao-lô ở cc. 4-9 cho thấy ngài xác tín biết bao về những giá trị phong phú trong một cộng đoàn chưa được hoàn hảo lắm !

Thánh Phao-lô cho chúng ta thấy phải làm thế nào khi kiểm điểm các sinh hoạt của giáo xứ, của nhóm tông đồ, hay của gia đình chúng ta. Thay vì nản lòng trước những vấn đề phải đối phó, thay vì đổ lỗi cho nhau, việc đầu tiên phải làm là ý thức tất cả những gì chúng ta cùng có chung với nhau.

Chính Người sẽ làm cho anh em nên vững chắc (c.8). Niềm hy vọng giữ cho đức tin luôn vững mạnh chính là lòng mong đợi Chúa Ki-tô trở lại. Thế hệ Ki-tô hữu đầu tiên tưởng mình sẽ được chứng kiến Chúa quang lâm để xét xử thế gian và đưa các tín hữu về với Người (1 Tx 4,13-17).

Người đã kêu gọi anh em của Người là Đức Giê-su đến hiệp thông với Con Ki-tô, Chúa chúng ta.

I. CHIA RẼ VÀ GƯƠNG XẤU

1. CÁC PHE PHÁI TRONG GIÁO ĐOÀN CÔ-RIN-TÔ

Các tín hữu chia rẽ nhau

* ¹⁰ Thưa anh em, nhân danh Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, tôi khuyên tất cả anh em hãy nhất trí với nhau trong lời ăn tiếng nói, và đừng để có sự chia rẽ giữa anh em, nhưng hãy sống hoà thuận, một lòng một ý với nhau. ¹¹ Thật vậy, thưa anh em, người nhà của bà Khơ-lô-e cho tôi hay tin có chuyện bè phái giữa anh em. ¹² Tôi muốn nói là trong anh em có những luận điệu như :

“Tôi thuộc về ông Phao-lô, tôi thuộc về ông A-pô-lô, tôi thuộc về ông Kê-pha, tôi thuộc về Đức Ki-tô.” ¹³ Thế ra Đức Ki-tô đã bị chia năm xẻ bảy rồi ư ? Có phải Phao-lô đã chịu đóng đinh vào khổ giá vì anh em chẳng ? Hay anh em đã chịu phép rửa nhân danh Phao-lô sao ? ¹⁴ Tôi tạ ơn Thiên Chúa, vì tôi đã không làm phép rửa cho ai, trừ ông Cơ-rít-pô và ông Gai-ô. ¹⁵ Như thế, không ai nói được rằng anh em đã chịu phép rửa

* 1,10 Tội số một trong Hội Thánh là sự chia rẽ giữa các tín hữu. Nhiều *Tông Đồ* đã ghé qua thăm giáo đoàn Cô-rin-tô (x. 12,28). Nhiều người đã lợi dụng những dịp này để khẳng định “căn tính” của mình, tuyên bố mình thuộc về vị nọ chứ không phải vị kia : những dịp để người ta thoả mãn tính khoe khoang và nhu cầu khích bác nhau.

Hãy sống hoà thuận, một lòng một ý với nhau (c.10), như trong một gia đình trên thuận dưới hoà. Thánh Phao-lô đang ngộ lời với một cộng đoàn gồm những người quen biết nhau ; mặc dù trong đó có cả chủ nhân lẫn nô lệ, nhưng họ cùng có một nền văn hoá và sống như trong một gia đình. Nhưng khi Hội Thánh quy tụ nhiều người thuộc những giới rất khác nhau thì lại khác. Không thể xây dựng tình hiệp nhất bằng cách lờ đi như không biết có những chênh lệch ; mọi người phải nhìn nhận những trở ngại nào ngăn cách họ với nhau trong đời sống hằng ngày. Hội Thánh không thể nào là một tập thể những con người chú ý không nói gì về thực trạng của mình hay về những bất trung của mình đối với Tin Mừng.

nhân danh tôi. ¹⁶ À, tôi còn làm phép rửa cho gia đình Tê-pha-na nữa. Ngoài ra, tôi không biết có làm phép rửa cho ai khác nữa hay chẳng.

Sự khôn ngoan của thế gian và sự khôn ngoan theo Ki-tô giáo

* ¹⁷ Quả vậy, Đức Ki-tô đã chẳng sai tôi đi làm phép rửa, nhưng sai tôi đi rao giảng Tin Mừng, và rao giảng không phải bằng lời lẽ khôn khéo, để thập giá Đức Ki-tô khỏi trở nên vô hiệu. ¹⁸ Thật thế, lời

rao giảng về thập giá là một sự điên rồ đối với những kẻ đang trên đà hư mất, nhưng đối với chúng ta là những người được cứu độ, thì đó lại là sức mạnh của Thiên Chúa. ¹⁹ Vì có lời chép rằng : *Ta sẽ huỷ diệt sự khôn ngoan của kẻ khôn ngoan, và sẽ vứt bỏ sự thông thái của người thông thái.* ²⁰ Người khôn ngoan đâu ? Người học thức đâu ? Người lý sự của thời này đâu ? Thiên Chúa lại đã không để cho sự khôn ngoan của thế gian ra điên rồ đó sao ? ²¹ Thật

* 1,17 *Đức Ki-tô đã chẳng sai tôi đi làm phép rửa.* Vào lúc Hội Thánh thu mình lại với những vấn đề nội bộ, thánh Phao-lô nhắc nhở Hội Thánh về sứ mạng của mình : việc đầu tiên chúng ta phải làm trước hết là rao giảng Tin Mừng, hay là tranh giành những chức vị lãnh đạo và thừa tác viên của cộng đoàn ?

Mặc dầu người Ki-tô hữu Cô-rin-tô không phải là những nhà trí thức, nhưng vốn là dân Hy-lạp hãnh hoi, nên họ thích nghe những kiểu nói văn chương chữ nghĩa và muốn tỏ ra mình là người có văn hoá. Thời ấy, trong toàn đế quốc Rô-ma, người ta đi tìm những giáo thuyết bí truyền, và một số người trong Hội Thánh coi đức tin như một phương tiện để đạt tới một tri thức cao hơn. Vậy thánh Phao-lô sắp nói cho họ biết rằng toàn bộ khôn ngoan trí tuệ Ki-tô giáo nằm gọn trong thập giá.

Để thập giá Đức Ki-tô khỏi trở nên vô hiệu (c.17). Thập giá phải hiện diện trong sứ điệp chúng ta rao giảng và trong cách thức chúng ta rao giảng.

Trong khi người Do-thái trông đợi một quốc vương hiển hách, thánh Phao-lô lại giới thiệu cho họ một tử tội bị đóng đinh đã không giải phóng tổ quốc của mình, và họ công phần. Ngày nay, thái độ tích cực nhưng bất bạo động của người Ki-tô hữu và cuộc đấu tranh liêm chính, không hận thù của họ, cũng gây công phần cho nhiều người, vì những người này cho rằng phương sách đó vô hiệu và quá chậm chạp để giải quyết vấn đề.

vậy, thế gian đã không dùng sự khôn ngoan mà nhận biết Thiên Chúa ở những nơi Thiên Chúa biểu lộ sự khôn ngoan của Người. Cho nên Thiên Chúa đã muốn dùng lời rao giảng điên rồ để cứu những người tin.²² Trong khi người Do-thái đòi hỏi những điềm thiêng dấu lạ, còn người Hy-lạp tìm kiếm lẽ khôn ngoan,²³ thì chúng tôi lại rao giảng một Đấng Ki-tô bị đóng đinh, điều mà người Do-thái coi là ô nhục không thể chấp nhận, và dân ngoại cho là điên rồ.²⁴ Nhưng đối với những ai được Thiên Chúa kêu gọi, dù là Do-thái hay Hy-lạp, Đấng ấy chính là Đức Ki-tô, sức mạnh và sự khôn ngoan của Thiên Chúa.²⁵ Vì cái điên rồ của Thiên Chúa còn hơn cái khôn ngoan của loài người,

và cái yếu đuối của Thiên Chúa còn hơn cái mạnh mẽ của loài người.

²⁶ Thưa anh em, anh em thử nghĩ lại xem : khi anh em được Chúa kêu gọi, thì trong anh em đâu có mấy kẻ khôn ngoan trước mặt người đời, đâu có mấy người quyền thế, mấy người quý phái.²⁷ Song những gì thế gian cho là điên dại, thì Thiên Chúa đã chọn để hạ nhục những kẻ khôn ngoan, và những gì thế gian cho là yếu kém, thì Thiên Chúa đã chọn để hạ nhục những kẻ hùng mạnh ;²⁸ những gì thế gian cho là hèn mạt không đáng kể, là không có, thì Thiên Chúa đã chọn để huỷ diệt những gì hiện có,²⁹ hầu không một phạm nhân nào dám tự phụ trước mặt Người.

Đối với việc loan báo Tin Mừng cũng thế, chúng ta sẽ luôn cảm thấy phải khổ tâm làm việc với những phương tiện nghèo nàn trong một thế giới chịu ảnh hưởng các phương tiện truyền thông đại chúng, và cần phải trông vào ơn Chúa vì chúng ta yếu thế, không tước vị, không tiếng tăm. Chúng ta sẽ phải khổ tâm nhắc cho các cộng đoàn chúng ta nhớ đến đức khó nghèo của Chúa Giê-su, và chịu lớp người sống thoải mái trên đời chỉ trích.

Trong anh em đâu có mấy kẻ (c.26). Hội Thánh Cô-rin-tô gồm những người đơn sơ chất phác : đó là kho tàng quý giá của Hội Thánh. Ai cũng có chỗ đứng và sứ mạng trong Hội Thánh, nhưng các cộng đoàn nghèo có một vai trò chủ chốt. Thiên Chúa trông vào người nghèo để loan Tin Mừng cho người giàu, cho cả những vị trong phẩm trật Hội Thánh nữa.

³⁰ Phần anh em, chính nhờ Thiên Chúa mà anh em được hiện hữu trong Đức Ki-tô Giê-su, Đấng đã trở nên sự khôn ngoan của chúng ta, sự khôn ngoan phát xuất từ Thiên Chúa, Đấng đã làm cho anh em trở nên công chính, đã thánh hoá và cứu chuộc anh em, ³¹ hợp như lời đã chép rằng : *Ai tự hào thì hãy tự hào trong Chúa.*

2 * ¹ Thưa anh em, khi tôi đến với anh em, tôi đã không dùng lời lẽ hùng hồn hoặc triết lý cao siêu mà loan báo mầu nhiệm của Thiên Chúa. ² Vì hồi còn ở giữa anh em, tôi đã

không muốn biết đến chuyện gì khác ngoài Đức Giê-su Ki-tô, mà là Đức Giê-su Ki-tô chịu đóng đinh vào thập giá. ³ Vì thế, khi đến với anh em, tôi thấy mình yếu kém, sợ sệt và run rẩy. ⁴ Tôi nói, tôi giảng mà chẳng có dùng lời lẽ khôn khéo hấp dẫn, nhưng chỉ dựa vào bằng chứng xác thực của Thần Khí và quyền năng Thiên Chúa. ⁵ Có vậy, đức tin của anh em mới không dựa vào lẽ khôn ngoan người phàm, nhưng dựa vào quyền năng Thiên Chúa.

* ⁶ Thế mà điều chúng tôi giảng dạy cho các tín

* **2,1** *Tôi thấy mình yếu kém, sợ sệt* (c.3). Hẳn thánh Phao-lô phải cảm thấy mình rất là yếu kém khi lần đầu tiên đem Tin Mừng đến Cô-rin-tô, một thành phố Hy-lạp tráng lệ, đã từng quen với chế độ nô lệ và lối sống vô luân. Chúng ta cũng cảm thấy như vậy khi loan báo Tin Mừng cho thế giới ngày nay ; điều quan trọng là phải chuẩn bị, nhưng chuẩn bị là gì ? Học tập cách trình bày sứ điệp thì không quan trọng cho bằng đã có kinh nghiệm sống sứ điệp. Thánh Phao-lô mời gọi chúng ta chấp nhận mầu nhiệm Thập Giá và tìm thấy nơi đó sức mạnh của Thánh Thần.

Dựa vào bằng chứng xác thực của Thần Khí và quyền năng Thiên Chúa (c.5 ; x. 1 Tx 1,5), là các phép lạ và dấu chỉ của Thánh Thần, sức mạnh của lời cầu nguyện và đau khổ. Thánh Thần chỉ được thông ban sau giờ chiến đấu trong vườn Ô-liu và giờ chết của Chúa Giê-su. Nhưng với Thánh Thần, chúng ta có thể hy vọng tất cả. Các phép lạ và ơn lành bệnh không có ích gì (ma quỷ cũng lợi dụng các điều này cho mục tiêu của nó) nếu không củng cố lòng tin vào Đấng hiện diện nơi người nghèo và hành động qua những kẻ khiêm nhường.

* **2,6** Thánh Phao-lô không bao giờ muốn được coi là người khôn ngoan hay là nhà giảng thuyết hấp dẫn. Tuy nhiên ngài *giảng dạy lẽ khôn ngoan cho các tín hữu trưởng thành.*

hữu trưởng thành cũng là một lẽ khôn ngoan, nhưng không phải là lẽ khôn ngoan của thế gian, cũng không phải của các thủ lãnh thế gian này, là những kẻ sớm muộn gì cũng phải diệt vong. ⁷ Trái lại, chúng tôi giảng dạy lẽ khôn ngoan nhiệm mầu của Thiên Chúa đã được giữ bí mật, lẽ khôn ngoan mà Thiên Chúa đã tiền định từ trước muôn đời, cho chúng ta được vinh hiển. ⁸ Lẽ khôn ngoan ấy, không một ai trong các thủ lãnh thế gian này đã được biết, vì nếu biết, họ

đã chẳng đóng đinh Đức Chúa hiển vinh vào thập giá. ⁹ Nhưng, như đã chép : *Điều mắt chẳng hề thấy, tai chẳng hề nghe, lòng người không hề nghĩ tới, đó lại là điều Thiên Chúa đã dọn sẵn cho những ai mến yêu Người.*

¹⁰ Còn chúng ta, chúng ta đã được Thiên Chúa mặc khải cho, nhờ Thần Khí. Thật vậy, Thần Khí thấu suốt mọi sự, ngay cả những gì sâu thẳm nơi Thiên Chúa. ¹¹ Vậy ai trong loài người biết được những gì nơi con người, nếu không phải là thần trí

Thời đó một số tôn giáo gọi là *trưởng thành* hay “toàn thiện” những người đã được lãnh nhận một giáo thuyết bí truyền dành cho thành phần ưu tú. Trong Hội Thánh cũng vậy, sau khi nhận được những ân huệ của Thánh Thần, một số người tự cho mình thuộc hạng tín hữu cao cấp, nhất là nếu họ có khả năng nói thao thao bất tuyệt về những vấn đề đức tin.

Đối sánh với họ, thánh Phao-lô đưa ra những ân huệ ngài đã nhận được với tư cách là ngôn sứ và tông đồ. Ngài có khả năng giảng dạy những chân lý chính yếu không cần nhiều lời giải thích, nhưng chỉ có ai đã có kinh nghiệm về Thiên Chúa hằng sống mới trình bày được. Những mầu nhiệm đó là gì ? Trước hết là thái độ của Thiên Chúa đối với chúng ta và những điều mà Người muốn ban cho chúng ta (cc. 7.12).

Đức tin Ki-tô giáo đưa ra một điều mà không giáo huấn phàm trần nào, không tôn giáo nào có thể ban cho chúng ta được. Đôi khi, tự so sánh mình với những người theo một linh đạo nào đó ngoài Ki-tô giáo, chúng ta tưởng như tuy dùng những lời lẽ khác, chúng ta cũng nói như họ. Điều này có phần đúng, nếu xét về những thái độ và lựa chọn của chúng ta trong đời sống ; nhưng chúng ta đừng sợ tuyên xưng những kho tàng phong phú mà Thiên Chúa đã ban cho chúng ta trong Chúa Ki-tô : Thánh Thần của Người trao tặng cho chúng ta những điều mà chưa ai khác đã được thấu hiểu.

của con người trong con người ? Cũng thế, không ai biết được những gì nơi Thiên Chúa, nếu không phải là Thần Khí của Thiên Chúa. ¹² Phần chúng ta, chúng ta đã không lãnh nhận thần trí của thế gian, nhưng là Thần Khí phát xuất từ Thiên Chúa, để nhận biết những ân huệ Thiên Chúa đã ban cho chúng ta. ¹³ Để nói về những điều đó, chúng tôi không dùng những lời lẽ đã học được nơi trí khôn ngoan của loài người, nhưng dùng những lời lẽ học được nơi Thần Khí ; chúng tôi dùng những lời lẽ Thần Khí linh hứng để diễn tả thực tại thuộc về

Thần Khí. ¹⁴ Con người sống theo tính tự nhiên thì không đón nhận những gì của Thần Khí Thiên Chúa, vì cho đó là sự điên rồ ; họ không thể biết được, bởi vì phải nhờ Thần Khí mới có thể xét đoán. ¹⁵ Nhưng con người sống theo Thần Khí thì xét đoán được mọi sự, mà chẳng có ai xét đoán được người đó. ¹⁶ Thật vậy, *ai đã biết tư tưởng của Chúa, để chỉ vẽ cho Người ?* Còn chúng tôi, chúng tôi biết được tư tưởng của Đức Kitô.

3 * ¹ Thưa anh em, về phần tôi, tôi đã không thể nói với anh em như với những con người sống

Sự hiểu biết này không phải trước hết ở trong trí óc, mà đó là một ân huệ của Thánh Thần làm phát triển nơi chúng ta chân lý độc nhất. Nhưng một kinh nghiệm thật sự thiêng liêng thì rất khó mà kể lại. Chỉ có thể đàm đạo về khôn ngoan minh triết với những ai đã đạt tới một trình độ thiêng liêng nào đó thôi. Vì thế thánh Phao-lô nói với người Cô-rin-tô rằng phần đông, họ không đủ khả năng phê bình ngài.

Con người sống theo tính tự nhiên (c.14), nghĩa là con người chỉ có cái vốn kinh nghiệm nhân bản và ánh sáng của lý trí : con người như thế không đạt tới chân lý Chúa Kitô (Rm 7,14). Trái lại, *con người sống theo Thần Khí* thì đã cảm được, qua kinh nghiệm, những gì liên quan đến Thiên Chúa.

Con người sống theo Thần Khí thì xét đoán được mọi sự, mà chẳng có ai xét đoán được người đó (c.15). Người sáng mắt không thể thuyết phục được một người mù là có màu sắc. Nhưng họ thấy màu sắc và biết chắc chắn rằng nếu người mù không nhìn thấy màu sắc thì đâu phải là vì không có màu sắc. Cũng có sự khác biệt như thế giữa người sống theo Thần Khí và người sống theo tính tự nhiên.

theo Thần Khí, nhưng như với những con người sống theo tính xác thịt, như với những trẻ nhỏ trong Đức Ki-tô. ² Tôi đã cho anh em uống sữa chứ không cho dùng thức ăn, vì anh em chưa chịu nổi. Nhưng bây giờ anh em cũng vẫn còn không chịu nổi, ³ vì anh em còn là những con người sống theo tính xác thịt. Bao lâu giữa anh em có sự ghen tương và cãi cọ, thì anh em chẳng phải là những con người sống theo tính xác thịt và theo thói người phàm sao ? ⁴ Khi

người này nói : “Tôi, tôi thuộc về ông Phao-lô”, và người khác : “Tôi, tôi thuộc về ông A-pô-lô”, thì anh em chẳng là người phàm tục sao ?

Vai trò thật sự của người rao giảng

⁵ Vậy A-pô-lô là gì ? Phao-lô là gì ? Đó là những tôi tớ đã giúp cho anh em có đức tin, mỗi người đã làm theo khả năng Chúa ban. ⁶ Tôi trông, anh A-pô-lô tươi, nhưng Thiên Chúa mới làm cho lớn lên. ⁷ Vì thế,

* **3,1** Tôi đã đặt nền móng như một kiến trúc sư lành nghề (c.10). Thánh Phao-lô thành lập các giáo đoàn, rồi những người khác đến viếng thăm và tổ chức các giáo đoàn : những tông đồ, ngôn sứ và thầy dạy đến giảng dạy và khích lệ các tín hữu. Ngài không ganh tị ; nhưng có thể một ai đó trong số những người này tìm lấy tiếng cho cá nhân mình, quên rằng Hội Thánh chỉ thuộc về Thiên Chúa. Về phía các tín hữu, họ cũng hay so sánh tông đồ nọ với tông đồ kia, và họ vô tình làm thế vì không biết nhiệm vụ tông đồ là gì.

Lửa sẽ thử nghiệm giá trị công việc của mỗi người (c.13). Đây là một hình ảnh gọi lên nhiều điều. Đối với thánh Phao-lô cũng như đối với những người đọc thư ngài, ngày phán xét đã gần kề : ai ai cũng nghĩ rằng Thiên Chúa sắp dùng lửa mà thiêu huỷ và thanh tẩy thế giới. Vì thế thánh Phao-lô nói rằng, trong Hội Thánh, tất cả những gì không được xây dựng theo ý muốn của Thiên Chúa thì sẽ bị lửa thiêu huỷ. Bao nhiêu kế hoạch tông đồ chỉ là mây khói, bao nhiêu tấn tài liệu chỉ đáng làm môi cho lửa !

Phục vụ Chúa Ki-tô mà không có ý ngay lành, dĩ nhiên không đến nổi phải sa hoá ngục, nhưng sẽ phải qua một cuộc thanh luyện cá nhân.

Theo một số nhà thần học, đoạn văn này củng cố thuyết dạy về luyện ngục, nghĩa là về một cuộc thanh luyện sau giờ chết cho những ai đã được Thần Khí Thiên Chúa biến đổi nhưng chưa được trọn vẹn, hãy còn dở dang (x. phần bình giải ở Mt 5,21).

kẻ trồng hay người tưới chẳng là gì cả, nhưng Thiên Chúa, Đấng làm cho lớn lên, mới đáng kể. ⁸ Kẻ trồng người tưới đều như nhau, nhưng ai nấy sẽ được thù lao theo công khó của mình. ⁹ Thật vậy, chúng tôi là cộng sự viên của Thiên Chúa. Anh em là cánh đồng của Thiên Chúa, là ngôi nhà Thiên Chúa xây lên.

¹⁰ Theo ơn Thiên Chúa đã ban cho tôi, tôi đặt nền móng như một kiến trúc sư lành nghề, còn người khác thì xây trên nền móng đó. Nhưng ai nấy phải coi chừng về cách mình xây cất. ¹¹ Vì không ai có thể đặt nền móng nào khác ngoài nền móng đã đặt sẵn là Đức Giê-su Ki-tô. ¹² Người ta có thể dùng vàng, bạc, đá quý, gỗ, cỏ, rơm mà xây trên nền đó. ¹³ Nhưng công việc của mỗi người sẽ được phơi bày ra ánh sáng. Thật thế, Ngày

của Chúa sẽ cho thấy công việc đó, vì Ngày ấy tỏ rạng trong lửa ; chính lửa này sẽ thử nghiệm giá trị công việc của mỗi người. ¹⁴ Công việc xây dựng của ai tồn tại trên nền, thì người ấy sẽ được lĩnh thưởng. ¹⁵ Còn công việc của ai bị thiêu hủy, thì người ấy sẽ phải thiệt. Tuy nhiên, bản thân người ấy sẽ được cứu, nhưng như thể băng qua lửa.

* ¹⁶ Nào anh em chẳng biết rằng anh em là Đền Thờ của Thiên Chúa, và Thánh Thần Thiên Chúa ngự trong anh em sao ? ¹⁷ Vậy ai phá hủy Đền Thờ Thiên Chúa, thì Thiên Chúa sẽ huỷ diệt kẻ ấy. Vì Đền Thờ Thiên Chúa là nơi thánh, và Đền Thờ ấy chính là anh em.

Kết luận

* ¹⁸ Đừng ai tự lừa dối mình. Nếu trong anh em có ai tự cho mình là khôn

* 3,16 *Nào anh em chẳng biết rằng anh em là Đền Thờ của Thiên Chúa sao ?* Từ nay Chúa Ki-tô là Đền Thờ đích thực duy nhất, vì nơi Người, tất cả sự viên mãn của thần tính hiện diện (Ga 2,19 ; Cl 2,9). Đền Thờ Thiên Chúa cũng là Hội Thánh, vì Chúa Thánh Thần hoạt động trong Hội Thánh. Đền Thờ Thiên Chúa còn là mỗi gia đình tín hữu, là tất cả mọi người tín hữu, vì Chúa Thánh Thần ngự nơi họ (x. 6,19).

* 3,18 *Tất cả đều thuộc về anh em, mà anh em thuộc về Đức Ki-tô* (cc. 22.23). Đây là một lời nói có tính quyết định về giá trị của tự do Ki-tô giáo.

ngoan theo thói đời, thì hãy trở nên như điên rồ, để được khôn ngoan thật.

¹⁹ Vì sự khôn ngoan đời này là sự điên rồ trước mặt Thiên Chúa, như có lời chép rằng : *Chúa bắt được kẻ khôn ngoan bằng chính mưu gian của chúng.*

²⁰ Lại có lời rằng : *Tư tưởng kẻ khôn ngoan, Chúa đều biết cả : thật chỉ như cơn gió thoảng ngoài.*

²¹ Vậy đừng ai dựa vào phàm nhân mà tự hào. Vì tất cả đều thuộc về anh em ; ²² dù là Phao-lô, hay A-pô-lô, hay Kê-pha, dù cả thế gian này, sự sống, sự chết, hiện tại hay tương lai, tất cả đều thuộc về anh em, ²³ mà anh em thuộc về Đức Ki-tô, và Đức Ki-tô lại thuộc về Thiên Chúa.

4 ¹ Vậy chớ gì thiên hạ coi chúng tôi như những đầy tớ của Đức Ki-tô, những người quản lý các mầu nhiệm của Thiên Chúa. ² Mà người ta chỉ đòi hỏi ở người quản lý một điều, là phải chứng tỏ lòng trung thành. ³ Đối với tôi, dù có bị anh em hay tòa đời xét xử, tôi cũng chẳng coi là gì. Mà tôi, tôi cũng chẳng tự xét xử lấy mình. ⁴ Quả thật, tôi không thấy lương tâm áy náy điều gì, nhưng đâu phải vì thế mà tôi đã được kể là người công chính. Đáng xét xử tôi chính là Chúa. ⁵ Vậy xin anh em đừng vội xét xử điều gì trước kỳ hạn, trước ngày Chúa đến. Chính Người sẽ đưa ra ánh sáng những gì ẩn khuất trong bóng tối, và phơi bày những ý định

Một số triết gia khẳng định rằng con người đã bày ra Thần hay Thiên Chúa từ cái khổ của chính mình. Tất cả những gì con người còn thiếu để cảm thấy mình vĩ đại và hạnh phúc thì họ gán cho Thần. Khi thờ Thần, họ cảm thấy mình cũng cao cả như thần thánh và nhờ đó mà quên đi nỗi nghèo khổ của mình. Thuyết này cũng có phần đúng : người ta tạo nên cho mình những thần tượng, như là ca sĩ, vận động viên, và họ cảm thấy hạnh phúc khi thần tượng của họ có và làm những điều mà họ cứ bị cấm không được làm. Cũng vậy, họ sẵn sàng chết cho những sự nghiệp không phải của họ và ca tụng những kẻ bóc lột họ.

Nhưng người Ki-tô hữu thì giữ ý về vấn đề thần tượng : họ quyết chí sống tự lập, có những suy nghĩ độc lập. Ngay trong Hội Thánh, họ sống trước mặt Thiên Chúa mà không có trung gian nào khác ngoài Chúa Ki-tô, và họ ghét chuyện tôn sùng cá nhân.

trong thâm tâm con người. Bây giờ, mỗi người sẽ được Thiên Chúa khen thưởng đích đáng.

⁶ Thưa anh em, tôi đã áp dụng các điều đó cho tôi và anh A-pô-lô, vì lợi ích của anh em, để anh em theo gương chúng tôi mà học cho biết “đừng có đi ra ngoài những gì đã viết”, kéo sinh ra kiêu ngạo, theo người này mà chống người khác. ⁷ Thật vậy, nào có ai coi bạn hơn kẻ khác đâu ? Bạn có gì mà bạn đã không nhận lãnh ? Nếu đã nhận lãnh, tại sao lại vênh vang như thể đã không nhận lãnh ? * ⁸ Anh em đã no nê rồi, đã giàu có rồi ! Không có chúng tôi, anh em đã làm vua rồi ! Phải chi anh em làm vua, để chúng tôi cũng được làm vua với anh em ! ⁹ Thật vậy, tôi thiết nghĩ : Thiên Chúa đã đặt chúng tôi làm Tông Đồ hạng chót như những kẻ bị án tử

hình, bởi vì chúng tôi đã nên trò cười cho thế gian, cho thiên thần và loài người ! ¹⁰ Chúng tôi diên đại vì Đức Ki-tô, còn anh em thì khôn ngoan trong Đức Ki-tô ; chúng tôi yếu đuối, còn anh em thì mạnh mẽ ; anh em được kính trọng, còn chúng tôi thì bị khinh khi. ¹¹ Cho đến giờ này, chúng tôi vẫn chịu đói khát, trần truồng, bị hành hạ và lang thang phiêu bạt ; ¹² chúng tôi phải vất vả tự tay làm lụng. Bị nguyên rửa, chúng tôi chúc lành ; bị bắt bớ, chúng tôi cam chịu ; ¹³ bị vu khống, chúng tôi đem lời an ủi. Cho đến bây giờ, chúng tôi đã nên như rác rưởi của thế gian, như phế vật đối với mọi người.

Lời khiển trách

¹⁴ Tôi viết những lời đó không phải để làm anh em xấu hổ, nhưng là để sửa dạy anh em như những người con yêu quý của tôi.

* 4,8 Người Cô-rin-tô cảm thấy mình giàu đức tin, giàu những ân huệ thiêng liêng. Giờ đây họ đã tiến xa trên con đường hiểu biết, và ở chỗ bạn bè cùng thông thạo vấn đề, họ mỉm cười thương hại ông Phao-lô, nhà giảng thuyết Do-thái tội nghiệp !

Thánh Tông Đồ biết rõ các đối thủ của ngài tầm thường và thiếu tinh thông, nhưng ngài chấp nhận cho họ chế giễu mình. Họ cho ngài là một gã diên, mà thật thì ngài diên theo một nghĩa nào đó : chính trong cái diên đại đó mà ngài đã đưa họ đến với Chúa Ki-tô.

¹⁵ Thật thế, cho dầu anh em có ngàn vạn giám thị trong Đức Ki-tô, anh em cũng không có nhiều cha đâu, bởi vì trong Đức Ki-tô Giê-su, nhờ Tin Mừng, chính tôi đã sinh ra anh em. ¹⁶ Vậy tôi khuyên anh em : hãy bắt chước tôi. ¹⁷ Vì lẽ đó, tôi đã phải người con yêu quý và trung tín của tôi trong Chúa, là anh Ti-mô-thê, đến với anh em. Anh ấy sẽ nhắc cho anh em những quy tắc hướng dẫn đời sống trong Đức Ki-tô mà tôi đã đề ra, những quy tắc mà tôi vẫn

giảng dạy khắp nơi, trong mọi Hội Thánh.

¹⁸ Vì nghĩ rằng tôi sẽ không đến với anh em, có vài người đã sinh ra kiêu ngạo. ¹⁹ Nhưng nếu Chúa muốn, chẳng bao lâu nữa tôi sẽ đến với anh em, và tôi sẽ được biết, không phải tài ăn nói của những kẻ kiêu ngạo đó, mà là quyền năng của Thần Khí. ²⁰ Thật vậy, Nước Thiên Chúa không cốt ở tài ăn nói, nhưng ở quyền năng. ²¹ Anh em muốn gì ? Muốn tôi mang roi vọt hay là đức bác ái và lòng nhân hậu mà đến với anh em ?

2. TRƯỜNG HỢP LOẠN LUÂN

5 * ¹ Đi đâu cũng chỉ nghe nói đến chuyện dâm ô xảy ra giữa anh em, mà là thứ dâm ô không thấy xảy ra ngay cả nơi dân ngoại : có kẻ ăn ở với vợ kế của cha mình !

² Thế mà anh em lại còn kiêu ngạo ! Lẽ ra anh em đã phải than khóc và loại trừ kẻ làm điều ấy ra khỏi cộng đoàn của anh em ! ³ Phần tôi, tuy vắng mặt về thân xác, nhưng về tinh thần vẫn có mặt, tôi đã

* 5,1 Thánh Phao-lô biết một tội nhân như thế sẽ không hối cải cho đến khi nếm hết cặn bã tội lỗi của mình. Vì thế giáo đoàn phải xin cho người đó gặp đau khổ trong bản thân hoặc mất mát của cải (xem ý nghĩa của kiểu nói *nộp cho Xa-tan*, c.5, ở G 1,12 ; 2,6).

“Vạ tuyệt thông” này không chỉ có một ý nghĩa xã hội : giáo đoàn không được đi lại với người ấy nữa. Điều gì Hội Thánh cấm buộc dưới đất, trên trời cũng cấm buộc như vậy (Mt 18,18). Thiên Chúa sẽ gửi đến những thử thách, vừa để cảnh cáo giáo đoàn, vừa để mở đường cho tội nhân hối cải.

lên án kẻ có hành vi đó như thể tôi có mặt tại chỗ. ⁴ Trong một buổi họp của anh em, ở đó có tôi hiện diện bằng tinh thần, nhân danh Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, và với quyền năng của Người, ⁵ chúng ta phải nộp con người đó cho Xa-tan, để phần xác nó bị huỷ diệt, còn phần hồn được cứu thoát trong Ngày của Chúa.

⁶ Lý do khiến anh em vênh vang chẳng đẹp đẽ gì ! Anh em không biết rằng chỉ một chút men

cũng đủ làm cho cả khối bột dậy lên sao ? ⁷ Anh em hãy loại bỏ men cũ để trở thành bột mới, vì anh em là bánh không men. Quả vậy, Đức Ki-tô đã chịu hiến tế làm chiên lễ Vượt Qua của chúng ta. ⁸ Vì thế, chúng ta đừng lấy men cũ, là lòng gian tà và độc ác, nhưng hãy lấy bánh không men, là lòng tinh tuyền và chân thật, mà ăn mừng đại lễ.

⁹ Trong thư đã gửi cho anh em, tôi có viết là đừng đi lại với những kẻ dâm dăng. ¹⁰ Tôi không có ý nói

Hãy loại bỏ men cũ (c.7). Người tín hữu đã thật sự được sống lại với Chúa Ki-tô. Xưa người Do-thái dùng bánh không men để mừng lễ Vượt Qua như thế nào, thì người Ki-tô hữu cũng vậy, phải như là bánh không men, nghĩa là cách ăn thối ở của họ phải tinh tuyền, nếu họ muốn mừng lễ Vượt Qua của họ, tức là lễ Chúa Ki-tô Phục Sinh, cho xứng đáng. Chúa Giê-su đã ví Nước Thiên Chúa với năm men làm cho cả khối bột dậy men (Mt 13,33 ; Lc 13,20-21). Ở đây thánh Phao-lô cũng dùng hình ảnh đó, nhưng để nói về sự lây lan của cái xấu.

Tôi không muốn nói chung về mọi người dâm dăng ở thế gian này (c.10). Thánh Phao-lô nói rõ : *ở thế gian này*. Người tín hữu không sợ sống giữa những kẻ tội lỗi, bởi vì chính họ, trước tiên, là người tội lỗi (1 Ga 1,8-9) và vì họ là môn đệ của Chúa Ki-tô, Đấng đã cùng ăn cùng uống với người tội lỗi mà vẫn nói thẳng ra sự thật trong bụng các kẻ ấy. Nhưng sống chung để làm thành cộng đoàn Giáo Hội với những người ngoan cố trong tội lỗi mình và không chịu chỉnh đốn những điều gây tai tiếng, thì họ không chấp nhận.

Xét xử người ngoài [Giáo Hội] đâu phải là chuyện của tôi (c.12). Chúa Giê-su đã chỉ đường cho chúng ta đi, nhưng chúng ta không thể đòi hỏi những người không có đức tin phải hiểu chúng ta và chấp nhận quan điểm Ki-tô giáo về hoà giải, về đời sống tính dục hay việc phá thai v.v., bởi lẽ lương tâm họ đâu đã chấp nhận các tiêu chuẩn của Tin Mừng. Chúng ta chỉ có thể làm chứng về ánh sáng mà vẫn không lên án những ai không cảm thấy nghe lọt tai.

chung về mọi người dâm
đăng ở thế gian này, hay
về mọi kẻ tham lam trộm
cấp, hoặc mọi kẻ thờ ngẫu
tượng, vì nếu vậy, anh em
phải ra khỏi thế gian !
¹¹ Không, khi viết thế, tôi
muốn nói với anh em là
đừng đi lại với kẻ nào
mang danh là người anh
em mà cứ dâm đăng, tham
lam, thờ ngẫu tượng, quen
chửi bới, say sưa rượu chè

hoặc trộm cắp ; anh em
cũng phải tránh đừng ăn
uống với con người như
thế. ¹² Thật vậy, xét xử
người ngoài đâu phải là
chuyện của tôi. Còn người
trong đạo, anh em không
được xét xử hay sao ?
¹³ Người ngoài, chính
Thiên Chúa sẽ xét xử. *Hãy
khử trừ sự gian ác, không
cho tồn tại giữa anh em.*

3. KIỆN NHAU Ở TOÀ ĐỜI

6 * ¹ Khi xảy ra tranh
chấp với kẻ khác, có
người trong anh em dám
đi kiện cáo trước mặt
người ngoài mà lại không
đến trước mặt những
người trong dân thánh !
² Nào anh em chẳng biết
rằng dân thánh sẽ xét xử
thế gian sao ? Mà nếu
được quyền xét xử thế
gian, anh em lại không

xứng đáng xử những việc
nhỏ mọn ư ? ³ Nào anh em
chẳng biết rằng chúng ta
sẽ xét xử các thiên thần
sao ? Phương chi là những
việc đời này ! ⁴ Thế mà
khi phải xét xử những việc
đời này, anh em lại đặt
những người mà Hội
Thánh coi nhẹ làm quan
toà ! ⁵ Tôi nói thế cho anh
em phải xấu hổ. Chẳng lẽ

* **6,1** Chúng ta chứa đựng những kho tàng của Thiên Chúa trong
"những bình sành" (2 Cr 4,7). Chúng ta tự nhận mình là con cái Thiên
Chúa đã được tái sinh bởi Thần Khí, nhưng đời sống thường ngày của
chúng ta còn xa điều đó biết bao ! Người trong gia đình, người hàng
xóm chúng ta nghĩ gì về điều đó ?

Thánh Phao-lô chỉ có thể cho thấy sự mâu thuẫn giữa hai điều : một
đàng thì người tín hữu khinh chê "công lý" giả dối của thế gian, từ bỏ
của cải thế gian, một đàng thì họ lại kiện cáo nhau. Phải làm gì đây ?
Phải dàn xếp các tranh chấp theo cách Tin Mừng chỉ dẫn (Mt 18,15-
17), nếu như thật sự có một cộng đoàn. Giá như theo sát Tin Mừng thì
tốt đẹp biết bao (Mt 5,40) !

trong anh em lại không có người nào khôn ngoan có thể xử các vụ tranh chấp giữa anh em mình ư ?
 6 Đàng này, anh em đã kiện cáo nhau thì chớ, lại còn đem nhau ra trước toà những người không có đức tin !
 7 Dù sao, nguyên việc anh em kiện cáo nhau đã là một thất bại cho anh em rồi. Tại sao anh em chẳng thà chịu bất công ?
 Tại sao anh em chẳng thà chịu thiệt thòi ?
 8 Nhưng chính anh em lại ăn ở bất công và bóc lột, và đã đối xử như thế với anh em mình !

9 Nào anh em chẳng biết rằng những kẻ bất chính sẽ không được Nước Thiên Chúa làm cơ nghiệp sao ? Anh em đừng lầm. Những kẻ dâm dăng, thờ ngẫu tượng, ngoại tình, truy lạc, kê gian,¹⁰ những kẻ trộm cướp, tham lam, say sưa rượu chè, quen chửi bới, sẽ không được Nước Thiên Chúa làm cơ nghiệp.
 11 Trước kia, có vài người trong anh em đã là như thế. Nhưng anh em đã được tẩy rửa, được thánh hoá, được nên công chính nhờ danh Chúa Giê-su Ki-tô và nhờ Thần Khí của Thiên Chúa chúng ta !

4. TỘI TÀ DÂM

* 12 “Tôi được phép làm mọi sự” ; nhưng không phải mọi sự đều có ích.

“Tôi được phép làm mọi sự” ; nhưng tôi sẽ không để sự gì làm chủ được tôi.

* 6,12 *Tôi được phép làm mọi sự.* Lời này, chắc hẳn thánh Phao-lô đã nói ra, và một số người hay nhắc đi nhắc lại để biện minh cho những thói hư tật xấu của mình. Vì thế thánh Phao-lô bổ sung và xác định : *Không phải mọi sự đều có ích.*

Thức ăn dành cho bụng (c.13) : có lẽ người ta cũng hay nhắc lại lời này để nói rằng tự do tính dục là chuyện tự nhiên. Nhưng thánh Phao-lô nói thêm ngay : thân xác con người là *để phụng sự Chúa.*

Thánh Phao-lô phân biệt cái gì là thuần túy sinh lý trong thân xác với cái gì có liên hệ đến toàn thể con người. Ăn uống là nhu cầu của “cái bụng”, của thân xác. Nhưng trong sự kết hợp tính dục, người ta trao hiến “thân xác của mình”, và ở đây thánh Phao-lô hiểu *thân xác* theo nghĩa của tiếng Híp-ri tức là “bản thân con người” : người ta trao thân, tự hiến chính mình. Nói rõ ra, những ai thuộc về Chúa Ki-tô thì không thể hiến mình cho một gái mại dâm.

¹³ Thức ăn dành cho bụng, và bụng dành cho thức ăn. Thiên Chúa sẽ huỷ diệt cả cái này lẫn cái kia. Nhưng thân xác con người không phải để gian dâm, mà để phụng sự Chúa, vì Chúa làm chủ thân xác. ¹⁴ Thiên Chúa đã làm cho Chúa Ki-tô sống lại ; chính Người cũng sẽ dùng quyền năng của mình mà làm cho chúng ta sống lại.

¹⁵ Nào anh em chẳng biết rằng thân xác anh em là phần thân thể của Đức Ki-tô sao ? Tôi lại lấy phần thân thể của Đức Ki-tô mà làm phần thân thể của người kỹ nữ sao ? Không đời nào ! ¹⁶ Anh em chẳng biết rằng ăn ở với người kỹ nữ là nên một thân xác với người ấy sao ? Thật thế, có lời chép rằng

cả hai sẽ thành một xương một thịt. ¹⁷ Ai đã kết hợp với Chúa, thì nên một tinh thần với Người.

¹⁸ Anh em hãy tránh xa tội gian dâm. Mọi tội người ta phạm đều ở ngoài thân xác mình, còn kẻ gian dâm thì phạm đến chính thân xác mình.

¹⁹ Hay anh em lại chẳng biết rằng thân xác anh em là Đền Thờ của Thánh Thần sao ? Mà Thánh Thần đang ngự trong anh em là Thánh Thần chính Thiên Chúa đã ban cho anh em. Như thế, anh em đâu còn thuộc về mình nữa, ²⁰ vì Thiên Chúa đã trả giá đắt mà chuộc lấy anh em. Vậy anh em hãy tôn vinh Thiên Chúa nơi thân xác anh em.

II. GIẢI QUYẾT MỘT SỐ VẤN ĐỀ

1. HÔN NHÂN VÀ ĐỘC THÂN

7 * ¹ Bây giờ, tôi đề cập tới những điều anh em đã viết cho tôi : đàn ông

không gần đàn bà là điều tốt. ² Nhưng để tránh hiểm họa dâm ô, thì mỗi

* 7,1 Thánh Phao-lô lại gặp vấn đề trước đây đã khiến ngài phải can thiệp ở 1 Tx 4,3-8. Đối với người Do-thái, tiêu chuẩn của luân lý là các điều răn trong Luật Mô-sê ; người ta thường không thắc mắc tự hỏi : các điều răn ấy phản ánh những quy luật muôn đời đến mức độ nào, hay nó chỉ tùy thuộc quan niệm của một thời đại, một nền văn hoá ?

người hã y có vợ có chồng.
³ Chồng hã y làm tròn bốn phận đối với vợ, và vợ đối với chồng cũng vậy. ⁴ Vợ không có quyền trên thân xác mình, nhưng là chồng ; cũng vậy, chồng không có quyền trên thân xác mình, nhưng là vợ. ⁵ Vợ chồng đừng từ chối nhau, trừ phi hai người đồng ý sống như vậy trong một thời gian, để chuyên lo cầu nguyện ; rồi hai người lại ăn ở với nhau, kéo vì hai người

không tiết dục nổi mà Xatan lợi dụng để cám dỗ.
⁶ Điều tôi nói đó là một sự nhân nhượng chứ không phải là một mệnh lệnh.
⁷ Tôi ước muốn mọi người đều như tôi ; nhưng mỗi người được Thiên Chúa ban cho đặc sủng riêng, kể thế này, người thế khác.
⁸ Với những người độc thân và quả phụ, tôi nói thế này : họ cứ ở vậy như tôi thì tốt cho họ. ⁹ Nếu không tiết dục được, họ cứ

Tất cả những gì bị Luật cấm đều là tội, và Luật cấm hay không là do cộng đồng tôn giáo giải thích. Nhưng người Hy-lạp, người ngoại giáo thì đâu biết Luật đó. Thánh Phao-lô nhắc nhở các điều răn liên quan đến tính dục (5,11 ; 6,9-10 ; Ep 5,3-5), như Chúa Giê-su đã làm (Mc 7,21-22), nhưng ngài không lấy đó làm tiêu chuẩn duy nhất để phân biệt tốt xấu. Đối với ngài, lý do buộc người Ki-tô hữu phải kiểm soát, thậm chí phải mạnh mẽ kiềm chế các bản năng của mình, chính là đời sống của họ "trong Chúa Ki-tô", một đời sống đáp lại lời mời gọi của Thiên Chúa hơn là thoả mãn những đòi hỏi tự nhiên.

Ngày nay, trong bối cảnh khủng hoảng luân lý trên toàn cầu, cách thánh Phao-lô trả lời đáng cho chúng ta đặc biệt để ý. Trong bao nhiêu thế kỷ trước đây, do nhu cầu tất yếu, tính dục được coi trước hết như là phương tiện truyền sinh ; từ đó người ta đã tìm xem đâu là quy luật tự nhiên điều tiết giới tính, khoái lạc và truyền sinh. Đúng là cứu cánh của tính dục và hôn nhân là sinh con và xây dựng gia đình, nhưng ngày nay, trong tâm lý đôi bạn, giao hợp không phải trước tiên nhắm đến sinh con, ngay cả khi người ta mong muốn có con. Hướng biến chuyển văn hoá và thăng tiến phụ nữ đã làm cho cuộc giao hợp trở thành một điểm giao cảm đặc biệt sâu xa đối với nhiều cặp vợ chồng, và những cặp này càng ngày càng đông.

Đồng thời, việc giải phóng con người –và việc giải phóng phụ nữ là những người mang tất cả gánh nặng của vai trò làm mẹ– đã làm cho người ta nghi ngờ những quy tắc luân lý trước kia, được coi là tùy thuộc một thời đại và một nền văn hoá nào đó. Ngày nay nhiều nước đã phải quan tâm đến những vấn đề như quan hệ tiền hôn nhân, đồng tính luyến ái, phá thai do người mẹ quyết định, chọn có con ngoài hôn nhân.

kết hôn, vì thà kết hôn còn hơn là bị thiêu đốt.

chồng ; và chồng cũng không được rẫy vợ.

* ¹⁰ Còn với những người đã kết hôn, tôi ra lệnh này, không phải tôi, mà là Chúa : vợ không được bỏ chồng, ¹¹ mà nếu đã bỏ chồng, thì phải ở độc thân hoặc phải làm hoà với

¹² Còn với những người khác, thì tôi nói -chính tôi chứ không phải Chúa- : nếu anh em nào có vợ ngoại đạo mà người này bằng lòng ở với người ấy, thì người ấy đừng rẫy vợ.

Để đối phó với các vấn đề đạo đức này, người Ki-tô hữu có những điểm tựa tôn giáo mà những người khác không có. Nhưng nếu họ không có một động cơ nào khác ngoài một luật tự nhiên có giá trị cho hết mọi người, thì phải có những cuộc tranh luận lâu giờ và có sức thuyết phục cao mới có thể bàn đến vấn đề tính dục được đóng khung với mục tiêu sinh con và chỉ trong hôn nhân mà thôi.

Vì thế họ phải làm như thánh Phao-lô đã làm : một mặt không quên các quy luật Cựu Ước đã được các Tông Đồ và truyền thống Giáo Hội công nhận cho đến ngày nay ; mặt khác nên nhắc lại rằng cách sống của người Ki-tô hữu trong phạm vi tính dục trước hết tuân theo một đòi hỏi tất yếu là lòng tin vào Chúa Giê-su Ki-tô. Chúng ta sẽ không tìm xác định cái gì là "tốt" là "xấu", cho bằng chỉ ra cho thấy việc thực nghiệm luyện ái và tính dục sẽ dẫn chúng ta đến đâu.

Công bố những nguyên tắc luân lý về tính dục, mà trước đó không làm sáng tỏ phẩm giá trời vượt của bản tính con người được sáng tạo theo hình ảnh Thiên Chúa, rồi được thánh hiến cho Chúa Ki-tô nhờ thanh tẩy và hối cải, thì chẳng khác nào chưa trồng cây mà đã muốn hái trái.

* 7,10 Ở đây, thánh Phao-lô bắt đầu trả lời một số vấn đề mà các tín hữu Cô-rin-tô đã viết thư hỏi ngài. Trước tiên là về hôn nhân và đức khiết tịnh.

Nếp sống Ki-tô giáo phát triển tốt đẹp, nên đã khuyến khích người ta quý trọng đức khiết tịnh. Nhưng lòng quý trọng ấy cũng có thể bị nhiễm những lối nhìn không mấy Ki-tô giáo. Thật vậy, trong thế giới Hy-lạp, có những thuyết cho rằng tất cả những gì làm chúng ta gắn bó với thể xác và vật chất đều là xấu xa, ô uế. Chẳng hạn, đối với một số người thì không nên tự ràng buộc mình bằng hôn nhân, dù sau đó phải đi tìm bù trừ với gái điếm.

Thánh Phao-lô không nói hết về hôn nhân, ngài chỉ xác định chỗ đứng của đức khiết tịnh trong hôn nhân. Vì đã được thánh hiến toàn diện nhờ phép rửa, đôi vợ chồng thuộc về Chúa Ki-tô, và vì thế họ không được để cho những đòi hỏi của thân xác chế ngự mình. Tình yêu ra luật cho họ chứ không phải nhục dục.

¹³ Người vợ nào có chồng ngoại đạo mà người này bằng lòng ở với người ấy, thì người ấy đừng bỏ chồng. ¹⁴ Thật vậy, chồng ngoại đạo được thánh hoá nhờ vợ, và vợ ngoại đạo được thánh hoá nhờ người chồng có đạo. Chẳng vậy, con cái anh em sẽ là ô uế, trong khi thật ra chúng là thánh. ¹⁵ Nếu người ngoại đạo muốn bỏ người kia, thì cứ bỏ ; trong trường hợp đó, chồng hay vợ có đạo không bị luật hôn nhân ràng buộc : Thiên Chúa đã kêu gọi anh em sống bình

*Để tránh hiểm hoạ dâm ô (c.2), dịch sát chữ là : vì sự dâm ô ; từ dâm ô dịch từ Hy-lạp *pôrnêia*, một từ có nhiều nghĩa : mai dâm, hôn nhân bất hợp pháp, gian dâm, v.v... Ở đây có lẽ thánh Phao-lô muốn nói đến sức lôi cuốn của nhục dục, một cường lực chống lại những dự định luân lý của chúng ta (giống như trường hợp được ghi ở Rm 7,21). Vì nhục dục là một thực tại có thể áp đặt những đòi hỏi của nó, nên ngài khuyên nên kết hôn.*

Nhiều người lấy làm chướng vì thánh Phao-lô không nói đến khía cạnh tích cực của tình dục là phục vụ tình yêu. Nhưng chúng ta đừng quên rằng ngài sống cách xa chúng ta những hai mươi thế kỷ. Thời thánh Phao-lô, người Hy-lạp coi việc chia năm xẻ bảy là một lý tưởng : một người vợ để có con, một bạn gái để yêu, và gái mai dâm để tìm khoái lạc. Ở đây, trái lại, thánh Phao-lô trình bày đời sống tình dục như một cuộc trao hiến toàn diện con người (x. phần bình giải ở 6,12) chứ không phải là "việc xác thịt" : điều này là đáng kể.

Ki-tô giáo thời ấy sắp sửa nêu cao phẩm giá của hôn nhân và tình yêu vợ chồng. Nhưng mãi đến thế kỷ XII, trong các nước Ki-tô giáo, người ta mới ý thức sự cao đẹp của tình yêu đôi bạn. Điều mới mẻ có tính cách mạng ở đây là nhắc lại nguyên tắc chồng vợ bình quyền, theo lời Chúa Giê-su dạy (Mc 10,1-12).

Kêu Xa-tan lợi dụng mà cám dỗ (c.5). Chúng ta đừng quên lời này khi nói về điều hoà sinh sản. Thánh Phao-lô nói : ngoài trường hợp được ơn đặc biệt, vợ chồng không nên kiêng việc kết hợp tình dục trong thời gian quá lâu.

Ở c.10, thánh Phao-lô nói với những người đã kết hôn, còn ở c.12, ngài nói với những người khác, rồi quay trở lại với người đã kết hôn. Vậy phải hiểu là ở c.10, ngài nói với những cặp vợ chồng được Hội Thánh công nhận là vợ chồng ; còn ở c.12, ngài nói với những người đã kết hôn trước khi chịu phép rửa, rồi sau khi một mình vào đạo, tiếp tục sống với người phối ngẫu chưa vào đạo.

Nếu đã bỏ chồng (c.11). Thánh Phao-lô khẳng định lại lập trường của Chúa Giê-su (Mt 5,32 ; 19,1-9). Kết hôn là cam kết cho đến chết : luật căn bản này là luật của Thiên Chúa : không phải tôi ra lệnh này, mà là Chúa (c.10). Cũng xem Ep 5,22.

an với nhau ! ¹⁶ Chị là vợ, biết đâu chị chẳng cứu được chồng ? Hay anh là chồng, biết đâu anh chẳng cứu được vợ ?

¹⁷ Ngoài ra, như Chúa đã định cho mỗi người làm sao, như Thiên Chúa đã kêu gọi mỗi người thế nào, thì cứ sống như vậy : đó là điều tôi truyền dạy trong mỗi Hội Thánh. ¹⁸ Ai đã cắt bì khi được kêu gọi, thì đừng huỷ bỏ dấu vết cắt bì ! Ai chưa cắt bì khi được kêu gọi, thì đừng cắt bì !

¹⁹ Cắt bì chẳng là gì, mà không cắt bì cũng chẳng là gì cả ; điều đáng kể là tuân giữ các điều răn Thiên Chúa. ²⁰ Ai đang ở địa vị nào khi được kêu gọi, thì cứ ở địa vị đó. ²¹ Bạn là nô lệ khi được kêu gọi ư ? Chớ bận tâm ! Ngay cả khi có thể được tự do, tốt hơn hãy lợi dụng thân phận nô lệ. ²² Thật thế, người đang làm nô lệ mà được Chúa kêu gọi, thì là người được Chúa giải phóng. Cũng vậy, người đang tự do mà được kêu

Nếu người ngoại đạo (c.15). Thánh Phao-lô ra một luật trừ cho những người đã có gia đình khi theo đạo và chịu phép rửa. Vì khi chịu phép rửa, người tân tòng bắt đầu một đời sống mới và không còn bị hôn nhân ràng buộc nếu bên kia không chấp nhận cho họ theo đạo. Thánh Phao-lô ngợi khen những người tín hữu ước muốn cho bạn mình cũng theo đạo, nhưng có lẽ chia tay thì tốt hơn, và người có đạo có thể đi tìm một người có đạo làm bạn đời. Nên nhớ rằng thánh Phao-lô sống trong một thế giới ngoại giáo, trong đó ly dị là hợp pháp và được mọi người chấp nhận.

Con cái anh em là thánh (c.14). Trước đó là câu : *chẳng vậy, con cái anh em sẽ là ô uế*, nói theo quan niệm Do-thái giáo, nghĩa là chưa được hưởng các đặc ân dành riêng cho dân Thiên Chúa. Có người cho rằng bao lâu con cái người có đức tin chưa được rửa tội thì chúng như xa lạ đối với Thiên Chúa : nghĩ vậy là sai, vì qua tình thương, ân cần chăm sóc và cầu nguyện của cha mẹ, ơn Chúa đã đến với các trẻ ấy. Chúng ta mời gọi các bậc làm cha mẹ đừng trễ nải đem con đi rửa tội, như vậy là đúng, nhưng không nên đưa ra những kiểu nguy hiểm.

* **7,17** *Chúa đã định cho mỗi người làm sao thì cứ sống như vậy.* Thánh Phao-lô đáp ứng khát vọng thăng tiến xã hội, một khát vọng thời nào cũng có. Ngày xưa người tự do và nô lệ sống bên nhau, nhiều khi trong cùng một nhà ; sự phân biệt không phải luôn luôn là giữa giàu và nghèo. Thánh Phao-lô chỉ muốn tương đối hoá một tham vọng ám ảnh cuộc đời nhiều người và làm cho họ quên đi tất cả những cái khác. Ngài đặt tự do nội tâm lên trên các tự do khác về mặt xã hội, và thấy rằng được yêu mến Chúa Ki-tô là giàu có tột bậc.

gọi, thì là nô lệ của Đức Ki-tô. ²³ Thiên Chúa đã trả giá đắt mà chuộc lấy anh em. Anh em đừng trở nên nô lệ cho người phàm. ²⁴ Thưa anh em, khi được kêu gọi ở địa vị nào, mỗi người cứ ở địa vị đó trước mặt Thiên Chúa.

* ²⁵ Về vấn đề độc thân, tôi không có chỉ thị nào của Chúa, nhưng tôi chỉ khuyên nhủ anh em với tư cách là người –nhờ Chúa thương– đáng được anh em tín nhiệm. ²⁶ Vậy tôi nghĩ rằng : vì những nỗi thống khổ hiện tại, ở vậy là điều tốt. Phải, tôi nghĩ rằng đối

với người ta, như thế là tốt. ²⁷ Bạn đã kết hôn với một người đàn bà ư ? Đừng tìm cách gỡ ra. Bạn chưa kết hôn với một người đàn bà ư ? Đừng lo kiếm vợ. ²⁸ Nhưng nếu bạn cưới vợ, thì cũng chẳng có tội gì. Và nếu người con gái lấy chồng, thì cũng chẳng có tội gì. Tuy nhiên, những người ấy sẽ tự chuộc lấy những nỗi gian truân khổ khổ. Mà tôi, tôi muốn cho anh em thoát khỏi điều đó.

²⁹ Thưa anh em, tôi xin nói với anh em điều này : thời gian chẳng còn bao lâu. Vậy từ nay những

Ngay cả khi có thể được tự do, hãy lợi dụng thân phận nô lệ (c.21). Có những điều kiện làm việc và sống trong xã hội ngăn cản chúng ta thực hành ý muốn Thiên Chúa và không cho chúng ta được thật sự tự do. Nhưng người ta dễ quên rằng mỗi hoàn cảnh xã hội đều có một yếu tố nô lệ hoá. Làm việc được trả lương cao hơn không tất nhiên bảo đảm chất lượng cuộc sống, nhất là nếu xét theo tiêu chuẩn Tin Mừng. Trong một thế giới mà chúng ta gọi là vô nhân đạo, tính chất nô lệ nơi chúng ta tùy thuộc phần lớn những ước muốn thiếu suy nghĩ của chúng ta và thái độ cứ ngoan ngoãn nghe theo quảng cáo, tuyên truyền.

* **7,25** Thánh Phao-lô trả lời một câu hỏi khác. Cô-rin-tô là một thành phố khét tiếng đòi truy, với hàng mấy ngàn gái điếm sống theo tập tục ngoại giáo thời đó, quanh quẩn bên đền thờ nữ thần Tình Yêu, nhưng chính tại đây, giáo đoàn mới thành lập đang khám phá ra lối sống độc thân trinh khiết.

Chọn sống khiết tịnh “vì Nước Trời” (Mt 19,12) không phải trước hết là muốn có thời giờ và tự do hơn để làm việc tông đồ : đó là một lối sống cho phép tình yêu Thiên Chúa thực hiện những điều mới mẻ. Thánh Phao-lô đã chọn con đường này và ngài bảo vệ lựa chọn của mình : chúng ta đã được thánh hiến cho Chúa Ki-tô nhờ phép rửa, vậy nếu Người vẫn đang sống và hiện diện với chúng ta, nếu Người là “chàng rể” (Mc 2,19), thì lựa chọn này là chính đáng, cho dù thế gian coi đó là kỳ dị, chẳng khác chi tự nguyện sống nghèo khổ.

người có vợ hãy sống như không có ;³⁰ ai khóc lóc, hãy làm như không khóc ; ai vui mừng, như chẳng mừng vui ; ai mua sắm, hãy làm như không có gì cả ;³¹ kẻ hưởng dùng của cải đời này, hãy làm như chẳng hưởng. Vì bộ mặt thế gian này đang biến đi.

³² Tôi muốn anh chị em không phải bận tâm lo lắng điều gì. Đàn ông không có vợ thì chuyên lo việc Chúa : họ tìm cách làm đẹp lòng Người.³³ Còn người có vợ thì lo lắng việc đời : họ tìm cách làm đẹp lòng vợ,³⁴ thế là họ bị chia đôi. Cũng vậy, đàn bà

không có chồng và người trinh nữ thì chuyên lo việc Chúa, để thuộc trọn về Người cả hồn lẫn xác. Còn người có chồng thì lo lắng việc đời : họ tìm cách làm đẹp lòng chồng.³⁵ Tôi nói thế là để mong tìm ích lợi cho anh chị em, tôi không có ý gài bẫy anh chị em đâu, nhưng chỉ muốn đề nghị với anh chị em một điều tốt, để anh chị em được gắn bó cùng Chúa mà không bị giằng co.

* ³⁶ Nếu ai đang lúc quá dồi dào khí lực mà nghĩ rằng mình khó có thể tôn trọng vị hôn thê của mình, và cho rằng chuyện thường

Thời gian chẳng còn bao lâu (c.29). Câu trả lời này của thánh Phao-lô đi xa hơn câu hỏi của người Cô-rin-tô. Đây không chỉ là trông đợi ngày Chúa Ki-tô sắp trở lại, như các Ki-tô hữu thời sơ khai vẫn trông đợi. Cuộc quang lâm của Chúa Giê-su đã rút ngắn thời gian, nói theo nghĩa bóng : chúng ta không còn có thể sống an nhàn trong thế giới hiện tại như trước kia, khi chúng ta không thấy xa hơn. Giờ đây, chúng ta hoàn toàn hướng về cái đang đến. Người Ki-tô hữu sống trong hiện tại, nhưng tất cả những gì họ tha thiết nhất là ở cái đến sau. Vậy chúng ta đừng tranh luận với thánh Phao-lô như thể ngài suy luận về những giá trị của thế giới hiện tại : ngài không lý luận thần học, nhưng lên tiếng như một người đã được Chúa Ki-tô chiếm hữu.

Tiếp đến, ngài lưu ý rằng, ở mọi lãnh vực, cuộc xả thân của người Ki-tô hữu đều có thể gieo mầm chia rẽ đối với những ai muốn sống không quá cách xa đòi hỏi đặc biệt của phép rửa, là ý chí thánh hiến trọn vẹn con người mình cho Chúa Ki-tô. Đời sống hôn nhân hoặc gia đình có thể gây nhiều cản trở cho sự tự do thiêng liêng và các ước vọng tông đồ : do đó mà Chúa Giê-su nói những lời ghi ở Mc 10,29.

* 7,36 *Nếu ai nghĩ rằng mình khó có thể tôn trọng vị hôn thê của mình* (hoặc có thể dịch : “tôn trọng một người con gái”). Có lẽ thánh Phao-lô ám chỉ những người ước muốn thử sống đời dâng hiến : đây là những trường hợp đã xảy ra trong Giáo Hội sơ khai. Có những người

tình sẽ phải xảy ra, thì người ấy cứ làm như ý mình muốn, không mắc tội đâu : họ cứ việc lấy nhau.

³⁷ Còn ai đứng vững, lòng không nao núng, cũng chẳng miễn cưỡng, lại làm chủ được ý chí của mình, và quyết tâm tôn trọng người trinh nữ, thì người ấy làm một việc tốt.

³⁸ Như thế, ai cưới người trinh nữ của mình, thì làm một việc tốt, nhưng ai

không cưới, thì làm một việc tốt hơn.

³⁹ Người vợ bị ràng buộc bao lâu chồng còn sống. Nếu chồng chết rồi, thì vợ được tự do, muốn lấy ai thì lấy, miễn là trong Chúa. ⁴⁰ Nhưng theo ý kiến tôi, người ấy có phúc hơn nếu cứ ở vậy. Tôi thiết nghĩ : tôi cũng được Thần Khí của Thiên Chúa soi sáng.

2. VẤN ĐỀ THỊT CÚNG

Nguyên tắc

8 * ¹ Về vấn đề thịt cúng, đã rõ là tất cả chúng ta đều hiểu biết. Sự

hiểu biết đó sinh lòng kiêu ngạo, còn lòng bác ái thì xây dựng. ² Ai tưởng mình hiểu biết điều gì, thì chưa

cùng sống chung dưới một mái nhà sau khi đã đính hôn với nhau, và cả hai thánh hiến mình cho Chúa. Nhưng nếu họ cảm thấy khó giữ mình trinh khiết thì thánh Phao-lô khuyên họ hủy bỏ lời cam kết ấy đi.

* **8,1** Chúng ta sống trong một thế giới đa dạng, trong đó nhiều người không chia sẻ cùng một niềm tin với chúng ta, và đôi khi chúng ta tự hỏi mình có được tham dự những sinh hoạt không phù hợp với đức tin không. Ví dụ : đối xử thế nào với những bà con thân thích hay láng giềng theo một tôn giáo khác ? Hoặc : người vợ phải làm gì khi chồng không cùng quan điểm với mình về vấn đề điều hoà sinh sản ? Có được phép gia nhập một nhóm, một đảng trong đó có nhiều người chống đối Giáo Hội không ? Thánh Phao-lô gặp phải vấn đề tương tự khi trả lời về thịt cúng. Ngài bắt đầu đề cập ở chương này, rồi sẽ kết luận ở 10,23 – 11,1. Còn ở ch. 9 thì ngài sẽ nói ngoài đề khá xa.

Xưa trong các đền thần ngoại giáo, người ta dâng động vật cúng thần. Sau đó, trong một gian phòng bên cạnh đền, người ta dọn tiệc với thịt đã cúng. Người Ki-tô hữu đôi khi được các bạn ngoại giáo mời vào dự tiệc. Hoặc khi họ dùng bữa tại nhà bạn hữu, người ta cũng dọn thịt cúng. Thậm chí thịt bán ngoài chợ nhiều khi cũng là thịt cúng.

hắn là đã hiểu biết như phải hiểu biết. ³ Ai yêu mến Thiên Chúa, thì được Người biết đến. ⁴ Vậy, về việc ăn thịt cúng, chúng ta biết rằng ngẫu tượng chẳng là gì trên thế gian, và cũng chẳng có thần nào ngoài Thiên Chúa độc nhất. ⁵ Thật thế, mặc dầu người ta cho là có những thần ở trên trời hay dưới đất –quả thật, thần cũng lắm mà chúa cũng nhiều–, ⁶ nhưng đối với chúng ta, chỉ có một Thiên Chúa là Cha, Đấng tạo thành vạn vật và là cùng đích của chúng ta ; và cũng chỉ có

một Chúa là Đức Giê-su Ki-tô, nhờ Người mà vạn vật được tạo thành, và nhờ Người mà chúng ta được hiện hữu.

Xét theo đức ái

⁷ Nhưng không phải mọi người đều hiểu biết như vậy đâu ! Có một số người từ trước đến nay đã quen thờ ngẫu tượng, nên khi ăn các thức ấy thì cứ tưởng làm như vậy là ăn của cúng ; và lương tâm yếu đuối của họ đã ra ô ւế. ⁸ Không phải của ăn làm cho chúng ta được gần Thiên Chúa. Không ăn

Thánh Phao-lô không muốn người Ki-tô hữu sống như những người cuồng tín bên lề xã hội. Cúng tế cho thần là có tội, nhưng không phải vì thế mà thịt cúng trở nên ô ւế. Đã không tin có ngẫu tượng thì cúng hay không cúng đâu có gì thay đổi. Chúa Giê-su cũng đã nói : “Không có cái gì từ bên ngoài vào trong con người lại có thể làm cho con người ra ô ւế, nhưng chính cái từ lòng con người xuất ra là cái làm cho con người ra ô ւế” (Mc 7,15).

Sự hiểu biết sinh lòng khiêm ngạo, còn lòng bác ái thì xây dựng (c.1). Một tín hữu có hiểu biết có thể ăn thịt cúng, vì biết rằng làm như vậy không có tội. Nhưng người ấy phải tôn trọng ý kiến của người khác và tránh làm cho những ai không thể hiểu được các lý do của mình phải vấp ngã.

Ở 8,2, thánh Phao-lô đặt đối lập sự hiểu biết có thể là nhận được từ Thiên Chúa, cho phép hiểu điều này điều nọ, và sự hiểu biết –xác thực hơn nhiều– mà Thiên Chúa ban cho những ai biết sống yêu thương, trong đó tất cả mọi sự được sáng tỏ do được cảm nghiệm tình yêu Thiên Chúa và tình mật thiết với Người.

Ở cc. 7.10-12, thánh Phao-lô nói đến *lương tâm những người yếu đuối*. Đó là những người không được huấn luyện sống đạo cho đúng mức, hay huấn luyện không đúng. Họ tưởng là có tội khi thật sự không có tội ; hoặc họ yếu đuối và làm theo người khác mặc dầu bị lương tâm cắn rứt.

những thứ đó, chúng ta chẳng thiết ; mà có ăn, cũng chẳng lợi gì. ⁹ Nhưng hãy coi chừng kẻo sự tự do của anh em nên dịp cho những người yếu đuối sa ngã. ¹⁰ Thật vậy, nếu có ai thấy bạn là người hiểu biết mà lại ngồi dự tiệc trong đền trong miếu, thì lương tâm của người yếu đuối ấy lại chẳng dựa vào đó mà ăn của cúng sao ? ¹¹ Thế là sự hiểu biết của bạn làm hư mất một người yếu đuối, một người anh em mà Đức Ki-tô đã chịu chết để cứu chuộc ! ¹² Như vậy, phạm đến anh em và làm thương tổn lương tâm

yếu đuối của họ là phạm đến Đức Ki-tô ! ¹³ Vì thế, nếu của ăn mà làm có cho anh em tôi sa ngã, thì tôi sẽ không bao giờ ăn thịt nữa, để khỏi làm có cho anh em tôi sa ngã.

Gương của ông Phao-lô

9 * ¹ Tôi không tự do ư ? Tôi không phải là tông đồ ư ? Tôi đã không thấy Đức Giê-su, Chúa chúng ta sao ? Anh em không phải là công trình của tôi trong Chúa sao ? ² Nếu đối với những người khác tôi không phải là tông đồ, thì ít ra đối với anh em tôi là tông đồ, vì

Nếu có ai thấy bạn ngồi dự tiệc trong đền trong miếu (c.10). Có điều trầm trọng hơn. Trong giáo đoàn có một số người đã theo đường lối của “bè Ni-cô-la” mà về sau thánh Gio-an lên án trong sách Khải huyền (2,6.14-15). Họ muốn có thái độ rất cởi mở và không thích đoạn tuyệt với môi trường của mình : họ nghĩ tốt nhất là đừng có biểu lộ những xác tín của mình. Rốt cuộc không ai thấy được họ ôm ấp hay làm chứng cho chân lý nào. Ở 10,14-22, thánh Phao-lô sẽ nói rõ là người Ki-tô hữu không được tham dự một bữa tiệc như thế ngay trong đền. Ở đây, ngài không nói rõ trắng đen, nhưng cho hiểu đó là điều rất chướng.

* **9,1 Phải chăng chúng tôi không có quyền ăn uống ? (c.4).** Thánh Phao-lô dạy cho các tín hữu Cô-rin-tô biết không phải lúc nào cũng sử dụng quyền được ăn thịt cúng, và ngài nêu ra trường hợp chính mình. Ngài đã khước từ quyền nhận thù lao của Giáo Hội. Thường thì giáo đoàn cung dưỡng vị tông đồ đến thăm họ và chăm sóc người chị em tín hữu đi theo phục vụ vị ấy (c.5), như trường hợp Chúa Giê-su (Lc 8,1-3). Thánh Phao-lô thì không đòi được giúp đỡ như vậy mà tự tay làm việc để sinh sống (Cv 18,3 ; 20,34).

Đó là một sự cần thiết bắt buộc tôi phải làm (c.16). Cũng như đối với ngôn sứ Giê-rê-mi-a (Gr 1), Chúa Ki-tô đã trở nên một ràng buộc tất yếu đối với thánh Phao-lô kể từ giây phút Chúa gọi ngài.

ấn tín chứng thực chức vụ tông đồ của tôi trong Chúa chính là anh em. ³ Đây là lời biện hộ của tôi chống lại những kẻ hạch sách tôi. ⁴ Phải chăng tôi không có quyền ăn uống, ⁵ không có quyền đem theo một người chị em tín hữu như các tông đồ khác, như các anh em của Chúa và như ông Kê-pha ? ⁶ Phải chăng chỉ có tôi và anh Ba-na-ba không có quyền được miễn lao động ? ⁷ Có ai đi đánh giặc mà lại phải tự túc bao giờ ? Có ai trồng nho mà lại không được ăn trái ? Hay có ai chăn súc vật mà lại không được uống sữa của súc vật ?

⁸ Phải chăng tôi nói thể theo kiểu người phàm ? Há Lễ Luật lại cũng chẳng nói thế sao ? ⁹ Thật vậy, trong luật Mô-sê có chép : *Đừng*

bị mồm con bò đang đập lúa. Chẳng lẽ Thiên Chúa lại bận tâm đến con bò sao ? ¹⁰ Hay cũng vì chúng ta mà Người phán như vậy ? Phải, chính vì chúng ta mà có lời chép : Khi cày, thợ cày phải mong được chia phần ; và khi đập lúa, kẻ đập lúa phải mong được chia phần.

¹¹ Một khi chúng tôi đã gieo của thiêng liêng cho anh em, nếu chúng tôi gặt của vật chất nơi anh em, thì đâu có phải là chuyện quá đáng ? ¹² Nếu những người khác còn có quyền đòi hỏi anh em, thì huống hồ là chúng tôi ! Nhưng chúng tôi đã không dùng quyền đó. Trái lại, chúng tôi chịu đựng tất cả mọi sự để khỏi gây trở ngại cho Tin Mừng của Đức Ki-tô.

¹³ Anh em không biết rằng người lo các thánh vụ thì

Tôi đã trở nên tất cả cho mọi người (c.22). Thánh Phao-lô khởi xướng một lối sống cho mọi người tông đồ ở mọi thời đại. Các phong trào tông đồ tha thiết xin các thành viên của mình hiểu biết rõ môi trường mình sống và các vấn đề của người đương thời. Vì thế các Ki-tô hữu dẫn thân hoạt động phải chia sẻ cuộc sống và các khát vọng của bạn bè thân hữu trong tất cả những gì không phải là tội lỗi. Như thánh Phao-lô, chính khi trở thành “người Hy-lạp với người Hy-lạp”, thật sự chú không chỉ hời hợt bên ngoài, họ mới có thể nói lên niềm tin của mình vào Chúa Ki-tô, cách đơn sơ và hết sức chân thành. Như thế họ sẽ tạo cơ hội cho những ai cùng sống bên họ hằng ngày tìm được chỗ của mình trong Hội Thánh. Từ đó mà toàn bộ đời sống của người tân tòng, với tất cả những gì là văn hoá và môi trường của họ, sẽ được đức tin đổi mới.

được hưởng lộc Đền Thờ, và kẻ phục vụ bàn thờ thì cũng được chia phần của bàn thờ sao ? ¹⁴ Cũng vậy, Chúa truyền cho những ai rao giảng Tin Mừng phải sống nhờ Tin Mừng.

¹⁵ Nhưng phần tôi, tôi đã không dùng một quyền nào trong những quyền ấy. Tôi viết các điều này không phải để cũng được như vậy, vì đối với tôi thà chết còn hơn là... Niềm tự hào đó, không ai có thể huỷ diệt được ! ¹⁶ Thật vậy, đối với tôi, rao giảng Tin Mừng không phải là lý do để tự hào, mà đó là một sự cần thiết bắt buộc tôi phải làm. Khốn thân tôi nếu tôi không rao giảng Tin Mừng ! ¹⁷ Tôi mà tự ý làm việc ấy, thì mới đáng Thiên Chúa thưởng công ; còn nếu không tự ý, thì đó là một nhiệm vụ Thiên Chúa giao phó. ¹⁸ Vậy đâu là phần thưởng của tôi ? Đó là khi rao giảng Tin Mừng, tôi rao giảng không công, chẳng hưởng quyền lợi Tin Mừng dành cho tôi.

¹⁹ Phải, tôi là một người tự do, không lệ thuộc vào ai, nhưng tôi đã trở thành nô lệ của mọi người, hầu chinh phục thêm được

nhiều người. ²⁰ Với người Do-thái, tôi đã trở nên Do-thái, để chinh phục người Do-thái. Với những ai sống theo Lê Luật, tôi đã trở nên người sống theo Lê Luật, dù không còn phải sống theo Lê Luật nữa, để chinh phục những người sống theo Lê Luật. ²¹ Đối với những kẻ sống ngoài Lê Luật, tôi đã trở nên người sống ngoài Lê Luật, dù tôi không sống ngoài luật Thiên Chúa, nhưng sống trong luật Đức Ki-tô, để chinh phục những người sống ngoài Lê Luật. ²² Tôi đã trở nên yếu với những người yếu, để chinh phục những người yếu. Tôi đã trở nên tất cả cho mọi người, để bằng mọi cách cứu được một số người. ²³ Vì Tin Mừng, tôi làm tất cả những điều đó, để cùng được thông chia phần phúc của Tin Mừng.

* ²⁴ Anh em chẳng biết sao : trong cuộc chạy đua trên thao trường, tất cả mọi người đều chạy, nhưng chỉ có một người đoạt giải. Anh em hãy chạy thế nào để chiếm cho được phần thưởng. ²⁵ Phàm là tay đua, thì phải kiêng kị đủ điều, song họ làm như vậy

là để đoạt phần thưởng chóng hư ; trái lại chúng ta nhằm phần thưởng không bao giờ hư nát.²⁶ Vậy tôi đây cũng chạy như thế, chứ không chạy mà không xác tín ; tôi đắm như thế, chứ không phải đắm vào không khí.²⁷ Tôi bắt thân thể phải chịu cực và phục tùng, khổ sau khi rao giảng cho người khác, chính tôi lại bị loại.

Xét theo sự thận trọng - Bài học của quá khứ Ít-ra-en

10^{* 1} Thưa anh em, tôi không muốn để anh em chẳng hay biết gì về

việc này : là tất cả cha ông chúng ta đều được ở dưới cột mây, tất cả đều vượt qua Biển Đỏ.² Tất cả cùng được chịu phép rửa dưới đám mây và trong lòng biển, để theo ông Mô-sê.³ Tất cả cùng ăn một thức ăn linh thiêng,⁴ tất cả cùng uống một thức uống linh thiêng, vì họ cùng uống nước chảy ra từ tảng đá linh thiêng vẫn đi theo họ. Tảng đá ấy chính là Đức Ki-tô.⁵ Nhưng phần đông họ không đẹp lòng Thiên Chúa, bằng chứng là *họ đã quy ngã trong sa mạc.*

* 9,24 Thánh Phao-lô sắp sửa nói với người Cô-rin-tô rằng họ tuyệt đối không được tham dự vào việc thờ cúng ngẫu tượng. Có thể họ cho rằng đây là một thái độ quá khắt khe chăng ; để biện minh, ngài đưa ra hai lý do :

- muốn thắng một cuộc thi đấu thì phải cố gắng, hy sinh ;
- Kinh Thánh cho thấy Thiên Chúa phạt những kẻ thờ ngẫu tượng như thế nào.

Phàm là tay đua thì phải kiêng kị đủ điều (c.25). Chúng ta cũng phải từ bỏ nhiều cái không phải là xấu nếu muốn được tự do thật sự. Chúng ta cần có kỷ luật khi dùng rượu hoặc thuốc lá, hoặc là thời giờ dành xem ti-vi. Trong khi thế gian muốn biến chúng ta thành những khán giả chỉ biết ngồi xem và tiêu thụ, chúng ta phải là những tác nhân trong công trình cứu độ, là muối cho đời (Mt 5,13).

Tôi bắt thân thể phải chịu cực (c.27). Thánh Phao-lô nói *tôi* nhưng thâm ý là "anh em".

* 10,1 Đoạn tiếp theo (10,1-13) nhắc lại lịch sử Ít-ra-en để làm gương (x. Xh 32 ; Ds 21).

Tảng đá ấy chính là Đức Ki-tô (c.4). Theo truyền thống các kinh sư Do-thái mà thánh Phao-lô đã học được, tảng đá nói đến ở Xh 17,6 vẫn đi theo dân Ít-ra-en khi họ di chuyển. Thánh Phao-lô không đòi hỏi phải tin truyền thuyết đó, nhưng ngài nhắc tới vì thấy trong đó hình ảnh Chúa Ki-tô hiện diện trong Hội Thánh Người.

⁶ Những sự việc ấy xảy ra để làm bài học, răn dạy chúng ta đừng chiều theo những dục vọng xấu xa như cha ông chúng ta.
⁷ Anh em đừng trở thành những kẻ thờ ngẫu tượng, như một số trong nhóm họ, theo lời đã chép : *Dân đã ngồi xuống để ăn uống, rồi lại đứng lên chơi đùa.*
⁸ Ta đừng gian dâm, như một số trong nhóm họ đã gian dâm : nội một ngày, hai mươi ba ngàn người đã ngã gục.
⁹ Ta đừng thử thách Chúa, như một số trong nhóm họ đã thử thách Người và đã bị rấn cắn chết.
¹⁰ Anh em đừng lầm bầm kêu trách, như một số trong nhóm họ đã lầm bầm kêu trách : họ đã chết bởi tay Thần Tru Diệt.
¹¹ Những sự việc này xảy ra cho họ để làm bài học, và đã được chép lại để răn dạy chúng ta, là những người đang sống trong thời sau hết này.

¹² Bởi vậy, ai tưởng mình đang đứng vững, thì hãy coi chừng kẻ ngã.
¹³ Không một thử thách nào đã xảy ra cho anh em mà lại vượt quá sức loài người. Thiên Chúa là Đấng trung tín : Người sẽ không để anh em bị thử thách quá sức ; nhưng khi để anh em bị thử thách, Người sẽ cho kết thúc tốt đẹp, để anh em có sức chịu đựng.

Tiệc cúng. Không thoả hiệp với việc thờ ngẫu tượng.

* ¹⁴ Vì thế, anh em thân mến, hãy xa lánh việc thờ ngẫu tượng.
¹⁵ Tôi nói với anh em như nói với những người khôn ngoan hiểu biết ; anh em hãy tự mình suy xét điều tôi nói.
¹⁶ Khi ta nâng chén chúc tụng mà cảm tạ Thiên Chúa, há chẳng phải là dự phần vào Máu Đức Ki-tô ư ? Và khi ta cùng bẻ Bánh Thánh, đó chẳng phải là dự phần vào Thân Thể Người sao ?

* **10,14** Khi ta cùng bẻ Bánh Thánh là dự phần vào Thân Thể Chúa Ki-tô (c.16). Thánh Phao-lô sẽ còn nói về bữa tiệc Thánh Thể ở 11,18. Được hiệp thông cách nhiệm mầu với Chúa Ki-tô không những là được gặp gỡ Đấng Phục Sinh, mà còn làm cho tất cả chúng ta nên một thân thể.

Chúng ta chỉ là một thân thể (c.17) : không chỉ có nghĩa là chúng ta cảm thấy mình hợp nhất với nhau hơn, mà còn có nghĩa là Chúa Ki-tô Phục Sinh hợp nhất tất cả chúng ta trong Người, và như vậy Người có thể hành động trong cộng đoàn với một sức mạnh mới.

¹⁷ Bởi vì chỉ có một tấm Bánh, và tất cả chúng ta chia sẻ cùng một Bánh ấy, nên tuy nhiều người, chúng ta cũng chỉ là một thân thể. ¹⁸ Anh em hãy coi Ít-ra-en xét theo huyết thống. Những ai ăn tế phẩm, há chẳng phải là những kẻ được chia lộc bàn thờ sao ? ¹⁹ Thế nghĩa là gì ? Thịt cúng là gì ? Ngẫu tượng là gì ? ²⁰ Tuy nhiên, đồ cúng là cúng cho ma quỷ, chứ không phải cho Thiên Chúa ; mà tôi không muốn anh em hiệp thông với ma quỷ. ²¹ Anh em không thể vừa uống chén của Chúa, vừa uống chén của ma quỷ được ; anh em không thể vừa ăn ở bàn tiệc của Chúa, vừa ăn ở bàn tiệc của ma quỷ được. ²² Hay là ta muốn làm cho Chúa phải ghen tương ? Chẳng lẽ ta mạnh sức hơn Người ?

Vấn đề ăn thịt cúng. Cách giải quyết.

* ²³ “Được phép làm mọi sự” ; nhưng không phải mọi sự đều có ích. “Được phép làm mọi sự” ; nhưng không phải mọi sự đều có tính cách xây dựng. ²⁴ Đừng ai tìm ích lợi cho riêng mình, nhưng hãy tìm ích lợi cho người khác. ²⁵ Tất cả những gì bán ngoài chợ, anh em cứ việc ăn, không cần phải đặt vấn đề lương tâm, ²⁶ bởi vì *trái đất và muôn vật muôn loài trên trái đất đều là của Chúa*. ²⁷ Nếu có người ngoại nào mời anh em và anh em muốn đi, thì cứ ăn tất cả những gì người ta dọn cho anh em, không cần phải đặt vấn đề lương tâm. ²⁸ Nhưng nếu có người bảo : “Đây là của cúng”, thì anh em đừng ăn, vì người ấy –kẻ đã báo trước cho anh em– và vì

* 10,23 Câu 8,4 ở trên có ghi : *ngẫu tượng chẳng là gì trên thế gian*. Thật ra ngẫu tượng chẳng qua chỉ là gỗ hoặc đá chạm trổ. Nhưng người Do-thái nghĩ rằng thờ ngẫu tượng chung quy là thờ ma quỷ, và thánh Phao-lô cũng nói như vậy. Khi người ta chạy theo những trào lưu điên cuồng, hay cúng tế cho thần tượng những gì gia đình cần để sống, thì hiển nhiên là người ta *thờ phượng* ma quỷ. Và ở 10,23, thánh Phao-lô rút ra những kết luận thực tế về vấn đề đặt ra ở 8,1-13 : “*Được phép làm mọi sự*”, nhưng không phải mọi sự đều có ích. Ngoài những trường hợp vừa nói trên, trong đó người tín hữu từ chối tham gia trực tiếp vào điều xấu, thì quy tắc hành động là tìm lợi ích chung cho mọi người và tôn trọng lương tâm kẻ khác.

vấn đề lương tâm. ²⁹ Tôi không có ý nói lương tâm của anh em, nhưng lương tâm của người khác, bởi vì chẳng lẽ quyền tự do của tôi lại bị lương tâm kẻ khác xét xử ? ³⁰ Nếu tôi vừa tham dự, vừa tạ ơn Thiên Chúa, tại sao tôi lại bị khiển trách vì của ăn mà tôi tạ ơn Thiên Chúa đã ban cho ?

Kết luận

³¹ Vậy, dù ăn, dù uống, hay làm bất cứ việc gì, anh em hãy làm tất cả để tôn

vinh Thiên Chúa. ³² Anh em đừng làm gương xấu cho bất cứ ai, dù là cho người Do-thái hay người ngoại, hoặc cho Hội Thánh của Thiên Chúa ; ³³ cũng như tôi đây, trong mọi hoàn cảnh, tôi cố gắng làm đẹp lòng mọi người, không tìm ích lợi cho riêng tôi, nhưng cho nhiều người, để họ được cứu độ.

11 * ¹ Anh em hãy bắt chước tôi, như tôi bắt chước Đức Ki-tô.

* 11,1 Phụ nữ trùm khăn lên đầu khi cầu nguyện trong nhà thờ có phải là chuyện quan trọng không ? Các truyền thống vùng Địa Trung Hải đòi hỏi như vậy, và có thể các tôn giáo bí truyền đã đưa ra tập tục mới này. Ở trên (9,20-22), thánh Phao-lô nói ngài *đã trở nên tất cả cho mọi người*. Nhưng ở đây chúng ta thấy không phải lúc nào ngài cũng có cái nhìn đúng đắn về những tập tục trái với truyền thống Do-thái. Ngài không thích thấy phụ nữ Hy-lạp đi đứng tự do thoải mái nơi công cộng.

Ở đây ngài nói theo giọng điệu văn hoá Do-thái, rất nặng nam tính (ngay trong Sách Thánh, x. Gv 7,28 và Hc 25), và ngài lặp lại những lập luận của các thầy dạy Do-thái (cc. 5-10). Nhưng đột nhiên ngài thấy mình đang phủ nhận sự bình đẳng mà Chúa Giê-su đã công bố, thì liền tìm cách thoái lui (cc. 11-12). Cứ xem cách ngài kết thúc, chúng ta thấy chính ngài cũng ý thức rằng lý luận của mình không được vững lắm. Ngài có thật sự tin rằng các thiên thần phụ trách giữ gìn trật tự trên thế gian này sẽ phải gai mắt trước viễn tượng giải phóng phụ nữ không ?

Tuy nhiên chúng ta cũng không nên coi thường những ánh sáng ngài đã mang đến cho chúng ta : các thiên thần tham dự vào phụng vụ Ki-tô giáo (Mt 18,10 ; Kh 5,8 ; 8,3) ; cả cái phong độ bên ngoài của chúng ta cũng có giá trị của nó để góp phần tích cực vào phụng vụ Thánh Thể.

3. TRẬT TỰ TRONG CỘNG ĐOÀN

Trang phục của phụ nữ

² Tôi có lời khen anh em đã nhớ đến tôi trong mọi dịp và nắm giữ các truyền thống tôi đã để lại cho anh em. ³ Nhưng tôi muốn anh em biết rằng thủ lãnh của người nam là Đức Ki-tô, thủ lãnh của người nữ là người nam, và thủ lãnh của Đức Ki-tô là Thiên Chúa. ⁴ Phàm người nam nào cầu nguyện hoặc nói tiên tri mà che đầu, thì hạ nhục Đấng làm đầu mình. ⁵ Phàm người nữ nào cầu nguyện hoặc nói tiên tri mà lại để đầu trần, thì làm nhục kẻ làm đầu mình, vì người ấy như thể trọc đầu vậy. ⁶ Người nữ mà để đầu trần, thì cứ cắt tóc đi ! Nhưng nếu cắt tóc hay trọc đầu là một điều xấu hổ đối với người nữ, thì hãy che đầu lại ! ⁷ Người nam không được che đầu, bởi vì là hình ảnh và vinh quang của Thiên Chúa ; còn người nữ là vinh quang của người nam. ⁸ Thật vậy, không phải người nam tự người nữ mà có, nhưng người nữ tự người nam. ⁹ Cũng chẳng phải người nam được dựng

nên vì người nữ, nhưng người nữ vì người nam. ¹⁰ Bởi thế, người nữ phải mang trên đầu một dấu hiệu phục tùng, vì có các thiên thần. ¹¹ Tuy nhiên, trong Chúa, không nam thì chẳng có nữ, và không nữ thì chẳng có nam. ¹² Thật thế, như người nữ tự người nam mà có, thì người nam cũng bởi người nữ mà sinh ra, và mọi sự đều tự Thiên Chúa mà có.

¹³ Anh em hãy tự xét xem : người nữ không che đầu mà cầu nguyện với Thiên Chúa thì có xứng hợp không ? ¹⁴ Chính thiên nhiên lại không dạy anh em rằng người nam mà để tóc dài là điều ô nhục, ¹⁵ còn người nữ mà để tóc dài thì lại là vinh dự cho họ đó sao ? Là vì Thiên Chúa ban cho người nữ mái tóc làm khăn che đầu.

¹⁶ Ngoài ra, nếu có ai nghĩ mình phải cãi lý, thì đó không phải là thói quen của chúng tôi, cũng như không phải là thói quen trong các Hội Thánh của Thiên Chúa.

Bữa tiệc của Chúa

* 17 Nhân lúc đưa ra các chỉ thị này, tôi chẳng khen anh em đâu, vì những buổi họp của anh em không đem lại lợi ích gì, mà chỉ gây hại. 18 Thật thế, trước tiên tôi nghe rằng khi họp cộng đoàn, anh em chia rẽ nhau, và tôi tin là điều ấy có phần nào đúng. 19 Những sự chia rẽ giữa

anh em, thế nào cũng có, nhưng nhờ vậy mới rõ ai là người đạo đức chắc chắn. 20 Khi anh em họp nhau, thì không phải là để ăn bữa tối của Chúa. 21 Thật vậy, mỗi người lo ăn bữa riêng của mình trước, và như thế, kẻ thì đói, người lại say. 22 Anh em không có nhà để ăn uống sao ? Hay anh em

* 11,17 Thánh Phao-lô chuyển sang đề tài bữa tiệc Thánh Thể, trung tâm của buổi họp mặt Ki-tô hữu. Bản văn này được viết quãng năm 55 và có lẽ là lời chứng cổ nhất về "Bữa Tiệc của Chúa". Cộng đoàn họp mặt, và sau bữa ăn trong đó có hát các Thánh vịnh, vị chủ tọa xưng kính Tạ Ơn, nhắc lại Bữa Tiệc cuối cùng của Chúa Giê-su và lặp lại những lời Chúa truyền phép trên bánh và rượu. Sau đó mọi người hiệp thông : ăn cùng một bánh và uống cùng một chén.

Ở 10,16-17, thánh Phao-lô đã nói đến hai khía cạnh của Bữa Tiệc của Chúa :

– cùng dự phần vào Thân Thể và Máu Chúa Ki-tô ;

– thắt chặt mối dây bác ái giữa chúng ta : *chúng ta chỉ là một thân thể.*

Trong đoạn này, thánh Phao-lô vạch ra những lỗi lầm của người Cô-rin-tô về hai điểm ấy :

– *Mỗi người lo ăn bữa riêng của mình trước* (c.21), để khỏi phải chia sẻ với những người nghèo hơn, hoặc để tránh ngồi chung với một vài người nào đó. Có thể hình dung người ta tự động chia nhóm, đi chiếm những phòng khác nhau dưới cùng một mái nhà : trong thực tế, ai nấy vẫn ngồi lại với những người cùng giới của mình. Có thể người giàu ở trong một phòng có bàn ăn thịnh soạn hơn, còn người nghèo thì ở ngoài sân.

– *Người lại say*, và vì thế không ở trong tâm trạng thích hợp để rước Mình Thánh Chúa.

– *Không phân biệt được Thân Thể Chúa* (c.29). Từ *thân thể* ở đây có hai nghĩa, do đó có hai tội :

+ không phân biệt bánh Thánh Thể với bánh thường, vì thế, không lãnh nhận với sự cung kính cần phải có ;

+ không nhận ra Thân Thể Chúa Ki-tô là cộng đoàn tín hữu (12,12), vì thế không kể gì đến anh chị em mình trong buổi lễ cử hành Thánh Thể.

khinh dể Hội Thánh của Thiên Chúa và làm nhục những người không có của ? Tôi phải nói gì với anh em ? Chẳng lẽ tôi khen anh em sao ? Về điểm này, tôi chẳng khen đâu !

²³ Thật vậy, điều tôi đã lãnh nhận từ nơi Chúa, tôi xin truyền lại cho anh em : trong đêm bị nộp, Chúa Giê-su cầm lấy bánh, ²⁴ dâng lời tạ ơn, rồi bẻ ra và nói : “Đây là Mình Thầy, hiến dâng vì anh em ; anh em hãy làm việc này, mà tưởng nhớ đến

Thầy.” ²⁵ Cũng thế, sau bữa ăn, Người cầm lấy chén rượu và nói : “Chén này là Giao Ước Mới, lập bằng Máu Thầy ; mỗi khi uống, anh em hãy làm việc này, mà tưởng nhớ đến Thầy.” ²⁶ Thật vậy, cho tới ngày Chúa đến, mỗi lần ăn Bánh và uống Chén này, là anh em loan truyền Chúa đã chịu chết. ²⁷ Vì thế, bất cứ ai ăn Bánh hay uống Chén của Chúa cách bất xứng, thì cũng phạm đến Mình và Máu Chúa.

²⁸ Ai nấy phải tự xét mình, rồi hãy ăn Bánh và

Bí tích Thánh Thể là trung tâm đích thực của đời sống Hội Thánh, mà Hội Thánh trước hết là hiệp thông. Hội Thánh không phải chỉ là một phương tiện để loan báo Tin Mừng, mà còn là nơi chúng ta có thể cảm nghiệm được tình hợp nhất liên kết chúng ta với Chúa Ki-tô và với nhau.

Anh em loan truyền Chúa đã chịu chết (c.26). Các thánh lễ cử hành trên toàn thế giới và tiếp nối nhau từng ngày, từng giờ, từng phút, nhắc lại rằng cái chết của Chúa Ki-tô là thực tại tràn ngập vũ trụ và thời gian cho tới ngày Chúa đến.

Lịch sử không thể dừng lại. Không phải chỉ có tiến bộ kỹ thuật đẩy ta về phía trước, mà thật ra là những đòi hỏi công lý –phát sinh từ cái chết của một người vô tội (và Thiên Chúa là Đấng Vô Tội)– không ngừng xét lại trật tự hiện hành. Cái chết của Chúa Ki-tô không cho phép chúng ta được yên ổn, không được nghỉ ngơi. Hội Thánh tưởng niệm cái chết của Chúa, không phải để dừng chân lại trong quá khứ, nhưng là để khơi dậy, từng giây từng phút, từ hy lễ duy nhất đó, những nghị lực mới, nhằm mục đích phân định cũng như hoà giải, và để thức tỉnh nơi chúng ta lòng yêu mến biết ơn.

Trong anh em, có nhiều người ốm đau (c.30). Chúa dùng nhiều dấu chỉ để cảnh cáo chúng ta : đôi khi là bệnh tật hay những cái chết lạ lùng ; nhưng thường xuyên hơn là sự yếu đuối và suy nhược thiêng liêng của Giáo Hội. Chúng ta mà tôn trọng các đòi hỏi của một thánh lễ được cử hành cho xứng đáng thôi, thì Giáo Hội sẽ được đổi mới.

uống Chén này. ²⁹ Thật vậy, ai ăn và uống mà không phân biệt được Thân Thể Chúa, là ăn và uống án phạt mình. ³⁰ Vì lẽ đó, trong anh em, có nhiều người ốm đau suy nhược, và cũng có lắm người đã chết. ³¹ Giả như chúng ta tự xét mình, thì chúng ta đã không bị xét xử. ³² Nhưng khi Chúa xét xử là Người sửa dạy chúng ta, để chúng ta khỏi bị kết án cùng với thế gian.

³³ Cho nên, thưa anh em, khi họp nhau để dùng bữa,

anh em hãy đợi nhau. ³⁴ Ai đói, thì ăn ở nhà, kéo anh em đến họp mà hoá ra để bị kết án. Về các vấn đề khác, tôi sẽ liệu khi nào đến thăm anh em.

Ân huệ của Thần Khí hay đặc sủng

12 * ¹ Thưa anh em, tôi không muốn để anh em chẳng hay biết gì về các ân huệ thiêng liêng. ² Anh em biết rằng khi còn là người ngoại, anh em bị lôi cuốn mãnh liệt vào việc thờ cúng các ngẫu

* **12,1** Lưu ý xem thánh Phao-lô theo thứ tự nào : Thánh Thần đến sau Ngôi Lời, Con Thiên Chúa. Các ân huệ thiêng liêng được phân phát hiện nay là hoa trái của mầu nhiệm chết và sống lại của Chúa Giê-su.

Trong Hội Thánh Cô-rin-tô, Thánh Thần cho thấy Người hiện diện qua những *ân huệ thiêng liêng* mà Người thông ban cho các tín hữu. Ai nấy đều ngỡ ngàng thán phục khi giữa họ có một người được Thần Khí linh hứng, cất tiếng ca tụng Thiên Chúa bằng những lời không ai hiểu cả. Nhưng sự hiện diện của Thiên Chúa được cảm nghiệm đậm nét hơn khi một ngôn sứ tỏ lộ cho một vài người trong cộng đoàn biết điều gì đang xảy ra nơi mình, hoặc thông báo một sứ điệp đặc biệt của Thiên Chúa dành cho một ai đó hoặc cho cộng đoàn.

Thánh Phao-lô có hai cách can thiệp : trước hết là để thiết lập trật tự. Trong cơn hứng khởi cuồng nhiệt ăn mừng lễ hội, người ngoại giáo mất tự chủ ; Chúa Thánh Thần thì trái lại, làm cho chúng ta ý thức trách nhiệm của mình hơn. Khi một kẻ cuồng nhiệt thốt lên những lời điên rồ hoặc chướng tai, thì rõ đó là bằng chứng người ấy chẳng có được linh hứng.

Thánh Phao-lô cho thấy những khía cạnh khác nhau của các *ân huệ của Thần Khí*, cũng được gọi là *đặc sủng* :

Đó là những *ân huệ* : điều này hiển nhiên trong trường hợp các phép lạ. Nhưng đó cũng là những thừa tác vụ hay *việc phục vụ* (c.5), như trường hợp phải lãnh đạo cộng đoàn. Sau cùng, đó là những *hoạt động của Thiên Chúa* (c.6).

tượng cảm. ³ Vì thế, tôi nói cho anh em biết : chẳng có ai ở trong Thần Khí Thiên Chúa mà lại nói : “Giê-su là đồ khốn kiếp !” ; cũng không ai có thể nói rằng : “Đức Giê-su là Chúa”, nếu người ấy không ở trong Thần Khí.

Đặc sủng tuy nhiều, nhưng chung một gốc.

⁴ Có nhiều đặc sủng khác nhau, nhưng chỉ có

một Thần Khí. ⁵ Có nhiều việc phục vụ khác nhau, nhưng chỉ có một Chúa. ⁶ Có nhiều hoạt động khác nhau, nhưng vẫn chỉ có một Thiên Chúa làm mọi sự trong mọi người. ⁷ Thần Khí tỏ mình ra nơi mỗi người một cách, là vì ích chung. ⁸ Người thì được Thần Khí ban cho ơn khôn ngoan để giảng dạy, người thì được Thần Khí ban cho ơn hiểu biết để trình bày.

Nếu như thánh Phao-lô chỉ nói những việc phục vụ ấy phát xuất từ Chúa Ki-tô, thì người ta có thể nghĩ rằng trong Hội Thánh, mọi sự nhất nhất đều phải qua tay những vị lãnh đạo nhân danh Chúa Ki-tô và đôi khi được coi là đại diện của Người. Nhưng các ân huệ và các việc phục vụ ấy cũng phát xuất từ Thánh Thần. Thánh Thần muốn thổi đâu thì thổi ; trong hàng ngũ giáo dân thường, Người ban dồi dào ân huệ và linh hứng để đổi mới Hội Thánh. Sứ mạng các thừa tác viên (giám mục, linh mục, thừa tác viên giáo dân) không phải chỉ là lãnh đạo, nhưng còn là nhận định hành động của Chúa Thánh Thần trong các cá nhân và trong cộng đoàn nữa.

Thần Khí phân chia cho mỗi người mỗi cách (c.11). Những gì cần thiết cho Hội Thánh ở một nơi nào, vào một lúc nào đó, đều được Thánh Thần ban cho. Vì thế bản văn này cho thấy các ưu tư của Hội Thánh thời đó, rất khác với những ưu tư của chúng ta thời nay. Ngày nay Thánh Thần nhắc nhở Hội Thánh về sứ mạng của mình trong thế giới. Có nhiều người tín hữu sốt sắng đã được những ân huệ thiêng liêng mà không làm phép lạ, nhưng nêu lên một đời sống gương mẫu và dồi dào việc lành. Nhưng vào buổi sơ khai cũng như trên đất truyền giáo, điều mà các người tân tòng khám phá trước tiên là những việc kỳ diệu Thiên Chúa thực hiện ở giữa họ.

Ơn *khôn ngoan* (c.8) chỉ cho thấy thái độ phải có. Ơn *hiểu biết* thì mặc khải một điều ẩn giấu nào đó hoặc điều mà Thiên Chúa sắp làm. *Lòng tin* (c.9, không phải theo nghĩa thông thường chúng ta quen hiểu, nhưng theo nghĩa nói ở Mc 11,22-23) làm cho xác tín rằng Thiên Chúa muốn làm một điều gì đó, và thúc đẩy chúng ta xin một phép lạ. Chính bằng cách đó mà thời xưa Hội Thánh khám phá sự hiện diện của Thiên Chúa nơi mình, cũng như quyền năng phát sinh từ mẫu nhiệm chết và sống lại của Chúa Ki-tô.

⁹ Kẻ thì được Thần Khí ban cho lòng tin ; kẻ thì cũng được chính Thần Khí duy nhất ấy ban cho những đặc sủng để chữa bệnh. ¹⁰ Người thì được ơn làm phép lạ, người thì được ơn nói tiên tri ; kẻ thì được ơn phân định thần khí ; kẻ khác thì được ơn nói các thứ tiếng lạ ; kẻ khác nữa lại được ơn giải thích các tiếng lạ. ¹¹ Nhưng chính Thần Khí duy nhất ấy làm ra tất cả những điều đó và phân chia cho mỗi người mỗi cách, tùy theo ý của Người.

So sánh với thân thể

* ¹² Thật vậy, ví như thân thể người ta chỉ là một, nhưng lại có nhiều bộ phận, mà các bộ phận của thân thể tuy nhiều, nhưng vẫn là một thân thể, thì Đức Ki-tô cũng vậy. ¹³ Thật thế, tất cả chúng ta, dầu là Do-thái hay Hy-lạp, nô lệ hay tự do, chúng ta đều đã chịu phép rửa trong cùng một Thần Khí để trở nên một thân thể. Tất cả chúng ta đã được đầy tràn một Thần Khí duy nhất.

Chỉ có một Thần Khí, chỉ có một Chúa, chỉ có một Thiên Chúa (cc. 4-6). Thiên Chúa là căn nguyên tất cả mọi ân huệ và cũng là mẫu mực của vạn vật có sự sống, vì chính nơi bản thân Người trước nhất mà những cái khác biệt nhau được hoà hợp nên một.

* **12,12** Trong một đoạn dài, thánh Phao-lô so sánh Hội Thánh với thân thể con người, để giúp hiểu rõ, trong Hội Thánh, chúng ta phải bổ sung cho nhau và tôn trọng nhau như thế nào.

Không có cộng đoàn thật sự, nếu mỗi người không tích cực tham gia đời sống cộng đoàn, bằng cách đem tài năng mình ra phục vụ mọi người. Ngay cả những người ít tài cán nhất cũng có thể có nhiều tiềm năng, nó sẽ lộ ra khi đến thời đến lúc. Đến những nỗi khốn khổ của họ cũng có thể trở nên một kho tàng cho nhóm người tiếp nhận họ. Một khi chúng ta thật sự sống đức tin, Thánh Thần khơi dậy nơi chúng ta những tiềm lực mới và đôi khi bất ngờ. Nếu chúng ta biết để ý đến con người, biết giúp họ ý thức phẩm giá và trách nhiệm của mình, chúng ta sẽ thấy xuất hiện trong Hội Thánh nhiều sáng kiến mới, là hoa trái của Thánh Thần. Sẽ quá dài nếu nhắc lại những thiệt hại Hội Thánh phải chịu ở một số nơi do thái độ thụ động của người giáo dân trong một chế độ giáo sĩ trị.

Cuối đoạn này (cc. 27-31), thánh Phao-lô liệt kê các ân huệ theo thứ tự quan trọng nhiều hay ít. Trước tiên không phải là cái xem ra lạ lùng nhất, như có phép lạ, nhưng là cái cần thiết nhất để Hội Thánh được phát triển.

¹⁴ Thật vậy, thân thể gồm nhiều bộ phận, chứ không phải chỉ có một mà thôi. ¹⁵ Giả như chân có nói : “Tôi không phải là tay, nên tôi không thuộc về thân thể”, thì cũng chẳng vì thế mà nó không thuộc về thân thể. ¹⁶ Giả như tai có nói : “Tôi không phải là mắt, vậy tôi không thuộc về thân thể”, thì cũng chẳng vì thế mà nó không thuộc về thân thể. ¹⁷ Giả như toàn thân chỉ là mắt, thì lấy gì mà nghe ? Giả như toàn thân chỉ là tai, thì lấy gì mà ngửi ?

¹⁸ Nhưng Thiên Chúa đã đặt mỗi bộ phận vào một chỗ trong thân thể như ý Người muốn. ¹⁹ Giả như tất cả chỉ là một thứ bộ phận, thì làm sao mà thành thân thể được ? ²⁰ Như thế, bộ phận tuy nhiều mà thân thể chỉ có một. ²¹ Vậy mắt không có thể bảo tay : “Tao không cần đến mày” ; đầu cũng không thể bảo

hai chân : “Tao không cần chúng mày.”

²² Hơn nữa, những bộ phận xem ra yếu đuối nhất thì lại là cần thiết nhất ; ²³ và những bộ phận ta coi là tầm thường nhất, thì ta lại tôn trọng hơn cả. Những bộ phận kém trang nhã, thì ta lại mặc cho chúng trang nhã hơn hết. ²⁴ Còn những bộ phận trang nhã thì không cần gì cả. Nhưng Thiên Chúa đã khéo xếp đặt các bộ phận trong thân thể, để bộ phận nào kém thì được tôn trọng nhiều hơn. ²⁵ Như thế, không có chia rẽ trong thân thể, trái lại các bộ phận đều lo lắng cho nhau. ²⁶ Nếu một bộ phận nào đau, thì mọi bộ phận cùng đau. Nếu một bộ phận nào được vẻ vang, thì mọi bộ phận cũng vui chung.

²⁷ Vậy anh em, anh em là thân thể Đức Ki-tô, và

Vì thế trước hết ngài kể đến các *Tông Đồ* ; đây không phải chỉ là mười hai vị được Chúa Giê-su chọn, nhưng là những người được các vị ấy chấp nhận, và cũng như các vị, đi thành lập những giáo đoàn mới hoặc lãnh đạo những giáo đoàn đã có rồi. Tiếp đến là các *ngôn sứ*, là những vị không chỉ có vai trò công bố lời Thiên Chúa, mà còn ăn nói với tính khí cương cường và củng cố giáo đoàn, nhờ đức tin và khôn ngoan của các ngài. Sau cùng mới là những người được ơn *nói các thứ tiếng lạ*, trong khi ở Cô-rin-tô, những người như thế tưởng mình đã lên đến tận mây xanh.

mỗi người là một bộ phận.
 28 Trong Hội Thánh, Thiên Chúa đã đặt một số người, thứ nhất là các Tông Đồ, thứ hai là các ngôn sứ, thứ ba là các thầy dạy, rồi đến những người được ơn làm phép lạ, được những đặc sủng để chữa bệnh, để giúp đỡ người khác, để quản trị, để nói các thứ tiếng lạ. 29 Chẳng lẽ ai cũng là tông đồ ? Chẳng lẽ ai cũng là ngôn sứ, ai cũng là thầy dạy sao ? Chẳng lẽ ai cũng được ơn làm phép lạ, 30 ai cũng được ơn chữa bệnh sao ? Chẳng lẽ ai cũng nói được các tiếng lạ, ai cũng giải thích được các tiếng lạ sao ?

Thứ bậc các đặc sủng. Bài ca đức mến.

31 Trong các ân huệ của Thiên Chúa, anh em cứ tha thiết tìm những ơn cao trọng nhất. Nhưng đây tôi xin chỉ cho anh em con đường trời vượt hơn cả.

13 * 1 Giả như tôi có nói được các thứ tiếng của loài người và của các thiên thần đi nữa, mà không có đức mến, thì tôi cũng chẳng khác gì thanh la phèng phèng, chũm chọe xoang xoảng. 2 Giả như tôi được ơn nói tiên tri, và được biết hết mọi điều bí nhiệm, mọi lẽ cao siêu, hay có được tất cả đức tin

* 13,1 *Tôi xin chỉ cho anh em con đường trời vượt hơn cả* (12,31). Trong khi người Cô-rin-tô bị loá mắt vì những gì khác thường hoặc kỳ diệu, thì thánh Phao-lô nói với họ rằng không có gì bằng *đức mến* thực thụ.

Giả như tôi có nói được. Yêu mến thì quan trọng hơn là làm phép lạ, làm nhiều thứ cho người khác, hay hy sinh vì một chính nghĩa (điều mà người ta có khi làm được tuy chẳng có đức mến).

Đức mến không bao giờ mất được (c.8). Đức mến là cái duy nhất chúng ta sẽ mang theo khi từ già cõi đời.

Khi tôi còn là trẻ con (c.11). Thánh Phao-lô đã phác hoạ ở đây điều ngài sẽ giải thích ở ch. 15 nói về sự sống của chúng ta sau khi phục sinh. Cũng như con sâu phải lột xác hoàn toàn để trở thành bướm (mọc cánh thôi đâu phải là đủ), cũng như trò chơi trẻ con đâu còn ý nghĩa gì đối với người lớn, thì toàn bộ đời sống hiện tại của chúng ta cũng vậy : làm việc, học hành, yêu đương, hiểu biết về Thiên Chúa và thế giới, đời sống Giáo Hội, tất cả sẽ chỉ là một quá khứ đã đi vào quên lãng. Thánh Phao-lô đã kinh nghiệm một tình yêu Thiên Chúa tràn ngập tâm hồn và xuyên thấu con người mình, thánh hoá mọi ước muốn, và ngài biết như thế là được Thiên Chúa chiếm hữu rồi, và chính đây là cái vĩnh hằng : *đức mến không bao giờ mất được*.

đến chuyển núi dời non, mà không có đức mến, thì tôi cũng chẳng là gì. ³ Giả như tôi có đem hết gia tài cơ nghiệp mà bố thí, hay nộp cả thân xác tôi để chịu thiêu đốt, mà không có đức mến, thì cũng chẳng ích gì cho tôi. ⁴ Đức mến thì nhẫn nhục, hiền hậu, không ghen tương, không vênh vang, không tự đắc, ⁵ không làm điều bất chính, không tìm tư lợi, không nóng giận, không nuôi hận thù, ⁶ không mừng khi thấy sự gian ác, nhưng vui khi thấy điều chân thật. ⁷ Đức mến tha thứ tất cả, tin tưởng tất cả, hy vọng tất cả, chịu đựng tất cả. ⁸ Đức mến

không bao giờ mất được. Ông nói tiên tri ư? Cũng chỉ nhất thời. Nói các tiếng lạ chẳng? Có ngày sẽ hết. Ông hiểu biết ư? Rồi cũng chẳng còn. ⁹ Vì chưng sự hiểu biết thì có ngần, ơn nói tiên tri cũng có hạn. ¹⁰ Khi cái hoàn hảo tới, thì cái có ngần có hạn sẽ biến đi. ¹¹ Cũng như khi tôi còn là trẻ con, tôi nói năng như trẻ con, hiểu biết như trẻ con, suy nghĩ như trẻ con; nhưng khi tôi đã thành người lớn, thì tôi bỏ tất cả những gì là trẻ con. ¹² Bây giờ chúng ta thấy mờ mờ như trong một tấm gương, mai sau sẽ được mặt giáp mặt. Bây giờ tôi biết chỉ

Đức tin, đức cậy, đức mến (c.13). Thánh Phao-lô hay kết hợp ba đức này lại với nhau, ba chiều hướng thượng của tâm hồn Ki-tô hữu. Không ở đâu ngài nói điều đó rõ hơn ở đây. Không có đức mến đích thực nếu không có đức tin và đức cậy.

Cao trọng hơn cả là đức mến. Đôi khi người ta dùng câu này để tuyên tạc những nét đặc trưng của Ki-tô giáo. Có người nói: "Tôi ăn ở tốt lành với mọi người, còn muốn gì nữa?" Thật ra, không thiếu bằng chứng cho thấy rằng lòng thương người ở đây rất là hờ hững, hạn hẹp và không mấy vô vị lợi. Đó là một "đức mến" trong đó tình yêu Thiên Chúa không được phát triển thoả mái, nên không biến đổi được cuộc đời chúng ta. Lê ra, điều tiên quyết là đức cậy, theo nghĩa Ki-tô giáo, tức là lòng say mến những thực tại vĩnh cửu.

Đức mến sẽ mỹ mãn khi chúng ta được *mặt giáp mặt* với Thiên Chúa: *Tôi sẽ được biết hết, như Thiên Chúa biết tôi* (c.12). Bao lâu chúng ta chưa nhìn thấy Thiên Chúa, thì đức mến chưa đáp hết các hứa hẹn, do đó chúng ta còn phải lớn lên nhờ *đức tin* và hiểu biết Lời Thiên Chúa. Và chúng ta cũng sẽ cần đến *đức cậy*, tức là lòng kiên trì bước theo Chúa Giê-su nghèo khó, tự do và trung thành giữa bao nhiêu thử thách.

có ngần có hạn, mai sau tôi sẽ được biết hết, như Thiên Chúa biết tôi.
¹³ Hiện nay đức tin, đức cậy, đức mến, cả ba đều tồn tại, nhưng cao trọng hơn cả là đức mến.

Thứ bậc các đặc sủng để mưu cầu ích chung

14 * ¹ Anh em hãy cố đạt cho được đức mến, hãy khao khát những ơn của Thần Khí, nhất là ơn nói tiên tri. ² Thật vậy, kẻ nói tiếng lạ thì không nói với người ta, nhưng là nói với Thiên Chúa, bởi vì chẳng ai hiểu được : nhờ Thần Khí, kẻ ấy nói ra những điều nhiệm mầu. ³ Còn

người nói tiên tri thì nói với người ta để xây dựng, để khích lệ và an ủi. ⁴ Kẻ nói tiếng lạ thì tự xây dựng chính mình ; người nói tiên tri thì xây dựng Hội Thánh. ⁵ Tôi muốn cho tất cả anh em nói các tiếng lạ, và nhất là tôi muốn cho anh em nói tiên tri. Người nói tiên tri thì cao trọng hơn người nói các tiếng lạ, trừ phi người này giải thích để xây dựng Hội Thánh.

⁶ Thưa anh em, giờ đây, giả như tôi đến cùng anh em mà chỉ nói các tiếng lạ, giả như lời nói của tôi không đem lại cho anh em một mặc khải, một sự hiểu

* 14,1 Hình như các buổi hội họp giáo đoàn Cô-rin-tô hơi thiếu trật tự. Chắc là mạnh ai nấy phát biểu, không đợi đến lượt mình, ngay cả các bà... và thánh Phao-lô mời họ phải im. Những người được những ơn lạ lùng thì coi mình trội hơn người khác và không tôn trọng trật tự tối thiểu. Một số người thì muốn tỏ ra mình được linh hứng, bèn nói lên hay làm những điều kỳ quặc, đôi khi còn chướng nữa.

Thánh Phao-lô lập lại trật tự. Ngài ví Hội Thánh, hay cộng đoàn, như một ngôi nhà đang xây, và ngài dành ưu tiên cho những gì có tính "xây dựng". Xây dựng là hành động thế nào cho người khác trở nên tốt hơn và đoàn kết hơn. Hữu hiệu nhất là đức mến chứ không phải các phép lạ hay ơn nói các tiếng lạ. Vì thế mà trên đây, thánh Phao-lô vừa mới nhấn mạnh rằng đức mến là ơn cao trọng nhất. Người làm được những việc phi thường không tất nhiên là ông thánh ; Thiên Chúa có thể dùng bất cứ ai, người tội lỗi, người không có đạo, để mưu ích cho con cái Người. Chân lý của một nhóm tông đồ không căn cứ trên tài chữa bệnh của các nhà giảng thuyết của nhóm, trên số người đông đảo kéo đến đây hội trường để nghe các ông, hay đám đông dân chúng thán phục họ. Chân lý của nhóm ấy tùy thuộc lòng trung thành của họ đối với giáo huấn các Tông Đồ mà chúng ta được học trong Hội Thánh.

biết, hay không phải là một lời tiên tri, một lời giáo huấn, thì nào có ích gì cho anh em ? ⁷ Như thế, có khác chi những nhạc cụ không hồn, như sáo như đàn : nếu âm thanh không rõ, thì làm sao nhận ra được cung nhạc tiếng đàn ? ⁸ Thật vậy, giả như kèn chỉ phát ra một tiếng vu vơ, thì ai sẽ chuẩn bị chiến đấu ? ⁹ Anh em cũng thế : nếu miệng lưỡi anh em chẳng nói những lời có thể hiểu được, thì làm sao người ta biết điều anh em nói ? Anh em chỉ nói bông lông thôi ! ¹⁰ Trong thiên hạ, có rất nhiều thứ ngôn ngữ, nhưng không có thứ nào là vô nghĩa. ¹¹ Vậy nếu tôi không biết giá trị của ngôn ngữ, thì tôi sẽ là kẻ man dã đối với người nói, và người nói là kẻ man dã đối với tôi. ¹² Anh em cũng vậy : vì khao khát những ơn của Thần Khí, anh em hãy tìm kiếm để được dồi dào các ân huệ

đó, nhằm xây dựng Hội Thánh.

¹³ Vì thế, kẻ nói tiếng lạ thì phải xin cho được ơn giải thích. ¹⁴ Thật vậy, nếu tôi cầu nguyện bằng tiếng lạ thì lòng tôi cầu nguyện, nhưng trí tôi chẳng thu được kết quả gì. ¹⁵ Vậy, phải làm sao ? Tôi sẽ cầu nguyện với tấm lòng, nhưng cũng cầu nguyện với trí khôn nữa. Tôi sẽ ca hát với tấm lòng, nhưng cũng ca hát với trí khôn nữa. ¹⁶ Quả thế, nếu bạn chỉ chúc tụng với tấm lòng thôi, thì làm sao hạng người ngoài cuộc có thể thưa "A-men" lúc bạn dâng lời tạ ơn, vì người đó không biết bạn nói gì ? ¹⁷ Đã hẳn, lời tạ ơn của bạn tốt đẹp thật, nhưng không xây dựng cho người khác. ¹⁸ Tôi cảm tạ Thiên Chúa vì tôi nói các tiếng lạ nhiều hơn tất cả anh em, ¹⁹ nhưng trong cộng đoàn, thà tôi nói năm ba tiếng có thể hiểu được để

Ngôn sứ thì làm chủ những cảm hứng tiên tri của mình (c.32). Thần Khí và con người như vàng thau lẫn lộn : đâu có ai trong suốt như pha-lê để ánh sáng Thiên Chúa xuyên qua. Những ai nghĩ rằng mình được linh hứng phải rất cẩn thận, đừng để những quan điểm riêng của mình lẫn vào trong những gì đã được Thần Khí ban cho. Không có ơn linh hứng nào cho phép chúng ta coi thường anh chị em mình hay quyền bính hợp pháp.

dạy dỗ kẻ khác, còn hơn là nói hàng vạn lời bằng tiếng lạ.

²⁰ Thừa anh em, về mặt phán đoán thì đừng sống như trẻ con ; về đàn dừ, sống như trẻ con thì được, nhưng về mặt phán đoán thì phải là người trưởng thành. ²¹ Trong Lê Luật có chép : *Chúa phán rằng : Ta sẽ dùng những người nói tiếng khác lạ và môi miệng người ngoại quốc mà nói với dân này ; dù thế, chúng cũng chẳng nghe Ta.* ²² Vì thế, các tiếng lạ được dùng làm dấu hiệu, không phải cho những người tin, mà cho những kẻ không tin ; còn lời ngôn sứ thì không phải là cho những kẻ không tin, mà cho những người tin. ²³ Vậy giả như cả cộng đoàn họp lại một nơi và mọi người đều nói các tiếng lạ, mà khi đó có người ngoài cuộc hay người không tin đi vào,

thì họ chẳng bảo là anh em điên sao ? ²⁴ Còn nếu mọi người đều nói tiên tri, mà có người không tin hoặc người ngoài cuộc đi vào, người đó sẽ thấy mình bị mọi người khiển trách, mọi người xét xử. ²⁵ Những điều bí ẩn trong lòng người đó sẽ bị lộ, và như thế, người đó sẽ sấp mình xuống mà thờ lạy Thiên Chúa, tuyên bố rằng : “*Hắn thật, Thiên Chúa ở giữa anh em.*”

Các đặc sủng. Quy luật thực tiễn.

²⁶ Vậy, thừa anh em, phải kết luận thế nào ? Khi anh em hội họp, người thì hát thánh ca, người thì giảng dạy, người thì nói lời mặc khải, người thì nói tiếng lạ, người thì giải nghĩa : tất cả những điều ấy đều phải nhằm xây dựng Hội Thánh. ²⁷ Nếu có nói tiếng lạ, thì chỉ hai hoặc tối đa ba người nói

Ngay từ đầu, cc. 34-35 đã gây phần nộ vì giọng điệu cứng cõi đối với phụ nữ : trong một số bản cổ, những câu này đã được chuyển sang chỗ khác. Nếu đó đúng là của thánh Phao-lô, thì phải được hiểu như đoạn 11,1-16. Tông đồ Phao-lô không thể sai lầm trong lãnh vực đức tin, nhưng ngoài ra, không một quyết định nào liên quan đến việc tổ chức Hội Thánh, cho dù là của thánh Phao-lô hay của ai khác, có thể qua mặt sự phê bình của công luận hoặc là không thể rút lại, ngay cả trong trường hợp, vào một thời điểm nào đó, nó là một mệnh lệnh của Chúa (c.37).

thôi, mỗi người cứ theo phiên mà nói, và phải có một người giải thích.²⁸ Nếu không có người giải thích, thì phải giữ thinh lặng trong cộng đoàn, mỗi người chỉ nói với mình và với Thiên Chúa thôi.²⁹ Về các ngôn sứ, chỉ nên có hai hoặc ba người lên tiếng thôi, còn những người khác thì phân định.³⁰ Nếu có ai ngồi đó được ơn mặc khải, thì người đang nói phải im đi.³¹ Mọi người có thể lần lượt nói tiên tri, để ai nấy đều được học hỏi và khích lệ.³² Ngôn sứ thì làm chủ những cảm hứng tiên tri của mình,³³ bởi vì Thiên Chúa không phải là Thiên Chúa gây hỗn loạn, nhưng là Thiên Chúa tạo bình an. Như thói quen trong mọi cộng đoàn dân thánh,³⁴ phụ nữ phải làm thinh trong các buổi họp, vì họ không được phép lên

tiếng ; trái lại, họ phải sống phục tùng như chính Lê Luật dạy.³⁵ Nếu họ muốn tìm hiểu điều gì, thì cứ về nhà hỏi chồng, bởi vì phụ nữ mà lên tiếng trong cộng đoàn thì không còn thể thống gì.³⁶ Lời Thiên Chúa có phát xuất từ anh em không ? Hay lời ấy chỉ đến với một mình anh em mà thôi ?³⁷ Nếu ai tưởng mình là ngôn sứ hoặc được Thần Khí linh hứng, thì hãy nhìn nhận rằng các điều tôi viết đây là mệnh lệnh của Chúa.³⁸ Ai không nhận biết điều ấy, thì cũng không được Chúa biết đến.

³⁹ Cho nên, thưa anh em, anh em hãy khao khát ơn nói tiên tri và đừng ngăn cấm nói các tiếng lạ.⁴⁰ Nhưng hãy làm mọi sự cách trang nghiêm và có trật tự.

III. KỂ CHẾT SỐNG LẠI

Sự kiện Phục Sinh

15^{* 1} Thưa anh em, tôi xin nhắc lại cho anh em Tin Mừng tôi đã loan

báo và anh em đã lãnh nhận cùng đang nắm vững.² Nhờ Tin Mừng đó, anh em được cứu thoát, nếu

* 15,1 Có phải đây là câu trả lời cho câu hỏi cuối cùng của người Cô-rin-tô không ? Nhiều người Hy-lạp xưa nghĩ rằng khi người ta chết thì linh hồn bắt tử lia khỏi xác, ở lại một mình, có lẽ được lên cõi tiêu

anh em giữ đúng như tôi đã loan báo, bằng không thì anh em có tin cũng vô ích.

³ Trước hết, tôi đã truyền lại cho anh em điều mà chính tôi đã lãnh nhận, đó là : Đức Ki-tô đã chết vì tội lỗi chúng ta, đúng như lời Kinh Thánh, ⁴ rồi Người đã được mai táng, và ngày thứ ba đã trở dậy, đúng như lời Kinh Thánh. ⁵ Người đã hiện ra với ông Kê-pha,

rồi với Nhóm Mười Hai.

⁶ Sau đó, Người đã hiện ra với hơn năm trăm anh em một lượt, trong số ấy phần đông hiện nay còn sống, nhưng một số đã an nghỉ.

⁷ Tiếp đến, Người hiện ra với ông Gia-cô-bê, rồi với tất cả các Tông Đồ. ⁸ Sau hết, Người cũng đã hiện ra với tôi, là kẻ chẳng khác nào một đứa trẻ sinh non.

⁹ Thật vậy, tôi là người hèn mọn nhất trong số các Tông Đồ, tôi không đáng

dao dành cho các linh hồn, có lẽ đi vào cõi âm ty (nơi lưu giữ các linh hồn thuộc quá khứ hoặc tương lai), quên hết tất cả cuộc sống dĩ vãng của mình ở trần gian. Người khác (như một số khá đông Ki-tô hữu ngày nay) lại nghĩ rằng chết là hết : x. 1 Tx 4,13. Vì thế thánh Phaolô sẽ nhắc lại rằng niềm tin vào sự phục sinh là trọng tâm của sứ điệp Ki-tô giáo.

Tôi xin nhắc lại cho anh em Tin Mừng. Đây đúng là một tin mừng, vì cái chết là một điều bí ẩn xưa nay vẫn đè nặng trên cuộc sống con người (Hc 40,1-10).

Sao trong anh em có người lại nói : không có chuyện kẻ chết sống lại ? (c.12). Thánh Phaolô khởi đầu từ sự kiện Chúa Giê-su sống lại, rồi từ đó rút ra hậu quả là sự sống lại của chính chúng ta.

Đôi khi chúng ta nghe người ta (kể cả một số người có đức tin) nói rằng chuyện Chúa Giê-su sống lại không phải là một sự kiện lịch sử. Đúng là vậy, theo nghĩa đó là một thực tại vượt khỏi lãnh vực lịch sử. Chúng ta biết và tin thực tại ấy vì có những người đã làm chứng, và khoa sử học không vận dụng phương pháp nào khác. Nhưng có một sự khác biệt lớn : những chứng cứ làm bằng cho lịch sử thuộc diện những sự việc mà chúng ta có thể hình dung nhờ thấy được ở chỗ khác, như một cuộc chiến, một cuộc gặp gỡ giữa hai người, một phát minh. Trái lại, về sự kiện Chúa Giê-su sống lại, các chứng nhân chỉ có thể nói đến những lần Chúa hiện ra hay những lần họ gặp gỡ Chúa. Chính từ kinh nghiệm gặp gỡ ấy, trong đó mắt họ đã nhìn thấy Chúa hiển hiện hoàn toàn đổi mới, mà họ đã tin và làm chứng rằng : Chúa Giê-su đã đi vào một cuộc sống hoàn toàn mới mà chúng ta không thể nào tưởng tượng ra, và Người được thông chia chính quyền năng của Thiên Chúa.

được gọi là Tông Đồ, vì đã ngược đãi Hội Thánh của Thiên Chúa. ¹⁰ Nhưng tôi có là gì, cũng là nhờ ơn Thiên Chúa, và ơn Người ban cho tôi đã không vô hiệu ; trái lại, tôi đã làm việc nhiều hơn tất cả những vị khác, nhưng không phải tôi, mà là ơn Thiên Chúa cùng với tôi.

¹¹ Tóm lại, dù tôi hay các vị khác rao giảng, thì chúng tôi đều rao giảng như thế, và anh em đã tin như vậy.

¹² Nhưng nếu chúng tôi rao giảng rằng Đức Ki-tô đã từ cõi chết trỗi dậy, thì sao trong anh em có người lại nói : không có chuyện kẻ chết sống lại ? ¹³ Nếu kẻ chết không sống lại, thì Đức Ki-tô đã không trỗi

dậy. ¹⁴ Mà nếu Đức Ki-tô đã không trỗi dậy, thì lời rao giảng của chúng tôi trống rỗng, và cả đức tin của anh em cũng trống rỗng. ¹⁵ Thế ra chúng tôi là những chứng nhân giả của Thiên Chúa, bởi vì đã chống lại Thiên Chúa mà làm chứng rằng Người đã cho Đức Ki-tô trỗi dậy, trong khi thật sự Người đã không cho Đức Ki-tô trỗi dậy, nếu quả thật kẻ chết không trỗi dậy. ¹⁶ Vì nếu kẻ chết không trỗi dậy, thì Đức Ki-tô cũng đã không trỗi dậy. ¹⁷ Mà nếu Đức Ki-tô đã không trỗi dậy, thì lòng tin của anh em thật hão huyền, và anh em vẫn còn sống trong tội lỗi của anh em. ¹⁸ Hơn nữa, cả những người đã an nghỉ

Vậy ở đây, chúng ta phải tin, không những tin điều họ đã thấy, mà cả điều họ đã tin, là điều chỉ có thể tin mà thôi. Cách nghị luận này hoàn toàn khác với cách thức của khoa sử học. Dầu vậy, quyết không thể nói Chúa Giê-su sống lại và được tôn vinh không phải là một sự kiện (x. phần bình giải Mc 16).

Tôi đã truyền lại cho anh em (c.3). Thánh Phao-lô không kể lại một truyện cổ tích, một truyện trong kho tàng huyền thoại của người Hy-lạp, những truyện đầy khôn ngoan trí tuệ, đưa ra một trật tự nào đó của thế giới, một ý nghĩa cho cuộc đời, nhưng vẫn chỉ là truyện kể. Ngày nay, một số người cũng nói một ngôn ngữ như thế về sự sống lại. Họ nói : “Cái gì đã xảy ra đâu có quan trọng bao nhiêu, Chúa Giê-su đã ra sao thì đâu phải là điều mà các sách Tin Mừng trực tiếp quan tâm ; điều quan trọng trong đó là có những biến cố lạ lùng đã làm cho các môn đệ phục hồi lòng can đảm và niềm hy vọng vào một cuộc sống khác.” Nhưng thánh Phao-lô thì nói ngược hẳn : Chúa Giê-su phục sinh là một sự kiện.

trong Đức Ki-tô cũng bị tiêu vong. ¹⁹ Nếu chúng ta đặt hy vọng vào Đức Ki-tô chỉ vì đời này mà thôi, thì chúng ta là những kẻ đáng thương hơn hết mọi người.

* ²⁰ Nhưng không phải thế ! Đức Ki-tô đã trỗi dậy từ cõi chết, mở đường cho những ai đã an giấc ngàn thu. ²¹ Vì nếu tại một

người mà nhân loại phải chết, thì cũng nhờ một người mà kẻ chết được sống lại. ²² Quả thế, như mọi người vì liên đới với A-đam mà phải chết, thì mọi người nhờ liên đới với Đức Ki-tô, cũng được Thiên Chúa cho sống. ²³ Nhưng mỗi người theo thứ tự của mình : mở đường là Đức Ki-tô, rồi khi

* 15,20 Từ sự kiện sống lại này, sự kiện chúng ta tin nhận vì cùng một niềm tin với các Tông Đồ, thánh Phao-lô sang qua một vấn đề mà chúng ta rất nhạy : có một hy vọng nào cho chúng ta không ?

Mọi người vì liên đới với A-đam mà phải chết (c.22). X. phần bình giải Rm 5,12 về A-đam và Chúa Ki-tô. Huyền thoại của một số tôn giáo quen gán cho một nhân vật huyền bí nào đó của thời xưa cái số phận của chính chúng ta : nó chỉ có thể đem lại cho cuộc đời một ý nghĩa chứ không thay đổi cuộc đời. Trái lại, đức tin cho chúng ta biết rằng những gì Con Thiên Chúa làm người đã sống giữa chúng ta, là Người đã sống cho tất cả chúng ta. Cần phải gạt qua một bên cái nhìn cá nhân chủ nghĩa, mỗi người chỉ biết lo phận mình thôi : đối với Thiên Chúa, công trình sáng tạo và cứu độ là cả một cuộc phiêu lưu, cuộc phiêu lưu của chính A-đam, vừa là một người vừa là muôn người ; và có một người là Giê-su, đích thị là Con Người, đã sống trọn vẹn cuộc phiêu lưu ấy cho tất cả chúng ta.

Những ai đã an giấc ngàn thu (c.20). Như các Ki-tô hữu đầu tiên, thánh Phao-lô dùng kiểu nói *an giấc* thay vì “chết”, để làm rõ nét hơn trạng thái trông đợi ngày sống lại.

Người trao vương quyền lại cho Thiên Chúa là Cha (c.24). Ở đây nữa, chúng ta cũng phải tránh những hình ảnh quá đơn giản. Nên nhớ rằng chỉ có một Thiên Chúa. Người Con ở đây là Ngôi Lời Thiên Chúa làm người, đã gánh vác trên vai toàn bộ giai đoạn hai của lịch sử thế giới. Vốn sinh ra từ Chúa Cha, luôn hướng về Chúa Cha, giờ đây Người đưa toàn thể tạo thành đi vào cõi vĩnh hằng của Thiên Chúa. Lịch sử sẽ không bắt đầu lại. *Thiên Chúa sẽ có toàn quyền trên muôn loài* (dịch sát chữ c.28 : *Thiên Chúa sẽ là mọi sự trong mọi loài*), chúng ta sẽ đón nhận Thiên Chúa từ chính Thiên Chúa, khi cuối cùng tìm gặp được chính mình. Dĩ nhiên điều này vượt quá những gì chúng ta có thể hình dung được, nhưng thánh Phao-lô quả quyết : cái chết sẽ không còn nữa (x. c.26). Thánh Gio-an cũng sẽ nói như vậy trong sách Khải huyền (21,4).

Đức Ki-tô quang lâm thì đến lượt những kẻ thuộc về Người. ²⁴ Sau đó mọi sự đều hoàn tất, khi Người đã tiêu diệt hết mọi quản thần, mọi quyền thần và mọi dũng thần, rồi trao vương quyền lại cho Thiên Chúa là Cha.

²⁵ Thật vậy, Đức Ki-tô phải nắm vương quyền cho đến khi *Thiên Chúa đặt mọi thù địch dưới chân* Người. ²⁶ Thù địch cuối cùng bị tiêu diệt là sự chết, ²⁷ vì *Thiên Chúa đã đặt muôn loài dưới chân* Đức Ki-tô. Mà khi nói *muôn loài*, thì dĩ nhiên không kể Đấng đặt muôn loài dưới chân Đức Ki-tô. ²⁸ Lúc muôn loài đã quy phục Đức Ki-tô, thì chính Người, vì là Con, cũng sẽ quy phục Đấng bắt muôn loài phải quy phục Người ; và như vậy, Thiên Chúa có toàn quyền trên muôn loài.

²⁹ Chẳng vậy, những người chịu phép rửa thế

cho kẻ chết thì được gì ? Nếu tuyệt nhiên kẻ chết không trở dậy, thì tại sao người ta lại chịu phép rửa thế cho kẻ chết ? ³⁰ Và chính chúng tôi, tại sao hàng giờ chúng tôi liêu mình đương đầu với hiểm họa ? ³¹ Thưa anh em, mỗi ngày tôi phải đối diện với cái chết : tôi có hãnh diện về anh em trong Đức Ki-tô Giê-su, Chúa chúng ta, thì mới quả quyết như vậy. ³² Nếu vì những lý do phàm trần mà tôi đã chiến đấu với thú dữ tại Ê-phê-xô, thì điều đó nào có ích gì cho tôi ? Nếu kẻ chết không trở dậy, thì *chúng ta cứ ăn cứ uống đi, vì ngày mai chúng ta sẽ chết*. ³³ Anh em chớ có lầm : *Chơi với kẻ xấu, người tốt cũng ra xấu*. ³⁴ Đừng say sưa nữa mới phải phép, và chớ phạm tội : một số người quả không biết gì về Thiên Chúa. Tôi nói như vậy để anh em phải xấu hổ.

Những người chịu phép rửa thế cho kẻ chết thì được gì ? (c.29). Có lẽ một số tín hữu thời đó lo lắng cho số phận những người bà con của họ đã chết mà không được nghe loan báo Tin Mừng, và họ chịu phép rửa thế cho những người ấy. Thánh Phao-lô không nói ra ý kiến của mình về tập tục này ; ngài chỉ nhân việc này mà khẳng định một lần nữa sự sống lại.

Cách thức kẻ chết sống lại

* ³⁵ Nhưng có người sẽ nói : kẻ chết trỗi dậy thế nào ? Họ lấy thân thể nào mà trở về ? ³⁶ Đồ ngốc ! Người gieo cái gì, cái ấy phải chết mới được sống. ³⁷ Cái người gieo không phải là hình thể sẽ mọc lên, nhưng là một hạt trơ trụi, chẳng hạn như hạt lúa hay một thứ nào khác. ³⁸ Rồi Thiên Chúa cho nó một hình thể như ý Người muốn : giống nào hình thể nấy.

³⁹ Không phải mọi thể xác đều giống nhau : của loài người thì khác, của loài vật thì khác, của loài chim thì khác, của loài cá thì khác. ⁴⁰ Lại có những vật thể thuộc thiên giới và những vật thể thuộc địa giới. Nhưng vẻ rạng rỡ của những vật thể thuộc thiên giới thì khác, vẻ rạng rỡ của những vật thể thuộc địa giới thì khác. ⁴¹ Ánh mặt trời thì khác, ánh mặt trăng thì khác, ánh tinh tú thì khác, bởi vì ánh sáng tinh tú này khác với ánh sáng tinh tú kia.

* **15,35** *Kẻ chết trỗi dậy thế nào ? Họ lấy thân thể nào mà trở về ?* Đây là câu hỏi mà chúng ta năng đặt ra : chúng ta muốn tưởng tượng, muốn biết khi đó mình sẽ như thế nào. Nhưng con người làm sao có thể tưởng tượng được, biết được cái thế giới mới đang được chuẩn bị ngay từ hôm nay đây ? Chẳng phải họ khác nào đứa trẻ còn nằm trong bụng mẹ là một vũ trụ đóng kín, mà cố tìm cách tưởng tượng ra cái thế giới nó sẽ bước vào ?

Thánh Phao-lô chỉ có thể dùng những so sánh để soi sáng mâu nhiệm này.

Người gieo cái gì (c.36). Chúa Giê-su đã từng nói đến hạt lúa người ta đem gieo (Ga 12,24). Qua ví dụ này, thánh Phao-lô loại bỏ những quan niệm cổ xưa mà có lẽ một số người ngày nay hãy còn giữ : các thiên thần sẽ đến thu gom tro bụi của người chết, các xác chết sẽ chui ra khỏi mồ. Thân thể hiện tại của chúng ta ví như hạt lúa, còn thân thể sống lại ví như bông lúa. Cũng như bông lúa, thân thể sống lại sẽ không phải là thân thể hiện tại được tái chế.

Không phải mọi thể xác đều giống nhau (c.39). Thánh Phao-lô lưu ý chúng ta rằng một từ ngữ có thể chỉ những sự vật rất khác nhau tuy có liên hệ nào đó với nhau. Thời ngài, chữ “thể” trong từ “thể xác” được dùng cho nhiều sự vật khác nhau, như “thiên thể” là mặt trời, các tinh tú. Vì thế khi nói rằng người chết sẽ sống lại với thân thể mình, thì không phải nói là với hình dáng, với sự sống như trước, nhưng là nói con người trước và sau khi sống lại chỉ là một.

⁴² Việc kẻ chết sống lại cũng vậy : gieo xuống thì hư nát, mà trỗi dậy thì bất diệt ; ⁴³ gieo xuống thì hèn hạ, mà trỗi dậy thì vinh quang ; gieo xuống thì yếu đuối, mà trỗi dậy thì mạnh mẽ, ⁴⁴ gieo xuống là thân thể có sinh khí, mà trỗi dậy là thân thể có thần khí.

Nếu có thân thể có sinh khí, thì cũng có thân thể có thần khí. ⁴⁵ Như có lời đã chép : con người đầu tiên là A-đam được dựng nên thành một sinh vật, còn A-đam cuối cùng là thần khí ban sự sống. ⁴⁶ Loài xuất hiện trước không phải là loài có thần

khí, nhưng là loài có sinh khí ; loài có thần khí chỉ xuất hiện sau đó. ⁴⁷ Người thứ nhất bởi đất mà ra thì thuộc về đất ; còn người thứ hai thì từ trời mà đến. ⁴⁸ Những kẻ thuộc về đất thì giống như kẻ bởi đất mà ra ; còn những kẻ thuộc về trời thì giống như Đấng từ trời mà đến. ⁴⁹ Vì thế, cũng như chúng ta đã mang hình ảnh người bởi đất mà ra, thì chúng ta cũng sẽ được mang hình ảnh Đấng từ trời mà đến.

⁵⁰ Thưa anh em, điều tôi muốn nói là xác thịt và khí huyết không thể thừa hưởng Nước Thiên Chúa

Cũng như bông lúa đâm ra từ hạt lúa, người sống lại vẫn là người trước kia, hãy còn mang dấu vết tất cả những gì đã giúp mình siêu thăng (Chúa Ki-tô Phục Sinh cũng đã muốn cho thấy dấu tích của cuộc Thương Khó trên thân thể vinh hiển của Người). Bởi vì không ai lớn thành người cách đơn độc, nhưng là cùng với và liên kết với tha nhân, nên những người mà chúng ta đã yêu mến nhiều hơn ở trần gian, đã giúp chúng ta làm phát triển những tài năng của mình nhiều nhất, thì chúng ta sẽ được nhìn thấu đến cõi thâm nghiêm nhất của họ, ngắm nhìn họ sau khi họ được biến hình đổi dạng.

Một thân thể có thần khí (c.44). Sự sống lại phát xuất từ bên trong, như thể một sự biến hình đổi dạng. Mỗi người sẽ có thân thể tương xứng với mình, cái thân thể cho thấy đúng nhất mình đã trở thành con người như thế nào, và trong Thiên Chúa, mình là ai. Còn có thể trong đời gì tốt đẹp hơn nữa ? Nhưng có chắc là như vậy không ? Với tất cả xác tín của đức tin, thánh Phao-lô quả quyết là có. Không có lý trí nào có thể minh chứng đức tin : chỉ khi đã cảm nghiệm tác động của Thánh Thần đang biến đổi chúng ta ngay từ bây giờ, thì chúng ta không phải chỉ có một trực giác thôi, mà với thời gian, chúng ta còn được biết chắc rằng mình đang hướng về đâu nữa.

được, cũng như cái hư nát không thể thừa hưởng sự bất diệt được. ⁵¹ Đây tôi nói cho anh em biết mầu nhiệm này : không phải tất cả chúng ta sẽ chết, nhưng tất cả chúng ta sẽ được biến đổi ⁵² trong một giây lát, trong một nháy mắt, khi tiếng kèn cuối cùng vang lên. Vì tiếng kèn sẽ vang lên, và những kẻ chết sẽ trỗi dậy mà không còn hư nát ; còn chúng ta, chúng ta sẽ được biến đổi. ⁵³ Quả vậy, cái thân phải hư nát này sẽ mặc lấy sự bất diệt ; và

cái thân phải chết này sẽ mặc lấy sự bất tử.

Khải hoàn ca

⁵⁴ Vậy khi cái thân phải hư nát này mặc lấy sự bất diệt, khi cái thân phải chết này mặc lấy sự bất tử, thì bấy giờ sẽ ứng nghiệm lời Kinh Thánh sau đây : *Tử thân đã bị chôn vùi. Đây giờ chiến thắng !* ⁵⁵ *Hỡi tử thân, đâu là chiến thắng của ngươi ? Hỡi tử thân, đâu là nọc độc của ngươi ?* ⁵⁶ *Tử thân có độc là vì tội lỗi, mà tội lỗi có mạnh cũng tại có Lễ Luật.* ⁵⁷ Nhưng tạ ơn

Thuộc về đất, từ trời mà đến (cc. 45-49). Tất cả chúng ta đều thừa hưởng hai di sản : do bản tính, chúng ta liên đới với nhân loại mà A-đam là biểu tượng, một *con người được dựng nên thành sinh vật và thuộc về đất* ; nhưng chúng ta cũng là thành phần của cộng đồng nhân loại đang thoát thai cách nhiệm mầu từ trung tâm điểm là Chúa Ki-tô, là *thân khí ban sự sống và từ trời mà đến*. Bí tích Thánh Tẩy không đưa chúng ta từ bên này sang bên kia. Cho dù chúng ta rất mực trung thành trong đức tin, yếu tố A-đam trong chúng ta vẫn cứ lớn lên và trở nên mỗi ngày thêm “nặng cân” hơn, với những yếu đuối và cám dỗ ; nhưng đồng thời, “con người nội tâm” trong chúng ta (Rm 7,22) sẽ lớn mạnh hơn, là *con người từ trời* còn là thai nhi, chờ đợi giờ sinh ra thật sự.

Cái hư nát không thể thừa hưởng sự bất diệt được (c.50). Đây nói về sự đối chọi giữa cái chỉ có thể rửa nát, tan rã, và cái còn mãi, bất hủ, là điểm đặc thù của thế giới Thiên Chúa ngự (Rm 8,21). Nhưng các lựa chọn của chúng ta ảnh hưởng trên khả năng cảm nhận và hy vọng của chúng ta : ai đã chọn hưởng thụ đời sống hiện tại thì khó có thể tin vào thế giới mai sau.

Không phải tất cả chúng ta sẽ chết (c.51). Thánh Phao-lô nghĩ Chúa Ki-tô sắp sửa trở lại. Từ giả thiết này, và nói về những ai còn sống khi Chúa Ki-tô trở lại, ngài không nói họ sẽ “lên trời” với Chúa (một hình ảnh khá vật chất), nhưng sẽ được biến đổi, như chúng ta đã nói ở trên.

Thiên Chúa, vì Người đã cho chúng ta chiến thắng nhờ Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta.

⁵⁸ Bởi vậy, anh em thân mến, anh em hãy kiên

tâm bền chí, và càng ngày càng tích cực tham gia vào công việc của Chúa, vì biết rằng : trong Chúa, sự khó nhọc của anh em sẽ không trở nên vô ích.

KẾT LUẬN

Những lời dặn dò, thăm hỏi và lời cầu chúc cuối cùng.

16¹ Về việc quyên tiền giúp các người thuộc dân thánh, tôi đã truyền dạy cho các Hội Thánh ở Ga-lát như thế nào, thì anh em cũng làm như vậy.
² Ngày thứ nhất trong tuần, mỗi người trong anh em hãy để riêng ra những gì đã may mắn thu góp được, chứ đừng đợi khi tôi đến rồi mới quyên.
³ Khi tới, tôi sẽ cử những người được anh em chấp thuận đi Giê-ru-sa-lem, mang thư và quà anh em đã rộng rãi

quyên tặng.
⁴ Và nếu xét là tôi nên đi, thì họ sẽ cùng đi với tôi.

⁵ Tôi sẽ đến thăm anh em, sau khi ghé Ma-kê-đô-ni-a, bởi vì tôi sẽ đi qua đó.
⁶ Có lẽ tôi sẽ ở lại và qua mùa đông với anh em nữa, để anh em đưa tôi đến những nơi tôi sẽ đến.
⁷ Thật thế, tôi không muốn chỉ ghé qua thăm anh em mà thôi, nhưng còn hy vọng ở lại với anh em ít lâu, nếu Chúa cho phép.
⁸ Tôi sẽ ở lại Ê-phê-xô cho đến lễ Ngũ Tuần,
⁹ bởi vì ở đó cửa đã rộng mở cho tôi, để tôi hoạt

* 16,1 Về việc quyên góp này, x. Rm 15,25 và 2 Cr 8 – 9.

Ngày thứ nhất trong tuần (c.2 ; x. Cv 20,7). Thay vì ngày thứ bảy (tức ngày sa-bát của ông Mô-sê và của người Do-thái), Hội Thánh, ngay từ thời các Tông Đồ, đã giữ ngày kế tiếp, là ngày thứ nhất trong tuần và là chính ngày Chúa Ki-tô sống lại : ngày Chúa nhật, ngày của Chúa.

Đàng sau những lời chào thăm hỏi, chúng ta đoán được vài điều về những tín hữu đầu tiên đã truyền đạt đức tin cho chúng ta. Chúng ta có thể thấy rằng, mặc dầu còn yếu đuối, dân Ki-tô hữu ở Cô-rin-tô đã làm thành một Hội Thánh đích thực, bởi đó là một cộng đoàn có nhiều thành viên tích cực, cùng nhau tìm giải quyết các vấn đề của đời sống “trong Đức Giê-su Ki-tô” của cộng đoàn mình.

động, nhưng đối thủ cũng nhiều.

¹⁰ Anh Ti-mô-thê có đến, thì anh em hãy lo cho anh ấy ở với anh em mà không phải e ngại gì, vì anh ấy cũng làm việc Chúa như tôi. ¹¹ Vậy đừng có ai khinh anh ấy. Xin anh em đưa anh ấy trở về an toàn với tôi, vì tôi cùng các anh em ở đây đang chờ anh ấy.

¹² Còn về anh A-pô-lô, tôi đã tha thiết xin anh ấy đến thăm anh em cùng với các anh em khác. Nhưng lúc này anh ấy nhất định không chịu đi, anh ấy sẽ đi khi có dịp thuận tiện.

¹³ Hãy tỉnh thức, hãy đứng vững trong đức tin, hãy sống cho đáng bậc nam nhi và ăn ở kiên cường. ¹⁴ Hãy làm mọi sự vì đức ái.

¹⁵ Thưa anh em, tôi có một lời khuyên nữa, anh em biết gia đình Tê-pha-na : họ là những người đầu tiên trở lại đạo tại xứ A-khai-a và đã dẫn thân phục vụ dân thánh. ¹⁶ Anh em hãy tuân phục những người như thế và những

người cùng vất vả cộng tác với họ. ¹⁷ Tôi vui mừng vì có Tê-pha-na, Pho-tu-na-tô và A-khai-cô đến thăm, bởi vì họ thế cho anh em là những người vắng mặt.

¹⁸ Thật vậy, họ đã làm cho tinh thần của tôi và của anh em được bình an thanh thản. Vậy anh em hãy biết quý trọng những người như thế.

¹⁹ Các Hội Thánh A-xi-a gửi lời chào anh em. A-qui-la và Pơ-rít-ca cùng với Hội Thánh họp tại nhà họ gửi lời chào anh em trong Chúa. ²⁰ Tất cả các anh em ở đây gửi lời chào anh em. Anh em hãy hôn chào nhau một cách thánh thiện.

²¹ Chính tôi, Phao-lô, tự tay viết lời chào này.

²² Nếu ai không yêu mến Chúa thì là đồ khốn kiếp !

“Ma-ra-na tha !”

²³ Cầu chúc anh em đầy tràn ân sủng của Chúa Giê-su !

²⁴ Tôi thương mến tất cả anh em trong Đức Ki-tô Giê-su.

THƯ 2 GỬI TÍN HỮU CÔ-RIN-TÔ

DẪN NHẬP

Cuối thư thứ nhất gửi tín hữu Cô-rin-tô, thánh Phao-lô đã bày tỏ ước muốn sớm trở lại thăm viếng họ. Nhưng rồi ngài không thể trở lại và họ rất lấy làm phiền về điều đó.

Một số nhà giảng thuyết “thiên Do-thái giáo” đang tìm cách hạ thấp uy thế của thánh Phao-lô (họ là những người tuy đã đón nhận Tin Mừng nhưng không tán thành thánh Phao-lô khi ngài cho rằng Luật Mô-sê chỉ có tính cách giai đoạn). Ngài gửi một sứ giả đến và ông này bị tín hữu Cô-rin-tô xúc phạm nặng nề : một số thành viên giáo đoàn đã công khai chống đối ngài.

Ngài đáp lại bằng lá thư ngài viết mà nước mắt chan hoà (2,4), trong đó ngài buộc cộng đoàn phải phục tùng. Một trong số những trợ tá đắc lực nhất của thánh Phao-lô là ông Ti-tô mang lá thư đi, và đã thành công trong sứ vụ

của mình. Sau khi ông Ti-tô trở về, thánh Phao-lô yên tâm hơn, và đã gửi lá thư thứ hai này cho tín hữu Cô-rin-tô (thật ra đây là lá thư thứ ba hoặc thứ tư).

Nội dung của lá thư là gì ? Thừa trong đó, thánh Phao-lô viết những cảm nghĩ của mình về tín hữu Cô-rin-tô và nỗi khổ của mình trước những hiểu lầm của họ. Như thế là ít nhưng cũng là nhiều. Vì thánh nhân không thể nói về chính mình mà không nói đến Chúa Ki-tô. Ngài là một con người hay trăn trở, luôn mong được thông cảm và yêu mến ; ngài thấm nhuần tình yêu Chúa Ki-tô đến độ không thể thốt ra một mối nghi ngờ hay một lời khiển trách mà không nói lên những tư tưởng sâu sắc về đức tin. Khi biện minh cho chính mình, ngài viết ra những trang hay nhất, trình bày rao giảng Tin

*Mừng là làm sao, và làm
tông đồ Chúa Ki-tô có
nghĩa là gì.*

*Chúng ta sẽ thấy, trong
lá thư, có những trang
không thuộc về thư này,
mà có lẽ là những đoạn
trích từ những thư khác
hoặc những ghi chú ngắn*

*mà thánh Phao-lô đã gửi
cho giáo đoàn Cô-rin-tô.
Cách riêng là 6,14-18 có
thể đã được viết trước 1 Cr ;
ch. 9 (x. phần bình giải
9,1) ; các ch. 10 – 13 gồm
một phần đáng kể của lá
thư viết mà nước mắt chan
hoà (xem đoạn trên).*

THƯ 2 GỬI TÍN HỮU CÔ-RIN-TÔ

LỜI MỞ ĐẦU

Lời chào thăm. Lời cảm tạ.

1 ¹ Tôi là Phao-lô, bởi ý Thiên Chúa được làm Tông Đồ của Đức Ki-tô Giê-su, và Ti-mô-thê là người anh em, kính gửi Hội Thánh của Thiên Chúa ở Cô-rin-tô, cùng với mọi người trong dân thánh trong khắp miền A-khai-a. ² Xin Thiên Chúa là Cha chúng ta và xin Chúa Giê-su Ki-tô ban cho anh em ân sủng và bình an.

* ³ Chúc tụng Thiên Chúa là Thân Phụ Đức

Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta. Người là Cha giàu lòng từ bi lân ái, và là Thiên Chúa hằng sẵn sàng nâng đỡ ủi an. ⁴ Người luôn nâng đỡ ủi an chúng ta trong mọi cơn gian nan thử thách, để sau khi đã được Thiên Chúa nâng đỡ, chính chúng ta cũng biết an ủi những ai lâm cảnh gian nan khốn khó. ⁵ Vì cũng như chúng ta chia sẻ muôn vàn nỗi khổ đau của Đức Ki-tô, thì nhờ Người, chúng ta cũng được chứa chan niềm an ủi. ⁶ Chúng

* 1,3 Ngay từ đầu, thánh Phao-lô viết cho tín hữu Cô-rin-tô, là những người có một nếp sống khá trưởng giả, những trang miêu tả hoàn cảnh của ngài trong cương vị là người tông đồ của Chúa Ki-tô : sống rày đây mai đó, bị ngược đãi, yếu đau. Trong khi họ cảm thấy tự hào là một giáo đoàn đông đúc, đi tìm những nhà giảng thuyết đại tài (như sẽ thấy sau đây), thì bản thân ngài chia sẻ cuộc thương khó của Chúa Ki-tô. Ngài gợi ý cho họ hiểu rằng khi đến lượt họ phải chịu khổ vì Chúa, thì họ cũng sẽ được cảm nếm niềm an ủi đích thực Thiên Chúa ban.

Từ ngữ “an ủi” sẽ xuất hiện thường xuyên trong thư này. Thiên Chúa không thỏa mãn nếu chỉ dạy ta biết nhẫn nhục. Được an ủi là được cảm nghiệm sự hiện diện của Thiên Chúa, và có phần nào dựa trên những dấu chỉ cho biết Người đang hoạt động giữa chúng ta. Hai điều này đi đôi với nhau. Chúa Giê-su dạy ta cầu xin để được Chúa nhậm lời, và để khi được nhậm lời như thế, chúng ta cảm thấy an vui (Ga 16,24).

tôi có phải chịu gian nan, thì đó là để anh em được an ủi và được cứu độ. Chúng tôi có được an ủi, thì cũng là để anh em được an ủi, khiến anh em có sức kiên trì chịu đựng cùng những nỗi thống khổ mà chính chúng tôi phải chịu.⁷ Chúng tôi lấy làm an tâm về anh em, vì biết rằng anh em thông phần thống khổ với chúng tôi thế nào, thì cũng sẽ được thông phần an ủi như vậy.

⁸ Thật thế, thưa anh em, chúng tôi không muốn để anh em chẳng hay biết gì về nỗi gian truân chúng tôi đã gặp bên A-xi-a : chúng tôi đã phải chịu đựng quá mức, quá sức chúng tôi, đến nỗi chúng

tôi không còn hy vọng sống nổi.⁹ Nhưng chúng tôi đã mang án tử nơi chính bản thân rồi, để chúng tôi không tin tưởng vào chính mình, mà vào Thiên Chúa, Đấng làm cho kẻ chết trỗi dậy.¹⁰ Chính Người đã cứu và sẽ còn cứu chúng tôi khỏi một cái chết như thế. Người là Đấng chúng tôi trông cậy, Người sẽ còn cứu chúng tôi nữa.¹¹ Còn anh em, hãy lấy lời cầu nguyện mà trợ giúp chúng tôi. Như vậy, Thiên Chúa sẽ ban ơn cho chúng tôi nhờ lời cầu thay nguyện giúp của nhiều người ; và do đó, nhiều người sẽ cảm tạ Thiên Chúa vì Người đã thương chúng tôi.

I. NHẮC LẠI NHỮNG SỰ VIỆC ĐÃ XẢY RA

Lý do khiến ông Phao-lô thay đổi lộ trình

* ¹² Điều khiến chúng tôi tự hào là lương tâm chúng

tôi làm chứng rằng : chúng tôi lấy sự thánh thiện và chân thành Thiên Chúa ban mà cư xử với người ta ở đời, đặc biệt là với anh

* 1,12 Tín hữu Cô-rin-tô bất bình khi thấy thánh Phao-lô huỷ bỏ cuộc viếng thăm đã hứa. Ngài cảm thấy buộc phải thú nhận rằng ngài đã qua khỏi giai đoạn làm việc tông đồ theo những dự tính phàm trần. Ngài là người sống theo Thần Khí và không quyết định theo cách mà nhiều người khác thường làm. Thần Khí ngự trong ngài làm cho những quyết định của ngài được chín chắn và ngài biết ngài không cô đơn. Ngài sẽ không thuộc số những người quyết định hấp tấp hoặc rút lui vì thiếu tự tin.

em. Chúng tôi không cư xử theo lẽ khôn ngoan người đời, nhưng theo ân sủng của Thiên Chúa. ¹³ Thật thế, chúng tôi không viết cho anh em điều gì khác ngoài những điều anh em có thể đọc và hiểu được. Và tôi hy vọng anh em sẽ hiểu đến nơi đến chốn, ¹⁴ như anh em đã hiểu chúng tôi phần nào : chúng tôi là niềm vinh dự của anh em, cũng như anh em là niềm vinh dự của chúng tôi trong Ngày của Đức Giê-su, Chúa chúng ta.

¹⁵ Với lòng tin tưởng đó, tôi định đến với anh em trước để anh em được hưởng ân phúc lần thứ hai ; ¹⁶ rồi từ nơi anh em, tôi đi Ma-kê-đô-ni-a ; sau đó lại từ Ma-kê-đô-ni-a về với anh em, để anh em đưa tôi đi Giu-đê. ¹⁷ Dự tính như

thế, phải chăng tôi đã tỏ ra nhẹ dạ ? Hay điều tôi dự tính là dự tính theo kiểu người phàm, khiến tôi vừa nói “có” lại vừa nói “không” ? ¹⁸ Xin Thiên Chúa trung thành chứng giám cho chúng tôi ! Lời chúng tôi nói với anh em chẳng phải vừa là “có” vừa là “không”. ¹⁹ Vì Đức Ki-tô Giê-su, Con Thiên Chúa, Đấng mà chúng tôi, là Xin-va-nô, Ti-mô-thê và tôi, rao giảng cho anh em, đã không vừa là “có” vừa là “không”, nhưng nơi Người chỉ toàn là “có”. ²⁰ Quả thật, mọi lời hứa của Thiên Chúa đều là “có” nơi Người. Vì thế, cũng nhờ Người mà chúng ta hô lên “A-men” để tôn vinh Thiên Chúa. ²¹ Đấng củng cố chúng tôi cùng với anh em trong Đức Ki-tô và đã xức dầu cho chúng ta, Đấng ấy

Mọi lời hứa của Thiên Chúa đều là “có” nơi Người (c.20). Thiên Chúa hoàn tất lời hứa của Người khi sai Con của Người đến ở giữa chúng ta. Chúa Ki-tô cũng chỉ làm những gì Chúa Cha muốn. Như thế, Chúa Ki-tô là tiếng “xin vâng” thuần phục kế hoạch của Chúa Cha. Từ điểm này, thánh Phao-lô đưa ra những kết luận áp dụng cho người Ki-tô hữu. Khi được thanh tẩy, chúng ta đã thưa tiếng “xin vâng” đầu tiên với Chúa Ki-tô. Trong mỗi thánh lễ, chúng ta lặp lại cũng một tiếng “xin vâng” đó. Chữ “a-men” chúng ta thưa trong các kinh nguyện có nghĩa là “vâng, đúng là như thế”. Tương phản với tất cả những điều này là tội, chẳng khác gì đáp “không” với Chúa Ki-tô.

Chính Người đổ Thần Khí vào lòng chúng ta làm bảo chứng (c.22).
X. phần bình giải Ep 1,14.

là Thiên Chúa. ²² Chính Người cũng đã đóng ấn tín trên chúng ta và đổ Thần Khí vào lòng chúng ta làm bảo chứng.

* ²³ Phần tôi, có Thiên Chúa chứng giám, tôi xin lấy mạng sống mà thề rằng : chính vì nể anh em mà tôi đã không đến Cô-rin-tô nữa. ²⁴ Không phải là chúng tôi không chế đức tin của anh em ; trái lại, chúng tôi góp phần tạo niềm vui cho anh em, bởi vì đức tin của anh em đã vững rồi.

2 ¹ Vậy, tôi đã quyết định không trở lại với anh em trong lúc ưu phiền. ² Thật thế, nếu chính tôi gây ưu phiền cho anh em, thì ai là người làm cho tôi vui được, nếu không phải là kẻ ưu phiền vì tôi ? ³ Tôi đã viết trong thư như vậy là để khi đến, tôi khỏi phải ưu phiền vì chính những người đáng lẽ phải làm cho tôi vui, bởi vì đối với tất cả anh em, tôi xác tín rằng niềm vui của tôi

cũng là niềm vui của tất cả anh em. ⁴ Thật thế, tôi đã vô cùng đau khổ, con tim se thắt, nước mắt chan hoà khi viết cho anh em : tôi viết không phải để gây ưu phiền, nhưng là để cho anh em biết tôi hết lòng yêu mến anh em.

⁵ Nếu có ai đã gây ưu phiền, thì không phải là gây ưu phiền cho tôi, mà cho tất cả anh em, một phần nào đó – nói thế, kéo sợ quá lời. ⁶ Con người đó bị số đông phạt như thế là đủ rồi. ⁷ Vì vậy, tốt hơn, anh em phải tha thứ và an ủi, kẻ người đó bị chìm đắm trong nỗi ưu phiền quá mức chẳng. ⁸ Cho nên, đối với người đó, tôi khuyên anh em hãy đặt tình bác ái lên trên hết. ⁹ Thật thế, sở dĩ tôi đã viết thư cho anh em, là để thử anh em, xem anh em có vâng phục về mọi mặt chẳng. ¹⁰ Anh em tha thứ cho ai, thì tôi cũng tha thứ cho người ấy. Và nếu tôi đã tha thứ –trong trường

* 1,23 Ở đây thánh Phao-lô nhắc đến những lá thư viết trước lá thư này, như đã đề cập trong phần dẫn nhập. Chúng ta đã nói đến một lá thư trước có lẽ đã được lưu lại trong các ch. 10 – 13 của thư “thứ hai” này. Chẳng hạn ta có thể so sánh : *Không phải là chúng tôi không chế đức tin của anh em* (1,24) với 10,5-6 ; và *để khi đến, tôi khỏi phải ưu phiền* (2,3) với 12,21.

hợp phải tha thứ-, thì cũng là vì anh em, trước mặt Đức Ki-tô, ¹¹ kẻo chúng ta bị Xa-tan phỉnh gạt, vì chúng ta không lạ gì ý đồ của nó.

Từ Trô-a đến Ma-kê-đô-ni-a. Viết ra ngoài đề : về sứ vụ tông đồ.

¹² Khi tôi đến Trô-a rao giảng Tin Mừng Đức Ki-tô, dù cửa đã mở cho tôi để làm việc Chúa, ¹³ nhưng

tôi vẫn không yên lòng, vì không gặp Ti-tô, người anh em của tôi. Tôi từ giã những người ở đó để đi Ma-kê-đô-ni-a.

* ¹⁴ Tạ ơn Thiên Chúa, Đấng hằng cho chúng tôi tham dự cuộc khải hoàn trong Đức Ki-tô, tạ ơn Người là Đấng đã dùng chúng tôi mà làm cho sự nhận biết Đức Ki-tô, như hương thơm, lan tỏa khắp nơi. ¹⁵ Vì chúng tôi là

* ^{2,14} *Tạ ơn Thiên Chúa, Đấng hằng cho chúng tôi tham dự...* (c.14). Ở đây, thánh Phao-lô gợi nhớ hình ảnh cuộc khải hoàn của các tướng lãnh Rô-ma : các tù binh sắp phải chết bị lôi đi sau xa mã của họ. Thánh Phao-lô tự xem mình là “tù binh của Chúa Ki-tô” (Ep 4,1). Chúa đã cưỡng đoạt ngài (1 Cr 9,16), biến ngài làm tông đồ của Người. Chúng ta hiểu những lời này như hiểu trường hợp ngôn sứ Giê-rê-mi-a (20,7) : tiếng gọi không thể cưỡng lại được của Thiên Chúa thật ra mở đường dẫn tới một sự tự do cao đẹp hơn.

Cuộc khải hoàn là dịp dâng tiến trầm hương nghi ngút : mùi hương là dấu chỉ vinh quang dành cho người được tôn vinh như một thần linh, và cũng là dấu chỉ cái chết dành cho các tù nhân có mặt ở đó. Kiểu so sánh này cho phép thánh Phao-lô chuyển sang một hướng khác : *Đối với những người bị hư mất, chúng tôi là mùi tử khí đưa đến tử vong* (c.16). Tin Mừng phân loại người đời. Ngay cả khi chưa vào sâu Tin Mừng, họ vẫn có thể nhận định “hương vị” của Tin Mừng, nghĩa là nếp sống Ki-tô giáo. Một số người đặc biệt chú ý đến các đòi hỏi của đời sống Ki-tô giáo, và họ cảm thấy sống như thế là như “chết mòn”, là “toi mạng”. Một số người khác thì ngược lại, họ thêm có được sức mạnh huyền diệu tăng sức cho người tín hữu đang ở giữa bao thử thách, và họ nghiệm ra rằng sống như thế mới thật là “sống”.

Ai là người có khả năng thực hiện những điều ấy ? (c.16). Về mặt này, thánh Phao-lô cảm thấy mình hoàn toàn bất xứng. Ngài ước muốn mọi người nhận ra nơi ngài hình ảnh Chúa Ki-tô và tình yêu toả sáng của Người, nhưng ngài biết mình còn kém xa ! Ngược lại, những tông đồ giả thì đâu nghĩ như vậy : họ chỉ mong được tán thành, và dùng Lời Chúa để làm lợi cho mình bằng cách yểm đi những đòi hỏi của Lời Chúa. Những tông đồ này thì nổi danh và không bị ai bách hại.

hương thơm của Đức Ki-tô dâng kính Thiên Chúa, tỏa ra giữa những người được cứu độ cũng như những kẻ bị hư mất. ¹⁶ Đối với những người bị hư mất, chúng tôi là mùi tử khí đưa đến tử vong ; nhưng đối với những người được cứu độ, chúng tôi lại là hương sự sống đưa đến sự sống. Nhưng ai là người có khả năng thực hiện những điều ấy ? ¹⁷ Thật thế, chúng tôi không phải như nhiều người, những kẻ xuyên tạc Lời Chúa, mà với tư cách là những người trung thực, được Thiên Chúa sai đi, chúng tôi lên

tiếng trước mặt Người, trong Đức Ki-tô.

3 * ¹ Phải chăng chúng tôi lại bắt đầu tự giới thiệu mình ? Hoặc chẳng lẽ, như vài người, chúng tôi lại cần có thư giới thiệu chúng tôi với anh em, hoặc thư của anh em giới thiệu chúng tôi ? ² Thư giới thiệu chúng tôi là chính anh em. Thư ấy viết trong tâm hồn chúng tôi, mọi người đều biết và đã đọc. ³ Rõ ràng anh em là bức thư của Đức Ki-tô được giao cho chúng tôi viết, không phải viết bằng mực đen, nhưng bằng Thần Khí của Thiên Chúa

* 3,1 Những thầy dạy chống đối thánh Phao-lô xuất trình *thư giới thiệu* của cộng đoàn hay của một Tông Đồ nào đó, trong khi thánh Phao-lô dựa vào uy tín của chính mình chứ không nhờ cậy vào bất cứ ai. Chính Chúa Ki-tô làm cho ngài trở thành tông đồ như ngài đã nói ở nhiều chỗ khác.

Người ngoại giáo thời đó rất mực tôn kính và trân trọng các tư tế của họ, và người Do-thái cũng làm như vậy. Toàn bộ Kinh Thánh đã tô đậm cái vinh hạnh lớn lao được giảng dạy Lễ Luật của Thiên Chúa, và nhất là vai trò độc nhất vô nhị của ông Mô-sê, người đã nhận lãnh Lễ Luật từ chính Thiên Chúa trên núi Xi-nai. Thế mà người tông đồ của Chúa Ki-tô còn cao trọng hơn tất cả những vị ấy nữa.

Việc phục vụ Thần Khí không được vinh quang hơn sao ? (c.8). Như thánh Phao-lô đã nêu rõ trong Rm 7,1-13, nếu chỉ giảng dạy Lễ Luật, như các tư tế Do-thái giáo, thì đâu giúp gì được nhiều cho ai, bởi vì loài người, vốn là tội nhân, đâu tuân giữ luật và đáng bị trừng phạt. Trong khi đó người tông đồ giúp người tín hữu đi vào tình hiệp thông sống động với Chúa Ki-tô và Thần Khí của Người, nhờ thế mà từ đây họ có thể thông phần sự sống của Người. Các tông đồ và thừa tác viên của Hội Thánh có một vai trò hết sức cao cả nếu lời nói và việc làm của họ giúp mọi người đạt tới sự sống mới của Chúa Phục Sinh.

hàng sống, không phải ghi trên những tấm bia bằng đá, nhưng trên những tấm bia bằng thít, tức là lòng người.

⁴ Nhờ Đức Ki-tô, chúng tôi dám tin tưởng vào Thiên Chúa như vậy.

⁵ Không phải vì tự chúng tôi, chúng tôi có khả năng để nghĩ rằng mình làm được gì, nhưng khả năng của chúng tôi là do ơn Thiên Chúa, ⁶ Đáng ban cho chúng tôi khả năng phục vụ Giao Ước Mới, không phải Giao Ước cũ trên chữ viết, nhưng dựa vào Thần Khí. Vì chữ viết thì giết chết, còn Thần Khí mới ban sự

sống. ⁷ Nếu việc phục vụ Lê Luật –thứ Lê Luật chỉ đưa đến sự chết và được khắc ghi từng chữ trên những bia đá— mà được vinh quang đến nỗi dân Ít-ra-en không thể nhìn mặt ông Mô-sê được, vì mặt ông chói lọi vinh quang—dù đó chỉ là vinh quang chóng qua—, ⁸ thì việc phục vụ Thần Khí lại không được vinh quang hơn sao ? ⁹ Vì việc phục vụ án chết mà còn được vinh quang như thế, thì việc phục vụ đức công chính lại chẳng vinh quang hơn lắm sao ? ¹⁰ So với vinh quang tuyệt vời này, thì vinh quang xưa kia chẳng vinh quang gì.

Trong cc. 7-13, thánh Phao-lô nhắc đến các truyền thống gặp thấy trong sách Xuất hành (Xh 34,29-35). Những truyền thống này đề cao vinh quang của ông Mô-sê, nhưng thánh Phao-lô thì lấy đó để chứng minh rằng các Tông Đồ của Chúa Ki-tô còn cao trọng hơn. Có đoạn nói gương mặt ông Mô-sê chói lọi vinh quang khi ông xuống núi sau cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa, nhưng thánh Phao-lô lưu ý rằng đó chỉ là một vinh quang chóng qua. Ông Mô-sê phải lấy khăn che mặt vì mặt ông quá sáng chói, nhưng thánh Phao-lô ghi chú rằng khi mà còn phải dùng đến một chiếc khăn che thì rõ là Thiên Chúa chưa mặc khải trọn vẹn chính mình.

Thánh Phao-lô nhấn mạnh sự mù loà của người Do-thái, vì họ không nhìn nhận Chúa Ki-tô là Đáng Cứu Thế Thiên Chúa đã hứa ban. Họ đã đánh mất chìa khoá giúp đọc lịch sử của mình, và đối với họ thì Kinh Thánh vẫn còn là một cuốn sách niêm phong, cho đến ngày mà thông qua Chúa Ki-tô, Thiên Chúa ban cho họ được hiểu ý nghĩa đích thực của Kinh Thánh (Lc 24,27 ; Kh 5,1). Toàn bộ lịch sử của họ phải được hiểu như một mâu nhiệm chết và sống lại. Để bước vào Giao Ước Mới, họ phải đón tiếp Chúa Ki-tô, không kể đến các đặc ân riêng của mình, và trở nên môn đệ của Chúa Ki-tô cùng với các dân tộc khác.

¹¹ Thật vậy, nếu cái chóng qua mà còn được vinh quang, thì cái còn mãi lại chẳng vinh quang hơn sao ?

¹² Vì có một niềm hy vọng như thế mà chúng ta thật vững dạ an lòng.

¹³ Chúng ta không làm như ông Mô-sê lấy màn che để dân Ít-ra-en khỏi thấy khi nào cái chóng qua kia chấm dứt. ¹⁴ Nhưng trí họ đã ra mê muội. Thật vậy, cho đến ngày nay, khi họ đọc Cựu Ước, tấm màn ấy vẫn còn, chưa được vén lên, vì chỉ trong Đức Ki-tô, tấm màn ấy mới được vớt bỏ. ¹⁵ Phải, cho đến nay,

mỗi khi họ đọc sách ông Mô-sê, tấm màn vẫn che phủ lòng họ. ¹⁶ Nhưng khi người ta quay lại với Chúa, thì tấm màn mới được cất đi. ¹⁷ Chúa là Thần Khí, và ở đâu có Thần Khí của Chúa, thì ở đó có tự do. ¹⁸ Tất cả chúng ta, mặt không che màn, chúng ta phản chiếu vinh quang của Chúa như một bức gương ; như vậy, chúng ta được biến đổi nên giống cũng một hình ảnh đó, ngày càng trở nên rực rỡ hơn, như do bởi tác động của Chúa là Thần Khí.

4 * ¹ Bởi thế, vì Thiên Chúa đoái thương giao

Chúng ta không làm như ông Mô-sê (c.13). Thật là một khẳng định táo bạo ! Ông Mô-sê là người đã thành lập dân Do-thái và là quyền bính tối cao trong Kinh Thánh ! Sự thật thì ngay kẻ nhỏ nhất trong dân Ki-tô hữu cũng phản chiếu tỏ tường vinh quang của Chúa. Người Ki-tô hữu là ánh sáng Chúa Ki-tô, và thời xưa, người ta gọi những người đã được thanh tẩy là “người được chiếu sáng”.

Chúa là Thần Khí. Thánh Phao-lô nói thế hai lần ở cc. 17 và 18. Ngài không lẫn lộn “Chúa”, “Ki-tô”, với Thần Khí, nhưng chơi chữ với “tinh thần” (hay “thiên thiêng”) và “Thần Khí”, vốn là cùng một chữ trong tiếng Hy-lạp. Ngài nhắc lại rằng ai *quay lại với Chúa* (c.16) thì vượt khỏi cấp độ thứ nhất của lòng tin (thánh Phao-lô gọi là *chữ viết*), nói mà trước đây họ đã tìm gặp Thiên Chúa qua lề luật và việc giữ luật. Người đó bước vào tuổi trưởng thành của đời sống thiên thiêng, khi mà, nhờ Thần Khí Thiên Chúa, ta được biết ta và hành xử với Thiên Chúa như những người con thảo và những người tự do. Như vậy ý thánh Phao-lô muốn nói là : tìm gặp Thiên Chúa là lãnh nhận Thần Khí và bước vào đời sống thiên thiêng (x. Rm 2,29).

* 4,1 Ở đây cần làm nổi bật một số nét chân dung của người tông đồ mà thánh Phao-lô đã phác họa :

cho chúng tôi công việc phục vụ, nên chúng tôi không sờn lòng nản chí. ² Trái lại, chúng tôi khước từ những cách hành động ám muội, đáng xấu hổ, và không dùng mưu mô mà xử trí, cũng chẳng xuyên tạc lời Thiên Chúa ; nhưng chúng tôi giải bày sự thật, và bằng cách đó, chúng tôi để cho lương tâm mọi người phê phán trước mặt Thiên Chúa. ³ Tin Mừng chúng tôi rao giảng có bị che khuất, thì chỉ bị che khuất đối với những người hư mất, ⁴ đối với những kẻ không tin. Họ không tin, vì tên ác thần của đời này đã làm cho tâm trí họ ra mù quáng, khiến họ không thấy bừng sáng lên Tin Mừng nói về vinh quang của Đức Ki-tô, là hình ảnh

Thiên Chúa. ⁵ Bởi chúng tôi không rao giảng chính mình, mà chỉ rao giảng Đức Ki-tô Giê-su là Chúa ; còn chúng tôi, chúng tôi chỉ là tôi tớ của anh em, vì Đức Giê-su. ⁶ Quả thật, xưa Thiên Chúa đã phán : *Ánh sáng hãy bừng lên từ nơi tối tăm !* Người cũng làm cho ánh sáng chiếu soi lòng trí chúng tôi, để tỏ bày cho thiên hạ được biết vinh quang của Thiên Chúa rạng ngời trên gương mặt Đức Ki-tô.

Gian truân và hy vọng trong công việc tông đồ

⁷ Nhưng kho tàng ấy, chúng tôi lại chứa đựng trong những bình sành, để chúng tỏ quyền năng phi thường phát xuất từ Thiên Chúa, chứ không phải từ

– Chúng tôi không chịu thua, không mất tinh thần.

– Chúng tôi không mưu mẹo cũng không xuyên tạc sứ điệp của Thiên Chúa.

– Chúng tôi chỉ là những người tôi tớ của anh em.

– Mọi người hãy khám phá nơi chúng tôi vinh quang của Thiên Chúa rạng ngời trên gương mặt Chúa Ki-tô.

– Chúng tôi chịu chết cái chết của Chúa Giê-su để sự sống của Người được biểu lộ nơi chúng tôi.

– Chúng tôi tin nên chúng tôi nói.

Kho tàng ấy, chúng tôi lại chứa đựng trong những bình sành (c.7). Thiên Chúa thường dùng những công cụ yếu kém để thực hiện kế hoạch của Người. Nhà văn Graham Greene đã nổi tiếng với tác phẩm “Sức mạnh và Vinh quang”, cho thấy một linh mục làm được những nghĩa cử anh dũng mặc dầu đầy dẫy những lỗi lầm cá nhân.

chúng tôi. ⁸ Chúng tôi bị dồn ép tư bề, nhưng không bị đè bẹp ; hoang mang, nhưng không tuyệt vọng ; ⁹ bị ngược đãi, nhưng không bị bỏ rơi ; bị quật ngã, nhưng không bị tiêu diệt. ¹⁰ Chúng tôi luôn mang nơi thân mình cuộc thương khó của Đức Giê-su, để sự sống của Đức Giê-su cũng được biểu lộ nơi thân mình chúng tôi.

¹¹ Thật vậy, tuy sống, chúng tôi hằng bị cái chết đe dọa vì Đức Giê-su, để sự sống của Đức Giê-su cũng được biểu lộ nơi thân xác phải chết của chúng tôi. ¹² Như thế, sự chết hoạt động nơi chúng tôi, còn sự sống thì lại hoạt động nơi anh em.

¹³ Vì có được cùng một lòng tin, như đã chép : *Tôi đã tin, nên tôi mới nói*, thì chúng tôi cũng tin, nên chúng tôi mới nói. ¹⁴ Quả thật, chúng tôi biết rằng Đấng đã làm cho Chúa Giê-su trỗi dậy cũng sẽ làm cho chúng tôi được trỗi dậy với Chúa Giê-su, và đặt chúng tôi bên hữu Người cùng với anh em.

¹⁵ Thật vậy, tất cả những điều ấy xảy ra là vì anh em. Như thế, ân sủng càng dồi dào, thì càng có đông người hơn dâng lên Thiên Chúa muôn ngàn lời cảm tạ, để tôn vinh Người.

* ¹⁶ Cho nên chúng tôi không chán nản. Trái lại, dù con người bên ngoài của chúng tôi có tiêu tan đi,

Tuy sống, chúng tôi hằng bị cái chết đe dọa vì Đức Giê-su (c.11). Người tông đồ cần phải “chết đi” để sự nghiệp của mình được sống mãi. Một công việc tốt đẹp nào đó vừa được thực hiện ở một tuyến nào đó của Hội Thánh, thì có thể chính lúc đó lại có một sự ngược đãi, hoặc có lệnh phải vâng phục những vị lãnh đạo có thẩm quyền, mặc dù trong thực tế các vị này có thể xử bất công hoặc sai lầm. Không có gì lớn lên mà không khỏi bước qua cái chết.

* 4,16 Thánh Phao-lô vừa khẳng định lại đức tin của mình ; trong vài phút ngài giải bày cảm nghĩ của ngài, bởi đang phải đương đầu với trăm ngàn nguy hiểm và trở ngại.

Dù con người bên ngoài... thì con người bên trong (c.16). Với hai cùm từ này, thánh Phao-lô gợi nhớ điều ngài đã nói ở Rm 8,10-11. Trong đoạn này, ngài cho đối lập “thể xác” với “tinh thần”, cũng như ở đây ngài cho đối lập *con người bên ngoài* với *con người bên trong*. Nhưng ở đây, ngài bày tỏ kinh nghiệm kỳ lạ chính ngài đã trải qua : được khám phá sự hiện diện của Thiên Chúa tác động ngày càng mạnh mẽ hơn nơi mình, đồng thời lại cảm thấy bị hao mòn quá sớm.

thì con người bên trong của chúng tôi ngày càng đổi mới. ¹⁷ Thật vậy, một chút gian truân tạm thời trong hiện tại sẽ mang lại cho chúng ta cả một khối vinh quang vô tận, tuyệt vời. ¹⁸ Vì thế, chúng ta mới không chú tâm đến những sự vật hữu hình, nhưng đến những thực tại vô hình. Quả vậy, những sự vật hữu hình thì chỉ tạm thời, còn những thực tại vô hình mới tồn tại vĩnh viễn.

5 ¹ Quả thật, chúng ta biết rằng : nếu ngôi nhà của chúng ta ở dưới đất, là chiếc lều này, bị phá huỷ đi, thì chúng ta có một nơi ở do Thiên Chúa dựng lên, một ngôi nhà

vĩnh cửu ở trên trời, không do tay người thế làm ra.

² Do đó, chúng ta rên siết là vì những ước mong được thấy ngôi nhà thiên quốc của chúng ta phủ lên chiếc lều kia, ³ miễn là chúng ta có mặc áo, chứ không phải trần trụi. ⁴ Thật thế, bao lâu còn ở trong chiếc lều này, chúng ta rên siết, khổ tâm vì không muốn cởi bỏ cái này, nhưng lại muốn trùm thêm lên mình cái kia, để cho cái phải chết tiêu tan trong sự sống.

⁵ Đáng đã tạo thành chúng ta vì mục đích ấy chính là Thiên Chúa, Người đã ban Thần Khí cho chúng ta làm bảo chứng.

⁶ Vậy chúng tôi luôn mạnh dạn, và chúng tôi

Trong tình cảnh này, liệu thánh Phao-lô có sống tới ngày được nhìn thấy Chúa Ki-tô trở lại, như ngài đã hy vọng vài năm trước đó không (1 Tx 4,15) ? Ngài đã từng tha thiết mong sao thân xác vinh quang của ngài sẽ thay thế *chiếc lều ở dưới đất* (5,2 ; x. 1 Cr 15,52). Nhưng giờ đây ngài lại nghi ngờ : ngày qua ngày, càng thấy rõ hơn rằng có thể ngài sẽ phải nếm cái chết mà ngài ghê tởm, chia sẻ số phận những kẻ đã phải lột bỏ chiếc áo xác thịt của mình mà trông chờ ngày được sống lại.

Ngài không hề nghi ngờ rằng khi chết ngài sẽ gặp Chúa Ki-tô (so sánh 5,8 với Pl 1,23 và Kh 14,13). Như một số người nói, chúng ta vẫn hiện hữu cho đến ngày chúng ta sống lại.

Vậy chúng tôi luôn mạnh dạn (c.6). Không phải vì có một đức tin vững vàng mà người ta hết sợ cái chết, niềm tin ấy có lẽ còn đưa ra thêm những lý do làm tăng nỗi sợ hãi nữa. Chúa Giê-su đã trải qua một cơn hấp hối lạ kỳ trước khi bị bắt. Nhưng cơn thử thách này chỉ là tạm thời và đức tin lại giúp vững dạ an lòng : “Ai có thể tách ta ra khỏi tình yêu của Đức Ki-tô ?” (Rm 8,35-39).

biết rằng : ở lại trong thân xác này là lưu lạc xa Chúa, ⁷ vì chúng ta tiến bước nhờ lòng tin chứ không phải nhờ được thấy Chúa... ⁸ Vậy, chúng tôi luôn mạnh dạn, và điều chúng tôi thích hơn, đó là lìa bỏ thân xác để được ở bên Chúa. ⁹ Nhưng, dù còn ở trong thân xác hoặc đã lìa bỏ thân xác, chúng tôi chỉ có một tham vọng là làm đẹp lòng Người. ¹⁰ Vì tất cả chúng ta đều phải được đưa ra ánh sáng, trước toà Đức Ki-tô, để mỗi người lãnh nhận những gì tương xứng với các việc tốt hay

xấu đã làm, khi còn ở trong thân xác.

Thi hành sứ vụ tông đồ

* ¹¹ Vậy, vì biết kính sợ Chúa, chúng tôi cố gắng thuyết phục người ta ; còn đối với Thiên Chúa, thì mọi sự nơi chúng tôi đều lộ trần trước mặt Người. Và tôi hy vọng rằng mọi sự nơi chúng tôi cũng lộ trần như vậy trước lương tâm của anh em. ¹² Chúng tôi không nói hay cho mình để tự giới thiệu một lần nữa với anh em, nhưng cho anh em một cơ hội tự hào về chúng tôi, để anh

* 5,11 Có nhiều cách nhận thức đức tin. Mỗi người chúng ta nhạy cảm hơn với khía cạnh này hay khía cạnh nọ của đời sống Ki-tô giáo. Thánh Phao-lô thì nhận thấy nơi Chúa Ki-tô vị sứ giả cao cả và tác nhân của cuộc hoà giải.

Xác tín đầu tiên của ngài là với cái chết của Chúa Ki-tô, một kỷ nguyên mới đã mở ra cho nhân loại đã bị phân hoá. *Nếu một người đã chết thay cho mọi người, thì mọi người đều chết* (c.14), nghĩa là toàn bộ lịch sử và vốn liếng khôn ngoan minh triết của loài người trước đó đã quá thời, và bây giờ Thiên Chúa hoạt động giữa loài người chúng ta theo những cách thức khác.

Chúng tôi không còn biết một ai theo quan điểm loài người (c.16). Thánh Phao-lô gửi gắm một vài nỗi lòng của mình. Những người chung quanh yêu mến ngài, mặc dù có khi họ gây khó khăn cho ngài ; và trong Hội Thánh ai ai cũng có bạn tri kỷ, những người mình có thể tin cậy. Thánh Phao-lô yêu mến họ, nhưng chắc chắn là không yêu như họ. Trước hết, ngài đón nhận họ theo quan điểm khác, và không bị chi phối (như các tín hữu Cô-rin-tô) bởi dáng vẻ bên ngoài của những người giỏi khoa ăn nói (c.12). Kế đến, ngài càng được Chúa Ki-tô thu hút bao nhiêu thì cảm tính của ngài càng được đổi mới bấy nhiêu : ngài yêu thương họ như Thiên Chúa yêu thương họ, yêu thương nơi họ những con người đẹp ý Thiên Chúa.

em có thể trả lời cho những ai chỉ biết kêu hãnh về những vẻ bề ngoài, chứ không phải về những gì trong tâm hồn.¹³ Thật vậy, chúng tôi có điên, thì cũng là vì Thiên Chúa ; chúng tôi có khôn, thì cũng là vì anh em.¹⁴ Tình yêu Đức Ki-tô thôi thúc chúng tôi, vì chúng tôi nghĩ rằng : nếu một người đã chết thay cho mọi người, thì mọi người đều

chết.¹⁵ Đức Ki-tô đã chết thay cho mọi người, để những ai đang sống không còn sống cho chính mình nữa, mà sống cho Đấng đã chết và sống lại vì mình.

¹⁶ Vì thế, từ đây chúng tôi không còn biết một ai theo quan điểm loài người. Và cho dù chúng tôi đã được biết Đức Ki-tô theo quan điểm loài người, thì giờ đây chúng tôi không

Cho dù chúng tôi đã được biết Đức Ki-tô theo quan điểm loài người (c.16). Thánh Phao-lô không còn xem Chúa Ki-tô như một nhà giảng thuyết gốc Ga-li-lê chỉ đóng khung trong nếp sống Do-thái giáo nữa, nhưng như là Đấng hướng dẫn lịch sử. Chắc chắn ngài cũng ám chỉ một số những đối thủ tự cho mình là trội hơn ngài vì họ được biết Chúa Giê-su hoặc là có họ hàng với Người. Ngài nói với họ : “Chúng ta” (nghĩa là : Các anh) phải nhìn Chúa Giê-su với cái nhìn khác : đừng có nhìn Người như một người anh em họ hàng của các anh !

Phàm ai ở trong Đức Ki-tô đều là thụ tạo mới (c.17) : trước tiên là vì đối với thánh Phao-lô, những rào cản chia cắt và phân ly giữa người với người đã không còn nữa (x. Gl 3,27 ; Ep 2,14-16). Tiếp đến là vì ngài không chiều theo những ước vọng phàm trần, nhưng theo Thần Khí của Thiên Chúa, Đấng tái tạo ngài từng giây từng phút (Gl 5,13-21).

Trong Đức Ki-tô, Thiên Chúa đã cho thế gian được hoà giải với Người (c.19). Nhiều người thích nói rằng : Chúa Giê-su là tình yêu. Đúng là vậy, nhưng chúng ta đừng quên rằng tình yêu này là tình yêu Chúa Giê-su đáp trả tình yêu Chúa Cha, Đấng muốn cho ta được hoà giải với Người. Chúng ta phải dứt bỏ quan niệm một Thiên Chúa “đầy phần nộ” mà Chúa Giê-su cố gắng xoa dịu (Rm 3,25).

Trao cho chúng tôi chức vụ hoà giải (c.18). Người Ki-tô hữu đâu bằng lòng nếu chỉ biết ca tụng Thiên Chúa, và nguyện vọng cao nhất của họ đâu phải là tìm được một cộng đoàn để mến. Họ góp phần trong công cuộc hoà giải toàn thể nhân loại, một công việc đòi hỏi phải vạch trần những bất công và tội lỗi cũng như phải nỗ lực vượt qua tất cả những thứ ấy. Ngày nay, Hội Thánh dạy chúng ta nhiều điều về vấn đề này, để giúp chúng ta hiểu rõ hơn sứ mạng của mình trong thế giới, và trong những xung đột và căng thẳng giữa các quốc gia.

còn biết Người như vậy nữa. ¹⁷ Cho nên, phàm ai ở trong Đức Ki-tô đều là thụ tạo mới. Cái cũ đã qua, và cái mới đã có đây rồi. ¹⁸ Mọi sự ấy đều do bởi Thiên Chúa là Đấng đã nhờ Đức Ki-tô mà cho chúng ta được hoà giải với Người, và trao cho chúng tôi chức vụ hoà giải. ¹⁹ Thật vậy, trong Đức Ki-tô, Thiên Chúa đã cho thế gian được hoà giải với Người. Người không còn chấp tội nhân loại nữa, và giao cho chúng tôi công bố lời hoà giải. ²⁰ Vì thế, chúng tôi là sứ giả thay

mặt Đức Ki-tô, như thể chính Thiên Chúa dùng chúng tôi mà khuyên dạy. Vậy, nhân danh Đức Ki-tô, chúng tôi nài xin anh em hãy làm hoà với Thiên Chúa. ²¹ Đáng chẳng hề biết tội là gì, thì Thiên Chúa đã biến Người thành hiện thân của tội lỗi vì chúng ta, để làm cho chúng ta nên công chính trong Người.

6 ¹ Vì được cộng tác với Thiên Chúa, chúng tôi khuyên nhủ anh em : anh em đã lãnh nhận ân huệ của Thiên Chúa, thì đừng để trở nên vô hiệu. ² Quả

Chúng tôi là sứ giả thay mặt Đức Ki-tô (c.20). Lời này không chỉ áp dụng cho các Tông Đồ và thánh Phao-lô, mà còn cho chúng ta nữa, mỗi khi chúng ta thăm viếng bệnh nhân, những người cùng khổ, khi chúng ta vượt qua mọi nghi ngờ để đến với anh em chị em, nhằm tạo một bầu khí tin tưởng nhau. Nhờ thế, chúng ta nhanh chóng đan kết mỗi dây thân ái với người khác, những người đang có cùng những vấn đề như ta nhưng thường tự đóng kín, chỉ biết có mình.

Đáng chẳng hề biết tội là gì, thì Thiên Chúa đã biến Người thành hiện thân của tội lỗi (c.21). Thật khó diễn dịch lời này của thánh Phao-lô, vì rõ ràng ngài nói theo văn hoá Híp-ri, trong đó một chữ duy nhất có nghĩa vừa là tội vừa là vật hy sinh gánh lấy tội ấy. Thánh Phao-lô nhắc lại mẫu nhiệm Thập Giá : cuộc hoà giải không thể hiện được nếu không có những vật tự hiến mình mang lấy những hiểm thù và tội lỗi của nhân loại.

* **6,3** Người tông đồ Chúa Ki-tô mang một dấu chỉ riêng biệt là sự tương phản giữa cái kho tàng được giao cho ông lưu giữ cho người khác, và cuộc đời của ông không có gì đáng thêm muốn và thật cũng không ai thêm muốn. Như Chúa Giê-su, người tông đồ là “dấu hiệu cho người đời chống báng” (Lc 2,34). Thánh Phao-lô nhắc lại những gì ngài đã phải chịu đựng, nhưng ngài không giấu niềm tự hào và xác tín của mình : *Chúng tôi làm cho bao người trở nên giàu có, và chúng tôi có tất cả (c.10).*

thế, Chúa phán rằng : *Ta đã nhậm lời người vào thời Ta thi ân, phù trợ người trong ngày Ta cứu độ.* Vậy, đây là thời Thiên Chúa thi ân, đây là ngày Thiên Chúa cứu độ. *³ Phần chúng tôi, chúng tôi chẳng làm gì gây có cho ai vấp phạm, để không người nào có thể đàm tiếu về công việc phục vụ của chúng tôi.⁴ Trái lại, trong mọi sự, chúng tôi luôn chứng tỏ mình là những thừa tác viên của Thiên Chúa : gian nan, khốn quẫn, lo âu,⁵ đòn vọt, tù tội, loạn ly, nhọc nhằn, vất vả, mất ăn mất ngủ, chúng tôi đều rất mực kiên trì chịu đựng.⁶ Chúng tôi còn chứng tỏ điều đó bằng cách ăn ở trong sạch, khôn khéo, nhẫn nhục, nhân hậu, bằng một tinh thần thánh thiện, một tình thương không giả dối,⁷ bằng lời chân lý, bằng sức mạnh của Thiên Chúa. Chúng tôi lấy sự công chính làm vũ khí tấn công và tự vệ,⁸ khi vinh cũng như khi nhục, lúc được tiếng tốt cũng như khi mang tiếng xấu. Bị coi là

bị bọm, nhưng kỳ thực chúng tôi chân thành ;⁹ bị coi là vô danh tiểu tốt, nhưng kỳ thực chúng tôi được mọi người biết đến ; bị coi là sắp chết, nhưng kỳ thực chúng tôi vẫn sống ; coi như bị trừng phạt, nhưng kỳ thực không bị giết chết ;¹⁰ coi như phải ưu phiền, nhưng kỳ thực chúng tôi luôn vui vẻ ; coi như nghèo túng, nhưng kỳ thực chúng tôi làm cho bao người trở nên giàu có ; coi như không có gì, nhưng kỳ thực chúng tôi có tất cả.

Ông Phao-lô thố lộ tâm tình và cảnh cáo

¹¹ Thưa anh em người Cô-rin-tô, chúng tôi đã chân thành ngỏ lời với anh em, chúng tôi đã mở rộng tấm lòng.¹² Chúng tôi không hẹp hòi với anh em đâu, nhưng chính lòng dạ anh em hẹp hòi.¹³ Vậy anh em hãy đền đáp chúng tôi ; tôi nói với anh em như nói với con cái : anh em cũng hãy mở rộng tấm lòng.

Lời ngỏ thống thiết bắt đầu từ cc. 11-13 và sẽ tiếp tục ở 7,2-16. Ta sẽ đọc phần bình giải ở đoạn đó.

¹⁴ Anh em đừng mang chung một ách với những kẻ không tin. Thật thế, làm sao sự công chính lại liên kết được với sự bất chính ? Làm sao ánh sáng lại dung hoà được với bóng tối ? ¹⁵ Làm sao Đức Ki-tô lại hoà hợp được với Bê-li-a ? Làm sao người tin lại chung phần được với người không tin ? ¹⁶ Làm sao đền thờ Thiên Chúa lại đi đôi với tà thần được ? Vì chính chúng ta là đền thờ của Thiên Chúa hằng sống, như lời Người phán : *Ta sẽ đến cư ngụ và đi đi lại lại giữa họ. Ta sẽ là Thiên Chúa của họ, và họ sẽ là dân riêng của Ta.*

¹⁷ *Vì thế, hãy ra khỏi dân ấy, hãy rời xa chúng – Chúa phán như vậy. Đừng có đụng tới vật ô uế nào, và Ta sẽ đón nhận các ngươi.*
¹⁸ *Ta sẽ là Cha các ngươi, và các ngươi sẽ là con trai, con gái của Ta. Chúa toàn năng phán như vậy.*

7 ¹ Anh em thân mến, vì nắm được những lời hứa ấy, nên chúng ta hãy tẩy rửa hồn xác cho sạch mọi vết nhơ, và đem lòng kính sợ Thiên Chúa mà lo đạt tới mức thánh thiện hoàn toàn.

* ² Anh em hãy dành cho chúng tôi một chỗ trong lòng anh em. Chúng tôi đã không làm hại ai, không

* 6,14 Đoạn này cắt ngang mạch văn của diễn từ. Xin đọc tiếp 6,13 ở 7,2. Đừng để mình liên lụy với kẻ xấu : lời khuyên cáo đột ngột này muốn nói lên điều gì ?

Trong thư “thứ nhất” gửi tín hữu Cô-rin-tô (1 Cr 5,9), thánh Phao-lô nhắc lại những gì ngài đã viết trước đó : ngài yêu cầu họ chớ có giao thiệp với những người sống vô luân. Rất có thể là đoạn này chép lại đoạn thư ấy. Chính thánh Phao-lô giải thích cho chúng ta biết phải hiểu những dòng đó như thế nào, khi ngài viết trong 1 Cr 5,10 : “Tôi không nói chung về những kẻ dâm dăng ở thế gian này (nếu vậy thì anh em phải ra khỏi thế gian), nhưng là... đừng đi lại với kẻ nào mang danh là người anh em mà cứ dâm dăng.”

* 7,2 Anh em hãy dành cho chúng tôi một chỗ trong lòng anh em. Ở đây, một lần nữa, chúng ta thấy được phần cảm tính của thánh Phao-lô. Vị thừa sai không hề mệt mỏi này, không bao giờ bỏ cuộc hay nản chí, cũng đồng thời là người rất tình cảm. Ngài nhắc lại sự cố mà chúng ta đã nói đến trong phần Dẫn nhập. Nhờ lá thư nói trên của thánh Phao-lô, với lời lẽ chắc phải cứng cỏi lắm, tín hữu Cô-rin-tô đã hối cải, đã nghe theo ngài và chỉnh lại những người đã công kích ngài.

làm cho ai phải sạt nghiệp, không bóc lột ai.
³ Tôi nói thế không phải để lên án anh em, vì tôi đã từng nói : anh em hằng ở trong lòng chúng tôi, sống chết chúng ta đều có nhau. ⁴ Tôi rất tin tưởng anh em, tôi rất hãnh diện về anh em. Tâm hồn tôi chứa chan niềm an ủi và tràn ngập nỗi vui mừng trong mọi cơn gian nan khốn khó.

Ông Phao-lô gặp lại ông Ti-tô ở Ma-kê-đô-ni-a

⁵ Thật thế, khi đến Ma-kê-đô-ni-a, thân xác chúng tôi chẳng được nghỉ ngơi chút nào ; trái lại, ở đâu cũng gặp gian nan khốn khó : bên ngoài phải chiến đấu, bên trong phải lo sợ. ⁶ Nhưng Thiên Chúa, Đấng an ủi những kẻ yếu hèn, đã an ủi chúng tôi bằng cách sai anh Ti-tô đến. ⁷ Chúng tôi được an ủi không những vì anh Ti-tô đến, mà còn vì anh ấy đã được anh em an ủi. Anh ấy đã cho chúng tôi biết là anh em nóng lòng mong đợi, buồn phiền, nhưng vẫn đầy nhiệt tình đối với tôi, khiến tôi càng vui mừng hơn nữa.

⁸ Dù trong bức thư trước tôi có làm cho anh em phải ưu phiền, tôi cũng không hối tiếc. Mà giả như có hối tiếc – vì thấy rằng bức thư ấy đã làm cho anh em phải ưu phiền, tuy chỉ trong chốc lát–, ⁹ thì nay tôi lại vui mừng, không phải vì đã làm cho anh em phải ưu phiền, nhưng vì nỗi ưu phiền đó đã làm cho anh em hối cải. Thật thế, anh em đã phải ưu phiền theo ý Thiên Chúa, nên chúng tôi không làm thiệt hại gì cho anh em.

¹⁰ Quả vậy, nỗi ưu phiền theo ý Thiên Chúa làm cho chúng ta hối cải để được cứu độ : đó là điều không bao giờ phải hối tiếc ; còn nỗi ưu phiền theo kiểu thế gian thì gây ra sự chết. ¹¹ Hãy xem nỗi ưu phiền theo ý Thiên Chúa đã đem lại cho anh em những gì : bao nồng nhiệt, và hơn thế nữa, bao lời xin lỗi, bao ân hận, bao sợ hãi, bao ước mong, bao nhiệt tình, bao hình phạt ; bằng mọi cách, anh em đã chứng tỏ mình vô can trong vụ này. ¹² Vậy, nếu tôi đã viết thư cho anh em, thì không phải vì kẻ làm nhục hay người bị nhục, nhưng để cho thái độ nồng

niệm của anh em đối với chúng tôi được tỏ hiện nơi anh em, trước mặt Thiên Chúa. ¹³ Đó là điều an ủi chúng tôi.

Ngoài niềm an ủi đó, chúng tôi còn được đầy tràn một niềm vui lớn hơn nữa, khi thấy anh Ti-tô vui mừng vì tất cả anh em đã làm cho tâm trí anh ấy được thư thái. ¹⁴ Nếu trước mặt anh ấy, tôi đã có đôi chút tự hào về anh em, thì

tôi cũng không hổ thẹn. Trái lại, trong mọi sự, chúng tôi đã nói thật với anh em thế nào, thì thái độ tự hào của chúng tôi trước mặt anh Ti-tô cũng chân thật như vậy. ¹⁵ Lòng anh ấy càng tha thiết quý mến anh em, khi nhớ lại anh em đã vâng lời, đã kính sợ và run rẩy đón tiếp anh. ¹⁶ Tôi vui mừng vì trong mọi sự tôi có thể tin cậy anh em.

II. TỔ CHỨC LẠC QUYÊN

Những lý do chứng tỏ lòng quảng đại

8 * ¹ Thưa anh em, chúng tôi xin báo cho anh em biết ân huệ Thiên Chúa đã ban cho các Hội Thánh ở Ma-kê-đô-ni-a. ² Trải qua bao nỗi gian truân, họ vẫn được chan chứa niềm vui ; giữa cảnh khó nghèo cùng cực, họ lại trở nên những người giàu

lòng quảng đại. ³ Họ đã tự nguyện theo sức họ, và tôi xin làm chứng là quá sức họ nữa ; ⁴ họ khẩn khoản nài xin chúng tôi cho họ được phúc tham dự vào việc phục vụ các người trong dân thánh. ⁵ Họ đã vượt quá điều chúng tôi mong ước là tự hiến mình phụng sự Chúa trước, rồi phục vụ chúng tôi theo ý

* 8,1 *Các người trong dân thánh* (dịch sát chữ là “các thánh”) được nói đến ở c.4 là các Ki-tô hữu thuộc giáo đoàn Giê-ru-sa-lem. Vào năm 48 đã xảy ra nạn đói trong miền Giu-đa và tại Giê-ru-sa-lem (Cv 11,28), do vụ mất mùa năm trước, là năm sa-bát (suốt năm này, người Do-thái không gieo giống để cho đất hưu canh). Để chữa chạy nạn đói kém này, có tổ chức tài trợ các Ki-tô hữu Giê-ru-sa-lem. Sau đó, thánh Phao-lô đã hứa sẽ nhớ đến giáo đoàn Giê-ru-sa-lem trong chuyến đi truyền giáo giữa các dân ngoại (Gl 2,10). Ở đây, thánh Phao-lô kêu gọi các Hội Thánh tại Cô-rin-tô và trong toàn tỉnh tiến hành cuộc lạc quyên mà họ đã tán thành.

Thiên Chúa. ⁶ Vì vậy chúng tôi đã xin anh Ti-tô hoàn thành công việc lạc quyên đó nơi anh em, như anh ấy đã bắt đầu làm.

⁷ Cũng như anh em từng trở vượt về mọi mặt : về đức tin, lời giảng, sự hiểu biết, lòng nhiệt thành trong mọi lãnh vực, và về lòng bác ái mà anh em đã học được nơi chúng tôi, thì anh em cũng phải trở vượt về lòng quảng đại trong dịp lạc quyên này nữa. ⁸ Tôi nói thế không phải để ra lệnh cho anh em đâu. Nhưng tôi chỉ nêu lên lòng nhiệt thành của người khác để xem lòng yêu mến của anh em chân thành đến mức nào. ⁹ Quả thật, anh em biết Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, đã có lòng quảng đại như thế nào : Người vốn giàu sang phú quý, nhưng đã tự ý trở nên nghèo khó vì anh em, để lấy cái nghèo

của mình mà làm cho anh em trở nên giàu có. ¹⁰ Về điều này, tôi xin đưa ra một ý kiến. Ý kiến đó thích hợp với anh em, vì anh em là những người đầu tiên, chẳng những đã thực hiện công cuộc đó, mà còn đã quyết định làm ngay từ năm ngoái. ¹¹ Vậy nay anh em hãy hoàn thành công cuộc đó, để như anh em đã hăng hái quyết định thế nào, thì cũng tùy khả năng mà hoàn thành như vậy. ¹² Vì khi người ta hăng hái dâng cái mình có, thì Thiên Chúa chấp nhận ; còn nếu không có thì thôi. ¹³ Vấn đề không phải là bắt anh em sống eo hẹp để cho người khác bớt nghèo khổ. Điều cần thiết là phải có sự đồng đều. ¹⁴ Trong hoàn cảnh hiện tại, anh em có được dư giả, là để giúp đỡ những người đang lâm cảnh túng thiếu,

Trong các chương này, thánh Phao-lô không dùng chữ “quyên góp”. Thay vào đó, ngài nói về tính hào phóng, lòng quảng đại trong nghĩa cử trao tặng, “làm ơn làm phúc”. Mà “phân phúc” lại là phần của người cho hơn là của người nhận.

Thánh Phao-lô để ý lo sao cho cuộc lạc quyên này được thực hiện tốt đẹp, vì đụng tới những số tiền lớn. Những người thu nhận và cất giữ phải là những người được cộng đoàn tín nhiệm.

Trong 8,18, chắc chắn thánh Phao-lô nói đến thánh Lu-ca. Có thể là lúc đó thánh Lu-ca chưa phổ biến sách Tin Mừng ngài viết, nhưng đã giúp các Hội Thánh rao giảng Tin Mừng.

để rồi khi được dư giả, họ cũng sẽ giúp đỡ anh em, lúc anh em lâm cảnh túng thiếu. Như thế, sẽ có sự đồng đều, ¹⁵ hợp với lời đã chép : *Kẻ được nhiều thì không dư, mà người được ít thì không thiếu.*

Gửi gắm ông Ti-tô và các bạn đồng hành

¹⁶ Cảm tạ Thiên Chúa đã đặt vào lòng anh Ti-tô một sự nhiệt thành như thế đối với anh em : ¹⁷ anh đã nhận lời yêu cầu của tôi và đã nhiệt thành tự nguyện tới thăm anh em. ¹⁸ Cùng với anh Ti-tô, chúng tôi cử một người anh em rao giảng Tin Mừng nổi tiếng trong khắp các Hội Thánh. ¹⁹ Không những thế, anh lại được các Hội Thánh chỉ định cùng đi với chúng tôi lo việc lạc quyên, một việc nghĩa chúng tôi đảm nhận, để tôn vinh Chúa và biểu lộ lòng hăng hái của chúng tôi. ²⁰ Chúng tôi đề phòng như thế, để không ai chê trách được chúng tôi về

món tiền lớn chúng tôi chịu trách nhiệm. ²¹ Vì chúng tôi quan tâm đến điều thiện, không những trước mặt Chúa, mà cả trước mặt người ta. ²² Chúng tôi lại cử thêm một người anh em nữa của chúng tôi cùng đi với hai người nói trên. Chúng tôi thường hay có dịp thử lòng nhiệt thành của anh ấy bằng nhiều cách ; và nay anh còn nhiệt thành hơn nữa, vì đầy lòng tin tưởng vào anh em. ²³ Về phần anh Ti-tô, anh vừa là bạn đường, vừa là người cộng tác với tôi trong việc phục vụ anh em. Còn về hai người anh em kia của chúng tôi, họ là sứ giả của các Hội Thánh và là vinh quang của Đức Ki-tô. ²⁴ Vậy, trước mặt các Hội Thánh, anh em hãy tỏ cho những người đó thấy đức ái của anh em, và cho họ biết là chúng tôi có lý để tự hào về anh em.

9 * ¹ Về việc phục vụ các người trong dân

* 9,1 Lại một lần nữa, ở đây, thánh Phao-lô nói về cuộc lạc quyên như thế chưa hề nói tới trong chương trước. Một số người nghĩ rằng, khi viết cho tín hữu Cô-rin-tô để kêu mời họ đóng góp (ch.8), thì cùng lúc ấy ngài cũng viết một lá thư khác cho các Hội Thánh ở A-khai-a (Cô-rin-tô thuộc tỉnh này). Có lẽ sau đó thư này được chèn vào đây, là phần cuối của lá thư, bởi là cùng một chủ đề (ch.9).

thánh, tôi có viết cho anh em thì kẻ cũng bằng thừa, ² vì tôi biết lòng hăng hái của anh em. Điều đó làm cho tôi tự hào vì anh em mà khoe với các anh em vùng Ma-kê-đô-ni-a rằng : “Xứ A-khai-a đã sẵn sàng từ năm ngoái.” Và nhiệt tình của anh em đã khích lệ rất nhiều người. ³ Tôi cử mấy người anh em đi để niêm tự hào của chúng tôi về thiện chí của anh em khỏi trở thành hư ảo, và để anh em được sẵn sàng, như tôi đã nói. ⁴ Chẳng vậy, lúc anh em Ma-kê-đô-ni-a cùng đến với tôi mà thấy anh em không sẵn sàng, thì chúng tôi phải xấu hổ vì đã tin cậy như thế, nếu không muốn nói là cả anh em nữa cũng phải xấu hổ. ⁵ Vậy, tôi nghĩ cần phải xin mấy người anh em đến với anh em trước chúng tôi và chuẩn bị cho anh em quyền góp rộng rãi như đã hứa, để anh em sẵn sàng quyền góp với lòng quảng đại, chứ không phải theo tính hẹp hòi.

Ích lợi của cuộc lạc quyền

⁶ Tôi xin nói điều này : *gieo ít thì gặt ít ; gieo nhiều thì gặt nhiều.* ⁷ Mỗi

người hãy cho tùy theo quyết định của lòng mình, không buồn phiền, cũng không miễn cưỡng, *vì ai vui vẻ dâng hiến, thì được Thiên Chúa yêu thương.* ⁸ Và lại, Thiên Chúa có đủ quyền tuôn đổ xuống trên anh em mọi thứ ân huệ, để anh em vừa được luôn đầy đủ mọi mặt, vừa được dư thừa mà làm mọi việc thiện, ⁹ theo như lời đã chép : *Kẻ túng nghèo, Người rộng tay làm phúc ; đức công chính của Người tồn tại muôn đời.*

¹⁰ Đáng cung cấp *hạt giống cho kẻ gieo, và bánh làm của ăn nuôi dưỡng,* tất sẽ cung cấp dư dật hạt giống cho anh em gieo, và sẽ làm cho đức công chính của anh em sinh hoa kết quả dồi dào. ¹¹ Anh em sẽ được sung túc mọi bề để làm mọi việc thiện cách rộng rãi. Những việc chúng ta làm sẽ khiến người ta dâng lời cảm tạ Thiên Chúa. ¹² Thật thế, việc phục vụ cho công ích này không những đáp ứng nhu cầu của của các người trong dân thánh, mà hơn thế nữa, còn là nguồn phát sinh bao lời cảm tạ dâng lên Thiên Chúa. ¹³ Việc

phục vụ này là một bằng chứng cho họ tôn vinh Thiên Chúa, vì thấy anh em vâng phục và tuyên xưng Tin Mừng của Đức Ki-tô, và vì thấy anh em có lòng quảng đại, sẵn sàng chia sẻ với họ và với mọi

người.¹⁴ Còn họ, họ sẽ cầu nguyện cho anh em để tỏ lòng quý mến, bởi nhận thấy ân huệ tuyệt vời Thiên Chúa đổ xuống trên anh em.¹⁵ Xin cảm tạ Thiên Chúa vì phúc lộc khôn tả Người ban !

III. ÔNG PHAO-LÔ TỰ BIỆN HỘ

Ông Phao-lô trả lời những kẻ trách ông nhu nhược

10^{*} ¹ Chính tôi, Phao-lô, một kẻ trước mặt anh em thì khúm núm, mà vắng mặt thì lại ra oai, tôi xin dựa vào lòng nhân từ và khoan dung của Đức Ki-tô mà khuyên nhủ anh em.
² Tôi xin anh em chớ bắt buộc tôi, khi có mặt, phải mạnh dạn ra oai mà tính

đến chuyện thẳng tay với những kẻ cho rằng chúng tôi chỉ biết sống theo tính xác thịt.³ Quả thế, chúng tôi đang sống trong xác phàm, nhưng không chiến đấu theo tính xác thịt.
⁴ Thật vậy, khí giới chúng tôi dùng để chiến đấu không phải là thứ khí giới thuộc xác thịt, nhưng là những khí giới, nhờ Thiên

* **10,1** Giọng văn mạnh trong các ch. 10 – 13 này không thích hợp với tinh thần hoà giải đã toát ra ở trên. Các chương này có lẽ thuộc về lá thư thánh Phao-lô đã gửi trước kia, sau sự cố ngài bị nhiều thành viên của giáo đoàn Cô-rin-tô chống đối.

Một vài từ ngữ ở trang thư lạ thường này cho hiểu ngay cuộc tranh luận đã xảy ra trong hoàn cảnh như thế nào.

Một số thành viên giáo đoàn công kích uy tín của thánh Phao-lô, vì cảm thấy có người hỗ trợ mình. Những người này là ai ? Là những người đã không thể *đến với anh em* (c.14). Họ mang danh là tông đồ, tức là những vị sáng lập giáo đoàn, nhưng lại là những kẻ luôn đến đúng vào dịp tốt để *cướp công của người khác* (c.15). Người ta so sánh “tông đồ” này với “tông đồ” kia, và thánh Phao-lô, một người không bao giờ muốn được người ta hâu hạ, không bao giờ ra về mình là một nhà hùng biện đại tài hoặc là “tiến sĩ khoa tôn giáo”, lại bị xem như là một người thiếu bản lãnh. Có kẻ nói : *“Trong thư thì nghiêm khắc và hùng hổ, nhưng khi có mặt thì nhu nhược, nói chẳng ra hồn”* (10,10).

Chúa, có sức đánh đổ các đôn lũy. Chúng tôi đánh đổ các kiểu lý luận ⁵ và mọi thái độ kiêu căng chống lại sự hiểu biết Thiên Chúa. Chúng tôi bắt mọi tư tưởng phải đầu hàng để đi tới chỗ vâng phục Đức Ki-tô. ⁶ Chúng tôi sẵn sàng sửa trị mọi kẻ bất tuân, một khi anh em đã hoàn toàn vâng phục.

⁷ Anh em hãy nhìn nhận những gì sờ sờ trước mắt. Nếu có ai tự phụ mình thuộc về Đức Ki-tô, thì hãy nhận thức một lần nữa điều này : họ thuộc về Đức Ki-tô làm sao, thì chúng tôi cũng vậy. ⁸ Vì cho dầu tôi có tự hào quá đáng một đôi chút về quyền Chúa đã

ban cho chúng tôi để xây dựng, chứ không phải để đánh đổ anh em, thì tôi cũng không lấy làm xấu hổ, ⁹ kéo như muốn dùng thư từ mà làm cho anh em phải khiếp sợ. ¹⁰ Có kẻ nói rằng : “Trong thư thì nghiêm khắc và hùng hổ ; nhưng khi có mặt thì nhu nhược, nói chẳng ra hồn.” ¹¹ Xin họ biết cho rằng : khi vắng mặt, chúng tôi viết thư làm sao, thì khi có mặt, chúng tôi cũng hành động như vậy.

Ông Phao-lô trả lời những kẻ trách ông đầy tham vọng

¹² Thật ra, chúng tôi đâu dám cho mình ngang hàng

Chớ bắt buộc tôi phải mạnh dạn ra oai (10,2). Thánh Phao-lô tự xem mình là tông đồ của giáo đoàn, người đã từng dẫn đưa họ đến với đức tin và ơn hiệp thông với Chúa Thánh Thần. Điều này, không ai có thể chối cãi được.

Thánh Phao-lô nói về *sức mạnh* và các *khí giới* của ngài với giọng đầy hăm dọa. Chắc chắn Lời Chúa “có sức đánh đổ các đôn lũy”. Lời Chúa đã làm phát sinh các giáo đoàn Ki-tô hữu và ban cho họ sức mạnh để duy trì tình hợp nhất và bảo tồn sinh khí trước nghịch cảnh. Tin Mừng là “sức mạnh của Thiên Chúa” và khi được rao giảng mạnh dạn, thì các thế lực chống đối phải sụp đổ.

Tuy nhiên, trường hợp đây cũng nói về quyền hành của thánh Phao-lô trong lãnh vực thiêng liêng. Tự nhiên chúng ta nghĩ đến lòng xác tín của thánh Phao-lô, sức mạnh lời nói của ngài, ý thức của ngài về sứ mạng của mình, tất cả những gì gây ảnh hưởng trên tín hữu Cô-rin-tô. Cũng có những lúc tông đồ và ngôn sứ có quyền nhân danh Thiên Chúa đưa ra những lời đe dọa, và Thiên Chúa can thiệp một cách tỏ tường để cho thấy các ngài có lý. Xem trường hợp của Kha-nani-a và Xa-phi-ra đứng trước mặt thánh Phê-rô (Cv 5).

hay so sánh mình với những kẻ tự cao tự đại kia. Nhưng khi họ lấy mình làm tiêu chuẩn để tự đánh giá và so sánh, thì họ không được khôn. ¹³ Về phần chúng tôi, chúng tôi sẽ không tự hào quá giới hạn. Trái lại, niềm tự hào của chúng tôi giới hạn trong phạm vi Thiên Chúa đã quy định cho chúng tôi, khi đưa chúng tôi đến với anh em. ¹⁴ Vì anh em ở trong phạm vi đó, nên chúng tôi không vượt quá giới hạn khi đến với anh em. Thật thế, chúng tôi đã đến với anh em trước,

mang theo Tin Mừng của Đức Ki-tô, ¹⁵ chứ không cướp công của người khác mà tự hào quá giới hạn. Nhưng chúng tôi hy vọng rằng : một khi đức tin của anh em lớn mạnh, công việc của chúng tôi ngày càng phát triển nơi anh em trong phạm vi đã quy định cho chúng tôi, ¹⁶ thì chúng tôi có thể đem Tin Mừng xa hơn nữa, mà không tự hào về những thành tựu thuộc phạm vi người khác. ¹⁷ Nhưng *ai tự hào thì hãy tự hào trong Chúa !* ¹⁸ Người được chấp nhận không phải là kẻ tự

Thánh Phao-lô quyết đánh đổ các kiểu lý luận và mọi thái độ kiêu căng chống lại sự hiểu biết Thiên Chúa (10,4-5). Người ta có thể chỉ thấy đây là chuyện cạnh tranh giữa người với người, nhưng thánh Phao-lô biết điều gì làm cho nhiều kẻ khó chịu trong cách thức lãnh đạo của ngài : ngài không nhập cuộc vào những trò khôn vặt của họ và bắt họ phải sống trong sự thật. Nếu họ không đủ can đảm để sống lối sống này, thì họ cũng chỉ là một nhóm tôn giáo giữa những nhóm khác thôi, họ sẽ đi lạc hướng, không đạt tới sự hiểu biết Thiên Chúa.

Tin là vàng phục (x. Rm 1,5). Chúng ta phục tùng một giáo huấn của Thiên Chúa. Điều này luôn luôn đi liền với lòng vâng phục trong một hoàn cảnh sống cụ thể. Một khi Thiên Chúa đã định cho chúng ta làm thành một Hội Thánh, thì tất nhiên là Người muốn chúng ta vâng phục một phẩm trật và một thể chế. Chính thái độ vâng phục này là cái mà thánh Phao-lô đòi hỏi.

Nhưng hãy lưu ý : quyền được vâng phục đặt trên cơ sở tiếng gọi của Chúa Ki-tô đã làm cho ngài thành tông đồ và những công trình mà Thánh Thần đã thực hiện qua tay ngài. Khi chúng ta thấy đồng đạo những người lên đường truyền giáo, mạnh ai nấy đi cho Giáo Hội của mình, thì lắm lúc ta có quyền hỏi xem ai đã sai họ đi. Cũng phải nhớ rằng đâu có chuyện thánh Phao-lô ngự trị trên giáo đoàn này hay nhiều giáo đoàn khác, vì bỗng nhiên đã thấy ngài rời khỏi đó rồi để đem Tin Mừng đi xa hơn nữa (cc. 15-16).

cao tự đại, nhưng là người được Chúa đề cao.

Ông Phao-lô bắt buộc phải tự khen mình

11¹ Phải chi anh em chịu đựng được một chút điên rồ của tôi ! Mà hẳn anh em chịu đựng được tôi.² Thật thế, vì anh em, tôi ghen cái ghen của Thiên Chúa, bởi tôi đã dính hôn anh em với một người độc nhất là Đức Ki-tô, để tiến dâng anh em cho Người như một trinh nữ thanh khiết.³ Nhưng tôi sợ rằng như xưa con rắn đã dùng mưu chước mà lừa dối bà E-và thế nào, thì nay trí lòng anh em cũng dần dần đâm ra hư hỏng, mất sự đơn sơ đối với Đức Ki-tô như vậy.⁴ Quả thật, nếu có ai đến rao giảng một

Đức Giê-su khác với Đức Giê-su mà chúng tôi rao giảng, hay nếu anh em lãnh nhận một Thần Khí nào khác với Thần Khí anh em đã lãnh nhận, hoặc nếu anh em lãnh nhận một Tin Mừng nào khác với Tin Mừng anh em đã đón nhận, thì anh em sẵn lòng chịu đựng được ngay.⁵ Tôi nghĩ rằng tôi chẳng có thua gì các Tông Đồ siêu đẳng kia.⁶ Giả như tôi có thua kém về khoa ăn nói, thì về sự hiểu biết, tôi chẳng thua kém đâu ! Trong mọi dịp và trước mặt mọi người, chúng tôi đã tỏ cho anh em thấy điều đó rồi.

*⁷ Phải chăng tôi có lỗi, vì đã hạ mình xuống để tôn anh em lên, khi rao giảng không công cho anh

* 11,7 Trong ch. 11 và 12, thánh Phao-lô sẽ so sánh chính mình với những "tông đồ" đã xoay sở để được tín hữu Cô-rin-tô đánh giá cao, và được các đối thủ của ngài cậy dựa vào. Thánh Phao-lô không muốn đối xử tay đôi với họ : ngài ý thức mình là ai, ngài có thể xét đoán họ. Một thế đứng nguy hiểm, ngay cả đối với ai tin rằng mình thật sự được Thiên Chúa linh hứng ! Nhưng dù vậy, xem 1 Cr 2,14-15.

Trước hết, thánh Phao-lô tin chắc mình được Chúa Ki-tô kêu gọi trực tiếp. Qua mối tương giao này, ngài được Chúa Phục Sinh hiện diện và biến đổi không ngừng. Ngài biết chắc rằng các quan điểm, quyết định, trực giác tiên tri của ngài đều vượt quá trình độ các đối thủ của ngài. Chính vì lý do ngài đã đạt tới một mức sống trong Thần Khí cao hơn như vậy mà ngài cảm thấy tự do đối với các "ràng buộc tôn giáo" mà các đối thủ của ngài cứ cho là rất đổi quan trọng, thậm chí là đúng hàng đầu nữa. So sánh đoạn 11,4-6 với Gl 2,6-10 và 5,7-12 ; cũng xem Pl 3,2-11.

em Tin Mừng của Thiên Chúa ? ⁸ Tôi đã bóc lột các Hội Thánh khác, ăn lương của họ, để phục vụ anh em. ⁹ Hồi ở giữa anh em, những khi lâm cảnh túng thiếu, tôi đã chẳng phiền lụy ai, bởi vì các anh em từ Ma-kê-đô-ni-a đến đã cung cấp đầy đủ những gì tôi cần. Trong mọi dịp, tôi đã tránh không trở nên gánh nặng cho anh em, và tôi cũng sẽ còn tránh như vậy. ¹⁰ Nhân danh chân lý của Đức Ki-tô ở trong tôi, tôi xin nói với anh em rằng : chẳng ai cấm được tôi có niềm vinh dự đó trong các miền xứ A-khai-a. ¹¹ Tại sao thế ? Có phải vì tôi không yêu mến anh em chẳng ? Có Thiên Chúa biết !

¹² Điều tôi làm, tôi sẽ tiếp tục làm, để những kẻ muốn có cơ hội tự phụ là những người ngang hàng với chúng tôi, không còn cơ hội đó nữa. ¹³ Vì những

kẻ đó là tông đồ giả, là thợ gian xảo, đội lốt tông đồ của Đức Ki-tô. ¹⁴ Lại gì đâu ! Vì chính Xa-tan cũng đội lốt thiên thần sáng láng ! ¹⁵ Vậy có gì là khác thường khi kẻ phục vụ nó đội lốt người phục vụ sự công chính. Chung cục, chúng sẽ lãnh nhận hậu quả công việc chúng đã làm. ¹⁶ Tôi xin nói lại : đừng ai tưởng là tôi điên. Mà có ai tưởng như thế, thì cứ nhận tôi là điên, để tôi cũng được tự hào đôi chút. ¹⁷ Điều tôi đang nói, tôi không nói theo tinh thần của Chúa, nhưng nói như một người điên, bởi tin chắc rằng mình có lý để tự hào. ¹⁸ Vì có lắm kẻ tự hào theo tính xác thịt, thì tôi đây, tôi cũng tự hào. ¹⁹ Vốn là người khôn, anh em lại sẵn lòng chịu đựng kẻ điên ! ²⁰ Phải rồi, anh em đành chịu người ta áp chế, cấu xé, tước đoạt, đối xử ngạo ngược và tát

Lý do khiến họ gắn bó với Luật Do-thái đầu phải phát xuất từ một cái nhìn khác biệt và chính đáng về các vấn đề đức tin. Họ chi li giữ luật vì trong cuộc đời của họ, họ chưa khám phá ra phần tinh túy của kinh nghiệm Ki-tô giáo. Chúa Giê-su đã từng cho thấy rằng thái độ nhất nhiệm tuân theo các thể thức trong đạo là do thiếu đức tin đích thực, như khi nói về vài trường hợp nhóm Pha-ri-sêu (Mc 7,6). Tuy là không cố tình, nhưng bất cứ ai có kinh nghiệm sống trong Thần Khí đều gây khó chịu cho những người “sùng đạo”, và trường hợp thánh Phao-lô trong Giáo Hội là như thế.

vào mặt ! ²¹ Tôi nói thế, thật là nhục nhã, như thể chúng tôi đã tỏ ra nhu nhược...

Nhưng bất cứ điều gì người ta dám làm, thì tôi cũng dám làm –tôi nói như người điên-. ²² Họ là người Híp-ri ư ? Tôi cũng vậy ! Họ là người Ít-ra-en ư ? Tôi cũng vậy ! Họ là dòng giống Áp-ra-ham ư ? Tôi cũng vậy ! ²³ Họ là người phục vụ Đức Ki-tô ư ? Tôi nói như người điên : tôi còn hơn họ nữa ! Hơn nhiều vì công khó, hơn nhiều vì ở tù, hơn gấp bội vì chịu đòn, bao lần suýt chết. ²⁴ Năm lần tôi bị người Do-thái đánh bốn mươi roi bớt một ; ²⁵ ba lần bị đánh đòn ; một lần bị ném đá ; ba lần bị đắm tàu ; một đêm một ngày lênh đênh giữa biển khơi ! ²⁶ Tôi còn hơn họ, vì phải

thực hiện nhiều cuộc hành trình, gặp bao nguy hiểm trên sông, nguy hiểm do trộm cướp, nguy hiểm do đồng bào, nguy hiểm vì dân ngoại, nguy hiểm ở thành phố, trong sa mạc, ngoài biển khơi, nguy hiểm do những kẻ giả danh là anh em. ²⁷ Tôi còn phải vất vả mệt nhọc, thường phải thức đêm, bị đói khát, nhịn ăn nhịn uống và chịu rét mướt trần truồng. ²⁸ Không kể các điều khác, còn có nỗi ray rứt hàng ngày của tôi là mối bận tâm lo cho tất cả các Hội Thánh ! ²⁹ Có ai yếu đuối mà tôi lại không cảm thấy mình yếu đuối ? Có ai vấp ngã mà tôi lại không cảm thấy lòng sôi lên ?

³⁰ Nếu phải tự hào, thì tôi sẽ tự hào về những yếu đuối của tôi. ³¹ Thiên

Trong 11,22-30, thánh Phao-lô nói về những lao nhọc và gian nguy ngài đã trải qua, những sự ngược đãi ngài đã gặp phải. Ngài không phải kể ra để được người ta nghĩ tốt về mình. Ngài muốn cho người khác thấy, và cũng nhắc nhở chính mình, rằng ngài đã được ban tặng một hồng ân đặc biệt. Tất cả mọi người đều được mời gọi đi theo Chúa Giê-su và vác lấy thập giá của Người, tất cả đều được mời gọi rao giảng Tin Mừng. Vậy sao lại quá ít người ra tay thực hiện công việc loan báo Tin Mừng cho “những người còn ở xa”, như Chúa Giê-su và thánh Phao-lô đã làm ? Điều này tự thân là một hồng ân, và ai chưa lãnh nhận ơn này thì không nghe thấy lời mời gọi và lỡ mất cơ hội. Thánh Phao-lô muốn giữ vai một người khó có thể bắt chước, không phải để lấy tiếng nhưng vì lòng trung tín trên con đường mà Chúa Ki-tô đã dẫn ngài đi.

Chúa, Đáng đáng chúc tụng muôn đời, là Cha của Chúa Giê-su, biết rằng tôi không nói dối. ³² Tại Đamát, tổng đốc của vua A-rê-ta đã cho lính canh gác thành để bắt tôi. ³³ Nhưng người ta đã cho tôi vào một cái thúng, rồi thòng qua cửa sổ dọc theo tường thành. Thế là tôi thoát khỏi tay ông ta.

12 * ¹ Phải tự hào ư ?
 Nào có ích gì ! Dù thế, tôi cũng xin nói về những thị kiến và mặc khải Chúa

đã ban cho tôi. ² Tôi biết có một người môn đệ Đức Ki-tô, trước đây mười bốn năm đã được nhắc lên tới tầng trời thứ ba – có ở trong thân xác hay không, tôi không biết, có ở ngoài thân xác hay không, tôi cũng không biết, chỉ có Thiên Chúa biết. ³ Tôi biết rằng người ấy đã được nhắc lên tận thiên đàng – trong thân xác hay ngoài thân xác, tôi không biết, chỉ có Thiên Chúa biết–, ⁴ và người ấy đã được nghe những lời khôn tả mà loài

HOẠT ĐỘNG TÔNG ĐỒ VÀ CHIÊM NIỆM

* **12,1** Ở đây thánh Phao-lô thoáng nhắc đến những cơn xuất thần đã làm cho ngài được hoàn toàn đổi mới. Nhiều người cảm thấy từ “xuất thần” nghe hơi kỳ dị, người khác thì cho là nó chỉ có thể dùng để nói về đời sống chiêm niệm xa rời trần thế. Đúng là trạng thái xuất thần, nếu là chân chính, thì có liên hệ với đời sống chiêm niệm. Nhưng chiêm niệm là gì ?

Chúng ta thường hiểu “chiêm niệm” là suy niệm về những gì liên quan đến Thiên Chúa và tìm gặp sự hiện diện của Người trong đời sống chúng ta. Theo nghĩa này thì ta cho là chiêm niệm đối nghịch với hoạt động, hoặc nói rằng cả hai phải đi đôi với nhau. Tuy nhiên, từ “chiêm niệm” cũng được dùng –và trường hợp này thì đúng hơn– để chỉ một giai đoạn mới trong đời sống thiêng liêng, trong đó mối tương giao giữa tâm linh chúng ta và Thiên Chúa đã biến đổi cách sâu xa.

Trong chiêm niệm, không phải ta khám phá Thiên Chúa hay tự mình đi vào trầm mặc, nhưng là chính Thiên Chúa áp đặt sự hiện diện của Người, và cũng chính Người khơi dậy nơi ta tâm tình đáp ứng. Chiêm niệm là một ân huệ Thiên Chúa tặng ban, là một cách thức nhận biết Thiên Chúa, ưng thuận để cho Người dẫn dắt mình, biến đổi mình, hơi khác với những gì mà phần đông người Ki-tô hữu được cảm nghiệm. Nhưng không phải vì vậy mà chiêm niệm là một điều gì khác thường. Trong chiêm niệm, tác động biến đổi đầy uy quyền của Thần Khí hữu hiệu hơn, luôn luôn đạt mục tiêu là làm cho con người không còn thuộc về chính mình nữa.

người không được phép nói lại. ⁵ Về một người như thế, tôi sẽ tự hào ; còn về bản thân tôi, tôi chỉ tự hào về những yếu đuối của tôi. ⁶ Quả vậy, nếu muốn tự hào, thì tôi cũng không phải là người điên, vì tôi nói sự thật. Nhưng tôi không làm thế, kẻo người ta đánh giá tôi quá cao, so với điều họ thấy nơi tôi hoặc nghe tôi nói.

⁷ Và để tôi khỏi tự cao tự đại vì những mặc khải phi thường tôi đã nhận được, thân xác tôi như đã bị một cái dằm đâm vào, một thủ

hạ của Xa-tan được sai đến vả mặt tôi, để tôi khỏi tự cao tự đại. ⁸ Đã ba lần tôi xin Chúa cho thoát khỏi nỗi khổ này. ⁹ Nhưng Người quả quyết với tôi : “*Ơn của Thầy đã đủ cho anh, vì sức mạnh của Thầy được biểu lộ trọn vẹn trong sự yếu đuối.*” Thế nên tôi rất vui mừng và tự hào vì những yếu đuối của tôi, để sức mạnh của Đức Ki-tô ở mãi trong tôi. ¹⁰ Vì vậy, tôi cảm thấy vui sướng khi mình yếu đuối, khi bị sỉ nhục, hoạn nạn, bắt bớ, ngặt nghèo vì Đức

Ơn chiêm niệm này có thể được ban cho những người đã từ già thế gian vào sống trong tu viện để đáp lại tiếng gọi của Thiên Chúa, có thể được ban cho những người sống cuộc đời bình thường của đa số, và được ban cho những người làm việc tông đồ. Khác với phương pháp suy niệm siêu linh và nhập định của người đông phương, chiêm niệm Ki-tô giáo không cần đến nỗ lực của chúng ta : đây không phải là vấn đề sống hoạt động hơn hay ẩn dật hơn. Chủ yếu là Thiên Chúa đã làm chủ sự tự do của chúng ta (x. Gr 1,5).

Nếu thánh Phao-lô là người tông đồ mà chúng ta được biết, nếu ngài có được sự am hiểu khác thường về mầu nhiệm Ki-tô giáo, ấy là vì ngài là một nhà chiêm niệm lớn, theo nghĩa như ta vừa nói ở trên.

Những cuộc xuất thần mà ngài nói tới thuộc những năm đầu sau cuộc trở lại của ngài (x. Cv 22,6.17), là nét đặc trưng của một đời sống chiêm niệm đã tiến xa, nhưng chưa phải là tột đỉnh, khi mà ơn kết hợp với Thiên Chúa đã trở nên trọn vẹn và liên li.

Thân xác tôi như đã bị một cái dằm đâm vào (c.7). Nhiều giả thuyết đã được đưa ra để giải thích *cái dằm* này có thể là gì. Có thể đó là một căn bệnh (2 Cr 1,8 ; Gl 4,13) mà những lần tái phát bất ngờ làm cho ngài suy nhược ? Hay là những cảm dỗ về “*xác thật*”, hậu quả của một phương pháp đức dục đầu đời quá cứng rắn, không khác gì các điều răn trong Luật ? Điều chắc chắn là tất cả chúng ta đều ước mong được sống yên hàn trong đó, chúng ta cảm thấy tự tin, nhưng Thiên Chúa thì tuy rất giàu ân sủng, lại từ chối ban cho ta được như ý (1 Cr 2,5 ; 4,7).

Ki-tô. Vì khi tôi yếu, chính là lúc tôi mạnh.

¹¹ Tôi điên rồi ! Chính anh em đã khiến tôi hoá ra như thế. Đáng lẽ anh em phải khen tôi, vì mặc dầu tôi chẳng là gì, tôi đâu có thua kém các Tông Đồ siêu đẳng kia. ¹² Anh em đã thấy thực hiện nơi anh em những dấu chỉ của sứ vụ Tông Đồ : nào là đức kiên nhẫn hoàn hảo, nào là những dấu lạ điềm thiêng, nào là các phép lạ. ¹³ Anh em có thua gì các Hội Thánh khác ? Có chẳng, chỉ thua ở chỗ bản thân tôi đã không phiền lụy anh em ! Xin anh em tha cho tôi sự bất công đó. * ¹⁴ Đây tôi sẵn sàng đến thăm anh em lần thứ ba. Tôi cũng sẽ không phiền lụy anh em đâu, bởi vì điều tôi tìm kiếm không phải là của cải của anh em, mà là chính anh em. Thật

vậy, không phải con cái có nhiệm vụ thu tích của cải cho cha mẹ, mà là cha mẹ phải thu tích của cải cho con cái. ¹⁵ Phần tôi, tôi rất vui lòng tiêu phí tiền của, và tiêu phí cả sức lực lẫn con người của tôi vì linh hồn anh em. Phải chăng vì yêu mến anh em nhiều hơn mà tôi được yêu mến ít hơn ?

¹⁶ Thế cũng được ! Tôi đã không trở nên gánh nặng cho anh em ; nhưng vốn là người xảo quyệt, tôi đã dùng mưu mà lừa gạt anh em. ¹⁷ Phải chăng trong số những kẻ tôi sai đến, tôi đã dùng người nào đó để bóc lột anh em ? ¹⁸ Tôi đã xin anh Ti-tô đi, và đã cử người anh em kia cùng đi với anh. Phải chăng anh Ti-tô đã bóc lột anh em ? Chúng tôi đã không sống theo cùng một tinh thần, cùng một đường lối sao ?

* **12,14** Thánh Phao-lô kết thúc lá thư bằng lời khẳng định uy tín của ngài. Chúa Giê-su đã từng nói về lời chứng vừa là của các Tông Đồ vừa là của Thánh Thần. Thánh Phao-lô cũng làm như thế : để kết thúc phần tự biện hộ, ngài kêu gọi một cuộc phân định mà Thánh Thần sẽ thể hiện : phối kiểm, xem xét, thừa nhận. Chấn憾 đây cũng là cung cách được áp dụng trong Giáo Hội, và ở mọi cấp. Chúng ta không thể giải quyết các mâu thuẫn hay quyết định một đường hướng chỉ bằng tranh cãi hay bỏ phiếu. Bên cạnh việc suy nghĩ, chúng ta cần phải có những thời gian tĩnh lặng, cầu nguyện thật sự và lắng nghe lời Chúa.

Xin lưu ý định thức nêu danh Chúa Ba Ngôi trong 13,13.

Nỗi lo âu của ông Phao-lô

¹⁹ Đã từ lâu, anh em tưởng rằng chúng tôi tự biện hộ trước mặt anh em. Thật ra tôi nói là nói trước mặt Thiên Chúa, trong Đức Ki-tô. Và thưa anh em thân mến, chúng tôi nói tất cả những điều ấy cốt để xây dựng anh em.

²⁰ Quả vậy, tôi sợ rằng khi đến, tôi không thấy anh em được như ý tôi, và anh em thấy tôi không được như ý anh em. Chớ gì giữa anh em đừng có chia rẽ, ghen tương, oán ghét, cạnh tranh, vu khống, nói hành, kiêu căng, hỗn loạn.

²¹ Tôi sợ rằng lần sau đến thăm anh em, Thiên Chúa của tôi lại để tôi phải nhục vì anh em, và tôi phải than khóc nhiều người trước đây đã phạm tội, mà nay chẳng chịu ăn năn hối cải về những việc ô ướ, gian dâm và phóng dăng họ đã làm.

13 ¹ Đây sẽ là lần thứ ba tôi đến thăm anh em. Mọi công việc phải được giải quyết nhờ có ba mặt một lời. ² Tôi đã nói với những kẻ trước đây đã phạm tội và mọi người khác, và hôm nay khi vắng mặt, tôi cũng xin nói lại

như đã nói khi có mặt lần thứ hai, là : nếu đến lần nữa, tôi sẽ không nương tay, ³ bởi vì anh em muốn có một bằng chứng cho thấy Đức Ki-tô nói trong tôi. Người không nhu nhược đối với anh em đâu, nhưng Người đầy uy quyền giữa anh em. ⁴ Thật vậy, Người đã chịu đóng đinh vì mang thân phận yếu hèn, nhưng nay Người đang sống nhờ quyền năng của Thiên Chúa. Cả chúng tôi nữa, trong Đức Ki-tô, chúng tôi cũng mang thân phận yếu hèn, nhưng cùng với Người, chúng tôi sống nhờ quyền năng của Thiên Chúa để xử sự với anh em.

⁵ Anh em hãy tự xét xem mình có còn sống trong đức tin hay không. Hãy tự kiểm điểm. Anh em chẳng nhận thấy là có Đức Giê-su Ki-tô ở trong anh em sao ? Trừ phi anh em đã thua trong cuộc kiểm điểm này. ⁶ Tôi hy vọng rằng anh em sẽ nhận thấy là chúng tôi đây không bị thua. ⁷ Chúng tôi cầu xin Thiên Chúa cho anh em đừng làm điều gì trái, không phải để tỏ ra chúng tôi thắng, nhưng để anh em làm điều thiện, cho dù

chúng tôi như bị thua. ⁸ Vì chúng tôi không thể làm gì chống lại sự thật, nhưng chúng tôi chỉ có thể hoạt động cho sự thật. ⁹ Quả thế, chúng tôi vui mừng khi chúng tôi yếu mà anh em lại mạnh. Điều chúng tôi cầu xin là anh em được

nên hoàn thiện. ¹⁰ Vì vậy, khi vắng mặt, tôi viết các điều này, để lúc có mặt, tôi khỏi phải xử nghiêm khắc, theo quyền hành Chúa đã ban cho tôi để xây dựng, chứ không phải để phá đổ.

KẾT LUẬN

Những lời dặn dò, thăm hỏi và lời cầu chúc cuối cùng

¹¹ Ngoài ra, thưa anh em, anh em hãy vui mừng và gắng nên hoàn thiện. Hãy khuyến khích nhau, hãy đồng tâm nhất trí và ăn ở thuận hoà. Như vậy, Thiên Chúa là nguồn yêu thương và bình an, sẽ ở cùng anh em.

¹² Anh em hãy hôn chào nhau cách thánh thiện. Mọi người thuộc dân thánh ở đây gửi lời chào anh em.

¹³ Cầu chúc toàn thể anh em được đầy tràn ân sủng của Chúa Giê-su Ki-tô, đầy tình thương của Thiên Chúa, và ơn hiệp thông của Thánh Thần. A-men.

THƯ GỬI TÍN HỮU GA-LÁT

DẪN NHẬP

Những người Ga-lát này là ai ? Danh xưng hơi mơ hồ này có thể chỉ hoặc các cộng đoàn miền Pi-xi-đi-a đã được thánh Phao-lô loan báo Tin Mừng trong chuyến đi truyền giáo lần thứ nhất của ngài (Cv 13,14 ; 14,24 ; 16,1-3), hoặc các cộng đoàn nằm về phía bắc hơn mà có lẽ ngài đã lập trong chuyến đi truyền giáo lần thứ hai (Cv 16,6 ; 18,23).

Sở dĩ thánh Phao-lô viết thư này là vì cộng đoàn Ga-lát đang lâm nguy. Điều lạ là tác giả không nói tới những xi-căng-đan, tới tình trạng sa sút về đạo đức, tới những vụ tranh chấp quyền hành gì cả, như chuyện xảy ra ở Cô-rin-tô. Đã có những căng thẳng, những hoài nghi : một số người tỏ ra sốt sắng muốn đề cao trở lại những tập tục của Do-thái giáo. Tuy nhiên, hình như những người chủ trương phục hồi Luật Mô-

sê đó, cũng như những kẻ chống đối, cả hai bên đều không ngờ thánh Phao-lô sẽ đưa ra một lời cảnh cáo như thế. Thật ra, thánh Tông Đồ đã nhìn xa hơn họ : người ta muốn trở lại với những tập tục tôn giáo cũ vì không hiểu, hay đã quên rằng trở thành Ki-tô hữu không phải trước hết là để “giữ đạo” mà là để sống đức tin.

Trước đó, khi khám phá Tin Mừng, người Ga-lát đã như được tắm gội trong tự do. Trong số họ, những ai là người Do-thái thì đã thoát khỏi gọng kìm những tập tục trong đạo đã từng ghi dấu ấn trên cả cuộc sống của họ. Những ai là người Hy-lạp (hay ngoại giáo) thì đã bỏ được cái nhìn qua đó mọi sự trên thế gian đều là do số phận cả, cũng như bỏ được những thành kiến của xã hội : đây cũng là một cuộc dọn sạch bằng cách làm trống chỗ. Nhưng thử hỏi

họ có theo được tư tưởng của thánh Phao-lô khi ngài nói với họ về kinh nghiệm bản thân, khi ngài quả quyết rằng Chúa Ki-tô là một vĩ nhân đủ sức làm cho cuộc sống của chúng ta nên sung mãn, rằng Thần Khí hướng dẫn chúng ta còn thành công hơn bất cứ những ràng buộc tôn giáo nào không ?

Trong một thời gian đầu, tín hữu Ga-lát đã sống đúng như thánh Phao-lô sống, nhưng tiếp tục duy trì một đường hướng mới mẻ như vậy thì rất khó cho cả một cộng đoàn. Qua thời gian phấn khởi ban đầu, đại đa số các Ki-tô hữu tân tòng ấy cảm thấy cần có những luật lệ và những tập tục phải giữ. Họ tin vào Chúa Giê-su, nhưng nếu đòi hỏi tất cả mọi người phải là những “con người thuộc Thần Khí” hết thì hơi quá.

Ở đây lại có những người sẵn sàng đưa ra câu đáp. Vốn biết rõ các ưu điểm của Lễ Luật, đương nhiên là họ ao ước đứng ra lãnh đạo cộng đoàn. Nhưng ch. 6 của bức thư cho thấy thánh Phao-lô đọc được hậu ý của họ.

Chắc chắn rằng tình liên đới rất chặt chẽ giữa người Do-thái với nhau – trong một thế giới thường là thù nghịch với họ – làm cho những ai sáp nhập cộng đồng Ít-ra-en cách này hay cách khác cảm thấy được an toàn thật sự. Đối với một số người thì sự an toàn này hấp dẫn hơn là cuộc phiêu lưu đức tin và những rủi ro bấp giờ đang đe dọa các cộng đoàn Ki-tô hữu tiên khởi.

Câu trả lời của thánh Phao-lô là nghiêm khắc, có lẽ rất tiêu cực đối với các tập tục tôn giáo : tuy nhiên đó vẫn là lời Chúa. Đặt quá nhiều tin tưởng vào các luật lệ và tập tục của một tôn giáo là tự nhốt mình vào một hệ thống, một trật tự, trong đó, dù không nói ra, người ta chờ mong được lãnh thưởng cho những việc lành mình làm. Lòng tin thì, trái lại, là hiến dâng mình cho Thiên Chúa và mầu nhiệm của Người, dù là một mầu nhiệm đáng sợ không kém gì thập giá là biểu tượng cho mầu nhiệm đó.

Nói thế cũng đủ để ta hiểu được rằng lá thư gửi

tin hữu Ga-lát này ngày hôm nay vẫn mang tính thời sự, khi mà biết bao người đang đi tìm những điều mình có thể nắm chắc để mà tin. Lại nữa, đây là một sự kiện : vì phải cứu mang một số lớn những Ki-tô hữu chỉ có một kinh nghiệm rất nhỏ về đời

sống trong Thân Khí, Giáo Hội luôn luôn có khuynh hướng hạ thấp trình độ của mình để thích nghi với trình độ của họ, và trở thành một tôn giáo : vậy Giáo Hội phải ý thức lại căn tính của mình và khám phá lại thế nào là sống nhờ lòng tin.

THƯ GỬI TÍN HỮU GA-LÁT

Lời mở đầu

1 * ¹ Tôi là Phao-lô, Tông Đồ không phải do loài người, cũng không phải nhờ một người nào, nhưng bởi Đức Giê-su Ki-tô và Thiên Chúa là Cha, Đấng đã cho Người từ cõi chết trỗi dậy, ² tôi và mọi anh em đang ở với tôi, kính gửi các Hội Thánh miền Ga-lát. ³ Xin Thiên Chúa là Cha chúng ta, và xin Chúa Giê-su Ki-tô ban cho anh em ân sủng và bình an. ⁴ Để cứu chúng ta thoát khỏi cõi đời xấu xa hiện tại, Đức Giê-su Ki-tô đã tự hiến vì tội lỗi chúng ta, theo ý muốn của Thiên Chúa là Cha chúng ta.

⁵ Xin tôn vinh Thiên Chúa đến muôn thuở muôn đời. A-men.

Lời cảnh cáo

* ⁶ Tôi lấy làm ngạc nhiên, khi thấy anh em trở mặt mau lẹ như thế với Đấng đã kêu gọi anh em nhờ ân sủng của Đức Ki-tô, để theo một Tin Mừng khác. ⁷ Không có Tin Mừng nào khác đâu, mà chỉ có một vài kẻ phá rối anh em, và muốn làm xáo trộn Tin Mừng của Đức Ki-tô đó thôi. ⁸ Nhưng nếu có ai, kể cả chúng tôi, hoặc một thiên thần nào từ trời xuống, loan báo cho anh em Tin Mừng khác với

* 1,1 Lưu ý thánh Phao-lô nhấn mạnh sự kiện ngài đã được Thiên Chúa kêu gọi và trực tiếp sai đi. Khi nói về người tông đồ, ngài không nghĩ ngay tới Nhóm Mười Hai của Chúa Giê-su, đã được Chúa sai đi, nhưng tới những người khác lúc ấy mang danh hiệu này, là những người đi nhiên đã được Giáo Hội và Thiên Chúa sai đi, nhưng trong thực tế là được người phạm tuyển chọn.

* 1,6 Tôi lấy làm ngạc nhiên, khi thấy anh em trở mặt mau lẹ như thế, để theo một Tin Mừng khác. Có nhiều cách rao giảng Tin Mừng lại biến nó thành một tin mừng khác, không còn là Tin Mừng do Thiên Chúa trao ban trong Chúa Giê-su nữa. Trong số các tín hữu Ga-lát, những người gốc Do-thái đã không hiểu điều đó. Nếp sống có vẻ đạo đức hơn, mà họ tìm cách áp đặt cho cộng đoàn, thật ra là một cách hoài nghi Chúa Giê-su, Đấng Cứu Độ duy nhất.

Tin Mừng chúng tôi đã loan báo cho anh em, thì xin Thiên Chúa loại trừ kẻ ấy đi !⁹ Như tôi đã nói, và nay tôi xin nói lại : nếu có ai loan báo cho anh em một Tin Mừng khác với Tin Mừng anh em đã lãnh nhận, thì xin Thiên Chúa

loại trừ kẻ ấy đi !¹⁰ Vậy, giờ đây tôi tìm cách lấy lòng người đời, hay lấy lòng Thiên Chúa ? Phải chăng tôi tìm cách làm đẹp lòng người đời ? Nếu tôi còn muốn làm đẹp lòng người đời, thì tôi không phải là tôi tớ của Đức Ki-tô.

I. LỜI THANH MINH

Ơn gọi của thánh Phao-lô

*¹¹ Thật vậy, thưa anh em, tôi xin nói cho anh em biết : Tin Mừng tôi loan báo không phải là do loài người.¹² Vì không có ai trong loài người đã truyền

lại hay dạy cho tôi Tin Mừng ấy, nhưng là chính Đức Giê-su Ki-tô đã mặc khải.¹³ Anh em hẳn đã nghe nói tôi đã ăn ở thế nào trước kia trong đạo Do-thái : tôi đã quá hăng

Khác với Tin Mừng anh em đã lãnh nhận. Chúng ta quen đối chọi các quan điểm với nhau, nên những lời này làm chúng ta ngạc nhiên. Vậy phải chăng thánh Phao-lô có đặc tính “vô ngộ”, nghĩa là không thể sai lầm ? Ngài biết mình là người mang không những Lời Thiên Chúa mà cả *chân lý của Tin Mừng* nữa. Thật ra, lòng tin của Hội Thánh vẫn luôn luôn là lòng tin của các Tông Đồ : Đức Giê-su, mà chúng ta tin, là Đấng mà các Tông Đồ đã tin, đã hiểu và đã truyền dạy. Không thể đưa điều này ra tranh luận kéo xa rời đức tin. Giáo lý được các Tông Đồ đón nhận và được Hội Thánh bảo toàn, đó chính là điều mà chúng ta gọi là *Thánh Truyền*.

* 1,11 Các đối thủ của thánh Phao-lô phê phán uy tín của ngài : ngài không phải là Tông Đồ như những vị đã được Chúa Giê-su tuyển chọn. Vậy, ở đây thánh Phao-lô sẽ nhắc lại vắn tắt lộ trình của ngài : xem đề tài này ở Cv 9,1-30.

Người đã đoái thương mặc khải Con của Người cho tôi (c.16). Thánh Phao-lô không chỉ đã “nhìn thấy” Chúa Ki-tô, mà đã khám phá ra Chúa hiện diện mật thiết trong lòng ngài. Chỉ trong một cuộc thiên khải duy nhất, Chúa Ki-tô Phục Sinh, là Ngôi Lời và là Đức Khôn Ngoan của Thiên Chúa, đã ban cho ngài thấu hiểu toàn bộ chân lý đức tin (không phải tất cả mọi chân lý, vì các điều này chỉ là những góc cạnh cục bộ mà chúng ta thoáng nhận thức được lúc này hay lúc khác, trong đời mình).

say bắt bớ, và những muốn tiêu diệt Hội Thánh của Thiên Chúa.¹⁴ Trong việc giữ đạo Do-thái, tôi đã vượt xa nhiều đồng bào cùng lứa tuổi với tôi : hơn ai hết, tôi đã tỏ ra nhiệt thành với các truyền thống của cha ông.

¹⁵ Nhưng Thiên Chúa đã dành riêng tôi ngay từ khi tôi còn trong lòng mẹ, và đã gọi tôi nhờ ân sủng của Người.¹⁶ Người đã đoái thương mặc khải Con của Người cho tôi, để tôi loan báo Tin Mừng về Con của Người cho các dân ngoại. Tôi đã chẳng thuận theo các lý do tự nhiên,¹⁷ cũng chẳng lên Giê-ru-sa-lem để gặp các vị đã là Tông Đồ trước tôi, nhưng tức khắc tôi đã sang xứ Á-rập, rồi

lại trở về Đa-mát.¹⁸ Ba năm sau tôi mới lên Giê-ru-sa-lem diện kiến ông Kê-pha, và ở lại với ông mười lăm ngày.¹⁹ Tôi đã không gặp một vị Tông Đồ nào khác ngoài ông Gia-cô-bê, người anh em của Chúa.²⁰ Viết cho anh em những điều này, tôi cam đoan trước mặt Thiên Chúa là tôi không nói dối.²¹ Sau đó tôi đến miền Xy-ri và miền Ki-li-ki-a.²² Nhưng lúc ấy các Hội Thánh Đức Ki-tô tại miền Giu-đê không biết mặt tôi.²³ Họ chỉ nghe nói rằng : “Người trước đây bắt bớ chúng ta, bây giờ lại loan báo đức tin mà xưa kia ông những muốn tiêu diệt”,²⁴ và vì tôi, họ tôn vinh Thiên Chúa.

Trường hợp của thánh Phao-lô, được Chúa Ki-tô kêu gọi trực tiếp, là cá biệt. Thế mà chúng ta thấy ngài đâu có bắt Hội Thánh phải theo ngài. Chúa Ki-tô đã sai ngài đến xin ông A-na-ni-a ban phép thánh tẩy cho. Sau đó, ngài đã gặp ông Kê-pha (tên A-ram của thánh Phê-rô) mà mọi người nhìn nhận là người đứng đầu Hội Thánh, rồi gặp ông Gia-cô-bê, vị phụ trách Hội Thánh Giê-ru-sa-lem. Sự “kết hợp” hay “hiệp thông” này không thể thiếu để có thể hành động nhân danh Hội Thánh.

Thánh Phao-lô viết : Các Tông Đồ nhận ra ân huệ Thiên Chúa đã ban cho tôi (2,9) : các ngài nhìn nhận Thần Khí của Thiên Chúa lúc ấy đang hoạt động nơi thánh Phao-lô. Những người có trách nhiệm trong Hội Thánh không áp đặt đường lối cá nhân của mình, nhưng cố gắng nhận ra tiếng gọi của Chúa Thánh Thần.

Đại hội ở Giê-ru-sa-lem

2 * ¹ Rồi sau mười bốn năm, tôi lại lên Giê-ru-sa-lem một lần nữa cùng với ông Ba-na-ba ; tôi cũng đem theo anh Ti-tô đi với tôi. ² Tôi lên đó vì được Thiên Chúa mặc khải, và đã trình bày cho người ta Tin Mừng tôi rao giảng cho dân ngoại, —cách riêng cho các vị có thể giá—, vì sợ rằng tôi ngược xuôi, và đã ngược xuôi vô ích. ³ Thế mà ngay cả anh Ti-tô, người cùng đi với tôi và là người Hy-lạp, cũng không bị ép phải chịu cắt bì. ⁴ Sở dĩ thế là vì có những tên xâm nhập, những kẻ giả danh giả nghĩa anh em, đã len lỏi vào dò xét sự tự do

của chúng ta, sự tự do chúng ta có được trong Đức Ki-tô Giê-su ; họ làm như vậy là để bắt chúng ta trở thành nô lệ. ⁵ Nhưng với những người ấy, chúng tôi đã không chịu nhượng bộ, dù chỉ trong giấy lát, để duy trì cho anh em chân lý của Tin Mừng. ⁶ Còn về các vị có thể giá —lúc bấy giờ các vị ấy có là gì đi nữa, điều đó không quan hệ đối với tôi : Thiên Chúa không thiên vị ai—, các vị có thể giá ấy đã không đưa ra thêm điều gì cho tôi. ⁷ Trái lại, các ngài thấy rằng tôi đã được uỷ thác nhiệm vụ loan báo Tin Mừng cho những người không được cắt bì, cũng

* 2,1 Cuộc gặp gỡ này tại Giê-ru-sa-lem được ghi lại trong Cv 15 : xin đọc phần bình giải ở đó.

Những người Do-thái đã được thanh tẩy vẫn tiếp tục giữ Luật Mô-sê : trong đó có cùng một lúc Mười Điều Răn, các nghi thức phụng tự và các tập tục của nước họ. Khi các dân thuộc chủng tộc khác tin Chúa Ki-tô thì thánh Phao-lô đòi người ta không được ép họ giữ Luật Mô-sê. Dĩ nhiên là họ phải tôn trọng tha nhân, không được trộm cắp, nhưng tất cả những điều này đã nằm trong Tin Mừng cả rồi, nên đâu cần phải áp đặt Luật Mô-sê nữa.

Để duy trì cho anh em chân lý của Tin Mừng (c.5). Bởi vì Tin Mừng giải thoát con người khỏi những gì giới hạn chân trời của họ. Thiên Chúa là tự do thuần túy và ân huệ thuần túy. Dù người ta xem Người là Đấng hoá công tuyệt vời của vũ trụ bao la (điều này không phải là sai), hay là Tình Yêu và Người Yêu duy nhất, là người Cha của mọi kẻ có thể đáp đền tình yêu của Người (những điều này thì đúng hơn), thì Người cũng đâu có thể đóng khung chúng ta trong những nghi thức hoặc những cách thức ăn mặc, ăn uống riêng biệt : đã đến thời người ta phải nhìn nhau “trong ân sủng và sự thật” (Ga 1,17).

như ông Phê-rô được uỷ thác nhiệm vụ loan báo Tin Mừng cho những người được cắt bì. ⁸ Thật vậy, Đấng đã hoạt động nơi ông Phê-rô, biến ông thành Tông Đồ của những người được cắt bì, cũng đã hoạt động biến tôi thành Tông Đồ các dân ngoại. ⁹ Vậy khi nhận ra ân huệ Thiên Chúa đã ban cho tôi, các ông Gia-cô-bê, Kê-pha và Gio-an, những người được coi là cột trụ, đã bắt tay tôi và ông Ba-

na-ba để tỏ dấu hiệp thông : chúng tôi thì lo cho các dân ngoại, còn các vị ấy thì lo cho những người được cắt bì. ¹⁰ Chỉ có điều này là chúng tôi phải nhớ đến những người túng thiếu, điều mà tôi vẫn gắng làm.

Thánh Phê-rô và thánh Phao-lô tại An-ti-ô-khi-a

* ¹¹ Nhưng khi ông Kê-pha đến An-ti-ô-khi-a, tôi đã cự lại ông ngay trước mặt, vì ông đã làm điều

Chúng ta bận tâm lo giữ đức tin cho tinh tuyền trong Hội Thánh : cũng là phải. Nhưng ở đây thánh Phao-lô cho chúng ta thấy rằng chân lý của Tin Mừng không chỉ nằm trong các định thức, hay là trong nội dung các tín điều được diễn đạt theo kiểu trí thức : chân lý Tin Mừng là trong cách sống của người Ki-tô hữu, vốn là người tự do đối với tất cả những gì không phải là Thiên Chúa.

Lúc bấy giờ các vị ấy có là gì đi nữa, điều đó không quan hệ đối với tôi (c.6). Các ông Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an không có tước vị, không có tiền bạc, cũng chẳng có văn hoá. Nếu có những tín hữu thuộc giới khá giả có thường các ngài, thì thánh Phao-lô chỉ nhìn các ngài là những vị có trách nhiệm trong Hội Thánh mà thôi.

* **2,11** Thánh Phao-lô cảm thấy mình có bốn phận chính công khai “vị giáo hoàng đầu tiên” : tự do tư tưởng và tự do ngôn luận là thành tố của chân lý Tin Mừng, và Hội Thánh khoẻ mạnh hơn khi nó không bị chối bỏ.

Người Do-thái thời ấy không đồng bàn với những người không phải là Do-thái, vì ăn chung như thế sẽ làm cho họ ra “ô uế”. Tuy nhiên, làm sao chấp nhận được, trong Hội Thánh, những người gốc Do-thái lại không hoà đồng với những người khác ? Hoá ra người phi Do-thái là tín hữu hạng hai sao ? Và đó chẳng phải là nguy cơ gây áp lực đẩy họ đi theo các tập tục Do-thái giáo và ly khai với anh em đồng chủng của mình hay sao ? Làm như vậy chẳng khác nào công nhận rằng chỉ một mình Tin Mừng thôi thì chưa đủ. Điều này, ông Kê-pha dự biết (Cv 11,4-17), nhưng ông sợ đụng chạm đến lớp người Ki-tô hữu thủ cựu gốc Do-thái.

đáng trách. ¹² Thật vậy, ông thường dùng bữa với những người gốc dân ngoại trước khi có những người của ông Gia-cô-bê đến ; nhưng khi những người này đến, ông lại tránh né và tự tách ra, vì sợ những người được cắt bì. ¹³ Những người Do-thái khác cũng theo ông mà giả hình giả bộ, khiến cả ông Ba-na-ba cũng bị lôi cuốn mà giả hình như họ.

¹⁴ Nhưng khi tôi thấy các ông ấy không đi đúng theo chân lý của Tin Mừng, thì tôi đã nói với ông Kê-pha trước mặt mọi người : “Nếu ông là người Do-thái mà còn sống như người dân ngoại, chứ không như

người Do-thái, thì làm sao ông lại ép người dân ngoại phải xử sự như người Do-thái ?”

Tin Mừng của thánh Phao-lô

* ¹⁵ Chúng ta bẩm sinh là người Do-thái chứ không phải hạng người tội lỗi xuất thân từ dân ngoại. ¹⁶ Tuy nhiên, vì biết rằng con người được nên công chính không phải nhờ làm những gì Luật dạy, nhưng nhờ tin vào Đức Giê-su Ki-tô, nên chúng ta cũng tin vào Đức Ki-tô Giê-su, để được nên công chính, nhờ tin vào Đức Ki-tô, chứ không phải nhờ làm những gì Luật dạy. Qu

Vấn đề này vẫn luôn có tính thời sự, bởi lẽ những người khởi xướng các lễ thói trong cộng đoàn Ki-tô giáo thường là những người thuộc một giai cấp xã hội nào đó. Thế nhưng đâu có nghĩa là người khác phải bắt chước họ. Trong Hội Thánh, mỗi người đến với tư cách thuộc về một môi trường nhất định, với vốn liếng văn hoá và ngôn ngữ của mình : chúng ta có quyền cảm thấy bị dội bởi những cái không phù hợp với văn hoá của chúng ta, nhưng đừng vì thế mà nghĩ rằng những cái đó là không thể chấp nhận trong một Hội Thánh vốn mở rộng đón nhận đủ mọi thứ dân.

* **2,15** *Chúng ta bẩm sinh là người Do-thái.* Ở đây thánh Phao-lô triển khai điều ngài đã nói trong câu đáp lời thánh Phê-rô : tất cả sức năng động của đức tin Ki-tô giáo phát xuất từ chỗ người ta đã từ bỏ việc lập công bằng cách tuân thủ các điều răn, để chỉ đặt tin tưởng vào ơn cứu độ Chúa Ki-tô đã thực hiện mà thôi. Nếu sau đó, vì sợ đụng chạm với người Do-thái mà từ chối không ăn chung với người Ki-tô hữu gốc phi Do-thái, thì người ta đã đi quá, và cho thấy thật ra Luật Mô-sê vẫn còn có giá trị.

thế, *không phàm nhân nào sẽ được nên công chính vì làm những gì Luật dạy.* ¹⁷ Nhưng nếu khi tìm cách nên công chính trong Đức Ki-tô mà chúng ta vẫn bị liệt vào hàng tội lỗi, thì chẳng hoá ra Đức Ki-tô là người phục vụ tội lỗi sao ? Không phải thế ! ¹⁸ Thật vậy, nếu tôi xây lại những gì tôi đã phá, thì tôi tỏ ra mình là kẻ phạm pháp. ¹⁹ Quả thế, tại vì Lê Luật mà tôi đã chết đối với Lê Luật, để

sống cho Thiên Chúa. Tôi cùng chịu đóng đinh với Đức Ki-tô vào thập giá. ²⁰ Tôi sống, nhưng không còn phải là tôi, mà là Đức Ki-tô sống trong tôi. Hiện nay tôi sống kiếp phàm nhân trong niềm tin vào Con Thiên Chúa, Đấng đã yêu mến tôi và hiến mạng vì tôi. ²¹ Tôi không làm cho ân huệ của Thiên Chúa ra vô hiệu, vì nếu người ta được nên công chính do Lê Luật, thì hoá ra Đức Ki-tô đã chết vô ích.

Nếu tôi xây lại những gì tôi đã phá (c.18). Đây chính là điều mà đến phiên các tín hữu Ga-lát đang làm. Thánh Phao-lô đã từng dạy họ thoát ra khỏi những thành kiến ngoại giáo của họ, cũng như khỏi những tập tục của Cựu Ước. Thế mà bây giờ, bỏ những cái đó đi thì họ cảm thấy bị hụt hẫng. Liệu tin vào Chúa Ki-tô có đủ không, trong một thế giới mà mỗi người có một tôn giáo riêng ? Chẳng ai thích gì khi phải chịu phép cắt bì, nhưng ít ra cái đó cho bạn cảm thấy mình có một căn tính.

Ở đây chúng ta có một bản tóm lược những gì, bốn năm sau, thánh Phao-lô sẽ triển khai trong các ch. 2 – 8 của thư Rô-ma. Biết rằng lời biện hộ chặt chẽ cho tự do Ki-tô giáo này là một điều lúc bấy giờ thật mới mẻ, và hiện vẫn chưa ngừng làm vỡ tung những khuôn phép văn hoá và xã hội, nhưng cũng không nên để nó át đi những điều mà thánh Phao-lô muốn truyền đạt trước hết. *Đức Ki-tô sống trong tôi (c.20).* Thánh Phao-lô không phải là một nhà lập thuyết ; điều hôm nay thúc ngài viết, và ngày mai lại đẩy ngài vượt trùng dương hoặc cuộc bộ băng qua những núi đồi xa lạ, chính là tình yêu say mê đối với Đức Giê-su Thiên Chúa. Phải mạnh bạo lắm mới dám bàn về mối kết giao này, về cái phúc Chúa Ki-tô đến ngự trong những ai yêu mến Người và được Người yêu thương. Và đã cần phải có một tình yêu trọn vẹn như thế mới làm nảy sinh được điều cao trọng nhất mà lòng tin Ki-tô giáo đã gây dựng, và cũng là điều người ta ít lưu ý nhất, đó là, giữa nhiều nhân đức khác, sự tha thứ và lòng khiêm nhu : *Tôi cùng chịu đóng đinh với Đức Ki-tô vào thập giá (c.19).*

II. PHẦN GIÁO THUYẾT

Kinh nghiệm của người tín hữu

3 * ¹ Hỡi những người Ga-lát ngu xuẩn, ai đã mê hoặc anh em là những người đã được thấy hình ảnh Đức Giê-su Ki-tô chịu đóng đinh vào thập giá phơi bày ra trước mắt ? ² Tôi muốn anh em cho tôi biết điều này thôi : anh em đã nhận được Thần Khí vì đã làm những gì Luật dạy, hay vì đã tin nhờ được nghe ? ³ Anh em

ngu xuẩn như thế sao ? Anh em đã khởi sự nhờ Thần Khí, nay lại kết thúc nhờ xác thịt sao ? ⁴ Bấy nhiêu kinh nghiệm anh em đã trải qua, lại uổng công sao ? Mà quả thật là uổng công ! ⁵ Vậy Đấng đã rộng ban Thần Khí cho anh em và thực hiện những phép lạ giữa anh em, có phải vì anh em làm những gì Luật dạy, hay vì anh em đã tin nhờ được nghe ?

* 3,1 Một số khá đông các Ki-tô hữu Ga-lát là người gốc Do-thái, còn những người khác đã có một vài ý niệm về Cựu Ước vì người ta đọc sách này trong các buổi họp cộng đoàn Hội Thánh (Tân Ước bấy giờ chưa có). Vậy thánh Phao-lô đi từ kinh nghiệm mà mọi người đã có khi được thanh tẩy, lúc họ lãnh nhận Thần Khí, rồi sau đó ngài sẽ giải thích kinh nghiệm đó khi đọc lại Cựu Ước.

Anh em đã khởi sự nhờ Thần Khí, nay lại kết thúc nhờ xác thịt (c.3). Sự tương phản này có hai nghĩa. Tín hữu Ga-lát đã có kinh nghiệm về *Thần Khí* và các phép lạ của Người trước rồi, nay lại muốn chịu cắt bì trong *xác thịt*. Theo một nghĩa khác, họ đã khởi sự với chân lý của Thiên Chúa hiện thân trong Chúa Giê-su : đó là *thần khí*, tức là chân lý tinh tuyền ; nay họ lại quay về những tập tục của Do-thái giáo, tuy xuất phát từ Thiên Chúa, nhưng, cũng như mọi việc đạo đức, có thể vẫn còn ở trên cấp độ con người, gọi là *xác thịt*.

Những kẻ phá rối tín hữu Ga-lát nói : “Các bạn thuộc về Đức Ki-tô, mà Đức Ki-tô là miêu duệ ông Áp-ra-ham và là người Do-thái. Vậy các bạn hãy theo ông Áp-ra-ham và hãy làm như người Do-thái : như thế, cùng với Đức Ki-tô, các bạn sẽ là con cháu ông Áp-ra-ham.” Thánh Phao-lô phản bác rằng đâu phải vì thuộc dòng tộc ông Áp-ra-ham mà người ta là con cháu ông. Thánh Tông Đồ sẽ triển khai luận chứng này trong Rm 4. Chúng ta đừng tưởng những thành kiến như thế bây giờ không còn nữa. Có những người nghĩ mình là Ki-tô hữu vì đã được thanh tẩy khi mới chào đời : họ quên rằng không có đức tin và hoán cải bản thân thì phép thánh tẩy không có nghĩa lý gì cả.

Về *sự công chính* đích thực (3,8), x. phần bình giải Rm 1,17.

Kinh Thánh làm chứng : đức tin và Lễ Luật

⁶ Cũng như ông Áp-ra-ham đã tin Thiên Chúa, và vì thế Thiên Chúa kể ông là người công chính.

⁷ Vậy anh em nên biết rằng : những ai dựa vào đức tin, những người ấy là con cái ông Áp-ra-ham.

⁸ Đàng khác, Kinh Thánh thấy trước rằng Thiên Chúa sẽ làm cho dân ngoại nên công chính nhờ đức tin, nên đã tiên báo cho ông Áp-ra-ham tin mừng này : *Nhờ người, muôn dân sẽ được chúc phúc.* ⁹ Như vậy, những kẻ dựa vào đức tin thì được chúc phúc làm một với ông Áp-ra-ham, người có đức tin.

¹⁰ Thật thế, những ai dựa vào những việc Luật dạy phải làm thì đều chuốc lấy lời nguyên rủa, vì Kinh Thánh viết : *Đáng nguyên rủa thay mọi kẻ không bền chí thi hành tất cả những gì chép trong sách Luật !*

¹¹ Vả lại, không ai được nên công chính trước mặt Thiên Chúa nhờ Lễ Luật, đó là điều hiển nhiên, vì

người công chính nhờ đức tin sẽ được sống. ¹² Thế mà Lễ Luật không lệ thuộc đức tin, nhưng ai thực hành những điều Lễ Luật dạy, thì nhờ đó sẽ được sống. ¹³ Đức Ki-tô đã chuộc chúng ta cho khỏi bị nguyên rủa vì Lễ Luật, khi vì chúng ta chính Người trở nên đồ bị nguyên rủa, vì có lời chép : *Đáng nguyên rủa thay mọi kẻ bị treo trên cây gỗ !* ¹⁴ Như thế là để nhờ Đức Giê-su Ki-tô, các dân ngoại cũng được hưởng phúc lành dành cho ông Áp-ra-ham, và để nhờ đức tin, chúng ta nhận được ơn Thiên Chúa đã hứa tức là Thần Khí.

Lễ Luật không huỷ bỏ lời hứa

* ¹⁵ Thưa anh em, tôi nói theo kiểu người đời : một chúc thư đúng thể thức, dù chỉ là do một người phạm, thì cũng không ai được huỷ bỏ hay thêm thắt điều gì. ¹⁶ Thế mà những lời hứa đã được ban cho ông Áp-ra-ham và dòng dõi ông,

* 3,15 Chúng ta biết rằng trong Sách Thánh, *Chúc Thư* (Testament) và *Giao Ước* (Alliance) có nghĩa như nhau : Cựu Ước là Chúc Thư ghi chép cuộc Giao Ước đầu tiên mà Thiên Chúa lập với dân Người. Ở đây, thánh Phao-lô ví Thiên Chúa như một người viết chúc thư.

Kinh Thánh không nói : *và cho những dòng dõi*, như thể nói về nhiều, mà chỉ nói về một : *và cho dòng dõi người* là Đức Ki-tô. ¹⁷ Tôi muốn nói là : một chúc thư xưa kia đã được Thiên Chúa lập đúng thể thức, thì Lê Luật, mãi bốn trăm ba mươi năm sau mới có, không phé bỏ chúc thư đó được, và như vậy làm cho lời hứa ra vô hiệu. ¹⁸ Thật thế, nếu nhờ Lê Luật mà người ta được hưởng gia tài, thì không còn phải là nhờ lời hứa nữa. Thế nhưng Thiên Chúa đã dùng một lời hứa mà ban ân huệ cho ông Áp-ra-ham.

Vai trò của Lê Luật

¹⁹ Vậy Lê Luật để làm gì ? Chính là để gây ra các sự vi phạm mà Lê Luật đã được đặt thêm, cho tới khi Đấng là dòng dõi Áp-ra-ham đến, Đấng được hưởng lời hứa. Lê Luật đã

được ban bố nhờ các thiên thần, qua tay một trung gian. ²⁰ Nhưng không thể có trung gian khi chỉ có một bên, mà Thiên Chúa thì chỉ có một. ²¹ Vậy thì Lê Luật đi ngược lại với những lời hứa của Thiên Chúa sao ? Không phải thế. Thật vậy, giả như có một luật nào đã được ban cho con người mà lại có khả năng làm cho sống, thì quả là người ta được nên công chính nhờ Lê Luật. ²² Nhưng Kinh Thánh đã giam hãm mọi sự trong vòng tội lỗi, để nhờ lòng tin vào Đức Giê-su Ki-tô, điều Thiên Chúa đã hứa được ban cho các kẻ tin.

Thời của đức tin đã đến

* ²³ Trước khi đức tin đến, chúng ta bị Lê Luật giam giữ, cho tới khi đức tin được mặc khải. ²⁴ Như thế Lê Luật đã thành

Trước hết, Thiên Chúa lập một giao ước long trọng với ông Áp-ra-ham. Người chẳng đòi hỏi ông điều gì, nhưng trao cho ông một lời hứa. Tất cả những gì Người đòi hỏi để cứu con cháu ông là họ phải đặt tin tưởng nơi Người. Sau một sáng kiến như thế từ phía Thiên Chúa, bộ Luật mà Người ban cho ông Mô-sê không thể lật ngược tình thế được. Vì vậy, thánh Phao-lô tuyên bố rằng đa số người Do-thái sai lầm khi họ quá bận tâm tuân thủ Lê Luật nhưng lại ít quan tâm mở rộng tâm hồn.

* 3,23 Ở đoạn trên, thánh Phao-lô đã bắt đầu cho thấy có nhiều giai đoạn khác nhau trong lịch sử đức tin. Người Do-thái trước kia đã thấy

người quản giáo dẫn chúng ta tới Đức Ki-tô, để chúng ta được nên công chính nhờ đức tin. ²⁵ Nhưng khi đức tin đến, thì chúng ta không còn ở dưới quyền giám hộ nữa. ²⁶ Thật vậy, nhờ đức tin, tất cả anh em đều là con cái Thiên Chúa trong Đức Giê-su Ki-tô. ²⁷ Quả thế, bất cứ ai trong anh em được thanh tẩy để

thuộc về Đức Ki-tô, đều mặc lấy Đức Ki-tô. ²⁸ Không còn chuyện phân biệt Do-thái hay Hy-lạp, nô lệ hay tự do, đàn ông hay đàn bà ; nhưng tất cả anh em chỉ là một trong Đức Ki-tô. ²⁹ Mà nếu anh em thuộc về Đức Ki-tô, thì anh em là dòng dõi ông Áp-ra-ham, những người thừa kế theo lời hứa.

có sự tiến triển trong mặc khải của Thiên Chúa ; họ phân biệt nhiều đợt giao ước Thiên Chúa đã thiết lập : với các ông A-đam, Nô-ê, Áp-ra-ham, Mô-sê. Nhưng họ cho rằng sự tiến triển ở chỗ Thiên Chúa ban một lề luật ngày càng đầy đủ hơn, và đối tượng tuyển chọn của Người ngày càng thu hẹp lại, ngày càng chính xác, đến mức dồn hết tất cả các lời hứa của Người vào cộng đồng Do-thái nhỏ bé. Thánh Phao-lô thì, như vừa nói trên đây, cho thấy sự tiến triển nằm ở chỗ khác : Thiên Chúa vừa mới thay thế một tôn giáo – trong đó, đối với nhiều người, tin chỉ là tuân giữ luật – bằng một lòng tin, một sự hiến mình cho Chúa Ki-tô, một phúc đáp của chính mình cho chính Thiên Chúa.

Nhưng ở đây thánh Phao-lô đi xa hơn thế nữa : ngài cho thấy có một đường lối giáo dục của Thiên Chúa trong sự tiếp nối này. *Lề Luật đã thành người quản giáo dẫn chúng ta tới Đức Ki-tô* (3,24) : đúng thế, từ “quản giáo” trong tiếng Hy-lạp có nghĩa là “dẫn trẻ đến nhà giáo, đến trường”. Thời ấy, trẻ em thuộc gia đình khá giả được trao cho một người nô bộc gọi là quản giáo ; người này dẫn trẻ đến trường nhưng không dạy nó. Ở đây thánh Phao-lô nói luật Mô-sê là người nô bộc, còn Chúa Ki-tô mới là người Thầy.

Vậy Lề Luật để làm gì ? (c.19). Thánh Phao-lô cũng sẽ đặt lại câu hỏi này ở Rm 3,1 ; 5,20 ; 7,7. Trong thư này, ngài sẽ đưa ra câu trả lời ở 4,1. Tuy nhiên, ngài ghi nhận tính tiêu cực của luật, vì nó luôn luôn tố cáo và lên án : *Kinh Thánh đã giam hãm mọi sự trong vòng tội lỗi* (c.22). Trong một thời gian, Thiên Chúa đã để chúng ta chỉ dán mắt nhìn tội lỗi của mình, lòng bất trung và vong ân của mình đối với Người : đó là điều tốt cho chúng ta ; nhưng điều Người quan tâm nhiều hơn nữa là dẫn đưa chúng ta tới trạng thái được thật sự giao lưu kết nghĩa với Người. Có kẻ sẽ nói : Tương quan đơn giản đó với Thiên Chúa, chúng ta sẽ có được trên thiên đàng. Thế nhưng điều Thiên Chúa ước mong đâu phải thế : Người muốn rằng Vương Quốc của Người hiện đã ở giữa chúng ta rồi.

Chúng ta được làm con cái Thiên Chúa

4 * ¹ Tôi thiết nghĩ : bao lâu người thừa kế còn là thiếu niên thì không khác gì một nô lệ, mặc dù là chủ mọi tài sản. ² Nó phải ở dưới quyền những

người giám hộ và quản lý, cho đến khi mãn hạn người cha đã định. ³ Chúng ta cũng vậy, khi còn là thiếu niên, chúng ta phải làm nô lệ những yếu tố của vũ trụ. ⁴ Nhưng khi thời gian tới hồi viên mãn,

Xưa kia, luật Mô-sê là phương thế đưa dân Ít-ra-en tới một tầm hiểu biết hoàn hảo hơn về con người đối diện với Thiên Chúa, giúp cho dân có được ý niệm về tội. Luật được ban bố để giáo dục một dân tộc trong một thời gian.

Điều này giúp chúng ta hiểu được ý nghĩa của cụm từ *qua tay một trung gian* (c.19). Đối với thánh Phao-lô, luật Mô-sê không phải là một cái gì mang tính thần linh và vĩnh cửu mà đích thân Thiên Chúa đã ban bố. Ngài nghĩ rằng Thiên Chúa đã giao cho các thiên sứ -là những vị có nhiệm vụ cai quản các thứ quyền lực trong lịch sử công việc tổ chức đạo giáo tạm thời ấy. Phải cho nó thích nghi với một thời kỳ nhất định, với một dân tộc đặc biệt, và ông Mô-sê phải dung hoà các đòi hỏi đủ loại (mà các thiên sứ là biểu tượng) để cuộc thích nghi được thành công. Văn ý tưởng này lại xuất hiện ở 4,3. Tất một lời, Cựu Ước hàm chứa chân lý của Thiên Chúa, nhưng chân lý này đến với chúng ta dưới những dạng thức vừa diễn đạt vừa giới hạn chân lý.

Phần mỗi người chúng ta thì cần phải được tập cho biết phục tùng luật lệ trong những năm đầu đời, như ca dao ta nói : “Cá không ăn muối cá ươn / Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.” Công trình đào tạo sơ khởi này, không có gì thay thế được. Sau đó, chúng ta sẽ biết làm theo lương tâm của mình mà không sợ lầm lẫn nó với những ngẫu hứng. Dân Thiên Chúa, xét như tập thể, cũng đã có một quá trình như thế : Luật Mô-sê đã đưa họ tới sự tự do của Tin Mừng (x. 5,1). Kết luận : nếu đã có Chúa Ki-tô dạy dỗ rồi, thì trở lại với những tập tục Do-thái giáo làm chi nữa ?

* 4,1 *Bao lâu người thừa kế còn là thiếu niên* (4,1). Thiên Chúa đã sáng tạo con người có tự do, và theo hình ảnh Chúa Ki-tô. Nhưng khi sinh ra thì chưa trưởng thành : phải là đứa trẻ trước đã. Nhân loại cũng thế, đã phải trải qua thời thơ ấu : thời các xã hội nguyên thủy, thời mà cái nhìn về vũ trụ còn ngây ngô, các nền văn hoá còn giản dị và các tôn giáo còn tạm thời. Bấy giờ loài người hãy còn như những đứa trẻ được giao cho các *nô lệ* coi giữ ; dưới mắt thánh Phao-lô, họ lệ thuộc vào *những yếu tố của vũ trụ* (c.3), là những quyền lực được tạo ra để cai quản thế giới. Đối với ngài, các định luật tự nhiên, cũng như các quy luật và thành kiến của các xã hội nguyên thủy, chỉ là một với các sức mạnh vô hình của thiện và ác (x. Ep 3,10 ; Cl 2,15).

Thiên Chúa đã sai Con mình tới, sinh làm con một người phụ nữ, và sống dưới Lê Luật, ⁵ để chuộc những ai sống dưới Lê Luật, hầu chúng ta nhận được ơn làm nghĩa tử. ⁶ Để chứng thực anh em là con cái, Thiên Chúa đã sai Thần Khí của Con mình đến ngự trong lòng anh em mà kêu lên : “Áp-ba, Cha ơi !” ⁷ Vậy anh em không còn phải là nô lệ nữa, nhưng là con, mà đã là con

thì cũng là người thừa kế, nhờ Thiên Chúa.

⁸ Trước kia, khi chưa biết Thiên Chúa, anh em làm nô lệ những vật tự bản chất không phải là thần. ⁹ Nhưng nay anh em đã biết Thiên Chúa, hay đúng hơn được Thiên Chúa biết đến, làm sao anh em còn trở lại với những yếu tố bất lực và nghèo nàn ấy, còn muốn làm nô lệ chúng một lần nữa ? ¹⁰ Anh em

Giờ đây, nhờ Chúa Ki-tô, chân trời chân lý được mở ra cho chúng ta. Trước hết, Chúa Ki-tô giải thoát con người khỏi mê tín dị đoan và những tín ngưỡng ngoại giáo, đã từng cản trở con người nhận biết Chúa Cha và trở nên con cái Người.

Sinh làm con một người phụ nữ, và sống dưới Lê Luật (4,4). Chúa Ki-tô cứu độ con người vì bản thân Chúa cũng là con người. Chúa Ki-tô đã đến trần gian trước hết như vị Cứu Tinh của dân Do-thái, và để cứu họ, Người đã trở thành một người Do-thái như họ. Người đã được đào tạo theo luật Mô-sê, nghĩa là giữa dân tộc mình và qua đạo Cựu Ước. Luật này hoàn toàn tích cực, nhưng *thời gian* đã trôi qua, và chúng ta phải được *chuộc lại* khỏi ách của *Lê Luật* để đón nhận trọn vẹn chân lý của Thiên Chúa.

Chúng ta phải thấy đây là một sắp xếp căn bản trong chương trình cứu độ, là nội dung chiếm mọi suy tư về Chúa Ki-tô trong những thế kỷ đầu tiên của Giáo Hội : Thiên Chúa cứu độ chúng ta bằng cách trở nên một người phạm như chúng ta. Vì lẽ được cứu độ chẳng là gì khác hơn là bước vào đời sống của Thiên Chúa, nên chúng ta chỉ được cứu độ nếu Thiên Chúa đến với chúng ta và hội nhập vào kiếp sống thiết thực của chúng ta. Hội Thánh cũng vậy. Hội Thánh không có đó để “ban phát” cái này cái kia hoặc để “quan tâm” tới hạng người này hay hạng người kia. Trong khi bày tỏ cho một nhóm người được biết gương mặt của Thiên Chúa, Hội Thánh chỉ có thể biến đổi họ nếu chấp nhận chia sẻ hoàn cảnh sống và vác lấy thập giá của họ mà thôi. Bao lâu chưa dứt khoát với chọn lựa này thì đừng nói tới việc loan Tin Mừng theo cung cách mới : những văn phòng và tài liệu in ấn không thay thế được Thần Khí của Chúa Giê-su, vì Thần Khí này không phải từ trên rơi xuống mà từ bên trong dậy lên.

cẩn thận giữ ngày, giữ tháng, giữ mùa, giữ năm !
¹¹ Anh em làm tôi sợ rằng tôi đã vất vả uổng công vì anh em !

Nhắc lại quá khứ

* ¹² Thưa anh em, tôi van anh em, anh em hãy nên giống như tôi, vì tôi cũng đã nên giống như anh em. Anh em đã không làm tổn thương gì cho tôi cả.
¹³ Anh em biết : nhân khi thân xác bị đau ốm, tôi đã loan báo Tin Mừng cho anh em lần đầu tiên.
¹⁴ Mặc dù thân xác tôi là một dịp thử thách cho anh em, anh em đã không khinh, không tỏm ; trái lại anh em đã tiếp đón tôi

như một sứ giả của Thiên Chúa, như Đức Ki-tô Giê-su. ¹⁵ Vận hạnh phúc của anh em lúc đó, bây giờ đâu rồi ? Thật thế, tôi xin làm chứng cho anh em rằng : nếu có thể, hẳn anh em đã móc mắt hiến cho tôi.
¹⁶ Thành thử tôi đã trở nên kẻ thù của anh em vì nói sự thật cho anh em sao ? ¹⁷ Họ nhiệt thành với anh em không phải vì mục đích tốt, mà chỉ vì muốn ly gián anh em với tôi, để anh em nhiệt thành với họ. ¹⁸ Được người ta tỏ lòng nhiệt thành là điều tốt, miễn là vì mục đích tốt và trong mọi trường hợp, chứ không phải chỉ khi nào tôi có

Làm sao anh em còn muốn làm nô lệ chúng một lần nữa ? (c.9). Chúng ta mau chán cảnh tự do, vì tự do luôn làm cho cuộc đời nên phức tạp. Sẽ khoẻ hơn biết mấy nếu có người nói cho ta biết : “Cái này là tốt, cái kia là có tội.”

Thánh Phao-lô nói với tín hữu Ga-lát : “Anh em thuộc về Chúa Ki-tô thì hãy để Thần Khí của Người hướng dẫn anh em.” Thế nhưng họ có thật sự muốn uốn nắn lại các định kiến của họ không, có muốn hãm bớt cái lòng tự cao tự đại khiến người ta thích được nở mặt nở mày với thiên hạ không ? Không muốn như thế thì chẳng có Thần Khí. Vì vậy, tín hữu Ga-lát cho rằng cứ những nẻo đường đã quen thuộc mà đi thì vẫn hơn. Họ ăn mừng một số ngày và giữ những luật lệ, y như người Do-thái. Thật sự thì họ bằng lòng với một đức tin tầm thường và một đức mến không gây phiền toái.

* 4,12 Ở đây, có một vài điều tâm sự cá nhân hơn. Các tín hữu Ga-lát ấy yêu mến thánh Phao-lô, và thánh Phao-lô cũng yêu mến họ, nhưng có một chiều kích nào đó của đức tin là họ không nắm được. Vì thế họ cảm thấy thoải mái hơn với những người khác, vì những người này hiểu được “giữ đạo” là gì, và vẫn không quên khai thác điểm này.

mặt giữa anh em. ¹⁹ Hỡi anh em, những người con bé nhỏ của tôi, mà tôi phải quận đau sinh ra một lần nữa cho đến khi Đức Ki-tô được thành hình nơi anh em, ²⁰ tôi ước ao được có mặt giữa anh em lúc này, để lựa lời nói sao cho thích hợp, vì tôi thấy khó xử với anh em quá !

Hai giao ước : Ha-ga và Xa-ra

* ²¹ Hãy nói cho tôi hay : anh em là những người

muốn sống dưới Lê Luật, anh em không nghe Lê Luật nói gì sao ? ²² Thật vậy, có lời chép rằng : ông Áp-ra-ham có hai người con, mẹ của một người là nô lệ, mẹ của người kia là tự do. ²³ Nhưng con của người mẹ nô lệ thì sinh ra theo luật tự nhiên ; còn con của người mẹ tự do thì sinh ra nhờ lời hứa.

²⁴ Truyện đó ngụ ý thế này : hai người đàn bà là hai giao ước. Giao ước thứ nhất tại núi Xi-nai, thì

* 4,21 Trong câu chuyện tở phụ Áp-ra-ham, thánh Phao-lô phát hiện ra hình ảnh cuộc xung đột giữa người tín hữu chân chính và những người “thiên Do-thái giáo”, tức là những kẻ nói rằng người ta được cứu độ bằng cách sùng kính tuân giữ các tập tục.

Vào đầu lịch sử thánh, chúng ta thấy lòng tin của ông Áp-ra-ham và lời Thiên Chúa hứa với ông. Nhưng không được truyền lại lời hứa ấy như một di sản mà tất cả các người con được chia phần. Lời hứa ấy, Ít-ma-ên sẽ không có phần, vì là kẻ *sinh ra theo luật tự nhiên*. Lời hứa sẽ được dành cho đứa con của *lời hứa* là I-xa-ác, kẻ đã sinh ra nhờ một sự can thiệp tự do và kỳ diệu của Thiên Chúa. Vậy ngay từ đầu Sách Thánh, chúng ta thấy rằng người ta được Thiên Chúa cho thừa kế không phải do có quyền nhưng là do ân sủng.

Khi bám víu vào các tập tục tôn giáo của mình, người Do-thái xưa quên đi rằng trước hết họ là *dân của lời hứa* (nghĩa là do lời hứa mà có). Một khi được Thiên Chúa ưu tiên chọn lựa giữa tất cả các dân khác, thì họ có sứ mạng đi loan báo các lời Thiên Chúa hứa, cuối cùng là những lời được ban cho tất cả mọi người. Cái lỗi của họ là nghĩ rằng : bởi lẽ chúng tôi là dân Thiên Chúa thì mọi người hãy làm như chúng tôi đi, và tuân thủ những tập tục của chúng tôi.

Thánh Phao-lô giải thích Sách Thánh (St 16,5) theo kiểu tượng hình, như người ta quen làm thời ấy. Ở đây, cô Ha-ga, người nữ tỳ sinh ra Ít-ma-ên, tở phụ của các dân Á-rập, trở thành hình ảnh người Do-thái, vì những người này đã lãnh nhận Lê Luật trên núi Xi-nai ở xứ Á-rập (một truyền thuyết Do-thái đặt Xi-nai ở đó) : họ không đạt được tự do đích thực, và thủ đô của họ là Giê-ru-sa-lem hạ giới.

sinh ra nô lệ : đó là Ha-ga.
²⁵ Ha-ga chỉ núi Xi-nai
 trong miền Á-rập, và
 tương đương với Giê-ru-sa-
 lem ngày nay, vì thành

này cùng với các con đều
 là nô lệ. ²⁶ Còn Giê-ru-sa-
 lem thượng giới thì tự do :
 đó là mẹ chúng ta. ²⁷ Thật
 vậy, có lời chép :

*Reo mừng lên,
 hỡi người phụ nữ son sẻ, không sinh con ;
 hãy bật tiếng reo hò mừng vui,
 hỡi ai chưa một lần chuyển dạ,
 vì con của phụ nữ bị bỏ rơi thì đông hơn
 con của phụ nữ có chồng !*

²⁸ Thưa anh em, như I-
 xa-ác, anh em là những
 người con sinh ra do lời
 Thiên Chúa hứa. ²⁹ Nhưng
 cũng như thuở ấy đứa con
 sinh ra theo luật tự nhiên
 đã ngược đãi đứa con sinh
 ra theo thần khí, thì bây
 giờ cũng vậy. ³⁰ Thế nhưng
 Kinh Thánh nói gì ? Kinh

Thánh nói : *Tống cổ người
 nô lệ và con của nó đi, vì
 con của nô lệ không đời
 nào được thừa kế gia tài
 cùng với con của người tự
 do.* ³¹ Ấy vậy, thưa anh em,
 chúng ta không phải là
 con của một người nô lệ,
 nhưng là con của người tự
 do.

III. PHẦN KHUYẾN NHỦ

Tự do của người tín hữu

5 * ¹ Chính để chúng ta
 được tự do mà Đức Ki-
 tô đã giải thoát chúng ta.
 Vậy, anh em hãy đứng

vững, đừng mang lấy ách
 nô lệ một lần nữa. ² Phải,
 tôi đây, Phao-lô, tôi nói
 cho anh em biết : anh em
 mà chịu phép cắt bì thì
 Đức Ki-tô sẽ không có ích

Đối lại, bà Xa-ra, người phụ nữ tự do, cùng với con của bà là I-xa-ác
 được sinh ra theo lời hứa, là biểu tượng của Giao Ước Mới mà Thiên
 Chúa thiết lập với những ai tin vào lời hứa của Người. Đây là các Ki-
 tô hữu, những tín hữu đã được giải thoát, và họ trông đợi Giê-ru-sa-
 lem thượng giới.

Ít-ma-ên xưa *ngược đãi* I-xa-ác và đã bị ông Áp-ra-ham đuổi đi.
 Điều này có nghĩa là : nếu có những người Do-thái không thật lòng
 hoán cải đến phá rối tín hữu Ga-lát, thì Hội Thánh phải biết cách
 loại trừ họ đi.

gì cho anh em. ³ Một lần nữa, tôi xin khẳng định với bất cứ ai chịu phép cắt bì là : người ấy buộc phải giữ trọn vẹn Lề Luật. ⁴ Anh em mà tìm sự công chính trong Lề Luật, là anh em đoạn tuyệt với Đức Ki-tô và mất hết ân sủng. ⁵ Còn chúng tôi thì nhờ Thần Khí và dựa vào đức tin mà vững lòng chờ đợi

* 5,1 Thánh Phao-lô không muốn những người đã vào đạo Chúa Ki-tô lại chịu phép cắt bì. Các bạn hãy nghe ngài nói với họ cách cương quyết như thế nào : *anh em đoạn tuyệt với Đức Ki-tô và mất hết ân sủng*. Tại sao ? Điều đó đâu phải là tội, ngài rất có thể dung nạp chuyện ấy lắm chứ, tuy không khuyến khích.

Nhưng đối với thánh Phao-lô, không thể rao giảng Tin Mừng một cách chân thật mà không công khai đứng hẳn về phía những lập trường “không để người ta yên”. Một lần nữa, *chân lý Tin Mừng* không chỉ nằm trong những định thức tín lý : *chân lý Tin Mừng* cũng nằm ở những lập trường chứng tỏ *chúng ta tự do* đến mức nào. Nếu Tin Mừng là một lời giải thoát thì các Tông Đồ phải ủng hộ, ít là ở một số điểm, những lập trường gây phiền toái và đụng chạm. Chúa Giê-su đã nêu gương khi vi phạm luật hưu lễ, là luật thánh thiêng nhất trong các luật, trong lúc không cần phải làm như vậy.

Mọi cách xử trí theo Ki-tô giáo chân chính trước sau gì cũng sẽ bị coi là *chướng*, nhưng sẽ chẳng bao giờ *chướng* cho bằng cái chết của Chúa Giê-su trên thập giá đâu (c.11 ; x. 1 Cr 1,17-18). Cứu độ con người, một cách nào đó, là làm cho họ khám phá ra họ là đối tượng yêu thương của Thiên Chúa, rồi từ đó đưa họ tới chỗ đối đầu với những sức mạnh vốn kiềm chế và tha hoá họ.

Đây là lý do tại sao thánh Phao-lô rất hùng hổ khi đụng tới các tập tục Do-thái giáo. Theo cách của thánh nhân, ngày nay nên hỏi xem : ai là những kẻ chịu lụy những thành kiến và những sức mạnh tha hoá con người, và ai là những kẻ bị ngược đãi ? (5,11 ; 6,12).

Tại sao tôi lại vẫn bị ngược đãi ? (c.11). Người viết những dòng này cũng là ông Phao-lô mà người Do-thái đang săn đuổi hết thành này tới thành kia. Và thánh Phao-lô đã bị ngược đãi như vậy không phải do ngẫu nhiên. Có thể tính khí quyết đoán của ngài làm cho nhiều kẻ thù ghét ngài, nhưng điều này đâu giải thích cái quan trọng nhất.

Xin nhớ lại : Thiên Chúa đã chọn ngài làm tông đồ cho thế giới La-Hy (Rô-ma và Hy-lạp), và trong thực tế, không thể giảng Tin Mừng cho thế giới ngoại giáo ấy trong vài ba năm mà không dựa vào vô số những cộng đoàn Do-thái đã hình thành từ nhiều thế kỷ trong tất cả các tỉnh thành thuộc đế quốc Rô-ma. Trước thời Chúa Giê-su, trong suốt năm thế kỷ, di dân Do-thái và các cộng đoàn của họ đã dọn đường cho việc phổ biến Tin Mừng, qua những liên hệ giao tiếp với các dân chung quanh, thậm chí gây được thiện cảm với họ và đón tiếp những người tông giáo nữa.

được nên công chính như chúng tôi hy vọng. ⁶ Quả thật, trong Đức Ki-tô Giê-su, cắt bì hay không cắt bì đều không có giá trị, chỉ có đức tin hành động nhờ đức ái. ⁷ Anh em đang chạy ngon trốn như thế mà ai đã ngăn cản anh em vâng phục chân lý ? ⁸ Lời dụ dỗ ấy không phát xuất từ Đấng kêu gọi anh em. ⁹ Một chút men làm cả khối bột dậy men. ¹⁰ Đối với anh em, trong Chúa, tôi tin tưởng rằng, anh em sẽ không nghĩ khác. Còn kẻ phá rối

anh em thì phải chuốc lấy án phạt, bất kể người ấy là ai. ¹¹ Về phần tôi, thưa anh em, giả như tôi còn rao giảng phép cắt bì, thì tại sao tôi lại vẫn bị ngược đãi ? Như thế, thập giá đâu còn là chướng ngại nữa ! ¹² Những kẻ làm cho anh em bị rối loạn, phải chi họ tự thiên cho xong !

Tự do và bác ái

* ¹³ Quả thế, thưa anh em, anh em đã được gọi để hưởng tự do. Có điều là đừng lợi dụng tự do để

Vậy thánh Phao-lô đã phải từ đó mà khởi sự công việc, và đi gặp, trong các cộng đoàn Do-thái này, những “người Hy-lạp” đầu tiên, sau đó những người này sẽ tiếp xúc với những người khác. Nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu đa số những người Do-thái này, theo gương đồng bào họ ở Pa-lét-tin, từ chối tin vào Chúa Ki-tô ? Trong trường hợp ấy, có thể tìm cách tôn tại mà không gây đụng chạm, kín đáo tự giới thiệu như một phong trào Do-thái giáo gắn bó với một ông Giê-su và giáo lý của ngài, cố gắng tiếp xúc được với vài người phi Do-thái mà không làm phật lòng người Do-thái. Dù rằng những người này chỉ là thiểu số rất nhỏ, nhưng họ lại có thể lực rất lớn trong đế quốc Rô-ma, đến độ một hiểm khích ra mặt có thể gây cho Hội Thánh những nguy cơ hết sức trầm trọng và khả dĩ bóp chết công cuộc tông đồ Ki-tô giáo. Có lẽ lúc bấy giờ phải tranh thủ thời gian.

Thế nhưng chính lúc ấy, thánh Phao-lô lại chọn phiêu lưu. Ngài thúc dãn Do-thái trở lại, nhìn nhận Đấng duy nhất có khả năng làm cho các lời hứa của Thiên Chúa được ứng nghiệm cho chính bản thân họ, và nếu họ không chịu tin thì ngài sẽ ly khai với họ. Sự đoạn tuyệt này sẽ mở đầu cho những cuộc bách hại đầu tiên chống lại người Ki-tô hữu. Bản thân thánh Phao-lô sẽ là nạn nhân. Thế nhưng chính thái độ dứt khoát này cùng với lời quả quyết hùng hồn và minh bạch về Đức Giê-su, là Chúa và là Đấng Cứu Độ, đã hun đúc nơi các cộng đoàn Ki-tô giáo tiên khởi khí thế tông đồ của họ. Cho dù ngày nay chúng ta ý thức có ít nhiều bạo lực trong cách rao giảng can trường ấy, thì cũng phải can đảm nhìn thẳng đường lối thánh Phao-lô đã chọn : đó là con đường chính Chúa Giê-su đã đi.

sống theo tính xác thịt, nhưng hãy lấy đức mến mà phục vụ lẫn nhau. ¹⁴ Vì tất cả Lê Luật được nên trọn trong điều răn duy nhất này là : *Người phải yêu người thân cận như chính mình.* ¹⁵ Nhưng nếu anh em cắn xé nhau, anh em hãy coi chừng, anh em tiêu diệt lẫn nhau đấy !

¹⁶ Tôi xin nói với anh em là hãy sống theo Thần Khí, và như vậy, anh em sẽ không còn thoả mãn đam mê của tính xác thịt nữa. ¹⁷ Vì tính xác thịt thì ước muốn những điều trái ngược với Thần Khí, còn Thần Khí lại ước muốn những điều trái ngược với tính xác thịt, đôi bên kình

địch nhau, khiến anh em không làm được điều anh em muốn. ¹⁸ Nếu anh em để cho Thần Khí hướng dẫn, thì anh em không còn lệ thuộc Lê Luật nữa. ¹⁹ Những việc do tính xác thịt gây ra thì ai cũng rõ, đó là : dâm bôn, ô uế, phóng dăng, ²⁰ thờ quấy, phù phép, hận thù, bất hoà, ghen tuông, nóng giận, tranh chấp, chia rẽ, bè phái, ²¹ ganh tị, say sưa, chè chén, và những điều khác giống như vậy. Tôi bảo trước cho mà biết, như tôi đã từng bảo : những kẻ làm các điều đó sẽ không được thừa hưởng Nước Thiên Chúa. ²² Còn hoa quả của Thần Khí là :

* 5,13 Nếu tín hữu Ga-lát đi tìm những tập tục tôn giáo để tuân hành, đó chắc chắn một phần là vì họ cảm thấy đức tin phải được biểu lộ cách cụ thể. Thánh Phao-lô ở đây nhắc nhở họ rằng nếu muốn tìm “đất dụng võ”, thì nên nhìn vào cuộc sống cộng đoàn của họ. Chúng ta đã quá quen với thói nói một đằng làm một nẻo : một đằng chúng ta tuyên bố mình là con cái Thiên Chúa, chúng ta nói về ân sủng, về đời sống thiêng liêng, nhưng đằng khác chúng ta lại sống rất ư là tầm thường, có khi vô liêm sỉ và độc ác trong đời sống hằng ngày cũng như trong những vụ kèn cựa với nhau trong nội bộ Giáo Hội.

Đúng ngay ở đây, thánh Phao-lô đưa ra một danh mục nho nhỏ những việc do xác thịt gây ra, và một danh mục khác ghi những hoa quả của Thần Khí (cc. 19-23). Và ngài đặt kế bên nhau những tội rất chướng tai gai mắt như thờ quấy, với những tham vọng hoặc chia rẽ, rất thường gặp thấy trong giới người có đạo và siêng năng đi nhà thờ. Rõ ràng là đối với thánh Phao-lô, *xác thịt* và *thần khí* không cùng nghĩa với “thân xác” và “linh hồn” : thái độ bản tiện và bám víu những đặc quyền của mình, đối với thánh Phao-lô, cũng là những tội do xác thịt gây ra, nghĩa là do con người còn sống xa lạ với Thần Khí (x. phân bình giải 3,3 và Rm 7,16).

bác ái, hoan lạc, bình an, nhân nhục, nhân hậu, từ tâm, trung tín, ²³ hiền hoà, tiết độ. Không có luật nào chống lại những điều như thế. ²⁴ Những ai thuộc về Đức Ki-tô Giê-su thì đã đóng đinh tính xác thịt vào thập giá cùng với các dục vọng và đam mê.

²⁵ Nếu chúng ta sống nhờ Thần Khí, thì cũng hãy nhờ Thần Khí mà tiến bước. ²⁶ Chúng ta đừng có tìm hư danh, đừng khiêu khích nhau, đừng ganh tị nhau.

Đôi lời khuyên nữ sống bác ái và nhiệt thành

6 ¹ Thưa anh em, nếu có ai vướng mắc tội nào, thì anh em, những người được Thần Khí thúc đẩy, hãy lấy tinh thần hiền hoà mà sửa dạy người ấy ; phải tự đề phòng kéo chính mình cũng bị cám dỗ. ² Anh em hãy mang gánh nặng cho nhau, như vậy là anh em chu toàn luật Đức Ki-tô. ³ Thật vậy, ai tưởng mình là gì mà kỳ thực không là gì hết, thì là lừa gạt chính mình. ⁴ Mỗi người hãy xem xét việc làm của chính mình, và bấy giờ sẽ có lý do để

hãnh diện vì chính mình, chứ không phải vì so sánh với người khác. ⁵ Quả thế, mỗi người phải mang gánh nặng của riêng mình.

⁶ Người được học Lời Chúa, hãy chia sẻ mọi của cải với người dạy dỗ mình.

⁷ Anh em đừng có lầm tưởng : Thiên Chúa không để cho người ta nhạo báng đâu ! Thật vậy, ai gieo giống nào thì sẽ gặt giống ấy. ⁸ Ai theo tính xác thịt mà gieo điều xấu, thì sẽ gặt được hậu quả của tính xác thịt là sự hư nát. Còn ai theo Thần Khí mà gieo điều tốt, thì sẽ gặt được kết quả của Thần Khí là sự sống đời đời. ⁹ Khi làm điều thiện, chúng ta đừng nản chí, vì đến mùa chúng ta sẽ được gặt, nếu không sờn lòng. ¹⁰ Vậy bao lâu còn thời giờ, chúng ta hãy làm điều thiện cho mọi người, nhất là cho những anh em trong cùng đại gia đình đức tin.

Lời cuối thư

* ¹¹ Anh em thấy những chữ to này : chính tay tôi viết cho anh em đó ! ¹² Những ai muốn nở mày nở mặt vì những lý do thuần túy con người, thì ép

anh em phải chịu cắt bì, chỉ là để khỏi bị ngược đãi vì thập giá Đức Ki-tô.¹³ Thật vậy, chính những kẻ được cắt bì cũng không giữ Lễ Luật, nhưng họ muốn anh em phải cắt bì để tìm được nơi thân xác anh em, một lý do hãnh diện.¹⁴ Ước chi tôi chẳng hãnh diện về điều gì, ngoài thập giá Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta ! Nhờ thập giá Người, thế gian

đã bị đóng đinh vào thập giá đối với tôi, và tôi đối với thế gian.¹⁵ Quả thật, cắt bì hay không cắt bì chẳng là gì cả, điều quan trọng là trở nên một thụ tạo mới.¹⁶ Chúc tất cả những ai sống theo quy tắc ấy, và chúc Ít-ra-en của Thiên Chúa được hưởng bình an và lòng thương xót của Người.

¹⁷ Từ nay, xin đừng có ai gây phiền toái cho tôi nữa,

* 6,11 Trước khi kết thúc, thánh Phao-lô trở lại một lần nữa với khủng hoảng của cộng đoàn : không phải chỉ có vấn đề các tập tục giữ đạo thôi, mà còn có những người, theo gương nhóm Pha-ri-sêu, muốn *nở mày nở mặt*, ta đây là thành phần ưu tú (x. Pl 3,2-11).

Những kẻ ép anh em phải chịu cắt bì : đó là những thành viên trong cộng đoàn tìm cách lôi kéo các tín hữu gốc ngoại thuận theo việc giữ Luật Mô-sê. Thánh Phao-lô thấy có hai mối nguy trong đó : trước hết, là quên đi điều đã hun đúc đức tin của Hội Thánh sơ khai : ơn cứu độ được Chúa ban hoàn toàn nhưng không. Con người đâu phải được cứu độ nhờ những việc đạo đức của mình, dù đáng trân trọng mấy đi nữa, nhưng nhờ lòng tin vào Chúa Ki-tô (Cv 4,12). Mặt khác, vào thời ấy, bốn phận người Do-thái phải đọc và tìm hiểu Lễ Luật khiến họ trở thành một cộng đồng có kiến thức giữa đế quốc Rô-ma, một thành phần ưu tú về trí tuệ, có khi bị chế giễu, nhưng thường thì người ta thêm được giống họ và ganh tị với họ. Thánh Phao-lô sợ rằng nơi người Ki-tô hữu, lòng ước muốn được nể trọng như họ có thể lấn át lòng gắn bó thuộc về một Chúa Ki-tô bị đóng đinh chẳng (c.14).

Nhờ thập giá Người, thế gian đã bị đóng đinh vào thập giá đối với tôi. Thánh Phao-lô đã chọn một con đường khác với những người Do-thái nói trên. Ngài đi lang thang rày đây mai đó, vô gia cư, bị một số người ngược đãi, một số khác khinh dể ; còn những kẻ không chịu nổi tầm gương hoàn toàn xả kỷ của ngài, cũng không chịu nổi thấy ngài quy tụ đông đảo những kẻ mà họ coi là hạ cấp, tất cả những người đó thì ngán sợ ngài. Nhưng đấy cũng là một cách *bị đóng đinh vào thập giá đối với thế gian*.

Những dấu tích của Đức Giê-su (c.17), chứ không phải của việc chịu cắt bì. Có thể là thánh Phao-lô ám chỉ những thương tích mà người ta đã gây cho ngài.

vì tôi mang trên mình tôi tô, Chúa chúng ta, ban cho
những dấu tích của Đức thần trí anh em được đầy
Giê-su. ¹⁸ Thưa anh em, tràn ân sủng. A-men.
nguyện xin Đức Giê-su Ki-

THƯ GỬI TÍN HỮU Ê-PHÊ-XÔ

DẪN NHẬP

Có nên nói về một bức “thư” của thánh Phao-lô ở đây không ? Thư gửi tín hữu Rô-ma đã dành một phần lớn để trình bày về đức tin và ơn cứu độ rồi. Ở đây còn đúng như thế hơn nữa, vì không có tin tức, không có lời nhắn gửi riêng cho một cộng đoàn rõ rệt, nhưng lại là một trình bày dài về ơn cứu độ thế giới. Có lẽ bài trình bày này được viết cho các Giáo Hội vùng Ê-phê-xô.

Sao lại là “thế giới” ? Nhân loại đang đi về đâu ? Đó cũng chính là những câu hỏi được đặt ra cho chúng ta hằng ngày một cách ráo riết, nhất là trong những năm gần đây, có những dân nước rất khác nhau như được “dồn thành một khối”. Ngay cả những nước muốn thống trị thiên hạ cũng chỉ đạt được mục tiêu nếu phát biểu với tư cách là phát ngôn viên của toàn cầu. Con người tìm cứu độ nơi đâu ? Tương lai

của nó như thế nào ? Và thánh Phao-lô trả lời cho chúng ta từ Rô-ma, nơi ngài đang bị cầm tù.

Như Cv 28,16 và 30 nhắc lại, thánh Phao-lô bị cầm tù ở Rô-ma vào những năm 60. Tại thủ đô của cái thế giới duy nhất mà người tây phương được biết lúc bấy giờ, ngài có thời gian thư thả lượng giá các học thuyết đang lưu hành trong đế quốc Rô-ma. Những học thuyết đó phát xuất từ Trung Đông, nơi các Ki-tô hữu vùng Ê-phê-xô đặc biệt bận tâm nghiên ngẫm. Càng có nhiều tôn giáo khác tự cho mình là con đường cứu độ mở ra cho tất cả mọi người, càng thấy phải đặt lại vấn đề Chúa Ki-tô có phải là Đấng Cứu Độ độc nhất của một nhân loại duy nhất hay không.

Thư gửi tín hữu Ê-phê-xô này hình như được viết sau thư gửi tín hữu Cô-lô-xê. Thánh Phao-lô đề cập

lại và triển khai kế hoạch của Thiên Chúa, mà ngài cho biết đã hiểu được trong một mặc khải. Thế giới đã được tạo dựng cho loài người, và để từ đó nảy sinh Con Người Mới, một gia đình duy nhất trong Chúa Ki-tô. Mỗi người ở vị trí của mình, nhưng tất cả sẽ quy về một trung tâm điểm là một con người có khả năng đón tiếp mọi người, và từng người một, vào trong viên mãn mình : con người ấy là Chúa Ki-tô.

Một số người nghĩ rằng thư gửi tín hữu Ê-phê-xô không phải do thánh Phao-lô viết : làm sao ngài có thể nói trống không với một cộng đoàn trong đó ngài đã làm việc hơn hai năm, từ khoảng 55 đến 57 CN ? Nhưng, như chúng tôi đã nói, chắc có lẽ bức thư không chỉ được gửi cho các Ki-tô hữu thành phố Ê-phê-xô, mà còn gửi rộng rãi hơn cho các cộng đoàn vùng thung lũng Ly-cút, là Hi-ê-ra-pô-li, Lao-đi-ki-a (Cl 4,13 và 16) và Cô-lô-xê, là những nơi trước đó đã được nghe các bạn

đồng sự của thánh Phao-lô rao giảng Tin Mừng, đặt biệt là ông Ê-páp-ra (Cl 1,7).

Người khác lại nghĩ rằng những vấn đề được đặt ra là đặc biệt của một thời kỳ sau thánh Phao-lô : cũng như các thư gửi cho ông Ti-tô và ông Ti-mô-thê, thư này chỉ có thể là của ngài theo một nghĩa rất rộng nào đó. Nhưng khi biết trình độ văn chương Ki-tô giáo ngay sau khi các Tông Đồ qua đời là rất thấp, thì khó mà nghĩ rằng một bức thư vững chãi về thần học và phong phú về giáo lý như thế lại có thể được chín muồi trong đầu óc của một người nào khác ngoài thánh Phao-lô, cho dù ngài có giao công việc biên soạn cho một trong các môn đệ của ngài, như ông Ty-khi-cô (Ep 6,21) hay là ông Ti-mô-thê (Cl 1,1). Thật ra phải nhìn nhận rằng lời văn trong thư này khác với lời văn trong các thư đích thực nhất, mà thánh nhân đọc cho người khác viết.

THƯ GỬI TÍN HỮU Ê-PHÊ-XÔ

Lời mở đầu

1 ¹ Tôi là Phao-lô, bởi ý Thiên Chúa được làm Tông Đồ của Đức Ki-tô Giê-su, kính gửi dân thánh tại Ê-phê-xô, là những

người tin vào Đức Ki-tô Giê-su. ² Xin Thiên Chúa là Cha chúng ta, và xin Chúa Giê-su Ki-tô ban cho anh em ân sủng và bình an.

I. MẦU NHIỆM CỨU ĐỘ : ĐỨC KI-TÔ VÀ HỘI THÁNH

Kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa

- * ³ Chúc tụng Thiên Chúa là Thân Phụ Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta. Trong Đức Ki-tô, từ cõi trời, Người đã thi ân giáng phúc cho ta hưởng muôn vàn ơn phúc của Thánh Thần.

* 1,3 Trang thứ nhất thư gửi tín hữu Ê-phê-xô ở đây đưa ra những lời tổng hợp mỹ mãn nhất trong Kinh Thánh để diễn tả mầu nhiệm Ki-tô giáo. Có thể coi đây là đối trọng của thư gửi tín hữu Rô-ma vốn là một áng văn đồ sộ dường như chỉ đặt trọng tâm ở tác động của Thiên Chúa trên bi kịch của con người tội lỗi. Thư gửi tín hữu Ê-phê-xô, cũng như Tin Mừng theo thánh Gio-an, thì nói tới một cuộc tái tạo thế giới, ở những điểm mà thư gửi tín hữu Rô-ma dùng những từ có tính pháp lý hơn, như “nợ” và “đền bù tội lỗi”.

Chúc tụng Thiên Chúa ! Thánh Phao-lô thường bắt đầu các thư của ngài bằng một công thức ngợi khen và tạ ơn. Nhưng lời cầu nguyện ở đây thì kéo dài : thánh Phao-lô công bố *thiên ý nhiệm mầu* của Thiên Chúa (c.9), một *mầu nhiệm* mà ngài đã hiểu nhờ được mặc khải (3,3). Thánh Phao-lô nói *mầu nhiệm* nhưng vào thời ấy, từ này chỉ một quyết định hay một giáo thuyết bí truyền. Ở đây thánh Phao-lô nói về ý định của Thiên Chúa tạo thành : kế hoạch của Người đậm rẽ sâu trong mầu nhiệm Ba Ngôi Thiên Chúa.

- ⁴ Trong Đức Ki-tô,
 Người đã chọn ta trước cả khi tạo thành vũ trụ,
 để trước thánh nhan Người,
 ta trở nên tinh tuyền thánh thiện,
 nhờ tình thương của Người.
- ⁵ Theo ý muốn và lòng nhân ái của Người,
 Người đã tiên định cho ta làm nghĩa tử
 nhờ Đức Giê-su Ki-tô,
- ⁶ để ta hằng ngợi khen ân sủng rạng ngời,
 ân sủng Người ban tặng cho ta
 trong Thánh Tử yêu dấu.
- ⁷ Trong Thánh Tử, nhờ máu Thánh Tử đổ ra
 chúng ta được cứu chuộc,
 được thứ tha tội lỗi
 theo lượng ân sủng rất phong phú của Người.

Chúng ta biết Chúa Con và Chúa Thánh Thần phát xuất từ Thiên Chúa Cha, và Ba Ngôi chỉ là một Thiên Chúa duy nhất. Nhưng ngoài sức sống hằng lưu thông và tuần trào nội bên trong Ba Ngôi Thiên Chúa, Thiên Chúa Cha còn muốn, *trước cả khi tạo thành vũ trụ*, đem kho tàng phong phú của Người thông ban ra bên ngoài, cho các thụ tạo nữa. Đây là nguồn gốc của toàn bộ lịch sử nhân loại. Thiên Chúa đã muốn cho những *nghĩa tử* của Người tặng số chung quanh Người Con duy nhất của Người, và trong Người Con này, họ có thể đón nhận Thần Khí của Người và trao dâng lại Thần Khí cho Người. Như “lá rụng về cội”, họ sẽ trở về với Người khi lịch sử kết thúc, khi họ được quy tụ thành một thân thể duy nhất (c.10).

Người đã chọn ta trong Đức Ki-tô (c.4). Lưu ý kiểu nói trong *Đức Ki-tô* mà chúng tôi đã bình giải ở 1 Cr 1,1. Mọi thụ tạo phát xuất từ Thiên Chúa qua Người Con này. Nơi Người Con, Thiên Chúa ngắm nhìn cái phong phú của chính mình. Chúng ta mang tư cách là những người đã được Thiên Chúa yêu thương trong Người Con, và một cách nào đó, chúng ta ở trong Người Con ngay từ ban đầu.

Lại nữa, khi dựng nên chúng ta là con người tự do, Thiên Chúa biết sự tự do này rất mong manh : sẽ phải vất vả lắm chúng ta mới đáp lời Người với tình con hiếu thảo. Làm sao trở về với Thiên Chúa, vào sâu trong mầu nhiệm của Người, mà không coi như mình đã chết đối với chính mình ? Tất cả lịch sử các dân tộc cũng như lịch sử con người là một chuỗi dài liên li những chết và sống lại. Nhưng sự Khôn Ngoan của Thiên Chúa đã tiên định rằng Người Con sẽ đến ở giữa chúng ta, với thập giá và sự sống lại của Người, để biểu lộ cho chúng ta tình yêu của Chúa Cha (c.5). Và tất nhiên, Người Con đi tới đâu thì Thần Khí cũng được thông ban tới đó (c.7 và 13).

- ⁸ Ân sủng này, Thiên Chúa đã rộng ban cho ta cùng với tất cả sự khôn ngoan thông hiểu.
- ⁹ Người cho ta được biết thiên ý nhiệm mầu : thiên ý này là kế hoạch yêu thương Người đã định từ trước trong Đức Ki-tô.
- ¹⁰ Đó là đưa thời gian tới hồi viên mãn là quy tụ muôn loài trong trời đất dưới quyền một thủ lãnh là Đức Ki-tô. Cũng trong Đức Ki-tô,
- ¹¹ Thiên Chúa là Đấng làm nên mọi sự theo quyết định và ý muốn của Người, đã tiền định cho chúng tôi đây làm cơ nghiệp riêng theo kế hoạch của Người,
- ¹² để chúng tôi là những người đầu tiên đặt hy vọng vào Đức Ki-tô, chúng tôi ngợi khen vinh quang Người.

Trong Thánh Tử, nhờ máu Thánh Tử đổ ra (c.7). Đây không có nghĩa là Chúa Ki-tô đổ máu mình ra để đền bù hay trả giá cho Chúa Cha đã bị xúc phạm vì tội lỗi. Thánh Phao-lô ám chỉ một luật trong Kinh Thánh : người ta ký kết với nhau bằng máu để *chịu* một nô lệ (Xh 21,6).

Đóng ấn Thánh Thần (c.13). Người Do-thái được phép cắt bì để lại dấu ấn trên da thịt mình. Nghi thức này chứng nhận họ thuộc về Thiên Chúa. Còn người Ki-tô hữu thì đón nhận Thần Khí hoạt động nơi họ : chính Thần Khí là nguồn mạch phát sinh đức tin, đức cậy, đức mến, các hình thức phục vụ đủ loại, ơn hiểu biết, các phép lạ và các vụ lành bệnh. Những ân huệ này là bằng chứng hiển nhiên nhất cho biết họ đã trở thành con cái Thiên Chúa. Nhờ đó chúng ta được cảm nghiệm trước tất cả những kỳ công Thiên Chúa dành cho chúng ta.

Thánh Phao-lô phân biệt hai thì : kế hoạch của Thiên Chúa từ đời đời (cc. 1-10) và kế hoạch đó được thực hiện trong thời gian (cc. 11-14). Hai triệt cuối cùng tương ứng với hai thì nói trên của lịch sử thánh :

– *Đã tiền định cho chúng tôi đây (c.11)* : thánh Phao-lô nói nhân danh ngài và nhân danh dân Do-thái đã được chọn để làm dân Thiên Chúa.

– *Cả anh em nữa (c.13).* Ở đây, thánh Phao-lô nói về các Ki-tô hữu gốc Hy-lạp (và ngoại giáo) đã có đông người trong các cộng đoàn vùng Ê-phê-xô.

Vậy *thời gian đã tới hồi viên mãn*, nghĩa là đã đến lúc Tin Mừng được công bố cho mọi người, để ai nấy đón nhận các ân huệ của Thần Khí.

- 13 Trong Đức Ki-tô, cả anh em nữa
anh em đã được nghe lời chân lý
là Tin Mừng cứu độ anh em ;
vẫn trong Đức Ki-tô,
một khi đã tin,
anh em được đóng ấn Thánh Thần,
Đấng Thiên Chúa đã hứa.

Trang này xác định một số điểm chính yếu của đức tin.

Người đã tiên định (c.5). Ở đây chúng ta gặp lại ý tưởng tương đương với lời khẳng định của thánh Phao-lô trong Rm 8,29-30. Chúng ta không thể phớt lờ hai chữ “tiên định”. Nhiều khi người ta dùng từ này theo cách khác với thánh Phao-lô. Trong lúc thánh Phao-lô trình bày một quyết định của Chúa Cha nhằm thông ban cho người khác tình yêu vô hạn ở bên trong Thiên Chúa Ba Ngôi, thì mãi rất lâu sau đó, người ta lại nói đến một Thiên Chúa nghiêm khắc và lạnh lùng, quyết định cách vô đoán (hay do ngẫu hứng) ai sẽ được cứu độ và ai thì không. Xin xem phần TIÊN ĐỊNH trong Rm 9.

Chúng ta không thể hiểu làm thế nào mình được tự do nếu Thiên Chúa biết chúng ta từ thuở đời đời. Nhưng chúng ta không được vì thế mà hoài nghi và âu lo như những kẻ nghĩ rằng mình phải chịu một số phận hoặc là phải lụy một “ý Chúa” thật đáng sợ. Kỳ thực, chúng ta “tuân phục” một tình yêu ban cho chúng ta *muôn vàn ân phúc* và chỉ chờ mong chúng ta hưởng ứng. (X. phần bình giải Rm 9).

Thánh Phao-lô không nói có ai bị kết án ; ngài chỉ quả quyết rằng Thiên Chúa chứng tỏ một tình yêu đặc biệt đối với những ai Người kêu gọi trở nên chi thể của Chúa Ki-tô. Kinh Thánh ít nói đến tình yêu Thiên Chúa dành cho những người không tin, nhưng chúng ta phải hiểu điều đó dưới ánh sáng tình yêu mà Người đã tỏ cho chúng ta, khi dẫn đưa chúng ta đến với Chúa Ki-tô.

Nhiều Ki-tô hữu bị dội khi có người nói với họ rằng họ đã nhận được nhiều hơn những người khác, rằng chân lý họ đã lãnh nhận thì không tìm ở đâu khác ban bố cho họ được như vậy. Họ nghĩ nếu nói rằng đạo nào cũng tốt, cũng đều có chân lý của nó, thì có lẽ trung thực và khiêm tốn hơn chẳng. Đúng vậy, theo một nghĩa nào đó, mọi tôn giáo đều có một chân lý, nhưng nếu hoài nghi ân huệ vô song được nhận biết Thiên Chúa trong Chúa Ki-tô, là chối từ toàn bộ mặt khải của Kinh Thánh.

Người đã chọn ta trong Đức Ki-tô (c.4). Nhiều tác giả Ki-tô giáo nói như thế lúc đầu, Thiên Chúa đã dựng nên con người mà không nghĩ nó có thể sa ngã, và Chúa Ki-tô chỉ đến để cứu người tội lỗi đã hư mất. Đó không phải là điều thánh Phao-lô nói ở đây : ngay từ thuở ban đầu, Chúa Ki-tô giảng thế và Chúa Thánh Thần được tặng ban, cũng như các định luật sự sống và tiến trình lịch sử, tất cả đều đã có liên hệ nhiệm mầu với trật tự ở bên trong Thiên Chúa.

14 Thánh Thần

là bảo chứng phần gia nghiệp của chúng ta,
 chờ ngày dân riêng
 của Thiên Chúa được cứu chuộc,
 để ngợi khen vinh quang Thiên Chúa.

Đức Ki-tô được siêu tôn

* 15 Bởi vậy, cả tôi nữa,
 từ khi được nghe nói về
 lòng tin của anh em vào
 Chúa Giê-su, và về lòng
 mến của anh em đối với
 toàn thể dân thánh, 16 tôi

không ngừng tạ ơn Thiên
 Chúa vì anh em, khi nhắc
 tới anh em trong những lời
 cầu nguyện của tôi. 17 Tôi
 cầu xin Chúa Cha vinh
 hiển là Thiên Chúa của
 Đức Giê-su Ki-tô, Chúa
 chúng ta, ban cho anh em

Thánh Tử yêu dấu (c.6) luôn là người đứng hàng đầu đối với Thiên Chúa. Đối với chúng ta cũng vậy : mỗi bận tâm “cứ lấy mình” không thể là nền tảng đức tin của chúng ta. Như thế sẽ kể là ích kỷ, cũng như giữ đạo để được khoẻ mạnh vậy. Chúa Con đã tỏ cho chúng ta được biết vinh quang Chúa Cha và bản thân Người đã trở về với Chúa Cha như thế nào : Người muốn gỡ chúng ta ra khỏi tính ích kỷ của chúng ta, khỏi cả cái ích kỷ đạo đức nữa : x. Ga 17 và Pl 2,9.

* 1,15 *Từ khi được nghe nói về lòng tin của anh em vào Chúa Giê-su, và về lòng mến của anh em đối với toàn thể dân thánh* (c.15). Thánh Phao-lô lấy làm vui được biết tín hữu Ê-phê-xô có đức tin, nhưng quan trọng hơn hết là ngài cầu xin cho họ được đức cậy : đó sẽ là nguồn mạch sức năng động của họ. Ngài diễn tả các bước tiến của đức cậy : *nhận biết Chúa Cha, thấy rõ đâu là gia nghiệp vinh quang phong phú (của) dân thánh, đâu là quyền lực vô cùng lớn lao Người đã thi thố để dẫn dắt chúng ta đến chỗ thực hiện niềm cậy trông, hy vọng ấy* (cc. 17-19).

Chính niềm hy vọng này đã phá tan chủ nghĩa bất động ù lì của các xã hội cổ xưa. Thánh Phao-lô sống trong một thế giới nhìn đức cậy như một thứ bệnh. Mọi dự tính biến đổi con người đều bị coi là ảo tưởng, và vì thế mà các mầm non khoa học đã sớm bị giập gãy. Người tín hữu thì trái lại, đã sống kinh nghiệm phục sinh ngay trong đời sống của mình. Trong các nước theo Ki-tô giáo, đã nảy sinh niềm xác tín về một vận mệnh chung cho nhân loại. Ý thức mình là một con người, theo nghĩa sâu xa nhất của từ này, dần dần được củng cố, và chính điều này đã đẩy mạnh lại bước tiến của lịch sử để nó không dừng lại nữa. Thật đáng ngạc nhiên, khi thấy trong thế giới chúng ta, biết bao nhiêu người Ki-tô hữu có đức tin nhưng lại quá ít đức cậy, và không hề biết mình là những người mang mầm hy vọng của thế giới !

thần khí khôn ngoan để mặc khải cho anh em nhận biết Người. ¹⁸ Xin Người soi lòng mở trí cho anh em thấy rõ, đâu là niềm hy vọng anh em đã nhận được nhờ ơn Người kêu gọi, đâu là gia nghiệp vinh quang phong phú anh em được chia sẻ cùng dân thánh, ¹⁹ đâu là quyền lực vô cùng lớn lao Người đã thi thố cho chúng ta là những tín hữu. Đó chính là sức mạnh toàn năng đầy hiệu lực, ²⁰ mà Người đã biểu dương nơi Đức Ki-tô, khi làm cho Đức Ki-tô *trỗi dậy từ cõi chết, và đặt ngự bên hữu Người trên trời.*

²¹ Như vậy, Người đã tôn Đức Ki-tô lên trên mọi quyền lực thần thiêng, trên mọi tước vị có thể có được, không những trong thế giới hiện tại, mà cả trong thế giới tương lai. ²² *Thiên Chúa đã đặt tất cả dưới chân Đức Ki-tô* và đặt Người làm đầu toàn thể Hội Thánh ; ²³ mà Hội Thánh là thân thể Đức Ki-tô, là sự viên mãn của Người, Đấng làm cho tất cả được viên mãn.

Chính do ân sủng mà chúng ta được cứu độ

2 * ¹ Anh em đã chết vì những sa ngã và tội

Trên mọi quyền lực thần thiêng (c.21). Vào thời thánh Phao-lô, cả người Do-thái lẫn người Ki-tô hữu đều tin rằng thế giới được những sức mạnh siêu nhiên, những “thiên thần” cai quản. Họ gọi đó là : quyền lực, tước vị, dũng lực, quyền năng, và ở đây thánh Phao-lô nói Chúa Ki-tô được *tôn lên trên* tất cả những quyền lực này. Ngày nay, chúng ta diễn tả cách khác, nhưng chúng ta nhìn thấy vũ trụ tuân theo định luật của thiên nhiên, sức mạnh của sự sống, không quên các yếu tố vô thức, các thành kiến tập thể, các tác nhân vô hình của sự dữ. Cho tới ngày Chúa Ki-tô xuất hiện, những quyền lực này cai quản thế giới, bằng cách ngăn cản con người đạt tới tầm vóc thực thụ của nó : x. Gl 3,23.

Thiên Chúa đã đặt tất cả dưới chân Đức Ki-tô (c. 22). Điều này có nghĩa là khi sống lại, Đấng vừa là người vừa là Thiên Chúa đã trở nên trung tâm của vũ trụ. Ý tưởng này cũng nói lên những gì chúng ta đọc trong kinh Tin Kính : “Chúa Giê-su ngự bên hữu Đức Chúa Cha”.

Đặt tất cả dưới chân Đức Ki-tô, nhưng ngoại trừ nhân loại. Thánh Phao-lô thêm ngay : *và đặt Người làm đầu toàn thể Hội Thánh*. Chúa Ki-tô có cách hành động khác nhau trong hai lãnh vực : trong thế giới mà Người là trung tâm vô hình nhưng hữu hiệu của lịch sử chúng ta ; trong Hội Thánh mà Người là đầu, và là nơi Người có thể biểu dương tất cả những kho tàng phong phú của Thiên Chúa trong Thánh Thần.

lỗi của anh em. ² Xưa kia anh em đã sống trong đó, theo trào lưu của thế gian này, theo tên thủ lãnh nắm giữ quyền lực trên không trung, tên ác thần hiện đang hoạt động trên những kẻ không vâng phục. ³ Tất cả chúng tôi xưa kia cũng thuộc hạng người đó, khi chúng tôi buông theo các đam mê của tính xác thịt, thi hành những ước muốn của tính xác thịt và của trí khôn. Bẩm sinh chúng tôi là những kẻ đáng chịu cơn thịnh nộ của Thiên Chúa, như những người khác. ⁴ Nhưng Thiên Chúa giàu

lòng thương xót và rất mực yêu mến chúng ta, ⁵ nên dầu chúng ta đã chết vì sa ngã, Người cũng đã cho chúng ta được cùng sống với Đức Ki-tô. Chính do ân sủng mà anh em được cứu độ ! ⁶ Người đã cho chúng ta được cùng sống lại và cùng ngự trị với Đức Ki-tô Giê-su trên cõi trời.

⁷ Như thế, Người tỏ lòng nhân hậu của Người đối với chúng ta trong Đức Ki-tô Giê-su, để biểu lộ cho các thế hệ mai sau được thấy ân sủng dồi dào phong phú của Người.

* 2,1 Con đường nhân loại không có Chúa Ki-tô thì đưa đến cái chết.

Bẩm sinh chúng tôi là những kẻ đáng chịu cơn thịnh nộ của Thiên Chúa (c.3) : không phải tìm đâu xa một lời xác quyết rõ ràng hơn về điều chúng ta gọi là nguyên tội hoặc tội tổ tông. Đây không phải là một lỗi đã phạm “trước” các tội riêng và “thêm vào” những tội chúng ta phải chịu trách nhiệm. Ấy là một nhược điểm gắn liền với toàn bộ các hành động của chúng ta, với thân phận con người của chúng ta ; đó là “phần thâm hụt” trong đời người chúng ta nếu không có Thiên Chúa vực chúng ta lên. Sách Sáng thế (ch. 2 – 3) đặt bài tường thuật tội tổ tông cũng như bài tường thuật cuộc sáng thế vào thời di vãng : đó là một cách diễn tả thích hợp với nền văn hoá của thời xa xưa. Nhưng thật ra, cả việc Thiên Chúa tạo dựng chúng ta (ở đây là c.10) cũng như tội chúng ta bất phục tùng Người đều là chuyện hằng ngày trong đời sống thực tế của chúng ta.

Người đã cho chúng ta được cùng sống lại với Đức Ki-tô, (c.6). Theo một nghĩa thứ nhất, đúng là khi hoán cải, người ta cảm thấy như được sống lại. Nhưng thánh Phao-lô cũng muốn nói rằng không gì có thể ngăn chặn chương trình yêu thương của Chúa Cha, Đấng có tầm nhìn vượt thời gian và đã làm cho chúng ta sống lại với Chúa Ki-tô rồi. Chúng ta được cùng ngự trị với Đức Ki-tô, nghĩa là chúng ta tin chắc là sẽ chiến thắng.

⁸ Quả vậy, chính do ân sủng và nhờ lòng tin mà anh em được cứu độ : đây không phải bởi sức anh em, mà là một ân huệ của Thiên Chúa ; ⁹ cũng không phải bởi việc anh em làm, để không ai có thể hãnh diện. ¹⁰ Thật thế, chúng ta là tác phẩm của Thiên Chúa, chúng ta được dựng nên trong Đức Ki-tô Giê-su, để sống mà thực hiện công trình tốt đẹp Thiên Chúa đã chuẩn bị cho chúng ta.

Người Do-thái và người ngoại được hoà giải với nhau và với Thiên Chúa

* ¹¹ Vậy thưa anh em, trước kia anh em là dân ngoại trong thân xác, bị kẻ mệnh danh là “giới cắt bì” –nhưng cắt bì trong thân xác, do tay người phàm– gọi là “giới không cắt bì”, anh em hãy nhớ lại ¹² rằng thuở ấy anh em không có Đấng Ki-tô, không được hưởng quyền công dân Ít-ra-en, xa lạ

* **2,11** Đây nói về một góc cạnh khác của thân phận con người không có Chúa Ki-tô. Cái chết đi đôi với các sự chia rẽ. Trước thời Chúa Giê-su, loài người chia rẽ và không nhận biết vị Cha chung của mình. Vì họ chưa đủ chín muồi để chống kết hợp với nhau trong đức tin chân thật, nên Thiên Chúa đã lưu tâm đến điều đó khi Người chuẩn bị cuộc giáng thế của Chúa Giê-su. Người đã tuyển chọn một dân, và để tránh cho dân mình khỏi lây nhiễm những lầm lạc của dân ngoại, Người đã cách ly họ bằng một luật cấm họ chung sống với các dân khác : x. Mc 7,24 và Cv 10,1tt.

Vậy trong Đền Thờ Giê-ru-sa-lem, cách xa cung thánh có một sân dành cho người ngoại, và gần cung thánh có một sân khác dành cho người Do-thái, với một *bức tường ngăn cách* đôi bên. Tuyển phân chia này là hình ảnh tất cả những ngăn cách mà Chúa Giê-su sắp phá đổ.

Chúa Giê-su dạy người ta chung sống, điều trước đây bị ngăn cấm. Bị người Do-thái và người ngoại đóng đinh vào thập tự, Người thắng vượt lòng thù hận mọi người bằng tình yêu tha thứ của mình, và một khi đã sống lại, Người quy tụ tất cả mọi người nơi bản thân mình. Cũng như cây thập tự làm bằng hai thanh gỗ, một thanh dọc hướng lên trời, một thanh ngang vươn tới tận cùng cõi đất, thì hoà bình cũng trải rộng ra hai phía : hướng lên Thiên Chúa và hướng tới con người. *Người đã làm cho đôi bên được hoà giải với Thiên Chúa trong một thân thể duy nhất* (c.16). Như vậy, Người nắm cả hai mặt của cùng một tội : bạo lực giữa loài người với nhau và lòng dửng dưng của chúng ta đối với Thiên Chúa.

Chúa Ki-tô *đã liên kết họ* : dù chúng ta muốn hay không muốn, Tin Mừng sẽ tiêu diệt tất cả những sự khác biệt giữa loài người.

với các giao ước dựa trên lời hứa của Thiên Chúa, không có niềm hy vọng, không có Thiên Chúa ở trần gian này. ¹³ Trước kia anh em là những người ở xa, nhưng nay, trong Đức Ki-tô Giê-su, nhờ máu Đức Ki-tô đổ ra, anh em đã trở nên những người ở gần.

¹⁴ Thật vậy, chính Người là bình an của chúng ta : Người đã liên kết đôi bên, dân Do-thái và dân ngoại, thành một ; Người đã hy

sinh thân mình để phá đổ bức tường ngăn cách là sự thù ghét ; ¹⁵ Người đã huỷ bỏ Luật cũ gồm các điều răn và giới luật. Như vậy, khi thiết lập hoà bình, Người đã tác tạo đôi bên thành một người mới duy nhất nơi chính bản thân Người. ¹⁶ Nhờ thập giá, Người đã làm cho đôi bên được hoà giải với Thiên Chúa trong một thân thể duy nhất ; trên thập giá, Người đã tiêu

Trong một Thân Khí duy nhất (c.18). Chỉ mình Thần Khí cho phép bản thân mỗi người được thành đạt trong tình hiệp thông với người khác. Trong Giáo Hội, hợp nhất không phải là đồng nhất ; các tín hữu đâu phải bị đặt vào cùng một khuôn. Không có chuyện phải lựa chọn như nhau trong các vấn đề nhân bản. Chúng ta có quyền suy nghĩ về đức tin theo những cách khác nhau, miễn là thừa nhận mọi tín điều trong kinh Tin Kính. Thần Khí sẽ giúp mỗi người được thành đạt thật sự mà vẫn sống hiệp thông, “thông công” với các tín hữu khác. Chính bằng cách này mà nảy sinh “một người mới”, không phải là sản phẩm của một chính sách hay một ý thức hệ, mà là công trình của Thiên Chúa. Như thánh Phao-lô nói, đó là một cuộc *tác tạo mới*.

Anh em là người nhà của Thiên Chúa (c.19), theo ngôn ngữ Kinh Thánh, có nghĩa là thuộc về gia đình của Thiên Chúa. Từ đó, thánh Phao-lô bước sang một hình ảnh khác : anh em là ngôi nhà, là đền thờ đích thực của Thiên Chúa. Cộng đoàn tín hữu là đền thờ, hay đúng hơn, biến thành đền thờ của Thiên Chúa.

Cái nhìn cao cả này về Hội Thánh và về tình hợp nhất giữa chúng ta trong Hội Thánh có thể sẽ gây ngạc nhiên cho nhiều Ki-tô hữu ngày nay, vì họ thường cảm thấy có trách nhiệm đối với thế giới nhiều hơn, một thế giới trong đó loài người phải sống được. Nhưng chúng ta sẽ là những người mang loại Thần Khí nào, và liệu chúng ta có làm công việc của Thiên Chúa không, nếu chúng ta không dựa vào một cộng đoàn ? Mặc dù có nhiều điều trong cộng đoàn Ki-tô giáo xem ra xa lạ với chúng ta, nhưng sẽ là một điềm chẳng lành nếu chúng ta không nhận thấy trong đó chân lý mà các bạn vô thần của chúng ta không có, một chân lý mà nếu thiếu, chúng ta sẽ mất lẽ sống của mình.

diệt sự thù ghét. ¹⁷ Người đã đến loan Tin Mừng bình an : *bình an cho anh em là những kẻ ở xa, và bình an cho những kẻ ở gần.* ¹⁸ Thật vậy, nhờ Người, cả đôi bên, chúng ta được liên kết trong một Thần Khí duy nhất mà đến cùng Chúa Cha.

¹⁹ Vậy anh em không còn phải là người xa lạ hay người tạm trú, nhưng là người đồng hương với các người thuộc dân thánh, và là người nhà của Thiên Chúa, ²⁰ bởi đã được xây dựng trên nền móng là các Tông Đồ và ngôn sứ, còn đá tảng góc tường là chính Đức Ki-tô Giê-su. ²¹ Trong Người, toàn thể công trình xây dựng ăn khớp với nhau và vươn lên thành ngôi đền thánh trong Chúa. ²² Trong Người, cả

anh em nữa, cũng được xây dựng cùng với những người khác thành ngôi nhà Thiên Chúa ngự, nhờ Thần Khí.

Thánh Phao-lô là người phục vụ mẫu nhiệm Đức Ki-tô

3 ^{*} ¹ Vì lý do đó, tôi, Phao-lô, người tù của Đức Ki-tô Giê-su vì anh em, những người dân ngoại... ² Hẳn anh em đã được nghe biết về kế hoạch ân sủng mà Thiên Chúa đã uỷ thác cho tôi, liên quan đến anh em. ³ Người đã mặc khải để tôi được biết mẫu nhiệm Đức Ki-tô như tôi vừa trình bày vắn tắt trên đây. ⁴ Anh em đọc thì có thể thấy rõ tôi am hiểu mẫu nhiệm Đức Ki-tô thế nào. ⁵ Mẫu nhiệm này, Thiên Chúa đã không cho những người

* **3,1** *Người tù của Đức Ki-tô.* Thánh Phao-lô viết thư này từ nơi ngài bị cầm tù ở Rô-ma, nhưng ngài lại không nói "tù nhân vì Đức Ki-tô". Ngài là tù nhân của Chúa Ki-tô, bởi vì ngài không dứt tình được với Đấng đã chinh phục trái tim ngài, cũng không buông được công việc tông đồ mà Thiên Chúa đã khiến lòng ngài gắn bó như một duyên nợ (1 Cr 9,16).

Thánh Phao-lô nói lại điều ngài đã nghiên ngẫm trong tù, điều mà ngài cho là mới nhất trong công trình của Chúa Ki-tô. Đó là *mẫu nhiệm* hay kế hoạch của Thiên Chúa, kêu gọi mọi người trở thành một thân thể, không phân biệt giống nòi. Chúa Giê-su đã từng công bố sự bình đẳng này (Mt 20), nhưng sau đó Thiên Chúa đã phải can thiệp nhiều lần mới thuyết phục được các môn đệ đầu tiên (đặc biệt x. Cv 10).

thuộc các thế hệ trước được biết, nhưng nay Người đã dùng Thần Khí mà mặc khải cho các thánh Tông Đồ và ngôn sứ của Người. ⁶ Mầu nhiệm đó là : trong Đức Ki-tô Giê-su và nhờ Tin Mừng, các dân ngoại được cùng thừa kế gia nghiệp với người Do-thái, cùng làm thành một thân thể và cùng chia sẻ điều Thiên Chúa hứa. ⁷ Tôi đã trở nên người phục vụ Tin Mừng đó, nhờ ân sủng đặc biệt Thiên Chúa ban cho tôi, khi Người thi thố quyền năng của Người. ⁸ Tôi là kẻ rốt hết trong toàn thể dân thánh, thế mà Thiên Chúa đã ban cho tôi ân sủng này là loan báo cho các dân ngoại Tin Mừng về sự phong phú khôn lường của Đức Ki-tô, ⁹ và soi sáng cho mọi

người được thấy đâu là mầu nhiệm Thiên Chúa đã an bài. Mầu nhiệm này đã được giữ kín từ muôn thuở nơi Thiên Chúa là Đấng tạo thành vạn vật, ¹⁰ để giờ đây, nhờ Hội Thánh, mọi quyền năng thượng giới được biết sự khôn ngoan thiên hình vạn trạng của Thiên Chúa. ¹¹ Thiên Chúa đã hành động như thế theo quyết định Người đã có từ muôn thuở và đã thực hiện nơi Đức Ki-tô Giê-su, Chúa chúng ta. ¹² Trong Đức Ki-tô và nhờ tin vào Người, chúng ta được mạnh dạn và tin tưởng đến gần Thiên Chúa. ¹³ Bởi vậy, tôi xin anh em đừng nản chí khi thấy tôi phải gian truân vì anh em : những gian truân ấy là vinh quang của anh em.

Mọi quyền năng thượng giới (c.10) : x. phần bình giải Gl 3,23 và Ep 1,21. Không phải là bóp méo tư tưởng của thánh Phao-lô khi nói rằng những giám đốc công ty đa quốc gia, những tổng thống, người quyền cao chức trọng trên thế gian này sẽ nhờ Hội Thánh mà nhận ra gương mặt đích thực của Thiên Chúa, Đấng biểu lộ vinh quang của Người nơi kẻ nghèo và các thánh của Người (2 Tx 1,10). Nhưng thiết tưởng cũng phải nói một cách thi vị về phút kinh ngạc của vạn vật trong vũ trụ, khi khám phá thành quả của công trình kỳ vĩ mà thiên nhiên đã thực hiện sau hàng tỉ năm. Thánh Phao-lô thấy mình đã gần tới đích, và chúng ta thì còn gần hơn nhiều, trong thế kỷ mà trên toàn cầu người ta đã ý thức biết bao sự kiện dồn dập.

Lời cầu xin của thánh Phao-lô

* 14 Vì lý do đó, tôi quỳ gối trước mặt Chúa Cha, 15 là nguồn gốc mọi gia tộc trên trời dưới đất. 16 Tôi nguyện xin Chúa Cha, thể theo sự phong phú của Người là Đấng vinh hiển,

ban cho anh em được củng cố mạnh mẽ nhờ Thần Khí của Người, để con người nội tâm nơi anh em được vững vàng. 17 Xin cho anh em, nhờ lòng tin, được Đức Ki-tô ngự trong tâm hồn ; xin cho anh em được bén rễ sâu và xây dựng vững chắc trên đức ái, 18 để

* 3,14 *Tôi quỳ gối.* Thánh Phao-lô chuyển sang phần nói về cầu nguyện cách rất tự nhiên. Đó là bước đường của *con người nội tâm* (c.16), không chỉ bằng lòng với việc tưởng nghĩ đến Thiên Chúa hay nói về Người như thể Người là một đối tượng thụ động. Thần Khí gìn giữ nơi con người ấy ý thức về sự hiện diện của Đấng ban cho mình sự sống. Như thánh Tê-rê-xa nói : “Tôi mang đi khắp nơi trái tim của Thiên Chúa tôi, và Thiên Chúa của trái tim tôi.”

Chúa Cha là nguồn gốc mọi gia tộc trên trời dưới đất (c.15). Xã hội chúng ta đã làm giảm giá quan niệm “người cha” rất nhiều, với nỗi ám ảnh bị “nghiêm đường” bóp nghẹt nhân cách của mình. Thánh Phao-lô không có như vậy. Ngài sững sờ trước Đấng duy nhất vô thủy vô chung. Thiên Chúa Cha là nguồn mạch thần linh, chính từ Người mà phát sinh trật tự và mẫu nhiệm Ba Ngôi. Cũng bởi Người mà vũ trụ có những tài nguyên phong phú. Và thánh Phao-lô, là tác giả vừa gọi nhớ vận mệnh chung của mọi dân tộc, nhắc lại rằng mỗi gia tộc đều đã nhận được từ Chúa Cha “đanh thánh”, nghĩa là căn cước, và phẩm giá của mình.

Có lẽ phải công nhận rằng từ ngữ *cha* ở đây không có cùng một nghĩa như thời thánh Phao-lô, khi người cha giành cho mình ưu thế về uy quyền và lòng kính nể. Ngày nay, khi người phụ nữ đã tìm được, trong nhiều môi trường, trọn vẹn chỗ đứng của mình trong gia đình cũng như xã hội, thì có khi chúng ta lại có khuynh hướng nói đến hai cha mẹ mà không nói đến người cha. Thế nhưng không phải tình cờ mà Thiên Chúa đã tự mặc khải trong văn hoá người Híp-ri, trong đó Thiên Chúa mang khuôn mặt nam giới. Người đã không bao giờ để cho họ bắt chước các dân láng giềng luôn luôn ghép các nữ thần với các thần linh. Ngay cả khi nói Thiên Chúa yêu thương như cha hiền và mẹ hiền (Is 49,15), Kinh Thánh vẫn tiếp tục gọi Người là “Cha”. Làm như thế, Kinh Thánh nhấn mạnh sự tự do và sáng kiến của Thiên Chúa trong tất cả những gì Người làm : vũ trụ và cả chúng ta nữa, chúng ta không phát xuất từ Thiên Chúa như những “thiên xạ”, ví như những làn hơi bốc toả từ vật chất, như sản phẩm tự nhiên của một thần linh có năng lượng quá tải. Không, tất cả là do Thiên Chúa quyết định, cách sáng suốt và đầy sáng tạo.

cùng toàn thể dân thánh, anh em đủ sức thấu hiểu mọi kích thước dài rộng cao sâu, ¹⁹ và nhận biết tình thương của Đức Ki-tô, là tình thương vượt quá sự hiểu biết. Như vậy anh em sẽ được đầy tràn tất cả sự viên mãn của Thiên Chúa.

²⁰ Xin tôn vinh Đấng có thể dùng quyền năng đang hoạt động nơi chúng ta, mà làm gấp ngàn lần điều chúng ta dám cầu xin hay nghĩ tới, ²¹ xin tôn vinh Người trong Hội Thánh và nơi Đức Ki-tô Giê-su đến muôn thuở muôn đời. A-men.

II. KHUYÊN NHỦ

Kêu gọi hiệp nhất

4 * ¹ Vậy, tôi là người đang bị tù vì Chúa, tôi khuyên nhủ anh em hãy

sống cho xứng với ơn kêu gọi mà Thiên Chúa đã ban cho anh em. ² Anh em hãy ăn ở thật khiêm tốn, hiền

Một lý do khác biện hộ còn mạnh hơn nữa cho lập trường giữ lại từ “Cha” : trong Kinh Thánh, toàn bộ công trình của Thiên Chúa trong trần gian đưa tới một hôn ước giữa Thiên Chúa và nhân loại, qua trung gian Chúa Ki-tô. Nhân loại và Hội Thánh đóng vai trò người làm vợ trong đôi lứa, còn Thiên Chúa là mẫu mực cứu cánh của người làm chồng.

Gia đình, với quyền uy của cha mẹ, là nền tảng xã hội, và quan hệ cha con cũng thế, có chỗ đứng trong Hội Thánh : các giám mục kế vị nhau, hàng giáo phẩm có một quyền bính không tùy thuộc những cuộc đầu phiếu từ cấp dân, là những yếu tố thuộc một đẳng trật thần thiêng. Một xã hội không biết có cha là gì và khinh thường hôn nhân cũng sai lệch như những “Giáo Hội tự phát”.

Tình thương của Đức Ki-tô vượt quá sự hiểu biết (c.19). Chắc hẳn thánh Phao-lô nghĩ đến tình thương mà Chúa Ki-tô đã tỏ lộ cho ngài, tình thương mà ngài càng chịu thử thách bao nhiêu thì được tỏ lộ càng tha thiết bấy nhiêu. Hiểu thấu và cảm nghiệm tình thương này là điều vượt quá tất cả những cái chưa từng có ai nghĩ ra. Nhưng việc học hỏi, sách vở và những thuật suy ngẫm thì không đủ để đạt tới đó. Tình thương này được ban cho chúng ta cách nhưng không, do sáng kiến của Thiên Chúa, theo đường lối yêu thương mà Chúa Ki-tô đã trở thành mẫu mực và trung tâm điểm.

* 4,1 Ở đây, thánh Phao-lô trở lại một vấn đề quan trọng đối với những cộng đoàn có một lối sống còn rất phóng khoáng. Đây là trường hợp có thể nói : họ có sắc thái “Thánh Linh” rất đậm, bởi vì trong đó người ta dựa nhiều vào tác động bất ngờ của Thần Khí qua

từ và nhẫn nại ; hãy lấy tình bác ái mà chịu đựng lẫn nhau. ³ Anh em hãy thiết tha duy trì sự hiệp nhất mà Thần Khí đem lại, bằng cách ăn ở thuận hoà gắn bó với nhau. ⁴ Chỉ có một thân thể, một Thần Khí, cũng như anh em đã được kêu gọi để chia sẻ cùng một niềm hy vọng. ⁵ Chỉ có một Chúa, một niềm tin, một phép rửa. ⁶ Chỉ có một Thiên Chúa, Cha của mọi người, Đấng ngự trên mọi người, qua mọi người và trong mọi người.

⁷ Nhưng mỗi người chúng ta đã nhận được ân sủng tùy theo mức độ Đức Ki-tô ban cho. ⁸ Vì thế, có lời Kinh Thánh nói : *Người đã lên cao, dẫn theo một đám tù ; Người đã ban ân huệ cho loài người.*

⁹ *Người đã lên nghĩa là gì, nếu không phải là Người đã xuống tận các vùng sâu thẳm dưới mặt đất ?* ¹⁰ Đấng đã xuống cũng chính là Đấng đã lên cao hơn mọi tầng trời để làm cho vũ trụ được viên mãn. ¹¹ Và chính Người đã ban ơn cho kẻ này làm

các đoàn sủng của các thành viên đủ loại. Mỗi người, tùy theo ơn gọi riêng của mình, phải ra sức xây dựng thân thể duy nhất. Và thánh Phao-lô phấn khởi kể ra tất cả những gì chúng ta có chung, nhờ Chúa Ki-tô và tác động của Thần Khí Người. Cái được xây dựng không phải chỉ là một đền thờ (x. 2,19-22), mà là *thân thể Đức Ki-tô* (c.12) hay là *con người trưởng thành* (c.13), được cấu tạo từ hàng triệu triệu thành viên hiện tại và tương lai của nhân loại.

Chúa Giê-su Na-da-rét đã một lần duy nhất sống đời phục tùng của mình cho đến chết. Nhưng một khi, nhờ phục sinh, Người đã trở nên Đầu của nhân loại, thì Người chịu khổ ở khắp mọi nơi ; Người làm việc trong tất cả mọi phạm vi hoạt động của con người ; Người hy sinh mạng sống bằng mọi cách có thể vận dụng ; Người hội tụ nơi bản thân mọi hình thức yêu thương, và sống trong các chi thể của mình tất cả mọi cảnh ngộ của kiếp người. Nơi Người, chính Thiên Chúa đã trải qua, như lòng hằng mong ước, kinh nghiệm cuộc đời kẻ thụ tạo.

Như vậy, chúng ta sẽ không còn là những trẻ nhỏ (c.14). Thánh Phao-lô cho hiểu rằng tín hữu Ê-phê-xô đôi lần hãy còn là những trẻ nhỏ, khi họ để bất cứ luồng dư luận nào gây ảnh hưởng cho mình. Ngài kêu mời họ cải thiện để trở nên một cộng đoàn vững mạnh, có khả năng sống theo chân lý và tự gầy dựng nhờ yêu thương. Chúng ta cũng thế, phải tự vấn xem chúng ta đã qua rồi hay chưa cái tuổi mà người "tín hữu tín thành" cứ chờ có người suy nghĩ thay cho mình, hướng dẫn và thúc đẩy mình.

Tông Đô, người nọ làm ngôn sứ, kẻ khác làm người loan báo Tin Mừng, kẻ khác nữa làm người coi sóc và dạy dỗ. ¹² Nhờ đó, dân thánh được chuẩn bị để làm công việc phục vụ, là xây dựng thân thể Đức Ki-tô, ¹³ cho đến khi tất cả chúng ta đạt tới sự hiệp nhất trong đức tin và trong sự nhận biết Con Thiên Chúa, tới tình trạng con người trưởng thành, tới tầm vóc viên mãn của Đức Ki-tô.

¹⁴ Như vậy, chúng ta sẽ không còn là những trẻ nhỏ, bị sóng đánh trôi giạt theo mọi chiều gió đạo lý, giữa trò bịp bợm của những kẻ xảo thuật khéo

dùng mưu ma chước quỷ để làm cho kẻ khác lầm đường. ¹⁵ Nhưng, sống theo sự thật và trong tình bác ái, chúng ta sẽ lớn lên về mọi phương diện, vươn tới Đức Ki-tô vì Người là Đầu. ¹⁶ Chính Người làm cho các bộ phận ăn khớp với nhau và toàn thân được kết cấu chặt chẽ, nhờ mọi thứ gân mạch nuôi dưỡng và mỗi chi thể hoạt động theo chức năng của mình. Như thế Người làm cho toàn thân lớn lên và được xây dựng trong tình bác ái.

Đời sống mới trong Đức Ki-tô

* ¹⁷ Vậy đây là điều tôi nói với anh em, và có

* 4,17 *Con người cũ và con người mới.* Hình ảnh này của thánh Phaolô cho đối lập hai lối sống cùng tồn tại trong mọi xã hội, và nơi mỗi người chúng ta theo một nghĩa nào đó. Ôn hoán cải không cho chúng ta vào “an toạ” ở một cấp bậc trọn hảo : cho dù chúng ta được bình an với Thiên Chúa theo một nghĩa rất thiết thực (Rm 5,1), con người chúng ta vẫn chưa được thống nhất. Chúng ta còn cảm nghiệm những cảm dỗ và những đấu tranh ; các quyết định lớn nhỏ của chúng ta hướng chúng ta đến hai con đường : hoặc là con người cũ, đã *hư nát* đến vô vọng và làm tội cho tính ích kỷ của mình, hoặc là con người mới rạng rỡ tình thương.

Con người đã được sáng tạo theo hình ảnh Thiên Chúa (c.24). Thiên Chúa đã dựng nên con người giống hình ảnh mình, nhưng có một con người thật sự là hình ảnh này, đó là Chúa Ki-tô Phục Sinh, Đấng chiến thắng tội lỗi và sự chết. Ở đây cũng như nơi khác trong Kinh Thánh, Con Người vừa chỉ Chúa Ki-tô vừa chỉ loài người, và cũng chỉ mỗi người chúng ta, ở vị trí của mình trong “Thân Thể”. Tất cả những gì chúng ta cảm phục nơi Chúa Ki-tô cũng dành đó cho chúng ta được hưởng.

Chúa chứng giám, tôi khuyên anh em : đừng ăn ở như dân ngoại nữa, vì họ sống theo những tư tưởng phù phiếm của họ. ¹⁸ Tâm trí họ đã ra tối tăm, họ xa lạ với sự sống Thiên Chúa ban, vì lòng chai dạ đá khiến họ trở nên dốt nát. ¹⁹ Họ đã mất ý thức nên đã buông thả, sống phóng đãng đến mức làm mọi thứ ô uế cách vô độ. ²⁰ Còn anh em, anh em đã chẳng học biết về Đức Ki-tô như vậy đâu ; ²¹ ấy là nếu anh em đã được nghe nói về Đức Giê-su và được dạy dỗ

theo tinh thần của Người, đúng như sự thật ở nơi Đức Giê-su. ²² Vì thế, anh em phải cởi bỏ con người cũ với nếp sống xưa, là con người phải hư nát vì bị những ham muốn lừa dối, ²³ anh em phải để Thần Khí đổi mới tâm trí anh em, ²⁴ và phải mặc lấy con người mới, là con người đã được sáng tạo theo hình ảnh Thiên Chúa để thật sự sống công chính và thánh thiện.

²⁵ Bởi thế, một khi đã cởi bỏ sự gian dối, *mỗi người trong anh em hãy*

Áo trắng mà người lớn mặc trong ngày lãnh bí tích Thánh Tẩy biểu trưng sự đổi đời mà họ đã bắt đầu. Sự đổi mới này cũng có thể xảy ra sau một cuộc tĩnh tâm, hay khi bất ngờ Thiên Chúa làm cho chúng ta dứt bỏ một lối sống đạo theo thói quen và không nhắm lý tưởng gì cao đẹp, để *mặc lấy* Chúa Ki-tô với một đức tin vừa tìm lại được, mới tinh khôi.

Thánh Phao-lô đề ra ngay tức khắc một số ràng buộc luân lý mà một sự đổi mới hàng ngày như vậy đòi hỏi (c.25) : chân thành, tiết độ, không thô tục trong lời nói cũng như trong tưởng tượng. Đức tin Ki-tô giáo không cho phép chúng ta sống vô tư như các tôn giáo đồng phương thời thánh Phao-lô. Thời đó người ta nói về sự tái sinh, về hiểu biết những bí nhiệm, nhưng lại không nói gì về cuộc sống dâm ô và những vụ bất lương trong đời sống xã hội.

Con người cũ, con người mới tương ứng với những kiểu nói khác của thánh Phao-lô như *sống theo tinh xác thật* hay *sống theo Thần Khí* (Rm 8,5) ; *con cái bóng tối* hay *con cái ánh sáng* (Ep 5,8.10) ; *mang lấy ách nô lệ* hay *được tự do* (Gl 5,1).

Đừng làm phiền lòng Thánh Thần của Thiên Chúa (c.30). Kiểu nói này dễ hiểu nếu chúng ta nghĩ tới nỗi buồn phiền trong lòng mình mỗi khi chúng ta không nghe theo một ý tưởng tốt, một ước muốn hành động tốt hơn. Đó là nỗi phiền của Chúa Thánh Thần, Đấng đã khơi dậy trong chúng ta những tư tưởng ấy, và nỗi phiền tinh thần của chúng ta, khi nhận ra những gì mình đã để mất.

nói sự thật với người thân cận, vì chúng ta là phần thân thể của nhau. ²⁶ Anh em nổi nóng ư ? Đừng phạm tội : chớ để mặt trời lặn mà cơn giận vẫn còn. ²⁷ Đừng để ma quỷ thừa cơ lợi dụng ! ²⁸ Ai quen trộm cắp, đừng trộm cắp nữa, trái lại, hãy chịu khó dùng đôi tay của mình mà làm ăn lương thiện để có gì chia sẻ với người túng thiếu. ²⁹ Anh em đừng bao giờ thốt ra những lời độc địa, nhưng nếu cần, hãy nói những lời tốt đẹp, để xây dựng và làm ích cho người nghe. ³⁰ Anh em chớ làm phiền lòng Thánh Thần của Thiên Chúa, vì

chính Người là dấu ấn ghi trên anh em, để chờ ngày cứu chuộc. ³¹ Đừng bao giờ chua cay gắt gỏng, nóng nảy giận hờn, hay la lối thoá mạ, và hãy loại trừ mọi hành vi gian ác. ³² Trái lại, phải đối xử tốt với nhau, phải có lòng thương xót và biết tha thứ cho nhau, như Thiên Chúa đã tha thứ cho anh em trong Đức Ki-tô.

5 * ¹ Vậy, anh em hãy bắt chước Thiên Chúa, vì anh em là con cái được Người yêu thương, ² và hãy sống trong tình bác ái, như Đức Ki-tô đã yêu thương chúng ta, và vì chúng ta, đã tự nộp mình

* 5,1 Chúng ta thấy ở đây một vài yếu tố của lối sống mới như đã nói trong đoạn trước.

Bắt chước Thiên Chúa, Đấng yêu thương người lành cũng như kẻ dữ (Mt 5,48). Chúng ta có một gương mẫu hữu hình hơn nơi Chúa Con, Đấng đã vì yêu thương mà trở thành con đường, ánh sáng và sự sống của chúng ta (Rm 5,6-11).

Vứt bỏ tất cả những gì gây nhọc hổ và chỉ diễn ra trong bóng tối. Thật thì đối với nhiều người, có rất nhiều điều trước đây gây nhọc hổ bây giờ lại trở thành bình thường. Có là như thế đối với người đi tìm ánh sáng, và trong Chúa Ki-tô, không sợ ánh sáng không ? Lời chứng của chỉ một người Ki-tô hữu sống trong ánh sáng, hơn nữa của cả một cộng đoàn, là đủ để kết án những gì được cho là bình thường (c.13).

Sống cho hợp lý hơn và có trách nhiệm trong cuộc đời. *Chúng ta đang sống những ngày đen tối* (c.16), nghĩa là nếu chúng ta không biết suy xét và chọn lựa, thì các biến cố xảy ra hàng ngày sẽ cảm chân chúng ta lại ở mức tầm thường hoặc đẩy chúng ta làm chuyện xấu. Mọi sự sẽ đổi thay khi một người tín hữu, một đôi vợ chồng, một nhóm người "bừng tỉnh", và mỗi ngày hay mỗi tuần dành ra một thời gian để tìm xem đâu là ý Chúa trên họ.

làm *hiến lễ*, làm *hy lễ* dâng lên Thiên Chúa *tựa hương thơm ngào ngạt*.

³ Chuyện gian dâm, mọi thứ ô uế hay tham lam, thì dù nói đến, anh em cũng phải tránh, như thế mới xứng đáng là những người trong dân thánh. ⁴ Đừng nói lời thô tục, nhảm nhí, cợt nhả : đó là những điều không nên ; trái lại, phải tạ ơn Thiên Chúa thì hơn.

⁵ Anh em phải biết rõ điều này : không một kẻ gian dâm, ô uế hay tham lam nào –mà tham lam cũng là thờ ngẫu tượng– được thừa hưởng cơ nghiệp trong Nước của Đức Ki-tô và của Thiên Chúa. ⁶ Đừng để ai lấy lời hão huyền mà lừa dối anh em, chính vì những điều đó mà cơn thịnh nộ của Thiên Chúa giáng xuống những kẻ

không vâng phục. ⁷ Vậy anh em đừng thông đồng với họ. ⁸ Xưa anh em là bóng tối, nhưng bây giờ, trong Chúa, anh em lại là ánh sáng. Vậy anh em hãy ăn ở như con cái ánh sáng ; ⁹ mà ánh sáng đem lại tất cả những gì là lương thiện, công chính và chân thật. ¹⁰ Anh em hãy xem điều gì đẹp lòng Chúa.

¹¹ Đừng cộng tác vào những việc vô ích của con cái bóng tối, phải vạch trần những việc ấy ra mới đúng. ¹² Vì những việc chúng làm lén lút, thì nói đến đã là nhục rồi.

¹³ Nhưng tất cả những gì bị vạch trần, đều do ánh sáng làm lộ ra ; ¹⁴ mà bất cứ điều gì lộ ra, thì trở nên ánh sáng. Bởi vậy, có lời chép rằng :

Tỉnh giác đi, hỡi người còn đang ngủ !

Từ chốn tử vong, trỗi dậy đi nào !

Đức Ki-tô sẽ chiếu sáng người !

Chớ say sưa rượu chè ! (c.18). Chúng ta cần có những chất kích thích ; không tai hại gì nếu thỉnh thoảng cảm nghiệm xem những trạng thái thứ bậc kia ra làm sao, trong đó người ta cảm thấy vui vẻ, được thoát khỏi chính mình, hết khách sáo, biết nói năng lưu loát như thế nào : rượu cũng được Kinh Thánh khen ngợi. Nhưng không thể cùng một lúc vừa cảm thấy say sưa Thần Khí lại vừa say rượu, say “nàng tiên nâu” nguy hiểm. Chúng ta phải biết lựa chọn từng giây từng phút.

Hãy ca hát chúc tụng Chúa ! (c.19). Hãy cảm nếm Thần Khí làm ấm lòng anh em như thế nào ; hãy tìm được ấm lòng như thế trong một kinh nghiệm cộng đoàn.

¹⁵ Anh em hãy cẩn thận xem xét cách ăn nết ở của mình, đừng sống như kẻ khờ dại, nhưng hãy sống như người khôn ngoan, ¹⁶ biết tận dụng thời buổi hiện tại, vì chúng ta đang sống những ngày đen tối. ¹⁷ Vì thế, anh em đừng hoá ra ngu xuẩn, nhưng hãy tìm hiểu đâu là ý Chúa. ¹⁸ *Chớ say sưa rượu chè*, vì rượu chè đưa tới truy lạc, nhưng hãy thấm nhuần Thần Khí. ¹⁹ Hãy cùng nhau đối đáp những bài thánh vịnh, thánh thi và thánh ca do Thần Khí linh hứng ; hãy đem cả tâm hồn mà ca hát chúc tụng

Chúa. ²⁰ Trong mọi hoàn cảnh và mọi sự, hãy nhân danh Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, mà cảm tạ Thiên Chúa là Cha.

Gia đình sống đạo

²¹ Vì lòng kính sợ Đức Ki-tô, anh em hãy từng phục lẫn nhau. ²² Người làm vợ hãy từng phục chồng như từng phục Chúa, * ²³ vì chồng là đầu của vợ cũng như Đức Ki-tô là đầu của Hội Thánh, chính Người là Đấng cứu chuộc Hội Thánh, thân thể của Người. ²⁴ Và như Hội Thánh từng phục Đức Ki-tô thế nào, thì vợ cũng

* 5,23 Trong đoạn 5,21 – 6,9, thánh Phao-lô nhắc lại điều ngài đã viết cho tín hữu Cô-lô-xê (3,18 – 4,1). Nhưng ở đây, đầu óc ngài đầy ấp những suy tư về vai trò của Chúa Ki-tô với tư cách là đầu của “thân thể”, của nhân loại được cứu độ, đến nỗi ngài có một cách triển khai bất ngờ ý nghĩa hôn nhân mà ngài mới chỉ nói qua ở Cl 3,18.

Từng phục chồng như từng phục Chúa (c.22). Không phải thánh Phao-lô nhân danh Chúa yêu cầu người vợ phải phục tùng, mà là xã hội thời bấy giờ. Và thánh Phao-lô nói với họ : “*Hãy từng phục như từng phục Chúa*”, vì ở trên, ngài vừa đưa ra một yêu cầu khái quát, kêu gọi chúng ta thể hiện lòng từng phục của mình, dù bất cứ ở đâu, như là một cách tỏ lòng suy tôn Chúa Ki-tô.

Vậy, mặc dù cách diễn tả của thánh Phao-lô có phản ánh văn hoá thời đại ngài trong vấn đề hôn nhân, nhưng cũng không nên nhân danh phong trào tranh đấu cho nữ quyền mà coi thường giáo huấn của ngài. Đã có và đang có những mô hình văn hoá khác nhau trong vấn đề tình nghĩa vợ chồng. Ngày nay, các mô hình ấy khác biệt nhau tùy nơi : ở các nước kinh tế phát triển hay ở thế giới thứ ba, trong giới trung lưu hay giới bình dân. Tiến bộ hơn, chính mỗi cặp vợ chồng phải tìm xem đâu là quân bình cho mình, và khi đưa ra những sáng kiến của mình thì nên theo cung cách nào, như uy tín bẩm sinh và khả năng của mỗi bên cho phép.

phải từng phục chồng trong mọi sự như vậy.

²⁵ Người làm chồng, hãy yêu thương vợ, như chính Đức Ki-tô yêu thương Hội Thánh và hiến mình vì Hội Thánh ; ²⁶ như vậy, Người thánh hoá và thanh tẩy Hội Thánh bằng nước và lời hằng sống, ²⁷ để trước mặt Người, có một

Hội Thánh xinh đẹp lộng lẫy, không tỳ ố, không vết nhân hoặc bất cứ một khuyết điểm nào, nhưng thánh thiện và tinh tuyền.

²⁸ Cũng thế, chồng phải yêu vợ như yêu chính thân thể mình. Yêu vợ là yêu chính mình. ²⁹ Quả vậy, có ai ghét thân xác mình bao giờ ; trái lại, người ta nuôi

Dù là bên “xương” hay là bên “tuỳ”, thì đàn này hay đàn kia đâu phải vì thế mà sẽ cảm thấy mình hơn hay kém, bởi vì lý tưởng của mỗi bên là trở nên “người tôi tớ” : Mc 9,35. Thánh Phao-lô nói : *Chồng là đầu của vợ*, nhưng “là đầu” không có nghĩa là ăn nói như một thủ trưởng. Chúa Ki-tô quả thật có uy quyền bởi Người là Chân Lý của Thiên Chúa (mà chồng đối với vợ thì đầu phải thế), nhưng thánh Phao-lô lại chọn chứng minh rằng Chúa Ki-tô đã trở nên Vị Cứu Tinh của đối tượng mà Người coi như bạn đời của mình, là nhân loại đã được thanh tẩy.

Thánh Phao-lô cho thấy điều cốt yếu trong tình yêu vợ chồng khi nhắc lại lời Kinh Thánh : *Người đàn ông sẽ lìa cha mẹ* (c.31). Ngài áp dụng lời này vào sự kết hợp giữa Thiên Chúa và nhân loại trong Chúa Ki-tô, người “Con yêu dấu” (Mc 2,19). Bởi vì hôn nhân hàm chứa một *mâu nhiệm*, nghĩa là một kho tàng thánh thiêng không thể hiểu được bao lâu Chúa Giê-su chưa đến. Khi nói hôn nhân là một *bí tích* thì ý nghĩa đầu tiên không phải là một nghi lễ ở nhà thờ, nhưng là qua hôn nhân và các đôi vợ chồng sống tình yêu “theo gương Chúa Ki-tô”, thì mâu nhiệm tình yêu Thiên Chúa được biểu lộ ở giữa loài người. Ở giữa chúng ta, đây chính là dấu chỉ giao ước mà Thiên Chúa thiết lập với loài người, như chồng với vợ : một giao ước yêu thương, trung thành và sản sinh đời dào hoa trái.

Như chính Đức Ki-tô yêu thương Hội Thánh (c.25). Người đã gặp thấy chúng ta là kẻ tội lỗi, và Người đã mang vào thân những hậu quả cuối cùng của tội lỗi chúng ta : Người đã hy sinh mạng sống mình để *thanh tẩy* chúng ta. Ở đây hiển hiện đức tính hàng đầu trong tình yêu Ki-tô giáo là lòng trung thành. Việc trao xương gửi thịt cho nhau của đôi vợ chồng có tính quyết định, và từ đó, người này sẽ làm hết sức mình để cứu chữa người kia, giúp người kia triển nở và ngày thêm hoàn thiện. Đôi vợ chồng hoàn hảo không phải là một đôi lứa không có vấn đề, cùng sống xoàng xoàng với nhau, mà là một đôi trong đó người này tạo điều kiện cho người kia cống hiến phần tốt nhất của mình.

nắng và chăm sóc thân xác mình, cũng như Đức Ki-tô nuôi nắng và chăm sóc Hội Thánh, ³⁰ vì chúng ta là bộ phận trong thân thể của Người. ³¹ Sách Thánh có lời chép rằng : *Chính vì thế, người đàn ông sẽ lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai sẽ thành một xương một thịt.* ³² Mẫu nhiệm này thật là cao cả. Tôi muốn nói về Đức Ki-tô và Hội Thánh. ³³ Vậy mỗi người trong anh em hãy yêu vợ

như chính mình, còn vợ thì hãy kính sợ chồng.

6 * ¹ Kẻ làm con, hãy vâng lời cha mẹ theo tinh thần của Chúa, vì đó là điều phải đạo. ² *Hãy tôn kính cha mẹ.* Đó là điều răn thứ nhất có kèm theo lời hứa : ³ *để người được hạnh phúc và hưởng thọ trên mặt đất này.* ⁴ Những bậc làm cha mẹ, đừng làm cho con cái tức giận, nhưng hãy giáo dục chúng thay mặt Chúa bằng cách khuyên răn và sửa dạy.

Người thánh hoá và thanh tẩy Hội Thánh bằng nước và lời hằng sống (x. Gc 1,18-21 và Ga 15,3). Dù nước đổ xuống là cần thiết, nhưng điều còn quan trọng hơn nữa đối với chúng ta là đón nhận lời Thiên Chúa thông ban cho chúng ta sự sống.

Nhiều người trẻ trốn tránh hôn nhân, một phần vì sợ liêu mình (lòng trung thành tuyệt đối đúng là một cách “liêu mất mạng sống” : Mc 8,35), một phần vì họ coi tình yêu giữa họ không can gì đến ai khác. Thánh Phao-lô cho chúng ta thấy rằng tình yêu của Chúa Ki-tô đối với chúng ta, dù có tính cá nhân đến mấy, cũng không bao giờ bỏ quên ai, để yêu tất cả những ai là chi thể của Người. Đây là một thí dụ : người giáo dân có gia đình được kêu mời góp phần vào việc biến đổi thế giới, bằng tình yêu toả sáng và sự dẫn thân của họ để phục vụ người khác.

* **6,1** Thánh Phao-lô nhắc những người làm con rằng Thiên Chúa yêu cầu họ có lòng vâng phục, và ngài nhắc các bậc làm cha mẹ rằng họ không được lơ là bổn phận giáo dục (x. phần bình giải Hc 30,1-3). Cha mẹ có nhiệm vụ khó khăn là hướng dẫn con cái đạt tới sự tự do đích thực, bằng cách dạy cho chúng biết tuân phục một lễ luật, phục vụ chứ không để người ta phục vụ, chia sẻ thay vì đòi hỏi. Rồi chỉ dẫn chúng nghe theo tiếng gọi của Thần Khí như thế nào, đặt tiêu chuẩn cao hơn những gì mà trong môi trường sống của chúng, người ta cho là tốt hay xấu.

Thánh Phao-lô nhắc các người nô lệ ý thức phẩm giá cao quý của họ : sống theo lương tâm mình chứ không theo nguyên tắc “không ai bắt gặp tất khỏi bị bắt”. Đó là bước đầu tiên để tiến tới một cuộc giải thoát thật sự.

⁵ Kể làm nô lệ, hãy vâng lời những người chủ ở đời này với thái độ run rẩy và sợ sệt, với lòng đơn sơ, như vâng lời Đức Ki-tô.
⁶ Đừng chỉ vâng lời trước mặt, như muốn làm đẹp lòng người ta, nhưng như nô lệ của Đức Ki-tô, đem cả tâm hồn thi hành ý Thiên Chúa.
⁷ Hãy vui lòng phục vụ, như thể phục vụ Chúa, chứ không phải người ta.
⁸ Anh em biết đấy : ai làm việc tốt, sẽ được Chúa trả công, bất luận nô lệ hay tự do.
⁹ Người làm chủ cũng hãy

đối xử như thế với nô lệ. Đừng doạ nạt nữa : anh em biết rằng Chúa của họ cũng là Chúa của anh em, Người ngự trên trời và không thiên vị ai.

Cuộc chiến đấu thiêng liêng

* ¹⁰ Sau cùng, anh em hãy tìm sức mạnh trong Chúa và trong uy lực toàn năng của Người.
¹¹ Hãy mang toàn bộ binh giáp vũ khí của Thiên Chúa, để có thể đứng vững trước những mưu chước của ma quỷ.
¹² Vì chúng ta chiến đấu

* 6,10 Thánh Phao-lô đã nói điều ngài phải nói ; vậy bây giờ lời kêu gọi mọi người hãy nên mạnh mẽ có nghĩa là gì ? Những hình ảnh về đời lính này, ngài mượn từ đâu ra ? Phải chăng vì ngài cho rằng những người Ki-tô hữu thuộc tỉnh Ê-phê-xô này không đủ vững mạnh ? Xin xem cc. 18-20 : tuy không nói ra, thánh Phao-lô kêu mời họ so sánh tình trạng của họ với tình trạng của ngài. Là người tự do hay nô lệ, nói chung họ là hạng người bình dân sống trong các thị thành gần Ê-phê-xô. Lệ thuộc đế quốc Rô-ma đã bình định xứ họ từ lâu đời, họ không có vấn đề nào lớn. Họ không giàu, chỉ lo an phận thủ thường. Dưới bầu trời Địa Trung Hải, ánh sáng tuyệt vời và thiên nhiên thân thiện. Họ đến với đức tin trong lúc làm như thế không có gì là nguy hiểm. Liệu họ sẽ làm gì đây, ngày mà đế quốc gây khó khăn và bỗng nhiên họ trở thành nhóm người bất hảo, và tất cả những gì trực trặc thì người ta sẽ đổ lên đầu họ ?

Vì thế, thánh Phao-lô báo động : hoà bình chỉ là tạm bợ, vì ma quỷ đang đợi giờ của nó (c.11 và 16). Tên quỷ này không phải chỉ là tên len lõi vào lương tâm con người mà thôi, nó còn cấu kết với những sức mạnh đang tung hoành trong thế gian (x. c.12 ; x. 1,20 và 3,10). Đó là tên ác thần mà sách Khải huyền đã vạch trần các chiến lược. Và thánh Phao-lô xin họ kiên trì cầu nguyện, vì để chống lại sự dữ, chỉ có những vũ khí Chúa Giê-su để lại cho chúng ta mới là hữu hiệu : *chân lý, sự công bình, đức tin, Lời Chúa*. Và nếu thật sự họ nghĩ mình đã tìm thấy ơn cứu độ, thì họ hãy chịu khó một chút để loan báo Tin Mừng (c.15).

không phải với phạm nhân, nhưng là với những quyền lực thần thiêng, với những bậc thống trị thế giới tối tăm này, với những thần linh quái ác chốn trời cao. ¹³ Bởi đó, anh em hãy nhận lấy toàn bộ binh giáp vũ khí của Thiên Chúa ; như thế, anh em có thể vận dụng toàn lực để đối phó và đứng vững trong ngày đen tối.

¹⁴ Vậy hãy đứng vững : *lưng thắt đai là chân lý, mình mặc áo giáp là sự công chính, ¹⁵ chân đi giày là lòng hăng say loan báo tin mừng bình an ; ¹⁶ hãy luôn cầm khiên mộc là đức tin, nhờ đó anh em sẽ có thể dập tắt mọi tên lửa của ác thần. ¹⁷ Sau cùng, hãy đội mũ chiến là ơn cứu độ và cầm gươm của Thần Khí ban cho, tức là *Lời Thiên Chúa.**

¹⁸ Theo Thần Khí hướng dẫn, anh em hãy dùng mọi lời kinh và mọi tiếng van nài mà cầu nguyện luôn mãi. Để được như vậy, anh em hãy chuyên cần tỉnh thức và cầu xin cho toàn thể dân thánh. ¹⁹ Anh em cũng hãy cầu xin cho tôi

nữa, để khi tôi mở miệng nói, thì Thiên Chúa ban lời cho tôi, hầu tôi mạnh dạn loan báo mầu nhiệm của Tin Mừng ; ²⁰ tôi là sứ giả của Tin Mừng này cả khi tôi đang bị xiềng xích. Anh em hãy cầu xin cho tôi để khi rao giảng Tin Mừng tôi nói năng mạnh dạn, như bốn phạm tội phải nói.

Tin tức. Lời chào cuối thư.

²¹ Anh Ty-khi-cô, người anh em yêu quý của tôi và là người trung thành phục vụ Chúa, sẽ cho anh em mọi tin tức, để cả anh em nữa cũng biết tôi ra sao, và tôi đang làm gì. ²² Tôi phái anh đến với anh em vì mục đích ấy, để anh em được biết hiện tình của chúng tôi, và để anh khích lệ tâm hồn anh em.

²³ Nguyện xin Thiên Chúa là Cha, và nguyện xin Chúa Giê-su Ki-tô ban cho anh em ơn bình an và lòng mến cùng với lòng tin. ²⁴ Xin Thiên Chúa ban ân sủng cho tất cả những ai yêu mến Đức Giê-su Ki-tô Chúa chúng ta bằng một tình yêu bất diệt.

THƯ GỬI TÍN HỮU PHI-LÍP-PHÊ

DẪN NHẬP

Đây lại là một bức thư của thánh Phao-lô có tính cách riêng tư, đầy ân cần và trù mẫn, thật sự là bức thư mà đang lúc ngồi tù, thánh Phao-lô đã gửi cho một cộng đoàn vốn hằng lo lắng cho ngài nhiều nhất. Đã hơn một lần thánh Phao-lô tin cậy vào sự giúp đỡ vật chất của họ, cho thấy lòng tín nhiệm của ngài đối với họ. Thông thường, để tránh khỏi bị nghi ngờ tìm lợi ích riêng cho mình, ngài thích kiếm sống bằng lao động hơn, vừa lao động vừa truyền giáo. Chính trong thư này, chúng ta sẽ gặp thấy câu nói nổi tiếng : Giữa anh em với nhau, anh em hãy có những tâm tình như chính Đức Giê-su Ki-tô (2,5).

Chúng ta vừa nói rằng đây là một lá thư đích thực của thánh Phao-lô. Thật ra, toàn bộ lá thư không nhất quán, như thể người ta đã ráp nối lại

nhiều mẫu thư của thánh Phao-lô. Chúng ta sẽ ghi nhận điều này khi bàn đến 2,19 ; 3,1 ; 4,1. Rất có thể thư này gồm hai lá thư ngắn : một thư trong đó thánh Phao-lô muốn cho tin tức về mình và nói lời cảm ơn, một thư đưa ra lời cảnh báo với cùng một văn phong như thư gửi tín hữu Ga-lát.

Khi tập hợp các thư thánh Phao-lô, trước hết người ta đã gom lại bốn bức thư quan trọng hơn theo thứ tự dài trước ngắn sau : thư gửi tín hữu Rô-ma, hai thư gửi tín hữu Cô-rin-tô và thư gửi tín hữu Ga-lát. Sau đó thì xếp các thư được gọi là "viết trong ngục". Chính ở vị trí này có thư gửi tín hữu Phi-líp-phê, nằm giữa các thư gửi tín hữu Ê-phê-xô và gửi tín hữu Cô-lô-xê, như thể cả ba đều được gửi từ cùng một nhà tù. Tuy nhiên có đủ lý do để nghĩ rằng lá thư gửi tín

hữu Phi-líp-phê này không sớm hơn vài năm, có lẽ phải được viết khi thánh năm 56, trong lúc có thể Phao-lô đang ở Rô-ma, ngài bị cầm tù ở Ê-phê-xô. khoảng năm 60, nhưng là

THƯ GỬI TÍN HỮU PHI-LÍP-PHÊ

Lời chào thăm

1 * ¹ Chúng tôi, Phao-lô và Ti-mô-thê, là những tôi tớ của Đức Ki-tô Giê-su, kính gửi mọi người trong dân thánh kết hợp với Đức Ki-tô Giê-su ở Phi-líp-phê, cùng kính gửi các vị giám quản và trợ tá. ² Xin Thiên Chúa là Cha chúng ta và Chúa Giê-su Ki-tô ban cho anh em ân sủng và bình an.

Tạ ơn và cầu nguyện

³ Tôi cảm tạ Thiên Chúa của tôi, mỗi lần nhớ đến

anh em. ⁴ Tôi luôn vui sướng mỗi khi cầu nguyện cho anh em hết thấy, ⁵ vì từ buổi đầu cho đến nay, anh em đã góp phần vào việc rao giảng Tin Mừng. ⁶ Tôi tin chắc rằng : Đáng đã bắt đầu thực hiện nơi anh em một công việc tốt lành như thế, cũng sẽ đưa công việc đó tới chỗ hoàn thành cho đến ngày Đức Ki-tô Giê-su quang lâm. ⁷ Tôi có những tâm tình như thế đối với tất cả anh em, đó là điều hợp lý, bởi vì tôi mang anh em trong

* 1,1 *Cùng kính gửi các vị giám quản và trợ tá.* Trong sách Công vụ, chúng ta thấy các Tông Đồ đã thành lập các cộng đoàn, các Giáo Hội như thế nào, trong mỗi thành phố các ngài đến rao giảng Tin Mừng. Các ngài không ra đi mà không lập một hội đồng các người lãnh đạo, gọi là *kỳ mục*, như thường làm trong các cộng đoàn Do-thái. Sau vài năm, người ta bắt đầu nói đến những *giám quản* : có lẽ đây là những thành viên của hội đồng kỳ mục có một trách nhiệm thiết thực hơn. Chắc chắn là không nên cố gắng đồng hoá các vị này với hàng linh mục và giám mục hiện nay trong Giáo Hội chúng ta.

Còn các *trợ tá* là những người phụ trách một số công việc, không phải chỉ trên bình diện vật chất như sẽ là trường hợp ở Rô-ma sau này. Có lẽ các vị ấy có trách nhiệm truyền giáo trong những vùng chưa có cộng đoàn.

Ân sủng và bình an ! Khi chào nhau, người Do-thái nói “Bình an !”, và người Hy-lạp nói “Hãy vui mừng !” Ở đây, thánh Phao-lô ngỏ lời với một cộng đoàn gồm cả người Hy-lạp lẫn người Do-thái, và ngài sáng chế ra một kiểu chào mới dùng cho cả hai nhóm với từ *Ân sủng*, trong tiếng Hy-lạp thì rất giống với “Hãy vui mừng”.

lòng tôi. Khi tôi bị xiềng xích, cũng như lúc tôi bệnh vực và củng cố Tin Mừng, anh em đều thông phần vào ân sủng tôi đã nhận được.⁸ Có Thiên Chúa làm chứng cho tôi : tôi hết lòng yêu quý anh em tất cả, với tình thương của Đức Ki-tô Giê-su.⁹ Điều tôi khẩn khoản nài xin, là cho lòng mến của anh em ngày thêm dồi dào, khiến anh em được ơn hiểu biết và

tài trực giác siêu nhiên,¹⁰ để nhận ra cái gì là tốt hơn. Tôi cũng xin cho anh em được nên tinh tuyền và không làm gì đáng trách, trong khi chờ đợi ngày Đức Ki-tô quang lâm.¹¹ Như thế, anh em sẽ đem lại hoa trái dồi dào là sống một đời công chính nhờ Đức Giê-su Ki-tô, để tôn vinh và ngợi khen Thiên Chúa.

Đấng đã bắt đầu thực hiện nơi anh em một công việc tốt lành như thế, cũng sẽ đưa công việc đó tới chỗ hoàn thành (c.6). Điểm hoàn thành mà ai cũng khao khát vẫn là cuộc xuất hiện (2 Tx 1,7) hoặc viếng thăm, hay là Ngày của Chúa Giê-su (1 Cr 1,7-8). Không ai làm việc mà lại không mong tới ngày mình sẽ có được tất cả những gì mình đã từng mơ ước ; không có đời sống Ki-tô hữu nếu trong đó người ta chỉ biết nghĩ đến chuyện nghỉ hưu, cảm thấy thoải mái vì đã có nhà nghỉ mát hay vì gia đình lớn rộng ra một cách trơn tru. Hãy thôi, đừng nói nữa rằng các Ki-tô hữu tiên khởi đã sống với “ảo tưởng” Chúa Ki-tô sắp trở lại : họ thật sự muốn đích thân gặp Người và được Người biến đổi nên sáng láng. Đó là ảo tưởng chỉ cho những ai nhốt mình trong những ốc đảo an nhàn của một thế giới đang cơn khủng hoảng thôi.

*Ơn hiểu biết và tài trực giác siêu nhiên (c.9). Lòng tốt và lòng quảng đại không phải là tất cả đời sống Ki-tô hữu. Chúng ta chỉ được cứu độ, chúng ta chỉ đạt tới tâm vóc đích thực của chúng ta, chúng ta chỉ được tái tạo nên những người đẹp lòng Thiên Chúa từ muôn thuở, nếu lòng quảng đại của chúng ta đã được tài trực giác siêu nhiên hướng dẫn. Và cũng vậy, để cứu thế giới, Thiên Chúa kêu gọi chúng ta khám phá những con đường mới. Chúng ta cần suy tư, cần lắng tai để ý (chúng ta có thể gọi đó là “kiểm điểm đời sống”), để khám phá cái gì là tích cực và cái gì là tiêu cực trong đời sống thường ngày của chúng ta, các tương quan trong công việc của mình, những bổn phận của mình đối với xã hội, những cuộc tiêu khiển của mình. Nhưng suy tư như thế chưa đủ : trong số các ân huệ Thiên Chúa ban, có *ơn hiểu biết* thiêng liêng cho chúng ta một cái nhìn mới về trật tự các giá trị và ý muốn của Thiên Chúa.*

Hoàn cảnh của thánh Phao-lô

* 12 Thưa anh em, tôi muốn anh em biết là những gì xảy đến cho tôi thật ra đã giúp cho Tin Mừng được tiến triển, 13 đến nỗi tại dinh vua quan cũng như ở mọi nơi khác, người ta đều hiểu rõ là chính vì Đức Ki-tô mà tôi mang xiềng xích. 14 Vì thấy tôi bị xiềng xích, phần đông các anh em có lòng tin cậy vào Chúa đã tỏ ra bạo dạn hơn để rao giảng lời Thiên Chúa mà không chút sợ hãi. 15 Đã

hẳn, có những kẻ rao giảng về Đức Ki-tô vì lòng ganh tị và tranh chấp, song những người khác lại làm công việc đó vì ý ngay lành. 16 Những người này làm vì bác ái, bởi họ biết rằng tôi được chỉ định để lo bệnh vực Tin Mừng. 17 Còn những người kia thì loan báo Đức Ki-tô vì tính ưa tranh giành, họ không có lòng ngay, tưởng làm như thế là gây thêm khổ cho tôi, trong lúc tôi bị xiềng xích. 18 Nhưng không sao đâu ! Dù thế nào đi nữa với ý lành hay ý xấu, cuối cùng Đức Ki-tô được

* 1,12 Thánh Phao-lô không chỉ bị người Do-thái bách hại : ngay cả trong Giáo Hội, có những “anh em giả hiệu” thích chỉ thấy ngài bị cầm tù, vì có thể nhờ đó mà họ sẽ chơi trội được chăng. Vấn đề này là của mọi thời : các tông đồ có tên tuổi đã phải hao tổn phần lớn sức lực của mình vào việc hạn chế những thiệt hại mà những địch thủ hay những nhóm có quyền thế trong Giáo Hội gây ra cho họ. Tuy nhiên thánh Phao-lô đã nhận được ơn khôn ngoan : ngài thấy rằng cho dù có nhiều người vì lợi ích riêng mà làm những điều họ tưởng là làm cho Thiên Chúa, thì phần ngài, ngài vẫn biết làm cho hoàn cảnh ấy cũng sinh ích lợi.

Đó là điều tôi đợi chờ và hy vọng. Sẽ không có gì làm cho tôi phải hổ thẹn (c.20). Thánh Phao-lô những ước ao phiên toà xử ngài sẽ làm cho các nhà cầm quyền được rõ thông điệp của Chúa Ki-tô, khi ngài sẽ ra đứng trước mặt họ.

Đối với tôi, sống là Đức Ki-tô (c.21). Thật là thức thời khi nói người Ki-tô hữu phải “hiểu thế giới” và phải “hoàn toàn là người”. Đúng thế, theo một nghĩa nào đó, nhưng nói như vậy chưa đủ. Tình yêu Thiên Chúa lớn lên trong chúng ta khi chúng ta hiến mình cho những con người và cho những nhiệm vụ Thiên Chúa trao cho chúng ta ; nhưng khi tình yêu Thiên Chúa đã lớn lên, thì lòng ước ao Chúa Ki-tô, ước ao sự sống đời đời cũng đâm rễ sâu cùng một lượt với tình yêu ấy : tình yêu ấy làm cho chúng ta cảm thấy mình lạc loài trong thế giới này.

rao giảng là tôi mừng. Và tôi sẽ còn mừng nữa, ¹⁹ bởi vì tôi biết rằng điều ấy sẽ giúp cho tôi đạt được ơn cứu độ, nhờ lời cầu nguyện của anh em, và nhờ Thần Khí của Đức Giê-su Ki-tô phù trợ. ²⁰ Đó là điều tôi đợi chờ và hy vọng. Sẽ không có gì làm cho tôi phải hổ thẹn, trái lại tôi hoàn toàn vững tin. Bây giờ cũng như mọi lúc, Đức Ki-tô sẽ tỏ bày quyền uy cao cả của Người nơi thân xác tôi, dù tôi sống hay tôi chết : ²¹ vì đối với tôi, sống là Đức Ki-tô, và chết là một mối lợi. ²² Nếu sống ở đời này mà công việc của tôi được sinh hoa kết quả, thì tôi không biết phải chọn đường nào. ²³ Vì tôi bị giằng co giữa hai đường : ao

ước của tôi là ra đi để được ở với Đức Ki-tô, điều này tốt hơn bội phần : ²⁴ nhưng ở lại đời này thì cần thiết hơn, vì anh em. ²⁵ Và tôi biết chắc rằng tôi sẽ ở lại và ở bên cạnh tất cả anh em để giúp anh em tấn tới và được hưởng niềm vui đức tin mang lại cho anh em. ²⁶ Như thế, trong Đức Ki-tô Giê-su, anh em càng có lý do để hãnh diện về tôi, khi tôi lại đến gặp anh em.

Chiến đấu cho đức tin

* ²⁷ Chỉ có một điều là anh em phải ăn ở làm sao cho xứng với Tin Mừng của Đức Ki-tô. Như thế, dù tôi có đến thăm anh em hay vắng mặt đi nữa, tôi vẫn muốn được nghe người ta

Chắc chắn thánh Phao-lô mong được gặp mặt các tín hữu Phi-líp-phê, nhưng không phải vì thế mà ngài sẽ ngồi nán lại trong các bữa ăn huynh đệ, giữa bầu khí ấm áp họ muốn dành cho ngài : nỗi ước mong sâu xa của ngài, cái ngài đang thiếu, là được gặp Chúa Ki-tô trong vinh quang của Người (x. 2 Cr 4,16 ; và Pl 3,10).

Ao ước của tôi là ra đi để được ở với Đức Ki-tô (c.23). Điều này đi ngược lại với lý thuyết của những người nghĩ rằng người chết không là gì nữa trong khi chờ đợi ngày phục sinh (cũng x. 2 Cr 5,8).

* 1,27 Hãy xem trong toàn bộ đoạn này, thánh Phao-lô mời gọi tín hữu Phi-líp-phê hết mình chia sẻ cuộc chiến đấu của bản thân ngài như thế nào : ngài đang bị cầm tù, nhưng chính họ phải có mặt ở tiền tuyến. Và ngài chờ đợi họ điều gì ? Thừa trước hết, cộng đoàn của họ phải là một cộng đoàn đích thực (c.27). Hợp nhất sẽ là dấu chỉ quyết định cho những người nhìn thấy chúng ta từ bên ngoài : Anh em hãy hợp nhất và hãy rao giảng mà không sợ hãi. Dù có bách hại hay không, người bên ngoài luôn tìm cách chia rẽ chúng ta.

nói về anh em là anh em luôn đứng vững, cùng chung một tinh thần, một lòng một dạ cùng nhau chiến đấu vì đức tin mà Tin Mừng mang lại cho anh em.²⁸ Về bất cứ điều gì, đừng sợ những kẻ chống đối anh em : đó là dấu chỉ cho thấy họ sẽ bị hư vong, còn đối với anh em, thì lại là dấu chỉ ơn cứu độ. Điều ấy là ân huệ Thiên Chúa ban.²⁹ Quả thế, nhờ Đức Ki-tô, anh em đã được phúc chẳng những là tin vào Người, mà còn được chịu đau khổ vì Người.³⁰ Nhờ vậy, anh em được tham dự cùng một cuộc chiến mà anh em đã thấy tôi phải đương đầu trước kia, và nay anh em nghe biết là tôi vẫn còn tiếp tục.

Duy trì sự hợp nhất trong tinh thần khiêm nhường

2 * ¹ Nếu quả thật sự liên kết với Đức Ki-tô đem lại cho chúng ta một niềm an ủi, nếu tình bác ái khích lệ chúng ta, nếu chúng ta được hiệp thông trong Thần Khí, nếu chúng ta sống thân tình và biết cảm thương nhau,² thì xin anh em hãy làm cho niềm vui của tôi được trọn vẹn, là hãy có cùng một cảm nghĩ, cùng một lòng mến, cùng một tâm hồn, cùng một ý hướng như nhau.³ Đừng làm chi vì ganh tị hay vì hư danh, nhưng hãy lấy lòng khiêm nhường mà coi người khác hơn mình.⁴ Mỗi người đừng tìm lợi ích cho riêng mình, nhưng hãy tìm lợi ích cho người

* 2,1 Ở đây thánh Phao-lô cho chúng ta biết bí quyết của đời sống cộng đoàn : tìm kiếm những gì khiêm tốn và không làm gì vì ganh tị hay hư danh. Thánh Phao-lô nêu lên tám gương Chúa Ki-tô : Người vốn là Thiên Chúa mà trở thành phàm nhân, vốn giàu có lại trở nên khó nghèo, vốn là Trưởng Tử lại hoá thân làm nô lệ, vốn là ông chủ mà trở thành đầy tớ. Chúa Giê-su đã tự hạ xuống hàng ngũ những kẻ bị khinh rẻ nhất.

Thái độ này của Chúa Giê-su phải là thái độ của môn đệ Người. Chúng ta ao ước đồng hoá mình với những người khiêm hạ nhất, chia ngọt sẻ bùi với họ, là hợp với tiêu chuẩn một đời sống thật sự theo tinh thần Tin Mừng. Đây phải là điểm phân biệt chúng ta với những người chủ yếu lo tìm thành đạt cho bản thân hay cho gia đình mình. Tham vọng của họ là chính đáng, ai trong chúng ta lại không chia sẻ với họ, ít ra một phần, những tham vọng ấy ? Vậy mà, chỉ bằng cách chọn đi ngược lại hướng ấy, Chúa Ki-tô đã cho thấy con đường công danh không sáng giá đối với Người.

khác. ⁵ Giữa anh em với những tâm tình như chính nhau, anh em hãy có Đức Ki-tô Giê-su.

⁶ Đức Giê-su Ki-tô
vốn dĩ là Thiên Chúa
mà không nghĩ phải nhất quyết duy trì
địa vị ngang hàng với Thiên Chúa,

⁷ nhưng đã hoàn toàn trút bỏ vinh quang
mặc lấy thân nô lệ,
trở nên giống phàm nhân
sống như người trần thế.

⁸ Người lại còn hạ mình,
vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết,
chết trên cây thập tự.

⁹ Chính vì thế, Thiên Chúa đã siêu tôn Người

MẦU NHIỆM CON THIÊN CHÚA

Qua những dòng này, thánh Phao-lô rõ ràng mượn lại lời sấm về Người Tôi Trung mà chúng ta đọc ở Is 52,13 – 53,12 để áp dụng cho Chúa Ki-tô : Người Tôi Trung của Đức Chúa sẽ đạt được vinh quang qua con đường tự khiêm tự hạ. Nhưng thánh Phao-lô sẽ cho bản văn này xoay quanh một trung tâm điểm mới : ngài ca ngợi trước hết quyết định nhiệm mầu và tự do của Chúa Ki-tô là trút bỏ hết tất cả những gì thuộc về Thiên Chúa với một lòng tuân phục hoàn hảo.

Đức Giê-su Ki-tô vốn dĩ là Thiên Chúa (c.6). Chúng ta dịch với những từ *địa vị* và *thân (phận)*. Nhưng ở cc. 6 và 7, thánh Phao-lô dùng cùng một từ Hy-lạp có nghĩa chính xác hơn : từ “*hình thể*” (hình thể Thiên Chúa, hình thể nô lệ) ; không phải chỉ là điều mắt chúng ta nhận ra (hình), nhưng còn là thể thức hiện hữu, thuộc bản thể sâu xa của một ngôi vị, mà chúng ta khám phá được (thể). Trong tiếng Việt, “*thân phận*” đi với *nô lệ* rất hợp ; nhưng nếu nói *thân phận* Thiên Chúa, thì có nguy cơ lớn là ta chỉ thấy một con người được xếp vào bậc Thiên Chúa, chứ thật sự không phải là Thiên Chúa. Mà ý thánh Phao-lô muốn nói là Chúa Ki-tô được hưởng cách thức tồn tại riêng biệt của Thiên Chúa, nghĩa là có bản tính Thiên Chúa cùng với vinh quang và uy nghi của Người ; tất cả những ý đó tạm gói ghém trong từ “*địa vị*”.

Người đã *mặc lấy thân nô lệ*. Thật ra Chúa Giê-su chưa hề là nô lệ, vì vậy phải hiểu từ này theo nghĩa “*Người Tôi Trung*”, “*người tôi tớ*”, rất năng gặp trong Kinh Thánh : ông Mô-sê, tôi trung của Thiên Chúa, thánh Phao-lô, tôi tớ của Chúa Giê-su Ki-tô. Thánh Phao-lô đã muốn diễn tả đậm nét sự hạ mình của Chúa Ki-tô, nhưng lại hình dung Người trước hết như Người Tôi Trung. Người đã *trút bỏ* địa vị của một vị Thiên Chúa, và mặc lấy thân phận của Người Tôi Trung có sứ mạng cứu chuộc.

và tặng ban danh hiệu
trỗi vượt trên muôn ngàn danh hiệu.

- ¹⁰ Như vậy, khi vừa nghe danh thánh Giê-su,
cả trên trời dưới đất
và trong nơi âm phủ,
muôn vật phải bái quỳ ;
¹¹ và để tôn vinh Thiên Chúa Cha,
mọi loài phải mở miệng tuyên xưng rằng :
“Đức Giê-su Ki-tô là Chúa.”

Ở đây chúng ta có một cách tiếp cận vô cùng sâu xa mầu nhiệm Chúa Giê-su, Con Thiên Chúa. Căn tính của Chúa Giê-su, hay nhân cách của Người, hoàn toàn hoá thân vào thái độ hạ mình này, rồi trong sự tôn vinh tiếp theo sau đó (c.9), khiến thánh Phao-lô tỏ lòng khâm phục. Thiên Chúa đúng là Người Cha, là cội phát sinh vạn vật cũng như cội quay về của vạn vật, là nguồn gốc của hữu thể thần linh. Và nếu Người là Cha, nếu Người phán ra Ngôi Lời trong cội vĩnh hằng, ấy là vì sức năng động của tình yêu là chính cốt tuỷ của Thiên Chúa Tình Yêu. Lòng quảng đại vô biên của Người làm nổi lên mặt bên kia của tình yêu là quên mình, bỏ mình. Theo một nghĩa nào đó, người Con đúng là hình ảnh người Cha (Cl 1,15), nhưng không phải là một phản diện hay một đối thủ của Cha mình. Cái đặc thù của Con Thiên Chúa sẽ là huỷ bỏ mình đi để được đón nhận lại trong Thiên Chúa.

Khi thánh Phao-lô nói Chúa Giê-su *không nghĩ phải nhất quyết duy trì địa vị ngang hàng với Thiên Chúa*, ngài không chỉ hiểu ngầm những đặc quyền đế vương, hay một cuộc sống sung túc, hạnh phúc mà Chúa đã có thể hưởng thụ giữa loài người : chính bên trong Thiên Chúa và mầu nhiệm cội vĩnh hằng mà Chúa Con từ bỏ mình để được Chúa Cha đón nhận lại. Chúa Cha sinh ra Ngôi Lời của Người từ muôn thuở, và động tác phát sinh này tiếp diễn trong công trình sáng tạo vũ trụ. Và chính trong vũ trụ thụ tạo này mà Chúa Con đã đến thể hiện sự hạ mình tột cùng của Người.

Vậy sự sống lại của Chúa Ki-tô, mà Giáo Hội đặt làm trung tâm điểm phụng tự của mình, hoàn toàn không phải là một vinh dự mà Thiên Chúa truy tặng cho Người. Không phải là một ông Giê-su nào đó được trở về cõi dương gian sống một kiếp khác, như cái lối nhờ vào đó mà Chúa Con có thể hiện diện dưới đất trong khi bản thân vẫn ngự cõi trời cao. Mầu nhiệm sống lại có nghĩa là Chúa Con thật sự trở về cùng Chúa Cha : người Con “đã bị thua kém các thiên thần trong một thời gian ngắn” (Dt 2,9), sắp nhận lại danh hiệu của mình và vinh quang Thiên Chúa. Chúng ta nói rõ “nhận lại danh hiệu và vinh quang”, vì thánh Gio-an đã nói mình bạch điều này ở Ga 17,5. Chính lúc phục sinh là lúc Chúa Giê-su Ki-tô, Thiên Chúa thật và con người thật, là *Chúa* ; và Người đưa toàn thể tạo thành, cùng với Người, quay trở về với Chúa Cha (Cl 1,20).

Lo sao cho được ơn cứu độ

* ¹² Ấy vậy, anh em thân mến, anh em là những người luôn luôn vâng phục không những khi tôi có mặt, mà nhất là bây giờ, khi tôi vắng mặt, anh em hãy biết run sợ mà gắng sức lo sao cho mình được cứu độ. ¹³ Vì chính Thiên Chúa tác động đến ý chí cũng như hành động của anh em do lòng yêu thương của Người. ¹⁴ Anh em hãy làm mọi việc mà đừng kêu ca hay phản kháng. ¹⁵ Như thế, anh em sẽ trở nên trong sạch, không ai chê

trách được điều gì, và sẽ trở nên những người con vẹn toàn của Thiên Chúa, giữa một thế hệ gian tà, sa đọa. Giữa thế hệ đó, anh em phải chiếu sáng như những vì sao trên vòm trời, ¹⁶ là làm sáng tỏ Lời ban sự sống, để tôi được hiện ngang hãnh diện trong ngày Đức Ki-tô quang lâm, vì tôi đã không chạy uổng công và đã không lao nhọc vô ích. ¹⁷ Nhưng nếu tôi phải đổ máu ra hợp làm một với họ lễ mà anh em lấy đức tin dâng lên Chúa, thì tôi

Vậy ngôi vị nhiệm mầu của người Con có hai mặt : trong cõi dương gian của chúng ta và trong thời gian, người ta chỉ thấy được hành trình của con người Giê-su mà Đức Ma-ri-a và các Tông Đồ đã được mục kích. Hành trình này xuất hiện sau những lần người Con giáng lâm trong thế giới chúng ta dưới dạng Đức Khôn Ngoan của Thiên Chúa (Kn 9,10 ; Hc 24,8 ; Ga 1,5 và 8-10), và cũng là dứt điểm của những lần giáng lâm ấy. Đàng khác, trong cõi vĩnh hằng, Chúa Con phát sinh từ Chúa Cha nhưng lại là để trút bỏ mình đi, để rồi được đón nhận lại.

Như thế, nơi Chúa Giê-su, các Tông Đồ đã nhìn thấy sự sung mãn của thần tính (Cl 2,9 ; 1 Ga 1,1) vào chính lúc mà người Con đã hoá ra không để đi vào thế giới loài người, để cứu vớt chúng ta và đưa cả vũ trụ trở về cùng Thiên Chúa. Và khi Người bảo chúng ta từ bỏ chính mình (Mc 8,34), Người chỉ nói lên định luật sâu xa cuộc hành trình của chúng ta trong tư cách là con cái Thiên Chúa, đang khi chờ ngày được hiển vinh.

* 2,12 *Anh em hãy biết run sợ.* Ở đây không phải là vấn đề sợ hãi. Thánh Phaolô vừa gọi nhắc cuộc hiển tế của Chúa Ki-tô, và từ đó ngài rút ra kết luận này : hãy hết sức coi chừng chỗ mình đặt chân (giống như người đang mang một gánh đồ quý giá phải coi chừng dưới chân : đó là ý nghĩa của từ *run sợ*). Hãy sống trong sự hiện diện của Thiên Chúa. Hãy ý thức rằng Thiên Chúa hoạt động nơi anh em qua trung gian các ước muốn tốt lành nảy sinh trong lòng anh em.

vui mừng và cùng chia sẻ niềm vui với tất cả anh em. ¹⁸ Anh em cũng vậy, anh em hãy vui lên và cùng chia sẻ niềm vui với tôi.

Sứ mạng của ông Ti-mô-thê và ông Ê-páp-rô-di-tô

* ¹⁹ Nhờ Chúa Giê-su, tôi hy vọng có thể sớm cử anh Ti-mô-thê đến với anh em, để chính tôi cũng được an tâm vì được biết tin tức về anh em. ²⁰ Chẳng có ai khác cùng chia sẻ một tâm tình với tôi và tận tâm lo lắng cho anh em. ²¹ Thật vậy, ai nấy đều tìm lợi ích cho mình, chứ không tìm lợi ích cho Đức Ki-tô Giê-su. ²² Anh em biết : anh Ti-mô-thê đã chứng tỏ mình là người có giá trị, bởi vì anh ấy đã cùng với

tôi phục vụ Tin Mừng, như con với cha. ²³ Vậy, tôi hy vọng sẽ cử anh ấy đi, ngay khi thấy rõ số phận tôi ra sao. ²⁴ Vả lại, nhờ ơn Chúa, tôi tin tưởng sắp được đích thân đến thăm anh em.

²⁵ Tôi nghĩ cần phải trả anh Ê-páp-rô-di-tô về cho anh em. Anh ấy đã từng là một người anh em, một cộng sự viên, một chiến hữu của tôi, người mà anh em đã gửi đến giúp tôi trong lúc túng cực. ²⁶ Anh ấy rất mong mỗi gặp lại tất cả anh em, lo âu vì anh em đã biết tin anh lâm bệnh. ²⁷ Thật vậy, anh ấy ốm nặng gần chết ; nhưng Thiên Chúa đã thương xót anh, không những thương xót anh mà còn thương xót cả tôi nữa, để tôi khỏi

* ^{2,19} Thông thường, các tin tức cá nhân nằm ở cuối các thư thánh Phao-lô. Ở đây hình như các tin tức làm gián đoạn chủ đề lá thư, và đề tài chỉ được tiếp nối ở 3,1. Thánh Phao-lô báo tin ngài sẽ hai lần đến thăm viếng các tín hữu Phi-líp-phê.

Ông Ti-mô-thê là phụ tá của thánh Phao-lô và được thánh nhân uỷ thác sứ vụ trong các cộng đoàn. Dường như ông không có bản lãnh một người chỉ huy và có thể dễ dàng bị những người không kiên nhẫn quyên thánh Phao-lô hạ nhục.

Còn ông Ê-páp-rô-di-tô thì là một Ki-tô hữu đã rời gia đình, bỏ tiền ra và đánh liều đi gặp thánh Phao-lô. Cộng đoàn có quan tâm đến các thành viên dần thân tích cực nhất của mình và những người thiếu thốn nhất không ? Đôi khi Giáo Hội đưa ra cho chúng ta tấm gương những người Ki-tô hữu đặc lực đã từng sống trong những hoàn cảnh bấp bênh và suốt đời bị anh em mình quên lãng.

buồn phiền vì hết chuyện này đến chuyện khác.²⁸ Do đó, tôi vội cho anh ấy trở về, để anh em được vui khi gặp lại anh, và chính tôi cũng bớt buồn phiền.²⁹ Vì Chúa, anh em hãy hết sức vui mừng đón tiếp anh. Anh em hãy quý trọng những người như thế ;³⁰ chính vì làm việc cho Đức Ki-tô mà anh đã suýt chết, đã liều mạng sống để

thay thế anh em, khi anh em không đến giúp tôi được.

Con đường cứu độ

3 * ¹ Vả lại, thưa anh em, anh em hãy vui mừng vì Chúa. Viết đi viết lại cho anh em cũng bấy nhiêu điều, đối với tôi không phải là một gánh nặng, còn đối với anh em thì đó lại là một bảo đảm.

* 3,1 Đang nói về các bạn truyền giáo thì bị dứt quãng ở đây. Thánh Phao-lô bắt đầu cuộc bút chiến gay gắt chống lại những người Do-thái gia nhập Ki-tô giáo không được nghiêm túc. Họ không ngừng lặp đi lặp lại rằng ai muốn làm người Ki-tô hữu dâng hoàng thì trước hết phải trung thành với các luật lệ và tập tục Cựu Ước.

Anh em hãy canh chừng quân chó má (c.2). Thánh Phao-lô nói về người Do-thái với những lời xúc phạm mà người Do-thái dành cho dân ngoại. Người Do-thái mang dấu vết cắt bì, nhưng họ lại thích chế nhạo tín hữu các tôn giáo khác vì những người này rạch da thịt mình (1 V 18,28).

Qua những gì thánh Phao-lô nói ở đây về lòng trung thành của ngài đối với Do-thái giáo, chúng ta biết được đôi nét về quá khứ của ngài. Thánh nhân sinh tại Tác-xô, cha mẹ là di dân người Do-thái đã định cư trên lãnh thổ Hy-lạp. Cha mẹ ngài giàu có và được nể trọng bởi họ có thể giá và được hưởng quyền lợi công dân Rô-ma (x. Cv 22,28). Bên cạnh văn hoá Hy-lạp, thánh Phao-lô đã được đào tạo trong môn Kinh Thánh và Do-thái giáo. Ngài quen thuộc các lễ hội và các cuộc sát tế ngoại giáo, và cảm thấy tự hào được thuộc về dân Thiên Chúa, được cắt bì và dạy cho thông hiểu các lời hứa Thiên Chúa dành cho dân tộc mình. Ngài được cha mẹ gửi đi Giê-ru-sa-lem để học Kinh Thánh và Lễ Luật với những bậc thầy có tiếng vào thời ấy (x. Cv 22,3).

Thánh Phao-lô phải là một người Pha-ri-sêu gương mẫu. Tuy không được biết Chúa Ki-tô, ngài cũng đã gặp những Ki-tô hữu tiên khởi. Trung thành với tôn giáo của cha ông mình, ngài là một trong số những người đầu tiên bắt bớ, bỏ tù và thậm chí sát hại nhóm người rao giảng một giáo lý mới mẻ kia và lừa bịp dân chúng –ít ra đó là những điều ngài nghĩ lúc bấy giờ– cùng với cái ông Mê-si-a của họ, đã bị đánh bại và đóng đinh vào thập giá.

² Anh em hãy coi chừng quân chó má ! Hãy coi chừng bọn thợ xấu ! Hãy coi chừng những kẻ giả danh cắt bì ! ³ Vì chúng ta mới thật là những người được cắt bì, những người thờ phượng Thiên Chúa nhờ Thần Khí của Người, những người hiến ngang hãnh diện vì Đức Ki-tô Giê-su, chứ không cậy vào xác thịt, ⁴ mặc dầu tôi đây, tôi có lý do để cậy vào xác thịt. Nếu ai khác có lý do để cậy vào xác thịt, thì tôi càng có lý do hơn : ⁵ tôi chịu cắt bì ngày thứ tám, thuộc dòng dõi Ít-ra-en, họ Ben-gia-min, là người Híp-ri, con của người Híp-ri ; giữ luật thì đúng như một người Pha-ri-sêu ; ⁶ nhiệt thành đến mức ngược đãi Hội Thánh ; còn sống công chính theo Lê Luật, thì chẳng ai trách được tôi. ⁷ Nhưng, những gì xưa kia tôi cho là có lợi, thì nay, vì Đức Ki-tô, tôi cho là thiệt thòi. ⁸ Hơn nữa, tôi coi tất cả mọi sự là thiệt thòi, so với mối lợi tuyệt vời, là được biết Đức Ki-tô Giê-su, Chúa của tôi. Vì Người, tôi đành mất hết, và tôi coi

Chắc thánh Phao-lô cũng có đôi lúc hoài nghi (Cv 26,14), và ngày càng nhiều hơn, nhất là khi phải gia tăng bạo ngược với người Ki-tô giáo, vì nhóm người Pha-ri-sêu vốn chống lại án tử hình. Nhưng mà do dự, lùi bước, hoá ra là nhìn nhận Thiên Chúa đã chọn một con đường khác, không phải là con đường mình chọn để bênh vực danh thánh Người. Còn tệ hại hơn : với ông Giê-su, chẳng bao giờ mình sẽ là người công chính nhưng là một tội nhân được tha thứ. Nhưng khi Chúa Giê-su đột nhập vào cuộc đời thánh Phao-lô, Người làm cho ngài *mất hết* ; và từ nay thánh nhân chấp nhận *coi như rác* (c.8) những gì trước đó đã khiến ngài tự phụ biết bao.

Tôi quên đi chặng đường đã qua (c.13). Thánh Phao-lô chỉ muốn *quên*. Quên đi những công trạng và thắng lợi của mình (theo phán đoán của loài người) để nhận cho xứng đáng hơn ân sủng mà Thiên Chúa ban nhưng không ; quên đi những gì trước kia ngài biết về Thiên Chúa, và sẵn sàng đón nhận những kinh nghiệm mới.

Vấn đề là được biết chính Đức Ki-tô (c.10). Bởi vì điều quan trọng nhất không phải là làm phép lạ, cũng không phải nói các tiếng lạ, mà là được biết Chúa Ki-tô : gặp gỡ Người như một con người đang sống. *Nhất là biết Người quyền năng thế nào nhờ đã phục sinh*. Tất cả chúng ta đều muốn được cảm nhận sự hiện diện của Thiên Chúa và một cách nào đó muốn được thấy Người. Nhưng chính khi chia sẻ các đau khổ của Chúa Ki-tô (2 Cr 1,3-5), chúng ta mới được cảm nghiệm quyền năng của Người.

tất cả như rác, để được Đức Ki-tô⁹ và được kết hợp với Người. Được như vậy, không phải nhờ sự công chính của tôi, sự công chính do luật Mô-sê đem lại, nhưng nhờ sự công chính do lòng tin vào Đức Ki-tô, tức là sự công chính do Thiên Chúa ban, dựa trên lòng tin.¹⁰ Vấn đề là được biết chính Đức Ki-tô, nhất là biết Người quyền năng thế nào nhờ đã phục sinh, cùng được thông phần những đau khổ của Người, nhờ nên đồng hình đồng dạng với Người trong cái chết của Người,¹¹ với hy vọng có ngày cũng được sống lại từ trong cõi chết.¹² Nói thế, không phải là tôi đã đoạt giải, hay đã nên hoàn thiện đâu ; nhưng tôi đang cố gắng chạy tới, mong chiếm đoạt, bởi lẽ chính tôi đã được Đức Ki-tô Giê-su chiếm đoạt.¹³ Thưa anh em, tôi không nghĩ mình đã chiếm

được rồi. Tôi chỉ chú ý đến một điều, là quên đi chặng đường đã qua, để lao mình về phía trước.¹⁴ Tôi chạy thẳng tới đích, để chiếm được phần thưởng từ trời cao Thiên Chúa dành cho kẻ được Người kêu gọi trong Đức Ki-tô Giê-su.¹⁵ Vậy tất cả chúng ta là những người hoàn thiện, chúng ta hãy nghĩ như vậy ; và giả như có điểm nào anh em nghĩ khác, thì Thiên Chúa sẽ mặc khải cho anh em.¹⁶ Song, dù đạt tới đâu đi nữa, chúng ta cũng cứ theo hướng ấy mà đi.

¹⁷ Thưa anh em, xin hãy cùng nhau bắt chước tôi, và chăm chú nhìn vào những ai sống theo gương chúng tôi để lại cho anh em.¹⁸ Vì, như tôi đã nói với anh em nhiều lần, và bây giờ tôi phải khóc mà nói lại, có nhiều người sống đối nghịch với thập giá Đức Ki-tô :¹⁹ chung cục

Tất cả chúng ta là những người hoàn thiện (c.15). Xem điều thánh Phao-lô nói ở 1 Cr 2,6. Thánh Phao-lô nói mỉa về những kẻ tưởng mình là người Ki-tô hữu cấp cao : chính bản thân ngài không dám coi mình là hoàn thiện (c.12).

Sau cùng, ngài nhấn mạnh sự phục sinh. Bởi vì chúng ta biết rằng thân xác chúng ta (hay con người chúng ta) sẽ sống lại và vũ trụ sẽ được đổi mới, chúng ta đặt các thực tại vào đúng chỗ của nó. Do đó, các mục tiêu chúng ta nhắm tới dưới đất này không còn là những ngẫu tượng nữa.

là họ sẽ phải hư vong. Chúa họ thờ là cái bụng, và cái họ lấy làm vinh quang lại là cái đáng hổ thẹn. Họ là những người chỉ nghĩ đến những sự thế gian.²⁰ Còn chúng ta, quê hương chúng ta ở trên trời, và chúng ta nóng lòng mong đợi Đức Giê-su Ki-tô từ trời đến cứu chúng ta.²¹ Người có quyền năng khác phục muôn loài, và sẽ dùng quyền năng ấy mà biến đổi thân xác yếu hèn của chúng ta nên giống thân xác vinh hiển của Người.

4 * ¹ Bởi vậy, hỡi anh em thân mến lòng tôi hàng tưởng nhớ, anh em là niềm vui, là vinh dự của tôi. Anh em rất thân mến, anh em hãy kết hợp với Chúa mà sống vững vàng như vậy.

Lời khuyên cuối cùng

² Tôi khuyên chị Ê-vô-đi-a và khuyên cả chị Xin-ti-khe nữa : xin hai chị sống hoà thuận với nhau trong Chúa.³ Tôi xin cả anh Xi-di-gô nữa, người bạn chân thành đã đồng lao cộng khổ với tôi, xin anh giúp đỡ các chị ấy. Các chị đã giúp tôi chiến đấu cho Tin Mừng, cũng như anh Cơ-lê-men-tê và các cộng sự viên khác mà tên tuổi đã được ghi trong Sổ Trường Sinh.

* ⁴ Anh em hãy vui luôn trong niềm vui của Chúa. Tôi nhắc lại : vui lên anh em !⁵ Sao cho mọi người thấy anh em sống hiền hoà rộng rãi, Chúa đã gần đến.⁶ Anh em đừng lo lắng gì cả, nhưng trong mọi hoàn cảnh, anh em cứ đem lời cầu khẩn, van xin và tạ ơn, mà giải bày trước

* 4,1 Đề tài lại bị gián đoạn một lần nữa : đoạn này xem ra nối tiếp 2,19 – 3,1.

Sổ Trường Sinh (c.3). Đây là một hình ảnh rất phổ biến trong dân Do-thái để nói đến những người sẽ được cứu độ (Kh 20,12).

* 4,4 *Những gì là chân thật... xin anh em hãy để ý* (c.8). Thánh Phaolô cứ nhắc đi nhắc lại rằng tuân giữ các điều răn và tránh làm các điều cấm thì không đủ. Chúng ta hãy biết khám phá thái độ rất tự do và cởi mở của người tín hữu biết rằng Thiên Chúa có trăm ngàn cách để ngó lời với mình qua những người khác. Hằng ngày có bao nhiêu tấm gương trước mắt chúng ta : bao nhiêu là sự việc kỳ vĩ, chân chính và cao quý trong thế giới này, mà chúng ta nói xấu quá nhiều. Chúng ta hãy ghi nhận tất cả những gì là tốt lành ở tất cả những nơi chúng ta gặp thấy, ngay cả nơi những anh em không tín ngưỡng.

mặt Thiên Chúa những điều anh em thỉnh nguyện.⁷ Và bình an của Thiên Chúa là bình an vượt lên trên mọi hiểu biết, sẽ giữ cho lòng trí anh em được kết hợp với Đức Ki-tô Giê-su.⁸ Ngoài ra, thưa anh em, những gì là chân thật, cao quý, những gì là chính trực tinh tuyền, những gì là đáng mến và đem lại danh thơm tiếng tốt, những gì là đức hạnh, đáng khen, thì xin anh em hãy để ý.⁹ Những gì anh em đã học hỏi, đã lãnh nhận, đã nghe, đã thấy ở nơi tôi, thì hãy đem ra thực hành, và Thiên Chúa là nguồn bình an sẽ ở với anh em.

Cám ơn vì được cứu trợ

* ¹⁰ Nhờ Chúa, tôi rất vui mừng vì cuối cùng thấy tình cảm của anh em đối với tôi lại thấm thiết.

Tình cảm đó vẫn sống động, nhưng anh em chỉ thiếu dịp tỏ ra.¹¹ Không phải vì thiếu thốn mà tôi nói thế, bởi lẽ tôi đã học sống tự lập trong bất cứ hoàn cảnh nào.¹² Tôi sống thiếu thốn cũng được mà sống dư dật cũng được. Trong mọi hoàn cảnh, no hay đói, dư dật hay túng bần, tôi đã tập quen cả.¹³ Với Đấng ban sức mạnh cho tôi, tôi chịu được hết.¹⁴ Tuy nhiên, anh em đã chia sẻ với tôi, khi tôi gặp cơn quẫn bách, như thế là phải.¹⁵ Chính anh em, những người thành Phi-líp-phê, anh em biết là trong giai đoạn tôi bắt đầu rao giảng Tin Mừng, lúc rời khỏi Ma-kê-đô-ni-a, không một Hội Thánh nào đã đóng góp vào các khoản chi thu của tôi, chỉ có anh em thôi ;¹⁶ bởi vì ngay khi tôi còn ở Thê-xa-lô-ni-ca,

* 4,10 Thánh Phao-lô cảm ơn Giáo Hội Phi-líp-phê đã trợ giúp ngài. Phần ngài, mặc dù hết sức muốn tự lực cánh sinh và luôn e ngại có vẻ lợi dụng lòng tốt của người ta, lấy cớ là mình đi truyền giáo, ngài nhận những gì mà các bạn hữu đích thực của ngài gửi tặng.

Tôi sống thiếu thốn cũng được, mà sống dư dật cũng được (c.12). Ở đây, thánh Phao-lô cho chúng ta một trong những tấm gương đẹp nhất về đời sống nghèo khó theo Tin Mừng. Trong Tin Mừng, Chúa Giê-su nói : *Kho tàng của anh ở đâu, thì lòng của anh ở đó* (Mt 6,21). Thánh Phao-lô không có kho tàng nào khác ngoài Chúa Ki-tô, nên đối với ngài, có của hay trần trụi có hệ trọng gì đâu, miễn sao lưu giữ kho tàng của mình là được.

đôi lần anh em đã gửi cho tôi những gì tôi cần dùng.

¹⁷ Điều tôi tìm kiếm không phải là quà tặng, mà là những gì sinh hoa kết quả dồi dào cho anh em. ¹⁸ Tôi có đủ mọi thứ cần dùng, lại còn dư dật nữa là khác. Tôi rất đầy đủ, kể từ khi nhận được những gì anh em gửi đến tôi qua tay anh Ê-páp-rô-đi-tô. Quà anh em tặng cho tôi đó, chẳng khác nào hương thơm, lễ vật đẹp lòng Thiên Chúa và được Người chấp nhận. ¹⁹ Thiên Chúa của tôi sẽ thoả mãn mọi nhu cầu của anh em một cách tuyệt vời, theo sự giàu sang của Người trong Đức Ki-tô Giê-su. ²⁰ Xin tôn vinh Thiên

Chúa là Cha chúng ta, đến muôn thuở muôn đời ! Amen.

Những lời thăm hỏi và cầu chúc cuối cùng

²¹ Cho tôi gửi lời chào từng người một thuộc dân thánh trong Đức Ki-tô Giê-su. Các anh em đang ở với tôi gửi lời chào anh em.

²² Mọi người thuộc dân thánh, nhất là những người phục vụ trong cung điện hoàng đế Xê-da, cũng gửi lời chào anh em.

²³ Cầu chúc cho tâm hồn anh em được đầy tràn ân sủng của Chúa Giê-su Ki-tô.

THƯ GỬI TÍN HỮU CÔ-LÔ-XÊ

DẪN NHẬP

Vào khoảng năm 62, đang bị cầm tù ở Rô-ma, thánh Phao-lô viết cho tín hữu Cô-lô-xê. Họ đã vô tình đánh giá thấp Chúa Ki-tô : họ không cảm thấy được yên tâm khi chỉ tin vào một mình Chúa Ki-tô, nên muốn có thêm những kiểu cách hành đạo của Cựu Ước, hoặc tìm cách xếp Chúa vào số những nhân vật thuộc thiên giới, những “thiên thần”, vì theo họ, những vị này nắm trong tay vận mệnh của chúng ta.

Tất cả những người đương thời của họ cảm thấy thiếu một cái gì đó. Bị kèm kẹp trong đế quốc Rô-ma đã áp đặt hoà bình cho họ và bóp nghẹt lối sống độc đáo của nhiều dân tộc, họ quay về phía những gì là “linh thiêng”. Thời ấy, có những giáo thuyết bí truyền lôi kéo những người “hoàn thiện” của họ, hứa sẽ dẫn dắt họ tới một bậc cao hơn.

Những giáo thuyết gọi là “ngộ đạo” (nghĩa là hiểu biết) bắt đầu hình thành, luận về nguồn gốc của con người và thế giới, cho rằng vạn vật phát sinh từ một thứ “hỗn hợp” đã sôi sục từ lâu trong vũ trụ, gồm những đại gia đình thiên giới, thiên thần hay thần linh nam nữ cấu xé nhau, giao cấu với nhau và cuối cùng đem những tia sáng tinh thần nhốt vào những thể xác vật chất. Và thế là loài người được chế tạo, đội lốt một lô những kiếp sống nối tiếp nhau, cho đến khi tinh thần của họ được trở về cõi ánh sáng.

Bị mê hoặc bởi những trào lưu hấp dẫn này, dân Cô-lô-xê đi theo con đường mà một số tín hữu ngày nay đang theo : tin tưởng sùng kính các vong hồn, hoặc tin vào khoa thông linh học, khoa chiêm tinh và thuật xem số tử vi. Họ không còn coi Chúa Ki-tô là Đấng Cứu Độ độc nhất

nữa, bởi lẽ họ tin tưởng vào những cứu tinh khác hay vào những kiểu cách hành đạo không phải là của Hội Thánh.

Nhờ có cơn khủng hoảng như thế trong Hội Thánh ở thế kỷ I mà chúng ta có được bức thư này của thánh Phao-lô, trong đó ngài thiết lập thuyết khẳng định quyền tối cao tuyệt đối của Chúa Ki-tô. Cũng như một số thư khác của thánh Phao-lô, thư gửi tín hữu Cô-lô-xê nhắc đến ông Ti-mô-thê ở bên cạnh ngài (1,1). Thánh Phao-lô đã chọn ông này làm trợ tá và coi ông như “người con mình đã sinh ra trong

đức tin”. Có lẽ ông Ti-mô-thê đã đóng góp một phần quan trọng trong việc soạn thảo thư này ; điều đó lý giải những dị biệt về văn từ so với các thư đích thực nhất của thánh Phao-lô, trong khi nội dung đặc biệt phong phú vẫn trung thành với cảm hứng của thánh nhân. Về vấn đề này, xin xem thư gửi tín hữu Ê-phê-xô, là bức thư lấy lại các đề tài của thư gửi tín hữu Cô-lô-xê, nhưng triển khai thêm một ít : trong nhiều đoạn thư Cô-lô-xê, chúng tôi chỉ mời tham chiếu phần bình giải thư gửi tín hữu Ê-phê-xô.

THƯ GỬI TÍN HỮU CÔ-LÔ-XÊ

KHAI ĐỀ

Lời mở đầu

1 * ¹ Tôi là Phao-lô, bởi ý Thiên Chúa được làm Tông Đồ của Đức Ki-tô Giê-su, và anh Ti-mô-thê là người anh em, ² kính gửi dân thánh tại Cô-lô-xê, là những anh em tín hữu trong Đức Ki-tô. Xin Thiên Chúa là Cha chúng ta ban cho anh em ân sủng và bình an.

Tạ ơn và cầu xin

³ Chúng tôi không ngừng tạ ơn Thiên Chúa, là Thân

Phụ Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, khi cầu nguyện cho anh em. ⁴ Thật vậy, chúng tôi đã được nghe nói về lòng tin của anh em vào Đức Ki-tô Giê-su, và về lòng mến của anh em đối với toàn thể dân thánh ; ⁵ lòng tin và lòng mến đó phát xuất từ niềm trông cậy dành cho anh em trên trời, niềm trông cậy anh em đã được nghe loan báo khi lời chân lý là Tin Mừng ⁶ đến với anh em ; Tin Mừng này

* 1,1 Như thường lệ, thánh Phao-lô khen ngợi độc giả của ngài. Thật ra, lý do xui khiến ngài viết thư này là những tin tức mà ông Ê-páp-ra đã thông báo cho ngài (c.7).

Ông Ê-páp-ra là người Cô-lô-xê. Khi thánh Phao-lô tổ chức công cuộc rao giảng Tin Mừng trong tỉnh Ê-phê-xô (x. Cv 19,26 và 20,4), ngài không đến hết mọi thành thị, nhưng gửi các trợ tá ngài tới đó. Ông Ê-páp-ra đã bắt đầu thành lập các cộng đoàn ở Cô-lô-xê, rồi trong các thành phố lân cận là Lao-đi-ki-a và Hi-ê-ra-pô-li (x. Cl 4,13). Chính ông đã đi Rô-ma để báo cho thánh Phao-lô biết về các khó khăn.

Lòng tin của anh em... lòng mến của anh em... niềm trông cậy (c.4). Thánh Phao-lô luôn gom chung lại ba “sức mạnh” Ki-tô giáo này : tin tưởng, yêu mến và trông cậy. Trong giới Ki-tô giáo, người ta gọi đó là những “đức” (nghĩa là sức mạnh theo từ nguyên La-tinh) “đối thần” (nghĩa là nhắm đối tượng là Thiên Chúa). Cả ba tất phải đi chung với nhau. Hiểu theo một nghĩa nào đó thì đức cậy đứng đầu, bởi vì khi đức cậy không còn sức sống nữa thì đức tin và đức ái sẽ vô hiệu.

đang sinh hoa trái và lớn lên trên toàn thế giới như thế nào, thì nơi anh em cũng vậy, từ ngày anh em được nghe nói và nhận biết ân sủng của Thiên Chúa thật sự là gì. ⁷ Anh em đã học hỏi điều này với anh Ê-páp-ra là người đồng sự yêu quý của chúng tôi và là người thay thế chúng tôi với tư cách là người phục vụ trung thành của Đức Ki-tô. ⁸ Chính anh đã cho chúng tôi hay về lòng mến mà Thần Khí ban cho anh em.

⁹ Vì thế, từ ngày chúng tôi nghe biết như vậy, chúng tôi cũng không ngừng cầu nguyện và kêu xin Thiên Chúa cho anh em được am tường thánh ý Người, với tất cả sự khôn ngoan và hiểu biết mà Thần Khí ban cho. ¹⁰ Như

vậy, anh em sẽ sống được như Chúa đòi hỏi, và làm đẹp lòng Người về mọi phương diện, sẽ sinh hoa trái là mọi thứ việc lành, và mỗi ngày một hiểu biết Thiên Chúa hơn. ¹¹ Nhờ sức mạnh vạn năng của Thiên Chúa vinh quang, anh em sẽ nên mạnh mẽ để kiên trì chịu đựng tất cả.

¹² Anh em hãy vui mừng cảm tạ Chúa Cha, đã làm cho anh em trở nên xứng đáng chung hưởng phần gia nghiệp của dân thánh trong cõi đầy ánh sáng.

¹³ Người đã giải thoát chúng ta khỏi quyền lực tối tăm, và đưa vào vương quốc Thánh Tử chí ái ; ¹⁴ trong Thánh Tử, ta được ơn cứu chuộc, được thứ tha tội lỗi.

Ngay khi vào đề, thánh Phao-lô xếp đức tin Ki-tô giáo là ngoại hạng : Tin Mừng đã được rao giảng và được tin ở khắp nơi trên thế giới (c.6) –nói thế cũng hơi vội ; đức tin mở cho chúng ta con đường hiểu biết– mà chính đây là cái mà dân Cô-lô-xê đang tìm kiếm (xem Dẫn Nhập) ; nhờ đức tin này, Thiên Chúa đã đem chúng ta vào *trong cõi đầy ánh sáng* (c.12).

Người đã đưa chúng ta vào vương quốc Thánh Tử (c.13). Đang lúc người Cô-lô-xê bận tâm về thế giới vô hình của những sức mạnh siêu nhiên, nơi các quyền lực sáng láng tranh đấu với các quyền lực tối tăm (xem Dẫn Nhập và Ep 1,21), thì thánh Phao-lô đơn giản hoá ngay tình hình : chẳng có gì khác ngoài *quyền lực của bóng tối và vương quốc của Thánh Tử*.

I. PHẦN GIÁO THUYẾT

Đức Ki-tô đứng hàng đầu

- * 15 Thánh Tử là hình ảnh Thiên Chúa vô hình,
là trưởng tử sinh ra trước mọi loài thụ tạo,
16 vì trong Người, muôn vật được tạo thành
trên trời cùng dưới đất,
hữu hình với vô hình.
Dấu là hàng dũng lực thần thiêng
hay là bậc quyền năng thượng giới,
tất cả đều do Thiên Chúa tạo dựng
nhờ Người và cho Người.
17 Người có trước muôn loài muôn vật,
tất cả đều tồn tại trong Người.

* 1,15 Thánh Phao-lô cho thấy rằng các thiên thần hay các quyền lực *vô hình* (c.16), được nói tới hoặc trong Kinh Thánh hoặc trong các truyện đời xưa của các phái “ngộ đạo”, với những *dũng lực thần thiêng, quyền năng thượng giới, v.v...* đều chẳng là gì cả bên cạnh Chúa Ki-tô. Người không phải là một trong các tác nhân hay trung gian của một cuộc sáng tạo phiêu lưu trong đó không có một Đấng Tạo Hoá đích thực nào. Người cũng không phải là một trong những cứu tinh ở một lịch sử trong đó cuối cùng không có một vị nào xưng tên mình cả. Thánh Phao-lô cho thấy chỉ có Thiên Chúa là Đấng sáng tạo, và trong Người thì có Chúa Ki-tô.

Trong Gl 4,1-5, thánh Phao-lô nhìn nhận rằng lịch sử của nhân loại đã mang dấu ấn sâu đậm của những sức mạnh tự nhiên hay xã hội mà ngài không nêu tên cách chính xác. Nhưng ngài cũng khẳng định rằng ngay từ khi sống lại, chính Chúa Giê-su đã nắm trong tay tất cả tiến trình của lịch sử (Kh 5,3-5). Đây là điều có thể gây ngạc nhiên cho những ai trong chúng ta nghĩ rằng lịch sử hoàn toàn ở trong tay loài người. Họ có lý theo một nghĩa nào đó, nhưng với điều kiện là không được quên vị *Trưởng Tử*, là Đấng đã đạt tới hồi chung kết của lịch sử, là Đấng mà chúng ta nói Người là *Chúa* của lịch sử (Pl 2,11).

Thánh Tử là hình ảnh Thiên Chúa vô hình (c.15). Toàn thể con người và trong tất cả mọi hành động của mình, Chúa Ki-tô là hình ảnh hoàn hảo của Chúa Cha, là hiện thân của lòng thương xót Chúa Cha ở giữa chúng ta. Các hành động của Người tỏ cho chúng ta biết cách suy nghĩ và hành động của Thiên Chúa. Nhưng trước khi đến trần gian, Con Thiên Chúa đã hiện hữu trong Thiên Chúa, đã là hình ảnh vĩnh cửu và vô hình của Thiên Chúa vĩnh cửu và vô hình, là phản ánh vinh quang của Thiên Chúa, là Tiếng Nói hay Ngôi Lời của Thiên Chúa (Ga 1,1).

- 18 Người cũng là đầu của thân thể,
 nghĩa là đầu của Hội Thánh ;
 Người là khởi nguyên,
 là trưởng tử
 trong số những người từ cõi chết sống lại,
 để trong mọi sự Người đứng hàng đầu.
- 19 Vì Thiên Chúa đã muốn
 làm cho tất cả sự viên mãn
 hiện diện ở nơi Người,
- 20 cũng như muốn nhờ Người
 mà làm cho muôn vật
 được hoà giải với mình.
 Nhờ máu Người đổ ra trên thập giá,
 Thiên Chúa đã đem lại bình an
 cho mọi loài dưới đất
 và muôn vật trên trời.

Trưởng tử sinh ra trước mọi loài thụ tạo (c.15). Chúng ta hãy dùng từ này theo nghĩa Kinh Thánh : Người không chỉ đứng đầu một loạt những thụ tạo, nhưng còn chiếm một vị trí ngoại hạng. Theo bản tính nhân loại, Chúa Ki-tô là một người Do-thái miền Ga-li-lê, thuộc dòng tộc Đa-vít. Nhưng bản vị của Người thì phát sinh từ Thiên Chúa, và Người xuất hiện ở giữa chúng ta như là gương mẫu và *Trưởng Tử*, không phải *Trưởng Tử* loài người, nhưng là *Trưởng Tử* mọi loài thụ tạo.

Tất cả đều do Thiên Chúa tạo dựng nhờ Người (c.16) : x. Ga 1,1 và Dt 1,2.

Người có trước muôn loài muôn vật (c.17). Thánh Phao-lô nói rõ hơn : “Người mở đường” (x. 1 Cr 15,20 và 23). Người không chỉ đến để chúng ta được ơn tha tội, nhưng còn để thực hiện một cuộc “Vượt Qua”, một bước từ cõi chết sang qua sự sống, và sau giờ phút phó thác hoàn toàn cho Chúa Cha, sự sống lại của Người là một bước đầu tiên tất yếu để chính chúng ta cũng nghiệm được thế nào là sống lại.

Thiên Chúa đã muốn làm cho tất cả sự viên mãn hiện diện ở nơi Người (c.19) : vì Người như là chiếc cầu duy nhất giữa Thiên Chúa và vũ trụ. Tất cả những gì thuộc thần tính đều ở nơi Người để được thông ban cho vũ trụ, và tất cả những gì thuộc vũ trụ lại quy hồi nơi Người, khi tất cả loài người được hoà giải và tập hợp nơi Người.

Cũng như muốn nhờ Người mà làm cho muôn vật được hoà giải (c.20). Công trình của Chúa Ki-tô được hiểu như một cuộc hoà giải giữa loài người (2 Cr 5,17-21), đồng thời như một cuộc hoà giải của toàn thể tạo thành.

Người Cô-lô-xê được chung hưởng ơn cứu độ

* ²¹ Cả anh em nữa, xưa kia anh em là những người xa lạ, là thù địch của Thiên Chúa vì những tư tưởng và hành động xấu xa của anh em. ²² Nhưng nay nhờ Đức Giê-su là con người bằng xương bằng thịt đã chịu chết, Thiên Chúa cho anh em được hoà giải với Người, để anh em trở nên thánh thiện tinh tuyền và không có gì đáng trách trước mặt Người. ²³ Anh em chỉ cần giữ vững đức tin, cần được xây dựng

vững chắc, kiên quyết và đừng vì nao núng mà lia bỏ niềm hy vọng anh em đã nhận được khi nghe loan báo Tin Mừng. Tin Mừng này đã được rao giảng cho khắp thiên hạ, và tôi, Phao-lô, tôi đã được trở nên người phục vụ Tin Mừng.

Ông Phao-lô vất vả phục vụ dân ngoại

²⁴ Giờ đây, tôi vui mừng được chịu đau khổ vì anh em. Những gian nan thử thách Đức Ki-tô còn phải chịu, tôi xin mang lấy vào thân cho đủ mức, vì lợi ích

* 1,21 Bây giờ thánh Phao-lô yêu cầu tín hữu Cô-lô-xê sống cho thực tế, đừng mất thời giờ tưởng tượng những cuộc đấu tranh giữa các hữu thể tốt xấu trên thiên giới : cuộc chiến diễn ra ở dưới trần gian này, và phải để lại xương máu mình dưới đó. Chính do đó mà thánh Phao-lô nhắc lại cho độc giả của ngài những gì bản thân ngài phải chịu vì Tin Mừng.

“Thân Thể Chúa Ki-tô” có nghĩa là *con người (Ki-tô) bằng xương bằng thịt*, nơi mà sự hoà giải với Thiên Chúa và giữa loài người với nhau được thể hiện (Ep 2,14).

Tôi xin mang lấy vào thân cho đủ mức (c.24). Sau cái chết của Chúa Ki-tô, có lẽ còn thiếu một cái gì đó trong công trình cứu độ thế giới, nếu đến lượt mình, các môn đệ và tông đồ của Người không đương đầu với thử thách và đau khổ. Làm việc cho Hội Thánh có nghĩa là đau khổ vì Hội Thánh ; làm việc cho công lý ngự trị có nghĩa là đau khổ vì công lý.

Mầu nhiệm đã được giữ kín (c.26) : x. Ep 3,5. Không được quên rằng vào thời thánh Phao-lô, không ai nghĩ đến vận mệnh chung của loài người : ngay cả từ “nhân loại”, người ta cũng không nói đến. Thánh Phao-lô ngạc nhiên trước lòng quảng đại của Thiên Chúa, vì các lời hứa của Người là dành cho tất cả, không phân biệt ai (c.27). Ân huệ chúng ta được ban cho chẳng là gì khác ngoài việc chia sẻ vinh quang Thiên Chúa, nghĩa là được tận hưởng chính bản thân Thiên Chúa toả chiếu ra bên ngoài.

cho thân thể Người là Hội Thánh. ²⁵ Tôi đã trở nên người phục vụ Hội Thánh, theo kế hoạch Thiên Chúa đã uỷ thác cho tôi, liên quan đến anh em : đó là tôi phải rao giảng lời của Người cho trọn vẹn, ²⁶ rao giảng mầu nhiệm đã được giữ kín từ bao thời đại và qua bao thế hệ, nhưng nay đã được tỏ ra cho dân thánh của Thiên Chúa. ²⁷ Người đã muốn cho họ được biết mầu nhiệm này phong phú và hiển hách biết bao giữa các dân ngoại : đó là chính Đức Ki-tô đang ở giữa anh em, Đấng ban cho chúng ta

niềm hy vọng đạt tới vinh quang. ²⁸ Chính Người là Đấng chúng tôi rao giảng, khi khuyên bảo mỗi người và dạy dỗ mỗi người với tất cả sự khôn ngoan, để giúp mỗi người nên hoàn thiện trong Đức Ki-tô. ²⁹ Chính vì mục đích ấy mà tôi phải vất vả chiến đấu, nhờ sức lực của Người hoạt động mạnh mẽ trong tôi.

Ông Phao-lô lo lắng cho đức tin của người Cô-lô-xê

2 * ¹ Quả thế, tôi muốn anh em biết tôi phải chiến đấu gay go thế nào vì anh em, vì những người Lao-đi-ki-a, và vì bao

* **2,1** *Tôi muốn anh em biết tôi phải chiến đấu gay go thế nào vì anh em.* Cuộc chiến đấu này của thánh Phao-lô là những nỗi mệt nhọc (1,28-29) và những giờ cầu nguyện (4,2 và Rm 15,30). Thật thì rất dễ chiều theo cơn cám dỗ (và đó là cám dỗ đe dọa các tín hữu Cô-lô-xê) biến Ki-tô giáo thành một tôn giáo hấp dẫn với những lời giải thích hoa mỹ, nhưng cứ để cho người ta bám víu những giấc mơ và đam mê trần tục của họ, một tôn giáo không tấn công tội lỗi đã ăn sâu vào lối sống của chúng ta, vào xã hội của chúng ta. Và để đánh trận chiến này, trước hết chúng ta sẽ phải xác tín rằng trong Chúa Ki-tô, có tất cả mầu nhiệm của Thiên Chúa (x. c.2).

Hãy coi chừng chớ để ai gài bẫy anh em (c.8). Triết học đi tìm sự khôn ngoan, nên là điều rất đáng nể trọng. Các phái triết học bao giờ cũng hàm chứa một phần chân lý ; cái nguy của nó là như muốn đưa ra một câu trả lời bao quát cho các vấn đề của chúng ta. Nó *giả dối* trong mức độ nó là con đẻ của những triết gia thật ra chỉ có một kinh nghiệm rất hạn chế, hay là không đáng nể lắm, về thực tại con người. Trong đức tin thì ngược lại, chúng ta gặp thấy không phải một thuyết pháp về con người, mà là một con người, là Chúa Ki-tô. Đang khi mọi luồng tư tưởng đều là sản phẩm của thời đại và trở nên cần cỗi với thời gian, thì thánh Phao-lô nói với chúng ta : *nơi Người, tất cả sự viên mãn của thần tính hiện diện cách cụ thể* (c.9).

người khác chưa thấy tôi tận mắt ; ² như vậy là để họ được phần khởi trong tâm hồn, và nhờ được liên kết chặt chẽ với nhau trong tình thương, họ đạt tới sự thông hiểu phong phú và đầy đủ, khiến họ nhận biết mầu nhiệm của Thiên Chúa, tức là Đức Ki-tô, ³ trong Người có *cất*

giấu mọi kho tàng của sự khôn ngoan và hiểu biết.

⁴ Tôi nói điều đó để đừng có ai dùng lời lẽ hấp dẫn mà mê hoặc anh em. ⁵ Tuy xa cách về thể xác, nhưng tôi vẫn ở với anh em về tinh thần, và vui mừng thấy anh em giữ hàng ngũ và vững tin vào Đức Ki-tô.

II. ĐỀ PHÒNG GIÁO LÝ SAI LẠC

Sống theo đức tin chân chính chứ không theo những tư tưởng sai lạc

⁶ Vậy như anh em đã nhận Đức Ki-tô Giê-su làm Chúa, thì hãy tiếp tục sống kết hợp với Người. ⁷ Anh em hãy bén rễ sâu và xây dựng đời mình trên nền tảng là Đức Ki-tô Giê-su, hãy dựa vào đức tin mà anh em đã được thụ huấn, và để cho lòng chan chứa niềm tri ân cảm tạ.

⁸ Hãy coi chừng chớ để ai gài bẫy anh em bằng mọi triết lý và những tư tưởng giả dối rộng tuếch theo

truyền thống người phàm và theo những yếu tố của vũ trụ chứ không theo Đức Ki-tô.

Đức Ki-tô, Thủ Lãnh duy nhất của thiên thần và loài người

⁹ Thật vậy, nơi Người, tất cả sự viên mãn của thần tính hiện diện cách cụ thể, ¹⁰ và trong Người, anh em được sung mãn : Người vốn là đầu mọi quyền lực thần thiêng.

* ¹¹ Trong Người, anh em đã được chịu phép cắt bì, không phải phép cắt bì do

* 2,11 Thánh Phao-lô vừa nói rằng người Ki-tô hữu có một vốn khôn ngoan và đã bước vào con đường hiểu biết. Giờ đây, ngài nhắc nhở chúng ta rằng nghi thức cho chúng ta gia nhập Hội Thánh có ý nghĩa sâu xa hơn là một nghi thức bên ngoài rất nhiều. Nhờ bí tích Thánh Tẩy, chúng ta đã được hiệp thông vào công trình canh tân thế giới đã hoàn tất trong cái chết và sự phục sinh của Chúa Giê-su.

tay người phạm, nhưng là phép cắt bì của Đức Ki-tô, có sức lột bỏ con người tội lỗi của anh em. ¹² Anh em đã cùng được mai táng với Đức Ki-tô khi chịu phép rửa, lại cùng được trỗi dậy với Người, vì tin vào quyền năng của Thiên Chúa, Đấng làm cho Người trỗi dậy từ cõi chết. ¹³ Trước kia, anh em là những kẻ chết vì anh em đã sa ngã, và vì thân xác anh em không được cắt bì, nay Thiên Chúa đã cho anh em

được cùng sống với Đức Ki-tô : Thiên Chúa đã ban ơn tha thứ mọi sa ngã lỗi lầm của chúng ta.

¹⁴ Người đã xoá sổ nợ bất lợi cho chúng ta, sổ nợ mà các giới luật đã đưa ra chống lại chúng ta. Người đã huỷ bỏ nó đi, bằng cách đóng đinh nó vào thập giá. ¹⁵ Người đã truất phế các quyền lực thần thiêng, đã công khai bêu xấu chúng, đã điệu chúng đi trong đám rước khải hoàn của Người.

Thánh Phao-lô đã chịu cắt bì và qua kinh nghiệm, ngài biết rằng điều đó đâu đã cứu độ ngài. Bí tích Thánh Tẩy ngài lãnh nhận sau này chắc hẳn không phải như một phép lạ giải gỡ ngài khỏi tính hay gây hấn và những yếu đuối của ngài, nhưng ngài đã bắt đầu sống cuộc sống của mình một cách khác. Ngài đã được giải thoát chẳng hạn khỏi cái gánh nặng đè trên cuộc đời ngài, là tôn giáo với những điều răn kèm theo. Đối với ngài, không như với những kẻ bám vào những nguyên tắc, tôn giáo không phải là một tay vịn cũng cần thiết như viên cảnh sát : ngài thấy nó như luôn luôn nhắc rằng ngài mắc nợ Thiên Chúa, nó nhắc nhớ một cái gì đó khiến ngài không thể yêu thương, không thể tin tưởng thật sự. Khi chết, Chúa Giê-su đã đóng đinh vào thập giá mọi hình thức sợ hãi Thiên Chúa ; do đó, Người đã vô hiệu hoá mọi thứ nguyên tắc và áp lực đạo đức (*các đưng lực thần thiêng* trong c.16) là những thứ bóp nghẹt không cho phép chúng ta tự do trả lời với Thiên Chúa.

Ở vài nước, nhiều người đã được thanh tẩy, nhưng bí tích Thánh Tẩy đã không thay đổi đời sống của họ bao nhiêu, và nói chung, họ không thuộc những cộng đoàn có những nỗ lực đổi mới đức tin. Bảo rằng chúng ta là những Ki-tô hữu xấu, chúng ta chưa thật sự đem *mai táng* con người tội lỗi nơi chúng ta, bấy nhiêu ấy thôi chưa đủ. Cuộc phục sinh của chúng ta tùy thuộc trước hết ở niềm tin chúng ta đặt nơi Thiên Chúa là *Đấng đã cho Đức Giê-su trỗi dậy từ cõi chết, đã ban ơn tha thứ cho chúng ta, đã chuẩn bị tất cả cho chúng ta được sống cuộc đời mình.*

Đề phòng lối sống khác khổ theo thuyết “các quyền lực vũ trụ”

* 16 Vậy đừng ai xét đoán anh em về chuyện đồ ăn thức uống, hay về mục ngày lễ, ngày đầu tháng, ngày sa-bát. 17 Tất cả những cái đó chỉ là hình bóng những điều sắp tới, nhưng thực tại là thân thể Đức Ki-tô. 18 Đừng ai viện cớ “khiêm nhường” và

“sùng kính các thiên thần” mà làm cho anh em mất phần thưởng chiến thắng ; họ chìm đắm trong những thị kiến của mình, vênh váo vì những suy tưởng theo lối người phàm. 19 Họ không gắn chặt với Đức Ki-tô là Đầu ; chính Người làm cho toàn thân được nuôi dưỡng, được kết cấu chặt chẽ nhờ mọi thứ gân mạch và dây chằng, và

* 2,16 Thánh Phao-lô vừa nhắc lại rằng bí tích Thánh Tẩy là bước khởi đầu một đời sống mới. Vấn đề không phải là thay thế các điều răn cũ bằng những điều răn tốt lành hơn : Chúa Giê-su đã đến, là hội chúng báo hiệu sự khánh tận của mọi tôn giáo được xây trên cơ sở những điều răn. Điều này có thể làm cho nhiều Ki-tô hữu lấy làm khó chịu : chẳng phải chúng ta có bốn phạm tuân giữ các điều răn của Thiên Chúa và của Hội Thánh đó sao ? Chúng ta sẽ ra sao nếu không còn có những bốn phạm trong việc giữ đạo nữa ?

Đã hẳn không có nhóm tôn giáo nào –và không có cộng đoàn Ki-tô hữu nào– mà không có những nghi thức, những tập quán, những điều răn, lệnh truyền : một cộng đoàn không họp nhau lại nữa để nghe Lời Chúa và cử hành thánh lễ sẽ ra như thế nào ? Nhưng điều thánh Phao-lô muốn cho thấy là đã hết rồi, không còn nữa, những tôn giáo dạy rằng điều quan trọng là làm hay không làm, trong đó người ta tin rằng Thiên Chúa muốn thấy chúng ta nghĩ hưu lễ ngày này chứ không phải ngày khác, không ăn thức này thức kia đã được nấu cách này cách khác, ăn mặc thế này thế kia. Mỗi tôn giáo đều chú trọng nhiều đến những luật lệ như thế vì muốn giúp tín đồ của mình duy trì sự kết đoàn và những dấu hiệu phân biệt họ cho rõ với tín đồ những tôn giáo khác, nhưng như vậy thì hình ảnh của chúng ta về Thiên Chúa luôn luôn bị bóp méo : chúng ta nghĩ rằng Người cứ bận tâm duy trì quyền hành và uy thế của mình. Nhưng thật thì Thiên Chúa hoàn toàn không giống mô hình do con người nghĩ ra này. Tất cả những cái đó chỉ là quy định phạm nhân, có thể là rất hữu ích, nhưng vẫn là của phạm nhân. Thánh Phao-lô nói : Thiên Chúa không như chúng ta, không lưu tâm đến những thực tại chóng qua như chuyện nấu nướng, những ngày lễ hay những thứ đại loại như thế ; Người đầu đến nỗi xử với chúng ta như những trẻ con, bảo đừng làm điều này, đừng làm điều kia !

được lớn lên nhờ sức Thiên Chúa ban.

²⁰ Anh em đã chết cùng Đức Ki-tô và được giải thoát khỏi các yếu tố của vũ trụ, tại sao lại rập theo những quy luật, như thể anh em còn sống lệ thuộc vào thế gian ? Chẳng hạn : ²¹ “Đừng ăn cái này, đừng nếm cái kia, đừng đụng vào cái nọ”, ²² toàn những cấm đoán về những cái dùng đến là hư. *Đó chỉ là những giới luật và giáo*

huấn của người phàm.

²³ Những điều ấy có vẻ khôn ngoan : nào là “sùng đạo tự ý”, nào là “khiêm nhường”, nào là “khổ hạnh”, nhưng không có giá trị gì đối với tính xác thịt lằng lộn.

Nguyên lý của đời sống mới : kết hợp với Đức Ki-tô phục sinh

3 * ¹ Anh em đã được trời dậy cùng với Đức Ki-tô, nên hãy tìm kiếm những gì thuộc thượng

Đừng ai xét đoán anh em (c.16). Tại sao người ta trách chúng ta đã đời ngày hư lễ, chọn ngày Chúa phục sinh thay vì ngày hôm trước, như theo thói quen của người Do-thái ? Khi làm như vậy, các Tông Đồ của Chúa Giê-su biết là mình hành động bất chấp các lễ luật của ông Mô-sê.

Những điều ấy có vẻ khôn ngoan (c.23). Những điều cấm kỵ trong tôn giáo luôn gây ấn tượng cho những người còn sống trong sợ hãi trước nhan Thiên Chúa. Nhưng thay vì giải thoát và đưa chúng ta tới lòng tin tưởng của những người con của Thiên Chúa, những điều cấm kỵ này càng làm cho tâm trí chúng ta ra hẹp hòi và sẽ trở nên tàn bạo đối với những người không nghĩ như chúng ta.

Chúng ta đừng nghĩ rằng càng tỏ ra khinh thường thể xác thì càng thánh thiện hơn (c.23). Giảm ký không làm tăng tinh thần. Nếu bạn thuộc một nhóm người ăn chay định kỳ, không lẽ bạn không nói cho họ biết điều đó ?

* **3,1** Ở đây, chúng ta gặp lại những điều đã nói về bí tích Thánh Tẩy (2,12), là bí tích kết hợp chúng ta với Chúa Ki-tô và cho chúng ta được chia sẻ tất cả những kho tàng phong phú của Người. Bởi lẽ Chúa Ki-tô đã rời khỏi thế gian này, chúng ta cũng rời khỏi nơi đó như vậy : phần tinh túy nhất của đời người chúng ta, điều làm cho chúng ta hành động thì không trông thấy được, cũng không thuộc về thế gian này. Chỉ một mình Thiên Chúa thấu biết tâm hồn một tín hữu chất chứa những kho báu nào, ngay cả khi cuộc đời người ấy có vẻ hoen ố với những lỗi lầm và yếu đuối. Một ngày kia, Thiên Chúa sẽ tỏ cho thấy lòng nhân hậu, ánh “vinh quang” mà chúng ta hiện chưa nhìn thấy (x. Mt 25,31-46).

giới, nơi Đức Ki-tô đang ngự bên hữu Thiên Chúa.

² Anh em hãy hướng lòng trí về những gì thuộc thượng giới, chứ đừng chú tâm vào những gì thuộc hạ giới. ³ Thật vậy, anh em đã chết, và sự sống mới

của anh em hiện đang tiềm tàng với Đức Ki-tô nơi Thiên Chúa. ⁴ Khi Đức Ki-tô, nguồn sống của chúng ta xuất hiện, anh em sẽ được xuất hiện với Người, và cùng Người hưởng phúc vinh quang.

III. PHÂN KHUYÊN NHỮ

Chỉ thị chung cho các tín hữu

⁵ Vậy anh em hãy giết chết những gì thuộc về hạ giới trong con người anh em : ấy là gian dâm, ô uế, đam mê, ước muốn xấu và tham lam ; mà tham lam cũng là thờ ngẫu tượng. ⁶ Chính vì những điều đó mà cơn thịnh nộ của Thiên Chúa giáng xuống trên những kẻ không vâng phục. ⁷ Chính anh em xưa kia cũng ăn ở như thế, khi anh em còn sống giữa

những người ấy. ⁸ Nhưng nay, cả anh em nữa, hãy từ bỏ tất cả những cái đó : nào là giận dữ, nóng nảy, độc ác, nào là thoá mạ, ăn nói thô tục.

* ⁹ Anh em đừng nói dối nhau, vì anh em đã cởi bỏ con người cũ với những hành vi của nó rồi, ¹⁰ và anh em đã mặc lấy con người mới, con người hằng được đổi mới *theo hình ảnh* Đấng Tạo Hoá, để được ơn thông hiểu. ¹¹ Vậy không còn phải phân biệt

Vậy anh em hãy giết chết (c.5). Không phải do đã thoát khỏi một tôn giáo gồm toàn những điều răn mà người ta không thấy rõ những đòi hỏi của một đời sống mới : trái lại, phải sống hoàn thiện hơn nhiều (Mt 5,20 và 48). Tình yêu càng lớn lên trong chúng ta, chúng ta càng sững sốt khám phá ra tất cả những gì nơi mình nghịch lại với Vương Triều của Thiên Chúa và cần phải được huỷ đi.

* 3,9 X. Ep 4,22-24, trong đó thánh Phao-lô triển khai cũng một tư tưởng về con người mới được tạo thành trong Chúa Ki-tô và về con người cũ cần phải từ bỏ.

Trong khi *con người cũ* thì ích kỷ và làm nô lệ cho các đam mê của mình, thì *con người mới* có đặc điểm là thái độ cộng đồng, luôn bận tâm lo cho người khác và *hết dạ tri ân*.

Hy-lạp hay Do-thái, cắt bì hay không cắt bì, man di, mọi rợ, nô lệ, tự do, nhưng chỉ có Đức Ki-tô là tất cả và ở trong mọi người.

¹² Anh em là những người được Thiên Chúa tuyển lựa, hiến thánh và yêu thương. Vì thế, anh em hãy có lòng thương cảm, nhân hậu, khiêm nhu, hiền hoà và nhẫn nại.

¹³ Hãy chịu đựng và tha thứ cho nhau, nếu trong anh em người này có điều gì phải trách móc người kia. Chúa đã tha thứ cho anh em, thì anh em cũng vậy, anh em phải tha thứ cho nhau. ¹⁴ Trên hết mọi đức tính, anh em phải có lòng bác ái : đó là mối dây liên kết tuyệt hảo. ¹⁵ Ước gì ơn bình an của Đức Ki-tô điều khiển tâm hồn anh em, vì trong một thân thể duy nhất, anh em đã được kêu gọi đến hưởng ơn bình

an đó. Bởi vậy, anh em hãy hết dạ tri ân.

¹⁶ Ước chi lời Đức Ki-tô ngự giữa anh em thật dồi dào phong phú. Anh em hãy dạy dỗ khuyên bảo nhau với tất cả sự khôn ngoan. Để tỏ lòng biết ơn, anh em hãy đem cả tâm hồn mà hát dâng Thiên Chúa những bài thánh vịnh, thánh thi và thánh ca, do Thần Khí linh hứng.

¹⁷ Anh em có làm gì, nói gì, thì hãy làm hãy nói nhân danh Chúa Giê-su và nhờ Người mà cảm tạ Thiên Chúa Cha.

Chỉ thị riêng cho đời sống gia đình

* ¹⁸ Người làm vợ hãy phục tùng chồng, như thế mới xứng đáng là người thuộc về Chúa. ¹⁹ Người làm chồng hãy yêu thương chứ đừng cay nghiệt với vợ. ²⁰ Kẻ làm con hãy vâng

* 3,18 Lời khuyên vắn tắt dành cho các đôi vợ chồng (cc. 18-19) sẽ được triển khai rộng rãi trong Ep 5,21-33.

Thánh Phao-lô có lẽ sẽ khó chấp nhận thái độ của nhiều Ki-tô hữu nói rằng đức tin không liên can gì tới những điều tôi làm ở nhà, ở nơi làm việc, trong những vui chơi giải trí hay những điều tôi dần thân thực hiện trong xã hội. Trái lại, ngài mạnh mẽ khuyên các Ki-tô hữu phải sống những điều đó trước Thiên Chúa, vì Thiên Chúa và trong Thiên Chúa. Bởi thế, thánh nhân rao giảng cũng một luân lý cho tất cả mọi người : đàn ông, đàn bà, nô lệ (ngày nay ta nói là giám đốc hay công nhân) ; mọi người phải ăn ở công bằng, lương thiện và tôn trọng kẻ khác, dù họ có lỗi lầm.

lời cha mẹ trong mọi sự, vì đó là điều đẹp lòng Chúa.

²¹ Những bậc làm cha mẹ đừng làm cho con cái bực tức, kéo chúng ngã lòng.

²² Kẻ làm nô lệ hãy vâng lời những người chủ ở đời này trong mọi sự. Đừng chỉ vâng lời trước mặt, như muốn làm đẹp lòng người ta, nhưng với lòng đơn sơ, vì kính sợ Chúa.

²³ Bất cứ làm việc gì, hãy làm tận tâm như thể làm cho Chúa, chứ không phải cho người đời ²⁴ vì biết rằng anh em sẽ nhận được phần thưởng Chúa ban, là gia nghiệp dành cho dân Người. Đức Ki-tô là Chủ, anh em hãy phục vụ Người. ²⁵ Ai ăn ở bất công sẽ được trả theo điều bất công mình làm ; không có chuyện thiên vị.

4 ¹ Người làm chủ hãy đối xử công bằng và đồng đều với các nô lệ, vì biết rằng cả anh em nữa cũng có một Chủ ở trên trời.

Tình thần tông đồ

* ² Anh em hãy siêng năng cầu nguyện ; hãy tỉnh thức mà cầu nguyện và tạ ơn. ³ Đồng thời, cũng hãy cầu nguyện cho chúng tôi nữa, xin Thiên Chúa mở cửa cho chúng tôi rao giảng lời Người, để chúng tôi loan báo mầu nhiệm Đức Ki-tô ; chính vì mầu nhiệm này mà tôi bị giam giữ. ⁴ Xin cho tôi biết công bố rõ ràng mầu nhiệm ấy, như bốn phạm tôi phải loan báo.

⁵ Anh em hãy ăn ở khôn ngoan với người ngoài ;

Chúng ta phải tranh đấu để có những thay đổi và để bênh vực quyền lợi của mình ; nhưng để thay đổi thế giới, điều chúng ta yêu cầu thường ít quan trọng bằng cách thức yêu cầu. Chính ở điểm này mà nhiều khi người Ki-tô hữu sẽ đưa ra một chứng tá độc đáo. Chúng ta hãy để người khác tìm thắng thế bằng bất cứ phương tiện nào, bất kể hậu quả tai hại ra sao đối với xã hội. Về điểm này, xin xem Bài Giảng trên núi, Mt 5 - 7.

* 4,2 X. phần bình giải về toàn bộ đoạn này trong Ep 6,18-21.

Anh Ô-nê-xi-mô là một người nô lệ đã bỏ trốn, rồi trở về Cô-rin-tô với ông *Ty-khi-cô* sau khi được thánh Phao-lô giúp lãnh nhận đức tin (x. thư Phi-lê-môn).

Tác giả Tin Mừng *Mác-cô*, sau khi hoà giải với thánh Phao-lô (x. Cv 15,38), đã ở với ngài. *Anh Lu-ca* được nhắc đến ở đây là tác giả sách Tin Mừng và Công vụ Tông Đồ.

hãy tận dụng thời buổi hiện tại. ⁶ Lời nói của anh em phải luôn luôn mặn mà dễ thương, để anh em biết đối đáp sao cho phải với mỗi người.

Tin tức

⁷ Mọi tin tức về tôi, anh Ty-khi-cô sẽ cho anh em biết ; anh là người anh em yêu quý của tôi, người trung thành phục vụ, và người đồng sự với tôi trong công việc Chúa. ⁸ Tôi phái anh đến với anh em vì mục đích ấy, để anh em được biết hiện tình của chúng tôi, và để anh khích lệ tâm hồn anh em. ⁹ Cùng đi có anh Ô-nê-xi-mô, người anh em trung thành và yêu quý của tôi, người đồng hương với anh em. Cả hai sẽ cho

anh em biết tất cả những gì xảy ra ở đây.

Lời chào và lời chúc cuối thư

¹⁰ Anh A-rít-ta-khô, bạn tù với tôi, gửi lời chào anh em. Anh Mác-cô, em họ ông Ba-na-ba, cũng gửi lời chào anh em ; anh em đã nhận được những chỉ thị về anh ấy ; nếu anh ấy đến với anh em, thì hãy tiếp đón anh ấy. ¹¹ Anh Giê-su, gọi là Giút-tô, cũng gửi lời chào anh em. Trong số những người cắt bì, chỉ có ba anh ấy cùng làm việc với tôi cho Nước Thiên Chúa ; các anh đã là niềm an ủi của tôi. ¹² Anh Ê-páp-ra, người đồng hương với anh em và là tôi tớ của Đức Ki-tô Giê-su, gửi lời chào anh em ; anh không ngừng chiến đấu cho anh

Chúng ta lưu ý là thay vì khép kín, các Giáo Hội thường liên lạc trao đổi với nhau. Nếu không thì sau một thời gian ngắn, có bao nhiêu Giáo Hội là bấy nhiêu tôn giáo. Nhưng các Ki-tô hữu đầu tiên ý thức mình thuộc về Giáo Hội duy nhất của Chúa Ki-tô được thiết lập ở những nơi khác nhau, rao giảng cùng một đức tin vào Chúa Ki-tô. Cái ý thức mình thuộc về một Giáo Hội độc nhất vô nhị, được Thần Khí của Chúa Ki-tô linh hoạt và tùy thuộc các Tông Đồ, đã ăn sâu mọc rễ nơi các Ki-tô hữu. Hơn là một tổ chức cứng nhắc, ý thức ấy đã duy trì sự hợp nhất vào một thời kỳ xem ra khó bảo vệ hợp nhất, do các Giáo Hội ở cách xa nhau trong không gian và do những khác biệt giữa các dân tộc.

Khi cố gắng thiết lập những cộng đoàn cơ bản, chúng ta phải liệu sao cho những cộng đoàn ấy giữ liên lạc và duy trì tình hiệp thông với các cộng đoàn khác.

em bằng lời cầu nguyện, để một khi đã trưởng thành và hoàn toàn vâng theo thánh ý Thiên Chúa trong mọi sự, anh em được đứng vững. ¹³ Tôi làm chứng cho anh rằng anh vất vả nhiều vì anh em, những người ở Lao-đi-ki-a và Hi-ê-ra-pô-li. ¹⁴ Anh Luca, thầy thuốc yêu quý, và anh Đê-ma gửi lời chào anh em.

¹⁵ Xin cho tôi gửi lời chào các anh em ở Lao-đi-ki-a, chị Nym-pha và Hội Thánh vẫn họp tại nhà chị

ấy. ¹⁶ Sau khi anh em đọc thư này, xin liệu sao cho Hội Thánh Lao-đi-ki-a cũng được đọc nữa. Xin anh em cũng đọc thư của tôi gửi cho Hội Thánh Lao-đi-ki-a. ¹⁷ Sau cùng, xin nhắn với anh Ác-khíp-pô : “Hãy lưu tâm đến chức vụ Chúa đã giao cho anh, và lo chu toàn.”

¹⁸ Lời chào này do chính tay tôi, Phao-lô, viết. Anh em đừng quên rằng tôi đang phải mang xiềng xích ! Chúc anh em được ân sủng.

THƯ 1

GỬI TÍN HỮU THÊ-XA-LÔ-NI-CA

DẪN NHẬP

Năm 50, thánh Phao-lô đến Thê-xa-lô-ni-ca, một thành phố lớn và là thủ phủ của miền Ma-kê-đô-ni-a (x. Cv 17,1). Tại thành phố này, thánh Phao-lô bị người Do-thái chối từ, nên ngài quay sang rao giảng cho dân ngoại, và đã thành lập được tại đây một cộng đoàn. Nhưng mới được ba tháng, thì người Do-thái đã tụ tập gây náo động, buộc ngài phải ra đi (x. Cv 17,10-15).

Các tín hữu tân tông này rồi đây sẽ ra sao ? Vì họ chỉ mới được thánh Phao-lô dạy dỗ về các vấn đề căn bản của đời sống Ki-tô hữu. Không an tâm, thánh Phao-lô xin ông Ti-mô-thê ra đi củng cố giáo đoàn non trẻ đó. Ông Ti-mô-thê lạc quan trở về. Thánh Phao-lô yên tâm hơn và đã gửi cho họ bức thư này vào đầu năm 51.

Đây là bản văn cổ nhất trong toàn bộ Tân Ước.

Bức thư này cho thấy rằng, vào thời ấy, trong các cộng đoàn thuộc thế giới Hy-La, đức tin đã phải chạm trán với lý trí không thua gì ở thời đại chúng ta. Đối với họ như đối với thế giới hôm nay, sự buông thả trong quan hệ nam nữ là hợp pháp ; họ không nghĩ đến sự sống lại, sự sống đời sau nhiều hơn người thời đại chúng ta. Thánh Phao-lô sẽ khẳng định lại các điểm này trong ch. 4.

Bức thư không phải lúc nào cũng gây hứng thú cho chúng ta nhiều, lời văn của tác giả có thể nói là còn mới nguyên, vừa đầy tình thương của một nhà truyền giáo đối với các tân tông của mình, vừa còn đầy niềm hăng say của một tân binh.

Trong bức thư, chúng ta nhận thấy những xác quyết minh bạch về các đòi hỏi đạo đức nơi những người gia nhập dân Ki-tô giáo : hãy sống thánh thiện, tỉnh thức, như những người còn đang trông đợi một điều gì khác nữa.

Trong bức thư này, qua một ngôn ngữ và những

hình ảnh thuộc loại khái huyền, chúng ta sẽ đọc thấy lời đầu tiên trong Kinh Thánh khẳng định kẻ chết sẽ sống lại.

Ngay ở đầu thư, cộng đoàn được mời gọi sống trong cầu nguyện liên lỉ và ưu tiên chăm sóc những thành viên yếu thế nhất của mình.

THƯ 1

GỬI TÍN HỮU THÊ-XA-LÔ-NI-CA

Lời mở đầu

1 * ¹ Chúng tôi là Phao-lô, Xin-va-nô và Ti-mô-thê, kính gửi Hội Thánh Thê-xa-lô-ni-ca ở trong Thiên Chúa Cha, và trong Chúa Giê-su Ki-tô. Chúc anh em được ân sủng và bình an.

Tạ ơn Thiên Chúa và khen ngợi cộng đoàn

² Chúng tôi hằng tạ ơn Thiên Chúa về tất cả anh em. Chúng tôi nhắc đến anh em trong lời cầu nguyện, ³ và trước mặt Thiên Chúa là Cha chúng ta, chúng tôi không ngừng nhớ đến những việc anh em làm vì lòng tin, những

* 1,1 *Vì lòng tin, vì lòng mến, vì trông đợi* (c.3). Đôi khi chúng ta khó nhận ra đức cậy nằm giữa đức tin và đức mến. Ở đây, đức cậy (*trông đợi*) có hai chiều kích :

– Những người có đức cậy thì chịu đựng thử thách và bách hại với lòng kiên nhẫn và kiên trì. Vì vậy thánh Phao-lô nói đến tin, cậy và mến. Cũng như trong Tin Mừng, ở đây đức cậy không phải là một sự lạc quan dễ dãi, mà là khả năng kiên trì khi đối diện với thử thách.

– Những người có đức cậy thì trông đợi ngày Chúa Ki-tô quang lâm đến xét xử thế giới này và dẫn chúng ta vào một thế giới khác. *Người sẽ cứu chúng ta thoát cơn thịnh nộ đang đến* (c.10). Trong Kinh Thánh, *cơn thịnh nộ* chỉ những khủng hoảng và bi kịch trải dài trong lịch sử, trong đó những ai là ngôn sứ (hay tín hữu) nhận ra một phán xét và trừng phạt của Thiên Chúa. Từ ngữ này cũng được đọc thấy trong Lc 21,23 và Rm 1,18. Thời ấy, các tín hữu nghĩ rằng ngày phán xét cuối cùng đã đến gần, và họ sẽ được chứng kiến Chúa Ki-tô trở lại.

Chúng tôi biết rằng Thiên Chúa đã chọn anh em (c.4). Thánh Phao-lô vui mừng nhận thấy Giáo Hội này khai sinh một cách bất ngờ, một điều hoàn toàn vượt quá khả năng của ngài. Ngài đã hết mình với công cuộc này, và Thiên Chúa đã trợ giúp ngài triệt để. Những người đọc thư ngài đây đâu phải đã trở thành Ki-tô hữu một cách ngẫu nhiên hay chỉ để làm vừa lòng ngài ; họ là những người đã được Thiên Chúa chọn để hưởng hồng ân cao quý là đức tin.

nổi khó nhọc anh em gánh vác vì lòng mến, và những gì anh em kiên nhẫn chịu đựng vì trông đợi Chúa chúng ta là Đức Giê-su Ki-tô.

⁴ Thưa anh em là những người được Thiên Chúa thương mến, chúng tôi biết rằng Thiên Chúa đã chọn anh em, ⁵ vì khi chúng tôi lo âu báo Tin Mừng cho anh em, thì không phải chỉ có lời chúng tôi nói, mà còn có quyền năng, có Thánh Thần, và một niềm xác tín sâu xa. Anh em biết, khi ở với anh em, chúng tôi đã sống thế nào để mưu ích cho anh em ; ⁶ còn anh em, anh em đã bắt chước chúng tôi và noi

gương Chúa, khi đón nhận lời Chúa giữa bao nỗi gian truân với niềm vui do Thánh Thần ban : ⁷ bởi vậy anh em đã nên gương cho mọi tín hữu ở miền Ma-kê-đô-ni-a và miền A-khai-a. ⁸ Quả thế, từ nơi anh em, lời Chúa đã vang ra, không những ở Ma-kê-đô-ni-a và A-khai-a, mà đâu đâu người ta cũng nghe biết lòng tin anh em đặt vào Thiên Chúa, khiến chúng tôi không cần phải nói gì thêm nữa. ⁹ Khi nói về chúng tôi, người ta kể lại chúng tôi đã được anh em tiếp đón làm sao, và anh em đã từ bỏ ngẫu tượng mà quay về với Thiên Chúa thế nào, để

Khi chúng tôi lo âu báo Tin Mừng cho anh em, thì không phải chỉ có lời chúng tôi nói (c.5), mà còn có nhiều điềm thiêng dấu lạ, những biểu lộ của Thần Khí. Có lẽ Thiên Chúa cho những điều đó xảy ra ở Thê-xa-lô-ni-ca là để báo trước những bách hại sắp đến, bởi vì chẳng bao lâu nữa sẽ thiếu đi những con người có đủ khả năng bảo đảm việc huấn luyện họ. Nhưng thật ra người ta không thể lo âu báo Tin Mừng mà không có Thiên Chúa làm một vài điều gì đó để xác nhận công việc ấy : Chúa Giê-su đã quả trách những kẻ đến với Người để xem phép lạ, nhưng Người cũng đã làm nhiều phép lạ trong suốt thời gian thi hành sứ vụ của Người. Chúng ta đừng nói : "Tôi không cần phép lạ để tin." Bởi vì con người vẫn là người, nên chúng ta sẽ có một lòng hăng say hoàn toàn khác, nếu chúng ta nhận thấy có Thiên Chúa ở đó, ngay bên cạnh chúng ta, và làm những điều không thể nào tin được để chứng thực cho Lời của Người.

Anh em đã bắt chước chúng tôi (c.6). Thái độ của người rao giảng Tin Mừng xác nhận chân lý của sứ điệp. Thánh Phao-lô sẽ nói đi nói lại điều này nhiều lần trong suốt bức thư : ngài đã tỏ ra là một sứ giả thánh thiện, tốt lành và liêm chính, sẵn sàng hy sinh mạng sống mình (2,8).

phụng sự Thiên Chúa hằng sống, Thiên Chúa thật, ¹⁰ và chờ đợi Con của Người từ trời ngự đến, người Con mà Thiên Chúa đã cho trỗi dậy từ cõi chết, là Đức Giê-su, Đấng cứu chúng ta thoát cơn thịnh nộ đang đến.

Thái độ của ông Phao-lô khi ở Thê-xa-lô-ni-ca

2 * ¹ Thật vậy, thưa anh em, chính anh em biết rằng việc anh em đón tiếp chúng tôi không phải vô ích.

² Như anh em biết, chúng tôi đã đau khổ và bị làm nhục tại Phi-líp-phê ; nhưng vì tin tưởng vào Thiên Chúa chúng ta mà chúng tôi đã mạnh dạn rao giảng Tin Mừng của Thiên Chúa cho anh em, qua những cuộc chiến đấu gay go. ³ Lời giảng của

chúng tôi không do sự sai lầm, không có dụng ý xấu, không nhằm lừa dối ai, ⁴ nhưng vì Thiên Chúa đã thử luyện chúng tôi và giao phó Tin Mừng cho chúng tôi, thì chúng tôi cứ vậy mà rao giảng, không phải để làm vừa lòng người phàm, mà để làm đẹp lòng Thiên Chúa, Đấng thử luyện tâm hồn chúng tôi. ⁵ Không bao giờ chúng tôi đã dùng lời xu nịnh, như anh em biết ; không bao giờ chúng tôi đã viện cớ để che đậy lòng tham, có Thiên Chúa chứng giám ; ⁶ không bao giờ chúng tôi đã tìm cách để được một người phàm nào tôn vinh, dù là anh em hay người khác, ⁷ trong khi chúng tôi có thể đòi anh em phải trọng đãi, với tư cách là Tông Đồ Đức Ki-tô.

* **2,1** *Chẳng khác nào mẹ hiền áp ủ con thơ* (c.7) : Đó là lòng tha thiết của thánh Phao-lô. Tiếp theo sau, thánh Phao-lô nhắc đến những công việc, những vất vả ngài đã trải qua để rao giảng Tin Mừng, để dạy dỗ, sửa dạy từng người một. Để có được chỉ một người đón nhận Tin Mừng thôi, người tông đồ phải kiên nhẫn, chiến đấu công phu biết bao.

Cơn thịnh nộ mà thánh Phao-lô đề cập ở 2,16 chỉ về một phán quyết công minh của Thiên Chúa, chuẩn bị cho một sự trừng phạt. Ở đây chắc chắn không ám chỉ dân Do-thái nói chung hay là dân Do-thái trong tương lai, như một số người theo thuyết cơ bản chủ trương, mà chỉ về những người Do-thái và những tín hữu gốc Do-thái đang bách hại thánh Phao-lô, không ngừng gây khó dễ cho ngài trong việc rao giảng Tin Mừng cho dân ngoại. Thiên Chúa sắp sửa xét xử họ.

Trái lại, khi ở giữa anh em, chúng tôi đã cư xử thật dịu dàng, chẳng khác nào mẹ hiền ấp ủ con thơ. ⁸ Chúng tôi đã quý mến anh em, đến nỗi sẵn sàng hiến cho anh em, không những Tin Mừng của Thiên Chúa, mà cả mạng sống của chúng tôi nữa, vì anh em đã trở nên những người thân yêu của chúng tôi. ⁹ Thưa anh em, hẳn anh em còn nhớ nỗi khó nhọc vất vả của chúng tôi : đêm ngày chúng tôi đã làm việc để khỏi thành gánh nặng cho một người nào trong anh em, suốt thời gian chúng tôi loan báo Tin Mừng của Thiên Chúa cho anh em. ¹⁰ Anh em làm chứng, và Thiên Chúa cũng chứng giám, rằng với anh em là những tín hữu, chúng tôi đã cư xử một cách thánh thiện, công minh, không chê trách được. ¹¹ Anh em biết : chúng tôi đã cư xử với mỗi người trong anh em như cha với con ; ¹² chúng tôi đã khuyên nhủ, khích lệ, van nài anh em sống xứng đáng với Thiên Chúa, Đấng kêu gọi anh em vào Nước của Người và chia sẻ vinh quang với Người.

Đức tin và lòng kiên nhẫn của người Thê-xa-lô-ni-ca

¹³ Bởi thế, về phần chúng tôi, chúng tôi không ngừng tạ ơn Thiên Chúa, vì khi chúng tôi nói cho anh em nghe lời Thiên Chúa, anh em đã đón nhận, không phải như lời người phàm, nhưng như lời Thiên Chúa, đúng theo bản tính của lời ấy. Lời đó tác động nơi anh em là những tín hữu. ¹⁴ Thật vậy, thưa anh em, anh em đã noi gương các Hội Thánh của Thiên Chúa ở miền Giu-đê là những Hội Thánh của Đức Ki-tô Giê-su, vì anh em cũng đã phải chịu những nỗi đau khổ do đồng bào của anh em gây ra, như các Hội Thánh đó đã phải chịu do người Do-thái. ¹⁵ Những người này đã giết Chúa Giê-su và các ngôn sứ, đã bắt bớ chúng tôi, họ không đẹp lòng Thiên Chúa và chống lại tất cả mọi người ; ¹⁶ họ ngăn cản khi chúng tôi rao giảng cho người ngoại để những người này được ơn cứu độ. Như vậy họ luôn luôn chất đầy thêm tội lỗi ; nhưng cuối cùng cơn thịnh nộ của Thiên Chúa đã giáng xuống trên họ.

Ông Phao-lô lo lắng về cộng đoàn

¹⁷ Phần chúng tôi, thưa anh em, phải xa cách anh em một thời gian ngắn, xa mặt chứ không cách lòng, chúng tôi càng cố gắng hơn để lại thấy mặt anh em, vì chúng tôi rất ước ao điều đó. ¹⁸ Bởi vậy chúng tôi đã muốn đến thăm anh em -chính tôi, Phao-lô, đã nhiều lần định đi- nhưng Xa-tan đã cản trở chúng tôi. ¹⁹ Quả thế, ai là niềm hy vọng, là niềm vui của chúng tôi, ai là triều thiên làm cho chúng tôi hãnh diện trước nhan Đức Giê-su, Chúa chúng ta, khi Người quang lâm, nếu không phải là anh em ? ²⁰ Phải, chính anh em là vinh quang và là niềm vui của chúng tôi.

Phái ông Ti-mô-thê đi Thê-xa-lô-ni-ca

3 * ¹ Vì vậy, không chịu nổi nữa, chúng tôi đã quyết định ở lại A-thê-na một mình, ² và chúng tôi đã phái anh Ti-mô-thê, người anh em của chúng tôi và cộng sự viên của Thiên Chúa trong việc loan báo Tin Mừng Đức Kitô ; anh đến để làm cho anh em được vững mạnh, và khích lệ đức tin của anh em, ³ khiến không ai bị nao núng vì các nỗi gian truân ấy. Hẳn anh em biết đó là số phận dành cho chúng ta. ⁴ Thật thế, khi còn ở với anh em, chúng tôi đã nói trước cho anh em rằng chúng ta sẽ gặp gian truân, điều đó đã xảy ra như anh em biết. ⁵ Chính vì vậy mà không chịu nổi nữa, tôi đã sai người đi hỏi cho biết lòng tin của anh em ra sao, sợ

* **3,1** *Xin Chúa cho tình thương của anh em đối với nhau và đối với mọi người ngày càng thêm đậm đà thắm thiết (c.12). Trước hết, tình thương được biểu lộ trong nội bộ cộng đoàn, và sau đó mới lan toả đến tất cả mọi người.*

Ở đây ta thấy rõ nỗi lo canh cánh của thánh Phao-lô. Sứ vụ tông đồ không cho phép ngài ở yên trong một cộng đoàn mà phải luôn luôn ra đi, để lại đằng sau công việc chưa hoàn thành. Vì thế, ngài phải phó thác các tân tông cho ân sủng của Thiên Chúa ; một ân sủng không hề tiêu diệt tự do của người mới trở lại, cũng không phứt bỏ việc làm của tên cám dỗ trong thế gian. *Hẳn anh em biết đó là số phận dành cho chúng ta (c.3).*

rằng tên cám dỗ đã cám dỗ anh em, và công lao khó nhọc của chúng tôi trở nên vô ích.

Tạ ơn Chúa vì các tin tức nhận được

⁶ Giờ đây, sau khi thăm anh em, anh Ti-mô-thê đã trở lại với chúng tôi và đưa tin mừng cho chúng tôi về lòng tin và lòng mến của anh em ; anh ấy nói rằng anh em vẫn luôn luôn giữ kỷ niệm tốt về chúng tôi, và ao ước gặp lại chúng tôi, cũng như chúng tôi ao ước gặp lại anh em. ⁷ Như vậy, thưa anh em, vì anh em có lòng tin, nên khi nghĩ đến anh em, chúng tôi được an ủi giữa mọi thống khổ gian truân chúng tôi phải chịu. ⁸ Phải, chúng tôi sống được đến giờ này là nhờ anh em đứng vững trong Chúa. ⁹ Chúng tôi biết nói gì để tạ ơn Thiên Chúa về anh em, vì tất cả niềm vui mà nhờ anh em, tôi có được trước nhan Thiên Chúa chúng ta ? ¹⁰ Đêm

ngày chúng tôi tha thiết nài xin Chúa cho được thấy mặt anh em và bỏ túc những gì còn thiếu trong đức tin của anh em.

¹¹ Xin chính Thiên Chúa là Cha chúng ta, và xin Chúa chúng ta là Đức Giê-su san phẳng con đường dẫn chúng tôi đến với anh em. ¹² Xin Chúa cho tình thương của anh em đối với nhau và đối với mọi người ngày càng thêm đậm đà thắm thiết, cũng như tình thương của chúng tôi đối với anh em vậy. ¹³ Như thế, Chúa sẽ cho anh em được bền tâm vững chí, được trở nên thánh thiện, không có gì đáng chê trách, trước nhan Thiên Chúa là Cha chúng ta, trong ngày Đức Giê-su, Chúa chúng ta, quang lâm cùng với các thánh của Người.

Khuyên cộng đoàn sống thánh thiện và bác ái

4 * ¹ Vả lại, thưa anh em, anh em đã được

* 4,1 Nếu chúng ta tận hiến mình cho Chúa Ki-tô, thì chúng ta phải sống khác với đời sống trước kia. Những người Do-thái được thanh tẩy đã có một nền tảng luân lý vững chắc nhờ lề luật Cựu Ước rồi. Trái lại, dân ngoại chỉ có các quy tắc luân lý hiện hành trong xã hội họ đang sống. Đời sống khiết tịnh chẳng hạn là chuyện hoàn toàn xa lạ đối với họ.

chúng tôi dạy phải sống thế nào cho đẹp lòng Thiên Chúa, và anh em cũng đang sống như thế ; vậy nhân danh Chúa Giê-su, chúng tôi xin, chúng tôi khuyên nhủ anh em hãy tấn tới nhiều hơn nữa. ² Hẳn anh em rõ chúng tôi đã lấy quyền Chúa Giê-su mà ra những chỉ thị nào cho anh em.

³ Ý muốn của Thiên Chúa là anh em nên

thánh, tức là xa lánh gian dâm, ⁴ mỗi người hãy biết lấy cho mình một người vợ để sống cách thánh thiện và trong danh dự, ⁵ chứ không buông theo đam mê dục vọng như *dân ngoại, là những người không biết Thiên Chúa.* ⁶ Về điểm này, đừng ai làm tổn thương hay lừa dối người anh em mình, vì Chúa là *Đấng trừng phạt* tất cả những cái đó, như chúng tôi đã từng báo trước và

Thánh Phao-lô phản ứng rất mạnh : *Ý muốn của Thiên Chúa là anh em nên thánh, tức là xa lánh gian dâm* (c.3). Trước những gì mà con người cho là những đòi hỏi của bản tính tự nhiên, còn có những đòi hỏi khác, bởi vì Thiên Chúa đã kêu gọi chúng ta và dẫn chúng ta vào con đường thần hoá (thánh Phao-lô nói là thánh hoá). Thánh Phao-lô cũng sẽ lý luận tương tự, với những lời lẽ khác, ở 1 Cr 6,12-20. Trong cc. 4-8 này, chắc chắn thánh Phao-lô nghĩ đến tội ngoại tình và các quan hệ với gái điếm. Nếu thánh Phao-lô ngỡ lời với người Ki-tô hữu trẻ hôm nay, chắc chắn là ngài còn nhắc thêm đến các quan hệ tiền hôn nhân nữa.

Thánh Phao-lô luôn nói rằng chúng ta tự do đối với Lê Luật, nhưng ngài vẫn khẳng định lại một số đạo lý được ghi chép đậm nét trong Kinh Thánh. Ngài lướt qua các quy định phụng vụ, các tập quán riêng của dân Do-thái, các kỷ niệm quá khứ, tất cả những gì giam hãm người tín hữu trong một tôn giáo chỉ cúi đầu vâng phục những luật lệ. Nhưng ngài khẳng định lại các đạo lý cơ bản có giá trị cho mọi thời và mọi nơi, nhất là cho những ai đã nhận lấy Tin Mừng làm hành trang để bước vào tuổi trưởng thành thiêng liêng.

Tiếp đến, thánh Phao-lô đưa ra một lời cảnh báo mà ngài sẽ nhắc lại ở cuối thư (5,14) : ai nấy hãy lao động. Cộng đoàn Thê-xa-lô-ni-ca phải đảo điên vì một số tín hữu chỉ giới phờ bầy đức tin đầy phấn khích của mình hơn là làm việc. Họ nói toàn chuyện ba láp, sống ăn bám các anh em đang cho họ ở nhờ ; dưới mắt dân ngoại, họ làm mất uy tín của Hội Thánh ! Như mọi người Pha-ri-sêu chính hiệu, thánh Phao-lô đã sinh sống bằng công việc lao động chân tay. Ngài không thể hiểu được sao lại có những tín hữu không có một chuyên môn nào để tìm được cho mình một công việc dù sang hay hèn, có thù lao đáng hoàng !

cảnh cáo anh em. ⁷ Thật vậy, Thiên Chúa đã không kêu gọi chúng ta sống ô uế, nhưng sống thánh thiện. ⁸ Vậy ai khinh thường những lời dạy trên, thì không phải khinh thường một người phạm, nhưng khinh thường Thiên Chúa ; Đấng hằng ban cho anh em Thánh Thần của Người.

⁹ Còn về tình huynh đệ, anh em không cần ai viết cho anh em, vì chính anh em đã được Thiên Chúa dạy phải thương yêu nhau, ¹⁰ và anh em cũng đang làm như vậy cho tất cả các anh em trong toàn miền Ma-kê-đô-ni-a. Nhưng thưa anh em, tôi khuyên nhủ

anh em hãy tiến tới nhiều hơn nữa. ¹¹ Hãy gắng giữ hoà khí, ai lo việc này và lao động bằng chính bàn tay của mình, như chính tôi đã truyền cho anh em. ¹² Như vậy, lối sống của anh em sẽ được người ngoài cảm phục, và anh em sẽ không cần nhờ đến ai.

Người sống và kẻ chết trong ngày Chúa quang lâm

* ¹³ Thưa anh em, về những ai đã an giấc ngàn thu, chúng tôi không muốn để anh em chẳng hay biết gì, hầu anh em khỏi buồn phiền như những người khác, là những người

* 4,13 ...*hầu anh em khỏi buồn phiền như những người khác.* Dân Ki-tô hữu Thê-xa-lô-ni-ca chưa được dạy dỗ nhiều. Trong nhiều năm qua, họ đã chấp nhận định mệnh là mọi sự chấm dứt khi chết ; hiện nay thì mỗi ngày họ thức dậy với niềm hy vọng sẽ thoát chết : Chúa Ki-tô sẽ chóng trở lại và dẫn họ vào Nước Trời. Họ đâm ra lo lắng cho những người thân đã chết trước và không được Chúa Ki-tô dẫn đi theo Người !

Những ai đã an giấc ngàn thu (c.13). Những người đã chết không phải là chết thật, nhưng chỉ là an giấc : nghĩa trang, trong tiếng Hy-lạp, có nghĩa là "nơi nghỉ yên". Họ đợi chờ Chúa Ki-tô trở lại và ơn được phục sinh.

Chúng ta sẽ được đem đi trên đám mây cùng với họ (c.17). Thánh Phao-lô cho rằng khi Chúa Ki-tô trở lại, các độc giả và ngài vẫn còn sống, và ngài mô tả biến cố ấy theo quan niệm văn hoá thời bấy giờ : chúng ta đừng quên rằng, cho đến thời ông Ga-li-lê-ô, mọi người đều nghĩ rằng trời là một nơi chốn trong vũ trụ, rất cao xa ở trên chúng ta, và Thiên Chúa, dù là Đấng linh thiêng, ngự trên nơi ấy một cách nào đó.

không có niềm hy vọng.
¹⁴ Vì nếu chúng ta tin rằng Đức Giê-su đã chết và đã sống lại, thì chúng ta cũng tin rằng những người đã an giấc trong Đức Giê-su, sẽ được Thiên Chúa đưa về cùng Đức Giê-su. ¹⁵ Dựa vào lời của Chúa, chúng tôi nói với anh em điều này, là chúng ta, những người đang sống, những người còn lại vào ngày Chúa quang lâm, chúng ta sẽ chẳng đi trước những người đã an giấc ngàn thu đâu. ¹⁶ Vì khi hiệu lệnh ban ra, khi tiếng trống lãnh thiên thần và tiếng kèn của Thiên Chúa vang

lên, thì chính Chúa sẽ từ trời ngự xuống, và những người đã chết trong Đức Ki-tô sẽ sống lại trước tiên; ¹⁷ rồi đến chúng ta, là những người đang sống, những người còn lại, chúng ta sẽ được đem đi trên đám mây cùng với họ, để nghênh đón Chúa trên không trung. Như thế, chúng ta sẽ được ở cùng Chúa mãi mãi. ¹⁸ Vậy anh em hãy dùng những lời ấy mà an ủi nhau.

Tinh thức chờ ngày Chúa quang lâm

5 * ¹ Thưa anh em, về ngày giờ và thời kỳ

Chúng ta sẽ được ở cùng Chúa mãi mãi (c.17). Đây là điều chính yếu, là điều luôn luôn xác thực, ngay cả khi ta không còn nghĩ rằng trong biến cố ấy, Chúa Giê-su sẽ ngự xuống trên một đám mây xinh đẹp, trong tiếng kèn trời vang lên nữa. Chúng ta đã có những lần cảm nghiệm sự hiện diện của Chúa trong cuộc sống trần gian cát bụi của mình, nhưng lúc bấy giờ sẽ không còn gì khác nữa ngoài sự hiện diện và niềm vui ấy.

Sứ điệp hy vọng vẫn vôi này vẫn không làm sáng tỏ những câu hỏi quan trọng về vấn đề kẻ chết sống lại. Sau này, thánh Phao-lô sẽ lại bàn luận vấn đề này rộng rãi hơn ở 1 Cr 15. Ở đó, ngài cho thấy rằng sự phục sinh trước hết là một cuộc biến đổi toàn bộ hữu thể chúng ta, nhờ những năng lực phát xuất từ Chúa Ki-tô Phục Sinh.

Anh em hãy dùng những lời ấy mà an ủi nhau (c.18). Nghi thức cử hành lễ an táng trong Giáo Hội phải nhằm an ủi gia đình người quá cố, và tái khẳng định niềm tin vào ơn phục sinh. Trong đó không được có những lời lẽ tuyệt vọng mà chính Chúa Giê-su đã không tán thành (x. Mc 5,38-39), tuy điều đó thì dễ hiểu nơi những người nghĩ rằng chết là chia lìa vĩnh viễn. Một thánh lễ an táng không có gì hào nhoáng bên ngoài, nhưng toả ra bầu khí nguyện cầu tha thiết của cộng đoàn, sự bình an của thân quyến, thì luôn tác động mạnh đến những người không có đức tin.

Chúa đến, anh em không cần ai viết cho anh em. ² Vì chính anh em đã biết rõ : ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm ban đêm. ³ Khi người ta nói : “Bình an biết bao, yên ổn biết bao !”, thì lúc ấy tai họa sẽ thành linh ập xuống, tựa cơn đau chuyển bụng đến với người đàn bà có thai, và sẽ chẳng có ai trốn thoát được.

⁴ Thưa anh em, anh em không ở trong bóng tối, để ngày ấy như kẻ trộm bắt chợt anh em. ⁵ Vì tất cả anh em là con cái ánh sáng, con cái của ban ngày. Chúng ta không thuộc về đêm, cũng không thuộc về bóng tối. ⁶ Vậy

chúng ta đừng ngủ mê như những người khác, nhưng hãy tỉnh thức và sống tiết độ. ⁷ Ai ngủ, thì ngủ ban đêm ; ai say sưa, thì say sưa ban đêm. ⁸ Nhưng chúng ta, chúng ta thuộc về ban ngày, nên hãy sống tiết độ, mặc áo giáp là đức tin và đức mến, đội mũ chiến là niềm hy vọng ơn cứu độ. ⁹ Vì Thiên Chúa đã không định cho chúng ta phải chịu cơn thịnh nộ, nhưng được hưởng ơn cứu độ, nhờ Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, ¹⁰ Đấng đã chết vì chúng ta, để đầu thức hay ngủ, chúng ta cùng sống với Người. ¹¹ Vì thế, anh em hãy an ủi nhau và xây dựng cho

* 5,1 Chúa Ki-tô đến vào giữa đêm, và người tín hữu là con cái ánh sáng. Đây là cả một dụ ngôn. Những ai ngủ theo các bản năng xấu xa của họ thì thuộc về bóng tối, họ núp ẩn để làm điều xấu, “ném đá giấu tay”. Con cái ánh sáng thì trái lại, không có gì đáng trách, họ sống trong sáng trước mặt Thiên Chúa, không có gì phải giấu giếm. Người không có đức tin đi ngủ cách vô tư lự, trong khi người tín hữu lại tỉnh thức : họ thích cầu nguyện ban đêm, như để ngóng chờ ngày Chúa Ki-tô quang lâm bùng lên cùng với một ngày mới.

Còn những người đã chết thì không chết thật, nhưng chỉ *ngủ* (c.10), sẵn sàng thức dậy khi Chúa đến.

Anh em hãy an ủi nhau và xây dựng cho nhau (c.11). Hội Thánh là cộng đoàn đích thực mà người tín hữu cần đến để lớn lên trong đức tin và vượt qua các thử thách. Khi gặp khó khăn, cảnh anh em giúp đỡ nhau là một dấu hiệu của tình yêu Thiên Chúa và tình yêu Chúa Ki-tô, một tình yêu không bao giờ thiếu vắng, như đã nói ở những dòng đầu của bức thư.

Theo c.12, chỉ sau ba tháng đón nhận Tin Mừng, cộng đoàn này đã có những người lãnh đạo.

nhau, như anh em vẫn làm.

Một vài đòi hỏi của đời sống cộng đoàn

¹² Thưa anh em, chúng tôi xin anh em hãy quý trọng những ai đang vất vả vì anh em, để lãnh đạo anh em nhân danh Chúa và khuyên bảo anh em. ¹³ Hãy lấy tình bác ái mà hết lòng tôn kính những người ấy, vì công việc họ làm. Hãy sống hoà thuận với nhau.

¹⁴ Thưa anh em, chúng tôi khuyên nhủ anh em : hãy khuyên bảo người vô kỷ luật, khích lệ kẻ nhút nhát, nâng đỡ người yếu đuối, và kiên nhẫn với mọi người. ¹⁵ Hãy coi chừng : đừng có ai lấy ác báo ác, nhưng hãy luôn luôn cố gắng làm điều thiện cho nhau cũng như cho mọi người.

¹⁶ Anh em hãy vui mừng luôn mãi ¹⁷ và cầu nguyện không ngừng. ¹⁸ Hãy tạ ơn trong mọi hoàn cảnh. Anh em hãy làm như vậy, đó là điều Thiên Chúa muốn trong Đức Ki-tô Giê-su.

* ¹⁹ Anh em đừng dập tắt Thần Khí. ²⁰ Chớ khinh thường ơn nói tiên tri. ²¹ Hãy cân nhắc mọi sự : điều gì tốt thì giữ ; ²² còn điều xấu dưới bất cứ hình thức nào thì lánh cho xa.

Lời cầu nguyện và lời chào cuối thư

²³ Nguyện chính Thiên Chúa là nguồn mạch bình an, thánh hoá toàn diện con người anh em, để thần trí, tâm hồn và thân xác anh em, được gìn giữ vẹn toàn, không gì đáng trách, trong ngày Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, quang lâm. ²⁴ Đáng kêu gọi anh em là Đấng trung thành :

* 5,19 Anh em đừng dập tắt Thần Khí (c.19). Một cộng đoàn như cộng đoàn Thê-xa-lô-ni-ca này, với rất ít truyền thống, ít giáo huấn được viết ra, thì phải tùy thuộc rất nhiều vào các can thiệp của Thần Khí. Có thể một vài Ki-tô hữu đã nhận được ơn nói tiên tri và những hiện tượng "thần thông" trong các buổi cộng đoàn cử hành Thánh Thể. Vì thế, thánh Phao-lô khuyên nên biết vận dụng những lợi ích từ các thông điệp thiêng liêng ấy, miễn là có nhận định, cứu xét, như ngài sẽ nhắc lại trong 1 Cr 14. Ở đây có một điều tế nhị phải xử cho khéo : một đảng cộng đoàn phải vâng phục Thần Khí nói qua miệng ngôn sứ, đảng khác cộng đoàn và các vị lãnh đạo cộng đoàn lại phải cân nhắc để xem đó có phải là Thần Khí của Thiên Chúa hay không.

Người sẽ thực hiện điều đó.

²⁵ Thưa anh em, xin anh em cũng cầu nguyện cho chúng tôi nữa. ²⁶ Tất cả anh em hãy hôn chào nhau một cách thánh thiện.

²⁷ Nhân danh Chúa, tôi yêu cầu đọc thư này cho tất cả các anh em.

²⁸ Chúc anh em được đầy ân sủng của Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta.

...để thần trí, tâm hồn và thân xác anh em được gìn giữ vẹn toàn...

(c.23). Người Do-thái và phần đông người Hy-lạp không có chung cùng một định nghĩa về con người như người châu Âu, là thể xác và tâm hồn. Cùng một lúc, họ nói đến “tâm hồn” (đem sự sống cho thể xác và làm cho thể chất con người hoạt động) và “thần trí” (là phần thuộc “thế giới của Thượng Đế” hay “cõi thiêng các ý niệm”).

Cách diễn ý của thánh Phao-lô, cũng như của các bậc thầy thiêng liêng Ki-tô giáo, ủng hộ quan niệm này. Khi thánh Phao-lô đề cập đến đời sống nội tâm sâu xa của các tín hữu, ngài không dùng từ ngữ “tâm hồn, linh hồn” mà là “tinh thần, thần trí”. Con người đối diện với Thiên Chúa không phải như đối diện với một người đối thoại, vì hai người nhìn nhau từ bên ngoài. Có lẽ phải hiểu tương quan ấy tương tự tương quan liên kết hai người yêu nhau : một cách nào đó, họ cùng sống người này trong trái tim người kia.

Theo Kinh Thánh, Thần Khí Thiên Chúa hiện diện khắp nơi, thâm nhập tất cả, biến hoá, trở nên thần trí của chúng ta mà vẫn luôn là thuần nhất và không bị tha hoá. Thần trí của tôi không phải là một phần của tôi, nó là tôi, là tôi mở rộng lòng tôi ra cho Thiên Chúa. Tâm hồn chúng ta biểu hiện bằng nhiều cách thức khác nhau, chẳng hạn trong giấc mơ. Trái lại, chúng ta chỉ khám phá ra thần trí của mình theo những kinh nghiệm mình có được với Thiên Chúa. Chỉ khi chúng ta nhìn thấy Thiên Chúa, chúng ta mới biết con người thật của mình.

THƯ 2

GỬI TÍN HỮU THÊ-XA-LÔ-NI-CA

DẪN NHẬP

Thư thứ nhất gửi tín hữu Thê-xa-lô-ni-ca đã cho chúng ta thấy rõ vấn đề đợi chờ Chúa Ki-tô quang lâm có tầm quan trọng như thế nào trong lời rao giảng của thánh Phao-lô.

Niềm hy vọng vào Ngày của Chúa Ki-tô là một động lực mạnh mẽ nuôi dưỡng đức tin các Ki-tô hữu tiên khởi. Tuy nhiên, nó cũng có thể dẫn đến một trạng thái kích động bệnh hoạn. Dường như Hội Thánh Thê-xa-lô-ni-ca đã bị chứng bệnh thường gặp thấy trong các nhóm thiểu số bị bách hại : mong ngày tận thế đến sẽ giải quyết hết mọi vấn đề, một trạng thái chỉ làm chao đảo đời sống Ki-tô hữu vào thời ấy.

Trong bức thư này, thánh Phao-lô cố trấn tĩnh cộng đoàn.

Nhưng thật ra, bức thư này có phải là tiếng nói của chính Phao-lô không ?

Đây là câu hỏi đã dấy lên nhiều nghi vấn. Một số người cho rằng tác giả chỉ có một điều trần trở, và cũng là trọng tâm của bức thư, đó là lời cảnh báo về sự xuất hiện của tên Phản Ki-tô và giờ Xét Xử của Thiên Chúa. Các người ấy thấy điểm này đi ngược lại với đoạn nói về sự phục sinh trong bức thư thứ nhất, và theo họ thì bức thư này là của một Phao-lô khác. Phần còn lại, tác giả ẩn danh này chỉ làm công việc chép và sửa lại chút ít nội dung của bức thư trước thôi.

Đúng là có nhiều lý do để nghi ngờ, nhưng nếu vậy thì phải chọn một lập trường cho điểm sau đây : có phải thư này đã được viết ít lâu sau thư trước, không có sự chấp thuận của thánh Phao-lô và phải nói dối ở cuối thư, hay là được viết sau một thời

gian dài, khi thánh nhân đã qua đời, để đối phó với những vấn đề mới, và phải nại vào uy tín của ngài ? Xét cho cùng thì chúng ta đứng trước những khó khăn không có giải đáp.

Vậy đơn giản hơn hết là hiểu theo truyền thống đã từ lâu cho rằng bức thư này đã được gửi đi ít lâu sau bức thư thứ nhất. Và lại, khi thu thập các thư thánh Phao-lô vào cuối thế kỷ 1, người ta thấy các thư này nằm chung trong một tập duy nhất. Cũng không khó gì nếu muốn kiểm tra lại để cho thấy rằng chủ đề của bức thư –hăm bót đi lòng hăm hở mong đợi

Ngày Chúa đến (ch.2)– không hề mâu thuẫn với điều thánh Phao-lô viết về sự sống lại ở 1 Tx 4,14. Sau câu này, 1 Tx 5,1 không ngầm hiểu là Chúa gần đến, trái lại : thánh Phao-lô muốn duy trì niềm mong đợi mà không để xao lãng cuộc sống hằng ngày.

Trong 2 Tx, viết ít lâu sau 1 Tx, thánh nhân buộc lòng nói ngọt hơn đôi chút với độc giả của ngài, nhất là ở ch.3, ngài sẽ thêm vài câu khá cương quyết. Thế nên có những chỗ lặp lại những lời khen ngợi đã được viết ở đâu bức thư trước.

THƯ 2

GỬI TÍN HỮU THÊ-XA-LÔ-NI-CA

Lời mở đầu

1 * ¹ Chúng tôi là Phao-lô, Xin-va-nô và Ti-mô-thê, kính gửi Hội Thánh Thê-xa-lô-ni-ca ở trong Thiên Chúa là Cha chúng ta, và trong Chúa Giê-su Ki-tô. ² Xin Thiên Chúa là Cha và xin Chúa Giê-su Ki-tô ban cho anh em ân sủng và bình an.

Tạ ơn và khuyến khích. Thiên Chúa thưởng phạt ngày sau hết.

³ Thưa anh em, chúng tôi phải luôn luôn tạ ơn Thiên Chúa về anh em : đó là điều phải lẽ, vì lòng tin của anh em đang phát

triển mạnh, và nơi tất cả anh em, lòng yêu thương của mỗi người đối với người khác cũng gia tăng. ⁴ Bởi thế, chúng tôi hãnh diện về anh em trước mặt các Hội Thánh của Thiên Chúa, vì anh em kiên nhẫn và có lòng tin mỗi khi bị bắt bớ hay gặp cảnh gian truân. ⁵ Đó là dấu cho thấy Thiên Chúa xét xử công minh : anh em sẽ được coi là xứng đáng tham dự Nước Thiên Chúa, chính vì Nước Thiên Chúa mà anh em chịu đau khổ.

* ⁶ Quả là điều công minh, nếu Thiên Chúa trả báo, nghĩa là bắt những kẻ

* 1,1 Chúng ta lại tìm thấy các chủ đề như trong 1 Tx : một cộng đoàn bị bách hại ; nền tảng của đời sống Ki-tô hữu : tin, cậy (hay kiên trì), mến ; Ngày của Chúa Ki-tô.

* 1,6 Khi các Tông Đồ ngộ lời với dân ngoại, các ngài luôn nhấn mạnh đến ngày phán xét của Thiên Chúa (Rm 1,18 ; Cv 17,31). Thật vậy, những người ngoại này chưa bao giờ nghĩ rằng họ sẽ bị phán xét vào cuối đời. Gần một thế kỷ nay, trong phần lớn xã hội phương tây, người ta có khuynh hướng lơ đi vấn đề phán xét, để phản ứng lại thái độ trước kia người ta quá nhấn mạnh đến điều ấy và run sợ sẽ bị trừng phạt. Nhưng việc rao giảng Tin Mừng cho người "ngoại" thời nay có lẽ đòi hỏi phải nói như thời thánh Phao-lô chẳng, vì đôi khi lương tâm của những người này chưa hề được thức tỉnh trong gia đình của họ.

gây gian truân cho anh em phải chịu gian truân, ⁷ và cho anh em, những kẻ gặp gian truân, được nghỉ ngơi với chúng tôi. Việc ấy sẽ xảy ra, khi Chúa Giê-su từ trời xuất hiện cùng với các thiên thần hùng mạnh của Người, ⁸ *trong ngọn lửa cháy bừng, để báo oán những kẻ không chịu nhận biết Thiên Chúa* và những kẻ không vâng theo Tin Mừng của Chúa chúng ta là Đức Giê-su. ⁹ Những kẻ ấy sẽ lãnh án diệt vong muôn đời, *xa thánh nhan Chúa và quyền năng vinh hiển của Người*, ¹⁰ khi Người đến, trong ngày ấy,

để được tôn vinh giữa các thần thánh của Người, và được ngưỡng mộ giữa mọi kẻ đã tin, mà anh em cũng đã tin lời chứng của chúng tôi.

¹¹ Vì thế, lúc nào chúng tôi cũng cầu nguyện cho anh em : xin Thiên Chúa chúng ta làm cho anh em được xứng đáng với ơn gọi, và xin Người dùng quyền năng mà hoàn thành mọi thiện chí của anh em và mọi công việc anh em làm vì lòng tin. ¹² Như vậy, danh của Chúa chúng ta là Đức Giê-su, sẽ được tôn vinh nơi anh em, và anh em được tôn vinh nơi

Nhận thức được rằng thiện và ác cùng hiện hữu, rằng cuộc sống chuẩn bị cho ơn cứu độ (hoặc sự hư mất) vĩnh viễn, và Thiên Chúa phán xét mọi người, là những điều căn bản cần thiết cho đời sống Kitô hữu. Chính chân lý này là cái mà nhiều người tìm cách tránh né ; chẳng hạn họ nói Thiên Chúa chỉ thuần là Yêu Thương, như thể Tình Yêu của Thiên Chúa tự thân không đòi phải thiêu hủy đi hết mọi thứ ích kỷ và bất toàn vậy.

Quả là điều công minh, nếu Thiên Chúa trả báo (c.6). Chúng ta đừng quên rằng hai thư Tx là những bức thư cổ nhất của thánh Phao-lô. Cho dù ngài có bốn phạm phải nhắc đến cuộc phán xét, như các ngôn sứ và chính Chúa Giê-su đã làm, nhưng lòng khát khao đức công chính của ngài có lẽ chưa được hoàn toàn luyện sạch khỏi mọi hình thức bạo động. Hình thức bạo động chống lại kẻ ác này đã từng hỗ trợ lòng tin (và hiện nay trong nhiều tôn giáo vẫn còn là thế), nhưng Chúa Giê-su mời gọi chúng ta hãy bỏ đi thái độ đó (Mt 13,29).

Chúa Giê-su từ trời xuất hiện (c.7). Vào đầu thời đại các Tông Đồ, người ta tin rằng Ngày của Chúa gần đến, và cuộc phán xét (cuối cùng) sẽ khai mở triều đại của Chúa Cha (1 Cr 15,24). Ngày nay, chúng ta cho rằng điều ấy không hẳn là sắp sửa xảy đến, và chúng ta ứng nghĩ đến cuộc phán xét riêng hơn : mỗi người sẽ chịu xét xử sau khi chết.

Người, chiếu theo ân sủng của Thiên Chúa chúng ta và của Chúa Giê-su Ki-tô.

Ngày Chúa quang lâm và những gì xảy ra trước đó

2 * ¹ Thưa anh em, về ngày Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, quang lâm và tập hợp chúng ta về với Người, tôi xin anh em điều này : ² nếu có ai bảo rằng chúng tôi đã được thần khí mặc khải, hoặc đã nói, đã

viết thư quả quyết rằng ngày của Chúa gần đến, thì anh em đừng vội để cho tinh thần dao động, cũng đừng hoảng sợ. ³ Đừng để ai lừa dối anh em bất cứ cách nào.

Trước đó, phải có hiện tượng chối đạo, và người ta phải thấy xuất hiện người gian ác, đưa hư hỏng. ⁴ Tên đối thủ tôn mình lên trên tất cả những gì được gọi là thần và được sùng

* **2,1** *Anh em đừng hoảng sợ* (c.2). Điều xảy ra ở Thê-xa-lô-ni-ca là điều vẫn thường gặp thấy trong các cộng đoàn bị bách hại : người ta có khuynh hướng chạy trốn thực tại. Họ đồn đại rằng Chúa sắp quang lâm, thế rồi hy vọng biến thành cuồng loạn. Vì thế, thánh Phao-lô nhắc lại cho họ một số chân lý không có gì là mới mẻ, vì Cựu Ước cũng đã hơn một lần nói tới những cơn khủng hoảng xảy đến trước ngày phán xét. Chúng ta không thể hiểu theo nghĩa đen tất cả những gì các ngôn sứ đã nói về vấn đề này, vì các ngài dùng những hình ảnh của thời đại mình mà nói. Tuy nhiên, các ngài đều đồng bộ loan báo sẽ có những thời kỳ rất cam go cho những người tin Chúa, cũng như kẻ thù Thiên Chúa sẽ được xem là phe chiến thắng trong một thời gian dài. Chúa Giê-su đã không phủ nhận các điều ấy.

Trước đó, phải có hiện tượng chối đạo (c.3). Trước khi Chúa Ki-tô quang lâm, sẽ có hiện tượng *chối đạo*, nghĩa là trên toàn thế giới, người ta sẽ chối bỏ đức tin.

Một tên Phản Ki-tô sẽ đến. Thật ra, thời đại nào cũng thấy có những tên Phản Ki-tô : 1 Ga 2,18. Tuy nhiên, vào thời cuối cùng, sẽ có một tên Phản Ki-tô điển hình hơn các tên đã đến trước. Chúa Ki-tô sẽ trở lại vào thời mà Hội Thánh xem ra bị đánh quỵ.

Anh em biết cái gì hiện đang cầm giữ nó (c.6). Đối với chúng ta, câu này thật là tối nghĩa. Thánh Phao-lô thì hiểu việc *chối đạo* này đang xảy ra ở các quốc gia đã đón nhận Tin Mừng rồi, và sức mạnh sự ác đang hoành hành trong các xứ ấy (c.7). Tuy nhiên, có lẽ thánh Phao-lô suy tư theo lối các tác giả "khải huyền", tác giả của một số tác phẩm trong Kinh Thánh (chẳng hạn Ed 38-39 ; Đn 2-10) : mọi sự sẽ xảy ra đúng thời đúng buổi như Thiên Chúa đã định, và mỗi tác nhân trong lịch sử sẽ có thời của nó để thể hiện cái vốn thiện và ác mà nó mang nơi mình.

bái, thậm chí nó còn *ngồi* trong Đền Thờ *Thiên Chúa* và tự xưng là Thiên Chúa. ⁵ Khi tôi còn ở với anh em, tôi đã từng nói những điều ấy, anh em không nhớ sao ? ⁶ Anh em biết cái gì hiện đang cầm giữ nó, khiến nó sẽ chỉ xuất hiện được vào thời của nó. ⁷ Thật vậy, mầu nhiệm của sự gian ác đang hoành hành. Chỉ đợi người cầm giữ nó bị gạt ra một bên, ⁸ bấy giờ tên gian ác sẽ xuất hiện, kẻ mà Chúa Giê-su sẽ *giết chết bằng hơi thở từ miệng Người*, và sẽ tiêu diệt bằng ánh huy hoàng, khi Người quang lâm.

⁹ Còn việc tên gian ác xuất hiện là do tác động

của Xa-tan, có kèm theo đủ thứ phép mầu, dấu lạ, điềm thiêng, ¹⁰ và đủ mọi mưu gian chước dối, nhằm hại những kẻ phải hư mất, vì đã không đón nhận lòng yêu mến chân lý để được cứu độ. ¹¹ Vì thế Thiên Chúa gửi đến một sức mạnh mê hoặc làm cho chúng tin theo sự dối trá ; ¹² như vậy, tất cả những kẻ không tin sự thật, nhưng ưa thích sự gian ác, thì sẽ bị kết án.

Khuyên nhủ kiên trì

¹³ Hỡi anh em là những kẻ được Chúa yêu mến, chúng tôi phải luôn luôn tạ ơn Thiên Chúa về anh em, vì Thiên Chúa đã chọn anh em ngay từ lúc khởi

Hai yếu tố lịch sử này có lẽ đã từng được các sách Tin Mừng đề cập đến cùng một lúc : Tin Mừng được loan báo và Giê-ru-sa-lem bị phá huỷ (Mc 13,10.14). Có thể vì chưa thấy hai yếu tố này xảy ra, đặc biệt yếu tố thứ hai, mà thánh Phao-lô nghĩ là tên Phán Ki-tô đang còn bị *cầm giữ*.

Thánh Phao-lô không thể ngờ được rằng “thời của dân ngoại” mà Lc 21,24 đã đề cập đến phải kéo dài ngần ấy thời gian ; ngài chỉ tính năm, không tính thế kỷ. Nhưng chúng ta cũng nên học quan niệm của ngài về ngày tận thế : tất cả những gì thuộc lịch sử nhân loại phải chín muồi ; lịch sử sẽ kết thúc trong một cơn biến động cuối cùng dậy lên từ những tà tâm ngạo mạn quỷ quyệt. Toàn thế giới sẽ trải qua một cuộc đối chất để xét xem ai đã tin, ai đã từ chối Tin Mừng.

Thiên Chúa gửi đến một sức mạnh mê hoặc (c.11). Một lần nữa, chúng ta đọc thấy một cách nói trong tiếng Híp-ri phải được dịch là : “Thiên Chúa để mặc cho các sức mạnh dối trá hoành hành.” Ngày nay, trong giới người tài trí không đón nhận đức tin, người ta cả tin và mê tín quá đỗi !

đầu, để cứu độ anh em nhờ Thần Khí thánh hoá và nhờ lòng tin vào chân lý.

¹⁴ Chính vì thế mà Người đã dùng Tin Mừng chúng tôi loan báo mà kêu gọi anh em, để anh em được hưởng vinh quang của Chúa chúng ta là Đức Giê-su Ki-tô. * ¹⁵ Vậy, thưa anh em, anh em hãy đứng vững và nắm giữ các truyền thống chúng tôi đã dạy cho anh em, bằng lời nói hay bằng thư từ. ¹⁶ Xin chính Chúa chúng ta là Đức Giê-su Ki-tô, và xin Thiên Chúa là Cha chúng ta, Đấng yêu thương chúng ta và đã dùng ân sủng mà ban cho chúng ta niềm an ủi bất diệt và niềm cậy trông tốt đẹp, ¹⁷ xin các Ngài an ủi và cho tâm hồn

anh em được vững mạnh, để làm và nói tất cả những gì tốt lành.

3 ¹ Sau cùng, thưa anh em, xin anh em cầu nguyện cho chúng tôi, để lời Chúa được phổ biến mau chóng và được tôn vinh, như đã thấy nơi anh em. ² Xin cũng cầu nguyện cho chúng tôi được thoát khỏi tay người độc ác xấu xa, bởi vì không phải ai cũng có đức tin. ³ Nhưng Chúa là Đấng trung tín : Người sẽ làm cho anh em được vững mạnh, và bảo vệ anh em khỏi ác thần. ⁴ Trong Chúa, chúng tôi tin tưởng vào anh em : anh em đang làm và sẽ làm những gì chúng tôi truyền. ⁵ Xin Chúa hướng dẫn tâm hồn anh em, để anh

* 2,15 Như trong 1 Tx 4, ở đây thánh Phao-lô kêu gọi Hội Thánh Thê-xa-lô-ni-ca nghe theo những lời khuyên và quy luật ngài đã đề ra. Ngài nhắc lại một cách nghiêm khắc hơn về bốn phận phải lao động (x. 1 Tx 4,11) : nếu mọi người đều lao động, cộng đoàn sẽ được ổn định hơn.

Lưu ý cách dùng từ *truyền thống* (2,15). Truyền thống là những tập quán và giáo huấn được truyền đạt từ thế hệ này sang thế hệ khác. Mỗi cộng đoàn cũng có những tập quán, những nghi thức và một lối sống riêng mà người ta đón nhận khi gia nhập, như ta nói “nhập gia tỳ tục”.

Chúa Giê-su đã từng lên án các người Pha-ri-sêu đề cao quá đáng các truyền thống của họ, đến độ huỷ bỏ các điều răn của Thiên Chúa (x. Mc 7,5). Tuy nhiên, trong suốt thời gian sống chung với các môn đệ của mình, Người đã dạy cho họ một cách cầu nguyện, một cách thức hành động và sống cộng đoàn. Chính theo nghĩa đó mà thánh Phao-lô nói đến *truyền thống* ở đây (x. phần bình giải Mc 7,1).

em biết yêu mến Thiên Chúa và biết chịu đựng như Đức Ki-tô.

Đề phòng lối sống vô kỷ luật : cơn sốt quang lâm !

⁶ Thưa anh em, nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô, chúng tôi truyền cho anh em phải xa lánh mọi người anh em sống vô kỷ luật, không theo truyền thống anh em đã nhận được từ nơi tôi.

⁷ Chính anh em thừa biết là anh em phải bắt chước chúng tôi thế nào. Khi ở giữa anh em, chúng tôi đã không sống vô kỷ luật. ⁸ Chúng tôi đã chẳng ăn bám ai, trái lại đêm ngày đã làm lưng khó nhọc vất vả, để khỏi nên gánh nặng cho người nào trong anh em. ⁹ Không phải là vì chúng tôi không có quyền hưởng sự giúp đỡ, nhưng là để nêu gương cho anh em bắt chước.

¹⁰ Thật vậy, khi còn ở với anh em, chúng tôi đã chỉ thị cho anh em : ai không chịu làm thì cũng đừng ăn ! ¹¹ Thế mà chúng tôi nghe nói : trong anh em có một số người sống vô kỷ luật, chẳng làm việc

gì, mà việc gì cũng xen vào. ¹² Nhân danh Chúa Giê-su Ki-tô, chúng tôi truyền dạy và khuyên nhủ những người ấy hãy ở yên mà làm việc, để có của nuôi thân.

¹³ Phần anh em, hãy làm việc thiện, đừng sờn lòng nản chí ! ¹⁴ Nếu có ai không vâng theo lời chúng tôi nói trong thư này, anh em hãy ghi lấy tên và đừng giao du với người ấy, để họ biết xấu hổ. ¹⁵ Nhưng đừng coi họ như thù địch, trái lại hãy khuyên bảo như người anh em.

Lời cầu nguyện và lời chào cuối thư

¹⁶ Chúa là nguồn mạch bình an, xin Người ban cho anh em được bình an mọi lúc và về mọi phương diện. Xin Chúa ở cùng tất cả anh em.

¹⁷ Chính tôi, Phao-lô, tự tay viết lời chào này. Đó là chữ ký trong tất cả các thư của tôi. Tôi viết như thế đó. ¹⁸ Chúc tất cả anh em được đầy ân sủng của Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta.

THƯ 1 GỬI ÔNG TI-MÔ-THÊ

DẪN NHẬP

Những đổi thay về văn hoá trong tất cả mọi lãnh vực của cuộc sống cũng ảnh hưởng đến Hội Thánh. Các tín điều và cách sống đạo mà chúng ta đã được dạy đâu phải nhất nhất đều phát xuất từ Chúa Ki-tô, và vì thế nhiều điều có thể thay đổi. Tuy nhiên, đức tin chân chính có nguy cơ bị sai lệch. Vậy đâu là quy luật đức tin mà tất cả mọi tư tưởng của chúng ta phải quy phục ?

Vấn đề này đã nảy sinh trong Hội Thánh từ những năm 64-67, khi hai thánh Phê-rô và Phao-lô tử vì đạo tại Rô-ma. Trong Hội Thánh, đặc biệt là ở phương Tây, không còn có những chứng nhân đủ khả năng rao giảng cả về việc làm và lời giảng dạy của Chúa Ki-tô nữa. Đón nhận sứ điệp Ki-tô giáo là điều rất khó đối với người Hy-lạp cũng như người Do-thái, và ngay cả những

người đầy thiện chí trong số những người nghe đã hiểu sứ điệp ấy qua cách suy nghĩ của mình, làm sai lệch ít nhiều sứ điệp ấy theo mức độ những thành kiến của thời đại, cũng giống như chúng ta ngày nay.

Đây là cơ hội cho những người thích tranh luận kể chuyện lại theo một cách thức mà họ cho là tốt hơn cách thức các Tông Đồ, nói cả những điều mà các ngài không hề nói, và thậm chí một số người còn tự tiện đem giáo lý riêng của mình ra mà dạy nữa. Việc noi gương Chúa Ki-tô đã có thể bị thay thế bằng những giáo thuyết và giảng thuyết một cách nhanh chóng biết chừng nào !

Nhanh đến độ các môn đệ các thánh Tông Đồ phải bảo vệ giáo lý mà họ đã nhận lãnh từ các ngài. Đồng thời, họ còn phải thận trọng trong việc chọn

lựa và đào tạo những thừa tác viên của Hội Thánh, để những người này sẽ bảo tồn sứ điệp nguyên tuyền. Đây là những mối bận tâm mà chúng ta gặp thấy trong các thư gửi ông Ti-mô-thê và ông Ti-tô.

Những thư cùng có một nguồn gốc như nhau này được xem là của thánh Phao-lô. Nhưng cả lời văn lẫn nội dung đều cho thấy không phải là của thánh nhân. Chắc các thư ấy đã được viết trong hoàn cảnh bức xúc mà chúng ta vừa nêu trên, vào những năm 90-100. Lấy danh nghĩa của thánh Phao-lô để đưa ra giáo huấn này của Hội Thánh là điều mà người ta nghĩ là có lợi, và chắc chắn một số đoạn thư mang tính cá nhân hơn của thánh Phao-lô đã được ghép vào : trong nhiều đoạn, quả là chúng ta gặp thấy những lời thánh Phao-lô khuyên nhủ hai ông Ti-mô-thê và Ti-tô, hoặc một ai khác trong những vị trợ tá của ngài.

Ba lá thư gửi cho ông Ti-mô-thê và ông Ti-tô được gọi là thư mục vụ vì được gửi cho các vị chủ chăn của Hội Thánh. Còn có

một lý do khác ít được biết đến làm cho tiêu đề này xứng đáng thật sự. Các thư ấy được viết cho những người đại diện của thánh Phao-lô : mặc dầu những người này không được mang danh hiệu là tông đồ, nhưng các ngài như là những thừa tác viên lưu động và có thẩm quyền trên các Hội Thánh địa phương. Các ngài được nhắc nhở lý tưởng truyền giáo của mình vì đã cống hiến cuộc đời cho Chúa Kitô và cho việc rao giảng Lời Chúa. Đồng thời các ngài cũng có nhiệm vụ coi sóc các thừa tác viên địa phương của Hội Thánh. Dù là giám quản, kỳ mục hay là trợ tá, các ngài đều được cộng đoàn tuyển chọn và dành một phần thời giờ lo việc lãnh đạo và giảng dạy anh chị em ; các ngài cũng cử hành các bí tích của Hội Thánh : thánh tẩy, bẻ bánh và xức dầu bệnh nhân.

Vậy ở đây chúng ta tìm thấy hai dạng thừa tác vụ bổ túc cho nhau để thành các công tác mục vụ. Dạng thứ nhất, tiêu biểu là hai ông Ti-mô-thê và Ti-tô, mở rộng công cuộc truyền giáo

của các Tông Đồ, theo mô hình đời sống thánh hiến của các ngài cũng như được thừa hưởng uy quyền của các ngài. Dạng thứ hai là các thừa tác viên được tôi luyện trong cộng đoàn đã cắt cử họ. Ngày nay chúng ta nói đến những thừa tác viên giáo dân : họ vẫn là thành viên trong gia đình và cộng đoàn của họ, mặc dù đã được nhậm chức do việc đặt tay và

được thẩm quyền tông đồ phê chuẩn hoặc chấp nhận. Chúng ta sẽ cố gắng tìm hiểu tính chất bổ sung này, bởi vì trong quá trình tiếp theo sau đó, Hội Thánh La-tinh đã thống nhất những thừa tác vụ rất khác nhau và đã có mặt hàng mấy thế kỷ ấy vào một khuôn mẫu duy nhất là hàng giáo sĩ phẩm trật. Về điểm này, x. phân bình giải ở Ds 4,1 và Dt 9,1.

THƯ 1 GỬI ÔNG TI-MÔ-THÊ

Lời mở đầu

1 ¹ Tôi là Phao-lô, Tông Đồ của Đức Ki-tô Giê-su theo lệnh Thiên Chúa, Đáng cứu độ chúng ta, và theo lệnh Đức Ki-tô Giê-su, niềm hy vọng của chúng ta, ² gửi anh Ti-mô-thê, người con tôi đã sinh ra trong đức tin. Xin Thiên Chúa là Cha và xin Đức Ki-tô Giê-su, Chúa chúng ta, ban cho anh ân sủng, lòng thương xót và sự bình an.

Đề phòng giáo lý sai lạc

* ³ Khi đi Ma-kê-đô-ni-a, tôi đã khuyên anh ở lại Ê-phê-xô để anh truyền cho một số người dừng dạy một giáo lý khác, ⁴ cũng đừng chú ý đến những chuyện hoang đường và những gia phả dài dòng ; những cái đó chỉ gây ra tranh luận, chứ không đóng góp vào kế hoạch của Thiên Chúa mà đức tin cho chúng ta biết. ⁵ Lời truyền dạy đó phải nhằm

* 1,3 Chương thứ nhất tập hợp nhiều chủ đề khác nhau : thực tế thì chương này lặp lại những gì thánh Phao-lô đã nói trong các thư khác – đã được bình giải.

Ở đây, chúng ta chỉ ghi lại những gì liên quan đến các ngôn sứ giả. Bởi vì những người đã được thấy Chúa Ki-tô là các Tông Đồ đã qua đời, nên một số người quên rằng toàn bộ đức tin được đặt trên nền tảng lời giảng dạy của Chúa Ki-tô. Thay vì đọc và thật sự sống Tin Mừng, có những người đã bắt đầu tranh luận và tạo lập những giáo thuyết (x. Dẫn nhập thư gửi tín hữu Cô-lô-xê).

Lời truyền dạy (của chúng tôi) phải nhằm đưa tôi đức mến phát xuất từ tâm hồn trong sạch (c.5). Ông Ti-mô-thê phải cương quyết loại trừ những cuộc tranh luận làm suy yếu Hội Thánh và cản trở sự phát triển của đức ái cứu độ loài người. Thậm chí những cuộc chiến đẫm máu đã xảy ra là do những cuộc tranh luận tôn giáo vô bổ. Trọng tâm của đoạn thư chắc chắn là c.15 : Đức Giê-su Ki-tô đã đến thế gian để cứu những người tội lỗi. Những thầy dạy mới này cứ lo bảo trì giáo thuyết của họ thay vì đối phó với tội lỗi. Chính tội lỗi chúng ta là cái thực tại làm cho ân sủng Thiên Chúa ban là một ân sủng, và ơn cứu độ chúng ta lãnh nhận là một ơn cứu độ thật sự.

đưa tới đức mến phát xuất từ tâm hồn trong sạch, lương tâm ngay thẳng và đức tin không giả hình. ⁶ Vì đi trệch đường lối ấy, một số người đã sa vào tật nói rỗng tuếch. ⁷ Họ muốn làm thầy dạy luật, nhưng lại không hiểu cả điều mình nói lẫn điều mình xác quyết.

Vai trò của Lễ Luật

⁸ Chúng ta biết rằng Lễ Luật là tốt, nếu người ta sử dụng cho đúng cách. ⁹ Thật vậy, Lễ Luật có đó, không phải cho người công chính, mà là cho hạng người sống ngoài Lễ Luật và bất phục tùng, vô luân và tội lỗi, phạm thánh phạm thượng, giết cha giết mẹ, sát nhân, ¹⁰ dâm dật, kê gian, buôn người, nói dối, bội thề, và những kẻ sống ngược với giáo lý lành mạnh. ¹¹ Đó là giáo lý phù hợp với Tin Mừng đã được giao phó cho tôi, Tin Mừng về vinh quang của Thiên Chúa chí tôn.

Ông Phao-lô suy nghĩ về ơn gọi của mình

¹² Tôi tạ ơn Đức Ki-tô Giê-su, Chúa chúng ta, Đấng đã ban sức mạnh cho tôi, vì Người đã tín nhiệm

mà gọi tôi đến phục vụ Người. ¹³ Trước kia, tôi là kẻ nói lộng ngôn, bắt đạo và ngạo ngược, nhưng tôi đã được Người thương xót, vì tôi đã hành động một cách vô ý thức, trong lúc chưa có lòng tin. ¹⁴ Đức Ki-tô Giê-su, Chúa chúng ta, đã ban cho tôi đầy tràn ân sủng, cùng với đức tin và đức mến của một kẻ được kết hợp với Người.

¹⁵ Đây là lời đáng tin cậy và đáng mọi người đón nhận : Đức Ki-tô Giê-su đã đến thế gian, để cứu những người tội lỗi, mà kẻ đầu tiên là tôi. ¹⁶ Sở dĩ tôi được thương xót, là vì Đức Giê-su Ki-tô muốn tỏ bày tất cả lòng đại lượng của Người nơi tôi là kẻ đầu tiên, mà đặt tôi làm gương cho những ai sẽ tin vào Người, để được sống muôn đời. ¹⁷ Kính dâng Vua muôn thuở là Thiên Chúa bất diệt, vô hình và duy nhất, kính dâng Người danh dự và vinh quang đến muôn thuở muôn đời. A-men.

Trách nhiệm của ông Ti-mô-thê

¹⁸ Anh Ti-mô-thê, đó là chỉ thị tôi trao cho anh là người con của tôi, chiếu

theo các lời ngôn sứ trước đây đã nói về anh, để anh dựa vào đó mà chiến đấu trong cuộc chiến cao đẹp này, ¹⁹ với đức tin và lương tâm ngay thẳng. Một số người đã vứt bỏ lương tâm ngay thẳng đó, nên đức tin của họ đã bị chết chìm. ²⁰ Trong số đó có Hy-mê-nê và A-lê-xan-dê ; tôi đã trao nộp họ cho Xa-tan để họ được dạy cho biết chừng nói lộng ngôn nữa.

Lời kinh phụng vụ

2 * ¹ Trước hết, tôi khuyên ai nấy dâng lời cầu xin, khẩn nguyện, nài van, tạ ơn cho tất cả mọi người, ² cho vua chúa và tất cả những người cầm quyền, để chúng ta được an cư lạc nghiệp mà sống thật đạo đức và nghiêm chỉnh. ³ Đó là điều tốt và đẹp lòng Thiên Chúa, Đấng cứu độ chúng ta, ⁴ Đấng muốn cho mọi

* **2,1** Khi liệt kê những luật lệ cho từng hạng người tín hữu, chúng ta tìm thấy những luật lệ dành cho các buổi họp cộng đoàn với hai điểm nổi bật :

- cầu nguyện cho những người cầm quyền ;
- thái độ của phụ nữ trong nhà thờ.

Tôi khuyên ai nấy dâng lời cầu xin (c.1). Thánh Phao-lô muốn các Ki-tô hữu sống liên đới với đồng bào mình, hiếu với tổ quốc và cầu nguyện cho dân tộc. Tuy đây những tội lỗi và mê tín, thế giới ngoại giáo có lòng sùng kính những gì là linh thiêng. Tôn giáo đi kèm mọi hành động của họ. Điều này giải thích tại sao vài năm sau đó, người Ki-tô hữu bị bách hại, bị xem là quân giặc và phản quốc vì họ không thờ cúng hoàng đế và các thần của ông. Có lẽ việc cầu nguyện cho những người cầm quyền được nhấn mạnh là vì đoạn thư này được viết khi người Ki-tô hữu đã bị nghi ngờ rồi ; do đó cần phải xoá tan những mối nghi kỵ ấy.

Lòng tin vào Chúa Ki-tô không cản trở lòng trung hiếu với tổ quốc trừ khi tổ quốc bị biến thành thần tượng, và điều này xảy ra khi mà nhân danh tổ quốc, dân chúng buộc phải vâng lời nhà cầm quyền một cách mù quáng. Chúng ta không thể không phê bình những lỗi lầm của họ, nhưng cũng không thể ngừng xem là người ruột thịt những ai bất đồng ý kiến với mình.

Chúng ta phải *cầu nguyện cho những người cầm quyền*. Như thế có nghĩa là chúng ta không thể tìm chọn những người cầm quyền lương thiện hơn và tốt lành hơn hay sao ? Dĩ nhiên là có thể : x. Rm 13.

Cc. 9-14 liên quan đến phụ nữ, và để hiểu tại sao lá thư viết nghiêm khắc như vậy thì phải nhớ rằng lúc ấy người ta nói nhiều về tự do trong Hội Thánh, và đã có những lạm dụng.

người được cứu độ và nhận biết chân lý. ⁵ Thật vậy, chỉ có một Thiên Chúa, chỉ có một Đấng trung gian giữa Thiên Chúa và loài người : đó là một con người, Đức Ki-tô Giê-su, ⁶ Đấng đã tự hiến làm giá chuộc mọi người.

Điều này đã được chứng thực vào đúng thời đúng buổi. ⁷ Và để làm chứng về điều này, tôi được đặt làm người rao giảng và làm Tông Đồ –tôi nói thật chứ không nói dối– nghĩa là

làm thầy dạy các dân ngoại về đức tin và chân lý. ⁸ Vậy tôi muốn rằng người đàn ông hãy cầu nguyện ở bất cứ nơi nào, tay giơ lên trời, tâm hồn thánh thiện, không giận hờn, không xung khắc.

Khi họp cộng đoàn, người phụ nữ phải như thế nào ?

⁹ Cũng thế, tôi muốn người đàn bà phải ăn mặc đoan trang, đồ trang điểm phải kín đáo, giản dị : không phải là những kiểu tóc cầu kỳ, vàng bạc, ngọc

Đàng khác, chúng ta luôn gặp khó khăn khi chấp nhận các đòi hỏi của Tin Mừng trong lúc xã hội thì lại dạy khác. Cách Chúa Giê-su cư xử với phụ nữ là cả một cuộc cách mạng, một cuộc giải phóng, và ngay từ đầu, Hội Thánh đã noi theo gương Người (x. 1 Cr 7). Nhưng khó lòng tránh khỏi áp lực của xã hội đối với cộng đoàn muốn đưa phụ nữ trở về vị trí trước đây trong đời sống thường nhật của thời đó.

Trong lịch sử Hội Thánh nói chung, phẩm giá phụ nữ được tôn trọng và đã có nhiều sáng kiến đề cao họ ; tuy nhiên những thời kỳ nam nữ bình quyền thì lại hiếm thấy. Ở nhiều nơi, phụ nữ sống phóng khoáng vào thời Trung Cổ hơn là vào thời đại của chúng ta, trong tk XIX gần đây. Cũng thế, trong xã hội đô thị với đời sống giao thương phát triển, ngoài đời như trong đạo, phụ nữ chiếm một vị trí rất khác so với vị trí được dành cho họ trong những xã hội khép kín hơn.

Thật ra, một mình Hội Thánh không thay đổi được thế giới và xã hội cho đến ngày người ta hiểu biết được các thực tại nhân bản đầy đủ hơn.

Để chống lại việc giải phóng phụ nữ, đoạn này dựa vào những chứng cứ trong Kinh Thánh mà các thầy Do-thái thường dùng. Nó gọi nhó 1 Cr 11,1-10 và 14,34.

Thiên Chúa muốn cho mọi người được cứu độ (c.4). Thánh Phaolô lặp lại theo cách riêng của mình một đoạn trích những lời cuối cùng của Chúa Giê-su trong Tin Mừng Mát-thêu : Tin Mừng phải được rao giảng cho mọi người, cho mọi dân tộc. Có thể chỉ có một thiểu số sẽ tin thôi, nhưng loan báo Tin Mừng là điều cần thiết để toàn thể nhân loại có thể đạt tới mục tiêu Thiên Chúa đã định.

traï hay quần áo đắt tiền,¹⁰ nhưng là những việc lành ; như thế mới thích hợp với những người đàn bà xưng mình có lòng đạo đức.¹¹ Khi nghe lời dạy dỗ, đàn bà phải thình lạng và hết lòng phục tùng.¹² Tôi không cho phép đàn bà giảng dạy, hay thống trị đàn ông, trái lại họ phải thình lạng,¹³ vì A-đam được tạo dựng trước, rồi mới đến E-và.¹⁴ Cũng không phải A-đam đã bị dụ dỗ, nhưng là người đàn bà đã phạm tội, khi bị dụ dỗ.¹⁵ Tuy nhiên, người đàn bà sẽ được cứu nhờ sinh con cái, nếu kiên trì giữ đức tin, đức mến và sự thánh thiện, với lòng đơn sơ giản dị.

Các giám quản

3 *¹ Đây là lời đáng tin cậy : ai mong được làm giám quản, người ấy ước muốn một nhiệm vụ cao đẹp.² Vậy giám quản phải là người không ai chê trách được, chỉ có một đời vợ, tiết độ, chừng mực, nhã nhặn, hiếu khách, có khả năng giảng dạy ;³ người ấy không được

nghiện rượu, không được hiếu chiến, nhưng phải hiền hoà, không hay gây sự, không ham tiền,⁴ biết điều khiển tốt gia đình mình, biết dạy con cái phục tùng cách rất nghiêm chỉnh,⁵ vì ai không biết điều khiển gia đình mình, thì làm sao có thể lo cho Hội Thánh của Thiên Chúa được ?⁶ Người ấy không được là tân tòng, kéo lên mặt kiêu căng mà bị kết án như ma quỷ.⁷ Người ấy còn phải được người ngoài chứng nhận là tốt, kéo bị sỉ nhục và sa vào cạm bẫy ma quỷ.

Các trợ tá

⁸ Các trợ tá cũng vậy, phải là người đàng hoàng, biết giữ lời hứa, không rượu chè say sưa, không tìm kiếm lợi lộc thấp hèn ;⁹ họ phải bảo toàn mẫu nhiệm đức tin trong một lương tâm trong sạch.¹⁰ Họ phải được thử thách trước đã, rồi mới được thi hành chức vụ trợ tá, nếu không bị ai khiếu nại.¹¹ Các bà cũng vậy, phải là người đàng hoàng, không nói xấu, nhưng tiết độ,

* 3,1 Ở đây thánh Phao-lô nói với những người lãnh đạo, các vị giám quản và trợ tá (x. phần bình giải Tt 1,5 và Pl 1,1).

đáng tin cậy mọi bề. ¹² Các trợ tá phải là người chỉ có một đời vợ, biết điều khiến con cái và gia đình cho tốt. ¹³ Những ai thi hành chức vụ trợ tá cách tốt đẹp, thì được một chỗ danh dự, và được mạnh dạn nhiều nhờ lòng tin vào Đức Ki-tô Giê-su.

Mẫu nhiệm của đạo thánh

* ¹⁴ Tôi viết cho anh thư này, dù vẫn hy vọng sớm đến với anh. ¹⁵ Nhưng nếu tôi chậm trễ, thì thư này sẽ cho anh biết phải ăn ở thế nào trong nhà của Thiên Chúa, tức là Hội Thánh của Thiên Chúa hằng sống, cột trụ và điểm tựa của chân lý. ¹⁶ Phải công nhận rằng : mẫu nhiệm của đạo thánh thật là cao cả, đó là :

Đức Ki-tô xuất hiện trong thân phận người phàm,
 được Chúa Thánh Thần
 chứng thực là công chính ;
 Người được các thiên thần chiêm ngưỡng,
 và được loan truyền giữa muôn dân ;
 Người được cả hoàn cầu tin kính,
 được siêu thăng cõi trời vinh hiển.

* 3,14 Đoạn văn ngắn này nhắc nhở ta rằng : nếu quả thật chúng ta là người có trách nhiệm trong Hội Thánh Chúa, chúng ta đâu phải là người sáng lập cũng đâu phải là người làm chủ Hội Thánh. Hội Thánh được sinh ra do một sự can thiệp đầy xót thương của Thiên Chúa, khi Người quyết định Con Một Người phải cùng chung số kiếp với loài người, như được diễn đạt trong đoạn thư ngắn này.

Ở đây dùng từ *đạo thánh* (c.16), ở những chỗ khác dịch là “lòng đạo đức” (x. 2,2 ; 4,7 ; 6,3.5.6 ; 2 Tm 3,5 ; Tt 1,1). Ở c.16 này, cũng có nghĩa là “lòng nhân từ của Thiên Chúa.” Vào thời đó, từ này thường được dùng theo nghĩa là thái độ sống yêu thương đối với Chúa Cha và những người chung quanh, một đặc tính của người tín hữu chân chính chỉ muốn sống theo gương Chúa.

Hội Thánh là *cột trụ và điểm tựa của chân lý* (c.15). Chúng ta phải hiểu câu này theo quan niệm của thời đó : từ trên cao, từ một thế giới toàn là chân lý, Thiên Chúa đưa xuống trần gian Chân Lý của Người làm rường cột hay dấu chỉ hữu hình cho chúng ta dựa vào. Bất chấp những thất tín của mình, Hội Thánh vẫn được Thiên Chúa trọng dụng để bảo tồn trong thế giới ơn hiểu biết đích thực về Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Không có ơn hiểu biết này, con người không thể có tự do, và loài người không thể đạt tới mức trưởng thành.

Các người dạy giáo lý sai lạc

4 * ¹ Thần khí phán rõ ràng : vào những thời cuối cùng, một số người sẽ bỏ đức tin mà theo những thần khí lừa dối và những giáo huấn của ma quỷ ; ² đó là vì trò giả hình của những tên nói dối mà lương tâm như bị thối rữa sắt nung. ³ Họ cấm không được kết hôn và bắt phải

kiêng một số thức ăn ; thật ra, những thức ăn này là những thứ Thiên Chúa đã tạo dựng để các tín hữu, những kẻ đã nhận biết chân lý, được dùng trong tâm tình tri ân cảm tạ. ⁴ Thật vậy, tất cả những gì Thiên Chúa tạo dựng đều tốt, và không có gì phải loại bỏ, nếu biết dùng trong tâm tình tri ân cảm tạ, ⁵ vì lời Thiên Chúa

* 4,1 Sau khi các Tông Đồ qua đời, xuất hiện trong Hội Thánh những thầy dạy mới làm sai lạc đức tin.

Một trong những sai lầm của những người này là khinh thường tất cả những gì thuộc về thân xác : họ lên án hôn nhân, cấm ăn thịt và uống rượu. Về vấn đề hôn nhân, xem Dẫn nhập vào thư gửi tín hữu Cô-lô-xê. Đối với những người cho rằng vật chất là do quyền lực sự dữ mà ra trong khi linh hồn lại do Thiên Chúa là Đấng Tốt Lành, thì ai có con là đem giam vào những thân xác xấu xa những linh hồn sau đó cần phải được cứu độ. Vì vậy, điều họ lên án không phải là quan hệ tính dục mà là hôn nhân và việc truyền sinh. Coi thường thân xác và một luật tự nhiên đã được Thiên Chúa tạo dựng như thế thì không có chút gì là Ki-tô giáo cả (x. Cl 2,23).

Vào những thời cuối cùng (c.1) : Đây là thời kỳ bắt đầu từ ngày Chúa Giê-su phục sinh và kéo dài đến ngày Chúa đến lần thứ hai (Dt 1,2 ; Gc 5,7).

Thần khí phán rõ ràng. Các ngôn sứ của Hội Thánh thường tiên báo rằng có người sẽ đến rao giảng giáo thuyết riêng của họ chứ không phải đức tin chân chính.

Các tín hữu dùng (thức ăn) trong tâm tình tri ân cảm tạ (c.3). Ngay từ khởi đầu, các gia đình Ki-tô giáo đã có thói quen dâng lời tạ ơn Chúa trong các bữa ăn gia đình.

Hãy luyện tập sống đạo đức (c.7). Ở đây ta gặp một nguy hiểm khác. Ngược với những thầy dạy khinh thường cuộc sống và muốn chúng ta sống như những nhân vật khác thường, có những người khác lại hoàn toàn để cho thế giới bên ngoài xâm chiếm tâm hồn họ. Trong thế giới Hy-La, người ta say mê thể thao và các cuộc đua. Tuy không coi thường thân xác, chúng ta cũng cần xét lại xem ta có dành cho mỗi lãnh vực tầm quan trọng xứng hợp và thời gian tương xứng với nó hay không.

và lời cầu nguyện thánh hoá những thứ đó. ⁶ Nếu anh trình bày cho anh em những điều ấy, thì anh sẽ là một người phục vụ tốt của Đức Ki-tô Giê-su, một người thấm nhuần lời đức tin và giáo lý cao đẹp mà anh đã trung thành noi theo. ⁷ Còn những chuyện hoang đường nhắm nhí của bà già, thì hãy loại bỏ. Hãy luyện tập sống đạo đức ; ⁸ vì luyện tập thân thể thì lợi ích chẳng là bao, còn lòng đạo đức thì lợi ích mọi bề, bởi Chúa hứa ban sự sống hiện tại cũng như tương lai cho

người có lòng đạo đức. ⁹ Đó là lời đáng tin cậy và đáng mọi người đón nhận. ¹⁰ Thật vậy, chính vì mục đích ấy mà chúng ta phải vất vả, phải chiến đấu, bởi đã đặt hy vọng vào Thiên Chúa hằng sống, Đấng cứu độ mọi người, nhất là các tín hữu. * ¹¹ Anh hãy truyền, hãy dạy những điều đó.

¹² Chớ gì đừng có ai coi thường anh vì anh còn trẻ. Trái lại, anh hãy nên gương mẫu cho các tín hữu về lời ăn tiếng nói, về cách cư xử, về đức ái, đức tin và lòng trong sạch.

* 4,11 Đối diện với tất cả những thầy dạy loại này, ông Ti-mô-thê phải nêu mẫu mực một người tông đồ chân chính.

Chớ gì đừng có ai coi thường anh vì anh còn trẻ (c.12). Thông thường, trong các cộng đoàn Ki-tô giáo và Do-thái, những người lãnh đạo là những người cao tuổi. Vì thế họ được gọi là "kỳ mục" hay "trưởng lão" (hai từ cùng một nghĩa như nhau). Ông Ti-mô-thê đang đại diện thánh Phao-lô đi thăm viếng Hội Thánh thì có thẩm quyền trên các kỳ mục này, mặc dù ông trẻ hơn họ rất nhiều. Gương sáng về đức tin chân thành và kiến thức sâu rộng về Kinh Thánh sẽ là thế mạnh của ông.

Đừng thờ ơ với đặc sủng (c.14). Ai được bổ nhiệm vào một thừa tác vụ hay một chức vị chính thức trong Hội Thánh thì được xem là lãnh nhận một đặc sủng : chẳng hạn như là trưởng lão, trợ tá, giám quản, ngôn sứ. Trong khi những ơn khác như chữa lành bệnh nhân được Thánh Thần trực tiếp ban cho, thì các thừa tác vụ được nhận lãnh qua việc đặt tay. Thường thì một tông đồ hay ngôn sứ đặt tay lên ứng viên để truyền lại cho người này thẩm quyền mà vị ấy đã lãnh nhận cũng theo cách thức tương tự. Như vậy, trong Hội Thánh, mỗi một người lãnh đạo nhận quyền của mình từ Chúa Ki-tô qua một chuỗi những bậc kế vị các thánh Tông Đồ.

Trong dịp này, các ngôn sứ có mặt ở đó cũng thường ngỏ lời khích lệ và dặn dò với các ứng viên (x. 1,18).

¹³ Trong khi chờ tôi đến, hãy chuyên cần đọc Sách Thánh trong các buổi họp, chuyên cần khuyên nhủ và dạy dỗ. ¹⁴ Đừng thờ ơ với đặc sủng đang có nơi anh, đặc sủng Thiên Chúa đã ban cho anh nhờ lời ngôn sứ, khi hàng kỳ mục đặt tay trên anh. ¹⁵ Anh hãy tha thiết với những điều đó, chuyên chú vào đó, để mọi người nhận thấy những tiến bộ của anh. ¹⁶ Anh hãy thận trọng trong cách ăn nết ở và trong lời giảng dạy. Hãy kiên trì trong việc đó. Vì làm như vậy, anh sẽ cứu được chính mình, lại còn

cứu được những người nghe anh giảng dạy.

Cách cư xử với các hạng người tín hữu nói chung

5 ¹ Đừng nặng lời với cụ già, nhưng khi khuyên nhủ, hãy coi cụ như cha ; hãy coi các thanh niên như anh em, ² các cụ bà như mẹ, các thiếu nữ như chị em, với tấm lòng hoàn toàn trong sạch.

Các bà goá

* ³ Anh hãy kính trọng các bà goá, những bà goá đích thực. ⁴ Nếu một bà goá có con có cháu, thì trước tiên con cháu phải học cho biết ăn ở hiếu

Trong khi chờ tôi đến, hãy chuyên cần đọc Sách Thánh trong các buổi họp, chuyên cần khuyên nhủ và dạy dỗ (c.13). Lời khuyên này vẫn luôn có giá trị. Bên chí đọc sách và học tập là chuyện mà đa số những người làm nghề tự do cảm thấy phải cố gắng vất vả nhất. Một khi đã tốt nghiệp, rất ít người có đủ can đảm để theo đuổi việc học tập. Ngay trong Hội Thánh cũng vậy. Các “mục tử”, dù là giáo sĩ hay giáo dân, luôn bị cám dỗ cho rằng sinh hoạt này sinh hoạt nọ thì có ích cho công việc mục vụ, và tiêu khiển thì giúp “thư giãn”, dù phải tạm gạt qua một bên việc học hỏi và suy niệm Lời Chúa. Hội Thánh luôn thiếu những người có khả năng diễn tả đức tin của mình một cách sáng tạo – một ân huệ phát sinh từ trí khôn thiêng liêng và tiếp xúc thường xuyên với Lời Chúa : những nụ cười, thiện chí và tâm lý học không thể thay thế đặc sủng này.

* ^{5,3} Từ khởi đầu, phụ nữ đã có một vai trò có một không hai trong Hội Thánh. Một số phụ nữ, được gọi là bà goá, đã nắm giữ một địa vị chính thức.

Thánh Phao-lô phân biệt ba loại goá phụ : một số không cần Hội Thánh giúp đỡ vì họ còn có bà con họ hàng ; một số cần đến sự trợ giúp của Hội Thánh. Cuối cùng, một số các bà đảm trách một vài chức vụ nhất định.

thảo đối với gia đình mình, và đền ơn đáp nghĩa các bậc sinh thành. Đó là điều đẹp lòng Thiên Chúa.⁵ Còn các bà goá đích thực, sống một thân một mình, thì đã đặt hy vọng vào Thiên Chúa và ngày đêm kiên trì đọc kinh cầu nguyện.⁶ Trái lại, bà goá ham vui thì sống cũng như chết.⁷ Anh cũng phải truyền dạy những điều ấy, để không ai chê trách được họ.⁸ Ai không chăm sóc người thân, nhất là người sống trong cùng một nhà, thì đã chối bỏ đức tin, và còn tệ hơn người không có đức tin.

⁹ Muốn được ghi tên vào sổ các bà goá, phải có những điều kiện sau : ít nhất sáu mươi tuổi, chỉ có một đời chồng,¹⁰ được

chứng nhận là đã làm việc thiện, nghĩa là đã nuôi nấng dạy dỗ con cái, đã tỏ ra hiếu khách, đã rửa chân cho các người trong dân thánh, giúp đỡ người gặp gian truân, siêng năng làm mọi việc lành.¹¹ Còn các bà goá trẻ, anh đừng ghi vào sổ ; vì khi dục vọng làm cho họ xa lìa Đức Ki-tô, thì họ muốn tái giá,¹² và như vậy là mang lấy án phạt, bởi đã không giữ lời cam kết ban đầu với Đức Ki-tô.¹³ Đồng thời, vì ăn không ngói rồi, họ học thói la cà hết nhà nọ đến nhà kia. Đâu phải chỉ ăn không ngói rồi, họ còn nhiều chuyện, lằng xằng, nói năng bừa bãi.¹⁴ Vậy tôi muốn các bà goá trẻ hãy tái giá, sinh con cái, lo việc cửa nhà ; đừng để cho đối phương có dịp

Họ mang lấy án phạt... (c.12). Có nghĩa là những “bà goá” nào thuộc loại thứ ba lìa bỏ địa vị của họ mà tái giá, là không giữ lời cam kết công khai của họ. Các “bà goá” thuộc loại này vốn là những người đã hiến mình phụng sự Chúa Ki-tô cũng như các nữ tu thời nay.

Các bà goá đích thực... thì đã đặt hy vọng vào Thiên Chúa (c.5). Chúng ta nên đọc lời thánh Phao-lô dạy trong 1 Cr 7, rằng người độc thân thì được tự do hơn để phụng sự Chúa. Phàm ai đã được thanh tẩy đều được mời gọi thuộc trọn về Chúa Ki-tô. Nếu vì hoàn cảnh mà chúng ta lại sống đơn độc một lần nữa và được cất gánh nặng gia đình, thì đây có thể là một cách Thiên Chúa mời gọi ta hiến thân trọn vẹn để phục vụ Hội Thánh và liên lý cầu nguyện.

Nếu ngày nay những người về hưu có đạo nhìn vào cuộc sống của mình trong ánh sáng của Thiên Chúa, thì Hội Thánh hẳn sẽ có nhiều người lãnh đạo và nhà truyền giáo hơn là cần thiết.

bởi móc.¹⁵ Thật vậy, đã có kẻ lạc đường đi theo Xatan.¹⁶ Nếu nữ tín hữu nào có người trong họ hàng là bà goá, thì hãy giúp đỡ họ, đừng để cho Hội Thánh phải mang gánh nặng, và như thế Hội Thánh có thể giúp đỡ những bà goá đích thực.

Các kỳ mục

*¹⁷ Những kỳ mục thi hành chức vụ chủ toạ cách tốt đẹp, thì đáng được đãi ngộ gấp đôi, nhất là những người vất vả phục vụ lời Chúa và giảng dạy.¹⁸ Quả vậy, Kinh Thánh có nói : *Đừng bịt mõm con bò đang đập lúa, và làm thợ*

* 5,17 Thánh Phao-lô lại nói về những kỳ mục hay “trưởng lão” phụ trách cộng đoàn địa phương. Ngài muốn cộng đoàn trợ giúp các người lãnh đạo của họ cả về tinh thần lẫn vật chất.

Chúng ta đã ghi nhận rằng những vị kỳ mục phụ trách cộng đoàn và chủ toạ lễ bẻ bánh là những người được tuyển chọn trong số các tín hữu được nể trọng nhất. Đoạn này cho thấy phần việc ưu tiên mà cộng đoàn trông cậy họ làm là rao giảng Lời Chúa.

Họ đáng được đãi ngộ gấp đôi (c.17). Điều đáng ngạc nhiên là trong hội đồng mục vụ ở nhiều giáo xứ, số giáo dân có khả năng về mặt xã hội hay chạy việc vật chất thì đông hơn số người phục vụ Lời Chúa, người được học hỏi hoặc có tính ngôn sứ, có khả năng thổi một luồng sinh khí vào trong cộng đoàn.

Họ phải hoàn thành nhiệm vụ của mình. *...hãy khiến trách trước mặt mọi người, để những kẻ khác phải sợ* (c.20) : các Ki-tô hữu đầu tiên không phải là thiên thần. Đôi khi đức tin nhiệt tình và chân thành của họ cần một kỷ luật rắn rỏi để giúp họ trung thành với những gì họ đã cam kết. Và lại, có bao giờ mà người lãnh đạo cộng đoàn không gây vấn đề ?

Trong 5,18 có trích dẫn Tin Mừng : “Làm thợ thì đáng được trả công” (Lc 10,7). Đoạn này cho thấy khi thư này được viết, gần thập niên 90, thì Tin Mừng đã được xem là “Kinh Thánh”.

Ở phần đầu và cuối chương này, tác giả nhấn mạnh lòng trung thành đối với truyền thống. Đức tin không phải là một giáo lý có thể tùy nghi hiểu theo thị hiếu cá nhân. Những người lãnh đạo được yêu cầu có thái độ kính trọng và khiêm tốn đối với kho tàng đã được giao phó cho họ để truyền đạt cho những người khác. Chúng ta đã có thể nhận thấy hai lỗi lầm :

- thay vì đào sâu đức tin, có người lại nói nhiều nói dài ;
- thay vì phục tùng Lời Chúa, một số người lại phê bình, tìm cách xét đoán đức tin để phán là nó có phù hợp với ý riêng của họ hay không.

thì đáng được trả công.

¹⁹ Lời tố cáo một kỳ mục, anh đừng chấp nhận, *trừ phi có hai hoặc ba nhân chứng.* ²⁰ Những ai phạm tội, anh hãy khiển trách trước mặt mọi người, để những kẻ khác phải sợ. ²¹ Trước mặt Thiên Chúa, trước mặt Đức Ki-tô Giê-su và các thiên thần được tuyển chọn, tôi tha thiết khuyên anh giữ các điều ấy cách vô tư, không làm gì vì thiên vị. ²² Anh đừng vội đặt tay trên ai, đừng cộng tác vào tội lỗi của người khác. Hãy giữ mình trong sạch.

²³ Từ nay anh đừng chỉ uống nước lã, nhưng hãy dùng thêm chút rượu, vì anh đau dạ dày và ốm yếu luôn.

²⁴ Có những người thì tội đã rành rành, ngay trước khi xét xử ; người khác thì xét xử rồi mới thấy rõ. ²⁵ Cũng thế, những việc tốt thì đã rành rành ; mà cả những việc không tốt cũng chẳng che giấu được.

Các nô lệ

6 ¹ Những ai đang ở dưới ách nô lệ, hãy coi chủ mình là đáng kính về mọi mặt, để danh Thiên Chúa

Tiền bạc được nhắc đến hai lần (6,10 và 6,17-19). Sau những năm đầu sống đức tin nhiệt thành, Hội Thánh nhận thấy rằng ngay cả đối với người tín hữu, nếu lòng tham chưa dứt thì sẽ hỏng hết. Đó cũng là bi kịch ở một số quốc gia, nơi mà những nhóm Ki-tô hữu vũng vũng mạnh lại cùng với những thành phần ưu tú trong xã hội đua nhau chạy theo bạc tiền. Đức tin vẫn được họ xem là quan trọng, nhưng đức tin này chỉ còn là động cơ giúp họ trung thành đọc kinh đi lễ thôi. Tiền bạc mà trở thành cái bảo đảm an toàn cho chúng ta thì làm suy yếu lòng tin tưởng vào Thiên Chúa (6,10) và cô lập ta xa rời tha nhân.

Người mục tử trong Hội Thánh phải là người ý thức nhiều nhất mối nguy hiểm này (6,11). Đối với họ, hành động cứu độ là xông vào những lãnh vực đời sống và xã hội ít được bảo đảm nhất, nơi họ luôn cần phải dựa vào đức tin để vượt qua gian khổ và vui lòng chấp nhận hy sinh (c.12). Đầu phải bằng cách tìm trước hết con đường tiến thân để thành đạt mà chúng ta trở thành *người của Thiên Chúa* và chứng nhân của Chúa Ki-tô, cũng như chính Người đã làm chứng cho Chúa Cha (6,13).

Thánh Phao-lô kêu gọi ông Ti-mô-thê tránh xa tất cả những nguy hiểm nói trên, trung thành với đức tin và giữ lòng thanh bạch. Thực thi những điều này thì ông sẽ là người của Thiên Chúa, là chứng nhân của Chúa Ki-tô.

và đạo lý khỏi bị người ta xúc phạm. ² Còn những ai có chủ là người tín hữu, thì đừng lấy cơ họ là người anh em mà coi thường ; trái lại phải hầu hạ chủ tốt hơn nữa, bởi lẽ người được mình phục vụ là tín hữu và là anh em yêu quý.

Người dạy giáo lý : ai chân chính, ai không

Đó là những điều anh phải dạy, phải khuyên. ³ Nếu có ai dạy một giáo lý khác, không theo sát các lời lành mạnh, tức là các lời của Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, và không theo sát giáo lý phù hợp với đạo thánh, ⁴ thì người ấy lên mặt kiêu căng, không biết gì cả, nhưng mắc bệnh ham tranh luận và thích cãi chữ. Do đó sinh ra ganh tị, tranh chấp, lộng ngôn, nghĩ xấu, ⁵ đấu khẩu liên miên giữa những người đầu óc lệch lạc, mất cả chân lý và coi việc giữ đạo là một nguồn lợi. ⁶ Đã hẳn, việc giữ đạo là nguồn lợi lớn đối với ai lấy cái mình có làm đủ. ⁷ Quả vậy, chúng ta đã không mang gì vào trần gian, thì cũng chẳng mang gì ra được. ⁸ Vậy nếu có cơm ăn áo mặc, ta hãy lấy

thế làm đủ. ⁹ Còn những kẻ muốn làm giàu, thì sa chước cám dỗ, sa vào cạm bẫy và nhiều ước muốn ngu xuẩn độc hại ; đó là những thứ làm cho con người chìm đắm trong cảnh huỷ diệt tiêu vong. ¹⁰ Thật thế, cội rễ sinh ra mọi điều ác là lòng ham muốn tiền bạc, vì buông theo lòng ham muốn đó, nhiều người đã lạc xa đức tin và chước lấy bao nỗi đốn đau xấu xí.

Lời khuyên nhủ thiết tha

¹¹ Phần anh, hỡi người của Thiên Chúa, hãy tránh xa những điều đó ; hãy gắng trở nên người công chính, đạo đức, giàu lòng tin và lòng mến, hãy gắng sống nhẫn nại và hiền hoà. ¹² Anh hãy thi đấu trong cuộc thi đấu cao đẹp vì đức tin, giành cho được sự sống đời đời ; chính vì sự sống ấy, anh đã được Thiên Chúa kêu gọi, và anh đã nói lên lời tuyên xưng cao đẹp trước mặt nhiều nhân chứng. ¹³ Trước mặt Thiên Chúa là Đấng ban sức sống cho mọi loài, và trước mặt Đức Ki-tô Giê-su là Đấng đã làm chứng trước toà tổng trấn Phong-xi-ô Phi-la-tô

bằng một lời tuyên xưng trách, cho đến ngày Đức cao đẹp, tôi truyền cho anh : ¹⁴ hãy tuân giữ điều răn của Chúa mà sống cho tinh tuyền, không chỉ đáng đúng thời đúng buổi,

là Chúa Tể vạn phúc vô song,
là Vua các vua, Chúa các chúa.

¹⁶ Chỉ mình Người là Đấng trường sinh bất tử, ngự trong ánh sáng siêu phàm, Đấng không một người nào đã thấy hay có thể thấy.
Kính dâng Người danh dự và uy quyền đến muôn đời. A-men.

Lời khuyên người giàu

¹⁷ Những người giàu ở trần gian này, anh hãy truyền cho họ đừng tự cao tự đại, cũng đừng đặt hy vọng vào của cải phù vân, nhưng vào Thiên Chúa, Đấng cung cấp dồi dào mọi sự cho chúng ta hưởng dùng. ¹⁸ Họ phải làm việc thiện và trở nên giàu có về các việc tốt lành, phải ăn ở rộng rãi, sẵn sàng chia sẻ. ¹⁹ Như vậy họ tích trữ cho mình một vốn

liếng vững chắc cho tương lai, để được sự sống thật.

Lời nhắn nhủ cuối cùng

²⁰ Anh Ti-mô-thê, hãy bảo toàn giáo lý đã được giao phó cho anh, tránh những chuyện nhắm nhí, trống rỗng, và những vấn đề của tri thức giả hiệu. ²¹ Có những kẻ, vì chủ trương cái tri thức đó, nên đã lạc mất đức tin. Chúc anh em được ân sủng.

THƯ 2 GỬI ÔNG TI-MÔ-THÊ

DẪN NHẬP

Những điều chúng ta đã nêu trong phần Dẫn nhập thư 1 gửi ông Ti-mô-thê cũng thích hợp với thư thứ hai này. Thư này được xem là do thánh Phao-lô viết trong tù tại Rô-ma, không lâu trước khi qua đời. Không có lý do để nghi ngờ tính xác thực của một vài chi tiết mà thánh nhân ghi lại về tình cảnh của

ngài đang khi chờ tuyên án. Trong phần còn lại thì cả “Phao-lô” lẫn “Ti-mô-thê” đều chỉ là bút danh, tên mượn. Các lời khuyên bảo và cảnh cáo thật ra là của một tác giả ẩn danh muốn nhấn nhủ các thừa tác viên trong Hội Thánh, vài thập niên sau khi thánh Phao-lô qua đời.

THƯ 2 GỬI ÔNG TI-MÔ-THÊ

Lời mở đầu và tạ ơn

1 ¹ Tôi là Phao-lô, Tông Đồ của Đức Ki-tô Giê-su, do ý muốn của Thiên Chúa, chiếu theo lời Thiên Chúa hứa ban sự sống vốn có trong Đức Ki-tô Giê-su, ² gửi anh Ti-mô-thê, người con yêu dấu. Xin Thiên Chúa là Cha và xin Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, ban cho anh được ân sủng, lòng thương xót và sự bình an.

³ Tôi tạ ơn Thiên Chúa, Đấng tôi phụng thờ với lương tâm trong sạch, theo gót tổ tiên ; tôi tạ ơn Người khi tôi không ngừng nhắc nhớ đến anh, trong

các lời cầu nguyện của tôi, đêm cũng như ngày. ⁴ Nhớ đến những giọt nước mắt của anh, tôi ước ao gặp lại anh để được chan chứa niềm vui. ⁵ Tôi hồi tưởng lại lòng tin không giả hình của anh, lòng tin đã có nơi cụ Lô-ít, bà ngoại anh, nơi bà Êu-ni-kê, mẹ anh, cũng như chính nơi anh, tôi xác tín như vậy.

Những ơn ông Ti-mô-thê đã nhận được

* ⁶ Vì lý do đó, tôi nhắc anh phải khơi dậy đặc sủng của Thiên Chúa, đặc sủng anh đã nhận được khi tôi đặt tay trên anh. ⁷ Vì Thiên Chúa đã chẳng

* 1,6 *Phải khơi dậy đặc sủng... anh đã nhận được* (x. 1 Tm 4,14). Thánh Phao-lô cố gắng truyền lại cho ông Ti-mô-thê nghị lực của ngài và nhắc ông nhớ đến tình yêu và lời hứa của Thiên Chúa.

Giáo lý tốt đẹp đã giao phó cho anh... anh đã nghe tôi dạy (cc. 13-14 ; x. 1 Tm 1,3). Giáo lý đức tin không thể thay đổi, nhưng cũng không thể để vào kho. Nó phải được thể hiện trong cuộc sống, nhờ đó sức sáng tạo của ta cũng như của Chúa Thánh Thần được phát huy, khiến mỗi ngày nó tỏ ra thêm phong phú.

Người đã cứu độ và kêu gọi chúng ta (c.9) : x. Ep 2,8-10.

Người có đủ quyền năng bảo toàn đã được giao phó (c.12). “Giao phó” có thể hiểu theo hai cách :

- *giáo lý đã được giao phó cho tôi* (như trong bản văn Kinh Thánh),
- những gì tôi đã trao phó cho Ngài.

ban cho chúng ta một thần khí làm cho chúng ta trở nên nhút nhát, nhưng là một Thần Khí khiến chúng ta được đầy sức mạnh, tình thương, và biết tự chủ. ⁸ Vậy anh đừng hổ thẹn vì phải làm chứng cho Chúa chúng ta, cũng đừng hổ thẹn vì tôi, người tù của Chúa ; nhưng dựa vào sức mạnh của Thiên Chúa, anh hãy đồng lao cộng khổ với tôi để loan báo Tin Mừng. ⁹ Người đã cứu độ và kêu gọi chúng ta vào dân thánh của Người, không phải vì công kia việc nọ chúng ta đã làm, nhưng là do kế hoạch và ân sủng của Người. Ân sủng đó, Người đã ban cho chúng ta từ muôn thuở trong Đức Ki-tô Giê-su, ¹⁰ nhưng giờ đây mới được biểu lộ, vì Đấng cứu độ chúng ta là Đức Ki-tô Giê-su đã xuất hiện. Chính Đức Ki-tô đã tiêu diệt

thần chết, và đã dùng Tin Mừng mà làm sáng tỏ phúc trường sinh bất tử. ¹¹ Thiên Chúa đã đặt tôi làm người rao giảng Tin Mừng đó, làm tông đồ và thầy dạy.

¹² Chính vì lý do ấy mà tôi phải chịu những đau khổ này ; nhưng tôi không hổ thẹn, vì tôi biết tôi tin vào ai, và xác tín rằng : Người có đủ quyền năng bảo toàn giáo lý đã được giao phó cho tôi, mãi cho tới Ngày đó.

¹³ Với đức tin và đức mến của một người được kết hợp với Đức Ki-tô Giê-su, anh hãy lấy làm mẫu mực những lời lành mạnh anh đã nghe tôi dạy. ¹⁴ Giáo lý tốt đẹp đã giao phó cho anh, anh hãy bảo toàn, nhờ có Thánh Thần ngự trong chúng ta.

¹⁵ Anh biết rằng mọi người ở A-xi-a đã bỏ tôi ;

Những từ này mời gọi ta nhớ đến nghĩa chính xác của từ “đức tin”. Trong tiếng Híp-ri dùng trong Cựu Ước, “đức tin” cùng một gốc từ với “vững chắc” hoặc “dựa vào một cái gì”. Trong tiếng Hy-lạp, gốc từ “tin” vừa có nghĩa là tín nhiệm con nợ vừa có nghĩa là bảo đảm với chủ nợ. Vì thế, thánh Phao-lô xem toàn bộ đời sống tông đồ của mình như là món bảo chứng ngài trao gửi vào tay Thiên Chúa. Cũng như thánh Phao-lô, một người sống đức tin không bị ảo ảnh một cuộc sống hạnh phúc đánh lừa, nhưng chọn đem đời mình hiến cho một công trình thường là bạc bẽo, và mãi kiên trì như thế đã xem thấy những gì mắt phàm chưa hề được xem thấy (Dt 11,27).

Phy-gê-lô và Héc-mô-gê-nê cũng ở trong số ấy.¹⁶ Xin Chúa tỏ lòng thương xót gia đình anh Ô-nê-xi-phô-rô, vì đã nhiều lần anh làm cho tôi lên tinh thần, và đã không hổ thẹn vì tôi phải mang xiềng xích ;¹⁷ trái lại, vừa đến Rô-ma, anh vội vã đi tìm và đã thấy tôi.¹⁸ Xin Chúa ban cho anh tìm thấy nơi Chúa lòng thương xót, trong Ngày đó. Về công

việc phục vụ của anh ấy ở Ê-phê-xô, thì anh đã quá rõ.

Ý nghĩa các đau khổ của người tông đồ

2 *¹ Vậy hỡi anh, người con của tôi, anh hãy nên mạnh mẽ trong ân sủng của Đức Ki-tô Giê-su.² Những gì anh đã nghe tôi nói trước mặt nhiều nhân chứng, thì hãy trao lại cho những người tin

* **2,1** *Hãy trao lại cho những người tin cần* (c.2). Chúng ta đã thấy trong chuyến đi truyền giáo đầu tiên của thánh Phao-lô : ngài quan tâm thiết lập hàng kỳ mục trong mỗi cộng đoàn (Cv 14,23 ; cũng x. Tt 1,6). Những vị này phải có khả năng bảo tồn đức tin toàn vẹn. Chúng ta thường coi trọng những hoạt động có hiệu năng trước mắt hơn là lo dạy một giáo lý chính thống. Nhìn về lâu về dài, không có sai lầm nào mà không phải trả giá. Thánh I-rê-nê khẳng định rằng sứ mạng hàng đầu của Hội Thánh là bảo tồn trong thế giới ơn hiểu biết đích thực về Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. (Tuy nhiên x. phân bình giải Gl 2,5).

Rồi thánh Phao-lô kêu mời ông Ti-mô-thê hãy từ bỏ tất cả, xác tín rằng các nỗ lực của ông sẽ được tưởng thưởng.

Hãy nên mạnh mẽ trong ân sủng của Đức Ki-tô Giê-su. Một chứng nhân của Chúa Ki-tô phải can đảm và vững mạnh, như là sứ giả của Chúa Ki-tô vinh thắng. Lòng xác tín của ông sẽ thuyết phục người khác. Người ấy phải tránh những trăm nghìn dịp làm mất thì giờ và đi lệch sứ mạng của mình : nói chuyện bá láp ; làm những điều không giúp cho việc phụng sự Thiên Chúa tiến triển tốt đẹp hơn (1 Tm 1,4) ; đặt sai những vấn đề tôn giáo không liên hệ gì đến đời sống thực tế.

Trong nghề bình, không ai vướng mắc vào những việc thuộc đời sống dân sự (c.4). Điều này đã xảy ra trong thời gian thánh Phao-lô làm việc kiếm sống trong lúc đi rao giảng (2 Cr 11,9 ; 2 Tx 3,7). Tuy nhiên, ở đây lá thư lên tiếng nói cho những người phải mất thì giờ làm việc kiếm sống khi mà cộng đoàn có nghĩa vụ đáp ứng các nhu cầu của họ. Đối với một thừa tác viên của Hội Thánh, làm việc có thể là một cách hoà mình vào thế giới và hiện diện giữa dân chúng ; nhưng đó cũng có thể là một cách trốn tránh những khó khăn và nhục nhằn đi đôi với mọi công tác tông đồ.

cần, những người sẽ có khả năng dạy cho người khác.

³ Anh hãy đồng lao cộng khổ như một người lính giỏi của Đức Ki-tô Giê-su.

⁴ Trong nghề binh, không ai vương mắc vào những việc thuộc đời sống dân sự ; có thể mới đẹp lòng người đã tuyển mộ.

⁵ Người tham dự điền kinh cũng vậy, không đoạt giải nếu không thi đấu theo luật lệ. ⁶ Còn người nông dân làm việc vất vả, thì

phải là người đầu tiên được hưởng phần hoa lợi.

⁷ Anh hãy hiểu điều tôi nói, vì Chúa sẽ ban cho anh ơn thông hiểu mọi sự.

⁸ Anh hãy nhớ đến Đức Giê-su Ki-tô,

Đấng đã sống lại từ cõi chết,

Đấng xuất thân từ dòng dõi Đa-vít,

như tôi vẫn nói trong Tin Mừng tôi loan báo. ⁹ Vì Tin Mừng ấy, tôi chịu khổ, tôi còn phải mang cả xiềng xích như một tên gian phi. Nhưng lời Thiên Chúa đâu bị xiềng xích ! ¹⁰ Bởi vậy,

tôi cam chịu mọi sự, để mưu ích cho những người Thiên Chúa đã chọn, để họ cũng đạt tới ơn cứu độ trong Đức Ki-tô Giê-su, và được hưởng vinh quang muôn đời.

¹¹ Đây là lời đáng tin cậy :

Nếu ta cùng chết với Người,
ta sẽ cùng sống với Người.

¹² Nếu ta kiên tâm chịu đựng,
ta sẽ cùng hiển trị với Người.

Nếu ta chối bỏ Người,
Người cũng sẽ chối bỏ ta.

¹³ Nếu ta không trung tín,
Người vẫn một lòng trung tín,
vì Người không thể nào chối bỏ chính mình.

Chống lại những người dạy giáo lý sai lạc

* ¹⁴ Anh hãy nhắc nhở lại những điều đó, trước mặt Thiên Chúa, hãy tha thiết khuyên người ta đừng cãi chữ : chuyện

không có ích lợi gì, chỉ làm cho người nghe phải diệt vong. ¹⁵ Hãy cố gắng ra trước mặt Thiên Chúa như một người đã được thử luyện, một người thợ không có gì phải xấu hổ,

một người thẳng thắn dạy lời chân lý.¹⁶ Còn những chuyện nhằm nhí, trống rỗng, anh hãy tránh xa, vì những kẻ nói những chuyện ấy sẽ tiến sâu vào con đường vô luân.¹⁷ Lời họ như một thứ ung nhọt cứ loét thêm ra. Trong số những người đó có Hy-mê-nê và Phi-lê-tô.¹⁸ Hai người này đã đi trạch đường chân lý, khi nói rằng sự phục sinh đã xảy ra rồi và như vậy họ phá đổ đức tin của một số người.¹⁹ Tuy nhiên, nền móng vững chắc Thiên Chúa đã đặt thì tồn tại; trên đó có ghi tạc lời này: *Chúa biết những kẻ thuộc về Người, và Phàm ai kêu cầu danh Chúa phải tránh xa điều bất chính.*

²⁰ Trong một ngôi nhà lớn, không phải chỉ có

những đồ vật bằng vàng bằng bạc, nhưng cũng có những đồ vật bằng gỗ bằng sành; thứ thì dùng vào việc cao quý, thứ thì dùng vào việc thấp hèn.²¹ Vậy ai thanh tẩy mình cho sạch những điều xấu nói trên, người đó sẽ là một đồ vật dùng vào việc cao quý, một đồ vật được thánh hiến, có ích cho chủ, sẵn sàng làm mọi việc lành.

²² Anh hãy tránh xa các đam mê của tuổi trẻ, cố gắng trở nên người công chính, giàu lòng tin và lòng mến, ăn ở thuận hoà cùng những ai kêu cầu Chúa với tấm lòng trong sạch.²³ Còn những tranh luận điên rồ và ngu xuẩn, anh hãy gạt ra một bên, vì biết rằng những thứ ấy sinh ra cãi cọ.²⁴ Thế mà

* 2,14 Trở lại kinh nghiệm của người làm việc tông đồ. Trong thời gian thử thách, một số người tán tòng thì tiến bộ, còn những người khác thì đi lạc hướng. Người tông đồ không nên ngạc nhiên, vì không có một vấp ngã nào hay một vụ tai tiếng nào có thể lay chuyển nền móng vững chắc Thiên Chúa đã đặt (c.19): Hội Thánh sẽ không bao giờ bị đánh bại.

Họ nói rằng sự phục sinh đã xảy ra rồi (c.18). Niềm tin vào sự phục sinh rất khó chấp nhận vào thời đó cũng như ngày nay, và có nhiều người muốn tuân giữ lời Chúa mà không cần phải thắc mắc, không muốn để lời Chúa xáo trộn cách suy nghĩ của mình. Có thể những người được nêu danh ở đây cho rằng người ta đã được phục sinh cách thiêng liêng khi chịu bí tích Thánh Tẩy, và không cần hy vọng có điều gì xảy ra nữa sau khi chết. Về chủ đề này, xem trong Ga, điều được xác định ở 5,28 ngay sau 5,25.

người tôi tớ Chúa thì không được cãi cọ, nhưng phải dịu dàng với mọi người, có khả năng giảng dạy, biết chịu đựng gian khổ. ²⁵ Người ấy phải lấy lòng hiền hoà mà giáo dục những kẻ chống đối : biết đâu Thiên Chúa lại chẳng ban cho họ ơn sám hối để nhận biết chân lý, ²⁶ và họ sẽ tỉnh ngộ, thoát khỏi cạm bẫy ma quỷ đã dùng để bắt giữ họ và khiến họ làm theo ý nó ?

Đề phòng các nguy hiểm của những thời cuối cùng

3 * ¹ Anh hãy biết điều này : vào những ngày sau hết sẽ có những lúc gay go. ² Quả thế, người ta sẽ ra ích kỷ, ham tiền bạc,

khoác lác, kiêu ngạo, nói lộng ngôn, không vâng lời cha mẹ, vô ân bạc nghĩa, phạm thượng, ³ vô tâm vô tình, tàn nhẫn, nói xấu, thiếu tiết độ, hung dữ, ghét điều thiện, ⁴ phản trắc, nông nổi, lên mặt kiêu căng, yêu khoái lạc hơn yêu Thiên Chúa ; ⁵ hình thức của đạo thánh thì họ còn giữ, nhưng cái chính yếu thì đã chối bỏ. Anh hãy xa lánh cả những người ấy.

⁶ Thuộc bọn đó là những kẻ lên vào nhà người ta chinh phục thứ đàn bà nhẹ dạ, đẩy những tội lỗi và bị đứ thứ đăm mê lôi cuốn, ⁷ học mãi mà chẳng bao giờ nhận biết

* **3,1 Vào những ngày sau hết** (c.1) (x. 1 Tm 4,1). Ngay cả sự hiện diện của sự dữ trong Hội Thánh cũng không được làm ta kinh ngạc.

Đoạn thư từ c.14 đến c.17, tuy ít lời nhưng đưa ra một sứ điệp đầy đủ về việc suy niệm Kinh Thánh. *Sách Thánh có thể dạy anh nên người khôn ngoan* (c.15). Suy niệm Kinh Thánh là phương thế tốt nhất làm cho đức tin trưởng thành (cc. 15-17). Khi những dòng này được viết ra thì Kinh Thánh chủ yếu là Cựu Ước, nhưng Hội Thánh cũng đã nắm trong tay và xem là Kinh Thánh một vài sách Tin Mừng và một số thư của thánh Phao-lô.

Liên trước đoạn nói về Sách Thánh, chúng ta đọc : *Hãy giữ vững những gì anh đã học được và đã tin chắc. Anh biết anh đã học với những ai.* “Truyền thống” chính là những gì chúng ta lãnh nhận từ những người đi trước. Việc đọc Kinh Thánh không thể tách rời khỏi “Truyền thống các Tông Đồ”, tức là “Truyền thống của Hội Thánh”. Đây là một đường hướng đọc hiểu Kinh Thánh, cũng như Chúa Giê-su, ngay sau khi sống lại, đã vạch ra cho các Tông Đồ của Người một đường hướng mới để đọc lịch sử cứu độ. Truyền thống này là nền móng thứ hai của đức tin.

được chân lý. ⁸ Cũng như Gian-nê và Giam-rê xưa chống lại ông Mô-sê, thì nay họ cũng chống lại chân lý ; họ là hạng người đầu óc lệch lạc, lòng tin không có gì vững chắc. ⁹ Nhưng họ sẽ không đi xa hơn được, như trường hợp hai tên kia, mọi người sẽ thấy rõ là họ điên khùng.

¹⁰ Phần anh, anh đã theo sát đạo lý, cách sống, dự định của tôi ; anh đã thấy lòng tin, sự nhẫn nại, lòng yêu mến, sự kiên trì của tôi ; ¹¹ anh đã biết

những cơn bắt bớ, những sự đau khổ tôi đã gặp ở An-ti-ô-khi-a, I-cô-ni-ô, Lýt-ra, đã biết tôi chịu bắt bớ như thế nào. Nhưng Chúa đã giải thoát tôi khỏi tất cả. ¹² Vả lại, những ai muốn sống đạo đức trong Đức Ki-tô Giê-su, đều sẽ bị bắt bớ. ¹³ Còn hạng người xấu xa và bịp bợm sẽ ngày càng xấu hơn, họ vừa lừa dối, vừa bị lừa dối.

¹⁴ Phần anh, hãy giữ vững những gì anh đã học được và đã tin chắc. Anh

Tất cả những gì viết trong Sách Thánh đều do Thiên Chúa linh hứng (c.16) và trong đó, chúng ta tìm gặp một sứ điệp Thiên Chúa nhắn gửi dân Người hơn là một dịp suy luận cá nhân. Thần Khí hướng dẫn Hội Thánh cũng chính là Thần Khí đã linh hứng các tác giả Kinh Thánh.

Trong nhiều năm, chúng ta đã nói đến tính chất “linh hứng” của Kinh Thánh, không phải để khuyến khích việc đọc Kinh Thánh trong gia đình và cộng đoàn, cho bằng để xác quyết Kinh Thánh không hề sai. Đó cũng là vì một số người nhận thấy có mâu thuẫn giữa Kinh Thánh và khoa học. Hiện nay một số vấn đề ấy không còn nữa. Sách Thánh hoàn toàn là sản phẩm của những tác giả đã soạn ra nó, phản ánh trình độ văn hoá và những giới hạn của họ (trước khi Chúa Ki-tô đến, đức tin chưa đạt tới mức kiện toàn ; trước khi có ngành khoa học duy lý, người ta không thể diễn đạt tư tưởng theo quan điểm khoa học). Nhưng Sách Thánh cũng hoàn toàn là của Thiên Chúa, và mỗi bản văn là một phần của một sứ điệp minh xác. Chính đó là nơi chúng ta tìm gặp sự thật của Thiên Chúa, chứ không phải trong những chi tiết chính xác và hình thức văn chương, là những điều ta cần phải thích nghi cho hợp với ngôn ngữ thời đại chúng ta.

Trên hết, chúng ta phải nhớ rằng Lời Chúa là lương thực thường dùng của đức tin. Lời Chúa không chỉ có ích để dạy mà thôi. Đọc Kinh Thánh có giá trị như một bí tích đối với người tín hữu. Để làm phát triển đức tin, không có khoa rao giảng nào, không có môn giáo lý nào dù là “giáo lý Kinh Thánh”, có thể thay thế việc đọc và suy niệm thường xuyên Lời Chúa.

biết anh đã học với những ai. ¹⁵ Và từ thời thơ ấu, anh đã biết Sách Thánh, sách có thể dạy anh nên người khôn ngoan để được ơn cứu độ, nhờ lòng tin vào Đức Ki-tô Giê-su. ¹⁶ Tất cả những gì viết trong Sách Thánh đều do Thiên Chúa linh hứng, và có ích cho việc giảng dạy, biện bác, sửa dạy, giáo dục để trở nên công chính. ¹⁷ Nhờ vậy, người của Thiên Chúa nên thập toàn, và được trang bị đầy đủ để làm mọi việc lành.

Lời khuyên nhủ thiết tha

4 * ¹ Trước mặt Thiên Chúa và Đức Ki-tô Giê-su, Đấng sẽ phán xét kẻ sống và kẻ chết, Đấng sẽ xuất hiện và nắm vương quyền, tôi tha thiết khuyên anh : ² hãy rao giảng lời Chúa, hãy lên tiếng, lúc thuận tiện cũng như lúc không thuận tiện ; hãy biện bác, ngăm đe,

khuyên nhủ, với tất cả lòng nhẫn nại và chủ tâm dạy dỗ. ³ Thật vậy, sẽ đến thời người ta không còn chịu nghe giáo lý lành mạnh, nhưng theo những dục vọng của mình mà kiếm hết thầy này đến thầy nọ, bởi ngứa tai muốn nghe. ⁴ Họ sẽ ngoảnh tai đi không nghe chân lý, nhưng hướng về những chuyện hoang đường. ⁵ Phần anh, hãy thận trọng trong mọi sự, hãy chịu đựng đau khổ, làm công việc của người loan báo Tin Mừng và chu toàn chức vụ của anh.

Ông Phao-lô vào cuối đời

⁶ Còn tôi, tôi sắp phải đổ máu ra làm lễ tế, đã đến giờ tôi phải ra đi. ⁷ Tôi đã đấu trong cuộc thi đấu cao đẹp, đã chạy hết chặng đường, đã giữ vững niềm tin. ⁸ Giờ đây tôi chỉ còn đợi vòng hoa dành cho người công chính ; Chúa là

* 4,1 *Hãy rao giảng Lời Chúa (c.2)* : đây là lời khuyên cuối cùng của thánh Phao-lô. Đây phải là mối quan tâm hàng đầu của Hội Thánh và của bất cứ vị lãnh đạo nào trong Hội Thánh.

Thánh Phao-lô biết ngài sẽ không được trả tự do và sẽ bị kết án tử hình. Như Chúa Giê-su, ngài cam lòng hiến thân làm *lễ tế*.

Chúng ta gặp thấy lối ví von người lính và vận động viên, mà thánh Phao-lô rất ưa thích. Vào thời đó, các vận động viên được nhận vòng nguyệt quế tượng trưng tính chất trường sinh bất tử. *Còn tôi, tôi sắp phải đổ máu ra làm lễ tế, đã đến giờ tôi phải ra đi (c.6)*.

vị Thẩm Phán chí công sẽ trao phần thưởng đó cho tôi trong Ngày ấy, và không phải chỉ cho tôi, nhưng còn cho tất cả những ai hết tình mong đợi Người xuất hiện. ⁹ Anh hãy mau mau đến với tôi, ¹⁰ vì anh Ê-ma đã bỏ tôi, bởi yêu mến thế gian này ; anh ta đã đi Thê-xa-lô-ni-ca. Anh Cơ-rét-xen đã đi sang miền Ga-lát, anh Ti-tô đi sang miền Đan-ma-ti-a. ¹¹ Chỉ còn một mình anh Lu-ca ở với tôi. Anh hãy đem anh Mác-cô đi với anh, vì anh ấy rất hữu ích cho công việc phục vụ của tôi. ¹² Anh Ty-khi-cô thì tôi đã sai đi Ê-phê-xô. ¹³ Cái áo choàng tôi đã để lại nhà anh Các-pô ở Trô-a, thì khi đến, xin anh đem theo, cũng như các sách vở, nhất là những cuộn giấy da. ¹⁴ A-lê-xan-đê, người thợ rèn, đã gây cho tôi nhiều khốn khổ ; *Chúa sẽ cứ việc anh ta làm mà trả báo.* ¹⁵ Cả anh nữa, cũng hãy đề phòng anh ta, vì anh ta mạnh mẽ chống lại lời chúng ta rao giảng.

¹⁶ Khi tôi đứng ra tự biện hộ lần thứ nhất, thì chẳng có ai bênh vực tôi. Mọi

người đã bỏ mặc tôi. Xin Chúa đừng chấp họ. ¹⁷ Nhưng có Chúa đứng bên cạnh, Người đã ban sức mạnh cho tôi, để nhờ tôi mà việc rao giảng được hoàn thành, và tất cả các dân ngoại được nghe biết Tin Mừng. ¹⁸ Và tôi đã thoát khỏi *nanh vuốt sư tử*. Chúa sẽ còn cho tôi thoát khỏi mọi hành vi hiểm độc, sẽ cứu và đưa tôi vào vương quốc của Người ở trên trời. Chúc tụng Người vinh hiển đến muôn thuở muôn đời. Amen.

Lời chào và lời chúc cuối thư

¹⁹ Xin gửi lời thăm chị Pơ-rít-ca và anh A-qui-la, và gia đình anh Ô-nê-xi-phô-rô. ²⁰ Anh Ê-rát-tô đã ở lại Cô-rin-tô. Còn anh Trô-phi-mô đang đau, tôi đã để anh ấy ở lại Mi-lê-tô. ²¹ Anh hãy mau đến trước mùa đông.

Các anh Êu-bu-lô, Pu-đê, Li-nô, chị Cơ-lau-đi-a và toàn thể anh em gửi lời thăm anh.

²² Chúa ở cùng thần trí anh. Chúc anh em được ân sung.

THƯ GỬI ÔNG TI-TÔ

DẪN NHẬP

Cũng như ông Ti-mô-thê, ông Ti-tô là một trong những trợ tá của thánh Phao-lô. Ông được giao cho công tác phục vụ Tin Mừng và kinh lý các Hội Thánh nhân danh thánh Phao-lô.

Bài bình giải dưới đây sẽ ngắn thôi, vì thư này có cùng một nguồn gốc như hai thư gửi ông Ti-mô-thê và không thêm gì nhiều vào hai thư đó.

THƯ GỬI ÔNG TI-TÔ

Lời mở đầu và lời chào

1 ¹ Tôi là Phao-lô, tôi tớ của Thiên Chúa và Tông Đồ của Đức Giê-su Ki-tô, có nhiệm vụ đưa những kẻ Thiên Chúa chọn đến đức tin và sự nhận biết chân lý phù hợp với đạo thánh, ² với niềm hy vọng được sự sống đời đời mà Thiên Chúa, Đấng không hề nói dối đã hứa từ thuở đời đời. ³ Vào đúng thời đúng buổi, Người đã biểu lộ lời Người trong lời rao giảng đã được giao phó cho tôi, theo lệnh của

Thiên Chúa, Đấng cứu độ chúng ta. ⁴ Tôi gửi lời thăm anh Ti-tô, người con tôi thật sự sinh ra trong cùng một đức tin chung. Xin Thiên Chúa là Cha và xin Đức Ki-tô Giê-su, Đấng cứu độ chúng ta, ban cho anh ân sủng và bình an.

Đặt các kỳ mục

* ⁵ Tôi đã để anh ở lại đảo C-rê-ta, chính là để anh hoàn thành công việc tổ chức, và đặt những kỳ mục trong mỗi thành, như tôi đã truyền cho anh. ⁶ Kỳ

* 1,5 Bảy giờ ông Ti-tô phải tổ chức các Hội Thánh ở C-rê-ta và cất đặt những người nắm giữ các trách nhiệm trong mỗi thành phố.

Chúng ta không biết tước hiệu *giám quản* (c.7) hay giám mục (nghĩa là người giám sát) có được tặng cho tất cả các kỳ mục hay không, hay chỉ dành cho những ai thực hiện một công việc thiết thực hơn. Sau một thời gian, chỉ còn có một giám quản duy nhất chịu trách nhiệm về toàn thể cộng đoàn và là cấp trên của hàng kỳ mục. Sau khi các Tông Đồ qua đời thì các giám quản kế vị các ngài, và trên lý thuyết có quyền bính như các ngài để cai quản Hội Thánh.

Những điều kiện cần thiết để được làm kỳ mục hay giám quản, mà thánh Phao-lô nói ở đây, nhắc lại những gì chúng ta đã gặp trong thư 1 Ti-mô-thê. Tuy nhiên, xin lưu ý những điểm sau đây :

– *Chỉ có một đời vợ*. Dĩ nhiên là không cần phải có vợ ; nhưng vì người ta phong chức cho những người đã đứng tuổi, nên thường thì các ông ấy đã có vợ. Ngày nay, các Hội Thánh Công Giáo đông phương vẫn còn truyền chức cho những người đã lập gia đình. Bức thư ở đây nhằm trường hợp thường xảy ra, trường hợp các Ki-tô hữu đã nhiều lần ly dị rồi lại cưới vợ khác khi họ còn là ngoại giáo.

mục phải là người không chê trách được, chỉ có một đời vợ, con cái cũng tin đạo và không mang tiếng là sống phóng đảng hay bất phục tùng. ⁷ Thật vậy, giám quản, với tư cách là quản lý của Thiên Chúa, phải là người không chê trách được, không ngạo mạn, không nóng tính, không nghiện rượu, không hiếu chiến, không tìm kiếm lợi lộc thấp hèn ; ⁸ trái lại, phải hiếu khách, yêu chuộng điều thiện, chừng mực, công chính, thánh thiện, biết tự chủ ; ⁹ người

ấy phải gắn bó với lời đáng tin cậy và đúng đạo lý, để vừa có khả năng dùng giáo lý lành mạnh mà khuyên nhủ, vừa có khả năng bẻ lại những kẻ chống đối.

Chống lại những người dạy giáo lý sai lạc

¹⁰ Thật vậy, có nhiều kẻ bất phục tùng, nói năng rỗng tuếch, lường gạt, mà đa số là những kẻ được cất bì. ¹¹ Cần phải khoá miệng họ lại. Hạng người đó làm đảo lộn nhiều gia đình từ trên xuống dưới ; vì lợi lộc

– Là người không chê trách được, không những là đương sự mà cả gia đình người ấy nữa. Khả năng chủ tọa là chính yếu trong ơn gọi của ông, và trong thực tế, ông sẽ không được cộng đoàn chấp nhận nếu gia đình và người chung quanh ông không sống như những chứng nhân xứng đáng.

– Phải hiếu khách. Hội Thánh là một nơi hiệp thông hơn là một tổ chức. Mọi người phải được tiếp đón và cảm thấy thoải mái trong nhà vị kỳ mục hay giám quản. Đàng khác, vị ấy phải đón tiếp các anh em và những người hữu trách từ các miền khác đến, để bảo đảm tình hợp nhất và hiệp thông giữa các cộng đoàn khác nhau. Vậy quân bình về mặt nhân bản là một thành tố trong ơn gọi giám quản. Ngài không thể là một con người tính khí bất thường, nói năng làm mất lòng người ta, nắm quyền mà không biết đến những luật sơ đẳng về phép lịch sự và tôn trọng con người. Người ta thường chê các vị có trách nhiệm trong Hội Thánh là các ngài có đức tin mà không biết hành xử theo nhân bản.

Đoạn 1,12-16 là lời khuyên phải cảnh giác, đừng trở về với lối giữ đạo và kiêng cử theo luật Do-thái. Mọi sự đều trong sạch với những người trong sạch : theo tinh thần Mt 15,11 và Rm 14,20. Nhưng không bao giờ có nghĩa là các ý định của chúng ta biện minh cho các việc làm của chúng ta (chúng ta cứ nghĩ là mình luôn có ý ngay lành !). Như thế là quên rằng xem quả thì biết cây (tức là ước muốn thúc đẩy chúng ta hành động), mà quả thì không thể biện minh được nếu nó đi ngược lại ý muốn của Thiên Chúa được biểu lộ trong Lề Luật.

thấp hèn, họ dạy những điều không được phép.¹² Một người trong số đó, một ngôn sứ của chính họ, đã nói : *Người Co-rê-ta nói dối luôn, họ là thú dữ, ham ăn lại lừa.*¹³ Lời chứng đó là thật. Vì lý do ấy, anh hãy nghiêm khắc sửa dạy họ, để họ có một đức tin lành mạnh,¹⁴ không còn chú ý đến những chuyện hoang đường của người Do-thái và những điều răn dạy của những con người đã quay lưng lại với chân lý.

¹⁵ Mọi sự đều trong sạch với những người trong sạch. Nhưng với những kẻ nhiễm ố và không có đức

tin, thì không có gì là trong sạch cả ; trái lại, trí khôn và lương tâm của họ đã bị nhiễm ố.¹⁶ Họ tuyên bố là biết Thiên Chúa, nhưng trong hành động họ lại chối Người. Họ là đồ ghê tởm, không vâng lời, và không có khả năng làm việc gì tốt.

Bốn phận của các hạng tín hữu

2 * ¹ Phần anh, hãy dạy những gì phù hợp với giáo lý lành mạnh. ² Hãy khuyên các cụ ông phải tiết độ, đàng hoàng, chừng mực, vững mạnh trong đức tin, đức mến và đức nhân ái. ³ Các cụ bà cũng vậy, phải ăn ở sao cho xứng là

* 2,1 Ở đây nhắc lại các bốn phận của người tín hữu tùy theo hoàn cảnh sống của họ. Xã hội thời bấy giờ đơn sơ hơn thời chúng ta nhiều, tất cả đều quy về vài phạm trù : nô lệ hay tự do, đàn ông hay đàn bà, trẻ hay già. Ngày nay có lẽ phải yêu cầu mỗi người xem xét kỹ hơn đâu là các trách nhiệm của mình trong đời sống.

Điều được nhấn mạnh là chúng ta phải sinh hoa trái. Đoạn tiếp theo sẽ nói rằng nếu chính Chúa Ki-tô đã hy sinh mạng sống cho chúng ta thì không được để cho một cuộc hy sinh như thế vô hiệu, không sinh hoa kết trái.

Ấn sừng của Thiên Chúa đã được biểu lộ (c.11). Đoạn thư nhắc lại bản chất của thông điệp Ki-tô giáo : thông điệp này bày tỏ cho chúng ta thấy một ân huệ của Thiên Chúa ; từ đó phát sinh lòng nhân ái, sự hoà giải và con người được thoát ra khỏi tính ích kỷ làm cho nó bị tê liệt.

Người đã tự hiến để cứu chuộc chúng ta (c.14). Như được nói ở Ep 5,25 và 1 Cr 11,25, hy lễ của Chúa Giê-su trước hết là để thanh tẩy những ai sẽ làm thành dân Người. Từ cuộc hoán cải của chúng ta, chính nhờ chiêm ngắm Chúa Giê-su mà dần dần chúng ta sẽ từ bỏ tất cả những gì là xấu xa và tàn bạo nơi mình.

người thánh, không nói xấu, không rượu chè say sưa, nhưng biết dạy bảo điều lành.

⁴ Như vậy, họ sẽ dạy cho người vợ trẻ biết yêu chồng, thương con, ⁵ biết sống chừng mực, trong sạch, chăm lo việc nhà, phục tùng chồng, để lời Thiên Chúa khỏi bị người ta xúc phạm. ⁶ Anh cũng hãy khuyên các thanh niên phải giữ chừng mực trong mọi sự. ⁷ Chính anh hãy làm gương về mặt đức hạnh. Khi anh giảng dạy thì đạo lý phải tinh tuyền, thái độ phải đàng hoàng, ⁸ lời lẽ phải lành mạnh, không ai bắt bẻ được, khiến đối phương phải bẽ mặt, vì không thể nói xấu chúng ta được điều gì. ⁹ Các nô lệ phải phục tùng chủ mình trong mọi sự, làm đẹp lòng chủ và đừng cãi lại, ¹⁰ đừng ăn cắp, nhưng tỏ lòng trung tín hoàn toàn ; như vậy là

họ làm cho đạo lý của Thiên Chúa, Đấng cứu độ chúng ta, được rạng rỡ mọi bề.

Nền tảng thần học của những đòi hỏi trên

¹¹ Quả thế, ân sủng của Thiên Chúa đã được biểu lộ, đem ơn cứu độ đến cho mọi người. ¹² Ân sủng đó dạy chúng ta phải từ bỏ lối sống vô luân và những đam mê trần tục, mà sống chừng mực, công chính và đạo đức ở thế gian này. ¹³ Sở dĩ như vậy, là vì chúng ta trông chờ ngày hồng phúc vẫn hằng mong đợi, ngày Đức Ki-tô Giê-su là Thiên Chúa vĩ đại và là Đấng cứu độ chúng ta, xuất hiện vinh quang. ¹⁴ Vì chúng ta, Người đã tự hiến để cứu chuộc chúng ta cho thoát khỏi mọi điều bất chính, và để thanh luyện chúng ta, khiến chúng ta thành Dân riêng của Người, một dân hằng say làm việc thiện.

Ân sủng đó dạy chúng ta phải từ bỏ lối sống vô luân (c.12). Thiên Chúa cho chúng ta hiểu là cần phải thanh tẩy hành động và tâm hồn chúng ta.

– *Chừng mực* và ý thức về các trách nhiệm của chúng ta.

– *Công chính* với tha nhân, bằng cách trước hết là sống công chính trước mặt Thiên Chúa.

– *Đạo đức* : ở đây có nghĩa là chân thành trong việc phụng sự Thiên Chúa.

¹⁵ Đó là những điều anh phải nói, phải khuyên, phải sửa dạy với tất cả uy quyền. Chớ gì đừng có ai coi thường anh.

Bốn phận chung của các tín hữu

3 * ¹ Anh hãy nhắc nhở cho ai nấy phải phục tùng và tuân lệnh các nhà chức trách, các người cầm quyền, phải sẵn sàng làm mọi việc tốt, ² và đừng chửi bới ai, đừng hiếu chiến, nhưng phải hiền hoà, luôn luôn tỏ lòng nhân từ với mọi người. ³ Thật vậy, cả chúng ta nữa, xưa kia chúng ta cũng

ngu xuẩn, không vâng lời, lầm lạc, làm nô lệ cho đủ thứ đam mê và khoái lạc, sống trong gian ác và ganh tị, đáng ghét và ghen ghét lẫn nhau.

⁴ Nhưng Thiên Chúa, Đấng cứu độ chúng ta, đã biểu lộ lòng nhân hậu và lòng yêu thương của Người đối với nhân loại. ⁵ Không phải vì tự sức mình chúng ta đã làm nên những việc công chính, nhưng vì Người thương xót, nên Người đã cứu chúng ta nhờ phép rửa ban ơn Thánh Thần, để chúng ta được tái sinh và đổi mới. ⁶ Thiên Chúa đã tuân đổ đầy tràn

* 3,1 Trước đây, khi ngỏ lời với các Ki-tô hữu thuộc thế hệ đầu tiên, thánh Phao-lô cho thấy rõ nét con người được hoán cải đã được biến đổi như thế nào. Ý nghĩa đầu tiên của cuộc “trở lại” để thành Ki-tô hữu là phải đoạn tuyệt. Nhưng trong thế hệ tiếp theo, đang lúc Hội Thánh được thiết lập trong nhiều tỉnh của đế quốc Rô-ma, niềm hy vọng vào một cuộc trở lại gần kề của Chúa Ki-tô đã phai nhạt đi. Nếu đời sống của thế giới và của Hội Thánh kéo dài thì người Ki-tô hữu phải làm gương qua một cuộc sống nền nếp và công chính. Vì lòng phục tùng bấy giờ là một yếu tố nâng đỡ đời sống gia đình và xã hội, nên thánh Phao-lô nhấn mạnh thái độ “tâm phục”, chứ không chỉ “khẩu phục”, của người Ki-tô hữu.

Nói rằng trong giáo huấn của Tân Ước có những mâu thuẫn hoặc thái độ xu thời, là chuyện dễ : ở chỗ này thì nói đến hai chữ liêm sỉ và những đức tính trong gia đình ; ở chỗ khác thì cả các đấng sinh thành cũng không được coi là gì nữa. Thật ra điều này không đối nghịch với điều kia. Bao lâu điều phải tuân giữ không nghịch với ý Thiên Chúa thì phải tâm phục, nhưng khi có ai lạm quyền đòi thay thế Thiên Chúa, không kể gì đến lương tâm và quyền lợi con người, thì phải từ chối mọi thái độ lệ thuộc, thiếu độc lập đối với kẻ ấy.

Dù sao, ở đây vẫn nhấn mạnh đến các đức tính trong đời sống xã hội. Đã nói như thế ở 2,5 ; 2,10, và cũng vậy ở 1 Tm 2,2 và 2,11.

ơn Thánh Thần xuống trên chúng ta, nhờ Đức Giê-su Ki-tô, Đấng cứu độ chúng ta. ⁷ Như vậy, một khi nên công chính nhờ ân sủng của Đức Ki-tô, chúng ta được thừa hưởng sự sống đời đời, như chúng ta vẫn hy vọng.

Khuyên riêng ông Ti-tô

* ⁸ Đó là lời đáng tin cậy, và tôi muốn anh đặc biệt nhấn mạnh các điểm ấy, để những kẻ đã đặt niềm tin vào Thiên Chúa ra sức trỗi vượt về những việc tốt đẹp. Đó là điều tốt đẹp và hữu ích cho người ta.

⁹ Còn những cuộc tranh luận điên rồ, những chuyện gia phả, những vụ cãi cọ, xung đột về Lễ Luật, anh hãy tránh xa : những cái đó vô ích và rỗng tuếch. ¹⁰ Người theo bè phái, thì sau khi cảnh cáo lần thứ nhất và lần thứ hai, anh hãy loại đi, ¹¹ vì

biết rằng một người như thế đã ra hư đốn, người ấy phạm tội và tự kết án mình.

Dặn dò. Lời chào và lời chúc cuối thư.

¹² Khi nào tôi sai anh Ác-tê-ma hay anh Ty-khi-cô đến với anh, thì hãy liệu mau đến với tôi ở Ni-cô-pô-li, vì tôi đã quyết định ở lại đó suốt mùa đông. ¹³ Anh hãy lo tiễn đưa luật gia Dê-na và anh A-pô-lô cho chu đáo, đừng để họ phải thiếu thốn gì. ¹⁴ Các anh em của chúng ta cũng phải học cho biết trỗi vượt về những việc tốt đẹp, để đáp ứng những nhu cầu cấp bách ; như vậy họ không phải là không sinh hoa kết quả.

¹⁵ Tất cả những anh em ở với tôi gửi lời thăm anh. Xin gửi lời thăm các bạn hữu cùng một đức tin như chúng ta. Chúc tất cả anh em được ân sủng.

* 3,8 Từ mà thánh Phao-lô dùng ở đây (c.10) có thể dịch là “giáo phái” hay “lạc giáo” cũng được. Đây là hai khía cạnh của một từ Hy-lạp có nghĩa là “lựa chọn”. Thay vì đón nhận đức tin như Hội Thánh truyền dạy, người lạc giáo chọn những điều mà cá nhân người ấy cho là quan trọng nhất và tốt nhất. Người ấy chối bỏ một phần thông điệp, và cùng với các đồ đệ, lia bỏ Hội Thánh để thành lập nhóm riêng của mình. Vì chuộng phán đoán riêng của mình hơn là giáo lý của Hội Thánh, người ấy không còn giữ thái độ thăm sâu của lòng tin và huỷ hoại sự hợp nhất của Thân Thể Chúa Ki-tô, cho dù đã biết giữ lại phần lớn của thông điệp.

THƯ GỬI ÔNG PHI-LÊ-MÔN

Lời chào thăm

¹ Phao-lô, kẻ bị tù vì Đức Ki-tô Giê-su, cùng với người anh em là Ti-mô-thê, gửi anh Phi-lê-môn, cộng sự viên thân mến của chúng tôi, ² cùng chị Áp-phi-a và anh Ác-khíp-pô, chiến hữu của chúng tôi, đồng thời kính gửi Hội Thánh họp tại nhà anh. ³ Chúc anh chị em được đầy tràn ân sủng và bình an của Thiên Chúa, Cha chúng ta, và của Chúa Giê-su Ki-tô.

Tạ ơn và cầu nguyện

⁴ Tôi luôn luôn tạ ơn Thiên Chúa, khi nhớ đến anh trong lời cầu nguyện, ⁵ bởi được nghe nói về lòng mến và lòng tin của anh đối với Chúa Giê-su : lòng mến và lòng tin ấy có ích cho mọi người trong dân thánh. ⁶ Chớ gì lòng tin mà anh chia sẻ với chúng tôi trở nên hữu hiệu, giúp anh hiểu biết tất cả những gì tốt chúng ta có thể làm để phục vụ Đức Ki-tô.

Ông Phi-lê-môn người Cô-lô-xê có một người nô lệ tên là Ô-nê-xi-mô, một cái tên có hậu cho một người nô lệ, vì Ô-nê-xi-mô có nghĩa là "hữu ích" ! (x. 1,1). Ô-nê-xi-mô bỏ trốn và đến Rô-ma, nơi anh hy vọng có thể mất hút trong đám đông. Tình cờ và may mắn cho anh, anh gặp thánh Phao-lô mà anh đã từng quen biết khi còn ở nhà chủ mình.

Vào lúc đó, thánh Phao-lô đang bị cầm tù ở Rô-ma, nhưng được hưởng một vài đặc ân như ra ngoài, có cảnh sát hộ tống. Ô-nê-xi-mô hoán cải và được thanh tẩy. Sau đó, thánh Phao-lô bảo anh trở về với chủ cũ, với lá thư gửi kèm mà chúng ta đọc ở đây.

Đọc lá thư này của thánh Phao-lô đối chiếu với một lá thư mà văn hào Xi-xê-ron viết trước đó vài năm sẽ thấy thú vị. Trong lá thư, Xi-xê-ron biện hộ cho một người nô lệ cũng ở trong trường hợp như Ô-nê-xi-mô. Nhà nhân văn học ngoại giáo xin ơn tha thứ cho thủ phạm. Ngược lại, thánh Phao-lô xin cho người nô lệ được đối xử như một người anh em, và còn gợi ý xin cho anh được phóng thích nữa (c.21).

Chúng ta đã nói đến những lời khuyên của thánh Phao-lô dành cho các nô lệ trong Cl 3,22. Trong những năm đầu tiên của Hội Thánh, khi khám phá ra đời sống mới trong Chúa Ki-tô thì ai nấy xem điều ấy là quan trọng hơn tất cả mọi sự khác, đến nỗi cho rằng là nô lệ hay tự do thì đâu có gì khác nhau lắm (x. phần bình giải 1 Cr 7,17).

⁷ Thật thế, tôi rất vui mừng và lấy làm an ủi, khi thấy đức bác ái của anh, bởi vì, thưa anh, anh đã làm cho lòng trí các người trong dân thánh được phấn khởi.

Can thiệp cho Ô-nê-xi-mô

⁸ Vì thế, mặc dầu nhờ kết hợp với Đức Ki-tô, tôi có đủ mạnh dạn để truyền cho anh làm điều anh phải làm. ⁹ Nhưng tôi thích kêu gọi lòng bác ái của anh hơn, để xin anh làm điều đó. Tôi, Phao-lô, một người đã già và hơn nữa, một người đang bị tù vì Đức Ki-tô Giê-su, ¹⁰ tôi van xin anh cho đứa con của tôi, đứa con tôi đã sinh ra trong cảnh xiềng xích, đó là Ô-nê-xi-mô, ¹¹ kẻ xưa kia đối với anh là vô dụng, thì nay đã thành người

hữu ích cho cả anh lẫn tôi, ¹² tôi xin gửi nó về cho anh ; xin anh hãy đón nhận nó như người ruột thịt của tôi.

¹³ Phần tôi, tôi cũng muốn giữ nó ở lại với tôi, để nó thay anh mà phục vụ tôi trong khi tôi bị xiềng xích vì Tin Mừng. ¹⁴ Nhưng

tôi chẳng muốn làm gì mà không có sự chấp thuận của anh, kéo việc nghĩa anh làm có vẻ miễn cưỡng, chứ không phải tự nguyện.

¹⁵ Nó đã xa anh một thời gian, có lẽ chính là để anh được lại nó vĩnh viễn,

¹⁶ không phải được lại một người nô lệ, nhưng thay vì một người nô lệ, thì được một người anh em rất thân mến ; đối với tôi đã vậy, phương chi đối với anh lại càng thân mến hơn biết mấy, cả về tình người cũng như về tình

Vào thời đó, không ai nghĩ có thể thay đổi các cơ cấu xã hội : trước đây đã có nô lệ, và sẽ còn có mãi ! Thật ra, chế độ nô lệ bèn Tây phương kéo dài cho tới khi người ta nghĩ ra những phương pháp mới để sử dụng sức mạnh của loài vật ("mã lực"). Hơn nữa, trong những thế kỷ đầu, các Ki-tô hữu chỉ là một thiểu số không có ảnh hưởng chính trị. Nhưng trước khi có người nghĩ đến chuyện thay đổi luật lệ, các Ki-tô hữu, được đức tin hướng dẫn, đã từ chối coi người nô lệ như những "đồ vật" hay những người hạ cấp ; và trong Hội Thánh, càng ngày càng có nhiều người chú ý từ bỏ quyền lợi của mình và phóng thích nô lệ.

Nhiều người nghĩ rằng cộng đoàn Ki-tô hữu chẳng có gì để nói với họ về những điều liên quan đến trách nhiệm của họ trong xã hội. Ở đây thì ngược lại, chúng ta thấy thánh Phao-lô động viên tất cả cộng đoàn như thế nào trong vấn đề của ông Phi-lê-môn.

anh em trong Chúa.
¹⁷ Vậy, nếu anh coi tôi là bạn đồng đạo, thì xin anh hãy đón nhận nó như đón nhận chính tôi. ¹⁸ Nếu nó đã làm thiệt hại anh hoặc mắc nợ anh điều gì, thì xin để tôi nhận cả... ¹⁹ Chính tôi, Phao-lô, tự tay viết điều này : tôi sẽ hoàn trả lại. Tôi khỏi cần nói với anh là anh còn mắc nợ tôi : món nợ đó là chính anh. ²⁰ Phải, thưa anh, xin anh cho tôi được hưởng niềm vui đó trong Chúa. Anh hãy làm cho lòng trí tôi được phấn khởi trong Đức Ki-tô. ²¹ Tôi viết thư này cho anh với niềm tin tưởng là anh sẽ nghe theo. Tôi

biết rằng anh sẽ còn làm hơn những gì tôi xin nữa.

Những lời dặn dò, thăm hỏi

²² Đồng thời, xin anh dọn cho tôi một chỗ ở, bởi vì tôi hy vọng là nhờ lời anh em cầu nguyện, tôi sẽ được trở về với anh em.

²³ Anh Ê-páp-ra, người bạn tù với tôi trong Đức Ki-tô Giê-su, gửi lời chào anh, ²⁴ cùng với các cộng sự viên của tôi là Mác-cô, A-rít-ta-khô, Ê-ma và Luca.

²⁵ Cầu chúc anh em được đầy tràn ân sủng của Chúa Giê-su Ki-tô. A-men.

THƯ GỬI TÍN HỮU DO-THÁI

DẪN NHẬP

Thời các Tông Đồ, người ta gọi những người Do-thái sống ở Pa-lét-tin là người Híp-ri, để phân biệt với đa số đồng bào của họ đã di cư đến các xứ khác trong khắp đế quốc Rô-ma. Lá thư này được viết cho các cộng đoàn Ki-tô giáo tiên khởi đã hình thành tại Pa-lét-tin sau lễ Ngũ Tuần, gồm những người Do-thái thuần tuý.

Họ đã bị bách hại vì là môn đệ Chúa Ki-tô, có những người bị tịch biên tài sản. Họ chẳng còn gì nữa ở đời này và phải đùm bọc lấy nhau với niềm xác tín rằng, một khi cuộc lưu đày chấm dứt, họ sẽ được hưởng quê thật là nơi Chúa Giê-su đã về, sau cuộc Thương Khó của Người. Như thế hoàn cảnh của họ cũng lại giống như của tổ tiên họ, những người đã từng rong ruổi trong sa mạc, mong mỏi tìm về Đất Hứa.

Người ta sẽ thấy ngay rằng thư này đã được viết cho những người quen thuộc với Cựu Ước : có lẽ, thậm chí là có nhiều khả năng, đó là những vị tư tế Do-thái đã nhìn nhận Đức Giê-su là Đấng Ki-tô (Thiên Sai), và lúc bấy giờ họ đang trải qua một cuộc khủng hoảng.

Quả thế, họ vốn là tư tế, nên trong quá khứ, Đền Thờ là tất cả lẽ sống của họ : họ dâng hy lễ, và bù lại, họ được hưởng một phần các lễ vật. Nhưng bây giờ, không những họ bị người Do-thái loại trừ và trục xuất khỏi Đền Thờ, mà chính Chúa Ki-tô lại còn thế chỗ họ nữa. Nơi Người, đền thờ Giê-ru-sa-lem và nền phụng tự ở đó đã đạt mức kiện toàn : từ nay, các tư tế ấy đã thành lỗi thời. Là người giáo dân, nên Chúa Ki-tô đã tổ chức Hội Thánh Người mà không cần đến chức tư tế của “con cháu A-

ha-ron” là hàng tư tế Do-thái : vị tư tế, người làm trung gian giữa loài người với Thiên Chúa Chí Thánh, chính là Chúa Ki-tô, và chỉ một mình Người thôi.

Như thế, Chúa Ki-tô đã làm cho họ mất việc cũng như mất luôn lý do để tôn tại. Đôi khi, những con người này, trước đây đã từng biết Chúa Giê-su tại thế, chắc phải dăm ra hoài nghi : có phải tại Người mà tất cả đã thật sự thay đổi rồi không ? Để củng cố lòng tin của họ, bức thư này cho họ thấy rằng đạo Do-thái, với tất cả những lễ nghi linh đình tại đền thờ Giê-ru-sa-lem, chỉ là hình bóng của một điều khác lớn lao hơn nhiều. Ôn thứ tha tội lỗi, lòng tôn thờ Thiên Chúa trong thần khí, niềm khát vọng của toàn bộ Cựu Ước, phải là công trình do vị tư tế chân chính của toàn thể nhân loại là Đức Giê-su, Con Thiên Chúa, thực hiện. Giờ đây, không còn hy lễ nào khác ngoài hy lễ Người dâng, khởi đầu trên thập giá và kết thúc trong vinh quang.

Trong thế giới ngày nay, lại không có nhiều người Híp-ri, nhiều kẻ mất gốc hay sao ? Những bệnh nhân không còn hy vọng, những Ki-tô hữu bị bách hại, những kẻ không chấp nhận sống giữa những bất công và một xã hội quá tâm thường. Cho dù có nhiều người trong số họ không hiểu hết các lý chứng hay các lời trích dẫn Kinh Thánh trong thư này, họ cũng sẽ được cổ vũ để sống đức tin.

Mặt khác, từ “tư tế” (linh mục) đã có một tầm quan trọng lớn lao trong Hội Thánh, nên không phải là vô ích nếu tìm đọc lại ở đây bản văn Kinh Thánh đã đi xa nhất vào chiều sâu ý nghĩa của chức vụ tư tế, vào cuộc chuyển hướng của chức vụ này mà chính hy lễ của Chúa Giê-su là căn nguyên.

Thư này được viết tại Rô-ma, có lẽ quãng năm 66, khi cuộc chiến tranh bùng nổ khiến Giê-ru-sa-lem sẽ bị huỷ diệt. Đó cũng là những tháng cuối đời của thánh Phao-lô ; người đang bị cầm tù ở Rô-ma lần thứ hai. Bức thư không xa lạ với tư

tưởng của thánh nhân, nhưng không phải do ngài viết. Rất có thể người viết là ông A-pô-lô, được nhắc tới trong Cv 18,24-28, một nhân vật “thông thạo Kinh Thánh”, đã dùng Kinh Thánh (Cựu Ước) chứng minh rằng Chúa Giê-su là Đấng Thiên Sai.

THƯ GỬI TÍN HỮU DO-THÁI

LỜI TỰA

Địa vị cao trọng của Con Thiên Chúa làm người

1 ¹ Thuở xưa, nhiều lần nhiều cách, Thiên Chúa đã phán dạy cha ông chúng ta qua các ngôn sứ ; ² nhưng vào thời sau hết này, Thiên Chúa đã phán dạy chúng ta qua Thánh Tử. Thiên Chúa đã nhờ Người mà dựng nên vũ trụ, đã đặt Người làm Đấng thừa hưởng muôn vật

muôn loài. ³ Người là phản ánh vẻ huy hoàng, là hình ảnh trung thực của bản thể Thiên Chúa. Người là Đấng dùng lời quyền năng của mình mà duy trì vạn vật. Sau khi đã tẩy trừ tội lỗi, Người lên ngự bên hữu Đấng Cao Cả trên trời. ⁴ Danh hiệu Người được thừa hưởng, cao cả hơn danh hiệu các thiên thần bao nhiêu, thì Người lại trội hơn họ bấy nhiêu.

* 1,1 Chương này cho chúng ta thấy Chúa Ki-tô cao trọng hơn các thiên thần, vì Người là Con Thiên Chúa. Xin coi cũng một lời biện minh này trong Cl 1,15-20 và Ep 1,2-23. Trước khi Đức Giê-su sinh làm người thì Người đã là người Con trong Thiên Chúa, là *phản ánh vẻ huy hoàng* của Chúa Cha, là Thiên Chúa bởi Thiên Chúa, ánh sáng bởi ánh sáng, *hình ảnh vô hình* của Thiên Chúa vô hình, là *Ngôi Lời* hay là hiện thân của sự trường tồn bí nhiệm của Thiên Chúa (Ga 1,1-14).

Dem so sánh Chúa Giê-su với các thiên thần có thể làm chúng ta ngạc nhiên (như ở Ep 1 và Cl 1). Nhưng đối với các tín hữu thời ấy, chỉ cần chiêm ngắm thiên nhiên là họ cảm thấy được, qua nét hài hoà và vẻ rực rỡ của tạo thành, sự hiện diện năng động của các vật thể trong vũ trụ mà họ gọi là thiên thần, là những vị chia nhau nắm giữ những kho tàng của Thiên Chúa. Toàn bộ Cựu Ước đã chống lại các tín ngưỡng thần thánh hoá thiên nhiên, nhưng vẫn cho thấy Thiên Chúa là Đấng rất cao xa, vượt trên tất cả các thần. Nếu thời ấy, người ta tránh cả đến chuyện đọc tên của Chúa thì đấy lại càng có thêm một lý do để nhìn nhận rằng các thần linh thượng giới hoạt động không ngừng để biểu lộ sự quan phòng của Thiên Chúa phù trợ chúng ta.

I. CON THIÊN CHÚA CAO TRỌNG HƠN CÁC THIÊN THẦN

Bằng chứng Kinh Thánh

⁵ Thật vậy, có bao giờ Thiên Chúa đã phán cùng vị thiên thần nào : *Con là Con của Cha, ngày hôm nay Cha đã sinh ra Con* hoặc là : *Ta sẽ là Cha Người, và chính Người sẽ là Con Ta.* ⁶ Khi đưa Trưởng Tử vào thế giới loài người, Thiên Chúa lại nói : *Mọi thiên thần của Thiên Chúa, phải thờ lạy Người.* ⁷ Về các thiên thần, thì có lời chép : *Người làm cho thiên thần của Người nên những luồng gió, và thuộc hạ của*

Người thành những ngọn lửa. ⁸ Nhưng về Người Con, thì Kinh Thánh lại nói : *Lạy Thiên Chúa, ngôi báu Ngài sẽ trường tồn vạn kỷ ! Vương trượng Ngài, vương trượng công minh.* ⁹ Ngài ưa điều chính trực, ghét điều gian ác. Chính vì vậy, Thiên Chúa là Thiên Chúa của Ngài đã tôn phong Ngài vượt trời các đồng liêu, mà xúc cho dầu thơm hoan lạc. ¹⁰ Và có lời khác : *Lạy Chúa, lúc khởi đầu, Chúa đã đặt nền trái đất, chính tay Ngài tạo tác vòm trời.*

Ngay cả khi nhắc lại quá khứ của Ít-ra-en, người thời đó cũng gán cho các vị ấy nhiều điều : chính một thiên thần đã gọi ông Mô-sê chứ không phải đích thân Thiên Chúa. Chính các thiên thần đã trao cho ông Lê Luật (x. 2,2). Chúng ta nữa, một đảng chúng ta có một ý niệm nào đó về mẫu nhiệm Thiên Chúa, đảng khác chúng ta vẫn ngỡ ngàng khi nghĩ rằng mình lại có thể đi vào trong tình hiệp thông với Người : cứ xem bao nhiêu người thời nay tìm tiếp xúc được với những sức mạnh thần thiêng, chắc chắn ở cấp thấp hơn nhiều. Vậy phải khẳng định một lần nữa rằng Chúa Giê-su, dù không phải là thiên thần nhưng là một người trong chúng ta, vẫn vượt trên tất cả các vị ấy.

Lạy Chúa, Chúa đã. Cần thận về cách thức tranh luận : ngay từ thời Giáo Hội sơ khai, các Tông Đồ quy về Chúa Ki-tô tất cả các đoạn văn trong Sách Thánh có dùng chữ *Chúa*. Thật ra, từ *Chúa* mà các ngài đọc trong bản văn Hy-lạp là dịch từ danh xưng “Gia-vê” của bản Híp-ri. Vậy các ngài chủ ý quy về Chúa Ki-tô một số rất lớn những câu thưa với “Gia-vê – Thiên Chúa” trong Cựu Ước. Thiết tưởng điều này cũng đủ để phi bác những gì chúng ta vẫn còn nghe nói ngay cả thời nay nữa, rằng : chỉ dần dần với thời gian, người ta mới coi Đức Giê-su là Con Thiên Chúa và là Thiên Chúa trọn vẹn, rằng ở thời gian đầu, các Tông Đồ chỉ nhìn thấy Người như một Đấng Thiên Sai mà thôi.

¹¹ Chúng tiêu tan, Chúa vẫn còn hoài ; chúng đều sẽ cũ đi như chiếc áo.

¹² Chúa sẽ cuốn chúng lại như cuốn áo choàng, chúng sẽ bị thay như người ta thay áo. Nhưng chính Chúa vẫn tiền hậu y nguyên, và năm tháng của Ngài sẽ không chấm dứt.

¹³ Và có bao giờ Thiên Chúa đã phán với một thiên thần nào rằng : *Bên hữu Cha đây, Con lên ngự trị, để rồi bao địch thù, Cha sẽ đặt làm bệ dưới chân Con ?* ¹⁴ Nào tất cả các vị đó không phải là những bậc thiêng liêng chuyên lo phụng thờ Chúa, được sai đi phục vụ để mưu ích cho những kẻ sẽ được thừa hưởng ơn cứu độ sao ?

Lời khuyên nhủ

2 ¹ Vì thế, chúng ta càng phải chú tâm hơn nữa vào những lời đã nghe, kéo bị cuốn trôi đi mất. ² Quả vậy, nếu lời được các thiên thần loan báo đã có hiệu lực, và nếu mọi vi

phạm cũng như bất tuân đều bị phạt đích đáng, ³ thì làm sao chúng ta thoát khỏi, nếu chúng ta thờ ơ với ơn cứu độ cao quý như thế ? Ơn cứu độ đó, đầu tiên đã được Chúa rao giảng, rồi được những kẻ nghe cho chúng ta thấy là có hiệu lực, ⁴ đồng thời được Thiên Chúa chứng thực bằng những dấu lạ điếm thiêng, bằng nhiều quyền năng khác nhau và bằng các ân huệ của Thánh Thần mà Người phân phát tùy ý muốn của Người.

Đức Ki-tô thực hiện công trình cứu chuộc, chứ không phải các thiên thần

* ⁵ Thật vậy, Thiên Chúa đã không trao cho các thiên thần quyền làm chủ thế giới tương lai, thế giới mà chúng ta đang nói đến. ⁶ Nhưng trong một đoạn Kinh Thánh kia, có người đã làm chứng rằng : *Phàm nhân là chi mà Chúa cần nhớ đến ?*

* 2,5 Tác giả vừa khẳng định thần tính của Chúa Ki-tô, nhưng ngay sau đó ông lấy từ Cựu Ước những bản văn khác nói về nhân tính, về "Con Người" như nói theo tiếng Híp-ri, và ở đây, ông cũng áp dụng hết cho Chúa Ki-tô. Đó là vì, trong ý định của Thiên Chúa, Con Người và Chúa Ki-tô chỉ là một. Người đã như thế nào, đã đạt tới mức vinh quang nào, chúng ta đều được kêu gọi chia sẻ hết tất cả với Người.

Con người là gì mà Chúa phải thăm nom ? ⁷ *Chúa đã làm cho con người thua kém các thiên thần trong một thời gian ngắn, ban vinh quang, danh dự làm mũ triều thiên, ⁸ đặt muôn loài, muôn sự dưới chân con người, bắt chúng phải phục quyền con người. Khi bắt muôn loài muôn sự phải phục quyền con người, Thiên Chúa không để cho một sự gì không phục quyền con người. Thật ra, hiện nay chúng ta chưa thấy muôn loài muôn sự phục quyền con người. ⁹ Nhưng con người đã bị thua kém các thiên thần trong một thời gian ngắn, thì chúng ta lại thấy được Thiên Chúa ban vinh quang danh dự làm mũ triều thiên, bởi vì đã cam*

chịu tử hình. Con người đó, chính là Đức Giê-su. Thật vậy, Đức Giê-su đã phải nếm sự chết, là để cho mọi người được cứu độ, nhờ ơn Thiên Chúa.

¹⁰ *Quả thế, Thiên Chúa là nguồn gốc và cùng đích mọi loài, chính vì muốn đưa muôn vàn con cái đến vinh quang, nên Người đã làm một việc thích đáng, là cho Đức Giê-su trải qua gian khổ mà trở thành vị lãnh đạo thập toàn, dẫn đưa họ tới nguồn ơn cứu độ. ¹¹ Thật vậy, Đấng thánh hoá là Đức Giê-su, và những ai được thánh hoá đều do một nguồn gốc. Vì thế, Người đã không hổ thẹn gọi họ là *anh em*, ¹² khi nói : *Con nguyện sẽ loan truyền danh Chúa**

Thế giới tương lai (c.5). Bản văn viết thế, nhưng ở đây không nói về tương lai hoặc về ngày tận thế đầu : đây là thời đại mới và là chung cuộc, thời đại bắt đầu từ ngày Chúa Ki-tô phục sinh mà 1 Tm 4,1 gọi là "thời cuối cùng". Thế giới mới là thế giới có Chúa Ki-tô Phục Sinh hiện diện, và nó đã ở vào tâm mức chúng ta có thể với tới : một tín hữu sống trong Thần Khí luôn luôn có kinh nghiệm về những thực tại không thuộc trái đất chúng ta, cho dù ban đầu họ không ý thức được điều đó.

Vậy, toàn bộ lịch sử của Chúa Giê-su vừa là của Người, cũng vừa là của chúng ta. *Thiên Chúa đã làm một việc thích đáng là cho Đức Giê-su trải qua gian khổ mà trở thành vị lãnh đạo thập toàn, dẫn đưa (con cái) tới nguồn ơn cứu độ* (c.10). Để giải thoát loài người, không có con đường nào khác ngoài con đường thập giá : những ai muốn giải thoát anh em mình sẽ phải chịu thử thách. Không có con đường nào khác để trưởng thành, dù là cá nhân hay dân tộc.

cho anh em tất cả được hay, và trong đại hội Dân Ngài, con xin dâng tiến một bài tán dương.

¹³ Người lại nói : *Phần tôi, tôi sẽ tin cậy Thiên Chúa.* Người còn nói : *Này tôi đây, cùng với những con cái mà Thiên Chúa đã ban cho tôi.*

¹⁴ Như thế, vì con cái thì đều chung một huyết nhục, nên Đức Giê-su đã cùng mang lấy huyết nhục đó. Như vậy, nhờ cái chết của Người, Người đã tiêu diệt tên lãnh chúa gây ra sự chết, tức là ma quỷ, ¹⁵ và

đã giải thoát những ai vì sợ chết mà suốt đời sống trong tình trạng nô lệ. ¹⁶ Vì những kẻ được Người giúp đỡ không phải là các thiên thần, mà là con cháu Áp-ra-ham. ¹⁷ Bởi thế, Người đã phải nên giống anh em mình về mọi phương diện, để trở thành một vị Thượng Tế nhân từ và trung tín trong việc thờ phượng Thiên Chúa, hầu đền tội cho dân. ¹⁸ Vì bản thân Người đã trải qua thử thách và đau khổ, nên Người có thể cứu giúp những ai bị thử thách.

Chính trên thập giá Chúa Ki-tô mà chúng ta phải khám phá ra tình yêu của Chúa Cha đối với Con mình, bởi vì không phải Cha đã tuyên án cho Con chịu đau khổ giữa loài người, nhưng đã mời gọi Con đi theo con đường đau khổ mà trở thành Đấng Cứu Độ và mẫu mực cho mọi người.

Đức Giê-su đã cùng mang lấy huyết nhục đó (c.14). Thiên Chúa dùng tình liên đới nhân loại để cứu chúng ta. Chúa Ki-tô cứu chúng ta bằng cách chia sẻ *huyết nhục* cũng như vận mệnh con người. Cũng vậy, chúng ta được cứu khi chấp nhận sự lệ thuộc và liên đới này. Làm việc sát cánh với người khác, chia sẻ sướng khổ với họ, đó là điều kiện để cứu họ. Tất cả chúng ta ai cũng mơ ước được thoát khỏi thân phận làm người, thoát khỏi mối lệ thuộc mang tính cách nghiệt ngã ở nhiều khu phố : chúng ta có cảm tưởng rằng, nếu được độc lập hơn, nhân cách của chúng ta sẽ phát triển. Có lẽ đấy chỉ là một ảo tưởng : sự lệ thuộc nhau trong tiểu tiết cuộc sống hằng ngày là phương tiện Thiên Chúa muốn dùng để chúng ta cứu mang *anh em cùng huyết nhục* với chúng ta.

II. ĐỨC GIÊ-SU, VỊ THƯỢNG TẾ TRUNG THÀNH VÀ BIẾT CẢM THƯƠNG

Đức Ki-tô cao trọng hơn ông Mô-sê

3 * 1 Do đó, thưa anh em là những người trong dân thánh, những người được hưởng chung ơn gọi bởi trời, anh em hãy ngắm nhìn Đức Giê-su là Sứ Giả, là Thượng Tế, là Trung Gian cho chúng ta tuyên xưng đức tin. 2 Người trung thành với Đấng đã đặt Người lên chức vụ đó, cũng như ông Mô-sê đã trung thành khi thi hành chức vụ đối với toàn thể nhà Thiên Chúa. 3 Như người làm nhà đáng tôn vinh hơn chính ngôi nhà, thì Đức Giê-su cũng được coi

là đáng tôn vinh hơn ông Mô-sê. 4 Quả thật, nhà nào cũng phải có người làm ra, và Đấng làm ra mọi sự là Thiên Chúa. 5 Ông Mô-sê đã trung thành khi thi hành chức vụ đối với toàn thể nhà Thiên Chúa, với tư cách là tôi tớ để làm chứng về các điều Thiên Chúa sẽ phán truyền. 6 Còn Đức Ki-tô thì trung thành với tư cách là người Con đứng đầu nhà Thiên Chúa. Mà nhà Thiên Chúa là chính chúng ta, miễn là chúng ta giữ vững đến cùng lòng tin tưởng và thái độ hiên ngang về niềm hy vọng của chúng ta.

* 3,1 Thời ấy, so sánh Chúa Giê-su với ông Mô-sê là chuyện bình thường, vì trong tất cả Cựu Ước không có ai cao trọng hơn ông. Nhưng thật ra tác giả chỉ dừng lại ở kinh nghiệm mà dân đã trải qua vào thời ông Mô-sê thôi : người Híp-ri đã rong ruổi trong sa mạc để tìm về phần đất mà Thiên Chúa đã hứa ban cho họ, và nhiều người đã không vượt nổi thử thách này.

Qua ông Mô-sê, Thiên Chúa đã mời gọi họ tiến vào một thế giới mới. Nhưng họ không thấy được rằng họ phải vươn lên tới một cuộc sống hoàn toàn khác hẳn. Mỗi khi gặp gặp khó khăn thì họ lại hết ước mong vào Đất Hứa. Đến lượt người tín hữu ngày nay cũng đang trên đường tiến về chốn nghỉ ngơi mà Thiên Chúa dành cho họ. Lần đầu thì chính ông Mô-sê, người tôi trung của Thiên Chúa, chỉ đạo dân Người với tư cách là người đã trung thành khi thi hành chức vụ đối với toàn thể nhà Thiên Chúa. Bây giờ là chính người Con của Thiên Chúa. Người tín hữu tưởng họ gặp được sự nghỉ ngơi trong phần đất thuộc về họ. Nhưng yên nghỉ thật sự là được hiệp thông với Thiên Chúa, là ơn mà chúng ta đạt tới nhờ đức tin, khi chúng ta gia nhập cộng đoàn Ki-tô giáo.

Đức tin dẫn vào chốn yên nghỉ của Thiên Chúa

⁷ Vì thế, như lời Thánh Thần phán : *Ngày hôm nay, nếu các người nghe tiếng Chúa,* ⁸ *thì chớ cứng lòng như hồi chúng nổi loạn, như ngày chúng thử thách Ta trong sa mạc,* ⁹ *nơi cha ông các người đã từng dò xét mà thử thách Ta và đã thấy các việc Ta làm* ¹⁰ *suốt bốn mươi năm. Vì thế, Ta đã nổi giận với dòng giống này, Ta đã nói : Tâm hồn chúng cứ lầm lạc mãi, chúng nào biết đến đường lối của Ta.* ¹¹ *Nên Ta mới thịnh nộ thề rằng : chúng sẽ không được vào chốn yên nghỉ của Ta !* ¹² *Thưa anh em, hãy đề phòng, đừng để người nào trong anh em có lòng dạ xấu xa chối bỏ đức tin mà lìa xa Thiên Chúa hằng sống.* ¹³ *Trái lại, ngày ngày anh em hãy khuyến*

hữu nhau bao lâu còn được gọi là *ngày hôm nay*, kẻo có ai trong anh em ra *cứng lòng* vì bị tội lỗi lừa gạt. ¹⁴ *Quả thế, chúng ta đã được thông phần Đức Kitô, miễn là chúng ta cứ giữ vững cho đến cùng căn bản của lòng tin đã có từ ban đầu.* ¹⁵ *Trong câu : Ngày hôm nay, nếu các người nghe tiếng Chúa, thì chớ cứng lòng như hồi chúng nổi loạn,* ¹⁶ *ai là những kẻ đã nghe tiếng Chúa, rồi nổi loạn ? Chẳng phải là những người đã được ông Mô-sê đưa ra khỏi Ai-cập sao ?* ¹⁷ *Thiên Chúa đã nổi giận với ai suốt bốn mươi năm ? Chẳng phải là với những người đã phạm tội và đã ngã gục, bỏ xác trong sa mạc sao ?* ¹⁸ *Nhưng Người thề với ai : Sẽ không được vào chốn yên nghỉ của Người, nếu không phải là với những*

Nhiều lần bức thư này lặp lại lời cảnh báo nói với dân Híp-ri đang di chuyển trong sa mạc khi xưa : *Ngày hôm nay, nếu các người nghe tiếng Chúa !* Đường thì xa và người lữ hành cảm thấy mệt mỏi khi khí thế những ngày đầu đã nguội đi. Chúng ta được lời Thiên Chúa nâng đỡ nên tiếp tục hy vọng đạt tới điều Người đã hứa, tuy điều này vẫn còn là vô hình đối với chúng ta.

Trình thuật tạo thành nói tới ngày Thiên Chúa nghỉ ngơi sau khi hoàn tất công trình tạo thiên lập địa : cũng thế, vũ trụ và lịch sử sẽ đạt tới đích điểm, và tất cả sẽ quay về với Thiên Chúa như "lá rụng về cội". Cực nhọc, công lao của con người trên mặt đất sẽ đưa con người tới chỗ nghỉ ngơi đích thực là được chia sẻ hạnh phúc với Thiên Chúa.

kẻ bất tuân ? ¹⁹ Và chúng ta thấy rằng họ đã không thể vào được đó, bởi vì họ chối bỏ đức tin.

4 ¹ Vậy chúng ta phải sợ rằng trong khi lời hứa được vào chốn yên nghỉ của Người vẫn còn đó, mà có ai trong anh em bị coi đã mất cơ hội. ² Quả thế, chúng ta đã được nghe loan báo Tin Mừng như những người kia. Nhưng lời họ đã nghe không sinh ích gì cho họ, bởi vì những kẻ đã nghe không lấy đức tin đáp lại lời giảng. ³ Còn chúng ta là những người tin, chúng ta đang vào chốn yên nghỉ đó, như lời Thiên Chúa đã phán : *Nên Ta mới thịnh nộ thề rằng : chúng sẽ không được vào chốn yên nghỉ của Ta.* Công việc của Thiên Chúa đã hoàn thành từ tạo thiên lập địa, ⁴ như có chỗ Thiên Chúa phán về ngày thứ bảy rằng : *Khi đã làm xong mọi công việc, thì ngày thứ bảy Thiên Chúa nghỉ.* ⁵ Trong đoạn thánh vịnh nói trên, lại cũng có lời chép rằng : *Chúng sẽ không được vào chốn yên nghỉ của Ta.* ⁶ Vậy vì phải có một số người được vào

chốn yên nghỉ, và vì những người đầu tiên được nghe loan báo Tin Mừng đã không được vào bởi họ bất tuân, ⁷ nên Thiên Chúa lại ấn định một ngày khác, tức là *ngày hôm nay*, khi Người dùng vua Đa-vít mà phán, sau một thời gian rất lâu dài, như đã nói ở trên : *Ngày hôm nay, nếu các người nghe tiếng Chúa, thì chớ cứng lòng.* ⁸ Thật vậy, nếu ông Giô-suê đã cho họ được yên nghỉ, thì sau đó, Thiên Chúa đã chẳng nói đến một ngày khác nữa. ⁹ Như thế, Dân Thiên Chúa còn có thể được nghỉ như Thiên Chúa nghỉ ngày thứ bảy, ¹⁰ vì ai đã vào chốn yên nghỉ của Thiên Chúa, thì cũng đã nghỉ sau khi làm xong công việc của mình, như Thiên Chúa đã nghỉ sau khi làm xong công việc của Người. ¹¹ Vậy, chúng ta hãy cố gắng vào chốn yên nghỉ này, kẻo có ai cũng theo gương bất tuân đó mà sa ngã. ¹² Lời Thiên Chúa là lời sống động, hữu hiệu và sắc bén hơn cả gươm hai lưỡi : xuyên thấu chỗ phân cách tâm với linh, cốt với tuỷ ; lời đó phê phán tâm tình cũng như tư tưởng của

lòng người. ¹³ Vì không có loài thụ tạo nào mà không hiện rõ trước Lời Chúa, nhưng tất cả đều trần trụi và phơi bày trước mặt Đấng có quyền đòi chúng ta trả lễ.

Đức Giê-su, vị Thượng Tế biết cảm thương

* ¹⁴ Chúng ta có một vị Thượng Tế siêu phàm đã băng qua các tầng trời, là Đức Giê-su, Con Thiên Chúa. Vậy chúng ta hãy giữ vững lời tuyên xưng đức tin. ¹⁵ Vị Thượng Tế của chúng ta không phải là Đấng không biết cảm thương những nỗi yếu hèn của ta, vì Người đã chịu thử thách về mọi phương diện cũng như ta, nhưng không phạm tội. ¹⁶ Bởi thế, ta hãy mạnh dạn tiến lại gần ngài Thiên Chúa là nguồn ân sủng, để được

xót thương và lãnh ơn trợ giúp mỗi khi cần.

5 ¹ Quả vậy, thượng tế nào cũng là người được chọn trong số người phạm, và được đặt lên làm đại diện cho loài người, trong các mối tương quan với Thiên Chúa, để dâng lễ phẩm cũng như tế vật đền tội. ² Vị ấy có khả năng cảm thông với những kẻ ngu muội và những kẻ lầm lạc, bởi vì chính người cũng đầy yếu đuối; ³ mà vì yếu đuối, nên người phải dâng lễ đền tội cho dân thế nào, thì cũng phải dâng lễ đền tội cho chính mình như vậy. ⁴ Không ai tự gán cho mình vinh dự ấy, nhưng phải được Thiên Chúa gọi, như ông A-ha-ron đã được gọi. ⁵ Cũng vậy, không

* 4,14 Đối với người Do-thái thì vị thượng tế, dù có những khuyết điểm cá nhân thế nào đi nữa, vẫn là con người đã được thánh hiến để chở che đám dân tội lỗi khỏi bị trừng phạt đích đáng. Dân cần có người lãnh đạo, không phải chỉ để cai quản họ, mà còn để làm trạng sư bênh vực họ trước toà Thiên Chúa nữa, và Sách Thánh nói ông A-ha-ron, anh của ông Mô-sê và là vị tư tế đầu tiên của người Do-thái, đã là một trong các vị trạng sư đó. Các thượng tế, những người kế vị ông, cũng đóng cùng một vai trò ấy.

Chính ý tưởng này được khai triển ở đây : vị thượng tế đại diện cho loài người trước toà Thiên Chúa ; ông phải trải qua kinh nghiệm thân phận yếu đuối của họ, nhưng cũng phải được Thiên Chúa chấp nhận. Chúa Ki-tô đúng là con người như thế một cách hoàn hảo. Quên rằng Chúa Giê-su là người giữa loài người cũng nghiêm trọng đối với đức tin, không kém gì quên rằng Người là Con Thiên Chúa.

phải Đức Ki-tô đã tự tôn mình làm Thượng Tế, nhưng là Đấng đã nói với Người : *Con là Con của Cha, ngày hôm nay Cha đã sinh ra Con,* ⁶ như lời Đấng ấy đã nói ở một chỗ khác : *Muôn thuở, Con là Thượng Tế theo phẩm trật Men-ki-xê-đê.* * ⁷ Khi còn sống kiếp phàm nhân, Đức Giê-su đã lớn tiếng kêu van khóc lóc mà dâng lời khẩn nguyện nài xin lên Đấng có quyền năng cứu

Người khỏi chết. Người đã được nhậm lời, vì có lòng tôn kính. ⁸ Dầu là Con Thiên Chúa, Người đã phải trải qua nhiều đau khổ mới học được thế nào là vâng phục ; ⁹ và khi chính bản thân đã tới mức thập toàn, Người trở nên nguồn ơn cứu độ vĩnh cửu cho tất cả những ai từng phục Người, ¹⁰ vì Người đã được Thiên Chúa tôn xưng là *Thượng Tế theo phẩm trật Men-ki-xê-đê.*

III. ĐỨC GIÊ-SU KI-TÔ, VỊ THƯỢNG TẾ ĐÍCH THỰC

Đời sống Ki-tô hữu và vấn đề đạo lý

* ¹¹ Về vấn đề này, chúng tôi còn có nhiều

điều phải nói, nhưng khó mà cắt nghĩa, vì anh em đã trở nên uể oải không muốn nghe. ¹² Quả thật, với thời gian, đáng lẽ anh

Vào thời điểm mà Hội Thánh nhắc chúng ta nhớ rằng tất cả mọi tín hữu đều được tham gia vào vai trò tư tế của Chúa Ki-tô, thì chiêm niệm vai trò này là điều rất tốt. Chúng ta phải đại diện cho nhân loại trước toà Thiên Chúa ; chính vì thế mà chúng ta được thánh hiến cho Thiên Chúa. Khi cử hành thánh lễ, chúng ta dâng hiến cuộc đời mình, đồng thời cũng dâng lên Thiên Chúa tất cả công lao khó nhọc và sự sống của thế giới. Trong thánh lễ, chúng ta cảm tạ Thiên Chúa nhân danh tất cả mọi người. Rồi trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta phải là những khí cụ mang ân sủng Thiên Chúa đến cho những người sinh sống và làm việc với chúng ta.

* ^{5,7} *Khi còn sống kiếp phàm nhân, Đức Giê-su đã lớn tiếng kêu van khóc lóc mà dâng lời khẩn nguyện nài xin.* Trong Sách Thánh, những từ ngữ này được dùng để bày tỏ lời cầu nguyện thiết tha của con cái Thiên Chúa đang bị áp bức : họ lớn tiếng kêu gào đến đỗi Người phải nghe lời họ. Vậy hôm trước ngày chịu chết, Chúa Giê-su đã tự đồng hoá mình với tất cả những ai đau khổ và không muốn chết.

em đã phải là những bậc thầy, thế mà anh em lại cần phải để cho người ta dạy anh em những điều sơ đẳng về các sacramôn của Thiên Chúa : thay vì thức ăn đặc, anh em lại phải cần dùng sữa. ¹³ Thật vậy, phàm ai còn phải dùng đến sữa, thì không hiểu gì về đạo lý liên quan đến sự công chính, vì người ấy vẫn là trẻ con. ¹⁴ Thức ăn đặc thì dành cho những người đã trưởng thành, những người nhờ thực hành mà rèn luyện được khả năng phân biệt điều lành điều dữ.

Ý định của tác giả

6 * ¹ Vì thế, gác một bên giáo huấn sơ đẳng về Đức Ki-tô, chúng ta hãy vươn tới trình độ giáo huấn trưởng thành mà không trở lại những điều căn bản, là lòng sám hối ăn năn vì những việc đưa tới sự chết, là niềm tin vào Thiên Chúa, ² là giáo lý về mấy loại phép rửa ; là nghi thức đặt tay, là vấn đề kẻ chết sống lại và cuộc phán xét cuối cùng. ³ Đó là điều chúng ta sắp làm, nếu Thiên Chúa cho phép.

* **5,11** Đáng lẽ anh em đã phải là các bậc thầy (c.12). Có nhiều giai đoạn trong quá trình phát triển đức tin. Không thể cứ bắt đầu lại những bước khởi đầu. Là thành phần của Hội Thánh đã lâu năm mà lòng tin và kinh nghiệm của chúng ta về Thiên Chúa vẫn không tiến triển thì đó là già cỗi đi và không còn khả năng tiến triển được nữa.

* **6,1** Qua vài câu ngắn gọn (6,1-3), bức thư đưa ra những điểm căn bản để giảng dạy người Ki-tô hữu thời bấy giờ :

Giáo lý về các loại phép rửa (c.2). Có lẽ tác giả trình bày những con đường đã vạch ra để giúp những ai đang tâm sự học đạo. Có những phép rửa Do-thái giáo, phép rửa của ông Gio-an và cả phép rửa Ki-tô giáo nữa. Tuy nhiên, cũng có lẽ đây là một bài dạy về phép rửa và ơn Chúa Thánh Thần. Đối với chúng ta, thường thì mọi chuyện đã rõ : có một phép rửa, và sau đó, khi lãnh phép Thêm Sức, chúng ta nhận được các ơn Chúa Thánh Thần cách đặc biệt hơn. Nhưng vào thời ấy, sự việc đâu rõ ràng như thế : người ta dễ dàng nói về nhiều loại phép rửa, phép rửa bằng nước, phép rửa bằng Thánh Thần.

Nghi thức đặt tay (c.2). Đây là tên gọi nguyên thủy của phép Thêm Sức thời ấy.

Những bài học đầu tiên này cho thấy rõ đời người quả là bi đát : chỉ có hai con đường đối nghịch nhau, mà cả hai đều đưa tới cuộc phán xét. Ai không quyết tâm chọn con đường dẫn tới Chúa Ki-tô, người ấy đánh mất sự sống của mình.

⁴ Quả thật, những kẻ đã một lần được chiếu sáng, đã được ném thử ân huệ bởi trời, đã được thông chia Thánh Thần, ⁵ đã được thưởng thức Lời tốt đẹp của Thiên Chúa và được cảm nghiệm những sức mạnh của thế giới tương lai, ⁶ những kẻ ấy mà sa ngã, thì không thể được đổi mới một lần nữa để sám hối ăn năn, vì họ đã tự tay đóng đinh Con Thiên Chúa vào thập giá một lần nữa và đã công khai sỉ nhục Người. ⁷ Khi mảnh đất nào được thấm mưa thường xuyên đổ xuống và sinh ra những loại cây có ích cho người canh tác, thì mảnh đất ấy nhận được phúc lành của

Thiên Chúa. ⁸ Nhưng nếu chỉ sinh ra những gai cùng góc, thì đó là mảnh đất bỏ đi, bị nguyên rửa đến nơi rồi, và rốt cuộc sẽ bị đốt cháy.

Lời mang lại hy vọng và khích lệ

⁹ Anh em thân mến, mặc dầu nói như thế, chúng tôi tin chắc rằng anh em ở trong một tình trạng tốt đẹp hơn và thuận lợi để được ơn cứu độ. ¹⁰ Quả thế, Thiên Chúa không bất công đến nỗi quên việc anh em đã làm và lòng yêu mến anh em đã tỏ ra đối với danh Người, khi trước đây anh em phục vụ các người trong dân thánh, và hiện nay vẫn còn đang

Những kẻ đã một lần được chiếu sáng (c.4). Trong Hội Thánh sơ khai, phép rửa hay được gọi là ơn “chiếu sáng”. Không phải chỉ vì người tân tòng đã được học hỏi về đức tin, nhưng cũng là vì đức tin mà họ đón nhận này đã đổi mới cái nhìn của họ về trần gian, thay đổi đến cả nhân cách của họ nữa. Mặt khác, sau khi đã hết tình dấn bước vào con đường sám hối, những kẻ gia nhập Hội Thánh cũng hay được Chúa ban cho cảm nghiệm sâu sắc sự hiện diện của Người. Hiện nay, những người tham dự tĩnh tâm cũng có thể có những kinh nghiệm như thế.

Kinh nghiệm này sẽ được tác giả gọi lên qua những hình ảnh hoành tráng ở 12,18-29.

Những kẻ đã được ném thử ân huệ bởi trời (c.4). “bởi trời” có nghĩa là “siêu nhiên”, và về từ ngữ này, xin nhắc lại rằng, cho tới các thế kỷ gần đây, mọi người đều tưởng tượng trái đất là trung tâm vũ trụ. Đối với tổ tiên chúng ta, trời làm thành như cái vòm bên trên trái đất, và bên trên cái vòm này là thiên giới. Và người ta nghĩ Thiên Chúa ngự trị trên ấy với những vị được chia sẻ vinh quang của Người.

phục vụ. ¹¹ Nhưng chúng tôi ao ước cho mỗi người trong anh em cũng tỏ ra nhiệt thành như thế, để niềm hy vọng của anh em được thực hiện đầy đủ cho đến cùng. ¹² Anh em đừng trở nên uể oải, nhưng hãy bắt chước những người nhờ có đức tin và lòng kiên nhẫn mà được thừa hưởng các lời hứa.

¹³ Quả thế, khi Thiên Chúa hứa với ông Áp-ra-ham, Người đã không thể lấy danh ai cao trọng hơn mình mà thề, nên đã lấy chính danh mình mà thề ¹⁴ rằng : *Ta sẽ ban phúc dư dật cho người và sẽ làm cho dòng dõi người nên đông vô số.* ¹⁵ Như thế, vì nhẫn nại đợi chờ, ông Áp-ra-ham đã nhận được lời hứa. ¹⁶ Người ta thường lấy

danh một người cao trọng hơn mình mà thề, và lời thề là một bảo đảm chấm dứt mọi tranh chấp giữa người ta với nhau. ¹⁷ Do đó, vì Thiên Chúa muốn chứng minh rõ hơn cho những người thừa hưởng lời hứa được biết về ý định bất di bất dịch của Người, nên Người đã dùng lời thề mà bảo đảm điều Người đã hứa. ¹⁸ Như vậy, cả lời hứa lẫn lời thề đều bất di bất dịch, và khi thề hứa, Thiên Chúa không thể nói dối được. Do đó, chúng ta là những kẻ ỉn nấu bên Thiên Chúa, chúng ta được mạnh mẽ khuyến khích nắm giữ niềm hy vọng dành cho chúng ta. ¹⁹ Chúng ta có niềm hy vọng đó cũng tựa như cái neo chắc chắn và bền vững của tâm

Như thế, những loài siêu thiên giới cũng là siêu nhiên theo nghĩa chúng ta dùng bây giờ, tức là thuộc về Thiên Chúa. Vì thế trong thư này, *bên trời*, *trên trời* có nghĩa là siêu nhiên (3,1 ; 8,5 ; 9,23 ; 11,16), vì đó là những thực tại thuộc về Thiên Chúa mà ngay ở đời này chúng ta đã cảm nghiệm được.

Cái neo chìm sâu vào bên trong bức màn cung thánh (c.19). Trong đền thờ Giê-ru-sa-lem xưa, chỉ một mình vị thượng tế mới vào *Nơi Cực Thánh* hay là cung chí thánh, được một bức màn ngăn cách với căn phòng phía trước. Đây là hình bóng thiên đàng, là nơi cực thánh đích thực, nơi một mình Chúa Giê-su đã tiến vào. Chúng ta tuy còn ở bên này bức màn, nhưng niềm cậy trông của chúng ta đã ở trên trời : đây không phải là một ảo tưởng phạm nhân, nhưng là một khát vọng nồng nhiệt Thiên Chúa đã đặt vào lòng chúng ta, mà Người thì không thể lừa dối chúng ta. Chúng ta đã đặt hy vọng nơi đâu thì chắc chắn chúng ta sẽ tới đó.

hôn, chìm sâu vào bên trong bức màn cung thánh. mở đường cho chúng ta, sau khi trở thành vị ²⁰ Đó là nơi Đức Giê-su đã *Thượng Tế* đời đời theo *phẩm trật Men-ki-xê-đê*.

1. ĐỨC KI-TÔ CAO TRỌNG HƠN CÁC TƯ TẾ LÊ-VI

Ông Men-ki-xê-đê

7 * ¹ Quả vậy, ông Men-ki-xê-đê là vua Sa-lem, là tư tế của Thiên Chúa Tối Cao, đã đón gặp và chúc lành cho ông Áp-ra-ham, lúc ông này đang trên đường về sau khi đánh bại các vua. ² Ông Áp-ra-ham đã chia cho ông Men-ki-xê-đê một phần mười chiến lợi phẩm. Trước hết, ông tên là Men-ki-xê-đê, nghĩa là “vua công chính” ; rồi ông lại là vua Sa-lem, nghĩa là “vua bình an”. ³ Ông không có cha, không có mẹ,

không có gia phả, cuộc đời không có khởi đầu, cũng không có kết thúc. Như thế là ông giống Con Thiên Chúa : mãi mãi ông vẫn là tư tế.

Ông Men-ki-xê-đê nhận một phần mười chiến lợi phẩm của ông Áp-ra-ham

⁴ Anh em hãy coi xem : ông Men-ki-xê-đê cao trọng biết bao ! Ông Áp-ra-ham là tổ phụ, mà cũng đã dâng cho ông một phần mười chiến lợi phẩm tốt nhất. ⁵ Trong hàng con cháu ông Lê-vi, những ai

* 7,1 Đã ba lần tác giả trích câu Tv 110 nói về ông Men-ki-xê-đê, và bây giờ ngài cố gắng cho thấy nhờ đâu mà những gì kể về nhân vật thần thoại này lại tiên báo một cuộc cải cách tận căn liên quan đến chức vụ tư tế. Chúng ta đừng quên rằng bức thư này được viết cho hàng tư tế Do-thái, là con cháu ông A-ha-ron ; họ là tư tế theo cha truyền con nối và nghĩ rằng đặc quyền này sẽ trường tồn luôn mãi. Nhưng thư này lại cho họ biết rằng chính Thiên Chúa đã báo trước họ sẽ bị thay thế.

Ở đây, chúng ta có thể thán phục tác giả đã khéo đào sâu câu chuyện này về ông Men-ki-xê-đê, vốn được nói đến rất ít trong Sách Thánh (St 14,18 và Tv 110,4), để chứng minh, với một luận cứ không ai phản bác được, rằng Chúa Ki-tô tất sẽ thay đổi toàn bộ tôn giáo của Ít-ra-en. Trong phần dẫn nhập vào bức thư này, chúng tôi đã ghi nhận rằng ông A-pô-lô, một giảng viên Tin Mừng của Hội Thánh sơ khai, có thể là tác giả. Ông làm ngôn sứ của ông rành rành ở đây.

lãnh chức tư tế, thì theo Lê Luật, được lệnh thu một phần mười hoa lợi của dân, tức là của anh em mình, mặc dù những người này cũng từ lòng ông Áp-ra-ham mà sinh ra. ⁶ Còn ông Men-ki-xê-đê, tuy không thuộc dòng tộc Lê-vi, lại thu một phần mười chiến lợi phẩm của ông Áp-ra-ham và chúc lành cho ông là người đã nhận được lời hứa. ⁷ Điều không ai chối cãi được là chỉ người dưới mới nhận lời chúc lành của người trên. ⁸ Hơn nữa, một đảng các tư tế Lê-vi thu một phần mười hoa lợi là những người phạm phải chết ; một đảng ông Men-ki-xê-đê, người thu một phần mười chiến lợi phẩm, lại là nhân vật đang sống, như lời Kinh Thánh chứng

nhận. ⁹ Có thể nói rằng : chính ông Lê-vi, người thu một phần mười hoa lợi, cũng đã nộp một phần mười chiến lợi phẩm qua ông Áp-ra-ham, ¹⁰ vì ông còn ở trong lòng ông tổ Áp-ra-ham, *khi ông Men-ki-xê-đê ra đón gặp ông này.*

Từ chức tư tế Lê-vi đến chức tư tế theo phẩm trật Men-ki-xê-đê

¹¹ Chức vụ tư tế Lê-vi là nền tảng của Lê Luật Thiên Chúa đã ban cho Dân. Vậy giả như người ta đạt được sự hoàn thiện nhờ chức vụ tư tế đó rồi, thì còn cần chi phải đặt lên một tư tế khác theo *phẩm trật Men-ki-xê-đê, thay vì theo phẩm trật A-ha-ron ?* ¹² Quả thế, một khi chức tư tế thay đổi, thì nhất thiết phải thay đổi

Thử đầu, Hội Thánh không có Sách Thánh nào ngoài Cựu Ước. Nhưng sách này xem ra không dành cho Chúa Giê-su một chỗ đứng đáng kể. Nhiệm vụ các ngôn sứ Ki-tô giáo là chỉ ra cho thấy Sách Thánh dẫn tới Chúa Ki-tô như thế nào. Không những các ngài phân bác các luận chứng của người Do-thái, mà hơn nữa, nhờ Thánh Thần trợ giúp, các ngài còn sáng lập cách giải thích Cựu Ước theo Ki-tô giáo nữa.

Hiện giờ, khi đọc Cựu Ước thì người Ki-tô hữu không thể đọc theo quan niệm người Do-thái nữa, vì những người này nhận thấy trong đó lịch sử của mình trên đất nước Pa-lét-tin, và chờ đợi lịch sử ấy được thể hiện theo cách thức mà Chúa Giê-su đã gạt đi. Đối với chúng ta, chân lý của Cựu Ước đã có được chìa khoá giúp hiểu thấu, là bản thân Chúa Giê-su : không có Người thì sách này không đã thông được mạch khải của Thiên Chúa.

Lê Luật. ¹³ Thật ra những điều nói trên nhắm đến một người thuộc một chi tộc khác, chi tộc này chưa hề có ai đã phục vụ bàn thờ. ¹⁴ Hiển nhiên là Chúa chúng ta đã xuất thân từ chi tộc Giu-đa, một chi tộc không được ông Mô-sê nói gì đến, khi bàn về các tư tế.

Bãi bỏ Lê Luật cũ

¹⁵ Điều ấy lại còn hiển nhiên hơn nữa, khi một vị tư tế khác tương tự như ông Men-ki-xê-đê xuất hiện ; ¹⁶ vị này đã trở nên tư tế không phải do Lê Luật quy định việc cha truyền con nối, nhưng do sức mạnh của một đời sống bất diệt. ¹⁷ Quả thật, có lời chứng nhận rằng : *Muôn thuở, Con là Thượng Tế theo phẩm trật Men-ki-xê-đê.* ¹⁸ Như vậy, một đàng, quy luật cũ đã bị bãi bỏ, vì có nhược điểm

và vô ích, ¹⁹ -thật thế, Lê Luật đã chẳng làm cho cái gì nên hoàn hảo- ; đàng khác, một niềm hy vọng tốt đẹp hơn đã được đưa vào thay thế, nhờ đó chúng ta đến gần Thiên Chúa.

Đức Ki-tô là Thượng Tế đời đời

²⁰ Hơn nữa, điều ấy đã xảy ra không phải là không có lời thề. Một đàng, các tư tế Lê-vi đã trở nên tư tế mà không có lời thề ; ²¹ còn Đức Giê-su khi trở nên tư tế, thì lại có lời thề của Đấng nói với Người : *Đức Chúa đã thề ước, Người sẽ chẳng rút lời, rằng : Muôn thuở, Con là Thượng Tế.* ²² Do đó, Đức Giê-su đã trở nên Đấng bảo đảm cho một giao ước tốt đẹp hơn. ²³ Lại nữa, trong dòng tộc Lê-vi, có nhiều người kế tiếp nhau làm tư tế, bởi vì họ

Đúng là có ông Men-ki-xê-đê trong Sách Thánh, nhưng ông đã đến đó như thế nào ? Thật ra, những bản văn nhắc đến ông đều muộn thời : nó có lẽ đã được viết hai thế kỷ trước Chúa Giê-su để ủng hộ phong trào Ma-ca-bê. Người ta không tha thứ cho các nhà cầm quyền thời ấy, chỉ thuộc một dòng họ tư tế tầm thường mà đã lạm quyền các thượng tế. Chuyện ông Men-ki-xê-đê nhằm biện minh cho một vị chúa tế cũng giống như ông, là vua lại đồng thời là tư tế. Vậy là những bản văn ấy được viết ra để biện minh cho một chế độ độc tài, nhưng trong thực tế lại du nhập Sách Thánh, nên được đón nhận như là lời Thiên Chúa ; và bây giờ những bản văn ấy lại nói những điều mà trước kia không ai nghĩ đến : thật đây là một trong những trường hợp trở trêu về lời Chúa !

phải chết, không thể giữ mãi chức vụ đó. ²⁴ Còn Đức Giê-su, chính vì Người hằng sống muôn đời, nên phẩm vị tư tế của Người tồn tại mãi mãi. ²⁵ Do đó, Người có thể đem ơn cứu độ vĩnh viễn cho những ai nhờ Người mà tiến lại gần Thiên Chúa. Thật vậy, Người hằng sống để chuyển cầu cho họ.

Vị Thượng Tế thập toàn

²⁶ Phải, đó chính là vị Thượng Tế mà chúng ta cần đến : một vị Thượng Tế thánh thiện, vẹn toàn,

vô tội, tách biệt khỏi đám tội nhân và được nâng cao vượt các tầng trời. ²⁷ Đức Giê-su không như các vị thượng tế khác : mỗi ngày họ phải dâng lễ tế hy sinh, trước là để đền tội của mình, sau là để đền thay cho dân ; phần Người, Người đã dâng chính mình và chỉ dâng một lần là đủ. ²⁸ Vì Luật Mô-sê thì đặt làm thượng tế những con người vốn mỏng giòn yếu đuối, còn lời thề có sau Lê Luật, lại đặt Người Con đã nên thập toàn cho đến muôn đời.

2. PHỤNG TỰ, THÁNH ĐIỆN VÀ ĐỊA VỊ TRUNG GIAN CỦA ĐỨC KI-TÔ CAO TRỌNG HƠN

Chức tư tế mới và thánh điện mới

8 * ¹ Điểm chủ yếu trong những điều đang nói ở

đây là điểm này : chúng ta có một vị Thượng Tế cao cả như thế ngự bên hữu ngai Đấng uy linh ở trên

* 8,1 Trong dân Ít-ra-en, thể chế tư tế –và thể chế thượng tế– gắn liền với giao ước giữa Thiên Chúa với dân Người cách chặt chẽ, đến độ không thể đặt lại vấn đề thể chế ấy mà không đụng tới chính mối dây liên kết Ít-ra-en với Thiên Chúa của họ. Và điều này thì hẳn đâu ai dám làm. Thế mà tác giả đã trích một đoạn văn nòng cốt của ngôn sứ Giê-rê-mi-a loan báo một giao ước mới. Khi nói tới giao ước là nói tới cách thức Thiên Chúa đối xử với chúng ta và cách thức chúng ta phải có để đối xử với Người. Đó chính là điều ông Giê-rê-mi-a đã nói tới : Thiên Chúa sẽ đích thân tỏ mình ra cho những ai tin vào Người, và họ chỉ còn một bốn phận là yêu mến Người thôi, vì lúc nào họ cũng có Người hiện diện với họ. Vào thời đó, ai cũng thuộc lời ấy của ông Giê-rê-mi-a, nhưng lại ít để ý tới : chẳng là ngôn sứ đã nói tiên tri cho thời đến sau, mãi sau này hay sao ? Thế nhưng ở đây tác giả bức thư lại nói : Có Chúa Giê-su thì chúng ta có được giao ước mới này.

trời. ² Vị đó lo việc tế tự trong cung thánh, trong lều trại thật, do Thiên Chúa chứ không phải do người phạm dựng lên.

³ Quả vậy, bất cứ ai được phong làm thượng tế cũng là để dâng lễ vật và tế phẩm ; vì thế, vị này cũng cần phải có cái gì để dâng.

⁴ Vậy, giả như Đức Giê-su ở dưới thế, thì Người chẳng phải là tư tế, bởi vì đã có những người dâng lễ vật như Luật truyền.

⁵ Những người này lo việc phụng tự trong một thánh điện, mà thánh điện này chỉ là hình ảnh lu mờ mô phỏng thánh điện trên trời. Quả vậy, khi ông Mô-sê sắp dựng lều trại, thì ông được Thiên Chúa phán

đạy rằng : *Hãy nhìn xem và làm tất cả theo mẫu đã chỉ cho người trên núi.*

Đức Ki-tô, trung gian của một giao ước tốt đẹp hơn

⁶ Nhưng hiện nay, Đức Giê-su được một tác vụ cao trọng hơn, bởi vì Người là trung gian của một giao ước tốt đẹp hơn ; giao ước này căn cứ vào những lời hứa tốt đẹp hơn. ⁷ Thật vậy, giả như giao ước thứ nhất đã hoàn hảo rồi, thì chẳng cần phải tìm giao ước thứ hai để thay thế.

⁸ Quả thật, Thiên Chúa khiển trách Dân rằng : *Đức Chúa phán : Nay sắp đến những ngày Ta hoàn thành một Giao Ước Mới với nhà Ít-ra-en và nhà*

Vị này cũng cần phải có cái gì để dâng (c.3). Đoạn 1-5 nhắc chúng ta lưu ý tới chức tư tế mà Chúa Giê-su hiện thi hành trong thế giới của Thiên Chúa. Chức này liên hệ thế nào với các thánh lễ chúng ta cử hành mỗi ngày hoặc mỗi Chúa nhật ?

Trong 1 Cr 11,23-26, thánh Phao-lô liên kết thánh lễ hôm nay với cái chết của Chúa Giê-su được coi là chính hy lễ thật sự. Như thế, ngài đưa ra phương hướng đã thịnh hành trong khắp cả Giáo Hội tây phương : đối với chúng ta, thánh lễ gắn liền hơn hết với tượng Chúa chịu đóng đinh đặt nơi bàn thờ.

Còn ở đây thì, trái lại, chúng ta được mời gọi nhìn lên “phụng tự thiên giới” mà Chúa Ki-tô cử hành trong vinh quang, nơi hội ngộ của thế giới vĩnh cửu (gồm tất cả các thánh đã được quy tụ trong Thiên Chúa) với thế giới thời gian (gồm các thánh lần lượt kế tiếp nhau). Sách Khải huyền của thánh Gio-an cũng sẽ mời gọi chúng ta nhìn về phụng vụ thiên giới ấy, và đây là tư tưởng hưng thịnh trong phụng vụ của Giáo Hội đông phương. Không có chuyện đối lập, nhưng là khám phá ra trăm hình vạn trạng phong phú của đức tin.

Giu-đa. ⁹ *Giao ước đó sẽ không như giao ước Ta đã thiết lập với cha ông của chúng, trong ngày Ta cầm tay dẫn chúng ra khỏi Ai-cập. Bởi vì chúng đã không trung thành với giao ước của Ta, nên Ta cũng đã bỏ mặc chúng, Đức Chúa phán :* ¹⁰ *Đây là giao ước Ta sẽ lập với nhà It-ra-en sau những ngày đó, Đức Chúa phán : Ta sẽ ghi vào lòng trí chúng, sẽ khắc vào tâm khảm chúng lề luật của Ta ; Ta sẽ là Thiên Chúa của chúng, còn chúng sẽ là Dân của Ta.* ¹¹ *Không ai còn phải dạy đồng bào mình, không ai còn phải dạy anh em*

mình rằng : “Hãy học cho biết Đức Chúa”, vì hết thầy chúng, từ người nhỏ đến người lớn, sẽ biết Ta. ¹² *Ta sẽ dung thứ những điều gian ác chúng làm, sẽ không còn nhớ đến lỗi lầm của chúng nữa.*

¹³ *Khi Thiên Chúa nói đến Giao Ước Mới, Người làm cho giao ước thứ nhất hoá ra giao ước cũ ; và cái gì cũ kỹ, lỗi thời, thì sắp tan biến đi.*

Đức Ki-tô tiến vào thánh điện trên trời

9 * ¹ *Vậy, giao ước thứ nhất đã có những quy luật phụng tự và có thánh*

Đức Giê-su được một tác vụ cao trọng hơn (c.6). Tác vụ của Người là hoà giải loài người với Thiên Chúa, hoà giải loài người với nhau trong chân lý. Phép rửa của Người đã là một cái chết thiết thực, và thánh lễ của Người cũng vậy : ở đây chẳng có chút gì là một lễ nghi đẹp mắt nhưng chẳng có ai biết liều mạng mình.

Ở dưới đất này, tác vụ của chúng ta có được vinh dự hay không là tùy mức độ chúng ta đem hết tâm hồn hiệp thông với phụng vụ ca ngợi Thiên Chúa được cử hành cách hoàn hảo trên cõi trời Người ngự. Tác vụ này là mặt trời chiếu sáng tuần lễ của chúng ta, nhưng trừ phi có một đặc sủng riêng nào đó, thì nó vẫn không phải là cốt yếu trong đời sống Ki-tô hữu dưới đất này. Dưới trần gian, chúng ta phải theo chân Chúa Giê-su, Đấng đã không so bì với các tư tế của thời mình, nhưng đã hao tổn sức lực và đã chết để giao hoà loài người với nhau và với Thiên Chúa. Những ai muốn bước theo Chúa Giê-su trên con đường này sẽ dễ bị vu khống hoặc ngược đãi.

* **9,1** Ch. 8 đã xác định rằng Chúa Giê-su thay thế các tư tế của dân Thiên Chúa, và *chức tư tế* của Người cũng đã thay đổi chính mối tương quan giữa chúng ta với Thiên Chúa. Ch. 9 so sánh nền phụng tự cử hành trong đền thờ Giê-ru-sa-lem với nền phụng tự mới do Chúa Ki-tô cử hành với tư cách là *Thượng Tế*.

điện dưới đất. ² Quả thật, một cái lều, cái lều thứ nhất, đã được dựng lên ; lều này được gọi là Nơi Thánh, có cây đèn bảy ngọn, có bàn và bánh dâng tiến. ³ Đằng sau bức màn thứ hai, có một cái lều gọi là Nơi Cực Thánh. ⁴ Trong đó, có hương án bằng vàng và Hòm Bia Giao Ước hoàn toàn bọc vàng ; Hòm Bia này chứa bình vàng đựng man-na, cây gậy trở hoa của ông A-

ha-ron và các tấm bia Giao Ước. ⁵ Trên Hòm Bia, có hai tượng kê-ru-bim rạng ngời vinh quang Thiên Chúa, dang cánh che phủ nắp xá tội. Bây giờ không phải là lúc nói tỉ mỉ về các điều đó.

⁶ Mọi sự xếp đặt như thế rồi, các tư tế thường xuyên vào lều thứ nhất để cử hành việc phụng tự. ⁷ Còn lều thứ hai, thì chỉ một mình vị thượng tế mới

Hy lễ do Chúa Ki-tô dâng, tức là cái chết của Người, không phải như các hy lễ cũ nhằm làm nguôi cơn thịnh nộ của Thiên Chúa. Cái chết của Người là chứng cứ cuối cùng của Người và là cách Người gieo rắc giữa loài người điều mà họ không muốn lãnh nhận ; chính với chứng cứ này mà Người phó mình trong tay Chúa Cha.

Một khi đã biết ai là tác giả bức thư này và ông viết cho ai, thì chúng ta hiểu là ông muốn cho thấy tương quan giữa máu thánh Chúa Giê-su và máu các tế vật dâng trong Đền Thờ, bởi vì đối với độc giả của ông, các điều này là rất quan trọng. Nhưng thời nay, chúng ta có quyền liên kết máu thánh và cái chết của Chúa Ki-tô với cái chết của tất cả những kẻ vô tội đã bị giết vì làm chứng cho sự thật cũng như trường hợp của Chúa Giê-su (Mt 23,35) : máu những người này cũng mang tính thiêng liêng (Kh 6,9).

CHÚA GIÊ-SU, VỊ LINH MỤC DUY NHẤT, VÀ CÁC "LINH MỤC"

Chúa Giê-su là vị Linh Mục duy nhất, và chúng ta cũng nói tới hàng linh mục trong Hội Thánh. Phải thấy vấn đề cho rõ, nhất là khi, hầu như khắp nơi, chức linh mục đang gặp khủng hoảng.

Trước kia, trong tiếng La-tinh, từ "sacerdotes" được dùng để chỉ các nhóm tư tế phục vụ các thần Rô-ma cũng như các tư tế của dân Do-thái. Khi mới bắt đầu, Giáo Hội không một phút nghĩ tới những tư tế loại này, được coi như những nhân vật thần thánh có đặc quyền đến gần Thiên Chúa để dâng hy lễ cho Người. Một mình Chúa Ki-tô mới là "sacerdos" mà thôi, và Giáo Hội lúc ấy chỉ có các *kỳ mục*, tức là các vị lão thành, và đây cũng là tước hiệu mà người Do-thái thời ấy dùng để gọi các người phụ trách cộng đoàn của họ. Thế mà ngày nay, chữ tiếng Pháp "prêtre" (linh mục) lại được dịch từ chữ "presbyter" (kỳ mục), và lại mang nghĩa của từ La-tinh cũ "sacerdos" đã bị phế bỏ !

được vào mỗi năm một lần, đem theo máu để dâng làm của lễ đền tội cho chính mình và cho dân. ⁸ Như thế, Thánh Thần tỏ cho biết là lối vào Nơi Cực Thánh chưa được mở, bao lâu lễ đầu thứ nhất vẫn còn đó. ⁹ Điều ấy là hình ảnh ám chỉ thời hiện tại, cho thấy những lễ vật và hy lễ dâng tiến Thiên Chúa không thể làm cho lương tâm người cử hành việc phụng tự trở nên hoàn thiện. ¹⁰ Những cái đó chỉ liên quan đến của ăn thức uống cùng các loại nghi thức tẩy rửa, và là những quy luật chỉ có hiệu

lực bên ngoài, buộc phải giữ cho đến thời Thiên Chúa chấn chỉnh mọi sự.

¹¹ Nhưng Đức Ki-tô đã đến làm Thượng Tế đem phúc lộc của thế giới tương lai. Để vào cung thánh, Người đã đi qua một cái lễ lớn hơn và hoàn hảo hơn, không do bàn tay con người làm nên, nghĩa là không thuộc về thế giới thụ tạo này. ¹² Người đã vào cung thánh không phải với máu các con dê, con bò, nhưng với chính máu của mình, Người vào chỉ một lần thôi, và đã lãnh được ơn cứu chuộc vĩnh viễn cho chúng ta.

Đấy không phải là chuyện ngẫu nhiên. Ngay từ tk IV, Giáo Hội đã dùng lại từ "sacerdos", người lo việc thánh và được thánh hiến. Tại sao lại như thế ?

Một phần do thời thế đã thay đổi : từ thân phận "Giáo Hội địa đạo", dân Ki-tô hữu đã chuyển sang một Ki-tô giáo được chính quyền thừa nhận, được một hàng giáo sĩ có tổ chức chăm nom (x. phần bình giải Ds 4).

Nhưng cũng có những lý do sâu xa nữa. Thời ấy, ai cũng biết Giáo Hội không phải là một xã hội phạm trần, và tổ chức Giáo Hội phải phản ánh chính trật tự hiện hữu trong Thiên Chúa. Vậy các giám mục phải là hiện thân của quyền bính các Tông Đồ được Chúa Giê-su tuyển chọn. Đến lượt các ngài cũng là chứng nhân chính thức của Chúa Ki-tô và dân dất Hội Thánh mà không chiều theo ý muốn của số đông ; ở điểm này, các ngài duy trì trong Hội Thánh nguyên tắc người cha nắm quyền (x. phần bình giải Ep 3,14). Mặt khác, Giáo Hội cho rằng việc tấn phong linh mục và giám mục là một bí tích : các vị này không phải là những viên chức đảm nhiệm tạm thời một tác vụ, chỉ để ra một phần thời giờ của mình thôi và dành phần còn lại cho đời tư của mình. Trách nhiệm của các ngài trong Hội Thánh không thể tách khỏi lòng gắn bó với Chúa Ki-tô và thánh hiến bản thân cho Người.

¹³ Vậy nếu máu các con dê, con bò, nếu nước tro của xác bò cái, đem rảy lên mình những kẻ nhiệm uest còn thánh hoá được họ, nghĩa là cho thân xác họ trở nên trong sạch, ¹⁴ thì máu của Đức Ki-tô càng hiệu lực hơn biết mấy. Nhờ Thánh Thần hằng hữu thúc đẩy, Đức Ki-tô đã tự hiến tế như lễ vật vẹn toàn dâng lên Thiên Chúa. Máu của Người thanh tẩy lương tâm chúng ta khỏi những việc đưa tới sự chết, để chúng ta xứng đáng phụng thờ Thiên Chúa hằng sống.

Đức Ki-tô lấy máu mình lập Giao Ước Mới

¹⁵ Bởi vậy, Người là trung gian của một Giao Ước Mới, lấy cái chết của mình mà chuộc tội lỗi người ta đã phạm trong thời giao ước cũ, và đem

lại cho những ai được Thiên Chúa kêu gọi quyền lãnh nhận gia nghiệp vĩnh cửu Thiên Chúa đã hứa.

¹⁶ Ở đâu có chúc thư, thì cần phải chứng minh rằng người làm chúc thư đã chết. ¹⁷ Thật vậy, chúc thư chỉ có giá trị khi người làm chúc thư đã chết, bởi vì chúc thư không bao giờ có hiệu lực bao lâu người làm chúc thư còn sống.

¹⁸ Do đó, nếu không có máu, thì đã không khai mạc giao ước thứ nhất.

¹⁹ Quả thế, sau khi ông Mô-sê công bố cho toàn dân mọi điều răn như đã ghi chép trong Sách Luật, thì ông lấy máu các con bê, con dê hoà lẫn với nước, rồi dùng len đỏ thấm và cành hương thảo mà rảy trên chính cuốn Sách Luật cũng như trên toàn dân và ²⁰ nói : *Đây là máu giao ước, Thiên Chúa đã*

Như thế, các thừa tác viên kế vị các Tông Đồ là những linh mục theo một nghĩa nào đó, nhưng không dễ gì phối hợp hai chuyện với nhau. Một đảng các ngài phải thi hành quyền bính thiêng liêng của mình, đảng khác không được chấp nhận cho quyền bính đó được phô trương bởi những dấu chỉ bên ngoài mà cả Chúa Giê-su lẫn các Tông Đồ đều đã từ chối. Các ngài phải lo sao cho thế giá các ngài, mà mọi người thừa nhận, đừng tìm thoả mãn cái khát vọng bẩm sinh của con người là mình phải thắng, hoặc chơi trội hơn người, hoặc phải được người ta phục vụ. Các ngài phải là những bậc thầy dạy đức tin nhưng không được quyết định thay cho người khác ; là những nhà đào tạo, chứ không phải những trung gian tất yếu giữa Thiên Chúa và người tín hữu.

truyền cho anh em tuân giữ. ²¹ Rồi, cũng theo cách thức đó, ông rảy máu vào lều thánh và mọi đồ phụng tự. ²² Chiếu theo Lễ Luật, hầu hết mọi sự đều được thanh tẩy bằng máu. Không có máu đổ ra, thì không có ơn tha thứ. ²³ Vậy, nếu các hình ảnh mô phỏng những thực tại trên trời còn cần phải được thanh tẩy như thế, thì chính những thực tại trên trời đó lại càng phải được thanh tẩy bằng những hy lễ cao trọng hơn biết mấy. ²⁴ Quả thế, Đức Ki-tô đã chẳng vào một cung thánh do tay người phạm làm ra, vì cung thánh ấy chỉ là hình bóng của cung thánh thật. Nhưng Người đã vào chính cõi trời, để giờ đây ra đứng trước mặt Thiên

Chúa chuyển cầu cho chúng ta. ²⁵ Người vào đó, không phải để dâng chính mình làm của lễ nhiều lần, như vị thượng tế mỗi năm phải đem theo máu của loài khác mà vào cung thánh. ²⁶ Chẳng vậy, Người đã phải chịu khổ hình nhiều lần, từ khi thế giới được tạo thành. Nhưng nay, vào kỳ kết thúc thời gian, Người đã xuất hiện chỉ một lần, để tiêu diệt tội lỗi bằng việc hiến tế chính mình. ²⁷ Phận con người là phải chết một lần, rồi sau đó chịu phán xét. ²⁸ Cũng vậy, Đức Ki-tô đã tự hiến tế chỉ một lần, để xoá bỏ tội lỗi muôn người. Người sẽ xuất hiện lần thứ hai, nhưng lần này không phải để xoá bỏ tội lỗi, mà để cứu độ những ai trông đợi Người.

Như thế là đòi hỏi một điều không ai kham nổi, trừ phi nhờ noi gương Chúa Giê-su Linh Mục : từ bỏ chính mình cho đến chết.

Các chương này cho chúng ta được chiêm ngắm vị Linh Mục duy nhất, rất khác xa với những gì các nền phụng tự dưới đất này cho thấy. Chính nhờ vậy mà chúng ta biết nhận ra chức tư tế của Chúa Ki-tô nơi tất cả mọi kẻ đã được thanh tẩy tuy họ “không làm lễ”, theo mức độ họ dần thân trong đời sống của Hội Thánh, dù là trong việc tông đồ, việc giảng thuyết, việc phục vụ tha nhân – hay chỉ trong một cuộc đời âm thầm, hoặc trong đau khổ.

TÓM LƯỢC : HY LỄ CỦA ĐỨC KI-TÔ CAO TRỌNG HƠN HY LỄ THEO LUẬT MÔ-SÊ

Hy lễ theo luật cũ thì vô hiệu

10 * ¹ Lễ Luật chỉ phác họa mờ những phúc lộc của thế giới tương lai, chứ không phản ánh chính xác những thực tại đó. Cho nên, Lễ Luật không bao giờ có thể làm cho những người tiến lại gần Thiên Chúa được nên hoàn thiện, nhờ những ngân ấy thứ hy lễ người ta cứ dâng mãi năm này qua năm khác. ² Chẳng vậy, người ta đã thôi không còn dâng hy lễ, vì giả như những kẻ làm việc thờ phượng đã được thanh tẩy dứt khoát rồi, thì họ đâu còn ý thức mình có tội nữa ? ³ Trái

lại, năm này qua năm khác, chính những hy lễ đó nhắc cho người ta nhớ mình có tội. ⁴ Thật thế, máu các con bò, con dê không thể nào xoá được tội lỗi. ⁵ Vì vậy, khi vào trần gian, Đức Ki-tô nói : *Chúa đã không ưa hy lễ và hiến tế, nhưng đã tạo cho con một thân thể.* ⁶ *Chúa cũng chẳng thích lễ toàn thiêu và lễ xá tội.* ⁷ *Bấy giờ con mới thưa : Lạy Thiên Chúa, này con đây, con đến để thực thi ý Ngài, như Sách Thánh đã chép về con.*

⁸ Trước hết, Đức Ki-tô nói : *Hy lễ và hiến tế, lễ toàn thiêu và lễ xá tội,*

* **10,1** Điều mà các đoạn 10,1-18 cố làm nổi bật là cuộc quá độ từ một tôn giáo cũ phải bắt đầu lại nghi thức bước sang một trạng thái mới mẻ, trong đó mọi sự đã vào chung cuộc. Đây là một góc cạnh của đức tin Ki-tô giáo không phải dễ chấp nhận. Phải chăng giữa biết bao nhiêu tôn giáo, mà tất cả đều cho mình là chân lý, chỉ có mỗi chúng ta là nắm chắc chung cuộc, là “đắc đạo” ? Chúng ta đã đắc đạo chưa khi mà ngày nào như ngày nào, chúng ta vẫn sa đi ngã lại trong cùng bấy nhiêu lỗi lầm ? Chúng ta đã đắc đạo chưa khi mà nhân chứng Ki-tô giáo trong thế giới chẳng có sức thuyết phục chút nào ? Chẳng có ai sẽ giải quyết ngờ vực của chúng ta ở điểm này : chúng ta chỉ vượt qua nếu bản thân chúng ta tiến sâu hơn mãi vào kinh nghiệm Ki-tô giáo.

Chẳng vậy, người ta đã thôi (c.2) : nếu người ta cứ dâng hy lễ cho nhiều để xin ơn tha tội, thì đấy chứng tỏ chẳng có hy lễ nào giải thoát họ khỏi tội lỗi cả. Nhưng chúng ta, chúng ta chẳng phải rất thường xuyên lãnh nhận bí tích tha tội đấy sao ? Vậy thì làm sao quá quyết được rằng hy lễ của Chúa Ki-tô đã giải thoát chúng ta ?

Chúa đã chẳng ưa, chẳng thích, mà đó chính là những thứ của lễ được dâng tiến theo Lễ Luật truyền. ⁹ Rồi Người nói : *Này con đây, con đến để thực thi ý Ngài.* Thế là Người bãi bỏ các lễ tế cũ mà thiết lập lễ tế mới. ¹⁰ Theo ý đó, chúng ta được thánh hoá nhờ Đức Giê-su Ki-tô đã hiến dâng thân mình làm lễ tế, chỉ một lần là đủ.

Hy lễ của Đức Ki-tô thì hữu hiệu

¹¹ Vị tư tế nào cũng phải đứng trong Đền Thờ lo việc phụng tự mỗi ngày và dâng đi dâng lại cũng ngần ấy thứ lễ tế ; mà những lễ tế đó chẳng bao giờ xoá bỏ được tội lỗi. ¹² Còn Đức Ki-tô, sau khi dâng lễ tế duy nhất để

dền tội cho nhân loại, Người đã lên ngự bên hữu Thiên Chúa đến muôn đời. ¹³ Và từ khi đó, *Người chờ đợi ngày các kẻ thù bị đặt làm bệ dưới chân.* ¹⁴ Quả thật, Người chỉ dâng hiến lễ một lần, mà vĩnh viễn làm cho những kẻ Người đã thánh hoá được nên hoàn hảo. ¹⁵ Điều đó cả Thánh Thần cũng làm chứng cho chúng ta thấy. Quả thật, sau khi phán : ¹⁶ *Đây là giao ước Ta sẽ lập với chúng sau những ngày đó, thì Đức Chúa phán : Ta sẽ ghi vào tâm khảm chúng, sẽ khắc vào lòng trí chúng lễ luật của Ta.* ¹⁷ *Ta sẽ không còn nhớ đến lỗi lầm và việc gian ác của chúng nữa.* ¹⁸ Mà nơi nào đã có ơn tha tội, thì đâu cần lễ đền tội nữa.

Phải nói rằng tất cả các bí tích chúng ta lãnh nhận –và ơn tha thứ lãnh nhận trong Hội Thánh– luôn luôn chỉ là những lần áp dụng trong thời gian điều đã một lần được thể hiện cách vĩnh viễn. Đối với người đã được thanh tẩy thì không còn một nghi thức, một cam kết, một phép thánh tẩy mới nào (bằng cách dùng nhiều nước, bằng “Thánh Linh”) có thể mang lại cho họ điều gì mà họ nghĩ mình chưa có : trong Chúa Giê-su, họ đã có tất cả rồi. Thánh Gio-an không ngần ngại nói rằng ai ở trong Chúa Ki-tô thì không phạm tội (1 Ga 3,6) : người ấy không phạm tội đưa đến cái chết (1 Ga 5,17). Chỉ có những tội khiến ta đoạn tuyệt hẳn với Chúa Ki-tô –thực tế là vứt lý tưởng của chúng ta vào sọt rác– mới đưa chúng ta trở về tình trạng cũ của chúng ta là cái chết. Người Ki-tô hữu đâu phải là người cứ không ngừng từ tội trọng bước sang ân sủng – dùng nghi vậy.

IV. ĐỨC TIN KIÊN TRÌ

Chuyển tiếp

* 19 Vậy, thưa anh em, nhờ máu Đức Giê-su đã đổ ra, chúng ta được mạnh dạn bước vào cung thánh. 20 Người đã mở cho chúng ta một con đường mới và sống động qua bức màn, tức là chính thân xác của Người. 21 Chúng ta lại có một vị tư tế cao trọng đứng đầu nhà Thiên Chúa. 22 Vì thế, chúng ta hãy tiến lại gần Thiên Chúa với một lòng chân thành và một đức tin trọn vẹn, vì trong lòng thì đã được tẩy sạch mọi vết nhơ của lương tâm, còn ngoài xác thì đã được tắm rửa bằng

nước tinh tuyền. 23 Chúng ta hãy tiếp tục tuyên xưng niềm hy vọng của chúng ta cách vững vàng, vì Đấng đã hứa là Đấng trung tín. 24 Chúng ta hãy để ý đến nhau, làm sao cho người này thúc đẩy người kia sống yêu thương và làm những việc tốt. 25 Chúng ta đừng bỏ các buổi hội họp, như vài người quen làm ; trái lại, phải khuyến khích nhau, nhất là khi anh em thấy Ngày Chúa đến đã gần.

Nguy cơ chối đạo

26 Thật vậy, nếu chúng ta cố tình phạm tội sau khi đã học biết sự thật, thì

* 10,19 Từ những điều vừa nói trên, các đoạn 10,19-39 rút ra kết luận : nếu đã đi vào chung cuộc thì chúng ta phải coi chừng cái tội đích thực là tội mất lòng trông cậy. Tội đích thực là đánh mất khả năng thưởng thức điều mà chúng ta đã được nếm qua, một hương vị nào đó. Để chữa trị, chỉ có một cách là cứ bước tới nữa. Xin nhắc lại câu này của thánh Ghê-gô-ri-ô : của cải đời này thì người ta ao ước khi không có, có rồi lại thấy chán ; niềm vui thiêng liêng thì người ta không ao ước bao lâu chưa có, mà càng có lại càng ao ước hơn.

Chúng ta đừng bỏ các buổi hội họp (c.25). Niềm cậy trông của chúng ta ốm yếu lắm rồi, và vì thế chúng ta thấy đủ thứ lý do để bỏ lễ ngày Chúa nhật, hoặc không tham dự buổi họp cộng đoàn của mình. Nếu mọi người đều làm như vậy, hẳn cộng đoàn Ki-tô giáo sẽ tan rã. Phần chúng ta, vốn không phải là thiên thần, liệu chúng ta có nhận Chúa Ki-tô làm lẽ sống hay không, nếu chúng ta không có cộng đoàn ? Cho dù chúng ta có hiện diện với những người không cùng một đức tin với chúng ta trong đủ thứ sinh hoạt rất tốt lành đi nữa, chúng ta vẫn thiếu những cái chính yếu giúp chúng ta làm chứng, ở giữa họ, về những điều mà họ không biết.

không còn hy lễ nào đền tội được nữa,²⁷ mà chỉ còn phải sợ hãi đợi chờ cuộc phán xét và ngọn lửa nóng bừng thiêu huỷ các đối tượng của Thiên Chúa.²⁸ Ai khinh thường luật Mô-sê, theo lời chứng của hai hay ba người, thì sẽ bị xử tử thẳng tay.²⁹ Phương chi kẻ đã chà đạp Con Thiên Chúa, đã xúc phạm đến Máu Giao Ước đã thánh hiến mình và nhục mạ Thần Khí ban ân sủng, thì anh em thử nghĩ xem, kẻ ấy đáng chịu hình phạt ghê gớm hơn biết mấy !³⁰ Vì chúng ta biết Đấng đã nói : *Chính Ta sẽ đáp trả. Lại có lời rằng : Chúa sẽ xét xử Dân Người.*³¹ Thật là khủng khiếp, khi phải rơi vào tay Thiên Chúa hằng sống !

Lý do để kiên trì

³² Xin anh em nhớ lại những ngày đầu : lúc vừa được ơn chiếu sáng, anh em đã phải đối phó với bao nỗi đau khổ dồn dập.³³ Khi thì anh em bị sỉ nhục và hành hạ trước

mặt mọi người, khi thì phải liên đới với những người cùng cảnh ngộ.³⁴ Quả thật, anh em đã thông phần đau khổ với những người bị tù tội, và đã vui mừng để cho người ta tước đoạt của cải, bởi biết rằng mình có những của vừa quý giá hơn lại vừa bền vững.³⁵ Vậy, anh em đừng đánh mất lòng tin tưởng mạnh dạn của anh em ; lòng tin tưởng đó sẽ mang lại một phần thưởng lớn lao.³⁶ Anh em cần phải kiên nhẫn, để sau khi thi hành ý Thiên Chúa, anh em được hưởng điều Người đã hứa.³⁷ *Vì chỉ còn ít lâu nữa, một ít thôi, Đấng phải đến sẽ đến, Người sẽ không trì hoãn.*³⁸ *Người công chính của Ta nhờ lòng tin sẽ được sống ; nhưng nếu người ấy bỏ cuộc, thì Ta không hài lòng về người ấy.*

³⁹ Phần chúng ta, chúng ta không phải là những người bỏ cuộc để phải hư vọng, nhưng là những người có lòng tin để bảo toàn sự sống.

Chỉ còn ít lâu nữa (c.37). Ý tưởng này lấy từ Kb 2,3 : cuộc phán xét của Thiên Chúa đã gần kề. Tác giả bức thư có lẽ muốn ám chỉ tới cuộc khủng hoảng sắp huỷ diệt quốc gia Do-thái.

Đức tin gương mẫu của các tổ phụ

11 * ¹ Đức tin là bảo đảm cho những điều ta hy vọng, là bằng chứng cho những điều ta không thấy. ² Nhờ đức tin ấy, các tiền nhân đã được Thiên Chúa chứng giám.

³ Nhờ đức tin, chúng ta hiểu rằng vũ trụ đã được hình thành bởi lời của Thiên Chúa ; vì thế, những cái hữu hình là do những cái vô hình mà có.

⁴ Nhờ đức tin, ông A-ben đã dâng lên Thiên Chúa một hy lễ cao quý hơn hy lễ của ông Ca-in : nhờ tin như vậy, ông A-ben đã được chứng nhận là người công chính, bởi vì Thiên Chúa đã chấp nhận những

lễ phẩm ông dâng. Và cũng nhờ tin như thế, mà tuy đã chết rồi, ông vẫn còn lên tiếng.

⁵ Nhờ đức tin, ông Kha-nốc được đem đi nơi khác để khỏi chết, và người ta không tìm thấy ông nữa, bởi vì Thiên Chúa đã đem ông đi. Quả thật, Kinh Thánh chứng nhận rằng : trước khi được đem đi, ông đã làm đẹp lòng Thiên Chúa. ⁶ Mà không có đức tin, thì không thể làm đẹp lòng Thiên Chúa, vì ai đến gần Thiên Chúa, thì phải tin là có Thiên Chúa và tin Người là Đấng ban phần thưởng cho những ai tìm kiếm Người.

⁷ Nhờ đức tin, ông Nô-ê được Thiên Chúa báo cho

* 11,1 Kể tự cô lập mình sẽ bị những mối hoài nghi đánh bại. Tại sao không hướng nhìn về những người đã đi trước chúng ta, không phải chỉ một, hai người, nhưng là cả một đoàn chứng nhân đồng đạo ? Không thể tất cả đều là ảo tưởng hết.

Đức tin là bảo đảm cho những điều ta hy vọng, là bằng chứng cho những điều ta không thấy. Các tấm gương được chọn ở đây cho thấy đức tin không thể dừng lại ở cấp độ xác tín thầm kín bên trong. Điều quan trọng là hành động theo đức tin và quyết định nhờ đức tin thôi thúc. Vì thế chương này giới thiệu ngắn ấy những mẫu gương đã được Kinh Thánh nêu lên, những con người cả nam lẫn nữ đã vì đức tin mà liều mất tất cả. Không có đức tin, ta không hiểu được lòng vâng phục của ông Áp-ra-ham, lòng tin tưởng của ông đối với Thiên Chúa dù chẳng còn gì để hy vọng, cũng không hiểu được làm sao ông Mô-sê lại từ bỏ một tương lai an nhàn để nhận cái việc cực kỳ khó khăn là hướng dẫn cả một đoàn dân. Lòng tin của ông giúp ông hành động trong hiện tại như thể đã xem thấy Đấng vô hình vậy (c.27).

biết những gì người ta chưa thấy ; vì có lòng kính sợ Thiên Chúa, ông đã đóng một chiếc tàu để cứu gia đình ông. Tin như thế là ông đã lên án thế gian, và được phần gia nghiệp là sự công chính nhờ đức tin.

⁸ Nhờ đức tin, ông Áp-ra-ham đã vâng nghe tiếng Chúa gọi mà ra đi đến một nơi ông sẽ được lãnh nhận làm gia nghiệp, và ông đã ra đi mà không biết mình đi đâu. ⁹ Nhờ đức tin, ông đã tới cư ngụ tại Đất Hứa như tại một nơi đất khách, ông sống trong lều cũng như ông I-xa-ác và ông Gia-cóp là những người đồng thừa kế cùng một lời hứa, ¹⁰ vì ông trông đợi một thành có nền móng do chính Thiên Chúa vẽ mẫu và xây dựng. ¹¹ Nhờ đức tin, cả bà Xa-ra vốn hiếm

muộn, cũng đã có thể thụ thai và sinh con nối dòng vào lúc tuổi đã cao, vì bà tin rằng Đấng đã hứa là Đấng trung tín. ¹² Vì thế, do một người duy nhất, một người kể như chết rồi mà đã sinh ra một dòng dõi nhiều như *sao trời cát biển, không tài nào đếm được*. ¹³ Tất cả các ngài đã chết, lúc vẫn còn tin như vậy, mặc dù chưa được hưởng các điều Thiên Chúa hứa ; nhưng từ xa các ngài đã thấy và đón chào các điều ấy, cùng xưng mình là ngoại kiều, là lữ khách trên mặt đất. ¹⁴ Những người nói như vậy cho thấy là họ đang đi tìm một quê hương. ¹⁵ Và nếu quả thật họ còn nhớ tới quê hương mình đã bỏ ra đi, thì họ vẫn có cơ hội trở về. ¹⁶ Nhưng thật ra

Không phải là chuyện đơn giản khi nói về những gì đức tin xác tín, những gì đức tin hy vọng và những gì đức tin không mong ước : các ví dụ được đưa ra cho thấy có những thái độ rất khác nhau. Ông Kha-nốc đi tìm Thiên Chúa, ông Nô-ê chuẩn bị cho tiền đồ của thế giới ngay trước ngày đại họa, người thì sống trên trái đất mà không tìm cách ở đây luôn để hưởng nhàn, kẻ khác lại hiến thân để bảo vệ một quê hương trần thế. Nhưng bao giờ cũng có niềm xác tín rằng Thiên Chúa muốn dùng các ngài để làm một chuyện gì đó : đời sống các ngài, bằng cách này hay cách khác, vẫn sinh hoa kết trái. Nên để ý sự tương phản ở c.35 : một số người, nhờ lòng tin, đã được Thiên Chúa nhậm lời khi họ xin cho đứa con đã chết được sống lại (1 V 17,23), nhưng một số người khác đã có đức tin mạnh đến độ họ chọn chịu cực hình ngày hôm nay để mai sau được quyền hưởng sự sống lại.

các ngài mong ước một quê hương tốt đẹp hơn, đó là quê hương trên trời. Bởi vậy, Thiên Chúa đã không hổ thẹn để cho các ngài gọi mình là Thiên Chúa của các ngài, vì Người đã chuẩn bị một thành cho các ngài.

¹⁷ Nhờ đức tin, khi bị thử thách, ông Áp-ra-ham đã hiến tế I-xa-ác ; dù đã nhận được lời hứa, ông vẫn hiến tế người con một. ¹⁸ Về người con này, Thiên Chúa đã phán bảo : *Chính do I-xa-ác mà sẽ có một dòng dõi mang tên người.* ¹⁹ Quả thật, ông Áp-ra-ham nghĩ rằng Thiên Chúa có quyền năng cho người chết trở dậy. Rốt cuộc, ông đã nhận lại người con ấy như là một biểu tượng.

²⁰ Nhờ đức tin, khi nhìn về tương lai, ông I-xa-ác đã chúc phúc cho Gia-cóp và Ê-xau. ²¹ Nhờ đức tin, ông Gia-cóp, khi sắp chết,

đã chúc phúc cho mỗi người con ông Giu-se ; *ông dựa vào đầu gối, cúi mình xuống sụp lạy.* ²² Nhờ đức tin, ông Giu-se, khi sắp lìa đời, đã nhắc lại cuộc xuất hành của con cái Ít-ra-en và ra chỉ thị liên quan đến hài cốt của ông.

²³ Nhờ đức tin, lúc chào đời, ông Mô-sê đã được cha mẹ giấu đi ba tháng, bởi vì ông bà thấy đứa trẻ khô ngô, và không sợ sắc chỉ nhà vua. ²⁴ Nhờ đức tin, ông Mô-sê, khi lớn lên đã từ chối không chịu cho người ta gọi là con của công chúa Pha-ra-ô ; ²⁵ ông thà cùng chịu ngược đãi với Dân Thiên Chúa còn hơn là được hưởng cái sung sướng chóng qua do tội lỗi mang lại ; ²⁶ ông coi sự ô nhục của người được xúc dầu là của cải quý báu hơn các kho tàng của người Ai-cập, vì mắt ông vẫn đắm đắm nhìn phần thưởng mai sau. ²⁷ Nhờ đức tin, ông bỏ Ai-cập mà không

Khi chọn các anh hùng đức tin, tác giả dành ưu tiên cho các bậc lãnh đạo, cho đủ hạng người dũng cảm đã muốn giải thoát và phục vụ dân mình. Làm như thế, các vị này tìm về quê hương đích thực, dù có thể là trong vô thức. Biết bao người thời nay, có khi là những tín hữu dờ dang và xa cách Giáo Hội, thật sự đang trên đường tiến về thành đô Thiên Chúa, khi họ xả thân để chuẩn bị tương lai thế giới : đó là dân Híp-ri của thế giới hiện đại, và *Thiên Chúa đã không hổ thẹn để cho các ngài gọi mình là Thiên Chúa của các ngài* (c.16).

sợ cơn thịnh nộ của nhà vua ; ông vững vàng không nao núng, như thể xem thấy Đấng vô hình.²⁸ Nhờ đức tin, ông đã cử hành lễ Vượt Qua và rảy máu để Thần tiêu diệt khỏi đặng đến các con đầu lòng.²⁹ Nhờ đức tin, người Do-thái đã băng qua Biển Đỏ như đi trên đất khô, còn người Ai-cập lại bị chết chìm trong khi tìm cách rượt theo.

³⁰ Nhờ đức tin, tường thành Giê-ri-khô đã sụp đổ, sau khi dân Ít-ra-en đi vòng quanh trong bảy ngày.³¹ Nhờ đức tin, cô kỹ nữ Ra-kháp đã không phải chết cùng với quân phản nghịch, vì cô đã hoà nhã tiếp đón những người do thám.

³² Tôi còn phải nói gì nữa đây ? Tôi sợ không có đủ thời giờ để kể truyện các ông Ghít-ôn, Ba-rắc, Sam-sôn, Gíp-tác, Đa-vít, Sa-mu-en và các ngôn sứ.

³³ Nhờ đức tin, các vị này đã chinh phục các nước, thực hành công lý, đạt được những gì Thiên Chúa đã hứa ; các ngài đã khoá miệng sư tử,³⁴ dập tắt lửa hồng mãnh liệt, thoát khỏi lưỡi gươm. Các ngài đã lướt thắng bệnh tật mà trở nên mạnh mẽ, đã tỏ ra dũng cảm tại chiến trường, và đẩy lui được quân ngoại xâm.³⁵ Có những phụ nữ đã thấy thân nhân mình chết nay sống lại. Có những người bị tra tấn mà không muốn được giải thoát, để được hưởng một sự sống lại tốt đẹp hơn.³⁶ Có những người phải chịu nhạo cười và roi vọt, hơn nữa còn bị xiềng xích và bỏ tù ;³⁷ họ bị ném đá, bị cưa đôi, bị chết vì gươm ; họ phải lưu lạc, mặc áo da cừu da dê, chịu thiếu thốn, bị áp bức và hành hạ.³⁸ Thế gian chẳng xứng với họ ! Họ đi lang thang trong hoang địa, trên núi đồi, trong

Các vị anh hùng đức tin này đã chết khi chưa được thấy điều Thiên Chúa hứa, nhiều vị tưởng chừng như đã thất bại, nhưng các lớp hậu sinh phát hiện ra rằng chính các ngài đã làm nên lịch sử đích thực. Tác giả bức thư ngỏ lời với người Ki-tô hữu và bảo họ : *Chúng ta là những người có lòng tin và chúng ta sẽ cứu được linh hồn chúng ta. Ý là thế này : chúng ta sẽ đem ra thực hành hết những gì bản thân chúng ta đã sẵn có, rồi thì chúng ta sẽ đạt tới điều Thiên Chúa dành cho chúng ta trong cõi vĩnh hằng của Người.*

hang hốc và hầm hố.
³⁹ Nhờ đức tin, tất cả các nhân vật đó đã được chứng giám, thế mà họ không đạt được những điều Thiên Chúa đã hứa. ⁴⁰ Quả thật, Thiên Chúa đã trù liệu cho chúng ta một phần phúc tốt hơn, nên không muốn cho họ đạt tới hạnh phúc trọn vẹn mà không có chúng ta.

Gương sáng của Đức Ki-tô

12^{*} ¹ Như thế, phần chúng ta, được ngằn ấy nhân chứng đức tin như đám mây bao quanh, chúng ta hãy cởi bỏ mọi gánh nặng và tội lỗi đang trói buộc mình, và hãy kiên trì chạy trong cuộc đua dành cho ta, ² mắt hướng về Đức Giê-su là Đấng khai mở và kiện toàn lòng tin. Chính Người đã khước từ niềm vui dành cho mình, mà cam chịu khổ hình thập giá, chẳng

nê chi ô nhục, và nay đang ngự bên hữu ngai Thiên Chúa. ³ Anh em hãy tưởng nhớ Đấng đã cam chịu để cho những người tội lỗi chống đối mình như thế, để anh em khỏi sờn lòng nản chí. ⁴ Quả thật, trong cuộc chiến đấu với tội lỗi, anh em chưa chống trả đến mức đổ máu đầu.

Thiên Chúa lấy tình cha mà giáo dục

⁵ Anh em đã quên lời khuyên nhủ được nói với anh em như với những người con : *Con ơi, đừng coi nhẹ lời Chúa sửa dạy, chớ nản lòng khi Người khiển trách.* ⁶ Vì Chúa thương ai thì mới sửa dạy kẻ ấy, và có nhận ai làm con thì Người mới cho roi cho vọt. ⁷ Anh em hãy kiên trì để cho Thiên Chúa sửa dạy. Người đối xử với anh em như với những người con. Thật vậy, có đứa con

* **12,1** Có ba điều phải suy nghĩ để đứng vững trong cơn thử thách :

- Nghĩ đến Chúa Giê-su và những đau khổ Người đã chịu.
- Nghĩ đến mẫu nhiệm hiệp thông giữa các thánh (“các thánh thông công”).
- Nghĩ rằng chính Chúa Cha cho phép chúng ta gặp thử thách.

Cha trên trời (c.9, ds : *Cha các thần khí*). Trong Ds 16,22, ông Mô-sê cầu xin với vị “Thiên Chúa ban sinh khí cho mọi xác phàm” : đây là một cách để nói rằng bởi lẽ Thiên Chúa thấu biết lòng người, nên Người biết rõ nỗi khôn cùng của họ và không thể trừng phạt họ một cách quá nghiêm khắc.

nào mà người cha không sửa dạy ? ⁸ Nếu anh em không được sửa dạy như tất cả mọi người, thì khi đó anh em là con ngoại hôn, chứ không phải là con chính thức. ⁹ Vả lại, chúng ta có cha trần thế sửa dạy mà chúng ta vẫn tôn kính, thì chúng ta lại càng phải tùng phục Cha trên trời để được sống. ¹⁰ Cha trần thế sửa dạy chúng ta trong một thời gian ngắn, và theo sở thích của mình ; còn Thiên Chúa sửa dạy là vì lợi ích của chúng ta, để chúng ta được thông phần vào sự thánh thiện của Người. ¹¹ Ngay lúc bị sửa dạy, thì chẳng ai lấy làm vui thú mà chỉ thấy buồn phiền. Nhưng sau đó, những người chịu rèn luyện như thế sẽ gặt được hoa trái là bình an và công chính. ¹² Bởi vậy, *hãy làm cho những bàn tay bủn rủn, những đầu gối rã rời, nên mạnh mẽ.* ¹³ *Hãy sửa đường cho thẳng mà đi, để người què khỏi trật bước*

và hơn nữa, còn được chữa lành.

Trừng phạt tội bất trung

* ¹⁴ Anh em phải cố ăn ở hoà thuận với mọi người, phải gắng trở nên thánh thiện ; vì không có sự thánh thiện, thì không ai sẽ được thấy Chúa. ¹⁵ Anh em phải coi chừng, kẻo có ai lừng khừng mà mất ân sủng của Thiên Chúa, kẻo có ai trở nên rề đàng nảy mầm, gây xáo trộn và do đó làm hư hỏng nhiều người. ¹⁶ Đừng có ai gian dâm hoặc phạm tục như Ê-xau, kẻ đã vì một món ăn mà bán quyền trưởng nam. ¹⁷ Anh em quá biết : sau này, cho dù muốn được thừa hưởng lời chúc phúc, anh ta cũng không thể làm thay đổi tình thế, mặc dù đã khóc lóc van xin.

Hai giao ước

¹⁸ Anh em đã chẳng tới một quả núi sờ thấy được, có lửa đang cháy, mây mù, bóng tối và giông tố, ¹⁹ có tiếng kèn vang dậy, và

* 12,14 Sau khi đã hết lời mời gọi sống đức tin, tác giả muốn chuyển qua những điều thực tiễn hơn (cc. 14-15), nhưng ngài trở lại liên với hồng ân đặc biệt là lòng tin vào Chúa Ki-tô. Ngài nhắc độc giả nhớ lại kinh nghiệm họ đã trải qua khi được thanh tẩy và nhận lãnh các ân huệ Chúa Thánh Thần.

tiếng nói thét gầm, khiến những kẻ nghe phải van xin đừng để lời ấy thốt ra với họ nữa, ²⁰ vì họ không chịu nổi mệnh lệnh sau đây : *Ngay cả thú vật đụng đến núi, cũng phải bị ném đá.* ²¹ Cảnh tượng hãi hùng đến mức ông Mô-sê phải nói : *Tôi kinh hoàng và run rẩy !* ²² Nhưng anh em đã tới núi Xi-on, tới thành đô Thiên Chúa hằng sống, là Giê-ru-sa-lem trên trời, với con số muôn vàn thiên sứ. Anh em đã tới dự hội vui, ²³ dự đại hội giữa các con đầu lòng của Thiên Chúa, là những kẻ đã được ghi tên trên trời. Anh em đã tới cùng Thiên Chúa, Đấng xét xử mọi người, đến với linh hồn những người công chính đã được nên hoàn thiện. ²⁴ Anh em đã tới cùng vị Trung Gian giao ước mới là Đức Giê-su

và được máu của Người rảy xuống, máu đó kêu thấu trời còn mạnh thế hơn cả máu A-ben. ²⁵ Anh em phải coi chừng, chớ từ chối không nghe Đấng phán dạy. Quả thật, những ai từ chối không nghe Đấng tuyên sấm ở dưới đất đã không thoát khỏi hình phạt ; huống hồ là chúng ta, làm sao chúng ta thoát được, nếu chúng ta quay lưng lại không chịu nghe Đấng tuyên sấm từ trời ! ²⁶ Xưa tiếng Người phán đã làm cho đất rung chuyển, thì nay Người lại đưa ra lời hứa sau đây : *Một lần nữa, Ta sẽ lay chuyển không những trái đất, mà cả các tầng trời !* ²⁷ Những tiếng *một lần nữa* cho thấy rằng những sự vật bị rung chuyển sẽ phải thay đổi, bởi vì đã được làm ra, để những gì không bị rung chuyển được

Anh em đã tới núi Xi-on (c.22). Chính trên ngọn núi này mà Giê-ru-sa-lem được xây lên, và đối với người Do-thái thời ấy, núi Xi-on là hình ảnh của thành thánh trên trời. Mà đúng vậy : chính lúc người tín hữu nhận bí tích Thánh Tẩy là lúc họ có được, ở nhiều mức độ khác nhau, một kinh nghiệm thật sự thuộc *thiên giới*. Và họ đã cảm nghiệm điều đó giữa một cộng đoàn, nơi họ ý thức được Hội Thánh là gì. Họ đã gia nhập gia đình của Thiên Chúa, gồm các thánh và các thiên thần. Biết đâu họ đã có đôi chút nhận thức về cõi nhiệm mầu này, nơi mà vận mệnh thế giới được quyết định và là trung tâm điểm có chính Chúa Giê-su hiện diện. Sau này xin đừng quên những kinh nghiệm đã trải qua trong những tháng ngày ngập tràn ánh sáng.

tồn tại. ²⁸ Cho nên, bởi vì chúng ta được lãnh nhận một vương quốc vững bền không lay chuyển, chúng ta phải biết ơn Thiên Chúa. Với lòng biết ơn đó,

chúng ta hãy kính sợ mà phụng thờ Thiên Chúa cho đẹp lòng Người. ²⁹ Quả thật, Thiên Chúa chúng ta là một *ngọn lửa thiêu*.

DẶN BẢO THÊM

Lời nhắn nhủ cuối cùng

13 * ¹ Anh em hãy giữ mãi tình huynh đệ. ² Anh em đừng quên tỏ lòng hiếu khách, vì nhờ vậy, có những người đã được tiếp đón các thiên thần mà không biết. ³ Anh em hãy nhớ đến các người bị xiềng xích, chẳng khác gì anh em cũng bị xiềng xích với họ ; anh em hãy nhớ đến những người bị hành hạ, chẳng khác gì mình với họ chỉ là một thân thể. ⁴ Ai nấy phải tôn trọng hôn nhân, chớ làm cho loan phòng ra ô uế, vì Thiên Chúa sẽ xét xử các kẻ gian dâm và ngoại tình. ⁵ Trong cách ăn nết ở, anh em đừng có

ham tiền, hãy coi những gì mình đang có là đủ, vì Thiên Chúa đã phán : *Ta sẽ không bỏ rơi người, Ta sẽ không ruồng bỏ người !*, ⁶ đến nỗi chúng ta có thể tin tưởng mà nói : *Có Chúa ở cùng tôi mà bệnh đỡ, tôi chẳng sợ gì. Hỏi người đời làm chi tôi được ?*

Về lòng trung thành

⁷ Anh em hãy nhớ đến những người lãnh đạo đã giảng lời Chúa cho anh em. Hãy nhìn xem cuộc đời họ kết thúc thế nào mà noi theo lòng tin của họ. ⁸ Đức Giê-su Ki-tô vẫn là một, hôm qua cũng như hôm nay, và như vậy mãi đến muôn đời. ⁹ Đừng để cho đủ thứ học thuyết xa

* **13,1** Đức tin là cao cả, nhưng sống đức tin là trong những chi tiết của cuộc sống hằng ngày. Những người bị bách hại, đối tượng của bức thư này, không cần phải khởi xướng những công việc mới. Họ sẽ chứng tỏ đức tin của mình trong một nếp sống lương thiện và quảng đại thôi. Và họ cũng cần phải chấp nhận thân phận hẩm hiu của họ nữa, bị gạt ra bên lề xã hội, chia sẻ những nỗi nhục nhằn của Chúa Giê-su.

lạ mê hoặc anh em. Điều tốt là củng cố tâm hồn bằng ân sủng, chứ không phải bằng đồ ăn thức uống, là những thứ chẳng sinh ích gì cho những người giữ luật Mô-sê về chuyện ăn uống. ¹⁰ Chúng ta có một bàn thờ ; những gì dâng trên đó, các người lo việc phụng tự trong Lều không có quyền ăn. ¹¹ Vị thượng tế mang máu thú vật vào cung thánh để dâng làm của lễ đền tội ; nhưng thấy các thú vật đó đều bị thiêu ở ngoài trại. ¹² Vì thế, Đức Giê-su đã chịu khổ hình ngoài cửa thành, lấy máu mình mà thánh hoá toàn dân. ¹³ Vậy ta hãy ra khỏi trại mà đến với Người, cam lòng gánh vác nỗi khổ nhục Người đã chịu. ¹⁴ Vì trên đời này, chúng ta

không có thành trì bên vững, nhưng đang tìm kiếm thành trì tương lai. ¹⁵ Vậy nhờ Người, chúng ta hãy luôn luôn dùng *lời ngợi khen* làm lễ tế dâng lên Thiên Chúa, tức là *dùng miệng lưỡi* mà ca tụng Danh Thánh. ¹⁶ Anh em chớ quên làm việc từ thiện, giúp đỡ lẫn nhau, vì Thiên Chúa ưa thích những hy lễ như thế.

Vâng phục các vị lãnh đạo tinh thần

¹⁷ Anh em hãy vâng lời những người lãnh đạo anh em và hãy phục tùng họ, vì họ chăm sóc linh hồn anh em như những người sẽ phải trả lễ với Thiên Chúa. Như thế, họ sẽ vui vẻ thi hành phận sự của mình mà không than thở, bởi vì điều đó chẳng ích gì

Đức Giê-su đã chịu khổ hình ngoài cửa thành (c.12). Bản văn viết : ngoài trại, một thuật ngữ nhắc lại thời rong ruổi trong sa mạc, nhưng là chỉ Đền Thờ và Thành Thánh. Sách Cựu Ước buộc rằng các lễ vật được dâng để xin ơn tha tội phải được đem thiêu bên ngoài nơi thánh : như vậy để cho thấy rằng tội lỗi của dân được chuyển qua các con vật, rồi khi bị đuổi đi là các con vật ấy mang đi xa khỏi dân những điều dữ và tội lỗi. Nghi thức này đã báo trước sự việc sẽ xảy ra cho Chúa Giê-su : Người chết bên ngoài tường thành Giê-ru-sa-lem.

Từ đó có thể rút ra một bài học khác nữa : người tín hữu phải rời bỏ “nơi thánh” của mình, tức là một cuộc sống tiện nghi và được coi trọng, để đi tìm vương quốc công minh chính trực thường quá bị coi rẻ. Người tín hữu phản kháng thế giới hiện tại ; họ không thuộc về thế giới này, và họ không muốn lợi dụng nó như thế nó là quê hương vĩnh viễn của mình.

cho anh em. ¹⁸ Xin anh em cầu nguyện cho chúng tôi. Chúng tôi tin rằng chúng tôi có lương tâm ngay lành, muốn ăn ở tốt trong mọi hoàn cảnh. ¹⁹ Tôi tha thiết khuyên anh em làm như thế, để tôi được sớm trở về với anh em.

Tin tức. Lời chào cuối thư.

²⁰ Thiên Chúa là nguồn mạch bình an đã đưa Đức Giê-su, Chúa chúng ta, ra khỏi cái chết. Đức Giê-su là vị Mục Tử cao cả của đoàn chiên, là Đấng đã đổ máu mình ra để thiết lập giao ước vĩnh cửu. ²¹ Xin Thiên Chúa ban cho anh em mọi ơn lành để có sức thi hành thánh ý Người. Xin Người thực hiện nơi anh em điều đẹp lòng

Người, nhờ Đức Giê-su Ki-tô. Kính dâng Đức Ki-tô vinh quang đến muôn thuở muôn đời. A-men.

²² Thưa anh em, tôi xin anh em chịu khó nghe lời khuyên này. Và lại, tôi chỉ viết cho anh em vắn tắt thôi. ²³ Xin báo cho anh em biết : Ti-mô-thê, người anh em của chúng ta, đã được thả rồi. Nếu anh ấy đến đây sớm, thì tôi sẽ cùng với anh đến gặp anh em. ²⁴ Xin gửi lời chào các vị lãnh đạo anh em và mọi người trong dân thánh. Những người từ I-ta-li-a gửi lời chào anh em. ²⁵ Chúc tất cả anh em được đầy tràn ân sủng của Thiên Chúa !

THƯ CỦA THÁNH GIA-CÔ-BÊ

DẪN NHẬP

Đây có phải là thánh Gia-cô-bê, “người anh em của Chúa” không ? Ngài rất ít được nhắc đến trong Tin Mừng (Mc 6,3), nhưng vài năm sau lễ Hiện Xuống, ngài lại xuất hiện như là người lãnh đạo, có thể gọi là giám mục của giáo đoàn Giê-ru-sa-lem. Rồi khi Tin Mừng được lan truyền, dường như ngài được xem là người chịu trách nhiệm về tất cả những cộng đoàn Ki-tô giáo trong đó đa số là người Do-thái, được thiết lập tại Pa-lét-tin, Xy-ri và Ki-li-ki-a (x. Cv 15,13-29).

Trong tất cả các Tông Đồ, ngài là vị gắn bó với truyền thống Do-thái nhất

(ngược hẳn với thánh Phao-lô). Khi gặp gỡ tín hữu Giê-ru-sa-lem, ngài dạy họ những điều đơn giản và có tính thực hành, theo trào lưu các sách khôn ngoan của Cựu Ước. Chúng ta nghe được âm vang những bài giảng ngày Chúa nhật của ngài trong lá thư này, gửi cho người Ki-tô hữu gốc Do-thái sống trong giáo phận rộng lớn của ngài.

Họ được gọi là “mười hai chi tộc đang sống tản mác khắp nơi”, một danh hiệu được dùng để chỉ người Do-thái sống ở nước ngoài. Lá thư có thể được viết giữa những năm 50-60 sau CN.

THƯ CỦA THÁNH GIA-CÔ-BÊ

Lời chào thăm

1 ¹ Tôi là Gia-cô-bê, tôi tớ của Thiên Chúa và của Chúa Giê-su Ki-tô, kính gửi mười hai chi tộc đang sống tản mác khắp nơi. Chúc anh em được an vui mạnh khoẻ !

Ích lợi của thử thách

* ² Thưa anh em, anh em hãy tự cho mình là được chan chứa niềm vui khi gặp thử thách trăm chiều. ³ Vì như anh em

biết : đức tin có vượt qua thử thách mới sinh ra lòng kiên nhẫn. ⁴ Chớ gì anh em chứng tỏ lòng kiên nhẫn đó ra bằng những việc hoàn hảo, để anh em nên hoàn hảo, không có chi đáng trách, không thiếu sót điều gì.

Cầu xin với lòng tin

⁵ Nếu ai trong anh em thiếu đức khôn ngoan, thì hãy cầu xin Thiên Chúa, Người sẽ ban cho. Vì

* ^{1,2} Điều gây ấn tượng nhất ngay ở đầu bức thư là một đức tin sắt đá. Thánh Gia-cô-bê là một người không chút do dự và xác tín của ngài làm chúng ta cảm thấy thật vững tâm : *hãy cầu xin vì Thiên Chúa ban cho mọi người cách rộng rãi. Anh em hãy tự cho mình là được chan chứa niềm vui khi gặp thử thách trăm chiều.*

Đức tin có vượt qua thử thách (c.3). Chúng ta sinh ra ở đời đâu phải để sống nhàn hạ. Điều quan trọng là biết tận dụng thời giờ Thiên Chúa ban cho để lớn lên và nên người trưởng thành. Ai chưa hề đau khổ thì hiểu biết rất ít. Thường thì những người trải qua nhiều đau khổ quên rằng chính gian truân đã tôi luyện họ nên người.

Cứu giúp người nghèo, người đau khổ, không phải đơn giản là an ủi họ hay cho họ cơm ăn áo mặc, cho bằng giúp họ đối phó với vận mệnh của mình, thành đạt bằng nỗ lực cá nhân, và khám phá ra rằng họ không có hy vọng nếu trước tiên họ không nhìn nhận và cùng hoạt động với anh chị em mình.

Nếu ai trong anh em thiếu đức khôn ngoan (c.5). Thiên Chúa đã đặt trong thế giới chúng ta tất cả những gì cần thiết để chúng ta giải quyết các vấn đề của mình. Nhờ đức khôn ngoan Thiên Chúa ban cho, chúng ta biết mang lấy trách nhiệm vận mệnh của mình, thay vì sống thụ động, tới đâu hay tới đó.

Thiên Chúa ban cho mọi người cách rộng rãi, không quở trách. ⁶ Nhưng người ấy phải cầu xin với lòng tin không chút do dự, vì kẻ do dự thì giống như sóng biển bị gió đẩy lên vật xuống. ⁷ Người ấy đừng tưởng mình sẽ nhận được cái gì của Chúa : ⁸ họ là kẻ hai lòng, hay thay đổi trong mọi việc họ làm.

Số phận người giàu

⁹ Người anh em phận hèn hãy tự hào khi được Chúa nâng lên ; ¹⁰ còn người giàu có hãy tự hào khi bị Chúa hạ xuống, vì họ sẽ qua đi như hoa cỏ. ¹¹ Quả thế, mặt trời mọc lên toả ra sức nóng làm cho cỏ khô, khiến hoa rụng xuống, vẻ đẹp tiêu tan. Người giàu có cũng sẽ héo tàn như vậy trong các việc họ làm.

Thử thách

¹² Phúc thay người biết kiên trì chịu đựng cơn thử thách, vì một khi đã được

tôi luyện, họ sẽ lãnh phần thưởng là sự sống Chúa đã hứa ban cho những ai yêu mến Người.

¹³ Khi bị cám dỗ, đừng ai nói : “Tôi bị Thiên Chúa cám dỗ”, vì Thiên Chúa không thể bị cám dỗ làm điều xấu, và chính Người cũng không cám dỗ ai. ¹⁴ Nhưng mỗi người có bị cám dỗ, là do dục vọng của mình lôi cuốn và dùng mưu mà bắt. ¹⁵ Rồi một khi dục vọng đã cứu mang thì để ra tội ; còn tội khi đã phạm rồi, thì sinh ra cái chết.

Lãnh nhận và thực hành Lời Chúa

* ¹⁶ Anh em thân mến của tôi, anh em đừng có lầm lẫn. ¹⁷ Mọi ơn lành và mọi phúc lộc hoàn hảo đều do từ trên, đều tuôn xuống từ Cha là Đấng dựng nên muôn tinh tú ; nơi Người không hề có sự thay đổi, cũng không hề có sự chuyển vần khi tối khi sáng. ¹⁸ Người đã tự ý

Phải cầu xin với lòng tin (c.6). Ai biết rõ Thiên Chúa muốn cứu mình thoát khỏi những trở ngại nào thì sẽ không ngần ngại cầu xin với lòng tin.

Đừng ai nói (c.13). Phần nhiều người ta thầm oán giận Thiên Chúa và không bỏ qua một cơ hội nào để ta thán về Người trong khi chính họ đã sai trái.

dùng Lời chân lý mà sinh ra chúng ta, để chúng ta nên như của đầu mùa trong các thụ tạo của Người.

¹⁹ Anh em thân mến của tôi, anh em nên biết rằng : mỗi người phải mau nghe, đừng vội nói, và khoan giận, ²⁰ vì khi nóng giận, con người không thực thi đường lối công chính của Thiên Chúa. ²¹ Vì vậy, anh em hãy giữ sạch mọi điều ô uế và mọi thứ độc ác còn lan tràn ; hãy khiêm tốn đón nhận lời đã được gieo vào lòng anh em ; lời ấy có sức cứu độ linh hồn anh em.

²² Anh em hãy đem Lời ấy ra thực hành, chứ đừng nghe suông mà lừa dối chính mình. ²³ Thật vậy, ai lắng nghe Lời Chúa mà

không thực hành, thì giống như người soi gương thấy khuôn mặt tự nhiên của mình. ²⁴ Người ấy soi gương rồi đi, và quên ngay không nhớ mặt mình thế nào. ²⁵ Ai thiết tha và trung thành tuân giữ luật trọn hảo –luật mang lại tự do–, ai thi hành luật Chúa, chứ không nghe qua rồi bỏ, thì sẽ tìm được hạnh phúc trong mọi việc mình làm.

²⁶ Ai cho mình đạo đức mà không kiềm chế miệng lưỡi, là tự dối lòng mình, vì đó chỉ là thứ đạo đức hão. ²⁷ Có lòng đạo đức tinh tuyền và không tỳ ố trước mặt Thiên Chúa Cha, là thăm viếng cô nhi quả phụ lâm cảnh gian truân, và giữ mình cho khỏi mọi vết nhơ của thế gian.

* 1,16 *Đấng dựng nên muôn tinh tú ; nơi Người không hề có sự thay đổi* (c.17). Chúng ta vốn hay thay lòng đổi dạ, nên thánh Gia-cô-bê kêu mời chúng ta nhìn về Thiên Chúa Cha là Đấng không hề thay đổi, Chí Thánh và Vinh Phúc, bất chấp mọi biến thiên trong vũ trụ. Lạ lùng thay : trong cõi vĩnh hằng của Người, Chúa Cha vui thấy chúng ta hiện diện, trong khi chúng ta sống trong thời gian thì vẫn chưa biết làm sao hướng trọn về Người. Chúng ta phải tìm cách đạt được một tấm lòng vàng đá và thủy chung như Thiên Chúa.

Người sinh ra chúng ta (c.18). Lời xác nhận này sẽ được khai triển trong 1 Pr 1, và ở đây thì nhắc nhớ bí tích Thánh Tẩy cho chúng ta được lãnh nhận sự sống mới. Thánh Gia-cô-bê rút ra kết luận này : chúng ta phải tuân giữ Lời Chúa, suy niệm luôn để tìm hiểu Lời ấy đòi hỏi ta những gì. Cải thiện đời sống chúng ta trong thời gian ngắn ngủi chuẩn bị chịu thanh tẩy thì chưa đủ ; chúng ta còn phải kiên trì theo đuổi con đường ngay chính nữa.

Phải kính trọng người nghèo

2 * 1 Thưa anh em, anh em đã tin vào Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, là Chúa vinh quang, thì đừng đối xử thiên tư. ² Quả vậy, giả như có một người bước vào nơi anh em hội

họp, tay đeo nhẫn vàng, áo quần lộng lẫy, đồng thời có một người nghèo khó, ăn mặc tồi tàn, cũng bước vào, ³ và giả như mà anh em kính cần nhìn người ăn mặc lộng lẫy và nói : “Xin mời ông ngồi vào chỗ danh dự này”, còn với người

* 2,1 Phàm ai tỏ ra kỳ thị (2,4) thì không phải là Ki-tô hữu.

Kỳ thị giai cấp, màu da : không có một lý do nào cho phép ai đối xử thiên vị và được miễn tôn trọng quyền lợi của mỗi một con người, bất người này châu chực, xử tệ với người kia. Gắn liền với đức tin là một bản năng tự nhiên đòi hỏi lẽ công bình.

Thánh Gia-cô-bê nói về nạn kỳ thị trong nội bộ Hội Thánh. Buồn thay, chính đây là nơi nó thường sống rất dai. Nếu tại nhiều quốc gia, những người có quan hệ thường xuyên với Hội Thánh là những thành phần khá giả trong xã hội, có học thức hơn, ấy là do một số chọn lọc : trong thực hành, chúng ta đã gạt qua một bên những thành phần khác, cho đến khi không còn thấy họ đâu nữa.

Nào Thiên Chúa đã chẳng chọn những kẻ nghèo khó trước mặt người đời, để họ trở nên người giàu đức tin hay sao ? (c.5). Các thánh Tông Đồ, mà ai nấy phải công nhận là những bậc thầy trong đức tin của chúng ta, thuộc hạng người nghèo xét về tiền tài và thế lực, nhưng xét về đức tin, các ngài đủ giàu sang để đổ máu đào mình chứng cho đức tin của mình.

Thánh Gia-cô-bê nói người giàu xúc phạm đến danh thánh Chúa Ki-tô. Có thể ngài nói về những người giàu không tin Chúa và nhạo báng những người tín hữu chất phác. Cũng có thể ngài nói về những Ki-tô hữu giàu có nhưng lối sống của họ lại làm ô danh Chúa. Họ xúc phạm đến danh thánh Chúa Ki-tô và làm cho người ta khinh dể Hội Thánh.

Thánh Gia-cô-bê mời gọi Hội Thánh xét mình về cách thức chúng ta đối xử với nhau bên trong các cơ cấu của chúng ta. Các mục tử của Hội Thánh thường có mặt giữa những ai ? Các ngài cảm thấy thoải mái với những ai, tin cậy những ai ? Nếu điều tra về những điểm này thì sự thật khủng khiếp nào sẽ bị phơi bày ra đây ?

Luật tự do (c.12) : Các thánh Phao-lô, Gio-an, Phê-rô và Gia-cô-bê đều đồng ý với nhau về điểm này : người Ki-tô hữu không được thoả mãn với việc vâng giữ các điều răn, hoặc trân trọng ý muốn của bề trên chỉ để tránh chuyện rắc rối. Không, người Ki-tô hữu phải có lòng quảng đại tự do và tinh thông của những người tự nguyện, chỉ tuân theo một luật duy nhất là lòng gắn bó của họ với Chúa Ki-tô.

nghèo, anh em lại nói : “Đúng đó !” hoặc : “Ngồi dưới bệ chân tôi đây !”,⁴ thì bấy giờ, anh em đã chẳng tỏ ra kỳ thị và trở thành những thẩm phán đầy tà tâm đó sao ?

⁵ Anh em thân mến của tôi, anh em hãy nghe đây : nào Thiên Chúa đã chẳng chọn những kẻ nghèo khó trước mặt người đời, để họ trở nên người giàu đức tin và thừa hưởng vương quốc Người đã hứa cho những ai yêu mến Người hay sao ?

⁶ Thế mà anh em, anh em lại khinh rẻ người nghèo ! Chẳng phải những người giàu áp bức anh em đó sao ? Chẳng phải họ lôi anh em ra tòa đó sao ?

⁷ Chẳng phải họ nói xúc phạm đến Danh Thánh cao đẹp mà anh em được mang đó sao ? ⁸ Đã hẳn, anh em làm điều tốt, nếu anh em chu toàn luật Kinh Thánh đưa lên hàng đầu : *Người phải yêu người thân cận như chính mình.* ⁹ Nhưng nếu anh em đối xử thiên tư, thì anh em

phạm một tội và bị Lê Luật kết án là kẻ vi phạm.

¹⁰ Quả thế, ai tuân giữ tất cả Lê Luật, mà chỉ sa ngã về một điểm thôi, thì cũng thành người có tội về hết mọi điểm. ¹¹ Thật vậy, Đấng đã phán : *Người không được ngoại tình,* cũng đã phán : *Người không được giết người.*

Vậy nếu bạn không ngoại tình, nhưng lại giết người, thì bạn cũng thành kẻ vi phạm Lê Luật. ¹² Anh em hãy nói năng và hành động như những người sẽ bị xét xử theo luật tự do.

¹³ Vì Thiên Chúa không thương xót khi xét xử kẻ không biết thương xót. Còn ai thương xót, thì chẳng quan tâm đến việc xét xử.

Đức tin và hành động

* ¹⁴ Thưa anh em, ai bảo rằng mình có đức tin mà không hành động theo đức tin, thì nào có ích lợi gì ? Đức tin có thể cứu người ấy được chăng ? ¹⁵ Giả như có người anh em hay chị

* 2,14 Cần phải có đức tin để được cứu độ, nhưng đi theo Chúa Ki-tô không thể chỉ là một lý thuyết suông, mà phải được chứng tỏ bằng hành động, bằng việc làm. Chính Chúa Ki-tô cũng nói như thế trong Mt 7,21 : “Không phải bất cứ ai thưa với Thầy : ‘Lạy Chúa ! Lạy Chúa !’ là được vào Nước Trời cả đâu.”

em không có áo che thân và không đủ của ăn hằng ngày, ¹⁶ mà có ai trong anh em lại nói với họ : “Hãy đi bình an, mặc cho ấm và ăn cho no”, nhưng lại không cho họ những thứ thân xác họ đang cần, thì nào có ích lợi gì ?

¹⁷ Cũng vậy, đức tin không có hành động thì quả là đức tin chết. ¹⁸ Đàng khác, có người sẽ bảo : “Bạn, bạn có đức tin ; còn tôi, tôi có hành động. Bạn thử cho tôi thấy thế nào là tin mà không hành động, còn tôi, tôi sẽ hành động để cho bạn thấy thế nào là tin. ¹⁹ Bạn tin rằng chỉ có một Thiên Chúa duy nhất. Bạn làm phải. Cả ma quỷ cũng tin như thế, và chúng run sợ.” ²⁰ Hỡi người đầu óc rộng tuếch, bạn có muốn biết rằng đức

tin không có hành động là vô dụng không ? ²¹ Ông Áp-ra-ham tổ phụ chúng ta, đã chẳng được nên công chính nhờ hành động, khi ông hiến dâng con mình là I-xa-ác trên bàn thờ đó sao ? ²² Bạn thấy đó : đức tin hợp tác với hành động của ông, và nhờ hành động mà đức tin nên hoàn hảo. ²³ Như thế ứng nghiệm lời Kinh Thánh đã chép : *Ông Áp-ra-ham tin Thiên Chúa, và vì thế Thiên Chúa kể ông là người công chính và ông được gọi là bạn của Thiên Chúa.*

²⁴ Anh em thấy đó, nhờ hành động mà con người được nên công chính, chứ không phải chỉ nhờ đức tin mà thôi. ²⁵ Ra-kháp, cô gái điếm cũng vậy : há chẳng phải nhờ hành động

Chúng ta hãy xem hai ví dụ thánh Gia-cô-bê lấy trong Cựu Ước và so sánh với Dt 11,31, nhất là với Rm 4 (Gl 3). Tuy cùng rút từ những ví dụ như nhau, mà thánh Gia-cô-bê và thánh Phao-lô có vẻ đưa ra hai giáo huấn đối nghịch nhau. Thánh Phao-lô thì nói : ông Áp-ra-ham được kể là người công chính nhờ lòng tin chứ không phải nhờ tuân giữ Lễ Luật. Ngược lại, thánh Gia-cô-bê lại nói người ta được cứu độ là nhờ đem đức tin ra thực hành. Thật ra, khi nói về thực hành, thánh Phao-lô nghĩ tới các nghi lễ và cách giữ luật trong Do-thái giáo là những điều không ích gì để được cứu độ, và nói rằng đức tin là nền tảng của toàn bộ đời sống Ki-tô giáo. Còn thánh Gia-cô-bê, khi nói về thực hành, thì nghĩ đến các việc làm phát xuất từ lòng mến. Thánh Phao-lô cũng nói như vậy khi ngài viết : “Đức tin hành động nhờ đức ái” (Gl 5,6).

mà đã được nên công chính, vì đã đón tiếp các sứ giả và đưa họ đi lối khác sao? ²⁶ Thật thế, một thân xác không hơi thở là một xác chết, cũng vậy, đức tin không có hành động là đức tin chết.

Kiểm chế miệng lưỡi

3 ¹ Thưa anh em, đừng có nhiều người trong anh em ham làm thầy thiên hạ, vì anh em biết rằng chúng ta sẽ bị xét xử nghiêm khắc hơn. ² Thật vậy, tất cả chúng ta thường hay vấp ngã.

Ai không vấp ngã về lời nói, ấy là người hoàn hảo, có khả năng kiểm chế toàn thân. ³ Nếu ta tra hàm thiếc vào miệng ngựa để bắt chúng vâng lời, thì ta điều khiển được toàn thân chúng. ⁴ Anh em cũng hãy nhìn xem tàu bè : dù nó có to lớn, và có bị cuồng phong đẩy mạnh thế nào đi nữa, thì cũng chỉ cần một bánh lái rất nhỏ để điều khiển theo ý của người lái. ⁵ Cái lưỡi cũng vậy : nó là một bộ phận nhỏ bé của thân thể, mà lại huênh hoang làm được những chuyện to lớn. Cứ xem tia lửa nhỏ bé dường

nào, mà làm bốc cháy đám rừng to lớn biết bao ! ⁶ Cái lưỡi cũng là một ngọn lửa, là cả một thế giới của sự ác. Cái lưỡi có một vị trí giữa các bộ phận của thân thể chúng ta, nó làm cho toàn thân bị ô nhiễm, đốt cháy bánh xe cuộc đời, vì chính nó bị lửa hoả ngục đốt cháy. ⁷ Thật thế, mọi loài thú vật và chim chóc, loài bò sát và cá biển, thì loài người đều có thể chế ngự và đã chế ngự được. ⁸ Nhưng cái lưỡi thì không ai chế ngự được : nó là một sự dữ không bao giờ ở yên, vì nó chứa đầy nọc độc giết người. ⁹ Ta dùng lưỡi mà chúc tụng Chúa là Cha chúng ta, ta cũng dùng lưỡi mà nguyền rủa những con người đã được làm ra theo hình ảnh Thiên Chúa. ¹⁰ Từ cùng một cái miệng, phát xuất lời chúc tụng và lời nguyền rủa. Thưa anh em, như vậy thì không được. ¹¹ Chẳng lẽ một mạch nước lại có thể phun ra, từ một nguồn, cả nước ngọt lẫn nước chua sao ? ¹² Thưa anh em, làm sao cây vả lại có thể sinh ra trái ô-liu, hoặc cây nho sinh trái vả ? Nước mặn cũng không thể sinh ra nước ngọt.

Khôn ngoan thật và khôn ngoan giả

* 13 Trong anh em, ai là người khôn ngoan hiểu biết ? Người ấy hãy dùng lối sống tốt đẹp mà chứng tỏ rằng : những hành động của họ phát xuất từ lòng hiền hậu và đức khôn ngoan. 14 Nhưng nếu trong lòng anh em có sự ghen tương, chua chát và tranh chấp, thì anh em đừng có tự cao tự đại mà nói dối, trái với sự thật. 15 Sự khôn ngoan đó không phải từ trời cao ban xuống, nhưng là sự khôn ngoan của thế gian, của con người tự nhiên, của ma quỷ. 16 Thật vậy, ở đâu có ghen tương và tranh chấp, ở đấy có xáo trộn và đủ mọi thứ việc xấu xa. 17 Đức khôn ngoan Chúa ban làm cho con người trở nên trước là

thanh khiết, sau là hiểu hoà, khoan dung, mềm dẻo, đầy từ bi và sinh nhiều hoa thơm trái tốt, không thiên vị, cũng chẳng giả hình. 18 Người xây dựng hoà bình thu hoạch được hoa trái đã gieo trong hoà bình, là cuộc đời công chính.

Tránh những mối bất hoà

4 * 1 Bởi đâu có chiến tranh, bởi đâu có xung đột giữa anh em ? Chẳng phải là bởi chính những khoái lạc của anh em đang gây chiến trong con người anh em đó sao ? 2 Thật vậy, anh em ham muốn mà không có, nên anh em chém giết ; anh em ganh ghét cũng chẳng được gì, nên anh em xung đột với nhau, gây chiến với nhau. Anh em không có, là vì

* 3,13 Khôn ngoan là gì ? Nếu muốn biết một chút gì về khôn ngoan, chúng ta hãy đọc các sách Khôn ngoan trong Kinh Thánh. Các sách này vạch ra cho chúng ta con đường khôn ngoan được hiểu là một ân huệ của Thiên Chúa (1 Cr 1,30 ; Ep 1,8), được lãnh nhận nhờ cầu nguyện (Kn 9 ; Hc 51,13 ; Cl 1,9), kiên trì suy niệm Lời Chúa (2 Tm 3,15), thanh luyện trái tim trong đời sống thường ngày. Thánh Gia-cô-bê không nói về khôn ngoan trên lý thuyết mà về khôn ngoan trong thực hành.

* 4,1 *Anh em xin với tà ý* (c.3). Thánh Gia-cô-bê cho chúng ta biết rằng lời cầu nguyện đem lại những ơn lành giúp chúng ta đáp ứng kế hoạch của Thiên Chúa (x. 1,5-8). Nhưng lời cầu nguyện của chúng ta sẽ không được Chúa đoái nghe nếu lòng *yêu thế gian* đẩy Thiên Chúa ra khỏi lòng chúng ta.

anh em không xin ; ³ anh em xin mà không được, là vì anh em xin với tà ý, để lãng phí trong việc hưởng lạc.

⁴ Hỡi những kẻ ngoại tình, các người không biết rằng : yêu thế gian là ghét Thiên Chúa sao ? Vậy ai muốn là bạn của thế gian thì tự coi mình là thù địch của Thiên Chúa. ⁵ Hay các người nghĩ rằng lời Kinh Thánh sau đây là vô nghĩa : *Thần Khí mà Thiên Chúa đã đặt trong chúng ta, ước muốn đến phát ghen lên ?* ⁶ Nhưng

ân sủng Người ban còn mạnh hơn ; vì thế, có lời Kinh Thánh nói : *Thiên Chúa chống lại kẻ kiêu ngạo, nhưng ban ơn cho kẻ khiêm nhường.* ⁷ Anh em hãy phục tùng Thiên Chúa. Hãy chống lại ma quỷ ; chúng sẽ chạy xa anh em. ⁸ Hãy đến gần Thiên Chúa, Người sẽ đến gần anh em. Hỡi tội nhân, hãy rửa tay cho sạch ; hỡi kẻ hai lòng, hãy tẩy luyện tâm can. ⁹ Hãy cảm cho thấu nỗi khốn cùng của anh em, hãy khóc lóc than van. Chớ gì tiếng cười của

Yêu thế gian là gì, khiến chúng ta không được nhận lời ? Điều này được giải thích chi tiết hơn trong phần bình giải Ga 3,17 và 1 Ga 2,15. Thiên Chúa yêu cầu chúng ta yêu thương tất cả mọi loài Người đã dựng nên, xem chúng là phương thế đưa ta đến với Người, và loại bỏ những gì không giúp ta đạt mục tiêu ấy. *Yêu thế gian* là ước muốn và bám víu loài thụ tạo mà không vượt xa hơn để vươn lên tới Thiên Chúa và những anh chị em mà Người đã ban cho ta. Đây là tội ngoại tình theo cùng một nghĩa như câu trong Tin Mừng : “Không ai có thể làm tôi hai chủ” (Mt 6,24). Chúng ta không thể đem tình yêu của mình chia năm xẻ bảy, cho Thiên Chúa mà cũng cho thế gian, cũng không thể xin Chúa tha mãi những tham vọng ích kỷ của chúng ta.

Anh em đừng nói xấu nhau (c.11). *Nói xấu hoặc xét đoán người khác* là xem thường luật yêu thương. Chúng ta phải nhìn thấy, và đôi lúc phải nói ra, điều gì sai trái trong một hành động, nhưng không được xét đoán trách nhiệm của người khác cũng như ý định của họ, mà chỉ có Thiên Chúa biết rõ. Thiên Chúa là Vị Thẩm Phán độc nhất (x. Rm 14,4 ; Mt 7,1).

Tất cả chúng ta đều có đủ thứ kế hoạch : nào kiếm tiền nhiều hơn, nào mua sắm, nào hưởng an nhàn. Các điều này nghiêm trọng ở chỗ là trong khi đó, ta quên làm việc thiện. Ta biết rõ việc thiện là điều phải làm và ta biết cách làm, nhưng điều ta không biết là liệu ta có đủ thì giờ để chu toàn việc đó hay không. Ta có thể chết mà không kịp làm những việc chính yếu nhất.

anh em biến thành tiếng khóc, niềm vui của anh em đổi ra nỗi buồn. ¹⁰ Anh em hãy hạ mình xuống trước mặt Chúa và Người sẽ cất nhắc anh em lên.

¹¹ Thưa anh em, anh em đừng nói xấu nhau. Ai nói xấu hoặc xét đoán anh em mình là nói xấu và xét đoán Lễ Luật. Nếu anh xét đoán Lễ Luật, thì anh không còn là kẻ vâng giữ, mà là kẻ xét đoán Lễ Luật. ¹² Chỉ có một Đấng ra Lễ Luật và xét xử, đó là Đấng có quyền cứu thoát và tiêu diệt. Còn anh là ai mà dám xét đoán người thân cận ?

Cảnh cáo người giàu

¹³ Bây giờ, hãy nghe tôi, những kẻ nói : “Hôm nay hoặc ngày mai, chúng ta sẽ đi đến thành nọ thành kia, sẽ ở lại đó một năm và buôn bán kiếm lời”,

¹⁴ trong khi các người không biết cuộc đời mình ngày mai sẽ ra sao. Thật vậy, các người chỉ là hơi nước xuất hiện trong giây lát, rồi lại tan biến đi.

¹⁵ Thay vì nói : “Nếu Chúa muốn, chúng ta sẽ sống và làm điều nọ điều kia”, ¹⁶ thì các người lại tự phụ vì những chuyện khoác lác của mình. Mọi thứ tự phụ như thế đều xấu. ¹⁷ Vậy kẻ nào biết làm điều tốt mà không chịu làm thì mắc tội.

5 * ¹ Giờ đây, hỡi những kẻ giàu có, các người hãy than van rên rỉ về những tai họa sắp đổ xuống trên đầu các người. ² Tài sản của các người đã hư nát, quần áo của các người đã bị mối ăn. ³ Vàng bạc của các người đã bị rỉ sét ; và chính rỉ sét ấy là bằng chứng buộc tội các người ; nó sẽ như lửa thiêu

* **5,1** Người giàu sẽ mất tất cả những gì họ tích trữ cách bất công. Tội gian lận tiền lương của công nhân và kết án những người lên tiếng bênh vực công lý cũng nặng như tội lỗi đức trông cậy : *Các người đã lo tích trữ trong những ngày sau hết này (c.3). Những ngày sau hết đã bắt đầu khi Chúa Ki-tô đến, cùng với Nước Trời đã kề bên. Thánh Gia-cô-bê xem ngày Chúa đến lần thứ hai như sắp xảy ra, và đây cũng là phương thế duy nhất để đánh giá của cải cho đúng cách.*

Những gì đang diễn ra trong nền văn minh nghèo kém thời thánh Gia-cô-bê cũng lại xảy ra ngày nay. Sự phồn thịnh của một phần tư thế giới dựa vào một hệ thống bóc lột hai tỉ người trong cảnh bần cùng.

huỷ xác thịt các người. Các người đã lo tích trữ trong những ngày sau hết này. ⁴ Các người đã gian lận mà giữ lại tiền lương của những thợ đi cắt lúa trong ruộng của các người. Kìa, tiền lương ấy đang kêu lên oán trách các người, và tiếng kêu của những thợ gặt ấy đã thấu đến tai Chúa các đạo binh. ⁵ Trên cõi đất này, các người đã sống xa hoa, đã buông theo khoái lạc, lòng các người đã được no đầy thoả mãn trong ngày sát hại. ⁶ Các người đã kết án, đã giết hại người công chính, và họ đã chẳng cưỡng lại các người.

Ngày Chúa quang lâm

⁷ Thưa anh em, xin anh em cứ kiên nhẫn cho tới ngày Chúa quang lâm. Kìa xem nhà nông, họ kiên nhẫn chờ đợi cho đất trở sinh hoa màu quý giá : họ phải đợi cả mưa đầu mùa lẫn mưa cuối mùa. ⁸ Anh em cũng vậy, hãy kiên

nhẫn và bền tâm vững chí, vì ngày Chúa quang lâm đã gần tới. ⁹ Thưa anh em, anh em đừng phàn nàn kêu trách lẫn nhau, để khỏi bị xét xử. Kìa Vị Thẩm Phán đang đứng ngoài cửa. ¹⁰ Thưa anh em, về sức chịu đựng và lòng kiên nhẫn, anh em hãy noi gương các ngôn sứ là những vị đã nói nhân danh Chúa. ¹¹ Kìa xem : chúng ta tuyên bố : phúc thay những kẻ đã có lòng kiên trì ! Anh em đã nghe nói đến lòng kiên trì của ông Gióp và đã thấy mục đích Chúa nhắm, vì *Chúa là Đấng từ bi nhân hậu*.

Những lời khuyên cuối cùng

¹² Nhưng, thưa anh em, trước hết, đừng có thể, dù là lấy trời, lấy đất, hay lấy cái gì khác mà thể. Nhưng hề “có” thì phải nói “có”, “không” thì phải nói “không”, như thế, anh em sẽ không bị xét xử.

Tại các nước gốc Ki-tô giáo, tiền bạc phá tan đức cậy, theo nghĩa Ki-tô giáo của từ này : người ta xem cuộc sống như một tài sản để hưởng thụ một mình, mà không đảm nhận các trách nhiệm, bắt đầu là trách nhiệm truyền sinh. Một số người chỉ biết lo bảo vệ các đặc quyền của mình, gây nên một dòng thác lũ những nạn nghèo đói, áp bức và chiến tranh ở những nước xa hơn, làm cho hàng triệu người phải chết một cách oan uổng.

* 13 Ai trong anh em đau khổ ư ? Người ấy hãy cầu nguyện. Ai vui vẻ chẳng ? Người ấy hãy hát thánh ca. 14 Ai trong anh em đau yếu ư ? Người ấy hãy mời các kỳ mục của Hội Thánh đến ; họ sẽ cầu nguyện cho người ấy, sau khi xúc dầu nhân danh Chúa. * 15 Lời cầu nguyện do lòng tin sẽ cứu người bệnh ; người ấy được Chúa nâng dậy, và nếu người ấy đã phạm tội, thì sẽ được Chúa thứ tha. 16 Anh em hãy thú tội với nhau và cầu nguyện cho nhau để được cứu thoát. Vì lời cầu xin tha thiết của người công chính rất có hiệu lực. 17 Ông Ê-li-a xưa cũng là người cùng chung

* 5,13 Qua lời của thánh Gia-cô-bê, chúng ta biết Hội Thánh vẫn tiếp tục cứu giúp người đau yếu như Chúa Ki-tô đã làm – một thừa tác vụ phải được tiếp tục ngày nay. Ôn cứu độ bao hàm sức khoẻ cả thể xác lẫn tinh thần. Tin Mừng cho ta thấy rằng sức khoẻ tinh thần thì quan trọng hơn hết và Thiên Chúa luôn luôn ban tặng sức khoẻ thiêng liêng, mặc dù sức khoẻ thể lý thì không phải lúc nào Người cũng cho phục hồi.

Trong Tin Mừng, Chúa Giê-su đặt tay trên bệnh nhân, và khi sai các Tông Đồ đi truyền giáo, Người yêu cầu họ cũng đặt tay trên bệnh nhân hoặc xúc dầu cho họ (Mc 6,13 ; 16,18). Đặt tay trên ai là như truyền cho những người ấy quyền năng chữa lành họ, nhân danh Chúa Ki-tô và nhờ quyền uy của Người. Còn dầu thì vào thời đó được dùng như một phương dược. Hai dấu chỉ xúc dầu và đặt tay đi kèm theo lời cầu nguyện.

Các kỳ mục là những người phụ trách các cộng đoàn Ki-tô hữu. Họ là giáo dân nhưng được trao trách nhiệm hướng dẫn cộng đoàn, cử hành bí tích Thánh Tẩy và chủ tọa lễ bẻ bánh. Họ phải thăm viếng bệnh nhân và linh hoạt những buổi cầu nguyện trong cộng đoàn để xin Chúa chữa lành bệnh nhân. Đồng thời họ phải mời gọi bệnh nhân nhìn nhận tội lỗi của mình và chuẩn bị đón nhận ơn Thiên Chúa.

Khi Hội Thánh nói đến bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân là chỉ nhằm việc xúc dầu do những người chính thức có thẩm quyền cử hành bí tích đó mà thôi (cho đến nay, chỉ các linh mục mới có thể cử hành bí tích này). Điều này hoàn toàn không có nghĩa là các vị lãnh đạo cộng đoàn Ki-tô giáo không được cầu nguyện, xúc dầu và đặt tay trên bệnh nhân. Khi làm các việc này với lòng tin và nhân danh Hội Thánh, họ tạo điều kiện cho Thiên Chúa can thiệp mạnh hơn để chữa lành bệnh nhân, và như thế là giúp bệnh nhân chuẩn bị tâm hồn để hoán cải.

Trong quá khứ, đã có sai lầm lớn là chỉ dành việc xúc dầu bệnh nhân cho những người hấp hối và gọi đó là xúc dầu lâm tử. Một sai lầm khác cũng nghiêm trọng là chờ cho tới lúc bệnh nhân đã bất tỉnh mới xúc dầu, để tránh cho họ sợ hãi vì nghĩ có thể là mình sắp chết.

một thân phận như chúng ta ; ông đã tha thiết cầu xin cho đừng có mưa, thì đã không có mưa xuống trên mặt đất suốt ba năm sáu tháng. ¹⁸ Rồi ông lại cầu xin, thì trời liền mưa xuống và đất đã trở sinh hoa trái.

¹⁹ Thưa anh em, nếu có người nào trong anh em lạc xa chân lý và có ai đưa người ấy trở về, ²⁰ thì anh em hãy biết rằng : kẻ nào làm cho một tội nhân bỏ đường lầm lạc mà trở về, thì cứu được linh hồn ấy khỏi chết và che lấp được muôn vàn tội lỗi của mình.

* 5,16 Chúa Giê-su nói với thánh Phê-rô : *Dưới đất, anh tháo cởi điều gì, trên trời cũng sẽ tháo cởi như vậy* (Mt 16,19). Người cũng nói với các Tông Đồ như thế : *Anh em tha tội cho ai* (Ga 20,23). Người cũng nói như vậy với Hội Thánh (Mt 18,18). Nhiệm vụ các mục tử trong Hội Thánh là định đoạt việc hoà giải các tội nhân với cộng đoàn cũng như với Thiên Chúa. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, sự tha thứ của một hay nhiều người mà chúng ta đã xúc phạm là điều chúng ta cần đến hơn, và chúng ta phải đơn sơ xin họ tha thứ : được anh chị em trong đức tin tha thứ là được Thiên Chúa tha thứ.

Cũng thế, xưng thú tội lỗi ta với những người có khả năng hiểu rõ lòng ta là điều tốt. Một người có lòng tin cậy và một người có lòng thương xót : không cần thêm gì khác để Thiên Chúa ở giữa họ.

THƯ 1 CỦA THÁNH PHÊ-RÔ

DẪN NHẬP

Chúng ta gần như không biết gì về cuộc đời tông đồ Phê-rô từ sau công đồng Giê-ru-sa-lem, năm 49 (x. Cv 15), cho đến khi ngài viết thư này, vào quãng năm 64. Gần như chắc chắn ngài đã đi Rô-ma. Vì là người mang trách nhiệm về toàn thể Hội Thánh, thánh Phê-rô, cũng như thánh Phao-lô, chắc đã đến trung tâm đế quốc Rô-ma, nhưng vì những lý do khác.

Một truyền thuyết rất xưa quả quyết rằng ngài đã bị giết trong cuộc bách hại thời hoàng đế Nê-rô năm 66 và đã được mai táng trong vườn đồi Va-ti-ca-nô. Những cuộc khai quật khảo cổ học mới đây đã phát hiện một ngôi mộ, bên trong có hài cốt và mang một số chữ khắc ; ngôi mộ này hầu chắc là của thánh Tông Đồ, viên đá đầu tiên của Hội Thánh.

Như vậy, ngài đã viết bức thư này tại Rô-ma ít lâu trước khi qua đời. Thánh Phê-rô không có thiên tài cũng không có năng khiếu văn chương như thánh Phao-lô. Tuy nhiên, ngài đã muốn viết cho các Ki-tô hữu tỉnh A-xi-a, nơi đang bắt đầu có những cuộc bách hại đầu tiên. Khác với thánh Phao-lô, ngài không nhằm giải thích hay bênh vực đức tin trong thư này. Để khích lệ các tín hữu đang chịu đau khổ, ngài nêu gương Chúa Ki-tô và trình bày những hiệu quả của bí tích Thánh Tẩy.

Trong thư này, từ 1,3 đến 3,7, các lời lẽ đều lấy nguồn cảm hứng từ nghi lễ thánh tẩy được cử hành trong Hội Thánh sơ khai : các thánh thi, bài diễn giảng về nghi thức và đời sống Ki-tô hữu. Đối với thánh Phê-rô, đó là cách tuyệt hảo để nhắc cho các

*độc giả nhớ mình là người
Ki-tô hữu.*

*Cuối thư, thánh Phê-rô
cho biết ngài đã nhờ ông
Xin-va-nô soạn thảo thư
này ; ông Xin-va-nô trước
kia là môn đệ thánh Phao-*

*lô (x. 1 Tx 1,1). Có lẽ do
đó chúng ta hiểu tại sao ở
nhiều chỗ trong thư, chúng
ta gặp thấy những tư
tưởng và lối diễn đạt mà
thánh Phao-lô ưa chuộng.*

THƯ 1 CỦA THÁNH PHÊ-RÔ

Lời mở đầu và lời chào

1 * ¹ Tôi là Phê-rô, Tông Đồ của Đức Giê-su Ki-tô, kính gửi những người được Thiên Chúa kén chọn, những khách lữ hành đang sống tản mác trong các xứ : Pon-tô, Galát, Cáp-pa-đô-ki-a, A-xi-a và Bi-thy-ni-a, ² những người được Thiên Chúa Cha biết trước và kén chọn, những người được Thần Khí thánh hoá để vâng phục Đức Giê-su Ki-tô và được máu Người tưới rảy. Chúc anh em được đầy tràn ân sủng và bình an.

Nhap đề. Gia tài Thiên Chúa ban.

³ Chúc tụng Thiên Chúa là Thân Phụ Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta ! Do lượng hải hà, Người cho chúng ta được tái sinh để nhận lãnh niềm hy vọng sống động, nhờ Đức Giê-su Ki-tô đã từ cõi chết sống lại, ⁴ để được hưởng gia tài không thể hư hoại, không thể vẩn đục và tàn phai. Gia tài này dành ở trên trời cho anh em, ⁵ là những người, nhờ lòng tin, được Thiên Chúa quyền năng gìn giữ, hầu được

* 1,1 Lưu ý lời chào : nêu danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, như trong các lời chào đầu thư của thánh Phao-lô.

Phần tiếp theo có thể là bài giảng của một vị lãnh đạo cộng đoàn Ki-tô hữu cho những người lớn vừa mới chịu bí tích Thánh Tẩy. Thời đó, các tín hữu lưu tâm nhiều hơn đến phần rỗi của mình sau khi chết. Các Tông Đồ nói với những người đã được thanh tẩy về gia tài Thiên Chúa dành sẵn cho họ, một *gia tài không thể hư hoại, không thể vẩn đục và tàn phai* (c.4), mà Chúa Ki-tô đã đạt được cho chúng ta nhờ sự sống lại của Người.

Nhưng các tân tòng thời đó biết rằng đức tin Ki-tô giáo của họ đang bị đe dọa và bách hại. Xin lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy có nghĩa là cam kết theo Chúa Ki-tô cho đến chết.

Tuy không thấy Người (c.8). Lòng tin, lòng cậy, lòng mến Chúa Ki-tô : đây là bộ ba nhân đức của đời sống Ki-tô hữu. Chúa Ki-tô đã đạt được vinh quang nhờ các đau khổ của Người. Người Ki-tô hữu cũng đi theo con đường đó và tìm được niềm vui đích thực ngay giữa những cơn thử thách.

hưởng ơn cứu độ Người đã dành sẵn, và sẽ bày tỏ ra trong thời sau hết.

Tình thương và lòng trung tín đối với Đức Ki-tô

⁶ Trong thời ấy, anh em sẽ được hân hoan vui mừng, mặc dầu còn phải ưu phiền ít lâu giữa trăm chiều thử thách. ⁷ Những thử thách đó nhằm tinh luyện đức tin của anh em là thứ quý hơn vàng gấp bội, – vàng là của phù vân, mà còn phải chịu thử lửa. Nhờ thế, khi Đức Giê-su Ki-tô tỏ hiện, đức tin đã được tinh luyện đó sẽ trở thành lời khen ngợi, và đem lại vinh quang, danh dự. ⁸ Tuy không thấy Người, anh em vẫn yêu mến, tuy chưa được giáp mặt mà lòng vẫn kính tin. Vì vậy, anh em được chan chứa một niềm vui khôn tả, rực rỡ vinh quang, ⁹ bởi đã nhận được thành quả của đức tin, là ơn cứu độ con người.

Thần Khí dùng ngôn sứ mà mặc khải

¹⁰ Các ngôn sứ đã nghiên cứu tìm hiểu ơn cứu độ

này, và đã tuyên sấm về ân sủng dành cho anh em.

¹¹ Thần Khí Đức Ki-tô ở nơi các ngài, đã báo trước những đau khổ dành cho Đức Ki-tô, và vinh quang đến sau những đau khổ đó, nên các ngài đã tìm hiểu xem Thần Khí muốn cho thấy việc đó xảy ra vào thời nào, trong hoàn cảnh nào. ¹² Thiên Chúa đã mặc khải cho các ngài biết là các ngài có phận sự truyền đạt thông điệp ấy, không phải cho chính mình, mà là cho anh em. Đó là thông điệp mà nay các người giảng Tin Mừng đã loan báo cho anh em, nhờ tác động của Thánh Thần là Đấng đã được cử đến từ trời. Chính các thiên thần cũng ước mong được tìm hiểu kỹ lưỡng thông điệp ấy.

Những đòi hỏi của đời sống mới. Sự thánh thiện của người tân tòng.

* ¹³ Vì thế, anh em hãy chuẩn bị lòng trí, hãy tỉnh thức, hãy hoàn toàn đặt niềm trông cậy vào ân sủng sẽ được mang đến

* 1,13 Thánh Phê-rô trình bày các hiệu quả của bí tích Thánh Tẩy : buông theo thói đời xấu xa hoá ra là quàng lại vào cổ cái ách nô lệ mà Chúa Ki-tô đã đổ máu ra để giải thoát chúng ta.

cho anh em trong ngày Đức Giê-su Ki-tô tỏ hiện.

¹⁴ Như những người con biết vâng phục, anh em đừng chiều theo những đam mê trước kia, lúc anh em còn mê muội. ¹⁵ Anh em hãy sống thánh thiện trong cách ăn nết ở, để nên giống Đấng Thánh đã kêu gọi anh em, ¹⁶ vì có lời Kinh Thánh chép : *Hãy sống thánh thiện, vì Ta là Đấng Thánh.*

¹⁷ Thiên Chúa là Đấng không vị nể ai, nhưng cứ theo công việc mỗi người mà xét xử. Vậy nếu anh em gọi Người là Cha, thì anh em hãy đem lòng kính sợ mà sống cuộc đời lữ khách này. ¹⁸ Anh em hãy biết rằng không phải nhờ những của chóng hư nát như vàng hay bạc mà anh em đã được cứu thoát khỏi lối sống phù phiếm do cha ông anh em truyền lại. ¹⁹ Nhưng anh em đã được cứu chuộc nhờ bửu huyết của Con Chiên vẹn toàn, vô tỳ tích, là Đức Ki-tô.

²⁰ Người là Đấng Thiên Chúa đã biết từ trước, khi vũ trụ chưa được dựng nên, và Người đã xuất hiện vì anh em trong thời cuối cùng này. ²¹ Nhờ Người, anh em tin vào Thiên Chúa, Đấng đã cho Người trở dậy từ cõi chết, và ban cho Người được vinh hiển, để anh em đặt niềm tin và hy vọng vào Thiên Chúa.

Anh em được tái sinh nhờ Lời Chúa

²² Nhờ vâng phục sự thật, anh em đã thanh luyện tâm hồn để thực thi tình huynh đệ chân thành. Anh em hãy tha thiết yêu mến nhau với tất cả tâm hồn. ²³ Vì anh em đã được tái sinh, không phải do hạt giống mục nát, mà do hạt giống bất diệt, nhờ Lời Thiên Chúa hằng sống và tồn tại mãi mãi, ²⁴ *vì mọi phàm nhân đều như cỏ và tất cả vinh quang của họ cũng đều như hoa cỏ ; cỏ thì khô, hoa thì*

Cc. 22-25 : chúng ta gặp lại ý tưởng “sinh ra một lần nữa bởi ơn trên” mà Chúa Giê-su đã nói với ông Ni-cô-đê-mô ở Ga 3,3-7.

Sau đó là lời mời gọi tiếp tục theo đuổi con đường hoàn thiện : không lưu luyến những gì thuộc đời này, nhưng sống một cuộc đời hữu ích và thánh thiện trước mặt Thiên Chúa, tương xứng với cái giá Người đã trả để cứu chuộc chúng ta.

rụng ; ²⁵ *Lời Chúa vẫn tồn tại đến muôn thuở muôn đời. Đó chính là Lời đã được loan báo cho anh em như một Tin Mừng.*

2 ¹ Vậy, anh em hãy từ bỏ mọi thứ gian ác, mọi điều xảo trá, giả hình và ghen tương cùng mọi lời nói xấu gièm pha. ² Như trẻ sơ sinh, anh em hãy khao khát sữa tinh tuyền

là Lời Chúa, nhờ đó anh em sẽ lớn lên để hưởng ơn cứu độ, * ³ *nếu anh em đã nghiệm thấy Chúa tốt lành.*

Hàng tư tế mới

⁴ Anh em hãy tiến lại gần Đức Ki-tô, viên đá sống động bị người ta loại bỏ, nhưng đã được Thiên Chúa chọn lựa và coi là

* 2,3 Trong đoạn này có hai từ nổi bật : *viên đá* và *tư tế*, nói lên các người tân tòng sẽ là gì.

Những viên đá sống động (c.5). Chúa Ki-tô là viên đá nhô ra mà tất cả những ai không trông thấy, không để ý đến, sẽ vấp phải (Is 8,14). Theo một nghĩa khác, Chúa Giê-su là viên đá đã bị thợ xây loại bỏ, nhưng trở thành nền tảng ngôi nhà mới (Is 28,16 ; Tv 118,22). Và người Ki-tô hữu là những viên đá xây nên đền thờ tức là Hội Thánh, là những viên đá sống động vì mỗi người được chia sẻ sự sống của Thiên Chúa, và mỗi người có một vai trò trong Hội Thánh là thân thể Chúa Ki-tô (Ep 4,12-16).

Hàng tư tế vương giả (c.9). Muốn hiểu những từ ngữ này, nên đọc lại những Lời Thiên Chúa phán với ông Mô-sê ở Xh 19,6 : Thiên Chúa đã quyết định tỏ mình ra trong thế gian và biến đổi tiến trình của lịch sử nhờ một dân mà Người sẽ chọn là Ít-ra-en. Nhưng thánh Phê-rô nói với chúng ta : dân Thiên Chúa đích thực, Ít-ra-en đích thực, chính là anh em, những người đã đón nhận Chúa Ki-tô.

Chúng ta, những người đã được thanh tẩy, không làm ra thêm một tôn giáo mới, mà là dân Thiên Chúa, là một thiểu số năng động và là men của thế giới.

Chúng ta là *tư tế* theo nghĩa các tư tế ngày xưa, là những người có hiểu biết, những người được đến gần Thiên Chúa. Và chúng ta đã nhận được sứ mạng chuẩn bị loài người, để ơn cứu độ được hoàn thành nơi họ : sao cho các dân nước khám phá ra định mệnh chung của họ, và cuối cùng, sao cho loài người thừa nhận rằng họ không thể giải quyết các vấn đề của mình nếu không tin vào Chúa Giê-su và không lấy Tin Mừng làm luật sống của mình.

Một khi đã ý thức phẩm giá mới mình đã lãnh nhận từ Thiên Chúa, thì người Ki-tô hữu không thể làm gì khác hơn là *loan truyền những kỳ công của Người* (2,9). Loan báo Tin Mừng là như thế. Người Ki-tô hữu là *giống nòi được tuyển chọn*, là *hàng tư tế vương giả*, được gọi để loan báo Tin Mừng.

quý giá. ⁵ Hãy để Thiên Chúa dùng anh em như những viên đá sống động mà xây nên ngôi Đền Thờ thiêng liêng, và hãy để Thiên Chúa đặt anh em làm hàng tư tế thánh, dâng những lễ tế thiêng liêng đẹp lòng Người, nhờ Đức Giê-su Ki-tô. ⁶ Quả thật, có lời Kinh Thánh chép : *Này đây Ta đặt tại Xi-on một viên đá quý được lựa chọn, làm đá tảng góc tường : kẻ tin vào đó sẽ không phải thất vọng.*

⁷ Vậy vinh dự cho anh em là những người tin, còn đối với những kẻ không tin, thì *viên đá thợ xây loại bỏ đã trở nên đá tảng góc tường*, ⁸ và cũng là *viên đá làm cho vấp, tảng đá làm cho ngã*. Họ đã vấp ngã vì không tin vào Lời Chúa. Số phận của họ là như vậy.

⁹ Còn anh em, anh em là *giống nòi được tuyển chọn, là hàng tư tế vương giả, là dân thánh, dân riêng của Thiên Chúa, để loan truyền những kỳ công của*

Người, Đấng đã gọi anh em ra khỏi miền u tối, vào nơi đầy ánh sáng diệu huyền. ¹⁰ Xưa anh em chưa phải là một dân, nay anh em đã là Dân của Thiên Chúa ; *xưa anh em chưa được hưởng lòng thương xót, nay anh em đã được xót thương.*

Nhiệm vụ của tín hữu Chúa Ki-tô. Cách đối xử với dân ngoại.

* ¹¹ Anh em thân mến, anh em là khách lạ và lữ hành, tôi khuyên anh em hãy tránh xa những đam mê xác thịt, vốn gây chiến với linh hồn. ¹² Anh em hãy ăn ở ngay lành giữa dân ngoại, để ngay cả khi họ vu khống, coi anh em là người gian ác, họ cũng thấy các việc lành anh em làm mà tôn vinh Thiên Chúa trong ngày Người đến viếng thăm.

Bổn phận đối với các nhà hữu trách

¹³ Vì Chúa, anh em hãy tuân phục mọi thể chế do

* 2,11 Chúng ta được mời gọi trở nên những công dân, những người lao động, những người vợ người chồng gương mẫu. Nếu bị người ta vu khống, chúng ta hãy cho thấy rằng kẻ vu khống chúng ta là sai. Và nếu chính quyền bách hại chúng ta thì đó không phải là lý do cho phép chúng ta bất tuân luật pháp. X. thêm phần bình giải Tt 3,1.

loài người đặt ra : dù là vua, người nắm quyền tối cao, ¹⁴ dù là quan, sứ giả của nhà vua để trừng phạt kẻ làm điều ác và khen thưởng người làm điều thiện, ¹⁵ vì ý muốn của Thiên Chúa là anh em hãy làm điều thiện để bịt miệng những kẻ ngu xuẩn vô tri. ¹⁶ Anh em hãy hành động như những người tự do, không phải như những người lấy sự tự do làm màn che sự gian ác, nhưng như những tôi tớ của Thiên Chúa. ¹⁷ Hãy tôn trọng mọi người, hãy yêu thương anh em, hãy kính sợ Thiên Chúa, hãy tôn trọng nhà vua.

Bốn phạm đối với chủ

¹⁸ Là gia nhân, anh em hãy tuân phục chủ với tất cả lòng kính sợ, không phải chỉ những người chủ tốt lành và khoan dung, mà cả những người chủ khắc nghiệt. ¹⁹ Thật vậy, chấp nhận những nỗi khổ phải chịu một cách bất công vì lòng tôn kính Thiên Chúa, thì đó là một ân huệ. ²⁰ Vì nếu có tội mà anh em bị đánh đập và đành chịu, thì nào có vẻ vang gì ? Nếu làm việc lành và phải khổ mà anh

em vẫn kiên tâm chịu đựng, thì đó là ơn Thiên Chúa ban. ²¹ Anh em được Thiên Chúa gọi để sống như thế. Thật vậy, Đức Kitô đã chịu đau khổ vì anh em, để lại một gương mẫu cho anh em dõi bước theo Người. ²² *Người không hề phạm tội ; chẳng ai thấy miệng Người nói một lời gian dối.* ²³ Bị nguyên rửa, Người không nguyên rửa lại, chịu đau khổ mà chẳng ngấm đê, nhưng một bề phó thác cho Đấng xét xử công bình. ²⁴ Tội lỗi của chúng ta, chính Người đã mang vào thân thể mà đưa lên cây thập giá, để một khi đã chết đối với tội, chúng ta sống cuộc đời công chính. Vì Người phải mang những vết thương mà anh em đã được chữa lành. ²⁵ Quả thật, trước kia anh em chẳng khác nào những con chiên lạc, nhưng nay đã quay về với Vị Mục Tử, Đấng chăm sóc linh hồn anh em.

Bốn phạm trong đời sống hôn nhân

3 * ¹ Chị em là những người vợ, chị em hãy phục tùng chồng, như vậy, dù có những người chồng không tin Lời Chúa, thì họ

cũng sẽ được chinh phục nhờ cách ăn nết ở của chị em mà không cần chị em phải nói lời nào, ² vì họ thấy cách ăn nết ở trinh tiết và cung kính của chị em. ³ Ước chi vẻ duyên dáng của chị em không hệ tại cái mã bên ngoài như kết tóc, đeo vòng vàng, hay ăn mặc xa hoa ; ⁴ nhưng là con người nội tâm thâm kín, với đồ trang sức không bao giờ hư hỏng là tính thủy mị, hiền hoà : đó chính là điều quý giá trước mặt Thiên Chúa. ⁵ Xưa kia, các phụ nữ thánh thiện là những người trông cậy vào Thiên Chúa, cũng

đã trang điểm như thế ; họ đã phục tùng chồng. ⁶ Như bà Xa-ra, bà đã vâng phục ông Áp-ra-ham, và gọi ông là “ông chủ”. Chị em là con cái của bà, nếu chị em làm điều thiện và không sợ hãi trước bất cứ nổi kinh hoàng nào.

⁷ Cũng vậy, anh em là những người chồng, trong cuộc sống chung, anh em nên hiểu rằng đàn bà thuộc phái yếu ; hãy tỏ lòng quý trọng vì họ cũng được hưởng sự sống là hồng ân Chúa ban. Như thế, việc cầu nguyện của anh chị em sẽ không bị ngăn trở.

* 3,1 Khi ngỏ lời với những cặp vợ chồng, thánh Phê-rô thường chọn nói với nữ giới. Có phải vì ngài nhìn nhận sứ mạng của họ là quan trọng ? Hay đúng hơn, vì trong các phần khác của bức thư, ngài chú tâm đến phái nam nhiều hơn, bởi lẽ theo tập tục Do-thái, nam giới chiếm địa vị hàng đầu trong cộng đoàn ?

Tại sao ngài khuyên phụ nữ phục tùng chồng ? X. phần bình giải 1 Cr 11,9 và Ep 5,22.

Các Tông Đồ đem những lời có tính cách mạng của Chúa Giê-su ra giảng dạy, những lời nhìn nhận rằng, trong hôn nhân, vợ chồng có những quyền lợi như nhau. Nhưng vì đang sống trong một xã hội do đàn ông thống trị, nên các ngài ít có khả năng hình dung hoặc khám phá ra một phương thức mới mẻ để sống hoà hợp vợ chồng.

Dẫu sao, các ngài không thể cải tổ xã hội trọng nam khinh nữ ở thời của các ngài. Các ngài lên tiếng với những phụ nữ đã quen vâng phục. Vài bà trong số họ đã am hiểu bước đường thăng tiến phụ nữ, nhưng họ biểu lộ điều ấy bằng những hành động làm cho nhiều người lấy làm chướng (x. phần bình giải 1 Cr 11,16 và 1 Tm 2,11).

Tiện đây, xin lưu ý là những lời “khinh nữ” nhất trong Tân Ước nằm ở 1 Tm 2,11-12. Và rất có thể những lời ấy không phải là của thánh Phao-lô.

Bổn phận của anh em đối với nhau

⁸ Sau hết, tất cả anh chị em hãy đồng tâm nhất trí, thông cảm với nhau, hãy yêu thương nhau như anh em, hãy ăn ở nhân hậu và khiêm tốn. ⁹ Đừng lấy ác báo ác, đừng lấy lời nguyên rửa đáp lại lời nguyên rửa, nhưng trái lại, hãy chúc phúc, vì anh chị em được Thiên Chúa kêu gọi chính là để thừa hưởng lời chúc phúc. ¹⁰ Thật thế, *ai là người thiết tha được sống và ước ao hưởng chuỗi ngày hạnh phúc, thì phải giữ mồm giữ miệng, đừng nói lời gian ác điêu ngoa ;* ¹¹ *người ấy phải làm lành lánh dữ, tìm kiếm và theo đuổi bình an,* ¹² *vì Chúa để mắt nhìn người chính trực và lắng tai nghe tiếng họ kêu xin, nhưng Người ngoảnh mặt đi, không nhìn kẻ làm điều ác.*

Bổn phận của các tín hữu trong cơn bách hại

¹³ Ai làm hại được anh em, nếu anh em nhiệt thành làm điều thiện ?

¹⁴ Mà nếu anh em chịu khổ vì sống công chính, thì anh em thật có phúc ! *Đừng sợ những kẻ làm hại anh em và đừng xao xuyến.* ¹⁵ Đức Ki-tô là Đấng Thánh, hãy tôn Người làm Chúa ngự trị trong lòng anh em. Hãy luôn luôn sẵn sàng trả lời cho bất cứ ai chất vấn về niềm hy vọng của anh em. ¹⁶ Nhưng phải trả lời cách hiền hoà và với sự kính trọng. Hãy giữ lương tâm ngay thẳng, khiến những kẻ phỉ báng anh em vì anh em ăn ở ngay thẳng trong Đức Ki-tô, thì chính họ phải xấu hổ vì những điều họ vu khống, ¹⁷ bởi lẽ tà chịu khổ vì làm việc lành, nếu đó là ý của Thiên Chúa, còn hơn là vì làm điều ác.

Đức Ki-tô sống lại và xuống âm phủ

* ¹⁸ Chính Đức Ki-tô đã chịu chết một lần vì tội lỗi –Đấng Công Chính đã chết cho kẻ bất lương– hầu dẫn đưa chúng ta đến cùng Thiên Chúa. Thân xác Người đã bị giết chết,

* 3,18 Trong đoạn này, chúng ta thấy có đề cập đến sự kiện “Chúa Ki-tô xuống ngục tổ tông” mà kinh Tin Kính chúng ta nhắc lại : xem thêm Ep 4,9 và phần bình giải Mt 27,52.

nhưng nhờ Thần Khí, Người đã được phục sinh.¹⁹ Người đã đến rao giảng cho các vong linh bị giam cầm,²⁰ tức là những người xưa đã không vâng phục Thiên Chúa, trong thời Thiên Chúa kiên nhẫn chờ đợi, nghĩa là thời ông Nô-ê đóng tàu. Trong con tàu ấy, một số ít, cả thầy là tám người, được cứu thoát nhờ nước.²¹ Nước đó là hình bóng phép rửa nay cứu thoát anh em. Lãnh nhận phép rửa, không phải là được tẩy sạch vết như thể xác, mà là cam kết với Thiên Chúa sẽ giữ lương tâm trong trắng, nhờ sự phục sinh của Đức

Giê-su Ki-tô,²² Đấng đang ngự bên hữu Thiên Chúa sau khi đã lên trời, đã bắt các thiên sứ và toàn thể thần minh phải phục quyền.

Đoạn tuyệt với tội lỗi

4¹ Vậy, chính vì Đức Ki-tô đã chịu đau khổ trong thân xác, nên anh em cũng phải lấy tư tưởng này làm khí giới : ai chịu đau khổ trong thân xác thì đoạn tuyệt với tội lỗi,² để bao lâu còn sống trong thân xác, người ấy không theo những đam mê của con người nữa, mà theo ý muốn của Thiên Chúa.³ Thật thế, trong quá khứ

Với lối diễn tả của văn hoá thời mình, thánh Phê-rô nói đến các người tội lỗi thời ông Nô-ê. Đối với người Do-thái, họ là điển hình của những người vô trách nhiệm không lưu tâm gì đến thánh ý Thiên Chúa. Thế nhưng Chúa Ki-tô lại cứu họ : Chúa đã đến để cứu mọi người, chứ không chỉ cứu những ai đã trung thành hoặc đã may mắn được gặp Chúa trong Hội Thánh Chúa.

Lưu ý việc so sánh nạn hồng thủy với bí tích Thánh Tẩy : nước rửa sạch thể giới cũ, tức là một đời tội lỗi ; ai đến với Chúa Ki-tô thì bắt đầu một đời sống mới, bằng cách cố gắng giữ lương tâm trong trắng.

Thân xác Người đã bị giết chết, nhưng nhờ Thần Khí, Người đã được phục sinh (c.18). Nghĩa là Người đã chết bởi vì đã chấp nhận và thật sự mang lấy thân phận phải chết của chúng ta, nhưng Thần Khí Thiên Chúa phải làm cho Người sống lại. Đây là lời khẳng định một lần nữa Chúa Ki-tô có hai bản tính. So sánh với Rm 1,4.

* 4,1 *Đức Ki-tô đã chịu đau khổ trong thân xác* : Rm 6.

Họ kinh ngạc (c.4). Có lẽ chúng ta quá dễ dàng chấp nhận tổ chức cuộc đời mình y như những người không sống trong niềm mong đợi lời hứa của Chúa Giê-su ; lối sống của chúng ta không có gì làm họ ngạc nhiên.

anh em đã sống theo sở thích dân ngoại : dâm ô, mê đắm, nhậu nhẹt, say sưa, chè chén, tin vợ thờ quấy, như vậy là quá đủ rồi. ⁴ Về điều đó, họ kinh ngạc vì thấy anh em không cùng chạy ùa theo cuộc sống truy lạc ô ạt như dòng thác lũ, và họ nói xấu anh em. ⁵ Họ sẽ phải trả lẽ với Đấng sắp sửa phán xét người sống và kẻ chết. ⁶ Quả thật, chính vì thế mà Tin Mừng đã được loan báo ngay cho cả những kẻ chết, để tuy bị phán xét về phần xác theo cách nhìn của loài người, họ được sống về phần hồn theo ý định của Thiên Chúa.

Đợi chờ ngày Đức Ki-tô quang lâm

⁷ Thời cùng tận của vạn vật gần đến rồi. Anh em hãy sống chừng mực và tiết độ để có thể cầu

nguyện được. ⁸ Trước hết, anh em hãy hết tình yêu thương nhau, vì *lòng yêu thương che phủ muôn vàn tội lỗi*. ⁹ Hãy tiếp đón nhau mà không lắm bầm kêu ca. ¹⁰ Ôn riêng Thiên Chúa đã ban, mỗi người trong anh em phải dùng mà phục vụ kẻ khác. Như vậy, anh em mới là những người khéo quản lý ân huệ thiên hình vạn trạng của Thiên Chúa. ¹¹ Ai có nói, thì nói lời Thiên Chúa ; ai phục vụ, thì phục vụ bằng sức mạnh Thiên Chúa ban. Như thế, trong mọi việc, chúng ta tôn vinh Thiên Chúa nhờ Đức Giê-su Ki-tô. Kính dâng Người vinh quang và uy quyền đến muôn thuở muôn đời. Amen.

Phúc thay ai cùng chịu đau khổ với Đức Ki-tô

* ¹² Anh em thân mến, anh em đang bị lửa thử

Tin Mừng đã được loan báo ngay cho cả những kẻ chết (c.6). Có lẽ lời này cũng có ý nghĩa tương tự như 3,18-20, theo đó thì sau khi chết, Chúa Giê-su có một cuộc gặp gỡ bí nhiệm với những vong linh thời quá khứ mà Người cũng phải cứu.

Hãy sống chừng mực và tiết độ để có thể cầu nguyện được (c.7). Việc cầu nguyện đòi hỏi một đời sống có kỷ luật : biết đi ngủ đúng giờ và từ bỏ những chương trình giải trí vừa làm mất thời giờ vừa làm cho chúng ta ra dần dộ.

* 4,12 Những câu này tóm tắt ý tưởng trung tâm của thư.

thách : đừng ngạc nhiên mà coi đó như một cái gì khác thường xảy đến cho anh em. ¹³ Được chia sẻ những đau khổ của Đức Kitô bao nhiêu, anh em hãy vui mừng bấy nhiêu, để khi vinh quang Người tỏ hiện, anh em cùng được vui mừng hoan hỷ. ¹⁴ Nếu bị sỉ nhục vì danh Đức Kitô, anh em thật có phúc, bởi lẽ Thần Khí vinh hiển và uy quyền, là Thần Khí của Thiên Chúa, ngự trên anh em. ¹⁵ Đừng có ai trong anh em phải chịu khổ vì tội giết người, trộm cắp, làm điều gian ác hoặc dây mình vào việc người khác ; ¹⁶ mà nếu có ai phải chịu khổ vì danh hiệu Kitô hữu, thì đừng xấu hổ, nhưng hãy tôn vinh Thiên Chúa vì được mang danh hiệu đó. ¹⁷ Bởi lẽ thời phán xét đã đến, bắt đầu từ nhà của Thiên Chúa.

Nếu việc đó bắt đầu từ chúng ta, thì cuối cùng số phận của những kẻ từ chối không chịu tin vào Tin Mừng của Thiên Chúa sẽ ra sao ? ¹⁸ *Nếu người công chính còn khó được cứu độ, thì người vô đạo, kẻ tội lỗi sẽ ở đâu ?* ¹⁹ Vì vậy, những ai chịu khổ theo ý của Thiên Chúa, hãy phó mạng sống mình cho Đấng Tạo Hoá trung thành, và cứ làm điều thiện.

Những lời khuyên nhủ bậc kỳ mục

5 * ¹ Cùng các bậc kỳ mục trong anh em, tôi xin có mấy lời khuyên nhủ, vì tôi cũng thuộc hàng kỳ mục, lại là chứng nhân những đau khổ của Đức Kitô và được dự phần vinh quang sắp tỏ hiện trong tương lai. ² Anh em hãy chặn dắt đoàn chiên mà Thiên Chúa đã giao

* 5,1 Trong những lời khuyên sau đây, nên lưu ý đến những lời nói về các kỳ mục phụ trách và dẫn dắt cộng đoàn. So sánh với lời từ biệt của thánh Phao-lô ở Cv 20,17-35.

Trong cuộc bách hại, thánh Phê-rô nhìn thấy có bàn tay ma quỷ : nó tận lực làm cho những ai đã đặt niềm trông cậy vào Chúa Kitô phải nản lòng. Đứng vậy, khi chúng ta sắp sửa quyết định một việc quan trọng nhằm phục vụ Chúa Kitô cho tốt hơn, thì những trở ngại bất ngờ lại xuất hiện. Ai non gan thì mất tất cả. Khi một lần nữa họ thử tiến bước, ma quỷ lại tấn công. Những thử thách như vậy, luôn luôn bất ngờ, là chuyện bình thường, và nếu muốn thắng vượt thì chúng ta phải tỉnh thức trong đức tin.

phó cho anh em : lo lắng cho họ không phải vì miễn cưỡng, nhưng hoàn toàn tự nguyện như Thiên Chúa muốn, không phải vì ham hố lợi lộc thấp hèn, nhưng vì lòng nhiệt thành tận tụy. ³ Đừng lấy quyền mà thống trị những người Thiên Chúa đã giao phó cho anh em, nhưng hãy nêu gương sáng cho đoàn chiên. ⁴ Như thế, khi Vị Mục Tử tối cao xuất hiện, anh em sẽ được lãnh triều thiên vinh hiển không bao giờ hư nát.

Những lời khuyên nhủ các tín hữu

⁵ Cũng vậy, những người trẻ hãy vâng phục các kỳ mục : anh em hãy lấy đức khiêm nhường mà đối xử với nhau, vì *Thiên Chúa chống lại kẻ kiêu ngạo, nhưng ban ơn cho kẻ khiêm nhường.* ⁶ Vậy anh em hãy tự khiêm tự hạ dưới bàn tay uy quyền của Thiên Chúa, để Người cất nhắc anh em khi đến thời Người đã định. ⁷ Mọi âu lo, hãy trút cả cho Người, vì Người chăm sóc anh em.

⁸ Anh em hãy sống tiết độ và tỉnh thức, vì ma quỷ, thù địch của anh em, như sư tử gầm thét, rảo quanh tìm mồi cắn xé. ⁹ Anh em hãy đứng vững trong đức tin mà chống cự, vì biết rằng toàn thể anh em trên trần gian đều trải qua cùng một loại thống khổ như thế. ¹⁰ Thiên Chúa là nguồn mọi ân sủng, cũng là Đấng đã kêu gọi anh em vào vinh quang đời đời của Người trong Đức Ki-tô. Phần anh em là những kẻ phải chịu khổ ít lâu, chính Thiên Chúa sẽ cho anh em được nên hoàn thiện, vững vàng, mạnh mẽ và kiên cường. ¹¹ Kính dâng Người vinh quang và uy quyền đến muôn thuở muôn đời. A-men.

Lời khuyên cuối cùng. Lời chào.

* ¹² Nhờ tay anh Xin-va-nô mà tôi coi là một người anh em trung tín, tôi viết ít lời để khuyên nhủ anh em và làm chứng rằng đó thật là ân sủng của Thiên Chúa : anh em hãy sống

* 5,12 *Ba-by-lon* ở c.13 : trong Kinh Thánh, tên này chỉ thành phố lớn, trung tâm các tôn giáo ngoại : đó là thành Rô-ma (x. Kh 17). Khi thánh Phê-rô viết thư này, ở Rô-ma đã có một cộng đoàn Ki-tô hữu.

vững vàng trong ân sủng đó.

¹³ Hội Thánh ở Ba-by-lon, cũng được chọn như anh em, và Mác-cô, con tôi, gửi lời chào anh em.

¹⁴ Anh em hãy hôn chào nhau trong tình yêu thương.

Chúc tất cả anh em, những người đang sống trong Đức Ki-tô, được bình an.

THƯ 2 CỦA THÁNH PHÊ-RÔ

DẪN NHẬP

Đây là những trang Sách Thánh viết sau cùng, có lẽ vào khoảng năm 100. Sách tự xưng là thư thứ hai của thánh Phê-rô và cố làm cho chúng ta tin như vậy. Thư này mà không phải của thánh Phê-rô đi nữa thì cũng vẫn là lời Thiên Chúa, cho dù có những kiểu suy tư đã lỗi thời.

Nội dung của ba chương là ba vấn đề của Hội Thánh thời bấy giờ :

– bảo toàn đức tin như các chứng nhân của Chúa Giê-su đã dạy ;

– chống lại các thầy dạy làm sai lạc đức tin đồng thời dẫn đến một lối sống vô luân ;

– giải thích tại sao Chúa Ki-tô chưa trở lại.

THƯ 2 CỦA THÁNH PHÊ-RÔ

Lời mở đầu

1 ¹ Tôi là Si-mê-ôn Phê-rô, tôi tớ và Tông Đồ của Đức Giê-su Ki-tô, kính gửi những người, nhờ sự công chính của Đức Giê-su Ki-tô là Thiên Chúa và là Đấng cứu độ chúng ta, cũng đã lãnh nhận một đức tin quý giá như chúng tôi. ² Chúc anh em được đầy tràn ân sủng và bình an, nhờ được biết Thiên Chúa và Đức Giê-su, Chúa chúng ta.

Lòng rộng rãi của Thiên Chúa

* ³ Thật vậy, Đức Ki-tô đã lấy thần lực của Người mà ban tặng chúng ta tất cả những gì giúp chúng ta được sống và sống đạo đức, khi Người cho chúng ta biết Đấng đã dùng vinh quang và sức mạnh của mình mà kêu gọi chúng ta.

⁴ Nhờ vinh quang và sức mạnh ấy, Thiên Chúa đã ban tặng chúng ta những gì rất quý báu và trọng đại Người đã hứa, để nhờ đó, anh em được thông phần bản tính Thiên Chúa, sau

* 1,3 Nhắc nhở hai điều cho các Ki-tô hữu bị cám dỗ sống an nhàn :

– Ôn gọi của Thiên Chúa cao cả đến mức chúng ta không thể hiểu và đánh giá cho đúng.

– Được gọi và tuyển chọn để lãnh nhận đức tin, chưa đủ : chúng ta còn phải xác nhận chúng ta hưởng ứng ơn tuyển chọn đó bằng một đời sống thật sự thánh thiện.

Anh em được thông phần bản tính Thiên Chúa (c.4). Cùng với những bản văn của thánh Gio-an, đây là lời nói nặng ký nhất cho biết bản tính chúng ta như thế nào và sẽ được như thế nào. Chúng ta không phải chỉ được kêu gọi đi theo một con đường tốt lành để rồi được tưởng thưởng, yêu mến một Thiên Chúa để Người sẽ hậu đãi chúng ta. Chúa Giê-su đã đến mặc khải cho biết chúng ta là ai : là những anh em, chị em của Người ; là thành phần, như Người, của một Nhân Loại duy nhất sẽ được bước vào mẫu nhiệm vĩnh cửu của Thiên Chúa. Chúa Giê-su đã làm người để bản tính Thiên Chúa như thế nào, chúng ta cũng trở nên như vậy, không kém hơn.

khi đã thoát khỏi cảnh hư đốn do dục vọng gây ra trong trần gian.

⁵ Chính vì thế, anh em hãy đem tất cả nhiệt tình, làm sao để khi đã có lòng tin thì có thêm đức độ, có đức độ lại thêm hiểu biết, ⁶ có hiểu biết lại thêm tiết độ, có tiết độ lại thêm kiên nhẫn, có kiên nhẫn lại thêm đạo đức, ⁷ có đạo đức lại thêm tình huynh đệ, có tình huynh đệ lại thêm bác ái. ⁸ Thật vậy, nếu anh em có những đức tính ấy và có dồi dào, thì anh em sẽ không trở nên những người chẳng làm gì và chẳng làm gì được để biết Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta. ⁹ Ai không có những đức tính ấy thì là người đui mù, người cận thị : kẻ ấy quên rằng mình đã được tẩy sạch các tội xưa đã phạm. ¹⁰ Vì vậy, thưa anh em, anh em đã được Thiên Chúa tuyển chọn và mời gọi, thì hãy cố gắng hết mình, để làm cho các ơn đó nên vững mạnh. Có thể, anh em sẽ không bao giờ vấp ngã,

¹¹ và nhờ đó, con đường rộng mở để đón nhận anh em vào Nước vĩnh cửu của Đức Giê-su Ki-tô là Chúa và là Đấng cứu độ chúng ta.

Lời chứng của các Tông Đồ

¹² Vì thế, tôi sẽ luôn nhắc cho anh em nhớ lại những điều trên, mặc dầu anh em đã biết rồi và đang sống vững vàng theo sự thật anh em hiện nắm giữ. ¹³ Tôi thiết nghĩ : bao lâu tôi còn sống cuộc đời chóng qua này, tôi phải nhắc nhở để thức tỉnh anh em, đó là điều phải lẽ, ¹⁴ vì biết rằng sắp đến thời tôi phải bỏ lều này, như Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, cũng đã tỏ cho tôi biết. ¹⁵ Nhưng tôi sẽ cố gắng, để trong mọi trường hợp, sau khi tôi ra đi, anh em có thể nhớ lại các điều ấy.

* ¹⁶ Thật vậy, khi chúng tôi nói cho anh em biết quyền năng và cuộc quang lâm của Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, thì không

* 1,16 Không phải chúng tôi dựa theo những chuyện hoang đường thêu dệt khéo léo. Đức tin không dựa trên những lý thuyết. Chúng ta tin những gì các Tông Đồ đã thấy và chúng ta tin lời của các ngôn sứ.

phải chúng tôi dựa theo những chuyện hoang đường thêu dệt khéo léo, nhưng là vì chúng tôi đã được thấy tận mắt vẻ uy phong lẫm liệt của Người.

¹⁷ Quả thế, Người đã được Thiên Chúa là Cha ban cho vinh quang và danh dự, khi có tiếng từ Đấng tuyệt vời vinh hiển phán với Người : “Đây là Con yêu dấu của Ta, Ta hết lòng quý mến.” ¹⁸ Tiếng đó, chính chúng tôi đã

nghe thấy từ trời phán ra, khi chúng tôi ở trên núi thánh với Người.

Lời ngôn sứ

¹⁹ Như vậy chúng tôi lại càng thêm tin tưởng vào lời các ngôn sứ. Anh em chú tâm vào đó là phải, vì lời ấy như chiếc đèn tỏ rạng giữa chốn tối tăm, cho đến khi ngày bùng sáng và sao mai mọc lên soi chiếu tâm hồn anh em.

²⁰ Nhất là anh em phải

Đúng là qua các thế kỷ, đã có những triển khai trong cách tìm hiểu các hiệu quả của đức tin, trong cách đặt đức tin vào bối cảnh những thực tại đời người ; đúng là đã có những cố gắng liên tiếp để diễn tả đức tin trong ngôn ngữ các thời đại, nhưng chúng ta vẫn tiếp tục vững tin vào nhiệm Chúa Ki-tô như các Tông Đồ đã tin và đã hiểu.

Câu cuối cùng (c.21) nêu rõ điều mà chúng ta tìm thấy trong Kinh Thánh : tất cả đều phát xuất từ Thiên Chúa và là công trình của Chúa Thánh Thần. Nói như thế không có nghĩa là Chúa Thánh Thần đã đọc cho các tác giả chép những sách đó, hoặc các tác giả Sách Thánh đều đã được ban những mặc khải. Nhưng Chúa Thánh Thần đã kết hợp với các ngài nên một thần khí duy nhất, khi mỗi vị viết điều mình thấy là nên viết, theo cách thức riêng của mình và hợp với văn hoá thời đại mình.

Mỗi tác giả có lẽ chỉ muốn diễn đạt niềm tin của dân tộc mình và không nhất thiết có ý thức mình được linh hứng, nhưng Chúa Thánh Thần đã sắp đặt sao cho tất cả các sách đó làm thành một bộ “toàn thư” và đưa ra lời chứng duy nhất mà mọi người ở mọi thời cần đến. Tóm lại, Kinh Thánh là công trình của Chúa Thánh Thần, đồng thời là bút tích của con người, mỗi vị sử dụng ngôn ngữ của thời đại.

Không ai được tự tiện giải thích một lời ngôn sứ nào trong Sách Thánh (c.20). Đúng là mỗi người, tùy theo trí khôn, có thể hiểu đoạn văn này đoạn văn kia. Nhưng thông điệp là một tổng thể. Khi cần xem các lời chứng khác nhau bổ sung cho nhau thế nào, khi cần phân biệt các đường nét quan trọng hoặc khám phá tinh thần của Kinh Thánh, thì chỉ một mình Hội Thánh và những ai sống trong Hội Thánh mới có thể nhận định.

Sao mai (c.19) ám chỉ Chúa Ki-tô (Kh 22,16).

biết điều này : không ai được tự tiện giải thích một lời ngôn sứ nào trong Sách Thánh. ²¹ Quả vậy, lời ngôn sứ không bao giờ lại do ý muốn người phàm, nhưng chính nhờ Thánh Thần thúc đẩy mà có những người đã nói theo lệnh của Thiên Chúa.

Các thầy dạy giả hiệu

2 * ¹ Trong dân cũng đã từng xuất hiện những ngôn sứ giả ; giữa anh em cũng vậy, sẽ có những thầy dạy giả hiệu, đó là những kẻ sẽ lén lút đưa vào những tà thuyết dẫn tới diệt vong. Vì chối bỏ vị Chúa Tể đã chuộc họ về, họ sẽ mau chóng chuốc lấy hoạ diệt vong. ² Nhiều người sẽ học đòi các trò dâm dăng của họ, và vì họ, con đường sự thật sẽ bị phủ bóng. ³ Vì tham lam, họ dùng lời lẽ gạt gẫm anh em để trục lợi. Án phạt họ đã sẵn sàng từ lâu, và hoạ diệt vong đã gần kề.

Bài học của quá khứ

⁴ Thật vậy, Thiên Chúa không dung thứ cho các

thiên thần có tội, nhưng đã đẩy họ vào hố Địa Ngục tối tăm, giữ họ để chờ cuộc phán xét. ⁵ Người không dung thứ cho thế giới cũ, nhưng khi trút hồng thủy xuống trên thế giới của những kẻ vô luân, Người đã cứu sống tám mạng, trong số đó có ông Nô-ê, kẻ rao giảng sự công chính. ⁶ Người thiêu ra tro các thành Xơ-dôm và Gô-mô-ra, lên án huỷ diệt hai thành đó để làm gương cho những kẻ vô luân thời sau ; ⁷ Người cứu ông Lót, kẻ công chính, đang phải ưu phiền vì nếp sống dâm dăng của những người phạm pháp. ⁸ Quả vậy, người công chính đó sống ở giữa họ, mắt thấy tai nghe những hành vi phi pháp ngày ngày xâu xé tâm hồn công chính của ông. ⁹ Như thế Chúa biết cứu những người đạo đức khỏi cơn thử thách, và giữ những kẻ bất chính để trừng phạt vào ngày phán xét, ¹⁰ nhất là những kẻ vì ham muốn những điều ô uế mà sống theo xác thịt, những kẻ khinh rẻ chủ quyền của Chúa.

* 2,1 Chương này kêu gọi phải đề phòng các thầy dạy giả hiệu, và lập lại một phần những lời đe dọa chúng ta gặp trong thư thánh Giu-đa.

Hình phạt tương lai

Họ táo bạo, kiêu căng, không sợ nói phạm đến các bậc uy linh, ¹¹ trong khi các thiên thần, tuy mạnh mẽ và quyền thế hơn, cũng không đưa ra một phán quyết nào phạm đến các vị đó trước tòa Chúa. ¹² Còn họ, khác nào loài vật vô tri vốn sinh ra để bị săn bắt và tiêu diệt, lại nói phạm đến những điều họ không biết ; những loài vật kia bị tiêu diệt làm sao, thì họ cũng sẽ bị tiêu diệt như vậy : ¹³ họ đã ăn ở bất chính thì được trả công bằng sự bất chính. Họ coi việc sống phóng dăng giữa ban ngày như một khoái lạc, họ là những người đầy khuyết điểm và tỳ ố, thích thú vì những chuyện lừa gạt của mình, trong lúc vui vẻ với anh em. ¹⁴ Nhìn thấy phụ nữ là họ ao ước ngoại tình, họ phạm tội mãi không chán ; họ nhử mỗi các tâm hồn nông nổi ; lòng họ đã quen thói tham lam. Thật là những kẻ đáng bị nguyên rủa ! ¹⁵ Bỏ đường ngay nẻo chính, họ đã lạc bước theo đường của con ông Bo-xo là Bi-lơ-am, kẻ ưa thích tiền công bất

chính. ¹⁶ Nhưng Bi-lơ-am đã bị khiển trách vì hành động sai trái của mình : một thú vật chớ đồ, không biết nói, đã lên tiếng như người, để ngăn cản cách xử sự diên rồ của ngôn sứ ấy. ¹⁷ Họ là suối không có nước, là mây bị bão cuốn đi ; u ám tối tăm là nơi dành cho họ. ¹⁸ Miệng nói những lời huênh hoang rỗng tuếch, họ dùng những ham muốn xác thịt dâm ô mà nhử những người vừa thoát tay các kẻ sống trong lầm lạc. ¹⁹ Họ hứa cho những kẻ đó được tự do, nhưng chính họ lại làm nô lệ cho lối sống dẫn đến hư vong, vì đã thua ai thì phải làm nô lệ người ấy. ²⁰ Thật vậy, những kẻ đã thoát khỏi những vết nhơ của thế gian, nhờ được biết Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng Cứu Độ, mà lại vướng mắc vào đó một lần nữa và bị thua, thì tình trạng sau này của họ còn tệ hơn trước. ²¹ Quả thật, thà họ không biết đường công chính, còn hơn là khi đã biết rồi, lại lìa bỏ điều răn thánh đã được truyền cho họ. ²² Điều xảy ra cho họ thật đúng với câu ngôn ngữ sau đây : *Chó mửa ra,*

chó liền ăn lại ; heo tắm xong, heo nhảy vào bùn.

Ngày của Chúa : các ngôn sứ và Tông Đồ

3 * ¹ Anh em thân mến, đây đã là thư thứ hai tôi viết cho anh em ; trong cả hai thư, tôi đều nhắc nhở anh em để gọi lên nơi anh em sự hiểu biết chân thành. ² Anh em hãy nhớ lại những điều các thánh ngôn sứ đã nói trước kia, và điều răn của Chúa, Đấng Cứu Độ, mà các Tông Đồ của anh em đã truyền lại.

Các thầy dạy giả hiệu

³ Trước tiên, anh em hãy biết điều này : trong những ngày sau hết, sẽ xuất hiện những kẻ nhạo báng chê cười, sống theo những đam mê riêng của họ. ⁴ Họ nói : “Đâu rồi lời

Người hứa sẽ quang lâm ? Vì từ ngày các bậc cha ông an nghỉ, mọi sự vẫn y nguyên như khi trời đất mới được tạo thành.”

⁵ Thật vậy, họ không muốn biết rằng từ lâu đã có trời và đất, và đất từ nước mà ra và nhờ nước mà đứng vững do lời của Thiên Chúa. ⁶ Cũng vì các nguyên cố ấy, thế gian thời đó đã tiêu vong trong cơn hồng thủy. ⁷ Còn trời và đất hiện nay, cũng chính lời ấy giữ lại, dành cho lửa trong ngày phán xét, ngày những kẻ vô luân phải diệt vong.

⁸ Anh em thân mến, một điều duy nhất, xin anh em đừng quên : đối với Chúa, một ngày ví thể ngàn năm, ngàn năm cũng tựa một ngày. ⁹ Chúa không chậm trễ thực hiện lời

* 3,1 Hai thế hệ Ki-tô hữu đã trông đợi ngày Chúa Giê-su trở lại : niềm hy vọng ấy đã khuyến khích họ kiên nhẫn. Nhưng bây giờ, các thầy dạy giả hiệu nói rằng kinh nghiệm hàng ngày đối nghịch với lời các ngôn sứ (là những ngôn sứ trong Hội Thánh báo tin Chúa sắp trở lại). Họ gieo sự nghi ngờ, cho thấy rằng chính các Tông Đồ đã chết mà không được thấy Chúa Ki-tô trở lại.

Có hai câu trả lời. Một đảng, Thiên Chúa không đo đạc thời gian giống như chúng ta. Người có thể nói về một sự việc như sắp xảy ra nhưng lại không thực hiện việc đó ngay lập tức. Đảng khác, nếu chúng ta cảm thấy thời gian đợi chờ như dài lâu, điều đó không có nghĩa là chúng ta có thể sống an nhàn hưởng thụ. Trái lại phải trọng dụng lòng thương xót của Thiên Chúa : Người cho chúng ta có thời giờ để thật sự ăn năn hối cải.

hứa, như có kẻ cho là Người chậm trễ. Kỳ thực, Người kiên nhẫn đối với anh em, vì Người không muốn cho ai phải diệt vong, nhưng muốn cho mọi người đi tới chỗ ăn năn hối cải.¹⁰ Nhưng ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm. Ngày đó, các tầng trời sẽ âm âm sụp đổ, ngũ hành bốc cháy tiêu tan, mặt đất và các công trình trên đó sẽ bị thiêu huỷ.

Lời kêu gọi sống thánh thiện. Vinh tụng ca.

¹¹ Muôn vật phải tiêu tan như thế, thì anh em phải là những người tốt đường nào, phải sống đạo đức và thánh thiện biết bao,¹² trong khi mong đợi ngày của Thiên Chúa và làm cho ngày đó mau đến, ngày mà các tầng trời sẽ bị thiêu huỷ và ngũ hành sẽ chảy tan ra trong lửa hồng.¹³ Nhưng, theo lời

Thiên Chúa hứa, *chúng ta mong đợi trời mới đất mới, nơi công lý ngự trị.*

¹⁴ Vì thế, anh em thân mến, trong khi mong đợi ngày đó, anh em phải cố gắng sao cho Người thấy anh em tinh tuyền, không chi đáng trách và sống bình an.¹⁵ Và anh em hãy biết rằng Chúa chúng ta tỏ lòng kiên nhẫn chính là để anh em được cứu độ, như ông Phao-lô, người anh em thân mến của chúng ta, đã viết cho anh em, theo ơn khôn ngoan Thiên Chúa đã ban cho ông.¹⁶ Ông cũng nói như vậy trong tất cả các thư của ông, khi bàn đến các vấn đề này. Trong các thư ấy, có những chỗ khó hiểu; những chỗ ấy cũng như những chỗ khác trong Kinh Thánh, bị những kẻ vô học và nông nổi xuyên tạc, khiến chúng phải chước lấy hoạ diệt vong.

Ngày nay, đa số người Ki-tô hữu không nghĩ đến ngày Chúa Ki-tô trở lại: có phải vì chúng ta thấy chuyện ấy còn xa xôi, hay vì chúng ta không thấy được ý nghĩa của nó? Thật ra, không nên có thái độ nửa vời: mong đợi Chúa thì phải cho tha thiết, một điều luôn luôn là khẩn.

Đoạn văn nói về thánh Phao-lô (cc. 15-16) cho thấy là khi ấy các thư thánh Phao-lô đã có uy tín như Cựu Ước hay các sách Tin Mừng: *những chỗ khác trong Kinh Thánh*. Hội Thánh lo lắng vì người ta có thể giải thích sai lạc những chỗ mà thánh Phao-lô không diễn tả tư tưởng của mình cách sáng sủa.

¹⁷ Vậy, anh em thân mến, biết trước như thế, anh em hãy coi chừng kẻo bị những kẻ phạm pháp và lầm lạc lôi cuốn, mà không còn đứng vững nữa chẳng.

¹⁸ Nhưng anh em hãy lớn lên trong ân sủng và trong sự hiểu biết Đức Giê-su Ki-tô là Chúa và là Đấng cứu độ chúng ta. Xin kính dâng Người vinh quang, bây giờ và cho đến muôn đời. A-men.

THƯ 1 CỦA THÁNH GIO-AN

DẪN NHẬP

Thư này với Tin Mừng của thánh Gio-an không thể tách rời nhau, và nhắc cho chúng ta rằng đời sống người Ki-tô hữu không khác gì một tiến trình “thần linh hóa” chính con người chúng ta.

Thời đại nào cũng có một số người cho rằng đời sống Ki-tô hữu có vẻ như vô vị quá hoặc hẹp hòi quá. Tuy họ không trực tiếp phê bình các giá trị và những lợi ích mà Ki-tô giáo mang đến cho nhân loại, nhưng họ cảm thấy như Ki-tô giáo đặt ra nhiều giới hạn cho con người. Chúng ta hãy nghĩ tới những người như Các Mác, cho rằng muốn giải thoát con người thật sự thì phải chống lại đức tin. Chúng ta hãy nghĩ tới những người thời nay đặt hết tin tưởng vào khoa học để mở rộng khả năng sự sống. Chúng ta còn nghĩ tới những người đã bị võ mộng, hết tin tưởng vào

cuộc sống bên ba của người phương Tây và đang tìm đến những nền triết của người phương Đông, mong đạt tới cái Tuyệt Đối mà họ đã không nhận ra trong đức tin Ki-tô giáo.

Ngay cả đối với người Ki-tô hữu, lòng sùng mộ nặng cảm tính đối với Chúa Giê-su, vị Thầy tốt bụng truyền dạy tình yêu đại đồng, thường không cho thấy họ rất thiếu hiểu biết về những điều cao siêu mà đức tin có thể giúp họ đạt tới. Bởi vì, nơi Chúa Giêsu, chính Thiên Chúa là Đấng mà chúng ta muốn tìm gặp. Chúng ta là những người đi tìm chân lý, và chúng ta mong được tan biến trong chân lý ấy, là chính cội rễ của mình.

Trong lá thư này, thánh Gio-an khẳng định : các bạn mà có được Con Thiên Chúa là các bạn có được chân lý trọn vẹn, là các bạn đang trên con đường

đi đến Tình Yêu đích thực, và được hiệp thông với chính bản thân Thiên Chúa.

Thế nhưng có thể chúng ta sai lầm khi tưởng mình đang ở trong Đức Ki-tô. Do đó, thánh Gio-an xác định rõ các tiêu chuẩn, những điều kiện cho phép chúng ta kiểm chứng xem chúng ta có thật sự bước đi trong ánh sáng hay không, có sống trong tình yêu hay không :

– Chúng ta nhận ra Thiên Chúa trong Chúa Ki-tô ; tuy vậy, chúng ta luôn luôn phải đặt trước

mắt, phải chiêm ngắm các hành động và cách sống làm người của Chúa Ki-tô.

– Chúng ta tin rằng mình đã được “sinh ra bởi ơn trên”, được sinh làm con Thiên Chúa : nhưng như thế không có nghĩa là chúng ta được miễn giữ các điều răn của Người.

– Đức tin đã làm cho chúng ta được nhận biết Thiên Chúa một cách mới mẻ. Nhưng điều quan trọng nhất là hiểu biết tình yêu của Người, và để được vậy, không có gì tốt hơn là bài học thập giá.

THƯ 1 CỦA THÁNH GIO-AN

LỜI DẪN NHẬP

Ngôi Lời nhập thể và sự hiệp thông với Chúa Cha và Chúa Con

1 * ¹ Điều vẫn có ngay từ lúc khởi đầu,
điều chúng tôi đã nghe,
điều chúng tôi đã thấy tận mắt,
điều chúng tôi đã chiêm ngưỡng,
và tay chúng tôi đã chạm đến,
đó là Lời sự sống.

² Quả vậy, sự sống đã được tỏ bày,
chúng tôi đã thấy và làm chứng,
chúng tôi loan báo cho anh em sự sống đời đời :
sự sống ấy vẫn hướng về Chúa Cha
và nay đã được tỏ bày cho chúng tôi.

³ Điều chúng tôi đã thấy và đã nghe,
chúng tôi loan báo cho cả anh em nữa,
để chính anh em
cũng được hiệp thông với chúng tôi,
mà chúng tôi thì hiệp thông với Chúa Cha
và với Đức Giê-su Ki-tô, Con của Người.

* 1,1 Tác giả Gio-an không nói gì về những mặc khải hay những bí mật mà một số người đã được học hỏi khư khư giữ lại cho riêng mình. Sự thật mà ngài trình bày cho chúng ta thì vừa đơn giản hơn lại vừa thần thiêng hơn : Thiên Chúa vốn là sự sống vĩnh cửu mà đã đến ở giữa loài người.

Ngôi Lời : x. phần bình giải ở Ga 1,1.

Sự sống đã được tỏ bày (c.2). Đừng tìm phép lạ ! Sự sống được mặc khải cho ta như là ân huệ của Chúa Cha, như một cuộc sinh ra lần thứ hai của một nhân loại đang tuyệt vọng, như nụ cười của Thiên Chúa, như cuộc viếng thăm bất ngờ của Đấng muốn chia sẻ sự sống của mình cho nhân loại (Cn 8,31). Sự sống đâu tìm thấy được trong sách vở ; những ai đã trông thấy và cảm nghiệm sự sống trước chúng ta thì có thể cho chúng ta thông phần sự sống ấy.

⁴ Những điều này, chúng tôi viết ra để niềm vui của chúng ta được nên trọn vẹn.

I. BƯỚC ĐI TRONG ÁNH SÁNG

- * ⁵ Đây là lời loan báo của Đức Giê-su Ki-tô mà chúng tôi đã nghe, và nay chúng tôi loan báo cho anh em : Thiên Chúa là ánh sáng ; nơi Người, không có một chút bóng tối nào.
- ⁶ Nếu chúng ta nói là chúng ta hiệp thông với Người mà lại đi trong bóng tối, thì chúng ta nói dối và không hành động theo sự thật.
- ⁷ Nhưng nếu chúng ta đi trong ánh sáng cũng như Thiên Chúa hằng ngự trong ánh sáng, thì chúng ta được hiệp thông với nhau, và máu Đức Giê-su, Con của Người, thanh tẩy chúng ta sạch hết mọi tội lỗi.

Điều kiện thứ nhất : đoạn tuyệt với tội lỗi

⁸ Nếu chúng ta nói là chúng ta không có tội, chúng ta tự lừa dối mình, và sự thật không ở trong chúng ta.

* 1,5 *Đi trong ánh sáng (c.7) : đây là cuộc sống người Ki-tô hữu.*

Cao hơn và vượt trội những chân lý đủ loại và luôn phiến diện do con người đã khám phá ra, có một thứ ánh sáng (một chứng cứ hay một sự hiện diện) là chân lý trọn vẹn và bất khả phân : con người hoặc là ở trong đó hoặc là ở bên ngoài. Ánh sáng này không trực tiếp đem lại những kiến thức, nhưng làm cho toàn thể con người hành động, sống và bước đi trong ánh sáng.

Ai dần bước trong đức tin thì nhận ra ánh sáng này và thấy mình được giải thoát khỏi nhiều trở ngại :

– khỏi cái nhìn phiến diện của những ai nhiệt thành với một lý tưởng nhưng lại bỏ qua những cuộc đấu tranh khác cũng quan trọng như thế ; của những người chăm chú một mảng đời mình nhưng lại để những lãnh vực khác vô trật tự.

– khỏi nỗi lo âu của kẻ không có một mục đích trên đời và trấn áp những hoài nghi của mình bằng cách vùi đầu vào đủ thứ hoạt động.

Dần dà đức tin mở ra cho chúng ta một cái nhìn toàn cục về con người.

- ⁹ Nếu chúng ta thú nhận tội lỗi,
Thiên Chúa là Đấng trung thành và công chính
sẽ tha tội cho chúng ta,
và sẽ thanh tẩy chúng ta sạch mọi điều bất chính.
- ¹⁰ Nếu chúng ta nói là chúng ta đã không phạm tội,
thì chúng ta coi Người là kẻ nói dối,
và lời của Người không ở trong chúng ta.

- 2** * ¹ Hỡi anh em là những người con bé nhỏ của tôi,
tôi viết cho anh em những điều này,
để anh em đừng phạm tội.
Nhưng nếu ai phạm tội,
thì chúng ta có một Đấng Bảo Trợ
trước mặt Chúa Cha :
đó là Đức Giê-su Ki-tô, Đấng Công Chính.
- ² Chính Đức Giê-su Ki-tô
là của lễ đền bù tội lỗi chúng ta,
không những tội lỗi chúng ta mà thôi,
nhưng còn tội lỗi cả thế gian nữa.

Điều kiện thứ hai : tuân giữ các điều răn, nhất là điều răn bác ái

- ³ Căn cứ vào điều này,
chúng ta nhận ra rằng chúng ta biết Thiên Chúa :

Tiêu chuẩn đầu tiên để xác định chúng ta có đang đi trong ánh sáng hay không : chúng ta đã từ bỏ tội lỗi chưa ? Ở đây, thánh Gio-an phản bác điều mà một số người vẫn nói : bởi chúng ta là người Ki-tô hữu, chúng ta được kết hợp với Thiên Chúa và do đó, tội lỗi ở nơi thân xác không có gì là quan trọng.

Thánh Gio-an tuyên bố : nếu chúng ta đã chọn Thiên Chúa thì chúng ta không thể cứ tiếp tục phạm tội.

Ngài mời gọi chúng ta xưng thú tội mình với Thiên Chúa, nghĩa là khiêm tốn nhìn nhận trước mặt Thiên Chúa rằng mình đã phạm tội, nhưng lòng đầy tin tưởng vào tình nhân ái của Người. Nếu không có thái độ này thì bí tích Giải Tội đâu có giá trị. Đàng khác, việc thú nhận tội lỗi của mình trong bí tích sám hối giúp chúng ta để lòng mình luôn mở ra với Thiên Chúa.

* 2.1 Tiêu chuẩn thứ hai chứng tỏ tình yêu của chúng ta đối với Thiên Chúa : tuân giữ các điều răn được thu tóm trong thái độ yêu thương. Chúng ta cho rằng mình nhận biết Thiên Chúa ư ? Vậy chúng ta tỏ ra yêu thương người thân cận mình như thế nào ?

- đó là chúng ta tuân giữ các điều răn của Người.
- ⁴ Ai nói rằng mình biết Người
mà không tuân giữ các điều răn của Người,
đó là kẻ nói dối, và sự thật không ở nơi người ấy.
- ⁵ Còn hễ ai giữ lời Người dạy,
nơi kẻ ấy
tình yêu Thiên Chúa đã thật sự nên hoàn hảo.
Căn cứ vào đó,
chúng ta biết được mình đang ở trong Thiên Chúa.
- ⁶ Ai nói rằng mình ở lại trong Người,
thì phải đi trên con đường Đức Giê-su đã đi.
- ⁷ Anh em thân mến,
đây không phải là một điều răn mới
tôi viết cho anh em, nhưng là một điều răn cũ
mà anh em đã có ngay từ lúc khởi đầu.
Điều răn cũ ấy là lời mà anh em đã nghe.
- ⁸ Nhưng đó cũng là một điều răn mới
tôi viết cho anh em, –điều ấy thật là thế
nơi Đức Giê-su và nơi anh em–,
bởi vì bóng tối đang qua đi
và ánh sáng thật đã tỏ rạng.
- ⁹ Ai nói rằng mình ở trong ánh sáng
mà lại ghét anh em mình,
thì vẫn còn ở trong bóng tối.
- ¹⁰ Ai yêu thương anh em mình
thì ở lại trong ánh sáng,
và nơi người ấy không có gì nên có vấp phạm.
- ¹¹ Nhưng ai ghét anh em mình thì ở trong bóng tối
và đi trong bóng tối mà chẳng biết mình đi đâu,
vì bóng tối đã làm cho mắt người ấy ra mù quáng.

Điều răn cũ (c.7), vì là điều răn đầu tiên mà chúng ta đã học ở nhà thờ ; *điều răn mới* (c.8), bởi vì, trong mọi lãnh vực, thế gian phải không ngừng khám phá ra sức mạnh của tình yêu.

Hai đoạn 2,12 và 2,14 được lặp đi lặp lại, lưu ý chúng ta ba sự kiện có liên quan với nhau trong một đời sống Ki-tô giáo chân chính : kinh nghiệm được tha thứ, ơn nhận biết Thiên Chúa và sức mạnh giúp lướt thắng sự dữ và Ác thần.

Điều kiện thứ ba : coi chừng thế gian

- ¹² Hỡi anh em là những người con bé nhỏ,
tôi viết cho anh em :
anh em đã được tha tội nhờ danh Đức Giê-su Ki-tô.
- ¹³ Hỡi các bậc phụ huynh, tôi viết cho anh em :
anh em biết Đấng vẫn có từ lúc khởi đầu.
Hỡi các bạn trẻ, tôi viết cho anh em :
anh em đã thắng ác thần.
- ¹⁴ Hỡi anh em là những người con thơ bé,
tôi đã viết cho anh em : anh em biết Chúa Cha.
Hỡi các bậc phụ huynh, tôi đã viết cho anh em :
anh em biết Đấng vẫn có từ lúc khởi đầu.
Hỡi các bạn trẻ, tôi đã viết cho anh em :
anh em là những người mạnh mẽ ;
lời Thiên Chúa ở lại trong anh em
và anh em đã thắng ác thần.
- * ¹⁵ Anh em đừng yêu thế gian
và những gì ở trong thế gian.
Kể nào yêu thế gian
thì nơi kẻ ấy không có lòng mến Chúa Cha,
¹⁶ vì mọi sự trong thế gian :
như dục vọng của tính xác thịt,

* ^{2,15} Tiêu chuẩn thứ ba : không yêu thế gian.

Lưu ý rằng thoạt đầu thì thánh Gio-an cùng vui với người đọc vì họ đã được biết Thiên Chúa Cha. Không có chuyện chê ghét cái thế gian mà Chúa Ki-tô đã đến để cứu độ (x. phần bình giải Ga 3,17). Nhưng cuộc sống và lịch sử loài người cho thấy có một sự tha hoá sâu xa, do sức khống chế của Ác thần. Và thánh Gio-an gọi là *thế gian* toàn bộ những gì là gian ác đang hoành hành nơi đó. Theo ngài, *thế gian* là cuộc sống gian dối lôi cuốn chúng ta khi chúng ta không còn tìm thánh ý của Chúa Cha nữa.

Hai lực lượng đối lập cùng tồn tại trong thế giới cũng như nơi con người : một đằng là những gì từ tay Chúa Cha ban cho và mang lại cho chúng ta một chút kinh nghiệm về vĩnh cửu ; đằng kia là tất cả những dự tính và hành động của những ai đeo đuổi các ước vọng của riêng mình và trong vô thức làm nô lệ các ước vọng ấy.

Cần nói thêm đôi chút về câu *đừng yêu thế gian*. Cho dù tất cả những gì đến từ tay Thiên Chúa đều là tốt đẹp, như ánh sáng mặt trời, thiên nhiên, tình yêu và khoa học, nhưng toàn thể tạo thành vẫn chẳng có giá trị gì nếu đem ra so sánh với Thiên Chúa.

đục vọng của đôi mắt và thói cậy mình có của, tất cả những cái đó không phát xuất từ Chúa Cha, nhưng phát xuất từ thế gian ;
 17 mà thế gian đang qua đi, cùng với đục vọng của nó. Còn ai thì hành ý muốn của Thiên Chúa thì tồn tại mãi mãi.

Điều kiện thứ bốn : để phòng những kẻ Phản Ki-tô

- * 18 Hỡi anh em là những người con thơ bé, đây là giờ cuối cùng.
 Anh em đã nghe biết là tên Phản Ki-tô sẽ đến ; thế mà giờ đây nhiều tên Phản Ki-tô đã xuất hiện. Do đó, chúng ta biết được rằng đây là giờ cuối cùng.
 19 Chúng xuất thân từ hàng ngũ chúng ta, nhưng không phải là người của chúng ta ; vì nếu là người của chúng ta, chúng đã ở lại với chúng ta.
 Nhưng như thế mới rõ : không phải ai ai cũng là người của chúng ta.
 20 Phần anh em, anh em nhận được dầu, do tự Đấng Thánh, và tất cả anh em đều được ơn hiểu biết.

Bao lâu chúng ta xem thế gian như là quà tặng lớn lao mà Thiên Chúa ban cho, và cảm thấy mình có trách nhiệm đối với Người trong việc làm cho nó phát triển và tiến bộ, thì thế gian là tốt cho chúng ta. Nhưng hễ chúng ta xem nó là của sở hữu riêng mình, để sử dụng hay huỷ diệt tùy thích, thì lập tức nó trở thành kẻ thù tệ hại nhất của chúng ta. Người Ki-tô hữu nhận trách nhiệm về thế gian (trường hợp thứ nhất) nhưng không ngã theo thói thường của nó (trường hợp thứ hai). Hoặc là họ bảo toàn quyền tự do làm con cái Thiên Chúa, hoặc là lòng yêu mến thế gian sẽ khiến họ không là con cái Thiên Chúa nữa.

* 2,18 Tiêu chuẩn thứ tư : để biết chắc mình bước đi trong Ánh Sáng thì phải chống lại tên Phản Ki-tô. Các tín hữu thời thánh Gio-an biết rằng có một tên Phản Ki-tô sẽ xuất hiện trước khi Chúa Ki-tô quang lâm. Ngài nói : ai từ chối nhìn nhận Đức Giê-su là Đấng Ki-tô thì đã là tên Phản Ki-tô rồi. Ngày nay vẫn còn nhiều người phân biệt ra : một mặt là con người Giê-su được nhận biết một cách hồ đồ qua những huyền thoại –như một ngôn sứ thiếu may mắn–, và mặt khác là một Đấng Ki-tô được lý tưởng hoá mà các tín hữu tôn thờ. Thánh Gio-an nói : Đấng đã đi vào lịch sử, chính Người là Thiên Chúa hằng hữu.

- 21 Tôi đã viết cho anh em,
không phải vì anh em không biết sự thật,
nhưng vì anh em biết sự thật,
và vì không có sự dối trá nào phát xuất từ sự thật.
- 22 Ai là kẻ dối trá, nếu không phải là kẻ chối rằng
Đức Giê-su là Đấng Ki-tô ?
Kẻ ấy là tên Phản Ki-tô,
là kẻ chối Chúa Cha và Chúa Con.
- 23 Ai chối Chúa Con thì cũng không có Chúa Cha ;
kẻ tuyên xưng Chúa Con thì cũng có Chúa Cha.
- 24 Phần anh em,
ước chi điều anh em đã nghe từ lúc khởi đầu
ở lại trong anh em.
Nếu điều anh em đã nghe từ lúc khởi đầu
ở lại trong anh em,
thì chính anh em sẽ ở lại
trong Chúa Con và Chúa Cha.
- 25 Và đây là điều mà chính Đức Ki-tô
đã hứa ban cho chúng ta :
sự sống đời đời.
- 26 Tôi viết cho anh em những điều ấy
để nói về những kẻ tìm cách
làm cho anh em đi lạc đường.

Anh em nhận được dầu do tự Đấng Thánh, và đều được ơn hiểu biết (c.20). Thánh Gio-an không chỉ nói đến việc xúc dầu trong bí tích Thánh Tẩy và Thêm Sức. “Ki-tô” quả có nghĩa là “Đấng được xúc dầu tấn phong”, và do đó Người được Thần Khí của Thiên Chúa Cha hiện diện nơi Người. Thánh Gio-an nói thêm : “Trong Giáo Hội, anh em không thể cứ nhận đại bất cứ điều gì một cách thụ động, nhưng phải biết nhận định xem có phải Lời Chúa được truyền đạt cho anh em một cách trung thành hay không.”

Dầu (Thần Khí) của Người dạy dỗ anh em mọi sự (c.27). Khi viết như thế, thánh Gio-an cũng nghĩ đến các ngôn sứ là những vị đã linh hoạt các giáo đoàn : qua những lời được linh hứng của các ngài, Thần Khí dạy dỗ cộng đoàn (x. Cv 14,3 và 1 Tx 5,19-20). Ngày nay cũng thế, Thần Khí gìn giữ chúng ta trong sự thật qua những người linh hoạt và giảng dạy cộng đoàn, nhưng chúng ta đâu được miễn trừ công việc tìm hiểu ý nghĩa của Lời Chúa và nhận định về những gì người khác nói với chúng ta.

- 27 Phần anh em,
 dầu mà anh em đã lãnh nhận từ Đức Ki-tô
 ở lại trong anh em,
 và anh em chẳng cần ai dạy dỗ nữa.
 Nhưng vì dầu của Người dạy dỗ anh em mọi sự
 –mà dầu ấy dạy sự thật chứ không phải sự dối trá–,
 thì theo như dầu ấy đã dạy anh em,
 anh em hãy ở lại trong Người.
- 28 Giờ đây, hỡi anh em là những người con bé nhỏ,
 anh em hãy ở lại trong Người,
 để khi Người xuất hiện,
 chúng ta được mạnh dạn, chứ không bị xấu hổ,
 vì phải xa cách Người trong ngày Người quang lâm.

II. SỐNG XỨNG ĐÁNG LÀ CON CÁI THIÊN CHÚA

- 29 Nếu anh em biết Thiên Chúa là Đấng Công Chính,
 anh em cũng phải biết rằng :
 phàm ai sống công chính
 thì đã được Thiên Chúa sinh ra.

3* ¹ Anh em hãy xem
 Chúa Cha yêu chúng ta dường nào :
 Người yêu đến nỗi
 cho chúng ta được gọi là con Thiên Chúa
 – mà thật sự chúng ta là con Thiên Chúa.

* **3,1** Ở đây bắt đầu phần thứ hai của bức thư : chúng ta là con cái Thiên Chúa và chúng ta phải sống với tư cách đó.

“Làm con cái Thiên Chúa” có thể được hiểu theo nhiều cách. Có thể hiểu theo nghĩa Thiên Chúa đã dựng nên chúng ta và yêu thương chúng ta... Nhưng thánh Gio-an lưu ý chúng ta hai điểm :

– anh em là con cái, để trở nên giống như Thiên Chúa. Vậy đừng tìm kiếm gì khác ngoài mục tiêu trở nên hoàn thiện, bởi Thiên Chúa là Đấng hoàn thiện.

– anh em là con cái, để trở về với Cha mình. Hỡi chúng ta có thật sự nghĩ đến cái cùng đích mà Thiên Chúa nhắm tới khi tuyển chọn chúng ta hay không ? Nhận thức được điều ấy, chúng ta hiểu rằng Thiên Chúa thanh luyện chúng ta bằng muôn ngàn phương cách, vì chỉ như thế chúng ta mới đạt được mục đích của mình.

Sở dĩ thế gian không nhận biết chúng ta,
là vì thế gian đã không biết Người.

- ² Anh em thân mến,
hiện giờ chúng ta là con Thiên Chúa ;
nhưng chúng ta sẽ như thế nào,
điều ấy chưa được bày tỏ.
Chúng ta biết rằng khi Đức Ki-tô xuất hiện,
chúng ta sẽ nên giống như Người,
vì Người thế nào, chúng ta sẽ thấy Người như vậy.

Điều kiện thứ nhất : đoạn tuyệt với tội lỗi

- ³ Phàm ai đặt hy vọng như thế vào Đức Ki-tô
thì làm cho mình nên thanh sạch
như Người là Đấng thanh sạch.
⁴ Phàm ai phạm tội
thì cũng chống lại luật Thiên Chúa,
vì tội lỗi chống lại luật Thiên Chúa.
⁵ Thế mà anh em biết : Đức Giê-su đã xuất hiện
để xoá bỏ tội lỗi, và nơi Người không có tội lỗi.
⁶ Phàm ai ở lại trong Người thì không phạm tội.
Còn ai phạm tội
thì đã không thấy Người, và cũng chẳng biết Người.
* ⁷ Hỡi anh em là những người con bé nhỏ,
đừng để ai làm cho anh em đi lạc đường.

Chúng ta sẽ nên giống như Người (c.2), được chia sẻ trọn vẹn bản tính của Thiên Chúa, và một cách nào đó trở nên Thiên Chúa với Thiên Chúa (x. 1 Cr 13,12). Những ai hiện đang chịu đựng một cuộc sống đau khổ với Chúa Ki-tô sẽ được hiển dung giống như Người (Mc 9 ; Cl 3,4). Bấy giờ, vũ trụ sẽ đạt tới đích của nó, với trung tâm điểm là con cái Thiên Chúa, nói đúng hơn, là Con Người Mới (Rm 8,19).

Phàm ai đã được Thiên Chúa sinh ra thì không phạm tội (c.9). Nói thế có vẻ là phóng đại, nhưng làm con cái Thiên Chúa không phải là một chuyện hữu danh vô thực : chúng ta đã thật sự bắt đầu sống trong sự thật và yêu thương. Chúng ta không còn có thể làm một chuyện mà thực chất là tội được nữa : nhất quyết từ chối yêu thương, từ chối tha thứ, hoặc là từ chối chiến đấu với sự dữ. Nhưng chúng ta cầu xin với Cha : “Xin đừng để chúng con sa chước...”

* 3,7 Tuân giữ điều răn yêu thương là điểm đặc thù của con cái Thiên Chúa.

- Ai sống công chính, kẻ ấy là người công chính, như Đức Giê-su là Đấng Công Chính.
- ⁸ Ai phạm tội, kẻ ấy là người của ma quỷ, vì ma quỷ phạm tội từ lúc khởi đầu. Sở dĩ Con Thiên Chúa xuất hiện, là để phá huỷ công việc của ma quỷ.
- ⁹ Phàm ai đã được Thiên Chúa sinh ra thì không phạm tội, vì mầm sống của Thiên Chúa ở lại trong người ấy, và người ấy không thể phạm tội, vì đã được Thiên Chúa sinh ra.
- ¹⁰ Căn cứ vào điều này mà người ta phân biệt con cái Thiên Chúa với con cái ma quỷ : phàm ai không sống công chính thì không thuộc về Thiên Chúa ; ai không yêu thương anh em mình, thì cũng vậy.

Điều kiện thứ hai : tuân giữ các điều răn, nhất là điều răn bác ái

- ¹¹ Quả thế, đây là lời loan báo anh em đã nghe từ lúc khởi đầu : chúng ta hãy yêu thương nhau ;
- ¹² chúng ta đừng bắt chước Ca-in :

Người ta bao giờ cũng thấy cần phải phân chia thế giới ra làm hai : phe ta và phe kẻ khác, nhóm tốt và nhóm xấu. Thánh Gio-an thì cho chúng ta biết đâu là ranh giới phân chia loài người : nhóm người biết yêu thương và nhóm người không biết yêu thương. Vì có nhiều tín hữu thuộc về cánh những người biết yêu thương, nên họ sẽ bị bách hại. Các đồng bạn, đồng bào của họ sẽ không tha thứ cho họ cái tội không hoàn toàn đứng về phe của mình.

Phàm ai ghét anh em mình, ấy là kẻ sát nhân (c.15). Giết người và tàn sát, tất cả đều phát xuất từ hận thù. Khi chiến tranh đột nhiên tàn phá một đất nước, ấy là vì có nhiều kẻ oán ghét người khác, và có những người khác, còn đông hơn nữa, không chịu hy sinh để giải quyết các khó khăn và căng thẳng.

Thực thi bác ái yêu thương không bao giờ làm cho chúng ta trở thành chua cay, như thường hay xảy ra khi lòng hy sinh không phát xuất từ một tình yêu chân thật. Bởi vì khi sống yêu thương thì chúng ta đi vào thế giới của Thiên Chúa, là nơi không còn có khoảng cách, không còn sợ sệt hay nghi ngờ nhau nữa.

- nó là người của Ác thần, nên đã giết em mình.
 Tại sao nó đã giết em ?
 Bởi vì các việc nó làm thì xấu xa,
 còn các việc em nó làm thì công chính.
- 13 Thưa anh em, anh em đừng ngạc nhiên,
 nếu thế gian ghét anh em.
- 14 Chúng ta biết rằng :
 chúng ta đã từ cõi chết bước vào cõi sống,
 vì chúng ta yêu thương anh em.
 Kẻ không yêu thương, thì ở lại trong sự chết.
- 15 Phàm ai ghét anh em mình, ấy là kẻ sát nhân.
 Và anh em biết : không kẻ sát nhân nào
 có sự sống đời đời ở lại trong nó.
- 16 Căn cứ vào điều này,
 chúng ta biết được tình yêu là gì :
 đó là Đức Ki-tô đã thí mạng vì chúng ta.
 Như vậy, cả chúng ta nữa,
 chúng ta cũng phải thí mạng vì anh em.
- 17 Nếu ai có của cải thế gian
 và thấy anh em mình lâm cảnh túng thiếu,
 mà chẳng động lòng thương,
 thì làm sao tình yêu Thiên Chúa
 ở lại trong người ấy được ?
- 18 Hỡi anh em là những người con bé nhỏ,
 chúng ta đừng yêu thương nơi dầu môi chót lưỡi,
 nhưng phải yêu thương
 cách chân thật và bằng việc làm.
- 19 Căn cứ vào điều đó, chúng ta sẽ biết rằng

Nếu lòng chúng ta có cáo tội chúng ta, Thiên Chúa còn cao cả hơn lòng chúng ta (c.20). Chắc thánh Gio-an muốn nói rằng Thiên Chúa biết chúng ta và xét đoán chúng ta đúng đắn hơn là chúng ta biết mình và xét đoán mình : Người biết và xét đoán với một tình yêu mà chúng ta không có. Chúng ta phải coi chừng những mặc cảm tội lỗi liên quan đến những lỗi lầm mà chúng ta đã ăn năn và có thể đã đền bù : kiểu lo âu này làm chúng ta khép kín thay vì mở lòng ra với Thiên Chúa, Đáng biết phải xử lý thế nào những gì đã bị hư hỏng, sứt mẻ, để rồi từ đó làm lại cái mới.

Tin vào danh Đức Giê-su Ki-tô (c.23) nghĩa là tin vào thần tính của Người.

- chúng ta đứng về phía sự thật,
 và chúng ta sẽ được an lòng trước mặt Thiên Chúa.
- ²⁰ Vì nếu lòng chúng ta có cáo tội chúng ta,
 Thiên Chúa còn cao cả hơn lòng chúng ta,
 và Người biết hết mọi sự.
- ²¹ Anh em thân mến,
 nếu lòng chúng ta không cáo tội chúng ta,
 chúng ta được mạnh dạn đến cùng Thiên Chúa.
- ²² Và bất cứ điều gì chúng ta xin,
 chúng ta được Người ban cho,
 bởi vì chúng ta tuân giữ các điều răn của Người
 và làm những gì đẹp ý Người.
- ²³ Đây là điều răn của Người : chúng ta phải tin
 vào danh Đức Giê-su Ki-tô, Con của Người,
 và phải yêu thương nhau,
 theo điều răn Người đã ban cho chúng ta.
- ²⁴ Ai tuân giữ các điều răn của Thiên Chúa
 thì ở lại trong Thiên Chúa
 và Thiên Chúa ở lại trong người ấy.
 Căn cứ vào điều này, chúng ta biết được
 Thiên Chúa ở lại trong chúng ta,
 đó là nhờ Thần Khí,
 Thần Khí Người đã ban cho chúng ta.

Điều kiện thứ ba : để phòng thế gian và những ngôn sứ giả

- 4** * ¹ Anh em thân mến,
 anh em đừng cứ thần khí nào cũng tin,
 nhưng hãy cân nhắc các thần khí
 xem có phải bởi Thiên Chúa hay không,
 vì đã có nhiều ngôn sứ giả lan tràn khắp thế gian.
- ² Căn cứ vào điều này,
 anh em nhận ra thần khí của Thiên Chúa :
 thần khí nào tuyên xưng Đức Giê-su Ki-tô

* 4.1 Thánh Gio-an đã từng nhấn mạnh vai trò của Thánh Thần, Đấng hướng dẫn ta trong sự thật, nhưng ở đây, ngài khuyên chúng ta cảnh giác đối với các ngôn sứ giả : lời nói của họ không phù hợp với đức tin đã nhận được từ các Tông Đồ trong Giáo Hội.

- là Đấng đã đến và trở nên người phàm,
 thì thần khí ấy bởi Thiên Chúa ;
³ còn thần khí nào không tuyên xưng Đức Giê-su,
 thì không bởi Thiên Chúa ;
 đó là thần khí của tên Phản Ki-tô.
 Anh em đã nghe nói là nó đang tới,
 và hiện nay nó ở trong thế gian rồi.
⁴ Hỡi anh em là những người con bé nhỏ,
 anh em thuộc về Thiên Chúa,
 và anh em đã thắng được các ngôn sứ giả đó,
 vì Đấng ở trong anh em
 mạnh hơn kẻ ở trong thế gian.
⁵ Các ngôn sứ giả đó thuộc về thế gian ;
 vì thế, chúng nói theo thế gian,
 và thế gian nghe chúng.
⁶ Còn chúng ta, chúng ta thuộc về Thiên Chúa.
 Ai biết Thiên Chúa thì nghe chúng ta.
 Ai không thuộc về Thiên Chúa
 thì không nghe chúng ta.
 Chúng ta cứ dựa vào đó mà nhận ra
 thần khí dẫn đến sự thật
 và thần khí làm cho sai lầm.

Vẫn luôn có mâu thuẫn giữa những người có quyền bính và những người nói năng, phê bình phóng khoáng. Dĩ nhiên, không ai được linh hứng mà lại có thể nói ngược với đức tin truyền thống của Giáo Hội. Nhưng nghĩ sao về những phương cách sống và hoạt động trong Giáo Hội ? Chúng ta có buộc phải luôn luôn ủng hộ những người có trách nhiệm không ? Nếu vậy là quên rằng Tin Mừng tạo ra những con người tự do. Chúng ta không thể cứ mù quáng nghe theo ý kiến dù là của giáo hoàng, giám mục hay của số đông, khi lương tâm chúng ta chống lại ý kiến đó, trừ phi điều đó có thể làm hại tình hợp nhất trong Giáo Hội. Chúng ta phải suy nghĩ để có lập trường và đánh giá theo các tiêu chuẩn của Tin Mừng.

Vậy chúng ta có thể ủng hộ những người có vẻ như được Thần Khí hướng dẫn không ? Nếu Thánh Thần thật sự linh hứng họ, thì dù họ có chỉ trích những gì đáng phải chỉ trích, họ sẽ không bao giờ tìm cách chia rẽ Giáo Hội. Cộng đoàn có thể khai trừ họ, nhưng họ sẽ không chịu trách nhiệm về sự tuyệt giao này. Và ngay cả khi bị cộng đoàn địa phương hất hủi, họ vẫn không bao giờ chấp nhận tự tách rời khỏi tình hiệp thông với Giáo Hội toàn cầu. Mà cuối cùng thì, với thời gian, Giáo Hội luôn nhận ra những ai là ngôn sứ chân chính.

III. NGUỒN MẠCH ĐỨC ÁI VÀ ĐỨC TIN

Nguồn mạch đức ái

- * 7 Anh em thân mến, chúng ta hãy yêu thương nhau, vì tình yêu bắt nguồn từ Thiên Chúa.
Phàm ai yêu thương, thì đã được Thiên Chúa sinh ra, và người ấy biết Thiên Chúa.
- 8 Ai không yêu thương, thì không biết Thiên Chúa, vì Thiên Chúa là tình yêu.
- 9 Tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta được biểu lộ như thế này :
Thiên Chúa đã sai Con Một đến thế gian để nhờ Con Một của Người mà chúng ta được sống.
- 10 Tình yêu cốt ở điều này :
không phải chúng ta đã yêu mến Thiên Chúa, nhưng chính Người đã yêu thương chúng ta, và sai Con của Người đến làm của lễ đền tội cho chúng ta.
- 11 Anh em thân mến, nếu Thiên Chúa đã yêu thương chúng ta như thế, chúng ta cũng phải yêu thương nhau.
- 12 Thiên Chúa chưa ai được chiêm ngưỡng bao giờ. Nếu chúng ta yêu thương nhau, thì Thiên Chúa ở lại trong chúng ta,

* 4,7 Ở đây bắt đầu phần thứ ba : Thiên Chúa Tình Yêu là nguồn mạch của tình yêu và đức tin.

Thiên Chúa là tình yêu (cc. 8 và 16). Đó là mặc khải tối cao và đặc trưng của niềm tin Ki-tô giáo. Các tôn giáo khác nói đến một vị Thần tốt lành và từ bi lân ái, nhưng không một tôn giáo nào biết được rằng toàn thể tạo thành mãi luôn khởi sắc nhờ có một tình yêu đầy năng động bắt nguồn từ Thiên Chúa Tình Yêu.

Trong đoạn văn tuyệt vời này, thánh Gio-an nhấn mạnh tương quan bất khả phân ly giữa tình yêu Thiên Chúa và tình yêu đồng loại.

Mọi người chúng ta biết rõ điều ấy, nhưng thánh Gio-an cho ta biết lý do nguyên thủy là *tình yêu bắt nguồn từ Thiên Chúa* (c.7). Nếu chúng ta có khả năng yêu mến Thiên Chúa, ấy là vì *Người đã yêu thương ta* (c.10) ; nếu chúng ta yêu nhau, ấy có nghĩa là nơi chúng ta có tình yêu Thiên Chúa (c.12).

- và tình yêu của Người nơi chúng ta mới nên hoàn hảo.
- 13 Căn cứ vào điều này, chúng ta biết được rằng chúng ta ở lại trong Người và Người ở lại trong chúng ta : đó là Người đã ban Thần Khí của Người cho chúng ta.
- 14 Phần chúng tôi, chúng tôi đã chiêm ngưỡng và làm chứng rằng : Chúa Cha đã sai Con của Người đến làm Đấng cứu độ thế gian.
- 15 Hễ ai tuyên xưng Đức Giê-su là Con Thiên Chúa, thì Thiên Chúa ở lại trong người ấy và người ấy ở lại trong Thiên Chúa.
- 16 Còn chúng ta, chúng ta đã biết tình yêu của Thiên Chúa nơi chúng ta, và đã tin vào tình yêu đó. Thiên Chúa là tình yêu : ai ở lại trong tình yêu thì ở lại trong Thiên Chúa, và Thiên Chúa ở lại trong người ấy.
- 17 Căn cứ vào điều này mà tình yêu đã nên hoàn hảo với chúng ta : đó là chúng ta được mạnh dạn trong ngày phán xét, vì Đức Giê-su thế nào thì chúng ta cũng như vậy ở thế gian này.
- 18 Tình yêu không biết đến sợ hãi ; trái lại, tình yêu hoàn hảo loại trừ sợ hãi,

Thánh Gio-an cũng thấy có liên hệ giữa tình yêu Thiên Chúa và niềm tin vào Thiên Chúa : người Ki-tô hữu đích thực là người trước hết tin tưởng vào tình yêu của Thiên Chúa (c.16). Người đã yêu thương và chọn chúng ta từ thuở đời đời (Ep 1,4) ; Người đã chứng tỏ như thế bằng cách sai Con của Người đến (Rm 5,8). Nếu chúng ta yêu thương thật sự thì không bao giờ dựa vào đó mà cho mình là hơn người, không nghĩ mình có công đức gì trong đó. Chúng ta chỉ lãnh hội được rằng tình yêu Thiên Chúa hoạt động nơi chúng ta thôi.

Điều ấy lý giải cuộc sống của những người vì yêu thương mà hiến mình phục vụ những người bị bỏ rơi, những bệnh nhân, người cao niên, những người không còn hữu ích cho xã hội nữa. Và cũng được lý giải như thế, cuộc sống của những người từ bỏ cách sống thường tình để tận hiến mình cho một tình yêu dành trọn cho Thiên Chúa.

vì sợ hãi gắn liền với hình phạt
và ai sợ hãi thì không đạt tới tình yêu hoàn hảo.

¹⁹ Phần chúng ta, chúng ta hãy yêu thương,
vì Thiên Chúa đã yêu thương chúng ta trước.

²⁰ Nếu ai nói : “Tôi yêu mến Thiên Chúa”
mà lại ghét anh em mình, người ấy là kẻ nói dối ;
vì ai không yêu thương người anh em
mà họ trông thấy,
thì không thể yêu mến Thiên Chúa
mà họ không trông thấy.

²¹ Đây là điều răn
mà chúng ta đã nhận được từ Người :
ai yêu mến Thiên Chúa,
thì cũng yêu thương anh em mình.

5 *¹ Phàm ai tin rằng Đức Giê-su là Đấng Ki-tô,
kẻ ấy đã được Thiên Chúa sinh ra.
Và ai yêu mến Đấng sinh thành,
thì cũng yêu thương kẻ được Đấng ấy sinh ra.

² Căn cứ vào điều này, chúng ta biết được
mình yêu thương con cái Thiên Chúa :
đó là chúng ta yêu mến Thiên Chúa
và thi hành các điều răn của Người.

³ Quả thật, yêu mến Thiên Chúa
là tuân giữ các điều răn của Người.
Mà các điều răn của Người có nặng nề gì đâu,

* 5.1 Thiên Chúa Tình Yêu là Đấng yêu cầu chúng ta tin vào Con của Người, mà đức tin là một chiến thắng. Thánh Gio-an đã viết sách Khải huyền để khích lệ các tín hữu đang bị bách hại : ngài cho họ thấy họ đang chia sẻ cuộc chiến thắng của Chúa Ki-tô chỉ nhờ giữ vững niềm tin vào Người. Ở đây thì thánh Gio-an diễn đạt điều đó một cách khác.

Chiến thắng lớn lao của chúng ta là được thừa hưởng “gia nghiệp của con cái Thiên Chúa”, nghĩa là sự sống vĩnh hằng của Thiên Chúa. Nhưng ai tin vào Chúa Ki-tô thì đã đạt tới sự thật, là Thiên Chúa.

Làm sao chúng ta biết được *mình yêu thương con cái Thiên Chúa* (c.2) ? Thánh Gio-an đã nói ở trên : ai yêu mến Thiên Chúa thì cũng yêu thương anh em mình. Nhưng ở đây, ngài đảo ngược câu nói : người ta nhận ra ai là kẻ yêu thương anh em mình ở chỗ họ yêu mến Thiên Chúa.

- ⁴ vì mọi kẻ đã được Thiên Chúa sinh ra
đều thắng được thế gian.
Và điều làm cho chúng ta thắng được thế gian,
đó là lòng tin của chúng ta.

Nguồn mạch đức tin

- ⁵ Ai là kẻ thắng được thế gian,
nếu không phải là người tin rằng
Đức Giê-su là Con Thiên Chúa ?
⁶ Chính Đức Giê-su Ki-tô là Đấng đã đến,
nhờ nước và máu ;
không phải chỉ trong nước mà thôi,
nhưng trong nước và trong máu.
Chính Thần Khí là chứng nhân,
và Thần Khí là sự thật.
⁷ Có ba chứng nhân :
⁸ Thần Khí, nước và máu.
Cả ba cùng làm chứng một điều.
⁹ Chúng ta vẫn nhận lời chứng của người phàm,
thế mà lời chứng của Thiên Chúa
còn cao trọng hơn,
vì đó là lời chứng của Thiên Chúa,
lời Thiên Chúa đã làm chứng về Con của Người.

Có nhiều thứ được gọi là tình yêu và có thể có ít nhiều tình yêu trong mỗi thứ ấy. Tuy nhiên, tình Thiên Chúa yêu chúng ta và tình yêu Người thông ban cho ta để ta yêu thương người khác không thể lẫn lộn được với những thứ tình yêu khác. Tình yêu phát xuất từ một tình hiệp thông đích thực với Thiên Chúa thì không thể so sánh với thứ tình yêu lãng mạn, hay mù quáng hoặc đầy vụ lợi. Tình yêu ấy hữu hiệu để giúp tha nhân được tự do và giúp chúng ta trở nên giống Chúa Ki-tô.

Cc. 6-9 đưa ra ba khía cạnh của kinh nghiệm Ki-tô giáo, được thể hiện trước tiên nơi bản thân Chúa Ki-tô. Thánh Gio-an dùng ba từ ngữ để cho thấy đặc tính của nó :

- *nước*, là biểu trưng của sự trong sạch và đời sống mới.
- *máu* của hy lễ, của việc đền tội trong đau thương, máu của các vị tử đạo.
- *Thần Khí*, là sức mạnh làm cho các chứng nhân của Chúa Ki-tô có một khí thế bất khuất ; là sức sáng tạo không ngờ của những con người và những tổ chức dựa vào nền tảng đức tin.

- ¹⁰ Ai tin vào Con Thiên Chúa,
 người đó có lời chứng ấy nơi mình.
 Ai không tin Thiên Chúa,
 thì coi Thiên Chúa là kẻ nói dối,
 vì kẻ ấy không tin vào lời Thiên Chúa
 đã làm chứng về Con của Người.
- ¹¹ Lời chứng đó là thế này :
 Thiên Chúa đã ban cho chúng ta sự sống đời đời,
 và sự sống ấy ở trong Con của Người.
- ¹² Ai có Chúa Con thì có sự sống ;
 ai không có Con Thiên Chúa thì không có sự sống.
- * ¹³ Tôi đã viết những điều đó cho anh em
 là những người tin vào danh Con Thiên Chúa,
 để anh em biết rằng anh em có sự sống đời đời.

BỔ TÚC

Câu nguyện cho người tội lỗi

- ¹⁴ Lý do khiến chúng ta được mạnh dạn
 trước mặt Thiên Chúa, đó là :

Ba thực tại trên làm chứng cho Chúa Ki-tô và là đặc tính của ơn cứu độ Ki-tô giáo. Chúng ta dễ dàng nhận thấy nó tương ứng với ba tích Thánh Tẩy, Thánh Thể và Thêm Sức.

* 5,13 Trong phần kết luận, thánh Gio-an lặp lại những gì ngài đã nói dài dài trong cả bức thư : anh em là những người tin, anh em hãy trân trọng những gì mình đã có được. Đừng coi thường bước tiến anh em đã bước khi đón nhận Chúa Ki-tô. Hãy khảo sát và tìm đến những kho báu dành cho anh em, được tàng trữ trong Đấng “đã yêu mến chúng ta” (Kh 1,5).

Tất cả thế gian đều nằm dưới ách thống trị của Ác thần (c.19). X. phần bình giải Ga 3,11 và 1 Ga 2,15.

Không thể đơn giản mà nói rằng thế gian là tốt hoặc xấu. Vậy không nên ngạc nhiên nếu các tác giả Sách Thánh đôi khi nêu ra những khía cạnh tích cực của thế gian, được coi như là công trình của Thiên Chúa và biểu thị những kho tàng phong phú của Người, rồi ở chỗ khác, các ông lại cho thấy thế gian đầy dẫy những thù địch. Tác giả Gio-an ở trong số những tác giả Sách Thánh gán cho Ác thần một ảnh hưởng có tính quyết liệt. Nhưng điều này không mâu thuẫn với những chứng nhân khác đã ghi chép lời Chúa : tác giả Mát-thêu kết thúc kinh Lạy Cha bằng câu “xin cứu chúng con cho khỏi sự dữ” (Mt 6,13).

- Người nhậm lời chúng ta,
khi chúng ta xin điều gì hợp ý Người.
- ¹⁵ Nếu chúng ta biết rằng
Người nhậm mọi lời chúng ta xin,
thì chúng ta cũng biết rằng
chúng ta sẽ được những gì chúng ta đã xin Người.
- ¹⁶ Nếu ai biết anh em mình phạm thứ tội
không đưa đến cái chết, thì hãy cầu xin,
và Thiên Chúa sẽ ban sự sống
cho người anh em ấy ;
đó là nói về những ai
phạm thứ tội không đưa đến cái chết.
Có một thứ tội đưa đến cái chết,
tôi không bảo phải cầu xin cho thứ tội ấy.
- ¹⁷ Mọi điều bất chính đều là tội,
nhưng có một thứ tội không đưa đến cái chết.

Tóm lược bức thư

- ¹⁸ Chúng ta biết rằng
phàm ai đã được Thiên Chúa sinh ra,
người đó không phạm tội ;
nhưng có Đấng Thiên Chúa đã sinh ra
giữ gìn người ấy,
và Ác thần không đụng đến người ấy được.

Đối với chúng ta, ở đây thật sự có một điều bí ẩn. Chúng ta có thể tin như thế nào rằng, trên thế gian này, có sự hiện diện của một thần linh thụ tạo, đối nghịch với Thiên Chúa và làm chủ tạo thành, hay ít ra nắm giữ một phần lớn các chìa khoá của lịch sử loài người chúng ta ? Một số người sẽ nói rằng đó là tàn dư những tín ngưỡng của người thời xưa tin vào những thần thiện thần ác. Phải chăng nên nói rằng nếu ngần ấy tôn giáo đều xác tín có sự hiện diện của những tà thần, thì như vậy các tôn giáo ấy chỉ làm công việc giải nghĩa kinh nghiệm phổ biến nhất của loài người ? Phần Sách Thánh thì đã từ từ đem cái trực giác ấy ra luận bàn lại một cách chừng mực. Và đã đặt nó vào đúng vị trí của nó trong đức tin và kinh nghiệm Ki-tô giáo. Đối với các Tông Đồ và người Ki-tô hữu, thế gian này không phải như người phương Đông quan niệm –là “sắc sắc không không”, chỉ thuần là một ảo ảnh trong đó người ta sẽ không tìm ra những giá trị đích thực–, nhưng thế gian quả là nơi mà cái ác hiện diện và tung hoành : Mt 13,28 ; Ga 15,20 ; Ep 2,2 ; 1 Pr 5,8.

- 19 Chúng ta biết rằng chúng ta thuộc về Thiên Chúa,
còn tất cả thế gian
đều nằm dưới ách thống trị của Ác thần.
- 20 Chúng ta biết rằng Con Thiên Chúa đã đến
và ban cho chúng ta trí khôn
để biết Thiên Chúa thật.
Chúng ta ở trong Thiên Chúa thật,
ở trong Con của Người là Đức Giê-su Ki-tô.
Đức Giê-su Ki-tô là Thiên Chúa thật
và là sự sống đời đời.
- 21 Hỡi anh em là những người con bé nhỏ,
hãy tránh xa các tà thần !

Ác thần biến những gì tốt đẹp nhất thành những thần tượng huỷ hoại, ngay cả trong hàng ngũ người Ki-tô hữu và các vị lãnh đạo của họ là những người thường hay lo xây dựng Hội Thánh theo hình ảnh của chính mình, và thậm chí nơi những bậc đi tìm con đường tu tâm tích đức để nên hoàn thiện nữa : *hãy tránh xa các tà thần !* (c.21).

THƯ 2 CỦA THÁNH GIO-AN

DẪN NHẬP

Bà đã được Thiên Chúa tuyển chọn : đây là cách xưng hô của thánh Gio-an khi gửi lời chào đến cộng đoàn của một thành phố nào đó chúng ta không rõ. Hội Thánh được tuyển chọn và được gọi là thánh, và cũng thế, những người trong Hội Thánh cũng được tuyển chọn và là những người thánh.

Thánh Gio-an kêu mời họ hãy có thái độ dứt khoát hơn đối với những

kẻ không đón nhận đức tin của các Tông Đồ. Ngài cũng nhắc cho họ nhớ luật căn bản của đời sống Ki-tô giáo là luật yêu thương.

Sống trung thành triệt để với sự thật, ấy là yêu mến Chúa Ki-tô, vì chính Người là sự thật. Và cũng phục vụ con người nữa, vì họ cần đến sự thật toàn diện chứ không chỉ cần đến những cái thị hiếu nhất thời mà thôi.

THƯ 2 CỦA THÁNH GIO-AN

Lời chào

¹ Tôi là kỳ mục, kính gửi Bà đã được Thiên Chúa tuyển chọn, và con cái Bà là những người mà tôi thật sự quý mến ; không phải chỉ một mình tôi, mà là tất cả những ai đã biết sự thật cũng đều quý mến, ² bởi vì sự thật ở lại trong chúng ta và sẽ ở với chúng ta mãi mãi. ³ Thiên Chúa là Cha và Đức Giê-su Ki-tô là Con Chúa Cha sẽ cho chúng ta được hưởng ân sủng, lòng thương xót và bình an, trong sự thật và tình thương.

Điều răn yêu thương

⁴ Tôi rất vui mừng vì đã gặp thấy trong số con cái của Bà, những người sống trong sự thật, đúng như điều răn chúng ta đã nhận được từ Chúa Cha. ⁵ Thưa Bà, bây giờ tôi xin Bà điều này –đây không phải là một điều răn mới tôi viết ra, nhưng là điều răn chúng ta đã có từ lúc khởi đầu— đó là : chúng ta phải yêu thương nhau. ⁶ Yêu

thương là sống theo các điều răn của Thiên Chúa. Như anh em đã được nghe từ lúc khởi đầu, điều răn này là : anh em phải sống trong tình thương.

Những kẻ phản Ki-tô

⁷ Vì có nhiều người mê hoặc đã lan tràn khắp thế gian, họ là những kẻ không tuyên xưng Đức Giê-su Ki-tô là Đấng đã đến và trở nên người phạm. Đó là kẻ mê hoặc và là tên Phản Ki-tô. ⁸ Anh em phải coi chừng để khỏi đánh mất những gì anh em đã làm được, nhưng để lãnh đầy đủ phần thưởng. ⁹ Phạm ai đi quá xa, không ở lại trong giáo huấn của Đức Ki-tô, thì không có Thiên Chúa. Còn ai ở lại trong giáo huấn, thì người ấy có Chúa Cha và Chúa Con. ¹⁰ Nếu ai đến với anh em mà không đem theo giáo huấn ấy, anh em đừng đón vào nhà và cũng đừng chào hỏi người ấy. ¹¹ Quả thật, ai chào hỏi là cộng tác vào

những việc xấu xa của người ấy.

Kết luận

¹² Tôi còn có nhiều điều phải viết cho anh em, tôi không muốn dùng giấy mực. Nhưng tôi hy vọng có

thể đến với anh em và nói chuyện trực tiếp, để niềm vui của chúng ta được nên trọn vẹn. ¹³ Các con của người chị em Bà, người chị em đã được Thiên Chúa tuyển chọn, gửi lời kính chào Bà.

THƯ 3 CỦA THÁNH GIO-AN

DẪN NHẬP

Đối với ai quen biết ngài, thì tông đồ Gio-an không phải là “thánh Gio-an” mà là một con người như mọi người. Đối với nhân vật, là người mà thánh nhân đã trao trách nhiệm coi sóc cộng đoàn của mình, thì ngài là một cụ già khó tính. Và để củng cố thêm quyền hành của mình trên Hội Thánh này, ông Đi-ốt-rê-phét đã cắt đứt mọi quan hệ.

Trong ba lá thư cũng như trong sách Tin Mừng của ngài, thánh Gio-an nói

về tình hiệp thông là điều nhất thiết phải có giữa các Ki-tô hữu với nhau. Mỗi Hội Thánh cũng như mỗi một nhóm đều phải có thái độ cởi mở đối với các Hội Thánh và các nhóm khác, và giữ liên lạc với nhau. Cũng như thánh Phao-lô, thánh Gio-an nhấn mạnh ý nghĩa của lòng hiếu khách : đón tiếp các Ki-tô hữu từ nơi khác đến, nhằm củng cố mối dây liên kết là đức tin chung của mọi người.

THƯ 3 CỦA THÁNH GIO-AN

Lời chào

¹ Tôi là kỳ mục, gửi anh Gai-ô thân mến, người mà tôi thật sự quý mến. ² Anh thân mến, tôi cầu chúc anh được mọi bề thịnh đạt : thể xác mạnh khoẻ và tinh thần phấn chấn.

Ca tụng ông Gai-ô

³ Quả thật, tôi rất vui mừng bởi có những anh em đến đây và làm chứng là anh gắn bó với sự thật, như anh vẫn sống trong sự thật. ⁴ Không có gì làm tôi vui sướng bằng khi nghe biết con cái tôi sống sự thật.

⁵ Anh thân mến, anh hành động theo đức tin trong mọi việc anh làm cho các người anh em, dù họ là những người xa lạ. ⁶ Họ đã làm chứng về đức bác ái của anh trước mặt Hội Thánh. Anh sẽ làm một việc nghĩa, nếu anh giúp đỡ cho chuyến đi của họ cách xứng đáng trước mặt Thiên Chúa. ⁷ Quả thật, chính vì danh Chúa, họ đã ra đi mà không

nhận gì của người ngoại.

⁸ Vậy, chúng ta phải tiếp đón những con người như thế, để cộng tác vào việc truyền bá sự thật.

Hành vi của ông Đi-ốt-rê-phét

⁹ Tôi viết đôi lời cho Hội Thánh, nhưng Đi-ốt-rê-phét, một con người thích ăn trên ngòai trước, không chịu nhận quyền của chúng tôi. ¹⁰ Vì thế, nếu tôi đến, tôi sẽ nhắc lại cho anh ta những việc anh ta đã làm : anh ta cứ rêu rao những lời độc địa chống chúng tôi. Chưa lấy thế làm đủ, anh ta còn không tiếp đón các người anh em, và ai muốn tiếp đón thì anh ta ngăn cản và trục xuất khỏi Hội Thánh.

¹¹ Anh thân mến, anh đừng bắt chước làm điều dữ, nhưng hãy bắt chước làm điều lành. Ai làm điều lành thì thuộc về Thiên Chúa ; kẻ làm điều dữ thì đã không thấy Thiên Chúa.

Làm chứng cho ông Đê-mết-ri-ô

¹² Mọi người đều làm chứng tốt cho anh Đê-mết-ri-ô, và chính sự thật cũng làm chứng như vậy. Cả chúng tôi nữa, chúng tôi cũng làm chứng cho anh ấy, và anh biết rằng lời chứng của chúng tôi là xác thực.

Lời kết thúc

¹³ Tôi còn có nhiều điều đáng lẽ phải viết cho anh, nhưng tôi không muốn dùng bút mực mà viết cho anh. ¹⁴ Tôi hy vọng sắp được gặp anh, và chúng ta sẽ nói chuyện trực tiếp. ¹⁵ Chúc anh được bình an ! Các bạn hữu gửi lời chào anh. Cho tôi gửi lời chào các bạn hữu, đích danh từng người một.

THƯ CỦA THÁNH GIU-ĐA

Lời mở đầu

* ¹ Tôi là Giu-đa, tôi tớ của Đức Giê-su Ki-tô, anh em với ông Gia-cô-bê, xin gửi lời thăm những người được kêu gọi, được Thiên Chúa là Cha yêu mến, và được dành riêng cho Đức Giê-su Ki-tô. ² Chúc anh em được đầy tràn lòng thương xót, sự bình an và tình thương.

Lý do viết thư

³ Anh em thân mến, tôi vẫn ước mong viết thư cho anh em về ơn cứu độ chung của chúng ta, thì nay lại bó buộc phải viết cho anh em, để khuyên nhủ anh em chiến đấu cho đức tin đã được truyền lại cho dân

thánh chỉ một lần là đủ.

⁴ Thật vậy, có những người đã len lỏi vào, những người từ lâu đã bị ghi trước vào danh sách những kẻ bị lên án, những kẻ vô luân này đã biến ân sủng của Thiên Chúa chúng ta thành lý do biện minh cho lối sống dâm ô, họ chối bỏ Chúa chúng ta là Đức Giê-su Ki-tô, vị Chúa Tể duy nhất.

Các thầy dạy giả hiệu. Hình phạt dành cho họ.

⁵ Cho dù anh em đã biết mọi sự chỉ một lần là đủ, tôi cũng muốn nhắc cho anh em nhớ lại rằng : Chúa đã cứu dân ra khỏi đất Ai-cập, sau đó lại tiêu diệt những kẻ không chịu

* Chúa Thánh Thần có lẽ đã muốn để lại thư thánh Giu-đa cho chúng ta, nhằm giúp chúng ta thêm khâm phục các sách Tin Mừng và các tác phẩm khác của các Tông Đồ. Phải hiểu biết về văn học thời đó mới nhận thấy các tác phẩm tôn giáo thời bấy giờ, của người Do-thái cũng như người ngoại là phức tạp không thể tưởng tượng. So với những tác phẩm đó, các sách Tin Mừng và các thư thánh Phao-lô có vẻ như thuộc thời đại chúng ta.

Mặc dù được coi là của tông đồ Giu-đa Ta-đê-ô, nhưng thư này chắc chắn đã được viết vào cuối tk I. Bức thư tố cáo các thầy dạy giả hiệu : họ chẳng khác gì những kẻ mà thánh Phao-lô nhắc tới trong các thư gửi ông Ti-mô-thê và ông Ti-tô.

tin. ⁶ Những thiên thần đã không giữ địa vị của mình, nhưng rời bỏ nơi mình ở, thì Người dùng xiềng xích mà giam giữ họ đời đời trong nơi tối tăm, để chờ phán xét trong Ngày lớn lao. ⁷ Còn Xơ-đôm, Gô-mô-ra và các thành lân cận làm chuyện gian dâm như họ và chạy theo những thú vui xác thịt trái tự nhiên, thì đã phải chịu lửa đời đời làm hình phạt để nêu gương.

Họ nói lộng ngôn

⁸ Cả những người mê sảng kia cũng vậy, họ làm cho thân xác ra ô ướ, khinh dể chủ quyền của Chúa, nói phạm đến các Bậc uy linh. ⁹ Khi bàn cãi và tranh luận với quỷ về thi hài ông Mô-sê, ngay cả tổng lãnh thiên thần Mi-ca-en cũng không dám đưa ra một phán quyết nào

phạm đến nó, mà chỉ nói : *Xin Chúa trừng phạt người !*

¹⁰ Nhưng họ, họ lại nói phạm đến những điều họ không biết ; còn những điều họ biết được một cách tự nhiên như loài vật vô tri, thì chỉ làm cho họ phải tiêu diệt.

Họ là những kẻ gian tà

¹¹ Khốn cho họ, bởi họ đi vào con đường của Ca-in ; vì chút tiền công, họ đã ngã theo sự lầm lạc của Bi-lơ-am, và bị diệt vong vì làm loạn như Cô-rắc.

¹² Họ làm cho những bữa tiệc thân ái của anh em ra nhơ nhuốc ; họ chèn chén mà không biết xấu hổ, họ chỉ lo cho chính mình. Họ là mây không có nước, cuốn theo chiều gió. Họ là cây cuối mùa thu, không trái, chết hai lần, bị nhổ tận rễ. ¹³ Họ là sóng biển hung dữ, tung bọt là những

Tuy nhiên, các nhận xét và ví dụ trong thư lại lấy từ các sách Do-thái thời đó. Bấy giờ Hội Thánh chưa xác định những sách nào được Thiên Chúa linh hứng và phải được coi là thuộc bộ Kinh Thánh. Ngoài Cựu Ước ra, các Ki-tô hữu thời đó còn dùng các sách tôn giáo của người Do-thái nữa (như sách Kha-nóc, Di chúc của mười hai tổ phụ, ông Mô-sê lên trời). Do đó chúng ta hiểu tại sao có nhiều truyền thuyết trong thư này.

Dưới một hình thức xem ra hơi xưa, thư này mạnh mẽ kêu gọi gìn giữ đức tin của các Tông Đồ, là điều làm Hội Thánh thời đó rất ưu tư. Một ít năm sau có người đã phỏng theo một phần thư này mà biên soạn thư thứ hai của thánh Phê-rô.

hành vi bỉ ổi của họ. Họ là những vì sao lạc, u ám tối tăm là nơi dành cho họ đến muôn đời. ¹⁴ Ông Khanóc, tổ phụ thứ bảy sau ông A-đam đã tuyên sấm về họ rằng : *Này Chúa đến giữa muôn vàn thần thánh của Người,* ¹⁵ *để xét xử mọi người, và kết án mọi kẻ vô luân về tất cả các việc vô luân của họ, về tất cả những lời hỗn xược quân tội lỗi vô luân đã nói phạm đến Người.* ¹⁶ Họ là những người hay lăm bắm, phàn nàn, đi theo các dục vọng của mình, miệng nói lời huênh hoang, tâng bốc người ta để trục lợi.

Lời khuyên nhủ các tín hữu. Giáo huấn của các Tông Đồ.

¹⁷ Anh em thân mến, phần anh em hãy nhớ lại những lời các Tông Đồ của Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, đã nói trước kia. ¹⁸ Các ngài đã nói với anh em : “Vào thời cuối cùng sẽ có những kẻ nhạo báng, sống theo những dục vọng vô luân của mình.” ¹⁹ Họ là những kẻ gây chia rẽ, sống theo tính tự nhiên, không có Thần Khí.

Nhiệm vụ của đức bác ái

²⁰ Nhưng anh em, hãy xây dựng đời mình trên nền tảng đức tin rất thánh của anh em, hãy cầu nguyện nhờ Thánh Thần, ²¹ hãy cố gắng sống mãi trong tình thương của Thiên Chúa, hãy chờ đợi lòng thương xót của Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, để được sống đời đời. ²² Những người do dự thì anh em phải thương xót ; ²³ hãy lo cứu họ, kéo họ ra khỏi lửa thiêu. Còn những người khác, thì anh em phải vừa thương xót, vừa sợ hãi, gớm ghê ngay cả chiếc áo đã bị thân xác họ làm cho ra ô uế.

Vinh tụng ca

²⁴ Xin kính dâng Đấng có quyền phép gìn giữ anh em khỏi sa ngã và cho anh em đứng vững, tinh tuyền, trước vinh quang của Người, trong niềm hoan lạc, ²⁵ xin kính dâng Thiên Chúa duy nhất, Đấng cứu độ chúng ta, nhờ Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, kính dâng Người vinh quang, oai phong, sức mạnh và quyền năng, trước mọi thời, bây giờ và cho đến muôn đời ! A-men.

SÁCH KHẢI HUYỀN

DẪN NHẬP

Tác giả Tin Mừng Gio-an, em của thánh Gia-cô-bê tử đạo (Cv 12), đã vì đức tin mà bị lưu đày qua đảo Pát-mô. Chính từ nơi đây, ngài đã gửi cho chúng ta cuốn sách “Khải huyền” hay “Mặc khải” này. Cảnh trời mở ra, những thiên thần và tai ương, cảnh sa đoạ của đám người phi nộn và máu các tử đạo : một cuộc phán xét của Thiên Chúa xuyên suốt dòng lịch sử của chúng ta. Vinh quang của Thiên Chúa đang ở gần kề, một bức màn ngăn cách giữa chúng ta với vinh quang ấy, và mọi sự kết thúc trong thành đô thiên quốc.

Tại sao sách Khải huyền lại bị tiếng là một cuốn sách huyền bí, khó hiểu, và tại sao nó làm cho bao nhiêu người khiếp sợ như thế ? Có phải tại vì người ta đi tìm trong đó những thông điệp mật có thể áp

dụng cho các biến cố đương thời hay không ?

Để tránh hiểu sai các hình ảnh và văn phong sách Khải huyền của thánh Gio-an, trước hết chúng ta phải biết rằng, vào thời Chúa Giê-su, loại “mặc khải” hay “khải huyền” là một thể loại văn chương có tính thời thượng rất cao. Đã từng có cuốn Khải huyền của I-sai-a, của Mô-sê, và của nhiều người khác nữa. Đó là thuật viết văn với những hình ảnh hoành tráng, với những thị kiến, những thiên thần, để phác hoạ những biến cố cùng thời với tác giả. Người viết làm như cuốn sách là tác phẩm của một ngôn sứ lừng danh nào đó trong quá khứ, nhưng ông chỉ kể lại những biến cố mà mọi người đều biết, cố tìm cách rút ra từ đó những kết luận và nói lên những ý định của Thiên Chúa.

Khi viết “mặc khải của Đức Giê-su Ki-tô”, tác giả Gio-an diễn tả điều mà Chúa đã dạy cho ngài qua nhiều cách thức, vì ngài được ban những năng khiếu của một ngôn sứ, nhưng ngài cũng mượn lại những định thức thông dụng trong thể văn khải huyền. Khi nói đến các biến cố đương đại, ngài đặt nó vào những thị kiến và hình ảnh kỳ vĩ ngài đã được thấy. Ngài cũng làm như vậy khi muốn cho chúng ta hiểu lịch sử sẽ như thế nào trong tương lai. Thánh Gio-an không có tham vọng tường thuật các biến cố vị lai (Chúa không cho ngài một bản tóm lược những biến cố đó), nhưng nói cho chúng ta biết những cái mất cái còn trong đó, và những ai sẽ là tác nhân đích thực.

Chúng ta sẽ hiểu đúng sách Khải huyền này hơn nếu chúng ta giải nghĩa các thị kiến, các con số và biểu tượng theo các quy tắc của văn chương khải

huyền. Như thế chúng ta sẽ thấy “mặc khải của Đức Giê-su Ki-tô” không khó hiểu cũng không hãi hùng, nhưng tràn đầy niềm vui và hy vọng. Chúa Ki-tô Phục Sinh là trung tâm của lịch sử : thế gian là nơi diễn ra cuộc chiến giữa Hội Thánh, mà Chúa Ki-tô là đầu, với quyền lực của Xa-tan ; đối mặt cơn bách hại, người Ki-tô hữu được mời gọi làm chứng cho Chúa Ki-tô.

Trong cuốn sách này, chúng ta thấy có bảy loạt dấu chỉ, mỗi loạt có bảy yếu tố : những thông điệp, những án, những kèn. Có lẽ quan trọng hơn hết là lưu ý đến bốn phần chính :

– Bảy thông điệp gửi cho bảy Hội Thánh : ch. 1 – 3.

– Ôn lại Cựu Ước : ch. 4 – 9.

– Hội Thánh đối đầu với đế quốc : ch. 12 – 16.

– Những ngày thế mạt và Giê-ru-sa-lem trên trời : ch. 20 – 22.

SÁCH KHẢI HUYỀN

Lời tựa

1 * ¹ Mặc khải của Đức Giê-su Ki-tô, mặc khải mà Thiên Chúa đã ban cho Người, để Người tỏ cho các tôi tớ Người biết những việc sắp phải xảy đến. Người đã sai thiên thần của Người đến báo cho ông Gio-an là tôi tớ của Người biết mặc khải đó. ² Ông

Gio-an đã làm chứng về lời của Thiên Chúa và về lời chứng của Đức Giê-su Ki-tô, về những gì ông đã thấy. ³ Phúc thay người đọc, phúc thay những ai nghe những sấm ngôn đó và tuân giữ các điều chép trong đó, vì thời giờ đã gần đến !

I. THƯ GỬI CÁC HỘI THÁNH A-XI-A

Lời mở đầu

* ⁴ Tôi là Gio-an kính gửi bảy Hội Thánh A-xi-a. Xin Đấng hiện có, đã có và đang đến, xin bảy thần

khí hiện diện trước ngai của Người, ⁵ xin Đức Giê-su Ki-tô là vị Chứng Nhân trung thành, là Trưởng Tử trong số những người từ

* 1,1 *Thời giờ đã gần đến !* (c.3) : tất cả những gì được viết tiếp theo sau là được viết trước hết cho các độc giả đầu tiên của thánh Gio-an. Vậy chúng ta đừng mong tìm ở đây một bài tường thuật các biến cố thời nay.

* 1,4 Thánh Gio-an gửi lời chào độc giả và chúc họ được Chúa Cha ban ơn bình an. Ngài nêu danh thánh Ba Ngôi Thiên Chúa, nhưng dành tất cả lời ngợi khen cho Chúa Ki-tô. Ấy là vì niềm tin vào Chúa Ki-tô, vị Thiên Chúa đã gia nhập gia đình nhân loại, là điều mới mẻ trong thông điệp Ki-tô giáo và là nguyên lý làm nên sức mạnh của Hội Thánh.

Bảy thần khí là cụm từ nói lên sự viên mãn của Thần Khí Thiên Chúa, vừa là độc nhất vừa là thiên hình vạn trạng.

Đấng hiện có, đã có và đang đến, một cách nhắc lại danh xưng mà Thiên Chúa đã mặc khải cho ông Mô-sê : “Ta là Đấng Hiện Hữu” (Xh 3,14). Thiên Chúa hằng sống là một Thiên Chúa đang đến.

cõi chết trôi dạt, là Thủ Lãnh mọi vương đế trần gian, ban cho anh em ân sủng và bình an. Người đã yêu mến chúng ta và lấy máu mình rửa sạch tội lỗi chúng ta, ⁶ làm cho chúng ta trở thành vương quốc và hàng tư tế để phụng sự Thiên Chúa là Cha của Người : kính dâng Người vinh quang và uy quyền đến muôn thuở muôn đời. A-men ! ⁷ Kìa, Người ngự đến giữa đám mây. Ai nầy sẽ thấy Người, cả những kẻ đã đâm Người. Mọi dân trên mặt đất sẽ đắm ngực than khóc khi thấy Người. Đúng thế ! A-men !

⁸ Đức Chúa là Thiên Chúa phán : “Ta là An-pha và O-mê-ga, là Đấng hiện

có, đã có và đang đến, là Đấng Toàn Năng.”

Thị kiến mở đầu

* ⁹ Tôi là Gio-an, một người anh em của anh em, tôi cùng chia sẻ nỗi gian truân, cùng hưởng vương quốc và cùng kiên trì chịu đựng với anh em trong Đức Giê-su. Lúc ấy, tôi đang ở đảo gọi là Pát-mô, vì đã rao giảng Lời Thiên Chúa và lời chứng của Đức Giê-su. ¹⁰ Tôi đã xuất thân vào ngày của Chúa và nghe đằng sau tôi có một tiếng lớn như thể tiếng kèn ¹¹ nói rằng : “Điều người thấy, hãy ghi vào sách và gửi cho bảy Hội Thánh : Ê-phê-xô, Xi-miéc-na, Péc-ga-mô, Thy-a-ti-ra, Xác-đê, Phi-la-đen-phi-a và

Sau đó, Chúa Ki-tô được giới thiệu như là Đấng Mê-si-a và vị Thẩm Phán mà người Do-thái chờ mong. *Người ngự đến giữa đám mây* (c.7). Trước toà án xét xử Người, Chúa Giê-su đã nhắc nhớ lời này trong sách ngôn sứ Đa-ni-en (7,13).

Mọi dân trên mặt đất sẽ đắm ngực. Xem lời tiên báo về Đấng Mê-si-a bị sát hại, “Đấng chúng đã đâm thấu” trong Da-ca-ri-a 12,10.

An-pha và O-mê-ga, nghĩa là đầu và cuối, ý rằng Thiên Chúa là căn nguyên mọi loài và là cùng đích mọi loài.

Sách Khải huyền được viết cho những Ki-tô hữu đang bắt đầu chịu khổ vì đức tin, và biểu dương Chúa Ki-tô như là tấm gương để họ noi theo, như là chứng nhân của Thiên Chúa, của Chúa Cha. Đừng quên rằng từ Hy-lạp “người tử đạo” có nghĩa là “người làm chứng”.

* ^{1,9} *Pát-mô* là một hải đảo, nơi thánh Gio-an bị lưu đày. Đó là khoảng năm 95. *Ngày của Chúa* (c.10) : ngày thánh của người Ki-tô hữu, ngày Chúa phục sinh, sau ngày sa-bát của người Do-thái.

Lao-đi-ki-a.”¹² Tôi quay lại để xem tiếng ai nói với tôi. Khi quay lại, tôi thấy bảy cây đèn vàng.¹³ Ở giữa các cây đèn, có ai giống như Con Người mình mặc áo chùng và ngang ngực có thắt đai bằng vàng.¹⁴ Đầu Người tóc trắng như len trắng, như tuyết ; mắt Người như ngọn lửa hồng ;¹⁵ chân Người giống như đồng đỏ được tôi luyện trong lò ; và tiếng Người như tiếng nước lũ.¹⁶ Tay hữu Người cầm bảy ngôi sao và từ miệng Người phóng ra một

thanh gươm hai lưỡi sắc bén. Mặt Người toả sáng như mặt trời chói lọi.

¹⁷ Lúc thấy Người, tôi ngã vật xuống dưới chân Người, như chết vậy. Người đặt tay hữu lên tôi và nói : “Đừng sợ ! Ta là Đầu và là Cuối.¹⁸ Ta là Đấng Hằng Sống, Ta đã chết, và nay Ta sống đến muôn thuở muôn đời ; Ta giữ chìa khoá của Tử thần và Âm phủ.¹⁹ Vậy người hãy viết những gì đã thấy, những gì đang diễn ra và những gì sẽ xảy ra

Có ai giống như Con Người (c.13). Chúa Ki-tô xuất hiện, trang phục như một tư tế, *thắt đai bằng vàng* như một quân vương. *Tóc trắng* của Người biểu trưng vinh cửu. *Chân Người giống như đồng* có nghĩa là không ai sẽ đánh bại được Người. Chúa Ki-tô hiển hiện giống y như Đa-ni-en đã mô tả Thiên Chúa, Đấng phán xét muôn loài muôn vật (Đn 7,9-13).

Ta là Đầu và là Cuối (c.17) : đây là chính những gì Sách Thánh đã nói về Thiên Chúa (x. Is 44,6 và 12).

Chủ từ nói lên thông điệp không phải là một người của quá khứ, mà là Chúa, Đấng nắm trong tay vận mạng các Hội Thánh. *Thanh gươm hai lưỡi (c.16) phóng ra từ miệng Người* là lời Thiên Chúa xuyên thấu tâm can con người (Dt 4,12) và luôn luôn được thể hiện qua các biến cố. Lời ấy cứu sống và cũng làm cho chết.

Số Hội Thánh ở A-xi-a nhiều hơn là bảy. Nhưng ý nghĩa con số 7 là sự viên mãn : bảy Hội Thánh đó đại diện cho tất cả các cộng đoàn Ki-tô hữu. Số 7 là con số hoàn hảo, và đó là lý do tại sao sách Khải huyền nhắc đến 7 lần danh hiệu Ki-tô, 14 lần danh hiệu Giê-su, và 28 lần danh xưng Con Chiên (tức là Chúa Ki-tô). Có 7 lời tiên tri về chiến thắng của Chúa Ki-tô cùng với dân Người, và 7 mối phúc như các mối phúc trong Tin Mừng : “Phúc thay những ai...”

Các *ngôi sao* và *cây đèn* có lẽ là biểu tượng của cộng đoàn với các vị phụ trách cộng đoàn. Về *các thiên thần*, xin đừng quên là trong thể loại Khải huyền, toàn bộ tiến trình sự việc diễn ra ở trên trời, ở đó mỗi tập thể được một thiên thần làm biểu tượng.

sau này. ²⁰ Đây là ý nghĩa mầu nhiệm của bảy ngôi sao người đã thấy trên tay hữu Ta, và của bảy cây đèn vàng : bảy ngôi sao là các thiên thần của bảy Hội Thánh, và bảy cây đèn là bảy Hội Thánh.

I. Ê-phê-xô

2 * ¹ Hãy viết cho thiên thần của Hội Thánh Ê-phê-xô : Đây là lời của Đấng cầm trong tay hữu bảy vì sao, Đấng đi giữa bảy cây đèn vàng : * ² Ta biết các việc người làm, nổi vất vả và lòng kiên

nhẫn của người ; Ta biết người không thể chịu đựng kẻ ác. Người đã thử thách những kẻ xưng mình là tông đồ, mà thật ra không phải, và người đã thấy rằng chúng là những kẻ nói dối. ³ Người có lòng kiên nhẫn và đã chịu khổ vì danh Ta mà không mệt mỏi. ⁴ Nhưng Ta trách người điều này : người đã để mất tình yêu thuở ban đầu. ⁵ Vậy hãy nhớ lại xem người đã từ đâu rơi xuống, hãy hối cải và làm những việc người đã làm thuở ban đầu.

* 2,1 Bảy thông điệp tiếp theo sau đều bắt đầu bằng *Ta biết*. Chúa Ki-tô thấy, biết và yêu thương Hội Thánh Người. Người làm nổi bật các điểm tích cực rồi sau đó mới quở trách. Các thông điệp ấy cho chúng ta biết những khó khăn mà các Hội Thánh A-xi-a đang đối mặt :

– Một mặt, có sự hiểm thù từ phía người Do-thái cũng như từ phía dân ngoại : đây là một thử thách cho lòng kiên trì của các tín hữu.

– Mặt khác, có bè phái Ni-cô-la, là những Ki-tô hữu sợ bị mất liên hệ với môi trường của mình, nên tham gia các bữa tiệc cúng trong các đền thờ ngoại giáo và ăn thịt đã cúng cho các ngẫu tượng : đây là một mối đe dọa cho đức tin (x. 1 Cr 8 và 10).

– Cuối cùng là thử thách của thời gian : tình yêu dần dà nguội đi.

* 2,2 Hội Thánh Ê-phê-xô được nêu lên trước tiên vì là Hội Thánh mẹ. Thánh Phao-lô đã từng giảng đạo ở đó hai năm (Cv 19,8). Sau đó, thánh Gio-an đến sống ở đó, và như thế mở rộng quyền hạn của ngài trên các Hội Thánh ở A-xi-a.

Người đã để mất tình yêu thuở ban đầu. Có nhiều tiểu tiết, tuy khó tả, nhưng cũng cho chúng ta đoán biết lòng nhiệt thành của một cộng đoàn, hay ngược lại, cho thấy lòng yêu mến Chúa, nồng nhiệt và thủy chung của họ không còn nữa !

Ta sẽ đem cây đèn của người ra khỏi chỗ của nó : có thể ở đây nói về việc sắp thay đổi người lãnh đạo .

Cây sự sống : x. “cây trường sinh” ở St 2,9.

Bằng không, Ta đến với ngươi, và Ta sẽ đem cây đèn của ngươi ra khỏi chỗ của nó, nếu ngươi không hối cải. ⁶ Nhưng ngươi được điều này : ngươi ghét các việc của bè Ni-cô-la, như chính Ta cũng ghét. ⁷ Ai có tai, thì hãy nghe điều Thần Khí nói với các Hội Thánh : Ai thắng, Ta sẽ cho ăn quả cây sự sống trồng nơi ngự uyển của Thiên Chúa.

II. Xi-miéc-na

* ⁸ Hãy viết cho thiên thần của Hội Thánh Xi-miéc-na : Đây là lời của Đấng là Đầu và là Cuối, Đấng đã chết và đã sống lại : ⁹ Ta biết nỗi gian truân, và cảnh nghèo khó của ngươi –nhưng thật ra ngươi giàu có– cũng như Ta biết lời vu khống của

những kẻ xưng mình là Do-thái, mà thật ra không phải : chúng chỉ là thành viên thuộc hội đường của Xa-tan. ¹⁰ Đừng sợ các nỗi đau khổ ngươi sắp phải chịu : này ma quỷ sắp tống một số người trong các ngươi vào ngục để thử thách các ngươi ; các ngươi sẽ phải lâm cảnh gian truân trong vòng mười ngày. Hãy trung thành cho đến chết, và Ta sẽ ban cho ngươi triều thiên sự sống. ¹¹ Ai có tai, thì hãy nghe điều Thần Khí nói với các Hội Thánh : Ai thắng sẽ không hề bị cái chết thứ hai làm hại.

III. Péc-ga-mô

* ¹² Hãy viết cho thiên thần của Hội Thánh Péc-ga-mô : Đây là lời của Đấng mang thanh gươm

* 2,8 Hội Thánh Xi-miéc-na có vẻ không đáng kể trong thành phố thịnh vượng này. Nhưng lại có giá trị, *giàu có* dưới mắt Thiên Chúa, Đấng sẽ thử thách họ để họ có thể sinh nhiều hoa trái hơn nữa.

Gian truân trong vòng mười ngày. Con số 10 biểu trưng thời kỳ mà sự ác thắng thế. Ở đây nó thông báo một thời kỳ thử thách ngắn hạn.

Cái chết thứ hai (x. Kh 20,14) nói lên án phạt đời đời, ngăn cách linh hồn không phải với thân xác mà là với Thiên Chúa.

Những kẻ xưng mình là Do-thái (c.9) bởi vì họ có đức tin và thuộc dân thánh. Nhưng người Ki-tô hữu mới là người Do-thái đích thực, bởi là hậu duệ chính tông của Áp-ra-ham. Ai chống lại Hội Thánh thì hội đường của họ trở thành *hội đường của Xa-tan*.

* 2,12 Péc-ga-mô có đặc quyền làm một trung tâm thờ phượng quan trọng của người ngoại giáo : đó là *ngai của Xa-tan*.

hai lưỡi sắc bén : ¹³ Ta biết người ở đâu : ở nơi đặt ngai của Xa-tan. Nhưng người gắn bó với danh Ta và không chối bỏ lòng tin vào Ta, ngay cả trong thời An-ti-pa. Ông này là chứng nhân trung thành của Ta, ông đã bị giết trong thành của các người, nơi Xa-tan ở. ¹⁴ Nhưng Ta có ít điều trách người : ở đó người có những kẻ nắm giữ đạo lý của Bi-lơ-am. Ông này đã dạy Ba-lác gây cơ vấp ngã cho con cái Ít-ra-en, khiến chúng ăn đồ cúng và làm chuyện gian dâm. ¹⁵ Cả người nữa, người cũng có những kẻ nắm giữ đạo lý

bè Ni-cô-la. ¹⁶ Vậy hãy hối cải ; bằng không, Ta đến với người ngay tức khắc và sẽ dùng lưỡi gươm từ miệng Ta mà giao chiến với chúng. ¹⁷ Ai có tai, thì hãy nghe điều Thần Khí nói với các Hội Thánh : Ai thắng, Ta sẽ ban cho man-na đã được giấu kỹ ; Ta cũng sẽ ban cho nó một viên sỏi trắng, trên sỏi đó có khắc một tên mới ; chẳng ai biết được tên ấy, ngoài kẻ lãnh nhận.

IV. Thy-a-ti-ra

* ¹⁸ Hãy viết cho thiên thần của Hội Thánh Thy-a-ti-ra : Đây là lời của Con Thiên Chúa, Đấng có mắt

Người gắn bó với danh Ta. Danh của Đức Ki-tô là “Chúa”. Đó là thời kỳ mà các hoàng đế quyết định xưng mình là “chúa”, và do đó buộc người Ki-tô hữu phải chọn lựa giữa hai đảng : giữ lòng trung tín với Chúa Ki-tô hay là tôn hoàng đế làm chúa, như luật buộc mọi người phải tuân theo, không thì sẽ phải chịu cực hình.

Hội Thánh Péc-ga-mô được vinh dự có vị tử đạo tiên khởi trong tỉnh A-xi-a, là ông An-ti-pa được nhắc đến ở đây. Lòng dũng cảm tuyên xưng đức tin của ông đã không ngăn chặn được một trào lưu ngoại giáo xâm nhập vào Hội Thánh do bè phái Ni-cô-la đã nói ở trên : họ tham dự vào các lễ hội ngoại giáo và quay về với lối sống buông tuồng của dân ngoại, nên họ là một mối đe dọa cho Hội Thánh.

Ta đến với người ngay tức khắc và sẽ giao chiến với chúng. Trong Hội Thánh sơ khai, người ta không ngừng mục kích sự can thiệp của Chúa Thánh Thần. Các ngôn sứ lên tiếng, chỉ ra thủ phạm và không bao lâu thì các tai họa xảy đến.

Viên sỏi trắng là dấu hiệu hạnh phúc. *Tên mới* (x. Is 65,15) có nghĩa là người Ki-tô hữu được đổi mới ở chiều sâu tâm hồn : nơi họ, một nhân cách mới nảy nở và sẽ hiện rõ ra ở trên trời. *Man-na đã được giấu kỹ* (c.17) : Chúa Ki-tô là sức mạnh và nguồn mạch sự sống (Ga 6,48) cho những ai trung tín với Người.

như ngọn lửa hồng và chân giống như đồng đỏ :
¹⁹ Ta biết các việc người làm, biết đức ái, đức tin, công việc phục vụ và lòng kiên nhẫn của người ; Ta cũng biết rằng những việc của người bây giờ thì nhiều hơn trước kia. ²⁰ Nhưng Ta trách người điều này : người dung túng I-de-ven, người đàn bà xưng mình là nữ ngôn sứ ; nó mê hoặc các tôi tớ của Ta, dạy chúng làm chuyện gian dâm và ăn đồ cúng. ²¹ Ta đã cho nó có thời giờ hối cải, nhưng nó không muốn hối cải mà từ bỏ thói gian dâm. ²² Nay đây, Ta bắt nó phải liệt giường, và làm cho những kẻ ngoại tình với nó phải lâm cảnh gian truân khốn khổ, nếu chúng không hối cải mà từ bỏ những việc chúng làm.

²³ Ta sẽ giết chết con cái của nó. Tất cả các Hội Thánh sẽ biết rằng Ta là Đấng dò thấu lòng dạ, và Ta sẽ tùy theo việc các người làm mà thưởng phạt mỗi người. ²⁴ Còn các người, những người khác ở Thy-a-ti-ra, những kẻ không theo đạo lý ấy, không biết đến cái mà chúng gọi là “các bí mật thâm sâu của Xa-tan”, thì Ta bảo các người : Ta không bắt các người phải mang gánh nặng nào khác. ²⁵ Nhưng cái gì các người đang có, hãy nắm chắc cho tới khi Ta đến. ²⁶ Ai thắng và giữ cho đến cùng các việc Ta truyền, Ta sẽ ban cho người ấy quyền cai trị các dân : ²⁷ Người ấy sẽ dùng trượng sắt mà chăn dắt chúng, sẽ nghiền nát chúng như đồ sành đồ

* 2,18 Trong Kinh Thánh, I-de-ven là tên của một phụ nữ gian ác (x. 1 V 16,31) ; ở đây tên ấy được gán cho một nữ ngôn sứ thuộc phái Ni-cô-la. *Con cái và những kẻ ngoại tình với nó* chỉ đồ đệ của bà ta.

Trong Kinh Thánh, thờ ngẫu tượng thường được gọi là ngoại tình và gian dâm : người tín hữu thuộc về Thiên Chúa như vợ thuộc về chồng, và tội thất tín bị coi như là tội gian dâm. Quả thật những ai thờ ngẫu tượng thường không tuân theo luân thường đạo lý về mặt tinh dục như đức tin đòi hỏi. Do đó khi sách Khải huyền nói đến gian dâm, chúng ta phải hiểu theo cả hai ý nghĩa, thờ ngẫu tượng và sống vô luân trong phạm vi tính dục.

Dùng trượng sắt mà chăn dắt chúng. Như vậy, kẻ chiến thắng được chia sẻ vinh quang chiến thắng với Chúa Ki-tô (x. Tv 2) ; người ấy sẽ nhận lãnh Sao Mai nghĩa là chính Chúa Ki-tô (x. Kh 22,16).

gồm. ²⁸ Đó là quyền mà chính Ta đã được Cha Ta trao cho. Ta sẽ ban Sao Mai cho người ấy. ²⁹ Ai có tai, thì hãy nghe điều Thần Khí nói với các Hội Thánh.

V. Xác-dê

3 * ¹ Hãy viết cho thiên thần của Hội Thánh Xác-dê. Đây là lời của Đấng có bảy Thần Khí Thiên Chúa và bảy ngôi sao : Ta biết các việc người làm, biết người được tiếng là đang sống, mà thật ra đã chết. ² Hãy tỉnh thức ! Hãy củng cố chút sức còn lại đang suy tàn, vì Ta nhận thấy các việc của người không được hoàn hảo trước mặt Thiên Chúa của Ta. ³ Vậy hãy nhớ lại : người đã lãnh nhận và

nghe Lời Chúa thế nào ; hãy tuân giữ và hối cải ! Vậy nếu người không tỉnh thức, thì Ta sẽ đến như kẻ trộm, người chẳng biết giờ nào Ta sẽ đến bắt chợt người. ⁴ Nhưng tại Xác-dê, người có một ít người đã không làm như bản áo mình ; họ sẽ mặc áo trắng cùng đi với Ta, vì họ xứng đáng. ⁵ Như thế, ai thắng sẽ được mặc áo trắng ; Ta sẽ không xoá tên người ấy khỏi Sổ Trường Sinh ; Ta sẽ nhận người ấy trước mặt Cha Ta và trước mặt các thiên thần của Người. ⁶ Ai có tai, thì hãy nghe điều Thần Khí nói với các Hội Thánh.

VI. Phi-la-đen-phi-a

* ⁷ Hãy viết cho thiên thần của Hội Thánh Phi-

* **3,1** Đây là một thông điệp ngắn gọn gửi cho một Hội Thánh đang hấp hối. Hội Thánh toàn cầu đã được hứa là sẽ mãi tồn tại, nhưng các cộng đoàn, các phong trào của chúng ta, ngay cả các Hội Thánh trong các giáo phận có thể tan biến.

Mặc áo trắng : đây là một thực tại nội tâm : “mặc lấy Chúa Ki-tô” (x. Ep 4,24). Trong toàn bộ sách Khải huyền, màu trắng là biểu tượng của vui mừng, sức mạnh, chiến thắng và vinh quang đời đời.

* **3,7** Đây là một sứ điệp lạc quan đem lại an ủi cho những ai trung thành cộng tác với Thánh Thần, ngay khi họ đang gặp muôn ngàn khó khăn trong thừa tác vụ của mình.

Đấng nắm giữ *chìa khoá vua Đa-vít* (x. Is 22,22). Quyền bính của Chúa Ki-tô trên Nhà Đa-vít, nghĩa là trên dân Người, là tuyệt đối. Người chuẩn bị một phận vụ đầy hứa hẹn cho những ai đã chịu khó kiên trì trong những lúc khó khăn, khi mà họ chưa được thấy thành quả công việc họ làm.

la-đen-phi-a : Đây là lời của Đấng Thánh, Đấng Chân Thật, Đấng giữ chìa khoá vua Đa-vít, Người mở ra thì không ai đóng lại được, Người đóng lại thì không ai mở ra được. ⁸ Ta biết các việc người làm : này Ta để một cửa mở trước mặt người, không ai có thể đóng lại được, bởi vì tuy người ít thế lực, người cũng đã giữ lời Ta và đã không chối bỏ danh Ta. ⁹ Này Ta sẽ ban cho người một số người thuộc hội đường của Xa-tan, những kẻ xưng mình là Do-thái, mà thật ra không phải, vì chúng nói dối. Này Ta sẽ bắt chúng đến phủ phục dưới chân người và nhận biết rằng Ta đã yêu mến người. ¹⁰ Vì người đã giữ lời Ta dạy phải kiên nhẫn chịu đựng, nên Ta cũng giữ gìn người cho khỏi giờ thử thách sắp xảy đến trên

toàn cõi địa cầu, để thử thách những người sống trên mặt đất. ¹¹ Chẳng bao lâu nữa Ta sẽ đến ; cái gì người đang có, hãy nắm chắc, đừng để ai lấy mất triều thiên dành cho người. ¹² Ai thắng, Ta sẽ cho làm cột trụ trong Đền Thờ Thiên Chúa của Ta, người ấy sẽ không hề ra khỏi đó nữa. Ta sẽ ghi trên người ấy danh thánh Thiên Chúa của Ta, và tên thành đô Thiên Chúa của Ta, là Giê-ru-sa-lem mới từ trời, từ nơi Thiên Chúa của Ta mà xuống. Ta cũng sẽ ghi trên người ấy tên mới của Ta. ¹³ Ai có tai, thì hãy nghe điều Thần Khí nói với các Hội Thánh.

VII. Lao-đi-ki-a

* ¹⁴ Hãy viết cho thiên thần của Hội Thánh Lao-đi-ki-a : Đây là lời của Đấng A-men, là Chúng

Này Ta để một cửa mở trước mặt người (c.8). So sánh với 1 Cr 16,9. Một số người Do-thái sắp gia nhập Hội Thánh. Thánh Gio-an khẳng định rằng chỉ có những người Do-thái trở thành Ki-tô hữu này xứng đáng xưng mình là "người Do-thái". Không có Chúa Ki-tô, hội đường Do-thái sẽ không còn là hội đường của Thiên Chúa nữa.

* **3,14** *Người hâm hãm chẳng nóng chẳng lạnh* : người không phải là kẻ vô tín ngưỡng không có một niềm tin để chia sẻ, cũng không phải là người tín hữu coi trọng tình yêu Thiên Chúa và chịu xả thân. Có thể dễ dàng tưởng tượng ra cái cộng đoàn những con người dễ dãi này. Họ làm ra thêm một nhóm tôn giáo, nhưng không phải là những người làm chứng cho Chúa Ki-tô Chiến Thắng.

Nhân trung thành và chân thật, là Khởi Nguyên của mọi loài Thiên Chúa tạo dựng. ¹⁵ Ta biết các việc người làm : người chẳng lạnh mà cũng chẳng nóng. Phải chi người lạnh hẳn hay nóng hẳn đi ! ¹⁶ Nhưng vì người hâm hẩm chẳng nóng chẳng lạnh, nên Ta sắp mưa người ra khỏi miệng Ta. ¹⁷ Người nói : “Tôi giàu có, tôi đã làm giàu, tôi chẳng thiếu thốn chi” ; nhưng người không biết rằng người là kẻ khốn nạn, đáng thương, nghèo khổ, đui mù và trần truồng. ¹⁸ Vì thế, Ta khuyên người đến với Ta mà mua vàng đã thử lửa để làm giàu, mua áo trắng

để mặc khiến người khỏi xấu hổ vì để lộ thân thể trần truồng, mua thuốc để xức mắt cho người nhìn thấy được. ¹⁹ Phần Ta, mọi kẻ Ta yêu mến, thì Ta răn bảo dạy dỗ. Vậy hãy nhiệt thành và hối cải ăn năn ! ²⁰ Nay đây Ta đứng trước cửa và gõ. Ai nghe tiếng Ta và mở cửa, thì Ta sẽ vào nhà người ấy, sẽ dùng bữa với người ấy, và người ấy sẽ dùng bữa với Ta. ²¹ Ai thắng, Ta sẽ cho ngự bên Ta trên ngai của Ta, cũng như Ta đã thắng và ngự bên Cha Ta trên ngai của Người. ²² Ai có tai, thì hãy nghe điều Thần Khí nói với các Hội Thánh.”

II. CÁC THỊ KIẾN

1. CHUẨN BỊ “NGÀY LỚN LAO” CỦA THIÊN CHÚA

Thiên Chúa trao vận mệnh thế giới cho Con Chiên

4 * ¹ Sau đó, tôi được một thị kiến. Kìa một

cái cửa mở ra ở trên trời, và tiếng mà trước đây tôi nghe nói với tôi như thể tiếng kèn, bảo tôi rằng :

Lao-di-ki-a có những suối nước nóng và nước lạnh. Cũng chính nơi này người ta chế biến một thứ thuốc nhỏ mắt nổi tiếng để cải thiện thị lực.

A-men có nghĩa là “đúng vậy”, hay là “tôi đón nhận theo con đường này”. Chúa Ki-tô là lời *A-men* của Chúa Cha. Việc xả thân của Người cho chúng ta làm cho các lời hứa của Thiên Chúa được thể hiện (x. 2 Cr 1,20). Và bởi vì Người là lời *A-men*, Người mời gọi chúng ta thật sự xả thân cho Thiên Chúa để thực hiện kế hoạch của Người.

“Lên đây, Ta sẽ chỉ cho người thấy những điều phải xảy ra sau đó.”² Lập tức tôi xuất thần. Kia một cái ngai đặt ở trên trời và có một Đấng ngự trên ngai.³ Đấng ngự đó trông giống như ngọc thạch và xích nã. Chung quanh ngai có cầu vồng trông giống như bích ngọc.⁴ Chung quanh ngai có hai mươi bốn ngai khác, và trên những ngai đó có hai mươi bốn vị Kỳ Mục ; các vị đang ngồi, mình mặc áo trắng, đầu đội triều thiên vàng.⁵ Từ ngai phát ra

ánh chớp, tiếng sấm tiếng sét. Bảy ngọn đuốc, tức là bảy thần khí của Thiên Chúa cháy sáng trước ngai.⁶ Trước ngai có cái gì như biển trong vắt tựa pha lê. Ở giữa ngai và chung quanh ngai có bốn Con Vật, đằng trước và đằng sau đây những mắt.⁷ Con Vật thứ nhất giống như sư tử, Con Vật thứ hai giống như bò tơ, Con Vật thứ ba có mặt như mặt người, Con Vật thứ bốn giống như đại bàng đang bay.⁸ Bốn Con Vật ấy, mỗi con có sáu cánh,

* 4,1 Sau các sứ điệp gửi cho các Hội Thánh ở A-xi-a, chúng ta có phần nói về các thị kiến đưa ra ý nghĩa của lịch sử.

– Trong các chương 4 – 11, thánh Gio-an diễn giải ý nghĩa của quá khứ : duyệt lại lịch sử Ít-ra-en cho đến thời kỳ rao giảng Tin Mừng.

– Trong các chương 12 – 21, ngài hướng về tương lai : những cuộc chiến đấu đầu tiên của Hội Thánh mở ra một trang sử mới : lịch sử Tân Ước.

Chúng ta không thể đối phó với tình thế nếu không biết mình đi về đâu và tại sao mình phải chiến đấu. Những ai không có mục đích sẽ sớm bị những trào lưu ngược dòng quét sạch. Vậy thì, trước khi triển khai cái nhìn của ngài về lịch sử, thánh Gio-an cho chúng ta thấy cái tâm điểm bất biến, từ đó phát xuất trăm sự dễ rồi cũng quay trở về đó.

Một cánh cửa mở ra ở trên trời (c.1). Kiểu nói tượng hình này vào thời đó có một ý nghĩa chính xác : bên trên vòm trời là “nước phía trên”, từ đó có mưa rơi xuống, và ở bên trên nữa là “các tầng trời”, là trời xanh đúng nghĩa, là nơi Thiên Chúa ngự.

Một cái ngai đặt ở trên trời và có một Đấng ngự trên ngai. Đấng này là nguồn phát sinh ánh sáng và sự sống, là Thần Linh được chiêm ngắm ngay tận nguồn phát sinh ra Người, là Thiên Chúa Cha. Không thể mô tả khuôn mặt Người, nhưng tất cả mọi yếu tố trong thiên nhiên đều được thấu dụng để nói lên một chút gì đó về vị Thần Linh ấy : vũ bão cuồng phong, lửa rực cháy làm sừng người, nước tinh trong gội mát.

chung quanh và bên trong chúng không ngừng hô lên
đầy những mắt. Ngày đêm rằng :

Thánh ! Thánh ! Chí Thánh !

Đức Chúa, Thiên Chúa toàn năng,

Đấng đã có, hiện có và đang đến !

⁹ Mỗi khi những Con Vật xuống trước mặt Đấng ngự
ấy kính dâng vinh quang, trên ngai mà thờ lạy
danh dự và lời tạ ơn lên Người, Đấng hằng sống
Đấng ngự trên ngai, Đấng đến muôn thuở muôn đời,
hằng sống đến muôn thuở rồi đặt triều thiên của
muôn đời, ¹⁰ thì hai mươi mình xuống trước ngai mà
bốn vị Kỳ Mục phủ phục nói :

¹¹ “Lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con,

Ngài xứng đáng lãnh nhận

vinh quang, danh dự và uy quyền,

vì Ngài đã dựng nên muôn vật,

và do ý Ngài muốn,

mọi loài liên có và được dựng nên.”

5 * ¹ Tôi thấy trong tay ngài một cuốn sách viết cả
hữu Đấng ngự trên trong lần ngoài, niêm bẩy

Các Kỳ Mục là các thánh của Cựu Ước, đại diện cho dân Chúa (x. Is 24,23). *Bốn Con Vật* chỉ các thiên thần. Những Con Vật này được mô tả với những nét cao quý, mạnh khoẻ, khôn ngoan và lanh lợi, những nét mà ngôn sứ Ê-dê-ki-en đã được thị kiến (Ed 1). Mắt luôn mở của chúng nhìn về Đấng ngự trên ngai, và chúng chiếu toả sức mạnh vạn năng của Thiên Chúa trên toàn vũ trụ.

Chúng không ngừng tung hô : Thánh, Thánh, Chí Thánh (c.8). Đây là bài thánh ca đầu tiên trong sách Khải huyền, mượn lại của Is 6,3. Nơi tâm điểm phát sinh vạn vật này, chỉ còn vang vọng tiếng cảm tạ tri ân dâng lên Chúa Cha, khi lịch sử loài người sẽ hoàn tất. Trên trời, chúng ta sẽ làm gì ? Chỉ còn biết khâm phục, tán dương và ngỡ ngàng khám phá Thiên Chúa trong cõi vô biên khôn tả của Người.

Ở đây, thánh Gio-an mô tả mầu nhiệm Thiên Chúa bằng cách dùng lại các hình ảnh trong Is 6 và Ed 1. Ngài sẽ thường nhắc đến hai vị ngôn sứ này. Còn Bốn Con Vật thì được hội hoạ Ki-tô giáo dùng làm biểu tượng cho bốn tác giả Tin Mừng : con người cho Mát-thêu ; sư tử cho Mác-cô ; con bò cho Lu-ca ; và đại bàng cho Gio-an.

* 5,1 Thị kiến tiếp theo đưa ra hai nhân tố mới : *cuốn sách niêm phong* và *Con Chiên*, tức là lịch sử của Ít-ra-en (được Kinh Thánh ghi chép) và Chúa Ki-tô.

ấn. ² Rồi tôi thấy một thiên thần đứng mãnh lớn tiếng công bố : “Ai xứng đáng mở cuốn sách và tháo ấn niêm phong ?”

³ Nhưng không ai ở trên trời, dưới đất hay trong lòng đất, có thể mở cuốn sách và nhìn vào đó. ⁴ Tôi khóc nức nở, vì không ai được coi là xứng đáng mở cuốn sách và nhìn vào đó.

⁵ Một trong các vị Kỳ Mục bảo tôi : “Đừng khóc nữa ! Này đây, Sư Tử xuất thân từ chi tộc Giu-đa, Chồi

Non của Đa-vít đã chiến thắng, Người sẽ mở cuốn sách và bảy ấn niêm phong.”

⁶ Bấy giờ tôi thấy đứng ở giữa ngai và bốn Con Vật, giữa các vị Kỳ Mục, một Con Chiên, trông như thể đã bị giết ; Chiên đó có bảy sừng và bảy mắt, tức là bảy thần khí của Thiên Chúa đã được sai đi khắp mặt đất. ⁷ Con Chiên đến lãnh cuốn sách từ tay hữu Đấng ngự trên ngai. ⁸ Khi Con Chiên đã lãnh cuốn sách, thì bốn Con Vật và

Các độc giả của Gio-an đã có một cuốn Sách Thánh là Cựu Ước. Đối với các độc giả gốc Do-thái thì đó là lịch sử của dân tộc họ. Nhưng đó cũng là cuốn sách của những người Ki-tô hữu khác nữa, và theo một nghĩa nào đó, nó thuộc về lịch sử toàn thể nhân loại, bởi lẽ đó là giai đoạn chuẩn bị công trình cứu độ toàn thể nhân loại.

Quốc gia Do-thái diệt vong khoảng 20 năm về trước, như lời Chúa Giê-su tiên báo (Mc 13), và người Ki-tô hữu gốc Do-thái tự hỏi : nếu Chúa Giê-su đã đến mang ơn cứu độ cho Ít-ra-en, thì tại sao lịch sử Ít-ra-en lại kết thúc trong thảm họa như thế ? Và tại sao người Do-thái, vốn đã được thấm nhuần Kinh Thánh, lại không nhận ra vị Cứu Tinh của mình ?

Ở đây, câu trả lời cho biết rằng các biến cố đã được ghi trong Sách Thánh, nhưng sách này lại bị *niêm phong*. Niêm phong là dùng ấn để không phải bất cứ ai cũng mở ra đọc được ; theo nghĩa bóng, một cuốn sách niêm phong là cuốn sách được viết theo mật mã.

Không ai có thể hiểu được kế hoạch của Thiên Chúa thể hiện trong lịch sử, và vì thế không ai có thể đòi Thiên Chúa trả lẽ về hành động của Người. Nhưng thị kiến cho thấy ai là người mặc khải mâu nhiệm chết và sống lại đang hoạt động trong lịch sử.

Một Con Chiên trông như thể đã bị giết (c.6). Thị kiến đưa chúng ta đến giây phút phục sinh. Trong khi các sách Tin Mừng nói về sự sống lại của Chúa Giê-su theo cảm nhận của loài người dưới đất này qua lời chứng các môn đệ, thì ở đây chúng ta lại đang ở trên trời để chiêm ngưỡng Chúa Ki-tô Phục Sinh, đang bước vào cõi vinh quang. Người vẫn ở thế đứng sau khi đã bị sát tế, đầy vinh quang, nhưng trên Người in đậm cách vĩnh viễn dấu tích cuộc Thương Khó của Người và những năm tháng Người đã sống ở giữa chúng ta.

hai mươi bốn vị Kỳ Mục đây hương thơm, tức là phủ phục xuống trước mặt những lời cầu nguyện của Con Chiên, mỗi vị tay cầm dân thánh. ⁹ Các vị hát đàn, tay nâng chén vàng một bài ca mới rằng :

“Ngài xứng đáng lãnh nhận cuốn sách
và mở ấn niêm phong,
vì Ngài đã bị giết
và đã lấy máu đào
chuộc về cho Thiên Chúa
muôn người thuộc mọi chi tộc và ngôn ngữ,
thuộc mọi nước, mọi dân.

¹⁰ Ngài cũng làm cho họ
thành một vương quốc, thành những tư tế,
để phụng thờ Thiên Chúa chúng ta,
và họ sẽ làm chủ mặt đất này.”

¹¹ Tôi thấy, và tôi nghe Số các thiên thần có tới ức
tiếng muôn vàn thiên thần ức triệu triệu. ¹² Các vị lớn
ở chung quanh ngài, các tiếng hô :
Con Vật và các Kỳ Mục.

“Con Chiên đã bị giết
nay xứng đáng lãnh nhận
phú quý và uy quyền,
khôn ngoan cùng sức mạnh,
danh dự với vinh quang,
và muôn lời cung chúc.”

Bảy sừng và bảy mắt nói lên tính viên mãn của quyền năng và trí tuệ nơi Chúa Ki-tô Phục Sinh. Trong ngày đó, đây uy phong trước mọi quyền lực dưới đất cũng như trên trời, Người đến lãnh cuốn sách từ tay Cha của Người.

Giờ đây, chính Người có thể đọc cuốn sách ghi chép lịch sử và vận mạng loài người : *phú quý và uy quyền, khôn ngoan cùng sức mạnh* (c.12). Giờ đây cuốn sách thuộc về Người ; sau khi bị Ít-ra-en chối bỏ, mặc dù nó là một “dân thánh”, “một vương quốc tư tế” (Xh 19,5), Người quy tụ cho Thiên Chúa một “hàng tư tế vương giả” riêng của mình, là Hội Thánh (1 Pr 2,9), như c.10 cũng đã ghi rõ.

Lưu ý là vào ngày Phục Sinh, những lời ca ngợi trước kia dành cho Thiên Chúa nay được dâng lên Con Chiên : khi sống lại, Chúa Ki-tô xuất hiện trong ánh vinh quang xứng với Người, là chính ánh vinh quang của Thiên Chúa.

¹³ Tôi lại nghe mọi loài khơi và vạ vật ở các nơi thụ tạo trên trời, dưới đất, trong lòng đất, ngoài biển

đó, tất cả đều tung hô :
 “Xin kính dâng Đấng ngự trên ngai và Con Chiên
 lời chúc tụng cùng danh dự,
 vinh quang và quyền năng
 đến muôn thuở muôn đời !”

¹⁴ Bốn Con Vật thưa : “A-
 men.” Và các Kỳ Mục phủ
 phục xuống thờ lạy.

³ Khi Con Chiên mở ấn
 thứ hai, thì tôi nghe Con
 Vật thứ hai hô : “Hãy đến !”

⁴ Một con ngựa khác đi ra,
 đỏ như lửa, người cỡi ngựa
 nhận được quyền cất hoà
 bình khỏi mặt đất, để cho
 người ta giết nhau ; người
 ấy được ban một thanh
 gươm lớn.

Con Chiên mở ấn

6 * ¹ Tôi lại thấy : khi
 Con Chiên mở ấn thứ
 nhất trong bảy ấn, thì tôi
 nghe một trong bốn Con
 Vật hô lên, tiếng vang như
 sấm : “Hãy đến !” ² Tôi
 thấy : kìa một con ngựa
 trắng, và người cỡi ngựa
 mang cung. Người ấy được
 tặng một triều thiên và ra
 đi như người thắng trận,
 để chiến thắng.

⁵ Khi Con Chiên mở ấn
 thứ ba, thì tôi nghe Con
 Vật thứ ba hô : “Hãy đến !”
 Tôi thấy : kìa một con
 ngựa ô, và người cỡi ngựa
 cầm cân trong tay. ⁶ Tôi
 lại nghe như có tiếng nói
 từ giữa bốn Con Vật vang

* **6,1** Con Chiên mở các ấn niêm phong. Chúa Ki-tô Phục Sinh mặc
 khải những sức mạnh lớn lao cấu thành lịch sử thánh. Vào lúc thánh
 Gio-an viết sách này, Cựu Ước đã chấm dứt, bởi lẽ Chúa Giê-su đã
 đến và Hội Thánh đã khai sinh ; và sau đó không lâu, quốc gia Do-
 thái đã bị tiêu diệt. Đây là lúc có thể và cần làm một tổng kết.

Bốn con ngựa tượng trưng cho bốn sức mạnh chủ động trong lịch sử
 Sách Thánh.

Người cỡi con ngựa trắng là vị đem lời Thiên Chúa trao cho các
 ngôn sứ của Người trong Cựu Ước. Chúa Ki-tô, Ngôi Lời của Thiên
 Chúa, chỉ đến sau đó, trong thời gian lịch sử Ki-tô giáo. Người cũng sẽ
 cỡi con ngựa trắng ấy (Kh 19,11).

Ba con ngựa còn lại tượng trưng chiến tranh, đói kém và dịch hạch.
 Đây là những cơn đại hoạ hoành hành giữa loài người tội lỗi và khiến
 họ cảm thấy cần đến ơn cứu độ của Thiên Chúa.

lên : “Một cân lúa mì, một quan tiền ! Ba cân lúa mạch, một quan tiền ! Còn dầu và rượu, thì chớ đựng đến !”

⁷ Khi Con Chiên mở ấn thứ bốn, thì tôi nghe tiếng Con Vật thứ bốn hô : “Hãy đến !” ⁸ Tôi thấy : kia một con ngựa xanh nhạt, và người cỡi ngựa mang tên là Tử thần, có Âm phủ theo sau.

Chúng nhận được quyền hành trên một phần tư mặt đất, để giết bằng gươm giáo, đói kém, ôn dịch và thú dữ sống trên đất.

⁹ Khi Con Chiên mở ấn thứ năm, thì tôi thấy dưới bàn thờ, linh hồn của những người đã bị giết vì đã rao giảng Lời Thiên Chúa và đã làm chứng. ¹⁰ Họ lớn tiếng kêu : “Lạy Chúa chí thánh và chân thật, cho đến bao giờ Ngài còn trì hoãn, không xét xử và không bắt những người sống trên mặt đất phải đền nợ máu chúng con ?”

¹¹ Bảy giờ mỗi người trong số họ được lãnh một áo trắng ; và có lời phán bảo họ cứ nghỉ yên một thời gian ngắn nữa, chờ cho đủ số những người cũng là tôi tớ Thiên Chúa và là anh em của họ, sắp bị giết như họ.

¹² Tôi thấy : khi Con Chiên mở ấn thứ sáu, có động đất mạnh. Mặt trời tối đen như vải thợ dệt bằng lông, mặt trăng hoàn toàn ra như máu. ¹³ Sao trên trời sa xuống đất, tựa những trái vả xanh rụng xuống từ cây vả bị gió lớn lay mạnh. ¹⁴ Trời bị cuốn đi như một cuốn sách cuộn lại, mọi núi non và hải đảo bị dời đi nơi khác. ¹⁵ Vua chúa trần gian, vương hầu khanh tướng, người giàu sang, kẻ quyền thế, và mọi người, nô lệ hay tự do, tất cả đều phải trốn vào hang hốc và núi đá. ¹⁶ Họ bảo núi và đá : “Đổ xuống đè ta đi và che giấu ta cho khuất mắt

Ấn thứ năm cho chúng ta phát hiện một sức mạnh mới, đầy bí ẩn, đầy lịch sử thánh tiến lên : máu các vị tử đạo đòi hỏi công lý. Những vị này đã chết trước thời Chúa Ki-tô và đã thông phần vinh quang của Người (do đó họ mặc áo trắng), nhưng họ còn phải chờ đến khi những vị khác, các vị tử đạo vì danh Chúa Ki-tô, nhập đoàn với họ, thì Thiên Chúa mới xét xử công minh (xem Mt 23,35-36).

Cùng với *ấn thứ sáu*, xuất hiện những điềm lạ và tai ương mà các ngôn sứ đã loan báo sẽ xảy đến vào Ngày của Chúa, và đã được ứng nghiệm trong biến cố Giê-ru-sa-lem bị phá huỷ (Mc 13,14).

Đấng ngự trên ngai, cho khỏi cơn thịnh nộ của Con Chiên ;¹⁷ vì Ngày lớn lao, Ngày thịnh nộ của các Ngài đã tới, và ai có thể đứng vững được ?”

Các tô-tớ Thiên Chúa sẽ được bảo vệ

7 *¹ Sau đó, tôi thấy có bốn thiên thần đứng ở bốn phương của mặt đất, giữ bốn ngọn gió của đất lại, không cho ngọn gió nào thổi trên đất liền, trên biển cả cũng như trên mọi cây cối.² Tôi lại thấy một thiên thần khác, mang ấn của Thiên Chúa

hằng sống, từ phía mặt trời mọc đi lên. Thiên thần ấy lớn tiếng bảo bốn thiên thần khác, là những vị được quyền phá hại đất liền và biển cả,³ rằng : “Xin đừng phá hại đất liền, biển cả và cây cối, trước khi chúng tôi đóng ấn trên trán các tô-tớ của Thiên Chúa chúng ta.”⁴ Rồi tôi nghe nói đến con số những người được đóng ấn : một trăm bốn mươi bốn ngàn người được đóng ấn, thuộc mọi chi tộc con cái Ít-ra-en.

⁵ Chi tộc Giu-đa có mười hai ngàn người được đóng

* 7,1 C.3 viết : *Xin đừng phá hại đất liền, biển cả và cây cối, trước khi chúng tôi đóng ấn trên trán các tô-tớ của Thiên Chúa chúng ta.* Khi kết thúc phần ôn lại Cựu Ước này, thánh Gio-an đưa ra một tổng kết cho thấy tất cả những ơn lành, những ưu ái mà Thiên Chúa đã dành cho dân riêng của Người trong ngần ấy thế kỷ.

Khi thấy dân Do-thái nói chung đã chối bỏ Chúa Ki-tô như thế nào, người ta có thể nghĩ lịch sử thánh đã đi đến thất bại hoàn toàn. Nhưng thánh Gio-an lại cho chúng ta thấy một viễn tượng lạc quan hơn nhiều. Các thiên thần đếm số người được chọn, và mỗi chi tộc được mười hai ngàn người. Chúng ta biết con số 12 là con số tròn, chỉ sự viên mãn : vậy con số những người được chọn không thể hơn được, và Thiên Chúa đã không thất vọng.

Những người được chọn này là ai ? Một đàn, họ là những người Do-thái đã đi theo Chúa Giê-su. Lại cũng có những kẻ không tin nơi Người nhưng không phải do lỗi của họ ; cái chết và sự phục sinh của Người đã cứu rỗi họ.

Nhưng sau con số một trăm bốn mươi bốn ngàn người được chọn này – là dân đầu lòng của Thiên Chúa, là Ít-ra-en –, thì có một vụ đếm số khác nữa.

Sau đó, tôi thấy một đoàn người thật đông (c.9). Đây là dân mới của Thiên Chúa, được quy tụ từ muôn dân trên toàn thế giới, đến nhập đoàn với các tín hữu thời Cựu Ước.

ấn ; chi tộc Rưu-vên : mười hai ngàn ; chi tộc Gát : mười hai ngàn ; ⁶ chi tộc A-se : mười hai ngàn ; chi tộc Náp-ta-li : mười hai ngàn ; chi tộc Mơ-na-se : mười hai ngàn ; ⁷ chi tộc Si-mê-ôn : mười hai ngàn ; chi tộc Lê-vi : mười hai ngàn ; chi tộc Ít-xa-kha : mười hai ngàn ; ⁸ chi tộc Dơ-vu-lun : mười hai ngàn ; chi tộc Giu-se : mười hai ngàn ; chi tộc Ben-gia-min có mười hai ngàn người được đóng ấn.

Cuộc khải hoàn trên thiên quốc

⁹ Sau đó, tôi thấy : kìa một đoàn người thật đông

“A-men ! Xin kính dâng Thiên Chúa chúng ta
lời chúc tụng và vinh quang,
sự khôn ngoan và lời tạ ơn,

không tài nào đếm nổi, thuộc mọi dân, mọi chi tộc, mọi nước và mọi ngôn ngữ. Họ đứng trước ngai và trước Con Chiên, mình mặc áo trắng, tay cầm nhành lá thiên tuế. ¹⁰ Họ lớn tiếng tung hô : “Chính Thiên Chúa chúng ta, Đấng ngự trên ngai, và chính Con Chiên đã cứu độ chúng ta.” ¹¹ Tất cả các thiên thần đều đứng chung quanh ngai, chung quanh các Kỳ Mục và bốn Con Vật. Họ đều sắp mặt xuống, phủ phục trước ngai và thờ lạy Thiên Chúa mà tung hô ¹² rằng :

Một đoàn người thật đông, không tài nào đếm nổi (c.9). Công trình cứu độ nhân loại sẽ là một thành công khó tin khó ngờ, mặc dù thường khi mọi sự có vẻ dễ gây chán nản : ở khắp mọi nơi, dân Thiên Chúa được hưởng ơn cứu độ.

Họ là những người đã đến, sau khi trải qua cơn thử thách lớn lao (c.14). Dĩ nhiên không phải tất cả những người này đều đã tử vì đạo, nhưng thánh Gio-an lại thấy họ với dáng dấp những vị tử đạo, bởi vì đối với người tín hữu, thánh tử đạo là những tấm gương để noi theo. Hơn nữa, thánh Gio-an đang ngỡ lời với những người Ki-tô hữu sắp phải trải qua cơn bách hại lớn đầu tiên.

Xin kính dâng Thiên Chúa chúng ta lời chúc tụng và vinh quang, sự khôn ngoan (c.12). Đây là một bài thánh ca khác nữa dâng lên Thiên Chúa, Đấng cứu độ chúng ta. Những ai ca ngợi Thiên Chúa hẳn khám phá thấy rằng khôn ngoan, quyền năng và sức mạnh thì chỉ có thể do ơn trên mà thôi.

danh dự, uy quyền và sức mạnh,
đến muôn thuở muôn đời ! A-men !”

¹³ Một trong các Kỳ Mục lên tiếng hỏi tôi : “Những người mặc áo trắng kia là ai vậy ? Họ từ đâu đến ?”

¹⁴ Tôi trả lời : “Thưa Ngài, Ngài biết đó.” Vị ấy bảo tôi : “Họ là những người đã đến, sau khi trải qua cơn thử thách lớn lao. Họ đã giặt sạch và tẩy trắng áo mình trong máu Con Chiên. ¹⁵ Vì thế, họ được châu trước ngai Thiên Chúa, đêm ngày thờ phượng trong Đền Thờ của Người ; Đấng ngự trên ngai sẽ căng lều của Người cho họ trú ẩn. ¹⁶ Họ sẽ không còn phải đói, phải khát, không còn bị ánh nắng mặt trời thiêu đốt và khí nóng hành hạ nữa.

¹⁷ Vì Con Chiên đang ngự ở giữa ngai sẽ chặn đất và dẫn đưa họ tới nguồn nước trường sinh. Và Thiên Chúa sẽ lau sạch nước mắt họ.”

Mở án thứ bảy

8 * ¹ Khi Con Chiên mở án thứ bảy, thì cả trời yên lặng chừng nửa giờ...

Lời cầu nguyện của dân thánh

² Rồi tôi thấy bảy thiên thần đứng châu trước nhan Thiên Chúa ; các vị ấy lãnh nhận bảy chiếc kèn.

³ Một thiên thần khác đến đứng trước bàn thờ, tay cầm bình hương vàng. Thiên thần lãnh nhận

* **8,1** Khi Con Chiên mở án thứ bảy. Chúng ta vừa thấy đoàn người đông đảo đã bước vào lịch sử như thế nào. Sau đó, chuyện gì sẽ xảy ra ? Thánh Gio-an không biết, và sự yên lặng lúc bấy giờ có thể kéo dài hàng mấy thế kỷ. Chính đây là lúc các chương 8 và 9 nói về những thử thách lớn lao, có thể cho ta nếm trước cuộc phán xét sẽ như thế nào : những quyền lực âm phủ tràn đến, tai ương hoạn nạn ập xuống với nào là bạo lực, nào là chiến tranh.

Giữa lúc đọc giả đang chờ có cuộc phán xét thì đột nhiên chấm dứt thị kiến trong đó dân Ít-ra-en đang đón tiếp các đoàn người đã được thanh tẩy. Ở ch. 10 sẽ bắt đầu một thị kiến thứ hai : từ cuộc giáng lâm của Chúa Ki-tô, thị kiến hoàn toàn hướng về tương lai. Trong đó là những cuộc chiến giữa Xa-tan và Hội Thánh.

Những chương sau phác họa nhiều cảnh có thiên thần can thiệp. Chúng ta đã cho biết thiên thần là một trong những hình ảnh mà thể loại văn chương Khải huyền vẫn dùng : ở đây tất cả được nói lên bằng hình ảnh.

nhiều hương thơm, để dâng trên bàn thờ bằng vàng trước ngai Thiên Chúa, cùng với những lời cầu nguyện của toàn thể dân thánh. ⁴ Từ tay thiên thần, khói hương quện theo lời cầu nguyện của dân thánh, bay lên trước nhan Thiên Chúa. ⁵ Rồi thiên thần cầm bình hương, lấy lửa trên bàn thờ bỏ đầy vào và ném xuống đất. Liền có tiếng sấm, tiếng sét, ánh chớp và động đất.

Bốn tiếng kèn đầu tiên

* ⁶ Bảy thiên thần cầm bảy kèn sửa soạn thổi. ⁷ Tiếng kèn của vị thứ

nhất nổi lên. Mưa đá và lửa, hoà với máu, trút xuống đất. Một phần ba mặt đất bị thiêu huỷ, một phần ba cây cối bị thiêu huỷ, và tất cả cỏ xanh bị thiêu huỷ.

⁸ Tiếng kèn của thiên thần thứ hai nổi lên. Có cái gì như quả núi lớn rục lửa bị ném xuống biển. Một phần ba biển hoá thành máu. ⁹ Một phần ba các loài thụ tạo sống dưới biển bị chết, và một phần ba tàu bè bị phá huỷ.

¹⁰ Tiếng kèn của thiên thần thứ ba nổi lên. Từ trời rơi xuống một ngôi sao lớn cháy như đuốc. Sao

Nhưng cũng nên nói rằng thánh Gio-an chia sẻ một xác tín biểu hiện rõ nét trong toàn bộ Kinh Thánh : công trình Thiên Chúa tạo dựng thì rộng lớn hơn tất cả những gì chúng ta nhìn thấy và đo đếm trong đó. Không phải chỉ vì nó có tầm cỡ lớn hơn, nhưng vì nó còn là sản phẩm của một vở bi kịch trong đó các vai diễn không chỉ gồm có người phàm. Các vị phụng sự Thiên Chúa là thiên thần có chỗ đứng của các ngài trong lịch sử và cả trong tương quan giữa chúng ta với Thiên Chúa nữa (Kh 8,3). Chúng ta hãy nhớ lời thánh Lu-ca nói về nhóm Xa-đốc, nhóm người duy vật : “Họ chủ trương rằng chẳng có sự sống lại, chẳng có thiên sứ hay quỷ thần” (Cv 23,8).

* **8,6** Với bốn tiếng kèn đầu tiên, ập xuống hình phạt do các sức mạnh thiên nhiên chống lại kẻ tội lỗi (x. Kn 5,20-23). Tội xâm phạm đến thiên nhiên của chúng ta đưa đến cái chết, và các nguồn thông tin đều cho biết đã có cả trăm triệu người đang sống trong “cảnh khải huyền” này.

Tiếng kèn thứ năm loan báo những xung đột khủng khiếp. Các hình ảnh đưa ra có lẽ gợi nhớ cuộc ngoại xâm, những làn tên hải hùng của quân Pác-tốt. Các sách Tin Mừng đã cho hiểu rằng cảnh Giê-ru-sa-lem khảm tận là tiền ảnh của cảnh vật ngày tận thế. Cũng theo cách hiểu như thế, tiếng kèn thứ sáu ở đây loan báo hình phạt dành cho các dân ngoại.

roi xuống một phần ba sông ngòi và xuống các nguồn nước. ¹¹ Tên ngôi sao là Ngải Đẳng. Một phần ba nước hoá thành ngải đẳng, và có nhiều người chết vì thứ nước đã hoá đẳng ấy.

¹² Tiếng kèn của thiên thần thứ bốn nổi lên. Một phần ba mặt trời, một phần ba mặt trăng và một phần ba các ngôi sao bị đánh trúng, khiến chúng tối đi một phần ba, ngày mất sáng một phần ba và đêm cũng thế.

¹³ Tôi thấy, và tôi nghe một con đại bàng bay trên đỉnh vòm trời, kêu lớn tiếng : “Khốn thay ! Khốn thay ! Khốn thay những người sống trên mặt đất, vì sắp nổi lên những tiếng kèn còn lại của ba thiên thần !”

Tiếng kèn thứ năm

9 ¹ Tiếng kèn của thiên thần thứ năm nổi lên. Tôi thấy một ngôi sao từ trời sa xuống đất ; ngôi

sao ấy nhận được chìa khoá của giếng vực thăm.

² Ngôi sao mở giếng vực thăm, và một đám khói từ giếng bốc lên, giống như khói một cái lò lớn, khiến mặt trời và không khí tối sầm lại vì khói của giếng ấy. ³ Từ đám khói ấy, châu chấu bay ra khắp mặt đất. Chúng nhận được quyền phép như quyền phép của bọ cạp trên mặt đất.

⁴ Chúng bị cấm không được phá hại cỏ trên mặt đất, mọi loài xanh tươi và mọi cây cối, mà chỉ được phá hại những người không mang ấn của Thiên Chúa trên trán. ⁵ Chúng không được phép giết họ, mà chỉ được gây khổ hình cho họ trong vòng năm tháng. Khổ hình chúng gây ra không khác gì khổ hình của người bị bọ cạp đốt. ⁶ Trong những ngày ấy, người ta sẽ tìm cái chết mà không thấy, họ mong chết mà cái chết lại trốn họ.

Chương này là một trong những chương thu hút sự tò mò nhiều nhất, và khiến cho từ “khải huyền” mang cái ý nghĩa mà nhiều người vẫn hiểu : tất cả những tai họa có tầm cỡ toàn cầu. Ở thời đại nào cũng có nhiều kẻ đọc thấy trong những trang này bức tranh miêu tả thời đại của mình – mới hay ai ai cũng tin chắc thánh Gio-an bao giờ cũng chỉ nhắm đến mình.

⁷ Hình dạng châu chấu giống như ngựa sắt sừng vào trận ; trên đầu chúng có cái gì như thể triều thiên bằng vàng, còn mặt chúng thì như mặt người. ⁸ Chúng có tóc như tóc đàn bà, có răng tựa răng sư tử. ⁹ Ngực chúng khác nào áo giáp sắt, và tiếng cánh chúng đập, như tiếng xe nhiều ngựa kéo đang xông vào trận. ¹⁰ Chúng có đuôi như đuôi bọ cạp, mang nọc ; đuôi chúng có quyền phép làm hại người ta trong vòng năm tháng. ¹¹ Vua cai trị chúng là thần sứ của vực thẳm, tên Híp-ri là “A-vát-dôn”, còn tên Hy-lạp là “A-pô-ly-on”.

¹² Cái Khốn thứ nhất đã qua, nhưng này còn hai cái Khốn nữa theo sau.

Tiếng kèn thứ sáu

¹³ Tiếng kèn của thiên thần thứ sáu nổi lên. Tôi nghe có một tiếng phát ra từ bốn sừng của bàn thờ bằng vàng ở trước nhan Thiên Chúa. ¹⁴ Tiếng ấy bảo thiên thần thứ sáu đang cầm kèn : “Hãy thả bốn vị thiên thần đang bị trói ở sông cả Êu-phơ-rát.” ¹⁵ Bốn thiên thần được thả ra, các vị sẵn sàng để

đúng vào năm, tháng, ngày, giờ ấy thì giết một phần ba loài người. ¹⁶ Số các đạo quân là hai trăm triệu kỵ binh ; tôi được nghe biết con số ấy. ¹⁷ Trong thị kiến, tôi thấy ngựa và người cỡi ngựa như thế này : chúng mặc áo giáp màu lửa, màu huỳnh ngọc và diêm sinh ; đầu ngựa như đầu sư tử, và mõm chúng phun ra lửa, khói và diêm sinh. ¹⁸ Một phần ba loài người bị ba tai ương ấy giết, tức là lửa, khói và diêm sinh từ mõm ngựa phun ra. ¹⁹ Quả thế, quyền phép của ngựa thì ở mõm và ở đuôi chúng, vì đuôi chúng như rắn, có đầu, và chúng dùng đầu ấy mà làm hại. ²⁰ Những người còn lại, những người không bị các tai ương ấy giết, vẫn không chịu hối cải mà từ bỏ các sản phẩm tay chúng làm ra, vẫn cứ thờ lạy ma quỷ và các tượng thần bằng vàng, bạc, đồng, đá, gỗ, là những tượng không thấy, không nghe và không đi được. ²¹ Họ không chịu hối cải mà từ bỏ những tội giết người, phù phép, gian dâm, trộm cắp của họ.

Hình phạt cuối cùng đang tới

10^{* 1} Sau đó, tôi thấy một thiên thần đứng mãnh khác từ trời xuống, có mây bao phủ, có hào quang trên đầu ; mặt thiên thần tựa mặt trời, còn chân thì như những cột lửa.² Người cầm trong tay một cuốn sách nhỏ mở sẵn, Người đặt chân phải lên biển, chân trái lên đất,³ và kêu lớn tiếng như sư tử gầm. Người kêu xong, thì bảy hồi sấm lên tiếng nói.⁴ Bảy hồi sấm nói xong, tôi sắp sửa viết thì nghe tiếng từ trời phán : “Hãy niêm phong lại những gì bảy hồi sấm đã nói, đừng có viết.”⁵ Bấy giờ thiên thần tôi đã thấy đứng trên biển và đất, giơ tay hữu lên trời⁶ mà thề

nhân danh Đấng Hằng Sống đến muôn thuở muôn đời, Đấng đã sáng tạo trời và muôn vật trên trời, đất và muôn vật dưới đất, biển và muôn vật trong biển. Người thề : “Sẽ không trì hoãn nữa !⁷ Nhưng trong những ngày tiếng kèn của thiên thần thứ bảy bắt đầu nổi lên, thì mầu nhiệm của Thiên Chúa sẽ hoàn tất, như Người đã loan báo cho các tôi tớ của Người là các ngôn sứ.”

Nuốt cuốn sách nhỏ

⁸ Rồi tiếng tôi đã nghe từ trời, lại nói với tôi và bảo : “Hãy đi lấy cuốn sách mở sẵn trong tay thiên thần đang đứng trên biển và đất.”⁹ Tôi đến gặp thiên thần và xin người cho tôi cuốn sách nhỏ. Người bảo tôi : “Cầm lấy

* 10,1 Một lần nữa, ai nấy chờ đợi mọi sự kết thúc với tiếng kèn thứ bảy. Nhưng trước khi nó trở lên, thì dùng một cái, bảy tiếng sấm vang lên, công bố một lời bí ẩn đối với người phạm : *mầu nhiệm của Thiên Chúa sẽ hoàn tất, như Người đã loan báo (c.7).*

Bức thông điệp phải *niêm phong lại* (c.4) có lẽ là cái tin “Ngôi Lời đã trở nên người phạm”. Dù sao đây cũng là lúc bức thông điệp nhường chỗ cho *cuốn sách nhỏ*. Nội dung cuốn sách này là một lịch sử mới có liên hệ với công cuộc truyền bá Tin Mừng. Tuy Chúa Ki-tô xuống thế làm người đã đưa thiên đàng xuống cõi dương gian, nhưng lịch sử đầu đã vì vậy mà kết thúc.

Thánh Gio-an phải *nuốt cuốn sách*, một kiểu nói mà chúng ta đã gặp trong sách Ê-dê-ki-en (2,8 – 3,3). Như thế chúng ta hiểu rằng những trang sử được phác họa trong cuốn sách *niêm bầy ấn* (5,1) không phải là toàn bộ lịch sử thánh : Tân Ước khởi đầu.

mà nuốt đi ! Nó sẽ làm cho bụng dạ ông phải cay đắng, nhưng trong miệng ông, nó sẽ ngọt ngào như mật ong.”¹⁰ Tôi cầm lấy cuốn sách nhỏ từ tay thiên thần và nuốt đi. Trong miệng tôi nó ngọt ngào như mật ong, nhưng khi tôi nuốt rồi, thì bụng dạ tôi cay đắng.¹¹ Và có tiếng bảo tôi : “Một lần nữa, ông phải tuyên sấm về nhiều nước, nhiều dân, nhiều ngôn ngữ và vua chúa.”

Hai chứng nhân

11^{* 1} Bấy giờ tôi nhận được một cây sậy, giống như một cái gậy, và nghe bảo : “Hãy đứng dạy

mà do Đền Thờ Thiên Chúa và bàn thờ cùng với những người đang thờ phượng trong đó.² Nhưng tiền đình phía ngoài của Đền Thờ, thì bỏ đi, đừng đo, vì chỗ ấy đã được phó mặc cho dân ngoại, chúng sẽ chà đạp Thành Thánh trong vòng bốn mươi hai tháng.³ Trong vòng một ngàn hai trăm sáu mươi ngày ấy, Ta sẽ cho hai chứng nhân của Ta đến tuyên sấm, mình mặc áo vải thô.”⁴ Đó là hai cây ô-liu và hai cây đèn đứng trước nhan Chúa Tể cõi đất.⁵ Nếu ai muốn làm hại các ngài, thì lửa sẽ từ miệng các ngài phát ra và

* 11,1 Đây, thời đại Tin Mừng đã đến. Trong khoảng 40 năm, giữa thời điểm Chúa Ki-tô ra đi và thời điểm thành Giê-su-sa-lem bị phá huỷ, các chứng nhân của Người đã loan báo Tin Mừng trên khắp thế giới ngoại giáo. Đó là bước đầu của giai đoạn mà Lc 21,24 gọi là “thời của dân ngoại”, với nét đặc trưng là tại Pa-lét-tin, không ngừng xảy ra những cơn khủng hoảng. Thiên Chúa bênh vực *những kẻ thờ phượng* Người cách chân chính, nhưng dân ngoại (quân đội) thì *chà đạp tiền đình phía ngoài*, tượng trưng số đông người Do-thái đã không gia nhập Hội Thánh.

Trang sách này tuyên dương người tông đồ Ki-tô giáo : những đấu tranh, các bậc chứng nhân (tử đạo) và phần thưởng dành cho họ.

Hai chứng nhân tiêu biểu các tông đồ Ki-tô giáo của mọi thời đại. Đừng quên Chúa Giê-su đã sai các môn đệ đi từng hai người một. Hiện tượng phải có hai người nhắc nhở chúng ta rằng có nhiều cách làm chứng cho Chúa Giê-su, cũng như chính bản thân Chúa cũng đã thể hiện một trong muôn ngàn cách làm chứng cho Cha của Người. Hai chứng nhân ấy cũng là hai vị Tông Đồ nổi bật nhất, là hai thánh Phê-rô và Phao-lô, cả hai đều bị giết tại *thành phố vĩ đại* là Rô-ma (c.8), những năm 64-67, Phê-rô, người đầu tiên phụ trách Hội Thánh Chúa Giê-su, và Phao-lô, vị tông đồ của dân ngoại.

thiên huỷ thù địch của các ngài. Ai muốn làm hại các ngài, sẽ bị giết như thế. ⁶ Các ngài có quyền đóng cửa trời lại, khiến mưa không rơi xuống trong những ngày các ngài làm ngôn sứ. Các ngài cũng có quyền biến nước thành máu và gieo tai giáng hoạ xuống mặt đất, bao nhiêu lần tùy ý. ⁷ Khi các ngài đã hoàn thành nhiệm vụ làm chứng, thì Con Thú từ vực thẳm sẽ lên tấn công các ngài, nó sẽ thắng và giết các ngài. ⁸ Thi hài của các ngài sẽ nằm ở quảng trường của thành phố vĩ đại; thành phố ấy mang tên tượng trưng là Xơ-đôm

và Ai-cập, ở chính nơi Chúa của các ngài đã chịu đóng đinh vào thập giá. ⁹ Từ các dân, các nước, các ngôn ngữ và các chi tộc, người ta sẽ đến nhìn xem thi hài các ngài trong ba ngày rưỡi và không cho phép chôn các ngài trong mộ. ¹⁰ Những người sống trên mặt đất hân hoan vì các ngài đã chết, họ sẽ ăn mừng và tặng quà nhau, vì hai ngôn sứ này đã làm khổ họ. ¹¹ Sau ba ngày rưỡi, sinh khí từ Thiên Chúa đến nhập vào các ngài, và các ngài đứng dậy được. Những kẻ đang nhìn các ngài đều kinh hãi. ¹² Rồi các ngài nghe một

Cả đoạn này đầy đặc những lời trích dẫn Kinh Thánh, đặc biệt từ chuyện hai vị ngôn sứ lớn là Mô-sê và Ê-li-a.

– *Họ đến tuyên sấm, mình mặc áo vải thô* (c.3). Người tông đồ là người rao giảng việc sấm hối và một cuộc sống khắc khổ hơn.

– *Một ngàn hai trăm sáu mươi ngày, tức ba năm rưỡi, chỉ một thời gian thử thách.*

– *Đó là hai cây ô-liu* (c.4), nghĩa là họ quý giá đối với Thiên Chúa : x. Dcr 4.

– *Các ngài có quyền đóng cửa trời* (c.6) như ông Ê-li-a, nghĩa là được quyền năng làm phép lạ.

– *Khi các ngài đã hoàn thành nhiệm vụ làm chứng* (c.7). Quyền lực sự dữ sẽ không thắng được các ngài nếu Thiên Chúa không cho phép. Chỉ khi Thiên Chúa cho phép thì mới đến giờ chịu khổ hình.

– *Sau ba ngày rưỡi* (c.11, lại là con số biểu tượng thời gian thử thách), *các ngài đứng dậy được.* Các ngài đã được Hội Thánh tôn vinh với tư cách là những vị trung gian của mình trên trời, được thông phần ơn phục sinh của Chúa Ki-tô, và kẻ thù các ngài nhận xét rằng khi giết các chứng nhân của Chúa Ki-tô, họ đã không huỷ diệt được công trình của Người.

tiếng lớn từ trời bảo :
 “Hãy lên đây !” Và các
 ngài lên trời trong đám
 mây, trước mắt thù địch
 của các ngài. ¹³ Ngay giờ ấy,
 xảy ra một trận động đất
 mạnh ; một phần mười
 thành phố bị sụp đổ và bảy
 ngàn người bị giết trong
 cơn động đất. Những người
 còn lại thì sợ hãi và tôn
 vinh Thiên Chúa trên trời.

Tiếng kèn thứ bảy

¹⁴ Cái Khốn thứ hai đã
 qua, thì này cái Khốn thứ
 ba lại sắp đến.

“Lạy Chúa là Thiên Chúa toàn năng
 Đấng hiện có và đã có,
 chúng con xin cảm tạ Ngài
 đã sử dụng quyền năng mạnh mẽ
 và lên ngôi hiển trị.

¹⁸ Chư dân đã nổi trận lôi đình,
 nhưng cơn lôi đình Ngài ập tới,
 và đã đến thời xét xử các vong nhân,
 thời ân thưởng các ngôn sứ, bề tôi của Chúa,
 cũng như muôn kẻ thuộc về Ngài,
 và những ai lớn nhỏ
 hàng kính sợ Thánh Danh ;
 đã đến thời huỷ diệt
 những kẻ nào huỷ hoại mặt đất.”

Họ chết ở đâu ? Các hình ảnh gợi ý là ở tại Giê-ru-sa-lem, đồng
 thời tại Rô-ma. Trong 40 năm đầu của Hội Thánh, hai thánh Tê-pha-
 nô và Gia-cô-bê bị giết do tay người Do-thái, hai thánh Phê-rô và
 Phao-lô thì do tay người La-mã, chưa kể các vị tử đạo khác.

* 11,15 Tiếng kèn thứ bảy nổi lên, loan báo Nước Thiên Chúa được
 khai mở trên thế gian. Đền Thờ Thiên Chúa ở trên trời thay thế cho
 Đền Thờ Giê-ru-sa-lem, và Hòm Bia mới tượng trưng Giao Ước Mới
 giữa Thiên Chúa với loài người gồm mọi dân mọi nước.

* ¹⁵ Tiếng kèn của thiên
 thần thứ bảy nổi lên. Trên
 trời có những tiếng lớn nói
 rằng : “Vương quyền trên
 thế gian nay đã thuộc về
 Chúa chúng ta và Đức Ki-
 tô của Người ; Người sẽ
 hiển trị đến muôn thuở
 muôn đời.” ¹⁶ Hai mươi bốn
 vị Kỳ Mục ngồi trên ngài
 trước nhan Thiên Chúa,
 liền sấp mặt xuống, phủ
 phục mà thờ lạy Thiên
 Chúa. ¹⁷ Các vị ấy nói :

¹⁹ Đền Thờ Thiên Chúa ở trên trời mở ra, và Hòm Bia Giao Ước xuất hiện trong Đền Thờ. Và có ánh chớp, tiếng sấm tiếng sét, động đất và mưa đá lớn.

Người Phụ Nữ và Con Mãng Xà

12^{* 1} Rồi có điềm lớn xuất hiện trên trời : một người Phụ Nữ, mình

khoác mặt trời, chân đạp mặt trăng, và đầu đội triều thiên mười hai ngôi sao.² Bà có thai, đang kêu la đau đớn và quần quai vì sắp sinh con.³ Lại có điềm khác xuất hiện trên trời : đó là một Con Mãng Xà, đỏ như lửa, có bảy đầu và mười sừng, trên bảy đầu đều có vương miện.⁴ Đuôi nó quét hết một phần ba

* **12,1** Đến đây bắt đầu phần thứ hai thị kiến của thánh Gio-an. Hội Thánh đã ra khỏi thế giới Do-thái giáo, hướng về một chân trời mở rộng. Hội Thánh đi đến các dân ngoại, chống lại quyền lực quỷ dữ. Chương này mở đầu một loạt bảy điềm lạ hay thị kiến trên trời. Hai cảnh đầu tiên cho thấy hai vai chính trong lịch sử thánh, là người Phụ Nữ và Con Mãng Xà, tức là dân Thiên Chúa và quỷ dữ.

Một người Phụ Nữ xuất hiện trong ánh vinh quang, nhưng lại *quần quai vì sắp sinh con*. Người tượng trưng cho nhân loại. Ở đầu Sách Thánh, tượng trưng cho nhân loại là người phụ nữ đã phạm tội, bà E-va. Giờ đây thì ngược lại, chúng ta thấy một nhân loại đẹp ý Thiên Chúa : quần quai trong cơn đau sinh nở bởi vì toàn bộ lịch sử của chúng ta là bước đường gian khổ chuẩn bị chờ đón ơn cứu độ. Người Phụ Nữ *sinh một người con trai* là chính Chúa Ki-tô. Đấng Cứu Thế là hoa trái của tình yêu Thiên Chúa dành cho loài người. Ôn cứu độ phát xuất từ Thiên Chúa đồng thời cũng phát xuất từ nhân loại.

Người Phụ Nữ tượng trưng cho nhân loại biết cộng tác vào kế hoạch của Thiên Chúa, và cũng là biểu tượng của Đức Ma-ri-a sinh hạ Đức Giê-su ; đó cũng là hình ảnh Hội Thánh *trốn vào hoang mạc* (c.6), nghĩa là sống cuộc sống thiêng liêng của mình, xa cách thế trần và được Lời Chúa nuôi dưỡng trong những cơn bách hại : *một ngàn hai trăm sáu mươi ngày* hay ba năm rưỡi (x. 11,11).

Con Mãng Xà là Con Rắn xưa (c.9) trong câu chuyện tội nguyên tổ, chỉ khác là nó được trang bị bệ vệ hơn. *Bảy đầu và mười sừng* (c.3) của nó chỉ tính đa mưu túc trí của nó, nhưng con số mười (chỉ sự bất toàn) nói lên rằng quyền lực của nó không phải là bách chiến bách thắng. Nó đã bị đánh bại trên trời, nhưng khi bị tống xuống đất, nó đã kéo theo một số thiên thần (c.9), *một phần ba các ngôi sao trên trời* (c.4). Cũng xem 8,10.

Còn *người con trai* thì Xa-tan đang chuẩn bị tiêu diệt Người trên thập giá, nhưng khi sống lại, Người đã thoát khỏi sự độc ác của nó.

các ngôi sao trên trời mà quăng xuống đất. Rồi Con Mãng Xà đứng chực sẵn trước mặt người Phụ Nữ sắp sinh con, để khi bà sinh xong là nó nuốt ngay con bà. ⁵ Bà đã sinh được một người con, một người con trai, người con này sẽ dùng trượng sắt mà chặn đất muôn dân. Con bà được đưa ngay lên Thiên Chúa, lên tận ngai của Người. ⁶ Còn người Phụ Nữ thì trốn vào sa mạc ; tại đó Thiên Chúa đã dọn sẵn cho bà một chỗ ở, để bà được nuôi dưỡng ở đó, trong vòng một ngàn hai trăm sáu mươi ngày.

* ⁷ Bảy giờ, có giao chiến trên trời : thiên thần Mi-ca-en và các thiên thần của người giao chiến với Con Mãng Xà. Con Mãng Xà cùng các thiên thần của nó cũng giao chiến. ⁸ Nhưng nó không đủ sức thắng được, và cả bọn không còn chỗ trên trời nữa. ⁹ Con Mãng Xà bị tống ra, đó là Con Rắn xưa, mà người ta gọi là ma quỷ hay Xa-tan, tên chuyên mê hoặc toàn thể thiên hạ ; nó bị tống xuống đất, và các thiên thần của nó cũng bị tống xuống với nó. ¹⁰ Và tôi nghe có tiếng hô to trên trời :

“Thiên Chúa chúng ta thờ
giờ đây ban ơn cứu độ,
giờ đây biểu dương uy lực với vương quyền,
và Đức Ki-tô của Người
giờ đây cũng biểu dương quyền bính,
vì kẻ tố cáo anh em của ta,

* **12,7** Kế hoạch của Thiên Chúa về thế gian vừa được bày tỏ : Con Thiên Chúa phải xuống thế làm người và sống lại, trong tư cách là vị Cứu Tinh của toàn thể nhân loại. Mầu nhiệm này làm phát sinh khủng hoảng ở hai mặt : trong giới thần thiêng (các thiên thần) và trong giới loài người.

Người Do-thái tưởng tượng các thiên thần hoặc các quyền lực thần thiêng như là một đạo binh đông đảo, và gọi thủ lãnh đạo binh ấy là Mi-ca-en. Cũng thế, ác quỷ được xem là thủ lãnh của đạo binh các thiên thần phản loạn, những ngôi sao từ trời rơi xuống.

Những chương sau sẽ cho thấy quỷ dữ đang hoạt động trong lịch sử. Nó nguy trang và có nhiều hoá thân. Nhưng những ai sẵn lòng chịu khổ vì chân lý sẽ nhận ra nó : *Họ đã thắng được nó nhờ máu Con Chiên và nhờ lời họ làm chứng về Đức Ki-tô* (12,11).

ngày đêm tố cáo họ trước toà Thiên Chúa,
nay bị tống ra ngoài.

¹¹ Họ đã thắng được nó nhờ máu Con Chiên
và nhờ lời họ làm chứng về Đức Ki-tô :
họ coi thường tính mạng, sẵn sàng chịu chết.

¹² Nào thiên quốc cùng chư vị ở chốn thiên đình,
hãy vì đó mà mừng vui hoan hỷ !
Khốn cho đất và biển,
vì ma quỷ đã xuống với các người,
nó giận điên lên vì biết rằng
nó chỉ còn một ít thời gian.”

* ¹³ Khi Con Mãng Xà
thấy mình đã bị tống
xuống đất, nó liền đuổi bắt
người Phụ Nữ đã sinh con
traí. ¹⁴ Bà được ban cho đôi
cánh đại bàng, để bay vào
sa mạc, vào nơi dành cho
bà, tại đó bà được nuôi
dưỡng một thời, hai thời
và nửa thời, ở xa Con Rắn.

¹⁵ Từ miệng, Con Rắn
phun nước ra đằng sau bà
như một dòng sông, để
cuốn bà đi. ¹⁶ Nhưng đất
cứ giúp bà : đất há miệng
ra uống cạn dòng sông từ
miệng Con Mãng Xà phun

ra. ¹⁷ Con Mãng Xà nổi
giận với người Phụ Nữ và
đi giao chiến với những
người còn lại trong dòng
dõi bà, là những người
tuân theo các điều răn của
Thiên Chúa và giữ lời
chứng của Đức Giê-su.
¹⁸ Rồi nó đứng trên bãi cát
ngoài biển.

Con Mãng Xà ban quyền cho Con Thú

13 * ¹ Bấy giờ tôi thấy
một Con Thú từ dưới
biển đi lên ; nó có mười
sừng và bảy đầu ; trên

* **12,13.** Tội lỗi và sự phản nghịch Thiên Chúa đã bắt đầu trong giới các thần linh. Một khi bị đuổi khỏi đó, Ác thần tấn công những ai tuân giữ lời Thiên Chúa, bắt đầu từ những người tốt lành và cao trọng nhất trong Hội Thánh. Cuộc chiến đấu này sẽ chẳng bao giờ chấm dứt. Những ai mơ tưởng được sống yên ổn dưới thế này quên rằng có Ác thần hiện diện.

* **13,1** Quỷ dữ cố làm trì hoãn giờ chiến thắng của Chúa Ki-tô : nó muốn thuyết phục người ta rằng, trong thực tế, Chúa Ki-tô đầu nắm trong tay vận mạng của con người dưới thế. Nếu họ muốn sống, họ phải đem nộp tự do và lương tâm của họ cho một chúa tể khác, có tên là quyền lực chính trị, là hoàng đế.

mười sừng đều có vương miện, và trên các đầu có danh hiệu xúc phạm đến Thiên Chúa. ² Con Thú tội trông thấy thì giống như con báo, chân nó như chân gấu, mõm như mõm sư tử. Con Mãng Xà ban cho nó quyền năng và ngai báu của mình cũng như một quyền hành lớn lao. ³ Một trong các đầu của nó dường như đã bị giết chết, nhưng vết tử thương của nó đã được chữa lành. Bấy

giờ toàn thể cõi đất thán phục đi theo Con Thú. ⁴ Họ thờ lạy Con Mãng Xà vì nó đã ban quyền hành cho Con Thú, và họ cũng thờ lạy Con Thú mà rằng : “Ai sánh được với Con Thú và ai có thể giao chiến với Con Thú ?” ⁵ Nó đã được ban cho một cái mõm ăn nói huênh hoang và phạm thượng, và được ban cho quyền hành động trong vòng bốn mươi hai tháng. ⁶ Nó mở miệng nói phạm

Người Ki-tô hữu thế hệ đầu tiên sống trong đế quốc Rô-ma, một đế quốc đã tổ chức thống nhất được nhiều dân tộc sau hai thế kỷ chinh đông dẹp bắc. Người ta thán phục thể chế “hoà bình Rô-ma” và cuộc sống thịnh vượng tiếp theo sau. Họ không ngờ có những nguy cơ phát sinh từ một xã hội độc tài, và thánh Gio-an viết những trang này đúng vào lúc hoàng đế Đô-mi-ti-a-nô vừa buộc mọi công dân trong đế quốc phải tôn thờ ông như một vị thần linh.

Vậy người Ki-tô hữu bị bức phải chọn lựa trong một tình cảnh éo le nghiệt ngã. Khi tuyên xưng Đức Ki-tô là Chúa của sự sống, họ đối đầu với kẻ bách hại mình. Thánh Gio-an chỉ ra đầu là bốn phận của họ : trung thành với Chúa Ki-tô và từ chối tôn thờ Xê-da. Vậy một nhóm nhỏ người Ki-tô hữu sắp phải đương đầu với nhà nước độc tài ấy, và Hội Thánh sẽ chiến thắng nhờ máu các vị tử đạo.

Đó là những gì thị kiến này nói lên. Hai Con Thú là biểu tượng của hai thứ quyền lực liên kết với nhau để phục vụ Con Mãng Xà tức là Ác thần chống lại Hội Thánh.

Con Thú thứ nhất *giống như con báo* (c.2). Đó là quyền lực sắp bách hại người Ki-tô hữu. Nó được miêu tả dưới những nét hoạ lại Đn 7,3-7. Nó *từ dưới biển đi lên*, hay là từ phương Tây, tức là từ Rô-ma. Sinh lực và quyền năng của đế quốc Rô-ma giống như là những nét biếm hoạ sức mạnh phục sinh.

Tôi thấy một Con Thú khác có hai sừng giống như sừng chiên (c.11). Con Thú này *từ đất đi lên*, nghĩa là từ lục địa phương Đông hay Châu Á. Nó tượng trưng cho các tôn giáo bấy giờ đang cạnh tranh với Ki-tô giáo. Các tôn giáo ấy đưa ra một sự cứu rỗi từ trên trời, nhưng lại không lên án tội lỗi của thế giới Rô-ma, đặc biệt là sự suy đồi của xã hội.

đến Thiên Chúa, đến danh Người, đến lều thánh của Người, và những đấng ở trên trời. ⁷ Nó được phép giao chiến với dân thánh và thắng họ, và nó được ban quyền trên mọi chi tộc, mọi nước, mọi ngôn ngữ và mọi dân. ⁸ Mọi người sống trên mặt đất sẽ thờ lạy nó ; đó là những người từ thuở tạo thiên lập địa không được ghi tên trong Sổ Trường Sinh của Con Chiên đã bị giết. ⁹ Ai có tai thì hãy nghe. ¹⁰ Ai phải đi đày thì đi đày, ai phải chết vì gươm thì sẽ chết vì gươm. Đây là lúc

dân thánh cần phải có lòng kiên nhẫn và đức tin.

Ngôn sứ giả phục vụ Con Thú

¹¹ Tôi thấy một Con Thú khác từ đất đi lên. Nó có hai sừng giống như sừng chiên, và nói năng như một Con Mãng Xà. ¹² Nó thi hành tất cả quyền bính của Con Thú thứ nhất, trước mặt Con Thú ấy, và làm cho đất, cũng như những người sống trên mặt đất, thờ lạy Con Thú thứ nhất, mà vết tử thương đã được chữa lành. ¹³ Nó làm những dấu lạ lớn lao, khiến cho ngay cả

Nó nói năng như Con Mãng Xà. Các tôn giáo Châu Á này bị lợi dụng, cũng như nhiều nhóm tôn giáo trong thế giới ngày nay. Những trung tâm gây áp lực chính trị thuộc các nước giàu thì chi rất nhiều tiền trong lãnh vực tôn giáo : đây là một sự kiện hiển nhiên, và trong Thế Giới Thứ Ba, nó nhằm làm cho Giáo Hội bị tê liệt.

Nó bảo họ tạc tượng thờ Con Thú (c.14). Có cả một trào lưu tôn giáo đang sau việc thần thánh hoá đế quốc và hoàng đế Rô-ma. Sùng bái cá nhân đầu phải là đặc thù của đế quốc này : nó ăn rễ sâu nơi con người. Nhưng dù mang hình thức nào, nó vẫn đe dọa đức tin nguyên tuyền và óc phê phán.

Chiến thuật của Ác thần nằm ở chỗ nó liên kết một quyền lực mạnh và hữu hiệu với một ý thức hệ mà người Ki-tô hữu không thể chấp nhận : đây là điều đang xảy ra trong biết bao quốc gia không biết tôn trọng những đòi hỏi sơ đẳng nhất của lương tâm. Bị dồn ép giữa các giới lãnh đạo và một công chúng hòa theo các nhà truyền thông giỏi dùng kỹ thuật hiện đại để lèo lái dư luận, người tín hữu phải ứng tạo với cuộc bách hại công khai hay giấu mặt. Vấn đề kinh tế cũng tạo cho các nhóm cầm quyền những sức ép mới, ở những nơi họ có thể giật miếng cơm ra khỏi miệng dân : *không ai có thể mua bán, làm việc hoặc học hành, nếu không mang dấu thích đó, tức là tên Con Thú* (c.17).

lửa từ trời cũng rơi xuống đất trước mặt người ta.

¹⁴ Nhờ các dấu lạ mà nó được quyền làm trước mặt Con Thú, nó mê hoặc những người sống trên mặt đất, bảo họ tạc tượng thờ Con Thú mang vết thương gươm đâm mà nay đã hồi sinh. ¹⁵ Nó được quyền thổi thần khí vào tượng Con Thú, khiến tượng Con Thú cũng nói được và ra lệnh giết những ai không thờ lạy mình.

¹⁶ Nó bắt mọi người, không phân biệt lớn nhỏ, giàu nghèo, tự do hay nô lệ, phải thết dấu trên tay

hữu hoặc trên trán.

¹⁷ Không ai có thể mua bán, nếu không mang dấu thết đó, tức là tên Con Thú hoặc con số tương đương với tên nó.

¹⁸ Đây là lúc cần phải có sự khôn ngoan. Ai có trí thông minh hãy tính ra số của tên Con Thú, vì đó là số của tên một người, và số của tên người ấy là sáu trăm sáu mươi sáu.

Các người thết dấu trên Con Chiên

14^{*} ¹ Tôi thấy : kìa Con Chiên đứng trên núi Xi-on ; cùng với Con

Sáu trăm sáu mươi sáu : vào thời đó, người ta thường gán một trị số cho mỗi một chữ cái để có được “số” của một người nào đó. Người ta đã tìm ra nhiều tên hay cụm từ tương ứng với con số 666, và “hoàng đế Nê-rô” thì có nhiều khả năng tương ứng nhất. Chúng ta hiểu là con số sáu nói lên sự bất toàn : nó cố vươn tới con số bảy nhưng rồi thất bại.

Trong quá khứ, một số nhà luận chiến chống đạo Công Giáo đã muốn áp dụng con số này cho giáo hoàng. Chuyện này chẳng liên can gì đến ý nghĩa khái quát của đoạn văn, nhưng nó rõ tiền, không làm hao hơi ai cả. Ai biết luật chơi này đều có thể áp dụng con số 666 cho bất kỳ người nào họ muốn, chỉ cần đổi chút kiên nhẫn. Dù là được thánh Gio-an viết ra, nó cũng chỉ là một trò chơi cố gắng hiển cho độc giả của ngài thôi.

* **14.1** Đối đầu các lực lượng mà Xa-tan tập hợp trong đế quốc Rô-ma là các lực lượng của Chúa Ki-tô. Con Thú phải tranh thủ thời gian còn lại của nó, bởi vì Chúa Ki-tô đã ngự trị, và cuộc xét xử đĩnh chỉ cơn bách hại đang được chuẩn bị.

Con Chiên đứng trên núi Xi-on. Núi Xi-on tượng trưng cả Hội Thánh dưới thế lẫn Hội Thánh trên trời. Chúa Ki-tô ngự trị trong Hội Thánh, giữa những người bị bách hại. Những đàn áp, xịch xiềng và chết chóc không đụng tới được ngôi đền thờ sâu kín trong lòng con người, nơi Chúa thông ban sự sống của Người.

Chiên, có một trăm bốn mươi bốn ngàn người, mang danh của Con Chiên và của Cha Con Chiên ghi trên trán. ² Và tôi nghe thấy tiếng từ trời như tiếng nước lũ, như tiếng sấm lớn. Tiếng tôi nghe thấy tựa hồ tiếng những nhạc sĩ vừa gảy đàn vừa hát. ³ Họ hát một bài ca mới trước ngài Thiên Chúa, trước bốn Con Vật và các vị Kỳ Mục. Không ai có thể học được bài ca này, ngoài một trăm bốn mươi bốn ngàn người ấy, là những người đã được chuộc về từ mặt đất.

⁴ Những người ấy đã không ra ô ướ bởi phụ nữ, vì họ còn tân. Con Chiên đi đâu, họ cũng đi theo đó. Họ đã được chuộc về từ giữa loài người, làm của đầu mùa dâng lên Thiên Chúa và Con Chiên. ⁵ Chẳng ai thấy miệng họ nói dối : không ai chê trách họ được.

Ba thiên thần báo giờ phán xét

* ⁶ Rồi tôi thấy một thiên thần khác bay trên đỉnh vòm trời, mang một tin mừng vĩnh cửu để loan báo cho các người ở trên

Con số 144.000 chỉ các Ki-tô hữu trong đế quốc Rô-ma vẫn kiên vững trong đức tin. Họ là *những người đã được chuộc về* và tượng trưng số người tín hữu trong các thế kỷ tương lai.

Có những người cứ hiểu sát chữ, sát nghĩa đen, nên khẳng định rằng chỉ có 144.000 người được cứu rồi mà thôi. Sao họ không đọc lại đoạn 7,4-9, trong đó con số 144.000 là số các thánh xuất thân từ dân Do-thái, rồi sau đó là “một đoàn người thật đông thuộc mọi dân, mọi nước, mọi ngôn ngữ” ?

Họ còn tân (c.4). Ở đoạn 7,9, người Ki-tô hữu được các vị tử đạo làm tiêu biểu, còn ở đây thánh Gio-an lại nói *họ còn tân*, mà từ này có hai nghĩa, cũng như từ ngoại tình ở những đoạn khác : một mặt họ đã không thờ lạy Con Thú, mặt khác họ không còn bị tình dục chế ngự nữa.

Họ hát một bài ca mới (c.3). Khi Chúa cứu thoát dân Do-thái nơi Biển Đỏ, toàn dân đã hát *bài ca của ông Mô-sê* (Xh 15,1). Giờ đây, đoàn tín hữu và tử đạo hát lên bài ca mới để mừng ơn được giải thoát khỏi hận thù, khỏi sự yếu đuối của chính mình và nỗi sợ phải chết, nhờ Chúa Ki-tô.

* 14,6 Thời gian loan báo Tin Mừng là thời gian chuẩn bị cuộc sụp đổ của Thành Đô và các ngẫu tượng của nó (c.8), được loan báo như là tin vui chung cuộc ; nhưng hiện giờ hãy còn là thời kỳ các chứng nhân của Chúa Ki-tô bị đàn áp (c.12).

mặt đất, cho mọi dân, mọi chi tộc, mọi ngôn ngữ và mọi nước. ⁷ Người lớn tiếng hô : “Hãy kính sợ Thiên Chúa và tôn vinh Người, vì đã đến giờ Người phán xét. Hãy thờ lạy Đấng đã tạo thành trời đất, biển khơi và mọi nguồn nước.” ⁸ Một thiên thần khác, vị thứ hai, theo sau và nói : “Sụp đổ rồi, sụp đổ rồi, thành Ba-by-lon vĩ đại, thành đã từng cho mọi nước uống thứ rượu là sự gian dâm cuồng loạn của nó.” ⁹ Một thiên thần khác, vị thứ ba, theo sau hai vị kia và lớn tiếng nói : “Ai thờ lạy Con Thú và tượng của nó, và chịu thích dấu của nó trên trán hoặc trên tay, ¹⁰ thì người

ấy sẽ phải uống thứ rượu, là cơn lôi đình của Thiên Chúa, rượu nguyên chất rót vào chén thịnh nộ của Người ; người ấy sẽ bị làm khổ trong lửa và diêm sinh trước mặt các thánh thiên thần và trước mặt Con Chiên. ¹¹ Khói từ chốn khổ hình của chúng cứ bốc lên đời đời kiếp kiếp. Kể nào thờ lạy Con Thú và tượng của nó, và nhận dấu thích tên nó, thì ngày đêm không được nghỉ ngơi.”

¹² Đây là lúc dân thánh, là những người tuân giữ các điều răn của Thiên Chúa và sống theo niềm tin vào Đức Giê-su, cần phải có lòng kiên nhẫn. ¹³ Và tôi nghe có tiếng từ trời phán rằng : “Người hãy viết :

Ba-by-lon là tên của đế quốc bách hại. Trong Kinh Thánh, cái tên này có nghĩa là quyền lực đối nghịch với Thiên Chúa, và cuộc phạt vận của nó cho thấy Thiên Chúa sẽ xét xử những tổ chức bất công như thế nào.

Khi xảy ra những khủng hoảng trầm trọng và chiến tranh tàn khốc, nhiều người nói : tận thế đây rồi ! Vậy khi đế quốc Rô-ma sụp đổ 300 năm sau thánh Gio-an, nhiều người đã nghĩ đó là phút tận cùng của văn minh nhân loại. Nhưng với thời gian, người ta nhận thấy rằng nhiều cánh đồng rộng lớn hơn đã mở ra chờ được nghe rao giảng Tin Mừng.

Ai thờ lạy Con Thú (c.9). Ở đây được nhắc lại những lời Tin Mừng nghiêm trọng nhất về bốn phận xưng niềm tin của mình (Mt 10,28-33).

Phúc thay những người đã chết trong Chúa (c.13). Thánh Gio-an viết cho các vị tử đạo và chứng nhân khác của Chúa Ki-tô : họ đã được hưởng phần nào hạnh phúc Thiên Chúa hứa ban. Về phần thưởng dành cho người tín hữu ngay từ lúc chết, xem Pl 1,23 và 2 Cr 5.

Ngay từ bây giờ, phúc thay những người đã chết, mà được chết trong Chúa !" Thần Khí phán : "Phải, họ sẽ được nghỉ ngơi, không còn vất vả nhọc nhằn nữa, vì các việc họ làm vẫn theo họ."

Mùa gặt cánh chung

¹⁴ Tôi thấy : kìa một đám mây trắng, và có Đấng ngự trên mây, giống như một Con Người, đầu đội triều thiên vàng và tay cầm liềm sắc bén. ¹⁵ Một thiên thần khác từ Đền Thờ đi ra, lớn tiếng thưa với Đấng ngự trên mây : "Xin tra liềm của Ngài mà gặt, vì đã đến giờ gặt : mùa màng trên đất đã chín rồi !" ¹⁶ Đấng ngự trên mây quăng liềm của mình xuống đất và đất bị gặt.

¹⁷ Rồi một thiên thần khác từ Đền Thờ ở trên trời đi ra, cũng cầm liềm sắc bén. ¹⁸ Một thiên thần khác từ bàn thờ đi ra, vị này có quyền trên lửa, lớn tiếng nói với vị cầm liềm sắc : "Xin tra liềm sắc bén của ngài mà hái các chùm nho trong vườn nho dưới đất, vì các trái nho của đất

đã chín rồi !" ¹⁹ Thiên thần kia quăng liềm của mình xuống đất mà hái nho trong vườn nho dưới đất, rồi đổ cả vào bồn đập nho lớn, tức là cơn lôi đình của Thiên Chúa. ²⁰ Người ta đập nho trong bồn đặt ở ngoài thành, máu tọt bồn trào ra ngập đến hàm thiếc ngựa và lan đến một ngàn sáu trăm dặm.

Bài ca của ông Mô-sê và của Con Chiên

15 ¹ Rồi tôi thấy một diêm khác trên trời, một diêm lớn lao và kỳ diệu : bảy thiên thần mang bảy tai ương, đó là những tai ương cuối cùng, vì với những tai ương này, cơn lôi đình của Thiên Chúa đã hoàn tất. ² Tôi thấy có cái gì như biển trong vất pha ánh lửa, và những người thắng Con Thú, thắng tượng của nó và con số tương đương với tên nó ; tôi thấy họ đứng trên biển trong vất ấy, họ cầm những cây đàn của Thiên Chúa ³ và hát bài ca của ông Mô-sê, tôi tớ Thiên Chúa, và bài ca của Con Chiên ; họ hát rằng :

"Lạy Chúa là Thiên Chúa Toàn Năng,
sự nghiệp Ngài thật lớn lao kỳ diệu !

Lạy Đức Vua trị vì muôn nước,
đường lối Ngài quả chân thật công minh !
⁴ Lạy Chúa, nào có ai không kính sợ Chúa ?
Ai mà chẳng tôn vinh danh Ngài ?
Vì chỉ có Ngài chí thánh chí tôn.
Người muôn nước sẽ về
phủ phục trước Tôn Nhan,
vì ai ai cũng đều thấy rõ
những phán quyết công minh của Ngài.”

Bảy chén tai ương

* ⁵ Sau đó tôi thấy Đền Thờ là Lều Chứng Ước mở ra ở trên trời. ⁶ Bảy thiên thần mang bảy tai ương từ Đền Thờ đi ra, mình mặc áo vải gai tinh khiết sáng chói, ngang ngực có thắt đai bằng vàng. ⁷ Một trong bốn Con Vật đưa cho bảy thiên thần bảy chén vàng, đầy cơn lôi đình của Thiên Chúa, Đấng hằng sống đến muôn thuở muôn đời. ⁸ Đền Thờ đầy khói từ vinh quang Thiên Chúa và từ quyền năng của Người toả ra. Không ai có thể vào trong Đền Thờ, bao lâu bảy tai ương do bảy

thiên thần mang đến chưa hoàn tất.

16 ¹ Bảy giờ tôi nghe một tiếng lớn từ Đền Thờ bảo bảy thiên thần : “Hãy đi trút bảy chén lôi đình của Thiên Chúa xuống mặt đất.” ² Vị thứ nhất đi trút chén của mình xuống mặt đất. Những người mang dấu thích của Con Thú và thờ lạy tượng nó liền bị một ung nhọt ác tính và đau đớn.

³ Vị thứ hai trút chén của mình xuống biển. Biển liền hoá ra máu như máu người chết, và mọi sinh vật dưới biển đều chết.

⁴ Vị thứ ba trút chén của mình xuống sông ngòi và

* 15,5 Ở đây chúng ta trở lại cảnh Rô-ma sụp đổ đã được báo trước, và được hiểu như một cuộc xét xử. *Bảy chén vàng* kết hợp những hình ảnh hoạ lại các tai ương ở Ai-cập với những đoạn văn ngôn sứ khác.

Hác-mơ-ghít-đô hay núi Mơ-ghít-đô (16,16) nhắc lại cuộc bại trận nhớ đời của lịch sử Do-thái (2 V 23,29) và là một cách tiên báo cuộc bại trận của những ai *quy tụ tại đó*. Thánh Gio-an cảnh cáo những ai cai trị thế giới cách bất công rằng họ sẽ không tránh khỏi cuộc xét xử của Thiên Chúa và giờ phút diệt vong.

các nguồn nước. Nước liền hoá ra máu. ⁵ Tôi nghe thiên thần có quyền trên nước nói : “Lạy Đức Thánh, Đấng hiện có và đã có, Ngài thật công minh vì đã xét xử như vậy. ⁶ Chúng đã đổ máu dân thánh và các ngôn sứ, nên Ngài đã cho chúng uống máu : thật là đích đáng !” ⁷ Tôi lại nghe bàn thờ nói : “Vâng, lạy Chúa là Thiên Chúa Toàn Năng, những lời Ngài phán quyết đều chân thật công minh !”

⁸ Vị thứ tư trút chén của mình xuống mặt trời. Mặt trời liền được phép dùng lửa mà thiêu đốt người ta. ⁹ Người ta bị khí nóng dữ dội thiêu đốt, họ nói phạm đến danh Thiên Chúa, Đấng có quyền trên các tai ương đó, nhưng họ không chịu hối cải mà tôn vinh Người.

¹⁰ Vị thứ năm trút chén của mình xuống ngai Con Thú. Vương quốc của nó liền ra tối tăm ; người ta cắn lưỡi vì đau đớn ; ¹¹ họ nói phạm đến Thiên Chúa trên trời, vì quá đau đớn và bị ung nhọt, nhưng họ không chịu hối cải mà từ bỏ các việc mình làm.

¹² Vị thứ sáu trút chén của mình xuống sông cả Êu-phơ-rát. Nước sông ấy liền khô cạn, để dọn đường cho các vua từ phương Đông tới. ¹³ Bảy giờ từ miệng Con Mãng Xà, từ miệng Con Thú và từ miệng ngôn sứ giả, tôi thấy ba thần ô uế nhảy ra như những con ếch.

¹⁴ Chúng quả là những thần khí của ma quỷ, chúng làm những dấu lạ và đi đến với vua chúa trên khắp cả thiên hạ, nhằm tập hợp họ lại để giao chiến trong Ngày lớn lao của Thiên Chúa Toàn Năng. —¹⁵ “Đây, Ta đến như kẻ trộm. Phúc thay kẻ canh thức và giữ áo mình, kéo phải đi đứng trên trường và bị người ta nhìn thấy sự loã lồ của mình !”—

¹⁶ Chúng quy tụ họ tại một nơi, tiếng Híp-ri gọi là Hác-mơ-ghít-đô.

¹⁷ Vị thứ bảy trút chén của mình xuống không khí. Từ Đền Thờ, từ ngai liền có tiếng lớn phát ra : “Xong cả rồi !” ¹⁸ Lúc ấy có ánh chớp, tiếng sấm tiếng sét và động đất lớn như chưa hề có động đất lớn như vậy bao giờ, từ khi con người xuất hiện trên mặt

đất. ¹⁹ Thành vĩ đại vỡ ra làm ba phần và các thành thị của các nước bị sụp đổ. Thiên Chúa đã nhớ đến thành Ba-by-lon vĩ đại mà cho nó uống chén rượu là cơn lôi đình thịnh nộ của Người. ²⁰ Mọi hải đảo biến

đi, núi non không còn nữa. ²¹ Những hạt mưa đá lớn, nặng chùng nứa tạ, từ trời giáng xuống người ta, và người ta nói phạm đến Thiên Chúa vì bị tai ương mưa đá, bởi lẽ tai ương đó lớn quá chùng.

2. BA-BY-LON BỊ TRỪNG PHẠT

Con Điem khét tiếng

17 * ¹ Bảy giờ, trong số bảy thiên thần mang bảy chén, một vị đến bảo tôi : “Lại đây, tôi sẽ chỉ cho ông thấy Con Điem khét tiếng, đang ngồi bên những làn nước mênh mông, bị xét xử như thế nào. ² Vua chúa trần gian đã làm chuyện gian dâm với nó, và những người sống trên mặt đất đã say vì thứ rượu là sự gian dâm của nó.” ³ Rồi đang khi tôi

xuất thân thì thiên thần đem tôi vào sa mạc. Ở đó tôi thấy một người đàn bà, ngồi trên một Con Thú đỏ thẫm, con Thú ấy mang đầy những danh hiệu xúc phạm đến Thiên Chúa, và có bảy đầu mười sừng. ⁴ Người đàn bà mặc áo đỏ tía và đỏ thẫm, trang sức toàn bằng vàng, đá quý và ngọc trai, tay cầm một chén vàng đầy những thứ ghê tởm và ô uế, tức là sự gian dâm của nó. ⁵ Trên

* **17,1** *Lại đây, tôi sẽ chỉ cho ông thấy... bị xét xử như thế nào.* Thiên Chúa cho biết giá trị thật sự của cái thành phố hùng mạnh và phần vinh đang bách hại dân Ki-tô giáo.

Đối với những người sống trong đế quốc, thành phố Rô-ma là hiện thân của đế quốc và văn hoá của nó. Khi đến thủ đô, họ choáng ngợp trước các toà nhà, bầu khí huyền ảo, các nhà hát, ánh đèn và dân cư trù mật. Họ dễ dàng ngưỡng mộ Rô-ma như một vị nữ thần.

Nhưng thời của đế quốc được tiếng là vô địch và linh thiêng này thì có hạn, bởi vì Con Thú, được Ác thần ủng hộ, sẽ *không còn nữa* (c.8), chứ không như Thiên Chúa là Đấng Hằng Hữu và đang đến. Thánh Gio-an miêu tả Rô-ma như một người đàn bà bị quỷ ám. Màu *đỏ tía*, màu các hoàng đế, và *vàng*, biểu hiện sự giàu sang của họ, che phủ những nhơ bẩn và độc ác của nó. Đồng thời nó dẫn đưa con người đến chỗ phục vụ các tà thần và sát hại các vị tử đạo.

trán nó, có viết một tên mang ý nghĩa huyền bí : “Ba-by-lon vĩ đại, mẹ đẻ ra các gái điếm và các thứ ghê tởm trên trần gian.”⁶ Tôi thấy người đàn bà ấy say máu dân thánh và máu các chứng nhân của Đức Giê-su. Thấy nó, tôi rất đổi ngạc nhiên.

Ý nghĩa tượng trưng của Con Thú và Con Điếm

⁷ Bảy giờ thiên thần bảo tôi : “Sao lại ngạc nhiên ? Tôi sẽ nói cho ông hay ý nghĩa huyền bí của người đàn bà và của Con Thú nó đang cỡi, là Con Thú bảy đầu mười sừng.⁸ Con Thú ông vừa thấy, nó đã có nhưng không còn nữa. Nó sắp từ vực thẳm đi lên và đang tới chỗ diệt vong. Các người sống trên mặt đất, mà từ thuở tạo thiên lập địa không được ghi tên trong Sổ Trường Sinh, sẽ ngạc nhiên khi thấy Con Thú, vì nó đã có, nó không

còn nữa, nhưng sẽ trở lại.⁹ Đây là lúc cần phải có trí thông minh cùng với sự khôn ngoan. Bảy đầu là bảy quả núi trên đó người đàn bà ngồi.

“Đó cũng là bảy vua ;¹⁰ năm vua đã đổ, một vua hiện còn, một vua khác chưa đến, và khi vua này đến thì phải ở lại ít thời gian thôi.¹¹ Còn Con Thú đã có và không còn nữa, nó là vua thứ tám, nó cũng thuộc số bảy vua và đang tới chỗ diệt vong.¹² Mười sừng ông đã thấy, là mười vua ; chúng chưa nhận được vương quyền, và sẽ nhận được quyền làm vua với Con Thú, trong vòng một giờ.¹³ Chúng chỉ có một ý định duy nhất là trao thế lực và quyền bính của mình cho Con Thú.¹⁴ Chúng sẽ giao chiến với Con Chiên, và Con Chiên sẽ thắng chúng, vì Con Chiên là Chúa các chúa,

Để nói về Rô-ma, thánh Gio-an dùng những hình tượng khá dễ hiểu. Ai ai cũng đã nghe nói về *bảy quả núi* (đồi) ở Rô-ma. *Bảy vua* là một lối nói chỉ các hoàng đế nối ngôi nhau.

Mười sừng là các vua dân ngoại liên minh với Rô-ma. Những nước vệ tinh này sẽ là khí cụ Thiên Chúa dùng để tiêu diệt Rô-ma. Nhưng vì là nối ngôi Xê-da, chúng sẽ tiếp tục đối nghịch với Hội Thánh.

Những kẻ được kêu gọi, được tuyển chọn sẽ thông phần chiến thắng với Con Chiên (c.14). Chiến thắng của Chúa Ki-tô cũng là chiến thắng của các chứng nhân của Người (Lc 22,28-30).

Vua các vua ; những kẻ đi theo Người, tức là những kẻ được kêu gọi, được tuyển chọn, và luôn trung thành, cũng sẽ thắng.”

¹⁵ Thiên thần lại nói với tôi : “Những làn nước ông đã thấy, nơi Con Điem ngòi, là những dân, những đám đông, những nước và những ngôn ngữ. ¹⁶ Mười sừng ông đã thấy và Con Thú, chúng sẽ ghét Con Điem, sẽ bắt nó phải đơn độc và trần truồng, sẽ ăn thịt nó và dùng lửa thiêu huỷ nó. ¹⁷ Quả vậy, Thiên Chúa đã khiến chúng quyết tâm thực hiện ý định của Người, thực hiện một ý định duy nhất là trao vương quyền của chúng cho Con Thú, cho đến khi các lời Thiên Chúa được hoàn tất. ¹⁸ Người đàn bà ông đã thấy, là Thành vĩ đại nắm vương quyền thống trị vua chúa trần gian.”

Thiên thần báo tin Ba-by-lon sụp đổ

18 ^{* 1} Sau đó, tôi thấy một thiên thần khác

từ trời xuống, với quyền hành rộng lớn, và vinh quang người làm cho mặt đất rực sáng. ² Người lên tiếng hô mạnh mẽ : “Sụp đổ rồi, sụp đổ rồi, thành Ba-by-lon vĩ đại ! Nó đã trở nên sào huyệt của ma quỷ, hang ổ của mọi thứ thần ô uế, hang ổ của mọi thứ chim chóc ô uế và đáng ghét, ³ bởi vì mọi nước đã uống thứ rượu là sự gian dâm cuồng loạn của nó, vua chúa trần gian đã làm chuyện gian dâm với nó, và các con buôn trên trần gian đã làm giàu nhờ sự xa hoa vô độ của nó !”

Dân Thiên Chúa phải lánh đi

⁴ Rồi tôi nghe một tiếng khác từ trời bảo : “Hỡi dân Ta, hãy ra khỏi thành ấy đi, để khỏi thông đồng với tội lỗi của nó và hứng lấy những tai ương dành cho nó ! ⁵ Thật vậy, tội lỗi của nó đã chồng chất lên đến tận trời, và Thiên Chúa đã nhớ đến các việc gian ác của nó. ⁶ Nó đã xử làm

* 18,1 *Sụp đổ rồi, thành Ba-by-lon vĩ đại !* (c.2). Đó là tiếng hô của các ngôn sứ để loan báo sự sụp đổ của quyền bính đang áp bức dân (x. Gr 50 và 51). Chúa Giê-su thì lên tiếng : “Anh em hãy đứng thẳng và ngẩng đầu lên” (Lc 21,28).

sao, hãy xử lại với nó như vậy. Hãy trả lại cho nó gấp đôi những việc nó làm. Chén rượu nó đã rót, hãy rót trả gấp đôi. ⁷ Nó đã phô trương vinh quang và sống xa hoa bao nhiêu, thì hãy giáng khổ hình và tang tóc cho nó bấy nhiêu. Nó đã tự nhủ : ‘Ta ngự trên ngai nữ hoàng, ta không goá bụa, và ta sẽ không hề lâm cảnh tang tóc !’ ⁸ Vì thế, nội trong một ngày, những tai ương dành cho nó sẽ ập đến :

“Khốn thay ! Khốn thay !

Hỡi thành vĩ đại,

hỡi Ba-by-lon, thành phố hùng cường,

vì nội trong một giờ, ngươi đã bị xét xử !”

¹¹ Các con buôn trên mặt đất khóc lóc để tang nó, vì không còn ai mua hàng hoá của chúng nữa.

¹² Hàng hoá đó là : vàng, bạc, đá quý, ngọc trai ; vải gai mịn, vải đỏ tía, tơ lụa, vải đỏ thẫm ; gỗ trầm, đồ bằng ngà, đồ bằng gỗ quý, bằng đồng, bằng sắt, bằng cẩm thạch ; ¹³ quế, sa

nào là ôn dịch, nào là tang tóc, nào là đói kém ; nó sẽ bị lửa thiêu huỷ, vì Đức Chúa, Thiên Chúa, Đấng đã xét xử nó, là Đấng oai hùng !

Than khóc Ba-by-lon

⁹ Vua chúa trần gian đã làm chuyện gian dâm và sống xa hoa với nó, sẽ đắm ngực khóc than nó, khi thấy khói từ đám cháy thiêu huỷ nó. ¹⁰ Vì sợ khổ hình của nó, chúng sẽ đứng xa xa mà than rằng :

nhân, hương thơm, mộc dược, nhũ hương ; rượu, dầu, tinh bột, lúa mì, súc vật, chiên cừu, ngựa, xe, thân xác, và cả linh hồn người ta nữa.

¹⁴ Hoa quả lòng người ao ước đã biến xa người ; mọi thứ loè loẹt, hào nhoáng, người không còn nữa, và

Hỡi dân Ta, hãy ra khỏi thành ấy đi ! (c.4). Các bạn hãy sống giữa thế gian mà không thuộc về thế gian ; hãy tìm mọi cách để cảm hoá xã hội này, cải thiện các nguyện vọng của nó, văn hoá của nó, nhưng đừng để linh hồn các bạn bị tha hoá ! Và khi đến giờ Thiên Chúa xét xử những cơ cấu đã cần cỗi, hãy sẵn sàng bỏ hết mọi sự và quay trở lại sa mạc, trở về với đức nghèo khó, thay vì nằm trong số những vong nhân của lịch sử (x. Pl 3,20).

người ta sẽ chẳng bao giờ nhờ thành ấy mà làm
tìm thấy nữa !

¹⁵ Những kẻ buôn các hàng hoá ấy, những kẻ đã

khờ hình của nó, sẽ khóc
lóc, để tang và than rằng :
¹⁶ “Khốn thay ! Khốn thay ! Thành vĩ đại
đã mặc vải gai mịn, vải đỏ tía và đỏ thẫm,
trang sức toàn bằng vàng, đá quý và ngọc trai,

¹⁷ vì nội trong một giờ,
bấy nhiêu của cải đã bị phá tan hoang !”

Mọi tài công và mọi kẻ đi tàu, các thuỷ thủ và các người làm nghề hàng hải, đứng xa xa, ¹⁸ và khi thấy khói từ đám cháy thiêu huỷ nó, họ kêu lên :

“Thành nào sánh được với thành vĩ đại ?” ¹⁹ Chúng rắc tro bụi lên đầu, kêu la, khóc lóc, để tang và than rằng :
“Khốn thay ! Khốn thay ! Thành vĩ đại
đã lấy sự phong phú của mình
mà làm giàu cho các chủ tàu biển,
vì nội trong một giờ,
nó đã bị phá tan hoang !”

²⁰ Hỡi thiên quốc, hãy mừng vui hoan hỷ, vì nó

đã bị phá tan hoang. Hỡi dân thánh, các tông đồ và các ngôn sứ, hãy mừng vui hoan hỷ, vì Thiên Chúa đã
xử công minh cho các người, khi lên án nó !
²¹ Bấy giờ một thiên thần dưng mãnh nhắc một tảng đá to như chiếc cối xay lớn mà ném xuống biển và nói :

“Ba-by-lon, thành vĩ đại,
sẽ bị thẳng tay ném đi như thế đó,
và người ta sẽ chẳng bao giờ còn tìm thấy nó nữa !

²² Trong thành người, sẽ chẳng bao giờ còn nghe tiếng nhạc sĩ gảy đàn, ca hát, thổi sáo và thổi kèn.

Trong thành người, sẽ chẳng bao giờ còn thấy thợ thủ công thuộc mọi ngành nghề.

Trong thành người, sẽ chẳng bao giờ còn nghe tiếng cối xay bột nữa.

- 23 Trong thành người, sẽ chẳng bao giờ còn thấy
ánh sáng đèn chiếu rọi.
Trong thành người, sẽ chẳng bao giờ còn nghe
tiếng cô dâu chú rể.
Bởi vì các con buôn của người
từng là kẻ quyền thế trên mặt đất,
bởi vì người đã dùng phù phép
mà làm cho muôn nước mê hoặc,
- 24 và trong thành người,
đã tìm thấy máu của các ngôn sứ, của dân thánh
và của mọi người đã bị giết trên mặt đất.”

Khải hoàn ca trên thiên quốc

- 19** * ¹ Sau đó, tôi nghe như có tiếng hô lớn của đoàn
người đông đảo ở trên trời vang lên :
“Ha-lê-lui-a !
Thiên Chúa ta thờ là Đấng Cứu Độ,
Đấng vinh hiển uy quyền !

* 19,1 THÀNH BA-BY-LON TRUYỀN KIẾP

Đối với thánh Gio-an, Con Thú tượng trưng cho quyền lực chính trị của đế quốc Rô-ma, và ngài đã tiên báo sự sụp đổ của nó. Thế mà suốt bao nhiêu thế kỷ, phương Tây Ki-tô giáo vẫn còn mơ tưởng đến thế giới ấy không người !

Chỉ mỗi cái tên Rô-ma là đủ gợi nhớ đế quốc nổi tiếng nhất thiên hạ. Nó đã mở rộng bờ cõi sau khi xâm chiếm nhiều dân nước, và củng cố quyền lực của mình bằng một bộ luật và một trật tự tinh thần chặt chẽ. “Hoà bình Rô-ma” đã cho phép quảng bá một nền văn hoá mà cả phương Tây đã được thừa hưởng, nhưng đồng thời những tài nguyên thu thập từ bốn phương lại đưa đế quốc đến tình trạng hư đốn. Trong quốc gia tân tiến bậc nhất này, tất cả những ai không chịu sống theo thể chế “hoà bình” và luật chơi áp đặt trong đó đều bị diệt trừ thẳng tay.

Khi chọn cuộc đối đầu giữa Giáo Hội và đế quốc ấy làm chủ đề các chương trong Kh, thánh Gio-an cho chúng ta hiểu rằng cuộc đấu tranh này là một hằng số, một dữ kiện thường kỳ trong lịch sử : Rô-ma biến đi, Ba-by-lon tái xuất hiện.

Nhiều kẻ đồng hoá nó với những chính đảng đối nghịch với mình, nhưng ma quỷ đâu nằm trong đảng nào. Bên cạnh những cuộc bách hại đẫm máu Giáo Hội đã trải qua, còn có một loại bách hại khác không ai biết đến vì kẻ ném đá khéo giấu tay, và những cường quốc bách hại thì dồn vào đó hàng khối tài lực.

² Những lời Người phán quyết
 đều chân thật công minh !
 Vì Người đã xét xử Con Điem khét tiếng
 từng dùng chuyện gian dâm
 mà làm cho mặt đất ra hư hỏng,
 và Người đã bắt nó
 phải đền nợ máu các tội tở của Người
 mà chính tay nó đã giết.”

³ Lần thứ hai họ lại hô : thờ lạy Thiên Chúa, Đấng
 “Ha-lê-lui-a ! Khói lửa ngự trên ngai, mà tung
 thiêu nó cứ bốc lên đời đời hô : “A-men ! Ha-lê-lui-a !”
 kiếp kiếp !” ⁴ Bấy giờ, hai ⁵ Rồi từ ngai có tiếng
 mươi bốn vị Kỳ Mục và phát ra :
 bốn Con Vật phủ phục xuống
 “Nào ca ngợi Thiên Chúa chúng ta,
 hỡi tất cả tội trung của Chúa,
 hỡi những ai lớn nhỏ
 hàng kính sợ Người !”

Ngày nay, Ki-tô giáo hãy còn tự đồng hoá mình phần nào với thế giới tây phương, và phương Tây gieo rắc những giá trị Ki-tô giáo khắp trên thế giới, mặc dù là không cố ý. Tuy nhiên, phương Tây lại đi truyền bá một chủ nghĩa thương mại tự do cố kết với đồng tiền. Chính từ những nước mang danh là Ki-tô giáo mà lan rộng ra những ảnh hưởng hư đốn và độc hại nhất cho sức khoẻ tinh thần các dân tộc. Ngoài ra, nhờ kỹ thuật cao, họ tha hồ bóc lột các nước nghèo mà bên ngoài vẫn không thấy có gì là áp bức, trong khi miệng thì rao giảng những nguyên tắc tương hợp với quyền lợi của riêng mình.

Vậy Ba-by-lon của tk XX đâu có đồng hoá với một nước xấu xa hay quỷ quyết nào : nó ở chính nơi nào có nhiều cộng đoàn Ki-tô hữu mạnh dạn đấu tranh và làm chứng cho Thiên Chúa. Giáo Hội càng quan tâm nhìn con người và thế giới với đôi mắt và con tim của người nghèo, thì càng biết chắc sẽ có trận chiến giữa Chúa Ki-tô và các chúa tể cai trị thế gian này.

* **19,6** Đây là bài ca chiến thắng vang dội trên trời. Một đoàn người đồng đảo reo mừng vì Con Điem đã bị xử tội, và hát bài ca Ha-lê-lui-a trong lúc hôn lễ Con Chiên được chuẩn bị.

Hạnh phúc thay kẻ được mời đến dự tiệc cưới Con Chiên ! (c.9). Thánh Gio-an viết về hạnh phúc, về niềm vui sau khi đã im bật những rùm beng trong Ba-by-lon và tắt hết những đèn đóm của lễ hội. Giờ đây, những gì sáng chói là hành vi của các thánh, dù là thành tích dùng cảm hay phục vụ khiêm tốn.

* ⁶ Tôi lại nghe như có nước lũ, như tiếng sấm
tiếng hô của đoàn người vang dữ dội :
đông đảo, nghe như tiếng

“Ha-lê-lui-a !

Đức Chúa là Thiên Chúa Toàn Năng
đã lên ngôi hiển trị.

⁷ Nào ta hãy vui mừng hoan hỷ
dâng Chúa lời tôn vinh,

⁸ vì nay đã tới ngày
cử hành hôn lễ Con Chiên,
và Hiền Thê của Người đã trang điểm sẵn sàng,
nàng đã được mặc áo vải gai
sáng chói và tinh tuyền.”

Cuối đoạn, tác giả phê bình cung cách tôn sùng quá đáng dành cho các thiên thần, vào thời ấy có nguy cơ thế chân cho việc thờ cúng thần ngoại. Cũng có thể là một cách nhắc người Ki-tô hữu cảnh giác nạn tôn sùng cá nhân ngay trong nội bộ Giáo Hội (so sánh 19,10 ; 22,8 ; Cv 10,25-26).

CÓ NÊN NHẬN THẤY MỘT LIÊN HỆ NÀO ĐÓ GIỮA NHỮNG CUỘC ĐỨC MẸ HIỆN RA VÀ BIẾN CỐ TẬN THẾ KHÔNG ?

Chúng ta đã cố gắng cho thấy rằng sách Khải huyền không phải là một tác phẩm tả chân về những gì sẽ xảy ra trước ngày tận thế, nhưng có vai trò biểu lộ ý nghĩa của lịch sử, dù là ở thời kỳ khởi đầu hay ở điểm kết thúc.

Thế nhưng có điều là bước tiến của nhân loại đột nhiên tăng tốc : chỉ trong một thế kỷ, người ta đã đi một quãng đường dài hơn là trong hàng mấy thế kỷ trước đó, và trong 50 năm qua, còn dài hơn cả thế kỷ trước nữa.

Ở một mặt khác, mật độ dân số và khối lượng những vật liệu thông dụng đã khiến cuộc sống con người ngày càng phức tạp và căng thẳng ; mỗi ngày lại có thêm những phương tiện hiệu quả hơn để làm điều ác và trao nộp cho Xa-tan.

Đối với một số người, những lần Đức Mẹ hiện ra có tầm quan trọng hơn trong thế kỷ vừa qua lại là dấu hiệu bổ sung, cho biết rằng chúng ta đang tiến gần đến ngày tận thế : có nên nhận ra một mối liên hệ như vậy không ?

Trong đoạn truyền tin (Lc 1,26), chúng ta đã thấy Thiên Chúa trao cho Đức Ma-ri-a một sứ mạng có một không hai. Mẹ và Hội Thánh là hai nhân vật được người Phụ Nữ và Con Mãng Xà trong ch. 12 làm biểu tượng. Vậy không lạ gì nếu Mẹ vận dụng ơn thánh được Thiên Chúa ban để can thiệp, bằng cách thỉnh thoảng hiện ra với những người nghèo khổ.

Vải gai dây chỉ những việc lành của dân thánh.⁹ Thiên thần bảo tôi : “Hãy viết : Hạnh phúc thay kẻ được mời đến dự tiệc cưới Con Chiên !” Người lại bảo tôi : “Đó là những lời chân thật của chính Thiên Chúa.”¹⁰ Tôi phủ phục xuống dưới chân

người mà thờ lạy, nhưng người nói : “Đừng, đừng ! Tôi cũng là một tôi tớ như ông và như các anh em của ông, những người giữ lời chứng của Đức Giê-su. Hãy thờ lạy Thiên Chúa.” Lời chứng của Đức Giê-su, là thần khí linh hứng cho ngôn sứ.

3. CÁC DÂN NGOẠI BỊ TIÊU DIỆT

Cuộc chiến cánh chung thứ nhất

*¹¹ Bảy giờ tôi thấy trời rộng mở : kia một con ngựa trắng, và người cỡi ngựa mang tên là “Trung

thành và Chân thật”, Người theo công lý mà xét xử và giao chiến.¹² Mắt Người như ngọn lửa hồng, đầu Người đội nhiều vương miện, Người mang một

Bởi vì kế hoạch cứu độ luôn gặp nhiều nguy cơ : những trở ngại và trì trệ lớn nhất lại nảy sinh từ trong lòng Giáo Hội, thường hay mù quáng không nhận ra những đòi hỏi của Tin Mừng, trong khi chính mình vẫn muốn loan báo Tin Mừng. Tại sao có những cơ cấu nặng nề, mất gốc (thánh thiện) như thế, cuối cùng biến Giáo Hội thành vật sở hữu của hàng giáo sĩ, của lớp người thông thái, còn dân nghèo và đại chúng trên các lục địa thì không sao với tới ?

Đức Mẹ không đem đến một sứ điệp hay mặc khải mới mẻ nào, như nhiều người trông đợi (do đó mà người ta cứ bịa ra nhiều mặc khải, và loại này thì rất ăn khách). Mẹ chỉ lặp lại những lời Tin Mừng, đưa vào đó một sức mạnh giúp lòng người hoán cải. Những lần Mẹ hiện ra nói lên sự thất bại của Giáo Hội : Mẹ đến cứu giúp những đứa con bị bỏ quên của Mẹ. Và đó cũng là một trong những kênh qua đó Chúa Thánh Thần lên tiếng, Đấng không ngừng nhắc nhở Tin Mừng qua miệng các ngôn sứ và những điềm thiêng dấu lạ.

Nếu thời gian sau này, Mẹ hiện ra thường hơn, ấy có lẽ vì ngày nay Giáo Hội đang bị đe dọa nhiều hơn ; nhưng nếu Xa-tan hoạt động nhiều hơn, có thể là ngày tận thế đã gần kề.

* 19,11 Đây là phần nối tiếp các ch. 13 – 16, sau phần như viết trong ngoặc là hai chương 17 và 18. Bảy thiên thần đã trút các chén tai ương để trừng phạt Con Thú, và giây phút quyết định đã đến. Bảy giờ thì Chúa Ki-tô xuất hiện.

danh hiệu viết trên mình, mà ngoài Người ra chẳng ai biết được.¹³ Người khoác một áo choàng đẫm máu, và danh hiệu của Người là : “Lời của Thiên Chúa”.¹⁴ Các đạo quân thiên quốc đi theo Người, họ cỡi ngựa trắng, mặc áo vải gai mịn trắng tinh.¹⁵ Từ miệng Người phóng ra một thanh gươm sắc bén để chém muôn nước. Chính Người sẽ dùng trượng sắt mà chặn dất chúng. Người đạp trong

bồn đạp nho chứa thứ rượu là cơn lôi đình thịnh nộ của Thiên Chúa Toàn Năng.¹⁶ Người mang một danh hiệu viết trên áo choàng và trên vế : “Vua các vua, Chúa các chúa.”

¹⁷ Rồi tôi thấy một thiên thần đứng trên mặt trời ; người lớn tiếng bảo mọi loài chim đang bay trên đỉnh vòm trời : “Đến đây, tề tựu cả về mà dự đại tiệc của Thiên Chúa,¹⁸ để ăn thịt vua chúa, thịt dũng tướng hùng binh, thịt

Danh hiệu của Người là Lời của Thiên Chúa (c.13). Đây là “người con trai” của người Phụ Nữ, Đấng sẽ dùng trượng sắt mà chặn dất muôn nước (c.15, và 12,5). *Lời của Chúa* : đây là bản lãnh thần thiêng của Người, mà ngoài Người ra chẳng ai biết được. X. Ga 1,1-14.

Các đạo quân thiên quốc đi theo Người (c.14), như Chúa Giê-su đã nhiều lần loan báo (Mt 16,27). Người là Ngôi Lời của Thiên Chúa, đủ mạnh để chiến thắng, không ngừng thực thi công trình cứu độ, *trung thành* thực hiện những lời Thiên Chúa hứa, *chân thật* trong lời nói, và là Đấng khởi nghĩa cuộc chiến chống lại Ác thần và các đồng minh của nó là quyền lực bách hại (Con Thú) và những học thuyết ru ngũ thay vì cứu độ (*ngôn sứ giả ở c.20*).

Khi đọc những trang sách này là những lời trực tiếp nhằm vào đế quốc Rô-ma, chúng ta có thể nghĩ đến những trận bại của các đạo binh vô địch Rô-ma, đến sự sụp đổ của cái xác khổng lồ này, mà hồn của nó là niềm tin vào nữ thần Rô-ma, vào thần linh Xê-da hoàng đế. Nhưng Chúa Ki-tô đầu đã đến giao chiến với quân đội Rô-ma. Nhiều quân sĩ đã trở thành Ki-tô hữu, và nhiều người trẻ trong quân đội là những nhà truyền giáo của Chúa Ki-tô ở những nơi họ đã đi qua. Bao nhiêu người trong số họ đã tử vì đạo.

Nhưng dù sao, sự mệt mỏi của thế giới ngoại đạo vẫn là cuộc chiến thắng của Chúa Ki-tô và các vị chứng nhân tử đạo của Người. Lòng hy sinh của các ngài đã lên án những tập tục dã man, bất công và vô luân của thế giới ngoại đạo. Cuộc chiến đấu mỗi ngày của người Ki-tô hữu là nơi Chúa Ki-tô chiến thắng, cho đến ngày xét xử sẽ diễn ra tỏ tường như thanh thiên bạch nhật : *Đến đây, để ăn thịt vua chúa, thịt dũng tướng hùng binh (c.18)*.

chiến mã và kỵ binh, thịt mọi người, tự do cũng như nô lệ, trẻ nhỏ cũng như người lớn !”

¹⁹ Tôi lại thấy Con Thú và vua chúa trên mặt đất, cùng với các đạo quân của chúng, tụ tập lại để giao chiến với Đấng cỡi ngựa và đạo quân của Người. ²⁰ Con Thú bị bắt, cùng với tên ngôn sứ giả từng dùng các dấu lạ hấn làm trước mặt nó, mà mê hoặc những kẻ nhận dấu thích của nó và những kẻ thờ lạy tượng của nó. Cả hai bị quăng sòng vào hồ lửa có diêm sinh đang cháy ngùn

ngụt. ²¹ Những người còn lại bị thanh gươm phóng ra từ miệng Đấng cỡi ngựa giết chết, và mọi loài chim được ăn no thịt của chúng.

Triều đại một ngàn năm

20 * ¹ Bấy giờ tôi thấy một thiên thần từ trời xuống, tay cầm chìa khoá vực thẳm và một dây xích lớn. ² Người bắt lấy Con Mãng Xà, tức là Con Rắn xưa, cũng là ma quỷ hay Xa-tan, và xích nó lại một ngàn năm. ³ Người quăng nó vào vực thẳm, rồi đóng cửa và niêm phong lại, để nó không còn mê hoặc các nước, cho đến khi hết một

* **20,1** Đoạn văn này đã được bình giải theo nhiều cách và dẫn đến nhiều lầm lẫn. Một số người nghĩ sẽ có một địa đàng kéo dài 1.000 năm trước khi thiên đàng xuất hiện. Nhưng như vậy là hoàn toàn mâu thuẫn với giáo huấn hiển nhiên của Tân Ước, khẳng định rằng không có giai đoạn trung gian nào giữa cuộc đời này và cuộc sống vĩnh cửu, ngược lại với niềm tin của nhiều người Do-thái thời ấy.

Thị kiến này có thể là một cách trình bày mới, làm nổi bật những điểm tích cực của lịch sử và kết quả thành công của việc rao giảng Tin Mừng. Thời gian *một ngàn năm* này có thể tượng trưng cho thời gian trong đó Giáo Hội được thoát khỏi mọi bách hại, đi rao giảng Phúc Âm cho thế giới.

Quyền lực của Ác thần suy yếu đi : nó bị xích lại. Một làn sóng suy tư và hành động Ki-tô giáo sẽ đổi mới thế giới. Chúng ta hãy nhớ đến những dấu tranh chống lại các hình thức nô lệ đủ loại, đến luật nhân quyền, việc giải phóng phụ nữ, bảo vệ sự sống và trẻ em.

Tôi thấy linh hồn những người đã bị chém đầu (c.4). Họ đã được thông phần hạnh phúc của Chúa Ki-tô, và một cách nào đó cũng chia sẻ vương quyền của Người trên lịch sử ; và cùng với Người, họ có mặt trong đời sống của Giáo Hội trần thế. Chúng ta hãy nghĩ đến ảnh hưởng ngày càng sâu đậm của những người đã suốt đời hiến thân cho một chính nghĩa cao quý.

ngàn năm ấy. Sau đó, nó phải được thả ra trong một thời gian ngắn.

⁴ Rồi tôi thấy những chiếc gai, có người ngồi trên đó, và họ được ban quyền xét xử. Tôi cũng thấy linh hồn những người đã bị chém đầu vì đã rao giảng lời chứng của Đức Giê-su và lời của Thiên Chúa ; họ là những kẻ đã không thờ lạy Con Thú và tượng của nó, và không nhận thích dấu của nó trên trán và trên tay. Họ sống lại và hiển trị với Đức Ki-tô một ngàn năm.

⁵ Những người khác trong số kẻ chết thì không được sống lại trước khi hết một ngàn năm ấy. Đó là lần phục sinh thứ nhất.

⁶ Hạnh phúc thay và thánh thiện dường nào kẻ được dự phần vào cuộc phục sinh thứ nhất này ! Cái chết thứ hai không có quyền gì trên họ ; nhưng

họ sẽ là tư tế của Thiên Chúa và của Đức Ki-tô, họ sẽ hiển trị với Đức Ki-tô một ngàn năm ấy.

Cuộc chiến cánh chung thứ hai

⁷ Hết một ngàn năm ấy, Xa-tan sẽ được thả ra khỏi ngục. ⁸ Nó sẽ ra đi mê hoặc các nước ở khắp bốn phương thiên hạ là Gốc và Ma-gốc, và tập hợp chúng lại để giao chiến ; số chúng nhiều như cát biển.

⁹ Chúng tiến lên lan tràn khắp mặt đất, bao vây doanh trại dân thánh và Thành Đô được Thiên Chúa yêu chuộng. Nhưng có lửa từ trời rơi xuống thiêu huỷ chúng. ¹⁰ Ma quỷ, tên mê hoặc chúng, bị quăng vào hồ lửa và diêm sinh, ở đó đã có Con Thú và tên ngôn sứ giả ; và chúng sẽ bị làm khổ ngày đêm đời đời kiếp kiếp.

Hết một ngàn năm ấy (c.7). Chúng ta không biết thế giới sẽ tồn tại bao lâu, Hội Thánh sẽ phải đối đầu với bao nhiêu nền văn hoá, bao nhiêu đế quốc. Nhưng thánh Gio-an nói về một cơn khủng hoảng cuối cùng, trong đó dường như Hội Thánh sẽ bị tràn ngập bởi những quyền lực gian ác (x. 2 Tx 2,3). Thánh Gio-an đã nói khá nhiều về cuộc chiến của Hội Thánh chống lại các tay sai của Ác thần để cho chúng ta có một khái niệm nào đó về điều gì sẽ xảy ra trong cơn khủng hoảng chung cuộc ấy.

Có lửa từ trời rơi xuống thiêu huỷ chúng (c.9). Thánh Gio-an dùng lại những biểu tượng trong Ê-dê-ki-en, ch. 38 và 39.

Các dân bị xét xử

* ¹¹ Bấy giờ tôi thấy một ngai lớn màu trắng và thấy Đấng ngự trên đó. Đất và trời biến mất trước mặt Người, không để lại dấu vết. ¹² Rồi tôi thấy những người chết, lớn cũng như nhỏ, đứng trước ngai. Sổ sách đã mở sẵn ; rồi một cuốn khác cũng đã mở ra : đó là Sổ Trường Sinh. Các người chết được xét xử tùy theo việc họ đã làm, chiếu theo những gì

đã được ghi chép trong sổ sách.

¹³ Biển trả lại những người chết nó đang giữ ; Tử thần và Âm phủ trả lại những người chết chúng đang giữ, và mỗi người chịu xét xử tùy theo các việc đã làm. ¹⁴ Tử thần và Âm phủ bị quăng vào hồ lửa. Hồ lửa này là cái chết thứ hai. ¹⁵ Ai không có tên ghi trong Sổ Trường Sinh thì bị quăng vào hồ lửa.

4. GIÊ-RU-SA-LEM TƯƠNG LAI

Trời mới đất mới

21 * ¹ Bấy giờ tôi thấy trời mới đất mới, vì trời cũ đất cũ đã biến mất, và biển cũng không còn

nữa. ² Và tôi thấy Thành Thánh là Giê-ru-sa-lem mới, từ trời, từ nơi Thiên Chúa mà xuống, sẵn sàng như tân nương trang điểm

* **20,11** *Đất và trời biến mất* (c.11). Đó là ngày khánh tận của thế giới chúng ta và ngày xét xử kết thúc thời gian : vạn vật trở về với Thiên Chúa và biến thành hoàn mỹ trong Người.

Sổ sách đã mở sẵn (c.12). Thánh Gio-an mượn lại những hình ảnh trong Đa-ni-en 7,10 để cho thấy cuộc xét xử diễn ra cho từng cá nhân.

Tử thần và Âm phủ bị quăng vào hồ lửa (c.12) : đây là một cách để nói lên rằng chẳng những cái chết sẽ biến đi, mà nó chẳng hề nằm trong ý muốn của Thiên Chúa bao giờ : nó chỉ có mặt trong thế giới do hậu quả của tội lỗi mà thôi (x. 1 Cr 15,26).

Cuộc xét xử chung cuộc này chỉ tổng kết lại những gì đã nói về cuộc xét xử thế giới Do-thái hoặc Rô-ma, nên thánh Gio-an nói cách vắn tắt. Điều ngài thích làm hơn, đó là mô tả *thành Giê-su-sa-lem mới từ nơi Thiên Chúa mà xuống* : đây là đề tài của hai thị kiến sau cùng dưới đây.

* **21,1** Thị kiến thứ nhất về thành Giê-su-sa-lem trên trời. “Điều mắt chẳng hề thấy, tai chẳng hề nghe, đó lại là điều Thiên Chúa đã dọn sẵn cho những ai mến yêu Người” (1 Cr 2,9).

để đón tân lang. ³ Rồi tôi nghe từ phía ngai có tiếng hô to : “Đây là nhà tạm Thiên Chúa ở cùng nhân loại, Người sẽ cư ngụ cùng với họ. Họ sẽ là dân của Người, còn chính *Người sẽ là Thiên-Chúa-ở-cùng-họ.* ⁴ Thiên Chúa sẽ lau sạch nước mắt họ. Sẽ không

còn sự chết ; cũng chẳng còn tang tóc, kêu than và đau khổ nữa, vì những điều cũ đã biến mất.”

⁵ Đấng ngự trên ngai phán : “Này đây Ta đổi mới mọi sự.” Rồi Người phán : “Người hãy viết : Đây là những lời đáng tin cậy và chân thật.” ⁶ Người

Kinh Thánh bắt đầu bằng một cảnh tượng sáng thế đầu tiên, trong đó Thiên Chúa đến nói chuyện với bạn của Người là A-đam, trong vườn Ê-đen. Còn sách Khải Huyền thì kết thúc bằng một cảnh tượng còn tuyệt vời hơn nữa, tràn niềm hân hoan được *Thiên Chúa ở cùng* (c.3).

Này đây Ta đổi mới mọi sự (c.5). Thành đô cho loài người cư ngụ, thánh thiêng và vĩnh hằng, đã được xây xong.

Trời mới đất mới. Thân xác đã phục sinh của Chúa Ki-tô là nguyên lý của vũ trụ mới này –về thể chất cũng như tâm linh– mà chúng ta hằng mong mỏi. Giờ đây, quyền năng phục sinh của Người đã biến đổi toàn thể tạo thành. Đó không phải là một thiên đàng dành cho những linh hồn riêng biệt hay cho những thiên thần, nhưng là thành đô nhân loại, trong đó tất cả mọi người đã trở thành con cái Thiên Chúa cách trọn vẹn : *người ấy sẽ là con của Ta* (c.7).

Thiên Chúa sẽ lau sạch nước mắt họ (c.4). Thiên Chúa cư ngụ giữa loài người và đón họ vào hưởng chính hạnh phúc của Người. Những đau khổ đã từng đè nặng trên bao cuộc sống, những cực hình các vị tử đạo đã chịu, nỗi khổ tâm của các tội nhân thống hối, tất cả đều đã qua đi. Trong cung lòng Thiên Chúa là vui mừng và bình an, những điều mà không ai tìm thấy và được hưởng trên trái đất này.

Cái chết thứ hai (c.8). Đối diện với hạnh phúc ấy là hình phạt đời đời. *Hồ lửa* trước hết dành cho ma quỷ và quyền lực tử thần (19,20 ; 20,10 ; 20,14), và nó cũng sẽ nuốt trửng những ai đã ngoan cố chống lại Thiên Chúa. Quyền tự quyết của con người là có thật, đến nỗi Thiên Chúa không thể cưỡng bức con người. Cho dù chúng ta khó có thể nghĩ rằng một ai đó không còn có khả năng sám hối nữa, chúng ta đã được cảnh cáo nhiều lần : tội phản bội, chối từ chân lý, dẫn đến cái trống rỗng tuyệt đối.

Thành Giê-ru-sa-lem mới từ nơi Thiên Chúa mà xuống (c.1). Con người đã cố công xây dựng cộng đoàn nhân loại, thường thất bại nhiều hơn là thành công. Nhưng cuối dòng lịch sử, họ nhận ra rằng, cùng với họ, Thiên Chúa đã xây dựng một cái gì đó còn lớn lao hơn nhiều.

lại phán với tôi : “Xong cả rồi ! Ta là An-pha và Ô-mê-ga, là Khởi Nguyên và Tận Cùng. Chính Ta sẽ ban cho ai khát được uống nơi nguồn nước trường sinh, mà không phải trả tiền. ⁷ Ai thắng sẽ được thừa hưởng hồng ân đó. Ta sẽ là Thiên Chúa của người ấy, và người ấy sẽ là con của Ta. ⁸ Còn những kẻ hèn nhát, bất trung, đáng ghê tởm, sát nhân, gian dâm, làm phù phép, thờ ngẫu tượng, và mọi kẻ nói dối, thì phần dành cho chúng là hồ lửa và diêm sinh cháy ngùn ngụt : đó là cái chết thứ hai.”

Giê-ru-sa-lem mới

* ⁹ Bấy giờ, trong số bảy thiên thần mang bảy chén

đầy bảy tai ương cuối cùng, một vị đến bảo tôi : “Lại đây, tôi sẽ chỉ cho ông thấy Tân Nương, Hiền Thê của Con Chiên.” ¹⁰ Rồi đang khi tôi xuất thần, thì người đem tôi lên một ngọn núi cao hùng vĩ, và chỉ cho tôi thấy Thành Thánh, là Giê-ru-sa-lem, từ trời, từ nơi Thiên Chúa mà xuống, ¹¹ chói lọi vinh quang Thiên Chúa. Thành rực sáng tựa đá quý tuyệt vời, như ngọc thạch trong suốt tựa pha lê. ¹² Thành có tường rộng và cao, với mười hai cửa do mười hai thiên thần canh giữ, và trên các cửa có ghi tên mười hai chi tộc con cái Ít-ra-en. ¹³ Phía đông có ba cửa, phía bắc ba cửa, phía nam ba cửa và phía

Xong cả rồi ! (c.6). Đây rồi, thực tại chung kết. Trong thế giới mới này không có biển, vì biển là nơi hiểm nghèo, và nó tượng trưng cho những hoang mang, sóng gió của kiếp người.

Từ nay trở đi, Thiên Chúa, vốn là *Khởi Nguyên và Tận Cùng*, sẽ không ngừng ban *nước trường sinh* (c.6 ; Is 55,1 ; Ga 4,10). Cuộc sống vĩnh hằng của chúng ta nơi Thiên Chúa không thể là một cuộc sống bất động, vì như thế chúng ta sẽ mau chán ngán. Thiên Chúa hoàn toàn là sáng tạo, và sống trong Người tức là vừa có Người làm gia nghiệp, vừa được dẫn đi sâu hơn mãi vào mầu nhiệm của Người.

* **21,9** Thị kiến thứ hai về thành Giê-ru-sa-lem trên trời : ngôi đền của Thiên Chúa.

Sau biểu tượng Giê-ru-sa-lem Tân Nương là biểu tượng Giê-ru-sa-lem Thành Thánh, ngôi đền của Thiên Chúa. Loài người không còn cần đến đền thờ nữa khi mà Thiên Chúa hiện diện ở giữa họ luôn mãi : thực tại đã thay thế cho hình bóng.

tây ba cửa. ¹⁴ Tường thành xây trên mười hai nền móng, trên đó có tên mười hai Tông Đồ của Con Chiên.

¹⁵ Thiên thần đang nói với tôi cầm cái thước đo là một cây sậy bằng vàng, để đo thành, các cửa và tường thành. ¹⁶ Thành hình vuông : chiều dài cũng bằng chiều rộng. Rồi người lấy cây sậy đo thành, được mười hai ngàn dặm : chiều dài, chiều rộng và chiều cao đều bằng nhau. ¹⁷ Người đo tường thành được một trăm bốn mươi bốn thước, theo thước đo của loài người cũng là của vị thiên thần. ¹⁸ Tường xây bằng ngọc thạch, thành thì bằng vàng y, giống như thủy tinh trong

sáng. ¹⁹ Nền móng tường thành được trang trí bằng mọi thứ đá quý. Nền móng thứ nhất bằng ngọc thạch, nền móng thứ hai bằng lam ngọc, nền móng thứ ba bằng lục ngọc, nền móng thứ tư bằng bích ngọc, ²⁰ nền móng thứ năm bằng mã não, nền móng thứ sáu bằng xích não, nền móng thứ bảy bằng kim châu, nền móng thứ tám bằng lục châu, nền móng thứ chín bằng hoàng ngọc, nền móng thứ mười bằng kim lục, nền móng thứ mười một bằng huỳnh ngọc, nền móng thứ mười hai bằng tử ngọc. ²¹ Mười hai cửa là mười hai khối ngọc trai ; mỗi cửa là một khối ngọc duy nhất. “Quảng trường của thành

Chiều dài, chiều rộng và chiều cao đều bằng nhau (c.16). Thành Thánh được xây nên như một kim tự tháp hoàn hảo : một mô thức vĩnh viễn. Bức tường của nó tượng trưng sự an toàn : sẽ không còn sợ hãi, dù chỉ là nỗi sợ hãi thâm kín của bất cứ ai khi cảm thấy sự sống lia khỏi mình. *Thành rực sáng như ngọc thạch (c.11)*, và ngọc thạch là chất liệu xây nên tường thành : ở 4,3 nói Thiên Chúa “trông giống như ngọc thạch”.

Có các *thiên thần canh giữ cửa thành* như trong vườn Ê-đen (c.12) : mọi sự được giữ kín và bảo toàn bên trong mầu nhiệm của Thiên Chúa. *Tường thành xây trên mười hai nền móng, trên đó có tên mười hai Tông Đồ của Con Chiên (c.14)* : chân lý của thế giới mới này đã hàm chứa trong lời chứng các Tông Đồ của Chúa Giê-su. Thành đó vĩnh viễn là đích điểm cuộc lữ hành trường kỳ của toàn thể nhân loại : đó từng là hoài bão của người công chính, người nghèo, những ai có tâm hồn trong sạch và những ai sâu khổ : *Các dân ngoại sẽ tiến bước theo ánh sáng của thành (c.24)*.

bằng vàng y như thủy tinh trong suốt.”²² Trong thành, tôi không thấy có Đền Thờ, vì Đức Chúa, Thiên Chúa Toàn Năng, và Con Chiên là Đền Thờ của thành.²³ Thành chẳng cần mặt trời mặt trăng chiếu sáng, vì đã có vinh quang Thiên Chúa toả rạng, và Con Chiên là ngọn đèn chiếu soi.²⁴ Các dân ngoại sẽ tiến bước theo ánh sáng của thành, và vua chúa trần gian đem kho tàng vinh quang tới đó.²⁵ Ngày nọ qua ngày kia, cửa thành không bao giờ đóng, vì ở đây sẽ chẳng có đêm.²⁶ Thiên hạ sẽ đem tới đó kho tàng vinh quang và sự giàu sang của các dân ngoại.²⁷ Tất cả những gì ô ứ cũng như bất cứ ai làm điều ghê tởm và ăn gian nói dối, đều không được vào thành, mà chỉ có những người có tên ghi trong Sổ Trường Sinh của Con Chiên mới được vào.

22¹ Rồi thiên thần chỉ cho tôi thấy một con sông có nước trường sinh, sáng chói như pha lê, chảy ra từ ngai của Thiên Chúa và của Con Chiên.² Ở giữa quảng trường của thành, giữa hai nhánh sông, có cây Sự Sống sinh trái mười hai lần, mỗi tháng một lần; lá cây dùng làm thuốc chữa lành các dân ngoại.

³ Sẽ không còn lời nguyên rủa nào nữa. Ngai của Thiên Chúa và của Con Chiên sẽ đặt trong thành, và các tột Người sẽ thờ phượng Người.⁴ Họ sẽ được nhìn thấy tôn nhan Người, và thánh danh Người ghi trên trán họ.⁵ Sẽ không còn đêm tối nữa, họ sẽ không cần đèn đuốc hay ánh sáng mặt trời, vì Đức Chúa là Thiên Chúa sẽ chiếu sáng trên họ, và họ sẽ hiển trị đến muôn thuở muôn đời.

Các nhân vật thời Cựu Ước đã không ngừng tìm đến *một con sông có nước trường sinh* mà họ tưởng tượng ẩn giấu ngay giữa vườn Ê-den. Ngôn sứ Ê-dê-ki-en thấy nó vọt ra từ đền thờ mới, hai ngôn sứ I-sai-a và Da-ca-ri-a hứa rằng sau khi được tẩy sạch thì dân sẽ được ban cho nước ấy, và Chúa Giê-su tặng ban nó cho người phụ nữ Sa-ma-ri. Giờ đây nó tuôn chảy từ cung lòng Thiên Chúa Ba Ngôi, *từ ngai của Thiên Chúa và của Con Chiên* (22,1).

* ⁶ Thiên thần nói với tôi : “Đây là những lời đáng tin cậy và chân thật ; và Đức Chúa là Thiên Chúa ban Thần Khí linh hứng cho các ngôn sứ, đã sai thiên thần của Người đến tỏ cho các tôi tớ Người biết những việc sắp phải xảy đến.” ⁷ “Đây, chẳng bao lâu nữa Ta sẽ đến ! Phúc thay kẻ tuân giữ các sách trong sách này !” – ⁸ Tôi là Gio-an, đã được nghe và thấy những điều đó. Nghe và thấy xong, tôi phủ phục xuống dưới chân vị thiên thần đã chỉ cho tôi thấy các điều ấy, mà thờ lạy người. ⁹ Nhưng người nói : “Đừng, đừng ! Tôi cũng là một tôi tớ như ông và như các anh em của ông là các ngôn sứ và những người tuân giữ các lời trong sách

này. Hãy thờ lạy Thiên Chúa.”

¹⁰ Rồi người bảo tôi : “Đừng niêm phong những sách ngôn trong sách này, vì thời giờ đã gần đến.

¹¹ Kẻ gian ác cứ làm điều gian ác nữa đi, kẻ ô uế cứ ra ô uế nữa đi, người công chính cứ hành động công chính nữa đi, và người thánh thiện cứ sống thánh thiện nữa đi !” – ¹² “Đây, chẳng bao lâu nữa Ta sẽ đến, và Ta đem theo lương bổng để trả cho mỗi người tùy theo việc mình làm.

¹³ Ta là An-pha và Ô-mê-ga, là Đầu và Cuối, là Khởi Nguyên và Tận Cùng. ¹⁴ Phúc thay những kẻ giặt sạch áo mình, để được quyền hưởng dùng cây Sự Sống và qua cửa mà vào Thành ! ¹⁵ Những quân chó má, làm phù

* **22,6 C.8** viết : *Tôi là Gio-an, đã được nghe và thấy những điều đó.* Đọc tới trang cuối này của Kinh Thánh, chúng ta có thể nhớ lại dụ ngôn những người thợ được thuê vào làm vườn nho của Chúa (Mt 20). Nơi đây chấm dứt công việc mà các ngôn sứ và tác giả đã làm suốt cả một ngày. Tất cả bắt đầu bằng sách Sáng thế, với những cảnh tượng đầu tiên trình bày lý do tồn tại của thế giới và ơn gọi Thiên Chúa dành cho con người. Vào cuối ngày, sau khi chiêm ngắm ánh sáng Chúa Ki-tô, thánh Gio-an cho chúng ta thấy nhân loại đang chuẩn bị tham dự vào vinh quang của Thiên Chúa.

Đây là giờ cuối, và mọi người trông ngóng Chúa Ki-tô lại đến. Nhưng chúng ta biết rằng giờ cuối này có thể bị trì hoãn, và Tân Lang có thể đến muộn giữa khuya : người Ki-tô hữu tỉnh thức, kiên trì trong đức cậy, dù đang phải đối mặt với quyền lực của tối tăm.

phép, gian dâm, sát nhân, và ăn gian nói dối, hãy thờ ngẫu tượng, cùng với mọi kẻ thích điều gian dối

KẾT

¹⁶ “Ta là Giê-su, Ta đã sai thiên thần của Ta đến với các ngươi để làm chứng về những điều trên đây, liên quan đến các Hội Thánh. Chính Ta là Chồi Non và Dòng Dối Đa-vít, là Sao Mai sáng ngời.”

* ¹⁷ Thần Khí và Tân Nương nói : “Xin Ngài ngự đến !” Ai nghe, hãy nói : “Xin Ngài ngự đến !” Ai

khát, hãy đến ; ai muốn, hãy đến lãnh nước trường sinh mà không phải trả tiền.

¹⁸ Với bất cứ ai nghe những sách ngôn trong sách này, tôi xin chứng thực : “Ai mà thêm điều gì vào đó, thì Thiên Chúa sẽ thêm cho người ấy những tai ương mô tả trong sách này ! ¹⁹ Ai mà bớt điều gì

* **22,17** *Ai khát, hãy đến.* Ở 21,6 trên đây, chúng ta đã đọc những lời lấy từ Is 55. Trẻ em trở thành người lớn khi nó từ bỏ những mong ước không cùng của nó để chấp nhận những giới hạn của thế giới thiết thực. Còn Thiên Chúa, Người kêu mời chúng ta trở về với tuổi thơ khi Người khơi dậy nơi chúng ta những khao khát vô hạn. Chúa Giê-su nói : “Hãy được như anh em đã tin.”

Thiên Chúa khơi dậy khả năng khát vọng để chuẩn bị lòng chúng ta đón nhận những điều lớn lao mà Người muốn ban tặng cho chúng ta. Khát vọng là biểu hiện đầu tiên cho biết chúng ta cảm nhận Thiên Chúa đang hoạt động nơi mình. Nhưng khát vọng cũng giống như những hạt giống trong dự ngôn : nhiều hạt vừa gieo xuống đã sớm mất đi. Chính chúng ta đã cắt bỏ mầm non của nó : Cái này không phải dành cho tôi, cứ sống như những Ki-tô hữu bình thường cũng đủ rồi mà lại an toàn hơn

Đúng là an toàn hơn khi ta hạn chế những mong ước của mình, bởi vì mong ước có thể phát triển thành một cơn khát thực thụ.

Nhiều người đã từng cảm thấy khát khao Thiên Chúa, nhưng ít có ai cứu mạng nổi cơn khát này, vì nó đến phá rối những thói thường trong tâm lý chúng ta. Khi thấy vậy, người ta nghĩ đó là chán đời, thiếu khả năng hoà nhập với xã hội, và phương thuốc mà những kẻ tốt bụng thường đề nghị với chúng ta là hãy hoạt động trở lại đi, chẳng khác nào giục ta trở về với cuộc đời tầm thường, đừng có mơ mộng nữa !

trong các lời của sách sấm ngôn này, thì Thiên Chúa sẽ bớt phần người ấy được hưởng nơi cây Sự Sống và Thành Thánh, là cây và thành mô tả trong sách này !”

²⁰ Đáng làm chứng về những điều đó phán rằng :

“Phải, chẳng bao lâu nữa Ta sẽ đến.”

A-men, lạy Chúa Giê-su, xin ngự đến !

²¹ Chúc mọi người được đầy ân sủng của Chúa Giê-su.

Sao không tiếp tục áp ủ cơn khát của mình, để cho nó lớn lên, và không tìm thoả mãn với những gì không thuộc cái khoảng vô lượng vô biên của Thiên Chúa ? Rồi đến giờ sẽ được nghe câu nói : *Ai khát, hãy đến !*

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	7
Ký hiệu viết tắt	9
Dẫn nhập Tân Ước	11
Tin Mừng theo thánh Mát-thêu	25
Tin Mừng theo thánh Mác-cô	159
Tin Mừng theo thánh Lu-ca	261
Tin Mừng theo thánh Gio-an	407
Sách Công vụ Tông Đồ	519
Dẫn nhập tổng quát các thư thánh Phao-lô ...	635
Thư gửi tín hữu Rô-ma	637
Thư 1 gửi tín hữu Cô-rin-tô	709
Thư 2 gửi tín hữu Cô-rin-tô	765
Thư gửi tín hữu Ga-lát	799
Thư gửi tín hữu Ê-phê-xô	825
Thư gửi tín hữu Phi-líp-phê	851
Thư gửi tín hữu Cô-lô-xê	869
Thư 1 gửi tín hữu Thê-xa-lô-ni-ca	887
Thư 2 gửi tín hữu Thê-xa-lô-ni-ca	901
Thư 1 gửi ông Ti-mô-thê	909
Thư 2 gửi ông Ti-mô-thê	927
Thư gửi ông Ti-tô	939
Thư gửi ông Phi-lê-môn	947
Thư gửi tín hữu Do-thái	951
Thư của thánh Gia-cô-bê	993
Thư 1 của thánh Phê-rô	1009
Thư 2 của thánh Phê-rô	1025
Thư 1 của thánh Gio-an	1035
Thư 2 của thánh Gio-an	1057
Thư 3 của thánh Gio-an	1061
Thư của thánh Giu-đa	1065
Sách Khải huyền	1069
Mục lục	1129

LỜI CHỨA CHO MỌI NGƯỜI

KINH THÁNH TÂN ƯỚC

Chịu trách nhiệm xuất bản : **Nguyễn Thanh Xuân**
Biên tập : **Phạm Gia Thoan**
Sửa bản in : **Nguyễn Thị Hồng Sen**
Vi Diễm Uyên
Nguyễn Ngọc Phượng
Nguyễn Thái Long
Trình bày : **Nguyễn Anh Tuấn**
Thực hiện : **Nhóm Phiên Dịch**
CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
Nhà số 4 — Lô 11
đường Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy
HÀ NỘI

ĐT : 04 556 6701
FAX : 04 556 6702

In : 15.000 cuốn, khổ 12 x 18 cm.

Tại : Công ty In Đà Nẵng, 84 Lê Duẩn, Tp. Đà Nẵng.

Số XB :

Cấp ngày :

In xong và nộp lưu chiểu : tháng 2005.

Giá : 35.000 đồng